THIỀN, CON ĐƯỜNG NGHỊCH LÝ

Volume 1

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU

CHƯƠNG 1.
HÃY THẮP NẾN LÊN CÙNG VỚI TINH CẦU XA THẲM.

CHƯƠNG 2.
MÊ TỨC NGỘ

CHƯƠNG 3.
ĐẠO VỐN KHÔNG LỜI

CHƯƠNG 4.
TỪ ĐIỆU MÚA CỦA LOÀI CÔNG

CHƯƠNG 5.
NHƯ NGÀY LỄ HỘI

CHƯƠNG 6.
NHƯỢNG BỘ TRƯỚC CHƯ THIÊN

CHƯƠNG 7.
NHỊP ĐẬP CỦA VŨ TRỤ

CHƯƠNG 8.

ĐẾN TỪ CÁI BỤNG

CHƯƠNG 9.
DẤU HIỆU CHÁN CHƯỜNG MỆT MỎI CỦA CON NGƯỜI

CHƯƠNG 10.
ĐỨA CON HOANG CỦA NHỮNG NỀN TRIẾT HỌC LAI CĂNG

Về Osho…

Osho, tên thật là Bhagwan Shree Rajneesh, nguyên là giáo sư Đại học giảng dạy bộ môn Triết học tại viện đại học University of Jabalpur, Ấn Độ trước khi trở thành một bậc Đạo Sư nổi tiếng trên thế giới mà cuộc đời và tư tưởng của ông -cũng giống như các nhân vật nổi tiếng khác- đã và đang là trung tâm của những tranh cãi. Trong sự nghiệp văn chương và triết học đồ sộ của ông còn để lại, -gần bảy trăm tác phẩm- một số lượng lớn đã nói về Phật giáo, hoặc thuyết giảng những kinh sách Phật giáo. Những tư tưởng, những phát biểu ngợi ca Phật giáo của Osho –trên tinh thần phóng khoáng của một giáo sư Triết học, có thể đã làm một số Phật tử tự xem mình là chính thống không hài lòng, cho rằng ông đã không phản ảnh đúng giáo lý nhà Phật, hay nặng nề hơn, xuyên tạc Phật giáo. Đồng thời, với tinh thần phê phán triệt để của một vị Đạo Sư nhằm khai mở nguồn suối tâm linh, đưa con người đến ánh sáng giác ngộ, Osho cũng đã tỏ ra không hề nhượng bộ trước những kẻ đang sống bám vào dịch vụ tôn giáo,

những thế lực, tổ chức chính trị núp bóng tín ngưỡng trong âm mưu nô lệ hoá con người… Để phản ứng lại, họ chụp cho ông đủ mọi thứ mũ, cụ thể như cho rằng ông là người đang cổ xúy tình dục, và đủ mọi thứ nhãn hiệu chính trị khác.

Thế nhưng một câu hỏi không thể không được đặt ra: Thế nào, và trên tiêu chuẩn nào thì được xem là chính thống?

Khi Phật Giáo đến Trung Hoa và phát triển đến giai đoạn cực thịnh nhất, các tông phái đua nhau xuất hiện. Có thể nói đây là thời kỳ "Trăm Hoa Đua Nở" của Phật Giáo Trung Quốc. Cái vườn hoa bát ngát tư tưởng này đã có những cống hiến tích cực cho xã hội, nhân sinh, không phải chỉ riêng cho Trung Quốc mà là chung cả vùng Tây Á. Tuy nhiên điều này không có nghĩa là không tạo nên những cái nhíu mày của thành phần thủ cựu, bảo thủ trong Phật Giáo, thành phần tự xem mình là chính thống. Một câu hỏi được nêu ra –cũng là một câu hỏi muôn đời: Những pháp môn hành trì này có hoàn toàn phản ảnh đúng tư tưởng của giáo lý nhà Phật hay không? Có bao nhiêu phần trăm Phật Giáo trong những pháp môn tu hành này?

Câu hỏi tương tự này một lần nữa cũng được đặt ra cho Phật Giáo Nhật Bản khi các tông phái Tịnh Độ Chơn Tông và Nhật Liên Tông -sau này phát triển thành phong trào SOKA GAKKAI- ra đời. Đối với Nhật Liên Tông, câu hỏi này còn được nêu lên một cách gay gắt và sắt máu hơn. Để duy trì sự "chính thống" của mình, các tông phái Thiền, Tịnh Độ và Luật Tông của Nhật Bản đã tập hợp hàng ngàn đệ tử, tổ chức một cuộc phục kích với một rừng gươm giáo, và tên bắn như mưa quyết tiêu diệt cho kỳ được người sáng lập Nhật Liên Tông, Nichiren Daishonin, và môn đệ. Daishonin đã thoát chết trong cuộc mưu sát này như một phép lạ.

Không phải chỉ ở Trung Hoa hay Nhật Bản mà bây giờ tại Việt Nam, ngay trong thế kỷ này, người ta thấy câu hỏi trên cũng được thành phần tự nhận là "chính thống" đặt ra với Phật Giáo Hòa Hảo, thậm chí họ còn đệ đơn lên chính quyền đương nhiệm xin giúp đỡ họ xoá dùm hai chữ Phật Giáo trong Phật Giáo Hòa Hảo vì cho rằng Phật Giáo Hoà Hảo không phải là Phật Giáo!

Thế nhưng, có lẽ câu hỏi này cũng nên được đặt ngược trở lại với những người tự nhận rằng mình là chính thống: Có bao nhiêu phần trăm Phật giáo ở trong họ? Đại Thừa há đã chẳng từng bị người anh em Nguyên Thủy xem là Bà La Môn đội lốt? Và ngay trong nội bộ của Phật Giáo Đại Thừa, cũng đã từng xảy ra không biết bao nhiêu cuộc tranh cãi kịch liệt giữa những vị đại luận sư, có lúc các ngài còn nặng lời với nhau, cụ thể như ngài Thanh Biện, một vị luận sư lẫy lừng của Trung Quán đã lên án một cách nặng nề phái Duy Thức rằng "học thuyết của trường phái Duy Thức đã được bày đặt ra "một cách vô liêm sỉ" bởi Vô Trước và những kẻ theo đuôi, trên cơ sở hoàn toàn nhận thức sai lầm về một số nội dung kinh điển Phật giáo." (1) Tất cả những vấn nạn này nói chung đều được bắt nguồn từ tinh thần cố chấp, bảo thủ, cục bộ, tông phái luôn luôn cho rằng tư tưởng của mình, của phe mình là đúng, là chính thống, là chân lý còn bất cứ những ai không theo quan điểm của phe phái mình là tà, là ngụy! *Tinh thần này rõ ràng đã hoàn toàn phản lại tinh thần bao dung, nhân bản và khai phóng của đạo Phật.*

Để trả lời những cáo buộc về chủ trương cổ xúy tình dục, Osho minh thị: "Người ta nghĩ là tôi đang rao giảng về tình dục. Không phải vậy, tôi là một trong những người rao giảng Thượng Đế (2). Nếu tôi có nói những chuyện liên quan đến tình dục, dĩ nhiên là

phải có lý do –mà cái lý do chính là tôi muốn rằng bạn phải hiểu biết về nó trước khi quá trễ. Hiểu biết về nó, hiểu biết một cách hoàn toàn, trực diện với nó và kết thúc với nó. Bạn phải đi vào tình dục trong suy niệm, trong cảnh báo, tỉnh thức –đó là cách thức tiếp cận của mật tông, đó là phong thái của mật tông. Thể nhập vào đó và chứng nghiệm. Một khi bạn hiểu biết cặn kẽ một cái gì đó, có nghĩa là bạn được hoàn toàn tự do không còn vướng bận đến nó nữa. Từ kiến thức, đến hiểu biết, rồi giải phóng." (3)

Osho đã giải thích rõ ràng hơn: "Tất cả những nỗ lực của tôi ở đây là làm cho các bạn trở nên chán ngán tình dục. Bởi vì chỉ khi nào bạn chán ngán tình dục, bạn mới quay trở về lại với Thượng Đế, và không hề có chuyện ngược lại. Một người bị ẩn ức sinh lý sẽ vẫn còn quan tâm đến tình dục mãi, đó là lý do tại sao tôi chống lại sự ức chế. Có thể bạn sẽ ngạc nhiên nhưng đó là lô-gíc của tôi, sự tính toán của tôi. Một người bị ức chế sinh lý sẽ vẫn còn quan tâm đến tình dục, vẫn bị ám ảnh bởi tình dục, thế nên tôi nói rằng bạn cứ việc thanh thoả với tình dục đi và rồi ngay sau đó bạn sẽ chán, chuyện đó sẽ chấm dứt. Và khi bạn đã thanh thoả xong với nó, tình dục mất tất cả ý nghĩa của nó rồi, thì đó chính là ngày trọng đại, là giây phút lớn lao nhất trong đời bạn. Lúc đó bạn trở nên quan tâm đến Thượng Đế, điều mà chưa bao giờ xảy ra trước đây." (4)

Đó là con đường từ dục đến vô dục của Osho. Như Yagyu, một vị Thiền sư đã nói, "Bạn hãy cứ để cho mình đi với dục. Sống với nó, làm bạn đồng hành với nó. Đó cũng là một cách thế để loại trừ nó."

Xuyên suốt qua các tác phẩm của Osho người ta thấy đều toát ra một thông điệp chính: Thông điệp giải phóng con người. Ông

mang cho mình sứ mạng của một kẻ giải phóng nô lệ, đưa con người thoát ra khỏi những trói buộc, áp bức của tư tưởng; những bức tường, những rào chắn của định kiến đã được dựng lên chung quanh và trong họ từ bao đời. Giải phóng con người có nghĩa là giúp cho họ nhận ra được những khả năng tiềm ẩn ở trong họ, sử dụng được chúng như là của riêng mình. Và sứ mệnh của một vị Thầy thực sự, những nỗ lực chính của ông ta là tìm cách tạo điều kiện cho môn sinh đứng vững trên đôi chân mình, để họ trở thành độc lập, trở thành chính họ. Một cái nhìn thấu suốt vào sinh thể như thế được gọi là thân chứng, là đạt ngộ, tức là sự tỉnh thức từ sau một cơn mê dài. Osho là người tiếp tục đi khai triển cái thông điệp của Đức Phật Thích Ca đã nói với nhân loại hơn hai ngàn năm trăm năm trước: *"Các người hãy tự mình thắp đuốc lên mà đi."* Nhưng vấn nạn chung của con người trên bình diện tâm linh, tư tưởng, do bị điều kiện hoá, thường có khuynh hướng thích được sống trong nô lệ hơn là được giải phóng. Con người thường cảm thấy thoải mái đi van vái những gốc đa, những ông Trời, những Thượng Đế hơn là đi tìm cầu giác ngộ. Họ cần những cái nạng chống. Từ đó trên thế gian mới nảy sinh ra một giai cấp tự nhận mình là thông dịch viên chính thức của Thượng Đế, của Chúa, của Phật -*những thông dịch viên hữu thệ*! Họ là những người phục vụ cho những cơ chế đã được thiết định. Họ ru ngủ kẻ nô lệ, họ cấu kết với kẻ thống trị, và như thế, số phận của nhà giải phóng đã được an bài. Không bị đóng đinh trên thập tự thì cũng được đưa lên giàn hỏa. Osho may mắn hơn và nhiều lần ông đã ngạc nhiên tự hỏi: " họ đã để cho chúng ta sống yên cũng đã là một phép lạ. Cũng chỉ là chuyện chẳng đặng đừng thôi vì thời buổi này người ta đâu có thể giết người theo cái

kiểu mà họ đã đóng đinh Chúa Giêsu hay bắt Socrates uống thuốc độc.”

Một nhà văn của nhóm Nhân Văn Giai Phẩm trước đây đã viết một truyện ngắn ẩn dụ đầy ý nghĩa có tựa đề là "Con ngựa già của chúa Trịnh." Chuyện kể rằng Chúa Trịnh rất thích ngựa đẹp. Con ngựa được tuyển để chạy xe cho Chúa là con ngựa thuộc loài giống tốt. Nó được nuôi dưỡng để làm một nhiệm vụ duy nhất là kéo xe cho Chúa. Từ nhỏ nó đã được gắn hai tấm mạng để che mắt hai bên. Từ đây nó không còn được phép nhìn đi bất cứ nơi đâu mà chỉ nhìn về một hướng. Không có một con đường nào khác ngoài con đường trước mặt. Ngày hai buổi đi về trên lối mòn cũ, trên một con đường nó đã thuộc nằm lòng. Bao nhiêu năm như thế. Con đường này đã trở thành chân lý, không có một sự thật nào khác ngoài con đường này. Chân lý cụ thể như vậy cho nên dầu có nhắm mắt lại nó cũng không bao giờ đi chệch ra một bước. Rồi đến một ngày khi nó già yếu không còn kéo xe được nữa, người mã phu cho tháo hai tấm che ở hai bên mắt ra. Con ngựa già của chúa Trịnh vô cùng ngạc nhiên -và hoảng hốt- khi khám phá ra rằng chân lý không phải chỉ là một lối mòn duy nhất mà trong bao nhiêu năm qua nó cắm cúi đi về. Hai bên đường còn có biết bao nhiêu là hoa thơm cỏ lạ, thế giới chung quanh thật mênh mông và huyền diệu biết bao.

Đây là một ẩn dụ chính trị, nhưng đồng thời cũng là một ẩn dụ về tâm linh, đời sống, và con người. Tôi không còn nhớ rõ câu chuyện được kết thúc như thế nào và tôi cũng không có nhu cầu phải tìm hiểu số phận của những con ngựa già của cúa Trịnh. Có thể có những con -một số rất ít- cảm thấy hân hoan trước những khám phá mới, chúng cảm ơn đời và sống hạnh phúc với những

ngày còn lại. Có thể chúng sẽ vào chùa đi tu vì đã quá già để đi làm cách mạng! Nhưng số rất đông còn lại sẽ vô cùng đau khổ. Chúng sẽ đi đứng rất lạng quạng và có thể sẽ bị té xuống hố không chừng. Chúng sẽ rất oán hận và nguyền rũa những người đã mở mắt chúng và vô cùng tiếc nuối những ngày đi về trên lối mòn cũ với tấm mạng che mắt ở hai bên! Osho đã đi làm công việc giải phóng "những con ngựa già của chúa Trịnh." Ông nhận được những lời tán dương và cũng không thiếu những lời nguyền rũa!

Gần đây, một số tác phẩm của Osho đã được chuyển ngữ sang tiếng Việt nhằm giới thiệu đến độc giả và đặc biệt là giới Phật tử một cái nhìn mới mẻ, thơ mộng về tư tưởng Phật giáo, về Thiền tông. Trong số những công trình đó phải kể đến bộ Kinh Pháp Cú do Sư bà Trí Hải ở trong nước dịch và Sư cô Minh Tâm ở hải ngoại với một số tác phẩm khác. Cũng trong chiều hướng này, chúng tôi hôm nay xin được giới thiệu đến độc giả cuốn thứ nhất trong bộ "Thiền: Con Đường Nghịch Lý" gồm ba cuốn của Osho. Đây là một tập hợp gồm những bài giảng, những câu hỏi đáp được kết tập lại chung quanh đề tài Thiền học mà trong đó, Osho đã chỉ ra cho con người một nghệ thuật sống Thiền để có thể hoà điệu, trôi theo cùng với nhịp đời đang tuôn chảy, và quan trọng hơn, chuẩn bị cho những người tìm cầu giác ngộ một hành trình tâm linh để có thể làm một bước nhảy quyết liệt vào Tánh Không, một bước nhảy tự sát, tan hoà vào Nhất Thể, chan hoà cùng vạn hữu, hoà nhịp cùng khúc luân vũ của toàn vũ trụ. Cái Tánh Không đó, bạn không thể tìm kiếm nó ở bất cứ nơi đâu, không thể tìm cầu ở bất cứ ai, không ở Thượng Đế, không ở Chúa, ở

Phật ... Nó ở ngay trong bạn. Trong vô niệm. NGAY BÂY GIỜ và TẠI ĐÂY.

Những bài giảng về Thiền trong "Thiền: Con Đường Nghịch Lý" được điểm xuyết thêm một chút khôi hài duyên dáng bởi những câu chuyện tiếu lâm, những chuyện tiếu lâm có thể làm cho các nhà đạo đức nhăn mặt, nhưng đó là một trong những sở trường của Osho, vì ông cho rằng Thiền không hề mang một khuôn mặt chảy dài nghiêm trọng, và chỉ có Thiền là tôn giáo duy nhất trêmn thế giới này đã và sẽ mang đến cho con người những nụ cười, có khả năng biến cải đời sống này thành một ngày lễ hội. Và từ đó, Osho đã đi đến một kết luận dứt khoát rằng, Thiền sẽ là một tôn giáo của tương lai, một tôn giáo phổ quát của nhân loại. Thực tế đã và đang chứng minh điều ông nói.

Cuối cùng, một điều cũng xin được thưa với độc giả rằng, Phật giáo không phải của riêng ai, cũng không ai có thể đại ngôn nói rằng chỉ có mình là hiểu đúng giáo lý của Đức Phật, và dành cho mình cái độc quyền diễn giải tư tưởng của Ngài. Từ xưa đến nay, Phật giáo –trong đó có Phật Giáo Việt Nam- đâu có nhu cầu cần thiết phải dựng lên những rừng gươm giáo để bảo vệ cái mà mình cho là chính thống? Đâu có cần những cảnh sát tôn giáo theo kiểu những ông đạo Taliban và cũng không hề có nhu cầu đào tạo ra những ông quan kiểm tục mới. Chiếc áo màu vàng tự nó đã đẹp, tự nó đã toát ra mùi hương, ánh sáng của giác ngộ. Đâu có cần phải tranh nhau để nói rằng chỉ có màu vàng của chiếc áo mà tôi đang mặc mới đúng là màu vàng của chiếc y mà Đức Phật đã bận lúc còn tại thế? Người Phật tử chân chính chỉ cần đi trong chánh niệm, võ trang bằng chánh kiến, chánh tư duy và bằng lời Phật dạy trong kinh Kalama:

"Này các người Kàlàma, đừng tin vì nghe nói lại, đừng tin vì theo phong tục, đừng tin vì nghe tin đồn, đừng tin vì kinh điển truyền tụng, đừng tin vì lý luận, đừng tin vì công thức, đừng tin vì có suy tư đầy đủ về những dữ kiện, đừng tin vì phù hợp với định kiến; đừng tin vì phát xuất từ nơi có uy quyền, đừng tin vì Sa môn là bậc đạo sư của mình.

Nhưng này các Kàlàmà, khi nào tự mình biết rõ như sau: "Các pháp này là bất thiện; Các pháp này là đáng chê; Các pháp này bị các người có trí chỉ trích; Các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận đưa đến bất hạnh khổ đau", thời này Kàlàmà, hãy từ bỏ chúng!"

Như vậy tại sao chúng ta lại không thong dong tự tại, để cưỡi ngựa xem hoa, dạo chơi trong vườn hoa tư tưởng. Hãy để cho những con ngựa già của chúa Trịnh chết trong bình an với cặp kiếng che. Và bây giờ hãy để cho những tác phẩm của Osho nói lên tư tưởng của mình. Trong tinh thần đó, xin được giới thiệu đến độc giả "Thiền con đường của nghịch lý " của Osho. Cũng trong tinh thần đó, mời bạn bước vào thế giới của Thiền, với cung cách của Bồ Đề Đạt Ma, một chiếc giày ở trong chân, và một chiếc giày đội trên đầu. Hay như thông điệp cuối cùng được ghi lại trên bia mộ của Osho, do đích thân ông viết:

OSHO
Không sinh không diệt
Chỉ đến viếng thăm hành tinh trái đất này trong khoảng từ
11/12/1931-19/01/1990

Xin lỗi bạn đọc, có lẽ tôi đã hơi dông dài.
"Đạo vốn không lời" - Như Bồ Đề Đạt Ma đã nói.

Tâm Hà Lê Công Đa

CHÚ THÍCH:

(1) Tánh Và Tướng. Vấn Đề Nhị Đế trong Tứ Đại Thuyết Phái Phật Giáo. Prof. Guy Newland, Ph.D.

(2) Từ Thượng Đế ở đây không mang ý nghĩa của Thượng Đế trong các tôn giáo độc thần. Đây là một khái niệm để chỉ cái bản tánh của muôn loài. Đối tượng giảng pháp của Osho là người Tây phương, ông dùng từ Thượng Đế để cho họ dễ hiểu hơn.

(3&4) Zen, The Path of Paradox. Osho. P. 67.

Chương 1

Hãy Thắp Nến Lên
Cùng Với Tinh Cầu Xa Thẳm.

Thiền không phải là thần học. Thiền là một tôn giáo –và một tôn giáo không thần học là một hiện tượng độc nhất vô nhị. Tất cả những tôn giáo khác đều hiện hữu chung quanh ý niệm về Thượng Đế. Họ có những hệ thống thần học. Thượng Đế là trung tâm, không phải là con người; con người không phải là cứu cánh, Thượng Đế mới là cứu cánh. Thiền thì không như thế. Với Thiền, con người là mục tiêu, con người là cứu cánh cho chính mình. Thượng Đế không bao giờ là một cái gì đó vượt lên trên con người, Thượng Đế là cái gì đó ẩn tàng ở chính trong con người. Con người mang theo Thượng Đế với mình như là một năng lực tiềm ẩn.

Thế nên không hề có ý niệm Thượng Đế trong Thiền. Và nếu bạn muốn, bạn cũng có thể nói rằng ngay cả nó cũng không phải là một tôn giáo - bởi vì làm thế nào lại có một tôn giáo mà không mang ý niệm về Thượng Đế? Chắc chắn là những người được nuôi dưỡng trong bầu khí

Ki-tô, Hồi giáo, Ấn Độ giáo, hay Do Thái giáo sẽ không quan niệm nổi Thiền thuộc loại tôn giáo nào. Nếu không Thượng Đế thì phải là phiếm thần. Nhưng không phải như thế. Thiền hữu thần ngay tự bản chất – nhưng không có mặt Thượng Đế.

Đây là điểm cơ bản đầu tiên cần phải được thông suốt. Hãy để cho ý niệm này thấm sâu vào lòng bạn, và rồi mọi việc sẽ sáng tỏ. Thiền cho rằng Thượng Đế không hiện hữu ở ngoài tôn giáo mà là ở trong. Nó không ở một nơi nào đó mà ngay tại đây. Thật ra, đối với Thiền, không hề có ý niệm "ở đó", tất cả đều hiện hữu ngay tại đây. Và Thượng Đế cũng không bao giờ hiện hữu ở lúc đó mà là bây giờ -Thượng Đế hiện hữu ngay lúc này, không phải ở một thời điểm nào khác. NGAY BÂY GIỜ và TẠI ĐÂY. Không có một không gian hay thời gian nào khác. Khoảnh khắc này là tất cả. Trong khoảnh khắc này tất cả hiện hữu đều tụ hội. Trong khoảnh khắc này tất cả đều có mặt. Nếu bạn không thấy được điều này không có nghĩa là chúng không có mặt –mà đơn giản là vì bạn không có thị kiến để nhìn thấy nó. Thượng Đế không phải là cái gì đó để bạn tìm kiếm. Bạn chỉ cần mở rộng đôi mắt của mình ra. Thượng Đế đã luôn sẵn ở đó.

Cầu nguyện cũng chẳng dính dấp gì đến Thiền -bạn cầu nguyện với ai? Không hề có một ông Thượng Đế ngự sẵn ở một nơi nào đó ở trên Thiên Đường và điều khiển cuộc sống con người. Không hề có một ông kiểm soát viên như thế. Dòng sống chuyển động một cách nhịp nhàng và hài hòa với chính nó. Không hề có ai đó ở bên ngoài để ra lệnh, chỉ huy. Khi có một thứ quyền lực ở bên ngoài như thế, lập tức nó tạo ra tình trạng nô lệ… những người Cơ Đốc là những kẻ nô lệ. Những người Hồi giáo cũng thế. Khi có một vị Thượng Đế đứng ở đâu đó chỉ huy, dứt khoát là bạn trở thành kẻ tôi tớ, hay tệ hại hơn, một tên nô lệ. Bạn mất hết tất cả phẩm cách.

Thiền không như thế. Thiền cho bạn phẩm cách con người. Không hề có một quyền lực nào ở bất cứ nơi đâu. Tự Do là hoàn toàn và tuyệt đối.

Nếu Frederick Nietzsche có đôi chút hiểu biết về Thiền có lẽ ông ta đã trở thành trầm mặc thay vì nổi điên. Ông ta đã rơi tỏm vào một sự thực vĩ đại: *"Không hề có Thượng Đế. Thượng Đế đã chết. Con người được hoàn toàn tự do."* Ông đã rơi tỏm vào chân giá trị của tự do, nhưng điều này quả là quá mức đối với ông. Tâm của ông không chuyên chở nổi vì quá tải. Nó làm ông phát khùng, nổi điên.

Con người có thể có niềm tin tôn giáo mà không cần đến Thượng Đế. Thực ra, vấn đề là làm sao con người tín ngưỡng được với một vị Thượng Đế? Đây là vấn nạn mà Thiền nêu ra, một vấn nạn khá nhức nhối. Làm sao con người có thể có niềm tin tôn giáo nếu có bóng dáng của Thượng Đế? -Bởi vì Thượng Đế sẽ hủy diệt tự do của bạn, Thượng Đế sẽ thống trị bạn. Không tin ư? Hãy nhìn vào Cựu Ước và nghe Thượng Đế phán: *"Ta là một Thượng Đế rất ganh tỵ và ta không thể khoan dung với bất cứ một Thượng Đế nào khác. Những ai không theo ta là kẻ thù ta. Ta cũng là một Thượng Đế rất bạo động và hung dữ và ta sẽ trừng phạt ngươi, sẽ quẳng ngươi vào hỏa ngục đời đời."* Làm sao con người có thể có được niềm tin tôn giáo với một vị Thượng Đế như thế? Làm sao bạn có tự do và làm sao bạn có thể thăng hoa nhân cách? Không có tự do, dứt khoát không có nở hoa trí tuệ. Làm sao bạn có thể trở thành một con người thực với nhân cách toàn vẹn khi có một ông Thượng Đế luôn ở bên cạnh giam hảm bạn, lên án bạn, buộc bạn phải làm điều này, điều kia và điều khiển bạn?

Thiền cho rằng với sự hiện hữu của Thượng Đế, con người sẽ mãi mãi ở trong tình trạng nô lệ; với Thượng Đế, con người mãi mãi chỉ là những kẻ chuyên môn qùy lạy; với Thượng Đế con người luôn sống trong tình trạng sợ hãi. Làm sao đời sống của bạn sẽ nở hoa trong tình trạng sợ

hãi? Bạn sẽ co rúm lại, bạn sẽ khô héo đi, và bạn sẽ chết dần chết mòn. Thiền cho rằng khi Thượng Đế không còn có mặt, Tự Do sẽ chan hòa, sẽ không có một quyền lực hiện hữu. Từ đây sẽ lớn dậy trách nhiệm. Hãy nhìn kỹ đi... Nếu bạn bị kẻ khác thống trị, bạn sẽ không bao giờ có ý niệm trách nhiệm. Quyền lực thống trị tạo ra tinh thần vô trách nhiệm; quyền lực thống trị tạo ra chống đối, phản kháng, nổi loạn ở trong bạn - bạn muốn thủ tiêu Thượng Đế. Đó là ý nghĩa câu nói của Nietzsche, Thượng Đế đã chết –không phải Thượng Đế tự sát, mà là bị giết chết.

Thượng Đế phải bị giết chết. Bởi vì với sự hiện hữu của Thượng Đế, con người không hề được tự do –y phải bị loại trừ. Nhưng rồi sau đó thì Nietzsche kinh hoàng. Sống không Thượng Đế con người phải rất can đảm; sống không Thượng Đế đòi hỏi sự quán tưởng sâu xa; sống không Thượng Đế con người cần tỉnh thức cao độ -tất cả những điều này đã chưa hề được chuẩn bị. Đó là lý do tại sao tôi nói rằng Nietzsche bị rơi tỏm vào sự thực, ông ta không hề khám phá ra chân lý.

Đối với Thiền, đây là sự khám phá. Đây là một chân lý đã được thiết định: Thượng Đế không hề hiện hữu. Con người chịu trách nhiệm với chính mình và với thế giới mà y đang sống. Nếu có khổ đau, bạn là người gánh chịu trách nhiệm, đừng có đổ lỗi cho ai khác. Bạn không thể chạy trốn trách nhiệm của mình. Nếu thế giới này xấu xa và đầy thống khổ, tất cả chúng ta đều có trách nhiệm –mà không là ai khác. Nếu chúng ta không trưởng thành, chúng ta không thể quẳng gánh nặng trách nhiệm lên vai kẻ khác. Chúng ta phải nhận lấy trách nhiệm.

Khi Thượng Đế không còn hiện hữu, bạn được trả về nguyên vị. Bạn đã trưởng thành. Bạn buộc phải trưởng thành. Bạn phải gánh lấy trách nhiệm cuộc đời mình; bạn phải nắm lấy nó trong đôi tay mình. Bây giờ thì bạn đã trở thành chủ nhân ông của chính mình. Bạn trở nên cảnh giác hơn, tỉnh táo hơn, vì bất cứ điều gì xảy ra bạn sẽ là người hoàn

toàn nhận chịu trách nhiệm. Bạn đã đón nhận một trọng trách. Khi một người bắt đầu cảnh giác hơn, tỉnh táo hơn, họ bắt đầu có một cuộc sống hoàn toàn khác biệt. Họ sống tỉnh thức. Họ trở thành chứng nhân.

Và khi không còn gì ở ngoài tầm... Cái gì ở ngoài tầm cũng đang hiện hữu ở trong bạn, không có gì là xa xôi ở phía bên kia. Đối với niềm tin Cơ Đốc, cái ở phía bên kia đó luôn ở ngoài tầm; đối với Thiền nó ở bên trong. Thế nên bạn đâu có cần phải hướng đôi mắt của mình lên bầu trời để cầu khấn -một việc làm nhảm nhí, vô nghĩa; bạn đang cầu khấn với một khoảng không. Trong tâm tưởng, bầu trời kia còn thấp hơn là chính bạn.

Có một số người đứng khấn vái trước một cái cây. Không ít người Ấn Độ giáo khấn cầu với một cái cây, có rất nhiều những người Ấn Độ giáo khác tìm đến sông Hằng và khấn cầu với một giòng sông, có nhiều người lại cầu khấn với một tảng đá, có người cầu khấn với bầu trời, thậm chí với một ý niệm, một tư tưởng. Kẻ bề trên lại đi cầu khấn với kẻ dưới. Thật là một việc làm nhảm nhí vô nghĩa.

Thiền nói rằng: Chỉ có một con đường duy nhất là thiền quán. Bạn không còn phải qùy trước bất cứ ai. Hãy liệng bỏ thói quen nô lệ cũ. Bạn chỉ cần một chút lặng lẽ, yên tĩnh và quán chiếu nội tâm để tìm ra cái cốt lõi. Đây cũng chính là cái cốt lõi của hiện hữu. Khi bạn đạt đến điểm rốt ráo tận cùng này ở trong bạn, thì đây cũng chính là cái rốt ráo tận cùng của hiện hữu. Đó là Thượng Đế ở trong Thiền. Nhưng người ta không gọi đó là Thượng Đế. Quả là một điều may.

Như vậy, điều cần phải ghi nhớ đầu tiên, rằng Thiền không phải là thần học, nó là một tôn giáo -một tôn giáo hoàn toàn khác biệt với những tôn giáo khác. Hãy lấy một thí dụ. Nó không giống với Hồi giáo. Hồi giáo cần ba điều cơ bản: một Thượng Đế, một cuốn thánh kinh và một nhà

tiên tri. Thiền không cần Thượng Đế, không cần thánh kinh, không cần nhà tiên tri. Hiện hữu toàn vẹn chính là lời tiên tri của Thượng Đế. Hiện hữu toàn vẹn chính là thông điệp của Thượng Đế.

Nên nhớ rằng Thượng Đế không hề cách ly với chính thông điệp của mình. Thông điệp tự thân đã thiêng liêng. Nó không cần đến người trung gian -tất cả những điều nhảm nhí vô nghĩa này không có trong Thiền. Thần học được dựng lên bằng một cuốn sách. Nó cần đến một cuốn sách giả bộ như là thánh kinh, nó cần một cuốn sách tự nhận là rất đặc biệt –không hề giống với bất cứ một cuốn sách nào khác. Vì đây là lời Thượng Đế, vì đây là Phúc Âm. Nó được mang tên là Bible. Nó được mang tên là Koran...

Thiền thì cho rằng tất cả mọi thứ đều nhiệm mầu, thiêng liêng, tại sao lại có cái này đặc biệt hơn cái khác? Tất cả đều đặc biệt như nhau. Không có gì là không đặc biệt thế nên không có gì cũng là đặc biệt. Mỗi cọng lá trên mỗi cành cây, mỗi viên sỏi trên từng bờ biển đều đặc biệt, nhất thể, thánh hoá. Không phải chỉ có Bible là thiêng liêng, cũng không phải chỉ có kinh Koran là thiêng liêng. Khi một tình nhân viết thư cho người mình yêu dấu, lá thư đó cũng là một thiêng liêng.

Thiền đem thiêng liêng mầu nhiệm đến với cuộc sống đời thường. Bokogu, một vị đại thiền sư, luôn luôn nói : "*Thật là tuyệt vời! Thật là mầu nhiệm! Tôi đang khiêng dầu, tôi đang gánh nước.*" "Thật là tuyệt vời! Thật là mầu nhiệm!" Việc khiêng dầu và gánh nước từ giếng lên được ông tán thán "Thật là mầu nhiệm!" Đó chính là tinh thần của Thiền. Nó chuyển hoá cái bình thường thành phi thường. Nó chuyển hoá cái ô trọc thành thiêng liêng. Nó xóa nhòa biên giới giữa phàm và thánh. Đó cũng là lý do tại sao tôi nói rằng Thiền không phải là thần học. Thần học làm nhiễm độc tôn giáo. Trên bình diện tôn giáo, sẽ không có gì khác nhau giữa một người Hồi giáo, Cơ Đốc hay Ấn Độ giáo, nhưng

trên bình diện thần học là cả một sự cách biệt lớn lao. Họ được xây dựng trên những nền tảng thần học khác nhau. Và rồi con người đánh nhau cũng chỉ vì thần học.

Tôn giáo chỉ có một mà thần học thì đủ thứ. Thần học bao hàm triết học về Thượng Đế, luận lý về Thượng Đế... tất cả đều nhảm nhí vô nghĩa bởi vì không có cách gì chứng minh có Thượng Đế -cũng như không có Thượng Đế. Tranh cãi những điều chẳng dính dấp vào đâu cả. Vâng, người ta có thể nói có những điều chỉ có thể thực chứng mà không thể chứng minh –và đó là điều mà thần học tiếp tục làm những công việc ngu xuẩn -chẻ sợi tóc ra làm tư. Khi bạn là người khách quan đứng ở xa nhìn vào, bạn sẽ không khỏi bật cười. Sao mà lại có chuyện lố bịch như thế.

Trong thời đại Trung Cổ, các nhà thần học Cơ Đốc đã vô cùng quan tâm, vô cùng lo lắng, vô cùng hoang mang với những vấn nạn mà xem ra sẽ chẳng bao giờ là vấn nạn của bạn cả. Thí dụ như, có bao nhiêu thiên thần có thể cùng đứng được trên một mũi kim? Đã có không biết bao nhiêu sách vở luận bàn về đề tài này –đã nổ ra một cuộc tranh luận khá lớn lao.

Mulla Nasrudin, chủ nhân của hai con chim vẹt xanh, một hôm mang chim đến cho một vị bác sĩ thú y nhờ chăm sóc: "Tôi lo quá, những con chim của tôi không đi cầu cả tuần nay rồi."

Nhà thú y sĩ nhìn vào lồng và hỏi, "Ông luôn luôn lót lồng chim với những tấm bản đồ thế giới?"

"Không, » Mulla Nasrudin trả lời, "Tôi chỉ mới thay nó vào hôm thứ Bảy vừa rồi vì hết cả giấy báo."

"Đấy là lý do !" nhà thú y sĩ trả lời. "Vẹt xanh là giống vật rất nhạy cảm. Nó nín đi cầu vì sợ rằng trái đất này sẽ lấy hết phân mà nó có thể bài tiết nổi!"

Thần học là thứ cặn bả phế thải. Tôn giáo đã bị đầu độc bởi thần học. Một người có tín ngưỡng đích thực không hề biết đến thần học. Vâng, y sẽ thực chứng, sẽ đạt đến chân lý, đến điểm linh quang mà không cần đến thần học. Nhưng thần học lại giúp ích cho các nhà học giả, bác học, những người được gọi là trí thức. Nó còn cần thiết hơn nữa cho giới tu sĩ, các ông giáo hoàng, các Shankaracharyas. Nó mang lại mối lợi lớn cho họ. Toàn bộ cái dịch vụ làm ăn của họ đều nương tựa vào đây.

Thiền thì khác, nó cắt đứt tất cả mọi gốc rễ. Nó hủy diệt cái dịch vụ cơ bản nhất của giới tu sĩ. Và đây cũng là cái dịch vụ tồi tệ nhất trên thế giới vì được đặt trên sự dối gạt lớn lao. Nhà tu sĩ không hề biết gì cả nhưng lại tiếp tục đi rao giảng ; nhà thần học không hề biết gì cả nhưng lại tiếp tục đi nói chuyện huyên thuyên về học thuyết. Đương sự cũng dốt nát như bao nhiêu người khác –có khi còn dốt nát hơn nữa là khác, nhưng là một sự dốt nát rất có lớp lang bài bản, được tô vẽ bởi nhiều thứ -tô vẽ bởi kinh sách, tô vẽ bởi học thuyết; tô vẽ một cách xảo quyệt và thông minh khiến người ta khó mà tìm ra được kẻ hở. Thần học như thế chẳng có ích lợi gì cho nhân loại, nhưng chắc chắn là nó giúp ích cho một số người: những tu sĩ. Từ đó nhân danh những học thuyết xuẩn động, họ khai thác con người.

Hai nhà phân tâm học gặp gỡ nhau tại một nhà hàng đông khách và bắt đầu nói chuyện. Một người khoe là mình đang chữa trị một ca phân sinh nhân cách khá thích thú. Người kia chặn họng : "Phân sinh nhân cách có gì mà đặc biệt? Những trường hợp này xảy ra thông thường quá mà !"

"Thích thú ở chỗ là tớ được cả hai người trả tiền !"

Những nhà thần học cũng sống như thế. Thần học là chính trị. Nó chia rẽ con người. Chia để trị là thủ thuật muôn đời.

Thiền không thế, nó nhìn nhân loại không bằng ánh mắt phân chia –nó không chia rẽ. Nó có một cái nhìn toàn diện. Đó là lý do tại sao tôi hay nói rằng Thiền là tôn giáo của tương lai. Nhân loại ngày càng trưởng thành dần trong tỉnh thức lúc đó thần học sẽ bị loại trừ và tôn giáo sẽ được chấp nhận một cách thuần khiết như là một thực chứng tâm linh.

Nhật Bản có một từ ngữ đặc biệt để diễn tả điều này. Họ gọi đó là konomama hay sonomama –"Cái Đây là" của hiện hữu. Một chữ Đây viết hoa- không là cái gì khác. Chính cái như thị này của đời sống mới là Thượng Đế, không là cái gì khác. Chính cái như thị trong khoảnh khắc này đây mới thánh hóa, thiêng liêng: cái như thị của một cành cây, cái như thị của một hòn đá, cái như thị của một người nam, cái như thị của một người nữ, cái như thị của một đứa trẻ. Và cái như thị đó không hề được định nghĩa, không thể được định nghĩa. Bạn có thể tan biến vào đó, thể nhập vào đó, nếm được hương vị của nó. "Thật là tuyệt vời! Thật là mầu nhiệm!"

Vâng, bạn không thể định nghĩa được nó, không thể phân tích nó một cách luận lý, không thể đóng khung nó vào một ý niệm dứt khoát, rõ ràng. Nó sẽ bị giết chết bởi ý niệm. Nó sẽ không còn là như thị nữa mà là một sản phẩm cấu trúc của tâm. Cái danh từ "Thượng Đế" không phải là Thượng Đế, cái ý niệm về Thượng Đế không phải là Thượng Đế.Cũng vậy ý niệm về "tình yêu" không phải là tình yêu, ý niệm về "thực phẩm" không phải là thực phẩm. Thiền đã nói ra điều này một cách rất đơn giản: Hãy nên nhớ rằng thực đơn không phải là món ăn.

Bạn đừng có xơi luôn thực đơn nhé. Nhưng đó là điều mà người ta đã làm hàng bao thế kỷ qua: xơi luôn cả thực đơn !

Thế thì bạn đừng ngạc nhiên khi thấy con người ốm đói, con người không thể thăng hoa, con người không sống động, con người không sống một cách trọn vẹn; dĩ nhiên thôi, ai cũng có thể thấy trước điều này. Họ không hề sống bằng thực phẩm thực. Họ nói quá nhiều về thực phẩm đến độ quên mất đi thực phẩm là cái gì. Thượng Đế phải được ăn, Thượng Đế phải được nếm, Thượng Đế phải được sống với –không phải là để tranh luận về.

Cái tiến trình "nói về" này chính là thần học. Cái "nói về" này dẫn ta đi lòng vòng, chẳng bao giờ đưa ta đến cái đích thực. Đây là cái vòng luẩn quẩn. Luận lý chỉ là cái vòng lẩn quẩn. Và Thiền chính là những nỗ lực nhằm đưa ta thoát ra khỏi cái vòng lẩn quẩn đó.

Tại sao luận lý là cái vòng lẩn quẩn? Bởi vì chính trong tiền đề đã hàm chứa kết luận. Kết luận chẳng có gì là mới mẻ, nó đã được chứa sẵn trong tiền đề. Và rồi trong kết luận, tiền đề được chứa sẵn. Cũng chẳng khác gì một cái hạt: cái cây được chứa sẵn trong cái hạt, rồi cái cây sản sinh ra vô số hạt, rồi trong những hạt này sẽ lại ươm mầm những cái cây. Cái vòng lẩn quẩn là như thế. Hạt, rồi cây, rồi hạt. Tiếp tục như thế mãi. Cũng giống như trứng, rồi gà, rồi trứng, rồi gà, rồi trứng... tiếp tục không ngừng. Một cái vòng bất tận.

Thiền là tất cả những gì nhằm bẻ gãy cái vòng lẩn quẩn này –tâm của bạn sẽ không còn tiếp tục lang thang qua những ngôn từ và ý niệm mà trực nhập ngay vào hiện hữu của tự thân.

Nanin, một vị đại thiền sư đang đốn củi ở trong rừng. Một vị giáo sư đại học tìm đến thăm. Nghĩ rằng gã tiều phu này chắc biết Nanin đang sống ở đâu trong vùng núi non này, ông ta liền hỏi thăm. Gã tiều phu nâng cái búa lên và nói: "Ta phải trả giá cái này đắt lắm đấy."

Dĩ nhiên vị giáo sư đâu có hỏi về cái búa. Ông muốn tìm hỏi xem Nanin đang ở đâu; ông muốn biết Nanin có đang ở trong chùa hay không để ông đến gặp. Gã tiều phu lại nâng cái búa lên và nói: "Nhìn đây này. Ta phải trả giá cái búa này đắt lắm đấy." Vị giáo sư hơi hoang mang và trước khi kịp tháo lui thì người tiều phu đã tiến sát đến gần hơn, đưa lưỡi búa hạ xuống ngay sát trên đỉnh đầu ông. Vị giáo sư hoảng hồn đứng run lên thì người tiều phu nói tiếp: "Cái búa này bén lắm đó." Đến đây thì vị giáo sư bỏ chạy.

Sau đó, khi tìm được đến chùa, ông mới biết được rằng gã tiều phu kia không ai khác hơn là Nanin. Ông mới hỏi, "Bộ ông ấy điên hả?"

"Không," người đệ tử trả lời. "Khi ngài hỏi rằng Nanin có ở trong đó không thì ông ta trả lời rằng có bằng cách chỉ cho ngài thấy cái "ở trong" và cái "như thị" của ông ấy. Trong khoảnh khắc đó, Nanin là gã tiều phu; trong khoảnh khắc đó, cái búa ở trong tay ông ta, ông ta hoàn toàn thể nhập vào sự sắc bén của cái búa. Ông ta đã trả lời 'Tôi đang ở trong' bằng cái hiện sinh lập tức và toàn vẹn của mình ngay chính trong khoảnh khắc hiện tại đó. Ngài đã không lãnh hội được ý nghĩa này. Ông ta đã chỉ cho ngài thấy cái phẩm chất của Thiền."

Thiền là vô niệm và vô trí -không hề là sản phẩm của ý niệm, và trí tuệ. Đây là tôn giáo duy nhất trên thế giới rao giảng về trực nhận tức thời; trực nhận tức thời trong từng khoảnh khắc, trực nhận tức thời trong từng sát na; hiện hữu ngay trong chính hiện tại, không quá khứ, không tương lai.

Thế nhưng con người bị bao quanh bởi thần học. Những lý thuyết thần học này giữ họ mãi trong tình trạng ấu trỉ, không cho phép họ trưởng thành. Bạn không thể nào trưởng thành được khi bị giam hảm ở trong hàng rào thần học, khoác lên người chiếc áo Ky tô hữu, hay Ấn Độ giáo, hay Hồi giáo, và ngay cả Phật tử. Bạn không thể trưởng thành. Bạn không đủ chỗ để lớn dậy. Bạn bị giam hảm quá kỹ, trong một không gian nhỏ hẹp; bạn đang bị bỏ tù.

Một vị mục sư trẻ thụt két một trăm ngàn đô-la của qũy nhà thờ và đem nướng hết vào thị trường chứng khoán. Rồi bà vợ trẻ đẹp của ông ta cũng chán ngán bỏ đi. Quá đổi tuyệt vọng, ông ta tìm đến một dòng sông và sắp sửa buông mình ra khỏi chiếc cầu để tự tử thì bị chặn lại bởi một người đàn bà trong chiếc áo khoác dài đen, khuôn mặt nhăn nheo, mái tóc quăn queo màu muối tiêu.

"Đừng nhảy", người đàn bà với giọng the thé, "Ta là mụ phù thủy đây, và ta sẽ ban cho ngươi ba điều ước nếu ngươi làm cho ta một việc!»

"Không ai có thể giúp tôi được nữa," ông ta trả lời.

"Này, đừng có ngớ ngẩn như thế," bà ta đọc thần chú, "Alakazam! Tiền bị mất sẽ trở lại hộp an toàn của nhà thờ! Alakazam! Vợ ngươi hiện đang ở nhà chờ ngươi với tình yêu say đắm nhất. Alakazam! hai trăm ngàn đô la hiện ở trong nhà băng của ngươi!"

"Thật là tuyệt...tuyệt...tuyệt vời," vị mục sư lắp bắp, "bây giờ thì tôi phải làm điều gì cho bà đây?"

"Ngủ và làm tình với ta trong đêm nay."

Cái ý tưởng phải ăn nằm với một mụ già không răng xấu như ma đã bị đẩy lùi vì quả tình nó rất đáng giá, thế rồi họ ngủ lại qua đêm với nhau

tại một khách sạn cạnh đó. Buổi sáng, sau khi màn trao đổi ghê tởm kết thúc, vị mục sư đang sửa soạn bận áo quần để về nhà thì có tiếng nói vọng lên từ trên giường: "Này con trai cưng, bao nhiêu tuổi rồi vậy?"

"Bốn mươi hai! Có chuyện gì không?"

"Có phải ngươi chưa đủ già để tin rằng chuyện phù thủy là có thực?"

Đó là những gì đang xảy ra. Nếu bạn tin tưởng vào Thượng Đế bạn cũng có thể tin tưởng vào chuyện phù thủy, cũng cùng một loại thôi. Nếu bạn tin tưởng vào một chuyện nhảm nhí vô nghĩa, bạn có thể tin tưởng vào tất cả những chuyện nhảm nhí vô nghĩa khác. Thế là bạn không bao giờ trưởng thành. Bạn vẫn luôn là trẻ con dễ bị dối gạt.

Thiền có nghĩa là chín chắn. Thiền có nghĩa là loại bỏ tất cả những mụ phù thủy hoang đường để nhìn thẳng vào vấn đề. Đừng mang những giấc mộng của bạn vào thực tại. Hãy chùi sạch đôi mắt mơ ngủ của mình để nhìn rõ thực tại. Cái như thị đó được gọi là konomama hay sonomama. Kono hay sonomama có nghĩa là cái như thị của một sự vật –cái thực tướng trong cái như thị của nó. Tất cả mọi ý hệ đều ngăn chặn tầm nhìn của bạn. Những ý hệ là những chiếc khăn bịt mắt cản trở thị kiến của bạn. Một người Ky tô hữu không thể thấy được cái gì cả, người Ấn Độ giáo cũng thế, kể cả người Hồi giáo. Bởi vì bạn bị chiếm ngự bởi những ý tưởng của riêng mình nên bạn chỉ trông thấy những gì muốn trông thấy, cái thực tại không hề xuất hiện, bạn đang phóng chiếu, bạn đang diễn dịch, bạn đang tạo ra một thực tại riêng tư của chính bạn vốn không hề hiện hữu ở đó. Điều này tạo ra một sự phá sản tâm linh. Trong số một trăm người được gọi là ông thánh của bạn, có đến chín mươi chín người là kẻ mất trí.

Thiền mang lại sự lành mạnh tinh thần cho thế giới, một sự lành mạnh hoàn toàn. Nó giải trừ tất cả mọi giáo điều, ý hệ, khi nói: "Hãy trở nên trống rỗng. Hãy nhìn bằng đôi mắt vô niệm. Nhìn thẳng vào bản tánh của vạn pháp, mà không khởi lên một ý niệm, không thiên kiến, không giả định." Không nên để bị nhồi nhét trước, đó là một trong những điều cơ bản nhất. Thế nên thần học phải bị loại trừ, nếu không bạn sẽ vẫn mãi bị nhồi nhét bởi những thiên kiến.

Bạn đã thấy được trọng tâm của vấn đề chưa ? Khi bạn đã mang sẵn một ý tưởng ở trong đầu, thường một điều chắc chắn là bạn sẽ tìm thấy nó ở trong thực tế -bởi vì tâm rất là sáng tạo. Dĩ nhiên cái sáng tạo này chỉ thuần là tưởng tượng. Nếu bạn đang tìm kiếm Christ, có thể bạn sẽ thấy những ảo ảnh về Jesus Christ, và tất cả đều là hư huyễn. Nếu bạn đang tìm kiếm Krisna, bạn có thể bắt đầu thấy Krisna, và tất cả cũng chỉ là hư huyễn.

Thiền rất mực thực tế. Nó cho rằng những gì là ảo tưởng cần phải được loại trừ. Ảo tưởng đến từ quá khứ. Từ thuở ấu thơ bạn đã bị điều kiện hoá bởi một số ý tưởng. Từ thuở ấu thơ bạn đã được đưa đến nhà thờ, đưa đến chùa, đưa đến thánh đường Hồi giáo ; bạn đã được dẫn đến các nhà học giả, các nhà thông thái, các nhà tu sĩ; bạn đã bị buộc phải lắng nghe những bài thuyết pháp -đủ mọi thứ chuyện được nhét vào tâm trí của bạn. Với gánh nặng chồng chất như thế, bạn chớ vội đi tìm chân lý –vì nếu không, bạn sẽ không bao giờ biết rõ được chân lý là cái gì.

Phải cởi bỏ cái gánh nặng đó. Cởi bỏ cái gánh nặng đó tức là Thiền.

Một vị mục sư đang rao giảng Phúc Âm trong một bệnh viện tâm thần cho những người mất trí. Bài giảng của ông ta nửa chừng đột nhiên bị cắt đứt bởi tiếng ré lớn: "Này, nghe tôi nói đây này, chúng ta có nên lắng nghe những chuyện vớ vẩn này không ?"

Vị mục sư hơi ngạc nhiên và bối rối hỏi người canh giữ: "Tôi có nên ngưng nói không?"

Người gác trả lời : "Không, không, hãy cứ tiếp tục. Chuyện này tôi bảo đảm là sẽ không xảy ra nữa đâu, ít nhất là bảy năm nữa. Cái tên điên này cứ bảy năm mới được tỉnh táo một lần đó mà."

Quả thật là rất khó khăn để tỉnh táo trong một thế giới đang điên loạn.

Thiền dễ nhưng mà khó. Thiền như ta được biết là những gì đơn giản - rất mực đơn giản, đơn giản nhất, bởi vì đây là sự tự phát- nhưng lại rất khó khăn, bởi vì tâm của ta đã bị điều kiện hóa, bởi vì cái thế giới khùng điên mà chúng ta đang sống, chúng ta được nuôi dưỡng lớn khôn, nó làm cho chúng ta hư hỏng.

Vấn đề thứ hai: Thiền không phải triết lý, nó là thi ca. Nó không hề đề xuất mà một cách đơn giản, nó chỉ thuyết phục. Nó không hề tranh cãi mà chỉ hát lên khúc nhạc của chính mình. Tự bản chất, Thiền là thẩm mỹ học, không phải là một lối tu khổ hạnh. Nó không tin vào sự kiêu mạn, gây hấn, hướng về thực tại, nó tin vào sự yêu thương. Nó tin một điều rằng, nếu ta thể nhập với thực tại, thực tại sẽ mở ra những bí mật của nó cho chúng ta. Nó tạo ra cái ý thức tham dự. Thiền là thơ, thi ca tinh ròng –cũng giống như tôn giáo tinh ròng.

Thiền đặc biệt quan tâm đến Mỹ -không bận tâm nhiều đến Chân, nhưng nghiêng nhiều hơn về Mỹ. Tại sao như thế ? Vì Chân là một biểu tượng khô khan. Tự thân nó đã khô khan mà những ai quá quan tâm đến nó cũng trở nên khô khan luôn. Họ bắt đầu chết dần chết mòn. Trái tim của họ thu nhỏ lại, những dòng suối ngọt ngào không chảy nữa. Họ trở nên khô héo không còn biết thương yêu, họ trở thành bạo động, và bắt đầu chạy đuổi theo những ý tưởng lung tung ở trong đầu.

Thiền không phải là chuyện của cái đầu mà là của cái toàn thể. Không có nghĩa là cái đầu bị chối bỏ, nhưng nó được đặt vào đúng vị trí. Nó sẽ không còn đóng vai trò chủ đạo mà chỉ làm tròn chức năng của mình trong cái toàn thể. Trong cái toàn thể này thì ruột cũng quan trọng như đầu, cái chân, trái tim cũng quan trọng như thế. Đó là cả một cơ cấu vận hành, không có cái nào chế ngự cái nào.

Triết học thì thiên về cái đầu; thi ca nghiêng về cái toàn thể hơn. Thi ca là giòng chảy sinh động. Nó quan tâm đến Mỹ -đến cái đẹp. Mà cái đẹp thì không bao giờ bạo động, nó đồng nghĩa với yêu thương, với nhân ái, từ bi.

Thiền giả nhìn sâu vào thực tại để tìm ra cái đẹp... trong tiếng chim hót, trong cỏ cây, trong điệu múa của loài công, trong đám mây, trong làn chớp, trong biển cả, trong cát mịn... Đó là một nỗ lực đi tìm cái đẹp.

Một cách hết sức tự nhiên, đi tìm cái đẹp có một tác động hoàn toàn khác biệt. Khi bạn đi tìm kiếm chân lý, bạn rất là dương tính; khi bạn đi tìm kiếm cái đẹp bạn âm tính hơn. Khi đi tìm kiếm chân lý, bạn thiên về luận lý hơn. Khi đi tìm kiếm cái đẹp, bạn nghiêng nhiều hơn về trực giác. Thiền là âm. Thi ca là âm. Triết lý rất là dương, rất năng động.

Thiền là thụ động- đó là lý do tại sao đối với Thiền, ngồi trở nên một trong những phương cách hành thiền quan trọng nhất. Chỉ việc ngồi yên –ta gọi là tọa thiền. Thiền gia cho rằng nếu bạn ngồi yên không vọng động, rồi mọi chuyện sẽ xảy ra. Mọi chuyện sẽ tự nó xảy ra; bạn không cần phải theo đuổi, bạn không cần phải tìm kiếm. Chúng sẽ đến. Bạn chỉ việc ngồi yên, đơn giản thế thôi. Và nếu bạn có thể ngồi trong tĩnh lặng, rơi vào một trạng thái hoàn toàn yên nghỉ, nếu bạn có thể tự buông xả, nếu bạn có thể giải trừ mọi áp lực để trở thành một cái hồ năng lực đầy tĩnh lặng, không đến không đi, không tìm kiếm. Suối nguồn Thượng Đế sẽ bắt đầu tuôn chảy vào bạn. Năng lực Thượng Đế sẽ đổ dồn đến bạn từ khắp mọi hướng. Hãy ngồi yên lặng, vô tác, như mùa xuân đến và cây cỏ tự nở hoa.

Và hãy nhớ kỹ một điều, khi Thiền nói rằng 'chỉ ngồi yên' có nghĩa là bạn chỉ ngồi yên –không làm gì hết, ngay cả đọc thần chú. Nếu bạn niệm thần chú, bạn lại rơi vào những chuyện vớ vẩn nữa rồi, tâm bạn lại bắt đầu lung tung. Nếu bạn ở trong tình trạng vô tác... Những dòng tư tưởng sẽ đến, những dòng tư tưởng sẽ trôi đi -nếu chúng đến, tốt ; nếu chúng không đến, cũng tốt thôi. Bạn sẽ không còn quan tâm về những gì đang xảy đến, bạn chỉ ngồi đó, lặng yên. Nếu bạn cảm thấy mệt, cứ việc nằm dài ra. Nếu bạn cảm thấy đôi chân căng thẳng, cứ việc duỗi nó ra. Hoàn toàn ở trong trạng thái tự nhiên. Không cả nhìn ngắm. Không cố gắng về bất cứ chuyện gì. Đó là cái mà người ta gọi là tọa thiền. Hãy ngồi yên và rồi nó sẽ xảy đến.

Thiền là một sự tiếp cận đầy nữ tính, và tôn giáo trên căn bản, cũng thế. Khoa học, triết lý là dương –tôn giáo là âm. Tất cả những gì tươi đẹp trên thế gian này –thi ca, hội họa, khiêu vũ- đều xuất phát từ tâm hồn nữ tính.

Có thể là nó đã không xuất phát từ phụ nữ vì phụ nữ chưa được hoàn toàn giải phóng để sáng tạo. Nhưng thời điểm của họ đang đến. Khi Thiền ngày càng trở nên khởi sắc và có ý nghĩa hơn trong thế giới này, tâm hồn nữ tính sẽ bột phát, đó sẽ là một bùng nổ lớn.

Mọi sự chuyển động trong mối tương quan cùng nhau. Thời đại quá khứ là thời đại trọng nam -thế nên ta có Hồi giáo, Cơ Đốc, Ấn Độ giáo. Tương lai sẽ mang màu sắc nữ tính hơn, dịu dàng hơn, thụ động hơn, thoải mái hơn, thẩm mỹ hơn, thi ca hơn. Và trong cái thế giới thơ mộng đó Thiền sẽ trở nên một sự việc có ý nghĩa nhất trong thế giới này.

Triết học là luận lý; thi ca là tình yêu. Triết học là mổ xẻ, phân tích; thi ca là tổng hợp, nối kết sự việc cùng nhau. Triết học cơ bản là hủy diệt; thi ca là đời sống hiến dâng. Phân tích là phương pháp của triết học –và cũng là phương pháp của khoa học, của những nhà phân tâm học. Không sớm thì muộn khoa phân tâm học phải được thay thế bằng tổng tâm học. Assagioli (1) đã có lý hơn Sigmund Freud (2) bởi vì tổng hợp gần với chân lý hơn. Thế giới này là một. Đó là một thể thống nhất -nhất thể. Không có gì chia cách. Tất cả đều cùng chung một nhịp đập của trái tim. Chúng ta đều nối kết, liên hệ cùng nhau. Toàn bộ đời sống là một mạng lưới. Ngay cả một cọng lá nhỏ chung quang giảng đường Trang Tử này cũng được kết nối với một vì sao xa nhất. Nếu chuyện gì xảy ra cho cọng lá này thì cũng sẽ xảy đến với vì sao xa thẳm đó. Mọi việc đều liên hệ cùng nhau, trong mối tương quan với nhau. Tất cả hiện hữu đều chung một mái nhà.

Thiền nói rằng, đừng mổ xẻ, đừng phân tích.

Một nông dân ở Vermont chứng kiến một tai nạn xe lửa, người ta đã hỏi đầu đuôi câu chuyện và ông đã kể về tai nạn xảy ra như sau : "Ồ, tôi và Jake đang đi dọc theo đường rầy xe lửa, rồi thì tôi nghe một tiếng còi, tôi nhảy qua một bên đường và chiếc xe lửa chạy ngang qua, rồi tôi bước lên trên đường rầy trở lại và không thấy Jake đâu cả. Nhưng mới đi một chút thì tôi thấy chiếc nón của Jake, tôi đi tiếp và thấy một cái chân của Jake, rồi một cánh tay của Jake, rồi thì một cái chân khác, rồi một nữa cái đầu của Jake, và tôi nói với mình, 'Trời đất! Chắc là phải có chuyện gì xảy đến cho Jake rồi!'"

Đó là những gì hiện đang xảy ra cho nhân loại. Đã và đang xảy ra. Con người bị cắt ra thành từng mảnh. Chúng ta có vô số những nhà chuyên khoa: có những ông chuyên trị về mắt, có những ông chuyên trị về tim, có những ông chuyên trị về đầu, và có những ông chuyên lo về những cái khác. Con người đã bị chia cắt.

Thiền nói rằng con người là một tổng thể, một cấu trúc hữu cơ.

Trong khoa học hiện đại có một khái niệm mới hiện đang được nói đến gọi là lưỡng tính (androgeny). Buckminster Fuller (3) đã định nghĩa lưỡng tính như là sắc thái đặc biệt của một hệ thống toàn bộ, một cấu trúc hữu cơ. Một cấu trúc hữu cơ không phải chỉ là một tổng hợp đơn thuần của những bộ phận. Nó là một cộng thể (synergetic) -đó không phải chỉ gồm những bộ phận được ráp lại với nhau. Khi mà những bộ phận này kết hợp lại và vận hành như một nhất thể trong một trật tự ổn cố, cái cộng thể này xuất hiện –với cái tín hiệu sống, như tiếng 'tíc-tắc' của đồng hồ. Bây giờ nếu bạn mở cái đồng hồ ra và tháo rời từng bộ phận, tiếng 'tíc-tắc' này biến mất. Khi bạn lắp ráp chúng lại trong một trật tự vận hành -tiếng 'tíc-tắc' xuất hiện trở lại. Cái tín hiệu sống này hoàn toàn mới. Nó ở đâu ra vậy? Không một bộ phận riêng rẻ nào trong

cái cộng thể đó trách nhiệm về nó. Không một bộ phận cá thể nào chứa nó. Chính cái toàn bộ, cái tổng thể đã phát ra cái tín hiệu đó.

Cái tín hiệu sống đó là cái hồn. Nếu bạn tách lìa tay tôi ra, nếu bạn tách lìa chân tôi ra, nếu bạn tách lìa đầu tôi ra, cái tín hiệu đó biến mất. Đó là linh hồn của sự sống, nó chỉ tồn tại trong một cơ thể hợp nhất.

Thượng Đế chính là cái tín hiệu sống trong hiện hữu nhất thể. Bạn không thể tìm ra Thượng Đế bằng cách mổ xẻ ra từng bộ phận. Thượng Đế chỉ hiện hữu trong cái nhìn đầy thơ mộng của sự hợp nhất. Thượng Đế là một kinh nghiệm cộng thể. Khoa học không thể nào tìm ra, Triết học không thể nào đến gần –mà chỉ có thể tiếp cận một cách thơ mộng, một cách rất thụ động, rất dễ thương. Khi bạn thể nhập làm một với hiện hữu, khi bạn không còn tách rời ra như một người đi tìm kiếm, khi bạn không còn tách rời ra như một kẻ đứng nhìn, khi bạn không còn tách rời ra như một người quan sát, khi bạn đánh mất mình vào trong đó, hoàn toàn tan biến vào trong đó -thì nó, cái tín hiệu sống, xuất hiện.

Thứ ba: Thiền không phải là khoa học mà là phép lạ. Nhưng đây không phải là phép lạ của những nhà ảo thuật gia, mà là cách thế ta nhìn vào đời sống như một phép lạ. Khoa học là trí óc. Đó là nỗ lực để hủy diệt sự huyền nhiệm của đời sống. Nó giết chết điều kỳ diệu. Nó đối nghịch với nhiệm mầu. Thiền trái lại, nó là tất cả cho sự nhiệm mầu, cho huyền nhiệm.

Đời sống huyền nhiệm không phải để cho người ta đi tìm lời giải đáp mà là để sống, bởi vì bạn sẽ không bao giờ tìm ra lời giải đáp. Bạn phải thể nhập vào đó với trọn vẹn yêu thương. Quả là một hạnh phúc lớn khi đời sống là một huyền nhiệm. Hãy cùng nhau chúc mừng cho sự huyền nhiệm này.

Thiền là phép lạ. Nó cho bạn chìa khoá để mở vào những cánh cửa nhiệm mầu. Và sự nhiệm mầu đó ở ngay trong chính bạn, cái chìa khoá đó cũng ở ngay trong bạn.

Khi bạn tìm đến một Thiền sư, ông ta chỉ là người giúp cho bạn đi vào tỉnh lặng để tìm ra cái chìa khóa mà bạn đang mang theo trong suốt đời mình, cùng với cánh cửa -luôn luôn sẵn ở đó- đi vào ngôi đền của riêng bạn ở tận trong đáy tâm hồn.

Và đây là điểm cơ bản cuối cùng: Thiền không phải là đạo đức, nó là thẩm mỹ. Nó không hề áp đặt một tiêu chuẩn đạo đức, không đưa ra bất cứ một điều răn nào: Phải làm cái này, không được làm cái kia. Một cách đơn giản, nó làm cho bạn nhạy cảm hơn về cái đẹp, và cái tính nhạy cảm này trở thành nền tảng đạo đức của bạn. Thế rồi nó sẽ vượt qua khỏi bạn, ý thức của bạn. Đừng nghĩ rằng nó sẽ ban cho bạn một mớ lương tâm nhằm phản kháng lại ý thức; không, nó chỉ giúp cho bạn trở nên ý thức, tỉnh giác hơn và sự phong phú ý thức này lại sẽ trở thành lương tâm của bạn. Như thế, điều răn không phải đến từ ông Moses, không phải đến từ Bible, từ Koran hay kinh Vệ Đà... Nó không hề đến từ bên ngoài. Nó đến từ chính trong sâu thẳm tận cùng của bạn. Và khi phát xuất từ đây, ta không còn nô lệ nữa. Ta hoàn toàn tự do. Khi phát xuất từ đây ta sẽ không còn làm việc một cách miễn cưỡng như là bổn phận. Bạn làm việc trong tuyệt vời hạnh phúc và yêu thương.

Đó là những điều cơ bản. Và bây giờ hãy lắng nghe một lời kinh sâu sắc.

Như một bầu trời rỗng không, nó không hề có ranh giới
Nó ở ngay tại đây, thẳm sâu và trong suốt như chưa bao giờ

Chỉ việc thay chữ "nó" bằng "Thượng Đế" là bạn sẽ hiểu ngay lập tức - thế nhưng Thiền giả không bao giờ dùng chữ "Thượng Đế" mà gọi bằng "nó".

Như một bầu trời rỗng không, nó không hề có ranh giới
Nó ở ngay tại đây, thẳm sâu và trong suốt như chưa bao giờ

Nếu bạn nhìn thẳng vào bầu trời bạn sẽ không bao giờ tìm thấy nó. Nếu bạn bắt đầu cố gắng thật sự tìm kiếm, bạn sẽ không bao giờ tìm thấy bầu trời. Ở đâu bạn có thể tìm thấy được bầu trời? Bầu trời không hề ở một nơi nào đó, nó ở khắp nơi và bởi vì nó ở khắp nơi nên bạn không thể tìm kiếm được. Bạn không thể xác định vị trí của nó; bạn không thể nói rằng nó ở phía Bắc, nó ở phía Nam, nó ở đây, nó ở đó -bởi vì nó ở khắp nơi. Là khắp nơi nên không thể được tìm thấy ở một nơi nào. Và rồi bạn sẽ tìm kiếm nó ở đâu? Chạy đi đâu cũng là bầu trời. Ở ngay đây, ở nơi đó. Tất cả đều là bầu trời. Thượng Đế cũng giống như bầu trời, một bầu trời rỗng không.

Nó không có biên giới nên nó không thể được xác định. Bạn không thể nói nó bắt đầu từ đâu và chấm dứt ở đâu. Nó là vĩnh cửu, vô tận - nhưng mà cũng ngay tại đây, trước mắt bạn. Nếu bạn buông xả, nó xuất hiện; nếu bạn căng quá, nó biến mất.

Một vị Thiền sư có lần nói, "Nó quá rõ ràng nên rất khó thấy. Có lần một tên khờ xách chiếc đèn lồng đã thắp đi kiếm lửa. Nếu y sớm biết lửa ở đâu thì đã nấu chín nồi cơm tự hồi nào rồi".

Bạn cũng thế, bạn là người đang xách chiếc đèn lồng đã thắp đi kiếm lửa mà không hề biết rằng mình luôn luôn mang lửa ở trên tay. Vâng, vị Thiền sư nói rất đúng: Nếu y sớm biết lửa ở đâu thì đã nấu chín nồi cơm tự hồi nào rồi. Và nồi cơm của bạn cũng thế, cũng chín tự hồi nào.

Thế mà bạn phải chịu đói. Bạn đã và đang đói hàng bao nhiêu thế kỷ qua, cơn đói bất tận. Bởi vì bạn đang đi kiếm lửa với chiếc đèn lồng đã thắp trên chính tay mình.

Con người loay hoay chạy đi tìm kiếm Thượng Đế mà không biết rằng Thượng Đế đang ở trước mắt mình. Thượng Đế đang ở chung quanh bạn. Thượng Đế đang ở trong, Thượng Đế đang ở ngoài bởi vì chỉ có một Thượng Đế. Thiền giả không gọi cái này bằng Thượng Đế mà gọi là "nó" để bạn không bị rơi vào cạm bẫy của ngôn từ.

Khi bạn đi tìm để biết nó, bạn không thể gặp nó.

Tại sao? Bởi vì khi bạn muốn biết, cái sự rất muốn biết đó trở thành một tình trạng căng thẳng. Bạn trở thành thu hẹp lại. Bạn tập trung quá sức. *Khi bạn đi tìm để biết nó, bạn không thể gặp nó.* Bạn sẽ không thấy -bởi vì bạn chỉ gặp được nó khi bạn hoàn toàn thư giản, khi bạn mở lòng ra khắp mọi hướng, khi tâm bạn không tập trung cao độ.

Hãy nghe kỹ điều này. Những người không hiểu biết gì hết về Thiền thường viết rằng Thiền là sự tập trung tư tưởng. Bạn có thể tìm thấy hàng ngàn cuốn sách trong đó có những câu tương tự như vậy, những câu cực kỳ ngu xuẩn -rằng thiền là sự tập trung. Thiền không hề là sự tập trung -đây có thể là việc cuối cùng. Nhưng thực ra, tập trung hoàn toàn trái ngược với Thiền. Trong tình trạng tập trung, bạn rất căng, bạn quy chiếu, bạn dồn nỗ lực tìm kiếm một cái gì đó. Vâng, có thể tập trung cần thiết cho bạn khi tìm kiếm những vật rất nhỏ. Tìm một con kiến chẳng hạn, tập trung rất tốt -nhưng tìm kiếm Thượng Đế thì không. Thượng Đế rất bao la, vô cùng bao la. Thế nên khi bạn tập trung để tìm, bạn chỉ tìm thấy con kiến chứ không thể tìm thấy Thượng Đế. Đối với Thượng Đế, bạn phải hoàn toàn mở, mở ra khắp mọi hướng,

không tập trung, không tìm, không kiếm. Ý thức của bạn hoàn toàn buông xả, đó chính là Thiền -một trạng thái ý thức hoàn toàn buông xả.

Bạn đốt lên một ngọn đèn nhỏ. Ánh sáng không hề quy chiếu, nó tỏa ra khắp mọi hướng. Nó không đi đến một nơi nào cả, nó tỏa lan ra. Tất cả mọi hướng đều tràn ngập ánh sáng. Bây giờ hãy nhìn một cây đuốc. Cây đuốc giống như một sự tập trung. Ánh sáng của nó được quy chiếu vào một nơi. Khi bạn muốn trông thấy Thượng Đế, cây đuốc không giúp ích gì được cho bạn cả -cây đèn là tốt nhất. Nếu bạn đang kiếm một con kiến, tốt lắm; nếu bạn đang kiếm một con chuột, rất tốt -cây đuốc rất được việc cho bạn. Đối với chuyện nhỏ, người ta cần sự tập trung ý thức.

Đối với khoa học, sự tập trung là cần thiết. Khoa học không thể tồn tại nếu thiếu sự tập trung -nó tìm kiếm những cái chi li, những cái rất nhỏ, rồi những cái nhỏ hơn. Nó đi từ cái nhỏ hơn đến cái nhỏ hơn nữa đến cái nhỏ nhất -nó đang tìm kiếm tế bào, rồi nguyên tử, rồi điện tử, rồi nơ-tron. Nó lại tiếp tục đi tìm kiếm những cái nhỏ hơn nữa, tất cả công trình tìm kiếm đều nhắm vào những cái nhỏ hơn. Khoa học, như thế, ngày càng trở nên tập trung, và quy chiếu.

Tôn giáo thì trái ngược -buông xả, phóng khoáng, mở ra khắp mọi hướng, đón nhận những ngọn gió đến từ muôn phương. Các cánh cửa lớn, cửa sổ đều được mở ra, những bức tường ngăn cách được xoá bỏ; cửa lòng của bạn cũng mở ra bát ngát.

Khi bạn đi tìm để biết nó, bạn không thể gặp nó.

Thế nên cái nỗ lực để thấy nó, cái lòng khát khao muốn thấy nó trở thành những chướng ngại. Không nên tìm kiếm Thượng Đế. Không nên tìm kiếm chân lý. Mà tốt hơn cả là tạo nên một trạng huống hoàn toàn

buông xả, lúc đó Thượng Đế sẽ đến với bạn, nó sẽ đến, chắc chắn. Nó đang có mặt ở đó.

Có một giai thoại rất nổi tiếng nói về một trong những người phụ nữ hiếm hoi nhất trên thế giới, có tên là Rabiya.

Hussan, một nhà huyền môn Sufi -một ông đồng cốt đạo Hồi- đang sống với đạo sư Rabiya. Chắc thế nào ông ta cũng đã có lần nghe qua câu nói của Jesus Christ, "Hãy gõ, cửa sẽ mở. Hãy hỏi, sẽ được cho. Hãy tìm, sẽ gặp." Thế nên hàng ngày trong các buổi cầu nguyện buổi sáng, trong các buổi cầu nguyện buổi trưa, trong các buổi cầu nguyện buổi chiều, trong các buổi cầu nguyện buổi tối -người Hồi giáo cầu nguyện đến năm lần mỗi ngày- và cứ hàng ngày năm lần như thế anh ta không ngớt cầu khẩn với Thượng Đế, "Tôi đang gõ, hỡi Thượng Đế vĩ đại, tôi đang gõ thật nhiều. Tại sao đến bây giờ nó vẫn chưa mở? Tôi đập đầu tôi vào cánh cửa của Ngài, Thượng Đế nhân từ. Xin hãy mở cửa."

Rabiya nghe lời cầu nguyện này trong một ngày. Rabiya nghe lời cầu nguyện này trong ngày thứ hai, rồi ngày thứ ba, và cuối cùng bảo Hussan: "Này Hussan, lúc nào thì ông mới chịu nhìn? Cánh cửa đang mở, trong khi ông cứ tiếp tục nói những câu nhảm nhí -"Tôi đang gõ, Tôi đang gõ"- Coi kỹ đi. Cánh cửa luôn luôn mở mà. Bởi vì ông chỉ chú tâm đến gõ, đến hỏi, đến tìm, đến muốn nên mới không thấy. Cánh cửa đang rộng mở mà".

Điều Rabiya nói còn đúng hơn cả điều chúa Jesus Christ nói. Câu nói của Jesus Christ chỉ dành cho những kẻ có trình độ thấp. Đúng như vậy, nó dành cho những người chưa cả bắt đầu đi tìm kiếm, cho những học sinh lớp mẫu giáo. Đối với họ chỉ nên bảo "Kiếm, tìm, gỏ cửa" và đối với họ cũng nên kèm theo lời hứa bảo đảm, nếu không họ sẽ không

chịu đi tìm đâu -lời hứa bảo đảm rằng "Hãy gõ, cửa sẽ mở. Hãy hỏi, sẽ được cho".

Rabiya rất Thiền khi nói, "Này, bạn khùng quá đi, cửa đang mở, nó luôn luôn rộng mở. Khi mà bạn cứ không ngừng hỏi, không ngừng lải nhải, bạn đang nhắm đôi mắt của bạn lại. Vấn đề chỉ là mở con mắt của bạn ra -cánh cửa luôn luôn mở rộng mà."

Thượng Đế luôn luôn có ở đó cho bạn. Không hề đòi hỏi một điều kiện nào.

Khi bạn đi tìm để biết nó, bạn không thể gặp nó.
Bạn không thể ôm giữ nó,
Và bạn cũng không thể đánh mất nó.

Hãy xem cái câu tuyệt vời này. *Bạn không thể ôm giữ nó*. Đúng như thế, bạn sẽ không bao giờ chiếm hữu được Thượng Đế. Thượng Đế không thể bị chiếm hữu.

Không ai chiếm hữu được những cái gì to tát vĩ đại -nhưng đây là một trong những điều điên rồ nhất mà con người hiện đang làm. Chúng ta chỉ muốn chiếm hữu. Khi bạn yêu một người thế là bạn muốn chiếm hữu, nhưng sự chiếm hữu đã hủy diệt tình yêu. Tình yêu là phẩm chất của Thượng Đế. Jesus đã nói một câu rất đúng, "Tình yêu là Thượng Đế". Nếu bạn thật sự muốn yêu thương, đừng cố gắng chiếm hữu nó. Bằng chiếm hữu, bạn đã giết chết nó, bạn đã đầu độc nó. Bạn rất là nhỏ bé mà tình yêu thì lại rất lớn lao, làm sao bạn có thể chiếm hữu được? Bạn có thể bị nó chiếm hữu -đúng như thế- nhưng bạn không thể chiếm hữu nó.Cái nhỏ hơn không thể chiếm hữu được cái lớn hơn. Đó là một điều thật giản đơn, nhưng cũng rất khó khăn để cho người ta chịu hiểu.

Khi yêu ai ta muốn chiếm hữu trọn vẹn tình yêu, ta muốn chiếm hữu sự dấu yêu, người tình của ta, ta muốn hoàn toàn chiếm lĩnh vì sợ rằng người khác sẽ lấy đi mất. Thế nhưng trước khi bị ai đó lấy mất, nó đã thực sự tan biến. Nó không còn hiện hữu nữa. Ngay khoảnh khắc bạn bắt đầu nghĩ đến sự chiếm hữu, bạn đã thực sự giết chết tình yêu. Bây giờ những gì còn lại chỉ là một cái xác chết, một thây ma. Sự sống đã tan biến.

Đời sống cũng không thể được chiếm hữu vì đời sống là Thượng Đế. Hiện hữu không thể bị chiếm hữu vì hiện hữu là Thượng Đế.

Bạn trông thấy một bông hoa tuyệt đẹp -một đóa hồng - trên một bụi cây và bạn lập tức ngắt nó ra khỏi bụi hồng. Bạn muốn chiếm hữu nó. Và thế là bạn đã giết nó. Bây giờ bạn cài nó vào khuy áo của bạn. -nó trở thành một bông hoa chết, một tử thi, không còn là một đóa hồng xinh đẹp nữa. Một cái xác chết thì chắc chắn là không đẹp rồi, phải không? Nó sẽ trở thành một hồi ức và mau chóng bị xóa nhoà. Đoá hồng kia sống động, xinh đẹp biết bao khi còn ở trên cành. Nó thật tươi trẻ, thật hạnh phúc, trong nó là cả một khúc luân vũ của sự sống, sự hòa điệu nhịp nhàng của muôn vàn thanh âm vây quanh. Bạn đã giết chết tất cả. Và bây giờ bạn đang mang một bông hoa chết trên khuy áo của bạn.

Đó là điều mà chúng ta đang hành xử trong mọi việc. Cái đẹp, tình yêu, Thượng Đế. Chúng ta chỉ muốn chiếm hữu.

Bạn không thể ôm giữ nó,

-Hãy nhớ cho-

Và bạn cũng không thể đánh mất nó.

Thật là tuyệt. Vâng, bạn không thể chiếm hữu nó, nhưng cũng không thể nào làm mất được nó. Nó ở đó. Nó luôn có mặt ở đó. Nếu bạn tĩnh lặng, bạn sẽ bắt đầu cảm thấy nó. Bạn phải hòa điệu cùng nó. Bạn phải trở nên tĩnh lặng để có thể lắng nghe. Bạn phải trở nên tĩnh lặng để vũ điệu của Thượng Đế có thể đi sâu vào lòng, để Thượng Đế cùng rung động, cùng chung một nhịp đập với trái tim bạn. Bạn phải liệng bỏ cái tật vội vàng, cái tật hối hả, cả cái tâm viên ý mã, muốn đạt đến cái này, trở thành cái nọ, lúc thế này, lúc thế kia. Hãy chấm dứt, đừng trở nên một cái gì cả. Và thế là nó ở đó, bạn không bao giờ có thể mất nó.

Cái gì không thể lấy, bạn sẽ được.

Cái gì không thể lấy, bạn sẽ được. Ngay từ khoảnh khắc hiểu được rằng bạn không thể nào chiếm hữu được nó, bạn liệng bỏ cái ý hướng chiếm hữu, thế là nó có mặt ở đó -và bạn được nó. Ngay từ khoảnh khắc bạn hiểu được rằng tình yêu không thể được chiếm hữu, một mối cảm thông sâu sắc òa vỡ trong bạn. Và bây giờ bạn sẽ có nó, vĩnh viễn. Bạn không bao giờ mất.

Tuy nhiên bạn chỉ sở hữu được nó khi nào bạn nhận ra một điều rằng nó không thể nào bị chiếm hữu, rằng không có cách gì bạn sẽ chiếm được nó.

Đây là nghịch lý của Thiền. Thiền là con đường của nghịch lý. Nó nói rằng nếu bạn muốn chiếm hữu Thượng Đế, xin làm ơn bỏ ý nghĩ đó đi - và rồi bạn có Thượng Đế. Nếu bạn muốn chiếm hữu tình yêu, đừng làm thế, và tình yêu sẽ có mặt, sẽ mãi là của bạn. Bạn không thể đánh mất nó; không cách gì mất được nó.

Khi bạn yên lặng, nó nói ra;

Khi bạn nói ra, nó yên lặng.

Dĩ nhiên cả hai không thể nói cùng một lúc. Martin Buber đã làm cho từ "đối thoại" thấm đậm nhiều ý nghĩa trong xã hội phương Tây. Nhưng đây chỉ mới là tuệ giác chứ chưa phải là đỉnh cao của Thiền. Martin Buber nói rằng cầu nguyện là một sự đối thoại. Trong cuộc đối thoại này bạn nói chuyện với Thượng Đế và Thượng Đế nói chuyện với bạn. Dĩ nhiên, đối thoại là một mối tương quan "Anh -Tôi". Đối thoại là phải có hai người. Đó là mối liên hệ song phương. Có bạn ở trong đó.

Thiền cho rằng không thể có chuyện như vậy. Nếu bạn nói, Thượng Đế im lặng. Khi bạn đang nói cũng có nghĩa là đang gây ra những náo động ở trong đầu bạn, Thượng Đế sẽ tan biến -tiếng nói của người rất là mỏng manh, rất là yên lắng và bạn chỉ có thể nghe được trong một không khí hoàn toàn yên lặng. Đó không phải là một cuộc đối thoại. Đó là một sự thụ động lắng nghe.

Chỉ có thể có một trong hai trường hợp, hoặc bạn nói và Thượng Đế vắng mặt, hay Thượng Đế lên tiếng và không hề có bạn ở đó. Chỉ khi nào bạn thể nhập, tan biến vào cùng với Thượng Đế bạn mới có thể nghe được tiếng nói của người. Đó là lúc tiếng nói này vọng lên khắp nơi -trong từng tiếng hót líu lo của loài chim, trong từng tiếng róc rách của dòng suối, trong từng tiếng thì thào của ngọn gió thoảng qua cánh rừng thông. Thượng Đế ở khắp mọi nơi -chỉ khi nào bạn chìm vào trong tĩnh lặng.

Khi bạn yên lặng, nó nói ra;
Khi bạn nói ra, nó yên lặng.
Cánh cổng lớn rộng mở cho những kẻ khất sĩ không nhà
Không một đám đông nào cản lối.

Không có chuyện cạnh tranh, không ai cản lối bạn, không có đối thủ tranh đua. Bạn không cần phải hấp tấp. Bạn không cần phải cố gắng để chụp giựt. Không có ai cạnh tranh với bạn, cũng không có ai đứng chặn trước bạn -ngoài Thượng Đế, chỉ có Thượng Đế. Bây giờ thì bạn có thể thư giản. Bạn không bao giờ còn lo sợ bị nhỡ nhàng. Bạn không thể mất vì nó luôn ở trong bản thể rốt ráo của muôn vật. Bạn không thể đánh mất Thượng Đế. Hãy thư giản.

Tất cả những điều này được nói ra nhằm giúp bạn thư giản. Thượng Đế không thể bị mất -thư giản. Không có ai ngăn đường chặn lối bạn -thư giản. Không có gì phải hấp tấp vì Thượng Đế không hề buộc bạn phải đúng giờ -thư giản. Không cần phải đi đến nơi đâu vì Thượng Đế không hề cách xa ta hàng tinh cầu -thư giản. Bạn không thể mất vì nó luôn ở trong bản thể rốt ráo của muôn vật -thư giản.

Toàn bộ thông điệp của tất cả những điều nghịch lý này là -thư giản. Nó có thể được cô đọng lại trong một chữ -thư giản. Đừng tìm, đừng kiếm, đừng hỏi, đừng gõ, đừng đòi hỏi nữa -thư giản. Nếu bạn thư giản, nó sẽ đến. Nếu bạn thư giản, nó có mặt. Nếu bạn thư giản, bạn bắt đầu rung động cùng một nhịp điệu với nó.

Đó là điều mà nhà Thiền gọi là hoát nhiên đạt ngộ... một trạng thái hiện sinh hoàn toàn thư giản, một trạng thái an nhiên tự tại không còn ý thức trở thành một cái gì đó tồn tại trong tâm; khi bạn không còn là người vươn đến thành tựu; không còn nơi chốn để đi đến; không còn mục tiêu để đạt; khi tất cả mọi mục tiêu đều tan biến, mọi mục đích đều bỏ lại đàng sau; khi bạn là chính bạn, bản lai diện mục, như thị. Trong cái khoảnh khắc của như thị đó bạn hoàn toàn tan biến, thể nhập vào cùng với nhất thể và cái tín hiệu sống mới mẻ -chưa từng hề có trong bạn- nổ bùng ra. Cái tín hiệu sống đó được gọi là hoát nhiên đạt ngộ, là đại định tam muội, là giác ngộ.

Nó có thể xảy ra trong mọi tình huống -bất cứ lúc nào bạn hoà điệu với nhất thể.

Và điều cuối cùng. Thiền không mang một khuôn mặt nghiêm trọng. Nó không thiếu những khôi hài ý nhị. Không có tôn giáo nào tiến bộ đến mức cho khôi hài có một chỗ đứng. Chỉ ở trong Thiền mới có tiếng cười. Thiền là một ngày hội. Tinh thần của Thiền là thực hiện cái lễ hội tươi vui đó.

Những tôn giáo khác đều tỏ ra rất nghiêm trọng -làm như việc vươn đến Thượng Đế là một đại sự, làm như có ai đó đang giựt Thượng Đế ra khỏi tay họ, làm như Thượng Đế đang tìm cách ẩn trốn chúng ta, làm như Thượng Đế tạo ra rất nhiều chướng ngại một cách cố tình; làm như là có một sự tranh đua lớn và không có đủ Thượng Đế cho hết thảy mọi người; làm như Thượng Đế là tiền bạc và chẳng bao giờ đủ cho tất cả. Thế nên nếu như bạn không chụp giựt Thượng Đế ngay tức khắc trước những kẻ khác, những người khác sẽ chụp giựt mất. Đây là những người rất nghiêm trang, những người chỉ biết đến tiền, những người có mục tiêu để nhắm đến -nhưng thực sự không phải là những con người tín ngưỡng.

Thượng Đế rất đổi lớn lao, rất đổi bao la, rất đổi vĩ đại. Đây là nhất thể của vạn hữu -làm sao ai có thể làm tiêu mòn đi được? Thế nên không có nhu cầu phải sợ rằng ai đó sẽ tranh chiếm mất Thượng Đế trước bạn, và rồi bạn sẽ không biết phải làm gì, bạn sẽ bị mất Thượng Đế vĩnh viễn. Thế nên cũng không cần phải chiến đấu, tranh đua. Và bạn cũng có cả một khoảng thời gian vô tận dành cho bạn. Bạn không cần phải hấp tấp, không cần phải quá nghiêm trọng.

Những bộ mặt chảy dài nghiêm trọng không phải là những bộ mặt tôn giáo. Chúng cho ta thấy một điều là họ không hề hiểu biết gì cả -khi hiểu được chắc là họ sẽ có một nụ cười. Thiền là tôn giáo duy nhất có tiếng cười thế nên tôi nói rằng Thiền là tôn giáo có trình độ cao nhất từ trước đến nay. Nó không làm cho đời bạn trở nên xấu xí, nó không làm bạn trở thành kẻ tàn tật -nó làm cho đời bạn trở thành một vũ điệu, vui sống.

Một chú bé lần đầu tiên được mẹ dẫn đi xem cuộc triển lãm những hình nhân nổi tiếng thế giới bằng sáp của Madam Tussaud tại London. Cậu bé có vẻ rất xuống tinh thần khi xem qua toàn bộ khung cảnh. Bà mẹ khích lệ con:

"Con biết không, những người này toàn là những danh nhân sống trước đây rất lâu. Tất cả họ nay đã chết hết rồi."

Cậu bé lại càng u ám rầu rĩ hơn, lẩm bẩm: "Thì ra thiên đàng là thế!"

Điều nguy hiểm là vậy. Nếu bạn đi thăm viếng một thiên đàng Cơ Đốc giáo bạn sẽ gặp một khung cảnh tương tự như thế. Và thật quả là một ác mộng kinh hoàng khi sống chung với những vị thánh Cơ Đốc.

Có người hỏi một vị Thiền sư tại sao chúng ta không có nhiều vị thánh ở trên trái đất này. Ông ta cười và trả lời: "Thiên đàng là nơi tốt nhất cho họ bởi vì chúng ta rất khó mà sống chung với họ. Điều may mắn cho chúng ta là họ không ở trên trái đất này. Hãy để họ sống ở trên thiên đàng."

Tốt nên là như thế. Hãy tưởng tượng bạn đang sống với một vị thánh. Có lẽ bạn phải tự tử mất.

Thiền mang nụ cười và làn gió mới vào tôn giáo. Ngay cả chế nhạo tôn giáo. Đây là một phương cách tiếp cận hoàn toàn khác biệt -lành mạnh hơn, tự nhiên hơn.

Đấy là những điều cơ bản. Có thể là tôi đã đi quá nhanh.

Hãy lắng nghe câu chuyện sau đây.

'Pop' Gabardine, huấn luyện viên của đội bóng đá Midwestern, chứng kiến cảnh những cầu thủ của mình bị đè bẹp liên tiếp trong tám buổi chiều thứ Bảy thi đấu, lần cuối cùng với một tỉ số thê thảm : 52/0.

Khi đội bóng tụ họp lại vào sáng Thứ Hai hôm sau, Pop tuyên bố một cách cay đắng: "Trận thi đấu cuối cùng của mùa này đã qua rồi, chúng ta có thể đã quên tất cả những mánh khoé thi đấu mà tôi đã cố gắng dạy cho những kẻ đần độn như các bạn. Bây giờ chúng ta trở lại những bài học căn bản. Hãy bắt đầu. Bài học thứ nhất: Cái vật mà tôi đang cầm trên tay này được gọi là trái bóng. Bài học thứ hai...

Đến đây nhà huấn luyện viên Gabrine bị ngắt lời bởi một anh hậu vệ mặt đầy lo lắng đứng ở hàng đầu, thỉnh cầu, 'Này, Pop, đừng có đi quá nhanh.'

Có lẽ tôi đã đi quá nhanh nhưng hy vọng các bạn ở đây không ai đần độn cả. Tôi tin vào sự thông minh của các bạn.

CHÚ THÍCH:

Roberto Assagioli (1888-1974): Triết gia và đồng thời là chuyên gia về bệnh tâm thần người Ý, sinh tại Venice. Ông là người sáng lập thuyết Phân tâm học Tổng hợp.

Sigmund Freud (1856-1939): Sinh quán tại Freiberg, Áo –nay là Cộng hoà Tiệp. Nguyên là một chuyên gia thần kinh trị liệu sau này ông khai sáng khoa Phân tâm học, cho rằng vô thức là động lực chính tác động lên mọi thái độ ứng xử của con người. Ông đi sâu vào lãnh vực nghiên cứu, phân tích những giấc mơ và xem đó là nền tảng của khoa phân tâm học. Năm 1938, khi Đức Quốc Xã lên nắm quyền, ông và gia đình đào thoát qua Anh rồi mất vào năm sau, 1939.

Buckminster Fuller (7-12-1895 – Jul1, 1983): Richard Buckminster "Bucky" Fuller sinh quán tại Milton, bang Massachusetts, HK. Ông được coi như là một "guru" trong lãnh vực kỹ sư kiến trúc, thiết kế, và đồng thời cũng là một nhà phát minh, một nhà văn Hoa Kỳ. Ông nổi tiếng với việc thiết kế cấu trúc hình vòm trắc địa (geodesics domes) hiện được dùng thiết kế các khung trạm ra-đa, các mái vòm của trung tâm thể thao,… Tháng 7 năm 2004, Bưu Điện HK đã cho phát hành tem mang hình ông, kỷ niệm lần thứ 109 ngày sinh của bậc thiên tài này.

CHƯƠNG 2

MÊ TỨC NGỘ

Câu hỏi thứ nhất :

Có một truyền thuyết cổ xưa đã gắn liền trí tuệ với ngu dốt? Phải chăng kẻ trí là người có một tâm hồn chơn chất, giản đơn? Tuổi tác mang đến trí tuệ hay là mệt mỏi? Sự khác biệt giữ người trí và kẻ ngu là gì?

Người xưa đã nói rất đúng. Có một sự tổng hợp vượt ra ngoài ngu đần, vượt lên trên trí tuệ -một sự tổng hợp mà trong đó ngu đần và trí tuệ chan hòa làm một.

Ngu đần và trí tuệ là nhị nguyên, giống như tất cả những nhị nguyên khác: đàn ông và đàn bà, đêm và ngày, mùa hè và mùa đông, sự sống và cái chết. Tất cả nhị nguyên đều phải được vượt qua, siêu thể hóa; nếu không, bạn sẽ không bao giờ thấy được cái nhất thể, cái thực tướng, cái phổ quát.

Trong ý nghĩa đó, người trí đồng thời cũng là kẻ ngu -bởi vì trong cái siêu thể này bao gồm cả hai. Tuy nhiên đây không phải là kẻ ngu đần như ý nghĩ của thế gian thường tình -đồng thời cũng không phải thông minh theo cách hiểu thế gian. Cái trí tuệ của y là một thực tại riêng biệt, cái ngu đần cũng thế. Y là người trí bởi vì y có hiểu biết, y là kẻ ngu bởi vì y biết rằng không cách gì có thể hiểu được những huyền nhiệm của đời sống. Y là người khôn bởi vì cuộc hành trình của y đã kết thúc, là kẻ ngu bởi vì lần đầu tiên y biết được một điều rằng không có gì để biết và ngay cả có thể cũng không có cả kiến thức, rằng vô minh là rốt ráo. Y nhận thức được một điều rằng tận cùng là sự ngu dốt. Không có cách gì có thể giải mả được những bí ẩn của hiện hữu.

Ta gọi một người có thể đưa ra lời giải đáp là trí, nhưng kẻ trí thực sự là người không có câu giải đáp nào. Những câu hỏi của y đã biến mất và những lời giải đáp cũng thế -y hoàn toàn trống rỗng. Trong phạm trù kiến thức, y là người không hề biết gì hết.

Ta gọi một người là đần vì y thiếu kiến thức; và ta gọi một người đầy kiến thức là trí vì y học rộng, biết nhiều. Thế nhưng một kẻ trí thực sự sẽ hiểu được một điều rằng, không có cách gì y có thể hiểu được thực tại. Thực tại ở ngay trước mắt, bạn có thể sống với, bạn có thể là nó, nhưng không có cách gì bạn có thể hiểu được nó. Ngay kiến thức đã bao hàm sự phân chia – phân chia giữa người biết và đối tượng được biết; kiến thức bao hàm sự cách biệt; kiến thức đặt cơ sở trên nhị nguyên tính.

Một kẻ trí thực sự sẽ đạt đến cái điểm mà ở đó y không còn bị phân cách nữa; nơi mà y không còn là một hoang đảo, nơi mà y đã chan hòa với nhất thể. Y có chung cùng một nhịp đập với nhất thể, rung động cùng với nhất thể, y không còn là y nữa. Chỉ còn lại Thượng Đế. Đây là ý nghĩa của nhà minh triết Upanishadic khi tuyên bố *'Aham Brahmasmi' –Ta là Thượng Đế.* Đây cũng là ý nghĩa câu nói của Christ*: "Ta với Cha ta là một."*

Khi bạn nhìn hiện hữu như một đối thể, bạn ở trong tình trạng bị phân chia, thế nhưng khi bạn thể nhập với hiện hữu, trở thành kẻ tham dự, thấy rằng đối thể và chủ thể chỉ là một –lúc đó sẽ không còn cái gọi là kiến thức và cái gọi là ngu dốt. Khi đã không có kiến thức, làm sao lại có thể có ngu dốt? Kiến thức và ngu dốt chỉ là hai mặt của một đồng tiền và kẻ trí đều liệng bỏ cả hai.

Có một truyền thuyết cổ xưa đã gắn liền trí tuệ với ngu dốt. Đúng vậy. Có một truyền thuyết nói rằng Chúa Giê Su là một kẻ đần –và quả thực như thế. Lại có một truyền thuyết cho rằng Thánh Francis là mộ kẻ đần –và cũng đúng như thế. Ở Ấn Độ, danh xưng Phật -Buddha- được chuyển qua một dạng kỳ cục hơn, nó trở thành Buddhu –có nghĩa là "đần độn". Cái tên mang một ý nghĩa rất trí tuệ, rất giác ngộ -Phật-, được chuyển thành một cực hoàn toàn đối nghịch, "đần, hoàn toàn ngu đần" –buddhu.

Vâng, những thái cực đã gặp nhau. Đó là những gì mà tôi đã nói với các bạn ngày hôm qua -về cái điều mà những nhà khoa học gọi là lưỡng tính. Trong một con người đều hàm chứa cả hai yếu tố âm lẫn dương, thế nhưng bạn chỉ công nhận một phần của cái hiện sinh này. Bạn cho rằng bạn là nam nhi, nhưng đồng thời lại cũng có một con người nữ ở trong bạn, chờ đợi được nhìn nhận, đón nhận, chấp nhận. Thế nhưng bạn vẫn luôn từ chối chuyện này. Bạn nói rằng, "Tôi là một người đàn ông". Thế là bạn vẫn luôn ở trong tình trạng bất quân bình. Nếu bạn là một người nữ, đồng thời cũng vẫn có một con người nam ở trong bạn, nhưng bạn luôn luôn phủ nhận nó. Thế nên bạn sẽ không bao giờ là một nhất thể, bạn luôn luôn bị phân cách.

Sẽ có một tụ điểm của tuệ giác, của nhận thức, của tri kiến nơi mà phần nam và phần nữ ở trong bạn gặp gỡ, trộn lẫn và tan biến vào nhau. Đó là điều mà William Blake gọi là "cuộc hôn phối nột tại" –khi bạn trở thành cả hai, lưỡng tính, nam lẫn nữ. Ở Ấn Độ chúng ta có một biểu tượng rất hoàn hảo về ý niệm này –*ardhanarishwar*. Có những bức tượng thần Siva mang nửa thân mình là nam và nửa thân kia là nữ. Ngài vừa là người yêu đồng thời là kẻ được yêu, vừa âm lẫn dương, người ái nam ái nữ.

Sự gặp gỡ của những đối lực kiểu này tiếp tục xảy ra khắp nơi, ở mọi chiều kích. Trí tuệ và ngu si là hai thái cực của bạn. Nếu bạn là người thông minh và từ khước cái phần ngu si của bạn, bạn chưa hoàn toàn là một người trí,

bởi vì một phần của con người bạn vẫn chưa được thẩm thấu. Một phần của con người bạn vẫn còn lẩn quẩn ở đâu đó chung quanh bạn, chưa được thực sự thể nhập làm một với bạn. Nếu bạn là một người ngu và luôn cho rằng mình là kẻ ngu đần và như vậy con người thông minh ở trong bạn đã bị khước từ, bị ức chế. Người trí vừa là cả hai, vừa là không hai. Y vượt qua nhị nguyên cho nên bạn có thể nói rằng y là không hai và bởi vì nhị nguyên tính đã tan biến, y trở thành một tổng hợp mới, nên bạn cũng có thể gọi y là cả hai.

Phải chăng kẻ trí là người có một tâm hồn chơn chất, giản đơn? Không phải như thế. Kẻ trí vô tâm –không có tâm đơn giản cũng không có tâm phức tạp. Bạn lại rơi vào nhị nguyên rồi khi phân biệt ra tâm giản đơn và tâm phức tạp. Kẻ trí là người hoàn toàn vô tâm. Kẻ trí đã vượt ra khỏi sự giam hảm của tâm, y biết là không có tâm gì cả. Có tâm là có sự phân biệt. Tâm là vật chướng ngại giữa bạn và hữu thể. Tâm hiện hữu như một bức Vạn Lý Trường Thành -Đó chính là cái vỏ bọc thép của bạn.

Người trí không có vỏ bọc thép. Y không cần được bảo vệ, y dễ dàng bị công kích, y hoàn toàn rộng mở. Y đâu cần tự vệ để chống lại tự nhiên –y luôn sẵn sàng, sống trọn vẹn như thế. Y không cần phải thúc đẩy giòng nước mà trôi theo cùng một nhịp với giòng sông. Y không cần phải khoác vào bất cứ cái tâm nào bởi vì mang cái tâm vạn hữu đã là quá đủ. Y đâu cần phải có một cái tâm riêng bởi lẽ y không hề có một mục đích riêng tư. Y không đi, không đến, không có bất cứ một khát vọng nào –đó là ý nghĩa của điều tôi nói rằng y không hề có mục đích riêng. Như thế tại sao lại cần phải có một cái tư tâm? Cái phổ tâm là đủ.

Ta có thể gọi đó là vô tâm hay là một chữ Tâm viết hoa. Thiền gia sử dụng cả hai. Họ gọi là "vô tâm" nếu họ muốn khước từ cái tâm thế tục; và họ gọi đó là phổ tâm, cái Tâm viết hoa, khi họ muốn cho thấy cái mặt tích cực của nó.

Như vậy phải gọi chính xác nó là cái gì đây? Khi ta gọi vô tâm, ta muốn nói rằng đó không phải là cái mà bạn thực có; khi ta gọi đó là phổ tâm, quảng tâm –cái Tâm viết hoa- chúng ta đang cho thấy thực sự nó là cái gì. Gọi là "vô tâm", nói lên khía cạnh tiêu cực, đó không phải là cái tâm như bạn đã biết. Gọi đó là cái Tâm viết hoa –cái Tâm lớn, quảng Tâm, cho thấy được bản tánh thực sự của nó. Kẻ trí là người vô tâm hoặc kẻ trí là người quảng Tâm.

Vâng, y hồn nhiên như một đứa trẻ nhưng không phải là một anh cả quỷnh. Y hồn nhiên như một đứa trẻ nhưng nên nhớ rằng y không phải là một đứa trẻ con. Có một sự khác biệt rất lớn lao giữa trẻ con và hồn nhiên như trẻ thơ. Khi Chúa Giê Su nói rằng: "Chỉ có những ai giống như trẻ thơ mới có thể bước vào nhà Cha ta", ông ta nói đến sự hồn nhiên, ngây thơ trong trắng của tuổi thơ –ông không hề nói đến sự trẻ con hay chín chắn. Người trí không hề trẻ con dù y rất giống một đứa trẻ. Y không phức tạp theo cái nghĩa của một triết gia, nhà luận lý, nhà thần học. Y không phức tạp theo cái nghĩa như một con người với đầy học thuyết, chủ nghĩa và mang nó đi rao giảng khắp nơi –y không phức tạp theo cách hiểu như vậy. Tâm của y hoàn toàn vắng lặng yên nghỉ. Không mảy may vướng bận. Tâm của y rỗng rang. Không có gì để phải suy nghĩ.

Suy nghĩ là một sự thay thế. Khi bạn không biết, bạn buộc phải suy nghĩ. Nếu bạn biết rồi, đâu còn suy nghĩ để làm chi? Suy nghĩ là một trạng thái mù lòa. Nếu như bạn đang ngồi ở đây và bạn bị mù, bạn muốn đi ra ngoài, thế là bạn phải nghĩ đến cái cửa đang ở chỗ nào. Bạn phải hỏi người khác cái cửa nằm ở đâu. Bạn sợ sẽ bị trượt té, sợ sẽ bị đụng đầu vào tường, bạn

lo nghĩ mãi về cái cửa. Thế nhưng một người có đôi mắt sáng sẽ không cần phải hỏi ai cả. Y trông thấy cái cửa, y biết cái cửa đang ở đâu, thế nên y không phải suy nghĩ gì về chuyện này. Câu hỏi "Cái cửa ở đâu?" không cần thiết vì y đã trông thấy nó. Người trí có đôi mắt sáng, y thấy nên không cần phải suy nghĩ. Chỉ người mù mới phải suy nghĩ.

Tại Tây phương, cái ý niệm về một nhà tư tưởng hoàn toàn khác biệt với hình ảnh của một con người minh triết Đông phương. Chắc có lẽ bạn đã trông thấy bức tượng "Người Tư Duy" của Rodin (1), hay ít ra là trông qua bức hình chụp lại. Ta không thể gọi đó là hình ảnh của một người đang tư duy. "Người Tư Duy" của Rodin có vẻ như đang đau ốm, lo nghĩ. Nhìn vào bức tượng ta có cảm giác như có hàng triệu ý tưởng đang tuôn chảy qua tâm trí y -giống như lưu lượng giao thông trong giờ cao điểm. Bạn như có thể thấy được chúng trong bức tượng đá hoa này, trong dáng ngồi thiểu não, tay ôm đầu, và những nếp nhăn lo nghĩ trên vầng trán. Và rồi bạn có cảm tưởng rằng nếu y cứ tiếp tục theo cái kiểu này, chắc là y sẽ phát điên mất.

Ý niệm về một con người minh triết hoàn toàn khác hẳn –đó là lý do tại sao ta gọi y là nhà minh triết. Phật, như vậy là một con người minh triết, không phải là nhà tư tưởng; Mahavir, Chúa Giê Su cũng thế. Những thiền giả cũng là những con người minh triết. Tại sao ta gọi họ là những con người minh triết? Bởi vì họ thấy. Khi bạn nhìn thấy bạn không cần phải suy nghĩ. Tại sao phải suy nghĩ khi mình thấy rõ vấn đề? Khi đôi mắt làm việc, suy nghĩ bị loại trừ. Suy nghĩ chẳng khác gì chiếc gậy dò đường của người mù.

Có một câu chuyện ngụ ngôn. Một người mù tìm đến Chúa Chúa Giê Su. Chúa Giê Su sờ vào đôi mắt của y và y liền được sáng. Y đang mang theo một chiếc gậy lớn, chiếc gậy được mang theo suốt cả đời người. Lành bệnh

xong y tạ ơn Chúa Giê Su và lên đường trở về nhà –vô cùng hạnh phúc vì có được đôi mắt sáng, lần đầu tiên trong đời y được trông thấy màu sắc, mặt trời, những tia nắng, những đóa hoa, con người và những khuôn mặt thân quen. Thật vô cùng xúc động. Tuy nhiên y vẫn không quên mang theo chiếc gậy bên mình. Chúa Giê Su trông thấy bảo: "Này người kia, tại sao ngươi không quăng chiếc gậy của ngươi đi? Ngươi còn mang theo nó làm gì?" Người kia trả lời, "Quẳng chiếc gậy đi? Thưa Chúa, làm sao con quẳng nó đi được? Con đã quá quen với nó rồi."

Đó là một thói quen đã tập nhiễm lâu đời. Y không hề biết rằng nay y đã sáng mắt và không cần phải mang theo chiếc gậy dò đường nữa.

Điều này xảy ra khi bạn hoà nhịp với trạng thái vô tâm lần đầu tiên. Bạn vẫn còn tiếp tục suy nghĩ. Giống như thói quen của người mù già. Nhưng rồi ngày một ngày hai bạn trở nên tỉnh thức, rằng quả thật mình đang làm một chuyện vô nghĩa –ta lập lại công việc theo thói quen, ta vẫn đi trên lối mòn xưa cũ.

Suy nghĩ trở nên không còn thích đáng nữa –đó là ý nghĩa khi tôi nói rằng kẻ trí chơn chất nhưng không phải là một anh cả quỷnh. Tất cả đều sẵn đó cho y –y là một anh đần thế nào được? Ý thức của y bung mở, ý thức của y được thánh hóa, tâm linh phong phú như Thượng Đế -thế nên đừng bao giờ nghĩ rằng y là một tên đần độn. Sự phong phú của y còn hơn của một tư tưởng gia, một triệu lần hơn, vô tận. Nhưng y vẫn chất phác hồn nhiên; sự trong sáng ngây thơ của y không hề bị nhiễm độc, suối nguồn ý thức của y không hề bị bao phủ bởi những đám mây mờ.

Bạn hỏi: *Tuổi tác mang đến trí tuệ hay là mệt mỏi?* Cái đến với tuổi tác là sự mệt mỏi. Trí tuệ không liên hệ gì đến tuổi tác. Một người trẻ có thể rất

thông minh và không thiếu gì những người già ngu đần –khi bạn cố gắng tìm ra một người, bạn có thể tìm ra hàng ngàn. Dứt khoát, tuổi già không liên hệ gì đến trí tuệ. Vâng, đúng như thế, một người già có thể có nhiều kinh nghiệm, nhưng điều đó không làm cho y trở thành thông minh hơn. Một người già có thể có nhiều kiến thức, nhưng điều đó không liên hệ gì đến trí tuệ. Y vẫn ở trong tình trạng ngu dốt như bao giờ.

Cả ngu đần lẫn trí tuệ không hề là vấn đề số lượng. Không hề có chuyện kẻ ngu biết ít và người trí biết nhiều, không bao giờ. Đây là một thay đổi hoàn toàn; đây là một thể dạng mới. Sự ngu dốt, kẻ được gọi là người ngu, và kẻ được gọi là người kiến thức đều hiện hữu trong cùng một chiều kích -sự khác biệt là lượng không phải là phẩm. Có thể là người ngu chỉ biết được một vài điều và người có kiến thức hiểu biết nhiều điều hơn, nhưng đó là sự khác biệt giữa ít và nhiều; sự khác biệt không hề là phẩm chất mà chỉ là số lượng; sự khác biệt chỉ là mức độ.

Người trí thì khác, y không cùng ở chung một tần số, y đã dời qua một tần số khác. Sự khác biệt giữa người trí và kẻ ngu thật là vô cùng lớn lao nên không còn là vấn đề số lượng. Thế nên sự khác biệt giữa kẻ trí và người ngu cũng hoàn toàn giống như sự khác biệt giữa kẻ trí và người giàu kiến thức. Y cách biệt sâu xa với người có kiến thức cũng tương tự như với người dốt. Sự cách biệt giữa y và người có học vấn cũng tương tự như với người vô học. Đây là một dạng thể cấu trúc hoàn toàn mới. Phẩm chất ý thức của y hoàn toàn thay đổi -vấn đề không phải là y hiểu biết nhiều hơn mà là có phẩm chất hơn. Một hiện sinh đầy chất lượng.

Có thể là bạn biết nhiều hơn Chúa Giê Su; trong thực tế, hoàn toàn đúng như vậy. Bạn biết nhiều hơn Chúa Giê Su, bạn biết nhiều hơn Đức Phật. Nếu Phật đến đây trong lúc này và ta bắt ngài phải thi lấy bằng Cữ nhân,

Cao học, ngài chắc là sẽ bị đánh rớt –nhưng bao nhiêu người thi đỗ những cấp bằng này sẽ không ai có trí tuệ hơn ngài. Ngài sẽ không biết một ngàn lẽ một thứ linh tinh. Nếu bạn hỏi ngài "vật lý lượng tử" là gì, ngài sẽ không biết. Nếu bạn hỏi ngài lý thuyết tương đối của Albert Einstein là gì, ngài sẽ không biết. Nhưng những điều này không có nghĩa là ngài không trí tuệ.

Sự khác biệt giữa bạn và Đức Phật là vấn đề phẩm chất. Sự hiện hữu của ngài là khác biệt, sự tỉnh thức của ngài là khác biệt, lòng từ bi của ngài là khác biệt. Vấn đề không phải là ngài biết nhiều. Ngay cả dưới thời ngài cũng có rất nhiều người biết nhiều hơn ngài. Không thiếu những học giả uyên bác, không thiếu những nhà bác học tài danh thường luận bàn, tranh cãi với ngài. Thế nhưng đó là những ngày thật tuyệt vời. Con người không quá kiêu mạn. Vì họ có thể thấy được. Ngay cả những học giả -thường là chuyện rất hiếm có-ngay cả những học giả cũng có thể thấy được rằng ngài là một người hoàn toàn khác biệt, ngài hiện hữu ở một tần số khác biệt. Họ bái phục ngài. Đấy không phải là do họ biết ít hơn ngài, họ có thể biết nhiều hơn, nhưng phẩm chất của ngài là trội vượt. Đây không phải là chuyện tích lũy tri kiến, mà là một cái gì đó thăng hoa trong ngài. Đây là một hiện hữu chan hòa ánh sáng, không còn tồn tại một chút u tối nào. Đó là ý nghĩa của giác ngộ -ngài, con người đã vươn đến ánh sáng.

Ánh sáng này là trí tuệ. Làm sao ánh sáng này lại có thể có được do tuổi tác? Cái ánh sáng này thỉnh thoảng cũng xuất hiện ở những người trẻ tuổi –Lão Tử, được mô tả là đã đạt được giác ngộ ngay khi mới sinh ra. Theo truyền thuyết ông sinh ra thì đã khá già, khoảng chừng tám mươi hai tuổi, già đến độ râu tóc đều bạc trắng như tuyết. Cái truyền thuyết hay ho này dĩ nhiên chỉ là một ẩn dụ -nó không hề có thực, căn cứ trên một sử liệu có thực. Nó muốn nói một điều là ông thông tuệ như một người ở vào cái lớp tuổi tám mươi hai.

Ở Ấn Độ, Shankara (2) mất vào lúc mới ba mươi ba tuổi -gần với giới hạn của lớp tuổi 'híp-pi'. Tuy không sống lâu nhưng ngài là một trong những bậc giác ngộ vào bậc nhất của thế giới này. Ngay cả những bậc thông thái cao niên cũng đã tìm đến quỳ dưới chân ngài và đổi đạo theo ngài.

Lúc Chúa Giê Su bị đóng đinh, ngài cũng chỉ mới ba mươi ba tuổi. Dĩ nhiên là ngài không phải là người có nhiều kinh nghiệm hay kiến thức uyên bác. Nhiều thầy tư tế Do Thái giáo lúc đó còn có kiến thức nhiều hơn, có thể trích giảng kinh sách một cách chính xác hơn. Chúa Giê Su gần như là một người không có học thức, chỉ là con trai của một ông thợ mộc, ta không thể đòi hỏi gì hơn. Thế nhưng sự khác biệt là ở chỗ nào? Sự khác biệt không phải là ở kiến thức, sự khác biệt ở ngay chính trong sinh thể. Ngài chan hoà ánh sáng, chan hòa hạnh phúc, chan hòa an lạc. Ở Ngài tỏa mùi hương giác ngộ -không còn nơi để đến, mục tiêu để đạt, tất cả mọi dục vọng đã tan biến.

Khi cái sẽ là tan biến bạn là một hiện thể -người trí đạt đến cái hiện thể. Kẻ bất trí mãi chạy theo cái sẽ là -trở thành cái này, trở thành cái nọ, trở thành giàu có, trở thành quyền uy, luôn luôn muốn mình sẽ là cái này, cái kia. Người trí hạnh phúc với những gì y đang có, với thời gian, nơi chốn mà y đang hiện hữu. Y không khao khát bất cứ điều gì –ngay cả Thượng Đế, ngay cả giác ngộ. Không còn mong cầu điều gì. Dục vọng đã tan biến, dục vọng đã từ bỏ y. Cái tâm thức vô cầu đó chúng ta gọi là trí tuệ.

Thì như vậy, trí tuệ chẳng dính dấp gì đến tuổi tác. Tuổi tác chỉ mang đến sự mệt mỏi. Nhưng rất nhiều người lớn tuổi cứ cho là mình già dặn, đầy kiến thức. Họ bắt đầu lên lớp với giới trẻ. Họ bắt đầu nói về những điều mà ngay chính họ chưa bao giờ hoàn tất; thực ra họ chỉ là những người già nua, mệt mỏi, và trong sâu thẳm, ẩn chứa cả sự ghen tức. Nếu bạn trông thấy một cậu bé đang trèo cây, bạn cảm thấy ghen tức phải không? Và ngay lập tức, sự ghen tức này được che đậy bằng những lời khuyên làm

như rất sáng suốt -bạn bảo thằng bé, "Đùng có leo trèo nghe. Coi chừng té đó. Tin tao đi. Tao già đầu rồi mà." Nhìn sâu vào lòng, bạn sẽ thấy là bạn đang ghen tức với một thời tuổi trẻ đã qua đi, rằng bạn không còn khả năng leo trèo lên cây chơi đùa như cậu bé kia nữa.

Khi một người già trông thấy một cặp tình nhân trẻ trung tay trong tay ngập tràn tình yêu, ông ta không khỏi cảm thấy ghen tức. Bây giờ ông đâu còn được như thế nữa cho dù trong lòng có ao ước đến bao nhiêu. Nhưng lòng ghen tức đó lại được ngụy trang dưới một hình thức cao đẹp hơn. Nó sẽ nói rằng, ôi cái chuyện đần độn đó mà, nó chỉ thoáng qua trong phút chốc thôi. "Này, nghe tôi đi," ông già nói, "chuyện này sớm muộn gì cũng tan biến thôi. Đừng có ngu mà dính vào." Đừng nghĩ rằng ông già này đã trở thành người sáng suốt, bởi vì nếu là người trí thực sự lẽ ra ông ta phải hiểu và thông cảm được với giới trẻ chứ không phải chống lại chúng.

Trí tuệ thực sự không hề phản kháng lại đời sống; câu trả lời của nó với thực tại đời sống luôn luôn là "có", chứ không hề là "không". Bất cứ lúc nào bạn tìm thấy tiếng "không", hãy nhớ kỹ rằng, rõ ràng có một cái gì khác đang giả bộ là trí tuệ.

Cuối cùng, bạn hỏi: *Sự khác biệt giữ người trí và kẻ ngu là gì?* Người trí biết rằng y là kẻ ngu và kẻ ngu thì không bao giờ biết chuyện đó.

Câu hỏi thứ hai:

Bạn ứng xử với cái chết như thế nào?

Tôi chết trong từng giây phút, nhưng tôi không tích lũy cái chết, thế nên nó chẳng có vấn đề đối với tôi. Nếu bạn thực sự sống thì cái chết không hề là

một vấn nạn. Bạn không cần phải đối phó với nó vì nó thực sự không hiện hữu.

Chết là một vấn nạn hoàn toàn do bạn tạo ra. Hãy cố gắng để hiểu rõ điều này. Bởi vì bạn không để cho quá khứ chết đi, nó cứ được tiếp tục tích lũy mãi, nó trở thành một gánh nặng cho bạn, một gánh nặng chí tử. Bây giờ nếu bạn để cho quá khứ chết đi trong từng giây phút trôi qua, để cho nó kết thúc, thì trong từng giây phút bạn lại được tái sanh, cái quá khứ chết không hề được tích lũy. Khi bạn không còn tích lũy cái chết thì đâu còn vấn nạn để phải giải quyết, đâu còn vấn nạn để đối phó? Trong từng khoảnh khắc bạn trở nên tươi trẻ –và bạn biết rằng sự tươi trẻ này là vĩnh cữu, là vô tận. Ngay cả lúc mà cái được gọi là cái chết xuất hiện, bạn cũng sẽ không hề chết. Trong khoảnh khắc đó, đời sống đã trở thành quá khứ, thế nên bạn không cần phải bám víu vào nó. Bạn cần phải học một điều ở trong đời sống –không nên bám víu. Bạn không bám víu vào nó thì vấn nạn sẽ không phát khởi. Nếu bạn bám víu vào đời sống bạn sẽ sợ hãi cái chết. Chính cái sự bám víu vào đời sống tạo ra vấn nạn.

Tại sao bạn bám víu vào đời sống? Bạn bám víu vào đời sống bởi vì bạn không biết sống như thế nào, bạn không hề được ai bảo cho phải sống như thế nào. Bạn thực sự hoàn toàn bị thương tật, bạn đã bị điều kiện hoá đến độ bạn chưa bao giờ được sống. Bạn chưa sống thực sự mà chỉ sống trong nỗi sợ hãi. Bạn chưa bao giờ đi sâu vào bất cứ một chuyện gì trọn vẹn. Bạn chưa hề yêu trọn vẹn, bạn chưa hề khóc trọn vẹn, bạn chưa hề cười trọn vẹn -hầu như bạn đã quên mất cái tiếng trọn vẹn. Bạn không còn biết cái tiếng trọn vẹn nghĩa là gì nữa -bạn hoàn toàn cục bộ. Ngay cả khi yêu, bạn cũng không hề yêu cho đến tận cùng, bạn không để cho nó xảy đến. Bạn luôn cưỡng chống lại.

Trước tiên bạn tiếp tục đi tích lũy cái quá khứ chết -tức là tích lũy cái chết chung quanh bạn. Cái quá khứ đóng băng đó ngày càng trở nên nặng nề vì nó tăng trưởng mỗi ngày, và bởi vì đời sống của bạn quá đổi mỏng manh, tinh tế, bạn chất cái quá khứ chết này lên trên, đời sống của bạn sẽ bị nghiền nát thôi. Chính cái quá khứ chết này không bao giờ để yên cho bạn có thể sống một giây phút nào trọn vẹn, nó luôn luôn kéo lùi bạn trở lại. Bạn muốn tiến về phía trước, nhưng nó lại kéo ngược bạn trở lui. Ngay cả khi bạn bước đi, bạn cũng không hề đi một cách trọn vẹn. Có nghĩa là không có một cái gì hoàn tất cả, bạn không hề hoàn tất bất cứ điều gì cả. Bạn không hề yêu, bạn không hề cười. Vâng, bạn có thể đã cười bao nhiêu lần trong đời nhưng những nụ cười đó không bao giờ trọn vẹn, nó chỉ là một nụ cuời dở dang, một mảnh vụn.

Bạn vẫn chưa khám phá ra đời sống là gì –chưa hát khúc nhạc đời, chưa nhảy khúc luân vũ của sự sống. Thế nhưng khi bạn sống trọn vẹn trong từng phút giây, bạn sẽ không còn sợ hãi cái chết, tuyệt đối không có gì để phải sợ hãi. Bạn đã sống cuộc đời của bạn, thưởng thức những ân sủng mật ngọt của nó, với vô vàn biết ơn. Cái chết lúc đó sẽ xuất hiện như một sự nghỉ ngơi dài, không là gì khác. Cái chết sẽ không có khả năng tước đoạt được của bạn bất cứ cái gì bởi vì bất cứ cái gì có thể bị tước đoạt, bạn đã quẳng nó đi từ lâu rồi, trước khi cái chết đến với bạn. Bạn đã không hề tích lũy nó, thế nên cái chết sẽ không hủy diệt được bất cứ cái gì vì bạn đã biết sống trọn vẹn trong từng khoảnh khắc. Và khi cái chết đến, bạn cũng sẽ biết chết một cách trọn vẹn.

Khi Socrates (3) đang hấp hối sau khi bị kết án phải uống thuốc độc, những môn đệ của ông không ngừng than khóc. Ông mở mắt ra và bảo họ, “Qúy

vị đang làm gì vậy? Tại sao quý vị lại than khóc? Quý vị đang làm gì trong cái giây phút tuyệt diệu như thế này? Tại sao qúy vị lại để lỡ mất đi một cơ hội? Hãy dự phần với ta. Cái chết đang xuất hiện. Đừng để lỡ mất cơ hội này. Hãy cố gắng để nhìn thẳng vào cái chết. Đó là điều ta đang làm đây."

Rồi ông tiếp tục nói với môn đệ, "Bây giờ thì chân của ta tê rồi. Nhưng điều bí ẩn là –chân ta tê rồi, ta không còn cảm giác về nó nữa, nhưng những cảm giác về ta vẫn y nguyên, vẫn không hề giảm sút." Rồi ông tiếp, "Bây giờ đến lượt đôi tay cũng tê rồi. Chúng đã biến mất. Ta không còn cảm giác về chúng nữa." Ông bảo một môn đệ thử châm vào tay mình. Người ta châm vào tay và ông không thấy có cảm giác gì cả. Ông cười và bảo họ, "Thật lạ lùng, thân xác của ta bây giờ coi như đã chết thế nhưng ta vẫn sống như bao giờ. Cảm giác của ta về ý thức vẫn toàn vẹn như bao giờ".

Rồi ông bắt đầu có cảm giác rằng trái tim của mình ngưng hoạt động nhưng cho đến phút cuối ông vẫn còn tiếp tục bảo môn đệ: "Hãy nhớ kỹ. Đây là lời nói cuối cùng của ta. Ta sẽ không thể nói thêm điều gì được nữa bởi vì lưỡi ta đang dần tê cóng." Và tiếp theo là lời nói cuối cùng: "Ta vẫn sống toàn vẹn như bao giờ; ý thức của ta không mất đi một chút nào cả. Cái thân xác này không thể hủy diệt được ta. Cái thân xác này đang ra đi, ta đang trên bờ tan biến, nhưng cảm giác nội tại, cái ý thức chủ quan vẫn không hề bị đụng tới. Thực ra, nó còn sáng tỏ hơn xưa."

Cái chết mang đến cho ta một bối cảnh; nó trở thành một cái bảng đen và đời sống như là một cái gì đó được viết bằng phấn trắng lên trên tấm bảng đen này. Khi sống có thể là bạn không cảm nhận đời sống một cách sâu sắc, một cách bén nhạy, một cách tế nhị, nhưng trái lại bạn có thể cảm nhận chúng khi chết. Chẳng khác gì nhìn những ngôi sao trong đêm, bầu trời

càng tối đen, những ngôi sao càng lấp lánh. Chúng vẫn ở đó suốt ngày, chúng không đi đâu cả, không thể đi đâu được. Chúng đi đâu bây giờ? Chúng vẫn ở đó, nhưng vì ánh sáng của mặt trời, ta không thể thấy chúng. Ánh sáng của chúng bị xóa nhòa đi trong ánh sáng của mặt trời. Nhưng trong đêm tối, chúng lại xuất hiện -lấp lánh, tuyệt vời. Điều này cũng xảy ra giống y hệt như thế với cái chết. Đời sống trở thành một ngôi sao chiếu sáng lấp lánh.

Bạn hỏi tôi: *Ngài đối phó với cái chết như thế nào*? Thực sự ra, tôi không hề biết cái chết là gì bởi vì tôi đang chết, trong mỗi khoảnh khắc cái tôi quá khứ đang chết. Tôi không hề sống trong quá khứ. Và bởi vì tôi không sống trong quá khứ, tôi cũng không hề sống trong tương lai –tương lai luôn luôn chỉ là sự phóng chiếu của quá khứ. Cái quá khứ chết tạo ra một tương lai sai lạc, chỉ có giây phút hiện tại này đây là đúng đắn.

Tôi đang hiện hữu tại đây, trong khoảnh khắc này. Đâu có vấn nạn gì về cái chết? Làm sao bạn có thể chết ở trong khoảnh khắc hiện tại? Cái chết luôn luôn là một vấn nạn được phóng chiếu: Một ngày nào đó bạn sẽ chết. Đây chỉ là sự suy luận -một ngày nào đó. Ai đó đã chết, bạn trông thấy họ đang hấp hối và rồi bạn trở nên sợ hãi rằng bạn sẽ chết. Thế nhưng bạn có thực sự trông thấy y chết như thế nào chưa? Bạn mới chỉ thấy những biểu hiện bên ngoài, bạn chưa hề thấy cái gì xảy ra ở bên trong.

Chưa hề có ai chết. Chết là điều dối trá lớn nhất; nó không hề hiện hữu. Chỉ có đời sống là hiện hữu. Đời sống là vĩnh cửu. Nếu bạn liệng bỏ quá khứ, tương lai cũng tan biến theo. Trong khoảnh khắc của hiện tại, cái chết không hề có mặt, trong hiện tại, chỉ có đời sống.

Hãy nghe câu chuyện thú vị sau đây.

Một lớp học về môn tâm lý của trường đại học nọ đang nghiên cứu về những phản ứng của con người đối với kích thích tình dục đặc biệt là mức độ thường xuyên của chuyện liên hệ gối chăn.

“Có bao nhiêu sinh viên ở đây làm chuyện chăn gối hơn một lần trong tuần?” vị giáo sư hỏi.

Có năm cánh tay đưa lên.

“Bao nhiêu người một lần trong tuần?”

Mười cánh tay đưa lên.

“Bao nhiêu người hai lần trong tháng?” –Tám cánh tay đưa lên.

“Một lần trong tháng?” -Bốn cánh tay đưa lên.

“Có ai chỉ một lần trong năm?”

Một gả nhỏ con ở cuối lớp đưa tay vẩy loạn lên và cười một cách khoái chí.

Vị giáo sư ngạc nhiên: “Nếu một năm chỉ làm chuyện chăn gối một lần, tôi thấy đâu có gì để bạn phải vui quá mức như vậy?”

Tràn ngập hân hoan, gã học trò nhỏ con trả lời, “Thì tối nay tôi làm chuyện đó thầy ơi!”

Hãy để cho khoảnh khắc này đây là khoảnh khắc hiện tại. Đừng sống trong quá khứ bởi vì không ai có thể sống trong quá khứ. Nó đã trôi qua. Cũng đừng xây những lâu đài trong tương lai, nó sẽ không bao giờ hoàn

tất. Tương lai không hiện hữu. Hãy sống với chính khoảnh khắc hiện tại này.

Có lần Chúa Giê Su nói với môn đệ: "Hãy nhìn những đoá hoa uất kim hương trên cánh đồng kia. Thật là đẹp tuyệt vời. Ngay vua Solomon có đem tất cả gấm vóc quý giá của ông ta trải ra, cũng không đẹp được như thế." Thế thì cái bí mật của những đoá hoa uất kim hương trên cánh đồng là gì? Chính là do chúng sống trong khoảnh khắc hiện tại. Ngày hôm nay là ngày hôm nay. Đêm nay là đêm nay và khoảnh khắc này chính là khoảnh khắc này.

Một khi bạn bắt đầu sống với khoảnh khắc hiện tại có nghĩa là bạn giao tiếp với đời sống một cách liên tục và trọn vẹn. Và rồi đời sống sẽ không ngừng tiếp nối làm bạn tươi mát trở lại, trẻ trung trở lại.

Vâng, một ngày nào đó thân xác của bạn có thể tan biến đi, nhưng đó không phải là chết -một cách đơn giản, đó là một cái thân xác mệt mỏi bắt đầu được nghỉ ngơi. Vâng, cái tâm thức này cũng sẽ bị mất đi, bởi vì cái tâm thức này đã được sử dụng quá nhiều. Thế thì bạn còn muốn cái gì nữa? Sử dụng cái tâm này vĩnh viễn? Bạn chưa chán ngấy nó sao? Cái tâm này làm việc từ khi bạn chào đời cho đến ngày bạn ra đi -bảy mươi, tám mươi, chín mươi năm. Đây cũng là một cổ máy thôi. Hãy rủ một chút lòng từ bi cho cổ máy này –ngày qua ngày nó trở nên già cỗi, ngày qua ngày nó không còn làm việc hiệu quả, bạn cần một cổ máy mới thôi.

Thân xác này đã trở nên già nua, thân xác này đã trở nên mục rửa, nó cũng chỉ là một cổ máy. Một cổ máy rất tinh vi, phức tạp mà cho đến nay khoa học vẫn chưa sáng chế nổi. Một cổ máy hoàn toàn tự động. Bạn cho rằng máy móc tự động là chuyện mới mẻ? Không đâu bạn ơi, cái thân xác của

bạn là một bộ máy tự động từ hàng triệu năm rồi. Khi bạn ăn uống, thực phẩm được tiêu hoá một cách tự động. Bạn không phải làm công việc tiêu hóa. Khi bạn thở vào, máu nhận dưỡng khí và thải ra thán khí một cách tự động -bạn không cần phải làm những công việc này. Hãy nghĩ đến chuyện bạn phải cáng đáng những công chuyện như thế! Chỉ một ngày thôi cũng đủ làm bạn phát điên lên rồi, không cách chi sống nỗi. May mà tất cả đều tự động. Trong suốt bảy chục, tám chục, chín chục năm trời cổ máy tự động này vẫn chạy đều. Vâng, thì thỉnh thoảng bạn cũng bị ốm đau, thỉnh thoảng bạn cảm thấy không khoẻ, bị chuyện nọ chuyện kia –nhưng nó có thấm vào đâu. Với cái cổ máy phức tạp tinh vi như thế, tất cả những ốm đau so ra chẳng là cái gì cả. Chuyện bạn hiện hữu mới là phép lạ. Chuyện bạn sức khoẻ mới là phép lạ.

Nhưng rồi tất cả mọi cổ máy đều cũng phải có lúc già nua mệt mỏi. Ngay cả kim loại cũng thế. Các nhà khoa học bây giờ cho ta biết kim loại cũng bị già nua. Ngay khi tôi đang nói chuyện với bạn, không phải chỉ thân xác của tôi sẽ già đi mệt mỏi mà cái micro tôi đang cầm trên tay cũng sẽ già đi mệt mỏi. Tất cả mọi vật đều sẽ già nua và đều cần an nghỉ.

Cái chết là sự nghỉ ngơi, không là gì khác. Bạn hoà nhập trở lại với tứ đại. Thân xác này trở về với trái đất để nghỉ ngơi. Nhưng rồi nó sẽ được phục sinh trong một ngàn lẻ một thân xác khác, nó sẽ trở lại. Bạn có thể thấy được điều này ở khắp nơi. Khi mùa xuân về, cây cối đơm bông, nhưng rồi những cánh hoa biến mất trở lại trong lòng đất. Và rồi những chiếc lá rụng rơi trở thành phân bón. Một lần nữa chúng sẽ lại thể nhập vào dòng lưu chuyển của một cái cây khác, một lần nữa chúng sẽ trở thành bộ phận của một cái cây khác, một lần nữa chúng sẽ lại sống động dưới ánh sáng mặt trời, sẽ lại vui đùa với làn gió, với trăng sao, chúng sẽ lại cười cợt, sẽ ca lại

khúc nhạc đời bất tận và rồi chim chóc sẽ tụ hội trở về, và con người thích thú ngắm nhìn chúng.

Điều này lại được tái diễn. Đời sống là một vòng luân chuyển của hành động và nghỉ ngơi, hành động và nghỉ ngơi. Đời sống không phải chỉ là những gì mà bạn gọi là đời sống –cái chết cũng là một phần của đời sống, cái chết không phải là sự kết thúc. Cái chết là một phần của đời sống, thông qua cái chết đời sống hiện hữu, đúng như thế, qua cái chết đời sống được nghỉ ngơi lấy lại toàn bộ năng lượng và sức sống để trở lại. Giống như bạn đi ngủ mỗi đêm. Vâng, ngủ là một cái chết ngắn. Bạn chỉ chết trong vòng vài giờ và nếu bạn chết đúng mức, mỗi buổi sáng bạn sẽ rất tươi tắn, bạn sẽ trẻ trung trở lại, đôi mắt sẽ linh động, đôi chân như muốn nhảy múa, con người bạn sẽ tràn ngập niềm vui và mật ngọt hương đời. Còn nếu bạn không thể ngủ ngon, sáng ra bạn sẽ vô cùng mệt mỏi.

Thế nên phải học cách sống trọn vẹn và chết trọn vẹn. Khi bạn chết, hãy chết một cách trọn vẹn để khi tái sanh trở lại, những tinh tuý mật ngọt lại tuôn chảy trở lại trong bạn. Nhưng tại sao bạn lại phải bận lòng về chuyện này? Bận lòng về một chuyện không đáng –có bao giờ bạn phải mất công suy xét về nó? Có bao giờ bạn nghĩ đến bạn đã ở nơi đâu trước kiếp sống này, trước khi được sinh ra? Bạn đã không hề quan tâm đến mà. Thế thì tại sao bạn lại lo nghĩ đến cái chết? Bạn đã từng kinh qua cái chết biết bao nhiêu lần rồi và không còn quan tâm đến nữa. Bạn có thể là Alexandre Đại Đế, đâu biết được? Có đủ loại khùng điên đang có mặt ở đây. Bạn có thể là Thành Cát Tư Hãn, là Adolf Hitler …bao nhiêu người Đức đang có mặt tại đây. Làm sao biết được?

Biết bao nhiêu chuyện xảy ra trong thế giới này và bạn không hề bận tâm đến. Ngay cả nếu có người bảo cho bạn biết rằng bạn đã từng là Alexandre Đại Đế, bạn sẽ trả lời là bạn không cần biết. Đâu có gì quan trọng? Khi bạn **đang** là Alexandre Đại Đế, đó mới là chuyện quan trọng -thế mà bây giờ bạn lại suy nghĩ rất nhiều về cái chết.

Bạn sẽ chết và bạn sẽ không chết. Đây là một sự kết hợp. Cái thân xác này trở nên già cỗi, cái tâm này trở nên già cỗi, cái ngã này trở nên già cỗi… thế là cái thực tánh ở trong bạn, vị chủ nhân thực sự của ngôi nhà, cái tâm thức, làm một bước nhảy, đi tìm kiếm một thân xác mới, một cái bào thai khác, để được tiếp tục.

Rồi sẽ có một khoảnh khắc nào đó bạn cảm thấy chán ngán cái vòng lẩn quẩn của đời sống. Cái vòng đầu tiên, cái vòng kế tiếp, cái vòng khác, những vòng quay tiếp nối những vòng quay. Có một khoảnh khắc trong đời bạn bỗng nhiên tỉnh thức trước những gì đang xảy ra. Bạn cảm thấy chán ngán, không phải chỉ cho một kiếp sống mà cho cái vòng quay lẩn quẩn như thế, cái vòng quay bất tận hết đến rồi đi –cái mà Ấn Độ giáo gọi là *awagaman*, đến và đi.

Cái ngày mà bạn trở nên chán ngán cái cõi đi, về trong hiện tại này, bạn trở nên tín ngưỡng. Một nhân tố mới đã đi vào tâm thức bạn, một tia sáng mới. Thế là bạn bắt đầu suy nghĩ về niết bàn. Một cái chết thông thường là sự loại bỏ một kiếp sống để bạn tiếp tục sống trở lại; niết bàn là sự loại bỏ tất cả các kiếp sống để bạn không còn sống như một cá thể, bạn bắt đầu sống như là vũ trụ, như là Thượng Đế. Sẽ không còn nhu cầu phải trở lại xác thân, với tâm và cái ngã.

Câu hỏi thứ ba:

> *Một triết gia nói rằng: "Kiến thức là một đức hạnh cho nữa phần đời thứ hai nhưng là những gì chán ngấy cho nữa phần đời thứ nhất." Cái quy luật này có nên chỉ dành cho những người trên bốn mươi?*

Kiến thức luôn luôn là một điều chán ngấy. Không phải nó chỉ chán ngấy lúc bạn còn trẻ mà nó luôn luôn chán ngấy, kiến thức chỉ là rác rưởi phế thải. Kiến thức không phải là một cái gì có thực. Nói về nó như vậy là đúng rồi. Đương nhiên là nó phải chán ngấy thôi. Kiến thức không hề là một cái gì có thực. Nó giống như một người đang đói và bạn đến nói với họ về thực đơn, về thực phẩm, chuyện trên trời dưới đất -họ sẽ không hết đói.

Con người cần hiểu biết không cần kiến thức; con người cần thông cảm chứ không phải kiến thức; con người cần trí tuệ chứ không phải kiến thức. Kiến thức là những gì chán ngấy. Bất kể bạn ở tuổi tác nào.

Vấn đề thứ hai: Tôn giáo không liên hệ gì đến tuổi tác. Nó có thể đến với bạn lúc bạn còn trẻ hoặc có thể không, do một ngàn lẻ một lý do khác nhau. Thỉnh thoảng một người có thể rất tỉnh thức ngay lúc còn trẻ tuổi và nhận thức được sự hư vọng của thế giới này trong khi có những người già vẫn

không bao giờ thấy được sự thật. Con người không ai giống ai. Họ rất là khác biệt. Thế nên không hề có một quy luật nào đưa ra một kết luận nhanh chóng và cố định cả.

Tuy nhiên, một cách tổng quát ta có thể nói rằng con người bắt đầu có xu hướng tín ngưỡng kể từ lứa tuổi bốn mươi hai. Bạn cũng không nên xem đây là một quy luật cố định. Một hiện thể ở trình độ cao càng ít bị chi phối bởi những quy luật cố định, trong khi một hiện thể ở trình độ thấp sẽ bị chi phối nhiều hơn. Thí dụ, bạn nói rằng nước sôi ở một trăm độ. Đây là một quy luật cố định. Cho dù ở Tây Tạng, Ấn Độ hay Ba Tư thì nước cũng bốc hơi ở một trăm độ -bởi vì nước chưa phải là một cá thể có ý thức, nó chưa có tự do.

Cây cối có chút đỉnh tự do hơn thế nên chúng khó đoán biết hơn. Súc vật còn tự do hơn cây cỏ, chúng lại càng khó tiên đoán hơn. Con người là sinh vật có nhiều tự do hơn cả trong thế giới hiện hữu này nên rất khó đoán trước những gì xảy ra. Tuy nhiên một điều có tính cách phổ quát là, ở vào lứa tuổi bốn mươi hai, con người bắt đầu suy tư về về tôn giáo. Có một khuynh hướng tự nhiên như thế.

Theo du già và mật tông, đời sống con người có thể được phân chia thành từng khoảng bảy năm. Một đứa trẻ bắt đầu có những đổi thay đầu tiên khi lên bảy. Đây là giai đoạn ấu thơ chấm dứt. Một thay đổi lớn. Khi nó lên mười bốn tuổi, tình dục bắt đầu đi vào đời sống. Lại một đổi thay lớn lao khác. Bây giờ nó bắt đầu trổ mả, bắt đầu có những ước vọng khác biệt. Ở lứa tuổi hai mươi mốt, cuộc sống mở ra với những khao khát, ước mơ. Y bắt đầu thích chính trị, nổi loạn, chống đối, đấu tranh -sẵn sàng đánh nhau với bất cứ ai. Y trở nên một nhà cách mạng. Ở tuổi hai mươi tám y đi vào ổn định, thích tiện nghi, có trương mục ở ngân hàng, lương cao, nhà rộng, vợ đẹp, con khôn, rồi TV, xe hơi -đại khái như vậy. Y bắt đầu bị vây bủa.

Thế nên những người "híp-py" rất đúng khi nói rằng đừng nên tin vào những người trên ba mươi tuổi, bởi vì sau ba mươi mọi người đều trở nên bảo thủ. Đó là một khuynh hướng tự nhiên. Sau tuổi hai mươi tám gả thanh niên trở thành chủ hộ. Thế nên bạn không thấy một anh "híp-py" già nào cả. Ở cái tuổi này họ tan biến vào cái thế giới chung chung mà trước đây họ đã từng nổi loạn chống đối. Ở lứa tuổi hai mươi tám con người đi vào nề nếp, quy tắc, thích nghi với cuộc sống. Những nhiệt tình cách mạng đã nguội lạnh. Họ trở nên an phận, như con chim xây tổ ấm trên cành cây, họ bắt đầu nghĩ đến hôn nhân, con cái. Và cũng là điều rất tự nhiên, khi có gia đình và con cái, bạn không bao giờ còn là một nhà cách mạng được nữa.

Đến lớp tuổi ba mươi lăm, con người hầu như đã lập thành –cái lứa tuổi được gọi là tam thập nhi lập. Nếu y thành công trong đời, sự thành công được thiết định; nếu y thất bại, sự thất bại mang dấu ấn rõ nét. Bây giờ y biết rằng không còn có thể làm gì khác hơn được. Cái gì phải xảy ra đã xảy ra. Y trở nên tin vào số mệnh, bắt đầu tin vào những gì đã được an bài; y cho rằng bây giờ không còn có thể cãi đổi gì được nữa, những gì trong dòng chỉ tay định mệnh của y nay đã hiện bày. Y không còn nghị lực để chiến đấu nữa. Y buông thả.

Đến lớp tuổi bốn mươi hai y bắt đầu trở nên phần nào thao thức… Y nhìn lại đời mình, ta đang làm cái gì đây? Ta đang chạy đuổi theo tiền tài, quyền lực, danh vọng? Và cái chết đang đi đến. Cái chết gỏ vào cánh cửa đời lần đầu tiên khi ta bước vào lứa tuổi bốn mươi hai –đó là lứa tuổi mà bạn bắt đầu bị nhồi máu cơ tim, cao áp huyết, ung thư, đại loại như thế. Đây là tiếng gỏ đầu tiên. Hãy lưu ý đến cái tuổi bốn mươi hai, một cái tuổi nguy hiểm nhất.

Thế rồi bạn bắt đầu cảm thấy một thoáng dao động, một thoáng run rẩy ở bên trong, bạn không còn vững chãi như một thuở nào. Bạn mất tự tin. Bạn

đã từng sống, từng biết đến tiền bạc, vợ con, từng nếm qua hương vị tình dục lẫn tình yêu, đã chứng kiến bao nhiêu chuyện đời, đã du lịch vòng quanh thế giới -nhưng không có gì làm bạn cảm thấy thỏa mãn cả, giống như bạn bị mất mát một cái gì đó. Đây chính là khoảnh khắc mà tín ngưỡng tôn giáo đi vào đời bạn. Hãy nhớ cho, cái chết và tôn giáo đến cùng với nhau. Tiếng gỏ của cái chết đồng thời cũng là tiếng gỏ của tôn giáo.

Bây giờ thì tất cả đều tùy thuộc vào bạn. Nếu bạn là người chống đối tôn giáo mạnh mẽ bạn sẽ bỏ lỡ mất cơ hội để trở thành một hành giả (sannyasin) khi thần chết gỏ cửa. Nếu bạn là người chống đối tôn giáo mạnh mẽ, với một thái độ cứng ngắc đầy thiên kiến, sẽ không có gì còn lại cho bạn ngoài bệnh đau tim, cao áp huyết, lao phổi, ung thư. Chắc chắn là bạn không thể có Thượng Đế. Cái đó hoàn toàn tùy thuộc ở bạn.

Nếu bạn là con người cởi mở, thoáng, không mang sẵn một định kiến nào, đây là khoảnh khắc để bạn bắt đầu tìm đến Thượng Đế. Khi thấp thoáng bóng dáng của cái chết, bạn bắt đầu tìm kiếm một cái gì vĩnh cữu. Thần chết đang trên đường đến viếng thăm và bạn không còn thời gian nữa. Đây là lúc mà bạn phải quán chiếu đời sống mình, phải thanh thỏa với nó. Cái đời sống mà bây giờ bỗng dưng bạn cảm thấy trở nên nhạt nhẽo, vô nghĩa.

Điều này xảy đến trong những giai đoạn khác nhau của đời người. Có khi ở tuổi ba mươi lăm, có khi ở tuổi năm mươi, nhưng tôi lấy trung bình là tuổi bốn mươi hai. Nhưng cái đó cũng còn tùy, nếu bạn rất thông minh, điều này có thể xảy ra sớm hơn, nếu bạn quá ngu đần thì có thể đến tuổi

bốn mươi hai cũng chẳng thấy gì cả. Đây là vấn đề thông minh. Những kẻ đần độn thì cho đến cuối đời cũng vẫn là vô tín ngưỡng.

Những người thông minh bắt đầu hướng về tôn giáo rất sớm. Vâng, đây là vấn đề thông minh, không phải là vấn đề tuổi tác. Tuy nhiên tuổi tác cũng đóng một vai trò trong đó bởi vì đã bắt đầu có sự thay đổi về kích thích tố trong cơ thể con người. Đến cái tuổi bốn mươi hai, tình dục không còn là một ám ảnh lớn. Bạn đã hoàn tất với nó.

Vâng, bạn đã hoàn tất với nó, trừ phi bạn là một vị thánh hay nghĩ rằng mình là một loại người vĩ đại, cao thượng nào đó –cái này mới phiền. Bởi vì rồi thì bạn sẽ vẫn tiếp tục bị tình dục ám ảnh cho đến cuối đời. Nếu bạn có một đời sống tình dục thoải mái, tình dục sẽ sớm biến thành vô nghĩa. Nếu bạn càng có nhiều kinh nghiệm về tình dục, nó sẽ càng nhanh chóng mất hết ý nghĩa. Nó trở thành bình thường nhạt nhẽo. Hãy nhớ điều này: Bạn nên tránh xa những nhân vật cao thượng, vĩ đại, những nhà tu khổ hạnh, bởi vì họ không bao giờ cho phép bạn đụng đến dục tình.

Điều này có thể bạn cho là lạ lùng, nhưng hãy nghe tôi nói. Những người như các bạn đây chính là những người đang giữ cho tình dục còn hiện hữu trên trái đất này. Nếu những người như tôi tuân thủ theo lời dạy của họ, tình dục sẽ biến mất trên trái đất. Nó sẽ còn lại cái gì? -một thực thể sinh vật, không còn những lãng mạn tình yêu, không còn những điều vô nghĩa được bạn lập đi lập lại trong đời sống hàng ngày. Cái vô nghĩa đó vượt ra ngoài sự ức chế. Nếu tình dục bị ức chế thì rồi cho đến tuổi bốn mươi hai bạn vẫn không cảm thấy được sự vô nghĩa của nó. Mà trong thực tế, bạn càng ức chế nó chừng nào, bạn càng bị nó tấn công chừng nấy; nó sẽ trở lại tìm bạn để phục thù không ngưng nghỉ. Nó sẽ ám ảnh bạn trong giấc mơ, nó sẽ ám ảnh trong trí tưởng bạn.

Đó là lý do tại sao luôn luôn có một câu chuyện rất giống nhau trong các bộ kinh cổ: một vị giác ngộ đang ngồi dưới gốc cây và rồi những nàng *apsaras* đến từ thiên giới -những người đẹp da vàng óng ả xinh xắn tuyệt vời- trần truồng nhảy múa bao quanh. Tại sao như vậy? Thật là tội nghiệp cho lão ta. Y có làm điều gì sai quấy đâu. Y chỉ ngồi dưới gốc cây đọc kinh, lần tràng hạt thôi mà, y đã từ bỏ thế gian này -tại sao thiên giới lại chiếu cố đến y như vậy? Tại sao lại quấy phá y?

Thế nhưng điều này đã xảy ra trong mọi thời đại. Với Ấn Độ giáo, với Cơ Đốc giáo, với đạo Jains, với Phật giáo –có vẻ như đây là một hiện tượng khá phổ quát. Nhưng tại sao nó xảy ra? Người ta tiếp tục giải thích rằng đó là Ma vương tìm cách đến lung lạc họ. Không có ai lung lạc họ cả, đấy chính là tình dục bị dồn nén quay trở lại phục thù. Khi bạn ức chế tình dục, nó sẽ làm cho bạn phát khùng lên. Những vị được gọi là giác ngộ đang ngồi dưới những gốc cây trong các hang động của họ tại Hy Mã Lạp Sơn thật ra đang bị nhiễu loạn thần kinh. Họ cần được tâm lý trị liệu. Họ không cần cái gì khác, họ chỉ cần một nhà tâm lý trị liệu giỏi. Có thể họ cần một chút Freud, một chút Jung, một chút Adler. Họ cần đi sâu vào giấc mơ của mình, tìm cách phân tích chúng.

Nếu bạn không ức chế tình dục, tình dục sẽ tự mất dần ý nghĩa với thời gian. Cũng giống như nó bắt đầu trở nên vô cùng ý nghĩa trong lứa tuổi mười bốn, nó sẽ mất dần đi ý nghĩa trong lứa tuổi bốn mươi hai.

Hãy ghi nhớ hai điều: Khi cái chết đến gỏ cửa, khi cái chết bắt đầu đến viếng bạn, tình dục sẽ xách nón ra đi. Chúng có mối liên hệ cùng nhau. Tình dục là sinh sản. Cái chết và tình dục vì thế là hai kẻ thù, chúng không

thể nào sống chung cùng một mái nhà. Tuy nhiên có một điều rất cần thiết phải được hiểu –tình dục chỉ ra đi khi nào bạn sống trọn vẹn với nó, hiểu biết nó, thực chứng nó, không ức chế nó dưới bất cứ hình thức nào, sống trọn vẹn có ý nghĩa. Và như thế nó sẽ chết đi một cách tự nhiên. Còn nếu bạn ức chế nó, nó sẽ tiếp tục bám víu lấy bạn. Bất cứ khát vọng nào chưa thành tựu vẫn tiếp tục bám víu, bất cứ việc gì chưa hoàn tất vẫn luôn quanh quẩn chung quanh không rời bỏ bạn.

Đến tuổi bốn mươi chín lại một đổi thay lớn xảy ra. Con người không phải chỉ chú tâm đến một cái gì đó cao cả hơn tình dục, y bắt đầu dính líu, tham dự vào. Ở tuổi bốn mươi chín, y bắt đầu suy tư, nghiền ngẫm, quán chiếu; và trở nên gắn bó hơn. Y có thể trở thành một hành giả sannyasin, một tỳ kheo, một tu sĩ, hoặc ngay cả nếu y không chọn lựa một hình thái biểu lộ bên ngoài, cái thế giới nội tâm của y đã bắt đầu thay đổi. Y sẽ trở thành một thiền giả, hay bắt đầu việc cầu nguyện tu tập. Đây sẽ là một tham dự tích cực, không còn là chuyện cảm nhận nữa, mà là dâng hiến trọn vẹn cuộc đời mình cho niềm tin tôn giáo. Sự dâng hiến phát khởi ở lớp tuổi bốn mươi chín, sự tham dự gắn bó phát khởi ở lớp tuổi bốn mươi chín.

Và nếu như mọi chuyện tiến triển một cách đúng đắn, nếu như bạn không bị lung lạc bởi đám người đần độn bao quanh, vào cái tuổi năm mươi sáu, nỗ lực thiền định của bạn bắt đầu nở hoa -sự chứng ngộ đầu tiên, sự tiếp xúc đầu tiên với Thượng Đế sẽ xảy ra.

Và nếu mọi chuyện cũng diễn tiến một cách đúng đắn, vào tuổi sáu mươi ba bạn sẽ nhập được đại định tam muội, bạn có thể trở thành giác ngộ. Rồi trong vòng bảy năm tiếp theo -nếu như bạn sống đến tuổi bảy mươi- cuộc sống của bạn sẽ trở nên thánh hóa, đem niềm vui thiêng liêng tinh thần đến cho mọi người. Bạn có thể trở thành một bậc Thầy.

Đây là tiến trình đúng đắn. Cho đến tuổi bốn mươi hai mọi việc có vẽ như "okay", bởi vì tới tuổi này mọi việc vẫn còn trong vòng thế tục. Nhưng khi qua khỏi tuổi bốn mươi hai, đã có một cái gì đó trục trặc, bởi vì khi vượt qua tuổi bốn mươi hai bạn đã bắt đầu những bước đi vượt ra ngoài thế tục. Thế nên tất cả những gì mà bạn đã liên hệ, tham dự, đầu tư vào đến cái tuổi bốn mươi hai bỗng trở thành một cái chướng ngại.

Cụ thể như, bạn đã yêu một người đàn bà, lập gia đình với họ, bây giờ bỗng dưng bạn bắt đầu trở thành một thiền giả. Người đàn bà dĩ nhiên sẽ chống lại chuyện này vì họ lo sợ -điều này cũng đúng thôi. Người đàn bà lo sợ rằng nếu bạn tu thiền bạn sẽ không còn quan tâm đến họ nữa. Cũng đúng thôi. Bây giờ họ sẽ tìm cách quấy rầy bạn, chống lại bạn, không để cho bạn trở thành một hành giả (sannyasin). Bà ta sẻ bảo: "Không, không được đâu. Hãy nghĩ đến mẹ con tôi. Việc gì đã xảy đến cho ông? Bộ ông khùng rồi hả? Thế tại sao ông lại lấy tôi? Rồi sinh con đẻ cái ra rồi bây giờ ông trở thành một hành giả?"

Đấy là lý do mà tôi nói rằng bạn không cần phải lìa bỏ gia đình vợ con để trở thành một hành giả (sannyasin), bởi vì hành trình tầm đạo là một hành trình nội tâm.

Bà vợ sẽ tạo ra mọi chuyện rắc rối và ông chồng cũng thế vì một sự yêu thích mới đã xảy ra cho đời bạn mà trước đó chưa hề có. Niềm yêu thích mới này, rất tự nhiên, sẽ thay đổi hoàn toàn con người bạn; bạn sẽ không còn là con người cũ nữa. Nếu vợ bạn đến với tôi và trở nên thích thú trong việc học đạo, bạn sẽ rất là bực mình; nếu bạn đến với tôi, vợ bạn cũng sẽ bực mình như thế, bởi vì một niềm yêu thích mới đã phát khởi. Làm sao ai mà biết được chuyện này sẽ dẫn bạn tới đâu? Lo lắng, ghen tức, bảo vệ, chống đối… bản ngã của bạn bị thương tổn. Bạn đã từng hái ra tiền, bạn đã tạo dựng ra cả một vương quốc, một đế quốc -bỗng dưng bây giờ ở lứa tuổi bốn mươi hai bạn lại bỏ tất cả đi tu thiền. Thế là cả cái đế quốc của bạn

sẽ nổi lên chống lại bạn thôi. Ai chịu đựng nỗi một sự đổi thay quá đột ngột như thế.

Thế nhưng tất cả những đổi thay đều đột ngột. Trước tuổi bốn mươi hai những thay đổi đều ở trong phạm vi trần tục nên không hề là vấn nạn. Qua tuổi bốn mươi hai, những đổi thay vượt cao hơn trần tục, bắt đầu hướng đến Thượng Đế, gần hơn với Thượng Đế. Bạn đang trên đường trở lại nhà. Một cuộc hồi hương. Thế giới trần tục này đã kết thúc.

Bạn hỏi: *Một triết gia nói rằng: "Kiến thức là một đức hạnh cho nữa phần đời thứ hai nhưng là những gì chán ngấy cho nữa phần đời thứ nhất."* Kiến thức luôn luôn là những gì chán ngấy, trí tuệ thì không, trí tuệ là đức hạnh. Và trí tuệ là đức hạnh suốt cả đời bạn, không bao giờ chán ngấy. Tôi chưa hề thấy một người nào chán ngấy trí tuệ.

Nếu bạn được dịp gần gũi với một người trí, bạn không bao giờ chán. Quả tình bạn sẽ ngạc nhiên xiết bao khi thấy chẳng chán ngấy chút nào. Một người trí luôn luôn tươi tắn và họ truyền cái tươi tắn đó đến bạn. Y rất trẻ trung – y có thể đã già nhưng tâm hồn rất trẻ. Y tiếp tục mở ra những con đường mới nở hoa. Y không hề mang theo những bụi bặm của quá khứ, luôn luôn là suối nguồn tươi mát, như một tấm gương trong. Bạn có thể luôn luôn nhìn vào y để thấy khuôn mặt mình lớn khôn; bạn có thể luôn luôn tìm đến y như một chất liệu nuôi dưỡng. Trí tuệ không bao giờ làm cho người ta chán, trí tuệ là chất liệu nuôi dưỡng.

Thế nhưng kiến thức rất là buồn tẻ. Nó tạo ra sự chán ngấy ngay lập tức - bởi vì nó sai lầm, đần độn, vay mượn, nó là xác chết.

Bạn có trông thấy một đứa nhỏ đang đùa giỡn chung quanh bạn chưa? Chắc chắn là bạn sẽ không cảm thấy buồn tẻ vì nó. Nó vui đùa, sống động

-nhảy nhót, ca hát, chạy giỡn khắp nơi- làm bạn cũng cảm thấy trẻ trung lây với nó. Thế còn bạn ngồi cạnh một ông già? Có thể ông ta chỉ ngồi yên đó, không làm gì cả hoặc đọc một tờ báo chẳng hạn, nhưng bạn vẫn cảm thấy tẻ nhạt làm sao. Có thể ông ta không nói ra một lời nào, nhưng sự hiện diện đó cũng đủ là nặng nề rồi.

Kiến thức là nặng nề; trí tuệ luôn nhẹ nhàng.

Câu hỏi thứ tư:

> *Tất cả những điều mà ngài nói sáng nay đều có cả ở trong Phúc Âm. Thế sao ngài lại từ khước Chúa Giê Su và Phúc Âm trước mặt chúng tôi, thay vì nói rằng nó rất là toàn vẹn, nhưng những thông điệp của nó đã bị con người giết chết? Và như vậy, những ai là người Cơ Đốc nên quay tìm trở về với nguồn cội của mình, tức Phúc Âm, hoặc nếu ai không phải là Cơ Đốc, hãy cố gắng đi những bước đầu tiên bằng lối tiếp cận của ngài?*

Một người Cơ Đốc đến với chúng ta!

Nếu bạn hiểu Phúc Âm thì có lẽ câu hỏi đã không được đặt ra -bởi vì bất cứ những gì tôi nói đều chứa đựng sẵn trong Phúc Âm, kể cả chối bỏ Phúc Âm. Tất cả những kinh điển thật sự đều chối bỏ các kinh điển. Tất cả những cuốn sách sống đều chống đối lại những cuốn sách chết.

Nếu bạn hiểu Phúc Âm câu hỏi này sẽ không được đặt ra. Bạn không hiểu Phúc Âm của bạn và bạn không thể nào hiểu được nó -bởi vì cách thức duy nhất để hiểu Phúc Âm là hướng vào nội tâm. Phúc Âm không thể được hiểu một cách trực tiếp; bạn không thể nào cầm lấy Bible đọc và hiểu được nó –điều đó may ra chỉ giúp bạn được một ít kiến thức nhưng không phải là tuệ giác. Cái kiến thức đó là những gì mà bạn thu thập và đó là lý do tại sao bạn trở thành phiền hà với nó. Tất cả những điều gì mà tôi đã nói, ngay cả nếu thỉnh thoảng tôi nói những điều chống lại Christ, ngài đều chấp nhận chuyện đó. Không tin bạn có thể đi thẳng đến Christ để hỏi ngài.

Làm sao mà tôi có thể chối bỏ được Christ? Làm sao ngài lại có thể chối bỏ tôi? Không hề có chuyện như thế. Đấy là câu hỏi của một tâm thức khác biệt. Christ không có liên hệ gì đến Cơ Đốc –cũng như Đức Phật không có liên hệ gì với Phật giáo, Krishna không có liên hệ gì với Ấn Độ giáo. Những vị này sống trong một tâm thức hoàn toàn khác biệt và nếu bạn muốn hiểu họ, những lời họ nói ra chẳng giúp ích gì cho bạn cả. Bạn sẽ phải đi vào thế giới của tâm thức, lúc đó may ra bạn mới hiểu được.

Bạn nghĩ rằng chúng ta nên tìm về cội nguồn, Phúc Âm. Phúc Âm không hề là cội nguồn; cội nguồn là ngay chính ở trong bạn. Nếu bạn tìm về cội nguồn ở ngay chính trong bạn, bạn sẽ hiểu được Phúc Âm, không có một con đường nào khác, không có chuyện ngược lại. Không hề có chuyện bạn hiểu được Phúc Âm và từ đó bạn đi trở vào lòng mình, không bao giờ. Chỉ

có một con đường duy nhất là phải đi vào chỗ thẳm sâu nhất của tâm thức bạn.

Chúa Giê Su đã nói với chúng ta những gì? Ngài phán, "Nước Trời đang ở trong bạn." Ngài không nói là nó đang ở trong Phúc Âm. Ngài phán, "Hãy nhìn vào bên trong, Thượng Đế đang ở cùng với ngươi." Ngài không nói là, "Hãy nhìn lên trên thiên đàng," mà hãy nhớ kỹ là ngài nói "Hãy nhìn vào bên trong."

Hoàn toàn giống với những gì Thiền đã nói. Chúa Giê Su là một vị Thiền Sư. Khi vị Thiền sư nói rằng hãy đem đốt hết các kinh điển, đừng lấy đó làm điều bị xúc phạm, vì đó là lối nói của Thiền. Đây là một trong những cách nói chứa đựng nội dung sâu sắc nhất –«Hãy đốt hết các kinh điển.» Tại sao ? Để cho chiếc cầu nối liền với ngoại giới bị chặt gãy và bạn sẽ không còn gì ở bên ngoài để tìm kiếm, bám víu. Thế là bạn phải hướng nội. Và cái ngày mà bạn đạt đến tận cùng tâm thức của bạn -bản lai diện mục-, bạn sẽ thấy Chúa Giê Su nói đúng như thế nào. Lúc đó bạn trở thành Phúc Âm.

Bạn hỏi : *Tất cả những gì ngài nói trong buổi sáng hôm nay đều có sẵn cả ở trong Phúc Âm.* Vâng, ngay cả điều này cũng vậy -sự chối bỏ cũng được bao gồm trong Phúc Âm. Sự hoàn toàn chối bỏ Phúc Âm cũng có sẵn ở trong đó. Tất cả nội dung Chúa Giê Su giảng dạy đều nói rằng Thượng Đế là một thực chứng. Chúa Giê Su không phải là nhà thần học, Ngài là một huyền nhiệm. Tuy nhiên một điều thường xảy ra là, khi tất cả những nhà huyền nhiệm vĩ đại vắng bóng rồi, các nhà thần học lại nhảy bổ vào vẽ rắn thêm chân.

Tôi có nghe câu chuyện về nhà danh họa Michelangelo (4). Trong một thánh đường ông vừa hoàn thành xong một bức họa về Chúa Giê Su. Khi

Giáo Hoàng và một số Giám Mục đến tham quan, họ bắt đầu chỉ trích về bức họa, tìm kiếm những sai lầm trong đó. Michelangelo lặng yên đứng nghe và cuối cùng Đức Giáo Hoàng phán: «Tốt. Mọi chuyện đều rất tốt, chỉ có một điều là họa sĩ đã vẽ mặt Chúa quá đỏ. » Michelangelo vội trả lời: "Thưa Ngài, không phải là tôi đã vẽ mặt Chúa quá đỏ đâu. Chúa đỏ mặt vì ngài hổ thẹn bởi qúy vị. Ngài hổ thẹn khi thấy những lời dạy của Ngài đã rơi vào tay của qúy vị.»

Đó là điều thường xảy ra. Đó là điều cũng sẽ xảy ra đối với tôi. Hãy cẩn thận.

Tại sao Ngài lại bác bỏ Giê Su và Phúc Âm trước mặt chúng tôi... ? Tôi bác bỏ Phúc Âm, tôi bác bỏ Cơ Đốc, và thỉnh thoảng bác bỏ cả Chúa Giê Su -để tôi có thể mang qúy vị đến với Giê Su. Đến với Giê Su ta phải kinh qua sự chối bỏ hoàn toàn, nếu không bạn cũng lại chỉ tiếp tục bám víu vào một cái gì đó. Không còn gì nên để lại ở ngoài bạn –kinh điển, nhà thờ, hội thánh. Mọi thứ cần phải được hủy diệt để có thể mang con người bạn trở lại với chính mình –đó là phương pháp của Thiền.

Nhưng mà tôi thông cảm chuyện này. Khi bạn đang sống trong một loại định kiến nào đó, nếu bạn là người Ấn Độ giáo, Hồi Giáo hay Cơ Đốc, rất khó khăn để loại trừ nó. Đó không phải là y phục để lúc nào bạn cũng có thể thay đổi một cách dễ dàng, nó giống như da thịt của bạn. Đấy là điều rất mực khó khăn, rất mực đau đớn. Nhưng không đau đớn, không thể trưởng thành được.

Đọc kinh điển bạn trở thành một loại đồ cũ bởi vì Thượng Đế của bạn cũng chỉ là một thứ đồ cũ.

Một bà bốn mươi chưa chồng được một cậu em ở ngoại quốc gởi biếu một cặp vẹt nuôi trong một chiếc lồng đôi. Bà ta rất tò mò muốn biết trong hai con, con nào là trống, con nào là mái, vì nó giống hệt như nhau. Bà tham khảo ý kiến một nhà thú y sĩ.

«Hãy xem kỹ chúng,» Nhà thú y trả lời, «Trong hai con, con nào nằm trên con kia là con trống.»

«Tôi quan sát chúng kỹ lắm, nhưng không hề thấy chúng làm gì cả.» Bà ta trả lời.

«Thì hãy đợi đến lúc gần sáng, rón rén bò đến gần và nhìn lén chúng thì biết ngay mà, biết con nào là trống rồi bà nên làm dấu cho khỏi nhầm. »

Bà ta làm đúng theo lời chỉ dẫn và bắt quả tang cặp chim đang làm công việc truyền giống. Cảm thấy kinh hoàng, bà ta tóm cổ con trống và quấn quanh cổ nó một cái giải màu trắng.

Sáng Chủ nhật hôm sau vị Cha sở đến nhà thăm dùng trà. Khi ông cỡi chiếc áo khoác bên ngoài, con vẹt trống tưởng là gặp người đồng hội đồng thuyền, la lên : « Hêlo. Thế là Cha bị bắt quả tang đang làm chuyện ấy với phụ nữ rồi, phải không?» (5)

Tất cả những kiến thức vay mượn đều giống như thế.

Đừng mang theo bạn một Thượng Đế cũ mèm. Thượng Đế sẽ không bao giờ hạnh phúc với bạn. Đừng trở nên một bản sao của tờ giấy ‘các-bon’. Thượng Đế yêu những gì nguyên thủy bởi vì Thượng Đế là một nguyên thủy vô cùng. Thượng Đế không hề muốn có một Giê Su thứ hai, bởi vì

nếu không ngài đã sáng tạo ra một người khác. Thượng Đế không hề muốn có nhiều hơn một vị Phật vì nếu không ngài đã làm điều này. Ngài chỉ sáng tạo ra một vị Phật một lần duy nhất, không bao giờ lặp lại.

Thế nên nếu bạn muốn đến với Thượng Đế, hãy là mình trước tiên. Không nên là một người Cơ Đốc, người Ấn Độ giáo, người Hồi giáo. Nên là chính mình, một hiện thể chân thực, trong cái hiện thể mà bạn sẽ biết Chúa Giê Su là cái gì, Đức Phật là cái gì, Thượng Đế là cái gì.

Câu hỏi cuối cùng :

Càng ngày tôi càng cảm thấy chán ngán tình dục, điều này làm cho tôi băn khoăn. Có vẻ như tôi không còn tha thiết gì nữa, ngay cả với đời sống. Như vậy đâu có gì còn lại ngoài cái chết ? Tôi nên làm gì bây giờ ?

Bạn hỏi nhầm người rồi. Lẽ ra bạn nên tìm gặp những người được gọi là đại thánh giả. Bạn có thể đọc sách của Đại thánh giả Gandhi hay của Swami Sivananda (6) –may ra chúng giúp ích phần nào cho bạn. Tác dụng của chúng giống như là những loại thuốc kích dục.

Đây là một vài đề nghị : Đừng xem Playboy, đừng đi coi phim, đừng nhìn đàn bà nữa. Khi bước đi hãy theo đúng quy luật Phật dạy: chỉ nhìn mặt đất phía trước chừng bốn feet. Nếu gặp đàn bà, hãy tìm cách chạy trốn. Thế là bạn sớm hết chán ngán tình dục ngay ! Các nàng thiên nữ khỏa thân apsaras lại bắt đầu chạy đi kiếm bạn thôi !

Câu hỏi này chắc chắn là do một người Tây phương nêu ra, nó không thể là của một người Ấn. Người Ấn không bao giờ thấy chán chuyện này, khó lắm. Họ có rất nhiều vị đại thánh giả. Khi người Ấn đến với tôi, câu hỏi thông thường của họ là làm sao loại trừ được tình dục. Khi người Ấn Độ giáo đến với tôi, điều lo lắng của họ là làm sao loại bỏ được tình dục.

Câu hỏi này chắc chắn là của một người Mỹ. Vâng, tại Mỹ tình dục sẽ không có chỗ đứng trong tương lai, nó coi như chấm dứt. Nếu không bây giờ thì trong vòng hai mươi năm nữa nó sẽ hoàn toàn chấm dứt. Một khi tình dục được chấp nhận một cách công khai, nó sẽ trở thành buồn tẻ. Một sự lập đi lập lại nhàm chán; một bổn cũ soạn lại như cơm nếp nát. Một khi tình dục sẵn sàng trong tầm tay, bạn đâu còn những tưởng tượng phong phú về nó nữa. Đến khi nó thừa thải quá, ngày qua ngày bạn sẽ lấy làm ngạc nhiên tự hỏi, mình đang làm cái gì đây, cái trò nhảm nhí vô nghĩa này là cái gì vậy? Không chừng bạn lại bắt đầu quẩn trí trước câu hỏi, Bạn đang làm cái gì vậy? Kỳ thực nếu bạn thật sự muốn giữ cho tình dục mãi mãi xanh tươi, trẻ trung, không có con đường nào khác ngoài sự ức chế.

Trong tất cả mọi thời đã qua, Đông cũng như Tây, tình dục không bao giờ là điều nhàm chán, bởi vì các tôn giáo đã "lo lắng" cho nó rất chu đáo. Thông qua những thuyết giảng ngăn cấm, chống lại tình dục họ đã làm cho tình dục trở nên sống động.

Con người trong thời đại hậu-Freud một ngày nào đó sẽ cảm thấy tình dục là một chuyện buồn tẻ. Đúng như thế. Đó là một chuyện rất máy móc thôi. Tất cả những gì mà bạn nhìn thấy ở trong đó đều thông qua lăng kính của sự ức chế. Nó không phải sự thực như thế.

Chẳng khác gì một người đang nhịn đói -đồ ăn sẽ trở thành mối ám ảnh lớn trong trí tưởng khi bạn nhịn đói. Nếu bạn đang nhịn đói và đi vào chợ, bạn sẽ không nhìn thấy bất cứ cái gì khác ngoài cửa hàng thực phẩm, quán ăn, khách sạn. Bạn sẽ không trông thấy những cái gì khác hơn. Dĩ nhiên là có cả hàng ngàn vạn thứ đang bầy bán, nhưng nhìn đi đâu bạn cũng sẽ chỉ thấy đồ ăn, nó nổi lên bồng bềnh trước mắt bạn.

Heinrich Heine đã kể lại rằng có lần ông bị lạc ở trong rừng. Suốt ba ngày vẫn không tìm được lối ra, ông rất đói. Đó là một dêm trăng tròn. Heine là một nhà thơ lớn và trăng là một đề tài mà ông mê đắm nhất. Ông đã luôn luôn so sánh trăng với người tình yêu dấu tuyệt vời của mình.

Thế nhưng cái đêm hôm ấy đã làm cho ông ngạc nhiên –ông không nhìn thấy trăng đâu cả mà chỉ là một khúc bánh mì màu trắng nằm lơ lửng trên bầu trời. Hình ảnh người đàn bà xinh đẹp biến đi đâu mất. Ông dụi đôi mắt mình. Cái gì đang xảy ra thế này? Mình khùng lên rồi chắc? Dĩ nhiên không hề có chuyện gì xảy ra cả. Cũng giống như khi bạn nhìn thấy hình ảnh một người đàn bà đẹp trong mặt trăng, thế thôi, chỉ là sự phóng chiếu. Khi bạn đang nhịn đói, đồ ăn cũng là sự phóng chiếu.

Trong quá khứ, những con người được gọi là tín ngưỡng “săn sóc” tình dục quá kỹ thế nên trong những thời đại trước đây người ta rất thích thú về chuyện này. Tất cả các kinh điển đều chống lại nó, tất cả các nhà tu đều

chống lại nó, tất cả các ông Giáo hoàng đều chống lại nó. Họ đã làm cho tình dục trở nên sống động. Bây giờ thì điều đó rất khó khăn.

Nhưng mà bạn đã nêu câu hỏi lầm người rồi.

Hãy lắng nghe một vài câu chuyện vui vậy.

Một cậu bé mười hai dẫn một cô bé lên mười, con gái của người hàng xóm, đến gặp cha mình.

"Bố ạ", cậu bé nói, "Tụi con muốn thành hôn với nhau."

"Ừa, mười năm nửa, con."

"Không, con muốn ngay bây giờ, bố!"

"Thế thì con làm gì để sống nào?"

"Tụi con biết cách quản lý số tiền tụi con có trong túi mà."

Ông bố đùa: "Thế ngộ nhỡ tụi con có em bé thì sao?"

"Ồ, chưa có chuyện gì xảy ra cả mà, bố."

Như thế đó, từ tuổi lên mười, có khi còn sớm hơn, bạn đã bắt đầu rồi, như thế bạn giữ cho nó khỏi nhàm chán được bao lâu? Rồi thì tất cả mọi thứ chuyện đều có đủ ở Mỹ -Dục kinh Kamasutras của Vatsyayana (7) với hình ảnh đủ kiểu làm tình, những sách với hình ảnh của Khajuraho, Konarak, và Puri và hàng ngàn lẻ một phương pháp tạo ra hình ảnh những thân xác đẹp đẽ gợi cảm –ít nhất là đẹp đẽ qua trí tưởng- bằng kỹ thuật chụp hình,

kỹ thuật ghép hình. Rồi tranh lõa thể khiêu dâm góp phần quan trọng vào việc giết chết những ham muốn dục tình. Hefner cũng là một kẻ thù của ham muốn tình dục, và rồi Playboy cùng với bao nhiêu những tạp chí khai thác thân xác đàn bà khác đang giết chết, hủy diệt lòng khao khát này. Chưa kể đến đủ mọi hình thức luyến ái: đối tính, đồng tính, lưỡng tính và hàng ngàn lẽ một phương pháp làm tình khác.

Khi đọc cuốn Dục kinh Kamasutras của Vatsyayana -một công trình lớn- tôi cứ có cái cảm giác rằng Ấn Độ dưới thời Vatsyayana chắc chắn cũng đang có cùng một tâm cảnh như Mỹ quốc bây giờ. Con người sống chắc là buồn tẻ lắm, nếu không tại sao lại có người sáng tạo ra đủ kiểu làm tình? Tại sao? Một kiểu cũng là đủ quá rồi thế mà Vatsyayana lại cứ tiếp tục phát minh ra những kiểu mới. Thì đã hẵn như vậy -buồn tẻ quá mới bày ra những trò mới. Cái phát minh này không cho thấy điều gì khác hơn là sự chán chường. Vatsyayana chắc là đang tìm cách giúp đỡ con người thời đại mình –ông hẵn là một nhà minh triết, một trí giả. Ông hẵn đã trông thấy cái bất hạnh của họ. Họ đang sống một cách chán chường, thế nên phải làm một cái gì đó cho họ.

Bất cứ lúc nào một nền văn hoá trở nên quá phóng túng về tình dục nó sẽ trở thành buồn chán. Ấn Độ một thời đã rất tự do -một trong những quốc gia tự do nhất trên thế giới. Khi có tự do, bạn không bị ức chế. Khi bạn không bị ức chế, sự buồn chán phát khởi. Thế là bao nhiêu kiểu cách được bày ra –tìm cách thỏa mãn những khoái lạc cũ rích bằng những trò chơi mới. Khi bạn cảm thấy buồn tẻ thì lại tìm cách khác để giải khuây. Giao hoan tập thể trở nên thịnh hành –còn để lại những dấu ấn trong các đền đài Khajuraho. Khi người ta chán cái mối liên hệ một chồng một vợ, người ta bắt đầu luyến ái tập thể. Chuyện đổi vợ cho nhau trở thành một cái mốt thịnh hành.

Đây là tất cả những dấu hiệu cho thấy tình dục đang chết, đang chết vì có quá nhiều tự do.

Một anh híp-py trẻ tuổi bị cảnh sát bắt về tội rao bán hình lõa thể khiêu dâm.

"Ông bắt lầm người rồi! Những bức hình này có gì là dơ dáy đâu!" Chàng híp-py phản đối.

Người cảnh sát lựa ra và xem kỹ một số hình lõa thể đàn ông lẫn đàn bà, "Bây giờ thì anh không thể nói rằng những bức hình này là không dơ dáy!"

"Trời đất!" chàng híp-py nhún vai, "Bộ ông từ trước đến giờ chưa hề trông thấy năm người đang làm tình sao?"

Những câu chuyện đại loại như thế đã trở nên thông thường. Đây là những dấu hiệu của sự buồn chán.

Tuy nhiên tôi muốn lập lại một lần nữa, bạn đã gỏ cửa nhầm người, bởi vì tôi rất vui khi thấy bạn đang nhàm chán. Tất cả những nỗ lực của tôi ở đây là làm cho các bạn trở nên chán ngán tình dục. Bởi vì chỉ khi nào bạn chán ngán tình dục, bạn mới quay trở về lại với Thượng Đế, và không hề có chuyện ngược lại. Một người bị ẩn ức sinh lý sẽ vẫn còn quan tâm đến tình dục mãi, đó là lý do tại sao tôi chống lại sự ức chế. Có thể bạn sẽ ngạc nhiên nhưng đó là lô-gíc của tôi, sự tính toán của tôi. Một người bị ức chế sinh lý sẽ vẫn còn quan tâm đến tình dục, vẫn bị ám ảnh bởi tình dục, thế nên tôi nói rằng bạn cứ việc thanh thoả với tình dục đi và rồi ngay sau đó bạn sẽ chán, chuyện đó sẽ chấm dứt. Và khi bạn đã thanh thoả xong với nó,

tình dục mất tất cả ý nghĩa của nó rồi, thì đó chính là ngày trọng đại, khoảnh khắc lớn lao nhất trong đời bạn. Lúc đó bạn trở nên quan tâm đến Thượng Đế, điều mà chưa bao giờ xảy ra trước đây.

Chỉ có một kẻ chán chường –nhàm chán tình dục- mới có thể trở thành một người độc thân thực sự. Một vị phạm hạnh –*brahmacharya-*, một con người phạm hạnh thật sự xuất hiện –vượt ra từ nỗi chán chường. Thế nên nếu bạn chưa đủ chán, con người phạm hạnh của bạn vẫn còn bị ức chế, và tôi không tán thành bất cứ sự ức chế nào, bởi vì sự ức chế làm cho con người vẫn còn say đắm mãi với tình dục.

Người ta nghĩ là tôi đang rao giảng về tình dục. Không phải vậy, tôi là một trong những người rao giảng Thượng Đế. Nếu tôi có nói những chuyện liên quan đến tình dục, dĩ nhiên là phải có lý do –mà cái lý do chính là tôi muốn rằng bạn phải hiểu biết về nó trước khi quá trễ. Hiểu biết về nó, hiểu biết một cách hoàn toàn, trực diện với nó và kết thúc với nó. Bạn phải đi vào tình dục trong suy niệm, trong cảnh báo, tỉnh thức –đó là cách thức tiếp cận của mật tông, đó là phong thái của mật tông. Thể nhập vào đó và chứng nghiệm. Một khi bạn hiểu biết cặn kẽ một cái gì đó, có nghĩa là bạn được hoàn toàn tự do không còn vướng bận đến nó nữa. Từ kiến thức, đến hiểu biết, rồi giải phóng.

Đối với tôi, tâm của bạn ở trong một trạng thái khá tốt, không có gì để phải lo lắng. Rất tốt là đàng khác, bạn là người may mắn. Tình dục đã kết thúc. Bây giờ đừng có chạy đến tìm bất cứ vị đại thánh giả nào nữa nhé, làm như vậy không chừng nó sẽ bắt đầu trở lại đấy. Đây chính là khoảnh khắc mà bạn có thể giúp cho năng lượng của mình hướng đến Thượng Đế mà không bị bất cứ chướng ngại, trở lực nào. Bây giờ bạn hoàn toàn không bị một cản trở nào.

Đây chính là lúc năng lượng của tình dục được chuyển hoá thành tam muội. Một khi năng lượng tình dục được giải phóng ra khỏi những đối tượng dục tình nó bắt đầu chuyển hướng vào thiền quán, nó trở thành lời kinh cầu nguyện. Vâng, Chúa Giê Su đã rất đúng khi nói rằng Thượng Đế là yêu thương. Chính năng lượng tình yêu của bạn đã nở hoa cùng Thượng Đế. Một khi nó được giải phóng ra khỏi người nam và người nữ, một khi bạn không còn cảm thấy yêu thích người khác phái, thì cái năng lượng của bạn sẽ đi về đâu? Nó sẽ bắt đầu hướng nội. Chuyện nam nữ đã được bỏ ra ngoài. Một khi bạn còn yêu thích người khác phái có nghĩa là bạn vẫn còn lưu ý đến kẻ khác. Nhưng một khi tình dục không còn, một khi bạn chấm dứt với kẻ khác, cũng là lúc đối mắt bạn bắt đầu nhắm lại. Bạn trở nên vắng lặng một cách an nhiên tự tại.

Dĩ nhiên là tôi hiểu mối băn khoăn của bạn -mối băn khoăn của người Mỹ. Bạn luôn luôn nghĩ đời sống chỉ là tình dục. Bây giờ hết tình dục đời sống đâu còn lại gì ngoài cái chết? Tôi muốn thưa với bạn rằng ta vẫn còn lại Thượng Đế. Khi tình dục chấm dứt, Thượng Đế bắt đầu. Không có gì để phải lo lắng, không có gì để phải băn khoăn, không có gì để phải đau khổ, phiền não. Hãy thư giản trong trạng thái này. Và đừng để lỡ mất cơ hội hiếm có này, bởi vì sẽ có cơ may là bạn lại rơi vào vòng tay của ai đó và y lại tạo ra những khát vọng dục tình ở bạn. Hãy lợi dụng cơ hội này để thiền quán; đây là cơ hội ngàn năm một thuở. Cánh cửa đã hé mở, hãy nhìn vào bên trong.

Vâng, đây cũng là cánh cửa mà thần chết bước vào, và hành giả cũng đi vào bằng cánh cửa đó. Bằng cánh cửa này thần chết đến với ta và Thượng Đế cũng thế. Thượng Đế đã cho bạn cơ hội. Đừng để lỡ mất.

CHÚ THÍCH:

(1) August Rodin (1840-1917): Nhà điêu khắc nổi tiếng người Pháp với hai bức tượng "Người Tư Duy –La Penseur" và "Nụ hôn –La Baiser" được xem như là hai công trình điêu khắc tiêu biểu của truyền thông nghệ thuật Tây phương. Bảo tang viện Rodin tại Paris, Pháp hiện trưng bày khá đầy đủ tất cả các công trình nghệ thuật của ông.

(2) Shankara (788-820): Adi Shankara là triết gia nổi tiếng của truyền thống Vệ Đà, Ấn Độ giáo. Tuy có một cuộc sống khá ngắn ngủi, nhưng ông đã đi bộ khắp cả lãnh thổ Ấn Độ để rao giảng và tạo nên một sức sống mới cho kinh Vệ Đà, đặc biệt là lý thuyết bất nhị, lúc này đang bị lu mờ trước ảnh hưởng của Phật giáo. Ông cho rằng nguyên nhân của vô minh là do chấp ngã, trong khi thực sự bản ngã không hề hiện hữu. Chân lý rốt ráo theo ông là đấng Phạm thiên – Brahman, vượt ra ngoài thời gian, không gian và nguyên nhân. Ông phủ nhận triết học Tánh Không của Phật giáo đồng thời chối bỏ sự phân chia giai cấp và các nghi lễ vô nghĩa và cho đó là sự xuẩn động.

(3) Socrates (470-399 BC): Triết gia Hy Lạp, một trong những khuôn mặt hàng đầu của nền triết học Tây phương và được coi như là cha đẻ của bộ môn đạo đức học. Ông sống trong buổi giao thời giữa hai giai đoạn hưng thịnh và suy tàn của đế quốc Athenian, sau khi bị Sparta đánh bại. Cố gắng để hồi phục sau trận thảm bại này, do sự xúi bẩy của ba khuôn mặt lãnh đạo đương thời, công chúng đã đưa ông ra xử về các tội ngịch đạo và làm hư hỏng giới trẻ. Ông bị kết án tử hình bằng cách uống thuốc độc.

(4) Michelangelo (1475-1564): Tên thật là Michelangelo di Lodovico Buonarroti Simoni, sinh quán tại Tuscany, Ý Đại Lợi. Ông là một nhà danh hoạ lừng lẫy của thời Phục Hưng, với các bức họa nổi tiếng bậc nhất trong truyền thống nghệ thuật Tây phương, cụ thể như bức "Ngày Phán Xét Cuối Cùng – the Last Judgment" và các bức bích họa

trên trần các thánh đường danh tiếng tại La Mã. Ông cũng là một nhà thơ, nhà điêu khắc và kiến trúc sư tài hoa.

(5) Các vị linh mục Thiên chúa giáo thường mang một cái cổ cồn trắng quanh cổ.

(6) Swami Sivananda (1887-1963): Sinh quán tại Ấn Độ, Swami Sivananda Sarawati là một nhà du già và là một đạo sư. Tốt nghiệp Y khoa Bác sĩ, thoạt tiên ông làm việc tại Mandalay, sau đó tu theo pháp khổ hạnh và giúp đỡ các người đau yếu. Năm 1936 ông thành lập một phong trào tôn giáo mới lấy tên là "Divine Life Society" và năm 1945 sáng lập tổ chức "All-world Religions Federation".

(7) Vatsyayana : Người sáng tác bộ Dục Kinh –*Vatsyayana kama sutra*, phỏng đoán là sống trong khoảng thế kỷ thứ nhất đến thứ sáu. Đây là bộ kinh cổ nhất của Ấn Độ liên quan đến tình dục, gồm 35 chương, chứa đựng 64 tư thế làm tình -khoảng 20% cuốn sách, phần còn lại là những kim chỉ nam để trở thành một người công dân tốt và những cái nhìn thấu đáo về mối liên hệ nam nữ.

CHƯƠNG 3

Đạo Vốn Không Lời

Một vị Thiền sư đã phẩm bình một cách vắn tắt về một môn đồ ưa lý thuyết dông dài về Thiền học, "Bạn có quá nhiều Thiền."

"Thế nhưng có gì là trái tự nhiên khi một Thiền sinh nói chuyện về Thiền?", người học trò bối rối hỏi thầy. "Tại sao Thầy lại ghét người ta nói về Thiền?"

"Bởi vì", vị Thiền sư trả lời một cách thẳng thắn, "nó làm cái bụng ta khó chịu."

"Đạo vốn không lời," Bồ Đề Đạt Ma tổ sư Thiền Đông Độ đã nói như vậy - bởi vì bằng lời nói, thế gian được bắt đầu. Đúng như những gì mà Thánh Kinh đã nói –"Lúc khởi nguyên đã có Ngôi Lời ". (1) Và lúc kết thúc cũng sẽ là Ngôi Lời.

Cái khoảnh khắc mà bạn đi vào thế giới ngôn từ, bạn bắt đầu rời xa sự thực. Bạn càng đi sâu vào lời chừng nào, bạn càng xa rời Thượng Đế chừng nấy. Lời nói là một hư ngụy lớn lao. Nó không hề là một chiếc cầu, không hề là một phương tiện truyền thông –mà thật ra là một chướng ngại.

Bồ Đề Đạt Ma nói, "Đạo vốn không lời," Nếu tâm của bạn không phát thành lời, trong cái tĩnh lặng đó chính là Thượng Đế, là sự thật, là niết bàn. Cái khoảnh khắc mà lời nói chen vào, bạn không bao giờ còn là bạn nữa. Bạn đã đi xa. Ngôn ngữ đã mở ra một cuộc hành trình đưa bạn rời xa tự tánh. Thực ra, bạn không bao giờ thoát ra khỏi chính bạn –nhưng bạn có thể mơ ước điều đó. Thực ra, bạn luôn luôn hiện hữu ở đó, bạn chỉ có thể ở đó, mà không nơi nào khác –nhưng mà bạn vẫn có thể đi vào giấc ngủ và mơ một ngàn lẻ một giấc mơ khác nhau.

Tôi sẽ lại một lần nữa kể cho bạn nghe một trong những câu chuyện hay ho nhất đã được lưu lại –câu chuyện sa ngã của Adam. Truyện kể rằng Thượng Đế cấm Adam ăn trái Cây Hiểu Biết. Điều này thì Thiền không có gì để phản đối, bởi vì chính hiểu biết đã làm cho bạn ngu dốt, chính hiểu biết đã không cho phép bạn nhận thức. Adam đã có khả năng nhận thức trước khi y ăn trái từ Cây Hiểu Biết. Nhưng ngay từ khoảnh khắc mà y ăn

trái cấm này, cái khoảnh khắc mà y trở nên hiểu biết, y đã không còn biết gì nữa. Y đã giả từ sự ngây thơ vô tội. Y trở nên lém lỉnh, sắc sảo hơn. Trí tuệ đã ra đi. Vâng, trí thức có thể gia tăng nhưng trí tuệ không còn nữa. Trí thức không những chẳng dính líu gì đến trí tuệ mà còn là sự tương phản, đối nghịch. Bạn càng trở thành người trí thức chừng nào, bạn càng trở nên kém trí tuệ chừng nấy.

Thật ra, trí thức là vật thay thế để che dấu sự thiếu trí tuệ của bạn; nó là bạc giả. Bởi vì bạn không có trí tuệ nên bạn thay thế nó bằng trí thức. Trí thức là một cái gì đó rẽ tiền mà bạn có thể mua sắm dễ dàng ở bất cứ nơi đâu. Trong thực tế, người ta sẽ rất sẵn lòng san sẻ kiến thức của họ cho bạn. Người ta sẽ rất sẵn sàng quẳng tất cả những cặn bả rác rưới của họ lên người bạn.

Adam trở nên người có kiến thức -kể từ khi sa ngã. Kiến thức vì thế chính là sự sa đọa.

Câu chuyện kể rằng Adam đã ăn một trái táo, một quả từ Cây Hiểu Biết. Đây không thể nào là một trái táo. Những trái táo không hề được nuôi lớn từ Cây Hiểu Biết. Có một điểm nào đó trong câu chuyện không được ổn. Những trái táo rất là ngây thơ vô tội -bạn không thể bị tống cổ, trục xuất ra khỏi thiên đường chỉ vì ăn một trái táo. Thượng Đế không thể nào quá đỗi giận dữ như thế đối với bạn.

Không, không thể nào là một trái táo; táo chỉ là sự ẩn dụ. Đây phải là lời nói, ngôn ngữ. Trên Cây Hiểu Biết kết đầy những trái ngôn từ, ý niệm, triết lý, hệ thống -không hề là những trái táo. Hãy quên trái táo của bạn đi. Hãy nhớ rằng đó là ngôn ngữ.

Và rồi, con rắn là người thầy giáo đầu tiên của nhân loại, trong hệ thống giáo dục sơ khai. Con rắn -kẻ lừa mị đầu tiên đó, cũng là người viện sĩ đầu tiên của chúng ta. Y đã dạy bài học bịp bợm gian trá đầu tiên về hiểu biết: xúi biểu Eve ăn trái cấm. Y đã không thể thuyết phục được Adam một cách trực tiếp. Tại sao như thế? Tại sao y phải thuyết phục Eve trước tiên? Bởi vì Eve dễ dàng bị tấn công hơn. Phụ nữ luôn luôn dễ bị tấn công, họ cởi mở, nhu nhược và mềm yếu hơn. Họ rất dễ bị người ta xỏ mũi lôi đi ; họ rất dễ dàng bị ám thị ; họ có thể bị thôi miên dễ dàng hơn một người đàn ông. Thế là con rắn đã thuyết phục được người đàn bà. Y không những là nhà viện sĩ đầu tiên mà còn là người chào hàng đầu tiên của nhân loại nữa. Và y là người chào hàng thành công.

Tuy nhiên y đã không làm điều gì sai trái. Những gì y nói ra đều đúng sự thật. Y nói rằng, "Bạn sẽ trở thành người hiểu biết, nhận thức được cái gì là cái gì. Không ăn trái cây này, bạn sẽ không bao giờ biết gì cả."

Có một loại hiểu biết hoàn toàn khác biệt: bạn biết và đồng thời cũng không thể biết được cái gì là cái gì. Đây là một loại hiểu biết khá phức tạp. Nó không được xếp loại, phân chia hay phân tích. Adam chắc là đã sống trong trạng thái ngây thơ vô tội không thể phân tích đó. Khoa học không có mặt ở đây; chỉ có tín ngưỡng -tất cả được bao phủ trong một bầu khí tín ngưỡng. Adam chắc chắn là một huyền nhiệm trước khi ăn trái Cây Hiểu Biết -mọi đứa trẻ đều là một huyền nhiệm. Mọi đứa trẻ được sinh ra như là một huyền nhiệm trước khi chúng ta lôi chúng vào trường học, hệ thống giáo dục, làm quen với các con rắn. Con rắn đó chính là văn minh, văn hóa, là điều kiện cách.

Con rắn là một sinh vật qủy quyệt và là một ẩn dụ khá hoàn toàn. Nó rất là gian manh, trơn tuột như lươn -chẳng khác gì luận lý. Bạn không thể biết trước nó đi đến đâu. Nó đi không cần đến chân; không chân mà vẫn di động, mà lại di động rất nhanh. Giống như những điều dối trá. Dối trá thường không có chân đứng cho nên phải mượn đỡ đôi chân từ chân lý; đó là lý do tại sao mọi điều dối trá đều luôn luôn cố gắng tối đa để chứng tỏ rằng mình là chân lý. Nhưng chẳng qua đó chỉ là những cặp chân vay mượn.

Con rắn -người thầy giáo, vị viện sĩ đầu tiên của chúng ta- đã thuyết phục Eve không mấy khó khăn, và Adam dĩ nhiên đã bị Eve thuyết phục tin theo mình. Người phụ nữ luôn luôn rất có uy thế với đàn ông -tất cả những gì mà người đàn ông suy nghĩ đều không được đếm xỉa đến, ấy thế mà y cứ luôn làm bộ như mình là quan trọng; như mình có nhiều uy thế hơn. Thật là vô nghĩa. Và người đàn bà cứ để cho người đàn ông nghĩ như thế -hoàn toàn "okay", không có vấn đề, cứ để cho y nghĩ như thế. Điều này có làm đổi thay được tình huống gì đâu. Người đàn bà luôn luôn là kẻ cầm cân nẩy mực.

Mọi chuyện đều có lý lẽ của nó... Giống cái luôn có uy thế hơn giống đực; nhu luôn thắng cương, nước chảy đá mòn. Bạn có thể hỏi Lão Tử, nhà minh triết phương Đông, về chuyện này. Ông ta biết rất rõ. Ông ta biết rất rõ dù không phải là người giàu kiến thức. Ông ta bảo rằng nếu bạn muốn có quyền lực lâu dài, hãy trở thành nhu, hãy trở nên thụ động. Thụ động luôn luôn có sức mạnh hơn, hàm súc hơn năng động –đó là lý do tại sao đàn ông không thể mang thai. Y chẳng khác gì một bãi sa mạc cằn khô. Chỉ

đàn bà là có khả năng mang thai, mang sức sống tiềm ẩn. Người đàn bà chuyên chở sự sống; chứa đựng đời sống ở trong họ. Rất nhiều đời sống.

Adam đã bị lọt bẩy, rất thích thú với điều này. Anh ta chắc đã nghĩ rằng nếu càng có nhiều kiến thức y sẽ càng trở nên năng động hơn, sẽ hiểu biết nhiều hơn. Y chắc chắn đã trở thành một con người đầy tham vọng. Đó là những gì mà con rắn đã mang đến. Con rắn há đã chẳng nói rằng, "Nếu bạn ăn trái táo này bạn sẽ chẳng khác gì Thượng Đế, đầy quyền lực như Thượng Đế -đó là lý do mà Thượng Đế cấm bạn ăn trái cấm này. Ngài lo sợ, ngài ghen tức với bạn."

Mỗi đứa con trai trong gia đình đều có cung cách suy nghĩ như vậy -rằng người cha đang ghen tức với mình, rằng cha mình lo sợ mình, rằng ông ta không bao giờ muốn con cái có quyền để ông có thể luôn luôn điều khiển được chúng.

Câu chuyện ngụ ngôn trong kinh thánh này là một câu chuyện ngụ ngôn rất hay ho, chứa đựng nhiều ý nghĩa thâm thúy.

Adam nguyên ở trong trạng thái hiểu biết đơn thuần, thế rồi y trở thành con người có kiến thức. Thế là tôn giáo tín ngưỡng biến mất, và khoa học lên ngôi. Khoa học ... cái tiếng 'khoa học' rõ ràng đã mang sẵn ý nghĩa kiến thức. Thế nên những trái cấm đó chính là trái cấm khoa học. Adam đã đánh mất sự hồn nhiên vô tội và trở thành người lém lỉnh xảo quyệt.

Điều này xảy ra cho tất cả mọi đứa trẻ được sinh ra trong thế giới này. Mỗi đứa trẻ đều được sinh ra trong khu vườn của Thượng Đế -Vườn Địa Đàng Eden- và rồi chúng bị rù quyến bởi những con rắn văn minh, văn hóa, giáo dục. Mỗi đứa trẻ đều bị điều kiện hóa, bị lôi kéo, bị điều khiển nhằm hướng đến tham vọng, những mục tiêu thoả mãn bản ngã –có quyền lực như những ông thượng đế, đó là tất cả tham vọng của khoa học. Khoa học tin rằng một ngày nào đó mình có thể khám phá ra tất cả mọi bí ẩn của vũ trụ và con người trở thành thượng đế, với quyền lực bất tận. Đó chỉ là một tham vọng, một cuộc phiêu lưu của bản ngã.

Chúng ta kéo lê từng đứa trẻ hướng về bản ngã cá nhân mà bản ngã thì lại sống bám vào ngôn ngữ. Thế nên một đứa trẻ càng nói sỏi chừng nào nó càng trở nên vị kỷ chừng nấy. Khả năng diễn tả, truyền đạt ý tưởng của nó bằng lời càng xuất sắc chừng nào, nó càng trở nên nổi tiếng chừng ấy. Nó sẽ trở thành nhà lãnh đạo hay văn hào, nhà thơ, v.v... –đây là những con người nổi tiếng nhất trên thế giới. Nó cũng có thể trở thành nhà tư tưởng, giáo sư Đại học hay là một triết gia. Đây là những con người chuyên chế ngự kẻ khác.

Tại sao họ có thể chế ngự trong thế giới này? Một người ăn nói lưu loát là một người có khả năng chi phối. Làm gì có chuyện một anh lãnh đạo đần độn, ăn nói không ra hồn, không diễn tả được những điều mình suy nghĩ lại trở thành nổi tiếng? Không bao giờ. Danh tiếng đến từ ngôn ngữ. Thế là đứa trẻ bắt đầu ngày càng trở nên gắn bó với ngôn ngữ, với lời nói –và Bồ Đề Đạt Ma cho rằng, "Bất lập văn tự."

Tôi đã gọi con rắn là người thầy giáo đầu tiên. Thế nên nỗ lực chính của một vị Đạo Sư tôn giáo không gì ngoài việc làm thế nào để giải trừ con rắn này, làm thế nào để giải trừ tất cả những gì mà bạn đã được dạy dỗ, làm thế nào để giải trừ cả một hệ thống giáo dục, làm thế nào để giải phóng bạn ra khỏi tình trạng bị điều kiện hóa, làm thế nào để giúp bạn giải trừ ngôn ngữ. Khoảnh khắc mà ngôn ngữ được giải trừ, bạn trở lại thành con người ngây thơ vô tội –đó là cái mà người ta gọi là thánh quả, là ngây thơ, là vô nhiễm nguyên tội.

Cái khoảnh khắc mà ngôn ngữ lìa khỏi tâm và bạn không bao giờ còn quay cuồng chung quanh lời nói, một sự tĩnh lặng vô biên xuất hiện... sự tĩnh lặng mà hầu như bạn đã lãng quên từ một thuở xa xưa nào đó. Bạn không hề được cảnh báo rằng bạn đã từng có nó. Nó tràn ngập bạn khi bạn còn là bào thai nằm trong bụng mẹ. Nó chan hoà hiện hữu khi bạn mới sanh ra, lần đầu tiên mở mắt chào đời. Nó luôn ở đó, cực kỳ sống động. Bạn sống trong nó vài ngày, vài tháng, vài năm. Và rồi nó biến mất, từ từ biến mất. Những bụi bặm chồng chất và rồi tấm gương không còn phản chiếu nữa. Khi người ta nói rằng bạn đã trưởng thành cũng có nghĩa là bạn đã đánh mất đi sự thơ ngây vô tội.

Người ta đã làm hư hỏng đời bạn, người ta đã thôi miên và đưa bạn vào ngôn ngữ. Bây giờ bạn nghĩ rằng mình thấy, nhưng thực ra bạn không nhìn thấy gì hết. Bây giờ bạn nghĩ rằng mình biết nhưng thực ra bạn không biết gì cả. Bạn quanh quẩn hết chỗ này đến chỗ nọ nhưng không bao giờ đi vào đúng mục tiêu. Bạn chỉ chạy lòng vòng thôi. Bạn sẽ nói về Thượng Đế, nói về tình yêu, nói đủ thứ chuyện nhưng bạn chẳng hề biết rõ cái gì cả - bởi vì để biết về yêu bạn phải yêu trước đã. Suy nghĩ về nó, đọc trăm cuốn sách về nó cũng chẳng ích lợi gì hết. Bạn có thể trở thành một chuyên gia nặng ký về tình yêu nhưng thực ra bạn hoàn toàn mù tịt về nó. Phải thực

chứng trước đã. Ngôn ngữ cực kỳ tráo trở. Nó thay thế chân lý bằng sự nói về chân lý.

Một hôm có một người đến gặp tôi và cho biết, "Bây giờ tôi mới được biết về Thượng Đế." Tôi trả lời, "Tại sao lại biết về? Tại sao không tự mình chính là Thượng Đế?" Vâng, tại sao lại biết về? Nó giúp ích được cái gì khi bạn chỉ biết về Thượng Đế? Vâng, bạn có thể tích luỹ được một số thông tin, dữ kiện, bạn sẽ trở nên giàu kiến thức –nhưng điều này chẳng giúp ích gì cho bạn cả, nó chẳng hề làm bạn thăng hoa, chẳng hề biến thành ánh sáng giác ngộ ở trong bạn. Bạn vẫn chìm ngập trong bóng tối như bao giờ.

Tất cả những nỗ lực của Chúa Giê Su, của Đức Phật, của Bồ Đề Đạt Ma không gì khác hơn ngoài việc làm thế nào để giải trừ tất cả những gì mà xã hội đã tác động lên bạn. Đây là những con người chống lại xã hội nhất trong thế giới này. Họ phá hủy tất cả những gì mà xã hội đã tạo dựng lên chung quanh bạn, tất cả những rào chắn chung quanh bạn, tất cả hàng rào phòng thủ chung quanh bạn, tất cả những bức tường chung quanh bạn -họ phá hủy, tiếp tục phá hủy. Như là những con người hư vô chủ nghĩa vĩ đại. Chỉ có một việc đơn giản là phá hủy -Phá hủy bởi vì không cần thiết phải tạo dựng lên. Nó đã có sẵn ở đó. Đâu cần phải sáng chế ra mà chỉ cần khám phá ra. Hay, nói một cách chính xác hơn, khám phá trở lại.

Bạn đã từng biết nó. Thế nên đó là lý do tại sao mà chúng ta luôn luôn có một cảm giác thoáng qua về cực lạc. Có khi chúng ta biết nó là cái gì nhưng mà rất khó dùng ngôn từ để diễn tả. Chúng ta đang tìm kiếm nó. Chúng ta đang mò mẫm trong bóng tối để hướng về một cái gì đó gọi là cực lạc. Nếu

trước đây bạn chưa hề biết nó, tại sao bây giờ bạn lại tiếp tục mò mẫm kiếm tìm? Chắc chắn là bạn đã có lần biết nó. Bây giờ có thể bạn đã quên đi, đúng vậy, nhưng bởi vì bạn đã từng biết qua thế nên trong tận cùng sâu thẳm của tiềm thức, trong ngỏ ngách sâu kín của tâm hồn, bạn vẫn mang theo với bạn giấc mơ cùng nỗi nhớ nhà.

Trường hợp này cũng giống y như vậy. Bạn đã từng biết Thượng Đế. Bạn đã từng sống như là một Thượng Đế. Khi bạn còn là một đứa trẻ, bạn sống hồn nhiên không bản ngã -trước khi tiếp xúc với con rắn lần đầu tiên. Bạn đã từng được biết qua, ngày đó đôi mắt của bạn hoàn toàn trong sáng, và tất cả mọi thứ đều trong suốt, bạn có thể nhìn xuyên qua không có gì ngăn ngại. Bạn đã từng sống như là một Thượng Đế, từng biết qua cực lạc là gì nhưng nay bạn đã quên đi. Thế nhưng trong tận cùng tiềm thức nó vẫn không ngừng nhắc nhở bạn –"Hãy đi tìm. Hãy tìm nữa."

Từ đó bạn tìm kiếm Thượng Đế, bạn tìm kiếm thiền định, bạn tìm kiếm yêu thương, bạn tìm kiếm tất cả những gì có thể tìm kiếm được. Có lúc bạn đi đúng hướng, có lúc bạn lạc đường, thế nhưng bạn vẫn tiếp tục đi tìm kiếm cái mà bạn biết đã có lần ở đó và bây giờ không còn nữa. Đến cái ngày mà bạn biết được Thượng Đế là gì, cái ngày mà bạn thân chứng được điều này, bạn sẽ bật cười sảng khoái : "Đây là Thượng Đế sao? Ta đã từng biết rồi mà. Ta có thể nhận ra được." Đó là cách mà con người đã nhận ra Thượng Đế như thế nào, bằng không làm sao họ có thể nhận ra được? Nếu một ngày nào đó bạn đi ngang qua tôi, và nếu bạn không biết tôi trước, làm sao bạn có thể nhận ra tôi?

Con người đã từng nhận biết nó. Khoảnh khắc mà Đức Phật đạt đến giác ngộ, Ngài có thể nhận ra ngay lập tức, "Vâng, nó đây rồi". Khi Bồ Đề Đạt Ma đạt đến khoảnh khắc đó, Ngài cả cười, "Nó đây mà? Trong tuổi ấu thơ của ta, nó đã từng ở đó. Nhưng rồi nó đã bị hủy diệt, nó đã bị nhiễm độc. Bụi bặm đã quẳng vào mắt ta và sự trong sáng không còn nữa. Bây giờ thì đôi mắt ta đã phục hồi chức năng trở lại và ta có thể trông thấy nó."

Thượng Đế hiện hữu như thế. Bạn chính là Thượng Đế mà không hay, vị Thượng Đế đang ngủ quên chưa ai đánh thức dậy.

Thêm một chi tiết chung quanh câu chuyện trong Kinh Thánh. Chuyện kể rằng Thượng Đế đã trục xuất Adam ra khỏi Vườn Địa Đàng. Điều này không đúng. Thượng Đế không thể trục xuất bất cứ ai. Thượng Đế không hề có quyền lực trong lãnh vực này. Thượng Đế trục xuất người ta đi đâu? Làm ơn cho tôi biết. Chỗ nào? Ở đâu cũng là vườn của Ngài. Bất cứ bạn ở chỗ nào chỗ đó vẫn là vườn của Ngài. Từ đầu này cho đến đầu kia, đâu đâu cũng là Vườn Địa Đàng Eden. Không cách gì có thể trục xuất được. Vương quốc của Thượng Đế là vô tận. Làm thế nào mà Ngài có thể trục xuất bạn được? Trục xuất bạn đi đâu bây giờ? Đâu có chỗ nào khác? Thế giới của Ngài là duy nhất, đâu còn thế giới nào khác. Thế nên Adam không hề bị trục xuất bởi lẽ không có chỗ nào để trục xuất.

Thứ hai, Thượng Đế không thể trục xuất bởi vì Adam cũng chính là Thượng Đế. Adam là một phần của Thượng Đế. Làm thế nào bạn có thể trục xuất một phần thân thể của chính mình? Tôi không thể nào trục xuất tay của tôi hay chân của tôi. Không thể nào. Trục xuất Adam cũng chẳng khác gì Thượng Đế tự làm cho mình trở nên tàn tật. Không hề có chuyện

như vậy, Ngài không thể nào làm như thế; Ngài không phải là kẻ bạo dâm nên không thể nào tự cắt xẻo mình ra thành từng bộ phận. Thượng Đế rất nhân từ. Và như thế, Adam không thể nào bị trục xuất.

Như vậy thì chuyện gì đã xảy ra? Anh chàng Adam chắc chắn thế nào cũng cảm thấy buồn ngủ. Ăn trái Cây Hiểu Biết xong là y sẽ chìm vào cơn buồn ngủ thôi. Bây giờ y sẽ không còn nhìn thẳng vào thực tại nữa mà bắt đầu mơ mộng về nó. Bây giờ thì y có những ý tưởng riêng, ý niệm riêng, thị kiến riêng của mình. Bây giờ thì y trở thành nhà chế tạo, và tha hồ sáng chế. Thay vì nhìn thực tại với nguyên dạng, y lại sáng chế ra. Y sử dụng thực tại nguyên dạng như là cái màn ảnh để phóng chiếu cái thế giới ngôn ngữ ý niệm của riêng mình.

Đó là lý do tại sao Bồ Đề Đạt Ma tuyên bố, "Bất lập văn tự". Và nếu bạn đã lập thì hãy nên tháo rời, buông bỏ. Đây là một trong những thông điệp căn bản nhất của Thiền. Tiếng Trung hoa gọi tình trạng này là 'mo chao' -mặc chiếu- khi bạn không còn dùng đến ngôn ngữ văn tự. Mo -mặc- có nghĩa là yên tĩnh, yên lặng và 'chao' có nghĩa là chiếu. Từ chiếu (reflection) này không mang cái ý nghĩa như ta hiểu thông thường trong Anh ngữ, tức không phải là quán chiếu. Ý nghĩa thực sự của nó bao hàm sự phản chiếu với phẩm chất của một tấm gương. Mặt hồ đang yên lặng –không một gợn sóng lăn tăn. Nó phản chiếu một cách hoàn toàn, như trong đêm trăng rằm, vầng trăng được phản chiếu trọn vẹn trên mặt hồ.

Bạn đã từng trông thấy chưa? Cái vầng trăng được phản chiếu trên mặt hồ còn đẹp tuyệt vời hơn cả vầng trăng trên bầu trời kia nữa. Có một cái gì đó đã được điểm xuyết vào -phải chăng là cái quang cảnh thanh vắng, tĩnh lặng, mát mẽ của chiếc hồ? Và cả cái tấm gương trong xinh xắn kia. Khi Thượng Đế phản chiếu vào bạn, vào cái tình trạng mặc chiếu đó, Thượng

Đế cũng trở nên xinh đẹp rực rỡ bội phần. Một chất liệu gì đó đã được bỏ thêm vào.

Thế rồi bạn suy nghĩ, cũng có nghĩa là lúc bạn làm cho mặt hồ sóng gợn. Chiếc hồ nay ở trong tình trạng xáo động. Bạn không còn ở trong tình trạng phản chiếu. Bạn ở trong tình trạng phá hủy thực tại. Mặt trăng sẽ không còn phản chiếu nguyên dạng nữa, nó bị hủy diệt bởi những gợn sóng do bạn gây ra. Nếu đó là những lượng sóng lớn, tầm mức hủy diệt lại càng lớn hơn. Thế là chẳng những bạn không thêm được gì vào nét đẹp của vầng trăng mà ngược lại bạn tước đoạt hoàn toàn nét xinh xắn đó. Và rồi sự thật bị bóp méo. Trăng không còn là trăng mà là một cái gì đó rất xa lạ, không đúng với sự thật. Hoàn toàn không đúng.

Tình trạng mặc chiếu này được diễn tả trong một bài thơ nổi tiếng của Thiền Sư Hung Chin :

Khi bỏ quên mọi ngôn từ chìm khuất vào lặng yên, tĩnh mịch ;

Thực tại xuất hiện trước mặt ta sống động rõ ràng.

Nó bao la vô bờ khi ta thực chứng ;

Trong Bản thể của nó, ta trở nên tỉnh thức.

Tuệ giác sáng ngời được phản chiếu

Đầy kỳ diệu là sự phản chiếu thuần khiết này...

Giọt sương và vầng trăng,

Những ngôi sao và những dòng suối

Tuyết bám trên những cành thông

Những đám mây lửng lơ trên đầu núi-

Từ bóng tối, tất cả bừng lên trong ráng hồng rực rỡ ;

Từ tối tăm, tất cả nhuộm trong ánh sáng lộng lẫy chan hòa.

Nỗi ngạc nhiên vô tận thấm vào sự tĩnh lặng này ;

Trong phản chiếu này mọi nỗ lực cố ý đều biến mất.

Tĩnh lặng là lời nói cuối cùng của mọi lời giáo huấn.

Chân lý của mặc chiếu

Là viên mãn và viên thành.

Hãy nhìn xem ! Trăm nhánh sông đang xuôi chảy

Tuôn trào thành những dòng thác

Xuôi về đại dương !

Thiền được đặt cơ sở trên mặc chiếu –*mochao*. Cần phải hiểu rõ điều này. Nhưng khi nói tịch tĩnh không có nghĩa là một sự vắng lặng cưỡng chế. Bạn có thể ép cho tâm của bạn trở nên vắng lặng nhưng điều này chẳng

giúp ích gì nhiều cho bạn cả. Đó là điều mà nhiều người nghĩ rằng các Thiền giả trên thế giới này đang làm. Họ đã bức ép tâm một cách hung bạo. Họ đã tấn công tâm của họ một cách quyết liệt. Nếu bạn cứ tiếp tục theo kiểu này thì bạn có thể đạt đến cái điểm mà tâm của bạn –vì quá mệt mỏi- đã phải nhượng bộ. Tuy nhiên đây chỉ là bề mặt thôi, trong tận cùng tiềm thức của bạn vẫn không ngừng xáo động. Đây chỉ là một tĩnh lặng giả hiệu, hoàn toàn không có thật.

Sự tịch tĩnh không thể được mang đến bằng ý chí –không bao giờ. Cũng không thể mang đến bằng nghị lực. Nó chỉ đến bằng hiểu biết cảm thông, không phải bằng quyết tâm, ý chí. Thế nên đừng bao giờ nghĩ đến việc thay thế cảm thông bằng ý chí -mặc dù đây là một cám dỗ lớn. Sự cám dỗ luôn luôn có mặt, bởi vì làm bất cứ chuyện gì đó thông qua ý chí, hay dùng sức mạnh coi bộ vẫn dễ dàng hơn ; bằng cảm thông và thương yêu thì lại vô cùng khó khăn và hình như phải mất cả nghìn năm mới đạt đến. Thế nên thông thường người đời vẫn thường có thói quen tìm con đường tắt.

Nhưng khốn nỏi, đời sống tâm linh không thể tiến bộ bằng những con đường tắt. Không hề có chuyện như thế và sẽ không bao giờ có chuyện như thế. Bạn đừng bao giờ để mình trở thành nạn nhân của những con đường tắt. Sự tịch lặng cần phải được vun quén, không thể bằng cưỡng chế. Nó phải được đến từ tận cùng cốt lõi sâu thẳm của bạn, từ cảm thông.

Thế nên hãy cố gắng để hiểu ngôn ngữ đã làm gì cho bạn, cố gắng để hiểu ngôn ngữ đã hủy diệt trong bạn những gì, cố gắng để hiểu rằng những kiến thức của bạn không phải là hiểu biết. Nhìn thẳng vào nó. Canh chừng nó. Lưu tâm đến nó trong mọi trạng huống -để thấy rằng nó đã kéo bạn xa rời thực tại như thế nào.

Khi bạn đi ngang qua một đoá hồng và ngay cái khoảnh khắc mà bạn vừa trông thấy nó, lập tức ngôn ngữ nhảy vào và rồi tâm của bạn thốt lên, «Một đoá hồng tuyệt đẹp.» Thế là bạn đã hủy diệt mất một cái gì đó. Bây giờ thì không còn cả cái tuyệt đẹp lẫn bông hồng -lời nói đã chen vào. Đừng bao giờ để cho lời nói xen vào từng mỗi một kinh nghiệm sống của bạn. Thỉnh thoảng bạn cứ ở đó cùng với cái bông hồng mà không cần phải buột miệng ra, « Đoá hồng ». Không cần thiết như vậy. Đóa hồng không hề có tên, những danh hiệu đều do con người gán cho chúng. Danh không phải là thực. Thế nên nếu bạn cứ mãi bám víu vào danh, bạn sẽ xa rời thực tại. Cái tên chợt đập vào đôi mắt bạn và rồi từ đó bạn phóng chiếu ra một cái gì khác -tất cả những bông hồng trong quá khứ.

Khi bạn nói rằng, đây là một đóa hồng, bạn đang làm cái công việc phân loại nó mà thực ra không một đoá hồng nào có thể được xếp loại bởi vì tất cả hoa hồng đều thống nhất và mang bản sắc cá biệt khó mà xếp loại. Như vậy, đừng xếp hạng, đừng cho vào từng ngăn kéo, đừng bỏ nó vào hộp. Hãy thưởng thức vẻ đẹp của nó đi. Hãy thưởng thức màu sắc, thưởng thức vũ điệu của nó. Hãy đứng đó. Không nói một lời. Chỉ nhìn ngắm. Mặc chiếu –mochao- để sự vật tự nó phản chiếu trong tịch lặng. Bạn trở thành một tấm gương. Nếu bạn trở thành một tấm gương, bạn đã trở thành một hành giả hành Thiền. Thiền định không gì khác hơn là kỹ thuật soi bóng mình. Bây giờ không còn một ngôn từ nào thâm nhập vào nội tâm, bạn không còn bị kéo đi lạc hướng.

Lời nói liên hệ với nhau, nối kết với nhau. Lời này dẫn đến lời khác, rồi lời khác nữa và rồi càng ngày nó càng dẫn bạn đi xa hơn. Cái khoảnh khắc bạn nói rằng, « Đây là một đóa hồng tuyệt đẹp, » lập tức bạn nhớ ngay đến người bạn gái có thói quen yêu thích hoa hồng, và rồi bạn nhớ lại những gì đã xảy đến với cuộc tình cùng người bạn gái năm nào -mối tình thơ mộng,

tuần trăng mật, và rồi những bất hạnh xảy đến, và tiếp theo là đổ vỡ, ly dị… đại loại như thế.

Và đóa hồng này -hầu như bạn đã quên bẵng nó đi. Đóa hồng này không còn ở đó nữa. Ngôn ngữ, văn tự đã lôi kéo bạn đi vào một cuộc viễn du mới. Một từ dẫn đến một từ khác; những liên kết không ngừng tiếp diễn. Tất cả những từ đều kết nối nhau, gắn liền nhau trong một mối quan hệ sâu xa. Hãy bắt đầu bằng một từ và rồi bạn chờ xem, nó sẽ bắt đầu nhảy lung tung.

Bạn nói « Con chó » chẳng hạn, một từ rất bình thường, nhưng rồi chỉ một giây sau đó bạn lập tức bị cuốn theo bởi từ này. Bạn nhớ lại con chó đã làm bạn kinh hoàng lúc nhỏ -con chó của người hàng xóm. Nó đã làm bạn hoảng sợ biết bao mỗi lần bạn đi học về, bây giờ nhớ lại chuyện này, trái tim của bạn như đập mạnh hơn, mối lo sợ như chớm bùng dậy. Con chó này vẫn còn chỗ đứng trong trí tưởng bạn. Con chó này dẫn bạn nghĩ lan man đến người láng giềng, và cứ thế, chuyện nọ dẫn đến chuyện kia.

Một chuyện dẫn đến một ngàn lẻ một chuyện khác và xem chừng như không bao giờ chấm dứt. Vâng, tất cả bắt đầu bằng Ngôi Lời -Kinh Thánh quả nói rất đúng. Tất cả đều được bắt đầu bằng lời. Thế gian được khởi đầu bằng lời. Khi bạn quên lời, cái thế giới đó biến mất. Bạn thể nhập vào Thượng Đế. Và rồi đứa con đi hoang, đứa con bị trục xuất kia nay lại trở về nhà. Nó đã và đang sống trong tỉnh thức.

Thế nên đừng bao giờ phải gượng ép để đạt đến tĩnh lặng. Đó là lý do tại sao tôi cứ mãi lập lại ở đây là đừng nên gượng ép –thay vì cứ việc nhảy múa, hát ca. Cứ để cho những hoạt động tự nhiên của bạn tuôn trào. Cứ để

cho tâm của bạn rong chơi đây đó, cho đến một lúc nào tự nó cảm thấy thấm mệt. Cứ việc nhảy rồi thở rồi chạy bộ rồi đi bơi, đến một lúc nào đó thân tâm của bạn mệt mỏi, đó là lúc bạn ngồi xuống yên lặng và lắng nghe.

Từng khoảnh khắc tịch tĩnh cực kỳ vi tế sẽ bắt đầu thấm vào hồn bạn. Từng giọt một. Có một danh từ chuyên môn của nhà Phật để gọi cái này... Đó là sát na tỉnh thức, 'chitta-kshana' -một khoảnh khắc của tỉnh thức. Những sát na tỉnh thức, những khoảnh khắc vi tế của ý thức này, bắt đầu nổi lên ở trong bạn. Chúng đến cách quảng. Khi một niệm vừa diệt, niệm kia chưa kịp dấy lên, giữa hai khoảnh khắc này bỗng dưng một khoảng trống xuất hiện –đó là một cách quảng, một kẻ hở. Từ đây bạn có thể nhìn xuyên suốt thực tại, vô cùng sáng tỏ. Bạn nhìn trở lại bằng đôi mắt hồn nhiên của tuổi thơ mà bạn đã hoàn toàn đánh mất. Thế giới một lần nữa lại rực rỡ muôn màu, phiêu bồng, sống động, kỳ diệu vô cùng.

Đó là điều mà Thiền sư Hung Chin đã nói...

đầy kỳ diệu là sự mặc chiếu thuần khiết này...

Nỗi ngạc nhiên vô tận đó đã chan hoà vào sự tịch lặng.

Sự kỳ diệu là hương vị của tịch tĩnh. Cái tâm của người thời nay đã mất hết khả năng ngạc nhiên. Do kiến thức, nó đã mất hết mọi khả năng để nhìn vào những điều bí ẩn, những phép lạ, vì nó nghĩ là nó biết hết mọi chuyện. Cái khoảnh khắc mà bạn nghĩ rằng mình biết, nỗi ngạc nhiên không còn dấy lên. Cái khoảnh khắc mà bạn mất dần kiến thức, sự kỳ diệu trở lại, bắt

đầu thâm nhập bạn. Hãy lắng nghe. Nếu bạn nghĩ rằng bạn hiểu biết cái cây này, bạn sẽ không còn thấy được cái kỳ diệu của nó.

Đó là lý do mà bạn không hề cảm thấy sững sờ trước vợ bạn, trước vẻ đẹp của nàng. Bạn cứ tưởng là bạn biết nàng. Nếu nàng là vợ của kẻ khác thì may ra còn thu hút, hấp dẫn bạn. Nhưng đây là vợ bạn, và bạn nghĩ là bạn biết nàng, biết quá rõ là khác. Thật ra không phải như vậy -bởi vì mỗi con người là một điều bí ẩn hoàn toàn không cách gì hiểu được. Bạn không thể hiểu được người đàn bà này chỉ vì bạn là chồng của người đó, bạn cũng không thể biết được người đàn ông kia vì bạn là vợ của anh ta.

Bạn có thể sống chung với nhau hằng ba chục năm trời nhưng vẫn không hề hiểu về nhau. Các bạn vẫn chỉ là những người khách lạ. Bởi vì tất cả chúng ta đều là những nỗi bí ẩn, không cách gì có thể làm quen được, mỗi khoảnh khắc đều không thể tiên đoán được.

Thỉnh thoảng bạn thể nghiệm được chuyện đó. Bạn sống với một người đàn bà hơn mười năm, bỗng dưng một hôm bạn thấy nàng nổi cơn thịnh nộ, và bạn không bao giờ ngờ rằng nàng có thể giận dữ đến như thế. Trong mười năm bạn đã nhìn kỹ nàng và nàng thì luôn luôn dịu dàng, đáng yêu, nhân ái biết bao, thế mà bỗng dưng hôm nay nàng lại nổi giận lên như thế, giận đến độ muốn giết luôn cả bạn. Khó mà lường trước được. Thế mà bạn cứ tưởng là mọi sự đã ổn định, đã bắt đầu cho là một chuyện đương nhiên, và nghĩ rằng bạn rất hiểu nàng. Không có ai hiểu ai cả. Nàng không hề hiểu bạn và bạn cũng không hề hiểu nàng.

Vâng, có thể là bạn đã sanh ra một đứa con. Nó đã nằm trong bào thai hơn chín tháng, nhưng bạn không biết gì về nó. Khi đứa trẻ ra đời, như những đứa trẻ khác, bạn cũng khó mà tiên liệu nó như thế nào. Chúng ta chỉ là những kẻ lạ mặt.

Cả toàn thể hiện hữu này cũng thế. Những cành cây chung quanh đây... Bạn trông thấy nó hàng ngày nhưng trong từng giây, từng phút qua đi thật ra bạn đã không trông thấy gì cả bởi vì bây giờ bạn nghĩ rằng bạn đã biết nó –trọng điểm là gì ? Hãy làm ơn lắng nghe tôi đi. Hãy nhìn chúng trở lại một lần nữa và rồi bạn sẽ ngạc nhiên. Không có cái gì gọi là đã biết. Kiến thức chẳng mang lại gì cả. Kiến thức chỉ là sự dốt nát hoàn toàn. Cuộc sống vẫn là những bí ẩn. Vâng, ta có thể vẫn vui sống, nhảy múa, hát ca, chúc tụng cuộc đời –ta có thể làm như vậy. Nhưng hiểu được nó, không bao giờ.

Tất cả những bậc đạo sư lớn của thế giới này đều cho rằng không có cái gọi là kiến thức. Nó không hề hiện hữu trong bản chất của vạn pháp. Và tất cả những điều mà bạn nghĩ rằng mình biết thật ra chỉ là chuyện bình thường - những điều giả huyễn của bạn. Và rồi chính cái điều giả huyễn này đã trở thành gánh nặng không còn cho bạn những ngạc nhiên khám phá trước cuộc đời. Một đứa trẻ ngạc nhiên thích thú là vì nó chưa hề biết gì. Một khi nó bắt đầu làm quen -học địa lý, học sử ký và tất cả những điều nhảm nhí khác- thế là nó nghĩ rằng mình là người hiểu biết. Từ đó, những đóa hoa không còn thơm mùi hương nguyên thủy nữa, những cánh bướm không còn hấp dẫn y như trước đây. Và rồi nó không còn chạy nhảy nhặt vỏ sò trên bải biển. Người ta nói rằng nó đã trưởng thành.

Thực ra nó đã ngừng lớn khôn. Thực ra nó đã chết. Cái ngày mà bạn nghĩ rằng mình hiểu biết, cũng là ngày mà bạn khai tử chính mình -bởi lẽ từ đây bạn sẽ không còn ngạc nhiên, vui sống, thích thú trước cuộc đời. Bạn đang sống trong nỗi chết. Và như vậy, bây giờ bạn có thể chui vào huyệt mộ được rồi, đâu có gì mất mát hay nuối tiếc. Bởi vì bạn sống mà không còn chút ngạc nhiên trước cuộc đời thì sống để làm gì ? Tự tử đi là hơn. Quả thật đúng như vậy. Chúng ta đang tự sát. Cái ngày mà bạn nghĩ rằng mình hiểu biết, bạn đang thực hiện một cuộc tự sát.

Với mặc chiếu –*mo chao*- một lần nữa bạn lại trở thành trẻ con, bạn lại nhìn đời bằng đôi mắt tuyệt vời của tuổi thơ –ngây thơ, hồn nhiên, trong trắng.

Như vậy, hãy nhớ kỹ rằng, tịch tĩnh hay tĩnh lặng không phải là sự điềm tĩnh hay thanh thản. Nó bao hàm sự vượt qua cả lời hay cả ý để hiển lộ một trạng thái siêu việt, chan hoà an lạc. Nó không phải là một cái tâm vắng lặng mà là một vắng lặng tự thân. Nó cũng không phải là một nỗ lực để đưa vào kỷ cương. Nó không có gì để thực hành, mà chỉ cần được thông cảm, yêu thương. Bạn phải vui đùa với nó thay vì tìm phương cách giải quyết. Không hề có bất cứ một nỗ lực tinh thần nào ở đây. Vâng, đó là tất cả những gì được gọi là thiền định -vắng bóng nỗ lực tinh thần. Tâm đi vào trạng thái vô niệm, tâm đi vào trạng thái tịch tĩnh.

Nó không có một chút hơi hướng nào của hoạt động tinh thần, đây là sự tỉnh giác trong tịch lặng của tánh không. Người Nhật đã có một danh từ khá tuyệt cho trạng thái này: họ gọi là *kokoro. Kokoro* có nghĩa là tánh không tuyệt đối, là không có gì cả, là trống rỗng hoàn toàn –nhưng không phải là tiêu cực. Tánh không cho ta cảm giác một cái gì đó bị phủ định. Không. Tất cả những gì là rác rưởi đều phải bị phủ định, chắc chắn và hiển nhiên như thế, nhưng một khi bạn phủ định tất cả những gì là rác rưởi, thì phần bản tánh thẳm sâu nhất ở trong bạn lại được khẳng định. Đó là phần tích cực nhất.

Khi chiếc hồ không còn những gợn sóng lăn tăn bạn có thể nói rằng không có gì trên mặt hồ. Tuyệt đối không có gì lưu lại, nổi lên ở trên đó. Nhưng đây không phải là một thể trạng tiêu cực. Thực ra trong sự yên lắng hoàn toàn này, chiếc hồ bây giờ đã tự khẳng định chính mình. Bản tánh của nó

đã được thể hiện rõ ràng qua mặt hồ, từ lâu vốn bị những luồng sóng, những gợn lăn tăn che khuất. Bây giờ thì nó được hiện bày ra. Không ồn ào, hoàn toàn trong yên lắng. Nó không cần phải kêu lên, "Tôi đây này" – cái "Tôi" đã không còn hiện hữu nữa.

Cái "Tôi" này chẳng là gì cả ngoài những náo động của bạn kết hợp lại. Khi những náo động này biến mất, khi cái tâm, cái trí không còn, bỗng nhiên lần đầu tiên bạn trở lại là mình –đúng vậy, bạn chưa bao giờ là bạn cả. Trong lối sống cũ đó, bạn không hề là bạn; bây giờ con người cũ đó chết đi, bạn được tái sanh trở lại. Đây là lần thơ ấu thứ hai trong đời.

Thiền sư Suigan, sau mùa an cư kiết hạ tuyên bố, "Ta đã nói khá nhiều trong suốt mùa hè này, đủ mọi thứ chuyện Đông Tây kim cổ, với chư huynh đệ. Xem thử coi lông mày của ta có tiếp tục dài thêm chút nào không?"

"Chúng dài đẹp lắm đó, bạch Thầy", một đệ tử trả lời.

"Kẻ nào phạm tội trộm cắp, tâm hồn họ sẽ không bao giờ thoải mái," một người khác nói.

Và người thứ ba, chẳng nói gì cả, chỉ buột miệng, "Kong!"

"Kong" chỉ là một lời thốt ra hoàn toàn vô nghĩa. Nó cũng chẳng biểu trưng cái gì, chỉ là một âm thanh.

Vi Thiền sư đang nói… Đây là chuyện khôi hài, nếu không nói là điều nghịch lý –ngay cả một vị Thiền sư cũng phải nói. Ông ta nói về chuyện giải trừ ngôn ngữ thế nhưng ông ta vẫn còn phải sử dụng đến ngôn ngữ.

Chẳng khác gì bạn đang lâm bệnh vì một loại độc dược và chúng ta bào chế thuốc men bằng một loại độc dược khác để chữa trị bệnh này. Tất cả mọi loại thuốc men đều được chế biến từ chất độc. Đó là cách dùng độc trị độc.

Chân của bạn đang đạp phải một cái gai, chúng ta chạy đi kiếm một cái gai khác để lể nó ra. Dùng gai lể gai là như thế. Vâng, chuyện khôi hài là ngay cả một vị Thiền sư cũng phải nói luôn mồm. Phật cũng đã nói liên tục trong suốt bốn mươi hai năm, buổi sáng, buổi chiều, buổi tối –và lúc bán thời. Và Ngài chỉ nói có một chuyện –đó là: đừng nói gì nữa, hãy yên lặng, "Đạo vốn không lời".

Bây giờ thì vị Thiền sư này, cái ông Suigan đó, đã phải nói trong suốt mấy tháng, và kết thúc mùa an cư bằng câu, *"Ta đã nói khá nhiều trong suốt mùa hè này, đủ mọi thứ chuyện Đông Tây kim cổ, với chư huynh đệ. Xem thử coi lông mày của ta có tiếp tục dài thêm chút nào không?"* Ý ông ấy muốn nói, "Này nhìn xem, ta đang sống hay đã chết đây. Nói nhiều như thế chắc là ta chết mất rồi, có thể ta không còn lớn dậy nữa".

Người đệ tử thứ nhất trả lời, "Chúng dài đẹp lắm đó, bạch Thầy". Y nói rất đúng, một trăm phần trăm đúng. Y có thể nhìn thấu suốt vào vị Thầy mình. Những lời mà ông nói ra không hề khuấy động sự tịch tĩnh của ông,

không hề biến ông trở thành cái xác chết khô cằn -mạch đời của ông vẫn tuôn chảy như tự bao giờ. Chúng không hề là những chướng ngại. Như vậy bạn chỉ được quyền nói khi nào mà lời sẽ không hủy diệt sự tịch tĩnh trong bạn. Khi sự tịch tĩnh này không bị đụng chạm bởi lời, bạn có thể nói. Những lời nói của bạn lúc này sẽ là một ân sủng cho trần gian. Bạn sẽ giúp cho biết bao người thoát ra khỏi sự trói buộc của ngôn từ. Lời nói của bạn lúc này sẽ biến thành một thần dược.

Thế nhưng nếu lời nói làm khuấy động sự tịch lặng của bạn, nghĩa là trong khi nói bạn bị tách lìa ra khỏi phần thẳm sâu nhất của sự tịch tĩnh trong bạn, *mặc chiếu*, thì lời nói sẽ chỉ là những phù phiếm, vô ích. Lúc này tốt nhất là bạn nên chữa trị cho mình trước đã. "Người thầy thuốc tự chữa trị cho chính mình". Khoan nghĩ đến chuyện chữa trị cho ai khác. Bạn sẽ gây nguy hại cho họ thay vì chữa lành cho họ.

Người đệ tử thứ nhất trả lời, "Chúng dài đẹp lắm đó, bạch Thầy. Tôi có thể nhìn thấy được sự an nhiên tự tại đó".

Người đệ tử thứ hai nói, "Kẻ nào phạm tội trộm cắp, tâm hồn họ sẽ không bao giờ thoải mái." Người này xem ra khá hơn người trước. Điều y muốn nói là, "Thầy ạ, mặc dầu Thầy đã vượt ra ngoài chuyện trộm cắp, nhưng nếu Thầy phạm phải, Thầy vẫn cảm thấy tội lỗi như thường. Chúng con biết là lời nói không còn khuấy động đến Thầy, thế nhưng lời nói vẫn còn là một mối phiền toái làm Thầy không thoải mái. Con có thể nhận thấy điều đó."

Tôi có thể hiểu được những suy nghĩ của người học trò thứ hai. Vâng, nói chuyện với các bạn tôi không được thoải mái, vì có một điều hết sức nguy hiểm là bạn có thể đã không lắng nghe những gì tôi đang nói, không lắng

nghe những điều mà tôi muốn nói và rồi bạn cũng sẽ bắt đầu nói như tôi. Nguy hiểm nằm ở chỗ đó. Thế là tôi đang phạm một lỗi lầm. Tôi đã phải phạm tội bởi vì không còn một cách thế nào khác để giúp đỡ bạn. Phải chấp nhận sự rủi ro thôi.

Người đệ tử thứ hai như thế đã đi sâu thêm một bậc. Nên nhớ rằng nếu người đệ tử thứ nhất đúng một trăm phần trăm thì người đệ tử thứ hai đúng đến hai trăm phần trăm. Y nói, "Kẻ nào phạm tội trộm cắp, tâm hồn họ sẽ không bao giờ thoải mái. Tôi có thể nhận thấy điều đó."

Nhưng người thứ ba thì có thể nói là đúng đến ba trăm phần trăm. Người đệ tử thứ ba không nói gì cả, y chỉ thốt ra một tiếng đơn giản "Kong!" Giống như bạn kêu lên "hu!" Bởi vì nói ra bất cứ điều gì cũng đều là vô nghĩa. Y chỉ buột ra một âm thanh. Và điều y muốn nói là, "Bất cứ những gì mà Thầy đã và đang nói ra chỉ là những thanh âm rỗng tuếch, Thầy ạ! Không có gì phải lo lắng. Bất cứ những gì mà Thầy đã và đang nói chẳng khác gì nhả ra một luồng hơi nóng, giống như tiếng 'Kong!' của con thôi. Vâng, nó cũng có thể hữu ích khi ta cần đánh thức một người nào đó mà không cần phải mang một ý nghĩa gì cả. Nếu một người nào đó đang ngủ ngon và bạn la lớn vào tai y "Kong!", y sẽ mở mắt thôi, chỉ có thế. Như vậy là xong việc. Và cái tiếng 'Kong!" này không cần phải có ý nghĩa gì cả."

Đúng như vậy, tất cả những gì mà vị Thiền sư thốt ra đều chỉ là một tiếng "Kong!" Nó không mang một ý nghĩa nào, nó không chuyên chở bất cứ triết lý trong đó. Đây chỉ là những tiếng kêu để đánh thức bạn dậy. Người đệ tử thứ ba như thế là đã hoàn toàn hiểu được Thầy mình. Y ở chung trong cùng một không gian và tần số với vị Thiền sư.

Nhưng tiếng "Kong!" này từ đâu mà đến? Nó đến từ *kokoro*, tánh không. Một khi bạn ở trong tánh không này, tất cả đều khả dĩ. Cái tánh không này rất hiệu năng, rất tích cực, cái tánh không này chính là Thượng Đế. Phật giáo không gọi đó là Thượng Đế, bởi vì dùng từ Thượng Đế có vẻ như bị hạn chế rất nhiều. Họ gọi là tánh không –*kokoro, shunyata.* Trong tánh không này bạn sẽ thấy Thượng Đế có mặt khắp nơi. Cái tánh không này phủ đầy vạn hữu.

John Donne (2) có nói như thế này, "Thượng Đế ở khắp mọi nơi, là một thiên thần trong một thiên thần, một viên đá trong một viên đá, một cọng rơm trong một cọng rơm."

Trong tánh không này bạn sẽ thâm nhập vào trong tận cùng bản thể của vạn pháp. Xuyên suốt vào bản thể của vạn pháp là một mục tiêu. Nó chỉ được thể hiện khi nào bạn "bất lập văn tự". Rồi thì mọi chuyện diễn ra.

Hãy lắng nghe vài lời thơ của Wordsworth (3):

Con gà đang gáy

Dòng suối đang chảy

Đàn chim nhỏ hót líu lo

Ánh sáng lấp lánh trên mặt hồ

Dưới ánh mặt trời, cánh đồng xanh say ngủ.

Mọi chuyện đều như thị. Con gà đang gáy và những cánh đồng xanh ngủ yên trong ánh sáng mặt trời. "Thượng Đế ở khắp mọi nơi, là một thiên thần trong một thiên thần, một viên đá trong một viên đá, một cọng rơm trong một cọng rơm." Và rồi Thượng Đế biến đi. Chỉ còn lại sự kính tín. Không còn một đấng trời thần nào cả, mà chỉ còn lại thánh linh, một dòng thánh linh tinh khiết dịu dàng, tràn ngập mọi chiều kích không gian.

Mới hồi đêm rồi tôi đang dọc cuốn nhật ký của Leonardo Da Vinci. (4) Trong cuốn nhật ký này có một câu đập mạnh vào trí tôi: "Trong tất cả những gì lớn lao được tìm ra chung quanh ta, sự hiện hữu của tánh không là vĩ đại nhất." *Kokoro*.

Sự hiện hữu của tánh không không đến từ lời, từ ngôn ngữ, từ ý niệm, từ tâm hay trí –mochao, mặc chiếu.

Bây giờ chúng ta đi vào câu chuyện ngụ ngôn này.

Một vị Thiền sư đã phẩm bình một cách vắn tắt về một môn đồ ưa lý thuyết dông dài về Thiền học…

Này, chuyện đầu tiên là -Thiền không hề có học thuyết. Thiền không tiếp cận thực tại bằng học thuyết. Nó không có giáo điều, chủ nghĩa –và bởi thế nó không có nhà thờ, linh mục hay giáo hoàng. Thiền rất là trần tục, thực tế; nó không đối diện với những khái niệm trừu tượng. Đó là một hiện tượng hiếm có. Đó là môt cuộc hôn phối của hai dòng tinh thần kiệt xuất - một Ấn Độ và một Trung quốc. Tinh thần Ấn Độ thì rất trừu tượng –ngay cả Đức Phật. Ngài đã cố gắng hết sức để làm giảm bớt trừu tượng nhưng đâu có thể làm gì khác hơn? Một người Ấn vẫn luôn là một người Ấn.

Tinh thần Ấn Độ thì rất là trừu tượng. Nó đề cập đến những chuyện vô cùng lớn lao, đến những học thuyết; xoay quanh những tư tưởng lớn. Nó bay bổng trên mây, chẳng bao giờ hạ cánh xuống mặt đất. Và như thế, hằng bao thế kỷ qua tinh thần Ấn Độ đã không biết làm cách nào để đáp xuống mặt đất. Nó cứ đi lên mà chẳng bao giờ biết cách quay trở lại. Nó không có rễ. Nó chỉ có cánh mà không có rễ. Đó là điều khốn khổ.

Tinh thần Trung Hoa thì thực tế, thực dụng, thực tiễn hơn. Chúng không bay bỗng lên trời quá mức. Ngay cả nếu chúng có lên tới đó thì cũng luôn bám chặt đôi chân trên mặt đất, giữ gốc rễ trên mặt đất. Chúng không bay như chim, mà vươn lên trời như một cái cây. Chúng vẫn giữ gốc rễ trên mặt đất. Lão Tử rất là thực tế, cả Khổng Tử cũng thế.

Khi Bồ Đề Đạt Ma đến Trung Quốc mang theo thông điệp vĩ đại của Thiền, đã tạo ra một sự giao lưu tư tưởng lớn, một cuộc đại tổng hợp giữa tinh thần Ấn Độ và Trung Quốc. Thiền vì thế không là Trung Quốc mà cũng không là Ấn Độ. Nó chứa đựng cả hai truyền thống nhưng đồng thời cũng vượt ra khỏi cả hai.

Thế nên nếu bạn hỏi một tăng sĩ Phật giáo Ấn Độ -cũng không nhiều lắm đâu- về Thiền, ông ta sẽ không xem đây là chuyện quan trọng. Ông ta sẽ nói, "Toàn là chuyện nhảm nhí." Bất cứ nơi nào mà truyền thống Phật giáo Ấn Độ thịnh hành, Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan chẳng hạn, không ai nói đến Thiền. Họ cười nữa là khác, cho rằng đó chỉ là chuyện tiếu lâm.

Ngược lại nếu bạn nói chuyện với các Thiền giả Trung hoa hay Nhật Bản về các đại tạng kinh Phật giáo, họ sẽ bảo bạn, "Đem đốt chúng hết đi ngay lập tức. Tất cả những lý thuyết trừu tượng đều nhảm nhí. Chúng kéo con người ra khỏi thực tại."

Đối với tôi, Thiền là một tổng hợp vĩ đại nhất -một hiện tượng thăng hoa. Trước tiên nó là hiện sinh mà không là lý thuyết. Nó không nói bất cứ điều gì về chân lý, nó chỉ cho bạn chân lý, như thị. Một cách đơn giản, nó đánh thức bạn dậy. Nó lay bạn cho bạn thức giấc, nó la lên cho bạn thức dậy – nhưng nó không hề đưa ra lý thuyết, nó không cho bạn bất cứ giáo điều, kinh điển nào. Thiền là một tôn giáo duy nhất có khả năng đốt sạch mọi kinh điển, và là một tôn giáo duy nhất có khả năng hủy diệt tất cả những gì được gọi là lý tưởng, thần tượng.

Một vị Thiền sư đã phẩm bình một cách vắn tắt về một môn sinh ưa lý thuyết dông dài về Thiền học…

Thiền không hề có học thuyết. Đây là điều độc nhất vô nhị về Thiền. Cái khoảnh khắc mà bạn bắt đầu nói về lý thuyết Thiền học, Thiền không còn là Thiền nữa. Đó là học thuyết chứ không phải Thiền. Thiền và học thuyết

không thể sống chung với nhau. Học thuyết thì rất hạn chế; trong khi đó Thiền là một thân chứng, một kinh nghiệm tâm linh vô giới hạn. Thiền chẳng khác gì lòng yêu thương -bạn không thể nào định nghĩa được.

Vị Thiền sư nói,

"Bạn có quá nhiều Thiền"

Đây là một câu nói rất hay ho. Khi ông ta nói rằng, *"Bạn có quá nhiều Thiền,"* có nghĩa là ông ta muốn nói rằng, "Bạn không có chút Thiền nào trong người cả." Đó là cách nói của vị Thiền sư. Thay vì nói, "Bạn chẳng có tí gì Thiền cả" –thì ông nói ngược lại, "Bạn có quá nhiều Thiền". Làm sao mà bạn lại có quá nhiều Thiền được? Chỉ có hay không mà thôi và đây là cách nói cho thấy rằng bạn chẳng có tí Thiền nào cả. "Bạn có quá nhiều Thiền" có nghĩa là "Bạn thu thập rất nhiều học thuyết. Bạn biết quá nhiều về Thiền. Và có thể là bạn chẳng hề ngó ngàng đến nó."

"Thế nhưng có gì là trái tự nhiên khi một Thiền sinh nói chuyện về Thiền?" người học trò bối rối hỏi thầy.

Ta bước qua vấn đề thứ hai… Trước tiên, Thiền không hề có học thuyết, thứ hai, không hề có chuyện bất cứ ai đó được gọi là thiền sinh. Không thể có chuyện như vậy. Người học trò luôn luôn chạy đi tìm học thuyết. Người

học trò luôn muốn trở thành người có kiến thức. Họ chạy đi tìm con rắn chứ đâu có đi kiếm Thiền sư? Họ chạy đi tìm thầy giáo. Họ chạy đến các trường đại học, các học viện.

Thiền không hề có học trò. Thiền không có học thuyết nên không thể có học trò, và không thể có giáo sư. Vâng nó có những Thiền sư và những môn đồ. Nhưng nên nhớ rằng một vị Thiền sư không phải là một người thầy giáo. Công việc của vị Thiền sư hoàn toàn trái ngược với công việc của một người thầy giáo. Người thầy giáo dạy bạn, bắt bạn phải học đủ thứ chuyện –vị Thiền sư thì giúp bạn giải trừ những điều đã học. Thiền sư vì thế là thuốc giải độc đối với giáo sư. Trong tự điển, có thể ý nghĩa của hai tiếng này giống nhau, nhưng bạn nhớ cho, trong thế giới của Thiền, chúng không hề có cùng chung một ý nghĩa.

Tôi là một đạo sư chứ không phải là một thầy giáo và những ai thật sự đến đây không phải là những học trò mà là những môn đồ. Thế thì sự khác nhau giữa một người học trò và môn đồ là gì? Người học trò luôn luôn muốn biết thật nhiều, muốn nắm giữ thật nhiều. Họ muốn trở thành một nhà học giả. Họ khao khát thèm muốn trái Cây Hiểu Biết. Người học trò muốn ăn càng nhiều trái táo trên cái cây này càng tốt. Họ đang thực hiện chuyến viễn du của bản ngã –ham học hỏi, tò mò, nhưng không hề sẵn sàng để chuyển hóa.

Môn đồ là một hiện tượng khác biệt. Người môn đồ không hề khao khát kiến thức. Y muốn thấy chứ không muốn biết. Y muốn thực sự hiện hữu. Y không còn thích thú trong việc tích lũy kiến thức, y muốn sống thật phong phú. Mà muốn có thêm chất liệu sống y phải giải trừ tất cả mọi kiến thức, và y đã sẵn sàng. Y sẵn sàng để hy sinh tất cả mọi thứ. Hướng đi của y vì thế hoàn toàn khác biệt.

Người môn đồ, khác với người học trò ở chỗ, y không phải là kẻ tích luỹ. Dĩ nhiên khi bạn tích lũy, bạn sẽ tích lũy ở đâu nếu không phải là trong ký ức? Và như thế, không phải trong ý thức mà là trong tâm của người học trò, ký ức ngày càng mãi chồng chất thêm. Trong khi đó, trong tâm của kẻ môn đồ ký ức mỗi ngày càng nhạt nhòa đi. Y không còn phải mang theo gánh nặng chồng chất của quá khứ. Y chỉ biết đến những gì thiết yếu nhất. Kiến thức của y chỉ còn tồn đọng những gì có lợi. Thế nhưng trong lúc đó ý thức của y bắt đầu tăng trưởng. Toàn bộ năng lượng của y được chuyển từ ký ức sang ý thức.

Đã có một sự khác biệt khá lớn lao giữa một người học trò và một môn đồ. Người học trò luôn luôn muốn biết về một cái gì đó -tất cả nỗ lực của y là để làm sao suy nghĩ tốt hơn. Kẻ môn đồ thực sự chỉ muốn hiện hữu -tất cả nỗ lực của y chỉ là để hiện hữu như thế nào, làm sao để trở về lại mái nhà xưa, để đạt đến đôi mắt thơ dại cũ, như được tái sanh trở lại một lần nữa trên cõi đời này. Đó là tất cả những gì mà Chúa Giê Su muốn nói trong câu, "Trừ phi ngươi được tái sanh trở lại."

Chúa đang đi tìm môn đồ. Và ngài đang nói câu này với Nicodemus, "Trừ phi ngươi được tái sanh trở lại, ngươi sẽ chẳng bao giờ hiểu được ta và sẽ chẳng có khả năng vào được nước Trời"…

Có thể bạn đã không biết được rằng người đàn ông kia không ai khác hơn là Nicodemus, một vị giáo sư, và trong nỗ lực tìm kiếm kiến thức ông ta đã tìm đến gặp Chúa. Nicodemus là một mục sư Do thái giáo có tiếng tăm. Ông ta là thành viên trong ban quản trị của ngôi đền thờ lớn nhất tại Jerusalem. Ông ta không dám đến tìm gặp Chúa vào ban ngày vì ông ta sợ mọi người cười chê -một bậc thông thái như thế kia, một vị giáo sư lừng

danh trên khắp cả nước, lại đi tìm đến thỉnh giáo một kẻ vô danh tiểu tốt, một anh chàng híp-py!

Vâng Chúa Giê Su đã là hình ảnh của một chàng híp-py lặn lội giữa những kẻ khó, những người thất học, làm thân với những gái điếm, với đủ mọi hạng người, sống chung cùng những thành phần hèn kém trong xã hội. Đó là một anh chàng thanh niên trông có vẻ khùng khùng. Chứ còn gì nữa! Anh ta toàn nói những chuyện đâu đâu may ra chỉ có những người loạn thần kinh hay ông Phật mới nói đến. Vâng, bất cứ lúc nào có vấn đề cần phải đi đến quyết định cho rằng một người nào đó là một vị Phật hay là kẻ loạn thần kinh, bạn sẽ cho rằng y là kẻ loạn thần kinh -bởi vì nếu cho đó là một vị Phật thì lại đụng đến cái bản ngã của bạn. Thế nên người đời biết đến Chúa Giê su như là một kẻ loạn trí, hơi khùng, lập dị, và lại đang tụ tập một nhóm người nguy hiểm chung quanh.

Nicodemus đã không thể đến tìm gặp Chúa giữa thanh thiên bạch nhật; thế nên đợi đến lúc nữa đêm ông ta mới tìm đến và mang theo câu hỏi. Ông ta hỏi, "Nước Trời là cái gì mà ngài cứ đi rao giảng mãi như thế? Cái gì vậy? Tôi muốn được biết thêm về nó". "Biết về nó?"-xin lỗi. "Trừ phi ngươi được tái sanh trở lại, ngươi sẽ chẳng bao giờ biết được nó là cái gì." Chúa Giê Su trả lời. Bây giờ thì quả là chuyện quá sức đối với Nicodemus. Tái sanh trở lại? Phải trả giá lớn lao như thế ư? Chết và tái sanh trở lại. Xem chừng như quá nhiều!

Như thế đó, một người học trò sẵn sàng chỉ để cò kè từng đồng xu; còn một môn đồ thì thường trả giá với cả đời mình. Một người học trò thì luôn mang theo câu hỏi; còn môn đồ… đó không phải là câu hỏi. Không có một danh từ nào trong Anh ngữ để diễn tả chính xác khái niệm này. Phạn ngữ gọi đó là *mumuksha*. Đặt vấn đề, nêu câu hỏi được gọi bằng một danh từ

khác –*jigyasa*, có nghĩa là một người muốn biết thêm nữa. Còn *mumuksha* là người muốn được sống phong phú hơn. Người muốn được giải phóng mình ra khỏi tất cả những hệ lụy trói buộc. Người không còn muốn bị giam hảm vào bất cứ vòng nô lệ nào -của truyền thống, của kinh điển, của xã hội, của quốc gia. Sẽ không còn bất cứ loại nô lệ nào; họ muốn tự do, hoàn toàn tự do. Sự nổi loạn đó, sự đòi hỏi khẩn thiết để được giải phóng hoàn toàn đó, được gọi là *mumuksha.* Trong tiếng Anh không có từ nào để dịch chữ này. Ta có thể gọi đó là lòng ham muốn được trở thành người không còn ham muốn, lòng ham muốn được hoàn toàn tự do và ngay cả lòng ham muốn này cũng không còn tồn tại nữa.

Bây giờ người học trò nêu câu hỏi,

"Thế nhưng có gì là trái tự nhiên khi một Thiền sinh nói chuyện về Thiền?"

Đây là một người học trò, không phải là một môn đồ -thế nên mới có chuyện rối rắm như vậy. Y hỏi, "Có gì là trái tự nhiên?" Vâng, đối với người học trò, đây là chuyện rất tự nhiên. Người học trò đâu có thể làm gì khác hơn? Người học trò, nhà học giả, vị giáo sư -tất cả đều quan hệ với ngôn từ. Họ thiết lập văn tự. Họ đặt ra từ mới. Họ đùa giỡn với chữ nghĩa. Tất cả dịch vụ của họ tập trung chung quanh ngôn từ -những ngôn từ trống rỗng, nhạt thếch. Thế nhưng họ vẫn cứ tiếp tục chơi trò chữ nghĩa, lại cứ tiếp tục sáng chế ra những ngôn từ mới.

"Thế nhưng có gì là trái tự nhiên khi một Thiền sinh nói chuyện về Thiền?" Dĩ nhiên, đối với một người học trò, không nói ba hoa về Thiền mới là điều trái tự nhiên. Bởi vì người ta tìm đến vị Thiền sư để làm gì? Mục đích người ta tìm đến Thiền viện làm gì nếu không để được nói? Đó là điều tự nhiên thôi.

Thế nhưng đây không phải là điều tự nhiên đối với một môn đồ. Người môn đồ tìm đến đây để được trở nên tĩnh lặng. Một môn đồ biết rằng trở nên lặng yên mới là điều tự nhiên. Lắng nghe Thầy mình trong yên lặng. Thật ra, không nên quá chú trọng vào lời của ông ta nói mà hãy lắng nghe sự tĩnh lặng của ông ta luôn ở sau lời. Bạn bắt đầu bằng cách lắng nghe những lời ông ta nói và rồi từng tí một, bạn bắt đầu lắng nghe sự tĩnh lặng của vị Thầy. Với từng bước đi chầm chậm bạn chuyển dần từ ngôn từ qua tĩnh lặng. Với từng bước đi chầm chậm sự thay đổi xảy đến, những đổi thay từ cơ cấu –bây giờ thì bạn không còn quan tâm đến những gì mà Thầy mình nói, bạn trở nên quan tâm với cách thế hiện hữu của ông ta.

Đối với một môn đồ, đó là chuyện tự nhiên, nhưng đối với một người học trò, dĩ nhiên anh ta đâu có thể làm gì khác hơn? Anh ta vẫn có thể nói và câu hỏi đặt ra có thể làm ngươời môn đồ bối rối, *"Thế nhưng có gì là trái tự nhiên khi một Thiền sinh nói chuyện về Thiền? Tại sao Thầy lại ghét người ta nói về Thiền?"* Vị Thiền sư không hề ghét. Ông ta không thể ghét. Ông ta đã nhận chân được sự phù phiếm của nó. Nên nhớ rằng, yêu và ghét cả hai đều có quan hệ với nhau. Vị Thiền sư không còn dính dáng một chút nào đến lời; ông ta không yêu và cũng không ghét ngôn ngữ.

Ghét cũng là một mối tương quan, khi còn ghét là bạn vẫn còn chưa được tự do, bạn vẫn còn bị trói buộc. Trong một cách thế nào đó, bạn vẫn còn bám víu, vẫn còn lo lắng. Bạn có thể trốn chạy ra khỏi ngôn ngữ nhưng mà bạn vẫn chưa được giải phóng. Bạn vẫn còn quan tâm đến nó và cái ngôn ngữ đó vẫn còn tiếp tục ám ảnh bạn.

Không hề có chuyện vị Thiền sư thù ghét ngôn ngữ, ông ta đã hoàn toàn được giải phóng khỏi nó. Ông ta không có bất cứ mối quan hệ nào với ngôn từ, ông ta đã chặt đứt chiếc cầu nối. Vị Thiền sư sống trong vô ngôn, vô niệm. Ông ta sống trong mặc chiếu –*mo chao*, trong yên lặng, phản chiếu trong tịch tĩnh. Ông ta chỉ là một tấm kiếng trong suốt.

"Bởi vì", vị Thiền sư trả lời một cách thẳng thắn, "nó làm cái bụng ta khó chịu."

Đây là một ẩn dụ của Thiền. Bạn phải hiểu cho được ý nghĩa của nó.

Thiền giả thường cho rằng luôn luôn có sự tranh chấp giữa cái đầu và cái bụng –và cái đầu luôn làm phiền cái bụng. Cái đầu rất là độc hại đối với cái bụng. Cái bụng mới chính là trung tâm an trú thực sự của con người bạn. Cái đầu đã trở thành nhà độc tài nhờ ngôn ngữ, và lời nói, nhờ học thuyết, giáo dục, và học vấn, kiến thức. Cái đầu hầu như đã muốn chiếm luôn vị trí của cái bụng –không thể như vậy được. Cái đầu này có thể được dẹp qua một bên, dẹp cái đầu đi bạn không mất mát gì cả, được thêm nhiều thì có. Dẹp nó đi bạn được tất cả. Sống với cái đầu là bạn sống trong ngôn ngữ chết. Chúng không hề làm thỏa mãn bạn, chúng không thể giải phóng bạn. Đó là chuyện cái đầu với cái bụng.

Mới đêm hôm trước đây tôi có nói chuyện với các bạn về một vị Thiền sư có thói quen để hai con búp-bê bên cạnh mình. Chúng giống nhau như đúc ngoại trừ sự khác biệt bên trong. Một con có cái đầu rất nặng, chắc là được nhồi kim khí ở trong đầu. Một con rất nặng ở phần dưới đít, có lẽ do kim khí được nhồi vào bụng. Chúng hoàn toàn giống nhau, y phục cũng giống y nhau. Chúng luôn được đặt ngồi cạnh vị Thiền sư.

Thế rồi hễ có bất cứ ai đến kiếm ông nêu lên những câu hỏi đại khái như, "Thiền là gì?" hoặc "Thiền định là gì?" và "Làm thế nào để đạt đến?"… Thế là trước tiên vị Thiền sư thảy ra một con búp bê –con nặng đầu trước- con này té lăn cù và dĩ nhiên là không thể ngồi dậy được. Làm thế nào mà ngồi dậy khi cái đầu quá nặng? Rồi ông đẩy con búp bê thứ hai ra –con nặng đít, và cho dù ông xô đẩy thế nào đi nữa thì con búp bê này cũng bật trở lại như cũ trong thế ngồi tỉnh tọa của Phật.

Ông kết luận, "Đây là Thiền –cái bụng. Đây là Đông phương –cái bụng."

Trong tất cả những quốc gia phương Đông trước đây, đặc biệt là vùng Viễn Đông, người ta hay dùng hai chữ bụng dạ để nói đến con người. Trong những ngày xưa cũ đó –cũng chừng một trăm năm trở lại đây thôi- nếu bạn đến Nhật và hỏi bất cứ người nào rằng họ suy nghĩ ở đâu, họ sẽ chỉ vào bụng và nói, "Chúng tôi suy nghĩ ở đây." Bây giờ những con người này không còn nữa, đặc biệt là sau đệ nhị thế chiến. Nhật Bản cũng đã trở thành giống như con búp bê thứ nhất –do ảnh hưởng Mỹ chi phối quá nhiều. Bây giờ họ sẽ cười và không còn ai nói với bạn rằng họ suy nghĩ bằng cái bụng -họ sẽ cho là chuyện ngu xuẩn nữa là khác. Bây giờ họ bắt đầu suy nghĩ bằng cái đầu.

Tuy nhiên cái hàm ý nhấn mạnh này rất quan trọng. Cái bụng là nguồn gốc sự sống của bạn. Bạn được nối với người mẹ bằng cái cuống rốn; chính từ đây mà nhịp đời tuôn chảy. Còn cái đầu, nó ở một góc xa nhất của đời bạn, trong khi trung tâm là cái cuống rốn. Cuộc sống của bạn, sự hiện hữu của bạn được an trú ở đó. Sự suy nghĩ của bạn có thể xảy ra ở cái đầu nhưng suy nghĩ chỉ là một bộ phận chuyên biệt. Giống như đôi tay được dùng cho một công việc nào đó, đôi chân cho một số công việc khác, rồi đôi mắt, lỗ tai, và cái mũi, v.v… như thế bạn dùng cái đầu, cơ chế vận hành bộ não của bạn, để suy nghĩ, thế thôi.

Thế nhưng câu hỏi được đặt ra, ai là kẻ sử dụng tất cả những cái này? Ai dùng đôi chân để đi, ai dùng đôi tay, ai dùng đôi mắt? Và rồi ai dùng bộ não? Đến bây giờ, ngay cả giới Tâm lý học Tây phương cũng đang tỏ ra ngờ vực về ý tưởng cổ lổ của họ cho rằng bộ não chính là tâm. Một mối hoài nghi lớn đang nhen nhúm: Không phải như thế. Một số người đã bắt đầu suy nghĩ rằng bộ não không dính gì đến tâm.

Ngay chính bản thân bạn thỉnh thoảng cũng có kinh nghiệm này. Cụ thể như, bạn vừa trông thấy một người đàn ông mới đi băng ngang qua đường… Bạn nhớ lại khuôn mặt anh ta, bạn nhớ mài mại rằng bạn đã từng biết y, bạn tin chắc rằng bạn đã biết tên của người này rồi, thốt nhiên cái tên đó như nằm ở trên đầu lưỡi. Và bạn tự bảo, “Nó ở trên lưỡi mình mà. Tôi biết là nó nằm ở đó, nhưng nó chưa chịu thốt ra.”

Có hai sự việc đang xảy ra. Bộ não đang cung cấp cái tên nhưng phải cần một ít thời gian. Nó nói rằng, “Làm ơn, hãy chờ một chút. Nó có đó, ở trong bộ nhớ mà. Hãy chờ một chút đi.” Nhưng kẻ đang chờ đợi không

phải là bộ óc –vì bạn biết cái tên này mà, "Vâng, Tôi biết nó ở đó." Bộ óc là cơ phận mà tâm đang sử dụng. Khi bạn cố gắng hết sức mà vẫn không nhớ ra, bạn cảm thấy bực bội và không thèm nghĩ đến chuyện này nữa. Bạn bỏ đi ra vườn, đốt một điếu thuốc –và bỗng dưng nó hiện ra.

Bạn và bộ não của bạn là hai sự việc khác nhau. Bộ não chỉ là một cơ phận của bạn -giống như các cơ phận khác. Cái bàn tay này là một cơ phận của tôi; tôi sử dụng nó. Bộ óc của tôi là một cơ phận của tôi; tôi dùng nó.

Như vậy đâu là trung tâm an trú của tâm? Thiền cho rằng nó ở trong bao tử, trong bụng, trong cái cuống rốn –chính ở đó, nơi mà nhịp đập đầu tiên của sự sống xuất hiện. Từ đó nó tuôn chảy ra khắp nơi. Hãy đi trở lại chỗ này.

Khi vị Thiền sư bảo, *"Bởi vì nó làm cái bụng ta khó chịu"*, ý ông ấy muốn nói rằng những người nặng về đầu óc tác động mạnh vào tâm của ông. Họ là náo động, là phiền nhiễu. "Nó làm cái bụng ta khó chịu'"

Chuyện cái đầu với cái bụng có thể được nhân ra thành nhiều dạng đối đãi khác: trí óc với trực giác; lý luận với tình yêu; ý thức với vô thức; bộ phận với toàn thể; hành động với sự cố; sống với chết; của cải với sinh thể. Tất cả bảy cặp tương quan này đều khả hữu và có ý nghĩa.

Trí óc thì rất là giới hạn; trực giác thì vô tận. Trực giác luôn luôn đến từ cái bụng. Bất cứ lúc nào bạn trực giác một chuyện gì đó sắp xảy đến với bạn – ta gọi là linh cảm- nó luôn luôn đến từ cái bụng. Cái bụng của bạn sẽ bị ảnh hưởng ngay lập tức, gan ruột của bạn như bị cồn cào lên. Khi bạn yêu một người, bạn không yêu bằng cái đầu -thế nên những người thuần trí gọi đó là tình yêu mù quáng. Đúng vậy, vì bộ óc của bạn không hề xen vào chuyện này. Khi bạn yêu, tình yêu được bắt nguồn từ một chỗ khác. Nếu

bạn hỏi những nhà khoa học lớn, những thi hào, những thiên tài sáng tạo, họ cũng sẽ nói rằng khi một phát kiến, một ý tưởng mới mẻ xảy đến với họ, nó không hề đến từ cái đầu, không toát ra từ bộ óc, mà là một nơi nào đó vượt ngoài khả năng hiểu biết của họ.

Nhà thiên tài khoa học Marie Curie trong suốt ba năm trời vật lộn với một bài toán không tìm ra lời giải. Bà đã làm tất cả những gì có thể làm được. Bà là một thiên tài toán học nhưng bà đã chịu thua trước bài toán này, bà đã hoàn toàn thất bại. Rồi một đêm, bà dẹp nó qua một bên không còn nghĩ tới nữa. Tất cả những nỗ lực có vẻ như đã không đi đến đâu và rồi cũng sẽ chẳng đi đến đâu cả. Ba năm quả là một thời gian khá dài cho một bài toán.

Đêm đó bà đã hoàn toàn dứt khoát dẹp nó qua một bên. Sáng hôm sau bà khởi sự bắt tay làm việc cho một dự án mới. Nhưng chính đêm hôm đó, cái vấn nạn của bài toán đã được giải quyết xong. Vào lúc nữa đêm bà thức dậy, đi đến bàn làm việc và giải xong bài toán một cách chóng vánh rồi lên giường đi ngủ trở lại.

Sáng hôm sau khi trở lại bàn làm việc bà đã không còn tin vào đôi mắt của mình nữa. Ai đã vào phòng để giải bài toán này? Chỉ có người bồi phòng là có thể vào đây ban đêm để sửa soạn giường ngủ cho bà. Nhưng người bồi phòng dĩ nhiên là không thể làm được chuyện này –Bà Curie còn không giải nổi thì ai có thể làm được? Rồi khi bà nhìn vào nét chữ viết tay ở trên bài giải –đúng là nét chữ của bà. Có thể là không giống một cách hoàn toàn, nhưng đúng là của bà –bà có thể thấy rõ như vậy. Nét chữ viết có vẻ hơi run run, lờ mờ giống như được viết trong cơn say –nhưng đúng là của bà. Nó ở đâu ra vậy?

Bà chợt nhớ lại giấc mơ đêm rồi –bà mơ thấy rằng bà sẽ giải được bài toán này và viết ra lời giải đó. Và rồi bà nhớ lại toàn thể giấc mơ. Như vậy bà Curie đã giải được bài toán hóc búa của mình trong giấc mơ. Bộ óc đã hoàn toàn thất bại. Bộ óc đã không thể tìm ra lời giải. Lời giải đã đến từ cái bụng, từ tâm thức.

Chuyện này cũng giống y như chuyện của Đức Phật. Trong suốt sáu năm trời Ngài đã làm việc không ngừng, thử đủ mọi phương cách để tìm ra con đường đi đến giác ngộ, và đã thất bại. Cũng chẳng khác gì việc bà Marie Curie đi tìm phương cách để giải bài toán cho chính mình và rồi một đêm Ngài quyết định dẹp bỏ hết mọi chuyện. Ngài tự nghĩ, "Không có con đường nào để đi cả và cũng không có gì sẽ xảy ra thế nên ta nên quên nó đi." Đêm hôm đó Ngài đi vào một giấc ngủ hoàn toàn thư giản, nhưng cũng chính đêm đó là đêm Ngài đạt thành giác ngộ. Sáng hôm sau khi mở mắt ra, Ngài đã là một con người khác. Một cái gì đó đã xảy ra trong đêm rồi. Từ đâu đến?

Nhưng hãy nhớ rằng -tại sao nó chỉ xảy ra khi bạn đã tận tâm tận lực để tìm cách giải quyết vấn đề? Vâng, chỉ vào lúc đó nó mới xảy ra. Chỉ khi nào cái khả năng của bộ óc của bạn kết thúc ở tột đỉnh thì lúc đó trực giác mới bắt đầu làm việc. Đây là một năng lượng cao cấp hơn. Chỉ khi nào bạn sử dụng hết năng lượng của bộ óc, bạn mới có thể có khả năng sử dụng đến nó -từ đây bạn mới có thể nhảy một bước đi vào trực giác.

Chỉ riêng trực giác cũng sẽ không mang lại kết quả. Không tin ư? Bạn có thể đi ngay đến Bồ Đề Đạo Tràng ngồi vào dưới gốc cây mà ngày xưa Đức Phật đã ngồi và đạt đến giác ngộ, rồi hoàn toàn thư giản và bạn nói, "Tôi đã buông xả tất cả." Sẽ chẳng có chuyện gì xảy ra cho bạn cả, bởi vì bạn có

gì đâu để buông xả. Ít nhất là cũng phải có đến sáu năm lao tâm khổ trí. Để đạt đến tình trạng vô tác phải cần đến một tác hành lớn lao.

Trí óc đối với trực giác, luận lý đối với tình yêu… Đây là hai cách thế của một sinh thể -luận lý và tình yêu. Luận lý là một đường thẳng; thương yêu là một tổng thể. Luận lý đi theo một con đường thẳng cũng giống như ngôn ngữ. Bạn có để ý đến chuyện này không? Ngôn ngữ chuyển động trên con đường thẳng cũng giống như luận lý. Thế nhưng hiện hữu không hề là một phương trình đường thẳng. Hiện hữu là một kích thích đồng bộ. Không hề có chuyện tôi hiện hữu, rồi bạn hiện hữu, rồi người khác hiện hữu, rồi cây, rồi núi -tất cả chúng ta đều hiện hữu đồng bộ, cùng nhau.

Ngôn ngữ là hư ngụy bởi vì chúp xếp đặt mọi việc theo một đường thẳng. Khi bạn đặt một câu: chữ đầu tiên xuất hiện, rồi đến chữ khác, và chữ khác nữa. Văn phạm ra điều lệ cứng nhắc buộc chữ nào phải đặt trước, rồi đến chữ nào, và những chữ kế tiếp -mọi chuyện đều phải theo đúng y như vậy.

Đó là lý do tại sao chữ Hán là một trong những ngôn ngữ tuyệt vời nhất -bởi vì nó ít mang màu sắc ngôn ngữ nhất. Chữ Hán không có mẫu tự. Bởi vì không có mẫu tự, chữ Hán hiện hữu một cách hoàn toàn đồng bộ. Nó chân thực hơn đối với hiện hữu hơn bất kỳ loại ngôn ngữ nào. Nó uyển chuyển hơn, không cứng nhắc cố định. Nó giống tình yêu hơn là luận lý. Nó gần với trực giác. Nó đến từ cái bụng. Nó có thể hàm chứa ý nghĩa một ngàn lẽ một chuyện khác nhau. Thế nên, người ta cho rằng loại ngôn ngữ này rất là không phù hợp với khoa học. Vâng, nó không khoa học chút nào

–tình yêu cũng không khoa học, hiện hữu cũng không khoa học. Nó bao hàm nhiều ý nghĩa khác nhau. Nó gần gũi với thi ca.

Thế nhưng tính cách của nó là như thế. Một cái cây có thể mang một ngàn lẻ một ý nghĩa khác nhau nhưng đồng thời cũng có thể không mang một ý nghĩa nào. Đối với nhà hoạ sĩ nó mang một ý nghĩa, đối với người tiều phu nó có một ý nghĩa khác, đối với một nhà thơ nó lại có một ý nghĩa khác nữa rồi và đối với bất cứ ai không hế quan tâm đến cây cối, nó chẳng hề mang một ý nghĩa nào cả. Cái cây mang một ý nghĩa đối với những đứa trẻ đang đùa chơi chung quanh nó; đối với những người thờ cúng dưới gốc cây, nó là Thượng Đế. Một ngàn lẻ một ý nghĩa. Một cái cây không hề bị cột chặt vào một ý nghĩa duy nhất. Chữ Hán mà mỗi chữ là một hình ảnh tượng trưng có thể mang nhiều ý nghĩa trong cùng một lúc. Bạn có thể tiếp cận chúng từ mọi hướng khác nhau.

Thế nhưng ngôn ngữ lại là một con đường thẳng. Một con đường thẳng di động; cái này đến cái kia và rồi mọi chuyện xảy ra. Luận lý cũng thế, đi từ cái này đến cái khác và rồi kết quả xảy ra. Và nếu cái này xảy ra thì cái kia không thể xảy ra. Hãy nhìn một thí dụ: Một khi bạn nói điều này, bạn không thể nói điều ngược lại -bạn bị cấm làm chuyện như thế. Nhưng trong hiện hữu, các đối cực đều có thể cộng sinh. Đời sống và cái chết, tình yêu và thù hận, chúng có thể hiện hữu cùng nhau –không phủ nhận nhau. Không hề có chuyện nếu tình yêu hiện hữu thì thù hận không có mặt. Ánh sáng hiện hữu cùng với bóng tối –nhưng khi làm văn, nếu bạn nói, "Trong phòng tràn đầy ánh sáng," thì bạn không thể nói tiếp liền ngay sau đó là "Căn phòng phủ đầy bóng tối". Đó là chuyện không thể nào chấp nhận được. Thế là bạn đã đóng khung ngôn ngữ lại. Bạn đã phải loại bỏ tính cách nghịch lý. Mà hiện hữu là nghịch lý.

Và tôi gọi Thiền là con đường của nghịch lý. Vâng, Thiền là nghịch lý. Trực giác là nghịch lý. Nó không phải là một con đường thẳng, nó là một không gian nhiều chiều kích.

Ý thức với vô thức. Nhưng xin hãy nhớ cho, khi tôi nói vô thức, đây không phải là vô thức của Freud. Đó là một vô thức hết sức nghèo nàn, một mảng nhỏ của vô thức, hay nói khác đi, đó chỉ là một loại ý thức bị đè nén. Đối với Thiền, vô thức là Thượng Đế. Đối với Thiền, ý thức rất đỗi nghèo nàn – đó chỉ là một mảng nhỏ, phần nổi của một băng sơn. Phần vô thức là bao la, rộng khắp, vĩ đại, vô giới hạn. Phần ý thức phải bị hoà tan vào vô thức, không có một cách thế nào khác –không hề có chuyện vô thức biến thành ý thức. Và vô thức thì an trú ở cái bụng.

Hãy nhớ thêm điều này, ý nghĩa của từ "vô thức" không được chỉnh lắm, sẽ làm cho người ta hiểu lầm rằng vô thức là không có ý thức. Không phải như thế. Đây là một loại ý thức khác. Không phải là loại ý thức mà bạn đã từng biết mà là một loại ý thức đặc biệt, hoàn toàn khác biệt –không phải tri thức trực giác; không phải phân tích cũng không phải tổng hợp; và không thể phân chia ra được.

Bộ phận với toàn thể. Cái đầu chỉ là một bộ phận. Cái bụng của bạn mới là cái tổng thể. Cái đầu chỉ nằm ở trên đường tròn chu vi của bạn, cái bụng mới là trung tâm điểm.

Hành động với sự cố. Đối với cái đầu, mọi chuyện phải được hoàn tất, đây là một nhà làm việc giỏi. Đối với cái bụng, mọi chuyện chỉ là những sự cố xảy ra; vô tác.

Chết với sống. Ở trong đầu, cái chết được tích lũy, bởi vì tất cả những ý nghĩ đều đã chết. Trong bụng là nhịp đập của đời sống .

Và cuối cùng, của cải với sinh thể. Cái đầu là một kẻ tích trữ, là một anh keo kiệt, luôn luôn chỉ biết tích lũy. Tất cả mọi nỗ lực của nó là làm thế nào để có thêm, có nhiều thêm. Kiến thức hay tiền bạc, không thành vấn đề, miễn là có càng nhiều càng tốt –thêm bồ bịch, thêm nhà cửa, thêm tiền bạc, thêm quyền lực, thêm kiến thức, thêm, thêm nữa.

Cái đầu tiếp tục nỗ lực sở hữu nhiều thêm vì nó nghĩ rằng càng được thêm nhiều thì nó càng phong phú thêm. Nhưng nó sẽ không bao giờ trở thành phong phú vì của cải không thể chuyển hoá thành sinh thể.

Cái bụng là trung tâm của sinh thể; nó không suy nghĩ theo cung cách chiếm đoạt, nó suy nghĩ theo hướng của một sinh thể. Sống như là một người. Một người luôn an vui trong từng khoảnh khắc của như thị. Trong khoảnh khắc của như thị đó đều gồm đủ tất cả mọi chuyện - mọi ân sủng và phúc lành.

Vị Thiền sư nói rằng, "*Nó làm cái bụng ta khó chịu,*" ông muốn bao hàm tất cả những điều trên. Cái đầu rất là độc hại. Hãy buông bỏ nó. Nhưng buông

bỏ nó không có nghĩa là tôi khuyên bạn không sử dụng nó. Bạn vẫn sử dụng nó nhưng không để cho nó sử dụng bạn.

CHÚ THÍCH:

(1) Kinh Thánh Tân Ước: Phúc Âm theo Thánh Gioan, đoạn I, câu 1, linh mục Nguyễn Thế Thuấn dịch: "Lúc khởi nguyên đã có Ngôi Lời và Lời **ở nơi** Thiên Chúa, và Lời là Thiên Chúa."

(2) John Donne (1572-1631): Một giáo sĩ và cũng là một nhà thơ thuộc khuynh hướng siêu hình của Anh.

(3) William Wordsworth (1770-1850): Nhà thơ lãng mạn Anh, mà một trong những thi phẩm được biết đến nhiều nhất là *Lyrical Ballards* lấy cảm hứng chính từ vùng quê mà ông sinh sống.

(4) Leonardo Da Vinci (1452-1519): Là một hoạ sĩ, nhạc sĩ đồng thời cũng là một kỹ sư, một nhà khoa học nổi tiếng người Ý. Ông là người đa tài trên nhiều lãnh vực. Tác giả của hai bức họa danh tiếng "Buổi Ăn Tối Cuối Cùng –The Last Supper," 1495 và "Mona Lisa," 1503. Về lãnh vực khoa học, ông là người có viễn kiến đi trước thời đại cả hàng thế kỹ, cụ thể như ông là người đầu tiên đã vẽ kiểu máy bay mà hàng trăm năm sau mới được thực hiện.

CHƯƠNG 4.

Từ Điệu Múa Của Loài Công

Câu hỏi thứ nhất:

Norman O. Brown (1) đã từng nói: *"Cần nên báo cho thế hệ sắp tới biết rằng cuộc đấu tranh thật sự không phải là một cuộc đấu tranh chính trị mà là để loại bỏ chính trị. Chính trị phải được thay thế bằng siêu chính trị. Chính trị phải được thay thế bằng thi ca." Bằng cách nào thi ca làm cách mạng?*

Thi ca không làm cách mạng, thi ca là cách mạng -bởi vì thi ca có một cái nhìn hoàn toàn khác biệt về đời sống. Thi ca là một sự hoá thân. Thi ca có nghĩa là nhìn đời sống bằng đôi mắt ngạc nhiên, nhìn đời sống như một điều huyền nhiệm, nhìn thẳng vào đời sống và chúc tụng cuộc đời. Thi ca không hẵn chỉ là thi ca mà là một sự tiếp cận hiện hữu với tất cả yêu thương. Khoa học là một sự hiếp dâm bởi vì trên căn bản, lý trí là một sự hiếp dâm –trong khi thi ca là một thể hiện yêu thương. Lý trí mang tính gây hấn, bạo động; trong khi thi ca là bất bạo động. Lý trí là suy nghĩ, thi ca là cảm xúc.

Chúng ta đã xây dựng lên thế giới này chung quanh suy nghĩ và đã thất bại, hoàn toàn thất bại. Trong thế giới dung tục, thế giới của luận lý và lý trí, nhà chính trị bỗng trở nên vô cùng quan trọng. Trong thế giới của cảm xúc, thế giới của thi ca, thế giới của yêu thương, sự huyền nhiệm sẽ thay thế chính trị.

Lý trí ẩn chứa khát vọng, nó chỉ muốn chiếm lĩnh quyền lực. Tại sao nó lại muốn chiếm lĩnh quyền lực? Tại sao nó lại muốn có quyền lực ở trong tay? Bởi vì trong tận cùng sâu thẳm nó cảm thấy bất lực, một mặc cảm tự ti ghê gớm hiện hữu ở tận đáy tầng . Để bao che, lý trí đã cố gắng để trở nên quyền lực. Lý trí sẵn sàng làm bất cứ điều gì mà nó xét thấy cần phải làm – không cần biết tốt hay xấu. Cần phải đạt đến quyền lực với bất cứ giá nào bởi vì không quyền lực con người cảm thấy mình không là cái gì cả, chỉ là

một kẻ vô danh. Lý trí là một cuộc phiêu lưu của bản ngã. Hãy để cho sự dung tục là một biểu hiệu của lý trí.

Thi ca là một biểu hiệu của cảm tính. Tự thân nó đã có sức mạnh cho nên không cần phải có một quyền lực nào thế vào. Nó không hề bị thương tổn vì mặc cảm tự ti. Một con người cảm tính là một con người vô cầu. Đó là con người có lòng thương yêu vô bờ nhưng không phải là một kẻ tích lũy. Y có một sinh mệnh nhưng không hề kiếm tìm để thu góp thật nhiều cho mình mà không bao giờ cảm thấy đủ. Y là một con người vô tranh –khi đã vô cầu thì đâu còn tranh đua để làm gì? Là một con người vô cầu và vô tranh, y thân thiện với mọi hiện hữu. Đó là điều mà Đức Phật gọi là lòng từ bi.

Vâng, thi ca là cách mạng, tuy nhiên tôi không biết Norman có hiểu một cách đúng đắn thi ca là gì hay không, bởi vì bản chất của ông ta vẫn là một nhà luận lý. Tôi không biết là ông đã từng bao giờ thể nghiệm thi ca hay chưa. Khi ông ta nói về thi ca thì cũng đang làm công việc *luận bàn* về nó. Bạn có thể luận bàn về thi ca nhưng sự thực những điều bạn nói cũng chỉ là chuyện dung tục. Trước tiên chính bạn phải là thi ca, phải là một huyền nhiệm. Luận bàn về chủ nghĩa thần bí sẽ chẳng giúp đỡ bạn được gì –cũng vẫn vậy thôi, chẳng có gì thay đổi. Chỉ là một căn bệnh cũ với cái tên mới. Đó là điều mà người ta gọi là bình mới, rượu cũ. Đó là lý do tại sao ông ta lạc hướng.

Hãy nhìn lại lời phát biểu của ông ta: "*Cần nên báo cho thế hệ sắp tới biết rằng ...".* Cái giọng điệu "báo cho thế hệ sắp tới" vẫn là giọng điệu của một

chính trị gia. Thế hệ sắp tới không cần được báo cho biết mà cần được chỉ cho thấy. Con người phải trở nên một huyền nhiệm, đó là lời phát biểu duy nhất cần được nói lên. Thế hệ sắp tới không cần phải 'được báo cho biết' bởi vì khi nói như thế bạn trở thành một nhà lãnh đạo chứ không còn là một vị Thầy. Có gì khác nhau giữa một nhà lãnh đạo và một vị Thầy? Nhà lãnh đạo luôn bảo người ta phải làm cái này cái nọ, một vị Thầy thì không. Ông ta sống và chỉ cho bạn sống như thế nào.

Brown cho rằng: *"Cần nên báo cho thế hệ sắp tới biết rằng cuộc đấu tranh thật sự không phải là một cuộc đấu tranh chính trị…"* Nhưng đó cũng vẫn chỉ là một cuộc chiến. Ngôn ngữ vẫn mang đầy tính chất gây hấn; đây là ngôn ngữ của sự hiếp dâm, không phải là ngôn ngữ của tình yêu. Những điều này đã cho thấy như thế. Cũng lại quay trong cái vòng lẩn quẩn. Người ta cần phải đọc giữa hai hàng chữ, có như thế bạn mới hiểu được vấn đề. Lại đấu tranh? Cái chữ "đấu tranh" nghe nó tệ lậu thế nào!

Và ông ta nói: *"Cuộc đấu tranh thật sự không phải là một cuộc đấu tranh chính trị…"*. Thế nhưng bất cứ cuộc đấu tranh nào cũng sẽ biến thành chính trị; đấu tranh là chính trị. Không có gì khác nhau khi bạn đấu tranh chống lại bất cứ cái gì, bạn vẫn sẽ trở thành một nhà chính trị. Người huyền nhiệm không cần phải đấu tranh, huyền nhiệm là xả bỏ -nên nhớ như thế. Y không là một chiến sĩ, y là người xả bỏ hoàn toàn. Trông thấy sự phi lý của mọi chuyện, y làm người ngoại cuộc, y nhảy ra khỏi cái vòng quay lẩn quẩn. Nếu bạn đấu tranh, bạn vẫn ở trong cái vòng quay đó, bạn là một bộ phận của nó. Ngay cả bạn đối lập với nó bạn cũng vẫn ở trong đó. Khi còn phải đối lập với bất cứ cái gì, bạn không thể vượt ra ngoài, bạn không hề

được chuyển hóa, thăng hoa. Đây chỉ là một hành động chính trị chống-chính-trị mà thôi, chẳng ra làm sao cả.

Hãy nhớ cho một điều, khi hai kẻ đang đánh nhau, họ đều giống nhau. Con người thường giống với kẻ thù hơn là với bằng hữu -bạn có thấy như thế không ? Khi bạn phải đánh nhau với ai đó, bạn trở nên giống họ; bạn phải lựa chọn cùng chiến lược, chiến thuật, vũ khí, và những phương cách như kẻ thù. Churchill đánh nhau với Hitler ông ta trở thành một Hitler, ngược lại, ông ta khó mà thắng Hitler nổi. Churchill thắng Hitler bởi vì ông ta đã chứng tỏ cho thấy là mình còn Hitler hơn cả chính Hitler nữa.

Kẻ thù đã biến đổi bạn hoàn toàn trở thành giống y như họ -đó là lý do tại sao tôi hay nói rằng bạn có thể chọn bằng hữu một cách xuẩn ngốc nhưng không bao giờ nên chọn kẻ thù một cách thiếu trí tuệ. Bằng hữu không thay đổi bạn bao nhiêu nhưng kẻ thù lại có tác động sâu xa, sự thù hằn thấm sâu vào bạn. Tình yêu có vẻ như chỉ kéo dài trong khoảnh khắc; hận thù thì vô tận. Một mối tình chớm nở và tiếp diễn, rồi thì tuần trăng mật kết thúc nhanh chóng, thế nhưng sự thù hận thì tiếp tục năm này qua năm khác, hằng thế hệ và đôi khi hằng thế kỷ.

Tại sao con người lại có khả năng thù hận hơn là yêu thương ? Mà thật ra, đôi khi bạn thấy họ đang yêu thương thì cũng chỉ là vì thù hận. Cụ thể như, nếu cuộc chiến tranh Ấn - Hồi bộc phát, lúc đó sẽ nảy sinh ra một tình yêu thương lớn lao giữa những người Ấn; họ cảm thấy đoàn kết với nhau hơn, họ cảm thấy như chung cùng một mái gia đình. Lúc đó thì người Maharashtrian sẽ không còn đánh nhau với người Gujariti, người nói tiếng

Hindi sẽ không còn chống lại những người không nói tiếng Hindi. Rồi thì họ sẽ quên hết chuyện hận thù, họ sẽ trở thành một. Kẻ thù chung đã tạo nên một loại tình cảm yêu thương mới. Nhưng đây là sự yêu thương do thù hận tạo nên, một khi thù hận không còn hiện hữu thì tình cảm yêu thương này cũng biến mất –đó chỉ là một phó sản.

Josef Stalin và Winston Churchill, Roosevelt đã từng là những kẻ thù, nhưng rồi họ trở thành bạn vì đã có cùng một kẻ thù chung, Hitler. Một khi nước Đức không còn, tình bạn này cũng tan rả theo. Tình thân hữu này không phải là một tình thân hữu thật sự mà chỉ là con đẻ của một nhu cầu chính trị do họ có cùng chung kẻ thù. Hãy nên nhớ rằng, tình yêu khai sanh bởi thù hận không phải là tình yêu, đó chỉ là đồng bạc giả. Tất cả những đoàn kết chính trị đều trông cậy vào đây. Bạn không hề đoàn kết với bất cứ ai, bạn chỉ đoàn kết với nhau để chống lại ai đó –đó là luận lý của chính trị.

Cái gì đã xảy ra với cuộc Cách Mạng Tháng Mười Nga? Người cộng sản đấu tranh để chống lại Sa hoàng, một trong những kẻ thống trị chuyên chế bạo ngược chưa từng có. Nhưng đấu tranh với Sa hoàng họ đã trở thành những ông Sa hoàng mới. Khi có quyền lực trong tay, họ đã tỏ cho ta thấy là họ còn nguy hiểm, chuyên chế bạo ngược, độc tài hơn cả Sa hoàng. Một Stalin còn nguy hiểm bằng cả một ngàn ông Sa hoàng. Y đã giết chết hàng triệu người, nhân danh cách mạng. Những người bị giết có phải là kẻ giàu có gì đâu, cũng chỉ là những người dân nghèo mạt rệp, những người vô sản. Người vô sản bị giết để nhằm cứu vớt người vô sản –và bạo lực cứ thế tiếp tục ngự trị.

Cái gì đã xảy ra? Cái gì là động cơ? Tại sao Josef Stalin đã biến thành một kẻ phản cách mạng? Sau khi trở thành một trong những nhà cách mạng vĩ đại nhất, bằng cách nào mà ông ta đã biến thành một kẻ phản cách mạng? Có gì lạ đâu, khi bạn đấu tranh với một Sa hoàng, không sớm thì muộn, bạn cũng giống y như một Sa hoàng ; lần hồi bạn cũng sẽ nói chung một thứ ngôn ngữ. Và rồi khi bạn nắm được quyền lực, thì đó cũng chỉ là một vị Sa hoàng khác lên ngôi. Vị Sa hoàng được thay thế, nhưng «tinh thần Sa hoàng» vẫn được tiếp tục kế thừa.

Đó là điều luôn luôn xảy ra. Bạn không cần phải thông minh lắm mới hiểu được chuyện này. Cách mạng luôn thoái trào bởi vì nhà cách mạng biến thái thành kẻ phản cách mạng khi y nắm quyền lực trong tay. Đó là điều tất nhiên, y không còn một chọn lựa nào khác.

Cuộc đấu tranh thật sự không hề là một cuộc đấu tranh, cuộc đấu tranh thật sự không thể là một cuộc đấu tranh. Con người cần phải biết buông bỏ. Nhà cách mạng thật sự không hề phải đấu tranh với bất cứ ai, y nhìn thấy được sự phi lý của mọi chuyện và buông bỏ. Y cho mọi người thấy rằng y sẽ không bao giờ là một thành phần của cái phi lý đó, cách này hay cách khác –không ủng hộ mà cũng không chống. Chống lại cũng là một chuyện hết sức xuẩn động. Chúng ta có rất ít những nhà cách mạng thật sự -Đức Phật, Bồ Đề Đạt Ma, những Thiền sư huyền nhiệm mà tôi thường đề cập đến là những nhà cách mạng thật sự. Thế nhưng người ta không bao giờ nghĩ rằng họ là những nhà cách mạng, người ta cho họ là những kẻ trốn chạy cuộc đời. Ngay cả Brown cũng có thể đã suy nghĩ như thế -chỉ

khi nào họ đánh nhau một trận tuyệt đẹp với các chính trị gia, lúc đó họ mới là những nhà cách mạng. Thế nhưng khi bạn đánh nhau một trận để đời với nhà chính trị thì bạn cũng trở thành một chính trị gia -một chính trị gia này bị đánh bại và một chính trị gia khác lên nắm quyền. Và, một điều khá tự nhiên, kẻ mới nắm quyền trở nên nhiều quyền lực hơn là kẻ vừa bị đánh ngã. Quyền lực tiếp tục được chuyển vào những bàn tay xảo quyệt, nguy hiểm hơn.

Tôi đang nói cái gì đây ? Tôi nói rằng cuộc đấu tranh thực sự không hề là một cuộc đấu tranh. Phải là người rất can đảm mới có thể buông bỏ. Nếu chúng ta có thật nhiều người biết buông bỏ, thế giới này sẽ đổi thay -không còn một con đường nào khác. Tôi hoàn toàn ủng hộ sự buông bỏ. Chúng ta đã chán ngấy cách mạng và những nhà cách mạng ! Họ làm một công việc khá đơn giản là đi ban phát hy vọng. Chẳng khác gì những củ cà rốt treo lủng lẳng trước mắt bạn. Bạn chẳng bao giờ ăn được những củ cà rốt này, nó tiếp tục lùi ra khỏi tầm tay bạn. Cũng giống như sự lùi lại của đường chân trời -bạn cứ việc tiếp tục tiến tới và nó thì cứ lùi dần, khoảng cách không bao giờ thay đổi.

Brown cho rằng: «*Chính trị phải được thay thế bằng siêu chính trị.*» Thì có gì thay đổi đâu, cũng vẫn là chính trị. Ông ta gọi đó là siêu chính trị nhưng thực ra vẫn chỉ là chuyện thay tên đổi họ, chẳng có gì thay đổi. Nếu bạn hỏi tôi về chuyện này, tôi sẽ nói rằng: «Chính trị phải được thay thế bằng vô-chính-trị » chứ không phải là siêu chính trị. Từ chính trị tiến đến vô-chính-trị -chỉ lúc đó bạn mới có thể chuyển từ chính trị đến thi ca.

Thi ca là một ân sủng. Thi ca không bao giờ quan hệ với bất cứ loại hình cấu trúc nào –xã hội, chính trị, kinh tế. Thi ca được gắn liền với hiện hữu, với thị kiến trong sáng, với tình trạng thiền quán của tâm thức. Với thi ca, bạn phải đi vào quán tưởng, bạn phải biết chúc tụng cuộc đời, bạn phải học thêm hát ca và nhảy múa, bạn phải học ngôn ngữ của òa vỡ niềm vui, bạn phải trở nên vô cùng nhạy cảm. Những giác quan của bạn phải trở nên vô cùng tinh tế sống động –đôi mắt của bạn nên nhìn thấy nhiều hơn, đôi tai nên nghe nhiều hơn, và đôi tay nên đụng chạm nhiều hơn. Một lần nữa, bạn cần thêm một chút hoang dã. Bạn nên học lại từ loài công về điệu múa, học lại từ loài chim không ngừng ca hót say mê, bạn nên học từ những ngọn núi, những dòng sông, từ những bải cát mịn màng.

Để sống nên thơ con người cần trở về nguyên thủy ; chính trị chỉ là giả tạo. Thi ca vì thế cũng có nghĩa là quay trở lại với thiên nhiên, lắng chìm vào thiên nhiên một cách an hòa thư thái. Thi ca đang hoà nhập con người bạn vào một cái gì đó bao la, rộng lớn vô cùng.

Vâng, thi ca là cách mạng –và đó là điều mà tôi đang giảng dạy cho các bạn nghe đây. Hãy là những nhà thơ. Điều này không có nghĩa là bạn phải là những Shakespeare hay Kalidas (2) hay Rabindranath...(3) Không, tôi không muốn nói như vậy. Khi tôi nói «Hãy là những nhà thơ» có nghĩa là hãy trở thành một vị Phật -bởi vì bất cứ những gì mà bạn gọi là thi ca chẳng qua chỉ là một nét chấm phá của một bài thơ vĩ đại mà tôi đang nói đến, chỉ là một cái nhìn thoáng qua, một mảnh nhỏ. Những gì mà một người như nhà thơ Rabindranath trông thấy chỉ là một thoáng nhìn lờ mờ, nó xa xăm như những đỉnh núi của dãy Hy Mã Lạp Sơn, rất xa, xa đến hàng ngàn dặm. Nhà thơ chỉ thoáng thấy chúng lờ mờ ẩn hiện trong khi Đức Phật thì đang ở ngay tại đó.

Rabindranath sản xuất ra thi ca, Đức Phật là một nhà thơ. Sự khác biệt này vô cùng lớn lao. Có thể là Đức Phật không sản xuất ra thi ca –khi bạn đã là nhà thơ thì cái gì mà chẳng là thơ ? Rabindranath sáng tạo thi ca. Ông ta có những khoảnh khắc thật tuyệt vời, những khoảnh khắc xuất thần, chan hoà ánh sáng, đến độ khi ông quay về với thực tại nó như còn lảng vảng đâu đó –như một nỗi nhớ nhà, một kỹ niệm ngọt ngào, một mùi hương thoang thoảng. Và rồi ông ta muốn biến chúng thành lời nếu không ông sợ rằng mình sẽ quên đi mất. Những khoảnh khắc đó rất là hiếm hoi, thỉnh thoảng mới xuất hiện -nếu không, nhà thơ cũng chỉ là những người bình thường như các bạn, cũng chính trị như các bạn thôi. Những khoảnh khắc đó rất ít oi, năm khi mười họa mới xuất hiện ; rất hiếm khi được chuyển tải đi trong thị kiến của con người . Thế nhưng Đức Phật an trú ở trong đó, Bồ Đề Đạt Ma tồn tại ở trong đó. Đối với Rabindranath, thi ca là một hoạt động, đối với Phật, tự nó là đời sống. Rabindranath làm thơ, với Đức Phật, một hơi thở là một lời thơ.

Thế nên khi tôi nói « Hãy là một nhà thơ » có nghĩa rằng tôi muốn nói hãy trở thành những vị Phật, bắt đầu sống trong một cảnh giới hoàn toàn khác biệt. Hãy lắng nghe nhịp đập của trái tim mình nhiều hơn, bớt nghe tiếng nói của cái đầu. Chính từ trong cái đầu này đã đẻ ra những Josef Stalin, Adolf Hitler. Trong trái tim của bạn, có bóng dáng của Đức Phật ở đó, trong tận cùng sâu thẳm của trái tim bạn. Hãy đi đến đó. Hãy hướng nội bằng những bước chân tĩnh lặng.

Nếu chúng ta có thật nhiều những nhà thơ như Đức Phật, thế giới này hẳn nhiên sẽ thay đổi –không cần phải kinh qua một nỗ lực trực tiếp, một hành động trực tiếp nào cả. Hành động trực tiếp là chính trị, hành động gián tiếp là thi ca. Bạn không cần phải hành động trực tiếp, một cách đơn giản, nó sẽ bắt đầu xảy đến. Bởi vì *bạn* đang chuyển hoá, bạn tạo ra những làn sóng rung động của đổi thay. Bởi vì *bạn* đang sống ở một cung bậc khác nên

những ai đến tiếp xúc với bạn họ bắt đầu nghe một loại thanh âm khác, họ bắt đầu nghe điệu nhạc của một thế giới khác, và rồi họ sẽ bắt đầu khuếch tán ra, bắt đầu mang theo mùi hương của bạn.

Một nhà thơ như Đức Phật hay Bồ Đề Đạt Ma sáng tác ra muôn ngàn bài thơ trong thế giới này. Các Ngài đã trở thành chất xúc tác. Sự hiện hữu của các Ngài cũng đủ để gây cảm hứng cho bao người. Đấy là lý do tại sao tại Đông phương chúng ta hay cầu nguyện *satsanga*. Satsanga có nghĩa là hiện hữu trong sự có mặt của một nhà thơ, hiện hữu trong sự có mặt của một vị Thầy, hiện hữu với một vị Thầy vừa đến với ta –trong bóng mát của một vị Thầy, chỉ vậy thôi là đủ. Nếu bạn đi ngang qua một vườn hoa, có thể là bạn đã không đụng tới một đoá hoa nào cả, nhưng khi về đến nhà, bỗng dưng bạn thấy một mùi hương thoang thoảng trên áo quần đang mặc.

Khi bạn đến với một vị Thầy, có một cái gì đó đang bắt đầu lảng vảng, quanh quẩn chung quanh bạn. Trong giây phút đầu tiên nó mỏng manh như sương khói, trong giây phút đầu tiên bạn không thể xác quyết được nó là cái gì, nhưng một điều chắc chắn là : đang có một cái gì đó. Theo thời gian, nó bắt đầu trở nên rõ ràng hơn, sáng sủa hơn, trong suốt hơn. Và rồi ngay lúc đó bạn thấy mình đang an trú trong một chiều kích hoàn toàn khác biệt với dòng sinh mệnh.

Câu hỏi thứ hai :

Tôi vẫn không thể hiểu được sự kỳ quặc của những gì ông nói. Có phải ông nói rằng ông đã không thốt ra một lời nào, Bhagwan, làm sao mà như vậy được ?

Hãy nghe một bài thơ về Thiền :

Cái bóng tre

Quét qua lại trên chiếc cầu thang

Suốt đêm dài

Nhưng không một hạt bụi nào bị khuấy động.

Ánh trăng

Chiếu xuyên qua tận đáy hồ

Nhưng không để lại một dấu vết nào

Trên mặt nước.

Câu hỏi thứ ba :

Thế nào là giác ngộ ?

Giác ngộ là đi đến chỗ nhận thức rằng chẳng có gì để tìm kiếm. Giác ngộ là đi đến chỗ hiểu rằng chẳng có nơi nào để đến. Giác ngộ là hiểu biết rằng chỉ có đây là tất cả, là viên mãn, là như thị. Giác ngộ không phải là sự đạt đến, mà hiểu được rằng chẳng có cái gì để vươn tới và chẳng có nơi chốn nào để đi tới. Bởi vì bạn đã ở ngay ở đó rồi -bạn có rời xa nó bao giờ đâu, bạn không thể nào tách lìa nó ra được. Không bao giờ bạn có thể đánh mất Thượng Đế. Trong một giây phút nào đó, có thể là bạn đã quên bẳng đi mất, thế thôi. Cũng có thể là bạn đang say ngủ và rồi bạn lạc lối vào những giấc mơ, rất nhiều giấc mơ, thế thôi –nhưng mà bạn luôn ở đó. Thượng Đế là chính sự hiện hữu của bạn.

Thế nên điều quan trọng đầu tiên: Đừng bao giờ nghĩ rằng giác ngộ là một mục tiêu, không bao giờ. Đó không phải là một mục tiêu, đó cũng không phải là một cái gì để bạn khao khát tìm cầu. Nếu bạn khao khát tìm cầu, bạn sẽ chẳng bao giờ đạt đến. Ham muốn một ngàn lẻ một thứ, ngày qua ngày bạn sẽ thấy rằng tất cả những ham muốn đều chỉ là phù phiếm. Mỗi khát vọng cứ đưa bạn đến thất vọng, mỗi khát vọng cứ lần lượt quẳng bạn xuống hố sâu.

Chuyện này đã xảy ra hàng triệu năm rồi thế mà bây giờ bạn vẫn cứ bắt đầu nuôi hy vọng, bạn lại bắt đầu suy nghĩ rằng niềm khát vọng mới vừa nảy sinh, đâm chồi trong lòng bạn có thể sẽ mang bạn đến một thiên đường, sẽ cho bạn, sẽ thỏa mãn tất cả những gì mà bạn đã từng mơ ước. Niềm hy vọng cứ thế không ngừng vươn lên. Giác ngộ chỉ đến với bạn khi tất cả mọi hy vọng biến mất. Giác ngộ là sự tan biến của hy vọng.

Chớ vội khó chịu khi nghe tôi nói rằng giác ngộ là trạng thái của vô vọng – đây không phải là chuyện tiêu cực. Khi hy vọng không còn dấy lên, khát vọng không còn sinh ra, là lúc tương lai biến mất. Đã không còn khát vọng thì đâu còn cần tương lai làm gì? Cái khung vải cho bức tranh tương lai chỉ cần thiết cho khát vọng. Bạn tô vẽ những khát vọng của bạn trên khung vải của tương lai. Một khi đã không có gì để tô vẽ thì bạn mang theo khung vải để làm gì? Bạn sẽ quẳng nó đi. Một khi đã không còn gì để tô vẽ, bạn cũng đâu cần phải mang theo cây cọ hay ống màu? Tất cả đều thuộc về quá khứ. Khung vải đến từ tương lai và cây cọ, ống màu, kỹ thuật,... đại loại như thế đều đến từ quá khứ. Một khi bạn không còn vẽ nữa, bạn quẳng tất cả chúng đi –và thế là đột nhiên bạn đang ở đây, ngay bây giờ.

Đây là điều mà tôi đã nói đến trong ngày hôm trước –*chittakshana*, sát na tỉnh thức. Điều mà Đức Phật gọi là *chittakshana, sát na tỉnh thức* -phút giây của giác ngộ, phút giây của tỉnh thức. Cái khoảnh khắc tỉnh thức này có thể xảy ra bất cứ lúc nào, không nhất thiết phải ở một thời điểm đặc biệt nào, một tình huống đặc biệt nào, hay một nơi chốn đặc biệt nào –nó có thể xảy ra trong mọi tình huống, nó đã và đang xảy ra trong mọi tình huống. Tất cả chỉ cần một khoảnh khắc đơn thuần vô niệm, vô cầu, vô hy vọng. Trong cái khoảnh khắc đơn thuần đó, ánh chớp bùng lên...

Một hôm Thiền sư Chikan đang làm cỏ chung quanh một ngôi chùa đổ nát. Khi ông ta quẳng đi một mảnh ngói bể, nó chạm vào một cây tre và gây lên một tiếng động. Thế là ông ta hoát nhiên đạt ngộ.

Cảm hứng việc này, ông hát lên :

Từ tiếng vang của mảnh ngói bể chạm vào cành tre

Lập tức, tôi quên hết tất cả những gì đã học.

Việc cải đổi bản tánh mình trở nên không cần thiết.

Tôi đi làm những công việc đời thường

Và bước đi trên con đường người xưa đã bước.

Không chút nãn lòng trong trạng thái không tâm.

Từ đây, đi bất cứ nơi đâu

Tôi sẽ chẳng còn lưu lại dấu chân

Vì đã không còn ở trong vòng âm thanh, sắc tướng.

Có phải những bậc giác ngộ

Đã từng nói ở một nơi nào đó :

« Như thế đấy mới gọi là đạt ngộ »

Ông thiền sư khốn khổ này, Chikan, đã tu tập không ngừng trong vòng ba mươi năm. Ông ta là một người kiên trì cầu đạo, một người rất thánh thiện, rất chân thành, thiết thiết tha tha. Ông ta thực tập đủ mọi phương cách đã được chỉ dạy, đã viếng thăm không biết bao nhiêu vị Đại sư, đã sống qua không biết bao nhiêu tu viện. Ông ta đã làm tất cả những gì mà trong khả năng của một con người có thể làm được. Ông ta thực hành yoga, tọa thiền, thử đủ mọi thứ -nhưng tất cả chẳng mang lại một kết quả nào. Chẳng có chuyện gì xảy ra ; mà ngược lại, càng ngày ông càng cảm thấy phiền não bực bội hơn. Thêm một phương thức thất bại, mối phiền não bực bội lại càng dày thêm.

Ông đã đọc hầu hết các kinh điển Phật giáo –hàng ngàn cuốn như thế. Người ta nói rằng ông Chikan này có đủ tất cả các loại kinh điển chất đầy trong phòng và ông ta đọc ngấu nghiến suốt ngày lẫn đêm không lúc nào ngừng. Ông ta lại có một trí nhớ thật tuyệt vời, nên tất cả những kinh sách đọc qua một lần ông đều thuộc nằm lòng –nhưng mà vẫn chẳng có gì xảy ra cả.

Thế rồi một hôm ông ta đốt cháy hết toàn bộ cái thư viện chất chứa kinh sách của mình. Thấy kinh sách bốc cháy trong ngọn lửa, ông cười lên sảng khoái. Rồi ông rời tu viện, rời Thầy, tìm đến trú ngụ trong một ngôi chùa đổ nát. Chẳng còn ngó ngàng gì đến thiền định, chẳng còn ngó ngàng gì đến yoga, ông quên luôn tất cả pháp môn này nọ, những gì được gọi là giới đức, v.v.. kể cả việc vào trong chùa lễ Phật.

Nhưng rồi chuyện đó đã xảy ra trong lúc ông ta trú ngụ trong ngôi chùa hoang phế này. Thiền sư Chikan đang làm cỏ chung quanh chùa -một công việc chẳng có gì là tôn giáo, chẳng có gì là đặc biệt, chỉ là nhổ cỏ thôi. *Khi ông ta quẳng đi một mảnh ngói bể, nó chạm vào một cây tre và gây lên một tiếng động* –trong khoảnh khắc đó là *chittakshana*, là khoảnh khắc của giác ngộ xảy ra. Ngay khi tiếng động của viên ngói chạm vào cành tre, một cú 'sốc', một cú đập mạnh thình lình xảy đến, tâm của ông ta ngưng đọng lại trong khoảnh khắc này, và ông ta hoát nhiên đạt ngộ.

Làm thế nào mà người ta lại có thể đạt đến giác ngộ được trong một khoảnh khắc ngắn ngủi như vậy ? Vâng, đó là điều có thể xảy ra, bởi vì để được giác ngộ -một người chỉ cần nhận ra được sự thật. Đây không phải là

một cái gì xảy ra ở bên ngoài mà là phát khởi từ bên trong. Nó luôn hiện hữu ở đó nhưng bởi vì bạn đã bị bao phủ bởi những đám mây mù, bạn đã bị tràn ngập bởi những tạp niệm.

Thiền sư Chikan đã đốt toàn bộ kinh điển. Đây chỉ là một hình ảnh tượng trưng. Bây giờ thì ông ta không còn nhớ bất cứ điều gì, đã quên đi tất cả việc tìm cầu, đã không còn tha thiết đến mọi chuyện. Không còn vướng mắc Chikan trở lại sống như một người bình thường -ngay cả không còn xem mình là một tăng sĩ. Ông đã không còn nuôi bất cứ kỳ vọng nào, không còn mục tiêu nào của bản ngã để theo đuổi. Hãy nhớ rằng, có hai loại mục tiêu của bản ngã: thứ nhất, mục tiêu thế tục và thứ hai là mục tiêu phi-thế-tục. Một số người chạy đi săn tìm tiền bạc; một số khác chạy theo quyền lực, danh vọng, thế lực; cũng có những người đi thì tìm cầu Thượng Đế, niết bàn, giác ngộ -nhưng nói chung, sự kiếm tìm không bao giờ ngưng nghỉ. Và ai đang đi tìm cầu? Thì cũng là chung một cái bản ngã đó. Khoảnh khắc mà bạn buông bỏ sự tìm cầu cũng chính là khoảnh khắc mà bạn buông bỏ cái bản ngã. Trong cái khoảnh khắc vô cầu đó, người tìm cầu đã không còn hiện hữu.

Bây giờ ta hãy hình dung ra cái ông sư khốn khổ -bây giờ không còn là một nhà sư nữa- đang trú ngụ trong ngôi chùa hoang phế này. Ông ta không còn bất cứ nơi chốn nào khác để đi đến, ngày ngày chỉ biết dọn đất làm vườn -có thể là để gieo trồng cây trái hoa màu, đại loại như thế. Rồi ông gặp phải một mảnh ngói bể, ông ta liệng nó đi một cách vô ý thức. Mảnh ngói chạm vào cành tre vang lên một tiếng "cách" bất ngờ, một tiếng động đột nhiên, và bỗng nhiên ông đạt ngộ.

Và ông nói:

Từ tiếng vang của mảnh ngói bể chạm vào cành tre

Lập tức, tôi quên hết tất cả những gì đã học.

Giác ngộ là một tiến trình giải trừ học vấn. Trở thành hoàn toàn ngu dốt. Nhưng cái dốt này thì vô cùng rực rỡ trong khi cái tri kiến của bạn lại thật ảm đạm, tối tăm. Cái dốt này rất là sống động và rực sáng trong khi cái kiến thức của bạn thì lại u tối và bay mùi tử khí.

Ông ta nói: *Lập tức, tôi quên hết tất cả những gì đã học*. Trong khoảnh khắc đó đã không còn tri kiến, trong khoảnh khắc đó đã không còn người nhận biết, người quan sát, mà chỉ là một tiếng động vang lên. Từ đó một người tỉnh thức sau một cơn mê ngủ dài.

Và ông tiếp: *Việc cải đổi bản tánh mình trở nên không cần thiết*. Ngay hôm đó ông cảm nhận được rằng mình đã nỗ lực một cách không cần thiết. *Việc cải đổi bản tánh mình trở nên không cần thiết.* Bạn không cần phải tu sửa, bạn không cần phải cải thiện bạn -tất cả chỉ là những chuyện vớ vẩn.

Nên cảnh giác đối với tất cả những ai đến bảo bạn hãy tu tâm sửa tánh, hãy thế này thế nọ, hãy trở nên đức hạnh; những người không ngừng bảo bạn rằng cái này sai, không nên làm, cái này đúng, hãy làm theo, cái này sẽ dẫn bạn đến thiên đàng, cái kia sẽ đưa bạn xuống địa ngục. Tất cả những ai không ngừng bảo bạn hãy sửa đổi tâm tánh, hãy tự cải thiện mình đều là những kẻ cực kỳ nguy hiểm. Họ là một trong những nguyên nhân căn bản cản trở bạn đi đến giác ngộ. Bản tánh không thể nào được sửa đổi mà phải được chấp nhận y như thế. Không có một con đường nào khác. Bất cứ bạn là ai, bất cứ bạn là cái gì cũng có nghĩa là bạn là thế đó, bạn là như vậy. Một sự chấp nhận hoàn toàn -Đức Phật gọi đó là *tathata* –như như-, một sự chấp nhận hoàn toàn y như vậy. Chẳng có gì ở đó để thay đổi.

Làm sao bạn có thể thay đổi được nó và ai là người thay đổi nó? Đó chính là tự tánh *của bạn* và *bạn* lại cố gắng để thay đổi nó! Chẳng khác gì một con chó chạy đuổi theo cái đuôi của mình. Con chó sẽ nổi khùng lên. Nhưng những con chó còn chưa xuẩn động bằng con người. Con người cứ mãi chạy đuổi theo cái đuôi của mình, càng thấy khó khăn chừng nào họ lại càng nhảy cẩng lên, và càng cố gắng bao nhiêu họ càng trở nên quái đản bấy nhiêu.

Không có gì để thay đổi bởi vì tất cả đều tuyệt vời. Đó gọi là giác ngộ. Tất cả đều là như thị, tất cả đều viên mãn, đây là cái thế giới hoàn chỉnh nhất, khoảnh khắc này là tròn đầy -thực chứng điều này được gọi là giác ngộ.

Câu hỏi thứ năm :

> *Ngài vừa nói rằng cái đó ở ngay trước mắt của qúy vị. Nó thực sự xa xôi đến như vậy sao ?*

Thực sự không hẳn như vậy. Tôi nói thế không ngoài mục đích thuyết phục bạn.

Như vầy tôi nghe...

Mulla Nasruddin (4) đang kể chuyện cho con trai mình và một lần nữa ông ta bảo cậu con trai rằng –ông ta đã kể chuyện này không biết bao nhiêu lần

trước đây- hồi mà ông ta đi săn ở Nam Phi, ông ta đã giết được mười con sư tử.

Cậu con ngạc nhiên: «Này bố, mới năm rồi bố nói là năm con, bây giờ bố lại thay đổi. Bố bảo là đến mười con!»

Mulla trả lời: «Vâng, bố biết mà. Năm rồi bố bảo chỉ có năm con là vì con chưa đủ khôn lớn để tin một con số lớn hơn. Năm tới bố sẽ bảo là bố đã giết mười lăm con sư tử bởi vì bố chỉ nói với con tới một mức độ nào đó mà con có thể tin được.»

Vâng, tôi đã nói với bạn rằng cái đó ở ngay trước mắt qúy vị chỉ vì nói hơn thế có thể là rất khó khăn để cho bạn tin.

Thật ra, nó không phải ở trước mắt bạn, nó ở đằng sau. Thực ra bạn không thể nhìn thấy nó bởi vì chính nó là kẻ nhìn. Thượng Đế không thể được nhìn. Thượng Đế là cái nhìn ở trong bạn, Thượng Đế là kẻ đang nhìn thông qua bạn –làm sao bạn có thể nhìn thấy được Thượng Đế? Thượng Đế không ở trước mắt bạn mà là đang ở đàng sau.

Tuy nhiên nói như vậy sẽ vô cùng khó khăn cho bạn trong lúc này nên tôi cố gắng đi chậm lại một tí, tôi thuyết phục bạn bằng cách nói rằng Thượng Đế đang hiện hữu trước mắt bạn. Không, nó không đến nỗi xa xôi quá như vật đâu. Không có một khoảng cách nào cả giữa bạn và nó. *Tattwamasi* – nó là ngươi.

Câu hỏi thứ sáu :

Tại sao Thiền là nghịch lý?

-bởi vì cuộc đời là nghịch lý và Thiền là tấm gương phản chiếu cuộc đời một cách đơn giản. Thiền không là Triết học.

Triết học không hề nghịch lý, Triết học rất luận lý -bởi vì triết học là những cấu trúc của tâm. Con người tạo nên chúng. Chúng được sản xuất bởi con người. Chúng là thành phẩm của con người được cắt đo, sắp xếp một cách rất tự nhiên, và luận lý để tạo khả năng thuyết phục. Tất cả những bộ phận nào có nội dung đi ngược lại cái cấu trúc đó đều bị cắt xén, loại trừ, bỏ đi. Triết học vì thế không hề phản ảnh thực tại đời sống; chúng đã được chọn lựa ra từ đời sống. Chúng không tinh ròng mà chỉ là những sản phẩm văn hóa.

Thiền là nghịch lý bởi vì Thiền không phải là Triết học. Thiền không hề quan tâm đến chuyện đời sống là cái gì, điều mà nó quan tâm là thực tại hiện hữu như thế nào thì nên được phản chiếu lại đúng y như vậy. Ta không nên chọn lựa, bởi vì ngay lúc bạn làm công việc đó, cái được chọn lựa đã không còn là nó nữa. Chọn lựa mang đến điều giả dối.

Tốt hơn là đừng bao giờ chọn lựa, ở trong trạng thái không lựa chọn –và như thế bạn luôn ở trong chân lý.

Nhưng thực tế thì không như vậy: Bạn yêu một người đàn bà và rồi bạn bắt đầu chọn lựa. Bạn sẽ rơi vào chuyện phiền nhiễu ngay. Bạn không còn nhìn người đàn bà như thực sự là nàng, bạn chỉ nhìn những nết tốt ở nàng và không hề nhìn thấy những gì được xem là không tốt. Có cả một ngàn lẻ một thứ ở trong nàng –có cái tốt, có cái xấu, con người mà, có ai hoàn toàn đâu. Thượng Đế không bao giờ tạo ra những anh chàng lên mặt đạo đức -những sinh vật đần độn như là những xác chết, những con người không xương sống, không máu huyết. Thượng Đế tạo ra những con người sống động. Và mỗi một con người có thể có những điểm mà bạn thích và những điểm bạn không thích –vì Ngài đâu có cắt đo ra một mẫu người đặc biệt

cho riêng bạn đâu, con người đó không phải chỉ dành cho bạn, không phải là thành phẩm của một đường dây sản xuất dây chuyền trong một cơ xưởng. Y vô cùng độc đáo. Chàng là chàng và nàng là nàng.

Khi bạn yêu một người đàn bà, bạn bắt đầu lựa chọn. Bạn không hề nhìn thấy rất nhiều chuyện. Vâng, thỉnh thoảng bạn cũng cảm thấy nàng nổi giận nhưng mà bạn bỏ qua, bạn không hề chú ý đến. Bạn chỉ thấy khía cạnh thần thánh ở nàng mà không hề thấy cái mặt phù thủy. Phù thủy vẫn hiện diện ở đó. Thần thánh sẽ không thể hiện hữu nếu không có phù thủy, bằng không thần thánh cũng chẳng có giá trị gì. Nàng quá tuyệt vời để được vui sống, quá tuyệt vời để được yêu. Và bạn thì đâu có muốn thờ phượng một người đàn bà, bạn chỉ muốn yêu họ. Bạn muốn người đàn bà là một con người, không phải là một vị thần thánh.

Nhưng thực tế thì không như vậy. Bạn đang giả bộ, bạn không nhìn thấy bất kỳ khía cạnh tiêu cực nào. Bạn bắt đầu chọn lựa. Bạn vẽ vời ra hình ảnh một người đàn bà hoàn toàn sai lầm, không đúng sự thực. Và rồi không sớm thì muộn bạn sẽ bắt đầu cảm thấy phiền não bực bội bởi vì không sớm thì muộn con người thực của nàng sẽ không bao giờ giống với hình ảnh mà bạn đã vẽ vời ra trong trí tưởng. Bạn sẽ có cảm tưởng như là bị lường gạt, lừa dối và chính nàng là người đã lừa dối bạn một cách có chủ tâm. Sự thực không phải như vậy, không ai lừa dối bạn cả. Chính bạn là tác giả của vở bi kịch. Bạn đã tìm cách để lừa dối chính mình từ khi bạn bắt đầu lựa chọn. Bạn đã không hề nhìn người đàn bà đúng như là con người thực của nàng, như là một tấm gương phản chiếu trung thực. Vâng, có những cái thật tuyệt vời nhưng không phải là không có những cái tồi tệ -bởi vì tuyệt vời

không bao giờ hiện hữu mà không có tồi tệ, và ngược lại. Chúng hiện hữu cùng nhau. Chúng là hai mặt của một đồng tiền.

Thỉnh thoảng người đàn bà rất ngọt ngào nhưng thỉnh thoảng nàng cũng rất chanh chua. Có thể là một điều khó khăn cho bạn khi nhìn suốt hai mặt của vấn đề, vì chúng có vẻ nghịch lý, không phù hợp với kiểu cách luận lý Aristote của bạn –nó có vẻ như phi luận lý, làm thế nào mà một người đàn bà có hai mặt như thế ? Có lúc nàng yêu bạn những cũng có lúc nàng thù ghét bạn; thực ra, càng yêu nhau lắm càng cắn nhau đau. Có lúc nàng như sẵn sàng để chết vì bạn nhưng cũng có lắm lúc nàng sẵn sàng để giết bạn bất cứ lúc nào. Người đàn bà là một nguồn năng lượng rất dữ dội, cũng giống như người đàn ông vậy.

Nhưng lỗi là ở bạn, bạn đã tạo nên một câu chuyện thần tiên. Bạn chọn lựa cái này, bạn loại bỏ cái kia và cuối cùng bạn vẽ ra một hình ảnh. Nhưng cái hình ảnh này sẽ không tồn tại lâu dài. Một khi tuần trăng mật qua đi, thực tại lên tiếng nói. Thực tại không hề bị đánh ngã bởi óc tưởng tượng, bởi những mộng mơ của bạn, sớm hay muộn bạn phải quan tâm đến nó thôi. Vâng, bạn có thể tìm cách trì hoãn trong lúc này, nhưng sẽ không bao giờ kéo dài vĩnh viễn. Và khi thực tại cất tiếng nói...

Nó lên tiếng nói trong đời sống hằng ngày. Khi bạn hẹn hò với một người đàn bà mỗi ngày một lần trên bải biển, nàng là một sinh vật hoàn toàn khác biệt. Và bạn cũng thế, cũng là một loại sinh vật khác biệt. Để gặp gỡ trong một giờ, nàng đã phải chuẩn bị rất chu đáo, mọi thứ đều được sửa soạn, nàng đã đứng hàng giờ trước tấm gương soi, đã bao lần diễn tập. Nhưng

người đàn bà này sẽ không bao giờ giống với người đàn bà sẽ sống chung với bạn hai mươi bốn giờ trong ngày ; nàng sẽ không có thì giờ để sửa soạn và diễn tập! Ngày qua ngày, nàng sẽ bắt đầu quên bẵng bạn. Vâng, có thể nàng chỉ sửa soạn khi nào cùng bạn đi xem hát, còn không, chẳng có gì để cho nàng phải bận tâm.

Và rồi bạn sẽ thấy những chuyện chưa từng xảy ra trước đó. Những mảnh vụn của cuộc sống, của đời thường, lên tiếng nói. Nàng bắt đầu cãi cọ vì những chuyện không đâu –và bạn cũng trở nên như thế. Chỉ cần một chuyện nhỏ cũng đủ gây nên giận dữ, rầy rà, tranh chấp –dĩ nhiên những chuyện như thế chưa từng xảy ra lần nào trong cái thuở hai người hẹn hò nhau trên bải biển. Ở đó chỉ có trăng thanh và sóng biển. Ở đó nàng không hề tranh cãi với bạn ; bất cứ nàng nói ra điều gì bạn đều thuận ý, bất cứ điều gì bạn nói ra nàng cũng thuận tình. Bạn sẵn sàng để nói vâng, trong phút giây này tiếng không hầu như không bao giờ có mặt.

Thế nhưng tiếng không đó đã không phải chờ đợi lâu. Nó sẽ xuất hiện, nó sẽ nổi lên. Và một khi nó nổi lên rồi, cái hình ảnh đẹp đẽ trong trí tưởng của bạn bắt đầu vỡ tan thành từng mảnh vụn. Thế rồi bạn cho rằng nàng đã làm điều gì đó không phải đối với bạn.

Cái thí dụ này không hẵn chỉ là chuyện xảy ra giữa một người nam và một người nữ, đây cũng là cái truyện dài triết học. Mỗi triết thuyết đều giống y như thế. Mỗi triết thuyết đều chọn lựa ra một vài mảng của thực tại và cố ý loại bỏ đi những cái khác. Bởi vậy, mỗi triết thuyết đều có những kẻ hở, những đường nứt, rất dễ bị phê phán –và dĩ nhiên, rất cần được phê phán. Bất cứ ai tin tưởng vào những triết thuyết này đều giả bộ như không nhìn thấy những kẻ hở đó, ngược lại những ai không tin thì đều chỉ thấy toàn là những khe hở -họ chọn những vị trí đối nghịch. Mỗi triết thuyết cần được phê phán và chẳng có gì là sai quấy khi ta phê phán chúng. Nó cũng chân thực như ý tưởng của người đề xuất ra chúng.

Mà điều này cũng không phải chỉ xảy ra đối với Triết học, cả Khoa học cũng thế. Chúng ta tạo ra một học thuyết nào đó và kéo dài thời gian trăng mật với nó một thời gian. Trong một vài năm, mọi chuyện đều có vẻ như xuôi chảy tốt đẹp. Nhưng rồi thực tại lên tiếng. Thực tại mang đến một vài dữ kiện đẩy học thuyết vào chỗ lúng túng khi phải giải thích chúng. Những dữ kiện này tự nó lên tiếng nói và sẽ là những phản chứng làm sụp đổ học thuyết. Trong thế kỷ thứ mười tám, khoa học được xem như là tuyệt đối chắc chắn, bây giờ thì sự chắc chắn không còn nữa. Bây giờ một học thuyết mới ra đời : học thuyết về tính dễ biến đổi.

Hơn một trăm năm mươi năm trước đây, Immmanuel Kant (5), một triết gia người Đức đã nhận ra điều này. Ông cho rằng lý trí vô cùng hạn chế ; nó chỉ nhìn thấy được một phần nhỏ nào đó của thực tại và tin rằng đó là toàn thể. Điều này mang lại khổ nạn. Không sớm thì muộn ta lại khám phá ra những thực tại khác và cái được xem như là toàn thể trước đây lại đối nghịch với thị kiến mới. Immanuel Kant đã cố gắng chỉ ra cho mọi người thấy những giới hạn không thể tránh khỏi của lý trí, rằng lý trí vô cùng hạn chế. Nhưng xem chừng chẳng ai nghe, chẳng ai hề quan tâm đến Kant. Chẳng ai thèm để ý đến những triết gia.

Thế nhưng khoa học trong thế kỷ này cuối cùng đã đồng tình với Kant. Với Heinsenberg (6) trong Vật lý, và Godel (7) trong Toán học đã chỉ ra những mặt giới hạn không tránh khỏi của lý trí con người. Họ đã mở ra cho chúng ta một cái nhìn phớt qua về bản thể vốn dĩ đã vô lý, nghịch lý ngay từ cốt lõi. Hết thảy những gì mà chúng ta đã từng nói về bản thể đều sai lầm. Tất

cả mọi nguyên lý đều sai lầm vì bản thể không hề đồng nghĩa với lý trí, bản thể lớn hơn lí trí.

Và Thiền không phải là Triết lý ; Thiền là một tấm gương soi phản chiếu sự vật đúng y như vậy. Sự vật như thế nào, Thiền nói lên đúng như thế. Nó không hề mang vào những sản phẩm triết lý do con người tạo ra. Trong Thiền không có sự chọn lựa, không thêm, không bớt. Đó là lý do tại sao Thiền là nghịch lý -bởi vì đời sống là nghịch lý. Bạn hãy nhìn kỹ đi và rồi bạn sẽ hiểu.

Bạn yêu một người đàn ông và đồng thời bạn cũng hận người đó. Bây giờ, cái tâm của ta bảo rằng như vậy là không tốt, ta không nên làm như thế. Và rồi bạn giả bộ như là bạn không làm. Nhưng điều này không thể nào xảy ra. Nếu bạn thực tình muốn bỏ cái hận, bạn đồng thời cũng phải bỏ luôn cái yêu -đến lúc đó thì cả hai đều biến mất, khởi dậy tình trạng vô phân biệt.

Tính nghịch lý này có mặt ngay tự trong bản thể của vạn pháp –ngày và đêm, đông và hè, Thượng Đế và Sa Tăng đều hiện hữu cùng nhau. Thiền cho rằng nếu bạn nói Thượng Đế chỉ gồm toàn những gì tốt đẹp, thì cũng là lúc vấn nạn nổi lên : như vậy, những cái xấu xa từ đâu mà đến, điều ác từ đâu mà xuất hiện? Đó là những gì mà tôn giáo đã và đang làm –Cơ Đốc, Hồi Giáo, Do Thái giáo đã phân cách Thượng Đế với Sa Tăng. Những gì xấu xa tội lỗi đều đến từ Sa Tăng, những gì tốt lành thì đến từ Thượng Đế. Thượng Đế có nghĩa là những gì tốt đẹp nhất. Nhưng như vậy thì Sa Tăng từ đâu mà đến? Cuối cùng họ đều bối rối và cuối cùng thú nhận rằng chính

Thượng Đế đã tạo ra Sa Tăng -nhưng như vậy thì trọng điểm của vấn đề là cái gì để họ phải đi lòng vòng như vậy? Nếu Qủy Sa Tăng cũng chính do Thượng Đế tạo ra thì Thượng Đế là tác giả của mọi chuyện, tất cả mọi hiện hữu đều có bàn tay của Thượng Đế. Thế thì bất cứ chuyện gì xảy ra đều xảy ra thông qua Thượng Đế -ông ta cũng là một nghịch lý. Đó là điều mà Thiền muốn nói. Thượng Đế là nghịch lý, nghịch lý như tự thân của chính hiện hữu. Thượng Đế chẳng là cái gì cả mà thật ra chỉ là một cái tên gọi khác của hiện hữu, cái toàn bộ của hiện hữu.

Một khi bạn đã hiểu được cái tính chất nghịch lý này, một niềm tĩnh lặng vô biên lớn dậy trong bạn. Chẳng còn gì để lựa chọn –không còn trọng điểm- mọi chuyện hòa quyện vào nhau. Bạn không thể trở thành một vị thánh bởi vì nếu bạn muốn trở thành một vị thánh bạn sẽ phải loại bỏ đi cái phần ma qủy ở trong bạn, bạn sẽ phải tự cắt chính mình ra làm đôi. Bạn sẽ phải đem nhốt cái phần ma qủy này ở một chỗ nào đó trong bụng bạn và rồi cái mặt ma qủy này sẽ tồn tại ở đó, sẽ không ngừng quấy phá cái mặt thánh thiện của bạn.

Thiền mang lại sự lành mạnh lớn lao cho nhân loại. Nó bảo rằng bạn có hai mặt. Phải chấp nhận cả hai mặt đó. Đừng chối bỏ, đừng chọn lựa ; mà chấp nhận cả hai. Trong sự chấp nhận đó ẩn chứa sự thăng hoa, bạn sẽ không còn là một vị thánh hay là một con qủy. Môt con người thánh thiện là như thế, không xấu, không tốt, mà là cả hai. Và khi một con người có đủ hai mặt, hiểu thấu đáo chúng, các cực đối nghịch sẽ tự động loại bỏ lẫn nhau.

Hãy cố gắng để hiểu rõ điều này; đây là một trong những chìa khóa cơ bản nhất. Khi bạn chấp nhận cả cái xấu lẫn cái tốt và bạn không lựa chọn, cái

xấu và cái tốt, cái tiêu cực và tích cực sẽ tự động loại bỏ lẫn nhau. Bỗng dưng ta rơi vào tĩnh lặng, thiện và ác đã không còn có mặt; chỉ còn một hiện hữu duy nhất, không có sự phán xét. Thiền là không phán xét, không lên án, không đánh giá. Nó cho bạn hiện hữu hoàn toàn tự do.

Câu hỏi thứ sáu :

Tôi là một kẻ đần. Tôi nên làm gì đây?

Bạn có thể làm gì ? Người ta có thể làm gì đây ? Hãy cứ là một kẻ đần, một tên đần siêu đẳng. Chấp nhận nó. Tại sao bạn lại hỏi là phải nên làm cái gì? Là một tên đần thì có gì sai quấy đâu ? Cứ thư giãn và vui sống. Cứ khắng khít vững bền trong đó.

William Blake (8) đã có lần phát biểu: *Kẻ đần luôn khắng khít với sự ngu dại của mình sẽ trở thành một kẻ trí.* Cho nên hãy cứ khắng khít vững bền trong đó. Không cần phải làm bất cứ chuyện gì khác bởi vì một khi kẻ đần cố gắng để làm bất cứ chuyện gì, nó sẽ trở nên điên rồ vụng dại, cũng chỉ là hậu quả của sự xuẩn ngốc mà thôi, nó sẽ đưa đến điều sái quấy. Cho nên tốt nhất vẫn là im lặng. Đó là lý do tại sao Thiền khuyên ta nên « tĩnh tọa ».

Xin làm ơn đừng nên làm gì cả bởi vì bạn làm bất cứ chuyện gì cũng sẽ dẫn đến sai lầm. Mà bạn có thể làm được gì với sự xuẩn ngốc của mình ? Kẻ đần cố gắng để trở thành người trí -được chăng ? Làm sao có thể xảy ra chuyện như vậy được? Kẻ đần cố gắng để trở thành người trí -nếu còn một chút khôn ngoan nào đó thì y nên vẫn là một kẻ đần.

Không thiếu gì những kẻ đần như thế trong thế giới này, ở Ấn Độ lại càng có nhiều hơn nữa. Ở đây không thiếu gì những đại học giả, những bậc đại thông thái người Ấn, và nếu bạn chịu khó nhìn sâu vào một tí bạn sẽ thấy đây chỉ là những kẻ đần đã hoang phí đời mình vào những kiến thức vô bổ, đã hoang phí năng lực lớn lao của họ vào những luận lý chẻ sợi tóc ra làm tư, vào ngôn ngữ, vào văn phạm, vào cái này cái nọ. Ở họ toát ra mùi dầu hôi, vì thức khuya đọc sách. Đó cũng là mùi tử khí ; sự sống không hề hiện hữu. Những con mọt sách này đã hoàn toàn cắt đứt mình ra khỏi mạch sống của cuộc đời. Họ là những kẻ xuẩn ngốc hạng nặng được bổ sung thêm một điều ngu dại mới : Họ luôn tưởng rằng mình là những kẻ trí.

Không, điều tôi muốn nói với bạn là không nên làm gì cả. Đừng làm bất cứ chuyện gì. Nếu bạn là một kẻ đần –thì hãy cứ là một kẻ đần. Nếu Thượng Đế muốn bạn là một kẻ đần –hãy vui sống với nó. Hãy lấy cái xuẩn ngốc của bạn dâng tặng Thượng Đế, đó chính là món quà của bạn. Ngoài ra đâu còn cái gì khác để bạn tạ ơn ? -bất cứ những gì mà Thượng Đế đã ban ta đều có thể trả lại cho người. Hãy vô cùng thư giãn trong chính cái xuẩn ngốc của bạn. Lời khuyên của tôi có vẻ khác thường nhưng đó là con đường duy nhất mà một ngày kia trí tuệ sẽ bừng dậy.

Vâng, William Blake hoàn toàn đúng khi nói: "*Kẻ đần luôn khẳng khít với sự ngu dại của mình sẽ trở thành một kẻ trí.* »

Thế thì tại sao bạn lại cứ muốn mình trở thành một người khác? Tại sao? Cái tinh thần tranh đua này, cái lòng khát vọng này sẽ mang cái ngã vào. Cái sự so sánh này cũng là một biểu lộ của bản ngã. « Người ta khôn quá

thế nên tôi cũng cần khôn lên». Tại sao ? Ai khôn cứ việc để cho họ khôn, đó là số phần của họ. Bạn như thế nào thì cứ việc như thế, có gì là sai quấy đâu? Đời sống là thiên hình vạn trạng và đời sống trở nên phong phú vì tính đa dạng đó.

Trong khu vườn của mùa xuân
Không có gì tuyệt vời cũng không có gì tệ lắm.
Những cành hoa lớn dậy tự nhiên
Những cái dài chen lẫn cùng cái ngắn.

Đó là quan điểm của Thiền. Bạn hãy nhìn chung quanh mình: có những cây cao, những cây thấp, có những cây là cây nhưng có những cây chỉ là bụi rậm. Nhưng không hề có sự tranh đua ở bất cứ nơi đâu. Cây ashoka không hề cố gắng để trở thành cây bách, cây bách cũng không cần phải lo lắng đến anh láng giềng ashoka. Cây bách không hề mang mặc cảm tự ti vì anh ashoka có chiếc lá to hơn, cũng không hề phải lo nghĩ đến chuyện chị gulmoha sao nở hoa nhiều thế. Không có ai lo lắng cả, cũng không có ai lo nghĩ đến chuyện người khác, mọi người đều rất chân thật trong sinh thể của chính mình –ashoka là ashoka, bách là bách, và gulmoha là gulmoha.

Bạn hãy là chính bạn, bất cứ lúc nào, bất cứ nơi đâu. Thư giãn ngay tại đó. Lấy đó làm nơi thiền quán của bạn.

Và rồi trí tuệ sẽ khởi phát. Trí tuệ đến từ chấp nhận. Trí tuệ không phải là những gì bạn thu thập được, nó không phải là kiến thức, không là những nguồn thông tin, trí tuệ chính là phẩm chất của sự chấp nhận lớn lao –và rồi bạn hạnh phúc, bạn thỏa mãn, hài lòng.

Hãy tưởng tượng đến hình ảnh đẹp đẽ của một người đang hạnh phúc, đang hài lòng với ngay cả sự ngu xuẩn của chính mình. Y đã trở thành kẻ khôn ngoan. Bạn đâu còn cần một thứ trí tuệ nào khác hơn ? Một người

sống bằng lòng với sự xuẩn ngốc của mình -bạn đâu cần một thứ khôn ngoan nào khác hơn và trí tuệ đâu có thể làm gì khác hơn?

Đừng cố gắng kéo mình lên cao với những sợi dây giày của bạn. Hãy cứ là như thế. Cái khoảnh khắc bạn bắt đầu nói lên một điều gì đó -rằng tôi muốn là cái này, tôi muốn là cái kia- cũng có nghĩa là bạn bắt đầu lên tiếng than phiền,bạn đang chống báng Thượng Đế. Bạn than phiền rằng, « Tại sao lại tạo ra tôi như thế này ? Đây có phải là cái mà tôi muốn đâu. Tại sao tôi bị bắt buộc phải là như vậy ? Hãy làm cho tôi đẹp đẽ hơn, mạnh mẽ hơn, giàu có hơn, khôn ngoan hơn. Hãy làm cho tôi cái này, hãy làm cho tôi cái nọ. » Thiền giả cho rằng tất cả những nỗ lực này chẳng khác gì muỗi chích trâu sắt. Một con muỗi đang cố gắng để chích một con trâu sắt ? Sẽ chẳng có gì xảy ra cả !

Tuy nhiên tôi vẫn nói rằng trí tuệ sẽ đến với bạn –không qua một cố gắng nào mà là bằng sự chấp nhận một cách thụ động. Không thông qua bạn mà chỉ khi nào bạn không còn là bạn nữa thì nó mới xảy ra. Trí tuệ không hề là một cái gì đó để bạn chiếm hữu, trí tuệ chỉ hiện hữu khi bạn không có mặt.

Hãy dùng sự xuẩn ngốc như là một trạng huống thư giãn. Khi một người thô kệch hoàn toàn thư giãn và chấp nhận sự thô kệch của mình, một nét đẹp vi tế xuất hiện -vẻ đẹp của chấp nhận, và rồi nét duyên dáng sẽ đến một cách rất tự nhiên. Và đây cũng là trường hợp của sự xuẩn ngốc, và cũng là trường hợp chung cho tất cả mọi vấn nạn.

Sau khi đạt ngộ, một môn đồ tát vào mặt thầy mình, Thiền sư Ubako, và la lên : « Cuối cùng rồi cũng chẳng có gì đặc biệt trong sự chứng ngộ cả.»

Thiền sư Ubako sướng quá, ông nhảy múa loạn lên.

Người môn sinh tát thầy mình ! Nên nhớ rằng những vị Đại Thiền sư và môn đồ của họ, khi đã tát là họ tát rất cật lực ! Nhưng mà ông Thầy thì sướng điên lên và nhảy múa. Ông ta nhảy múa vì biết rằng người học trò của mình đã chứng ngộ.

Vâng, chẳng có gì đặc biệt trong sự chứng ngộ cả, chỉ là sự chấp nhận mọi vật đúng như nguyên trạng, là sự buông xã hoàn toàn trong thực tại. Không có gì đặc biệt, không có gì để khoa trương, không có gì để phải nói đến. Người môn sinh đã phát biểu hoàn toàn đúng, «Cuối cùng rồi cũng chẳng có gì đặc biệt trong sự chứng ngộ cả.» Y đã trở về nhà và nhận chân được rằng y chẳng hề rời xa nó một phút giây nào cả. Cái trí tuệ này luôn có mặt ở đó nhưng y đã đánh mất bởi vì suốt đời y chỉ mãi làm người chạy đi tìm kiếm. Cái nguồn sáng này vẫn luôn ở đó thôi nhưng vì y quá đổi lo nghĩ về ánh sáng nên tầm nhìn bị thu hẹp lại, hẹp đến độ y không còn có thể trông thấy nó được nữa. Y là người đã tạo ra khổ nạn cho chính mình. Suối nguồn hạnh phúc vẫn luôn tuôn chảy, mật ngọt cuộc đời vẫn luôn tuôn chảy, thế nhưng y lại đang chết khát một cách không cần thiết. Trở nên giác ngộ chỉ là chuyện rất đổi tự nhiên. Đó không hề là một sự đạt thành, một quả vị.

Và rồi Thiền sư Ubako hỏi người môn đệ : « Ngươi có ngửi thấy mùi hương nguyệt quế của ngọn núi kia không ? »

« Vâng. Bạch Thầy. »

« Đấy. Thấy chưa. Ta đâu có gì để dấu ngươi đâu. » Thiền sư trả lời.

Thật là quá đổi đơn giản. Bạn có nghe chim chóc đang tưng bừng ca hót? Bạn có thấy chung quanh đây cây cối tràn ngập một màu xanh ? Vâng, nó cũng giống như thế đấy, rất đổi đơn giản.

Và rồi vị Thầy hỏi, « Ngươi có ngửi thấy mùi hương nguyệt quế của ngọn núi kia không ? »

« Vâng. Bạch Thầy. »

« Đấy. Thấy chưa. Ta đâu có gì để dấu ngươi đâu. » Thiền sư trả lời.

Ông Thầy đã trao tặng cho người học trò tất cả những gì mà ông có được. Mà thật ra ông ta cũng chẳng có gì để cho. Thực sự là bạn chỉ được đánh thức về những gì mà bạn đã có. Người ta chỉ làm cho bạn tỉnh thức.

Câu hỏi thứ bảy :

> *«Có một 'năng lực thứ tư' khá mới mẻ trong Tâm lý học –Tâm lý học về siêu nhân cách- đi sâu vào việc khám phá những nhu cầu, khát vọng vượt ra ngoài khả năng thực hiện của con người, tâm lý về con người », Assagioli đã nói như thế. Như vậy, cái 'Tâm lý học về siêu nhân cách' này và cái 'Tâm lý học về những vị Phật' của ông phải chăng có cùng chung ý nghĩa ?*

Không hề có chuyện như thế.

'Tâm lý học về siêu nhân cách' vẫn là một thứ Tâm lý học, vẫn quan tâm đến những cái gì khách quan, ngược lại 'Tâm lý học về những vị Phật' không hẳn là một khoa tâm lý bởi vì một vị Phật ra đời, khi Tâm lý học, và cái tâm hoàn toàn biến mất.

Hơn thế nữa, 'Tâm lý học về những vị Phật' không khách quan mà hoàn toàn chủ quan. Nó có thể xảy đến với bạn nhưng mà bạn không thể nào quan sát nó xảy ra đối với người khác, vô phương. Bạn có thể thành Phật nhưng bạn không thể nào hiểu được một vị Phật. Ngay cả nếu Assagioli sống bên cạnh một vị Phật hàng ngàn năm đi nữa, ông ta cũng sẽ không hiểu gì cả trừ phi ông ta trở thành một vị Phật. Bạn không thể nào nhìn ngắm, quan sát nó từ bên ngoài bởi vì đây là một hiện tượng thuộc về nội giới, ở tận cùng sâu thẳm bên trong của một sinh thể. Tất cả những gì mà bạn trông thấy được chẳng là cái gì cả ngoài hình tướng phong cách biểu lộ bên ngoài. Vâng, bạn có thể trông thấy Đức Phật đang lặng yên, rằng Ngài có vẽ rất hiền từ dịu dàng; bạn có thể thấy là Ngài ít khi giận dữ hoặc là không bao giờ giận dữ; bạn có thể trông thấy một ngàn lẻ một thứ đại loại như thế -nhưng bạn sẽ vẫn không bao giờ trông thấy được Phật quả là gì.

Khi tôi nói về Tâm lý học về chư Phật, một điều xin nhớ cho, rằng thực ra đây không phải là một khoa Tâm lý học. Tôi đã phải dùng đến ngôn từ. Không có một lời nào đủ để có thể diễn tả được khái niệm này thế nhưng tôi bắt buộc phải dùng đến ngôn ngữ -dĩ nhiên cũng phải luôn luôn mang theo một bát muối. Vâng, thực ra nó không thể được gọi là Tâm lý học. Tâm lý học là môn học đưa ra những giả định về tâm, mà một vị Phật thì lại không-tâm. Tâm lý học giả định rằng tâm đang thực hiện chức năng của nó, đang suy nghĩ, hoạch định, lo lắng, tưởng tượng, mơ mộng... –trong khi một vị Phật thì không hề mơ mộng, cũng không lo toan, hoạch định, suy nghĩ gì cả. Ngài chỉ hiện hữu, một cách đơn giản thế thôi. Ngài hiện hữu chẳng khác gì một hòn đá, một cái cây, một giòng sông -ngoại trừ một khác biệt duy nhất, một khác biệt rất lớn lao. Sự khác biệt đó là Ngài hiện hữu với không tâm nhưng tràn đầy tuệ giác, tỉnh thức.

Cái tuệ giác này không thể được hiểu từ bên ngoài. Nếu bạn càng cố gắng để hiểu bạn sẽ chỉ đi đến chỗ hiểu lầm thôi. Không có bất cứ dụng cụ nào có thể được dùng để kiểm tra nó. Nó không hề hiện ra bất cứ trên loại biểu đồ nào. Những gì còn có thể hiện ra trên biểu đồ là còn thuộc về tâm, chưa thể vượt ra ngoài. Cái vượt ra ngoài không thể nắm bắt được. Người đó phải trở thành một vị Phật, người đó phải có một tâm hồn tĩnh thức, và chính người đó phải đạt đến tình trạng tuệ giác này.

Tâm lý học về chư Phật là du già, là giới, là hành trình tâm linh, là khoa học –là bất cứ cái gì mà bạn gọi- về sự nhận thức được rằng có một cái gì đó ở trong bạn mà bạn chỉ có thể nhận biết khi nào đi được đến đó, ở ngay tại đó. Ngoài ra không còn một con đường nào khác, không có một phương thức tiếp cận nào khác.

Assagioli tiếp tục giảng giải... Dù sao ông ta cũng còn khá hơn Freud bởi vì tối thiểu ông ta cũng trình bày một vài thị kiến về tổng hợp trong Tâm lý học. Freud mang tính phân tích, phương pháp của ông ta là phân tích. Assagioli mang đến sự tổng hợp. Nhưng cái tổng hợp này cũng không phải là cái tổng hợp mà Phật nói đến. Cái tổng hợp này chỉ là một tổng thể được lắp ráp lại cùng nhau. Hãy lấy một thí dụ… Tôi đưa cho bạn một đóa hồng. Bạn tách nó ra thành từng phần. Để xem nó vận hành như thế nào, bạn tách rời từng cánh hoa. Đó là công việc mà Freud đã làm với tâm thức con người –ông ta tách rời nó ra từng bộ phận. Ông ta muốn đặt tên cho mọi sự việc, xếp hạng, phân loại chúng; ông ta muốn xếp vào trong hộc tủ mọi thứ chuyện.

Dĩ nhiên, khi bạn tháo rời bất cứ cái gì, bạn đã làm cái đó biến mất, bởi vì có một cái gì đó chỉ hiện hữu khi nó còn nguyên trạng -vẻ đẹp của đóa hồng chẳng hạn- khi nó còn là một tổng thể. Khi bạn tách rời đóa hoa ra thành từng phần, cái huyền nhiệm của nó biến mất. Đóa hoa đã tan biến đi bởi vì đóa hoa không phải chỉ là một tổng hợp của từng bộ phận, của cánh

hoa, của đài hoa, mà là một cái gì đó còn hơn là một sự tổng hợp. Cái "còn hơn" này hiện hữu trong tôn giáo, trong thi ca và bạn không thể nào tháo rời cái "còn hơn" này ra thành từng bộ phận được. Một khi bạn tháo rời ra thành từng phần, một cái gì đó đã biến mất, đã không còn hiện hữu, không còn biểu tướng.

Bây giờ ta hãy xem Assagioli đã làm được những gì? Ông ta đi làm công việc ghép lại đóa hồng vừa bị tách ra. Cái đóa hồng đã bị Freud tháo rời nay được Assagioli đem ghép lại –và ông ta gọi đó là tâm-lý-tổng-hợp. Thế nhưng đóa hoa hồng này đã chết, nó không còn là đoá hoa trước khi được Freud phân tích. Assagioli đi làm công việc giả định về Freud -nếu không có Freud thì đã không có Assagioli, xin các bạn nhớ như vậy. Nếu Freud không hiện hữu, Assagioli cũng sẽ không hiện hữu. Freud làm một nửa công việc và Assagioli làm nửa phần còn lại. Freud tháo ra, Assagioli ráp lại.

Thế nhưng khi phân ra từng mảnh, cái nguyên vẹn ban sơ đã hoàn toàn biến mất. Bây giờ khi bạn ráp chúng lại cùng nhau nó sẽ không bao giờ còn giống với cái ban đầu. Cái đóa hoa đó không thể sống lại. Khi bạn ráp chúng lại với nhau –cho dù bạn ráp một cách tài tình như thế nào, bằng bất cứ loại keo nào tốt nhất, kể cả thứ keo vô hình- nó cũng vẫn sẽ không bao giờ là đóa hoa nguyên thủy. Sẽ không bao giờ bạn có thể tái tạo lại được vẻ đẹp trước đây.

Đó là lý do tại sao Thiền bảo rằng hãy đi và nhìn lại khuôn mặt của bạn trước khi bạn được sinh ra đời, nhìn lại cái uyên nguyên toàn vẹn đó. Hãy

đi vào bên trong bạn, đến tận cùng cái hiện hữu hoang sơ khi bạn chưa được ráp lại hình hài, khi bạn còn là một linh hồn thuần khiết, trước khi người cha và người mẹ tạo dựng ra bạn, trước khi bạn có một thân xác. Hãy đi đến đó. Trút bỏ cái hiện thân bạn đang mang. Hãy đi đến đó. Hãy có một thị kiến về nó. Hay là bạn hãy đi và nhìn kỹ khuôn mặt mình khi bạn qua đời, khi thân xác bạn đang nằm chờ để hỏa táng. Cái khuôn mặt uyên nguyên này là một cái gì đó vốn chưa bao giờ được phân tích.

Tâm lý học về chư Phật không phải là một sự tổng hợp, đó là sự không-phân-tích. Để tôi nhấn mạnh điểm này cho rõ ràng hơn. Assagioli là tổng hợp, Freud là phân tích, tâm lý học về chư Phật là không-phân-tích -không cắt ra thành từng mảnh vụn. Nếu không hiểu được điều này, cho dù cứ tiếp tục thay đổi đề tài tranh cãi, chúng ta vẫn sẽ mãi là những kẻ đồng hội đồng thuyền.

Chuyện xảy ra như thế này…

Một bệnh nhân mới được đưa vào bệnh viện tâm thần đã tuyên bố một cách dõng dạc rằng anh ta nguyên là Tổng thống Ford. Kẹt một cái là trong viện tâm thần này hiện đã có một ông Tổng thống Ford rồi. Vị giám đốc bệnh viện cuối cùng quyết định để hai người này ở chung một phòng với hy vọng là hai kẻ có cùng một ảo tưởng giống nhau sẽ giúp nhau tự điều chỉnh và may ra khỏi bệnh. Hai người được giới thiệu cùng nhau và người ta để yên cho họ ở với nhau. Suốt đêm hôm đó người ta không nghe có chuyện cãi cọ gì xảy ra.

Sáng hôm sau vị Bác sĩ chữa trị bắt đầu nói chuyện với người bệnh nhân mới.

“Bác sĩ, tôi biết là tôi đang mắc bệnh hoang tưởng,” người bệnh nhân mới thố lộ. “Nhưng bây giờ tôi đã biết rằng mình không phải là Tổng thống Ford.”

“Thật là tuyệt diệu, » vị Bác sĩ thốt lên.

“Vâng,” bệnh nhân nói tiếp, “Tôi là bà Ford. »

Bây giờ thì lại một hoang tưởng khác. Chúng ta cứ loay hoay đi từ hoang tưởng này đến hoang tưởng khác. Chẳng có một chút gì thay đổi cả.

Assagioli cũng chẳng phải làm một cuộc cách mạng. Vâng, ông ta đang tạo ra một sự điều chỉnh, nhưng vẫn chỉ là một cái bóng của Freud. Freud vẫn hiện ra sừng sững còn Assagioli chỉ là một cái bóng mờ không hơn không kém. Không có Freud chắc là ông ta sẽ không biết đi đến đâu và làm cái gì.

Tâm lý học về chư Phật là một quan điểm hoàn toàn cơ bản. Một người phải tự tìm về tâm thức của mình, không chia cắt, không phân tích, không phán xét, không đánh giá, không lên án, cũng không nói một lời nào về nó. Chỉ thể nhập vào trong đó mới có thể có được một cảm giác về nó –mới thực sự biết nó là cái gì. Tâm của ta phải hoàn toàn tan biến đi, chỉ lúc đó bạn mới có thể nhận ra được nó là cái gì -bởi vì tâm ta luôn tạo ra những gợn sóng lăn tăn ở trên mặt, và tấm gương cứ thế bị nhiễu loạn, cứ tiếp tục bị làm cho méo mó đi. Khi tấm gương hoàn toàn biến mất cũng là khi cái tâm không còn hiện hữu, lúc đó tất cả còn lại chỉ là một sự tĩnh lặng thuần khiết, *kokoro*, đó chính là tánh không, là đại ngộ, là tam muội –cái tam muội

này là trạng thái *không-thể-phân-tích* của sinh thể bạn. Đấy là trạng thái nguyên sơ của bạn. Đấy cũng chính là Thượng Đế.

Assagioli tiến đến gần với Phật hơn là Freud –nhưng cũng không gần lắm đâu.

Một phụ nữ đi vào một quán rượu với một con vẹt trên vai. Con vẹt không ngừng lải nhải: "Đoán xem tôi nặng bao nhiêu. Đoán xem tôi nặng bao nhiêu." Một người khách hỏi bà ta về ý nghĩa câu nói của con vẹt và được giải thích: "Hãy đoán xem con vẹt của tôi nặng bao nhiêu, nếu đúng bạn sẽ được mời về nhà và ngủ với tôi."

Người đàn ông nhìn con vẹt nói đùa, "Một trăm cân." Người đàn bà quàng vào tay y, kêu lên: "Cưng ơi, thế là đoán cũng gần đúng rồi đấy. Về nhà với em đi!"

Assagioli cũng gần với Tâm lý học về chư Phật đại khái như vậy.

Và câu hỏi cuối cùng:

> *Tại sao Thiền lại chống báng kinh điển quá vậy? Tôi đã học được rất nhiều từ Kinh Thánh và vô cùng biết ơn về chuyện này. Tại sao các Thiền giả dám nói rằng những kinh điển này nên được đốt bỏ đi?*

Lạy Chúa tôi! Tinh thần Cơ Đốc vẫn chưa gột rửa được!

Thiền giả không hề chống báng kinh điển, họ chỉ chống lại cái tâm ô nhiễm của bạn. Và khi họ nói rằng, "Hãy đốt những kinh điển đi", cũng có nghĩa là họ nói "hãy đốt cái tâm của bạn đi". Thiền giả không hề chống báng kinh điển -tại sao họ phải chống báng làm chi những kinh điển nghèo nàn như thế? Họ chỉ chống lại kiến thức, sự thông thái. Họ chỉ chống lại sự không ngừng tích chứa của ký ức. Họ muốn bạn được giải phóng khỏi ký ức. Họ muốn bạn được giải phóng khỏi kiến thức, họ muốn giúp bạn giải trừ học vấn.

Đốt kinh điển chỉ là một hình ảnh tượng trưng –và Thiền giả là những người rất thực tế. Khi muốn nói một điều gì đó họ thường phải cất cao giọng vì biết rằng đa số các bạn đều điếc đặc cả. Họ phải la lên. Họ không nói thì thào bởi vì họ biết rằng ngay cả việc la lớn lên cũng chưa chắc là đã lọt vào lỗ tai bạn. Đây chỉ là chuyện la lên thôi chứ có gì đâu. Một vị Thiền sư đốt kinh điển có nghĩa là ông ta muốn la lên để chỉ cho bạn nên làm gì với kiến thức và kinh điển của bạn.

Và khi mà họ nói "Hãy đốt những kinh điển" có nghĩa là họ đang hỏi bạn làm sao bạn có thể hiểu được kinh điển, làm sao bạn có thể hiểu được Phúc Âm nếu như chính bạn không trở thành một Giê Su? Đó là điều khá đơn giản mà chỉ cần một chút thông minh -một chút xíu thôi- bạn cũng có thể hiểu được. Làm sao bạn có thể hiểu được Phúc Âm? Làm sao bạn có thể hiểu được Bài Giảng Trên Núi nếu không trở thành một Giê Su? Không thể có chuyện như vậy. Thế nên bất cứ những gì mà bạn nghĩ rằng mình hiểu trong kinh điển chẳng qua chỉ là sự ngộ nhận. Như vậy thà rằng không hiểu còn tốt hơn là mang theo với mình sự hiểu lầm. Bởi vì ngay chính cái hiểu lầm này sẽ là một cản trở rất lớn cho bạn trên hành trình tâm linh.

Bạn đã đọc Phúc Âm như thế nào? Và rồi bạn nói rằng nhờ đó mà hưởng được nhiều lợi ích và vô cùng biết ơn chuyện này.Bạn hưởng được lợi ích như thế nào? Và bạn đã hiểu được những gì? Khi bạn đọc một câu nói của Chúa Giê Su, có phải là bạn sẽ tìm cách lý giải nó? Câu nói của một người có trình độ tâm thức cao hơn được lý giải bởi một người có trình độ thấp kém hơn, chắc chắn là sẽ bị méo mó rồi. Chẳng khác gì chuyện Einstein đang giảng về Toán học cao cấp và bạn đi vào một trường Tiểu học hỏi một cậu bé học trò nghĩ như thế nào về bài giảng đó. Dĩ nhiên cậu bé này cũng sẽ nói một cái gì đó… Vấn đề không đến nỗi quá cách biệt như thế. Ta có khả năng là cậu bé học sinh Tiểu học này cũng có thể hiểu được chút đỉnh những gì Einstein đang nói về Toán học, bởi vì sự khác biệt là về lượng, đằng này ta khó mà hiểu được một câu nói của Chúa Giê Su hay Đức Phật, bởi vì sự khác biệt là về phẩm. Đây là những phát biểu ở một chiều kích hoàn toàn khác biệt. Cho dù là họ nói với ngôn ngữ đời thường, bạn cũng cứ hiểu theo cách lý giải của riêng mình.

Thôi, hãy nghe một vài mẩu chuyện vui.

Cô giáo lớp Năm nhận thấy cậu bé Johny có vẻ như đang sa sút tinh thần và không chịu làm bài tập ở nhà. Cô bảo em ở lại lớp sau giờ học để tìm hiểu thêm.

“Có chuyện gì không Johny?” Cô giáo tỏ ra thân thiện.

Cuối cùng cậu học trò nhỏ thú thật: “Tôi yêu cô và muốn kết hôn với cô.”

“Ồ, Johny,” Cô giáo mĩm cười, “Tôi cũng muốn lập gia đình một ngày nào đó thôi, nhưng không muốn một em bé đâu.”

“Đừng có lo. Tôi sẽ cẩn thận chuyện này mà.”

Chuyện tiếp theo.

Một ứng cử viên Dân Chủ bang Alabama sau khi vận động tranh cử thắng lợi chiếm được một cái ghế ở Hạ Viện; để trả ơn, ông ta soạn thảo một dự luật xây một cái cầu bắc ngang qua ngọn suối Calahassas Creek ở quê nhà.

Một dân biểu Cộng Hoà đồng viện rất phẫn nộ về chuyện này đã lớn tiếng phản đối; "Đâu có cần một cái cầu để bắc qua cái suối đó. Cái suối này nhỏ xíu hà, đến độ tôi có thể đứng bên này bờ đái một cái là văng ra đến tận giữa dòng rồi".

Vị Chủ tịch Hạ Viện gõ búa, kêu trời: "Này, bạn hỏng mất rồi!"

"Vâng. Ông nói đúng quá. Tôi hỏng mất rồi," Ông Dân biểu Cộng Hoà vặn lại, "Nếu cái của tôi không bị hỏng thì tôi có thể đái một phát văng từ bờ bên này sang tới bờ bên kia cái suối cà chớng đó!"

Chuyện tùy ở bạn thôi.

Chuyện thứ ba.

Cô bồi phòng trẻ dễ thương và giỏi việc được vợ chồng ông Dân biểu thuê mướn, tỏ ra rất thích thú với công việc mình làm cho đến một hôm không báo trước, cô ta xin nghỉ việc.

Bà chủ thắc mắc: “Sao lại thôi việc? Bộ có chuyện gì không ổn hả?”

“Tôi không thể nào chịu đựng được tình trạng hồi hộp ở trong căn nhà này thêm một phút nào nữa,” cô bồi phòng trả lời.

“Hồi hộp?” Bà chủ bối rối hỏi, “Cô muốn nói cái gì?”

“Thì bộ bà không thấy cái câu Thánh kinh treo ở phía trên cái giường ngủ tôi sao?” Cô bồi phòng giải thích, “Câu ấy nói rằng, Ngươi hãy tỉnh thức, bởi vì ngươi không biết rằng lúc nào Chủ ngươi sẽ đến với ngươi.”

Và câu chuyện cuối.

Một người chào hàng quyết định dừng chân nghỉ lại qua đêm tại một thành phố nhỏ miền Viễn Tây. Sau khi nhâm nhi một vài ly tại quán rượu của khách sạn, cảm thấy hứng khởi anh ta bèn bắt đầu nói chuyện chính trị.

“Này qúy vị,” anh ta la lớn, «Tổng Thống Ford giống y chang một cái lỗ đít ngựa.”

Lập tức, một anh cao bồi to lớn dềnh dàng oai vệ tiến đến bàn, bảo: “Này bạn, ở đây người ta đấu súng nhau vì những lời nói như vậy.”

"Ồ. Xin lỗi ngài," người chào hàng lắp bắp, "Tôi đã không biết rằng đây là xứ của ông Ford."

"Không phải vậy." Anh cao bồi khổng lồ gầm lên từng tiếng, "Đây là xứ của ngựa."

CHÚ THÍCH:

(1) Norman Oliver Brown (1913-2002): Triết gia, học giả Hoa Kỳ. Tốt nghiệp Đại Học Oxford (1936) và Tiến sĩ tại Đh. Univ. of Wisconsin. Chịu ảnh hưởng bởi Freud, các tác phẩm của ông là sự pha trộn của tâm lý học Freud, chủ nghĩa Mác, những tư liệu tôn giáo và văn chương nhằm đưa con người đến những chân trời mới. Những tác phẩm tiêu biểu của ông gồm: *Life against Death: The Psychoanalytical Meaning of History* (1959) , *Love's Body* (1966), *Hermes the Thief* (1969), *Closing Time* (1973), and *Apocalypse and/or Metamorphosis* (1991).

(2) **Kalidas:** Được xem như là một trong những nhà thơ và đồng thời cũng là kịch tác gia vĩ đại nhất của Ấn Độ thuộc hệ ngôn ngữ Sanskrit, được phỏng đoán là sống vào thế kỷ thứ I trước Tây lịch.

(3) Rabindranath Tagore (1861-1941): Giải thưởng Nobel Văn Chương (1913), được coi như là nhà thơ lớn nhất của Ấn Độ thời hiện đại và cũng là tác giả của bản quốc thiều Ấn Độ.

(4) Mulla Nasruddin: Nhà huyền môn Sufi -một nhánh của đạo Hồi- sống vào khoảng thế kỷ thứ 13 tại Trung Đông, nổi tiếng về việc sử

dụng những câu chuyện khôi hài để dẫn dắt môn sinh đi đến giác ngộ. Tương truyền đi đâu ông cũng vác theo một cánh cửa. Được hỏi lý do. Ông trả lời: «Chỉ là một biện pháp an ninh thôi mà. Người ta đi vào nhà tôi bằng cánh cửa này. Nay tôi mang nó theo, làm sao người ta vào nhà tôi được?» Sau khi mất, môn đồ theo lời trăn trối của ông, đã để cánh cửa này cùng chùm chìa khóa bên cạnh mộ ông.

(5) Immanuel Kant (1724-1804) : Triết gia người Phổ, sinh quán tại Konigsberg, nay là Kaliningrad thuộc Nga. Ông là một nhà luận lý học, đạo đức học có tác động lớn trên các trào lưu triết học của thế kỷ thứ 19 và là một nhà tư tưởng có ảnh hưởng lớn trong lịch sử nhân loại. Ông cũng rất yêu thích khoa học và được xem như là người đầu tiên đưa ra giả thuyết về sự cấu tạo của thái dương hệ của nền khoa học đương đại, cho rằng vũ trụ này là một đám hơi được đông cứng lại do ảnh hưởng của trọng lực.

(6) **Heisenberg** (1901-1976) – Nhà vật lý toán học người Đức được biết đến qua nguyên lý bất định.

(7) Kurt Godel (1906-1978) : Nhà toán học người Áo, sinh quán tại Brno, vùng đất Áo –Hung (nay là Tiệp Khắc). Tốt nghiệp Tiến sĩ Toán (1929) và Tiến sĩ Triết học (1930) tại Đại học Vienna. Khi Đức Quốc Xã lên nắm chính quyền, tháng Giêng năm 1940, ông cùng vợ tìm cách trốn qua Hoa Kỳ bằng cách vượt qua Nga, đến Nhật Bản và đến San Francisco vào tháng 3-1940 rồi trở thành Giáo sư thực thụ tại Đại học Princeton. Sự nghiệp Toán học của ông được biết đến với một định lý mang tên ông, Godel's completeness Theorem, trong toán học tích phân và những công trình khác như Godel numbers, Continuum hypothesis...

(8) William Blake (1757-1827) : Nhà thơ và họa sĩ người Anh.

CHƯƠNG 5.

Như Ngày Lễ Hội

Osho – Tâm Hà Lê Công Đa dịch

Keichu, một vị đại thiền sư nổi tiếng thời Minh Trị, là viện chủ Tofuku, một ngôi chùa lớn tại Kyoto. Một hôm vị Thống Đốc Kyoto quá bộ đến thăm lần đầu tiên.

Người thị giả mang tấm danh thiếp của ông vào trình thầy, trên có ghi hàng chữ: Kitagaki, Thống Đốc Kyoto.

"Chúng ta chẳng có công chuyện gì để bàn với ông này," Keichu bảo người thị giả, "Con hãy bảo ông ta về đi."

Người thị giả mang tấm danh thiếp trả lại cùng với lời cáo lỗi. "Ồ. Đây là lỗi tại ta," vị Thống Đốc bảo, rồi lấy cây bút chì gạch bỏ hàng chữ "Thống Đốc Kyoto" trên tấm danh thiếp.

"Bây giờ hãy đem vào trình với thầy ngươi một lần nữa."

"Ồ. Ông Kitagaki đấy hả!" Vị Thiền sư thốt lên khi trông thấy tấm danh thiếp. "Con hãy ra mời vị đạo hữu ấy vào đây."

Đời sống là một cuộc vui không ngừng tiếp nối, nhưng thiếu vắng con người. Đời sống là một lễ hội tưng bừng, một liên hoan bất tận, nhưng con người không hề có mặt. Con người từ lâu đã tự tách rời mình ra khỏi khúc hoan ca không ngừng tiếp nối đó. Con người từ lâu đã không còn là một thành phần của cuộc sống này, họ tách biệt, xa lạ như đến từ một hành tinh khác –như là họ đã mất tất cả gốc rễ với cuộc sống này. Họ trở thành một thân cây đang héo rũ, chết khô, không còn sinh khí nữa. Chim chóc đã không còn tụ hội, những đám mây không còn hát ca, và những ngọn gió không còn nhảy múa đùa vui chung quanh nó.

Cái gì đã xảy ra với con người và tại sao như thế? Tại sao họ đang sống trong một địa ngục như thế? Tại sao con người luôn luôn ở trong tình trạng bế tắc như thế? Chắc chắn là phải có cái gì đó sai lầm ngay từ căn bản.

Nhìn dưới khía cạnh phân tích, chẩn đoán của Thiền, vấn nạn này bắt nguồn từ chỗ con người luôn suy tư rồi có một cái nhìn phóng chiếu về mình. Những cái cây không hề phải suy tư –chúng không có cái tôi. Những hòn đá, và bầu trời, trái đất này cũng thế, chúng không hề có cái tôi. Không có cái tôi chúng ta có cơ may sẽ không rơi vào khổ nạn. Cái tôi này chính là cánh cửa mở vào những khổ đau, hệ lụy. Nhà Phật gọi đó là atta, là cái ngã, cái tôi.

Chúng ta luôn khổ đau bởi vì chúng ta đã chất chứa khá nhiều trong cái ngã này. Tôi muốn nói lên điều gì khi cho rằng chúng ta chất chứa khá nhiều trong cái ngã? Và điều gì thực sự xảy ra khi chúng ta chất chứa quá nhiều thứ trong cái ngã đó? Một điều rõ ràng là bạn chỉ có thể sống hoặc ở

trong hiện hữu này hoặc ở trong cái ngã -không thể ở trong cả hai. Sống trong cái ngã có nghĩa là tách rời, chia biệt. Sống trong cái ngã có nghĩa là biến mình thành một ốc đảo, là tự vạch lên một lằn ranh biên giới chung quanh mình. Sống trong cái ngã có nghĩa là tạo nên một khoảng cách phân biệt giữa cái "Tôi là thế này" và "Tôi không phải là thế nọ". Cái định nghĩa, cái biên giới giữa "Tôi" và "không phải Tôi" chính là những gì được gọi là bản ngã –một cái tôi hoàn toàn bị đóng khung, cô lập.

Nó làm cho bạn bị đóng băng –như một giòng sông không còn xuôi chảy. Nếu bạn luân lưu, cái ngã không thể nào hiện hữu, tuy nhiên bây giờ con người hầu như đã trở thành những tảng băng lạnh lùng. Họ không hề có một chút hơi ấm, họ không còn biết yêu thương –thương yêu là hơi ấm và họ sợ hãi thương yêu. Bởi vì nếu hơi ấm đến với họ, khối băng giá sẽ bắt đầu tan chảy và những biên giới sẽ biến mất. Trong yêu thương, những biên giới sẽ không còn chỗ đứng; trong niềm vui cũng không có chỗ cho những lằn ranh, bởi vì nỗi vui không bao giờ lạnh giá. Ngoại trừ cái chết, không có cái gì giá lạnh cả.

Nhưng mà cái bản ngã thì lại rất giá lạnh. Bản ngã là cái chết. Những ai đang sống trong cái ngã của họ đều là những xác chết, hay nói một cách khác, họ chưa bao giờ được sinh ra trên cõi thế. Họ đã lỡ mất chuyến tàu đời. Để được sinh ra, để được sống cũng có nghĩa là luân lưu, nồng ấm, tan chảy, hoà điệu trong một giòng sống vô thủy vô chung, trong sinh thức chan hòa, không còn biết đâu là biên giới. Bạn là một sinh vật có ý thức, chắc chắn như vậy, nhưng trong đó không hề có sự ý thức về bản ngã. Ý thức tự nó là *vô-ngã-thức*.

Ý thức có thể làm cho con người hạnh phúc hơn bất kỳ cái gì khác trên thế gian này. Đây là môt cơ may lớn cho con người. Nhưng đồng thời bên cạnh đó không phải là không có những hiểm nguy tiềm ẩn. Ý thức có thể biến thành ý thức tự ngã trong bất cứ khoảnh khắc nào, và trong giây phút đó, cõi cực lạc bỗng biến thành nơi trần cấu, ở đó bạn chỉ còn lại là một cái thây ma. Bạn giả vờ như là mình đang sống, bạn tin như vậy nhưng thật ra là bạn đang kéo lê cuộc đời mình, thật ra là bạn chỉ đang chờ đợi cái chết đến để giải thoát bạn ra khỏi nơi được gọi là đời sống này.

Lối tiếp cận của Thiền là làm thế nào để bạn trở lại thành môt con người không còn ngã chấp, hoàn toàn vô ngã, làm thế nào để giúp bạn xóa nhoà đi những ranh giới không cần thiết, để bạn không còn phải mãi bám víu vào những rào chắn này, làm thế nào để bạn lại trở thành một con người cởi mở, dễ thương, từ đó dòng sống có thể dễ dàng luân lưu thâm nhập vào nơi tận cùng sâu thẳm nhất trong bạn.

Lão Tử đã từng nói: “Mọi người có vẻ như rất chắc chắn về mình, ngoại trừ ta. Mọi người có vẻ như đã được định vị, ngoại trừ ta. Ta không là ai và cũng chẳng là cái gì cả. Ta không hề biết chắc là ta đang ở đâu, cái gì là ta và không phải là ta. Ta không biết làm thế nào để xác định giữa cái ngã và tha nhân. Ta không biết “ta” và “ngươi” cách biệt ở chỗ nào.”

Sự thực là chúng không hề tách biệt. “Ta” chỉ là một chiều phân cực của « ngươi », chúng đều là những rung động của cùng một năng lượng. Cái năng lượng đang lên tiếng nói ở trong tôi cũng chính là cái năng lượng mà bạn đang lắng nghe, nó không hề chia lìa, nó không thể tách biệt. Nó chỉ là một quang phổ, một tần số duy nhất. Cái làn sóng mà tôi đang nói cũng cùng chung với làn sóng mà bạn đang lắng nghe. Cái năng lượng của con người nam trong tôi cũng là cái năng lương của con người nữ nơi một người nào đó. Cái chất người trong bạn và cái chất thực vật trong cây cỏ cũng đều có chung một thứ năng lượng. Đó chính là cái năng lượng đã tạo nên nên đời sống như một nhất thể. Trong những hòn đá và những ngôi sao, trong con người nam và con người nữ, tất cả đều có cùng chung chất liệu. Đó là một nhất thể.

Đánh mất tính cách nhất thể này và tự giam giữ mình trong cái vỏ bản ngã sẽ là một khổ nạn cho con người. Địa ngục chính là đây chứ không ở đâu xa. Bạn không phải chờ đợi một địa ngục nào khác, bạn đang sống ở trong đó rồi. Bản ngã của bạn chính là một thứ địa ngục. Không còn địa ngục nào khác hơn. Không hề có chín tầng địa ngục nằm sâu trong lòng đất. Nó đã ở đấy rồi, bạn đang ở trong nó và nó đang ở trong bạn. Cái địa ngục ấy có mặt cùng một lúc với cái bản ngã.

Thế nên chúng ta cần phải hiểu thấu đáo về cái hiện tượng của bản ngã. Và khi mà chúng ta hiểu được nó rồi, Thiền trở thành sáng tỏ, trở thành một pháp môn vô cùng giản dị. Một khi bạn hiểu được cái ngã đang phát khởi ở trong bạn, bạn sẽ loại trừ nó một cách dễ dàng. Điều hiểu biết cơ bản này sẽ giúp giải phóng bạn ra khỏi cái ngã đang trói buộc. Sự nhận thức tăng

trưởng, cái ngã bắt đầu biến mất -chẳng khác gì bạn mang cây đèn vào phòng, ánh sáng sẽ xoá đi bóng tối.

Như vậy, điều đầu tiên là: Khi một đứa trẻ vừa mới sinh ra đời, nó không hề có bản ngã. Nó không hề biết mình là ai. Nó như một tờ giấy trắng. Thế rồi chúng ta bắt đầu viết chữ nghĩa lên đó. Chúng ta bắt đầu bảo cho nó biết rằng nó là con trai hay con gái, là người Hồi giáo hay Ấn giáo, là tốt hay xấu, là thông minh hay ngu độn. Chúng ta tiếp tục nuôi dưỡng chúng bằng những ý tưởng. Chúng ta bắt đầu gieo vào đầu óc đứa trẻ ý nghĩ nó là ai: xấu hay đẹp, vâng lời hay ngỗ nghịch, dễ thương hay đáng ghét, hữu dụng hay vô dụng –tiếp tục nhồi nhét những ý tưởng như thế. Những ý tưởng này dần dần tích tụ lại trong tâm thức của nó, một số bám rễ sâu vào sinh thức của đúa trẻ, từ đó tấm gương tâm bám đầy bụi băm, ô nhiễm. Từ đó đứa trẻ bắt đầu suy nghĩ theo cung cách mà bạn đã giáo dục chúng.

Và thời gian trôi đi, đứa trẻ hoàn toàn quên mất rằng nó đã đi vào thế giới này trong một trạng thái rỗng không thuần khiết. Nó bắt đầu tin tưởng. Tin một cách triệt để vào bất cứ những gì mà bạn nói với nó. Nó yêu thương bạn. Nó chưa biết thế nào là nghi vấn, hoài nghi. Làm thế nào để nó có thể hoài nghi được? Nó chỉ là một đứa trẻ rất trong trắng, với một ý thức rất trinh nguyên, một tình yêu thương thuần khiết. Thế nên khi người mẹ nói bất cứ điều gì, nó đều tin như thế.

Bây giờ thì các nhà Tâm lý học cho chúng ta biết rằng nếu bạn cứ tiếp tục nhồi nhét vào đầu óc ai đó một điều gì rốt cuộc họ sẽ trở thành cái đó. Bạn

sẽ trở thành con người theo trí tưởng của bạn. Hoặc giả, nếu bạn không trở thành như vậy, thì cái ý tưởng đó cũng đã bám rễ chặt chẽ ở trong tâm bạn –đó là tất cả những gì mà ta gọi là điều kiện hoá con người. Khi chúng ta tiếp tục bảo một đứa trẻ rằng nó là một thằng ngu, nó sẽ trở thành một thằng ngu, nó sẽ bắt đầu nghĩ rằng nó chỉ là một tên ngu đần. Không những thế, nó sẽ bắt đầu có thái độ ứng xử như một kẻ ngu. Nó bắt đầu điều chỉnh nhân cách xứng hợp với cái ý tưởng mà người ta gán cho nó. Khi tất cả mọi người đều cho rằng nó là một kẻ ngu thì nó cũng sẽ bắt đầu nghĩ rằng quả là mình ngu thật. Thật quả là điều rất khó khăn để biết rằng bạn là cái gì đó nếu như không có những cái nhìn của người khác về bạn. Không hề có chuyện như vậy. Những hỗ trợ là điều cần thiết.

Mà đứa trẻ thì lại chẳng hề được hỗ trợ. Nó nhìn chung quanh, nó nhìn sâu vào đôi mắt bạn. Đó là tấm gương soi mà nó trông thấy rõ khuôn mặt của mình ở trong đó cùng với tất cả những gì mà bạn đang nói với nó. Một đứa trẻ có thể trở thành tốt đẹp hay xấu xa, có thể trở thành một vị thánh hay một tên tội phạm. Tất cả đều tùy thuộc vào hoàn cảnh và cách thức mà bạn điều kiện hoá y.

Tuy nhiên cho dù y có trở thành một vị thánh hay một kẻ tội lỗi cũng không thành vấn đề -sự khốn khổ cũng giống nhau thôi. Trở thành người ngu hay kẻ trí cũng thế. Hãy nhớ kỹ điểm này. Điều kiện hoá luôn mang đến khổ nạn. Bạn có thể điều kiện hoá y thành một vị thánh và rồi y sẽ là một vị thánh, nhưng mà y vẫn luôn khốn khổ.

Bạn có thể đi tìm và nhìn kỹ một vị thánh của bạn đi rồi bạn sẽ thấy không ai khốn khổ bằng ông ta. Những kẻ tội lỗi đôi lúc còn sung sướng hơn là những ông thánh. Những ông thánh này –làm sao họ có thể cười lớn tiếng được, làm sao họ có thể vui sống được, làm sao họ có thể hát ca nhảy múa

được? Làm sao họ có thể sống một cách bình thường, rất người như chúng ta? Họ là những siêu nhân và bị đóng băng trong cái thế giới siêu nhân đó. Cũng chỉ là một loại bản ngã đơn thuần mà thôi.

Thiền là một loại hình tôn giáo khác biệt. Nó mang nhân tính vào tôn giáo. Nó chẳng hề bận tâm đến những gì gọi là siêu nhân, mối quan tâm chính của nó là làm sao biến cuộc sống đời thường thành một ân sũng. Các tôn giáo khác luôn tìm cách tiêu diệt cuộc sống đời thường của bạn, biến bạn thành một con người nào khác rất cá biệt. Đây cũng chỉ là những hành trình của bản ngã và sẽ chẳng bao giờ mang đến cho bạn hạnh phúc. Chúng đang làm công việc điều kiện hóa bạn, biến bạn thành nhân vật khả kính -bởi vì bạn là người tốt nên xã hội kính trọng bạn, bởi vì bạn là người tốt nên cha mẹ, thầy cô kính trọng bạn –và rồi ngày qua ngày, cái ý tưởng này được nhồi nhét vào tâm bạn, rằng bao lâu mà bạn là người tốt thì mọi người đều kính trọng bạn, bằng ngược lại sẽ không có ai kính trọng bạn cả.

Thế nhưng sự đáng tôn trọng không phải là đời sống mà chỉ là một thứ độc dược. Những người sống thực sự không hề bận tâm đến chuyện được tôn trọng. Họ chỉ sống; và sống một cách chân thực. Họ không có một chút mảy may quan tâm đến chuyện người khác nghĩ như thế nào về mình. Gurdjieff (1) thường bảo môn đồ như thế này, “Chớ nên bận tâm. Hãy nhớ kỹ rằng đừng nên bận tâm đến người khác, bởi vì nếu cứ mãi quan tâm đến họ thì cái ngã sẽ trỗi dậy ở trong bạn. Phải nên cắt đứt, bứng rễ tất cả.”

Một khi đứa trẻ bắt đầu ổn định là lúc cái ngã bắt đầu thành hình. Cái ngã này là một thành phẩm, một phó sản của xã hội. Nó không hề thực có nhưng bạn tin vào nó, thế thôi. Đó chỉ là sự tin tưởng, một sự tin tưởng vô cùng nguy hiểm hơn bất cứ chuyện gì khác. Trong thực tế chúng ta không hề có một cái tôi riêng biệt, không thể có chuyện như vậy -bởi vì chúng ta không hề tách rời khỏi đời sống, chúng ta được nối kết cùng nhau trong cùng một vũ trụ. Đó là ý nghĩa của tiếng 'universe' -nhất trí, toàn thể. Cùng một nhịp, một tiết tấu chứ không phải đa nhịp. Tất cả đều hợp nhất; trong cái chết, cái sống, trong sự ra đời, trong thương yêu, thù hận, tất cả chúng ta đều là một, đều cùng chung một nhịp đập với nhau.

Cái hơi thở mà tôi hít vào từ bạn mà đến. Mới giây phút trước đây, cái hơi thở đó là của bạn, bây giờ là hơi thở của tôi. Trong khoảnh khắc tới đây, nó không còn là của tôi nữa mà là của một người nào đó. Ngay cả hơi thở của bạn, bạn cũng không thể xác quyết rằng, đây là *của tôi*. Nó luôn chuyển động.

Chúng ta đang sống trong một biển đời. Chúng ta đang sống trong nhau. Cái gì thuộc về bạn cũng có thể thuộc về tôi và ngược lại. Chỉ mới một khoảnh khắc trước đây khi tôi bắt đầu nói chuyện, có một cái gì đó đang ở trong tôi; nhưng bây giờ khi tôi nói ra, nó đã đi vào bạn, nó trở thành của bạn. Nó sẽ trở thành ý thức của bạn, ký ức của bạn, tâm của bạn, thuộc về bạn một cách hoàn toàn. Một khi một ý tưởng đã được nghe, hiểu thì nó đã trở thành của bạn rồi, nó không còn là của tôi nữa. Chúng ta được kết nối cùng nhau.

Cái ngã vì thế chỉ là một thực thể giả tạo được xã hội tạo nên với chủ đích riêng. Nếu bạn hiểu được những chủ đích này bạn có thể tiếp tục đóng trọn vai trò nhưng không hề để cho nó lôi cuốn bạn đi một cách u mê. Cái chủ đích đó là mọi người đều cần một cái căn cước bằng không mọi việc sẽ rối mù lên. Mọi người đều cần một cái tên, mọi người đều cần đến một cái địa chỉ, một cái thẻ căn cước, một cái giấy thông hành, nếu không mọi chuyện sẽ trở nên vô cùng rắc rối. Làm sao để gọi một người? Làm sao để đề cập đến ai đó? Đây là những lợi ích thực tiễn –chúng quả thật rất cần thiết, nhưng người ta không tin vào chúng lắm. Chúng chỉ là những giả danh.

Chúng ta gọi một cái hoa nào đó là 'hoa hồng'. Dứt khoát đây không phải là cái tên của nó –nó không hề có tên- thế nhưng ta phải gọi như thế nếu không thì khó mà phân biệt được một cái hoa hồng và một cái hoa sen. Và giả dụ như bạn muốn một đóa hoa hồng, rất khó để diễn tả là bạn đang muốn cái gì.

Những cái này chỉ là những vật dụng cần thiết. Vâng, bạn cần một cái tên, bạn cần một cái nhãn hiệu, thế nhưng bạn không phải là cái nhãn hiệu hay cái tên đó. Đây là một tĩnh giác cần thiết phải được phát khởi ở trong bạn - rằng bạn không hề là danh, cũng không hề là sắc, rằng bạn không phải là người Ân Độ giáo cũng không phải là người Cơ Đốc, không là người Trung Hoa hay là người Ấn Độ, rằng bạn không hề thuộc về bất cứ ai, không thuộc về bất cứ giáo phái, hay tổ chức nào, rằng cái toàn thể thuộc về bạn và bạn thuộc về cái toàn thể. Ngoài ra không có gì có thể đúng đắn hơn. Hiểu được như thế, cái bản ngã của bạn ngày sẽ càng trở nên nhạt nhòa đi cho đến một ngày bạn biết được rằng bạn có thể sử dụng được nó mà nó thì không thể sai khiến được bạn.

Một điểm thứ hai cần lưu ý: Bản ngã luôn đi đôi với một vai trò hay nhiệm vụ. Chẳng hạn như người ta gọi một người nào đó là cô thư ký, là ông ủy viên, là người làm vườn hay ông thống đốc. Thế nhưng đây chỉ là những chức phận, chúng cho thấy những công việc mà bạn đang làm; chúng không phải là con người bạn.

Khi một người nào đó hỏi bạn, "Anh là ai?" và bạn trả lời rằng, "Tôi là một kỹ sư", câu trả lời này đã sai lầm ngay từ căn bản. Làm sao bạn là kỹ sư được. Kỹ sư là chỉ công việc mà bạn đang làm, nó đâu phải là bạn? Đừng nên để mình bị cột chặt quá mức vào chức phận bởi vì như vậy bạn sẽ trở nên bị cầm tù vào đó. Bạn đang làm công việc của một kỹ sư, của một bác sĩ hay của một vị thống đốc không có nghĩa rằng bạn là cái đó. Bạn có thể bỏ công việc kỹ sư và trở thành một người hoạ sĩ, và rồi bạn cũng có thể bỏ công việc của người họa sĩ để trở thành một người lau chùi, quét dọn… không thể nào nói cho hết được.

Khi mới chào đời, một đứa trẻ có cả một chân trời rộng mở, nhưng chân trời này theo với thời gian ngày càng khép lại, đứa trẻ bắt đầu trở nên ổn cố trong một hướng nhất định nào đó. Một đứa trẻ được sinh ra trong một thế giới với nhiều chiều kích thế nhưng không sớm thì muộn nó bắt đầu lựa chọn. Và chúng ta đi giúp nó làm công việc lựa chọn này để nó sẽ trở thành một con người nào đó.

Ngạn ngữ Trung Quốc có nói rằng con người được sinh ra hoàn toàn không có giới hạn nhưng chỉ một số rất ít người người chết trong vô hạn. Con người sinh trong vô hạn nhưng chết trong giới hạn. Khi bạn mới chào đời, bạn chỉ là một sinh thể thuần khiết, nhưng khi bạn chết đi, bạn là một ông bác sĩ, kỹ sư, hay là một vị giáo sư… Bạn trở thành một kẻ thua cuộc trong đời sống. Khi bạn sinh ra, tất cả mọi cánh cửa và biết bao là cơ may mở ra cho bạn -bạn có thể trở thành một giáo sư, một nhà khoa học, một nhà thơ –hàng triệu cơ hội mời chào, mọi cánh cửa đều rộng mở. Thế rồi theo thời gian bạn đi vào ổn định, bạn trở thành một giáo sư -một giáo sư Toán chẳng hạn, bạn trở thành một chuyên gia trong một lãnh vực nào đó. Sự chọn lựa trở thành một cái gì đó ngày càng thu hẹp lại. Và bây giờ bạn chẳng khác gì một con đường hầm nhỏ bé càng lúc càng trở nên thu nhỏ lại. Khi mới sinh ra bạn chẳng khác gì một bầu trời, thế nhưng chẳng bao lâu bạn bắt đầu chui vào một con đường hầm và chẳng bao còn giờ bước ra ngoài được nữa.

Con đường hầm đó chính là bản ngã. Nó được gắn liền với danh phận, chức vụ. Như vậy, thật quả là một điều lăng mạ khi ta nghĩ về một người nào đó đơn thuần như là một anh thư ký quèn. Quả là một điều lăng mạ khi bạn nghĩ về mình cũng chỉ là một anh thư ký quèn như thế, đó là một sự xuống cấp nghiêm trọng. Bởi vì chính bạn là những thượng đế, là những nữ thần, ngoài ra không có gì đúng đắn hơn. Có thể còn cao hơn chứ không thể thấp hơn. Khi tôi gọi bạn là những thượng đế hay nữ thần, ý tôi muốn nói đến cái khả năng, cái tiềm năng vô hạn của bạn.

Có thể là bạn sẽ không gắng sức để biến cái tiềm năng vô hạn đó trở thành hiện thực trên mọi lãnh vực –không ai có thể làm được chuyện đó bởi vì nó bao la rộng lớn vô cùng. Thế nhưng bạn là cả một vũ trụ mà cho dù thời gian trải dài đến vô lượng bạn cũng không thể làm cạn kiệt được cái tiềm

năng ẩn chứa trong đó. Đây chính là ý nghĩa khi tôi nói rằng bạn là thượng đế -bạn là vô biên.

Tuy nhiên một vài điều sẽ trở thành hiện thực. Bạn học một ngôn ngữ, và bạn trở nên người ăn nói lưu loát, bạn trở thành một nhà hùng biện. Bạn có một cảm quan đặc biệt với ngôn từ, và rồi bạn trở thành nhà thơ. Bạn có một thính giác đặc biệt nhạy cảm với âm nhạc, bạn yêu âm nhạc, có năng khiếu về thẩm âm, thế là bạn trở thành một nhạc sĩ. Thế nhưng đây chỉ là những khả năng rất nhỏ bé, hạn hẹp. Đừng bao giờ nghĩ rằng đạt đến như vậy là hết mức rồi; không có ai được xem là kết thúc với một cái gì đó. Tất cả những gì mà bạn đã làm được chẳng là cái gì cả nếu đem so với khả năng của bạn.

Bản ngã có nghĩa là chấp vào một cái chức vụ nào đó. Một điều chắc chắn là ông thống đốc có một loại ngã chấp riêng -bởi vì ông ta là thống đốc thế nên ông ta cho rằng mình phải hành xử sao cho đạt cái vai trò đó. Một ông thủ tướng cũng có một loại ngã chấp tương tự. Ngoài đời đều như thế cả. Thật là ngu xuẩn và điên rồ hết sức. Đời sống rất đổi bao la đâu có thể để bị đóng khung như vậy. Không thể như thế được. Bạn càng thể nhập sâu xa vào đời sống chừng nào, những chân trời bao la hơn sẽ càng mở rộng cửa. Vâng, bạn có thể leo lên một đỉnh núi rồi bỗng nhiên một đỉnh núi khác hiện ra –không bao giờ kết thúc. Con người cứ tiếp tục được tái sinh trong từng khoảnh khắc nếu y cứ vẫn mãi là một sinh thể đầy tiềm năng.

Bản ngã xoay quanh chuyện hành xử, tâm thức quan tâm đến chuyện sống. Thiền là sống trọn vẹn trong khi con người cứ mãi loay hoay với chuyện

hành xử. Thế nên chúng ta mới phải khốn khổ bởi lẽ cái sinh thể vô cùng rộng lớn của chúng ta lại bi đem đi giam hảm vào những con đường hầm chật hẹp. Điều đó tạo nên khổ nạn, ngục tù. Con người hoàn toàn đánh mất tự do và cho dù ở bất cứ nơi đâu bạn cũng đều bắt đầu cảm thấy mình bị buộc ràng, vây bủa, cản lối, ngăn đường. Bạn bắt đầu cảm thấy mình bị hạn chế ở khắp nơi. Nhưng vấn nạn này là hoàn toàn do bạn gây ra, chẳng có ai trách nhiệm về chuyện đó cả.

Khi một người hiểu được rằng họ chỉ hành xử chức năng, họ có thể làm một ngàn lẻ một công việc khác nhau mà không hề bị dính mắc vào chúng. Khi ngồi ở văn phòng làm việc, một người có thể là vị thống đốc, nhưng ngay từ khoảnh khắc bước chân ra khỏi văn phòng, ông ta không còn là vị thống đốc nữa mà trở lại là bầu trời bao la, là một thượng đế. Khi về đến nhà, ông ta hành xử bổn phận của một người cha, ông thương yêu vợ trong vị trí của một người chồng với tâm không hề bị dính mắc. Ông ta phải làm một ngàn lẻ một chuyện như thế mà vẫn ung dung tự tại không bị vướng bận vào chức năng hành xử. Ông ta là một người cha, một người chồng, một người mẹ, một người anh, một đứa con, người thầy giáo, vị thống đốc, ông thủ tướng, tổng thống, anh bồi phòng, ca sĩ,… làm một ngàn lẻ một công việc như thế -thế nhưng y vẫn thong dong không vướng mắc. Y đã thoát ra, đã ở ngoài vòng cương tỏa. Không có gì có thể giam giữ y. Y bay lượn qua những nơi này nhưng không biến chúng trở thành những nhà tù của chính mình. Mà thực ra, càng trải qua nhiều vị trí, y càng trở nên tự do hơn.

Như thế đó. Khi ở trong văn phòng bạn hãy cứ là người thư ký, ủy viên hay thống đốc –không có vấn đề- nhưng một khi bước ra khỏi cửa văn

phòng, hãy cởi chiếc áo thống đốc, thư ký hay ủy viên ra. Chức vụ hành xử của bạn nên được chấm dứt tại đây. Mang nó theo làm gì? Không nên bước ra đường như là một vị thống đốc hay không phải là thống đốc. Cái nón thống đốc đó sẽ trở nên nặng nề trên đầu, không làm cho bạn vui sống cách thoải mái. Làm sao vị thống đốc có thể hoà mình, nhảy múa cùng với tiếng hót líu lo của đàn chim trên những cành cây ven đường? Rồi trời mưa xuống và con công có thể xòe đôi cánh múa –làm sao vị thống đốc có thể dừng lại đó đứng ngắm nhìn cùng với đám đông? Khó có thể có chuyện như vậy. Một vị thống đốc đã cứ luôn phải xem mình là thống đốc. Ông ta đi trên con đường của riêng mình, chẳng bao giờ nhìn ngược nhìn xuôi đâu cả, chẳng hề bận tâm đến cỏ cây hôm nay đang khoác lên chiếc áo màu xanh, chẳng hề ngước mắt lên bầu trời để nhìn ngắm trăng sao. Ông ta là thống đốc.

Những cái ngã chấp loại này đang giết chết bạn. Càng chấp vào chúng bao nhiêu bạn càng gần hơn với cái xác chết bấy nhiêu. Đây là điều mà bạn hãy ghi nhớ. Đừng bao giờ giam giữ mình vào chức năng mà bạn đang hành xử. Tác hành của bạn chẳng liên hệ gì tới sinh mệnh của bạn. Bao lâu mà chúng ta còn đứng trên bình diện đời sống để nhìn, tác hành của bạn chẳng mang một ý nghĩa nào cả.

Có một số người thỉnh thoảng tìm đến gặp tôi và hỏi, “Nghiệp báo là gì? Kiếp trước là thế nào?” Bởi vì tôi nói rằng bạn có thể đạt thành giác ngộ chỉ trong chớp mắt, thế nên họ mới hỏi, “Thế thì nghiệp báo là cái gì?” Tôi muốn nói với các bạn rằng, nghiệp báo không hề là nơi giam giữ bạn,

những tác hành không phải là nơi giam giữ bạn. Nếu bạn cứ mãi bị nhốt vào đây, điều hết sức đơn giản là tại vì bạn muốn như vậy, ngược lại chẳng có nơi đâu là chốn ngục tù. Chẳng khác gì bạn bước ra khỏi cửa văn phòng và liệng bỏ chiếc áo thống đốc, cứ như thế bạn sẽ chẳng bao giờ còn bị dính mắc vào đời sống. Giấc huyễn mộng đã qua đi, dù là cơn mơ ngọt ngào hay ác mộng. Bạn đã thoát ra ngoài.

Đây là nỗ lực liên tục của một thiền giả. Từng khoảnh khắc đoạn diệt được quá khứ, y liệng bỏ chúng một cách hoàn toàn. Nó không còn hiện hữu ở đó, không còn vướng vất chung quanh, y hoàn toàn tự do. Thế thì đâu còn nghiệp ở đó nữa? Nghiệp không còn cản trở bạn, bạn chỉ dính mắc vào nó mà thôi. Đây chỉ là một thói quen, một thói quen không hơn không kém, và bạn cứ tiếp tục đeo đuổi mãi không thôi.

Khi không có bà xả ở bên cạnh thì bạn đâu phải là một ông chồng? Bạn là chồng thế nào được nếu như không có vợ? Có phải là chuyện xuẩn động không? Khi không có đứa con ở đó, bạn không thể là một người cha hay một người mẹ. Đâu có thể như vậy được? Khi bạn không làm thơ thì bạn đâu phải là một nhà thơ? Khi bạn không khiêu vũ thì bạn đâu phải là một vũ công? Chỉ khi nào bạn nhảy múa thì bạn mới được gọi bằng danh hiệu như thế. Trong khoảnh khắc đó con người của bạn rung động cùng với chức năng của một vũ công. Nhưng chỉ trong khoảnh khắc đó thôi. Khi vũ điệu chấm dứt, sẽ không còn có người múa, và bạn không còn dính mắc vào đó nữa. Bằng cách này ta hoàn toàn thong dong tự tại -thỏng tay vào chợ.

Như vầy tôi nghe.

Một anh diễu của vua thiện nghệ về ngón chơi chữ thường hay châm chọc vua đến độ không còn chịu đựng nổi, vua ra lệnh treo cổ y. Thế nhưng khi những người hành hình dẫn y đến giá treo cổ, nhà vua suy nghĩ lại và thấy rằng khó mà kiếm một anh châm chọc hay như thế nên hối hận, liền sai sứ giả tức tốc mang lệnh ân xá của vua chạy đến pháp trường. Người sứ giả đến nơi vừa kịp lúc khi anh chơi chữ đang đứng dưới giá treo cổ với chiếc thừng quanh cổ, đọc quyết định khoan hồng của nhà vua -với điều kiện là anh ta hứa rằng từ nay trở đi sẽ không còn dở trò chơi chữ nữa. Dĩ nhiên đây là môt cơ hội được thoát chết rất quyến rũ, nhưng rồi người ta thấy anh chơi chữ buột miệng: "Không dây thòng lọng là tin lành" (1). Lập tức anh ta bị treo cổ.

Lại chuyện nghiệp báo tiền thân. Khi tiền kiếp của bạn không còn đó nữa, làm sao nó có thể tiếp tục lẩn quẩn chung quanh bạn? Chẳng qua đây chỉ là một thói quen mà bạn thì lại không chịu từ bỏ nó. Trong kiếp này bạn lại tiếp tục sống với cái thói quen này. Đến một ngày nào đó bạn từ bỏ nó, lúc đó bạn sẽ hoàn toàn tự do. Chỉ trong một khoảnh khắc ngắn ngủi tất cả quá khứ có thể được hoàn toàn đoạn diệt.

Đây là một trong những thông điệp có ý nghĩa nhất của Thiền: Bạn có thể đạt đến giác ngộ chỉ trong chớp mắt. Ngoại trừ Thiền, tất cả những tôn giáo khác đều rất khốn khổ với cái chuyện giác ngộ này. Họ rất đổi nghèo nàn, họ tính toán như kiểu con buôn. Họ bảo rằng những cuốn sổ sách đời của bạn cần phải được đóng lại, để quyết toán những ác nghiệp cho quân bình với thiện nghiệp, và điều này phải đòi hỏi thời gian, không phải chuyện dễ dàng đâu. Bởi vì bạn đã hiện hữu ở đây ngay từ vô thủy, có thể nói là từ a tăng tỳ kiếp, đã tạo ra trùng trùng duyên nghiệp, bây giờ bạn bảo rằng phải xoá sạch chúng ngay trong kiếp này, đâu có dễ dàng như thế?

Đấy là chưa kể trong khi bạn đang làm công chuyện dọn dẹp tất cả mọi chuyện của quá khứ, thì đồng thời bạn cũng sẽ tạo ra biết bao nhiêu chuyện khác –và chúng lại trở thành những đầu mối cho vấn nạn của bạn trong tương lai. Chắc chắn là bạn sẽ phải ăn rồi –hay ít ra là sẽ phải thở. Và khi bạn còn đang thở bạn làm chuyện bạo động, và khi bạn còn đang ăn, sẽ vẫn còn chuyện bạo động. Vâng, bạn sẽ có một đời sống, và đời sống thì đầy bạo động. Thế rồi bao nhiêu chuyện lại bắt đầu kết tụ chung quanh bạn. Và cái vòng lẩn quẩn đó cứ tiếp diễn không bao giờ ngưng nghỉ, bạn không thể nào thoát ra khỏi cái vòng quay đó.

Cái điều nghịch lý, nhưng mang tính luận lý của Thiền rất là dễ hiểu. Thiền nói rằng bạn có thể thoát ra khỏi tất cả cái đó ngay trong khoảnh khắc này bởi vì nó chỉ là một phần chấp trước của bạn. Những nghiệp báo không hề dính mắc vào bạn, chính bạn đang chấp trước vào nghiệp báo. Nếu bạn ngưng cái chuyện bám víu này… có nghĩa là mọi chuyện được kết thúc.

Nhưng làm thế nào để ta có thể không còn dính mắc? Không có con đường nào khác hơn là bạn phải bắt đầu sống một cuộc đời thực sự, ngay trong

đời sống này. Bạn hãy là một người chồng nhưng không hề là một người chồng. Đó là ý nghĩa khi tôi nói rằng hành giả phải giống như một nhà nghệ sĩ tài ba. Bạn hãy là một người mẹ nhưng không hề là một người mẹ. Đừng bao giờ bị dính mắc vào vai trò mà mình đang sống. Vai trò của bạn, bạn phải hoàn tất một cách trọn vẹn nhất, tốt đẹp nhất, dễ thương nhất, bạn hãy vui sống với nó và xem đó như là cả một công trình nghệ thuật. Hãy là một người vợ tuyệt vời, người chồng tuyệt vời, người tình tuyệt vời, nhưng đừng bao giờ trở nên dính mắc với nó. Cái khoảnh khắc mà bạn trở thành là cái đó, bạn bắt đầu bước vào khổ nạn.

Đừng bao giờ để cho chức vụ chiếm lĩnh con người bạn. Đừng bao giờ để cho vai trò chiếm lĩnh con người bạn. Hãy sống như một nhà nghệ sĩ lành nghề. Nhà nghệ sĩ có thể đóng không biết bao nhiêu vai trò –y có thể là một người cha, là người mẹ, là kẻ sát nhân, có khi đóng những vai trò rất quan trọng, nhưng cũng có khi chỉ giữ một vị trí thật khiêm nhường, lố bịch. Thế nhưng y đóng tất cả vai trò một cách hoàn hảo, không hề bận tâm đến phần vụ được giao phó. Luôn luôn thiện nghệ, y mang tất cả tâm hồn của mình vào sống với vai trò. Nếu bạn muốn y đóng vai sát nhân, y sẽ là kẻ sát nhân tuyệt hảo nhất trong thế giới này, nếu bạn muốn y là một vị thánh, y sẽ trở thành một con người thánh thiện hoàn toàn. Và y có khả năng thay đổi: trong màn này thì y là vị thánh, nhưng qua màn khác y lại là kẻ sát nhân. Tuy nhiên khả năng hoàn hảo trong diễn xuất của y không hề thay đổi.

Tính cách linh động này cũng nên được xảy ra trong đời sống như thế. Đời sống chẳng qua là một vở kịch lớn. Vâng, cái sân khấu đời thật vô cùng lớn lao -cả trái đất này đâu có khác gì một cái sân khấu và mọi người quay

chung quanh nó như là những diễn viên. Không ai trong chúng ta có thể biết được toàn bộ cái gánh hát này sẽ đi về đâu, sẽ kết thúc như thế nào. Cũng không có ai biết trước tuồng tích, cứ thế mà sáng tạo, cứ thế mà tùy cơ ứng biến trong từng khoảnh khắc.

Trong Thiền cũng có những loại kịch như vậy, được gọi là kịch Noh. Nó không hề có kịch bản sẵn, chỉ có những diễn viên. Khi tấm màn được kéo lên, diễn viên cứ việc tự biên tự diễn. Rồi mọi việc sẽ bắt đầu xảy ra. Chắc chắn là như vậy rồi, khi có con người ở đâu, tất là sẽ có chuyện xảy ra ở đó. Cho dù là họ chỉ ngồi im lặng và ngó nhau. Không cần phải chuẩn bị trước, không cần phải tập dượt trước, một cái gì đó chắc chắn sẽ xảy ra.

Đời sống cũng giống y như vậy –trong từng khoảnh khắc. Hãy nhảy ra khỏi quá khứ và rồi bất cứ chuyện gì sẽ xảy ra, ta hãy để cho nó xảy ra mà không cần phải ức chế, dồn nén. Sống trọn vẹn với nó và rồi tự do sẽ đến với bạn.

Trước khi nghe kể một câu chuyện, có một vấn đề khác tôi cũng cần lưu ý các bạn. Cái bản ngã hay cái tôi chỉ là một bộ phận mà cứ làm như mình là cả toàn thể -giống như đôi tay của tôi lại cứ tưởng rằng mình là toàn thể xác thân. Mọi chuyện trở nên rắc rối là như thế. Chúng ta chỉ là những bộ phận trong một vũ trụ vô cùng vô tận, thế nhưng chúng ta lại cứ xem mình là cả cái vũ trụ này.

Cái bản ngã chỉ là một loại khùng điên, là tên loạn thần kinh, là hoang tưởng. Cái bản ngã rất là dở hơi; nếu bạn chịu khó lắng nghe nó bạn sẽ

nhận ra điều đó. Nó nghĩ rằng bất cứ chuyện gì cũng có thể làm được. Nó nghĩ là nó có thể chinh phục được tất cả, nó nghĩ là nó có thể chinh phục được thiên nhiên, Thượng Đế. Trong ý nghĩ của nó chỉ có chuyện chinh phục. Trong ý nghĩ của nó chỉ có chuyện xâm lấn. Nó nghĩ rằng mọi chuyện đều có thể xảy ra, mọi chuyện đều có thể làm được. Thế là nó cứ tiếp tục chạy đuổi theo những tham vọng không bao giờ ngưng nghỉ, và tiếp tục ngày càng điên khùng hơn.

Trong truyện cổ Trung Hoa có truyện Hầu Vương (2) nói về một con khỉ. Con khỉ là một trong những biểu hiệu cổ xưa nhất để chỉ cái tâm, cái ngã, cái tôi –Tâm viên ý mã. Con khỉ cũng là một ẩn dụ nói lên sự xuẩn động của bản ngã con người. Đây là một câu chuyện rất hiếm hoi, chỉ có Thiền gia mới có thể sáng tạo ra một câu chuyện như thế, ngoài ra không một tôn giáo nào có đủ can đảm. Đối với những tôn giáo khác -những người Cơ Đốc, những người Ấn giáo, Hồi giáo,…- sẽ xem đây như là một chuyện phạm thánh, phạm thượng với Đức Phật hay với Thượng Đế. Thật ra không phải như thế. Thiền gia yêu kính Đức Phật vô cùng đến độ họ có thể nói chuyện tếu về Ngài. Nó khởi phát từ lòng mến mộ sâu sắc; kính yêu mà không sợ hãi. Thiền gia không thuộc vào loại người *kinh-sợ-Thượng-Đế*, hãy nhớ như vậy, họ là những người *yêu-mến-Thượng-Đế*. Khi bạn thương yêu ai, bạn cũng có thể nói chuyện cười về người đó. Và họ hiểu rằng, tiếng cười đó không hề làm suy giảm hình ảnh tôn kính của Đức Phật. Thực ra, tiếng cười của họ, càng làm tăng thêm lòng yêu kính đối với Ngài.

Câu chuyện kiểu này chắc chắn là sẽ bị lên án bởi các tôn giáo khác. Vâng, đúng như vậy, chắc chắn là người Cơ Đốc không thể nào viết một câu truyện như thế về Jesus. Người Kỳ na giáo không thể viết một câu chuyện

như thế về giáo chủ Ni Kiền Tử (Mahavira) của họ và ngay cả người Phật tử Ấn cũng không thể viết một câu chuyện như thế về Đức Phật. Điều này chỉ có thể xảy ra tại Trung Hoa và Nhật Bản, nơi mà tôn giáo đã trưởng thành, chín mùi rực rỡ. Chỉ những nơi đó người ta mới có tinh thần hài hước.

Bây giờ mời bạn lắng nghe câu chuyện.

Con khỉ Tề Thiên tìm đến Đức Phật. Y cho rằng mình là loại siêu khỉ, không có bất cứ chuyện gì mà y không thể làm được. Y còn ngon lành hơn cả A Lịch Sơn Đại Đế. Y tuyên bố, "Cái gì mà không thể làm được? Cái chữ đó không hề có trong cuốn tự điển của tôi. Tôi có thể làm được bất cứ chuyện gì." Y là một con khỉ kiệt xuất –hay ít ra, y tưởng rằng mình như thế.

Đức Phật Thích Ca liền bảo y: "Được rồi, ta sẽ đánh cuộc với ngươi. Nếu ngươi quả thật là một con khỉ thông minh và tài năng xuất chúng như thế, hãy thử nhảy ra khỏi lòng bàn tay phải của ta. Nếu ngươi làm được như thế, ta sẽ bảo Ngọc Hoàng Thượng Đế về Tây Phương sống chung với ta và nhường lại ngôi báu cho ngươi. Nhưng nếu ngươi thất bại, ngươi phải trở về hạ giới ăn năn sám hối xong một tiểu kiếp hãy trở lại đây gặp ta để nói chuyện."

Con khỉ Tề Thiên nghĩ thầm: "Lão Phật Tổ này không biết có khùng không đây. Ta nhảy cân đẩu vân một cái lên đến một trăm lẻ tám ngàn bộ, trong

khi cái bàn tay của lão ta nhiều lắm chỉ tám phân là cùng, làm sao mà không nhảy ra khỏi được?" Nhưng để cho chắc ăn y hỏi:

"Ông có chắc những điều ông nói không?"

Phật Thích Ca trả lời: "Không lẽ ta nói láo với ngươi?"

Xong, Đức Phật xòe bàn tay phải ra, không lớn hơn một chiếc lá sen. Con khỉ Tề Thiên liền nhét thiết bảng vào lỗ tai, rán sức bình sinh dùng thần thông nhảy tót lên trời. Y nhảy quá lẹ đến độ không ai còn trông thấy bóng dáng y, ngoại trừ Đức Phật với tuệ nhãn của Ngài là không bỏ sót một hành động nhỏ nào.

Con khỉ Tề Thiên nhảy đến một nơi mà y nghĩ là cao lắm rồi, không còn tăm dạng trời đất gì nữa, chỉ còn năm cột trụ màu hồng ngất ngưỡng giữa hư không. "Đây chắc là tận cùng thế giới rồi," con khỉ Tề Thiên nghĩ thầm như vậy. "Bây giờ ta chỉ việc trở về nhận giải thưởng chiếc ngai vàng mà lão Phật Tổ đã hứa thôi."

"Nhưng mà khoan đã, để đề phòng lão Phật Tổ trở mặt, ta phải ghi lại một cái gì làm bằng chứng." Thế là con khỉ Tề Thiên chọn cái gốc cột trung tâm viết vào đó hàng chữ: "*Tề Thiên Đại Thánh đã đến nơi nầy*." Và để tỏ dấu khinh thị, y liền đái vào gốc cột thứ nhất trước khi nhảy về chỗ cũ để gặp Phật.

Đứng trên bàn tay Phật, Tề Thiên tuyên bố, "Ta đã nhảy ra khỏi bàn tay ông rồi đó và bây giờ trở về đây. Ông hãy đi bảo Ngọc Hoàng Thượng Đế nhường lại cõi thiên giới này cho ta."

Phật Thích Ca mĩm cười, "Này con khỉ hôi hám kia, ngươi ở trong lòng bàn tay ta tự nãy giờ, đâu có nhảy đi đâu mà nói vậy?"

Tề Thiên cãi: "Ông lầm rồi! Ta đã nhảy tới cuối trời lận. Ở đó ta còn thấy năm cột trụ chống trời ngất ngưỡng giữa hư không cơ mà. Ta sẽ dẫn ông đến đó để chỉ cho ông thấy."

"Thôi không cần phải đi đâu cả," Đức Phật bảo, "Hãy nhìn xuống bàn tay ta."

Con khỉ Tề Thiên mở to mắt nhìn xuống lòng bàn tay Phật, và ngay cuối lóng tay của ngón giữa, y thấy hàng chữ: *Tề Thiên Đại Thánh đã đến nơi này*. Và từ khoảng cách giữa ngón cái và ngón trỏ của Đức Phật, bay ra mùi khai nồng của nước đái khỉ!

Con khỉ như đã nói là một ẩn dụ về cái ngã. Cái bản ngã nghĩ là nó có thể làm được bất cứ điều gì. Nó cứ sống trong ảo tưởng sai lầm như thế. Phần tử mang ảo tưởng rằng mình là toàn thể. Cái bản ngã bất toàn lại cho mình là đấng toàn năng. Cái bản ngã, vốn không hề hiện hữu, nhưng lại cứ nghĩ rằng mình là trung tâm của mọi hiện hữu. Khổ nạn được bắt nguồn từ đó.

Chúng ta cứ vẫn phải nỗ lực không ngừng và vẫn luôn thất bại vì tiền đề đã sai lầm ngay từ căn bản. Con người tiếp tục để vươn đến thành công nhưng họ chẳng bao giờ thành công. Tất cả mọi thành công đều mang đến những bực dọc. Chúng ta đã đổ ra không biết bao nhiêu tiền bạc, và công

của, khoa học ngày càng tiến bộ không ngừng, thế nhưng những nỗi khổ đau vẫn không ngừng tăng trưởng.

Những khổ đau của hôm nay còn lớn hơn bất cứ lúc nào hết; mà đúng lý ra nó không thể như thế. Thế kỷ mà chúng ta đang sống hôm nay là thế kỷ của khoa học phát triển. Con người chưa bao giờ sống một cách tiện nghi như thế với bao nhiêu kỹ thuật tân tiến để khám phá thiên nhiên –nhưng đồng thời cũng chưa bao giờ con người lại khốn khổ như thế. Có một cái gì đó đã sai lầm? Cái giả định tiên khởi đã sai lầm ngay từ căn bản.

Trong vô ngã, mọi chuyện đều khả hữu; khi có ngã dính vào, mọi chuyện sẽ chẳng bao giờ thành tựu. Nếu bạn muốn chinh phục thế giới, bạn sẽ bị đánh bại. Nhưng nếu bạn không muốn chinh phục, bạn sẽ trở thành nhà chinh phục. Buông bỏ trước đời sống tức là chiến thắng. Ý chí không hề dẫn bạn đến thiên đàng, chỉ có sự buông bỏ.

Hãy ghi nhớ những điều này và bây giờ chúng ta đi vào ý nghĩa của câu chuyện ngụ ngôn.

Keichu, một vị đại thiền sư nổi tiếng thời Minh Trị, là viện chủ Tofuku, một ngôi chùa lớn tại Kyoto. Một hôm vị Thống Đốc Kyoto quá bộ đến thăm lần đầu tiên.

Người thị giả mang tấm danh thiếp của ông vào trình thầy, trên có ghi hàng chữ: Kitagaki, Thống Đốc Kyoto.

"Chúng ta chẳng có công chuyện gì để bàn với ông này," Keichu bảo người thị giả, "Con hãy bảo ông ta về đi."

Người thị giả mang tấm danh thiếp trả lại cùng với lời cáo lỗi. "Ồ. Đây là lỗi tại ta," vị Thống Đốc bảo, rồi lấy cây bút chì gạch bỏ hàng chữ "Thống Đốc Kyoto" trên tấm danh thiếp.

"Bây giờ hãy đem vào trình với thầy ngươi một lần nữa."

"Ồ. Ông Kitagaki đấy hả!" Vị Thiền sư thốt lên khi trông thấy tấm danh thiếp. "Con hãy ra mời vị đạo hữu ấy vào đây."

Cái gì đã xảy ra? Đây là một câu chuyện đơn giản nhưng lai mang một ý nghĩa vô cùng sâu sắc.

Cái ông thống đốc này đi thăm viếng một vị thiền sư. Ông ta viết tên của mình, Kitagaki, nhưng mà ông ta cũng không thể quên được rằng mình là thống đốc của Kyoto. Khi bạn đến thăm viếng một vị Thiền sư bạn nên quên đi những chuyện như vậy, nếu không bạn sẽ chẳng được lợi ích gì. Bạn có thể mang cái thân xác của bạn đến, nhưng tinh thần bạn thì xa cách muôn trùng. Giữa cái khoảng cách muôn trùng đó là ông thống đốc, là chức phận của bạn.

Làm thế nào mà một ông thống đốc đến với một vị Thiền sư được? Một người nam, một người nữ, có thể, nhưng thống đốc thì không. Cái "thống

đốc" chỉ là một chức vụ. Bạn có thể mang đến cái tâm thức nhưng cái bản ngã thì không.

Trông thấy tấm danh thiếp, vị Thiền sư bảo, *"Chúng ta chẳng có công chuyện gì để bàn với ông này."* Rõ ràng cái ông Thống đốc này những nguyên tắc sơ đẳng ABC còn chưa biết thế thì ông ta đến thăm vị Thiền sư để làm gì? Bạn chỉ đến với vị Thiền sư trong một cung cách vô cùng khiêm nhường, bởi vì chỉ trong khiêm nhường bạn mới có thể học hỏi được. Bạn tìm đến một vị Thầy là để học chứ đâu có phải là để chứng tỏ cho thấy rằng bạn là ai. Bạn đến đó để buông bỏ chứ không phải đến để hành xử chức vụ của bạn, để điều khiển, ra uy với người khác. Thế nên bạn phải vô cùng khiêm tốn. Sự tìm đến của bạn mang ý nghĩa như vậy. Còn như bạn đến với vị Thiền sư mang theo một số ý nghĩ sẵn có trong đầu -bạn là thế này, bạn là thế nọ- tức là bạn chẳng bao giờ đến cả.

Thế nhưng chúng ta vẫn luôn mang theo mình cái chức vụ như là một chiếc mặt nạ. Còn khuôn mặt thật của mình thì luôn luôn được dấu kín. Nếu bạn là người thừa tiền lắm bạc, nó cũng hiện rõ ra trên khuôn mặt, khuôn mặt thực của bạn không hề hiện ra. Nếu bạn thăm viếng chỉ vì mục đích chính trị, những ý đồ chính trị cũng không thể che dấu.

Một vị Thiền sư không phải là một người thầy bình thường ở trong đạo. Ông ta không phải là giáo sĩ, giáo hoàng hay là một shankaracharya. Ông ta không tin vào một hệ thống đẳng cấp trong tôn giáo. Ông ta muốn đến với bạn một cách trực tiếp và cũng muốn bạn đến với ông ta như thế, không hề bị bất cứ một chướng ngại nào đứng ở giữa ngăn cản.

Thế nhưng cái "thống đốc" này sẽ là một vật cản. Chính vì cái "thống đốc" này mà vị Thầy đã không thể đi sâu vào Kitagaki và Kitagaki cũng không thể lãnh hội được ý tưởng của vị Thầy. Cái "thống đốc" này đã không cho phép có một sự truyền đạt cảm thông, nó sẽ là một bức trường thành ở ngay chính giữa. Thông thường, khi bạn là thống đốc bạn rất khó mà thư giãn. Bạn sẽ rất căng. Khi bạn là thống đốc, bạn có sẵn sàng để lắng nghe đâu, bạn chị sẵn sàng để ra lệnh. Khi bạn là thống đốc, bạn không thể nào chịu hạ mình xuống, buông bỏ. Ngược lại, bạn còn muốn ông Thầy phải khuất phục bạn.

Thế nên vị Thiền sư đã hoàn toàn đúng khi bảo rằng, *"Chúng ta chẳng có công chuyện gì để bàn với ông này. Con hãy bảo ông ta về đi."* Thoạt nhìn hành động này có vẻ rất lỗ mãng. Nhưng thật ra không phải vậy. Nó toát ra tinh thần đại từ bi. Nó có vẻ lỗ mãng là bởi vì chúng ta có thói quen xem trọng hình thức lễ nghi. Thế nhưng vị Thiền sư là người đã không còn ở trong cái thế giới ưa chuộng hình thức của bạn, bởi vậy ông ta mới được gọi là vị Thiền sư. Ông là người đã buông bỏ hoàn toàn. Ông ta giống như một kẻ nổi loạn. Ông ta chẳng hề bận tâm đến những lễ nghi đời thường, bởi vì còn nghi lễ là còn dối trá, còn nghi lễ là còn bản ngã. Bản ngã được trợ thủ đắc lực bởi tất cả mọi hình thái lễ nghi.

Vị Thiền sư thoạt tiên đã làm cho ông thống đốc hỏng chân. Ông ta đã giật đi tất cả mọi cái nạng chống. Ông ta cho biết là không muốn gặp một con người như thế. Bề ngoài thì trông có vể rất thô lỗ, mất lịch sự nhưng nếu nhìn kỹ hành động này ta mới thấy được tấm lòng từ bi của vị thiền sư. Bởi vì nếu cư xử theo cung cách đời thường, ông ta có thể bảo, "OK. Mời ông ta vào đây", và rồi sẽ tiếp chuyện, sẽ kết thúc một cách rất bình thường –có gì

để phải bận tâm? Thế nhưng vị Thiền sư thực lòng muốn ông thống đốc đến với mình, nhưng không phải đến trong tư cách của một vị thống đốc. Cái vỏ thống đốc phải được lột bỏ ra ở ngoài cửa. Cái tâm thức của con người cũ phải được để lại ở ngoài chùa. Ông ta phải rủ bỏ hoàn toàn cái chức vụ đang mang. Ông ta phải bước vào cửa chùa như một đứa trẻ thơ, không hề có một ý tưởng rằng mình là ai. Như vậy thì mọi chuyện mới có thể bắt đầu. Như vậy thì tia lửa từ vị Thiền sư mới có thể làm bật cháy lên ngọn lửa tiềm ẩn lâu đời trong tâm kẻ cầu đạo.

Tất cả đều phát khởi từ lòng từ bi. Hãy nhớ như thế. Bởi do lòng đại từ bi, đôi khi những vị Thầy có vẻ như rất thô lổ, nếu không nói là độc ác –các vị Thiền sư thì lại còn hơn thế nữa.

Xưa có một chính khách lớn, một ông quan tể tướng, Quản Tử, đến thăm một vị Thiền sư, và hỏi: "Bạch Thầy, Thầy có thể làm ơn giải thích cho tôi như thế nào thì gọi là bản ngã?"

Vị Thiền sư xanh mặt lên và với một thái độ cực kỳ kiêu căng ngạo mạn, đã khinh thị quát bảo vị Tể tướng: "Này, ông hỏi cái gì vậy, hỏi tên đần?"

Bất ngờ trước thái độ cư xử phi lý và lổ mãng này, mặt mày vị Tể tướng bắt đầu đỏ lên vì tức giận.

Bấy giờ vị Thiền sư mới mĩm cười: "Thưa Ngài, cái đó gọi là bản ngã."

Những vị Thiền sư thường rất là thực tế, rất là thực dụng, là rất mực đời thường. Họ tin vào sự trực nhận mà không tin vào những giảng thuyết. Họ gỏ bạn thật mạnh để đánh thức bạn ra khỏi cơn mê.

Nếu ông Tể tướng này tìm đến gặp một người nào khác -một ông thánh Ấn Độ giáo hay Kỳ Na giáo chẳng hạn- chắc chắn là ông ta sẽ được nghe một bài thuyết giảng khá dài dòng. Họ sẽ giải thích cho ông ta đủ mọi lý thuyết, triết lý đằng sau cái bản ngã. Họ sẽ chẻ sợi tóc ra làm tư. Thế nhưng vị Thiền sư này không làm như thế, ông ta chỉ đơn giản gỏ bạn một đòn chí tử. Thay vì đi lòng vòng vào lý thuyết, ông ta đi thẳng vào sự kiện. Ông ta tạo nên tình huống làm cho vị Tể tướng phải tức giận. Bỗng dưng, chuyện bản ngã không còn là chuyện lý thuyết viễn vông nữa, nó trở nên một thực tế, một sự kiện vô cùng gần gũi có thể nắm bắt được. Cái bản ngã đã phô bày ra, một làn khói đã tỏa lên chung quanh tâm thức của vị Tể tướng. Lúc bấy giờ vi Thiền sư mới cười bảo: "Thưa Ngài, cái bản ngã là đấy." Ông ta đã tạo ra nó và bây giờ thì ông ta có thể chỉ ngay vào đó.

Vâng, câu trả lời có vẻ rất là thô lỗ đối với con người tội nghiệp này –ông ta có hỏi cái gì phi lý đâu, chỉ là một câu hỏi hoàn toàn có tính cách tìm hiểu về tôn giáo, "Bản ngã là cái gì? Thế nào là chủ nghĩa vị kỷ?" Rồi câu trả lời, ""Này, ông hỏi cái gì vậy, hỏi tên đần?" Câu nói của vị Thiền sư này cũng chẳng có vẻ mang chất Thiền chút nào cả, bởi vì người ta thường hay thấy những vị Thiền sư có khi đánh bạn, có khi la lên, nhảy xổ lên người bạn, quẳng bạn ra khỏi cửa để tạo nên một tình huống mà những vấn nạn trở thành thực tế sống động khiến bạn trực tiếp lãnh hội được.

Thiền là trực tiếp. Nó không cần những chiếc cầu gián tiếp, trung gian.

Người thị giả mang tấm danh thiếp trả lại cùng với lời cáo lỗi. "Ồ. Đây là lỗi tại ta," vị Thống Đốc bảo, rồi lấy cây bút chì gạch bỏ hàng chữ "Thống Đốc Kyoto" trên tấm danh thiếp.

"Bây giờ hãy đem vào trình với thầy ngươi một lần nữa."

Ông ta phải là một người rất mực thông minh bởi vì những ông thống đốc bình thường không thể nào có cung cách cư xử như vậy. Một ông thống đốc bình thường sẽ vô cùng giận dữ, sẽ trả đủa ngay. Tuy nhiên ông này là người rất hiểu chuyện. Ông ta chắc chắn thuộc loại người thông minh hiếm có, một người có nhận thức sâu sắc chứ không phải là kẻ ngu đần. Ông ta hiểu vấn đề. Ông ta có thể nhìn thấy được cái gúc mắc. Ông ta có thể thấy được cái tâm từ bi của vị Thiền sư, cái ẩn ý, cái thông điệp trong đó. Cái ẩn ý cực kỳ vi tế mà nếu không phải là người rất mực thông minh, có thể ông ta đã để lỡ mất cơ hội.

Chuyện như vậy thường hay xảy ra. Rất nhiều người đã lỡ mất cơ hội vì những điều ẩn dụ thường rất vi tế. Chân lý thường vi tế như vậy. Chỉ có những người như vị thống đốc này mới có thể đọc được cái tâm từ bi của vị Thiền sư. Thế nên ông ta đã không giận dữ, ông ta đã không cảm thấy bị thương tổn. Ông ta chắc chắn là phải hiểu được lý do tại sao vị Thiền sư lại bảo, *"Chúng ta chẳng có công chuyện gì để bàn với ông này."* Chuyện thật quá rõ ràng. Nếu bạn sống trong tĩnh thức, mọi chuyện đều rất sáng tỏ, còn nếu không, mọi chuyện đều tối mù. Nếu bạn không tĩnh thức, mối giận dữ trong lòng bạn, phản ứng của bạn sẽ càng làm cho câu chuyện rối nùi thêm.

"Ồ. Đây là lỗi tại ta," vị Thống Đốc bảo, rồi lấy cây bút chì gạch bỏ hàng chữ "Thống Đốc Kyoto" trên tấm danh thiếp.

"Bây giờ hãy đem vào trình với thầy ngươi một lần nữa."

"Ồ. Ông Kitagaki đấy hả!" Vị Thiền sư thốt lên khi trông thấy tấm danh thiếp. "Con hãy ra mời vị đạo hữu ấy vào đây."

Thế là mọi chuyện đều hoàn toàn thay đổi -chỉ với việc gạch bỏ hàng chữ: "Thống Đốc Kyoto". Câu hỏi đặt ra là chỉ một sự thay đổi nhỏ có thể mang đến một thay đổi lớn lao? Vâng, đúng thế, đời sống bao gồm những chuyện rất nhỏ nhặt. Cái bản ngã cũng chỉ là chuyện nhỏ thôi, chẳng lớn lao gì. Thế nhưng khi bạn đang bị nó hành hạ, nó lại có vẻ rất lớn. Nếu bạn đủ thông minh để liệng bỏ nó, thì nó lại chẳng đáng gì -chỉ giống như một hạt bụi nhỏ. Tuy nhiên hãy coi chừng cái hạt bụi nhỏ này, nếu nó rớt vào mắt bạn thì cũng chẳng khác gì cả dãy Hy Mã Lạp Sơn rơi vào mắt bạn. Bạn sẽ thấy chung quanh tối sầm lại và rồi bạn trở nên như người mù, đôi mắt xốn xang khó chịu. Thế nhưng khi bạn lấy cái hạt bụi ra rồi và để trên lòng bàn tay, bạn sẽ thấy là nó nhỏ bé biết chừng nào -giống như cái bản ngã vậy. Khi bạn bắt đầu thấy rõ nó rồi, nó chẳng có gì là vĩ đại cả. Và đời sống của chúng ta bao gồm những thay đổi nhỏ như thế. Từng đổi thay nhỏ sẽ đi đến một sự chuyển đổi, và rồi những thay đổi của toàn bộ cơ cấu.

Bạn cần phải hiểu được những gì đang xảy ra trong tâm thức của vị thống đốc. Bạn chỉ mới thấy cái chuyện xảy ra bên ngoài – *ông ta lấy cây bút chì gạch bỏ hàng chữ "Thống Đốc Kyoto" trên tấm danh thiếp.* Thế nhưng những gì đã xảy ra ở bên trong? Ông ta cũng đang xóa bỏ một cái gì đó. Đây mới là điều quan trọng, thực sự quan trọng hơn cả. Ông ta xóa bỏ cái chức vụ của

mình, ông ta xóa bỏ cái vai trò của mình, ông ta xoá bỏ cái bản sắc căn cước của mình. Ông ta đã trở thành một tờ giấy trắng. Ông ta đã xoá bỏ cái ý tưởng cho rằng mình đang là ai đó. Ông ta đã quên đi tất cả những gì đã học. Trong khoảnh khắc đó ông ta đã hoàn toàn buông bỏ tất cả. Khi ông ta không còn biết mình là ai nữa thì đâu cần phải giả vờ làm gì? Vâng, chức vụ ông ta là thống đốc –không có gì trở ngại- nhưng điều này thì đâu có dính dấp gì đến một vị Thiền sư và tại sao vị Thiền sư phải bận tâm đến chuyện bạn có phải là ông thống đốc hay không? Chỉ một thay đổi nhỏ từ trong nội tâm là cũng có thể làm thay đổi cả toàn thế giới.

Não bộ của con người được chia làm hai khu vực, hai bán cầu. Bây giờ thì những công trình nghiên cứu khoa học đã cho chúng ta biết khá nhiều dữ kiện liên quan đến não bộ con người. Khu vực bên phải, tức là bán cầu não phải có chức năng hoàn toàn khác biệt với bán cầu não trái. Cả hai được nối với nhau bằng một chiếc cầu nhỏ và từ đây mà những khác biệt được chuyển đổi. Chức năng của bán cầu não trái chủ về lý trí –đây là văn xuôi, là luận lý, là bành trướng, là khát vọng, là bản ngã, là đàn ông, là dương tính, là rất mực bạo động. Đây cũng là bán cầu của toán học, của hành động, phân tích, phối hợp, nam tính, thời gian, công việc -tất cả những gì đại loại như thế.

Hai khu vực của não bộ được nối kết nhau bằng một chiếc cầu rất mỏng manh, và những chức năng cứ liên tục được chuyển đổi từ trái qua phải và ngược lại. Đó là lý do tại sao có sự thay đổi trong chức năng hô hấp. Có lúc bạn đang thở bằng lỗ mũi trái thế rồi có sự thay đổi và bạn thở bằng lỗ mũi phải. Khi bạn thở bằng lỗ mũi phải, chính là lúc bán cầu não trái của bạn đang làm việc. Chúng được nối kết tréo nhau. Cũng vậy, khi bạn thở bằng lỗ mũi trái, chính là lúc bán cầu não phải hoạt động.

Bàn tay trái của bạn được nối với bán cầu não phải, bàn tay phải thì nối với bán cầu não trái. Đó là lý do tại sao khi thấy trẻ con viết bằng tay trái, chúng ta bắt buộc chúng phải viết bằng tay phải. Hình như chúng ta cho rằng dùng tay phải là đúng còn dùng tay trái là sai. Tại sao như thế? Bởi vì một đứa trẻ viết bằng tay trái sẽ không bao giờ thuộc loại người mà xã hội này mong muốn. Y sẽ là loại người lãng mạn, giàu tưởng tượng. Y sống với những giấc mộng lớn. Y có thể trở thành một nhà họa sĩ, vũ công, ca sĩ, nhạc sĩ, nhưng sẽ không bao giờ là những nhà toán học, kỹ sư, khoa học gia lành nghề. Y sẽ không bao giờ là một vị danh tướng, một kẻ sát nhân, một chính khách –không bao giờ.

Bởi lẽ đó, những người thuận tay trái chẳng khác gì là thành phần nguy hiểm. Xã hội cần những người thuận tay phải. Lịch sử được làm nên bởi những người thuận tay phải. Người thuận tay trái phải được sửa đổi bởi nếu bạn sử dụng tay trái, cái phần tưởng tượng, cái phần nữ tính, cái con người không vị kỷ của bạn sẽ phát triển. Bạn sẽ trở nên yếu mềm, cởi mở hơn. Bạn sẽ trở thành một con người nhạy cảm. Thế nên chúng ta buộc trẻ con phải thay đổi.

Nhưng rồi không sớm thì muộn, sẽ có một cuộc nổi loạn của người thuận tay trái chống lại người thuận tay phải. Họ bắt buộc phải nổi dậy. Thực ra, có khoảng năm mươi phần trăm những người thuận tay trái –đó là sự cân đối. Bây giờ chúng ta buộc họ phải thay đổi. Trong số năm mươi phần trăm này, bốn mươi phần trăm có thể miễn cưỡng trở thành những người thuận tay phải. Nhưng mười phần trăm sẽ khăng khăng chống lại. Nhưng họ kháng cự trong sợ hãi, trong khắc khoải lo lắng. Có một cái gì đó đang sai lầm. Đây không phải là vấn đề của những cái tay, đây là vấn đề của não bộ.

Những nhà ngôn ngữ học bây giờ bắt đầu nhận ra rằng trong thế giới này có hai loại ngôn ngữ. Một số ít ngôn ngữ thuộc chức năng của bán cầu não trái -cụ thể như Anh ngữ. Đây là loại ngôn ngữ của khoa học, có tính lý trí. Loại ngôn ngữ thứ hai, Hopis, được xuất phát từ bán cầu não phải. Đây là loại ngôn ngữ hoàn toàn khác biệt, giàu hình ảnh, ít khoa học, thơ mộng hơn, màu sắc hơn, và sống động hơn. Hopis không hề là một loại ngôn ngữ Toán học.

Chúng ta đã bị buộc phải lệ thuộc ngày càng nhiều hơn vào bán cầu não trái và quên dần đi bán cầu não phải. Cái thế giới của bán cầu bên phải này đang bị chúng ta lãng quên dần.

Thế nhưng khi bạn liệng bỏ cái bản ngã của mình đi, sự đổi thay sẽ xảy ra ngay trong con người bạn, đó là lý do tại sao tất cả những vị đại Thiền sư luôn nhấn mạnh đến sự buông bỏ. Đây không phải là chuyện xảy ra từ bên ngoài mà là một cái gì đó ở tận cùng thẳm sâu trong con người bạn. Khi bạn buông bỏ bản ngã, khi bạn nói được rằng, "Tôi tin vào bạn và bây giờ tôi sẽ theo bạn, bây giờ tôi sẽ chỉ là cái bóng của bạn, bây giờ bạn nói bất cứ điều gì cũng là pháp cả", thế là bỗng nhiên lúc đó chức năng của bán cầu trái của bạn ngưng hoạt động. Ta không có nhu cầu để cần đến nó. Mối nghi tan biến đi. Lý trí đã không còn thì hoài nghi cũng tan biến theo. Tranh luận cũng không còn chỗ đứng. Từ đó một loại năng lượng mới phát khởi ở trong bạn -bạn trở nên thơ mộng hơn, yêu đời hơn, vui sống hơn. Và thế rồi sự sinh trưởng xảy đến. Sự sinh trưởng đến từ giống cái, sự sinh trưởng đến từ bán cầu não phải.

Câu chuyện ngụ ngôn này chỉ là một biểu tượng. Vị thống đốc cuối cùng đã hiểu vấn đề. Ông ta tuyên bố, "Được rồi. Tôi sẽ buông bỏ cái ý niệm rằng mình là thống đốc." Khi bôi xoá cái ý niệm rằng mình là thống đốc Kyoto, ông ta đã chuyển đổi từ bán cầu trái sang bán cầu phải. Chỉ có sự chuyển đổi này mới tạo nên một cái gì đó.

Trang Tử có lần kể câu chuyện Thần Biển nói chuyện với Thần Sông: "Ngươi không thể nào diễn tả cho một con ếch trong đáy giếng hiểu thế nào là biển cả, nó chỉ là sinh vật sống trong một khung trời nhỏ hẹp. Ngươi không thể nào diễn tả cho loại côn trùng mùa hè hiểu thế nào là băng giá, nó chỉ là sinh vật sinh ra trong một mùa nhất định. Ngươi cũng không thể nào nói về Đạo cho một nhà mô phạm hiểu, bởi tầm kiến thức của y rất là hạn chế. Nhưng bây giờ ngươi đã thoát ra từ một bầu trời nhỏ hẹp để thấy được thế nào là biển cả, ngươi hiểu được sự vô nghĩa của mình, đây là lúc ta sẽ nói cho ngươi về những nguyên lý cao thâm."

Đây là những gì mà biển cả đã nói với giòng sông khi giòng sông tiếp cận với biển cả. Cho đến tận giây phút đó, biển cả vẫn giữ im lặng không hề nói một lời.

Giòng sông đã đến đó, nó dừng lại lưỡng lự không biết có nên đi vào đại dương hay không mà biển cả thì vẫn im lặng. Đến khi nó thể nhập vào biển cả rồi, bấy giờ biển cả mới lên tiếng, "Bây giờ thì ngươi đã thoát ra từ một bầu trời nhỏ hẹp để thấy được thế nào là đại dương bao la, ngươi hiểu được sự vô nghĩa của mình, đây là lúc ta sẽ nói cho ngươi về những nguyên lý cao thâm."

Điều này hoàn toàn giống y như những gì đã xảy ra khi Kitagaki tuyên bố: *"Ồ, đây là lỗi tại ta. Ta sai rồi."* Cái cảm giác thấy mình đã phạm sai lầm là một thay đổi tận gốc rễ. Rất khó khăn cho con người chịu nhận rằng mình sai lầm. Họ cứ luôn biện minh, họ cứ luôn tìm mọi lý lẽ để bào chữa. Đối với Kitagaki, có lẽ điều dễ dàng nhất là cứ việc cho rằng ông thầy chùa này là một người kiêu ngạo, ngã mạn. Đặt trường hợp nếu bạn là Kitagaki bạn sẽ ứng xử như thế nào? Hãy tự suy nghĩ đi. Vâng bạn sẽ cho rằng ông này đúng là một kiêu tăng. Thiền sư gì mà kỳ cục vậy? Một vị Thiền sư thì phải luôn khiêm nhường. Một vị Thiền sư là hiện thân của đức khiêm tốn. Còn ông này thì rất là ngã mạn, ông ta không biết đến cả phép lịch sự tối thiểu. Ông ta rất là thô lỗ, mọi rợ. Chắc lúc đó bạn sẽ nổi giận. Bạn sẽ tìm ra đủ một ngàn lẻ một lý lẽ để nổi giận. Để hiện hữu, con người có muôn ngàn lý lẽ.

Một bệnh nhân lo lắng nói với nhà phân tâm học: "Tôi yêu con ngựa của tôi quá đi mất."

"Thì có gì đâu," nhà phân tâm học trấn an. "Thiếu gì người yêu loài vật. Vợ chồng tôi có một con chó và chúng tôi cũng rất yêu nó."

"A, không phải thế đâu. Yêu tôi nói ở đây là sự quyến rũ về thân xác!"

"Hừmmm!" Nhà phân tâm tiếp tục, "Nhưng mà nó là ngựa đực hay ngựa cái vậy?"

"Ngựa cái!" Bệnh nhân giận dữ la lên, "Bộ ông tưởng tôi là một tên đồng tính luyến ái hả?"

Bạn thì luôn luôn tìm một cái gì đó để bào chữa. Bạn bào chữa cho sự xuẩn động của mình, bạn bào chữa cho những bệnh hoạn của mình, bạn bào chữa cho sự khùng điên của mình. Con người cứ luôn tiếp tục bào chữa cho hiện trạng của họ, những khổ đau và khốn nạn của đời họ. Họ bào chữa cực kỳ mãnh liệt -chẳng có ai muốn thoát ra ngoài.

Cái khoảnh khắc mà vị thống đốc tuyên bố, *"Vâng, đó là lỗi tại tôi"* là lúc mà nội tâm của ông ta hoàn toàn thay đổi. Có bao giờ bạn lưu ý đến khoảnh khắc bạn lên tiếng thú nhận, "Vâng, đó là sai lầm của tôi"? Ngay khoảnh khắc đó, sự căng thẳng biến mất. Bây giờ thì không có gì để tự vệ nữa, bạn không có nhu cầu phải phòng thủ nữa, bạn có thể mở rộng lòng mình ra.

Cái khoảnh khắc mà ông ta gạch bỏ chữ "Thống Đốc Kyoto", Kitagaki đã trở thành một con người khác. Ông ta không còn là con người cũ nữa rồi, hãy nhớ như vậy. Đó là lý do tại sao vị Thiền sư thốt lên. *"Ồ. Ông Kitagaki đấy hả! Con hãy ra mời vị đạo hữu ấy vào đây."* Bây giờ thì Kitagaki đã là một người hoàn toàn khác biệt.

Hai người đang ngồi trong quán nhậu. "Tớ sẽ bỏ sở và muốn bồ cùng đi chung với tớ," một người nói với người kia sau khi đã cạn đến ly thứ tám.

"Ồ, thật vậy sao?"

"Yeah. Tớ biết một nơi ở Phi Châu mà vàng rải rác khắp nơi chỉ chờ người tới lượm thôi."

“Tớ đã biết cách thức để lượm”

“Cách thức như thế nào?”

“Bồ phải cúi mình xuống”.

Khi bạn đến gặp một vị Thiền sư bạn cũng phải cúi người, hạ mình xuống –và đây có lẽ là điều khó khăn nhất trên cỏi đời này. Việc cúi xuống hôn chân một vị Thầy không phải đơn thuần là một nghi lễ Đông phương, mà chỉ là một biểu tượng. Bây giờ thì nó trở thành một nghi lễ nên đã phần nào mất hết ý nghĩa, tuy nhiên nếu bạn thực sự cúi mình xuống hôn vào chân một vị Thầy, một cái gì đó sẽ thay đổi lớn lao trong con người bạn. Bạn sẽ không còn là con người cũ nữa, bạn đã bôi xoá đi cái “Thống Đốc của Kyoto”. Bây giờ thì bạn hoàn toàn tự do, rộng mở và sẵn sàng để đón nhận. Cái khoảnh khắc bạn hôn vào chân một vị Thầy, bạn mang đầy nữ tính hơn, thụ động hơn, và sẵn sàng để theo bước chân Thầy. Đây là một cuộc hành trình không biết trước bến bờ thế nên bạn phải hoàn toàn tin cậy vào ông ta. Không có cách gì để minh chứng là bạn có đi đúng đường hay không. Bạn chưa hề biết trước, bạn chưa từng có kinh nghiệm về nó và cũng không biết chắc là nó có hiện hữu hay không nữa. Tất cả chỉ là niềm tin, tất cả chỉ là sự tin cậy.

Cũng chẳng khác gì con chim mẹ đang dạy cho đàn chim con tập bay... Chim con đã có bay bao giờ đâu, chúng mới thoát ra khỏi chiếc vỏ, chúng chỉ mới được chuẩn bị vào đời. Ngay cả chúng cũng chưa hề biết rằng mình đang có đôi cánh. Làm sao biết mình có cánh nếu chưa một lần bay

trên bầu trời? Chim mẹ phải dạy cho chúng điều này. Dạy cho chúng bằng cách nào? Trước tiên chim mẹ rời khỏi tổ rồi vỗ cánh bay lòng vòng chung quanh đàn con. Bầy chim con nhìn mẹ và bắt đầu cảm thấy có một cái gì đó được khơi dậy ở trong chúng. Vâng, chúng cũng rất muốn bắt chước theo cách thức của mẹ. Thế nhưng chúng sợ hãi. Chúng bám chặt vào vành tổ, lo lắng, kinh hoàng. Chim mẹ bay ra bay vào kiên nhẫn khuyến khích chúng, "Nào, làm ơn bay ra thử coi." Có thể một con trong đàn có chút ít can đảm, sẵn sàng nhảy thử vào nổi hiểm nguy, và nó nhảy thật. Cái nhảy của nó có thể rất tệ, và bay thì chẳng giống ai, mới một vài phút đã vội vã quay về tổ rồi –thế nhưng bây giờ nó biết rằng mình đang có đôi cánh. Vấn đề còn lại chỉ là thời gian để học thêm kỹ năng thôi. Tuy nhiên nó biết chắc là mình có khả năng để bay. Đôi lúc người mẹ phải đẩy chúng ra, phải đẩy như vậy chúng mới nhận ra là mình có đôi cánh.

Đây cũng là tình huống của một vị Thầy. Bạn phải tin cậy vào ông ta như đứa con tin cậy mẹ. Vị Thầy đang đưa bạn vào một cuộc hành trình mà bạn chưa bao giờ trải qua. Nói đúng ra, ông ta đang đưa bạn vào một cuộc hành trình mà ngay cả bạn cũng chưa hề mơ tưởng tới chứ đừng nói là kinh nghiệm. Cuộc hành trình này bạn chưa từng nghe nói đến, mà có nói đến cũng vô ích thôi vì nó hoàn toàn xa lạ với bạn. Vị Thầy đang làm công việc chuyển đổi tâm thức bạn. Ông ta đang đưa bạn đến một sự hoá thân, sự thăng hoa, tỉnh thức. Có khi ông ta thuyết phục bạn, nhưng cũng có lúc ông ta phải đẩy bạn, tuy nhiên một khi bạn đã ra ngoài bầu trời rồi, lúc đó bạn sẽ hiểu và sẽ vô vàn cảm kích.

Điều tuyệt vời là ông ta chẳng hề ban phát cho bạn bất cứ thứ gì cả. Đôi cánh là của bạn, năng lượng để bay là của bạn và bầu trời đó cũng là của

bạn cũng cùnh chiều kích như của người Thầy thôi –ông ta chẳng cho bạn cái gì cả. Không cho nhưng mà lại cho rất nhiều. Ông ta cho bạn sự can đảm, ông ta cho bạn sự tin cậy để từ đó bạn bước vào một cuộc phiêu lưu mới, bước vào cái mà bạn không hề biết. Và quan trọng nhất, ông ta cho bạn sự buông bỏ.

> *"Ồ. Ông Kitagaki đấy hả!" Vị Thiền sư thốt lên khi trông thấy tấm danh thiếp. "Con hãy ra mời vị đạo hữu ấy vào đây."*

Sự bôi xóa cái tên trở thành một biểu tượng của sự buông bỏ. Ông ta hiểu được sai lầm của mình. Đó là một chỉ dấu quan trọng. Bây giờ thì vị Thiền sư sẵn sàng để tiếp nhận ông ta. Vị Thầy chỉ có thể tiếp nhận bạn khi nào bạn đã sẵn sàng để được tiếp nhận. Trước đó thì nó chưa chín mùi, chưa dùng được, chưa giúp ích gì cho bạn cả.

Nếu vị Thiền sư là người thiên về hình thức thì vị thống đốc chắc chắn đã mất đi một cơ hội. Nhưng đây là một vị Thầy không hề bận tâm đến chuyện hình thức nên vị thống đốc mới có cơ hội lớn dậy. Ông ta đã lớn dậy -sự bùng vỡ này đôi khi chỉ xảy ra trong một khoảnh khắc ngắn ngủi.

Người thông minh mới nghe qua đã hiểu. Nếu bạn là người thông minh, những gì tôi đang nói ra lập tức tác động ngay vào bạn; còn nếu bạn là kẻ ngu đần bạn cần thời gian để suy nghĩ về nó. Cái khoảnh khắc mà tôi đang nói cái gì đó với bạn, một cái gì đó sẽ xảy ra ngay trong bạn. Ở đây tôi nói về nó, thì ở đó nó lập tức hiện bày -bạn bắt đầu có cảm giác về nó, bạn bắt đầu nếm được hương vị của nó, bạn bắt đầu vỗ cánh, sẵn sàng tung mình

vào khung trời cao rộng, bạn bắt đầu trở nên can đảm để sẵn sàng chấp nhận mọi rủi ro. Trong khi tôi đang nói điều gì đó với bạn, nếu là người trí, bạn cũng sẽ chẳng cần phải làm bất cứ điều gì cả; nó sẽ xảy ra ngay khi bạn đang nghe tôi nói.

Đức Phật từng nói rằng có hai loại người: một loại chỉ cần nghe qua là có thể hiểu được chân lý còn một loại phải tốn rất nhiều công sức. Loại thứ hai là loại phàm phu nhưng rồi bạn sẽ ngạc nhiên khi thấy rằng loại thứ hai này lại trở nên vô cùng quan trọng. Loại thứ nhất Đức Phật gọi là hạng *thanh văn (shravaka)* –phái Ni Kiền Tử (Mahavira) cũng dùng danh từ này- để gọi những người do nghe mà đạt đến giác ngộ. Loại thứ hai ngài gọi là *sadhu* -những người không chỉ nghe qua là đạt đến giác ngộ mà phải tốn rất nhiều công sức bởi vì trí khôn của họ rất cạn cợt. Thông minh trực nhận đưa đến giải thoát. Nghe đúng là đã liễu ngộ. Và bất cứ tình huống nào cũng đều là những cơ may.

Nhà Thiền gọi tình trạng này là *mu-sin*. *Mu-sin* có nghĩa là *không tâm*, một trạng thái trí óc thuần khiết. Không có bất cứ tạp niệm nào dấy lên, chỉ là ngọn lửa của tỉnh thức. Trong trạng thái này người quan sát và đối thể không hề tách biệt, kẻ nhận biết không tách rời vật nhận biết, kẻ nói và người nghe đồng nhất thể.

Một số ít người ở đây đã đạt đến tình trạng *không tâm* này rất nhiều lần, đấy là lúc bạn và tôi không còn cách biệt, những biên giới đột nhiên xóa nhòa, chúng ta đan lẫn vào nhau. Trong khoảnh khắc đó chỉ có sự giao cảm, hiệp thông. Lúc đó bất cứ cái gì cũng nói lên cùng ý nghĩa. Im lặng

cũng thế, lời nói cũng thế, điệu bộ của bàn tay cũng vậy. Bạn đang ở trong tình trạng *không tâm*, trạng thái mà tâm thức không còn bản ngã, không còn biên giới. Chỉ trong trạng thái này Thượng Đế hiện hữu, niết bàn hiện hữu.

Có môt bài thơ haiku (hài cú) rất nổi tiếng của nhà thơ Ba Tiêu (Basho) (3):

Cái ao xưa

Con ếch nhảy vào

Bỏm!

Người ta nói rằng Ba Tiêu đang ngồi bên cạnh môt cái ao cổ, rất cổ. Một con ếch cũng đang ngồi trên một tảng đá cạnh đó. Chắc có thể đây là một buổi sáng chan hòa ánh nắng và con ếch đang khoan khoái sưởi ấm dưới ánh nắng mặt trời. Nhà thơ Ba Tiêu thì đang ngồi đó, yên lặng ngắm nhìn.

Cái ao xưa

Con ếch nhảy vào

Bỏm!

Với tiếng động của con ếch nhảy vào cái ao cổ -Bỏm!- người ta nói rằng Ba Tiêu đã hoát nhiên đạt ngộ. Tiếng "bỏm" đó đủ để đánh thức ông.

Vâng, trong trạng thái *không tâm*, chỉ một tiếng bỏm thôi cũng đủ.

Vị thống đốc này phải là một người cực kỳ thông minh. Đứng đợi ở ngoài cửa của vị Thiền sư, ông ta chắc đã từng bước đi vào trạng thái không tâm. Và khi người thị giả trở ra, với lời xin lỗi, "Thưa Ngài, ông Thầy không muốn gặp ngài. Ông ấy đã từ chối. Ông ta bảo rằng, *Chúng ta chẳng có công chuyện gì để bàn với ông này* –"bỏm!", một cái gì đã đột biến ngay lúc đó. Vị thống đốc lập tức nhận ra sự sai sót của mình và hoàn toàn trở nên một con người mới. Ông ta không còn là một con người của khoảnh khắc trước đây.

Vâng, nó có thể xảy đến cho bạn trong một khoảnh khắc cực kỳ ngắn ngủi. Chỉ là vấn đề của nhận thức thuần khiết. Một tiếng chim cu gáy –"bỏm". Tiếng gió rì rào thoảng qua rừng cây –'bỏm!". Tất cả cái gì cũng có thể xảy đến. Cái không thể cũng trở thành khả thể, nếu bạn đang ở trong trạng thái *không tâm*. Và Thiền chẳng có gì khác hơn ngoài sự rèn luyện trí óc để làm thế nào đạt đến tình trạng *mu-sin, không tâm* này.

CHÚ THÍCH:

(1) Nguyên văn: "No noose is good news", nhại theo câu ngạn ngữ "No news is good news". Chơi chữ giữa hai tiếng "noose" v à "news", có phát âm gần giống nhau.

(2) Tức là truyện Tây Du Ký của Ngô Thừa Ân.

(3) **Basho** (Ba Tiêu) là bút hiệu của Matsuo Munefusa (1644-94), một thi sĩ nổi tiếng về thể loại thơ hài cú (haiku) trong văn học Nhật Bản. Ông nguyên là một võ sĩ đạo, nhưng kể từ năm 1466 (22 tuổi), ông đã từ bỏ tất cả để trở thành một thi sĩ. Chịu ảnh hưởng Phật giáo, thơ hài cú của ông phản ảnh màu sắc thiền quán. Những khi cần yên tĩnh một mình, ông rút vào cái chòi làm bằng lá ba tiêu (cây chuối lá) và từ đó có bút hiệu là Ba Tiêu.

CHƯƠNG 6.

Nhượng Bộ

Trước Cầu Thỉnh Của Chư Thiên

Câu hỏi thứ nhất:

> *Làm thế nào mà những người chưa giác ngộ lại có thể trình bày kinh nghiệm tâm linh rành rẽ với một cung cách đầy tin tưởng có vẻ như nắm vững tất cả mọi chuyện như thế?*

Bởi vì chuyện đời thường là như thế. Khi không biết gì hết, người ta không cần phải lưỡng lự; khi không biết gì hết, thực ra người ta đâu có gì để nói, thế là người ta tha hồ nói huyên thiên; khi không biết gì hết, người ta có thể sử dụng ngôn ngữ một cách điêu luyện. Còn khi bạn biết, ngôn ngữ luôn luôn là một sự cản trở, nó không những chẳng giúp ích gì cho bạn mà còn trở thành một chướng ngại. Khi bạn biết, bạn phải luôn luôn cảnh giác bởi vì bất cứ những gì mà bạn đang nói ra không phải là điều mà bạn biết –đó

là sự cách biệt lớn lao giữa hai loại người. Có đôi khi điều mà bạn nói ra lại hoàn toàn trái ngược với điều mà bạn biết.

Một người mù có thể nói chuyện rất thoải mái về ánh sáng, không có vấn đề gì cả. Y không hề có kinh nghiệm bản thân để biến thành lời. Lời trống rỗng, nên có thể tiếp tục tuôn ra một cách dễ dàng. Nhưng dĩ nhiên, y chỉ có thể nói chuyện với một người mù khác -những người sáng mắt thì chắc chắn là không có ai bị lừa dối. Cũng thế, những người chưa giác ngộ có thể tiếp tục nói chuyện về giác ngộ với những người chưa giác ngộ khác … Như một thằng mù dẫn một thằng mù. Và, dĩ nhiên, họ vẫn có thể cãi nhau ỏm tỏi.

Chân lý không thể tranh biện, chân lý không thể chứng minh. Không có cách gì để chứng minh chân lý, không có cách gì để thảo luận về nó một cách luận lý –trên tất cả, nó như là một nỗi cám dỗ. Bạn có thể rù quyến một người đến với chân lý nhưng không thể làm cho y tin. Chân lý rất là nghịch lý, nếu không nói là phi lý. Một người không hề biết chân lý là gì thường có tính luận lý hơn, bởi vì cái gây phiền nhiễu cho mọi thứ luận lý đã chưa hề xuất hiện.

Bạn có thể nói rất thoải mái đủ thứ chuyện về tình yêu nếu bạn chưa hề yêu. Nhưng khi đã yêu rồi bạn sẽ thấy khó khăn trong từng bước một. Làm sao diễn tả nó bây giờ? Làm sao có thể nói ra được những điều không nói được bằng lời? Kinh nghiệm này không thể diễn tả; nó quá bao la không thể nào được chứa đựng trong những ngôn từ hạn hẹp. Không có một cái bình chứa nào có thể chứa đựng nó cả.

Người biết, thường lưỡng lự. Lão Tử từng nói rằng, “Mọi người dường như có vẻ rất chắc chắn, ngoại trừ ta.” Ông ta tiếp, “Ta lưỡng lự như người đến trước một dòng sông đang đóng băng. Y dừng lại trên bờ, suy nghĩ kỹ lưỡng -rồi mới bước chân xuống một cách cực kỳ cẩn thận. Những người khác thì đều bước đi một cách hoàn toàn tự tin.” Mù quáng thì rất tự tin bởi vì có trông thấy cái gì đâu; bạn có thể đi đâm xầm vào bức tường bằng một niềm tin lớn lao. Người sáng mắt, vì thấy mọi chuyện, không thể nào bước đi một cách đầy tự tin như một người mù.

Tất cả những bậc thánh nhân xưa nay đều do dự. Tự trong bản chất của vấn đề họ bắt buộc phải như thế. Bạn có thể tìm ra một ngàn lẽ một cái khiếm khuyết sai lầm trong những lời tuyên bố của họ -và ngay chính họ cũng nhận ra những khiếm khuyết này. Với họ, phải nói ra chỉ là chuyện chẳng đặng đừng. Dùng đến ngôn ngữ chỉ là điều bắt buộc. Nếu có cơ hội tránh được thì vẫn tốt hơn.

Khi Đức Phật mới thành đạo, ngài đã tịnh khẩu trong suốt bảy ngày… Đây là một câu chuyện rất tuyệt vời trong kinh Phật. Chư thiên trên các cõi trời đã vô cùng lo lắng. Rất hiếm khi có được một con người giác ngộ trở thành một vị Phật, và càng hiếm hoi hơn, không phải chỉ thành Phật mà còn có đầy đủ khả năng của một vị Tôn Sư –điều này quả tình rất là hiếm hoi. Có thể có rất nhiều người đã giác ngộ thành Phật nhưng chỉ có một số rất ít người trở thành những bậc Tôn Sư. Bởi vì những người kia hoàn toàn yên lặng. Khi họ đạt thành giác ngộ, họ chìm sâu vào tịch lặng.

Còn vị này, Cồ Đàm Tất Đạt Đa , đã thành tựu giác ngộ với đầy đủ tất cả mọi năng lực để trở thành một vị Tôn Sư vĩ đại nhất trên thế gian này. Chư

Thiên rất có lý để lo lắng. Chúng ta biết điều gì đã xảy ra –Ngài đã trở thành một vị Tôn Sư vĩ đại nhất trên thế gian. Thực ra, không có một vị Tôn Sư nào có thể sánh bằng Ngài. Có không biết bao nhiêu người nhờ Ngài mà đạt thành giác ngộ. Có vẻ như rất khó có ai có thể vượt trội hơn Ngài.

Vâng, chư Thiên quả tình rất có lý để lo lắng. Họ liền bay xuống trần tìm gặp Phật lúc đó còn đang ngồi tĩnh tọa dưới gốc bồ đề. Họ tranh biện với Ngài và cố gắng thuyết phục Ngài nên mở lời. Họ tìm cách đánh động lòng từ bi của Ngài. Và rồi Đức Phật đã trả lời, "Ta đã từng suy nghĩ về vấn đề này và cảm thấy hình như đó là chuyện phù phiếm vô ích. Thứ nhất, nếu ta nói ra cũng sẽ đâu có ai hiểu. Thứ đến, bất cứ điều gì ta nói ra cũng sẽ không phải là chân lý, sẽ không bao giờ một trăm phần trăm là chân lý. Nó sẽ không bao giờ đúng với sự thật, cách này hay cách khác -bởi một lẽ dễ hiểu là những điều ta biết không thể hạ thấp xuống trong ngôn ngữ sắc tướng của thế gian. Nó là vô sắc tướng. Ta đã nếm được hương vị của nó nhưng để nói ra hình như là điều bất khả. Và ngay cả nếu ta cố gắng và thành công, ai là người sẽ hiểu được nó? Họ sẽ không bao giờ hiểu được. Ta biết một cách chắc chắn như thế bởi vì khi ta chưa giác ngộ, nếu có ai đó đã nói với ta bằng một cách thế như ta sẽ nói với mọi người, bản thân ta chắc chắn là đã không hiểu nổi. Nó có vẻ như rất phi lý. Hoàn toàn phi lý. Như vậy tại sao phải bận tâm đến chuyện này? Ta sẽ giữ im lặng và thể nhập vào tánh không."

Lúc bấy giờ chư thiên chìm lắng trong suy tư, nghiền ngẫm lời Ngài nói, và cuối cùng bạch Phật, "Nhưng rồi vẫn sẽ có một ít người hiểu được. Luôn luôn sẽ có một số ít, rất ít, nhưng mà họ sẽ hiểu. Vâng, đúng thế, nếu như

Ngài thuyết pháp cho mười ngàn người nghe thì ít ra cũng sẽ có một người có thể hiểu được -thế nên Ngài cũng phải vì người đó mà nói pháp."

Đức Phật trả lời, "Cái người này rồi sẽ đạt thành giác ngộ ngay cả không cần ta thuyết pháp. Một người đủ tỉnh giác để hiểu ta không sớm thì muộn họ cũng sẽ tự chứng đắc, như vậy tại sao ta phải bận tâm?"

Chư thiên cảm thấy rằng họ đã thất bại. Bây giờ còn biết nói gì nữa đây? Họ lại chìm lắng vào suy nghĩ. Suốt đêm họ không ngừng thiền định và quán tưởng và ngay buổi sáng hôm sau họ trở lại và bạch Phật, "Vâng, Ngài hoàn toàn có lý, nhưng Ngài vẫn cần phải nói pháp bởi vì sẽ có một số ít người đang ở ngay trên bờ giác ngộ. Nếu Ngài không nói ra họ sẽ không hiểu, và sẽ không bao giờ có sự chuyển động tâm thức. Nhưng nếu Ngài nói pháp, nó sẽ tạo ra một sự chuyển động cần thiết. Vâng, Ngài hoàn toàn có lý, sẽ có một ít người tự mình tìm ra con đường giác ngộ -nhưng xin Ngài hãy nghĩ lại: nếu trong số một triệu người có một người đang mấp mé ở bên bờ giác ngộ và họ sẽ không đủ dũng khí để đi tới nếu như không có Ngài tiếp trợ, tại sao lại không vì y mà nói pháp? Ngay cả nếu chỉ có một người duy nhất được giác ngộ trong nỗ lực suốt cả một đời Ngài, điều đó chẳng đáng giá lắm sao?"

Trước những thỉnh cầu này, cuối cùng Phật đã phải nhượng bộ trước chư thiên. Phật đã nói, đã chuyển pháp luân.

Phật đã rất miễn cưỡng, đã đối kháng mãnh liệt.

Vâng, quả là một điều rất khó khăn để nói ra khi bạn đã liễu ngộ, và là điều quá dễ dàng để nói huyên thiên khi bạn chẳng biết là mình đang nói

gì. Lúc đó não bộ của bạn hoạt động chẳng khác gì một bộ máy, một con người máy. Đó chỉ là một cuốn băng nhựa. Tiếp âm tin tức là điều quá dễ dàng, tiếp âm trí tuệ thật vô vàn khó khăn. Đó là lý do tại sao người mê cứ không ngừng nói chuyện về những kiến thức bên trong tâm thức con người.

Giác ngộ không là chuyện ở ngoài hay ở trong. Tất cả chuyện trong-ngoài chỉ xảy ra trước khi bạn liễu ngộ. Khi đã giác ngộ rồi thì chẳng có gì là trong mà cũng chẳng có gì là ngoài. Thật ra, khi đã đạt ngộ thì tất cả chỉ còn lại tánh không; mê và tánh không… cũng là ngộ. Cái thời điểm mà bạn giác ngộ, tất cả mọi hiện hữu cũng đồng thời giác ngộ -hay tối thiểu, sinh thể của bạn. Và trong lúc này, cái thị kiến về sinh thể đó cũng đồng thời giác ngộ.

Kiến thức về bên trong nội tâm cũng chỉ là chuyện bịa đặt -tất cả kiến thức đều là chuyện bịa đặt. Con người tự tìm cách thoả mãn mình với kiến thức. Con người đói khát chạy đi tìm Thượng Đế, tìm hiểu chân lý, nhưng hình như quả thật rất khó khăn để đạt đến, thế là chúng ta đành tự thoả mãn mình với những kiến thức về chúng. Nếu có ai trao cho ta kiến thức, ta luôn giữ chặt, khư khư ôm lấy vào người. Trải qua hàng thế kỷ, kiến thức ngày càng trở nên rắc rối, phức tạp, bí hiểm. Trong khi giác ngộ thì lại rất đơn giản, hồn nhiên. Kiến thức rất phức tạp, bởi vì nó phải như thế, bởi vì nó là một sản phẩm đầy xảo quyệt của con người.

Khi bạn lắng nghe một người giác ngộ, vị đó chỉ nói ra những chân lý giản đơn, rất mực giản đơn; ông ta sẽ không bao giờ nói đến những triết lý cao thâm xa vời. Ông ta rất thực tế. Mà thật ra, ông ta chẳng nói gì cả, ông ta

chỉ ra cho bạn thấy một cách đơn giản. Phật dạy, "Chư Phật vạch ra con đường, các Ngài không hề nói đến mục tiêu." Bạn phải lên đường -cứ đi, và rồi một ngày nào đó, nó sẽ xảy đến với bạn. Chỉ ở cái thời điểm này bạn mới có khả năng nhận thức được rằng tất cả mọi kiến thức chỉ là giả tạo, sản phẩm của những tâm thức tinh ranh, xảo quyệt, trong khi mọi hiểu biết đều rất mực đơn giản, hồn nhiên, thô sơ.

Câu hỏi thứ hai:

> *Henri Bergson (1) cũng có đưa ra học thuyết về trực giác. Sự tiếp cận của ông ta như vậy có giống y như Thiền hay không?*

Trông thì rất giống Thiền nhưng mà không phải vậy và không thể như vậy.

Bergson là một triết gia, một triết gia có tầm vóc, tuy nhiên ông ta không có kinh nghiệm thân chứng. Ông ta nói về trực giác, nói một cách sâu sắc, đi vào đến tận cùng những phức tạp của vấn đề, thế nhưng tất cả những điều ông nói đều thuần về mặt tri thức. Ngay cả việc ông nói về trực giác cũng thế. Cái đầu của bạn vẫn có thể nói về chuyện trái tim –hãy nhớ đến khả

năng này. Bạn có thể nghĩ là bạn đang cảm xúc nhưng đó vẫn chỉ là ý nghĩ. Con người vốn rất vi tế và cũng là một kẻ dối gạt. Vâng, cái đầu của bạn có thể nói chuyện về trái tim, bạn có thể nghĩ về những cảm xúc, bạn có thể rất luận lý về tình yêu.

Bergson đã có một sức hấp dẫn lớn vì ông ta đã nói đến trực giác. Ông ta chống lại trí năng. Thế nhưng tất cả những gì ông ta nói ra đều là tri thức. Trực giác đối với Bergson không hề là một kinh nghiệm thân chứng.

Thiền luôn khẳng định về kinh nghiệm thân chứng. Bạn có thể thấy rất nhiều cái thoạt trông có vẻ giống Thiền nhưng bạn sẽ không bao giờ tìm thấy cái gì là Thiền *thật sự*. Hiện tượng thì có vẻ rõ ràng như thế mà bản chất thật ra là không phải. Trông ngoài mặt thì tưởng là vậy, vâng, cái bình chứa thì cái nào mà chẳng giống nhau –nhưng mà cái chứa đựng bên trong thì lại tuyệt đối khác xa.

William Barrett nhớ lại chuyện một người bạn của mình có dịp đến viếng thăm Martin Heidegger (2), một triết gia Đức nổi tiếng. Lúc ông ta đến thì thấy Martin Heidegger đang đọc một trong những cuốn sách của Suzuki. Người bạn đã hỏi triết gia Heidegger một cách thành thật là phải chăng ông thích thú về Suzuki và Thiền, và ông ta trả lời, "Nếu tôi không hiểu lầm những điều ông ta trình bày thì đây là những gì mà tôi đã cố gắng để nói lên trong tất cả những tác phẩm của tôi."

Thế nhưng Heidegger cũng chỉ quanh quẩn trong suy tưởng, triết lý và học thuyết. Ông ta là một triết gia lớn –cũng tầm cỡ như Bergson, có khi còn rốt ráo hơn cả Bergson với những tư tưởng rất sâu sắc, khai mở ra những chân

trời uyên áo –tuy nhiên về chuyện đạt ngộ, đại định, hay giác ngộ ông ta còn cách xa đến cả hàng vạn dặm.

Và có lúc ông ta cũng xuẩn động như bất kỳ kẻ phàm phu nào. Khi Adolf Hitler trở nên một nhân vật đầy quyền lực, Heidegger đã trở thành một trong những ủng hộ viên nhiệt thành. Hãy tưởng tượng một ông Phật lại đi ủng hộ Adolf Hitler? Hoàn toàn không hề có chuyện như vậy! Thế mà cái ông Heidegger này lại trở thành một người phát xít! Cung cách của ông ta cũng đâu có khác gì những con người bình thường không một chút hiểu biết, không tuệ giác.

Có những lúc mà bạn thấy thật quá dễ dàng để nói về những vấn đề lớn lao, nhưng để thể hiện những hiểu biết của mình trong đời sống hàng ngày thì là điều trái lại… Nhiệm mầu thay là việc khiêng dầu, nhiệm mầu thay là việc gánh nước –trong những việc tầm thường như thế mà sự hiểu biết được thẩm thấu. Cuộc sống đời thường của bạn phải bừng lên ánh sáng giác ngộ, trong từng khoảnh khắc một phải là một ngọn đèn tự toả chiếu ánh sáng.

Tất cả những điều sâu sắc mà Heidegger nói ra đã trở nên vô nghĩa, cho thấy chỉ là chuyện phù phiếm, không có thực. Ông ta cũng là một con người cực đoan như tất cả những người Đức khác. Nhưng những người khác còn có thể được tha thứ, chứ Martim Heidegger thì không.

Những điều giống y như vậy cũng đã xảy ra ở đây, ngay tại Ấn Độ. Bà Indira Gandhi (3) từng bước một đã trở thành một nhà độc tài và Acharya Vinoba Bhave (4) đã ủng hộ bà ta. Ông ta đã lý giải sự độc tài này như là

một cuộc thí nghiệm lớn lao về tính kỷ luật: một thời đại vĩ đại đã được bắt đầu, thời đại của kỷ luật.

Bạn có thể lý giải sự độc tài như là khép mình vào khuôn khổ kỷ luật một cách khá dễ dàng, và điều này đã cho thấy tuệ giác của Vinoba Bhave -một con số không.

Hãy nhớ cho, bạn nên quan sát cách người ta sống như thế nào thay vì nghe người ta triết lý về nó. Triết lý chẳng đi đến đâu cả, đó chỉ là những trò chơi ngôn từ trong tâm tưởng.

Trước phút lâm chung người ta thấy Carl Gustav Jung (5) đang đọc cuốn "Những Bài Giảng về Thiền và Zen" (Ch'an and Zen Teachings) của Charles Luck. Đây là cuốn sách cuối cùng mà ông ta đọc, trước khi từ giả cõi đời. Nhưng trước khi nhắm mắt Jung đã nhờ người thư ký viết một bức thư cho tác giả, Charles Luck, cho biết là ông rất ái mộ cuốn sách này. Jung bảo, "Hãy nói với Charles Luck rằng khi tôi đọc những gì mà ngài Hư Vân nói tôi có cảm giác rằng đó cũng chính là điều tôi muốn nói. Cũng giống y như vậy thôi."

Nhưng cũng vậy, đây cũng chỉ là những hiểu biết thuần tri thức. Jung không phải là một thiền giả. Ông ta là một nhà phân tâm lỗi lạc, một nhân vật có tầm vóc lớn trong địa hạt quan sát phân tích tâm thức con người, một nhà thám hiểm vĩ đại trong lãnh vực vô thức, huyền nhiệm, nhưng ông ta không phải là một thiền giả. Thực ra, ông ta đã chối bỏ tất cả mọi hình thức thiền quán; nói rõ hơn, ông ta sợ hãi thiền quán.

Khi ông ta đến Ấn Độ, lúc đó ngài Raman Maharshi (6) đang còn tại thế nhưng Jung đã không muốn viếng thăm. Rất nhiều người đã bảo ông ta, "Ngài là nhà nghiên cứu sâu xa về con người, và ở tại đây có một nhân vật mà chúng tôi gọi là Bhagwan. Đã đến Ấn Độ thì Ngài nên viếng thăm ông ta một lần, bằng không ngài đã lỡ cơ hội gặp được một vị Phật. Ngài hãy đến và đi sâu vào tìm hiểu ông ta, nếm thử bầu khí mà ông ta thở, ánh sáng giải thoát mà ông ta sống. Ngài từng suy tưởng về Phật, về Lão Tử, về Christ -tại sao lại không đến viếng Raman Maharshi?"

Tuy nhiên ông ta đã tránh né chuyện gặp gỡ này. Ông ta đi thăm viếng ngôi đền Taj Mahal nhưng không muốn gặp Raman.

Tôi có cảm tưởng là ngay cả nếu Đức Phật còn tại thế chắc là Jung cũng sẽ không đến viếng thăm Ngài. Hoặc giả như Chúa Giê Su còn sống ông ta cũng sẽ không đến viếng thăm. Tại sao vậy? Nỗi sợ hãi đó là gì? Đó là một nỗi sợ hãi vô cùng sâu xa, nỗi sợ hãi về phương Đông . Ở phương Tây ông ta đã từng được khuyến cáo rằng phương Tây không nên học hỏi những đạo học Đông phương chẳng hạn như Yoga, Mật, hay Thiền. Trong suốt cuộc đời mình ông đã được khuyến cáo như thế vì cho rằng tâm thức của phương Tây hoàn toàn khác biệt, hướng đi cũng khác biệt -những tư tưởng Đông phương như vậy sẽ làm nhiễu hại đến toàn bộ giá trị tinh thần Tây phương.

Ông ta không bao giờ thiền quán. Và đặc biệt ông ta rất sợ hãi cái chết. Không phải chỉ sợ cái chết mà ngay cả xác chết. Ông ta rất muốn đến Ai Cập để được trông thấy những xác ướp của thời cổ đại -một nỗi ao ước lâu dài. Nhưng tối thiểu có đến bảy lần ông ta đã mua vé máy bay nhưng cuối

cùng lại hủy bỏ. Có một lần, cũng là lần chót, ông ta đã đặt chân đến phi trường, nhưng rồi lại quay về. Ông ta sợ cả đến việc trông thấy những xác chết thời cổ -bởi vì điều này sẽ nhắc nhở ông ta về cái chết của chính mình, nhắc nhở ông ta về những gì sẽ xảy ra cho chính thân xác mình. Nó đã tạo nên một mối băn khoăn lớn.

Bây giờ thì cái ông này có thể đọc về Thiền và ngay cả có thể được thuyết phục để tin về những chân lý của nó, có quan hệ môt cách tri thức với nó, và ngay cả có thể nói một câu rằng "tôi có cảm giác rằng những điều ngài Hư Vân nói cũng chính là điều tôi muốn nói. Y như vậy." Thế nhưng trong khi điều phát biểu "Y như vậy" –của ngài Hư Vân là một khẳng định hiện sinh còn nếu do Carl Gustav Jung nói ra thì nó sẽ là một phát biểu triết học, cũng chẳng khác gì người mù nói về ánh sáng.

Những người này đều là những nhà luận lý. Họ là những người rất duy lý nhưng không hẳn là những người hoàn toàn hợp lý. Hãy nhớ rằng duy lý không có nghĩa rằng bạn là người có lý. Một sự thực hiển nhiên cho thấy một người được coi là duy lý không thể nào chấp nhận sự hợp lý -bởi vì chấp nhận sự hợp lý có nghĩa là phải dành chỗ đứng cho sự vô lý. Được xem là hợp lý có nghĩa là bạn phải chấp nhận sự nghịch lý của đời sống. Được xem là hợp lý có nghĩa là không phải chỉ đòi hỏi cái sống –trong khi cái chết cũng đồng thời hiện hữu, phải chấp nhận nó. Đồng thời cũng không chỉ suy nghĩ về Thượng Đế -mà quỷ Sa Tăng cũng có mặt ở đó, phải chấp nhận y. Ánh sáng và bóng tối cùng hiện hữu -phải chấp nhận cả hai.

Một người hợp lý là kẻ dễ dàng chấp nhận, dễ dàng tiếp thu. Trong tâm y không hề mang sẵn định kiến; không hề chứa một giả định có trước. Tâm của y rộng mở, hoàn toàn rộng mở. Một con người duy lý thì không dễ dàng rộng mở như thế. Y vô cùng khôn ngoan trong luận lý –nhưng luận

lý cũng chỉ là sản phẩm của con người, do chúng ta tạo ra. Luận lý chỉ là một nửa phần của não bộ, nửa phần kia vẫn chìm trong khát khao.

Tôi không có ý nói rằng nửa phần kia là thiền quán, xin nhớ điều này. Một nữa là luận lý còn nửa phần kia là phi lý. Khi nào bạn vượt được ra ngoài cả hai, vượt lên trên tất cả, ta ở trong thiền quán. Cũng xin nhớ rằng suy tưởng không phải là thiền quán, cảm thọ cũng thế. Suy tưởng chỉ mới một nửa và cảm thọ cũng chỉ là một nửa. Khi cả suy tưởng lẫn cảm thọ tan biến vào trong một thể đồng nhất, chúng không còn là chúng nữa. Bây giờ thì bạn không thể gọi chúng là suy tưởng và cảm thọ, chúng đã vượt lên trên cả hai, là một cái gì đó vừa mới được khai sanh, phong phú hơn cả hai. Cái tổng thể này không phải là do những bộ phận ráp lại. Khi một tổng thể được hình thành, các bộ phận tan biến vào một cái gì đó hoàn toàn mới mẻ, tuyệt đối mới mẻ.

Đây là thế giới của siêu việt, hai với hai là năm mà không còn là bốn. Trong thế giới của đời thường, hai với hai là bốn; trong thế giới của thiền quán, của nhất thể, toàn bộ, hai với hai là năm, không bao giờ là bốn -bởi vì cái tổng thể này siêu việt hơn các bộ phận ráp lại. Một cái gì đó mới mẻ đã ra đời. Khi bạn ráp các bộ phận của một chiếc đồng hồ lại với nhau, tiếng "tíc-tắc" xuất hiện. Khi bạn tháo rời các bộ phận của chúng ra, tiếng "tíc-tắc" biến mất. Tiếng "tíc-tắc" này là một cái gì đó siêu việt, đó là sự sống, là thiền quán, là Thượng Đế.

Luận lý không thể nào mang đến cho bạn tiếng "tíc-tắc" đó. Luận lý là một cô gái điếm –hãy luôn nhớ như vậy. Luận lý có thể đi với bất cứ ai -bất cứ ai sẵn sàng chi tiền. Luận lý đồng nghĩa với ngụy biện. Bạn có thể dùng luận lý để tán dương Thượng Đế, đồng thời bạn cũng có thể dùng cùng một thứ luận lý này để chống báng lại. Bạn có thể dùng chúng để ủng hộ

thiền quán hoặc dùng chúng để phản bác. Luận lý không có trái tim, nó không biết đến yêu thương. Nó không hề có một chút chân tình.

Trong dòng triết học Hy Lạp đã có một thời khá dài những nhà biện luận đã chiếm ưu thế. Họ là những nhà luận lý thực sự, hoàn toàn thuần lý, những kẻ nói láo tài tình. Họ bảo rằng, "Chúng tôi không cần cho bạn biết chân lý là gì. Bạn cứ việc nói với tôi chân lý của bạn là gì, và rồi chúng tôi sẽ chứng minh điều đó." Nhưng nếu đối thủ của bạn chạy đến tìm họ và bảo rằng, "Đây mới là chân lý, tôi sẽ trả tiền gấp đôi," thế là họ cũng sẽ chứng minh đối thủ của bạn là đúng.

Hãy nghe một giai thoại ngắn:

G. K. Chesterton (7) rất nổi tiếng với câu chuyện sau đây: Một tên cướp nhiều mưu kế cuối cùng đã bị quân lính của nhà vua bắt được. Nhà vua, một người rất thích các trò chơi, các câu đố hiểm hóc và đồng thời cũng là một nhà luận lý nổi tiếng, đã đưa ra một vấn nạn cho tên cướp giải quyết sinh mệnh của mình, "Ngươi chỉ được nói một câu thôi. Nếu câu này chứa đựng sự thực trong đó, ngươi sẽ bị xử bắn, còn ngược lại, ngươi sẽ bị treo cổ."

Đây là cái mà người ta gọi là song đề, một thế tiến thối lưỡng nan!

Nhà vua bảo, “Nếu ngươi nói sự thực trong đó ngươi sẽ bị bắn. Chỉ nói một câu thôi, một câu duy nhất. Còn nếu ngươi nói láo ngươi sẽ bị treo cổ.”

Và tên cướp đã chiến thắng nhà vua –vì y cũng là một tay lý luận tài ba- bằng câu trả lời: “Hãy đem tôi đi treo cổ.”

Bạn có hiểu được nội dung của câu chuyện hay không? Nếu câu nói của y đúng thì nhà vua sẽ rất khó xử vì đã bảo rằng, “Nếu câu này đúng ngươi sẽ bị xử bắn.” (tức là không treo cổ y được). Còn nếu đúng là y sẽ bị treo cổ, thì lẽ ra y sẽ phải bị bắn –lúc đó hoá ra câu nói của y là không đúng. Mà nếu không đúng, tức là nói dối, thì theo lệnh của nhà vua, « nếu ngươi nói dối, ngươi sẽ bị treo cổ ». Nhưng nếu đem treo cổ y thì hoá ra câu nói của y lại trở thành sự thật.

Luận lý là như thế. Đó là một trò chơi. Đừng bao giờ nương tựa vào luận lý, đừng bao giờ tin cậy vào triết lý. Vì quá trông cậy vào luận lý và triết lý, con người đã hủy diệt những tính năng phong phú của tôn giáo. Tôn giáo vượt lên trên luận lý và triết lý.

Thiền là một tôn giáo tinh khôi. Đó là một kinh nghiệm thân chứng. Nó mời gọi bạn tham dự vào hiện sinh, cùng nhảy khúc luân vũ với hiện sinh –đó là những gì được gọi là thiền quán. Trong khoảnh khắc mà bạn tan biến đi, cũng có nghĩa là bạn đã hòa điệu cùng với khúc đại luân vũ. Trong khoảnh khắc mà bạn không còn là bạn nữa, bạn trở thành cái ngã của nhất

thể. Vâng, ban đầu chỉ là một khoảnh khắc mà ánh sáng bùng lên rồi bóng tối tan biến và bạn thể nhập vào với khúc luân vũ –cũng cùng chung một vũ điệu mà các vì sao, các hành tinh, mặt trời và mặt trăng, cũng cùng chung một vũ điệu mà bốn mùa luân chuyển rồi mùa xuân đến với trăm hoa đua nở. Một khoảnh khắc đơn thuần đã đưa bạn hòa điệu vào khúc luân vũ này. Để rồi từng tí một bạn trở nên tỉnh thức hơn và nhận ra cái khả năng có thể thể nhập vào đó nhiều hơn. Thế rồi bạn ngày càng trở nên tinh tế hơn để thể nhập vào sâu hơn nữa. Cho đến một ngày bạn bắt đầu an trú trong đó. Đó là ngày mà bạn không còn là bạn nữa và đó cũng là lần đầu tiên bạn mới chính thực là bạn.

Đừng bao giờ để mình còn bị lừa dối bởi những Bergson hay Martin Heidegger hay Carl Gustave Jung.

Câu hỏi thứ ba :

> *Tại sao chúng ta cứ mãi ức chế chính mình một cách tự nguyện để chạy theo những cơ chế tự vệ què quặt ?*

Để sống còn.

Một đứa trẻ không có khả năng tự lực, tự mình nó không thể sống còn. Người ta đã khai thác tình trạng không tự lực được của trẻ con qua hằng bao thế kỷ. Chúng ta đã áp bức trẻ con như là một chuyện đương nhiên. Vâng, những người lao động có thể đã bị áp bức, nhưng không đến nỗi như thế; vâng, phụ nữ đã bị áp bức nhưng không tới mức như trẻ con. Trẻ con là giai cấp bị áp bức lâu dài nhất của nhân loại và hình như quả là điều khó khăn để giải phóng chúng ra khỏi bàn tay của cha mẹ. Hình như đây là điều bất khả.

Trẻ con rất là mỏng manh không thể nào có thể tự hiện hữu. Bạn có thể khai thác điểm này. Bạn có thể bắt trẻ con phải học tập bất cứ điều gì mà bạn muốn –cũng chẳng khác gì công việc của B. F. Skinner (8) được tiếp tục ở trong phòng thí nghiệm. Ông ta dạy chim bồ câu đánh bóng bàn, cũng dùng một thủ đoạn như nhau: ban thưởng và trừng phạt. Nếu chúng chịu tham dự trò chơi, chúng sẽ được thưởng; nếu chúng từ chối hay miễn cưỡng, chúng sẽ bị trừng phạt. Nếu chúng làm đúng, chúng được thưởng - bằng cách cho ăn; nếu chúng làm sai người ta cho điện giật chúng. Ngay cả chim bồ câu cũng có thể được dạy để đánh bóng bàn.

Đây cũng là cách thức được dùng trong những gánh xiệc. Bạn có thể đến đó và xem. Ngay cả sư tử, những con sư tử đẹp đẽ, cũng bị đem đi nhốt cũi, và những con voi thì đi nhịp nhàng theo lệnh của người quản trò. Bọn chúng đã bị bỏ đói rồi được thưởng công nếu làm trò tốt -trừng phạt và ban thưởng. Đây là thủ đoạn muôn đời.

Điều mà người ta làm trong gánh xiệc với súc vật cũng là điều mà bạn đang làm với con cái mình. Thế nhưng bạn đã làm điều đó một cách vô thức bởi vì bạn cũng đã từng được đối xử như vậy; đây là phương cách duy nhất mà bạn biết trong việc huấn luyện và giáo dục cho trẻ nên người. Điều mà bạn gọi là làm chúng « nên người », thật ra, bạn đã hạ chúng xuống, thay vì nâng chúng lên một sinh thể cao hơn bạn lại đẩy chúng xuống thấp hơn. Tất cả những điều này đều là kỹ thuật và thủ đoạn của phương pháp Skinner - bởi vì chúng mà chúng ta bắt đầu ức chế mình một cách tự nguyện và chạy theo những cơ chế tự vệ què quặt.

Một đứa trẻ không hề biết đến chuyện đúng sai. Chúng ta đã dạy chúng điều này. Chúng ta dạy chúng theo tâm ý của chúng ta. Tuy nhiên một điều có thể đúng tại Tây Tạng không hẳn đã đúng ở Ấn Độ; một điều được coi là đúng tại nhà bạn nhưng có thể sai ở nhà hàng xóm. Thế nhưng bạn cứ bắt buộc trẻ con: Điều này là đúng, phải làm theo như vậy. Đứa trẻ được sự tán trợ khi nó làm và khiển trách khi nó không chịu làm theo. Khi nó nghe lời bạn, bạn rất là hả dạ và vỗ về nó, còn ngược lại bạn sẽ nổi tam bành lên hành hạ nó, đánh đập, bỏ đói nó, không yêu thương chúng.

Một cách rất tự nhiên, đứa trẻ bắt đầu hiểu rằng sự sinh tồn của nó đang bị đe dọa. Nếu nó nghe lời cha mẹ thì mọi chuyện đều tốt đẹp; còn nếu không chắc là họ sẽ giết nó không chừng. Và như vậy, đứa trẻ có thể làm được gì đây? Làm sao nó có thể xác định được bản sắc của mình để đối phó với những người đầy quyền lực này? Họ là cái bóng hiện ra lù lù đầy đe dọa. Họ cực kỳ to lớn, khổng lồ, đầy quyền lực và có vẻ như có thể làm được bất cứ chuyện gì.

Đến khi đứa trẻ trưởng thành thì nó đã bị điều kiện hóa. Cái điều kiện này đã ăn sâu vào người rồi cho nên bây giờ cha mẹ đâu còn cần phải đi kèm theo nó nữa. Cái tâm thức bị điều kiện hoá này, mà người ta gọi là lương tâm, vẫn sẽ không ngừng đày đọa y.

Một cách cụ thể, nếu một đứa con trai bắt đầu vọc chơi với bộ phận sinh dục của mình -trẻ con hay chơi nghịch như thế, một niềm vui hoàn toàn tự nhiên, bởi vì thân xác của trẻ con vô cùng nhạy cảm- thì đó không phải là một hành động mang ý nghĩa dục tình theo cái nhìn của người lớn. Trẻ con thường rất sinh động và một cách hết sức tự nhiên, bộ phận sinh dục của nó là nơi tràn đầy sức sống hơn bất cứ bộ phận nào khác của cơ thể. Đây là nơi năng lượng đời sống tích lũy –và là nơi nhạy cảm nhất. Vọc chơi với bộ phận sinh dục, đứa trẻ cảm thấy rất vui thích –nhưng *bạn* thì lại rất lo lắng. Đó chính là vấn nạn của *bạn*. Bạn bắt đầu lo sợ rằng đứa trẻ đang thủ dâm hoặc tương tự như thế. Thật ra không phải như vậy. Chẳng qua chỉ là niềm vui khi đùa nghịch với một phần của thân xác mình. Đó chẳng phải là thủ dâm hay gì cả, chỉ là sự yêu thương thân xác của chính mình.

Đó là tội lỗi của bạn, nỗi lo sợ của bạn. Có phải bạn đang lo lắng rằng có thể có ai đó đã trông thấy con trai của bạn đang làm như vậy rồi họ sẽ nghĩ xấu về chuyện giáo dục con cái trong gia đình bạn? Phải làm cho chúng văn minh hơn. Phải dạy chúng một cái gì đó. Thế là bạn rầy la đứa trẻ bắt phải chấm dứt ngay cái trò chơi này. Bạn la lên, «Chấm dứt !» một lần, hai lần, và nhiều lần như thế. Theo thời gian, chúng biến thành một phần của lương tâm. Chấm dứt, chấm dứt, chấm dứt -những tiếng này càng ngày càng thấm sâu hơn, trở thành một phần vô thức của đứa trẻ.

Bây giờ thì không cần có bạn ở bên cạnh nữa. Mỗi khi đứa trẻ bắt đầu vọc chơi bộ phận sinh dục của mình, sẽ có một tiếng nói nào đó từ bên trong dội lên « Chấm dứt ! » làm đứa bé sợ hãi –có thể cha mình hay mẹ mình đang dòm chừng ở đâu đây- và rồi nó cảm thấy mình đang phạm tội. Và rồi khi chúng ta dạy trẻ rằng Đức Chúa Cha có mặt ở khắp mọi nơi, ngay cả ở trong phòng tắm, đang quan sát xem xét ta. Đứa trẻ sẽ không ngừng lấm lét nhìn khắp mọi nơi.

Cái ý niệm về Thiên Chúa này làm cho con người què quặt. Thế là bạn không bao giờ còn có tự do dù là ở trong phòng tắm của bạn. Không có nơi nào bạn có tự do cả. Cái vị Thiên Chúa toàn năng này đã bám sát theo bạn như một người thám tử đi bắt kẻ gian. Ông ta hiện diện ngay cả khi bạn đang làm tình với phụ nữ. Ông ta không cho phép bạn làm chuyện này. Ông ta là một tay cảnh sát siêu hạng -bổ túc thêm vào cái lương tâm mà các bậc cha mẹ đã tạo ra.

Đó là lý do tại sao mà Đức Phật bảo rằng trừ phi bạn giết chết cha mẹ, bạn sẽ không bao giờ có tự do. Giết chết cha mẹ ở đây có nghĩa là giết chết cái tiếng nói của cha mẹ ở trong bạn, giết chết cái lương tâm hằng đeo đuổi bạn, buông bỏ tất cả những ý tưởng vô nghĩa và bắt đầu sống một đời sống của riêng mình, phù hợp với ý thức của mình. Hãy nhớ rằng, phần ý thức phải được tăng dần, phần lương tâm phải được giảm bớt. Từng bước một, lương tâm sẽ phải hoàn toàn tan biến nhường chỗ cho dòng ý thức sinh động.

Dòng sinh thức này sẽ là quy luật –hãy để cho nó là quy luật duy nhất. Như thế bất cứ cái gì mà bạn cảm thụ, đó là đời sống của bạn. Bạn là người phải tự quyết định. Đó là cuộc đời của bạn mà không phải của ai khác, họ không có quyền quyết định thay bạn.

Tôi không hề bảo rằng lúc nào bạn cũng có quyết định đúng đắn, đôi khi bạn cũng sai lầm. Nhưng đó cũng là một phần tự do của bạn, một phần của sự lớn khôn. Có nhiều khi bạn đi sai đường nhưng điều này hoàn toàn chẳng thành vấn đề -đi lạc lối cũng là một cách thức để quay trở về nhà. Một người không bao giờ lạc lối thì chẳng bao giờ có thể trở về nhà, y đã chết từ lâu. Một người không bao giờ làm điều gì lầm lẫn sẽ không bao giờ cảm thấy lạc thú khi mình làm chuyện đúng. Y chỉ là một tên nô lệ. Một trạng thái nô lệ tâm thần đã hình thành.

Một đứa trẻ đã phải nương tựa vào cha mẹ một thời gian khá dài -tối thiểu là hai mươi hay hai mươi lăm năm. Thật là dài đăng đẳng. Hết cả một phần ba đời người. Trong suốt một phần ba đời người đó y đã bị điều kiện hóa. Hãy suy nghĩ kỹ đi -một người với hai mươi lăm năm bị điều kiện hoá! Bao nhiêu áp lực đã đổ xuống đời y.

Và một khi mà bạn đã được dạy cho cái trò xảo trá này rồi, bạn khó mà quên được. Đó là lý do tại sao thật là điều khó khăn khi phóng mình vào chân lý, khi trở thành một hành giả tầm đạo –*sannyasin*. *Sannyas* có nghĩa là làm một bước nhảy vượt thoát ra khỏi cấu trúc xã hội bao quanh bạn, đó là một bước nhảy quyết liệt -bởi vì bạn không thể nào thoát ra khỏi nó một cách từ từ, chậm rãi. Đó là một bước nhảy lượng tử, bất chấp mọi rủi ro. Chẳng khác gì bạn đang nhảy ra khỏi một ngôi nhà đang cháy –mà quả là ngôi nhà đang cháy thật- để bắt đầu sống một cuộc sống của riêng mình. Dĩ nhiên, lúc ban đầu bạn sẽ không khỏi bị rúng động, bạn sẽ run rẩy rất nhiều lần bởi vì đó là điều tự nhiên khi bạn đối kháng lại cha mẹ, đối kháng lại xã hội. Xã hội chẳng qua cũng chỉ là quyền lực của cha mẹ được nhân rộng ra thôi; trong đó cha mẹ bạn không gì khác hơn là những nhân

viên thừa hành. Tất cả chỉ là một tổ hợp đại âm mưu –cha mẹ, thầy giáo, cảnh sát, quan tòa, tổng thống- tất cả kết hợp cùng nhau trong một âm mưu lớn. Và họ đang nắm vận mệnh tương lai của toàn thể trẻ con.

Một khi mà bạn đã học được điều gì, giải trừ chúng quả thật rất khó khăn. Sau hai mươi lăm năm bị nhồi nhét lập đi lập lại nhiều lần, bạn đã hoàn toàn bị thôi miên. Sự giải trừ thôi miên là điều cần thiết; bạn phải xoá bỏ hoàn toàn những thiết định đã được phủ lên bạn.

Vâng, đó đơn giản chỉ là chuyện sống còn, nhu cầu được tồn tại. Đứa trẻ muốn được sống. Đó là lý do tại sao nó phải bắt đầu biết thỏa hiệp, mặc cả. Đối diện với vấn đề sinh tử, bất cứ ai đều cũng phải mặc cả. Nếu bạn đang nằm chết khát trong sa mạc và ai đó đang có bình nước trong tay. Khi mà bạn đang khát, đang sắp chết đến nơi, y có thể đòi hỏi bạn phải trả với bất cứ giá nào. Y có thể ra lệnh, «Hãy bò đến và hôn chân ta» và bạn sẽ bò, sẽ hôn chân hắn. Y có thể sai khiến bất cứ chuyện gì, y có thể bắt buộc bạn nhiều thứ. Đó là tất cả những gì mà chúng ta đang đối xử với trẻ con hiện nay.

Dĩ nhiên tôi không hề bảo bạn là nên đi tìm giết cha mẹ mình. Họ cũng chỉ là những nạn nhân như bạn thôi. Họ chỉ là những nạn nhân của xã hội này,

của cha mẹ họ. Và những bậc cha mẹ này cũng là nạn nhân của cả một chuỗi dây chuyền dài cay độc đó.

Thế nên những điều tôi nói ra không cố ý biến cha mẹ bạn trở thành những kẻ tội phạm. Hãy nên thương họ vì cùng với bạn họ cũng chỉ là những kẻ đồng hội đồng thuyền. Mà thật ra tình huống của bạn còn khá hơn họ -ít nhất là bạn cũng còn nghe được những tiếng nói khác, ít nhất là cánh cửa đời của bạn cũng được hé mở, ít nhất là có một chút tĩnh thức để bạn có thể thoát ra. Điều đó cha mẹ bạn đã không có được bởi vì họ đã đến với giáo hội, đến nhà thờ, đến Giáo hoàng, đến *shankaracharya* –trong khi đó bạn đã đến với tôi. Đó là điều khác biệt lớn lao.

Giáo hội, Giáo hoàng, đang làm dịch vụ phục vụ xã hội; Chúa Giêsu không làm công việc này, hãy nhớ cho như vậy. Chúa Giêsu không phải là giáo hội, tôi không phải là giáo hội và Đức Phật cũng thế. Lúc Đức Phật còn tại thế, mọi người đã đến với Ngài, họ là những người may mắn. Khi Phật giáo trở thành một giáo hội, nó bắt đầu làm dịch vụ xã hội. Một khi tôn giáo đi vào dịch vụ phục vụ xã hội, một khi tôn giáo trở thành một cơ chế thiết định, nó không còn là một tôn giáo nữa, nó là chính trị. Nhà thờ, đền thờ, thánh đường Hồi giáo đang làm dịch cụ phục vụ xã hội. Mohammed không làm công việc này, các vị *adi shankaracharya* cũng thế, tôi muốn nói đến những vị *shankaracharya* nguyên thủy - thế nhưng những shankaracharyas của Puri và của các giáo phái khác cũng đang làm dịch vụ cho xã hội.

Chỉ mới vài hôm trước đây một vị bác sĩ ở Poona đã viết cho tôi một bức thư. Bằng cách nào đó mà ông ta đã thuyết phục được một trong những vị

shankaracharyas -có bốn vị *shankaracharyas* như thế tiêu biểu cho bốn hướng; tôi không biết đó là vị nào đã được thuyết phục để đến gặp tôi. Dĩ nhiên là ông ta đã đến thăm tôi một cách miễn cưỡng. Điều này cho thấy là vị bác sĩ này rất có ảnh hưởng. Vị *shankaracharya* này chắc là đã trú ngụ tại nhà của ông ta và bằng cách nào đó mà ông bác sĩ đã tìm cách sắp xếp chuyện này.

Ông ta đưa vị *shankaracharya* đến cổng và trong khi đang trò chuyện với Sant, vị *shankaracharya* này trông thấy một hành giả sannyasin đang đi ngang qua, tay trong tay với một hành giả sannyasin khác -một người nam và một người nữ- rất là đằm thắm yêu thương. Ông ta bỗng nhiên nổi giận và bảo, «Đưa tôi ra khỏi nơi đây ngay lập tức. Cái gì vậy? Trò gì đây ? Thế mà dám bảo là tôn giáo hả?» Thì ra chiến tranh thì được chấp nhận, chiến tranh thuộc về tôn giáo, còn yêu thương thì không. Nếu hai người đang giết chóc lẫn nhau thì không có vấn đề -có khi còn được vinh danh là 'jihad', là thánh chiến- còn nếu hai người đang hôn nhau, thì là có vấn đề, là không thể chấp nhận! Điều này không thể được khoan thứ!

Ông ta bảo, «Hãy đưa tôi ra khỏi đây ngay lập tức. Tôi không muốn gặp người này. Hãy nhìn cung cách những đệ tử của ông ta. Họ sẽ hủy diệt cả xã hội này!»

Đúng như vậy! Đó là những điều mà tôi đang nỗ lực để làm. Tôi muốn giật sập cái cấu trúc này. Tôi hết lòng tán trợ yêu thương và chống lại chiến tranh.

Trong những bộ kinh thánh chiến tranh đã được tuyên dương còn tình yêu thì không bao giờ -bởi vì chiến tranh là dịch vụ phục vụ xã hội còn tình yêu thì không. Tình yêu được coi như là cái gì đó cực kỳ nguy hiểm, rất mực nổi loạn. Những kẻ yêu nhau trở thành kẻ phản-xã-hội -bạn hãy nhìn kỹ

mà xem. Khi người ta yêu nhau người ta mãi nhìn vào nhau mà quên bẵng đi cả cái thế giới bên ngoài. Họ quay lưng lại với xã hội. Tình yêu tự nó cũng đã chống-xã-hội. Những kẻ yêu nhau sẽ tan biến vào nhau và không còn bận tâm đến bất cứ điều gì khác. Họ sẽ không mất công đi đến nơi đầu phiếu để bỏ thăm cho bất cứ ai -tại sao lại phải bận tâm đến những chuyện này? Họ cũng không cần phải lắng nghe ông hay bà thủ tướng đang nói cái gì. Họ cũng không thèm ngó ngàng đến báo chí, chỉ là những chuyện xe cán chó diễn ra hàng ngày. Họ dùng thời gian đó để ca hát, nhảy múa và yêu thương –hay là chỉ ngồi với nhau nhìn lên bầu trời để cùng đếm trăng sao.

Đôi mắt họ tràn đầy một năng lượng hoàn toàn khác biệt, một thứ năng lượng với phẩm chất khác biệt. Họ đã không còn hiện hữu trong thế giới này. Họ đã bay bổng đến một nơi nào đó.

Tình yêu luôn luôn là mối nguy cơ cho xã hội, thế nên xã hội đã tìm cách bóp chết nó, tiêu diệt nó bằng những phương cách tế vi. Xã hội còn lại những con người hoàn toàn xơ cứng không tình cảm yêu thương. Những con người này rất dễ dàng uốn nắn, có thể đẩy cho làm bất cứ chuyện gì. Bạn có thể làm cho họ sợ hãi một cách dễ dàng. Hãy nhìn vào cái cơ chế vận hành: Khi bạn đang yêu, không ai có thể làm cho bạn sợ hãi. Không có nỗi sợ trong tình yêu. Thế nhưng khi bạn không yêu ai, bạn đã ở trong nỗi sợ; không có tình yêu thì chỉ còn cái chết, không còn cái gì khác. Chỉ có tình yêu mới có thể vượt qua nỗi chết, chỉ có tình yêu là bất tử -tất cả những gì còn lại trên trái đất này đều không thể vượt qua cái chết.

Cái ông *shankaracharya* đó đã vô cùng phẫn nộ. Sự phẫn nộ này cho thấy rất nhiều điều. Trước hết, ông ta chắc là người bị ẩn ức tình dục. Nếu không, tại sao ông ta lại nổi giận khi thấy đôi trai gái nắm tay nhau? Cô ta có phải là tình nhân của bạn đâu? Tại sao bạn lại phải giận dữ như thế? Nó xúc phạm đến bạn chăng? Có gì sai lầm trong chuyện này? Đây là vấn đề ẩn ức sinh lý. Ông ta chắc chắn có một nỗi sợ hãi tiềm ẩn ở bên trong, đó là nỗi ám ảnh thầm kín riêng tư. Chàng thanh niên kia đã đánh thức dậy nổi ám ảnh này.

Những người này đang phục vụ cho một cơ chế đã thiết định và lẽ dĩ nhiên được hỗ trợ bằng mọi phương cách. Đó là điều chắc chắn. Còn những người như tôi thì không thể nào được hỗ trợ bởi những cơ chế như thế. Chúng ta không hề tham dự vào cái âm mưu của họ. Thật ra họ đã để cho chúng ta sống yên cũng đã là một phép lạ. Cũng chỉ là chuyện chẳng đặng đừng thôi vì thời buổi này người ta đâu có thể giết người theo cái kiểu mà họ đã đóng đinh Chúa Giêsu hay bắt Socrates uống thuốc độc.

Con người đã trưởng thành phần nào, ý thức con người phần nào đã trở nên cảnh giác, tỉnh thức hơn. Đây là thế kỷ hai mươi. Tuy nhiên họ vẫn tìm đủ mọi cách để ngăn chặn, cản trở.

Đây không phải là chuyện tự nguyện. Thoạt trông thì thấy giống như vậy, bởi vì vào thời điểm bạn trở nên cảnh giác thì nó đã thấm sâu vào tận máu huyết, xương tủy của bạn rồi. Thế nhưng đó không hề là chuyện tự nguyện. Không có đứa trẻ nào chịu học bất cứ cái gì một cách tự nguyện – chúng ta bắt buộc chúng và sử dụng cả bạo lực.

Bạn có thể quan sát bất kỳ đứa trẻ nào. Mọi đứa trẻ đều phản kháng, chúng đấu tranh cho đến tận cùng, chúng luôn tìm cách tạo ra những vấn nạn cho cha mẹ, chúng đã vận dụng tối đa phương cách này để thoát ra khỏi cái cơ chế què quặt đó. Nhưng cuối cùng thì cha mẹ cũng kiểm soát được tình thế, bởi vì họ có nhiều quyền lực hơn. Đây chỉ là vần đề của quyền lực và vô quyền, chỉ đơn giản như thế.

Thế nên cũng không phải là điều trái tự nhiên khi đứa trẻ lớn lên chúng bắt đầu phục thù lại cha mẹ. Đây là một phản ứng dễ hiểu. Thật khó mà có thể tha thứ cho cha mẹ -thế nên tất cả mọi xã hội đều dạy dỗ bạn phải kính trọng họ. Vâng, nếu bạn không thể tha thứ cho họ thì hãy kính trọng họ; nếu bạn không thể yêu thương họ thì ít ra cũng nên kính trọng họ. Nhưng cái sự kính trọng này cũng chỉ là chuyện hình thức, giả dối. Trong tận cùng của bạn, vẫn còn ẩn chứa nỗi oán giận.

Nếu những điều mà tôi nói đây được lắng nghe, nếu những điều mà tôi nói đây một ngày nào đó vang vọng đến khắp thế giới, trẻ con lúc đó sẽ yêu thương cha mẹ chúng thật tình, chúng sẽ cùng hòa điệu với cha mẹ bởi vì cha mẹ lúc đó sẽ không còn là kẻ thù của con cái, họ sẽ là những người bạn.

Câu hỏi thứ tư:

Ngài có thể chỉ trong một vài câu ngắn gọn cho chúng tôi biết cái chìa khóa bí mật nhất của Thiền là gì ?

Hãy buông xả.

Đời sống chỉ hiện bày ra một cách rõ ràng nhất nếu bạn không bám chặt vào nó, khi bạn không còn dính mắc với nó, khi bạn không tích lũy, không là tên bủn xỉn, khi bạn thư giãn và sẵn sàng để buông bỏ, khi bàn tay rộng mở, không hề nắm chặt lại.

Đời sống chỉ hiện bày một cách rõ ràng nhất nếu bạn không dính mắc với nó –dù là qua cảm xúc hay ý tưởng. Hãy chạm nhẹ vào và buông xả -đó là cái chìa khóa bí mật, là tất cả bí ẩn, tất cả nghệ thuật. Tất cả cái gì được giữ lại đều hư thối -tất cả mọi thứ, tôi bảo như vậy. Tích lũy cái gì tức là giết chết nó, bạn cứ tích trữ nó và rồi nó sẽ bay mùi sình thối. Lý do rất đơn giản là bất cứ cái gì sống, chuyển động đều chỉ có tính cách nhất thời. Trong khi giữ nó lại, bạn muốn biến nó thành thường hằng bất biến.

Khi yêu một người, bạn muốn chiếm hữu, bạn muốn nó thường hằng. Nó có thể vĩnh cữu nhưng không thường hằng. Phải hiểu rõ chuyện đó. Phải cố gắng để hiểu chuyện đó. Tuy nó chỉ là nhất thời nhưng nếu bạn sống trong một khoảnh khắc hoàn toàn buông bỏ, nó sẽ trở thành vĩnh cữu. Khoảnh khắc mà bạn sống trong trạng thái tâm thư giãn hoàn toàn đó chính là vĩnh cữu.Thế nhưng bạn đã không hề sống trong từng khoảnh khắc, bạn không hiểu thế nào là vĩnh cữu, nên bạn cứ muốn biến nó thành thường hằng, bạn cứ muốn giữ nó lại cho đến ngày mai, cho đến ngày mốt, cho đến năm tới, và đôi khi cho đến cả đời sau. Bạn chỉ muốn tích trữ nó.

Ba từ ngữ sau đây rất là quan trọng: nhất thời, thường hằng, và vĩnh cữu. Trong các tự điển thông tục, tiếng vĩnh cữu có vẽ được định nghĩa như là vĩnh viễn. Điều này hoàn toàn sai. Đây không phải là ý nghĩa của vĩnh cữu, mà là thường hằng. Theo định nghĩa này thì thường hằng trở nên vĩnh cữu. Không phải vậy. Vĩnh cửu không phải là một sự kéo dài, vĩnh cữu là sâu lắng trong một khoảnh khắc. Vĩnh cữu vì thế lại là một phần của nhất thời, nó không hề chống lại cái nhất thời -thường hằng thì đối lập lại. Nếu bạn thể nhập sâu xa vào trong khoảnh khắc, ngưng đọng lại trong khoảnh khắc này, tan biến hoàn toàn vào nó, bạn sẽ nếm được hương vị của vĩnh cữu. Từng khoảnh khắc bạn sống một cách trọn vẹn và thư giãn, đó chính là cuộc sống vĩnh cữu. Vĩnh cữu luôn luôn là hiện tại. Cái bây giờ là một phần của vĩnh cữu, không phải là một đơn vị của thời gian.

Hãy trôi đi – như một ngọn lá trôi theo suối nguồn.

Ba Tiêu (Basho) (9) há đã từng ngợi ca :

Khi ánh chớp bùng lên

Đáng phục thay người đang sống trong vô niệm

Dòng đời như bóng câu

Một bài thơ tuyệt diệu. Đây là nét đẹp tuyệt vời của Thiền gia -bạn không thể tìm được nó ở bất cứ nơi nào. Đây là một cái gì đó rất nhất quán trong

Thiền. Các giáo sĩ, tăng lữ bình thường cũng nói tương tự như thế, rằng cuộc đời là ngắn ngủi, trôi qua nhanh chóng, như bóng câu. Thế nhưng họ đã tạo ra một khao khát níu kéo lại ở trong bạn, họ tạo ra sự tham cầu ở trong bạn. Họ còn tạo ra sự tham cầu vào một thế giới khác: cõi trời, thiên đàng, niết bàn, và bao nhiêu thứ nữa. Cuộc sống này qua nhanh. Trước khi nó trôi qua, hãy dùng thời gian này và tích chứa một cái gì đó cho đời khác –một vài đức hạnh, công đức-*punya*.

Hãy lắng nghe Ba Tiêu:

Khi ánh chớp bùng lên

Đáng phục thay người đang sống trong vô niệm

Dòng đời như bóng câu

Và cũng nhà thơ này :

Mới buổi sáng quạ kêu

Buổi tối đà chợt đến.

Hạt sương đời thoáng qua.

Như đoá hoa phù dung

Đâu cần ai nhận biết

Vẫn tiếp tục đơm hoa

Một đời ngắn trọn vẹn

Hãy để cho câu thơ này thấm sâu vào bạn: *Một đời ngắn trọn vẹn*. Ngắn ngủi nhưng trọn vẹn. Đoá hoa phù dung rất được Thiền gia ưa chuộng bởi vì nó nở vào buổi sáng và tàn lụi vào buổi chiều. Mới buổi sáng nó có mặt ở đó, tươi đẹp làm sao, chân thực nhường nào nhưng khi chiều đến thì cánh hoa đã tàn úa, rơi rụng xuống mặt đất, sẵn sàng tan biến vào hư không.

Hoa phù dung là một biểu tượng chân thực của đời sống. Vào buổi sáng nó nở hoa và trong cái mảnh đời nhỏ bé ngắn ngủi đó, nó đã sống rất là trọn vẹn, rất hoàn chỉnh. Không có bất kỳ một khiếm khuyết nào. Chỉ một vài khoảnh khắc như thế là đủ, là đạt đến vĩnh cữu.

Bạn có thể sống đến bảy mươi năm nhưng bạn không hề sống chút nào. Kẻ tích trữ không bao giờ sống, kẻ bủn xỉn không bao giờ sống.

Bạn hỏi tôi : *Ngài có thể chỉ trong một vài câu ngắn gọn cho chúng tôi biết cái chìa khóa bí mật nhất của Thiền là gì ?* Hãy buông xả, Hãy chạm nhẹ vào và buông xả.

Dogen (10) trình với sư phụ: «Con đã thực chứng được việc buông bỏ thân tâm.»

Thiền sư Nayojo la lên, «Thế thì ngươi còn chờ đợi gì nữa mà không buông bỏ luôn cái buông bỏ đó ?»

Dogen thoáng một chút lưỡng lự, ông ta chưa hiểu nổi. Vị thiền sư gõ mạnh vào đầu ông ta –Thế là Dogen cười phá lên. Dogen đã chứng ngộ. Ông ta qùy xuống trước sư phụ và vị Thiền sư tiếp, «Đó là buông bỏ cả sự buông bỏ.»

«Đó là buông bỏ cả sự buông bỏ.» Đấy mới là sự thư giãn hoàn toàn. Đấy mới là sự buông xả hoàn toàn. Ngay cả niết bàn cũng phải được buông bỏ. Ngay cả Thượng đế cũng phải được buông bỏ. Buông bỏ luôn cả tinh thần, cả thiền quán. Thiền quán chỉ hoàn hảo khi nào thiền quán được buông bỏ. Khi bạn đạt ngộ bạn cũng quên luôn cả sự giác ngộ. Đây mới đúng là hoàn toàn thư giản, là buông xả thật sự.

Ngay trước khi viên tịch, ở vào tuổi sáu mươi, thiền sư Bashui (11) bỗng ngồi dậy trong tư thế kiết già và nói với những người tụ tập chung quanh, «Đừng để bị lừa dối. Cứ nhìn thẳng vào. Cái gì đây ?» Vị Thiền sư đang hấp hối. Mọi người đang ở trong tình trạng canh chừng. Họ nghĩ là ông sắp qua đời nhưng rồi bỗng dưng ông ngồi dậy trong tư thế kiết già. Đây là điều không ai ngờ. Có thể họ đang ngủ gà ngủ gật, nhưng bây giờ thì hẳn là họ phải tỉnh người dậy, không còn lơ mơ nữa. Cái ông già này đang làm gì đây? Và họ nghe ông ta la lớn đến ba lần : «Đừng để bị lừa dối. Cứ nhìn thẳng vào. Cái gì đây?» Rồi ông ta cười sảng khoái, hoàn toàn thư giản, té xuống và qua đời.

Chết trong một phong cách thư thái như thế và sống trong một phong cách thư thái như thế được gọi là Thiền –đó là tất cả bí ẩn, tất cả nghệ thuật.

Câu hỏi thứ sáu :

Như vậy một điều khá rõ ràng là Thượng Đế không hiện hữu và những phù thủy cũng không hiện hữu. Thế còn một người giác ngộ ?

Tôi chưa hề được nghe nói đến bất cứ ai.

Câu hỏi thứ bảy :

Bhagwan, tại sao Ngài không đánh thức tôi ngay từ bây giờ ?

Bởi vì ngay lúc này bạn chưa phải là bạn. Nếu tôi đánh thức bạn có thể làm ai đó thức dậy.

Hãy nghe giai thoại sau đây.

Một người chào hàng đi ngang qua một thành phố lớn của miền Nam, đang tìm một khách sạn để trú chân qua đêm. Trời đã chạng vạng tối và y thì đã trải qua một ngày làm việc mệt nhọc, nhưng tìm đến khách sạn nào cũng đều bị hết chỗ. Y lội kiếm khắp nơi và cuối cùng, rất mực tuyệt vọng, lần đến một khách sạn tồi tàn nằm trong khu ổ chuột có tấm bảng treo trước cửa: "Chỉ dành cho người da màu."

Viên quản lý từ chối thẳng thừng: “Yeah. Ở đây còn phòng nhưng ta không bao giờ cho cái bọn da trắng khốn nạn mướn đâu!”

Bước trở ra, lội bộ hơn cả dặm đường vẫn không tìm được chỗ nào, y nảy ra ý tưởng. Y chạy đi mua một hộp kem đánh giày màu đen, vào phòng vệ sinh, bôi trét lên mặt mũi và đôi tay, xong quay trở lại cái khách sạn hồi nảy, bảo người quản lý: “Này, người anh em, còn phòng nào trống không?”

Viên quản lý chấp nhận và y khoan khoái rơi vào giấc ngủ sau khi không quên nhờ người quản lý đánh thức mình dậy đúng vào lúc 6 giờ vì y sẽ phải đáp chuyến bay vào lúc 7 giờ.

Buổi sáng có tiếng dộng cửa phòng và tiếng người quản lý dội vào: “Thức dậy, thức dậy. Bảy giờ kém 15 rồi. Tôi quên mất việc đánh thức ông bạn.”

Thế là y hối hả chụp lấy túi xách, nhảy vội vào taxi phóng đến phi trường, võn vẹn chỉ còn đúng 3 phút trước khi phi cơ cất cánh. Chộp vội tấm thẻ lên tàu và khi chạy đến cửa y bị người tiếp viên chặn lại: “Chuyến bay này không có chỗ cho bọn đen.”

“Nhưng tôi không phải da đen! Tôi không phải da đen!” Người chào hàng kêu lên, “Rồi tôi sẽ chứng minh cho thấy!” Y đâm bổ vào phòng vệ sinh chùi tay và mặt như điên. Nhưng không dễ gì chùi sạch được màu đen. Y lại tiếp tục kỳ cọ và khi nhìn vào tấm gương, y rên lên: “Trời đất ơi! Chắc là lão quản lý đánh thức lộn người rồi!”

Thế nên cứ việc thong thả. Tất cả mọi chuyện đều đúng thời đúng lúc. Không có gì phải hấp tấp và không nên mất kiên nhẫn.

Đã không thiếu những trường hợp xảy ra là một người ngẫu nhiên tỉnh thức. Thế là y phát khùng lên, y nhất định phải phát khùng. Y không có khả năng để tiếp thụ một điều lớn lao như thế. Nhưng mà chuyện này vẫn thỉnh thoảng xảy ra. Có không biết bao nhiêu người chung quanh thế giới này –ngay cả phút giây hiện tại- đã phát khùng lên như thế khi bị rơi vào một cái gì đó mà họ chưa sẵn sàng để tiếp thụ. Những nhà huyền môn Sufis biết rất rõ chuyện này.

Tại Ấn, những người này được gọi là *mastas* -những người khùng, "mát" giây -những người rất tuyệt vời nhưng bất định hướng. Thế giới đã rời xa, cơn ác mộng xưa đã tắt, nhưng một bình minh mới vẫn chưa xuất hiện. Bóng đêm qua rồi nhưng ngày còn chưa đến thế là họ lửng lơ ở khoảng giữa, trong một trạng thái u u minh minh.

Phải đúng thời và đúng lúc -vị Thiền sư là người không ngừng tìm kiếm cái khoảnh khắc đúng lúc này. Chỉ ngay trong khoảnh khắc đó mới có thể có sự bùng vỡ, ngoài ra bộ thần kinh của bạn sẽ không có đủ khả năng để tiếp thụ nó. Nó quá mức cho một vụ nổ bùng trí tuệ, nó sẽ làm bạn vỡ tung ra thành từng mảnh. Trừ phi sự tỉnh thức xảy đến đưa bạn hòa điệu vào trong một thể thống nhất, nó sẽ không mang một ý nghĩa nào cả. Chỉ tỉnh thức đơn thuần sẽ không giúp gì cho bạn, nó đồng thời phải được biến thành một thể thống nhất. Bạn tỉnh thức và đồng thời trở thành trung tâm của tỉnh thức này. Còn nếu như sự tỉnh thức của bạn làm bạn vở vụn ra từng mảnh, đánh mất đi cái nhất thể của bạn, nó sẽ chẳng ích lợi gì cả, chẳng có giá trị gì cả.

Như vậy thà rằng sống trong tình trạng cũ vẫn còn hơn bởi vì lúc đó bạn còn có thể vùng vẫy, còn có thể cố gắng để thử -bây giờ thì bạn còn cơ hội nào để thử nữa đâu.

Một trong những bậc Thầy vĩ đại của thế kỷ này, Meher Baba (12), đã làm việc không ngừng cho những người khùng này trong rất nhiều năm. Ông đã tới lui khắp cả xứ Ấn Độ. Đây là một trong những công việc hiếm hoi mà ta ít thấy một vị Thầy nào đã làm –đi tìm kiếm những người khùng, những người không còn tự mình làm được bất cứ công việc gì, những người đã mất hết tất cả lý trí. Cái bản ngã của họ đã vỡ ra nhưng mà tâm thức vô ngã chưa xuất hiện. Một cách đơn giản, họ sống trong trạng thái thụ động, không biết mình là ai, không biết mình đang ở đâu, không biết mình đang làm gì.

Meher Baha đã đi khắp xứ Ấn Độ, suốt từ làng này qua làng khác, để tìm kiếm những người khùng này –ông ta đã tìm được rất nhiều người và cũng đã giúp đỡ rất nhiều người. Chỉ có những bậc Thầy mới có đủ khả năng để giúp đỡ những người này bởi vì họ hoàn toàn không thể tự lo liệu được, họ chẳng khác gì những đứa trẻ. Bạn phải đút cho họ ăn. Họ có thể ăn ở đó, bài tiết ở đó, và nằm lăn ra ngủ luôn cũng tại chỗ đó. Họ chẳng có ý thức phân biệt nào cả. Đối với những người này, vị Thầy có thể kéo lùi họ trở lại với cuộc sống bình thường để họ có thể bắt đầu cuộc hành trình tâm linh trở lại hoặc cố gắng kéo họ lên một cung bậc cao hơn. Nhưng đây là những công việc vô cùng khó khăn, vô cùng phức tạp.

Bề nào thì bạn cũng không nên mất kiên nhẫn. Tin vào đời sống. Tin một cách sâu xa. Mọi chuyện rồi chắc chắn sẽ phải xảy ra ngay cái khoảnh khắc đúng lúc này. Không cần phải khao khát chuyện đó.

Câu hỏi thứ tám:

Tôi được nghe nói rằng người mà ta yêu thật sự không bao giờ hiện hữu mà chỉ là một sự phóng chiếu được nhìn qua lăng kính của tâm lên bất cứ cái gì mà nó thẩm tra cảm thấy phù hợp và ít méo mó nhất. Ngài có thể giải thích thêm về vấn đề này?(13)

Câu hỏi này từ Neeravo.

Câu hỏi này không cần để giải thích thêm. Điều bạn nghe tuyệt đối đúng. Chuyện nó là như vậy. Đó là một sự thực khá đơn giản.

Chúng ta cứ tiếp tục phóng chiếu, chúng ta cứ tiếp tục nhìn những gì mà chúng ta muốn nhìn. Chúng ta không bao giờ chịu chấp nhận thực tại đúng y như vậy. Chúng ta không bao giờ chấp nhận nó được phản chiếu vào tấm gương soi của ta. Chúng ta cứ tiếp tục mang theo những ý nghĩ, ham muốn, tư tưởng, và tiếp tục phóng chiếu chúng.

Điều này xảy ra nhiều hơn trong tình yêu bởi vì khi yêu bạn hầu như đang phiêu du trên chín tầng mây. Bạn ở trong trạng thái lâng lâng như đang xài ma túy, trong bạn như có chất kích thích tố tuôn tràn, như có những phản ứng hóa học đang xảy ra. Bạn bị tác động bởi những phản ứng hóa học này và nhìn mọi việc khởi đi từ đó. Bạn trở thành một người hoang tưởng, một kẻ đang nằm mộng. Và người mà bạn đang yêu chẳng hề có trách nhiệm gì về chuyện này. Chàng hay nàng có thể chỉ là một tấm màn hình. Người gặp rắc rối chắc chắn là bạn mà không ai khác.

Khi tình yêu xảy đến với một tâm thức như thế thường mang đến khổ nạn –đó là lý do tại sao lại có quá nhiều khốn khổ trên thế gian này. Thế nên trước khi tình yêu thực sự xảy ra ta cần phải hết sức lưu tâm. Ta phải ở trong tình trạng tỉnh táo để không còn một áng mây mờ che phủ trước mắt ta và như vậy ta sẽ nhìn người ta yêu một cách trung thực.

Nhưng trước khi nhìn người trung thực ta cũng cần phải nhìn lại mình một cách trung thực như thế. Đó là bước đầu tiên phải được thực hiện trong trạng thái tự phản tỉnh, đầy tự giác –có như vậy bạn mới không còn phóng chiếu. Và rồi một khi cái máy chiếu ngưng lại, không còn hoạt động, đó là lúc bạn nhìn người với những hình ảnh chân xác nhất. Lúc đó sẽ không bao giờ còn bực bội thất vọng nữa -bởi vì bạn đã hiểu rõ người ấy. Bạn đã hiểu rất kỹ. Nếu bạn đi đến quyết định thì đó chính là chọn lựa của bạn, một chọn lựa đầy hiểu biết, cân nhắc với ý thức soi sáng. Và rồi bạn sẽ biết việc gì sẽ xảy ra. Tất cả đều đã được soi chiếu trong bạn. Bạn không còn phải chán nản thất vọng.

Chán nản thất vọng bắt nguồn từ hoài vọng mà hoài vọng chỉ là phóng chiếu của chúng ta. Tất cả mọi thứ tình yêu thương đều đưa đến chán nản thất vọng ngoại trừ tình yêu thương đặt căn bản trên quán tưởng.

Câu hỏi thứ chín:

Những hành trình tìm kiếm nào được xem là không do cái đầu phát khởi?

Tất cả mọi hành trình tìm kiếm đều phát khởi từ cái đầu. Những hành trình như thế đều là sản phẩm của trí óc. Trái tim không đi đâu hết. Nó không hề biết đến một cuộc hành trình, hành hương nào cả. Nó là BÂY GIỜ và Ở ĐÂY.

Khi tất cả mọi hành trình này tan biến đi, bạn đến đích. Hành trình tìm kiếm đưa bạn ngày càng rời xa chân lý. Thế nên bất cứ bạn đang đi đến nơi đâu, bạn đang đi với sự trợ lực của cái đầu. Cái đầu chẳng khác gì con ngựa. Bất cứ nơi nào mà bạn muốn đến –không cần biết đó là Đề-Li, Hoa-Thịnh Đốn hay thiên đàng- cái đầu là con ngựa, nó sẽ đưa bạn đến. Vâng, nó đưa bạn đến khắp hết mọi nơi ngoại trừ nơi mà bạn đang có mặt. Muốn đến chỗ này bạn không còn cách nào khác hơn là giết bỏ con ngựa, phải giết con ngựa này đi, phải là tên sát nhân loại trừ cái tâm viên ý mã này không thương tiếc.

Bạn phải sống trong vô niệm. Khi trí đã buông, tâm tĩnh lặng, bạn đâu còn có thể đi đến chỗ nào? Bạn là BÂY GIỜ và Ở ĐÂY, và đó cũng chính là Thượng Đế, là niết bàn.

Câu hỏi thứ mười:

> *Ngài yêu thương chúng tôi nhưng mà thực ra Ngài có thích chúng tôi không?*

Đây đúng là một câu hỏi quái quỷ! Tôi yêu thương bạn chuyện hẵn nhiên rồi nhưng tôi không thể thích bạn bởi vì tôi không thể không thích bạn.

Thích và không thích là một phần của tâm phân biệt, của nhị nguyên tính – khi bạn đứng về một phía. Thích và không thích là một phần của sự lựa chọn. Tôi không lựa chọn. Tôi yêu thương bạn nhưng tôi không thể nói thích bạn bởi vì tôi không thể nói rằng tôi không thích bất kỳ ai đó. Thích và không thích luôn gắn chặt với nhau. Nếu tôi phải thích ai đó thì tôi cũng sẽ phải không thích ai đó, và như vậy luôn luôn có một cái giá phải trả.

Đây là câu hỏi của Rakesh. Nếu tôi yêu thương Rakesh chuyện đó sẽ không có vấn đề với bất cứ ai khác. Tôi có thể yêu thương tất cả mọi người như nhau. Tôi có thể yêu thương tất cả mọi sinh thể. Yêu thương Rakesh không hề có sự cạnh tranh; yêu thương Rakesh tôi không bị buộc phải khước từ ai ra khỏi tình yêu thương của tôi. Tình thương yêu vô cùng bao la có thể chứa đựng được tất cả.

Trong khi "thích" thì rất là hạn hẹp. Nếu tôi thích Rakesh thì có thể tôi sẽ phải không thích Big Prenn –vì quả là điều khó khăn khi chọn lựa cả vợ lẫn chồng. Không, tôi không hề thích và cũng không hề không thích. Tôi yêu thương bạn, chắc chắn là yôi yêu thương bạn.

Câu hỏi thứ mười một:

Không có thật, cũng không có giả,
Nó là gì, nó được hiện bày.
Ai cũng có thể đồng ý điều sau đây
rằng một cái cây là một cái cây,
nhưng con chó có nghĩ như thê?

Đây là câu hỏi của Satprem.

Không có thật, cũng không có giả,
Nó là gì, nó được hiện bày.

Đấy là chân lý. *Nó là gì, nó được hiện bày*. Đó là tất cả ý nghĩa của chân lý.

Ai cũng có thể đồng ý điều sau đây
rằng một cái cây là một cái cây,
nhưng con chó có nghĩ như thế?

Con chó nghĩ rằng cái cây là nhà cầu để nó đi tiểu!

Và câu hỏi cuối cùng:

> *Bhagwan, làm sao chúng tôi có thể biết chắc lúc nào thì Ngài nói đùa còn lúc nào Ngài nói chuyện nghiêm túc?*

Bất cứ lúc nào tôi đang nghiêm túc biết rất rõ là tôi đang đùa cợt và bất cứ lúc nào tôi đang đùa giỡn biết rất rõ là tôi đang nghiêm túc.

Tôi chỉ đùa vì vấn đề rất mực nghiêm túc và đó là cách thế duy nhất để nói về nó. Bằng không, quả thực là rất khó, vô cùng khó khăn. Mà tôi thì không phải là người bạo động.

Vâng tôi hiểu được những vấn nạn của bạn. Tôi đã làm bạn bối rối.

Tổng Thống Abraham Lincoln thường hay kể chuyện tếu sau đây về mình. Ông ta nổi tiếng là vị tổng thống khéo pha trò của Mỹ lúc đó.

Hai bà Tin Lành giáo phái Amish đang nói chuyện với nhau.
"Bồ nghĩ là ai sẽ thắng cuộc chiến tranh này?" một người hỏi.
"Miền Nam," người bạn trả lời.
"Tại sao?"
"Bởi vì nghe đâu Jefferson Davis là người luôn cầu nguyện."
"Nhưng mà ông già Abraham cũng luôn cầu nguyện mà?"
"Thì đúng như vậy. Nhưng mà Chúa sẽ nghĩ là ông già Abe đang đùa."

Vâng, đó cũng là vấn nạn của tôi đối với Thượng Đế. Thỉnh thoảng tôi cũng không thể làm cho Thượng Đế tin là tôi đang nghiêm túc, còn bạn thì sao? Đây là bản tính tự nhiên thôi. Nhưng mà tôi sẽ cho bạn sự gợi ý này: Bất cứ lúc nào mà tôi đang đùa cợt bạn có thể chắc chắn rằng lúc đó tôi đang nghiêm túc và bất cứ lúc nào tôi đang nghiêm túc bạn có thể chắc chắn rằng lúc đó tôi đang đùa cợt.

CHÚ THÍCH của DỊCH GIẢ:

(1) **Henri-Louis Bergson** (18-10-1859, 1941) Triết gia nổi tiếng và có nhiều ảnh hưởng của Pháp. Viện sĩ Viện Hàn Lâm Pháp Quốc và giải thưởng Nobel về Văn chương năm 1927.

(2) **Martin Heidegger** (1889-1976) Triết gia người Đức, được xem như là người khai sáng chủ thuyết "hiện sinh hiện tượng học" và là một triết gia lớn của thế kỷ 20. Ông sinh ngày 22-9-1889 tại Messkirch, Baden. Theo học Thần học Thiên Chúa giáo và Triết học tại Đại học

Freiburg và bắt đầu giảng dạy tại đây năm 1915 và trở thành giáo sư thực thụ vào năm 1928. Ông mất tại Messkirch vào ngày 26-5-1976.

(3) **Indira Gandhi** (1917-1984): Là con gái duy nhất của Thủ tướng Nehru, bà Gandhi sinh ngày 19-11-1917 tại Allahabad. Tốt nghiệp DH Oxford, bà được coi như là một cố vấn thân cận của thân phụ nhưng chỉ chính thức tham gia vào hoạt động chính trị năm 1964 sau khi đắc cử vào Quốc Hội và nắm giữ chức vụ Bộ Trưởng Truyền Thông rồi trở thành vị nữ thủ tướng đầu tiên của Ấn Độ. (1966-1977 và 1980-1984). Bà bị ám sát vào ngày 31-10-1984 bởi hai vệ sĩ thân tín người Sikh trong khi đang còn tại chức.

(4) **Vinoba Bhave** (1895-1982): Sinh ngày 11-9-1895 tại Maharashtra, ông được xem như là một nhà lãnh đạo tinh thần (Ấn Độ giáo), một học giả và cũng là một chiến sĩ đấu tranh cho tự do rất nổi tiếng tại Ấn Độ. Sau khi gặp gỡ Thánh Gandhi (7-6-1916) ông đã trở thành người ủng hộ nhiệt thành và sát cánh cùng Gandhi trong công cuộc đấu tranh bất bạo động dành độc lập cho Ấn Độ. Từ năm 1966, ông từ bỏ các hoạt động thế tục, chuyên về tu dưỡng tinh thần và mất vào ngày 15-11-1982.

(5) **Carl Gustav Jung** (1875-1961): Jung sinh ngày 26-7-1875, tại ngôi làng nhỏ Kessewil của Thụy Sĩ. Ông theo học Y Khoa tại University of Basel dưới sự hướng dẫn của nhà thần kinh học nổi danh Krafft-Ebing và đó là lý do mà Jung quyết định đi hẳn vào ngành phân tâm học. Ảnh hưởng sâu đậm bởi Freud nhưng sau đó Jung tách rời Freud và đi sâu vào lãnh vực mà ông gọi là phân tâm học tổng hợp Sau cuộc gặp gỡ với Sigmund Freud năm 1907, ông đã chịu ảnh hưởng sâu đậm bởi Freud và được Freud xem như là kẻ kế thừa. Nhưng vào khoảng đầu năm 1909, nảy sinh sự bất đồng ý kiến giữa hai người về khái niệm vô thức. Theo quan điểm của Freud, vô thức

cốt yếu là trung tâm của phi lý tính, phần lớn gồm những cái bị dồn ép, những dục vọng bản năng như những động lực loạn luân, ham muốn về xác thịt. Đó là một cái hầm phần lớn chứa những thói xấu của con người. Trong tư tưởng của Jung, vô thức cốt yếu là trung tâm của những căn nguồn thâm trầm nhất của trí huệ, của những tiềm năng sáng tạo. Khác với Freud khảo cứu căn cứ trên trí năng và khoa học truyền thống, Jung thiên về tâm thần luận, chú trọng khía cạnh tâm linh, huyễn ảo, và quan tâm đến ý nghĩa hàm chứa trong các hình ảnh kỳ lạ do bệnh nhân của ông phác họa và mộng tưởng. Ông mất vào ngày 6-6-1961 tại Zurich.

(6) **Ramana Maharshi** (1879-1950) được xem là một bậc thánh vĩ đại của Ấn Độ giáo trong thời cận đại. Sinh tại Madurai, nam Ấn Độ, ban đầu Maharshi theo học Trung học tại một trường truyền giáo Hoa Kỳ, nhưng đến tuổi 16, bỗng dưng ông mặc khải một năng lực huyền nhiệm và bắt đầu đi sâu vào lãnh vực tôn giáo, tín ngưỡng, và được tuyên xưng như là một bậc tôn sư Ấn giáo trong truyền thống Vệ Đà. Ông đưa ra phương pháp tự-vấn bằng cách quán từng niệm của mình để tìm nguồn gốc. Ban đầu hành giả cần nhiều công phu, nhưng khi đi sâu vào, cái ngã sẽ dần biến mất, lúc đó tâm và trí hoà điệu thành nhất thể.

(7) **G. K. Chesterton** (1874-1936): Sinh ngày 29-5-1874 tại London, Anh. Là một ký giả chuyên nghiệp đồng thời cũng là nhà văn nổi tiếng trong mọi thể loại văn chương, bạn thân của các nhà văn George Bernard Shaw và H. G. Wells. Tuy không thiên về chính trị, nhưng một bài báo nổi tiếng của ông đã gợi ý cho việc hình thành chủ nghĩa ái quốc của Thánh Gandhi. Chesterton mất vào ngày 14 tháng 6, 1936 tại Beaconsfield, Buckinghamshire để lại một sự nghiệp văn chương với 69 tác phẩm.

(8) **B. F. Skinner** (1904- 1990): **Burrhus Frederic Skinner** sinh ngày 20-3, 1904 tại Pensylvania (HK). Tốt nghiệp Tiến sĩ Tâm Lý học tại Harvard (1931). Sau một thời gian dạy học tại DH Minesota, ông được mời làm Khoa Trưởng Phân Khoa Tâm Lý học tại Indiana University (1945), rồi DH Harvard (1948) mời ông trở lại làm công tác nghiên cứu cho đến cuối đời. Ông nổi tiếng về những thí nghiệm liên quan đến điều kiện hoá tác động lên hành vi của con người và là tác giả của rất nhiều tác phẩm về Tâm lý học. Ông mất vào ngày 18-8-1990 vì bệnh hoại huyết và được xem như là nhà Tâm lý học nổi danh không kém gì Freud của thế kỷ 20.

(9) **Basho** (Ba Tiêu) là bút hiệu của Matsuo Munefusa (1644-94), một thi sĩ nổi tiếng về thể loại thơ hài cú (haiku) trong văn học Nhật Bản. Ông nguyên là một võ sĩ đạo, nhưng kể từ năm 1466 (22 tuổi), ông đã từ bỏ tất cả để trở thành một thi sĩ. Chịu ảnh hưởng Phật giáo, thơ hài cú của ông phản ảnh màu sắc thiền quán. Những khi cần yên tĩnh một mình, ông rút vào cái chòi làm bằng lá ba tiêu (cây chuối lá) và từ đó có bút hiệu là Ba Tiêu.

(10) **Eihei Dogen zenji** - Thiền Sư Đạo Nguyên (1200-1253): Sáng lập dòng Thiền Tào Động Nhật Bản. Năm 13 tuổi Ngài thụ giới Tỳ kheo theo phái Thiên Thai với Thiền sư Yosai (Eisai) và sau đó với người thừa kế, Thiền sư Myozen. Năm 1223 Myozen cùng với Dogen hành hương thăm viếng Trung Quốc, Thiền sư Myozen viên tịch tại đây còn Dogen thì theo học với Ngài Rujing và được truyền tâm ấn của phái Tào Động. Ngài trở về Nhật Bản năm 1227 và thiết lập dòng Thiền Tào Động tại đây.

(11) **Bashui** hay **Bassui Tokusho** -Bạt Đội Đắc Thắng (1327-1387) là một vị Đại Thiền sư Nhật Bản. Mẹ Ngài được tiên đoán rằng Ngài là ma qủy đầu thai, sau này sẽ giết cha giết mẹ, nên khi vừa mới

sinh ra Ngài đã đem đi liệng bỏ ngoài đồng, nhưng rồi một người đầy tớ đã bí mật cứu Ngài đem về nuôi dưỡng. Mới 7 tuổi Ngài đã tỏ ra thông minh đĩnh ngộ phi thường, thường đưa ra những câu chất vấn về triết học và tôn giáo mà không ai trả lời nổi. Theo học đạo với ngài Cô Phong (Koho) một danh tăng lỗi lạc đương thời và được đặt pháp hiệu là Bassui (hơn mức trung bình), nhưng với bản tính độc lập, Ngài thường vào chốn rừng rậm núi cao và đôi khi treo mình vào cành cây cao để có thể tỉnh ngủ suốt đêm và thiền quán. Ban đầu Ngài không thâu nhận đệ tử, nhưng rồi trước sự thỉnh cầu của hàng ngàn tăng chúng, Ngài đành phải nhượng bộ. Thiền sư Bassui nổi tiếng với công án: "Ai là ông chủ?". Muốn biết thêm về Thiền sư Bassui, độc giả có thể tìm đọc Philip Kapleau's *Three Pillars of Zen*, trang 155-186.

(12) **Meher Baba** (1894 - 1969) có nghĩa là "Con Người Từ Bi Vô Lượng", tên thật là Merwan S. Irani. Được xem như là một vị tôn sư lớn của nhân loại. Sau khi chứng ngộ, trong suốt 44 năm hành hoạt cho đến ngày nhắm mắt, Meher Baba hoàn toàn tịnh khẩu. Bên cạnh những hoạt động tinh thần ông còn dấn thân tích cực vào các hoạt động xã hội cứu giúp những người khùng, tàn tật và nghèo khổ. Tuyên bố rằng sứ mệnh của ông đã hoàn tất 100%, ông lìa bỏ xác thân vào ngày 31-1-1969. Thi hài của ông được an táng tại Meherabad Hill ngoại ô Ahmednagar, India (khoảng 200 dặm Đông Bắc Bombay (Mumbai).

(13) Một nhà thơ Việt Nam đã diễn tả ý nghĩa này trong 2 câu thơ:

"Có phải em là người không bao giờ tôi gặp

Mới là người tôi ấp ủ trong tim…"

CHƯƠNG 7
Nhịp Đập của Vũ Trụ

Nhịp Đập của Vũ Trụ

Xưa có một người đang đứng trên một đỉnh đồi cao. Ba người khách bộ hành đi ngang qua trông thấy ông ta từ đằng xa và bắt đầu lên tiếng tranh cãi. Một người cho rằng, "Có lẽ ông ta đang lạc mất con gia súc mà ông ta ưa chuộng." Người kia cãi lại, "Không đâu, chắc là ông ta đang trông chờ người bạn đấy thôi." Người thứ ba không đồng ý: "Ông ta lên đứng đó để thưởng thức không khí trong lành đó mà."

Ba người bộ hành chẳng ai đồng ý với ai và tiếp tục cãi nhau cho đến khi họ lên đến đỉnh đồi chỗ người kia đang đứng. Người thứ nhất lên tiếng hỏi: "Này ông bạn, đứng trên đỉnh đồi trông ngóng, phải chăng ông bạn bị lạc mất con gia súc nào chăng?" "Thưa Ngài, tôi không lạc mất con gia súc nào cả."

Người kia hỏi tiếp: "Thế chắc là ông bị lạc mất người bạn chứ gì?" "Thưa Ngài, tôi cũng chẳng có người bạn nào bị lạc cả."

Người thứ ba hỏi: "Như vậy chắc ông bạn đang đứng hóng gió ?" "Không phải vậy đâu, thưa Ngài."

"Tất cả các câu hỏi của chúng tôi ông bạn đều trả lời là không phải, vậy ông bạn đứng đây làm gì vậy?"

Người đàn ông trên đồi trả lời: "Thì chỉ đứng chơi vậy thôi mà."

Thiền là gì? Thiền là sống trong một sự hòa điệu -cả nội tại lẫn ngoại giới. Thiền là sống trong tình trạng chan hòa. Thiền là hoà điệu sống.

Con người lạc lối vì đã đánh mất sự hoà điệu này. Y ở trong tình trạng bị xâu xé; bị lôi đi mọi hướng khác nhau trong cùng một lúc. Y không còn là một cá thể mà đã trở thành người của đám đông. Đám đông thì không còn ở trong thiền. Không là đám đông mà chỉ là một tức là ở trong thiền. Lúc đó chỉ có một thực thể duy nhất và ngay cả cái duy nhất này cũng không còn tồn tại nữa… Đông phương gọi tình trạng này là bất nhị, không phải là nhất thể. Chúng ta đã phải tạo ra hai chữ "bất nhị" này để diễn tả, để chỉ rõ rằng đây không phải là nhị nguyên, thế thôi. Hai không còn hiện hữu, cái đám đông tan biến đi, và dĩ nhiên cùng với cái đám đông, cái nhất thể cũng ta biến theo. Cái một chỉ hiện hữu trong cái nhiều.

Thông thường con người là đám đông, là tập thể. Con người không hề là chính nó bởi vì ở hắn không có sự hợp nhất. Tất cả chỉ là những mảnh vụn, không được hợp thành, không bao giờ là một khối.

Thiền là trở thành một khối và khi bạn là một khối nguyên vẹn, bạn trở nên an lạc.

Thế nên điều trước tiên là người ta phải đạt đến sự hoà điệu này ngay chính từ trong nột tâm và rồi sau đó ra ngoại giới. Bản thân y trước hết phải trở thành một khối hòa điệu để có thể bắt đầu có cùng chung một nhịp đập với một khối hòa điệu lớn hơn của vạn hữu.

Như vậy Thiền bao gồm hai bước đi. Bước thứ nhất là không có sự xung đột nội tại, không cho phép một cuộc chiến nào kéo dài âm ỉ ở trong bạn - giữa tâm và thân, giữa lý trí và cảm xúc, giữa cảm xúc và dục tính. Thế nhưng cuộc chiến vẫn cứ tiếp tục không bao giờ ngưng nghỉ -bạn có để ý đến điều này không? Một cuộc chiến cứ liên tục tiếp diễn không bao giờ ngừng.

Dĩ nhiên làm thế nào bạn có thể hạnh phúc được. Trừ phi những thành phần tranh chiến này ở trong bạn chịu ôm lấy nhau, chấm dứt chiến đấu, yêu thương nhau, tan hoà vào nhau, không cách gì bạn có thể có được hạnh phúc. Hạnh phúc lúc đó chỉ còn là một mối hy vọng. Phải nên hiểu rằng hạnh phúc luôn là chiếc bóng của sự hoà điệu, nó theo sát sự hòa điệu đến khắp mọi nơi. Ngoài ra không còn một cách thế nào khác để đạt đến hạnh phúc. Trừ phi bạn trở thành một khối hòa điệu, cho dù bạn có cố gắng cách mấy đi nữa rồi bạn cũng sẽ chỉ gặt lấy sự phiền toái bực bội ngày một nhiều hơn, rồi sẽ rơi vào những khổ đau bất tận. Giống như một cái bóng theo đuổi bạn, hạnh phúc chỉ theo sát khi bạn là một khối hòa điệu thống nhất.

Như vậy bước thứ nhất diễn ra ở ngay trong chính bạn –và khi bạn trở nên cùng chung một nhịp đập không còn sự chia cách, một luồng sóng năng lượng không còn sự đối kháng, không thấp hơn cũng không cao hơn, không chọn lựa, không đánh giá, cũng không phán xét, một cách đơn giản khi bạn chỉ là một, lúc đó bước thứ hai xảy đến. Khi bạn trở thành một, bạn mới có thể thấy được nhất thể -chỉ lúc đó nó mới có thể được nhìn thấy. Đôi mắt của bạn đã trở nên sáng tỏ, mọi chuyện đều rõ ràng. Khi bạn là một bạn sẽ thấy được cái nhất thể bao quanh bạn. Bây giờ thì bạn hiểu được ngôn ngữ của nhất thể. Cái ngôn ngữ của đám đông đã biến mất - tiếng động hỗn tạp kia không còn nữa, bạn đã thoát ra khỏi nhà thương

điên, cơn ác mộng xưa đã chấm dứt. Bạn ở trong tĩnh lặng. Từ trong tĩnh lặng này bạn có thể tan hoà vào vạn hữu; và bây giờ thì bạn có thể hoà điệu với nhịp đập chung của toàn vũ trụ. Đây là bước thứ hai của thiền.

Bước thứ nhất tương đối khó khăn, bước thứ hai thì dễ dàng hơn. Bước thứ nhất đòi hỏi nhiều cố gắng, một nỗ lực lớn lao; bước thứ hai hoàn toàn đơn giản, nó đến một cách hầu như tự động. Bước thứ nhất giống như một người mù đang được giải phẫu đôi mắt. Bước thứ hai là lúc giải phẩu xong: đôi mắt đã lành, người mù mở mắt ra và trông thấy ánh sáng, một thế giới tràn ngập ánh sáng, và hàng triệu niềm vui òa vỡ chung quanh y với màu sắc, ánh sáng, với bao nét diễm kiều, với thiên hình vạn trạng.

Bước thứ nhất cần nỗ lực, bước thứ hai đến một cách tự nhiên. Bước thứ nhất giống như yoga, bước thứ hai là Thiền -hoặc nếu so sánh một cách thời thượng, bước thứ nhất giống như Gurdjieff (1) và bước thứ hai giống như Krishnamurti (2). Đó là lý do tại sao tôi gọi thiền là tuyệt đỉnh. Thiền là tiếng nói cuối cùng. Yoga chỉ mới là bước đầu của cuộc hành trình, Thiền là bước kết thúc.

Khi bạn trở thành một bỗng dưng bạn thấy được cái nhất thể bao quanh, tất cả mọi vật cản hoàn toàn biến mất. Lúc này chẳng còn "ta" cũng chẳng còn "ngươi", chỉ còn duy nhất là Thượng Đế hay chân lý hay đại định hay bất cứ danh từ nào mà bạn thích –niết bàn chẳng hạn. Thiền giả gọi tình trạng này là *konomama* hay *sonomama* –đó là tình trạng như thị, là chân như, *tagatha*. Một chính là như thị, là vô tác, vô niệm, vô cảm thọ. Cái như thị này là kinh nghiệm rốt ráo về cực lạc. Ngoài ra không còn gì khác nữa.

Đấy là mục tiêu. Để đạt đến cái như thị này là một nỗ lực kiếm tìm không ngưng nghỉ của mọi con người.

Nhưng trước khi có thể biết được làm cách nào để đạt đến sự hoà điệu nội tâm này chúng ta cần phải nhìn một cách thấu đáo bằng cách nào chúng ta đã biến thành một cái đám đông bát nháo như thế. Bằng cách nào cái tai ương này lại đổ xuống đầu chúng ta như thế? Ai tạo ra chuyện đó và nó được tạo ra như thế nào. Trừ phi chúng ta biết nó được tạo ra như thế nào, không cách gì chúng ta có thể loại bỏ được nó.

Có một lần trong buổi thuyết pháp vào buổi sáng, Đức Thế Tôn cầm trên tay một chiếc khăn tay. An vị trước mười ngàn tăng chúng, Ngài bắt đầu thắt nút chiếc khăn. Mọi người đều rất ngạc nhiên -họ chưa hề thấy Ngài làm như thế bao giờ. Phật đang làm gì vậy? Không lẽ Ngài đã quên mất buổi thuyết pháp sáng hay sao? Nhưng do lòng tôn kính Phật, tăng chúng đều yên lặng theo dõi việc làm của Ngài.

Đến nút thứ năm thì Phật dừng tay rồi hỏi thính chúng: "Ta muốn tháo gỡ những nút buộc này ra, nhưng trước khi làm chuyện này ta muốn nêu lên hai câu hỏi: Thứ nhất, chiếc khăn này có phải cùng một chiếc khăn trước khi thắt nút hay không?"

Một trong những vị đại đệ tử của Phật, ngài A Nan thưa: "Bạch Đức Thế Tôn, trên một phương diện nào đó, nó chẳng khác, bởi vì những nút thắt

không làm thay đổi tánh chất của chiếc khăn. Chúng không thêm vào cũng không hủy diệt cái gì cả. Chiếc khăn vẫn giống y như cũ, phẩm chất của nó chẳng hề đổi thay, nó vẫn là chiếc khăn trước đây. Thế nhưng trên một phương diện khác nó không giống với chiếc khăn cũ, đã có một vài thay đổi. Giá trị căn bản của nó có thể vẫn y nguyên thế nhưng bây giờ có một vài yếu tố mới: năm cái nút thắt. Nó đã được cột chặt lại với nhau thế nên nó không còn tự do nữa. Tự do đã bị đánh mất. Chiếc khăn vẫn là chiếc khăn cũ nhưng là một kẻ nô lệ."

"Đúng vậy, A Nan," Phật tiếp, "Đó là điều mà ta muốn nói cùng đại chúng. Khi một người bị chia cách, trên phương diện nào đó thoạt trông chẳng có gì thay đổi nhưng thật ra y chẳng còn là con người cũ trước đây. Y đã mất đi tự do, mất đi sự hòa điệu –cơ bản thì chẳng có gì thay đổi. Các ngươi vẫn là những thượng đế, nữ thần, không gì thay đổi cả, nhưng đó là những thượng đế bị cầm tù. Một vài cái nút thắt đã đến trong đời. Trên cơ bản, ta và các ngươi đều hoàn toàn tự do, nhìn một cách hiện sinh ta và các ngươi đang ở cùng một chỗ, thế nhưng trên bình diện tâm lý ta và các ngươi không ở cùng một nơi, các ngươi không là ta. Trên mặt hiện sinh chúng ta đều là những vị Phật, trên mặt tâm lý chúng ta đang sống trong những thế giới khác biệt, riêng tư… những cái nút thắt."

Rồi Phật hỏi tiếp câu hỏi thứ hai, "Này đại chúng, đây là câu hỏi khác: Nếu ta muốn tháo gỡ những nút thắt này ra, ta nên làm như thế nào?" Một vị đại đệ tử khác, Xá Lợi Phất, đứng dậy cung kính thưa, "Bạch Đức Thế Tôn, nếu Ngài muốn tháo gỡ những nút thắt này hãy để cho con đến gần để quan sát chúng. Bởi vì trừ phi con biết chúng được thắt như thế nào thì mới có thể tháo gỡ chúng ra được. Phải hiểu phương cách gì được dùng để

thắt nút. Phải hiểu chúng được tạo ra như thế nào. Khi hiểu được như vậy rồi mới có thể tháo gỡ chúng. Hãy để cho con đến gần hơn. Thế Tôn đừng làm bất cứ điều gì trước khi con trông kỹ chúng, bởi vì nếu Ngài làm chuyện gì khác trước khi biết những cái nút thắt này đã hiện hữu như thế nào, có thể Ngài sẽ tạo ra thêm những nút thắt vi tế khác. Công chuyện sẽ khó khăn thêm và không chừng ta sẽ không thể tháo gỡ chúng ra được."

"Đúng vậy, Xá Lợi Phất," Đức Phật trả lời, "Đó đúng là điều mà ta muốn nói."

Trước khi một người muốn hiểu bằng cách nào để đạt đến đích, y phải hiểu rằng y đang thiếu cái gì. Những gì là nguyên nhân của khổ nạn? Tại sao ta lại trở thành bị phân liệt? Bằng cách nào chuyện bất khả này lại xảy ra –khi tình trạng bất khả phân lại trở thành phân liệt, khi cực lạc biến thành khổ đau, khi những thượng đế lại bị giam hảm? Nó đã xảy ra như thế nào?

Cái "thế nào" này cần phải được tìm hiểu thật thấu đáo, thế nên trước tiên ta sẽ đi sâu vào cái "thế nào".

Chúng ta có thể bắt đầu với Plato (3). Ông ta là người xây đắp nền móng của ý thức hiện đại về lãnh vực này. Với Plato sự phân liệt bắt đầu một cách khá rõ ràng và đầy luận lý. Vấn đề này có thể đã hiện hữu từ trước

nhưng chưa hề được nghiên cứu trên căn bản luận lý, chưa hề được hỗ trợ bởi một bậc kỳ tài như Plato. Kể từ đó, trong suốt hai ngàn năm, vấn đề phân liệt hầu như đã được mọi người tin tưởng. Và nếu bạn tin vào một cái gì đó trong suốt hai ngàn năm, nó trở thành hiện thực. Niềm tin có khuynh hướng biến thành thực tế. Được ru ngủ bởi niềm tin và rồi ngày qua ngày chúng vận hành cứ y như thật.

Theo Plato, cách ứng xử của con người được bắt nguồn từ ba nguồn mạch chính: Kiến thức, tình cảm và dục vọng. Đây được xem như là chỉ dấu đầu tiên về sự phân liệt cụ thể trong con người. Con người được phân chia ra làm ba khu vực: Kiến thức, tình cảm và dục vọng. Kiến thức phát xuất từ cái đầu, tình cảm từ trái tim và dục vọng từ chỗ thắt lưng –cái đầu, trái tim và bộ phận sinh dục, đây là ba khu vực phân cách. Dĩ nhiên cái đầu là cao hơn hết, trái tim ở ngay giữa và bộ phận sinh dục là thấp nhất.

Con người sống với bản năng sinh dục được coi là loại người thấp kém hơn cả; ở Ấn Độ, họ được gọi là *shudra*, kẻ tiện dân. Con người sống với trí óc được xem như là loại người cao quý nhất, họ được gọi là *Brahmin*, Bà La Môn. Còn tất cả những người khác ở lưng chừng khoảng giữa -với những cấp độ tình cảm khác nhau.

Ba khu vực này không phải đơn thuần là sự tin tưởng. Nó đã thấm sâu vào ý thức con người đến nỗi bây giờ ý thức con người xem như dược hiện hữu với ba bộ phận trên. Thế là bạn đã bị phân liệt, bạn không còn là một khối nguyên vẹn; bạn là ba, bạn trở thành ba ngôi nhất thể. Bạn mang ba khuôn mặt khác nhau. Một là khuôn mặt tính dục rất mực riêng tư mà bạn luôn dấu kín trong bóng tối. Thứ hai là khuôn mặt tình cảm tuy không đến nỗi

riêng tư nhưng vẫn là riêng tư –vì rất hiếm khi mà bạn biểu lộ ra. Trước cái chết của ai đó, bạn than khóc, điều khả dĩ được chấp nhận, còn bình thường ra bạn không làm chuyện này, đôi khi còn xem như là chuyện đàn bà vì cho rằng đàn bà là sinh vật thấp kém hơn đàn ông.

Chủ nghĩa sô-vanh trọng nam hiện hữu khắp nơi. Người đàn bà không được xem là người bà la môn, nhiều tôn giáo khước từ vai trò của người phụ nữ -cho rằng họ không thể vào nước Trời như là một người nữ. Để được vào đây, trước tiên họ phải sinh ra như một người nam, như vậy mới có đủ tư cách. Chỉ có người nam mới vào được nước thiên đàng. Phụ nữ là một sinh vật thấp kém. Người phụ nữ chỉ có hai trung tâm, tính dục và tình cảm -họ không có cái đầu, không có bộ não, không có trí óc. Như vậy, dĩ nhiên họ cứ việc tha hồ mà khóc lóc, cười giỡn, tỏ bày tình cảm một cách tự nhiên. Đàn ông thì rất hiếm khi cho phép tình cảm của mình được biểu lộ như thế.

Tính dục hoàn toàn tuyệt đối riêng tư; tình cảm thì nửa công nửa tư, còn trí óc thì tuyệt đối công khai. Đây là cái mà bạn luôn đem ra phô trương, trưng bày khắp mọi nơi. Lý trí, luận lý, kiến thức -tất cả những cái đó.

Sau hai ngàn năm, Sigmund Freud một lần nữa lại mang cái đề tài phân liệt này ra –Plato và Freud, đôi bạn đồng sàng. Thế nhưng con người như thế nào đó đã chấp nhận chuyện phân liệt này một cách sâu xa đến độ nó đã ăn sâu vào tiềm thức. Freud còn cho rằng lý trí là ông vua, tình cảm là bà hoàng còn tính dục là kẻ bầy tôi, và điều dĩ nhiên, ta cứ việc quân vương vạn tuế! Dẹp tính dục đi, dẹp luôn tình cảm và chuyển tất cả năng

lượng của bạn lên cái đầu. Thế là những cặn cáu đã dính lại trong cái đầu này.

Không tình dục, con người không còn vui thú; không tình cảm, tất cả những gì êm ái dịu dàng, tế nhị biến mất. Thuần lý trí, bạn trở thành một sa mạc khô cằn, một vùng đất hoang dã. Không có gì gieo trồng được trên những mảnh đất này.

Tôi đang đọc cuốn tự truyện của Charles Darwin (4) ngang tới đoạn này. Thật là một khám phá thú vị. Charles Darwin viết rằng: "Lúc còn bé và ngay cả tuổi thanh niên, các loại hình thi ca đã mang đến cho tôi niềm thích thú lớn lao. Những hình ảnh thời xưa cũng gây ấn tượng trong tôi và âm nhạc quả thật đã tạo cho tôi niềm vui, sự khoái cảm vô biên. Thế nhưng bây giờ, trong nhiều năm qua tôi khó mà chịu đựng nỗi một câu thơ. Tôi đã hết sức cố gắng để rồi khám phá ra rằng nó nhàm chán đến độ làm tôi buồn nôn. Đồng thời tôi cũng không còn cảm thấy thích thú ngắm nhìn tranh, thưởng thức âm nhạc. Tâm thức của tôi dường như đã biến thành một cổ máy ngấu nghiến các định luật tổng quát rút ra từ những bộ sưu tập các dữ kiện. Tại sao điều này đã gây nên sự tiêu mòn riêng phần não bộ nơi chủ trì các thưởng ngoạn cao cấp, tôi thật tình không thể hiểu được. Mất đi những thưởng ngoạn này cũng có nghĩa là mất đi hạnh phúc."

Darwin đã viết những điều này lúc ông về già. Ông ta đã mất hết những cảm quan về thi ca, hay nói đúng ra, nó làm cho ông nôn mửa. Ông ta không chịu đựng nổi âm nhạc. Ông ta không hề nói đến tình yêu của mình -nếu thi ca làm nôn mửa và âm nhạc làm khó chịu, tình yêu cũng sẽ không

còn chỗ đứng. Darwin đã biến thành loại người nào? Ông ta đã tự thú rằng mình đã biến thành một cổ máy.

Đây là điều xảy ra cho nhân loại nói chung. Mọi người đều đã trở thành một cổ máy –máy lớn, máy nhỏ, máy tinh xảo, máy thô sơ –nhưng vẫn là những cổ máy.

Và rồi những bộ phận nào bị khước từ sẽ nổi dậy chống lại bạn, cuộc chiến tiếp diễn liên tục là như vậy. Bạn không thể nào tiêu diệt được tính dục; bạn có thể vượt qua được nó, chắc chắn như vậy, nhưng bạn không thể tiêu diệt được nó. Bạn cũng không thể tiêu diệt được tình cảm. Trái tim vẫn tiếp tục vận hành, vẫn tiếp tục dệt ra những giấc mộng. Vì bạn đang chống lại chúng triệt để, chúng có thể rút lui vào hoạt động bí mật, hay là lặn khuất vào tiềm thức, tìm một hang động âm u sâu thẳm nào đó để ẩn trốn, thế nhưng chúng vẫn tồn tại. Tình cảm có thể được hoá thân nhưng không thể bị tiêu diệt. Không cách gì tiêu diệt được cả tính dục lẫn tình cảm.

Đó là tất cả những gì mà cái đầu đang làm: Một cách tổng quát, nó hiện hữu bằng cái giá mà trái tim và xác thân phải trả. Nó giết chết trái tim, giết chết cái xác thân và sống lẩn quất như một bóng ma trong một cổ máy. Bạn có thể thấy điều này xảy ra ở khắp nơi trên thế giới này. Một người càng có học thức chừng nào, càng ít sống chừng nấy. Càng biết nhiều thì càng sống ít. Y càng thông thạo về những khái niệm, những vấn đề trừu tượng chừng nào, y càng khó mà thể nhập vào dòng sống sinh động. Một người chỉ quanh quẩn với cái đầu thì làm sao mà có thể thưởng thức được những niềm vui, những mật ngọt của cuộc đời. Điều nhận xét về mình của Charles Darwins rất thú vị. Ông ta nói rằng: “Cái gì đã xảy đến cho tôi? Tại

sao tôi mất đi tất cả mọi lạc thú? Niềm vui, hạnh phúc của tôi biến đâu rồi?"

Thế là vì bạn đã chuyển toàn bộ năng lượng lên cái đầu, chẳng dành một tí nào cho tính dục, trong khi tất cả niềm vui đều được bắt nguồn từ tính dục, đó là điều mà tôi thấy cần phải nhắc lại cho bạn. Khi tôi dùng hai chữ "tính dục", tôi không hề ám chỉ đến những hoạt động của bộ phận sinh dục. Đây chỉ là một kinh nghiệm rất nhỏ nhoi, một biểu tỏ của dục tình, trong khi tính dục là cả một phạm trù bao quát lớn lao hơn. Nói đến tính dục có nghĩa là lúc nào mà xác thân của bạn còn sống động, còn cảm xúc, trái tim còn đập rộn ràng –là bạn đang sống trong tính dục. Nó có thể không nhất thiết liên hệ đến cái giống. Cụ thể như khi bạn đang khiêu vũ, dó là một hoạt động tính dục; một vũ công là một biểu hiện tính dục, năng lượng khiêu vũ là một năng lượng tính dục. Nó không phải là chuyện của bộ phận sinh dục, bạn có thể chẳng hề nghĩ gì đến chuyện tình dục cả, bạn có thể đã hoàn toàn quên bẳng chuyện đó đi; mà thật sự ra, khi bạn quên đi chuyện tình dục và tan biến vào trong một thể nhập sâu xa với thân xác bạn, thì đó chính là dục tính. Bạn có thể đang bơi lội, đang chạy bộ, chạy bộ vào buổi sáng chẳng hạn.

Trong suốt mười năm -từ 1947 đến 1957- tôi có thói quen chạy bộ tám dặm vào buổi sáng và tám dặm vào buổi chiều. Việc này đã trở thành như một thông lệ. Qua việc chạy bộ này tôi cũng đã học được lắm điều hay.

Trong mười năm đó, với mười sáu dặm một ngày, tính ra tôi đã có thể chạy bộ vòng quanh trái đất đến bảy lần. Sau khi chạy đến dặm thứ hai hay thứ ba, một khoảnh khắc chợt đến khi mọi chuyện bắt đầu cuốn trôi đi một

cách tự nhiên, thoát ra khỏi tầm ảnh hưởng của cái đầu, lúc đó bạn bỗng trở nên một với thân xác, bạn là một cơ thể sống động. Bạn bắt đầu vận hành như một sinh thể -như một cái cây, một con thú vận hành. Đó có thể là một con sư tử, con công hay con sói. Cái đầu lúc này đã hoàn toàn bị bỏ quên. Cả trường đại học, bằng cấp các thứ cũng không còn nhớ tới, bạn không còn biết đến cái gì khác, bạn là như thị.

Quả thật như thế, chạy được ba hay bốn dặm bạn sẽ không thể nào nhận ra mình còn liên hệ với cái đầu. Một tổng thể hiện khởi. Plato không còn, Freud cũng biến mất, tất cả mọi phân cách không còn tồn tại -bởi vì tất cả chỉ là cái bề mặt –trong tận cùng thẳm sâu cái nhất thể của bạn bắt đầu tự khẳng định.

Chạy bộ dưới ngọn gió trong lành của buổi sáng sớm tinh khôi mà vạn hữu như chan hoà trong một niềm vui mới, chẳng khác gì được tắm gội trong nỗi hân hoan của một ngày mới bắt đầu, khi mọi vật đang phô bày nét trẻ trung tươi mát qua một đêm dài say ngủ, quá khứ bỗng nhiên tan biến đi, tất cả trở nên hồn nhiên như thuở ban sơ –và rồi lúc bấy giờ ngay cả người đang chạy cũng bỗng nhiên không còn hiện hữu. Chỉ còn cái chạy. Không có người chạy mà chỉ còn cái chạy đang vận hành. Và rồi bạn sẽ thấy rằng một khúc luân vũ đang trổi dậy cùng với làn gió, với bầu trời, với những tia nắng ban mai, với cỏ cây, với trái đất thân yêu này. Bạn đang thể nhập vào khúc luân vũ đó. Bạn bắt đầu rung cảm cùng với nhịp đập của vũ trụ. Đó là tính dục. Bơi trong giòng sông cũng là tính dục. Không phải chỉ giao hợp mới là hoạt động tính dục; bất cứ chuyện gì mà thể xác của bạn rung lên cùng một nhịp đập không bị ức chế đều là tính dục.

Thế nên khi tôi dùng hai tiếng ‘tính dục’ tôi muốn nói đến cái kinh nghiệm về sự hợp nhất này. Hoạt động của bộ phận sinh dục chỉ là một trong những chức năng của tính dục. Nó đã trở thành quan trọng bởi vì chúng ta đã quên đi tất cả toàn bộ chức năng của dục tính. Thật ra, cái mà bạn tôn xưng là bậc đại thánh đã làm cho bạn chỉ biết quanh quẩn chung quanh cái giống của bạn. Tất cả mọi thống trách nên được trút xuống đầu những ông thánh và đại thánh này -họ đều là những thủ phạm, những tên tội phạm. Họ chẳng bao giờ bảo cho bạn biết tính dục thực sự là cái gì.

Ngày qua ngày, tính dục đã bị gom lại vào trong cái giống; nó trở nên cục bộ, không còn là cái toàn thể. Hạn hẹp trong cái giống là điều tồi tệ, bởi vì cao nhất nó chỉ mang đến cho bạn sự khoan khoái; nó không bao giờ mang đến khoái cảm tuyệt đích. Sự xuất tinh không phải là một khoái cảm tuyệt đích; toàn bộ xuất tinh không là sự cực khoái và mỗi khoái cảm tuyệt đích không phải là một kinh nghiệm cực lạc. Sự xuất tinh là thuộc về cái giống, khoái cảm tuyệt đích là thuộc về tình dục, kinh nghiệm cực lạc thuộc lãnh vực tinh thần. Khi tính dục bị hạn chế vào cái giống, bạn chỉ có được sự khoan khoái, nhưng bạn mất đi năng lượng, bạn không thu nhận thêm vào được cái gì cả. Một cách đơn giản, đây là điều ngu xuẩn. Sự khoan khoái này cũng chẳng khác gì lúc bạn đang nhảy mũi một cái thật đả, không hơn không kém.

Đó không phải là khoái cảm tuyệt đích bởi vì toàn cơ thể bạn không rung lên cùng một nhịp đập. Bạn không ở trong khúc luân vũ, bạn không hoà nhập vào tổng thể, bạn không được thánh hoá. Bởi vì nó mang tính cục bộ

mà cục bộ thì không thể nào có được khoái cảm tuyệt đích vì khoái cảm này chỉ xuất hiện khi có sự dự phần của toàn thể cơ cấu. Chỉ khi nào từ cái đầu đến ngón chân cùng rung lên một nhịp, khi tất cả những sợi tơ mỏng manh trong sinh thể bạn cùng hoà điệu, khi tất cả mọi tế bào của thân xác bạn cùng hoà chung khúc luân vũ, khi mà trong bạn là một cuộc đại hoà tấu, cùng tham dự khúc luân vũ này –thì lúc đó là khoái cảm tuyệt đích. Tuy nhiên mỗi khoái cảm tuyệt đích không phải là một kinh nghiệm cực lạc. Khi mà tất cả những gì trong bạn cùng hoà chung một nhịp đập thì đó mới chỉ là khoái cảm tuyệt đích. Chỉ khi nào tổng thể của bạn hoà chung với tổng thể của vạn hữu thì lúc đó mới là kinh nghiệm cực lạc. Thế nhưng con người cứ mãi chạy theo sự xuất tinh mà quên đi khoái cảm tuyệt đích và hoàn toàn bỏ rơi kinh nghiệm cực lạc. Họ không hề biết đó là cái gì.

Và bởi vì họ đã không thể vươn tới cái cao hơn, họ bị giam hảm ở trong cái thấp hơn. Khi bạn có thể đạt đến cái cao hơn, cái tốt đẹp hơn, tự nhiên phần thấp kém hơn bắt đầu tan biến đi một cách tự động. Nếu bạn hiểu được những điều tôi nói... tình dục –mà không phải là dục tính- sẽ được chuyển hoá. Bạn sẽ trở nên khêu gợi hơn. Đúng vậy, khi tình dục không còn bạn càng trở nên khêu gợi hơn. Thế nhưng tình dục sẽ đi đâu ? Nó sẽ trở thành tính dục. Bạn sẽ trở nên nhạy cảm hơn. Bạn sẽ có sức sống mãnh liệt hơn, nhiều chất lửa hơn; bạn sẽ sống như cơn sóng lớn. Những luồng sóng nhỏ sẽ tan đi. Bạn sẽ trở thành một cơn bảo, một trận cuồng phong làm rung chuyển cỏ cây sông núi. Bạn sẽ là ngọn triều dâng, là cơn lũ. Ngọn đèn cầy của bạn sẽ cháy bùng lên một lúc cả hai đầu.

Trong khoảnh khắc đó -cho dù bạn chỉ được sống trong một phút giây ngắn ngủi cũng là quá đủ- bạn đã nếm được mùi vị của vĩnh cữu.

Từ Plato đến Freud, sự phân liệt vẫn còn đeo đẳng mãi trong tâm trí của những triết gia, nhà sư phạm, chính khách, học giả. Sự phân liệt đó nay đã trở thành một thực tế. Bạn đâu có nghĩ rằng những bộ phận sinh dục của bạn là chính bạn -phải không? Bạn bắt đầu nghĩ như là chúng thuộc về bạn, là hai thực thể tách rời nhau.

Thậm chí có rất nhiều người còn đặt tên riêng cho cả cái giống của mình. Sự phân liệt đến đây là hoàn tất. Bây giờ thì bạn xem chúng chẳng khác gì là một dụng cụ của bạn. Bạn sử dụng chúng chứ không còn là chúng nữa. Một sự phân liệt trọn vẹn, hoàn toàn trọn vẹn.

Bạn luôn luôn nghĩ rằng mình là chúa tể còn thân xác là một cái gì đó tách biệt. Có bao giờ bạn nghĩ đến mình như là cái chân, cái tay, là cột sống, là máu huyết đang luân lưu trong huyết quản? Không bao giờ, cái căn cước của bạn vẫn là cái đầu; cái đầu vẫn là ông vua. Đâu có ai muốn mình dính dấp với kẻ nô lệ, kẻ tôi tớ -hoặc ngay cả với bà hoàng?

Trên căn bản của sự phân liệt này một học thuyết thần học lớn lao đã được dựng lên –xin hãy cố gắng để hiểu chuyện này. Số một là cái đầu; số hai là trái tim; số ba là cái giống. Thượng Đế chỉ có cái số một; cái số hai và số ba không hề hiện hữu. Thượng Đế không hề có tình cảm và tính dục. Đấy là định nghĩa về Thượng Đế của hầu hết mọi tôn giáo ngoại trừ Thiền. Tiếp

đó ta có những ông thánh. Ông thánh thì có cái số một và cái số hai, không có cái số ba. Ông ta có lý trí, trí khôn, thông minh, có tình cảm, trái tim nhưng không có tính dục. Kế đến là những con người bình thường. Y có đủ cả ba. Cái số một, số hai và số ba. Tiếp đến là những người tội lỗi. Y không có cái số một –không có trí khôn, thông minh, không có lý trí, không có cái đầu- y chỉ có cái thứ hai và thứ ba, tình cảm và dục tính. Kế tiếp là Qủy Sứ. Y chỉ có cái thứ ba. Hai cái đầu tiên không hiện hữu –không lý trí, không tình cảm, chỉ có dục tính. Thế nên ở Đông phương, đặc biệt là ở Ấn Độ, tên của Qủy Sứ được gọi là Kam Deva, vị chúa tể của tình dục. Thật là đúng không chê vào đâu được.

Đây là thần học về phân liệt: Thượng Đế chỉ có cái đầu; Quỷ Sứ chỉ có tình dục. Kẻ tội lỗi gần hơn với Qủy Sứ nên chỉ có một con đường là đi xuống địa ngục; ông thánh gần với Thượng Đế hơn nên sẽ lên nước thiên đàng. Bọn người khốn khổ ở giữa có đủ cả ba thứ nên tự nhiên là có nhiều xung đột hơn bốn loại kể trên. Khi bạn chứa đủ cả ba, bạn càng có nhiều xung đột.

Đây không phải là quan điểm của Thiền. Đây là ý niệm của Cơ Đốc, của Hồi giáo, Ấn giáo chứ không phải của Thiền. Thiền có một nhận thức tiến bộ hơn về đời sống cho nên nó mang đến một nhận thức tươi mát về tất cả mọi chuyện. Thiền cho rằng Thượng Đế là nhất thể thế nên Thượng Đế gồm đủ cả ba, như vậy đâu còn có sự xung đột. Cả bộ ba này sẽ hoà điệu với nhau một cách tuyệt vời, tay trong tay trong cùng một vũ điệu. Chúng sẽ không tranh chiến mà ôm chầm lấy nhau thân tình. Từ đó có sự thăng hoa; khi không có sự xung đột tranh chấp, thăng hoa sẽ nẩy mầm. Trong Thượng Đế tình dục trở thành cảm quan. Thượng Đế là quan năng. Tình

dục trở thành sống động; tình dục trở thành cuộc vui chơi. Tình cảm biến thành nhạy cảm, lòng từ, tình yêu thương. Và lý trí biến thành tri kiến, tỉnh thức, thiền.

Đây là một viễn cảnh hoàn toàn khác biệt. Không có gì bị khước từ, không có gì bị loại bỏ. Thiền bao gồm tất cả. Nó không hề chối bỏ một ai, không hề nói «không» với bất cứ cái gì; nó chấp nhận tất cả và chuyển hoá chúng đến một thực tại cao hơn. Nó rất là tổng hợp, một hợp thành viên mãn. Tất cả mọi nguồn năng lượng đều được hội tụ để trở thành một nguồn năng lượng duy nhất. Không có cái gì bị khước từ bởi vì nếu bạn khước từ cái gì đó, bạn sẽ làm vơi đi sự phong phú vốn có.

Bây giờ hãy nghĩ đến một ông Thượng Đế, một ông Thượng Đế Cơ Đốc chẳng hạn, không hề có dục tình lẫn tình cảm. Ông Thượng Đế này thuộc loại gì vậy? Chỉ đơn thuần trí óc, ông ta giống như một tượng đá. Thế thì bạn nên đi thờ phượng một cái máy vi tính vẫn còn hơn. Một cái máy vi tính rất giống với một ông Thượng Đế Cơ Đốc -chỉ có cái đầu. Máy vi tính là một cái đầu được phóng đại ra. Không sớm thì muộn chúng ta sẽ sản xuất ra những chiếc máy vi tính ngày càng tối tân hơn. Đến một ngày nào đó ta sẽ có được một cái máy vi tính rất hoàn chỉnh –nó sẽ hoàn toàn giống đúc khuôn một ông Thượng Đế mà ta dự kiến -chỉ có cái đầu. Chiếc máy vi tính không hề có cảm quan, không tính dục, không tình cảm. Chiếc máy vi tính sẽ không hề biết nhỏ nước mắt cho ai đó mới qua đời, nó không hề biết cười, biết chúc tụng cho ai đó mới sinh ra, và một điều chắc chắn, chiếc

máy vi tính sẽ không hề biết yêu –nó không bao giờ làm một chuyện ngu xuẩn như thế. Chiếc máy vi tính chỉ là cái bộ óc, thuần túy là một bộ óc. Hãy suy nghĩ đến chuyện đó... Cái đầu của bạn đã bị tách rời ra khỏi xác thân, ra khỏi tổng thể và bắt đầu tiếp tục đập một nhịp đập khác tại một nơi đầy cơ giới, được nuôi dưỡng bằng cơ giới. Bạn chỉ còn biết suy nghĩ, suy nghĩ và suy nghĩ, ngoài ra chẳng còn chuyện gì khác -vị Thượng Đế đã hiện hữu như thế đó.

Nhưng Thiền thì không như thế. Cả vũ trụ, cái tổng thể phong phú đến mức bao gồm luôn tất cả. Thượng Đế và con người -sự khác biệt không phải ở chỗ con người gồm đủ ba mà Thượng Đế chỉ có một; sự khác biệt là ba thứ trong con người tranh chiến lẫn nhau, còn ba thứ trong Thượng Đế thì sống chung hòa điệu. Đó là sự khác biệt duy nhất. Bạn không biết làm thế nào để đưa chúng vào chung một tấu khúc. Ngày mà bạn biết cách, chính là ngày bạn trở thành Thượng Đế. Bạn hội đủ tất cả những yêu cầu cơ bản để trở thành một vị Thượng Đế. Cũng giống như một nhà huyền môn Sufis đã nói: Bạn có đủ bột, đủ nước, đủ muối, đủ bơ và ngọn lửa thì đang cháy, trong khi bạn cứ ngồi đó chịu để cho cái đói dày vò, không biết cách nào để làm cái bánh chapattis. Nếu bạn không biết, bạn nên hỏi thẳng một hành giả của tôi, Paramahansa. Y có thể làm ra hàng ngàn cái bánh Chapatti chỉ trong vài giờ.

Cơn đói sẽ không bao giờ biến mất trừ phi bạn biết cách làm chapatti. Chapatti là cái gì? Nó là sản phẩm gồm nước, bột, bơ và muối, kể cả lửa ở trong đó. Bạn cứ việc nấu chúng lại thôi.

Nó cũng giống y như trường hợp của bạn vậy. Bạn có đủ tất cả các yếu tố cấu thành Thượng Đế thế mà bạn vẫn cứ như người đói khát. Bạn có đủ những gì đòi hỏi, không thiếu một thứ gì, nhưng bạn không biết làm thế nào để đạt đến sự hợp thành viên mãn.

Với Thiền, hành trình tâm linh mang ý nghĩa tổng thể; với Thiền, hành trình thánh hoá mang ý nghĩa tổng thể. Tất cả đều phải được dự phần và chuyển hoá; tất cả đều phải được dự phần và vượt qua. Khi tất cả đều dự phần, có mặt, bấy giờ sự quân bình hiện khởi. Sự quân bình này cho thấy một điều rõ ràng rằng -mọi thành phần đều bình đẳng với nhau. Tình dục không là kẻ tôi tớ, trái tim không là bà hoàng, lý trí và cái đầu không là ông vua –không bao giờ. Tất cả đều hoàn toàn bình đẳng. Hãy để tôi lập lại điều này. Nếu không có một cái nhìn bình đẳng, bạn khó mà đạt đến tình trạng quân bình. Tất cả đều hoàn toàn bình đẳng. Không có ai là chủ cũng không có ai là tớ. Đấy là cuộc cách mạng của Thiền.

Tất cả đều là chủ mà tất cả cũng đều là tớ. Có những khoảnh khắc mà tình dục lên ngôi, nhưng cũng có những khoảnh khắc mà tình cảm hay lý trí lên ngôi –nhưng không hề có ai là một chủ nhân ông cố định, chỉ là sự luân chuyển xoay vòng. Bạn là một cái bánh xe xoay vòng đó và bộ ba kia là những biểu hiện. Thỉnh thoảng cái biểu hiện này trồi lên và cái kia chìm xuống, nhưng cả bộ ba này đều hỗ trợ cho bánh xe kia. Đây có thể được xem là ý nghĩa biểu trưng của Thiên chúa ba ngôi trong Cơ Đốc giáo, hay cũng là ý nghĩa của khái niệm *trimurti* –ba diện mạo của Thượng Đế trong Ấn giáo: một Thượng Đế duy nhất ẩn ở đàng sau ba khuôn mặt.

Không có ai là ông vua, không có ai là bà hoàng, cũng không có ai là quần thần tôi tớ -tất cả đều là những ông chủ và tất cả cũng đều là những người tớ. Điều này có nghĩa rằng không có ai là chủ và không có ai là tớ, tất cả đều sánh vai nhau, hỗ trợ lẫn nhau, sống chung hòa điệu cùng nhau trong một mối liên hệ thân hữu rộng lớn. Nên thân thiện với cả ba yếu tố này của bạn, đừng dính mắc vào với bất cứ một cái nào, bằng không có nghĩa là bạn đang ép buộc một anh chàng cứ ngự trị trên ngôi vĩnh viễn. Hãy thân thiện với cả ba, hãy tôn trọng cả ba và hãy nên nhớ rằng bạn vừa là cả ba đồng thời cũng là trung tâm điểm của tất cả.

Hãy tưởng tượng đến một cái hình tam giác với ba đỉnh: một đỉnh là dục tính, đỉnh kia là tình cảm và đỉnh còn lại là lý trí. Trong cái hình tam giác đó, ngay chính trung tâm là ý thức –là chính bạn. Khi tất cả bộ ba này đều quy chiếu về bạn, về ý thức, tuệ giác của bạn, cái đó được gọi là Thiền. Trong sự hoà điệu, thanh thoả đó, chính là lúc mà bạn trở về nguồn cội.

Như vậy hãy nhớ một điều rằng không nên loại trừ bất cứ cái gì trong bộ ba này. Đời sống vốn là một sự phong phú, quân bình và siêu việt, là một hợp thành viên mãn. Tất cả những yếu tố trong bạn đều phải được thanh thoả, và nó chỉ được thanh thỏa khi nào chúng hòa điệu cùng nhau, trợ giúp lẫn nhau. Nếu chúng tách lìa nhau, sẽ không có một cơ phận nào được thanh thỏa. Đó chính là vấn nạn đã và đang xảy ra –cái đầu không hề được thanh thoả, cả trái tim và dục tình cũng thế. Từ gốc đến ngọn bạn không là gì cả ngoài sự bực dọc, một sự không thanh thỏa, một niềm bất mãn, một kẻ đói khát. Bạn cứ mãi rơi chìm vào bóng tối, cứ tiếp tục chạy đi

tìm kiếm một cái gì đó nhằm thoả mãn mình –nhưng sẽ không có cách gì làm bạn thoả mãn được trừ phi bạn đạt đến sự hòa điệu nội tâm.

Và đây là ba lộ trình để đạt đến. Một số ít người đi vào bằng con đường tình dục –đó cũng là con đường của mật tông (*tantra*). Một số ít người đi vào bằng con đường tín lý –đó là con đường của trái tim, của tình cảm, của *bhaki yoga*. Những người thông qua ngỏ tình dục, họ lựa chọn đi vào *tantra yoga*, những người theo con đường tình cảm đi qua ngưởng cửa *bhaki yoga*, con đường của người tín hữu. Còn những ai đi vảo ngỏ hiểu biết, trí óc, họ lựa chọn con đường thể nhập bằng tri kiến –*gyana yoga*. Đây là ba lộ trình. Tất cả các tôn giáo thế giới trên một phương diện nào đó đều nằm trong ba hướng đi này.

Cụ thể như Vedanta (Vệ Đà), Kỳ Na giáo, Phật giáo nhập đạo lộ bằng đầu óc, trí tuệ, tri kiến, tỉnh thức. Đó là con đường của *gyana,* tri kiến. Ấn giáo, Cơ Đốc, Hồi giáo lựa chọn con đường của tình cảm, *bhaki yoga*. Họ đi vào ngỏ trái tim. Mật tông lựa chọn con đường tình dục, đây là con đường của du già tình dục. Có tất cả ba khả năng như thế.

Còn Thiền là một tổng hợp của cả ba. Thiền là mật -tantra, là tín lý, và là tri kiến. Thiền cho rằng cả ba con đường này đều có thể kết hợp lại cùng nhau, bạn không cần phải lựa chọn một. Không có nhu cầu để phải lựa chọn, ta có thể sử dụng tất cả ba –toàn bộ cái bánh xe, toàn bộ cái tam giác- đều quy hướng nội tâm. Sẽ không có một phương tiện đơn lẻ nào và cũng không có một phương cách duy nhất nào. Cũng không có một lộ trình nào được xem là có giá trị hơn lộ trình khác. Bạn theo con đường nào cũng

được, nhưng đừng để bị chia cắt; bạn có thể theo bất cứ lộ trình nào nhưng đừng để cho mình bị dính mắc vào đó. Hãy để cho mình mở rộng ra với mọi con đường.

Hãy luôn luôn ghi nhớ một điều là con người có thể đi vào đạo bằng ba ngả khác nhau. Thế nên bạn đừng vội lên án bất cứ ai. Nếu như ai đó đang lựa chọn con đường tantra, bạn cũng đừng nên chê trách họ, vì làm như vậy đâu có khác gì bạn đang lên án cái dục tính của chính mình. Nếu ai đó đang đi theo con đường của tín lý đức tin, cũng không có gì để bạn phải lên án họ, bởi vì sự chê trách lên án này chỉ nói lên một điều rằng: Bạn đang khước từ trái tim của mình trong cung cách thể hiện trọn vẹn của nó. Điều này sẽ là một cản trở, chướng ngại cho bạn.

Bây giờ chúng ta hãy trở lại với giai thoại tuyệt với ban đầu. Đây là một trong những câu chuyện hay ho nhất. Thiền có nhiều giai thoại rất ý vị nhưng không có câu chuyện nào có thể so sánh được với chuyện này. Nếu bạn bị buộc phải chọn lựa một trong số những giai thoại về Thiền, tôi sẽ không ngần ngại lựa chọn câu chuyện này. Tôi đã yêu thích giai thoại này trong rất nhiều năm.

Xưa có một người đang đứng trên một đỉnh đồi cao.

Những câu chuyện Thiền thường là những ẩn dụ. Bạn phải cố gắng để lãnh hội những ẩn dụ đó. Một người đang đứng ở trên đỉnh đồi cao có nghĩa là một người đã đạt đến đích, đã đạt đạo. Đồi cao cũng có nghĩa là đỉnh cao của đời sống và vạn hữu. Một người đứng ở trên đỉnh đồi có nghĩa là một người canh thức quan sát mà trên những đỉnh đồi cao y có thể nhìn thấu suốt mọi chuyện chung quanh. Những lũng sâu, những con đường dẫn đến đỉnh đồi đều trải dài trước mặt. Trong vị trí đó, tất cả đều ở trong tầm mắt, tia nhìn có thể phóng ra khắp mọi hướng, không còn bị hạn chế. Khi bạn đang ở dưới lũng thấp, bạn không thể nào có được một tầm nhìn như thế; khi bạn đang đi trên đường bạn cũng chỉ có thể thấy được con đường đi của bạn mà thôi, bạn không thấy được những người đang đi trên những con đường khác –đó là điều hoàn toàn tự nhiên. Bạn bị thu gọn lại trong một không gian chật hẹp. Nhưng khi bạn càng lên cao chừng nào, khoảng không gian càng mở rộng ra.

Khi bạn lên đến đỉnh cao nhất, khi bạn lên tận chóp núi Everest và đứng ở đó, nguyên cả dảy Hy Mã Lạp Sơn đều ở ngay trong tầm nhìn. Bây giờ thì không những bạn có thể trông rõ lộ trình của bạn mà còn có thể nhìn thấy được tất cả những lộ trình khác dẫn lên đỉnh núi. Bây giờ thì bạn có thể trông thấy ngay cả những ai đang đối lập với bạn cũng như bất cứ ai mà bạn đang đối kháng. Họ cũng đang trên hành trình tiến đến chung một đỉnh. Bây giờ bạn có thể nhìn thấy vì ở trên đỉnh cao này, tầm nhìn của bạn hoàn toàn bao quát. Bây giờ thì mọi phân cách đã biến mất, mọi triết thuyết đều cáo chung, mọi chấp trước đã không còn ý nghĩa. Con người được hoàn toàn tự do bởi vì thị kiến của y đã hoàn chỉnh.

Xưa có một người đang đứng trên một đỉnh đồi cao.

Đây là ngọn đồi của tỉnh thức, ngọn đồi của thiền định - đỉnh núi của Thiền.

Ba người khách bộ hành đi ngang qua trông thấy ông ta từ đằng xa...

Đây là ba người lữ hành mà tôi từng đề cập đến –ba khu vực trong một con người.

Ba người khách bộ hành đi ngang qua trông thấy ông ta từ đằng xa...

Họ đang ở xa đỉnh đồi và họ đang cãi nhau, đó là điều tự nhiên thôi. Khoảng cách khá xa nên họ chỉ việc đoán mò, suy luận.

Ba người khách bộ hành đi ngang qua trông thấy ông ta từ đằng xa và bắt đầu lên tiếng tranh cãi.

Vâng, đúng như vậy, không thiếu gì người trong các bạn có lúc đã nhận ra một vị Phật, một vị Chúa Christ; cũng không thiếu gì người đã từng đi ngang qua Mahavira (5) hay Zarathustra (6) –và rồi các bạn đã không ngừng tranh cãi nhau về họ. Vẫn còn một khoảng cách khá xa. Khi tôi nói

đến khoảng cách, nó không hề bao hàm ý nghĩa vật lý, có thể là đã không hề có một khoảng cách vật lý nào.

Khi Đức Phật trở về lại hoàng cung thăm viếng phụ hoàng, họ đang đứng trước mặt nhau không hề cách xa gì cả. Thế nhưng giữa họ vẫn có một khoảng cách muôn trùng. Đức Phật nói một đàng và phụ hoàng nói một ngả. Người cha không phải đang nói chuyện với một vị Phật mà là đang nói với đứa con trai nay đã không còn là con của ngài nữa. Ông ta đang trò chuyện với một quá khứ đã hoàn toàn mất dấu. Đứa con rời bỏ hoàng cung ngày xưa nay đã chết –đã hoàn toàn quá vãng; đây là một sinh thức mới đã ra đời, một sự phục sinh. Thế nhưng người cha đã không thấy được điều đó; ông ta đã bị một đám mây mù bao phủ -đám mây mù của quá khứ, của giận hờn chồng chất, vì ông cho rằng đứa con này đã phản bội lại ông trong lúc tuổi già.

Đức Phật là đứa con trai duy nhất, người con được sinh ra trong tuổi xế chiều của ngài. Thế nên có không biết bao nhiêu là kỳ vọng, gắn bó. Đứa con này sẽ là người nối ngôi, sẽ thừa hưởng tất cả những gì trong vương quốc mà ông để lại. Mà ông thì ngày càng già đi với bao niềm lo lắng. Bây giờ đứa con yêu của ông trở thành một kẻ đi ăn mày... Ông ta giận dữ là điều rất tự nhiên.

Thế rồi người con đã đạt đến bến bờ -không những thế người con còn thuyết phục người cha hãy nên đi theo bước chân mình. Bạn cũng có thể

hình dung ra người cha đã giận dữ và bực bội như thế nào. Có thể ông đã la lên và cho rằng Đức Phật đã phản bội mình.

Nhưng Đức Phật vẫn từ tốn, «Thưa Ngài, ngài đang nói chuyện với ai đây? Người thuở nào đã từng là con trai của ngài nay không còn nữa. Hãy nhìn kỹ đi. Ai đang đứng trước mặt ngài đây? Tôi đã không còn là con người cũ. Đã có một sự đổi thay hoàn toàn. Đây là một con người khác, thưa ngài.» Người cha chắc sẽ cười lên và bảo, «Này, con không tính gạt cha đấy chứ? Con đang nói cái gì vậy? Bộ con khùng lên rồi chắc? Con là con trai của cha, đứa con đã bỏ nhà ra đi độ nào –Ta còn có thể nhận ra được con mà. Máu huyết của cha đang chảy ở trong con. Ta biết con, biết từ ngày đầu tiên con mới mở mắt chào đời. Làm sao ta lại quên được? Làm sao lại có chuyện ngộ nhận được?» Thế nhưng sự ngộ nhận vẫn cứ tiếp tục.

Đức Phật mĩm cười, "Thưa Ngài, hãy lắng nghe tôi nói. Vâng, đúng như thế, ngài đã sinh ra một đứa con trai và chúng ta vẫn còn chung huyết thống, thế nhưng tâm thức thì đã hoàn toàn khác xa. Tôi đang nói về tâm thức, về con người trước mặt ngài, về nội tâm của tôi. Một con người từ bóng tối vô minh đạt đến ánh sáng giác ngộ. Xin hãy lắng nghe tôi -tuổi già của ngài đã đến, tôi có thể thấy rõ điều đó. Bàn tay của ngài đang run rẩy, nay ngài đã không còn đứng vững một mình. Không sớm thì muộn, thần chết sẽ gõ cửa. Nhưng trước khi cái chết đến, hãy thiền định. Trước khi thần chết viếng thăm, hãy cố gắng quán chiếu về mình."

Câu chuyện sẽ vẫn cứ tiếp diễn theo cung cách như thế -khoảng cách vẫn muôn trùng. Thế nên khi tôi nói 'khoảng cách', tôi không hề nói đến cái khoảng cách vật lý. Bạn có thể đã từng đi ngang qua một vị Phật hay Chúa

hay Raman (7) hay Ramakrishna (8) –vâng, đúng như thế- và có thể là bạn đã trông thấy họ một cách gần gũi, thế nhưng bạn vẫn không ngừng tranh cãi về họ. Họ đang đứng trên một đỉnh núi xa tít nào đó và bất cứ điều gì mà bạn nói ra đều chẳng có gì liên quan đến họ vì tất cả chỉ là những phỏng đoán.

Ba người khách bộ hành đi ngang qua trông thấy ông ta từ đằng xa và bắt đầu lên tiếng tranh cãi.

Đó là điều mà chúng ta đang làm hiện nay đối với những vị Phật –chúng ta cãi nhau, kẻ phò người chống. Thế nhưng tất cả những gì mà chúng ta nói về các Ngài đều vô nghĩa. Bạn có ca tụng hay lên án cũng chẳng có gì khác nhau. Tất cả những lời ca tụng của bạn đều vô nghĩa, tất cả những lời lên án cũng thế -bởi vì bạn không thể nào hiểu được nhũng gì xảy ra đối với một vị Phật. Để hiểu được, bạn sẽ phải trở thành một vị Phật.

Không cách gì để nhìn cái vẻ khách quan bên ngoài của ai đó như là một đối tượng bằng tâm thức đầy chủ quan của ta. Với một hiện tượng nội giới, sâu sắc như thế bạn không thể nào nhìn từ bên ngoài. Bạn phải thể nhập vào trong, phải là chính nó.

Thế nên người ta cứ cãi nhau ỏm tỏi.

Một người cho rằng, "Có lẽ ông ta đang lạc mất con gia súc mà ông ta ưa chuộng."

Đấy là lý trí, con người cứ luôn nghĩ đến những vật sở hữu: cái nhà, chiếc xe, gia súc, đồng ruộng, cơ xưởng, tiền bạc, quyền lực và thanh danh. Đấy là lý trí. Lý trí là một chướng ngại. Lý trí là một khổ nạn. Nó chỉ biết nghĩ đến chiếm hữu, thu góp.

Đây là một câu chuyện có ý nghĩa tượng trưng, ẩn dụ. Người thứ nhất cho rằng, *"Có lẽ ông ta đang lạc mất con gia súc mà ông ta ưa chuộng."* –đó là tất cả những gì mà lý trí có thể suy luận ra.

Nếu bạn trông thấy một người đang ngồi thiền định một cách tĩnh lặng và bạn là người thuần lý, bạn sẽ nghĩ ông ta đang làm chuyện gì? Bạn sẽ nghĩ rằng có lẽ ông ta đang trù tính thiết lập một cơ xưởng mới hoặc là đang suy tính làm sao để có thể chiến thắng trong kỳ bầu cử sắp tới hay là làm sao để có tiền thêm nhiều hơn trong trương mục của mình –đó là tất cả những gì mà bạn có thể nghĩ đến. Đó là cái đang chi phối bạn. Còn nếu bạn đang lặng yên tĩnh tọa, bạn sẽ suy nghĩ đến cái gì? Chắc là bạn cũng sẽ suy đoán về ai đó. Không có cách thế nào khác. Bạn vẫn còn bị cầm tù trong cái thế giới của bạn. Ngay cả khi bạn nói điều gì về ai đó thì bạn cũng chỉ đang nói về chính mình mà thôi.

Người này nói rằng, *"Có lẽ ông ta đang lạc mất con gia súc mà ông ta ưa chuộng."* Nếu y đang đứng ở chỗ đó thì có thể là như vậy –y bị mất con bò và đang đứng trên đỉnh đồi ngó mông ra khắp phía để tìm kiếm nó. Có thể con bò đã đi lạc. Để tìm kiếm con bò này y mới phải đi lên đồi cao –không

còn một lý do nào khác. Cho dù y có lên đến tận trên đỉnh Everest, y cũng chỉ sẽ nhìn khắp nơi tìm kiếm con bò lạc của y thôi –hãy nhớ như vậy, ngay cả đứng ở đó tâm của y cũng sẽ không bao giờ hướng về Thượng Đế.

Lúc Edmund Hillary leo lên đến tận đỉnh Everest, một điều chắc chắn là ông ta không hề nghĩ đến Thượng Đế. Trong một tình huống tuyệt vời như thế, là người đầu tiên đặt chân lên một mảnh đất trinh nguyên mà trước ông chưa hề có ai đến -phẩm chất trinh nguyên đó khó mà còn tìm ra được trên trái đất này. Lẽ ra ông ta nên ngồi xuống đó để quán niệm. Thế nhưng bạn biết ông ta đã làm gì không? Ông ta cắm xuống đó những lá cờ. Thật là một cái đầu ngu xuẩn. Leo lên đến một điểm cao như thế, một cao độ như thế, một khoảng vùng đất nguyên sơ chưa hề có dấu chân người như thế, nơi mà mọi luồng sóng tâm thức của con người chưa hề vươn đến, một không gian vẫn còn ở ngoài tầm tâm thức –đây có thể trở nên một tình huống lý tưởng giúp bạn đạt ngộ. Tuy nhiên Edmund Hillary đã cắm lên đó những lá cờ và chắc là đang suy nghĩ, "Ta là người đầu tiên, người đầu tiên trong lịch sử nhân loại đã chinh phục cao điểm này. Bây giờ thành tích của ta chắc chắn sẽ được ghi lại trong sách sử. Ta đã làm nên chuyện phi thường." Đây là một cái tâm đầy ngã chấp. Ông ta đâu có thể suy nghĩ điều gì khác hơn? Ông ta chắc sẽ vô cùng thích thú khi thấy tên tuổi mình vang dội khắp thế giới, chiếm đầy trang nhất của tất cả những tờ nhật báo. Ông ta chắc chỉ nghĩ đến bấy nhiêu đó, không có gì khác. Một tình huống như thế, vô giá như thế, đã bị đánh mất, đánh mất một cách vô nghĩa.

Khi người này cho rằng người đàn ông đứng trên đỉnh đồi đang trông tìm con gia súc của mình bị lạc –thì y cũng chỉ đang nói chuyện về mình thôi. Nếu y đang đứng ở trên đỉnh đồi đó thì cũng chẳng có lý do nào khác hơn

ngoài việc trông tìm con gia súc của y bị mất. Chỉ với lý do này y mới leo lên một điểm cao như vậy.

Có rất nhiều người chạy đến tôi và hỏi, "Nếu tôi tập thiền nó sẽ mang đến cho tôi lợi ích gì trong thế gian này?" Ngay cả việc thiền quán mà họ cũng hỏi là có mang đến lợi ích, lợi nhuận gì không! Một vài người khác còn nêu câu hỏi, "Tôi đang trải qua một giai đoạn khó khăn về tài chánh, tập thiền có giúp tôi thoát ra khỏi tình trạng này không?' Thế là ngay cả leo lên đỉnh núi, bạn cũng mang theo với mình cái đầu óc hám tiền.

Đấy là lý trí, là cái đầu. Cái đầu là cái xuẩn động nhất trong sinh thể của bạn bởi vì nó được liên hệ với toàn là những thứ xuẩn động, với những thứ rác rưởi. Chẳng có cái gì quý giá lọt vào cái đầu của bạn. Nó chỉ là cái bải chứa đồ phế thải.

Người kia cãi lại, "Không đâu, chắc là ông ta đang trông chờ người bạn đấy thôi."

Đây là con người của trái tim; đây là ẩn dụ về trái tim. Y bảo rằng, "Không phải đâu, không phải chuyện của cải đâu. Ông ta đang tìm kiếm người bạn." Đây là khuynh hướng nghiêng về trái tim, tình yêu, tình bạn, lòng từ. Có thể là y đã mất một người bạn. Người này đang tỏ cho thấy tấm lòng của mình, đây là suy nghĩ của trái tim. Dĩ nhiên trái tim từ ái hơn cái đầu; cái đầu thì luôn cứng ngắt.

Cái đầu thì hay gây hấn, cái đầu là một tên hiếp dâm. Và chúng ta được huấn luyện để trở thành những tên hiếp dâm bởi vì chúng ta chỉ được huấn luyện những gì bên trong cái đầu –khát vọng, bản ngã, gây hấn. Tất cả hệ thống giáo dục của chúng ta không ngoài mục đích chuẩn bị cho con người đi hiếp dâm -hiếp dâm thiên nhiên, hiếp dâm kẻ khác, hiếp dâm mọi người, làm cách nào để gây hấn và làm thế nào để chứng tỏ rằng bạn là A Lịch Sơn Đại Đế hay Adolf Hitler hay những mẩu người xuẩn ngốc khác. Tất cả mọi nền giáo dục đều dạy cho con người khát vọng mà khát vọng là hiếp dâm –đó là lý do tại sao tôi nói rằng cái đầu là một tên hiếp dâm

Trái tim thì có lòng từ hơn, nhiều chất thơ hơn, mang tính ẩn dụ hơn, nó chứa đựng một chút thương yêu, thân hữu. Người thứ hai nói rằng, *"Không đâu, chắc là ông ta đang trông chờ người bạn đấy thôi."* Có thể một người bạn của ông ta đã lạc đường và người này tự nhủ, "Nếu ta phải đi lên cái đồi đó thì chắc là không phải chuyện đi tìm kiếm tài sản rồi, ta chỉ đến đó, chịu khổ chịu sở đến đó chẳng qua là vì muốn làm một cái gì đó cho bạn ta. Vâng, ta có thể chấp nhận một cuộc hành trình như thế chỉ là vì bạn, chỉ bởi tình yêu."

Người thứ ba không đồng ý: "Ông ta lên đứng đó để thưởng thức không khí trong lành đó mà."

Đấy là tính dục. Tính dục… Cố gắng để hiểu điều đó. Bạn cũng phải làm cho chức năng tính dục của bạn hoạt động. Người ta làm tình chẳng khác gì như đang làm tròn một bổn phận. Có rất nhiều những ông đại thánh –như ông thánh Gandhi chẳng hạn- bảo rằng bạn chỉ làm tình khi nào bạn muốn truyền sản. Thế là cái đầu lại làm chủ, nó muốn chế ngự dục tình. Chỉ làm tình khi nào bạn muốn truyền sản. Làm như tính dục không hề có một chức năng nào cả, y như một cái nhà máy sản xuất không bằng –khi nào mà bạn muốn truyền sản, tốt thôi, hãy đi làm tròn cái bổn phận ấy đi, hoàn tất cái nhiệm vụ đó một cách ngon lành và rồi kết thúc với nó.

Đối với ông thánh Mahatma Gandhi và những người như ông ta, làm tình vì dục lạc là một điều tội lỗi; vâng, ông ta gọi đó là tội lỗi. Đối với những người như vậy –mà những người này thường là những kẻ bạo dâm- bất cứ cái gì thoảng mùi vị hoan lạc đều là tội lỗi. Họ không để cho bạn làm bất cứ chuyện gì chỉ mang đến niềm vui mà phải làm có chủ đích. Họ đều là những nhà doanh nghiệp. Mahatma Gandhi cũng xuất thân từ một gia đình thương buôn, *pania*; bản thân ông ta là một *vaishya*, nhà doanh nghiệp. Và ông ta vẫn mãi là một nhà doanh nghiệp cho đến cuối đời -rất tính toán và mưu lược.

Đối với những người này, tất cả mọi chuyện đều phải có chủ đích, kể cả việc làm tình. Bạn không được yêu nàng hay chàng trong tràn ngập hân hoan, vì vầng trăng tròn lung linh trên bầu trời đêm nay, vì bải bể chiều hôm sao quá đổi tuyệt vời, vì sóng biển không ngừng âm vang réo gọi, vì cơn mưa quá thơ mộng êm đềm, vì bạn muốn chúc tụng nguồn năng lượng cuộc sống đang luân lưu. Không, ông thánh Gandhi sẽ không cho phép bạn

làm chuyện này. Đó là việc tội lỗi. Trừ phi bạn có một chủ đích nào đó -truyền sản chẳng hạn- thì đừng có làm tình nữa nhé.

Thế nhưng, chức năng của dục tính trên căn bản là lạc thú, niềm vui. Đó là một cuộc vui chơi, không phải là thương vụ hay công việc. Nó hoàn toàn là một cuộc chơi. Đó là sống hạnh phúc với năng lượng của bạn, là một sự chia xẻ, một chúc tụng cuộc đời.

"Ông ta lên đứng đó để thưởng thức không khí trong lành đó mà," người thứ ba đã nói như thế. Đối với người thứ nhất thì đây thật là một ý kiến ngu ngốc. Leo lên đỉnh đồi chỉ để thưởng thức không khí trong lành thôi à? Những người như Mahatma Gandhi, ngay cả lúc đang thả bộ cũng không phải là để tận hưởng niềm vui đi bộ -họ đi bộ chỉ vì lý do sức khoẻ. Đây là những đầu óc con buôn –mà ở đâu cũng có. Họ đi bộ chỉ vì chuyện sức khoẻ.

Và hãy nhớ rằng, điều này đang trói buộc bạn vào những chuyện rất nhỏ nhặt. Đừng nên định vị mình trong một chuyện nhỏ nhặt như thế. Sức khoẻ chỉ là một phó sản thôi. Nếu bạn đi bộ để tận hưởng không khí trong lành thì tự khắc sức khoẻ cũng sẽ từ đó mà có, bạn không cần phải lo lắng vì nó, không cần phải xem đó là một mục tiêu. Bạn cứ việc thong dong thưởng thức không khí trong lành, ánh nắng mặt trời, bầu trời cao rộng, cứ việc đi, cứ việc chạy và rồi sức khoẻ sẽ đến với bạn như là một phó sản. Bạn không cần phải đi tìm kiếm đâu cả. Bởi vì khi đi tìm kiếm nó, bạn sẽ đánh mất tất cả. Lúc đó nó trở thành một nghiệp vụ -và bạn sẽ không bao giờ còn hưởng được những thú vị của nó.

Đâu có ai tận hưởng được cái thú vị của thể dục đâu, hãy nhớ điều đó. Đừng bao giờ làm công chuyện TẬP thể dục. Hãy tận hưởng cái thú vị của nó, đừng hành xử như là một cuộc tập thể dục. Cái tiếng đó thật là tồi tệ. Cái gì là tập thể dục? Cứ việc nhảy múa, ca hát, chạy bộ, bơi lội nhưng đừng xem đó là chuyện tập thể dục. Tập thể dục phát xuất ra từ cái đầu, nhảy múa phát tiết từ trung tâm tình dục là trung tâm cảm quan sơ khai nhất của bạn. Cái nền móng cơ bản của bạn nằm ở chỗ đó. Cái đầu là kẻ đến sau. Trước khi cái đầu có mặt, trái tim đã có sẵn rồi; trước khi trái tim có mặt, tình dục đã hiện hữu.

Bạn được khai sinh ra từ trong tính dục. Do cha mẹ của bạn đã làm tình mà bạn được thụ thai. Bước chuyển động đầu tiên của bạn đi vào thế giới này đã thông qua tình dục và bước chuyển động cuối cùng của bạn trước khi từ giã thế giới này cũng thông qua tình dục. Khi năng lượng tính dục mà bạn được cha mẹ ban cấp khô kiệt, đó là lúc bạn kết thúc cuộc đời. Suốt bảy mươi năm trường bạn đã không ngừng tiêu thụ nó, nó đã là nguồn năng lực của bạn. Ngày qua ngày nó cứ tiêu mòn dần và đến một ngày nào đó nó biến mất hết -thế là bạn chết, bạn lại biến mất đi một lần nữa, và lại sẽ phải chờ đợi ai đó làm tình để bạn có cơ hội nhập vào một bào thai khác. Thông qua yêu thương mà bạn đi đến cõi đời này. Yêu thương là cánh cửa mà qua đó chúng ta nhập thế và cũng là cánh cửa mà chúng ta bước ra đi. Tình dục là kẻ đến sớm nhất; cái đầu là kẻ đến sau. Tình dục giống như cái tầng hầm trong nhà, trong khi cái đầu là rầm thượng.

Người thứ ba không đồng ý: "Ông ta lên đứng đó để thưởng thức không khí trong lành đó mà."

Ba người bộ hành chẳng ai đồng ý với ai và tiếp tục cãi nhau …

Họ chẳng bao giờ đồng ý với nhau cả, họ không thể đồng ý với nhau.

… và tiếp tục cãi nhau cho đến khi họ lên đến đỉnh đồi chỗ người kia đang đứng.

Chỉ khi nào lên đến tận đỉnh đồi thì cuộc tranh cãi mới chấm dứt, nó không hề kết thúc trước đó -bởi vì chỉ khi nào bạn bắt đầu đối diện với chính thực tại, lúc đó mới hết tranh cãi, bằng không sự đồn đoán vẫn cứ được tiếp tục. Khoảng cách giữa bạn và thực tại càng xa chừng nào, càng gây ra lắm sự tranh cãi, càng nhiều thuyết lý được đưa ra chừng nấy. Khoảng cách càng ngắn, càng bớt được sự tranh cãi, cho đến khi nào đối mặt, đụng đầu với thực tại, cuộc tranh cãi mới chấm dứt. Chỉ khi nào ba người bộ hành gặp người đàn ông đang đứng ở trên đồi họ mới thôi cãi cọ.

Người thứ nhất lên tiếng hỏi: "Này ông bạn, đứng trên đỉnh đồi trông ngóng, phải chăng ông bạn bị lạc mất con gia súc nào chăng?"

"Thưa Ngài, tôi không lạc mất con gia súc nào cả."

Cuộc cãi vả ngưng nhưng tập quán, thói quen thì không dễ gì từ bỏ. Bây giờ thì họ không còn cãi nhau, bởi vì đâu còn gì để tranh cãi khi bạn có thể nêu câu hỏi trực tiếp với đối tượng –Đã thấy tận mặt tỏ tường rồi thì đâu còn có điểm nào nữa để phải tranh cãi hay đồn đoán?

Tuy nhiên thói quen cũ vẫn cứ được tiếp tục. Thay vì hỏi trực tiếp ngay người đàn ông kia rằng ông ta đang đứng đó làm gì, người bộ hành thứ nhất lại nêu câu hỏi, *"Này ông bạn, đứng trên đỉnh đồi trông ngóng, phải chăng ông bạn bị lạc mất con gia súc nào chăng?"* Cái tập quán như vậy đã thâm căn cố đế. Ngay cả khi không còn điểm nào để tranh cãi, khi mà bạn có thể hỏi thẳng người kia là y đang làm gì, tâm thức của bạn cũng vẫn không chịu đi trực tiếp vào thực tại –nó vẫn chạy lòng vòng trên những lối mòn xưa cũ. Nó vẫn khoác lên mình cái cung cách, lề thói riêng của nó. Người này vẫn cố gắng để chứng tỏ rằng mình là đúng.

Tin tôi đi, ngay cả khi đối diện với Thượng Đế bạn cũng luôn chứng tỏ rằng –"Chỉ có Cơ Đốc của tôi là đúng, chỉ có Ấn giáo của tôi là đúng, chỉ có Hồi giáo của tôi là đúng." Và rồi bạn cũng sẽ hỏi Thượng Đế, "Ngài có phải đúng là Thượng Đế của người Cơ Đốc không?" Thế nào lúc đó bạn cũng vẫn còn mang theo bên mình cuốn Phúc Âm và cố gắng để buộc Ngài phải trả lời cho bạn rằng: "Vâng, ta đúng là ông Thượng Đế trong Phúc Âm đây." Và rồi người Ấn giáo sẽ nêu câu hỏi, "Thưa Ngài, con nay đứng trước mặt Ngài, phải chăng Ngài đúng là người đã viết nên kinh Vệ Đà, là Thượng Đế thực sự của người Ấn giáo?" câu chuyện cứ được tiếp diễn đại loại như thế…

Người thứ nhất lên tiếng hỏi: "Này ông bạn, đứng trên đỉnh đồi trông ngóng, phải chăng ông bạn bị lạc mất con gia súc nào chăng?"

"Thưa Ngài, tôi không lạc mất con gia súc nào cả."

Khi bạn không nêu một câu hỏi trực tiếp thông thường bạn sẽ nhận được một câu trả lời tiêu cực –hãy nhớ điều này. Thiền giả thường rất coi trọng vấn đề đi thẳng. Nếu bạn hỏi một cách trực tiếp bạn sẽ nhận được một kinh nghiệm tích cực; nếu bạn hỏi một cách gián tiếp, thông thường bạn nhận được một câu trả lời tiêu cực, chẳng liên hệ gì đến vấn đề. Thay vì hỏi, "Ông đang làm gì đó?" bạn lại hỏi, "Có phải ông đang tìm kiếm con gia súc bị lạc?" và thế nào bạn cũng nhận dược câu trả lời, "Không đâu, thưa Ngài."

Không bao giờ đặt bất cứ câu hỏi gián tiếp nào với thực tại cũng không bao giờ nên nêu lên câu hỏi với thực tại bằng định kiến sẵn có của mình, nếu bạn không muốn nhận được câu trả lời, "Không". Hãy hỏi một cách trực tiếp. Buông bỏ ý thức của bạn, buông bỏ tất cả những định kiến, giả định, học thuyết và hỏi thẳng vấn đề. Đó là những gì mà nhà Thiền gọi là "nhìn thẳng vào bản thể của vạn pháp."

Người kia hỏi tiếp: "Thế chắc là ông bị lạc mất người bạn chứ gì?"

"Thưa Ngài, tôi cũng chẳng có người bạn nào bị lạc cả."

Cái anh thứ hai này cũng chẳng học được bài học gì từ anh thứ nhất –cái anh vừa mới nhận được một câu trả lời tiêu cực. Chúng ta thường xuẩn động như thế vì không bao giờ chịu học. Chúng ta cứ tiếp tục bước đi trên lối mòn có sẵn. Lẽ ra lúc này người thứ hai nên rút kinh nghiệm là không nên nêu lên một câu hỏi gián tiếp thế nhưng y cũng chẳng khác gì người thứ nhất. Người Cơ Đốc đã thất bại, người Ấn giáo cũng không may mắn gì hơn, và rồi người Hồi giáo, người Kỳ Na cũng thế. Họ sẽ vẫn cứ tiếp tục lập lại một lỗi lầm giống nhau.

"Thưa Ngài, tôi cũng chẳng có người bạn nào bị lạc cả."

Người thứ ba hỏi: "Như vậy chắc ông bạn đang đứng hóng gió ?"

Người thứ ba, thay vì học hỏi kinh nghiệm từ hai người trên, đã hy vọng rằng có nhiều cơ may là mình sẽ đúng – đây là điều tự nhiên và rất hợp luận lý. Câu hỏi của hai người kia đặt ra đã bị trả lời là không đúng, thế nên anh ta nghĩ là mình đang gần với chân lý hơn. Đâu còn có xác suất nào khác? Chỉ có ba khả năng: lý trí đã thất bại, tình cảm đã thất bại, bây giờ chỉ còn lại một khả năng duy nhất -rằng tình dục sẽ thành công. Con

đường tri kiến đã thất bại, con đường đức tin cũng không may mắn gì hơn, bây giờ chỉ còn lại một con đường sau cùng -mật thừa. Mật thừa sẽ thành công.

Người thứ ba có vẻ rất chứa chan hy vọng. Hầu như y đã nắm chắc phần đúng trong tay-người đàn ông kia đâu còn có thể trả lời gì khác hơn. Ông ta đành phải nhìn nhận thôi. Thế nhưng bạn chẳng bao giờ nắm được thực tại. Thực tại quá đổi bao la rộng lớn không thể nào bị hạn chế vào một con đường nào, nó cũng không bao giờ bị hạn chế vào bất cứ một nhận định nào về nó. Chân lý bao hàm tổng thể thế nên không một bộ phận đơn lẽ nào trong bạn có thể nhận làm của riêng mình. Người thứ ba đã không học được một điều rằng hai chàng kia vốn khôn ngoan hơn nhưng đã thất bại. Anh chàng lý trí vốn thông minh nhất trong bộ ba này, đã không ngừng quán chiếu qua hằng bao thế kỷ, sáng tạo ra không biết bao nhiêu triết lý cao siêu, đã thất bại. Anh chàng trái tim, cao cấp hơn tình dục, gần gũi với cái đầu hơn, đứng ở giữa, cũng thất bại luôn.

Dĩ nhiên khi bạn đứng giữa hai cực bạn sẽ là người hiểu biết hơn vì bạn là điểm trung dung, chiết trung. Bạn có thể nhìn về cả hai phía, không hề cực đoan. Bạn có thể thấy được cái đầu, thấy được tình dục vì bạn ở ngay giữa trung tâm. Cái đầu không thể thấy được tình dục. Trái tim ở giữa có thể nhìn thấy cả hai phía thế nên trái tim có khả năng thông minh hơn cái đầu. Cái đầu có nhiều kiến thức hơn, trái tim khôn ngoan hơn -thế mà ngay cả kẻ ngôn ngoan hơn vẫn thất bại như thường. Còn tình dục, chẳng có trí thông minh nào cả, không có khả năng để trở thành khôn ngoan như trái tim… Thế nhưng thỉnh thoảng vẫn có chuyện xảy ra là những nơi mà thiên thần sợ hãi không dám bước vào, những anh chàng đần vẫn thản nhiên đâm xổ tới.

Người thứ ba hỏi: "Như vậy chắc ông bạn đang đứng hóng gió ?" "Không phải vậy đâu, thưa Ngài."

"Tất cả các câu hỏi của chúng tôi ông bạn đều trả lời là không phải, vậy ông bạn đứng đây làm gì vậy?"

Người đàn ông trên đồi trả lời: "Thì chỉ đứng chơi vậy thôi mà."

Chắc là họ đã cùng nhau nêu câu hỏi. Câu hỏi này lẽ ra nên được đặt ra đầu tiên thì lại là câu hỏi sau cùng.

Người đàn ông trên đồi trả lời: "Thì chỉ đứng chơi vậy thôi mà."

"Tôi chỉ hiện hữu. Tôi chẳng làm bất cứ chuyện gì cả." Người đàn ông trả lời một cách đơn giản, "Tôi là trung tâm của cái tam giác đó."

Chỉ đứng vậy thôi. Đây chính là thiền. Đây là trạng thái vô tác –không suy tưởng, không cảm xúc, không tình dục; không ở trong thể xác, không ở trong trái tim, không ở trong cái đầu –không hề bị cột chặt vào bất cứ đâu, chỉ thong dong đứng ở giữa trung tâm của cái tam giác.

Cái tam giác này là Thiên Chúa ba ngôi, là ba khuôn mặt của Thượng Đế, mà ngay giữa trung tâm chính là Thượng Đế. Thượng Đế là vô tác, Thượng Đế chỉ hiện hữu. Sống là sống trong thiền. Và một khi bạn đạt đến cái trung tâm điểm này cũng là lúc mà ba người bộ hành trong bạn biết cách đặt câu hỏi một cách trực tiếp.

Câu chuyện được chấm dứt ở đây bởi vì câu chuyện thực sự phải được kết thúc ở điểm này –nó không thể đi xa hơn. Ba người kia phải rơi vào im lặng. Họ không hề nhận ra được cái khả năng này, cái khả năng thứ tư -mà Ấn giáo gọi là *turiya,* cái thứ tư- không thể được nhận ra bởi lý trí, trái tim hay dục tình, không hề được nhận ra. Nó hiện hữu nhưng không hề được nhận biết, không cách gì có thể nhìn thấy nó dù đứng ở bất cứ góc cạnh nào. Tuy nhiên khi mọi góc cạnh được buông bỏ, khi bạn tuyệt đối trần truồng, khi bạn không còn mang sẵn một định kiến, không còn những lớp vỏ y phục bao che, lúc bạn tuyệt đối chìm trong tĩnh lặng, lúc đó bạn sẽ thấy.

Hãy lắng nghe câu nói, *"Tôi chỉ đứng thôi mà,"* tất cả bộ ba lúc này đều rơi vào trong yên lặng. Ngay cả họ không thể nào tưởng tượng ra có một tình huống như thế. Bây giờ thì không còn chuyện gia súc, bạn bè, không còn việc thưởng thức không khí trong lành, hoặc những việc đại loại như thế - điều này chắc chắn đã gây nên một cú «sốc». Khi bạn lần đầu tiên đạt đến cảnh giới thiền, tất cả mọi trung tâm ở trong bạn đều chấn động trong yên lặng. Lý trí tĩnh lặng, ngôn ngữ không còn chuyển động; trái tim tĩnh lặng,

cảm thọ không còn che mờ bạn; tình dục tĩnh lặng, dục tính không còn khởi hiện. Thấu đạt chân lý, tất cả đều trở nên tĩnh lặng.

Câu *"Tôi chỉ đứng thôi mà,"* chính là định nghĩa của Thiền. Một khi bạn đã đạt đến điểm này có nghĩa là bạn đã đạt đến một sự hoà điệu ở trong bạn. Đây là bước đầu tiên, bước Yoga, bước Gurdijieff, bước nỗ lực, bước ý chí trong Thiền. Rồi thì bước kế tiếp sẽ tự động xảy đến, bạn không cần phải làm bất cứ chuyện gì cả; bước đầu vẫn còn cần đến tác hành, bước tiếp theo chỉ là một hiện bày.

Bạn đã đi một đổi khá xa đủ để lên đến tận đỉnh đồi và đứng đó vượt lên trên tất cả những bóng tối của lũng sâu, vượt lên trên tất cả mọi ngả đường, mọi quan điểm, tôn giáo, triết học; bạn phải vượt qua chúng. Dĩ nhiên đây không phải là chuyện dễ dàng, mà rất là khó khăn gian khổ. Nhưng một khi bạn đã đạt đến đó, đứng ở đó, là Thượng Đế hiện bày. Ngay chính trong khoảnh khắc khi mà thế đứng của bạn không còn bị nhiễu loạn, đột nhiên bạn hiệp thông với Thượng Đế. Bạn tan biến đi, Thượng Đế cũng tan biến đi; chỉ còn lại nhất thể.

Cái nhất thể đó là đại định –đó cũng là điểm khác biệt giữa đạt ngộ và đại định. Đạt ngộ là đạt đến sự hoà điệu nội tại trong bạn, đó là bước đầu tiên. Đại định là đạt đến sự hòa điệu với tổng thể, đó là bước cuối cùng. Trong đạt ngộ, những mối xung đột trong bạn tan biến đi; trong đại định ngay chính bạn đồng thời cũng tan biến luôn.

Đạt đến lạc thú này là đạt đến tình trạng không còn xung đột nội tại; đạt đến cực lạc này cũng có nghĩa là hoà chung nhịp đập với vũ trụ. Đó là lúc bạn nhảy múa cùng muôn vì sao, lớn dậy cùng cỏ cây, nở hoa cùng vạn thảo, hát ca cùng chim chóc, thét gào với sóng biển, chan hòa trong cát mịn. Bạn trải rộng ra muôn phương, hiện hữu khắp mọi chốn. Bạn có mặt ở khắp nơi và cũng không ở một nơi chốn nào cả -đấy là mục tiêu duy nhất.

Và cái mục tiêu này ẩn chứa một nét đẹp tuyệt vời... Nét tuyệt mỹ này chính là một niềm vui không mang tính bóc lột. Khi bạn muốn có thật nhiều tiền, bạn sẽ phải bóc lột kẻ khác. Bạn sẽ không thể nào có thêm tiền nếu như không làm cho những người khác ở đâu đó nghèo đi. Nếu bạn muốn tăng thêm quyền lực chính trị, bắt buộc bạn phải tước đoạt từ kẻ khác.

Tất cả mọi nguồn lạc thú ngoài thiền đều mang tính bóc lột. Ngay cả khi bạn đang yêu một cô gái đẹp, đó cũng là một bóc lột, bởi vì người đẹp này sẽ không còn sẵn sàng cho bất cứ ai khác nữa. Bạn đã chiếm hữu nàng, vạch ra một lằn ranh, và bây giờ nàng đã xem như thuộc về bạn. Bây giờ bất cứ ai yêu nàng, cũng sẽ không tránh khỏi được khổ đau hệ lụy, vì nàng đã có người yêu

Ngoại trừ thiền tất cả mọi lạc thú đều mang tính bóc lột. Chỉ có Thiền mới có niềm vui không mang tính bóc lột, chỉ có thiền là một niềm vui vô tranh. Bạn không hề dành lấy của ai bất cứ cái gì, mà đơn giản, chính bạn chỉ lớn

dậy trong đó. Giác ngộ không hề là cái gì đó xảy ra từ bên ngoài, mà là cái gì đó được nẩy mầm từ trong bạn, nở hoa ở trong bạn. Đó là một sự trưởng dưỡng, không phải là một thành quả.

Đó là lý do tại sao giác ngộ không thể là một hành trình của bản ngã. Thiền là một hành trình vô ngã. Thiền là gì ? Thiền là hiện hữu trong hoà điệu nội tại lẫn ngoại tại. Thiền là hiện hữu trong hoà điệu. Thiền là sự hoà điệu.

CHÚ THÍCH :

(1) Gurdjieff (1866-1949): George Ivanovitch Gurdjieff là người Armenian gốc Hy Lạp, sinh quán tại Alexandropol gần biên giới Nga-Thổ. Trong hành trình tìm đạo, ông đã đến Đông phương để nghiên cứu học hỏi về mật tông. Năm 1922, ông đến Pháp và định cư tại Paris, thành lập học viện "Institute for the Harmonious Development of Man", giới thiệu với phương Tây một giáo lý cổ truyền của mật tông chưa hề được biết đến về phát triển và tỉnh thức tâm linh, biến cuộc sống đời thường thành đời sống chân lý một cách sáng tạo. Đây là một giáo lý nhất quán và đầy năng lực của mật tông, độc lập với tất cả các trường phái khác, để giúp con người tự chuyển hoá, và ông gọi đó là Đệ Tứ Đạo Lộ, "*the Fourth Way*." Gurdjieff cũng lên tiếng cảnh báo rằng nhân loại có thể bị hủy diệt, trừ phi "minh triết" của phương Đông và «năng lượng» của phương Tây được kết

hợp và sử dụng hài hoà. Ông đã đào tạo được nhiều môn sinh tài giỏi.

(2) Krishnamurti (1895-1986): Jiddu Krishnamurti thoạt tiên được «khám phá», nuôi dưỡng và đào tạo bởi Hội Thông Thiên Học Adyar, Ấn Độ và người ta tin ông là một nhà tiên tri hoá thân của Thượng Đế hay Messiah. Nhưng kể từ năm 1929, Krishnamurti đã từ bỏ tất cả để bắt đầu giảng dạy triết thuyết riêng của mình. Ông tin rằng thiền định mang lại trật tự ổn định cho những hoạt động tư duy, từ đó tâm hoàn toàn tĩnh lặng và đây chính là chìa khoá để chấm dứt những khổ đau, phiền não của nhân loại.

(3) Plato (427 – 347 BC) : Triết gia Hy Lạp, môn sinh của Socrates và là thầy của Aristotle. Sinh trưởng trong một gia đình thuộc giòng dõi quý tộc tại Nhã Điễn, ông đã chứng kiến phiên xử tội của thầy mình và sự kiện này đã lưu lại một dấu ấn sâu đậm trong suốt đời ông. Ở tuổi 40, ông thành lập một học viện đầu tiên của nền văn minh Tây phương, Academus –The Academy, và dành rất nhiều thì giờ để giảng dạy tại đây. Một trong những lý thuyết nổi bật của ông, cho rằng thực tại chung quanh ta chỉ là những phản chiếu của một chân lý ở một cõi cao hơn. Plato đã chiếm một vị trí quan trọng trong lịch sử Triết học Tây phương. Những tác phẩm của ông, đa phần dưới dạng đối thoại hiện vẫn còn tồn tại.

(4) Charles Darwin (1809-1882): Người Anh, cha đẻ của thuyết tiến hoá. Thoạt tiên theo học Đại học Y khoa tại Edinburg, nhưng sau đó từ bỏ và theo học ngành địa chất tại Cambridge. Sau khi tốt nghiệp, ông tham dự một chương trình thám hiểm vùng duyên hải Nam Mỹ trong năm năm và trở về Anh quốc vào tháng 10, 1936. Do việc khảo sát những mẫu phẩm vật mang về từ cuộc hành trình này mà lý thuyết tiến hoá ra đời, trong đó kể cả việc cho rằng nhân loại là kết quả của một tiến trình tiến hoá tự nhiên chứ không do ai sáng tạo. Lý

thuyết của Darwin ngày càng được kiểm chứng bởi sự tiến bộ của khoa Sinh vật học và sự khám phá DNA.

(5) Mahavira (599-527 BC): Được xem là Đấng Giác Ngộ thứ 24 và cũng là cuối cùng của Kỳ Na Giáo. Mahavira hay Mahavir là một hoàng tử, sinh tại tiểu quốc Bihar, Ấn Độ. Đến năm 30 tuổi, Mahavira từ bỏ tất cả tài sản, tước vị, kể cả y phục để trở thành một hành giả. Sau hơn 12 năm chìm sâu trong thiền định, Mahavira đạt thành giác ngộ và sau đó đã đi bộ khắp cả Ấn Độ để rao truyền chân lý mà ông đã tìm ra mà mục tiêu tối hậu là đạt đến Moksha, một tình trạng cực lạc hoàn toàn, giải phóng khỏi vòng sinh, diệt, khổ đau. Mahavira nhập Moksha năm 72 tuổi.

(6) Zarathustra : Zarathustra hay là Zoroaster là một trong những vị thầy vĩ đại của Đông phương, người khai sáng Bái Hỏa giáo - Zoroastrianism, được coi như là quốc giáo của Ba Tư dưới vương triều **Achaemenid,** trong khoảng từ 1400 đến 1200 BC (về thời điểm xuất hiện của tôn giáo này, một số học giả khác ước định tối thiểu cũng phải khoảng năm 600 BC).Học thuyết của Zarathustra hay của Bái Hỏa giáo có thể tóm tắt như sau: Từ buổi ban sơ của vạn hữu đã có sự hiện hữu cuả hai vị thần linh đại biểu cho thiện và ác. Sự hiện hữu của cái ác, như thế đã được thiết định ngay từ đầu. Cả hai vị thần linh này đều có những quyền năng đặc biệt và đối chọi nhau trên mọi lãnh vực. Vi thiện thần, Ormazd, là ánh sáng, đời sống, sáng tạo ra tất cả những gì là tinh khiết, tốt đẹp -cụ thể như môt thế giới đạo đức, công chính, trật tự, chân lý. Vị ác thần đối đầu là bóng tối, là cái chết và tạo ra tất cả những gì xấu xa nhất trên thế gian này. Hai thế lực tinh thần này tranh đấu lẫn nhau. Sự chiến thắng tối hậu của vị thiện thần là một nhu cầu đạo lý của lương tâm tôn giáo và là yếu tính của Bái Hỏa giáo.

(7) Raman: Xem **Ramana Maharshi** (1879-1950)

(8) Ramakrishna: **Sri Ramakrishna Paramhansa** (1836-1886), là một đạo sư Ấn giáo quan trọng của thế kỷ thứ 19, thuộc trường phái Advaita Vedanta, nêu bật tính cách bất nhị giữa Tiểu Ngã (Atman) và Đại Ngã (Brahman). Ông cho rằng tất cả mọi tôn giáo đều có một mục tiêu giống nhau, và xem trọng vai trò của tín ngưỡng tinh thần hơn là chủ nghĩa lễ nghi mù quáng. Giáo lý của Ramakrishna có thể được thu gọn trong bốn trọng điểm: Tính cách nhất thể của vạn hữu; sự thánh hoá của mọi chúng sanh; sự hợp nhất của Thượng Đế; và sự hoà điệu của các tôn giáo. Giáo lý của ông đã được kết tập bởi một đệ tử xuất sắc là Đạo sư Vivekanada, người thành lập giáo phái RamakrishnaMission.

CHƯƠNG 8
Đến Từ Cái Bụng

Trong tiến trình Fischer-Hoffman (1), người ta khám phá ra rằng mỗi người đều có sẵn trong mình một kẻ khải đạo. Kẻ khải đạo của tôi là thẳng thắn, cởi mở, không làm điều quấy, không nhập nhằng.

Nàng bảo tôi rằng không nên trở thành một hành giả quy hướng theo ngài.

Câu hỏi của tôi là: Có nên và cần thiết hay không để trở thành một hành giả như thế? Có vết nhơ nào bám chặt vào những người không là một hành giả? Tôi cảm thấy không có gì trong tôi mâu thuẫn với những gì trong ngài và như thế tôi cảm thấy tôi không thể hay là không cần hoặc không nênquy hướng trở thành một hành giả -sannyasin, của ngài.

Đây là câu hỏi của Richard Lee.

Câu trả lời của tôi là, ông Richard Lee ạ, đừng nên hèn nhát như thế!

Cái tâm vốn rất khôn lanh, rất thuần lý. Nó có đủ mọi phương cách để tự vệ; nó luôn ở trong thế phòng ngự. Trở thành một hành giả -*sannyasin*, là kẻ thù sinh tử của nó. Tâm sẽ làm tất cả mọi chuyện để ngăn ngừa bạn làm một bước nhảy. Thế nên khi trông chờ sự hợp tác của tâm, bạn sẽ trông chờ vĩnh viễn. Tâm sẽ không bao giờ cộng tác.

Quyết định để chọn con đường trở thành một hành giả -*sannyasin*, không đến từ tâm mà đến từ một nơi nào khác, một nơi nào đó sâu thẳm hơn, cao xa hơn. Nó đến từ cái bụng, từ sinh thể của bạn. Đó không phải là một hiện tượng thuộc về tâm. Bạn không thể nào đi vào con đường hành giả bằng quyết định, bằng cửa ngỏ của tâm. Nếu bạn đi vào bằng cách đó bạn sẽ mất nó ngay. Cho dù bạn có đạt được rồi bạn cũng sẽ mất. Trước tiên, tâm phải được buông bỏ, và khi tôi nói rằng tâm phải được buông bỏ, tôi muốn nói đến tính cách toàn bộ, nhất quán của vấn đề.

Tiến trình Fischer-Hoffman Process không giúp ích gì được cho bạn ở đây. Cái Tiến trình này rất tốt –và cho đến bây giờ, mang đến rất nhiều lợi ích, thế nhưng ở đây, thông qua Tiến trình này, bạn đã tạo ra một chướng ngại. Bởi vậy trước tiên hãy để tôi giải thích Tiến Trình này thực sự là gì và nó có thể giúp ích cho bạn đến mức nào. Bởi vì đôi lúc nó trở nên vô cùng khốc hại, vô cùng ức chế.

Tiến trình Fischer-Hoffman Process được gắn liền với tâm thức. Tâm có ba tầng. Cái tâm mà chúng ta thường biết đến là tâm thức. Nó cũng có hai tầng -một tầng ở dưới và một tầng ở trên- mà chúng ta không hề biết. Tầng ở dưới đáy là vô thức (hay tiềm thức), tầng ở trên là siêu thức. Tâm thức chỉ là một phần rất nhỏ của tổng thể nhưng bởi vì nó là ý thức nên nó tự coi mình là đầu não. Tâm thức được chia ra làm hai bộ phận và cả hai cái tâm kia cũng được phân ra làm hai như thế -bởi vì để hiện hữu mọi thứ

đều cần phải có hai mặt: giống đực và giống cái, âm và dương, ngày và đêm. Tất cả mọi thứ được hiện hữu thông qua nghịch lý, thông qua đối cực. Nhưng đối cực thực ra không phải là đối nghịch mà chỉ là sự bù trừ bổ túc cho nhau.

Như vậy điều cần ghi nhớ đầu tiên là có tất cả ba loại tâm, mỗi loại lại được chia ra làm hai phần, thế là ta có cả thảy sáu loại tâm.

Tâm thức được chia ra làm hai phần: tư duy và cảm thọ (tưởng và thọ). Phần tư duy được phát triển bằng cái giá của cảm thọ. Phần lý trí được phát triển bằng cái giá của trực giác. Nếu bạn là đàn ông thì phần nam tính của bạn được phát triển đầy đủ nhất, phần nữ tính chẳng hề phát triển tí nào. Nhưng thiếu phần nữ tính này bạn sẽ không bao giờ là một tổng thể.

Tiến trình Fischer-Hoffman là di chuyển cái trọng tâm của bạn từ phần tư duy qua phần cảm thọ -một chuyển động từ luận lý sang viễn mơ, từ ngày sang đêm. Nó rất là đơn giản. Nếu bạn trở nên thụ động, nếu bạn thư giản, nếu bạn bắt đầu tưởng tượng, nếu bạn bắt đầu sống trong mơ mộng, thế bạn đang thay đổi vị trí. Nó cũng chẳng khác gì bạn đang sang số xe. Phần tư duy của bạn quá đổi mệt mỏi bởi vì nó làm việc quá mức, thế nên khi bạn muốn đổi qua phần không tư duy, nó rất sẵn sàng. Đó là lý do tại sao ta nằm mơ nhiều vào lúc ban đêm để lấy lại quân bình. Ban ngày bạn sử dụng tối đa phần tư duy làm cho nó mệt mỏi, nó đi ngủ vào ban đêm, và đây là lúc mà giấc mơ -vốn không hề mệt mỏi vì bạn chưa dùng tới nó- bắt đầu làm việc. Những gì hiện hữu trong những giấc mơ được sử dụng trong phương pháp trị liệu Fischer-Hoffman. Đây là một phương pháp tuyệt vời, rất khoa học.

Nếu bạn bắt đầu tìm kiếm một kẻ khải đạo, bạn sẽ không kiếm thấy nó ở đâu ngoài trực giác. Richard Lee đã tìm thấy kẻ khải đạo này và gọi nó là 'nàng'. Một điều khá tự nhiên, khi người đàn ông tìm kiếm kẻ khải đạo, nó

sẽ đến trong dạng người nữ -cũng thế khi người phụ nữ tìm kiếm kẻ khải đạo, nó sẽ đến trong dạng người nam. Phần bị khước từ sẽ lên tiếng nói. Và như thế kẻ khải đạo, người chỉ hướng chẳng là gì cả ngoài cái phần nữ tính của bạn.

Thế nhưng Tiến trình Fischer-Hoffman được gắn liền với tâm thức. Từ tưởng thức bạn đổi hướng qua mộng mơ ý thức, nhưng hãy nhớ điều này, cái ý thức đó vẫn là cái tưởng thức cũ, không có gì thay đổi. Nó chỉ hổ trợ, nó chỉ bổ túc, nhưng cơ bản thì không có gì thay đổi. Trong tận cùng sâu thẳm nó vẫn sẽ đi theo cùng một mẫu mực mà phần tưởng thức đã vạch ra –nó sẽ cũng bước theo cùng một lộ trình. Có thể nhìn trên bề mặt bạn không nghĩ như thế nhưng thực ra nó vẫn dùng chung cùng một bản đồ. Sẽ không có một bản đồ nào khác.

Phần tưởng thức của bạn lo sợ trở thành một hành giả -*sannyasin*. Nỗi sợ hãi này được truyền đến cho phần cảm thức. Nhưng tưởng thức vẫn đứng ở đàng sau hậu trường. Bất cứ những rung động nào thấm sâu vào bạn cũng đều được chuyền đến đó. Nếu bạn đang giải một bài toán, có thể nó không gây ra một tác động nào, nhưng nếu bạn chú tâm quá mức vào bài toán, nó sẽ được chuyển tải đến đó. Và nếu là vấn đề sinh tử hơn, vấn nạn đó sẽ xuyên sâu hơn vào phần trực giác và đôi khi đáp số cũng sẽ được phát xuất từ đây. Nếu bạn đang yêu, tình yêu này sẽ lắng chìm vào phần sâu thẳm nhất trong bạn. Còn nếu bạn đang sợ hãi, nỗi sợ hãi cũng ăn sâu vào như thế.

Richard Lee là một giáo sư, một người rất thuần lý. Nỗi sợ hãi của ông ta đã thấm nhập vào phần nữ tính. Bây giờ ông ta đang tham vấn kẻ khải đạo của mình. Ông ta sẽ nhắm nghiền đôi mắt lại, sẽ di chuyển từ mặt tích cực sang thụ động, từ bán cầu não trái sang bán cầu não phải. Ông ta hình

dung ra kẻ khải đạo ngay trước mắt mình, sẽ kêu cầu, sẽ đi theo, sẽ tham vấn với y. Nhưng kẻ khải đạo này không ai khác hơn lại chính là cái bóng của Richard Lee. Đấy là tình yêu, là nổi sợ, là đời sống, là cái chết của chính bạn. Một sự phản chiếu sâu đậm nhất của hình ảnh bạn.

Chỉ có ngôn ngữ là thay đổi. Nếu cái tâm thuần lý của bạn lên tiếng, "Đừng có trở thành một hành giả *-sannyasin*", nó sẽ cung cấp cho bạn đủ mọi lý lẽ, nó sẽ đưa ra những luận lý, sẽ cho bạn những lời tranh biện. Thế nhưng nếu bạn hỏi phần nữ tính trong bạn, nó sẽ không đưa ra bất cứ luận lý nào mà chỉ đơn giản kêu lên, "Không. Đừng có làm chuyện đó," giống như thường tình phụ nữ. Họ không cần phải tranh luận, họ chỉ đưa ra kết luận. Tranh luận không phải là đặc tính của phái nữ, tiến trình tranh biện không hề hấp dẫn họ. Họ chỉ việc nhảy ngay vào kết luận. Chỉ kết luận thôi. Trong khi lý trí đi vào chi tiết, trải qua một tiến trình suy nghĩ cân nhắc lâu dài, phân tích lợi hại rồi mới đi đến quyết định, trực giác quyết định ngay, nó chỉ đơn giản trả lời có hoặc không.

Bạn hỏi rằng, "Tôi có nên trở thành một hành giả *-sannyasin*?" và phần nữ tính trong bạn, cái mà bạn gọi là 'kẻ khải đạo', trả lời không. Nỗi sợ hãi của bạn đã ăn sâu vào khu vực bán cầu não phải. Bạn đúng là một kẻ chết nhát.

Phương pháp trị liệu Fischer-Hoffman chỉ đi đến được tới đây, không thể đi xa hơn. Vâng, nó sẽ cho ta một sự cân bằng nào đó, nhưng đó là sự cân bằng đối cực -biết lắng nghe tiếng nói của cả hai loại tâm, nhận thức rằng cái phần kia cũng là của chính bạn, và từ đó bạn sống một cuộc sống quân bình hơn. Cũng tốt thôi, không có gì sai lầm với chuyện này cả. Đó là những gì xảy ra khi bạn đang nằm mơ, đang uống rượu, đang dùng ma túy -một sự đổi hệ. Lý trí được buông bỏ, luận lý được buông bỏ, tranh luận được buông bỏ -và bổng dưng bạn trôi chuồi vào trong một thế giới của những cơn mơ. Thế nhưng dĩ nhiên điều này chẳng giúp ích gì cho bạn trong hành trình tâm linh.

Bây giờ hãy nhìn vào cái thứ hai, cái tâm sâu thẳm hơn được gọi là vô thức hay tiềm thức. Nó cũng được phân ra làm hai -tưởng thức và trực giác. Thế nhưng phương pháp trị liệu Fischer-Hoffman chưa bao giờ đụng đến được phần vô thức, nó chỉ quanh quẩn trong phần ý thức, vốn rất là thuần nhất. Nếu ta xem ý thức như một thể rất rắn chắc, có một đường phân ranh giới rõ ràng giữa phần tưởng thức và cảm thức, thì vô thức như ở trong trạng thái lỏng, phần tưởng thức và trực giác đan quyện vào nhau, không hề có biên giới phân cách, như bất kỳ thể lỏng nào.

Và cái thứ ba, siêu thức, được xem như ở trạng thái hơi –nó không còn đan quyện vào nhau mà là một thể thống nhất. Cảm thức và tưởng thức là một, không có sự phân chia. Trong siêu thức không còn có sự phân chia -cảm thọ và lý trí là một. Cảm và nghĩ xuất hiện đồng thời, cùng nhau. Bạn suy tưởng, bạn cảm thọ đi đôi với nhau, cùng một lúc. Không hề có nhị nguyên tính. Trong vô thức còn có vấn đề nhị nguyên nhưng chỉ mờ nhạt, không rõ ràng. Đây không phải là thể rắn mà là thể lỏng. Trong tâm thức thì nhị nguyên rất rõ ràng, với đồ bản và rào chắn đàng hoàng –có cả một bức Vạn Lý Trường Thành ngăn chia giữa tưởng thức và cảm thức.

Phương pháp trị liệu Fischer-Hoffman chỉ đứng ở bên ngoài bức tường vững chắc của vô thức. Muốn đi vào sâu hơn người ta sẽ phải dùng những phương pháp khác –yoga, tài chi, tantra, thái cực đạo, hiệp khí đạo, v.v… Chúng có khả năng đưa bạn vào sâu hơn là Fischer-Hoffman, đến tận phần vô thức. Một khi bạn đã ở trong trạng thái vô thức, lần đầu tiên bạn sẽ có được những cái nhìn thoáng qua về nhất thể -nhưng đây chỉ mới là những

cái nhìn thoáng qua thôi. Một sự phân cách vi tế vẫn còn hiện hữu. Cũng giống như khi bạn trộn nước với dầu –không có một bức tường nào chia biệt chúng, vì cả hai đều là thể lỏng, thế nhưng vẫn còn phần nào phân cách giữa nước và dầu, giữa phần hoà trộn và phần chưa hòa trộn.

Trong phương pháp trị liệu Fischer-Hoffman người ta không phải cần thêm gì cả. Bạn có thể thực hiện lấy một mình. Nó rất là đơn giản. Bạn có thể ngồi một cách thư giản trên chiếc ghế và chuyển hệ. Đối với cái thứ hai, vô thức, bạn không thể nào làm lấy một mình, bạn cần một phương pháp quy mô hơn, yoga chẳng hạn –và được huấn luyện thực tập trong nhiều năm. Hoặc tài chi, hiệp khí đạo, thái cực đạo -bạn cần rất nhiều năm để luyện tập. Rất là có phương pháp. Trong cái thứ nhất, chỉ là sự chuyển hệ từ tưởng qua thọ -tưởng thức qua cảm thức-… Đây là chuyện rất dễ dàng, bất cứ ai cũng làm được. Thật ra, ngay từ khoảnh khắc bạn ngồi thư giản trên chiếc ghế, nó đã bắt đầu xảy đến, bạn đã bắt đầu đi vào những giấc mơ của cơn mộng ngày rồi. Đấy là Fischer-Hoffman. Cái thứ nhất như vậy rất đơn giản -những nhà thơ luôn luôn ở trong trạng thái như thế, những nhà họa sĩ, nghệ sĩ cũng thế, trẻ con cũng luôn ở trong tiến trình này. Bạn có thể thực hiện dễ dàng. Và đó cũng là điều hay, tôi không có gì để chống lại cả, nó cũng tốt thôi. Thay vì cứ mãi trói chặt mình vào phần tưởng thức ta để cho phần cảm thức được lên tiếng nói. Như vậy cái sinh thể của bạn sẽ phong phú hơn. Thế nhưng cái tâm thức của bạn chỉ là một mảng rất nhỏ. Nó có lớn hơn tưởng thức nhưng vẫn chưa đủ. Trong giới hạn của nó, nó khá tốt nhưng vẫn chưa đi đủ xa.

Trong cái thứ hai, người ta cần phương pháp. Không phương pháp bạn sẽ không làm gì được với cái này -bởi vì sự chuyển hệ từ tưởng qua thọ trong

ý thức xảy ra trên một mặt bằng, nhưng sự chuyển hệ từ ý thức sang vô thức diễn ra ở tận đáy tầng. Đây là một hiện tượng phức tạp. Nó giống như là bạn đang nhảy lao đầu lặn sâu xuống nước. Bạn sẽ cần phải biết lội, bạn sẽ cần phải biết cách tích lũy dưỡng khí trong buồng phổi để dùng trong một khoảng thời gian dài và đồng thời bạn cũng phải có chút can đảm. Bạn đang chấp nhận chuyện rủi ro. Không ai có thể biết trước được những gì xảy ra ở dưới mặt nước, không ai biết được cái gì ở đó. Bạn đang đi sâu vào bóng tối, bạn đang đi vượt ra ngoài những biên giới của xã hội loài người, văn hoá.

Có đủ tất cả mọi khả năng tình huống sẽ xảy ra. Bạn có thể sẽ nổi điên lên. Bạn cần đến một phương pháp tốt đẹp để bảo vệ bạn, để làm cho bạn đủ tỉnh táo. Bạn đang di chuyển đến một vùng rất hoang dã, một sa mạc khô cằn. Có đủ mọi hình thái áp bức ở đó, cả toàn bộ quá khứ nhân loại ở đó. Đó là một cái hồ chứa vĩ đại –danh từ nhà Phật gọi là *ale vigyan –A lại da thức*. Đó là cái hồ chứa ý thức. Tất cả những gì mà bạn biết được một cách có ý thức hay vô ý thức đều được tích chứa ở đó. Bạn đang dọn vào đó cả một đại dương của thông tin, cảm thọ, nhận thức, trực giác, dục tính, ức chế. Không ai biết được trong cái vô thức này đã tích lũy được bao nhiêu trong đó. Bạn sẽ cần một phương pháp tốt đẹp để đưa bạn đến đây.

Những phương pháp sẽ làm công việc này. Bạn không cần phải có một vị Thiền sư, bạn không cần đến một bậc giác ngộ. Phương pháp sẽ làm việc. Bạn có thể kiếm một ông thầy giáo, như vậy là đủ rồi. Người thầy giáo có thể chỉ dạy cho bạn phương pháp và rồi bạn sẽ trông cậy vào phương pháp này. Phương pháp sẽ giúp bạn.

Tuy nhiên trong chừng mức của cái thứ ba, nó sẽ khó khăn hơn -bởi vì với cái thứ nhất, bạn chuyển động trên cùng một mặt bằng, trong cái thứ hai bạn đi vào chiều sâu, nhưng đối với cái thứ ba thì bạn bắt đầu đi vào chiều cao. Bạn bắt đầu bay lên, bạn bắt đầu tháp cánh. Chuyện này chắc chắn là

khó khăn hơn vì bạn đang leo ngược giốc. Bạn sẽ cần đến một vị Thầy, bạn cần ai đó đã trải qua những kinh nghiệm sống động nắm lấy tay bạn dẫn đi trong cuộc hành trình này.

Thế là trở thành một hành giả -*sannyasin*. Nếu bạn không muốn đi vào siêu thức bạn không cần phải trở thành một hành giả. Nếu bạn không cần đi vào cõi vô thức, bạn sẽ không cần đến bất cứ phương pháp nào –tài-chi hay yoga hay tantra. Và nếu bạn không cần chuyển từ tưởng thức qua cảm thức thì bạn cũng đâu cần đến cả phương pháp trị liệu Fischer-Hoffman. Tất cả đều tùy thuộc ở bạn.

Vấn đề là thực sự bạn có muốn trưởng thành hay không? Như vậy trước hết bạn có thể tự làm lấy một vài việc một mình. Bạn cũng có thể làm một vài việc với một phương pháp nào đó. Thế nhưng bạn chỉ có thể làm được việc cuối cùng trong tình yêu thẳm sâu nhất với ai đó đã đạt ngộ, đã nắm vững con đường đi lên đỉnh dốc. Bạn có thể níu tay y. Sự tin cậy vô cùng cần thiết. Đối với cái thứ nhất, bạn chỉ cần kiến thức; với cái thứ hai, bạn cần phương pháp; còn cái thứ ba, bạn cần một Đạo sư.

Con đường hành giả là khoa học của *synactics*. Đây là một danh từ mới được đặt ra bởi một ít người. Tối rất thích chữ này –*synactics*. Nó có nghĩa là khoa học về những kết nối. Hành giả là *synatics*; nó kết nối bạn với ai đó đã đạt đạo. Bằng kết nối với ai đó đã đạt đạo, cuộc hành trình tâm linh của bạn bắt đầu. Thật ra vị Đạo sư sẽ chẳng làm bất cứ điều gì cho bạn cả, ông ta chỉ là một chất xúc tác. Tuy nhiên sự hiện hữu của ông ta đã cho bạn niềm tin, cho bạn sự can đảm, cho bạn sự tin cậy. Sự hiện diện của ông ta

trở thành như một bằng chứng cho thấy có một cái gì đó ngoài tầm hiểu biết hiện hữu -rằng cái ngoài tầm hiện hữu.

D.T. Suzuki, một trong những nhân vật có tầm vóc nhất của thời đại này có nói rằng: «Không hề có sự truyền thừa những bí ẩn nào từ một vị Thiền sư đến đệ tử. Giảng dạy không phải là điều khó, lắng nghe càng không phải là việc khó khăn, tuy nhiên điều khó khăn thực sự là bạn nhận ra được những gì tiềm ẩn ở trong người và có khả năng sử dụng được nó như là của riêng mình. Sự thân chứng, tức là cái nhìn thấu suốt vào sinh thể bạn, được gọi là đạt ngộ. Đạt ngộ là sự tỉnh thức từ một cơn mê dài.»

Thế nhưng quả thực đây là điều rất khó khăn trừ phi bạn được thân cận với ai đó đã tỉnh thức. Bởi vì có đôi khi bạn tưởng rằng mình đã giác ngộ - đây là phần khó khăn nhất trong hành trình tâm linh. Bạn có thể ngỡ là mình đã giác ngộ nếu như không có một vị đã giác ngộ ở kế bên bạn. Không có cách gì để phán đoán là mình đã thức tỉnh hay vẫn còn chìm trong cơn mơ. Bạn có nhớ lại những giấc mơ mà khi đang mơ bạn thấy là mình đang tỉnh. Chắc là bạn đã từng có những giấc mơ khi đang ngủ nhưng có cảm giác là mình đang thức và khi thức dậy bạn không khỏi bật cười. Lúc ấy bạn mới biết rằng đó chỉ là một giấc mơ.

Nhưng ai biết? Lúc bạn nghĩ rằng mình đang tỉnh thức biết đâu lại cũng chỉ là một giấc mơ. Một người có thể nằm mơ trong một giấc mơ của một cơn mơ và cứ tiếp diễn như thế. Bạn có thể đang mơ thấy bạn sắp sửa đi ngủ, đang sửa soạn giường chiếu, rồi bạn ngả xuống giường và cảm thấy buồn ngủ rồi bạn đi ngủ và nằm mơ trong giấc ngủ đó. Bạn cũng có thể nằm mơ thấy mình sắp đi ngủ, sửa soạn lêo lên giường và rồi bị té. Khi té xuống bạn lại bắt đầu nằm mơ -đại loại như vậy. Bạn có thể tiếp tục cho đến vô cùng, *ad infinitum*.

Một vị đã giác ngộ là một cần thiết cho bất cứ những ai đã quyết định bước đi trên hành trình rốt ráo.

Tại Nhật, giới Thiền gia có câu ngạn ngữ :

Kokoro koso,

kokoka mayowasi,

kokoro nare;

kokoro ni,

kokoro,

kokoro yurusu na.

"Đây là cái tâm đang dối gạt cái tâm rằng không có một cái tâm nào khác. Này tâm, đừng để cho mình bị dối gạt bởi tâm."

Vâng, bạn có thể dối gạt chính mình. Chính cái tâm của bạn cứ tiếp tục lừa dối tâm bạn. Cái tâm nhỏ của bạn lại đi gạt cái tâm lớn. Cái tâm viết chữ thường, "t", lại đi gạt cái Tâm viết chữ hoa "T". Ngoài ra không ai khác.

Thế nên, Richard Lee, nếu bạn đang sợ hãi, bạn đâu cần phải trở thành một hành giả *-sannyasin,* nhưng hãy nên thẳng thắn với chính mình là bạn đang sợ hãi. Đừng có quẳng cái gánh nặng trách nhiệm lên đầu cái Tiến trình Hoffman khốn khổ đó. Đừng có quẳng cái gánh nặng trách nhiệm lên đầu cái cô nàng khốn khổ ở trong bạn mà bạn gọi là kẻ khải đạo của mình.

Và bạn nói rằng: Kẻ khải đạo của tôi là trực tiếp, cởi mở, không làm điều bậy bạ, không nhập nhằng… Chắc chắn như vậy rồi, bởi vì đó là kẻ khải đạo *của bạn* –làm sao mà nó làm điều bậy bạ được? Đó là kẻ khải đạo của bạn mà. Bây giờ thì cái bản ngã của bạn lại trở thành một thành phần của kẻ khải đạo nữa rồi. Nếu lý trí của bạn chấp nhận cái quấy, cái cảm thọ của bạn còn chấp nhận nhiều hơn nữa -bởi vì lý trí trên một cách thế hạn hẹp nào đó có thể phán đoán cái gì là quấy cái gì là không. Còn cảm thọ thì không có cách gì để phán đoán. Cảm thọ chỉ là một kẻ mù. Nếu luận lý của bạn có thể trở thành một nạn nhân, hãy nhớ cho, tình yêu của bạn còn mù quáng hơn nữa. Nếu bộ phận hợp lý của bạn mà không thể tin cậy được thì làm sao lại có thể tin vào cái không hợp lý của bạn.

Trở thành một hành giả *-sannyasin* mang một ý nghĩa khá đơn giản rằng, bạn đã đi đến một nhận định tối thiểu là -chỉ một mình, bạn có thể dễ dàng tiếp tục tự dối gạt mình. Thế nên nếu bạn có thể kiếm được ai đó mà với người này bạn không thể nào tự lừa dối mình được nữa, tức là bạn đã tìm ra một vị Đạo sư.

Tuy nhiên tôi không nói rằng bạn hãy trở thành một hành giả *-sannyasin,* của tôi. Đây không hề là chuyện ép buộc. Tôi cũng không làm công việc

thuyết phục bạn. Tôi chỉ nói với bạn một cách đơn giản rằng hãy thẳng thắn với chính mình. Đừng chơi trò gian lận với mình nữa.

Bạn nói rằng: *Nàng bảo tôi rằng không nên trở thành một hành giả quy hướng theo ngài.*

Câu hỏi của tôi là: Có nên và cần thiết hay không để trở thành một hành giả như thế? Có vết nhơ nào bám chặt vào những người không là một hành giả? Vâng, có một số ít người không nên là một hành giả, những người mà tôi gọi là những kẻ chết nhát. Họ không nên vì đó là một hành trình nguy hiểm; nó không hề mang một ý nghĩa nào đối với họ cả. Họ sẽ vô cùng hối hận khi bước vào đó. Nó vô cùng gian khó. Tôi chỉ có thể hứa hẹn được một điều: Nó rất là cực kỳ nguy hiểm.

Mới đây tôi có đọc tài liệu của một chuyên viên khải đạo nêu đề nghị đến chính phủ của một số quốc gia rằng trẻ em nên được cho đi đến những vùng núi non để tập leo núi, trượt tuyết. Chúng cũng nên được cho đi đến những vùng biển để tập lặn, tập bơi, và nên cần có một chương trình quy mô toàn quốc -để cho những đứa trẻ được hướng dẫn đến đây có thể trở nên quen thuộc với những cuộc phiêu lưu như thế.

Ông ta đã được mời đến nói chuyện trước một ủy ban gồm những bậc phụ huynh và họ đã chất vấn một điểm duy nhất: Ông có thể bảo đảm là con em chúng tôi được an toàn không? Ông có thể bảo đảm rằng sẽ không có đứa trẻ nào bị mất mạng vì những chuyện nguy hiểm này? Vị khải đạo đã nhìn thẳng vào mặt họ và trả lời rằng, "Không. Tôi không hề bảo đảm rằng sẽ không có đứa trẻ nào bị chết chóc khi tham dự chương trình nguy hiểm này, nhưng tôi có thể bảo đảm một điều rằng", với ánh mắt đầy từ ái ông

ta tiếp, "Nếu quý vị cứ tiếp tục bảo vệ con cái theo cái kiểu của quý vị, chắc chắn là chúng sẽ sống, nhưng chúng sẽ sống những đời sống của một xác chết, chúng sẽ không bao giờ có được một cuộc sống tâm linh phong phú cả. Nhìn bề ngoài thì chúng đang sống, nhưng trong thẳm sâu nhất sẽ không hề có một mạch sống nào tuôn chảy trong chúng, sẽ không có một nguồn mật ngọt nào tuôn chảy trong chúng. Như vậy, thà là để cho chúng có một cái chết trong ngập tràn ánh sáng tâm linh."

Đó cũng là tất cả những gì mà tôi có thể hứa hẹn với bạn. Tôi chỉ có thể bảo đảm một điều duy nhất: Nếu bạn theo tôi thì rồi bạn cũng sẽ chết; chắc chắn là sẽ có những mối hiểm nguy. Điều mà tôi có thể hứa hẹn với bạn là sự rủi ro. Tôi không ở đây để hứa hẹn với bạn bất cứ chuyện an ninh, an toàn nào -chỉ một điều duy nhất: con người của bạn hôm nay sẽ chết, một cái gì đó mới mẻ sẽ khai sanh. Bạn sẽ được sinh ra hai lần. Tôi không hề cố gắng thuyết phục bạn trở thành một hành giả *-sannyasin*. Một cách đơn giản, tôi đang cố gắng để làm sáng tỏ vấn đề và tùy bạn muốn trở thành một hành giả hay không mà khỏi cần phải mang theo bên người những kẻ khải đạo của bạn. Tất cả chúng đều là những chuyện bậy bạ. Đừng lẫn tránh. Đừng trốn trách nhiệm bằng những cách thế tế vi như vậy.

Tôi cảm thấy không có gì trong tôi mâu thuẫn với những gì trong ngài thế nhưng tôi cảm thấy tôi không thể hay là không cần hoặc không nên quy hướng trở thành một hành giả -sannyasin, của ngài.

Cái "thế nhưng" đó mâu thuẫn với tất cả những gì trong tôi.

Richard Lee là một người nhiều kiến thức –ông ta là một giáo sư, một chuyên gia trị liệu, hiểu biết nhiều chuyện. Thế nên trên mặt tri thức ông ta có thể đồng ý với tôi, nhưng đó không hề là một sự thỏa thuận, thưa ông, không bao giờ. Còn nếu bạn đồng ý với tôi bằng tâm cảm của một sinh thể thì lúc đó mới là chuyện đồng tình. Tri thức không mang một ý nghĩa nào cả vì tôi không phải là con người của kiến thức.

Nếu bạn muốn học một cái gì đó ở đây, cái đó không hề là kiến thức, mà là đời sống. Thế nên trên mặt tri thức bạn có thể gật đầu đồng ý và trả lời 'Vâng' -bởi vì bạn đã biết nó là cái gì rồi nên bạn đồng ý với tôi- tuy nhiên điều đó sẽ không ổn, sẽ không giúp ích gì cả. Chọn con đường hành giả là những gì thuộc về tâm cảm. Nếu bạn đồng thuận trong tâm cảm, lúc đó tức là bạn đã đồng tình với tôi, nếu không, cái "thế nhưng" sẽ hủy bỏ hết mọi chuyện.

Câu hỏi thứ hai:

> *Khi một người hành động một cách tự phát, có phải là họ đang đi trên đạo lộ hay chỉ nhằm để thỏa mãn cái dục vọng thầm kín của mình?*

Không có gì mâu thuẫn cả. Dục vọng cũng là đạo lộ. Đó là con đường mà bạn phải đi ngang qua, phải đi vào đó, một cách sâu sắc, hoàn toàn. Chỉ có cách đi vào đó, xuống đến tận đáy cuả nó, bạn mới có thể vượt qua khỏi nó. Dục là con đường dẫn đến vô dục.

Thế nên một chuyện mâu thuẫn như thế không hề hiện hữu trong tôi. Bạn hỏi tôi: *Khi một người hành động một cách tự phát, có phải là họ đang đi trên đạo lộ hay chỉ nhằm để thỏa mãn cái dục vọng thầm kín của mình?* Đối với tôi chẳng có gì khác biệt cả. Dục vọng là đạo lộ. Đi vào dục tức là bước trên đạo lộ. Đó là cuộc cách mạng mà tôi mang đến cho bạn, đó là quan điểm tiến bộ mà tôi muốn bạn phải thấu hiểu. Khi đi theo cái dục của bạn, bạn không hề lạc lối mà là đang đi về hướng Thượng Đế. Dục đến từ Thượng Đế, bạn không phải là người tạo ra nó. Bạn chỉ là người phát hiện ra. Nó là một tặng phẩm, một món quà. Nó hàm chứa nhiều ý nghĩa quan trọng –hãy đi vào nó và tìm hiểu ý nghĩa. Cái khoảnh khắc mà bạn khám phá ra được ý nghĩa của nó rồi, dục biến mất, và bỗng dưng bạn sẽ thấy được rằng dục đã mang bạn đến trạng thái vô dục.

Yagyu, một vị Thiền sư nói rằng, "Bạn hãy cứ để cho mình đi với dục. Sống với nó, làm bạn đồng hành với nó. Đó cũng là một cách thế để loại trừ nó."

Câu hỏi thứ ba:

Tôi muốn trở thành một bậc phạm hạnh và một đời sống thanh khiết thế nhưng hễ bất cứ lúc nào tỉnh tọa, những tưởng tượng về tình dục lại bắt đầu vây bủa lấy

tôi. Thật là tồi tệ. Tôi muốn loại trừ cái ám ảnh tình dục này nhưng hình như không cách gì làm được. Tôi nên làm gì bây giờ?

Đấy không phải là ám ảnh tình dục đâu, thưa ngài, đấy là ám ảnh phạm hạnh.

Thế nhưng ai đã bảo bạn rằng tình dục là điều dơ dáy? Tất cả mọi hình thái đời sống đều hiện hữu thông qua tình dục, tất cả mọi hình thái đời sống đều trưởng dưỡng cũng từ tình dục. Tất cả những gì đẹp đẽ đều hàm chứa dục tính. Con chim kêu "cúc cu" không phải thốt ra một lời cầu nguyện mà là để gọi tình. Những đóa hoa nở ra không phải để dành cho những thây ma mà bạn gọi là thượng đế trong các đền thờ mà là một tình dục đơm hoa . Tất cả những gì tươi đẹp trong hiện hữu đều hàm chứa tình dục.

Mà hình như ngay cả bạn cũng chưa từng nghe đến tên tôi. Thế nên mới có một câu hỏi như vậy! Hình như bạn có vẻ là một người lạ ở đây. Bạn đã từng nghe đến tên tôi chưa nhỉ?

Bạn nói rằng, *Tôi muốn trở thành một bậc phạm hạnh*. Thế nhưng tại sao bạn lại muốn trở thành một bậc phạm hạnh? Tốt hơn là bạn nên cố gắng để hiểu biết về tính dục của bạn. Phạm hạnh sẽ đến như là một hệ quả đương nhiên. Đấy không phải là một cái gì đó để đạt đến hay có thể đạt đến. Cái ám ảnh tình dục được cấu thành là do nơi bạn, bởi vì bạn muốn trở nên một bậc phạm hạnh. Thế nên bạn cứ mãi làm công việc ức chế dục tình.

Một điều hiển nhiên là bạn đang ức chế tình dục -bởi vì bạn cho nó là dơ dáy, là bất tịnh. Bạn nghĩ rằng một khi bạn vượt ra khỏi nó thế là bạn trở nên tinh khiết. Bạn hoàn toàn tinh khiết. Tôi tuyên bố rằng bạn hoàn toàn tinh khiết. Bạn như thế nào thì cứ như vậy là tuyệt hảo nhất. Từ tuyệt hảo đến tối hảo… cuộc hành trình không phải được bắt đầu từ khiếm khuyết đến tuyệt hảo mà là từ tuyệt hảo đến tối hảo. Cuộc hành trình không phải bắt đầu từ Qủy Sứ đến Thượng Đế mà là bắt đầu từ Thượng Đế đến một Thượng Đế phong phú hơn. Bạn vẫn luôn tuyệt hảo, thánh thiện, tinh khiết.

Sự thực là không có gì tinh khiết hơn tình dục. Tình dục là một trong những kinh nghiệm thanh khiết nhất. Nếu nó có vẻ dơ dáy tục tỉu là do bạn diễn giải ra. Bạn làm cho nó trở nên dơ dáy bằng cách diễn giải nó. Vấn nạn này được tạo ra do chính những ông đại thánh của bạn đang quanh quẩn chung quanh bạn, không phải là do tình dục tạo ra. Thế nên một khi bạn ức chế nó, một cách tự nhiên, nó sẽ ẩn nhẫn chờ thời đợi đúng thời điểm lại trồi lên. Và bất cứ lúc nào mà bạn bắt đầu ngồi thiền, cảm thấy là mình đang thư giản, đang ở trong tình trạng khoan khoái dễ chịu, thế là nó bắt đầu xâm nhập vào những tưởng huống của bạn. Nhận thấy rằng một người hành thiền có thể sẽ là người biết điều hơn, nó tự khẳng định mình trước mặt bạn. Cảm thấy rằng có thể bạn bây giờ có một chút gì đó dễ thương hơn, từ ái hơn, những tưởng huống trổi dậy.

Đây chính là phần vô thức đang kêu gào trước bạn –"Đừng tiêu diệt tôi, đừng đầu độc tôi. Tôi không phải là kẻ thù. Tôi là người bạn. Hãy thân thiện với tôi. Và rồi tôi sẽ dẫn đưa bạn đến chỗ rốt ráo."

Phải thấu hiểu chứ không phải bác khước tình dục, người ta mới có thể đạt đến phạm hạnh. Hãy lắng nghe nó. Những tưởng huống của bạn rất tràn đầy ý nghĩa. Hãy lắng nghe những thông điệp đó bằng không bạn sẽ mãi hoài cứ bị ám ảnh.

Con người thường cứ bị ám ảnh. Họ bị ám ảnh là do đã bị điều kiện hoá quá mức bởi những kẻ tín ngưỡng, bởi những ông giáo sĩ. Những ông giáo sĩ này đã tìm ra một trong những kỹ thuật lợi hại nhất để kiềm chế con người –làm cho họ cảm thấy tội lỗi trước tình dục. Một khi bạn bắt đầu cảm thấy tội lỗi trước tình dục bạn sẽ luôn cảm thấy tội lỗi trước mọi chuyện. Một khi bạn bắt đầu cảm thấy tội lỗi trước tình dục –cho đó là một cái gì sai quấy- bạn sẽ không bao giờ trở thành được một vị Thầy, bạn vẫn sẽ mãi hoài là tên nô lệ. Một kẻ tội lỗi thường có khuynh hướng biến thành một tên nô lệ; một kẻ tội lỗi luôn luôn cảm thấy bất an giao động, luôn luôn cảm thấy mình đang làm một cái gì đó sai trái.

Và một khi bạn sai trái, làm sao bạn có thể thương yêu chính mình? Làm sao bạn có thể tự khẳng định chính mình? Làm sao bạn có thể có được cuộc sống tự do? Làm sao bạn có thể ứng xử như một người tự do? Không cách nào. Bạn cứ mãi luôn sống trong sợ hãi. Nếu bạn cho đi tự do… Hãy nhìn xem. Bạn đang tĩnh tọa –đang tận hưởng một chút tự do -thế rồi cơn dục tình trỗi dậy, làm sao bạn có thể có tự do được? Ức chế tạo nên sợ hãi. Sợ hãi tạo nên nô lệ.

Và khi nỗi sợ hải trỗi dậy cùng những tưởng huống về tình dục bắt đầu nổi lên, bạn sẽ chạy đi đâu bây giờ? Bạn chạy đến tìm một ông giáo sĩ để tham

vấn xem phải nên làm gì. Thoạt tiên, ông ta chính là người tạo ra bệnh thái này; bây giờ bạn chạy đến kiếm ông ta để nhờ định bệnh và giúp đỡ. Và rồi bất cứ sự trợ giúp nào của ông ta cũng sẽ tạo thêm bệnh mà thôi. Thế là bạn đang bị cầm tù; trong tận cùng sâu thẳm nhất, bạn là một tù nhân.

Hai vợ chồng đang nằm trên giường cùng nhau. "Hễ ông mở miệng ra là chỉ nói chuyện về tình dục," người vợ phàn nàn. "Trời đất ơi, ông không có chuyện gì khác để nói sao? Thế mà ông cũng là giáo sĩ!"

"Ví dụ như cái gì?" ông chồng cũng là một vị mục sư hỏi lại.

"Sao ông không đổi đề tài qua chuyện chính trị chẳng hạn!"

Bà ta chắc cũng đang chán ngấy về chuyện tôn giáo. Tôn giáo, chính trị và tình dục là ba đề tài mà người ta thường hay nói đến -hoặc giả nếu bạn là người Anh, thì có thêm chuyện thời tiết!

"Sao ông không đổi đề tài qua chuyện chính trị chẳng hạn!"

"OK," người chồng trả lời, "Vậy thì bà nghĩ là ông tổng thống bao lâu mới làm tình một lần?"

Thì là ông ta đang nói chuyện chính trị!

Nếu bạn cứ ức chế, nó sẽ tìm cách khẳng định. Không có bản năng bị ức chế nào lại biến đi. Nó sẽ trở nên ngày càng sa đọa hơn, nguy hiểm hơn,

khùng điên hơn. Bạn đang ngồi trên một ngọn núi lửa –và khi mà bạn đang thư giản trong thiền định, ngọn núi lửa phun khói.

Một vị giáo sư hỏi cô nữ sinh viên trong lớp học về cơ thể học, "Phần nào trong cơ thể con người thường tăng gấp mười lần kích thước của nó khi bị tình cảm tác động?"

Cô gái đỏ mặt, "Tôi không muốn trả lời một câu hỏi như thế."

Vị giáo sư quay qua hỏi một cậu nam sinh viên ngồi cạnh và được trả lời một cách nhanh chóng, "Thưa, đó là con ngươi trong mắt."

Vị giáo sư quay lại cô gái, "Sự bối rối của cô cho thấy: thứ nhất, cô đã không học bài; thứ hai, cô có một cái đầu óc dơ dáy; và thứ ba, cô sẽ luôn luôn thất vọng ê chề, thê thảm."

Như vậy hãy làm ơn buông bỏ cái ám ảnh về phạm hạnh đi. Nếu bạn buông bỏ cái ám ảnh về phạm hạnh, cái ám ảnh về tình dục cũng sẽ biến mất. Nó chỉ là một phó sản.

Khi cho rằng tình dục là cái gì dơ dáy bạn đã làm cho nó trở nên dơ dáy; khi cho rằng tình dục là dơ dáy, bạn đang làm cho nó trở nên quyến rũ hơn. Và tâm của bạn sẽ tìm những phương cách để ứng xử bởi vì trên căn bản nó đem đến phúc lợi cho bạn. Nó cố gắng để trợ giúp bạn. Thấy rằng bạn đang hủy diệt những năng lực tự nhiên của chính mình, nó mang đến cho bạn những tưởng huống -những thông điệp đến từ vô thức.

Đôi vợ chồng mới cưới bị ở trong tình trạng suy nhược và sau khi chẩn bệnh, bác sĩ đưa ra lời khuyên, "Chẳng có gì là bất thường đối với người trẻ thường hay bị mất sức trong những tuần lễ đầu tiên sau khi kết hôn. Điều mà hai người cần chỉ là nghỉ ngơi. Tháng tới, tôi muốn hạn chế chuyện làm tình của các bạn chỉ nên diễn ra vào những ngày nào trong tuần có chữ 'r' trong đó. Tức là Thứ Năm, Thứ Sáu và Thứ Bảy (Thursday, Friday, Saturday)."

Với ngày cuối tuần đang đến, đôi vợ chồng trẻ không cảm thấy có gì khó khăn khi tuân thủ lời dặn của bác sĩ. Thế nhưng vào đêm đầu tiên theo lịch phải nghỉ ngơi, người vợ trẻ cảm thấy bị thúc dục đòi hỏi. Anh chồng thì đang ngủ khì, nhưng người vợ cứ lật qua lật lại anh ta và cuối cùng thúc cùi chỏ khiến anh chồng tỉnh dậy trong tình trạng còn đang ngái ngủ.

Cứ ngỡ rằng đã sáng, nhưng thấy chung quanh còn tối đen, anh ta hỏi vợ: "Hôm nay là ngày thứ mấy rồi vậy?"

"Mondray," cô vợ vừa trả lời vừa vuốt ve chồng.

Thế là Monday đã biến thành Mondray ! Chữ 'r' đã tự động nhảy vào lúc nào không hay. Thiền định của bạn bỗng biến thành một tưởng huống tình dục -chữ 'r' đã nhảy vào ! Cái bị chối bỏ đã lên tiếng nói, đã khẳng định như một sự phục thù. Đừng bao giờ chối bỏ bất cứ cái gì của chính bạn. Đừng trở nên tàn nhẫn với chính mình.

Tất cả đều tuyệt diệu, tất cả đều thánh thiện. Không có gì có thể sai lầm cả, không bao giờ có cái gì sai lầm cả. Sai lầm là tất cả những ông đại thánh của bạn đã cố nhồi nhét vào đầu bạn rằng chuyện này là sai, chuyện kia là quấy. Không bao giờ có cái gì sai lầm cả. Không bao giờ có cái gì có thể sai lầm cả. Thế giới này là một thế giới tuyệt hảo -bạn không thể hình dung ra một nơi nào tốt hơn, cái tốt hơn không bao giờ có. Bạn không thể nào áp đặt lên nó một sự cải thiện. Đây là điều mà tôi gọi là tin cậy, đây là điều mà tôi gọi là *shraddha* vào đời sống –tin cậy vào đời sống, tin cậy vào Thượng Đế.

Bạn không hề tin cậy. Bạn không tin vào cơn giận của bạn, bạn không hề tin cậy ở tình dục, bạn không hề tin cậy cái này cái kia, và bất cứ nơi đâu bạn không tin cậy, bạn tạo nên tình trạng thù địch. Và tình trạng thù địch đẻ ra những vấn nạn.

Tình dục có quyền được sống, có quyền được cảm thông, trở thành bậc phạm hạnh là trở thành kẻ độc thân. Tình dục đến một cách rất tự nhiên, rất yên lặng, không một tiếng động báo trước. Như một đoá hoa hé nở. Như một vì sao hiện ra trên bầu trời, không ồn ào, không ầm vang sấm chớp. Chỉ mới một giây phút trước đây nó không hề có mặt, chỉ một khoảnh khắc sau đó, nó bỗng hiện ra lóng lánh trên bầu trời như một vì sao.

Phạm hạnh không hình thành bởi nỗ lực mà là bởi cảm thông, hiểu biết. Nếu bạn thấu hiểu được cơn giận của mình và đi sâu vào nó một cách tỉnh thức, cơn giận sẽ toả ra những năng lượng biến thành lòng từ. Nếu bạn

chối bỏ cơn giận bạn sẽ không bao giờ trở nên từ bi và nếu bạn chối bỏ tình dục, bạn sẽ không bao giờ đạt đến phạm hạnh.

Thế nên làm ơn đừng nói đến chuyện đạt đến phạm hạnh. Hãy quên nó đi, bởi vì ngay chính lúc này, bạn chưa chín mùi cho chuyện đó -cứ xem chuyện thiền định của bạn thì biết. Nó đã chỉ ra cho bạn một con đường đúng đắn. Bạn hãy sống với tình dục của bạn cho đến tận cùng. Rồi thì bạn sẽ vượt khỏi nó ngay. Nhưng vượt khỏi ở đây không bao hàm ý nghĩa chống lại, mà chỉ là đến bờ bên kia của một vấn đề. Đó chỉ là sự chín mùi của cùng một hiện tượng.

Có thể bạn sẽ ngạc nhiên trước điều phát biểu của tôi: Phạm hạnh chỉ là sự chín mùi tính dục của bạn, một sự trưởng thành rốt ráo nhất. Phạm hạnh không hề chống lại tình dục, mà chính là tình dục tỏa mùi hương. Như một bông hoa nở và tàn lụi, những gì còn lại là mùi hương thoảng đưa.

Đó là lý do mà những người bất lực không thể trở thành phạm hạnh. Lẽ ra những người bất lực có thể trở thành bậc phạm hạnh ngay lập tức –vì không có đời sống tình dục- thế nhưng họ không thể đạt đến bởi vì đời họ không thể nở hoa. Bất cứ lúc nào tôi đi ngang qua một người bất lực... Có rất nhiều người cứ tưởng là mình bất lực nhưng sự thực là rất hiếm -rất hiếm khi có tình trạng này xảy ra. Đối với y, tôi thật tình thương xót -bởi vì y đã mất hết nguồn năng lực để thăng hoa mình. Một cái gì đó mất mát. Y sẽ không bao giờ toả được mùi hương mà tôi gọi là phạm hạnh. Y hoàn toàn đánh mất niềm vui sống. Y đánh mất niềm vui từ dục tình mang lại và niềm vui vượt ra khỏi nó. Y thật là đáng thương.

Nhưng như tôi đã nói, đây là chuyện hiếm hoi. Trong số một trăm người bất lực có đến chín mươi chín phần trăm tin rằng mình đã bị bất lực. Một vài sự việc gì đó đã là nguyên nhân tạo ra niềm tin này. Rất có thể là họ đã chống lại dục tình, đã ức chế nó quá mức. Sự ức chế thường đi sâu vào toàn bộ cơ cấu không cho nó xúc cảm trước tình dục. Thể xác của họ đã bị cắt đứt liên lạc với năng lượng của họ, thế nên họ trở thành người bất lực. Hoặc giả họ có thể bị bất lực vì sống chung với một người chồng hay người vợ mà họ không yêu. Thế rồi ngày qua ngày họ bắt đầu cảm thấy không hứng thú, trở nên chán chường và thể xác không còn phản ứng nữa. Nhiều cặp vợ chồng đã trở thành bất lực. Chính hôn nhân đã tạo ra tình trạng này. Và cũng không thiếu những người bị bất lực do ức chế. Thế nhưng đây chỉ là những bất lực giả hiệu, chúng có thể được chuyển hoá, và dễ dàng thay đổi. Và họ nên thay đổi ngay trước khi thời gian qua mất.

Ngày hôm trước tôi có đề cập đến ba chiều kích: Lý trí, tình cảm và dục tính. Đây là ba chiều kích nội tại trong sinh thể bạn. Và bây giờ có thêm một chiều kích thứ tư –phạm hạnh, *brahmacharya*. Cái danh từ *'brahmacharya'* này rất là sâu sắc nên khó diễn dịch sang Anh ngữ. Nó không phải chỉ có ý nghĩa đơn thuần như là một kẻ sống độc thân; độc thân là một tiếng rất nghèo nàn. Độc thân rất là tiêu cực, nó chỉ một trạng thái đơn giản là không tình dục. Còn phạm hạnh thì rất tích cực; nó nói đến một đời sống thánh thiện. Phạm hạnh có ý nghĩa là ứng xử như một thượng đế, sống như một thượng đế. *Brahma* có nghĩa là thượng đế, phạm thiên còn *charya* có nghĩa là sống -sống như môt thượng đế, một bậc phạm thiên, hiện hữu như một thượng đế, ứng xử như thượng đế. Trở nên ngoan đạo là phạm hạnh, *brahmacharya*.

Brahmacharya là chiều kích thứ tư của sinh thể bạn. Ba chiều kích kia đều có đủ ở mọi người. Khi cả bộ ba này hoạt động hòa điệu cùng nhau, trong từng nhịp đi, trong cùng điệu nhảy, cái chiều kích thứ tư hiện khởi. Cái thứ tư này chính là lời ca trỗi lên khi bộ ba quyện vào nhau trong khúc luân vũ tuyệt vời, ôm lấy nhau, tan chảy và hoà nhập vào nhau. Lúc đó cái thứ tư hiện khởi –cái thứ tư chính là cái vượt ra ngoài, cái thăng hoa.

Bây giờ là một câu hỏi khác cùng loại đến từ một ông cực đoan khác :

Tôi chỉ mới sáu mươi lăm mà đã mất hết mọi hứng thú trong chuyện tình dục. Tôi nên làm gì bây giờ ?

Câu hỏi này còn khó hơn cả câu hỏi trước. Khi lắng nghe tôi nói chắc là ông ta đã hiểu lầm tôi. Nghe tôi tán tụng chuyện tính dục chắc là ông ta bắt đầu cảm thấy một chút bồn chồn. Ông ta nói rằng, « Tôi chỉ mới sáu mươi lăm ». Chỉ mới sáu mươi lăm? Đến tuổi nào thì bạn nghỉ là bạn sẽ buông bỏ tình dục –sáu trăm năm chục chắc? Khi nào bạn thấy đủ là đủ. Chuyện xuẩn động hãy để cho đám trẻ. Đã tới thời điểm rồi.

Hãy nhớ rằng, một bí quyết cực kỳ bí mật của yoga là bất cứ lúc nào mọi điều hứng thú trong bạn biến mất một cách tự nhiên, không hề bị ức chế, khi mà tất cả mọi ham muốn tình dục cũng biến đi một cách tự nhiên, đó cũng là lúc mà bạn được báo động rằng bạn chỉ có thể sống thêm nhiều lắm là mười bốn năm nữa trên trái đất này, không hơn không kém.

Tình dục bắt đầu trưởng thành lúc bạn lên mười bốn. Từ sinh đến dục phải trải qua mười bốn năm. Và tình trạng này cũng xảy ra y như thế ở giai đoạn cuối đời, nó sẽ trải qua mười bốn năm từ dục đến tử. Thế nên nếu bạn bây giờ sáu mươi lăm và những hứng thú về chuyện tình dục biến mất –đó là điều tuyệt vời, quá tốt ! Bây giờ là lúc mà bạn chuẩn bị cho mình một chuyến hành trình khác để đến bờ bên kia. Có thể là bạn chỉ còn lại mười bốn hay mười lăm năm nữa. Đến cái tuổi tám mươi bạn sẽ ra đi vĩnh viễn.

Khi tình dục biến mất, nó cho ta một gợi ý -rằng đây là lúc mà bạn phải chuẩn bị cho cái chết. Đây là một chu kỳ. Đời sống là một chu kỳ. Tình dục xuất hiện ở một cái tuổi nào đó, nó cũng lại sẽ biến mất ở một cái tuổi nào đó, và nếu con người sống theo luật tự nhiên, sẽ không có gì để phải thắc mắc cả. Thực ra, một người đàn ông có thể biết được y còn sống thêm bao lâu nữa khi biết rằng lòng ham muốn tình dục đã biến mất.

Tuy nhiên chúng ta băn khoăn vì không biết rằng tình dục đã biến đi một cách tự nhiên hay là bị ức chế -Cơ Đốc, Ấn giáo, cái này cái nọ- đã làm công việc này. Chúng ta bối rối mơ hồ vì chúng ta đã mất dấu thiên nhiên – trong khi thiên nhiên thì rất rõ ràng, sáng tỏ.

Sáu mươi lăm đã là quá đủ. Bây giờ bạn hãy để yên cho tình dục ra đi. Có rất nhiều việc khác phải làm.

Một trường đại học làm lễ mừng kỷ niệm năm mươi năm ngày lễ ra trường đã mời một vị thượng nghị sĩ, một sinh viên xuất thân của trường đã làm nên sự nghiệp, đến đọc diễn văn.

«Năm mươi năm trước đây lớp học chúng ta đã làm lễ tốt nghiệp, » ông ta bắt đầu. «Năm mươi năm đó đã bay đi trên những cánh chim bằng. Thế nhưng trong dịp này, với bạn bè cũ tụ tập quanh tôi, kim đồng hồ như quay ngược lại thời gian cũ, và tôi lại thấy tôi của một đêm trăng nào đó, ngồi dựa vào bức tường ở phía xa kia, cũng cùng bức tường mà các bạn đang thấy bây giờ. Cũng là cây táo của năm nào còn đó, tôi tin như vậy, cũng giống như tôi, nay già thêm một chút. Cái đêm của năm mươi năm trước đây, tôi ngồi tựa vào bức tường bên cạnh một cô gái xinh xắn dễ thương, dưới ánh trăng rằm mát dịu và trên đầu cây táo đang nở hoa tỏa mùi hương. Trước khung cảnh gợi tình như thế, tôi đã hôn nàng đắm đuối. Nếu cô gái trẻ này, bây giờ có thể đã già đi một chút với tháng năm, đã có mặt trong số những thính giả hôm nay, và nếu cô ấy không mắc cở hơn tôi trong dịp này, tôi ao ước được mời cô ấy đứng dậy. »

Mười chín bà tóc muối tiêu đồng đứng lên cái một!

Và một giai thoại khác...

Sau một buổi hội nghị tại một thành phố của vùng Trung Tây, một bà trông thấy Alexander Woolcott (2) đang đứng thơ thẩn một mình ở ngoài hành lang. Như có sức đẩy, bà ta liền tiến đến để bày tỏ lòng hâm mộ về bài nói chuyện của ông vừa rồi –bà này cháu chắt đã lớn và cho biết là đã quá tuổi bảy mươi- “Tôi thấy có can đảm để nói chuyện với ông bởi vì ông bảo rằng ông thích những bà lớn tuổi.”

“Vâng, ” Woolcott trả lời, “Đúng thế, nhưng đồng thời tôi cũng thích họ ở tuổi của bà!”

Bạn nói rằng bạn mới chỉ sáu mươi lăm. Và Woolcott cho biết, “Đúng thế, nhưng đồng thời tôi cũng thích họ ở tuổi của bà!” Bởi vì có rất nhiều người không bao giờ nghĩ rằng mình đã già. Bảy mươi ư? Mới chỉ bảy mươi thôi hà! Tám mươi ư? Cũng mới chỉ tám mươi thôi! Chúng ta cứ tiếp tục triển hạn cái chết. Chúng ta cứ tiếp tục quên rằng cái chết đang đến gần, đang đi tới.

Và rồi bạn hỏi tôi: Tôi nên làm gì bây giờ? Thưa Ngài, hãy để cho nó ra đi. Tới lúc rồi.

Hãy thiền quán về câu chuyện tiếu lâm sau đây.

Một cặp vợ chồng già ở New Mexico đang lắng nghe chương trình của một trong những người chữa bệnh bằng đức tin trên làn sóng phát thanh. “Tôi sẽ chữa lành bạn,” y ngân nga. “Hỡi các bạn đang lắng nghe luồng sóng phát thanh này, Tôi sẽ chữa lành cho tất cả các bạn. Cứ tiếp tục gởi check và tiền về cho tôi. Và tiếp theo, đây là giai đoạn trị bịnh… Qúy vị hãy để một tay lên cái ra-dô còn một tay hãy để lên trên bộ phận cơ thể nào cần chữa trị, và tôi sẽ chữa lành căn bệnh ở tại chỗ đó.”

Bà già liền đặt một tay lên cái ra-dô còn tay kia lên trái tim mình. Ông già liền đặt một tay lên cái ra dô còn tay kia vào giữa háng.

“Ủa!” Bà già càm ràm, “người ta bảo là chữa lành bệnh… chứ người ta đâu có bảo dựng kẻ chết sống lại đâu!”

Câu hỏi thứ tư:

Tôi vô cùng vui thích
Khi thấy bạn vui thích
những hành động ‘như những con chim non trong tổ’ của bạn.
Nhưng những con chim non đều dễ dãi.
Bạn cũng có thể làm
một con hải sư?

Câu hỏi này là của Satprem.

Đó là những gì mà tôi đang làm ở đây. Tôi không hề thấy bất kỳ con chim non nào ở đây cả -tất cả đều là những hải sư. Thế nhưng khó khăn đều như nhau, cho dù là những con chim non hay những hải sư.

Nỗi khó khăn giống nhau bởi vì nỗi sợ hãi đều giống nhau -nỗi sợ hãi cái chưa hề được biết. Một con chim nhỏ cũng sợ hãi như là một con hải sư. To con lớn xác cũng không có gì khác biệt. Nỗi sợ hãi vẫn tồn tại ở đó.

Tất cả mọi người đều sợ hãi bước vào nơi chưa hề biết trước. Đó là điều rất tự nhiên. Tôi không cho rằng chuyện đó có điều gì sái quấy hay bất thường

cả -ta thường cảm thấy bất an trước một cái gì chưa biết trước bởi vì ta không biết rằng mình đang đi đến đâu, đó là chuyện rất bình thường.

Đứa bé cảm thấy sợ hãi khi ra khỏi bụng mẹ bởi vì suốt chín tháng nó đã sống trong một nơi rất an ổn bình yên, và bây giờ làm sao mà biết được nó sẽ đi đâu, đến chốn nào. Đối với đứa hài nhi, nếu nó có thể suy nghĩ hay cảm nhận được trong một cách thế nào đó, sự ra đời của nó cũng giống như cái chết. Nó đang đi vào cõi chết. Nó đang bị bứng cả gốc rễ ra khỏi ngôi nhà của mình nơi nó đã từng sống an vui hạnh phúc, được che chở bảo vệ, và thoải mái làm sao. Các nhà khoa học cho rằng chúng ta đã không thể sáng tạo ra được một cái gì đó dễ chịu thoải mái như cái bào thai của người mẹ. Chín tháng đó là cả một thiên đường. Đứa trẻ nay sắp bị mất cái thiên đường đó –nơi mà nó không cần phải có trách nhiệm, không cần phải lo nghĩ, kể cả lo nghĩ về chuyện thở. Người mẹ đã làm tất cả mọi chuyện. Người mẹ thở và nó có đầy đủ dưỡng khí, người mẹ ăn uống và nó có đầy đủ thực phẩm. Không có nơi cần phải đến, không có việc gì cần phải làm -chỉ có mặt ở đó.

Sigmund Freud đã đưa ra ý tưởng rằng ý niệm về niết bàn đã bắt nguồn từ kinh nghiệm có gốc rễ sâu xa từ trong bào thai của người mẹ với tất cả những thoải mái, an vui, cực lạc của nó. Và con người đã có một vài kinh nghiệm ở đó. Bây giờ người ta dành suốt đời mình đi tìm kiếm cái kinh nghiệm cực lạc này –và y sẽ không bao giờ tìm ra ở bất cứ nơi đâu trừ phi y trở thành một cái bào thai cho chính mình.

Đứa bé rất sợ hãi, chắc chắn là phải sợ hãi. Cái gì sẽ xảy đến cho y? Nếu đứa trẻ cứ mải đeo cứng vào cái bào thai thì đó là điều tự nhiên. Nếu hạt giống lo sợ chuyện nẩy mầm thì cũng là chuyện tự nhiên -bởi vì hạt giống không thể biết trước được cái gì sẽ xảy ra cho cái mầm tương lai. Hạt giống đang chết và không thể nào gặp lại được cái mầm của mình. Hạt giống sẽ chết cho cái mầm nẩy sinh và chúng chẳng bao giờ còn gặp gỡ nhau. Sẽ không bao giờ có một cái mầm nào nói chuyện với cái hạt giống cũ của mình rằng, «Này, không có gì để phải sợ hãi cả.» Hạt giống đã lìa đời. Tuyệt đối không có hạt giống nào có thể tin vào điều bạn nói vì nó đang đi vào cỏi chết.

Khi giòng sông sắp tuôn vào biển cả, nó dừng lại với đôi chút ngại ngần. Nó sẽ tan biến vào đại dương mênh mông, sẽ không còn là con sông Hằng ngày nào, sẽ không còn căn cước của riêng mình. Chắc chắn là nó sẽ thoáng chút lưỡng lự, sẽ nhìn lại phía sau, sẽ nghĩ đến những thung lũng trải dài, dãy Hy Mã Lạp Sơn hùng vĩ, những con người, chợ búa dọc ven sông, những đền chùa soi mình trên bóng nước, những hội hè và tất cả những gì nó đã trải qua. Chắc chắn là nó sẽ nhìn lại đàng sau với đôi chút chần chờ nấn ná. Cái bao la, cái vô tận của đại dương đã làm nó sợ hãi. Làm thế nào mà một giòng sông nhỏ khốn khổ này biết trước được khi tuôn vào biển cả, tan biến vào đó, nó sẽ không bao giờ chết, nó sẽ sống một cuộc sống triệu lần vĩ đại hơn. Nó sẽ sống giàu có phong phú hơn. Nó sẽ trở thành biển cả. Làm sao mà nó biết được? Làm sao mà giòng sông nhỏ khốn khổ này có thể nhận thức được điều này? Đó là điều quá sức tưởng tượng, thế là nó sợ hãi.

Cho dù bạn là con chim non hay một hải sư cũng chẳng có gì khác nhau - vẫn có mầm phản kháng.

Tuy nhiên trên căn bản, tôi chỉ làm việc vói những con hải sư.

Câu hỏi thứ năm :

Thế nào gọi là 'đạt ngộ'? Khi nào thì hết mê? Thế nào gọi là tiểu ngộ, thế nào là đại ngộ? Và thế nào là đại định? Có phải tất cả những cái này là một phần của cùng đạo lộ?

Đây là câu hỏi của Somendra.

'Đạt ngộ' là có nghĩa bắt đầu hiểu được rằng không có gì để đạt. 'Đạt ngộ' có nghĩa là loại trừ được mọi tham ái, mọi khát vọng, mọi chủ đích. Ngày mà bạn nắm bắt được rằng vạn hữu đang ở trong một cách thế tuyệt hảo, là bạn đã đạt đến. Cái ngày mà bạn nhận thức được rằng vạn hữu không thể nào tốt đẹp hơn hiện trạng, thế là bỗng nhiên bạn bùng vỡ trong một nguồn sáng mới, trong một sinh thể mới, trong một tâm thức mới. 'Đạt ngộ' là đạt được rằng sẽ không có một nơi nào để đạt đến. Thế là ta sống trong từng khoảnh khắc này đến khoảnh khắc khác. Đấy là đại định.

Tuy nhiên rất nhiều lần bạn đã đạt đến và rồi nó mất đi. Bạn đạt đến lần nữa và bạn cũng lại mất đi lần nữa. Đó là tiểu ngộ. Tiểu ngộ có nghĩa là chỉ mới thoáng qua. Có khả năng là bạn có thể sẽ mất nó.

Somendra đã có một thoáng chợt ngộ như thế vài ngày trước đây, do đó mới có câu hỏi này. Khi anh ta đến hỏi tôi và tôi bảo rằng đó là tiểu ngộ, thế nên chắc là anh ta muốn biết thế nào là tiểu ngộ, thế nào là đại ngộ và thế nào là đại định.

Tiểu ngộ là một phát biểu cẩn trọng về đạt ngộ, có nghĩa rằng, Somendra, bạn có thể mất nó. Nếu bạn không tuyệt đối tỉnh thức, bạn sẽ mất nó. Nếu bạn tuyệt đối tỉnh thức, nó sẽ chuyển thành đại ngộ. Đại ngộ là một kinh nghiệm thân chứng đã trở nên thiết định và không cách gì có thể mất được. Tiểu ngộ chỉ là một kinh nghiệm đến với bạn như một thoáng hiện, như một làn gió thoảng qua. Bỗng dưng bạn thấy rằng mọi tri giác đều sẵn sàng, mọi biên độ đều rộng mở. Nhưng nó sẽ đóng lại ngay như một cái máy thu hình. Trước khi đạt ngộ, có thể sẽ xảy ra nhiều tiểu ngộ, cái đó cũng còn tùy, có khi hàng ngàn, có khi hàng trăm, có khi một vài, có khi chỉ một lần duy nhất. Tùy thuộc vào mỗi người. Có khi cái tiểu ngộ đầu tiên có thể biến thành đại ngộ, không nhất thiết luôn luôn lúc nào cũng phải bắt đầu bằng một tiểu ngộ -nó tùy thuộc ở bạn.

Tuy nhiên bất cứ lúc nào nó xảy đến cho bất cứ ai trong các bạn, tôi sẽ vẫn gọi đó là một tiểu ngộ bởi một lý do quan trọng. Đó là tôi muốn làm cho các bạn trở nên cảnh giác để không bị mất nó. Nó có thể là một đại ngộ, nhưng nếu tôi gọi đích danh như thế lập tức bạn sẽ mất nó và nó có thể biến thành một tiểu ngộ. Bạn hiểu điều tôi nói không ? Tôi gọi là tiểu ngộ để nó có thể biến thành đại ngộ. Đôi lúc bạn sẽ nghĩ rằng cái ông Baghwan này thật là khổ sở quá. Tại sao cứ phải gọi đó là tiểu ngộ mà không gọi là đại ngộ. Đây là trạng thái canh thức. Tôi phải bảo vệ bạn bằng nhiều cách thế khác nhau trước những gì có thể gây nguy hại đến bạn. Ngay cả khi bạn đạt đến đại ngộ, tôi vẫn gọi đó là tiểu ngộ -hãy nhớ kỹ điều đó. Thật ra

cái chữ « tiểu ngộ » này là do tôi sáng tác ra. Thiền gia không bao giờ gọi ngộ là tiểu ngộ.

Tôi gọi là tiểu ngộ với lý do rất đầy ý nghĩa. Tôi muốn các bạn phải rất cảnh giác, rất thận trọng. Một người đạt được tình trạng tiểu ngộ cũng giống như người đang mang thai. Y đang mang theo trong người một cái gì đó vô giá. Sẽ có khả năng bị sẩy thai. Để tránh tình trạng sẩy thai này, tôi gọi đó là tiểu ngộ. Còn nếu tôi gọi là đại ngộ, có thể bạn trở nên quá tự tin, trở nên ngã mạn. Trong tình trạng tự tin và ngã mạn như vậy, nó sẽ mất.

Tiểu ngộ chỉ là một thoáng hiện. Nó sẽ hoàn toàn tùy thuộc ở bạn. Nếu bạn nuôi dưỡng nó, bảo vệ nó, quan tâm đến nó, nó sẽ phát triển thành đại ngộ. Thế nhưng đây là một cái mầm rất là yếu ớt, mỏng manh, dễ vỡ. Nó có thể bị hủy diệt một cách rất dễ dàng. Bất cứ rủi ro nào cũng có thể làm nó tan biến đi. Hãy nhớ rằng, tất cả những gì cao qúy đều rất dễ vỡ. Những hiện thể cấp thấp thì cứng chắc hơn, những hiện thể cấp cao thì mỏng manh hơn. Một viên đá thì rất cứng, một đoá hồng thì mềm mại. Hòn đá cho dù bạn không săn sóc nó vẫn tồn tại thế nhưng một đoá hoa hồng đòi hỏi sự chăm sóc lớn lao. Nếu không chăm sóc, có khả năng là nó sẽ tan biến. Đại ngộ cũng thế, giống như một đoá hoa hồng.

Vào cái ngày mà kinh nghiệm thoáng hiện xảy ra, bạn phải rất là có ý thức trách nhiệm ngay từ giây phút đó. Bạn đã được đáp ứng. Bây giờ bạn là người đang mắc nợ. Bạn đã nhận được tặng vật từ hiện hữu, bạn không có quyền quẳng nó đi. Quẳng nó đi là chuyện quá dễ dàng. Đạt được nó thì rất khó, mất nó thì rất dễ. Nhũng phẩm vật cao quý thường là như thế. Chúng rất là vi tế. Thế nên tôi gọi nó là tiểu ngộ.

Đôi khi có đến hàng trăm tiểu ngộ như vậy xảy ra. Theo với thời gian dần dần bạn trở nên tỉnh thức và rồi nó được thiết định ở trong bạn. Tiểu ngộ

như là một thị kiến, với đại ngộ thị kiến đó đã biến thành cốt cách của chính bạn.

Thế còn đại định thì sao ? Đại ngộ xảy ra khi nội tâm bạn chan hoà ánh sáng thế nhưng vẫn còn sự chia cách giữa bạn và tổng thể. Đại ngộ là một người đã giác ngộ; đại định là khi tất cả vạn hữu cũng đếu trở nên giác ngộ thông qua người đó. Bây giờ thì không còn sự chia cách nữa. Đó chính là ý nghĩa câu tuyên bố có vẻ rất khác thường của Đức Phật, rằng vào ngày mà Ngài đạt thành giác ngộ cả vạn hữu cũng trở nên giác ngộ. Nó rất khác thường bởi vì chúng ta biết rằng mình chưa hề giác ngộ trong khi Ngài lại nói rằng cả vạn hữu đều đã giác ngộ vào ngày hôm đó. Đức Phật đã hoàn toàn đúng. Trong chừng mức mà Ngài quán chiếu, tất cả vạn hữu đều đạt thành giác ngộ vào ngày hôm đó. Tôi muốn lập lại câu nói này một lần nữa: ngày mà ta đạt thành giác ngộ cả vạn hữu cũng đạt thành giác ngộ.

Đại định như thế có nghĩa là bạn đã không còn là một cá thể nữa. Đại ngộ cho bạn một sự cá tính hoá lớn lao. Hãy lắng nghe nó... Trước khi đại ngộ bạn là một con người –*person*, không phải là một cá thể. Từ 'person' gốc của nó có nghĩa là người (persona), một cái mặt nạ. Trước khi đại ngộ, bạn là một con người, một nhân cách, chứ không phải là một cá thể.

Và thật ra, một con người không bao giờ là một con người đích thực, một con người thường mang nhiều khuôn mặt khác nhau -bởi vì bạn không thể giữ một cái mặt nạ duy nhất, bạn phải giữ nhiều cái mặt nạ. Trong những tình huống khác nhau bạn sử dụng những mặt nạ khác nhau. Với vợ nhà bạn mang một khuôn mặt khác, với người tình bạn lại có khuôn mặt khác,

và với kẻ ăn người ở, với cấp trên, chủ nhân,... luôn luôn thay đổi. Bạn cứ phải luôn thay đổi khuôn mặt mình như thế. Bạn mang rất nhiều nhân cách khác biệt –đa nhân cách. Nhân cách không bao giờ số ít, nhân cách luôn luôn là số nhiều. Bạn là cái đám đông. Khi là một con người, bạn là cái đám đông, cái tập thể. Đại ngộ làm cho bạn trở thành nhất thể. Nó mang đến sự hợp nhất trong sinh thể bạn. Con người nhiều mặt của bạn biến mất, khuôn mặt nguyên thủy của bạn xuất hiện - bản lai diện mục, bạn trở thành một cá thể -*individuality*. Cái từ 'individuality' này có nghĩa là không thể chia cắt được –indivisible, không thể được chia ra. Bạn trở thành một nguyên khối.

Đại ngộ làm cho bạn trở thành cá thể và đại định làm cho bạn trở thành phổ quát. Lúc đó ngay cả bạn cũng không còn là cá thể. Như vậy, đầu tiên bạn không hề là một cá thể bởi vì bạn là cái đám đông, bây giờ bạn cũng không còn là cá thể bởi vì bạn đã là tổng thể. Đây là ba cấp độ: nhân cách, cá thể và phổ quát.

Tiểu ngộ là sự thoáng hiện tính cách thống nhất của bạn trong một khoảnh khắc và rồi nó biến mất, bạn lại trở thành con người đa nhân cách cũ. Đúng vậy, khuôn mặt nguyên thủy của bạn hiện ra như trong một giấc mơ. Bạn trông thấy nó, bạn nhận ra nó, vâng, nó ở đó, bạn cảm thấy hân hoan, bạn cảm thấy như ngập tràn trong ân sủng -rồi bỗng nhiên nó biến mất, nó chỉ là một ảo tượng. Bạn rơi ngược trở lại với đời sống cũ. Cái cơ cấu cũ lại phủ vây quanh bạn. Những gì còn lại sẽ là những hồi ức, những mùi hương, bạn sẽ nhớ mãi đến nó -thế nhưng nó đã không còn là một thực tại nữa, nó chỉ là một phần của hồi ức.

Nhưng một khi đại ngộ đã được thiết định, nó sẽ không bao giờ lìa bỏ bạn, nó luôn luôn có mặt ở đó; nó như là cái bóng của chính bạn. Và bạn trở thành một cá thể. Và rồi tính cách cá thể cũng biến mất đi. Bạn trở thành một từ cái số đông và rồi trở thành con số không từ cái một. Đây là toàn bộ hệ thống toán học của tâm linh -từ đa nguyên thành nhất thể và từ nhất thể đến tánh không.

Plotinus (3), một trong những bậc thánh quan trọng của Tây phương có thể so sánh với một vị Phật, đã nói về kinh nghiệm đại định của ngài như sau: «Đã không còn nhị nguyên đối đãi; người xem và đối tượng được xem là một; đó không phải là một ảo tượng vây quanh mà là một nắm bắt nhất thể. Y trở nên một nhất thể, không có gì ở nội tại hay ngoại tại gây ra sự phân tán. Cũng không còn chuyển động nữa. Tất cả đều trở nên tịch lặng, y không còn nhảy từ chỗ này đến chỗ khác, ngay cả quay ra ngoài hay vào trong. Trong lắng yên y trở nên ngưng nghỉ hoàn toàn. »

Cái ngưng nghỉ của Plotinian chính là đại định. Kẻ đã biến thành sự ngưng nghỉ.

Thông thường, khi bạn còn là một con người bạn không bao giờ được yên nghỉ. Bạn là kẻ hiếu động. Khi bạn đạt đại ngộ bạn trở nên vô cùng lắng yên. Bạn yên nghỉ, hoàn toàn yên nghỉ. Trong đại định, bạn biến mất, chỉ còn một khối tỉnh lặng, không có cả người đang yên nghỉ… đó là sự yên nghỉ vĩnh cửu.

Câu hỏi thứ sáu :

Tôi luôn luôn có mặc cảm phạm tội mặc dù chẳng có nguyên cớ nào rõ ràng cả. Tại sao như vậy ?

Thế là ngài rất may mắn. Chắc là bạn được nuôi dưỡng bởi những bậc cha mẹ rất tốt, và từ đó mặc cảm phạm tội phát sinh. Chắc là bạn đã có cơ hội rất gần gũi với những bậc cha mẹ đầy tín ngưỡng, với nhà thờ, đến chùa, giáo sĩ -từ đó mặc cảm phạm tội phát sinh. Bạn đang là nạn nhân của những ông đại thánh. Bạn đang khổ sở do những kẻ được gọi là những ông thánh.

Họ đã tạo ra vô số mặc cảm tội lỗi trong mọi con người –và với sự sáng tạo ra đủ thứ tội lỗi như thế cho nên bây giờ bạn nhìn đi đâu cũng thấy tội lỗi, bạn trở thành kẻ phạm tội không cần bất cứ một nguyên nhân nào cả. Mọi chuyện đều bị lên án, không có cái gì là được cảm kích. Và đặc biệt là những khi mà bạn vui vẻ nhất, phấn khởi nhất, hạnh phúc nhất, bạn lại càng bị mặc cảm phạm tội dày vò nhất. Ở trong tình trạng khốn nạn bạn có thể ít cảm thấy tội lỗi hơn là lúc hạnh phúc.

Và điều này đã xảy ra cho rất nhiều người có mặt ở đây bởi vì toàn bộ sự tiếp cận của tôi là khẳng định hạnh phúc như một thánh thiện và khổ đau như một tội lỗi. Quan niệm tổng quát của tôi là một người tín ngưỡng phải như là một người tham dự tiệc vui. Thế nhưng khi bạn bắt đầu nâng ly chúc tụng, cả một quá khứ níu tay bạn lại. Nó không ngừng khóc than, nó lớn tiếng với bạn, nó rầy la bạn, nó chữi mắng bạn, nó khiển trách bạn – 'Này, mày đang làm gì đó? Ai cho mày được hạnh phúc? Phải ở trong khổ đau."

Bằng cách nào đó mà quan niệm cho rằng những ông thánh luôn luôn đau khổ còn những kẻ tội lỗi thì luôn luôn hạnh phúc đã đi vào tâm trí con người. Đó là lý do tại sao bạn không thể tìm thấy những ông thánh biết cười. Người Cơ Đốc nói rằng Chúa Giêsu không bao giờ cười. Điều này hoàn toàn sai lầm vì tôi biết Ngài. Thế nhưng người Cơ Đốc cứ nói rằng Ngài không bao giờ cười. Bạn cũng không thể tin được là Mahavir (4) đang cười –ngay cả một cái nhếch mép cũng đã là quá mức. Bạn không thể nào quan niệm được những ông thánh của bạn đang nở nụ cười, tất cả họ đều được xem như rất điềm đạm, nghiêm chỉnh, trì độn, những xác chết.

Một hôm Chủ Nhật TT Coolidge trở lại toà Bạch Ốc sau khi dự thánh lễ tại nhà thờ mà không có bà Coolidge đi theo. Bà ta hỏi ông –cũng nên biết rằng TT Coolidge nổi tiếng là một vị TT ít nói nhất trong lịch sử Hoa Kỳ, người chuyên môn nói nhát gừng.

Bà Coolidge hỏi, "Buổi thánh lễ có gì hay ho không?"

"Vâng," Ông trả lời.

"Nói về chủ đề gì vậy?"

"Tội lỗi."

"Vị mục sư đã nói gì vậy?"

"Ông ta chống lại nó."

Đó là tất cả những gì mà ông nói. Đó cũng là tất cả những gì mà các vị được gọi là giáo sĩ của bạn, và các ông mục sư, giám mục và giáo hoàng

đang làm. Toàn bộ những giảng thuyết của họ đều chỉ có một điểm duy nhất: những niềm vui đều phải được lên án. Và như thế họ đã tiếp tay tạo nên cái thế giới khốn nạn, cái thế giới thống khổ, điên khùng này. Họ đã hủy diệt tất cả mọi tiềm năng trong mỗi con người. Họ đã tạo nên một nhân loại vô cùng bệnh hoạn. Cái mặc cảm tội lỗi này tạo ra bệnh hoạn. Hãy buông bỏ cái mặc cảm tội lỗi đó. Và cũng không cần quan tâm đến những nguyên nhân.

Tuy nhiên nếu bạn thực sự muốn buông bỏ cái mặc cảm tội lỗi này, bạn đồng thời cũng phải buông bỏ luôn những tiếng nói của cha mẹ, của những ông giáo sĩ đã ăn sâu trong bạn. Bạn sẽ phải loại bỏ những ảnh hưởng của cha mẹ, những điều kiện hoá bạn.

Đời sống cho đến bây giờ vẫn quanh quẩn trong một cái bẩy như thế đến độ ngay cả một đứa bé con cũng bắt đầu cảm thấy mặc cảm tội lỗi. Chúng ta vẫn chưa đủ khả năng để phát triển một hệ thống giáo dục có thể giúp cho con người trưởng thành mà không hề mang mặc cảm tội lỗi. Trừ phi có một nền giáo dục như thế được hình thành, con người vẫn mãi còn ở trong vòng bệnh hoạn, bệnh hoạn một cách dễ dàng.

Có khi cái mặc cảm tội lỗi được tạo ra do bởi những lý do không đâu. Có khi hoàn toàn vô nghĩa. Khi đứa trẻ hỏi người mẹ, «Con có thể chạy ra ngoài chơi được không?» Đó là một ngày đẹp trời với nắng vàng, hoa nở và chim hót líu lo và đứa trẻ yêu cầu «Con có thể chạy ra ngoài chơi được không?» để được nghe người mẹ trả lời bằng tiếng không cụt ngủn. Các bà

mẹ thường cảm thấy rất dễ dàng khi trả lời không. Trả lời 'vâng' có vẻ nó khó khăn làm sao!

Bạn có nhận thấy điều đó không? Tiếng 'vâng' thường là rất khó để nói. Tôi đã từng để ý đến chuyện này. Tôi đã từng sống trong nhiều gia đình đông người và đã liên tục để ý đến chuyện này. Người ta rất thiện nghệ trong việc sử dụng tiếng không, người ta sẽ tìm ra đủ mọi cách để nói không. Nếu chẳng đặng đừng phải trả lời 'Vâng', họ đã nói ra một cách rất miễn cưỡng, rất là không thoải mái. Lý do tại sao? Khi bạn trả lời không bạn sẽ thấy mình có nhiều quyền lực hơn – đó là lý do giải thích tại sao. Khi trả lời 'không' bạn cảm thấy mình có nhiều quyền lực, bạn có quyền lực trong tay, và bạn có thể hành xử quyền lực ấy.

Có thể là đứa trẻ chỉ muốn ra ngoài để chạy đi bắt bướm, hái hoa hay chỉ là đi ra ngoài để giỡn chơi với khí trời, với mưa, với nắng, thế thôi. Nó có đòi hỏi gì nhiều đâu. Thế nhưng người mẹ trả lời không bởi vì chỉ trả lời như vậy bà ta cảm thấy mình có quyền lực. Bà ta đang ở trong một hành trình quyền lực.

Và bà ta đã tạo nên mặc cảm tội lỗi nơi đứa trẻ. Đứa trẻ rồi sẽ vẫn chạy ra ngoài nhưng bà đã tạo nên một mặc cảm tội lỗi ở trong nó. Hãy nhìn xem, đứa trẻ sẽ chạy ra ngoài chơi thôi, và tôi tán đồng chuyện đó, nó nên được chạy ra ngoài chơi, không nên nghe theo những bà mẹ như thế -tuy nhiên bây giờ một vấn nạn đã được tạo ra. Đứa trẻ sẽ chạy ra ngoài như một kẻ trộm, đầy mặc cảm tội lỗi, với trái tim hồi hộp, mình toát mồ hôi ra, và

luôn lo sợ là ai đó có thể đã trông thấy nó. Mà nó thì chẳng có làm điều gì tội lỗi, chỉ chạy giỡn dưới ánh nắng mặt trời.

Với thời gian cái mặc cảm phạm tội này sẽ được định vị. Bất cứ lúc nào đứa trẻ xin đi ra ngoài chơi nó đều bị trả lời không và bất cứ lúc nào chơi đùa ở bên ngoài, đối với nó đều như là một tội ác chống lại người mẹ. Bây giờ thì mặc cảm phạm tội đã được định vị. Bây giờ bạn đã bốn mươi, một ngày đẹp trời nào đó bạn đang ngồi ngoài vườn, bỗng dưng bạn cảm thấy mình tội lỗi một cách vô duyên cớ -không có một lý do nào hiển nhiên cả. Mặt trời vẫn rực rỡ và đàn bướm bay lượn chung quanh, khu vườn mới cắt xong còn thơm mùi cỏ -chính cái mùi này, cái màu xanh đó, những âm thanh kia, và ánh nắng mặt trời ấm áp đã gợi nhớ đến những ký ức cũ của thời thơ ấu. Có rất nhiều cảm giác phạm tội đến với bạn mà không do một nguyên nhân nào cả -bạn không hề làm điều gì sai trái với bất cứ ai. Lúc này, nếu bạn đứng dậy đi vào nhà, bạn sẽ có cảm giác nhẹ nhàng thoải mái hơn.

Phải quăng bỏ những gánh nặng này nếu không bạn sẽ không bao giờ vui thú với bất cứ điều gì. Bạn đã không còn là một đứa trẻ nữa.

Một lần bà vợ bảo Mulla dẫn đứa con nhỏ đi dạo một vòng trong công viên. Trên đường đi Mulla gặp một số bạn bè và họ muốn ông cùng chơi bài với họ. Mulla từ chối, cho biết là đã hứa với vợ dắt đứa nhỏ đi chơi.

Những người bạn Mulla nhìn thằng bé và góp ý, «Hy vọng là nó sẽ được thoả mãn.» Một người bạn khác nói, «Cướp mất của bọn ta một tay chơi trước ván bài quyết định này chỉ vì cái cậu nhỏ này cần phải đi dạo trong cái xe đẩy thổ tả đó. Hy vọng là nó sẽ được thoả mãn.»

Thằng bé Mulla buồn rầu nhìn lên trời thầm nghĩ, «Chỉ mới năm đầu tiên trên thế giới này mà mình đã cảm thấy phạm tội rồi.»

Mặc cảm phạm tội đã được hình thành như thế đó. Những sự việc rất nhỏ nhặt cứ tiếp tục được tích tụ lại, dần dần mặc cảm phạm tội biến thành một cái gì đó rất tự nhiên trong lối sống bạn. Con người trở nên tội lỗi một cách rất đơn giản. Đừng hỏi tại sao. Cái tại sao đó chính là toàn bộ quá khứ của bạn. Và bạn phải quẳng bỏ cái gánh nặng quá khứ này nếu không, không bao giờ bạn có thể loại bỏ được cái mặc cảm phạm tội. Và trừ phi bạn loại bỏ được cái mặccảm phạm tội này, bạn sẽ không bao giờ tìm thấy Thượng Đế. Một trái tim tội lỗi không thể cùng rung một nhịp đập với Thượng Đế.

Đây chính là những gì mà các giáo sĩ của bạn đã lên tiếng bài bác. Họ luôn luôn nói rằng một người tội lỗi, một người ăn năn sám hối, một người thú nhận tội lỗi của mình, đại loại như thế, sẽ được gần gũi với Thượng Đế hơn. Không bao giờ, một người quẳng bỏ tất cả những ý niệm về tội lỗi và bắt đầu hưởng thụ đời sống như là chính nó, một người không hề có cái lương tâm tội lỗi cắn rứt mới có thể đến gần được Thượng Đế. Không có chuyện xưng tội. Hãy quẳng bỏ cái ý tưởng về tội lỗi và bắt đầu sống.

Lúc mới ban đầu có thể là bạn rất sợ hãi. Lúc mới ban đầu cha mẹ bạn sẽ cố gắng lôi kéo bạn, nhưng nếu bạn cưỡng lại bạn có thể được tự do. Cái tự do này là điều bắt buộc. Nếu bạn thật sự muốn trở thành con người tín ngưỡng, bạn không thể thiếu được cái tự do căn bản này.

Một bà lớn tuổi ế chồng nuôi một con vẹt. Nó rất là bê bối, chữi thề nói tục đủ thứ. Khi vị Cha sở đến thăm bà ta liền bao cái lồng chim lại vì mắc cỡ. Vị Cha sở liền hỏi lý do.

«Tôi không thể nào lập lại được những điều nó nói,» bà ta trả lời, nhưng ông cha liền tháo bỏ cái bao ra và con vẹt hư đốn kia lập tức tuôn ra một tràng những thứ ngôn ngữ tục tỉu nhất.

«Chắc là tôi phải vặn cổ nó mất, đồ quỷ quái ! » Bà ta kêu lên.

Vị Cha sở an ủi: «Đừng làm vậy, cô Tavvinitt ạ. Tôi có một con vẹt cái rất quý phái. Nó rất là đức hạnh, chỉ biết cầu kinh cả ngày lẫn đêm thôi. Tôi nghĩ là khi nhốt chung chúng với nhau, nó sẽ cải đổi cái anh chàng vẹt này.»

Sau khi hai bên đồng ý, hôm sau cô Tavvinitt mang con vẹt của mình đến nhà Cha sở và ông ta liền bỏ nó vào cái lồng của con vẹt quý phái ngoan đạo kia.

Vừa vào lồng là con vẹt đực liền trổ cái giọng du côn của nó ra, la lên, «Này, mày cong cái đuôi của mày lên nhé. Ta sắp làm tình với mày đấy, mày còn chờ đợi gì nữa ! »

Trước khi vị Cha sở và bà kia kịp thời can thiệp, con vẹt cái quý phái ngoan đạo đã trả lời, «Lạy Chúa tôi, đó là điều mà tôi đã cầu nguyện suốt cả bao năm nay. »

Đừng cầu nguyện nữa –hãy sống. Sống một đời sống như Thượng Đế đã ban cho bạn, sống một đời sống không mặc cảm tội lỗi, sống một cách can đảm.

Và câu hỏi cuối cùng :

Bhagwan, ngài có dùng rượu không ?

Làm sao tôi có thể trả lời câu hỏi này được? -bởi vì trước khi trả lời tôi phải biết rằng đây là một câu hỏi hay là một lời mời!

CHÚ THÍCH:

(1) **Fischer-Hoffman Process:** Robert Hoffman (1921-1997), một người có khả năng đặc biệt về trực giác, cho rằng tình yêu thương được kế thừa từ khi con người mới chào đời và chủ trương đưa con người đến tỉnh thức thông qua yêu thương. Để đạt đến tuệ giác này, Hoffman vạch ra một tiến trình được gọi là Fischer-Hoffman Process, cũng là để vinh danh một người có công đóng góp trong lãnh vực này, vị Bác sĩ quá cố Siegfried Fischer. Năm 1972, với sự trợ giúp của BS phân tâm Claudio Naranjo, phương pháp này được thực hiện thành một khoá học kéo dài trong 13 tuần lễ. Đến năm 1985, Hoffman thu gọn lại trong một chương trình tu học 8 ngày và đổi tên thành Hoffman Quadrinity Process. Tư tưởng của ông được thể hiện qua tác phẩm xuất bản năm1976, "*Getting Divorced from Mother and Dad*." Phương pháp này hiện được giảng dạy tại các trung tâm Hoffman trên thế giới. Độc giả muốn biết chi tiết có thể vào website: http://www.hoffmaninstitute.org.

(2) Alexander Woollcott (1887-1942): Nhà bỉnh bút và phê bình gia của tạp chí The New Yorker. Ông sống độc thân suốt đời, và là người cổo võ cho sự sống chung hòa bình giữa Hoa Kỳ và Liên Bang Sô Viết..

(3) Plotinus (mất khoảng 270): Là cha đẻ của trường phái Tân-Plato, Plotinus được mô tả là người không thích mình "có một xác thân" nên đã

không hề đề cập đến gia thế, tiểu sử của mình. Tuy nhiên một môn đệ thân cận của ông, Porphyry, cho biết ông là người Ai Cập và sinh vào khoảng năm 205. Ông cho rằng có một Đấng Thượng Đế Nhất Thể mà ta không có khả năng mô tả được. Ngài không trực tiếp tạo ra thế giới này nhưng giao công việc đó cho những vị thần thấp hơn. Học thuyết Tân-Plato được coi như là nền tảng cho chủ nghĩa đa thần và có nhiều ảnh hưởng đối với các truyền thống triết học, tôn giáo phương Tây.

(4) Mahavir: Tức Mahavira, xem phần chú thích trước.

CHƯƠNG 9
Dấu Hiệu Chán Chường Mệt Mỏi Của Con Người

Một học tăng đến kiếm vị Thiền sư thầy mình để nhờ giúp đỡ về một công án cổ điển mà ông đang tập trung giải quyết: "Ý nghĩa của việc Bồ Đề Đạt Ma đến từ Phương Tây là gì?"

Vị Thầy bảo rằng trước khi đi vào vấn nạn này, vị học tăng nên lạy ông một cái lạy thật sâu.

Trong khi vị học tăng đang thực hiện nghi lễ, ông Thầy nhanh chân phóng cho ông một cú đá đích đáng.

Cú đá bất ngờ này đã giải quyết tất cả những mối mê mờ từ lâu đã làm cho ông lúng túng. Khi té nhủi xuống chân vị Thầy, ông ta hoát nhiên đạt ngộ.

Sau này gặp bất cứ ai ông cũng nói: "Từ khi nhận được cái đá của Mã Tổ, tôi đã không thể nào nhịn được cười."

Một câu chuyện ngụ ngôn cổ điển…

Chuyện xưa kể rằng có một người cố đi qua những rặng núi để tìm cho được điểm tận cùng của thế giới. Ông này chắc phải là một đại triết gia - những triết gia được biết thường có những ý tưởng rất điên rồ. Đâu có nhu cầu phải mở một cuộc tìm kiếm quy mô để tìm cho được điểm tận cùng của thế giới, trong khi thế giới vẫn tươi đẹp xiết bao. Đâu có nhu cầu phải đi tìm cho được điểm bắt đầu và điểm tận cùng.Khoảng giữa tuyệt diệu như thế -tại sao lại không tận hưởng nó?

Tuy nhiên đây là một đại triết gia. Y không cảm thấy hạnh phúc ở ngay chỗ này. Triết gia chẳng bao giờ cảm thấy hạnh phúc ở đây. BÂY GIỜ không phải là thời gian của họ và Ở ĐÂY không phải là không gian của họ. Họ sống ở một nơi nào đó, họ sống ở một nơi khác.

Y rời bỏ gia đình -vợ con, cha mẹ - để lên đường thực hiện cuộc tìm kiếm điên rồ này, điểm tận cùng của thế giới. Y đã vượt qua không biết bao nhiêu núi non, biển cả. Đây là một cuộc hành trình rất lâu dài mà có không biết bao nhiêu lần y tưởng rằng mình đã đạt đến. Bất cứ lúc nào bắt đầu thấm mệt y lại nghĩ rằng mình đã đến đích. Bất cứ lúc nào kiệt sức, y lại tự lừa dối mình như thế. Tuy nhiên không sớm thì muộn, sau khi nghỉ ngơi đầy đủ, y lại nhìn rõ vấn đề và cái ý tưởng cũ lại bắt đầu dai dẳng: chưa đến được điểm cuối, y vẫn còn ở khoảng giữa -bởi vì khi nhìn xa về phía trước, chân trời vẫn còn hiện ra ở đó, vẫn xa xôi như trước đây. Thế là y lại bắt đầu tiếp tục cuộc hành trình của mình.

Cứ tiếp tục như thế y nhận ra rằng bất cứ lúc nào y nghĩ rằng mình đã đạt đến đích thật ra chỉ là sự tự lừa dối mình. Và một khi y biết được sự lừa dối -tự dối mình, cuộc hành trình càng trở nên khổ nhọc hơn -bởi vì có khi y cảm nhận rằng mình đã đi đến đích, nhưng trong tận cùng sâu thẳm nhất y vẫn biết rằng đó chỉ là sự lừa dối. Thế là y lại phải tiếp tục lên đường.

Trên cuộc hành trình này y đã đi qua không biết bao nhiêu đền thờ, gặp không biết bao nhiêu những vị thầy -những người đã đạt đến và những người tưởng là mình đã đạt đến. Tất cả họ đều cho rằng họ là điểm tận cùng của thế giới. Thế thì y còn đi đâu nữa làm gì? Y tin vào họ, ở lại với họ một thời gian nhưng rồi sớm hay muộn mọi ảo tưởng đều tan vỡ. Những người này -những vị thầy- cũng chưa có ai đi đến điểm tận cùng. Và những đền thờ này cũng chỉ là những biểu trưng cho sự mệt mỏi của con người, những hạn chế, những giới hạn của kiếp người -những giới hạn của tâm thức, lý trí và cảm thọ. Thế nên đây vẫn không phải là điểm tận cùng. Và rồi y đã phải bắt đầu lên đường tiếp tục cuộc hành hương.

Câu chuyện kể rằng trải qua không biết bao nhiêu kiếp –có thể là a tăng tỳ kiếp- cuối cùng y đã đến được một nơi trông có vẻ như là điểm tận cùng. Đặc biệt lần này y đã không cảm thấy mệt mỏi, không bị kiệt sức và như vậy không có dấu hiệu gì là y đã tự dối gạt mình. Hơn thế nữa, ở đây không có đền thờ, không có ai là thầy, tuyệt đối chỉ có một mình y. Và cái đường chân trời cũng bỗng dưng biến mất. Đã không còn một mục tiêu nào khác nữa. Ngay cả bây giờ nếu muốn tiếp tục cuộc hành trình y cũng không còn phải biết đi đâu. Y đang đối đầu với khoảng không vô tận.

Dĩ nhiên cũng có một tấm bảng viết rằng: "Đây là điểm tận cùng của thế giới", mà ai đó đến trước do lòng từ bi đã dựng lên cho bất cứ ai dám đến chốn này.

Người đàn ông đứng đó, trên bờ vực của thế giới –trên một chót đỉnh cao mà bên ngoài không còn gì khác hơn là một khối hỗn mang, là tánh không, là một trống không vĩ đại, một con số không mịt mù. Dĩ nhiên y cảm thấy kinh hoàng. Y đã không bao giờ tưởng tượng ra khối hỗn mang này –có nghĩa là nếu bạn đi đến điểm tận cùng, hoặc cũng có thể là điểm khởi đầu,

bạn sẽ phải đụng đầu với một khối hỗn mang như thế. Y đã không hề nghĩ đến chuyện này, một chuyện khá bất ngờ. Không hề có Chúa hay có Phật ở đây, không có niết bàn, không có thiên đàng -chỉ là một khối hỗn mang, hoàn toàn hỗn mang, trống rỗng. Bạn có thể hình dung ra y đang đứng trên cái mỏm đá cuối cùng, không ngớt run rẩy, lảo đảo như một chiếc lá trong ngày gió lớn.

Y đã không thể bước thêm một bước nào nữa. Y quá kinh hoàng đến độ nhảy lùi lại đàng sau để thoát thân, nhảy trở lại cái thế gian này, quên cả việc nhìn những gì ở phía bên kia tấm bảng. Dĩ nhiên ở phía bên kia cũng có một thông điệp. Ở bên này tấm bảng viết: "Đây là điểm tận cùng của thế giới", còn ở phía bên kia ghi: "Đây là điểm khởi đầu của một thế giới khác."

Nhưng vì quá kinh hoàng y đã quên rằng phía bên kia của tấm bảng có thể cũng chứa một thông điệp nào đó. Y chỉ nghĩ đến chuyện đào thoát, đào thoát ngay lập tức. Y không dám quay đầu nhìn lại. Y trở về lại với thế giới này, với thế gian, và rồi chìm ngập vào với những hệ lụy của cuộc sống đời thường không còn nhớ đến chuyện xưa, cơn ác mộng về mỏm núi cheo leo kia cũng đã xoá nhòa.

Bạn có thể là người đàn ông đó. Đây là cảm nghĩ chân thật của tôi về mọi người. Bạn đã sống ở đây qua bao thời đại đến vĩnh cữu. Không thể nào lại không có chuyện trong một khoảnh khắc nào đó chính bạn đã đi ngang qua cái tánh không này. Không thể nào không có chuyện trong một khoảnh khắc nào đó bạn đã đi đến điểm tận cùng của thế giới. Và cũng giống như người đàn ông kia, bạn đã nhảy lùi lại, đào thoát. Bởi vì nó quá đổi kinh hoàng, quá dễ sợ. Thế nhưng nếu bạn mạnh dạn bước tới một bước nữa bạn sẽ trở thành người giác ngộ -chỉ thêm một bước nữa thôi, một bước đơn thuần.

Giáo lý của Thiền không có gì khác hơn là những lời dạy làm sao để bước thêm một bước, một bước nhảy vào tánh không. Cái tánh không đó chính là niết bàn, là Thượng Đế. Cái khối hỗn mang đó không phải chỉ là khối hỗn mang –đó chỉ là một phía của tấm bảng. Ở phía bên kia cái khối hỗn mang kia là cả một biển sáng tạo. Những vì sao đã được khai sinh ra từ những khối hỗn mang này. Những sáng tạo xảy ra từ những hỗn mang. Hỗn mang chỉ là một mặt của cùng một năng lượng. Hỗn mang là tiềm năng sáng tạo. Tánh không là bề mặt bên kia của cái tất cả.

Thiền là một bước đơn thuần –hành trình của một bước đơn thuần. Bạn có thể gọi đó là bước cuối cùng hay cũng có thể là bước đầu tiên, điều đó không có gì quan trọng. Đây là cái đầu tiên và cũng là cái cuối cùng – alpha và cũng là omega. Toàn bộ giáo lý của Thiền chỉ bao gồm một điểm: bằng cách nào để làm một bước nhảy vào tánh không; làm cách nào để vươn tới điểm tận cùng của tâm thức bạn –cũng là điểm tận cùng của thế giới; làm sao để đứng vững trên chóp đỉnh kia và đối mặt với vực thẳm mà không hề sợ hãi; làm sao để thu hết can đảm và làm một bước nhảy cuối cùng. Như nhảy vào nổi chết. Như một hành động tự sát. Thế nhưng chính từ chỗ tự sát này mà tâm linh lớn dậy, và cũng chính từ chỗ bị đóng đinh trên thập giá đã dẫn đến sự phục sinh.

Nếu bạn hiểu thấu vấn đề, thì cái biểu tượng của cây thập giá, biểu tượng của người Cơ Đốc, có thể mang một ý nghĩa vô cùng lớn lao. Chúa Giêsu bị đóng đinh trên cây thập giá –và đó cũng tức là cái chóp đỉnh. Trong khoảnh khắc cuối cùng ngài cũng sợ hãi như người đàn ông kia. Và ở cái khoảnh khắc cuối cùng đó ngài ngước nhìn lên trời kêu lớn tiếng rằng, "Đức Chúa Trời đang làm gì với tôi đây? Đức Chúa Trời tôi ơi! Đức Chúa

Trời tôi ơi! Sao Ngài lìa bỏ tôi?" Một nỗi run sợ rất người, một nỗi thống khổ lớn lao. Đối diện với cái chết, đối diện với sự hủy diệt.

Nhưng rồi Ngài đã thu hết can đảm. Ngài hiểu những gì mà mình sắp làm. Ngài đã cố trốn lánh vào với thế gian, ngài đã cố trốn lánh vào tâm thức. Tâm của ngài đã bắt đầu làm việc -"Đức Chúa Trời đang làm gì với tôi đây?" Đây là lời thống trách với Thiên Chúa. "Đức Chúa Trời tôi ơi! Đức Chúa Trời tôi ơi! Sao Ngài lìa bỏ tôi?" Hình như có một cái gì đó đang đi ngược lại những trông chờ của Chúa Giêsu. Ngài đã hiểu được điều này. Ngài là người cực kỳ thông minh. Nhìn sâu vào đó Ngài không khỏi bật cười cho sự khờ khạo của chính mình. Ta đã nói gì với Thiên Chúa vậy?

Thế rồi chỉ trong một khoảnh khắc, đã có sự chuyển hoá… Ngài thư giãn và thốt lên, "Nước Cha trị đến. Ý Cha thể hiện." Ngài thư giản. Đây chính là bước cuối cùng. Ngài đã chết và đã được phục sinh –trong một tâm thức mới, một sinh thể mới.

Khi bạn chết trong tâm thức bạn được sinh vào cõi ý thức. Khi bạn chết trong thể xác bạn được sinh vào một cái thể xác phổ quát. Khi bạn chết như là bản ngã bạn được sinh ra như một Thượng Đế, như là Thượng Đế. Khi bạn chết trong cái lãnh địa nhỏ bé của mình, bạn trải rộng ra cùng vạn hữu –chính bạn cũng trở thành cái vạn hữu đó.

Thế nên cái bước quan trọng này cần phải được thấu hiểu và tôi xin được lập lại lần nữa: điểm cuối của tâm cũng là điểm tận cùng của thế giới -bởi vì Thiền gia nói rằng thế giới do tâm tạo. Bình thường, chúng ta nuôi dưỡng cái tâm, chúng ta củng cố cái tâm, chúng ta làm cho nó trở nên có khả năng, thiện xảo, hữu hiệu. Đó chính là những gì mà chúng ta đang làm trong các trường học, trường cao đẳng, đại học. Đó là những gì mà chúng ta gọi là giáo dục, học vấn.

Thiền là sự giải trừ giáo dục, giải trừ học vấn. Nó dạy bạn cách làm thế nào để quẳng bỏ những gì mà bạn đã học được, trở lại là người không còn kỷ năng thiện xảo, trở lại như một đứa trẻ thơ, làm thế nào để bắt đầu hiện hữu trở lại như kẻ không tâm, ngay tại đây và không mang một cái tâm nào cả.

Tâm mang đến cho ta đủ loại khổ nạn. Trước tiên: Tâm không bao giờ an trú ở hiện tại, nó luôn đánh mất hiện tại. Thế nhưng chỉ có hiện tại mới hiện hữu. Cái tâm luôn an trú ở quá khứ -luôn luôn và luôn luôn ở quá khứ. Hoặc luôn luôn an trú ở tương lai –luôn luôn và luôn luôn ở tương lai. Cái tâm cứ tiếp tục nhảy tới nhảy lui từ quá khứ đến tương lai, từ tương lai đến quá khứ. Nó không bao giờ chịu dừng lại NGAY BÂY GIỜ và TẠI ĐÂY. Tâm chẳng khác gì cái quả lắc của chiếc đồng hồ -nó cứ tiếp tục di chuyển từ cực này sang cực khác mà không bao giờ chịu đứng yên ở ngay quảng giữa.

Thiền khẳng định rằng ta phải làm sao loại trừ được chiếc bẩy sập của quá khứ và tương lai này -bởi vì cánh cửa chỉ được mở ra trong thời hiện tại,

cánh cửa chỉ được mở ra ngay trong khoảnh khắc này, ngay BÂY GIỜ hoặc là KHÔNG BAO GIỜ. Và cánh cửa đã được mở ra nhưng đôi mắt của ta cứ mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm. Chúng ta cứ mãi nhìn vào quá khứ, chúng ta cứ mãi nhìn vào tương lai trong khi cái hiện tại nằm ở giữa cực kỳ nhỏ bé mà chúng ta không hề nhìn thấy.

Thiền khẳng định rằng trừ phi bạn buông bỏ cái tâm, bạn sẽ không bao giờ hoà điệu được với vạn hữu, bạn sẽ không thể nào rung lên cùng một nhịp đập của vũ trụ. Nếu bạn không buông bỏ cái tâm, bạn sẽ cứ mãi tiếp tục sống trong cái thế giới riêng tư do bạn tạo ra; bạn không bao giờ sống trong thế giới của thực tại, bạn vẫn mãi hoài u mê –*idiotic*.

Đó chính là ý nghĩa của chữ 'idiot'. Idiot có nghĩa là sống trong cái thế giới riêng tư biệt lập của mình. Một tên xuẩn động bao giờ cũng sống trong cái thế giới riêng tư của y. Y có ngôn ngữ riêng. Y có cung cách riêng và tự nhốt mình trong cái cung cách riêng biệt đó. Y không bao giờ chịu theo cái chung, cái đã lưu tồn. Y cứ mãi tiếp tục phóng chiếu những ý tưởng riêng của mình. Tâm là tên xuẩn động … cho dù có thông minh đến mức nào, hãy nhớ như vậy. Tên xuẩn động có thể rất là thông minh, có thể là một nhà chuyên môn, có thể tích lũy rất nhiều kiến thức, có thể có rất nhiều bằng cấp -Tiến sĩ, Thạc sĩ, v.v… - nhưng xuẩn động vẫn là xuẩn động. Chẳng có gì khác biệt cả. Tên xuẩn động chỉ có thể trở thành nguy hiểm hơn.

Trí tuệ không đến từ tâm. Trí tuệ chỉ phát khởi khi nào tâm đã bị liệng bỏ. Khi tâm bị dẹp qua một bên, trí tuệ hiện khởi. Tâm như một viên đá tảng

chặn đứng suối nguồn trí tuệ. Tâm luôn luôn là một thứ đồ tồi, ngu xuẩn, thiếu trí tuệ. Hiện hữu gắn liền với tâm là một hiện hữu thiếu trí tuệ. Hiện hữu vượt ra ngoài tâm là một hiện hữu trí tuệ. Trí tuệ không hề là phẩm chất của tâm.

Tất cả nỗ lực của thiền định là đi tìm kiếm cái trí tuệ này –làm thế nào để giải trừ học vấn, làm thế nào để giải trừ kiến thức, làm thế nào để giải trừ tất cả cái quá khứ tích lũy của bạn. Một khi đã được tích lũy, nó càng trở nên rất khó khăn để giải trừ, và mỗi ngày nó lại càng lớn mãi thêm ra. Sự chồng chất cứ tăng dần. Gánh nặng trên lưng bạn cứ tiếp tục tăng trưởng trong từng khoảnh khắc. Không phải là tuổi tác đã giết chết bạn mà chính là cái gánh nặng này.

Một người không-tâm sống vượt ra ngoài cái chết bởi vì y chết trong từng khoảnh khắc. Y không hề tóm thu, y không hề nhìn lại đằng sau, y không hề nhìn về phía trước –y an trú ngay tại đây, y an trú ngay tại đây cùng với tiếng gáy "cúc-cu" của con chim cu ở ngoài kia. Y an trú ngay tại đây. Cái sinh thể của y hiện hữu ở ngay khoảnh khắc này. Y tuôn chảy trong từng khoảnh khắc. Y không hề bị đóng băng, không bị nhốt cứng vào quá khứ. Sự thực, y không có quá trình và cũng không hề mơ mộng về tương lai. Y sống như là đang sống.

Thiền cũng khẳng định một điều rằng tâm có thể hữu dụng cho thế gian nhưng không hề ích lợi gì đối với thực tại rốt ráo. Tâm hữu dụng cho cuộc

sống đời thường nhưng thực tại tuyệt đối thì không. Thực tại rốt ráo là không thể nghĩ bàn bởi vì nó ở dưới và vượt ra ngoài trí tưởng. Bạn chính là cái thực tại rốt ráo đó thì làm sao mà bạn suy tưởng về nó được? Trước khi trí tưởng có mặt bạn đã là nó rồi. Trí tưởng chỉ mới được thêm vào sau này. Khi một đứa trẻ được sinh ra –nó là một thực tại rốt ráo. Rồi theo thời gian, trí tưởng xuất hiện dần; nó sẽ bắt đầu tích lũy kiến thức; nó sẽ bắt đầu viết đủ thứ lên trang sách đời của mình. Và rồi nó sẽ trở thành một người có kiến thức -biết cái này cái nọ- sẽ được gắn chặt với một cái danh hiệu nào đó, một bác sĩ, kỹ sư hay giáo sư… Thế nhưng cái giây phút mới sinh ra đời, nó là một tỉnh thức, mới mẻ, một trang giấy trắng chưa hề được viết lên chữ nào, ngay cả cái tên của chính mình. Nó không tên không tuổi và không hề có ý niệm mình là ai.

Đây là sự trong sáng thơ ngây nguyên thủy, và đó chính là bản thể rốt ráo của chúng ta. Cái bản thể rốt ráo này hiện hữu trước và sau trí tưởng. Không phải là nó biến mất khi trí tưởng xuất hiện, nó chỉ bị che mờ -cũng giống như mặt trời bị bao quanh bởi quá nhiều đám mây, những đám mây đen. Ta tưởng như mặt trời biến mất. Chúng ta không bao giờ mất cái bản thể rốt ráo của mình, không thể nào. Đó là ý nghĩa của bản thể rốt ráo –nó không thể bị mất. Đó là cái bản tánh sâu sắc nhất của chúng ta. Không cách gì để mất được nó. Thế nhưng nó có thể đã bị những đám mây mờ bao phủ. Ngọn lửa có thể bị khói che và ta tưởng rằng đã mất ngọn lửa. Mặt trời có thể bị mây che khiến ta có cảm tưởng như đang ở trong đêm đen. Tình huống là như thế. Chúng ta hiện hữu trước khi có trí tưởng, đồng thời và sau khi nó biến mất –chúng ta luôn hiện hữu ở đó. Thế nhưng khi trí tưởng xuất hiện, quả là điều khó khăn để biết rằng ta là ai, cái ý thức này đích xác là gì. Trí tưởng đã làm cho phân tâm, một loạn động.

Chỉ khi nào trí tưởng không còn có mặt ở đó ta mới có thể nối lại mối liên lạc với cái bản thể rốt ráo này. Còn nếu như chúng ta cứ suy nghĩ về nó, chúng ta cứ việc suy nghĩ suốt đời nó vẫn tránh né trí tưởng. Nó vẫn tiếp tục tìm cách tuột ra ngoài. Rồi khi thấy rằng suy nghĩ mãi cũng chẳng dẫn đi đến đâu, nó tự động ngưng lại.Nếu một người cứ tiếp tục suy nghĩ cho đến tận cùng, trạng thái ngưng suy tưởng sẽ tự động xuất hiện. Sự chấm dứt suy tưởng sẽ đến một cách rốt ráo và tự nhiên –đó là những gì mà Thiền đề xuất.

Phương pháp của Thiền được gọi là công án. Đây là một phương pháp rất đặc biệt, một công hiến lớn lao nhất của Thiền cho thế gian này. Công án là một phương pháp đặc biệt của Thiền cũng giống như những phương pháp khác của các trường phái khác -cụ thể như, thiền minh sát, tuệ giác, đều là những phương pháp của Đức Phật mà Ngài đã cống hiến cho thế gian -sự chú tâm cao độ. Jalaluddin, môt bậc thánh của giáo phái Sufi, cũng đã cống hiến một phương pháp khác -sự thẩm thấu, hòa nhập vào Thượng Đế, đánh mất giác quan cuả một sinh thể. Sufi cũng còn nhiều phương pháp khác –*jikra* chẳng hạn, sụ nhớ tưởng đến danh hiệu của Thượng Đế hay là quay về, xoáy vào. Những phương pháp này rất giống với tư thế *Patanjali* của yoga -một cống hiến đặc biệt khác. Tất cả những tôn giáo lớn đều có những cống hiến cách này hay cách khác.

Cống hiến đặc biệt của Thiền là công án. Công án là một loại câu đố bí hiểm, một loại câu đố rất đặc biệt -một loại câu đố mà xem chừng như

không thể nào giải đáp được, đặc biệt là giải đáp theo cách thức thông thường. Bạn cứ việc tiếp tục suy nghĩ. Bạn cứ vẫn phải suy nghĩ, đào sâu, và không ngừng quán tưởng về nó.

Hãy lấy một thí dụ, một thiền sinh nhận được một công án là quán tưởng về tiếng vỗ của một bàn tay. Nhưng một bàn tay thì không thể nào vỗ được -thế là ngay từ khởi thủy, lời giải xem như đã bị chặn lại, đã bị bác khước. Một bàn tay không thể nào gây ra tiếng vỗ. Muốn vỗ phải cần tối thiểu hai bàn tay. Vỗ có nghĩa là hai cái chạm vào nhau, nó cần một sự xung đột, nó không thể nào xảy ra với chỉ một bàn tay.

Câu đố, như thế, đã đưa ra một vấn đề không thể giải quyết. Đây không phải là loại câu đố thông thường mà người ta chỉ cần bỏ thời gian ra suy nghĩ là có thể tìm ra lời giải đáp, không phải như vậy. Lời giải đáp không hề hiện hữu. Nó đã bị phủ định ngay từ lúc ban đầu. Một công án thường được kết cấu theo cách thức như thế để cho tâm của bạn không có cách gì nghĩ về nó được. Thế nhưng bạn bị buộc phải suy nghĩ về nó.

Thế là thiền sinh cứ phải ngồi thiền và tiếp tục suy nghĩ. Y chỉ có một việc duy nhất là suy nghĩ, suy nghĩ và suy nghĩ. Tháng này tiếp nối tháng kia và y bắt đầu khùng lên thấy rõ -tiếng vỗ của một bàn tay? Thế rồi y mang đến trình Thầy không biết bao nhiêu là kiến giải và chắc chắn là sẽ bị ông Thầy cho ăn đòn. Điều này cũng khá đặc biệt trong Thiền. Với tâm từ lớn lao, ông Thầy thấy rằng nếu đánh mà có thể giúp được cho học trò là ông cũng đánh ngay. Nếu ông Thầy cảm thấy cần đá, ông ta cũng sẽ sẵn sàng đá liền. Hoặc giả nếu ông Thầy thấy cần phải liệng người học trò qua khỏi

cửa sổ, ông cũng không ngần ngại làm chuyện đó. Ông ta sẽ làm tất cả mọi chuyện mà ông nghĩ là có thể giúp cho người học trò đạt ngộ. Những hành động của ông thường là không hề chuẩn bị trước –ông ta nhìn suốt vào người học trò và bất cứ chuyện gì xảy ra trong tâm thức của y, ngay trong khoảnh khắc đó, ông liền ra tay tức thời. Thái độ của ông Thầy tuyệt đối sẽ không bao giờ biết trước.

Một vị Thiền sư thường rất khó đoán trước việc ông ta sẽ ứng xử ra sao. Nếu bạn đến với một ông swami Ấn giáo, bạn có thể dự đoán được những gì xảy ra. Nếu bạn nêu một câu hỏi, bạn cũng có thể đoán biết được phần nào câu trả lời. Ông ta sẽ trích dẫn kinh Vệ Đà, Upanishads, chẳng khác gì một con vẹt. Bạn có thể biết trước được câu trả lời của ông ta. Với một vị Thiền sư thì không như thế. Nếu bạn đến với một vị Thiền sư bạn sẽ không bao giờ biết trước được chuyện gì sẽ xảy đến. Không ai có thể biết trước được. Ngay cả sau hàng ngàn năm, họ cũng vẫn có cái thái độ đột xuất đó cho nên không có gì có thể nói trước được về chuyện họ sẽ phản ứng như thế nào trước câu hỏi, câu trả lời của bạn. Môn đồ thì thường đưa ra rất nhiều kiến giải. Nhưng những kiến giải của họ cũng chỉ thuộc loại bình thường -bởi vì hầu như không thể có lời giải đáp cho một công án. Thế nên thỉnh thoảng ngay cả khi chưa kịp nghe những kiến giải mà môn sinh mang lại, ông Thầy đã tặng cho học trò một trận đòn.

Có một lần xảy ra… Một anh môn sinh đến gặp Thầy. Trong suốt ba tháng qua mỗi ngày anh ta đều mang đến trình Thầy một vài kiến giải về công án. Hôm nay anh ta mang đến Thầy lời giải đáp rằng anh ta sẽ đập tay

mình vào bức tường. Dĩ nhiên đây cũng không thể là lời giải đáp. Anh ta cũng vẫn cần đến hai –bàn tay và bức tường- tuy rằng không phải là hai bàn tay nhưng đây cũng không phải là trọng điểm của công án. Và anh ta lại bị ăn đòn.

Câu chuyện cứ tiếp tục như thế… Mỗi ngày anh ta đều trình lên Thầy một kiến giải mới, cách này hay cách khác. Lần nào anh ta cũng tưởng là kiến giải này sẽ là lời giải đáp, nhưng không. Ba tháng lại tiếp tục trôi qua và lần này anh ta đến gặp Thầy, hoàn toàn im lặng không nói một lời nào cả. Lần này ông Thầy lại tặng cho anh một cái tát đích đáng. Anh ta ngạc nhiên: "Bạch Thầy, con chưa nói gì cả mà!" Vị Thầy trả lời: "Như vậy sẽ muộn rồi. Nếu ngươi nói cái gì đó, nó sẽ muộn quá rồi."

Ngày hôm đó, có một cái gì đó đã xảy ra cho người môn sinh. Anh ta đã không hề nói gì cả. Trước đây, mỗi ngày anh ta đều đã nói một cái gì đó và dĩ nhiên, bị đánh –đây là điều hợp lý. Bởi vì anh ta đã nghĩ rằng bất cứ điều gì mình nói ra đều sai lầm cả, thế nên mới bị ông Thầy đánh. Bây giờ thì cái lý do đó không còn nữa. Anh ta đã không nói một lời nào -tức là không còn sợ bị sai lầm- nhưng lần này vẫn cứ bị ông Thầy đánh, coi bộ còn nặng hơn. Thật là hoàn toàn vô lý, tuyệt đối vô lý. Bây giờ thì tâm của anh ta không thể nào đương đầu nổi nữa.

Khi cái tâm không còn đương đầu nổi với một cái gì đó, nó buông xuôi. Khi cái tâm cho thấy là bất lực về một vấn đề gì đó, nó buông xuôi.

Công án là câu đố bí hiểm không lời giải đáp -thế nhưng bạn bị buộc phải quán tưởng về nó. Bạn phải vật lộn với nó trong một thời gian –sáu giờ, tám giờ, mười giờ, mươi hai giờ, có khi mười tám giờ- người môn sinh chỉ ngồi đó nghiền ngẫm, nhìn vấn nạn trên mọi góc cạnh, mọi khả năng; cố

gắng tìm cách nhập vào bằng ngỏ này hay ngỏ khác. Từ mọi hướng nhìn, thông qua các chiều kích khác nhau, y cố gắng giải quyết cái vấn nạn, tìm kiếm lời giải đáp. Y đến trình Thầy, và rồi bị quăng ngược trở lại với chính mình… Cái gì sẽ xảy ra?

Ngày qua ngày, những lời giải của y sẽ cạn kiệt dần. Tất cả những gì có thể là đáp số y đều đã nghĩ qua. Bây giờ có vẻ như không còn một lời giải đáp nào nữa, không còn một nơi nào để đi đến nữa. Vào cái ngày đó, y nhìn vào cái bài toán bí hiểm và chẳng còn thấy một ý tưởng nào khơi dậy ở trong đầu. Đây chính là lằn mức –khi bạn đang nhìn vào công án và không còn một ý tưởng nào trỗi dậy. Và khi không còn một ý tưởng nào khởi dậy bạn có thể nhìn xuyên suốt vào công án –đó chính là sự phi lý.

Vâng, đúng thế. Trước đây rất nhiều lần bạn cũng đã có cảm giác rằng đó là sự phi lý -thật ra, bạn đã biết hai năm rõ mười rằng đó là chuyện phi lý, rằng nó không thể nào có được lời giải đáp- nhưng đó là cái biết đến từ tâm bạn, không phải từ tuệ giác. Đó là giải đáp của tâm bạn –rằng, nó không thể nào giải quyết được, tại sao lại phải bận tâm? Hãy quẳng nó đi. Hãy quên nó đi. Nó sẽ không bao giờ được giải quyết. Nhưng đây cũng là chuyện của tâm. Cho đến một ngày, khi cái tâm không còn gì để lên tiếng, khi nó ngưng hoạt động vì mọi nguồn mạch hoàn toàn cạn kiệt, khi nó mất đi tất cả những sở trường chuyên môn, tất cả những hiệu năng của nó, khi mà tất cả những gì là thông minh của nó cho thấy chỉ là vô dụng, lúc đó cái tâm biến mất. Trong cái lỗ hổng đó… tuệ giác. Trong cái lỗ hổng đó bạn nhìn xuyên suốt vấn đề, bạn chứng nghiệm lần đầu tiên. Trong cái lỗ hổng đó, suy nghĩ không còn có mặt nhưng tuệ giác xuất hiện –đó chính là điểm thăng hoa.

Khi suy tưởng ngừng và tuệ giác xuất hiện, khi ý tưởng biến mất và mọi sự trở nên trong suốt là lúc bạn có thể thấy được chân lý không phải là một cái gì đó có thể nghĩ bàn, chân lý phải được nhìn thấy. Đó là lý do tại sao chúng ta gọi những người đạt đến chân lý là những kẻ giác ngộ -không phải là những nhà tư duy. Họ đã được thấy vấn đề. Họ đã nhìn xuyên suốt vào đó chứ không phải là suy nghĩ về nó -họ không phải là những đại triết gia, những nhà luận lý. Họ là những người không tâm, họ vượt ra ngoài tâm. Họ nhìn một cách trực tiếp. Không có một ý tưởng nào chen lẩn giữa họ và thực tại. Thực tại là gì, nó sẽ được phơi bày ra y như thế, như thị. Tâm của họ không còn ở đó để thực hiện chức năng thông qua tư duy. Tâm sẽ không còn gợn lên những làn sóng lăn tăn mà là một tấm gương trong suốt. Nó chỉ đơn thuần phản chiếu; dội lại nguyên dạng những gì được soi.

Nếu một người còn có một cái gì đó để suy tưởng thì chưa phải là một kết thúc đích thực. Nếu bạn nghĩ rằng vẫn còn lại một cái gì đó để nghĩ đến thì đây không phải là điểm cuối thực sự, tâm vẫn sẽ không chịu bỏ đi. Bạn không thể làm công việc đó một cách cố ý; bạn không thể nói rằng, "OK, nếu không còn gì để có thể suy nghĩ nữa tôi sẽ để tâm của tôi qua một bên và sẽ cố gắng để nhìn." Bạn không thể nào làm được như vậy. Cái tâm vẫn còn ở đó. Điều này phải để cho tâm tự làm lấy và bất cứ cái gì do tâm thực hiện chỉ củng cố nó thêm. Nếu bạn vẫn còn một cái gì đó để suy nghĩ, nếu bạn nghĩ rằng tâm của bạn vẫn còn cho bạn những lời giải đáp, và ngay cả một niềm tin mỏng manh còn sót lại trong tâm, thì đấy vẫn chưa là điểm tận cùng thực sự.

Khi một người đi đến điểm tận cùng thực sự, suy tưởng chấm dứt và tuệ giác bắt đầu. Trong tuệ giác này là cả một cuộc cách mạng, một sự thay đổi đến tận gốc rễ, là sự đột biến, một sự tỉnh thức.

Cũng giống như khi bạn dùng một cái khoan máy. Bạn có thể hỏi những anh bạn thợ mộc của chúng ta ở đây –Asheesh, Christos, Siddhesh. Thiền

gia ví von việc hành thiền cũng chẳng khác gì dùng cái khoan. Bao lâu mà bạn còn khoan được thì có nghĩa là chưa đến điểm tận cùng. Khi nào không còn gặp phản ứng, khi bạn không còn gì để khoan nữa –nó kêu zzzzzzzz- thì đó mới là tới mức. Tôi không phải là thợ mộc nhưng tôi biết nó đã đi xuyên sâu vào trong như thế nào. Tôi chưa hề dùng cái khoan nhưng đây là là cách mà mũi khoan đi sâu vào trong. Và đột nhiên cái khoan không còn gặp sức đối kháng. Thế là không còn gì để khoan nữa. Tư duy trở nên bất lực.

Khi bạn không còn khoan được nữa, có nghĩa là đã tới điểm tận cùng; khi bạn không thể suy tưởng được nữa, điểm cuối đã đạt đến. Lúc đó sẽ không còn lời, không còn ý tưởng, không còn hình ảnh, không còn gì cả, chỉ là tánh không. Bạn đã đến điểm tận cùng của tâm, hay cũng có thể gọi là điểm tận cùng của thế giới. Bạn sẽ đi ngang qua tấm bảng ở đấy có hàng chữ: "Đây là điểm tận cùng của thế giới" –nhưng tới chỗ đó rồi bạn chớ vội bỏ chạy. Còn có phía bên kia của nó nữa.

Cái phía bên kia mới là thực. Cái phía tận cùng thế giới ở bên này là ảo. Khởi đầu Thượng Đế là thực. Tận cùng thế giới chỉ có nghĩa là giai đoạn bệnh hoạn kết thúc; ở phía bên kia lành mạnh bắt đầu. Đây là lần đầu tiên bạn khỏe mạnh thực sự, là một tổng thể, thánh thiện.

Thế nên đừng bỏ chạy. Đây là một kinh nghiệm kinh hoàng. Khi cái mũi khoan của tâm không còn khoan được nữa thì quả là một mối kinh hoàng. Từ lâu bạn đã quá gắn bó với tâm đến độ bạn nghĩ rằng tâm với bạn là một. Thế nên bây giờ cái tâm không còn làm việc nữa, không thể hoạt động

nữa, bạn cảm thấy như mất mát cái gì –"Phải chăng ta đã khùng rồi hay cũng gần như thế?"

Vâng, nó gần giống như khùng. Tôi nói 'giống như khùng' thế nhưng nó không tương tự, không giống y hệt như khùng. Khi khùng, tâm vẫn tiếp tục làm việc. Thật ra, khi khùng tâm còn hoạt động hơn mức bình thường – nó làm việc không ngưng nghỉ trong suốt hai mươi bốn tiếng. Nó bắt đầu hoạt động một cách nghịch lý. Nó trở nên khác thường. Nó không còn ở trong vòng luận lý, lý trí, ngay cả không theo những gì mà người ta gọi là hợp lý. Cái tâm đó như tỏa ra khắp mọi hướng; nó trở nên mâu thuẫn, nó mất hết tất cả những mối liên hệ với thực tại –nhưng nó vẫn thực hiện chức năng của mình. Hãy để ý điểm này: người khùng có cái tâm phong phú hơn là của bạn. Thế nên bạn sống với tâm mình quá mức, một ngày nào đó bạn cũng sẽ phát khùng. Người khùng chỉ đứng ở trước bạn một tí trong cái hàng người sắp hàng nối đuôi đó. Họ đã dùng đến cái tâm quá nhiều hơn là bạn. Họ đã sử dụng nó tối đa cho nên mới phát khùng. Họ là những người có cái tâm cực kỳ phong phú.

Khi đại ngộ xảy ra hay là khi mũi khoan tâm dừng lại không còn hoạt động nữa, ngay khoảnh khắc đó có thể là bạn có cảm giác mình đang phát khùng; nhưng thực ra sẽ không bao giờ có chuyện như vậy bởi vì khi bạn còn mang một cái tâm thì mới có chuyện phát khùng. Bây giờ không còn tâm nữa thì làm sao bạn có thể khùng được? Vâng, ngay trong khoảnh khắc đó ý tưởng bị phát khùng có thể đến với bạn –cũng dễ hiểu thôi, bởi vì bạn sống gắn bó với cái tâm trong một khoảng thời gian dài, bây giờ bỗng dưng nó ngưng hoạt động. Bạn sẽ rơi hụt hẩng vào một khoảng trống không. Khoảng trống không này rất là kinh khiếp. Nó giống như cái chết.

Tự dưng bạn biến mất, mất hết mọi ý niệm về gốc nguồn. Một sự tê liệt hoàn toàn –trong khoảnh khắc đó.

Đây chính là trọng điểm mà bạn cần một vị Thầy để đẩy bạn vượt qua. Nếu ông ta cảm thấy cần đá, ông ta sẽ đá. Nếu ông ta cảm thấy cần đánh, ông ta sẽ đánh. Nếu cần ôm hôn bạn, ông ta sẽ ôm hôn. Không ai biết trước được. Ngay cả chính vị Thầy cũng không biết được một cách chính xác cái gì cần thiết cho cái khoảnh khắc đó. Chính cái khoảnh khắc đó sẽ quyết định. Rồi chỉ với một cử chỉ nhỏ thế là bạn được đẩy qua bờ. Bạn đã thực hiện bước đầu tiên và cũng là bước cuối. Và một khi bạn đã thực hiện bước nhảy này, thấy rõ được bờ bên kia của hiện tượng và đọc được phía bên kia của tấm bảng, tại khởi điểm này là bắt đầu Thượng Đế. Bạn an lạc. Không còn một vấn nạn nào.

Mọi vấn nạn đã rời xa. Thật ra, những đầu mối của tất cả mọi vấn nạn –cái tâm của bạn- đã rời xa. Bạn bắt đầu khởi sự sống một đời sống không vướng mắc hệ lụy. Bạn bắt đầu được sống lần đầu tiên.

Tuy nhiên nếu bạn còn tìm kiếm Thượng Đế, hay Phật, hay Chúa Giêsu hay bất cứ cái gì khác thì như vậy bạn vẫn chưa đến được điểm cuối, hãy nhớ như vậy. Nếu bạn đã tới được điểm này rồi bỗng dưng bạn thấy Chúa Giêsu đứng trước mặt mình ban rải lòng từ và yêu thương của Ngài đến bạn, thì có nghĩa là bạn vẫn chưa đến được điểm cuối cùng thực sự. Tâm của bạn vẫn còn cố gạt gẫm bạn một lần cuối cùng. Hoặc giả bạn trông thấy Krishna với cái ống sáo quen thuộc đang tấu lên một bản nhạc tuyệt vời… Đây vẫn là những nỗ lực cuối cùng của tâm nhằm cám dỗ, đánh lạc hướng bạn. Hoặc giả bạn trông thấy Thiên Chúa đang ngự trên chiếc ngai vàng, chung quanh là những thiên thần, thế là bạn lạc lối rồi. Đây vẫn chưa là điểm cuối thực sự.

Đây cũng vẫn là những phóng chiếu của ý tưởng. Bạn phải hiểu rõ điều này bởi vì Thiền không dung thứ những chuyện như vậy. Bởi vì nếu bạn còn có một cái gì đó để thấy, có nghĩa là bạn vẫn còn đối tượng để nhắm đến, và như vậy bạn vẫn chưa đến đích thật sự. Vẫn còn một cái gì đó để bạn tiếp tục khoan.

Đó là lý do tại sao mà Huệ Năng, một vị đại Thiền sư từng nói rằng, "Trên hành trình của bạn, nếu gặp Phật, hãy giết Phật ngay lập tức. Nếu gặp Tổ, Bồ Đề Đạt Ma, bạn phải giết Tổ ngay lập tức." –Phùng Phật sát Phật, phùng Tổ sát Tổ.

Không nên có sự khoan dung nào. Cứ tiếp tục khoan tới. Khoan luôn cả Phật. Trừ phi bạn đạt đến tánh không, vẫn cứ phải tiếp tục khoan.

Ở cái đất nước này, đây là điều vô cùng khó khăn bởi vì đất nước này đã từng đạt đến điểm này không biết bao nhiêu lần nhưng rồi vẫn bị kẹt cứng ở đó. Chỉ có một mình Đức Phật là người đã đi được bước đầu tiên và là bước cuối cùng -chẳng có ai đi đến được điểm cuối ngoại trừ một người. Người ta dừng lại khi thấy Thượng Đế đứng ở đó tuyệt vời biết bao… Quá đổi tuyệt vời! Đâu có ân sủng nào bằng khi được thấy Thượng Đế ban rãi thánh sủng khắp nơi hay thấy kundalini khởi hiện. Đó là một kinh nghiệm tuyệt vời, quá đổi tuyệt vời, bạn chưa hề trãi qua những gì như thế trước dây. Hoặc giả ánh sáng đang tràn ngập trong bạn, luồng ánh sáng vô tận như có hàng ngàn mặt trời đang chiếu soi cùng một lúc. Những luồng ánh

sáng thật huy hoàng, thật chói lọi, thật khó tưởng tượng nổi. Hoặc giả bạn trông thấy đoá sen, một đoá sen ngàn cánh đang nở ra trong huyệt *sahastrar* của bạn, trong đầu bạn. Bạn như được chuyển nhập vào một thế giới khác.

Nhưng Thiền bảo rằng bạn cứ vẫn phải tiếp tục khoan. Kudalini khai mở, chưa phải là điểm cuối. Bạn trông thấy ánh sáng, chưa phải là điểm cuối. Đoá sen mở ra, chưa phải là điểm cuối. Vẫn cứ phải tiếp tục khoan. Cho đến khi nào không còn gì để khoan. Những kinh nghiệm vừa qua là một trở ngại bởi vì những kinh nghiệm đó chỉ là những trò chơi do tâm tạo. Mà tâm thì cực kỳ thông minh thế nên nếu nó thấy bạn đang tìm kiếm Thượng Đế, nó cung cấp Thượng Đế. Đó là luật cung cầu. Nếu thấy bạn đang mê đắm Krishna, tâm sẽ mang Krishna đến. Tâm sẽ bảo bạn, "OK. Này đây là Krishna. Hãy giữ lấy." Thế nên chớ vội dừng lại, bằng không bạn sẽ không bao giờ đi được đến đích cuối cùng -bạn lại đánh mất mình trong Krishna lần nữa.

Bởi vì không sớm thì muộn Krishna cũng sẽ ra đi. Khi cái tâm dừng lại, Krishna sẽ không còn. Vấn đề có thể xảy ra như thế này: Bạn trông thấy Krishna với cái ống sáo quen thuộc đang cất tiếng hát cùng với một đàn thiên nữ xinh đẹp tuyệt trần đang nhảy múa chung quanh Ngài, những *gopis* -thế rồi sớm muộn gì bạn cũng sẽ quên luôn Krishna và phải lòng một cô thiên nữ *gopi* xinh xắn nào đó. Thế là bạn lại trở lại thế gian. Bạn lại trở về nhà.

Cái tâm rất thông minh lém lỉnh nên khi nó đối diện với một vấn đề sinh tử của chính nó –khi bạn nhập thiền, đó là vấn đề sinh tử của nó- cái tâm sẽ cố gắng tìm mọi cách để tự bảo vệ mình. Đó là vấn đề sống còn. Cho nên đừng bao giờ lắng nghe nó.

Ngài Huệ Năng dạy rằng, "Các ngươi thường được dạy là hãy quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, nhưng ta bảo các ngươi rằng phải tự quy y chính mình." Nếu bạn quy y Phật thế rồi Phật sẽ khởi hiện ra như một đoá hoa sen -thật tuyệt vời, thật cực kỳ tươi đẹp, thật thanh thoát, thật thánh thiện- và ngài Huệ Năng bảo, "Hãy giết ông ta ngay lập tức." Không nên chậm trễ một phút giây nào cả bởi vì Huệ Năng lo rằng bạn có thể sẽ lạc lối. Hãy tiêu diệt ông ta. Hãy từ biệt ông ta ngay tức khắc. Hãy nói rằng, "Rất cảm ơn, nhưng làm ơn đừng cản lối tôi." "Đừng quy y Phật," đó là câu nói của ngài Huệ Năng, một đệ tử của Phật gia. "Đừng quy y Pháp, dharma. Đừng quy y Tăng, sangha. Ta bảo các ngươi rằng, hãy quy y chính mình."

Khi bạn được bỏ lại trơ trọi một mình, hoàn toàn một mình, bạn sẽ đến bến bờ. Một khi còn một cái gì khác, có nghĩa là vẫn còn đối tượng, như vậy bạn sẽ không bao giờ đạt đến. Bạn vẫn còn ở trong nhị nguyên. Nó vẫn tìm một cách thế mới mẻ để sinh tồn. Khi chỉ còn lại một, lúc đó bạn sẽ đến bến bờ -thế nên hãy quy y chính mình.

Ngài Huệ Năng dạy tiếp, "Lời khuyên của ta với các ngươi là, vô tác, yên nghĩ. Ngay cả cái lão mắt xanh man di mọi rợ Bồ Đề Đạt Ma kia có đến đây, ông ta cũng dạy các ngươi chừng đó chuyện -vô tác. Mặc y phục, ăn uống, đi cầu –như thế. Không chết, nên không sợ hãi, bởi vì có ai đâu mà

chết. Không đầu thai luân hồi, nên không sợ hãi, bởi vì có ai đâu mà đầu thai luân hồi. Luôn luôn ở tại đây. Không có chốn nào để đến."

Khi ngài Huệ Năng sắp viên tịch, có người hỏi, "Bạch Thầy, Thầy sắp đi đến đâu?" Ngài Huệ Năng mở mắt, bảo: "Sao lại có một câu hỏi đần độn như thế? Người ta đi chỗ nào? Không có chốn nào để đến cả. Người ta chỉ có một chỗ là NƠI ĐÂY – BÂY GIỜ."

Bạn có nhìn thấy cái phẩm chất của ý thức này không? Bạn luôn luôn BÂY GIỜ và Ở ĐÂY, bạn không thể nào là LÚC ẤY và Ở ĐÓ được. Làm thế nào mà bạn có thể hiện hữu lúc ấy và ở đó? Khi cái ngày mai kia đến, nó luôn luôn đến như là ngày hôm nay; nó không bao giờ đến như là một ngày mai. Khi nó trôi qua người ta gọi đó là ngày hôm qua, khi nó chưa đến, người ta gọi đó là ngày mai, thế nhưng bất cứ lúc nào nó có mặt cũng vẫn là ngày hôm nay và bạn chỉ có thể hiện hữu trong ngày hôm nay. Bạn không thể có mặt vào ngày hôm qua –nó không hiện hữu. Bạn cũng không thể có mặt ở ngày mai –nó chưa đến. Bạn luôn luôn BÂY GIỜ và Ở ĐÂY. Bạn có để ý đến cái ý niệm này không? Bạn không thể ở bất cứ nơi nào khác được. Như ngài Huệ Năng đã nói, "Ta có thể đi đâu bây giờ? Trước tiên, không có chốn nào để đến cả và cũng không có ai để đi đến bất cứ nơi đâu. Ta đã là một với tất cả. Không có cái chết để phải sợ, không có luân hồi để phải kinh hãi, không có niết bàn để vươn tới, không có ai giác ngộ để đạt đến. Cố gắng để sống một cách bình thường, và vô tác."

Đó là cách tiếp cận của Thiền: Không có gì ở đó để hoàn tất. Không có gì để làm. Ta cứ là ta. Yên nghỉ, sống bình thường, sống tự nhiên. Đói thì ăn, mệt thì ngủ, cần thì bài tiết.

Thiền là cách sống tự nhiên. "Sống tự nhiên là hợp đạo. Hãy để tâm thong dong tự tại. Không niệm ác, không niệm thiện. Không bám víu vào bất cứ cái gì. Đó là đạo."

Như vậy là đủ. "Không bám víu vào bất cứ cái gì." Bên ngoài cũng như bên trong, phải luôn ghi nhớ như vậy. "Không bám víu vào bất cứ cái gì." Có lúc bạn bám vào tiền, vào chồng, vào vợ, và có lúc trong nội tâm bạn bắt đầu bám vào Krishna, vào Christ,…-bạn cứ không ngừng bám víu. "Không bám víu vào bất cứ cái gì." Chỉ như vậy bạn mới có thể đạt tới điểm tận cùng của thế giới. Tận cùng cũng là bắt đầu và hỗn mang là sáng tạo.

Một vị Thiền sư khác, Hoàng Chiến, có nói, "Tại đây, ngay chỗ này, ta không có chân lý nào để truyền dạy các ngươi. Công việc của ta chỉ là làm nhẹ bớt gánh nặng của cái chết đang đeo cứng trên lưng các ngươi. Sứ mệnh của ta là hủy diệt tất cả những gì đã trói buộc và biến các ngươi thành tên nô lệ, nhiệm vụ của ta là giết chết bất cứ cái gì và bất cứ ai đang đứng chặn giữa các ngươi và chính mình."

Thiền giả như thế là những người thực sự có phẩm chất khác biệt. Những phát biểu kiểu này bạn không thể tìm thấy ở bất cứ nơi đâu -những cách nói nổi loạn, những phát biểu như thế nó bốc lửa, rực rỡ và sống động làm

sao. Cả ngàn năm đã trôi qua, Huệ Năng vẫn còn mang vóc dáng của một người nổi loạn. Bạn không thể tạo dựng nên một truyền thống từ ngài. Thiền là một tôn giáo đã không bị biến thành một truyền thống -bản chất của nó là không thể. Nó không cho phép bất cứ cái gì trở nên ổn cố, kể cả một ông Phật ở trong bạn. Nó cũng không hề nói đến chân lý. Nó tuyên bố, "Tại đây, ngay chỗ này, ta không có chân lý nào để truyền dạy các ngươi. Ta lấy đi tất cả các thứ." Và khi không còn lại bất cứ cái gì, đó là chân lý – khi bạn bị bóc trần, hoàn toàn trần trụi. Khi không còn gì lại ở bạn, chỉ là một sinh thể tinh khôi, đó là chân lý.

Vâng, ông Hoàng Chiến này đã nói rất đúng -"Tại đây, ngay chỗ này, ta không có chân lý nào để truyền dạy các ngươi." Và đó cũng là những gì mà tôi đang làm ở đây. Tại đây, ngay chỗ này, tôi cũng không ban phát cho bạn bất cứ thứ chân lý nào, tôi chỉ lấy đi những dối trá ở trong bạn -những dối trá mà bạn đã tích tụ từ hằng bao thế kỷ, những nhãn quan sai lầm, những ý niệm phi lý. Tôi sẽ lấy chúng ra từ từ. Tôi chỉ lấy đi của bạn mà không hề cho bạn cái gì cả. Khi bạn đã buông bỏ tất cả các thứ và không còn bám víu vào bất cứ cái gì, bỗng dưng nó hiện ra. Nó vẫn luôn có mặt ở đó, nhưng mãi đến bây giờ đôi mắt của bạn mới được mở ra hoàn toàn.

Thiền, khi diệt cái tâm, cũng diệt luôn cái ngã của bạn -bởi vì đây chỉ là hai tên gọi khác nhau của cùng một thứ.

Bây giờ hãy lắng nghe câu chuyện của Suzuki viết về Ryokan, một vị đại Thiền sư.

Ryokan đã dùng phép ám tỷ trong một bài thơ nói về một bụi tre trồng chung quanh thảo am của ông, với rất nhiều nụ măng đã mọc lên ở đó. Ngoài chuyện thực phẩm, ông đặc biệt rất thích chúng ở chỗ chúng mọc thẳng, và xanh tươi quanh năm. Rễ của chúng bám chặt vào đất và thân rỗng, một biểu tượng của tánh không.

Thiền gia luôn luôn ưa thích cây tre. Có thể nói rằng cây tre là một biểu tượng của họ. Lý do tại sao? Bởi vì nó xanh tươi quanh năm, xanh suốt bốn mùa –mùa mưa đến, rồi mùa hạ, rồi mùa đông, nó vẫn cứ xanh. Không có gì làm nó thay đổi. Nó sống như là vĩnh cữu. Màu xanh của tre mang ý nghĩa của tươi mát, trẻ trung, lộng lẫy, sống động. Có vẻ như nó không mang sức nặng của cái chết.

Thứ hai nữa, rễ của chúng bám rất chặt vào đất, nó đứng vững vàng trên mặt đất. Đây là một điểm rất có ý nghĩa cần phải lưu ý. Con người cần phải bám vững trên mặt đất. Chúng ta đang sống trên trái đất này, chúng ta thuộc về trái đất và là sản phẩm của trái đất. Chúng ta cần phải bám vững trên mặt đất này. Thế nhưng có rất ít người như vậy; họ như là những thân cây bị trốc rễ. Và một điều đặc biệt là, chính những cái gọi là tôn giáo của

bạn đã làm cho bạn bị bật gốc. Bạn bắt đầu sống ở trên trời cao, ở một cõi thiên đàng nào đó, và quên bẳng đi cái trái đất này. Mà thật ra, không phải chỉ quên, bạn còn được dạy để chống lại nó. Bạn lên án nó. Như vậy làm thế nào bạn có thể bám chân trên mặt đất trong khi không ngừng lên án nó?

Thiền rao truyền những hiểu biết vững chắc về thế gian. Nó không hề chống lại thế gian, nó vượt ra ngoài cõi thế -hãy nhớ điều này. Nó không hề mang đến cho bạn một thứ tôn giáo phi thế gian, nó dạy bạn một tôn giáo rất thế gian thế nhưng cũng rất không thế gian. Nó bảo bạn: cứ sống trong thế gian này nhưng không để bị cột chặt vào đó. Nó không hề bảo bạn: hãy lìa bỏ thế gian.

Đó cũng chính là quan điểm của tôi, thế nên tôi rất tâm đắc với Thiền. Chúng tôi rung động cùng chung một tần số.

Cây tre bám rất chặt vào đất. Nó vươn cao lên bầu trời. Nó vươn cao hết mức. Tre chỉ là một loại cây gầy guộc nhưng nó đánh bại rất nhiều loại cây khác. Nó vượt lên rất cao. Nó chuyển động trong gió bảo mà không một chút sợ hãi vì đã bám chặt vào đất. Nó cất lên hàng ngàn lời ca trong trời cao nhưng không làm phiền lòng mặt đất. Nó có cánh nhưng mà cũng có rễ.

Và một điểm thứ ba có ý nghĩa hơn cả là: Nó rỗng không ở bên trong. Đó là điều mà con người nên như thế. Bám chặt trên mặt đất, luôn xanh tươi, trẻ trung, tươi mát, sống động, rung động, tuôn chảy cùng với năng lượng, nhảy múa, chúc tụng cuộc đời, nhưng trống rỗng ở bên trong -trống rỗng như một cây tre.

Ryokan chắc là rất yêu tre bởi vì ông không ngừng ngợi ca nó trong những bài hát; và vẽ về tre trong rất nhiều họa phẩm.

Ryokan rất thích đặc tính này của cây tre.

-đặc tính rỗng không.

Một lần, người ta kể lại, có một mụt măng vừa mới đâm chồi ra khỏi lòng đất ngay trong phòng riêng của ông. Ông tỏ ra rất thích thú về chuyện này. Cuối cùng, khi thấy cây măng tre ngày càng cao, ông bắt đầu tìm cách mở cái nóc nhà cho nó có đủ chỗ để phát triển.

Hãy suy nghĩ điểm này. Một mụt măng bắt đầu mọc lên trong chòi của Ryokan. Ông ta chẳng những không cắt mụt măng đi, mà bắt đầu tìm cách dở nóc nhà vì cây tre cần trời cao, cần không gian để tăng trưởng. Cái nhà không quan trọng bằng cây tre -một cây tre rỗng đã mọc lên trong đó, một cây tre sinh động đang mọc lên trong đó.

Và rồi một chuyện đã xảy ra...

Ryokan đã tìm cách đốt một cái lỗ ở trên mái nhà bằng cây đèn cầy.

Suzuki viết :

Có phải ông ta đã nghĩ rằng đó là cách thức dễ nhất để hoàn thành công việc? Có thể là ông ta đã không hoạch định trước như thế, đơn giản là ông ta chỉ muốn có một khoảng trống cho cây tre con phát triển và bỗng thấy cây đèn cầy trong lúc này có thể làm được chuyện này.

Không phải vậy. Tôi không nghĩ như thế. Đây là cung cách của các Thiền gia. Nếu cần phải hủy diệt cái gì, họ sẽ hủy diệt nó hoàn toàn. Họ thường dùng những bước rất quyết liệt. Và đây là một bước quyết liệt -đốt cái mái nhà.

Suzuki viết tiếp:

Thế nhưng bất hạnh thay, cái mái nhà bắt lửa nhiều hơn là chỗ ông dự tính ban đầu, và toàn bộ cái nhà, cùng với cây tre đều bị thiêu rụi.

Ở đây Suzuki nói rằng 'bất hạnh thay'. Không, không đúng như vậy. Ryokan biết rằng đó chẳng phải là chuyện bất hạnh gì cả. Cái mái nhà phải được dẹp bỏ, nguyên cả cái nhà phải được dẹp bỏ.

Khi một cây tre bắt đầu mọc lên ở trong bạn, khi một cái gì đó mới mẻ khởi hiện ở trong bạn -gọi đó là thiền định, toạ thiền- khi nó bắt đầu nẩy mầm trong bạn thì tâm chính là cái ngôi nhà bao quanh -bởi vì ngay từ điểm khởi đầu bạn luôn luôn bắt đầu bằng cái tâm, ngoài ra không còn một cách thế nào khác để bắt đầu. Nếu bạn tìm đến với tôi thì cũng do cái tâm đó. Nếu bạn bắt đầu thiền định, sự bắt đầu này cũng khởi đi từ cái tâm của bạn. Ngay cả khi bạn đang lắng nghe tôi chống lại cái tâm này thì bạn cũng đang lắng nghe từ cái tâm đó, thế nên tất cả mọi chuyện đều ở trong vòng ngôi nhà của cái tâm này. Cái mái, cái sườn, cái ngôi nhà này là cái tâm và một cây tre đang mọc lên trong đó.

Ryokan đốt cái mái. Suzuki nói rằng « bất hạnh thay » ngọn lửa đã vượt ra ngoài sự kiểm soát, không những đã thiêu rụi ngôi nhà mà luôn cả cây tre ở trong đó. Suzuki nghĩ rằng khi cây tre cũng bị cháy tiêu luôn thì đó là một tai nạn. Không, không phải như vậy.

Trước tiên, để bảo vệ thiền định của bạn tôi sẽ phải thiêu hủy cái ngôi nhà tâm của bạn, thế nhưng cái thiền định do bạn khởi sự lại là một phần của cái tâm đó. Khi cái tâm bị thiêu hủy thì cái thiền định này cũng sẽ bị hủy diệt theo. Cái tâm này và sự thiền định này gắn chặt với nhau như bóng với hình. Sự thiền định này phát xuất từ tâm; nó phải gắn bó với cái tâm này. Một loại thiền định khác sẽ đến khi cả cái tâm và sự thiền định này, cả hai đều biến đi.

Vâng, đấy là ý nghĩa của câu chuyện tuyệt vời này. Tôi hoàn toàn không đồng ý với Suzuki. Suzuki đã không nắm vững trọng điểm của câu

chuyện. Ông ta đã quan tâm quá mức về chuyện cây tre. Thế nên ông ta lạc lối. Thật ra, không phải 'bất hạnh' mà là điều may mắn khi đám cháy lan rộng -nó đã được nhắm đến mục đích như vậy. Khi một vị Đại Thiền sư như Ryokan làm bất cứ công việc gì, ông ta đều biết là mình đang làm gì. Câu chuyện vì thế không phải là một tai nạn. Trong suốt cuộc đời của một vị Thiền sư như Ryokan, không hề có chuyện tai nạn xảy ra. Tất cả đều được hành động trong tỉnh thức, hoàn toàn và tuyệt đối có ý thức.

Đây là dụng ý của Ryokan. Cái nhà sẽ phải được dẹp bỏ cùng với cây tre trong đó. Cũng vậy, cái tâm phải được dẹp bỏ và luôn cả cái thiền định đã khởi đầu với cái tâm đó cũng phải được dẹp bỏ luôn.

Từ đó một loại thiền định khác sẽ đến không liên hệ gì với bạn cả -một cái gì đó hoàn toàn tách biệt. Đó là sự cắt lìa, không còn liên tục với bạn nữa. Nó đến từ Thượng Đế, từ cái tổng thể -đó là một tặng phẩm. Nó không do bạn tạo ra, nó xảy đến.

Bây giờ chúng ta trở lại với giai thoại ban đầu.

Một học tăng đến kiếm vị Thiền sư thầy mình để nhờ giúp đỡ về một công án cổ điển mà ông đang tập trung giải quyết: "Ý nghĩa của việc Bồ Đề Đạt Ma đến từ Phương Tây là gì?"

Đây là một công án mà tôi đã từng giải thích cùng các bạn. Đặt câu hỏi như thế cũng chẳng khác gì hỏi rằng: Mặt trời mọc ở phương Đông có ý nghĩa gì? Hoặc: Trăng tròn có ý nghĩa gì?

Có người đã hỏi nhà danh họa Picasso... người này đã chăm chú quan sát Picasso làm việc. Y theo dõi công việc của Picasso từ đầu đến cuối và khi bức tranh hoàn tất liền lên tiếng hỏi, «Bức tranh của ông có ý nghĩa gì vậy?» Câu hỏi này đã làm cho Picasso vô cùng tức giận muốn điên người, ông la lên, «Đi mà hỏi cái hoa hồng trong vườn này ý nghĩa của nó là gì ! Tại sao người ta cứ chạy đến hỏi tôi về ý nghĩa? Nếu đóa hồng kia hiện hữu ở đó mà không cần phải mang một ý nghĩa gì thì tại sao bức tranh của tôi lại không thể có mặt ở đó mà không cần một ý nghĩa gì cả?»

Tại sao lại cần thiết chuyện đó, tại sao lại cứ luôn bị ám ảnh bởi chuyện ý nghĩa? Ý nghĩa là chuyện của tâm. Đó là một trò chơi của tâm. Nó luôn luôn nêu câu hỏi, «Ý nghĩa là gì?»

Bây giờ cũng một câu hỏi nêu lên như thế... Bồ Đề Đạt Ma đã từ Ấn Độ đến Trung Hoa. Ông ta vào Trung Hoa từ phía Tây. Dĩ nhiên là ông ta phải vào từ một nơi nào đó. Bây giờ vị Thiền sư đưa công án này cho các môn sinh - *"Ý nghĩa của Bồ Đề Đạt Ma đến từ Phương Tây là gì?* Tại sao? Nhưng trước tiên tại sao ông ta lại đến Trung Hoa? Tại sao?»

Bạn sẽ không hỏi một đám mây trời, «Tại sao ngươi lại đến Trung Hoa?» Bạn không hỏi một ngôi sao, «Tại sao ngươi có mặt ở đó?»

Những con người như Bồ Đề Đạt Ma rất là thuần khiết, họ không hiện hữu thông qua ý nghĩa, họ chỉ đơn giản có mặt mà không cần mang một ý nghĩa nào cả. Họ hiện hữu không vì một mục đích nào. Họ không phải là những nhà buôn, họ như là những đóa hoa, những đóa hoa người. Họ hiện hữu mà không cần mang một ý nghĩa nào -chỉ có mặt, đơn giản như thế.

Đâu có chuyện gì khác hơn để làm? Sự hiện hữu của họ đâu có phải là chuyện duy lợi, đó là ý nghĩa -tức là không hề có một ý nghĩa nào cả.

Bây giờ thì câu hỏi được nêu ra, công án được nêu ra cho các môn sinh. Hãy suy nghĩ về nó.

Một học tăng đến kiếm vị Thiền sư thầy mình để nhờ giúp đỡ về một công án cổ điển mà ông đang tập trung giải quyết: "Ý nghĩa của việc Bồ Đề Đạt Ma đến từ Phương Tây là gì?"

Cái ông Bồ Đề Đạt Ma này mới thật là người vô nghĩa nhất đã đặt chân trên trái đất này. Bạn không thể nào tưởng tượng được có một người nào đó vô nghĩa hơn là ông Bồ Đề Đạt Ma. Có lúc ông ta còn qua mặt luôn cả Phật Tổ Cồ Đàm! Trong nhiều phương diện, ông ta thật là hết mức –quá cở!

Khi ông ta đến Trung Quốc, vị Hoàng Đế đã đích thân đến tận biên giới đón tiếp vì trong rất nhiều năm, tin tức, đồn đãi đã bay đến triều đình: Bồ Đề Đạt Ma đang trên đường đến đây, Bồ Đề Đạt Ma đang trên đường đến đây, và ông là một nhân vật rất hiếm có.

Ngay cả vị Hoàng Đế cũng rất lấy làm thích thú. Vũ Hoàng Đế đã đích thân đón tiếp ông. Và vị Hoàng Đế đã không khỏi bối rối trong lần gặp gỡ

lần đầu tiên này vì Bồ Đề Đạt Ma đã đi đến với một chiếc giày trong chân và một chiếc giày đội trên đầu.

Thật là quá mức! Vâng, vị Hoàng Đế đã từng được nghe rằng đây là một con người rất kỳ quái nhưng mà vẫn không thể nào hình dung ra ông ta lại kỳ quái đến mức như thế. Có ý nghĩa gì đây? Cái ý tưởng đầu tiên thoáng qua tâm trí của vị Hoàng Đế -Bồ Đề Đạt Ma đội giày lên đầu mang ý nghĩa gì? Thế nhưng vua cảm thấy nếu hỏi ngay thì hơi thất lễ trước khi long trọng cử hành đại lễ đón rước -với hơn một vạn vị đại tăng từ khắp đất nước Trung Quốc đển chào đón nhân vật quan trọng này. Ông ta là truyền nhân chính thức của Đức Phật. Những gì mà Đức Phật trao truyền cho Ma Ha Ca Diếp nay đã được truyền đến cho ông. Ông ta là truyền nhân, là người kế thừa Đức Phật Tổ.

Ngay cả những vị sư đón tiếp cũng cảm thấy bồn chồn đứng ngồi không yên -bởi vì họ lo lắng không biết vị Hoàng Đế sẽ nghĩ gì đây? Không chừng cái lão Bồ Đề Đạt Ma này sẽ làm hủy diệt mất danh tiếng của họ hoàn toàn. Coi thật là mất lịch sự và chẳng khác gì tên khùng! Hay có gì sai lầm chăng? Vị Hoàng Đế cũng đã sửa soạn để nói vài điều nhưng quả thật là khó khăn khi phát biểu trước mặt người này. Vua đã sửa soạn bài nói chuyện rất công phu và cả triều đình đã tốn nhiều thời gian để soạn thảo và tập dượt. Bây giờ thì mọi chuyện đã trở nên vô nghĩa. Cái lão này đang đứng trân trân ra đó –ngay cả ngồi cũng không chịu ngồi nữa- chỉ đứng đó với chiếc giày đang đội trên đầu. Các bạn hãy tưởng tượng ra hoạt cảnh này!

Cuối cùng vị Hoàng Đế lên tiếng, « Bạch Sư, trẫm xin thất lễ nhưng xin được hỏi sư một điều. Tại sao sư lại đội chiếc giày lên đầu ? » Bồ Đề Đạt Ma trả lời, «Tại sao lại không nhỉ? Chiếc giày này đã thấm mệt rồi, nó đỡ bước ta bao lâu nay -tại sao ta lại không thể đỡ bước nó?»

Bồ Đề Đạt Ma đang nói gì vậy? Ông ta muốn nói rằng, «Đừng có hỏi về ý nghĩa nữa.»

Thời gian qua người ta mới quen dần cái cung cách của ông, mới hiểu được những điều ông nói. Người ta kể lại ông đã bảo các môn đệ rằng, «Ta chỉ mới cho ông vua ấy nếm thử qua cái mùi vị của ta để ông ấy không bao giờ còn hỏi về cái ý nghĩa. Vạn hữu an trụ ngay từ thuở ban sơ. Ta đã phải làm những chuyện vô nghĩa lý vì ta là người không mang trong mình một ý nghĩa nào cả -như một đóa hoa, như một đám mây, không cần phải mang một ý nghĩa nào cả.»

Hãy suy nghĩ về điều này. Sự hiện hữu không mang một ý nghĩa nào cả. Hãy trông kỹ đi. Không có vấn đề ý nghĩa trong hiện hữu. Ý nghĩa chỉ là sản phẩm của con người. Và bởi vì bạn cứ luôn luôn chạy đi tìm kiếm ý nghĩa, bạn bắt đầu cảm nhận sự vô nghĩa. Hãy nhớ như thế... Bởi vì bạn luôn tìm kiếm ý nghĩa –«Cái này có ý nghĩa gì?» -không sớm thì muộn rồi bạn cũng sẽ nhận ra rằng nó không mang một ý nghĩa nào cả. Lúc đó là cả một đại họa! Cái đại họa này đang xảy ra ở phương Tây. Những nhà tư tưởng lớn của phương Tây hiện đang ở trong khổ nạn. Cái khổ nạn đó là: Ý nghĩa của đời sống là gì? Nó có vẻ như rất vô nghĩa. Thế nhưng họ đã được huấn luyện rằng con người chỉ có thể sống một đời sống có ý nghĩa. Bây giờ tốt nhất là họ nên lắng nghe Bồ Đề Đạt Ma. Họ nên tìm đến Thiền là vừa.

Thiền cho rằng không có gì ý nghĩa cả. Không cần thiết phải tìm kiếm nó. Hãy tận hưởng cái vô nghĩa vĩ đại này. Không hề có mục đích. Vạn hữu không đi đến bất cứ nơi đâu, nó không hề có mục đích để hướng đến. Nó là Ở ĐÂY; nó là một lễ hội; nó là niềm vui; nó là một chuyện đùa. Đó là ý nghĩa của những gì mà Ấn Giáo gọi là *leela*. Đó là một cuộc chơi. Cái danh xưng này được dùng rất chỉnh. *Leela* có nghĩa là một cuộc chơi. Trong trò chơi bạn không cần phải hỏi cái ý nghĩa. Không có ý nghĩa trong đó. Cuộc chơi tự nó là để vui, phải cho thật vui.

Thế nên từ đó đã có không biết bao nhiêu công án tập trung chung quanh Bồ Đề Đạt Ma: Ý nghĩa của ông ta là gì ? Ý nghĩa của việc Bồ Đề Đạt Ma đến từ Phương Tây là gì ?

Vị Thầy bảo rằng trước khi đi vào vấn nạn này, vị học tăng nên lạy ông một cái lạy thật sâu.

Đây là những gì mà tôi rất muốn các bạn hiểu một cách thấu đáo. Vị học tăng này đến với một câu hỏi. Ông ta chắc chắn là cần đến sự giúp đỡ của Thầy. Ông ta đã đánh vật với cái công án này trong rất nhiều tháng, có thể trong nhiều năm. Bạn không hiểu được sự kiên nhẫn của kẻ học Thiền. Nhiều khi mất cả đến hai chục năm. Một người cứ tiếp tục đánh vật với cùng một vấn nạn qua hằng bao năm tháng, hết ngày này đến ngày khác, hết năm nọ qua năm kia. Bao nhiêu mùa qua đi và y chỉ tập trung vào một chuyện duy nhất. Y mất tất cả những ý niệm về thế giới chung quanh. Tất cả ý thức của y đều đổ dồn vào một vấn nạn –mà y biết tận cùng của nó

cũng chỉ là sự vô nghĩa. Nhưng y phải không ngừng làm việc, phải tiếp tục khoan –cho đến khi nào không còn gặp sự phản kháng lại.

Người học tăng này có thể đã tập trung suy nghĩ trên công án này trong rất nhiều năm và chẳng lãnh hội được điều gì cả. Thế nên cuối cùng ông ta phải tìm đến Thầy để nhờ giúp đỡ. Ông ta muốn có những giúp đỡ cụ thể. Ông Thầy sẽ làm gì đây? Chắc sẽ đưa ra một vài gợi ý. Một vài lộ trình. Một vài hướng dẫn.

Và rồi ông Thầy trả lời như thế nào? Ta sẽ thấy đây là cung cách của những vị Thiền sư. Ông ta làm những chuyện hoàn toàn không ăn nhập gì với vấn đề cả. Người học trò tìm đến để xin giúp đỡ và ông Thầy bảo –

Vị Thầy bảo rằng trước khi đi vào vấn nạn này, vị học tăng nên lạy ông một cái lạy thật sâu.

Tại sao ông ta lại đòi hỏi một cái lạy thật sâu? Tại sao ông lại đòi hỏi người học trò phải quỳ mọp xuống chân mình. Thật không ai hiểu nỗi. Vị Thầy chắc đã nhìn xuyên suốt vào người học trò và chắc đã nhìn thấy vấn nạn đang nằm ở chỗ nào. Cái vấn nạn này không phải nằm ở trong vấn nạn mà là nằm ở một nơi nào đó trong cái bản ngã của người học trò. Người học tăng này chắc chắn là đã có một cái bản ngã vô cùng vi tế. Vị Thầy đã thấy rõ được cái vấn nạn này. Trong khi đó người học tăng cứ mãi đánh vật với cái công án. Ông ta có thể cứ tiếp tục quán chiếu hết đời này đến đời khác nhưng vẫn sẽ không có chuyện gì xảy ra bởi vì cái vấn nạn đang nằm ở một nơi nào khác. Ông này có thể là rất cống cao ngã mạn. Thật ra, khi bạn

đến với một vị Thầy, nghi lễ thông thường là bạn qùy xuống sờ chân Thầy. Người học tăng này đã không làm chuyện đó. Khi bạn đến với một bậc Chân Sư thông thường là bạn qùy xuống lạy. Đằng này người học trò chỉ đến để nhờ giúp đỡ.

Cái cúi lạy này chẳng là gì cả, chỉ là một động tác. Thế nhưng cánh cửa học vấn chỉ mở ra khi nào bạn buông bỏ cái bản ngã của mình. Vâng, có rất nhiều loại học vấn. Bạn có thể đi vào trường đại học, ở đó bạn không cần phải buông bỏ bản ngã. Thực ra ở đây bạn càng ngã mạn bao nhiêu bạn càng có cơ hội thành công bấy nhiêu -Đây là nơi tranh đua của những cái ngã, những cái ngã đầy khát vọng, ganh ghét tỵ hiềm, những cái ngã đấu tranh lẫn nhau. Bạn sẽ thành công hơn với cái ngã của mình. Nếu bạn khiêm nhường thì sẽ không thể nào dành được chỗ đứng ở trong trường đại học, không bao giờ. Bạn phải tranh đua một cách hung bạo, phải có tinh thần lấn chiếm đầy bạo động, phải rất là cống cao ngã mạn, bạn phải nghĩ rằng mình là người số một trên thế giới. Như vậy may ra bạn mới có cơ may dành được cái huy chương vàng, bằng không thì không bao giờ.

Khi bạn đi vào trường đại học bạn đi vào với cái ngã, thế nhưng khi bạn đến với một vị Thầy thì đây là một loại học vấn hoàn toàn khác biệt –cái học giải trừ học vấn. Ở đây bạn phải hạ mình xuống.

Nhìn ngoài mặt thì có vẻ như người học tăng đang nêu một câu hỏi –giúp ông ta giải quyết vấn nạn của mình. Nhìn ngoài mặt thì có vẻ như ông Thầy rất tự cao tự đại. Tại sao ông ta lại đòi phải lạy mình một cái lạy thật sâu? Phải chăng đây là vấn nạn của một cái tâm cống cao ngã mạn? Vâng,

nếu bạn nhìn vấn đề với cái tâm ngã chấp, bạn sẽ cho rằng ông Thầy này rất là cao ngạo. Như vậy làm sao ông ta lại có thể giúp đỡ người khác được? Người học tăng đang gặp khó khăn, thay vì tỏ tâm từ bi của mình trước vấn nạn của người học trò, ông Thầy lại đòi hỏi trước tiên phải thực hiện nghi lễ. Ông Thầy này thuộc loại gì vậy? Tuy nhiên, nếu nhìn bằng một cái tâm như thế bạn sẽ đánh mất toàn bộ trọng điểm của vấn đề.

Những câu chuyện như thế mang ý nghĩa rất sâu sắc mà bạn không thể nào hiểu nổi với cái tâm đầy ngã chấp. Vị Thầy này tuyệt đối không còn ngã chấp đó là lý do tại sao mà ông ta có thể nhìn thấy và chỉ đúng ngay vào vấn nạn. Chắc chắn là ông ta đã có một cái nhìn thấu suốt. Nhanh như một làn chớp.

Khi bạn đến với tôi cũng thế, tôi có thể thấy ngay lập tức đâu là vấn nạn. Có lúc tôi không nói ra, có lúc tôi nêu lên một vài câu hỏi... Bởi vì thế giới đổi thay không ngừng. Bây giờ nếu đòi hỏi ai đó phải qùy lạy có thể chẳng giúp đỡ gì được y mà còn cản trở y nữa là khác. Thế giới đã đổi thay. Đây là một thế giới hoàn toàn khác biệt khi câu chuyện này xảy ra -một khung cảnh khác biệt. Bây giờ cả thế giới đã được rèn luyện, rèn luyện theo những cung cách của bản ngã.

Có lúc tôi hỏi bạn vấn nạn của bạn là gì. Tôi thấy cái vấn nạn đó và nêu câu hỏi với bạn, «Vấn nạn của bạn là gì ? Tôi muốn được nói đôi điều về nó. » Nếu tôi cảm thấy bạn tiếp cận gần với nó, tôi sẽ cho bạn một vài gợi ý, tôi sẽ đưa bạn đến gần hơn. Thế nên thay vì nói thẳng ra, « Đây là vấn nạn của bạn, » thay vì chỉ ngay vào vấn nạn này, tôi muốn bạn tự khám phá lấy

và cho tôi biết. Điều này sẽ giúp bạn tiếp tục duy trì cái ngã của mình. Bạn sẽ cảm thấy là bạn đang giải thích nó với tôi, bạn cảm thấy bạn đang nói chuyện về nó với tôi, và như vậy bạn cảm thấy cái bản ngã của bạn được thỏa mãn. Tôi đã phải thuyết phục những cái ngã của bạn trước. Dĩ nhiên, cuối cùng rồi tôi cũng sẽ thuyết phục chúng tự sát, nhưng đó là giai đoạn cuối. Việc này không thể được thực hiện ngay từ đầu. Ngay khởi đầu tôi phải làm mọi chuyện để hổ trợ cho cái ngã của bạn trước đã. Khi bất cứ ai mới đến đây, tôi đặc biệt vô cùng quan tâm đến họ. Bạn càng ở đây lâu chừng nào, tôi sẽ bắt đầu quên bạn dần đi.

Trong khi vị học tăng đang thực hiện nghi lễ, ông Thầy nhanh chân phóng cho ông một cú đá đích đáng.

Thật là bẽ bàng! Đầu tiên bạn đòi hỏi y phải qùy lạy, thế rồi bạn đánh y, bạn đá y, bạn coi y như một trái banh hay như một viên đá cản đường.

Thế nhưng ông Thầy đã đá đúng lúc. Ông đã đá đúng ngay vào cái vấn nạn của người học trò. Thế là một cái gì đó đã xảy ra sau cú đá này. Cú đá đã có tác dụng như một cú điện giật.

> *Cú đá bất ngờ này đã giải quyết tất cả những mối mê mờ từ lâu đã làm cho ông lúng túng.*

Cú đá hoàn toàn bất ngờ đối với người học trò. Khi bạn đang quỳ lạy một người hết sức cung kính bạn sẽ không thể nào ngờ được là người đó sẽ đá bạn. Tại sao bạn cung kính như vậy mà người ta lại đá bạn? Vâng, khi bạn đang đánh nhau với ai đó, họ sẽ đá bạn, đó là điều đương nhiên, thế nhưng khi bạn đầu hàng –sao họ lại còn đá bạn ? Thật là bất ngờ, thật là hoàn toàn phi lý.

Thế nhưng đó là luận lý của Thiền, rất luận lý. Bởi vì cái tâm không được chuẩn bị cho một cái gì đó có thể xảy đến, nó không có khả năng để xử trí trước tình huống bất ngờ, cái tâm hoàn toàn bị « sốc ». Nó không thể nào hiểu nổi, nó không thể nào lý giải được. Nó ở trong trạng thái hoàn toàn sửng sốt. Nó không thể làm gì được cả. Thật là bất ngờ, nó phát khùng lên. Thế là cái tâm ngưng làm việc, đã có một lỗ hổng, một khoảng hở khởi hiện. Cú đá đó đã mang lại cái lỗ hổng này.

Nhưng cú đá này không phải có thể ban phát cho bất cứ ai hay cho tất cả mọi người. Người học tăng kia mới xứng đáng để nhận lãnh. Ông ta đã làm việc không ngừng trong suốt bao nhiêu năm trên cái công án. Ông ta đã đi đến cái điểm mà chỉ cần một cái đẩy nhẹ, một cú đá là giải quyết vấn nạn. Tất cả những mối thắc mắc mê mờ của ông ta tan biến đi trong khoảnh khắc. Bỗng dưng y trở thành nhất thể. Tất cả mọi nghi nan biến mất. Từ cái lỗ hổng đó ánh sáng chiếu rọi, từ cái lỗ hỗng đó mọi sự trở nên sáng tỏ như ban ngày. Với cú đá bất ngờ này, một cái gì đó như một mũi tên đã xuyên thẳng vào tim ông ta.

Khi té nhủi xuống chân vị Thầy, ông ta hoát nhiên đạt ngộ.

Thiền là tôn giáo duy nhất trên thế giới giảng dạy về sự hoát nhiên đạt ngộ. Nó cho rằng sự giác ngộ xảy đến không đòi hỏi thời gian, nó có thể xảy ra trong vòng một sát na, chỉ trong một khoảnh khắc đơn thuần. Có thể bạn đã chuẩn bị hằng bao nhiêu năm trời, nhưng bất kỳ lúc nào nó xảy đến, nó xảy đến trong một chớp mắt. Nó không xảy ra từ từ, từng phần. Nó không xảy ra từng lúc, hết mảng này đến mảng khác... Nó không phát

triển một cách chậm chạp. Nó là một bước nhảy. Có thể dùng một danh từ vật lý để diễn tả tình trạng này khá đúng -đó là một bước nhảy lượng tử. Một bước nhảy đột biến. Chỉ trong một khoảnh khắc đơn thuần, bạn không còn là con người cũ trước đây; toàn bộ tâm thức bạn hoàn toàn thay đổi.

Nhưng hãy nhớ một điều, nó đòi hỏi một sự chuẩn bị rất chu đáo. Tôi không hề nói rằng nếu bạn đến với tôi và rồi tôi đá vào đầu bạn thì chuyện ấy sẽ xảy ra.. Trước khi tôi đá vào đầu bạn, mũi khoan tâm của bạn phải khoan cho đến điểm tận cùng. Đến cái mức này, khi chỉ còn lại cái cốt lõi cuối cùng, chỉ còn một chút đối kháng mỏng manh, khi mà bạn đang đứng ngay trên bờ vực, chỉ khi đó cái đá mới có hiệu quả. Chỉ một cú đá thôi và rồi rrrrrrrr... mọi chuyện giải quyết !

Sau này gặp bất cứ ai ông cũng nói: "Từ khi nhận được cái đá của Mã Tổ, tôi đã không thể nào nhịn được cười."

Vâng, khi bạn thực chứng lần đầu, trong bạn sẽ khởi hiện một nụ cười - cười cho nỗi khốn khổ của bạn sao mà quá lố bịch, cười cho những vấn nạn của bạn sao mà quá xuẩn động, cười cho những khổ đau của bạn sao mà quá phi lý. Đâu cần phải như thế, cũng không hề có điểm ý nghĩa nào trong những khổ đau đó. Bạn đã sống trong cơn ác mộng do chính mình tạo ra. Bạn là tác giả của nó đồng thời cũng là diễn viên; bạn là giám đốc sản xuất và cũng là cái màn ảnh, cái máy chiếu, đồng thời cũng là khán giả và là tất cả trong tất cả. Chính bạn là tác giả mà không ai khác. Đó là một cơn ác mộng. Như vậy đâu có nhu cầu phải sống ở trong đó cho dù là một

khoảnh khắc ngắn ngủi, thế nhưng bạn đã sống ở trong đó cả hàng triệu kiếp qua –cho đến khi bừng nở nụ cười giác ngộ.

Người học tăng đã rất đúng khi nói rằng, *"Từ khi nhận được cái đá của Mã Tổ, tôi đã không thể nào nhịn được cười."* Vâng, đúng như vậy. Khổ nạn của bạn thật là ngu xuẩn, thật là khôi hài. Bạn đã đeo cứng vào nó và đó là lý do tại sao mà nó có mặt. Thế mà bạn cứ không ngừng la lên, «Tôi không muốn. Tôi không muốn,» và vẫn cứ bám chặt vào. Cho đến một ngày khi bạn thực chứng, khi nhận được cú đá, khi đôi mắt của bạn mở ra và thấy được rõ ràng, bạn sẽ không thể nào tin được rằng bằng cách nào mà cái chuyện này nó kéo dài đến như thế!

Khi Đức Phật chứng đắc xong, có người đã hỏi Ngài: «Ngài đã chứng đắc được cái gì thế?» Đức Phật đã mĩm cười, «Không có gì cả, hoàn toàn không có gì cả. Đúng ra ta đã đánh mất một cái gì đó; Ta không chứng đắc cái gì cả.» Người kia nói rằng, «Chúng tôi cứ luôn luôn nghĩ rằng một người giác ngộ tức là đã chứng đắc một cái gì đó.» Đức Phật bảo, « Hoàn toàn sai lầm, tuyệt đối sai lầm. Ta không được mà chỉ mất đi – ta đã mất đi nỗi khổ đau-bởi vì vì bất cứ cái gì mà các ngươi nghĩ là ta chứng đắc, đạt đến, luôn luôn phải ở một nơi nào đó. Bây giờ ta không khỏi bật cười trước chuyện hoàn toàn lố bịch này. Tại sao ngay từ đầu ta đã để cho nó mất đi? Nó đã hiện hữu ở đó mà. Nó đã hiện hữu ở trong ta. Tại sao ta đã để lạc mất nó?»

Làm thế nào nà bạn đánh mất được Thượng Đế. Bạn chính là Thượng Đế, tại sao lại cứ mãi chạy đi tìm kiếm Thương Đế ?

Như vầy tôi nghe...

Một lần có một vị Tăng hỏi ngài Huệ Năng, « Bằng cách nào để đạt thành Phật quả, bạch Thầy?» Huệ Năng đã cho ông ta một trận đòn nên thân rồi bảo, «Nếu ta không đánh ngươi, cả thế giới này sẽ cười vào mặt ta.» Cái ông Huệ Năng này đang muốn nói gì vậy? Ý ông ta muốn nói rằng, «Cố gắng để đạt thành Phật quả là một việc làm ngu xuẩn, bởi vì bạn chính là một vị Phật. Nếu ta không đánh ngươi, mọi người sẽ cười ta –ít nhất là những kẻ hiểu chuyện, họ sẽ cười. Ta không thể nào giúp ngươi trở thành một ông Phật, trong khi ngươi chính là một vị Phật.»

Bạn đã là cái mà bạn đang tìm kiếm –cho đến khi bật ra nụ cười giác ngộ.

Hãy quán tưởng về giai thoại ngắn này. Nó mang một ý nghĩa vô cùng lớn lao. Và rồi hãy làm việc cật lực, hãy khoan vào tâm một cách triệt để, để đến một ngày nào đó, may ra bạn sẽ hưởng được một cú đá.

CHƯƠNG 10

Đứa con hoang
của những nền triết học lai căng

Câu hỏi thứ nhất:

> *Triết học Đông phương đặt tính chất con người vào vị trí của một khách bàng quan trước cuộc đời. Triết học Tây phương kể từ khi khoa học phát triển, đặt phẩm cách hàng đầu của con người trong khả năng chinh phục thế giới, trong hành động. Với phân tâm học tổng hợp, Assagioli đã thực hiện một cuộc hôn phối giữa Đông và Tây bằng cách thừa nhận cả hai, một*

chứng nhân thụ động và một kẻ mang ý chí tích cực. Cuộc hôn phối tạp loại này có mang lại kết quả gì không?

Vâng, nó có kết quả. Nó sản xuất ra những đứa con hoang, những nền triết học lai căng! Và những chuyện như vậy cứ không ngừng tiếp diễn.

Không có cuộc hôn phối nào có thể giúp ích gì cho con người. Chúng ta cần hợp nhất, không cần hôn nhân. Hôn nhân cũng vẫn còn mang nhị nguyên tính, hai cứ vẫn là hai. Và cả hai vẫn cứ tiếp tục đấu tranh lẫn nhau –trong tận cùng, mối xung đột vẫn cứ tiếp tục. Nó tiếp tục xảy ra trong tất cả mọi hình thái hôn nhân bởi vì cơ bản vẫn là vấn đề thống trị. Người chồng muốn thống trị, người vợ cũng muốn thống trị. Có rất nhiều cách thức tinh vi để mè nheo, để chiếm hữu –và nó cứ tiếp tục diễn ra như thế. Nếu bạn đang cố gắng để hình thành một cuộc hôn phối giữa Đông và Tây, kết quả rồi ra cũng sẽ như vậy, không hơn không kém.

Hai chữ Đông và Tây phải được xoá bỏ. Đó là những danh từ tồi tệ. Trái đất chỉ là một thế nên đâu cần một cuộc hôn phối nào? Quả đất tròn và là một thể thống nhất, nó không hề bị chia cắt ở bất cứ nơi đâu. Không có một lằn ranh nào phân chia giữa Đông và Tây, tất cả đều chỉ ở trong tâm thức con người, tất cả đều chỉ là chuyện chính trị. Hai chữ Đông và Tây đã tồn tại khá lâu và gây ra không biết bao nhiêu tai họa, trở nên vô cùng độc hại. Đã không biết bao nhiêu lần người ta cố gắng tạo ra một cuộc hôn phối nhưng không thành công bởi vì hôn nhân chẳng những đã không thể nào làm phân hủy được nhị nguyên tính; mà lại còn chấp nhận và tôn trọng nó.

Người ta buộc phải nhìn vào sự phân chia này và những sai lầm của nó. Đây là một điều sai lầm hoàn toàn, không bao giờ phản ảnh đúng sự thật.

Tâm thức con người ở đâu cũng thế –chúng ta phải thấy rõ điều đó. Tôi không bao giờ ủng hộ một cuộc hôn phối nào. Có lắm người đã cố gắng tạo nên một cuộc hôn phối giữa Ấn giáo và Hồi giáo, Cơ Đốc và Ấn giáo, Đông và Tây, cái nọ và cái kia. Điều này chẳng bao giờ thành công cả. Nó luôn luôn tạo nên một khuôn mặt giả dối rằng mọi chuyện đều tốt đẹp. Nhưng đó chỉ là cái mặt bên ngoài, không bao giờ là sự thật. Ẩn dấu ở đằng sau vẫn là bạo động và xung đột, và cái trò chơi cũ kỹ này vẫn cứ được tiếp diễn dưới nhiều tên mới. Cũng chỉ là chuyện bình mới rượu cũ, và khi người ta chỉ thay cái bình mà không thay rượu thì có gì thay đổi đâu? Chỉ là một việc làm vô ích. Con người hôm nay cần phải nên chín chắn hơn, cần phải nhìn sâu vào mọi chuyện, và nếu thấy những việc làm này vô nghĩa thì nên liệng bỏ chúng đi.

Tại sao lại phải cần một cuộc hôn phối? Vấn đề đơn giản là chỉ quẳng bỏ toàn bộ cái ý thức đã làm phân cách nhân loại –những tôn giáo, những bán cầu, những địa lý, những quốc gia. Tất cả mọi chia cắt đều phải được biến mất. Chỉ như vậy thì thế giới này mới có thể sống trong hoà bình an ổn.

Tại Tây phương đâu thiếu gì những người mang tinh thần Đông phương không kém gì những người phương Đông -cụ thể như các vị: Eckhart, Jacob Boehme, Plotinus, Pythagoras, Heraclitus. Họ Đông phương cũng không khác gì Đức Phật, Long Thọ, Sankhara, Lão Tử. Và cũng không thiếu những người mang tâm hồn Tây phương tại phương Đông không

kém gì những người Tây phương tại phương Tây: một Charvaka cũng Tây phương đâu khác gì Bertrand Russell.

Vấn đề không phải là Đông, Tây. Đủ mọi hạng người hiện hữu ở những nơi chốn khác nhau. Những người duy ngã vị kỷ có mặt ở Đông cũng nhiều như ở Tây. Ý tưởng chinh phục –chinh phục thiên nhiên, chinh phục Thượng Đế -Đông phương hay Tây phương cũng đều giống hệt nhau. Ý niệm về buông bỏ, buông bỏ một cách hoàn toàn, Tây phương cũng không hề nhường bước Đông phương. Điểm khác nhau nhất vẫn là ở chỗ nổi bật ra, thế thôi –đó là điểm bộc lộ ra bên ngoài còn bản chất không có gì khác nhau. Khác nhau là điểm nổi bật lên –mà cái này thường chỉ là chuyện tình cờ.

Thế là bạn thấy được rằng bản chất đều giống nhau… Nếu không thế làm sao bạn có thể giải thích được việc Lão Tử được Tây phương ái mộ? Cũng như tại sao Karl Marx có thể phát triển được ở phương Đông? Làm thế nào để bạn giải thích được điều này? Tại sao Đức Phật càng ngày càng trở thành một khuôn mặt nổi bật ở phương Tây? Tại sao Thiền càng ngày càng trở nên có ý nghĩa lớn lao đối với Tây phương? Tại sao khoa học kỹ thuật trở nên quan trọng đối với phương Đông. Phương Đông đổ đồn đến phương Tây để học hỏi về khoa học kỹ thuật, để trau dồi kỹ năng về khoa học kỹ thuật. Trong khi đó phương Tây tìm đến phương Đông để tìm hiểu thiền định là gì.

Những khát khao nguyện vọng của con người đều giống nhau -nếu có khác nhau chăng chỉ là điểm nổi bật lên. Đó không hề là chuyện phương

Đông hay phương Tây. Tại phương Đông không thiếu gì những người duy vật như phương Tây, cũng vậy tại phương Tây không thiếu gì những người hữu thần như ở phương Đông. Một khi bạn đã trông thấy điểm này, bạn đừng cố gắng tạo nên một sự dung hợp -một cách đơn giản, bạn thấy rằng không cần thiết phải có bất cứ sự dung hợp nào bởi vì nó đã là một.

Nó giống y như là tính cách lưỡng tính của một con người. Một người nam đồng thời cũng là một người nữ và một người nữ đồng thời cũng là một người nam. Khác nhau là ở chỗ nổi bật ra. Có thể là người đàn ông mang năm mươi mốt phần trăm nam và bốn mươi chín phần trăm nữ, thế thôi. Hoặc giả y mang năm mươi lăm hay sáu chục phần trăm nam -thế nhưng bốn mươi phần trăm nữ kia vẫn hiện diện ở đó. Sự khác biệt này không phải lúc nào cũng y nguyên, cố định, nó thay đổi. Vào buổi sáng có thể bạn mang nhiều chất nữ tính hơn buổi chiều. Đôi khi bạn thấy một người phụ nữ nổi giận điên lên, bà ta có thể còn hung bạo hơn bất cứ một người đàn ông nào khác. Cũng vậy khi một người đàn ông đang yêu, đang từ ái, tâm hồn y trở nên tràn ngập yêu thương còn hơn cả một người đàn bà. Điều này không phải là không có lý do. Khi một người đàn ông yêu thương, tình yêu thương phát xuất từ cái phần mà y thường không dùng đến và bởi vì nó ít khi được dùng đến nên rất phong phú. Nó chẳng khác gì một mảnh đất hoang. Trải qua một thời gian dài không ai canh tác nên hoa màu được thu gặt nhiều hơn. Khi một người phụ nữ giận dữ, cũng rất tự nhiên là bà ta trở nên nguy hiểm hơn bất cứ một người đàn ông nào, bởi vì phần nam tính của bà ta chưa bao giờ được dùng đến. Thế nên nó rất sắc bén, nó mới tinh, y như là còn ở phòng trưng bày. Nó sẽ rất cực kỳ nguy hiểm.

Thế nên điều này cần phải được nhận thức rõ: một người nam đều mang phần nữ tính ở trong người, cũng vậy, một người nữ đều có mang sẵn phần nam tính. Tính cách hợp nhất đã có sẵn ở đó.

Trường hợp Đông và Tây cũng y như thế.

Và rồi bạn thay đổi. Bạn có thể quan sát thấy cái bầu khí thay đổi đó ở trong bạn. Những người ăn mày thường đi xin ăn vào buổi sáng bởi vì họ biết rằng con người mang nhiều chất nữ tính hơn vào buổi sáng, và như vậy sẽ có nhiều cơ may hơn là họ sẽ mở rộng lòng từ, họ sẽ dễ dàng gật đầu trong bố thí. Buổi chiều lòng họ trở nên khô cứng đi. Họ đã trải qua một ngày dài đau khổ. Họ đã chứng kiến đủ mọi trò láu cá, gian xảo, đã gặp gỡ đủ các bộ mặt chính trị, ngoại giao, ba que xỏ lá, và họ trở nên chai cứng đi. Ăn mày vì thế không đi làm ăn vào buổi chiều. Vào buổi chiều rất khó mà thuyết phục người ta ban phát cho ai bất cứ cái gì. Vào buổi chiều mọi người trở nên chai đá và chẳng những không cho, không chừng họ còn trấn lột luôn cả kẻ ăn mày.

Buổi sáng bạn dễ dãi dịu dàng hơn. Sau một đêm dài yên nghỉ, trong sâu lắng của tiềm thức, bạn như được chan hoà cùng Thượng Đế. Trong suốt đêm dài đó, bạn là một hiện hữu chân thật, không giả dối, không bị ức chế. Tất cả những gì mà bạn muốn làm, bạn đã thực hiện nó trong những giấc mơ. Không ai đè nén bạn. Bạn không hề phải đấu tranh với bất cứ người nào. Không hề có bất cứ ai ở đó, bạn hoàn toàn một mình -bạn hoàn toàn tự do. Đó là tính cách quan trọng của giấc mơ: nó cho bạn thưởng thức hương vị của tự do. Nếu không chắc bạn sẽ phát khùng lên mất. Thế giới này đã biến bạn thành một tên nô lệ; những giấc mơ đã giải phóng bạn thành kẻ tự do. Lúc đó bạn có thể bay lượn trên bầu trời, rong chơi lên mặt trăng, làm

bất cứ điều gì mà bạn muốn. Không ai cản ngăn được bạn. Bạn có tự do hoàn toàn, tự do của bạn là tuyệt đối. Không hề có bất cứ giới hạn nào.

Đó là lý do tại sao giấc mơ lại vô cùng quan trọng đối với con người –nó giữ cho bạn ở trong tình trạng tỉnh táo quân bình. Nếu một người bị ngăn cấm không cho nằm mơ trong vòng ba tuần, y sẽ trở thành người mất trí. Thoạt tiên người ta nghĩ rằng nhờ giấc ngủ mà con người lành mạnh tỉnh táo. Bây giờ thì không còn như thế. Các nhà nghiên cứu cho biết rằng một người không khổ sở nhiều vì bị mất ngủ mà là vì thiếu những giấc mơ. Rất nhiều cuộc thí nghiệm đã được thực hiện để chứng minh khía cạnh khoa học này. Người ta cho bạn ngủ nhưng nếu tìm cách cắt đứt những giấc mơ của bạn, trong khoảng ba tuần lễ bạn sẽ phát điên. Ngay chỉ một tuần lễ bạn cũng đã khó mà chịu nỗi.

Tại sao giấc mơ lại hữu ích như vậy? Tại sao nó có thể giữ cho bạn được an tịnh? Bởi vì nó cho bạn tự do. Tự do là một nhu cầu nội tâm, thế nên tất cả những người thực chứng được chân lý rốt ráo đã gọi nó là tự do, là *moksha*, là niết bàn -một tự do tuyệt đối. Đó là một khẩn thiết, một khát vọng, một mơ ước lớn lao: được trở nên tự do tuyệt đối. Thực tại không cho bạn tự do nhưng giấc mơ đã cho bạn.

Và như vậy, vào buổi sáng bạn dễ dãi, bạn an bình, bạn dễ dàng cõi mở, hoà hợp hơn. Lòng từ ái của bạn sống lại, những giòng mật ngọt tuôn chảy trở lại, và bạn trôi theo cùng với nhịp đời đang tuôn chảy. Lúc này lắc đầu từ chối quả là chuyện khó khăn, gật đầu đồng ý là chuyện dễ dàng hơn. Vào buổi sáng con người ít duy ngã hơn, ít hung bạo, ít tham vọng hơn là

vào buổi tối. Vào buổi sáng con người tín ngưỡng hơn -buổi tối họ biến thành những nhà chính trị.

Thế nên cầu kinh vào buổi sáng rất là quan trọng… Khi đôi mắt bạn vừa mở ra, việc đầu tiên nên làm là thiền định hoặc cầu nguyện, bởi vì khoảnh khắc đó vô cùng quý giá. Trong suốt ngày bạn sẽ không bao giờ còn có được phút giây này mà phải chờ đến hai mươi bốn giờ sau. Đây là một khoảnh khắc trọng đại, có ý nghĩa, có tiềm năng lớn lao. Hãy tận dụng nó, đừng làm vẩn đục nó. Hãy thể nhập vào nó, thể nhập vào sự minh mẫn của hiện sinh, vào cái ân sủng của mạch đời đang tuôn chảy chung quanh bạn.

Không, Tôi chẳng hề bao giờ tán đồng chuyện dung hợp, tôi luôn luôn cổ xúy cho một sự hợp nhất thuần khiết trước khi có sự chia cắt.

Assagioli đã cố gắng làm chuyện dung hợp. Dung hợp luôn luôn là một xác chết. Bạn đã từng chấp nhận chuyện chia cắt, chấp nhận chuyện Đông là Đông và Tây là Tây, xem đó như là một tiền đề, bây giờ bạn lại cố gắng đi làm chuyện tổng hợp. Đấy là điểm sai lầm của Assagioli. Đừng chấp nhận cái tiền đề này. Hủy bỏ cái tiền đề này đi và nhìn thẳng vào thực tại. Đông không phải là Đông và Tây không phải là Tây –chúng cùng nhau, tuy hai mà một. Trong mỗi người đều có cả Tây lẫn Đông –Tây là phần nam tính và Đông là phần nữ tính. Trong một vài cách thế triết học, sự hợp nhất này đã không được thực hiện, thế nên sự hợp nhất này phải được thể hiện một cách thiết thân trong mỗi con người.

Khi bạn đang cầu nguyện, bạn đang tọa thiền, bạn là Đông; khi bạn đang đấu tranh, bạn đang ganh đua, bạn là Tây. Bất cứ lúc nào phần nam tính

được khẳng định là lúc bạn đang ở phía Tây. Đây không phải là những phân chia địa lý. Bất cứ bạn đang ở đâu, nếu phần nam tính ở trong bạn trội bật thì bạn là con người nam hay con người nữ của phương Tây. Bất cứ bạn đang ở chỗ nào, nếu phần nữ tính, phần dịu dàng ở trong bạn trở thành chủ yếu, như một dòng nước đang tuôn chảy, không cứng rắn như viên đá tảng, thế là bạn Đông phương. Và mỗi người đều có thể là cả hai. Đúng vậy, nước cũng có thể đông lại thành đá và đá cũng có thể tan chảy thành nước.

Với tôi, sự tổng hợp phải được thể hiện trong mỗi cá thể, trong từng cá nhân; nó phải được xảy ra trong mỗi trái tim người. Ngay cái danh từ 'tổng hợp' này xem chừng cũng không được ổn. Phải là sự khám phá về mối hợp nhất thuần khiết trước khi bạn đã nghĩ rằng Đông và Tây, nam và nữ, âm và dương, là hoàn toàn tách biệt. Phải rơi chìm vào khối hỗn mang nguyên thủy, vào sự hợp nhất này khi mà mọi chuyện còn là một nhất thể. Trong tận cùng của bạn chúng vẫn luôn là một, thế nhưng bạn đã không đi đến được, không đụng tới được chỗ sâu thẳm này, và đó chính là chân lý. Bạn vẫn còn ở trên bề mặt. Tất cả mọi chia cắt đều chỉ là mặt nổi. Nếu bạn đi sâu vào chính mình, cuộc gặp gỡ đầu tiên -nếu bạn là người nam- sẽ là với một con người nam, cuộc gặp gỡ thứ hai sẽ là với một con người nữ, và cuộc gặp gỡ thứ ba sẽ là một cái gì đó vượt qua cả hai. Đó chính là thực tại.

Câu hỏi thứ hai:

Điểm khác nhau giữa Triết học, Tâm lý học, và tôn giáo là gì?

Ý thức có thể hướng ngoại hay hướng nội; đây là hai con đường mở ra cho ý thức. Khi ý thức hướng ngoại, nó suy nghĩ về đối thể, về tha nhân, về cái ngươi. Khi ý thức hướng nội, suy tư biến mất -bởi vì không còn tha nhân, đối thể. Nó trở thành chủ thể.

Khi ý thức hướng ngoại, triết học được sáng tạo.Triết học là tư duy về đối thể. Triết học hướng ra bên ngoài. Khi ý thức hướng nội, nó quên hết tất cả mọi đối thể, nó bắt đầu an vui với chủ thể hiện sinh, với nội tâm. Bạn an trú ở đó với cảm nhận là mình đang sống, đang tỉnh thức. Không còn đối thể, bạn là một chủ thể hoàn toàn tự do. Không còn tư duy, bạn là một khối ý thức thuần khiết.

Hướng ra ngoài là triết học, hướng vào bên trong là tâm lý học và vượt lên trên cả hai là tôn giáo.

Đức Phật dùng hai từ. Ngài dùng *dhatu* để nói về hướng ngoại, đối thể. Triết học liên quan đến đối thể. Nó bỏ qua một bên người quan sát, nó chỉ biết đến đối tượng quan sát. Mũi tên được nhắm đến bên ngoài, *dhatu*, đối thể. Về hành trình tâm linh Đức Phật dùng từ *chitta*, chủ thể. Khi bạn hướng nội, tâm lý học được sáng tạo, khi bạn hướng ngoại, triết học được sáng tạo. Và khoa học chính là sự trưởng thành của triết học.

Tuy nhiên nền tâm lý học hiện đại, *cái-gọi-là* tâm lý học, không mang cùng một ý nghĩa như Đức Phật đã dùng trong tiếng 'tâm lý' bởi vì nền tâm lý học hiện đại cũng chỉ là những suy nghĩ về tâm trong một cách thế hoàn toàn khách quan. Nó dùng phương pháp triết học. Và như vậy nó đã lạc mất trọng điểm. Đó là sự khác nhau giữa tâm lý học hiện đại và tâm lý học thực sự.

Gurdjieff đã từng nói rằng nền tâm lý học thật sự chưa hề được khai sanh. Ông ta muốn bao hàm ý nghĩa gì khi nói đến tâm lý học thực sự? Phải chăng Freud không phải là một nhà tâm lý hoc thật sự? Kể cả Carl Gustav Jung và Adler? Không, tất cả họ đều suy nghĩ trong một vị thế hoàn toàn khách quan. Tâm lý học của họ không gì khác hơn là triết học. Đó chỉ là sự suy nghĩ về tâm; coi tâm như một đối tượng. Họ chỉ đứng ngoài và nghĩ về tâm. Họ nhìn. Họ quan sát. Họ phân tích. Họ chẻ sợi tóc ra làm tư. Nhưng kẻ quan sát luôn luôn là người ngoại cuộc; họ chỉ suy nghĩ về.

Gurdjieff nói rằng nền tâm lý học thật sự chưa hề được khai sanh. Nhận định này có điểm đúng mà cũng có điểm sai. Điều này đúng đối với những trường hợp như Freud, Jung, Adler và những người tương tự, tuy nhiên nếu áp dụng cho Pantajali, Đức Phật, Lão Tử, Huệ Năng thì nó hoàn toàn sai. Tâm lý học thật sự đã hiện hữu cả hàng ngàn năm. Tâm lý học thật sự có mặt lâu đến độ mà hầu như người ta đã quên bẵng nó đi. Còn cái mới bây giờ, cái được gọi là tâm lý học, thật ra chưa được chín chắn lắm. Nó xuất hiện rất trễ -chỉ mới khoảng chừng một trăm năm trở lại đây. Nó còn rất non trẻ.

Nền tâm lý học thật sự là tâm lý học của chư Phật. Nền tâm lý học thật sự là đi sâu vào sinh thể của bạn -chứ không phải là quan sát xem những con chuột ứng xử như thế nào, không phải là nhìn ở cái bề mặt bên ngoài, mà là đi sâu vào trong bằng đôi mắt nhắm, sâu lắng, thiền quán, tỉnh thức, hoàn toàn tỉnh thức, nhìn xem những gì xảy ra ở bên trong. Buông bỏ bên ngoài để đi sâu vào trong, vào nội tâm của bạn. Quên đi cái thế giới của khách thể, rồi tới cái thế giới của suy tưởng, của cảm thọ -buông bỏ hết, buông bỏ tất cả. Và rồi cái khoảnh khắc đó sẽ đến khi tâm thức của bạn an trú ở đó mà không còn chứa đựng bất cứ thứ gì.

Hiểu biết được cái tâm thức này tức là hiểu được tâm lý học thật sự là gì -nền tâm lý học của chư Phật.

Bây giờ bạn hỏi: Tôn giáo là gì? Sự chia cách giữa cái "ngoài" và cái "trong" vẫn là một sự chia cắt, Thế nên cái "trong" này cũng chưa hẳn là "trong" mà chỉ là môt phần của "cái ngoài", chỉ là cái mặt bên kia của một đồng tiền. Một mặt ghi là "ngoài", mặt kia ghi là "trong". Triết học và Tâm lý học cũng thế, cũng chỉ là hai mặt của một đồng tiền: một cái hướng ngoại, một cái hướng nội.

Như vậy tôn giáo là gì? Tôn giáo tức là quẳng bỏ toàn bộ cái đồng tiền này đi. Không còn chuyện đi ra ngoài hay đi vào trong, ngay cả chuyện "đi" cũng không còn. Khi cái đi không còn, khi cuộc hành hương chấm dứt, lúc đó bạn thực sự là bạn -không còn là một đối thể cũng không là một chủ

thể. Không còn người biết và đối tượng được biết, không còn người quan sát và vật được quan sát -lúc đó chỉ còn là một nhất thể, một biển cảm thụ của nhất thể. Lúc đó bạn có mặt khắp nơi. Trong đoá hồng, trong cây cỏ, trong đất đá, trong con người. Bạn chan hoà cùng vạn hữu. Đấy là tôn giáo.

Triết học là hướng ngoại, tâm lý học là hướng nội, còn tôn giáo thì không hướng vào đâu cả. Mọi hành trình đều được quẳng bỏ, không còn vướng mắc vào bất cứ cái gì, trong cũng như ngoài. Cái siêu việt này chính là tôn giáo.

Còn một cách khác... Nếu bạn đặt vấn đề này với Thiền gia, họ có một lối trả lời theo cung cách của họ. Họ bảo triết lý là *cái đó*, tâm lý học là *cái này* và tôn giáo chỉ là cái như thị, *tathata*. Cái đó là đối thể; cái này là chủ thể; cái như thị, tathata, hiện hữu, isness, konomama hoặc sonomama, chỉ là như thị không mang bất cứ dấu ấn nào, không có nhãn hiệu nào được gắn vào, không căn cước lý lịch, chỉ là một sinh thể tinh khôi -đó là tôn giáo.

Thế nên chuyển động đầu tiên là từ cái đó đến cái này, rồi từ cái này đến cái như thị. Tathata là danh từ rốt ráo cuả Thiền gia. Một người đạt đến cái như như -tathata- này thì được gọi là Như Lai. Đó là lý do tại sao Như Lai là một trong những danh hiệu của Đức Phật -người đã đạt đến tình trạng như như.

Một khi bạn được giải phóng ra khỏi cái này và cái đó, bạn hoàn toàn tự do.

Như một bài Thiền thi:

Xuân đến trăm hoa nở

Thu về mảnh trăng tròn

Hạ nồng cơn gió mát

Mùa Đông tuyết theo chân

Nếu những chuyện đời vô nghĩa không còn vướng tâm

Thì bất cứ mùa nào cũng đều tốt đẹp cả.

Xuân đến trăm hoa nở -chân như.

Bạn là những đoá hoa kia, là chim chóc hát ca, là những tinh cầu lấp lánh, là những giòng sông tuôn chảy.

Xuân đến trăm hoa nở

Thu về mảnh trăng tròn

-bạn là mảnh trăng đó.

Hạ nồng, cơn gió mát

-bạn là cơn gió kia.

Mùa Đông tuyết theo chân

- bạn là tuyết trắng kia.

Nếu những chuyện đời vô nghĩa không còn vướng tâm

-những chuyện vô nghĩa, cái này cái nọ,

nếu chúng không vướng mắc trong tâm

và bạn an trú trong chân như,

thì bất cứ mùa nào cũng đều tốt đẹp cả.

Phương pháp của triết học là tư duy, luận lý; phương pháp của tâm lý học là quán chiếu, vô niệm; còn tôn giáo không hề có phương pháp. Cứ ngồi tĩnh lặng, vô tác, và cây cỏ tự nó sẽ đâm chồi.

Câu hỏi thứ ba:

Thiền có đối kháng với chính trị không?

Thiền rất đối lập với chính trị đến độ nó không bao giờ đề cập đến chính trị. Nó chống chính trị đến độ không còn cả chống đối. Nếu bạn chống đối có nghĩa là nó sẽ vẫn còn tác động lên bạn, và như vậy, trên một phương diện nào đó, bạn sẽ vẫn còn liên hệ đến nó. Chống đối tức là liên quan. Khi bạn cực kỳ chống đối cái gì, bạn càng dính dấp triệt để với nó. Đó là một cách thế liên hệ -bạn liên hệ với cả kẻ thù của bạn, đôi khi còn hơn cả với bạn bè.

Thiền rất đối lập với chính trị đến độ nó không bao giờ đề cập đến chính trị, nhưng nó chống chính trị. Bất kỳ tôn giáo nào để đáng được gọi là tôn giáo, đều có khuynh hướng chống lại chính trị bởi vì tôn giáo trên cơ bản là vô chính trị.

Chính trị là gì? Chính trị là khát vọng, là ngã chấp, là gây hấn, là bạo động, là một cuộc phiêu lưu của bạn ngã? Làm thế nào mà một con người tín ngưỡng lại có thể bị chính trị hoá? Làm thế nào mà một con người chính trị lại có thể trở thành tín ngưỡng được? Y có thể làm bộ tín ngưỡng nhưng y không bao giờ có thể là một người tín ngưỡng.

Hai chuyện này không thể nào đi đôi với nhau bởi vì để là người tín ngưỡng, bạn phải buông bỏ khát vọng. Và một khi bạn buông bỏ khát vọng, chính trị cũng biến mất. Để là người tín ngưỡng, bạn phải buông bỏ cái ngã, và một khi bạn buông bỏ cái ngã, chính trị cũng biến mất theo. Một con người tín ngưỡng luôn luôn phải là một người vô ngã.

Tôn giáo như thế thường là chống chính trị hay vô chính trị. Thế nhưng những tôn giáo mà bạn thấy chung quanh mình -Ấn giáo, Hồi giáo, Cơ Đốc, Kỳ Na giáo, Phật giáo- tất cả đều là chính trị. Chúng đã không còn là

những tín ngưỡng. Bất cứ lúc nào tôn giáo trở thành môt hệ thống tổ chức, trở nên một thiết định, bất cứ lúc nào tôn giáo rơi vào những quyền lợi được đảm bảo trong xã hội, trong một tầng lớp đặc biệt nào đó, trong một thực tế chính trị nào đó, lúc bấy giờ nó sẽ không còn là một tín ngưỡng. Một vị Phật là một tín ngưỡng, nhưng Phật giáo không phải là tín ngưỡng. Chúa Giêsu là một tín ngưỡng -đó là lý do tại sao ngài bị những chính trị gia đóng đinh lên thánh giá -tuy nhiên những người Cơ Đốc không phải là những con người tín ngưỡng, họ rất chính trị.

Trong một buổi tụ tập chính trị đông đảo, một cậu bé tìm cách gạ bán bốn con chó con còn chưa mở mắt. Cuối cùng, một người đàn ông đến gần hỏi đùa: "Những con chó con này có chính trị không hả cưng?"

"Vâng, đúng vậy, thưa ông."

"OK. Vây thì ta sẽ mua hai con."

Cũng tại địa điểm này vào tuần lễ sau có một cuộc tụ tập tôn giáo và người ta lại thấy cậu bé kia xuất hiện tìm cách gạ bán hai con chó còn lại. Một người đàn ông đến gần hỏi, “Này cưng, mấy con chó con này của cưng thuộc loại gì vậy?»

«Đây là những con chó con rất thuần thành tín ngưỡng.»

Người đàn ông mua hai con chó đầu tiên bất ngờ cũng có mặt hôm đó, nghe được mẩu đối thoại này liền chất vấn, «Này em, có phải lần trước em đã nói với tôi rằng những con chó mà tôi mua của em tuần rồi là chính trị mà?»

«Vâng, thưa ngài đúng thế,» cậu bé bán chó trả lời, «Thế nhưng những con này thì không -bởi vì bây giờ chúng đã mở mắt rồi. »

Chính trị là mù lòa. Nói rõ ra, đó là một cuộc hành trình mù lòa của bản ngã. Người ta cứ mãi bon chen chạy đi tìm kiếm những mối manh chính trị để tạo cho mình cái cảm giác rằng, «tôi là một cái gì đó.» Chính trị phát xuất từ một mặc cảm tự ti. Từ nơi sâu thẳm nhất bạn mang cảm giác rằng mình chẳng là cái gì cả, bạn sợ hãi khi cảm thấy rằng mình chỉ là một con số không. Bạn không thể nào chấp nhận một chuyện như thế. Bạn phải phủ nhận nó với bất cứ giá nào. Chính trị chính là chuyện chối bỏ cái không này, trong khi tôn giáo lại chấp nhận nó một cách vui vẻ.

Hãy để tôi lập lại điều này. Chính trị là một nỗ lực nhằm chối bỏ cái trống rỗng ở trong bạn. Dĩ nhiên bạn sẽ chẳng bao giờ thành công trong việc này bởi vì cái tánh không này chính là cái bản thể rốt ráo của bạn, nó không thể bị chối bỏ. Điều diễn giải của bạn hoàn toàn sai lầm. Cái tánh không ở trong bạn chẳng liên hệ gì đến cái mặc cảm tự ti, chính sự lý giải của bạn đã tạo ra cái mặc cảm này. Và cũng chính từ cái mặc cảm tự ti này bạn bắt đầu muốn mình trở thành siêu nhân -muốn trở thành một ông thủ tướng, muốn trở thành một ông tổng thống hoặc là một cái gì đó. Cái tâm trạng mình không là cái gì cả này thúc đẩy bạn chạy lung tung đi tìm kiếm khắp nơi –có thể là tiền bạc, là quyền lực, là danh vọng, là kiến thức, và ngay cả việc lẩn tránh cuộc đời; nó thúc đẩy bạn đi tìm một cách thế nào đó để quên đi rằng bạn là không cái gì cả, để bắt đầu cảm thấy rằng mình là một cái gì đó, rất quan trọng, rất đáng giá, rất có ý nghĩa, rằng trái đất này sẽ rất thua thiệt nếu như không có mặt bạn.

Cái trống rỗng ở trong bạn chính là cái lực đẩy hướng đến chính trị, thế nhưng không ai có thể thành công trong việc chối bỏ nó. Bạn có thể tìm cách để trì hoãn nhưng rồi nó sẽ lại tự khẳng định, nó sẽ lại lên ngôi, và rồi bất cứ lúc nào bạn nghĩ rằng bạn đã đạt đến điều gì bạn sẽ lại nhận thức được rằng, trong thẳm sâu của bạn, nếu bạn nhìn vào bên trong, bạn chẳng bao giờ đạt đến cái gì cả. Cái trống rỗng ở trong bạn không hề được chạm tới cho dù bạn làm bất cứ chuyện gì, tích lũy được bất cứ cái gì, thành tựu được bất cứ chuyện gì –nó vẫn không hề được chạm tới, cái tánh không vẫn luôn ở đó. Đó chính là cái khổ nạn của một người thành công. Không có gì thất bại thảm hại bằng sự thành công. Sự thất bại không hề là thất bại như là sự thành công bởi vì trong thất bại người ta vẫn còn hy vọng, trong thất bại bạn vẫn còn nuôi hy vọng rằng một ngày nào đó mình sẽ thành công, thế nhưng trong thành công, tất cả các mối hy vọng đều tan biến.

Tôi đã được nghe một câu chuyện về Tổng Thống Coolidge, một trong những vị tổng thống vĩ đại của Hoa Kỳ. Khi nhiệm kỳ đầu tiên chấm dứt, ông đã từ chối ra tái tranh cử mặc dù ông có rất nhiều triển vọng để đắc cử. Ông là người rất được quần chúng ái mộ -ông là người có bản tính trầm lặng.

Thế rồi người ta đã tiếp xúc với ông và nêu câu hỏi, «Tại sao? Tại sao ngài lại không tái tranh cử? Chắc chắn là ngài sẽ được đắc cử mà.» Tuy nhiên ông ta vẫn khăng khăng trả lời không với đôi mắt sâu thẳm đượm buồn. Cuối cùng có người đã cố gắng tìm hiểu lý do sâu xa tại sao ông ta cứ mãi từ chối chuyện tái tranh cử. Ông đã trả lời, «Bởi vì tôi đã nhận chân được

một điều rằng chẳng có gì ở trong đó cả và bây giờ phải lập lại một lần thứ hai nữa thì quả là chuyện ngu xuẩn. Tôi nhận chân một điều rằng tôi cũng chẳng được thêm cái gì cả khi đạt được vai trò đó. Tôi vẫn là tôi.»

Một chiếc ghế làm sao có thể thay đổi được con người? Bạn có thể ngự trên chiếc ngai vàng hay ngồi trên một chiếc ghế đẩu, có gì khác biệt đâu -bạn vẫn là con người cũ. Chiếc ghế đâu có thể thay đổi được con người bạn? Thế nhưng đây là cung cách mà các nhà chính trị cứ thường tìm cách lừa dối chính mình.

Không bao giờ. Một con người tín ngưỡng không thể nào dính dấp với chính trị. Bản chất tín ngưỡng của y là phi chính trị. Y tiếp cận đời sống trong một cách thế hoàn toàn khác biệt. Sự khác biệt đó là gì? Đâu là sự khác biệt cơ bản? Sự khác biệt cơ bản là y đã không diễn giải cái trống rỗng của mình như là một mặc cảm tự ti. Đây là một cuộc cách mạng. Nó xảy ra vào cái ngày mà bạn nhận thức được rằng cái trống rỗng ở trong bạn không còn là chuyện mặc cảm tự ti, rằng cái tánh không của bạn chính là sinh thể của bạn... Đó cũng là cách thế mà Thượng Đế hiện hữu trong bạn. Cách thế có mặt của Thượng đế là vắng mặt -đó là cách mà Thượng Đế đã hiện hữu trong thế gian này. Thượng Đế bất bạo động đến độ luôn ở trong tình trạng khiếm diện.

Trong tận cùng của bạn là cái hố thẳm mà bạn có cảm giác như là một cái hố thẳm đen ngòm, thật ra nó không đen tối như thế. Nó tỏa chiếu với ánh sáng. Hãy đi vào đó. Đó không phải là cái trống không, mà là cái bí ẩn của toàn bộ đời sống, của vạn hữu. Đó là tất cả. Cái trống không đó chính là

cách thế mà Thượng Đế xuất hiện đối với những ai không chịu nhìn sâu vào mình. Đó là một sự ngộ nhận.

Con người tín ngưỡng gắn bó với cái tánh không của mình. Đó là tất cả những gì mà thiền định muốn vươn đến: gắn bó với cái tánh không của bạn. Y an vui với nó, chúc tụng nó, ca hát và nhảy múa với nó. Y thể nhập vào nó. Bất cứ lúc nào mà y có cơ hội, có dịp may, y nhắm nghiền đôi mắt lại, thể nhập vào cái tánh không của mình, biến mất vào đó. Đó chính là cánh cửa của Thượng Đế. Từ đó bạn nối liền mình với dòng thánh.

Một khi bạn đã bắt đầu an vui với cái tánh không của mình, bạn đâu còn quan tâm gì đến chuyện chính trị?

TT Nixon đang đi dạo dọc theo bải biển San Clemente và quyết định xuống biển lội một vòng. Ông bị những cơn sóng cuốn ra xa và sắp sửa bị chết đuối. Ba thanh niên tình cờ đi ngang qua liền phóng xuống và cứu Nixon lên bờ.

Sau khi tỉnh lại, Nixon cảm ơn đám trẻ và nói, "Với lòng cảm kích, tôi sẽ dùng ảnh hưởng của tôi để giúp đỡ các cậu trong khả năng của mình. Có gì đặc biệt mà các cậu muốn không?"

"Tôi muốn được vào học trường West Point!" một thanh niên yêu cầu.

"Tôi nghĩ là tôi có thể sắp xếp được chuyện này," vị cựu tổng thống hứa.

"Tôi thì thích vào trường Annapolis!" một thanh niên khác trả lời.

"Tôi sẽ thực hiện việc này ngay," Nixon tuyên bố.

"Còn tôi thì muốn được an táng tại Nghĩa Trang Quốc Gia Arlington." người thanh niên thứ ba yêu cầu.

"Điều yêu cầu này quả là lạ lùng," Cựu TT Nixon hỏi tiếp, "Nhưng tại sao cậu lại muốn được an táng tại Nghĩa Trang Quốc Gia Arlington?"

"Dà," người thanh niên trẻ nhất trong đám trả lời, "bố tôi là một người rất tín ngưỡng và ông ta sẽ giết tôi ngay lập tức nếu khi về nhà tôi kể cho ông ta nghe rằng tôi đã cứu ai khỏi bị chết đuối!"

Hãy nhớ một điều rằng con người chính trị luôn có mặt ở đó. Cho đến khi nào cái ngã hoàn toàn bị liệng bỏ, nó vẫn có mặt ở đó. Cái bản ngã chính là nhà chính trị. Nếu bạn là người vị kỷ, bạn là chính trị. Có thể là bạn không ra ứng cử, có thể là bạn không đi tìm kiếm một quyền lực chính trị nào, thế nhưng nếu còn cái ngã, bạn vẫn làm chính trị dưới những hình thức rất vi tế. Có thể là bạn đang thống trị vợ hay chồng mình, có thể là bạn đang thống trị con cái, kẻ ăn người ở. Bạn vẫn luôn thủ đoạn và không để lỡ bất cứ cơ hội nào để thống trị.

Thế nên khi dùng hai chữ "chính trị" không phải là tôi chỉ đề cập đến chuyện đại sự quốc gia, không phải thế, tôi muốn nói đến tất cả mọi thứ có dính dấp đến chuyện thống trị. Cụ thể như nếu bạn muốn có nhiều tiền hơn, bạn vẫn đang làm chính trị bởi vì muốn có nhiều tiền hơn, bạn phải bóc lột kẻ khác. Nếu bạn muốn có nhiều quyền lực hơn, bạn phải chiến đấu. Bạn muốn có nhiều danh vọng hơn, bạn sẽ phải tranh đua. Cái mà bạn gọi là những ông thánh, tất cả đều là chính trị. Họ chứa đầy khát vọng. Mỗi ông thánh đều muốn trở thành một vị đại thánh -thế nên ông ta cũng

làm chính trị, ông ta sẽ phải chiến đấu với những ông thánh khác, những người đang cạnh tranh với mình.

Con người tín ngưỡng là vô tranh thế nên đó là lý do tại sao tôi cứ phải lập đi lập lại nhiều lần với bạn –tôi không hề cảm thấy mệt mỏi trong chuyện này - về chuyện hành thiền, bởi vì duy chỉ có thiền định là mang đến cho bạn niềm an lạc mà vô tranh, một niềm vui duy nhất mà khi bạn đạt đến không làm cho ai bị mất mát điều gì. Không hề có ai là kẻ thua cuộc.

Nếu bạn có nhiều tiền hơn có nghĩa là có người sẽ phải nghèo hơn; nếu bạn có nhiều quyền lực hơn tức là có người sẽ bị giảm mất quyền lực; nếu Morarji trở thành thủ tướng, Indra sẽ không còn là thủ tướng nữa. Sẽ có người thua cuộc, mất mát. Người này được tức là sẽ có kẻ khác mất.

Tuy nhiên một người tín ngưỡng sẽ không làm bất cứ điều gì biến kẻ khác trở thành người mất mát, thua cuộc. Những chuyện bạo động, những chuyện ghê tởm, những chuyện phi nhân. Thế thì sẽ còn lại những gì cho một người tín ngưỡng? Y đi làm cái công việc chúc tụng sự hiện hữu của mình. Y có thể hành thiền. Trong thiền định bạn chỉ được mà không làm ai mất. Chỉ có Thượng Đế là vô hạn, tất cả những thứ khác đều hữu hạn. Tiền bạc, quyền lực,… đều có giới hạn. Nếu bạn được tức là sẽ có người mất. Chỉ có Thượng Đế là vô cùng. Bạn muốn có bao nhiêu cũng được. Bạn có thể có nguyên cả Thượng Đế mà không ai bi mất mát cái gì. Đó là tất cả những gì tuyệt với nhất của tôn giáo –đó là niềm vui bất bạo động và vô tranh.

Một tên ăn mày chặn một dân biểu Quốc hội trên đường phố thủ đô Washington và hỏi xin 10 xu.

“Mười xu đâu mua được cái gì trong thời buổi này,” nhà chính trị góp ý, “Bạn có muốn 25 xu không?”

“Không bao giờ,” tên ăn mày trả lời, “với quá nhiều bóng dáng các nhà chính trị chung quanh đây, mang nhiều tiền mặt như thế quả là điều nguy hiểm!”

Y hoàn toàn có lý.

Và đây là một câu chuyện xảy ra ở đâu đó trong thế kỷ hai mươi...

Người phụ trách một kênh truyền hình giáo dục trong chương trình về khuya đã làm ngạc nhiên thính giả với lời thông báo sau đây:

Chúng tôi xin loan báo đến qúy vị một số tin vui và tin buồn. Trước tiên là tin buồn: Người sao Hoả đã xâm chiếm địa cầu. Và sau đây là tin vui: Chúng ngốn hết các chính trị gia và đái ra... xăng.»

Cây hỏi thứ tư :

Ichazo (1) cho rằng mức độ ý thức của nền văn hoá chúng ta, của toàn thể xã hội, hiện đang gia tăng, rằng chúng ta không còn trên hành trình đơn lẻ mà cả nhân loại đang bắt đầu tỉnh thức. Ông ta cũng nói rằng cái viễn kiến không tưởng xem nhân loại như một đại gia đình bây giờ là một thực tế cần yếu.

Đây là cách mà chính trị đã xâm nhập vào tôn giáo như thế nào. Và điều này cũng chẳng có gì mới mẻ. Trải qua bao thời đại đã không thiếu gì những người lập đi lập lại câu nói này. Đây cũng là cách mà chủ nghĩa phát xít xâm nhập vào tôn giáo. Đây cũng là điều mà Friedrick Nietzsche phát biểu và trở thành người tiên khởi cuả Adolf Hitler và chủ thuyết của ông ta. Nietzsche đã nói rằng bây giờ nhân loại đã đến một thời điểm bắt đầu bước vào một kỷ nguyên mới, kỷ nguyên siêu nhân loại, kỷ nguyên của những siêu nhân.

Đây cũng là những gì mà Sri Aurobindo (2) đã từng nói tại Ấn Độ -ông ta trên cơ bản là một nhà chính trị và vẫn là nhà chính trị cho đến cuối đời. Ông ta cũng đã từng nói rằng bây giờ chúng ta đã đến một thời điểm mà một nỗ lực tập thể chứ không phải cá nhân đã trở nên cần thiết.

Hãy nhớ rằng những ý tưởng về nỗ lực tập thể rất là nguy hiểm. Đó là cách thế mà chính trị đã xâm nhập vào tôn giáo như. Tôn giáo là hoàn toàn cá thể và vẫn luôn là cá thể. Chỉ cá nhân mới có thể đi vào thiền định. Khi bạn hành thiền, bạn biến mất ra khỏi cái cộng đồng thế giới. Cụ thể như nếu bạn bắt đầu hành thiền ở đây với năm trăm người tham dự, bạn có thể bắt đầu với năm trăm người, nhưng một khi bạn nhập thiền, bạn chỉ còn lại một mình. Bốn trăm chín mươi chín người kia không còn có mặt. Thiền

định là một chuyển động cực kỳ đơn độc. Nó chẳng dính dấp gì đến tập thể. Bạn có thể hành thiền cùng nhau nhưng khi nhập thiền bạn chỉ một mình.

Có ba từ ngữ cần phải được thông suốt: tập thể, cá thể, và phổ quát. Ichazo đã tỏ ra rất mơ hồ giữa hai khái niệm tập thể và phổ quát. Cá thể đứng ở chặng giữa, thấp ở dưới là tập thể và cao hơn là phổ quát. Nếu cá thể trở thành một thành phần của tập thể, y đã đánh mất một cái gì đó, y không còn có ý thức như lúc trước, y không còn tỉnh táo. Đó là lý do tại sao trong đám đông bạn không còn gánh chịu trách nhiệm như là khi bạn đang ở một mình. Đám đông có thể gây ra những chuyện đại ác. Trong đám đông bạn cảm thấy mình không có trách nhiệm. Tập thể thấp kém hơn cá thể là thế -tất cả những tội ác lớn lao nhất trong lịch sử đều có thể được quy trách cho tập thể. Cá thể vẫn luôn tốt đẹp hơn tập thể.

Bạn chứng kiến một đám đông hỗn loạn đang đốt phá một đền thờ Ấn giáo hay một thánh đường Hồi giáo. Nếu bạn lôi từng cá nhân trong đám đông này ra và chất vấn, y sẽ nói rằng, «Thực tình tôi không muốn làm chuyện như vậy, nhưng những người khác đang làm chuyện này và tôi có mặt ở đó thế là tôi cũng làm theo.» Sẽ không có một người Hồi giáo nào có thể nói bằng một lương tâm thanh thản rằng mình đã làm được một việc lớn lao, một công tác trọng đại, một hành động tín ngưỡng khi đốt phá một đền thờ Ấn giáo. Cũng sẽ không có một người Ấn giáo nào nói rằng họ làm một chuyện đại sự khi giết môt người Hồi giáo hay đốt phá một thánh đường. Thế nhưng y sẽ nói như vậy một khi đã chìm ngập vào cái đám đông này.

Bạn cũng có thể đã cảm nhận được điều đó. Trong đám đông bạn biến thành nhỏ bé hơn lúc bình thường. Trong đám đông bạn trở nên hèn hạ hơn, thấp kém hơn; bạn súc vật hơn là con người. Tập thể là một bầy súc vật, cá thể mới là con người, và phổ quát là thánh thiện. Khi một người nhập thiền, y không còn là một bộ phận của tập thể, y tan biến chan hòa vào trong phổ quát, vượt lên trên khỏi cá thể của mình.

Tuy nhiên những chính trị gia thì không ngừng nói đến chuyện tập thể. Họ rất thích thú trong việc làm thay đổi xã hội -bởi vì với việc thay đổi xã hội, với những nỗ lực làm đổi thay cấu trúc xã hội thế này thế nọ, họ trở nên có quyền lực. Xã hội không bao giờ thay đổi. Nó vẫn luôn y như cũ –cũng vẫn những gì thối rửa đó. Và nó sẽ vẫn mãi hoài như thế trừ phi nó hiểu được rằng tất cả ý thức giác ngộ chỉ xảy ra trong mỗi cá nhân. Và khi điều đó xảy ra, cá thể trở thành phổ quát. Nếu nó xảy ra cho nhiều cá nhân lúc đó xã hội sẽ được thay đổi –nhưng đó không phải như là một sự kiện xã hội có tính tập thể.

Hãy để tôi giải thích điều này rõ ràng hơn với bạn. Có năm trăm người hiện đang hiện diện ở đây. Không thể nào có chuyện cả năm trăm người này được thay đổi như một đơn vị tập thể, không bao giờ. Bạn không thể nào biến thành thánh thiện như một đơn vị tập thể, không bao giờ. Linh hồn của bạn là cá thể, tâm thức của bạn là cá thể.

Tuy nhiên nếu ba trăm trong số năm trăm người này được chuyển hoá thì lúc đó cả tập thể này sẽ mang một phẩm chất mới. Nhưng ba trăm người này sẽ phải tự mình trải qua những biến chuyển cá nhân, thông qua những biến đổi cá nhân. Lúc đó cả tập thể này sẽ có một trình độ tâm thức cao hơn bởi vì ba trăm người này đã chan hòa tâm thức của họ vào tập thể, họ có mặt ở trong đó. Khi một người giác ngộ thành một vị Phật, cả vạn hữu đều trở nên tỉnh giác hơn -chỉ với sự hiện diện của vị Phật. Ngay cả nếu ông ta chỉ là một giọt nước trong đại dương, thì cái đại dương đó, tối thiểu cũng sẽ tỉnh thức hơn, giác ngộ hơn. Khi cái giọt nước đó tan biến vào trong đại dương, nó sẽ nâng cao cái phẩm chất của cả đại dương này. Mỗi cá nhân được chuyển hoá sẽ làm đổi thay xã hội. Khi càng có nhiều cá nhân được chuyển hoá, xã hội cũng sẽ được biến cải theo. Đây là con đường duy nhất để thay đổi xã hội, ngoài ra không còn một con đường nào khác. Bạn không thể nào làm thay đổi được xã hội này. Nếu bạn muốn thay đổi nó một cách trực tiếp, những nỗ lực đó tức là chính trị.

Ichazo chắc là đã dính vào chính trị. Chuyện thường xảy ra như thế. Khi bạn trở thành một nhân vật thế lực trong tôn giáo, khi bạn bắt đầu dẫn dắt nhiều người, khi bạn trở thành một nhà lãnh đạo, lúc đó những ý tưởng lớn lao bắt đầu khởi dậy ở trong tâm. Cái tâm sẽ bảo rằng bây giờ cả nhân loại này có thể được biến đổi, bây giờ chúng ta nên hoạch định cho một sự thay đổi lớn lao. Thế rồi tham lam trỗi dậy, tham vọng trỗi dậy, bản ngã lên ngôi.

Đừng bao giờ trở thành một nạn nhân của ý niệm về tập thể; tập thể ở vị trí thấp kém hơn bạn. Bạn phải trở thành phổ quát. Phổ quát không phải là xã hội, phổ quát là hiện sinh. Bạn phải hoà điệu cùng với vạn hữu, bắt nhịp

cùng với khúc luân vũ của cả vũ trụ này –không phải chỉ với xã hội, không phải chỉ với một cộng đồng nhỏ bé hay giáo phái của mình, không phải chỉ với người Cơ Đốc, Ấn giáo hay Hồi giáo, cũng không phải chỉ với trái đất này, với Đông phương, Tây phương, với thế kỷ. Bạn phải bắt nhịp với cả nguyên khối, với vạn hữu.

Nhưng đây là mức độ cao hơn đối với cá nhân. Cái đám đông vẫn luôn là một cạm bẫy. Cái đám đông bát nháo vẫn luôn có mặt ở đó để kéo bạn nhập bọn. Điều này cũng xảy ra với cái gọi là những người tín ngưỡng. Tuy nhiên Ichazo, đối với tôi, thực ra không phải là con người tôn giáo. Ông ta chỉ thu nhặt một số kỹ thuật ở chỗ này chỗ khác, và chiết trung lại. Của Gurdjieff, của Sufis. Ông ta là một chuyên viên. Ông ta biết kỹ thuật nhưng không biết mục tiêu và ngay cả chính ông ta cũng chưa hề giác ngộ. Tuy nhiên ông ta là một chuyên viên rất lành nghề, thiện xảo. Phong trào của ông ta, *Arica,* có thể biến thành một phong trào phát xít bất cứ lúc nào. Nó tạo nên một kiểu cách phát xít trong hàng ngũ môn đệ.

Tôi biết hiện có một vài người đó ở đây -những người cựu Arica. Phương cách của những người Arica rất là chính trị. Chỉ mới một vài tháng trước đây, Amida -một nhân vật rất thân cận với Ichazo trong bao nhiêu năm- nhận được một lá thư thông báo rằng bà ta đã bị trục xuất ra khỏi Arica. Trục xuất, trên căn bản là một hành động chính trị. Làm sao bạn trục xuất được? Thế nào gọi là trục xuất? Đây là chuyện độc quyền. Bà ta đã đến với tôi và thế là bà ta bị trục xuất ra khỏi Arica. Bây giờ sách và băng của tôi bị cấm phổ biến ở đó. Không có một người Arica nào được phép đọc sách của tôi. Thật là một chuyện hoàn toàn chính trị. Nó vô nghĩa làm sao! Đây là

chuyện độc quyền, chuyện chiếm hữu. Đây là cách thế mà chính trị đi vào con người.

Tâm tôn giáo là một cái tâm rộng mở. Bạn phải thấy, bạn phải lắng nghe, phải học hỏi từ mọi người. Bạn không nên khép kín. Hiện hữu với một vị Thầy thực sự giác ngộ bạn sẽ mở rộng tâm mình ra với vạn hữu, hoàn toàn rộng mở. Bạn cũng mở rộng ra cả với Qủy Sa tăng nếu y tìm cách đến để dạy bạn điều gì. Bạn sẽ được khai mở, sẽ được học hỏi và sẽ tin cậy vào chính mình. Không có gì để phải sợ hãi bởi vì đâu có ai hiểu bạn bằng chính bạn –nó không hề lừa dối bạn.

Những người này đã lo sợ rằng các con chiên của mình có thể sẽ bỏ đàn, sẽ cuốn gói theo người khác, và như vậy, trên cơ bản họ đã thực sự hoài nghi chủ thuyết của chính mình. Họ không hề tin tưởng vào chủ thuyết của họ. Họ biết rằng ở một nơi nào khác có thể có điều gì tốt đẹp hơn, có người có trình độ phẩm cách cao hơn, và rồi người ta sẽ từ bỏ mình để tìm đến đó. Mối lo sợ của họ là lo sợ bị mất tín đồ, thế nên họ đã dựng lên những bức Vạn Lý Trường Thành chung quanh mình.

Không, chuyện này sẽ không bao giờ xảy ra đối với một con người tôn giáo thực sự. Y cho bạn tình yêu thương, sinh thể, trí tuệ của y, và để cho bạn hoàn toàn tự do. Như thế bạn cứ việc tìm cầu học hỏi và mỗi lần học hỏi sẽ càng chứng tỏ rằng vị Thầy của bạn là đúng. Đó là sự tin cậy. Bạn có thể đi đến bất cứ nơi đâu, ngay cả đến với những người đang chống lại tôi và lắng nghe, nếu tôi đúng, khi lắng nghe họ sẽ càng minh chứng rằng tôi

đúng. Chẳng có gì mất mát cả, ngược lại bạn sẽ càng trở nên phong phú hơn.

Sự tin cậy không đặt căn bản trên sợ hãi, tình thương yêu không đặt căn bản trên sợ hãi. Thế nhưng ở đây ta thấy chẳng hề có yêu thương, chẳng hề có tin cậy, chỉ có nỗi sợ hãi -một mối lo sợ đã được tạo ra, rằng, nếu bạn đi đến nơi khác, bạn sẽ bị trục xuất. Và rồi người ta sợ hãi về những chuyện đại loại như thế. Phải chăng đây là cái đảng cộng sản hay gì đó? Trục xuất? Con người thường rất lo sợ bị trục xuất bởi vì họ muốn mình thuộc về một phe nhóm, bởi vì họ không có cái hồn riêng. Ở trong một phe nhóm họ cảm thấy thoải mái, họ thấy mình thuộc về một cộng đồng nào đó –một thiểu số được lựa chọn, là bộ phận ưu tú, là những sứ giả của một thế giới mới đang hình thành, những nhà lãnh đạo của thế giới tương lai, những siêu nhân, giòng giống đầu tiên của những siêu nhân... Thế là họ cảm thấy vô cùng thoải mái.

Nhưng những cảm giác này chỉ đến với bạn khi bạn còn ở trong nhóm; khi còn lại một mình bạn sẽ không dấu được nỗi nghi ngờ. Và khi còn ở trong nhóm bạn không cảm thấy mình có trách nhiệm. Tổ chức đã lấy nó ra khỏi bạn, đã chu toàn cho bạn, bạn hoàn toàn thư giãn.

Bạn đã được nuôi dưỡng trong một bầu khí lệ thuộc như thế. Đầu tiên bạn lệ thuộc vào cha mẹ, lớn lên bạn lệ thuộc vào gia đình của chính mình –vào chồng, vào vợ- rồi thì lệ thuộc vào con cái. Bạn luôn sống một cuộc sống đầy lệ thuộc -vào xã hội, vào quốc gia, vào nhà thờ, vào gia đình, xã hội, cộng đồng. Một đời sống của loại cây chùm gởi.

Thế rồi khi bạn tìm đến một vị Thầy bạn cũng muốn có ai đó để núp bóng. Tuy nhiên một vị Thầy thực sự sẽ không bao giờ giúp bạn dựa vào ông ta, một vị Thầy thực sự sẽ cố gắng tìm cách làm cho bạn trở thành độc lập. Toàn bộ nỗ lực của ông ta sẽ là tạo điều kiện để cho bạn có thể đứng vững trên đôi chân mình, bạn trở thành chính bạn. Đó là những gì mà Thiền gia đang làm.

Tôi mới đọc một câu chuyện vào ngày hôm kia....

Có một người trẻ tuổi đã không ngừng tìm đến Huệ Năng để cầu đạo. Ngài Huệ Năng nổi tiếng là rất thô lỗ. Chỉ có những vị Thiền sư mới thường thô lỗ như thế. Tại sao? Bởi vì nếu họ thực sự muốn bạn trở thành độc lập, họ thường đối xử rất mực thô bạo với bạn. Ngài Huệ Năng cũng thế. Ông ta tát vào mặt người thanh niên, ông ta đóng sầm cửa lại, ông ta la hét mắng chữi –và có một lần ông ta liệng người thanh niên ra khỏi cửa sổ, y rơi khoảng mười lăm bộ và rớt xuống một đường mương. Chưa thôi, ngài Huệ Năng còn mở cửa sổ nhìn theo và cười lớn tiếng.

Thế là người thanh niên dứt khoát bỏ đi. Đây là giọt nước sau cùng của chiếc ly đầy. Thế là quá đủ. Y bỏ đi ngay tức khắc, và đã không trở lại cho đến một năm sau. Y tìm đến những vị Thiền sư khác, học được rất nhiều điều, rồi lại vân du đi khắp nơi, cuối cùng vào một ngày, trong lúc ngồi tĩnh tọa trong một hang động, y đạt đến giác ngộ -hoát nhiên đạt ngộ. Và rồi bạn biết chuyện gì xảy ra không? Y hối hả quay trở về tìm kiếm Huệ Năng để cảm tạ ngài. Cái ngày mà y hoát nhiên đạt ngộ, y biết là mình đang ở trong một trạng huống giống y như đã được tạo ra vào ngày mà y bị ngài Huệ Năng liệng xuống đường mương. Lần đó y đã để lỡ mất cơ hội.

Tuy nhiên bây giờ y biết được bởi vì bây giờ y đã đạt tới điểm đó, y đã đạt đến cái trạng huống nội tâm đó. Ngay khoảnh khắc trước khi đạt ngộ, y đã ngạc nhiên khi thấy rằng trạng huống nội tâm của mình lúc này hoàn toàn giống với lúc mà ngài Huệ Năng đã cố tình tạo ra khi liệng y ra khỏi cửa sổ và nhìn xuống cả cười. Và y đã lỡ mất dịp này! Đó là một con người thật đại từ bi.

Y chạy vội đến Huệ Năng, sờ vào chân ông ta, và thốt lên lời biết ơn, «Bạch Thầy, cảm ơn Thầy. Cảm ơn về những đối xử thô lỗ với con. Cảm ơn về chuyện Thầy đã không dạy dỗ điều gì ngoài việc đánh mắng con. Cảm ơn tất cả những gì mà Thầy đã làm cho con.»

Một vị Thầy thực sự luôn luôn mong muốn cho đệ tử của mình trở thành những vị Thầy thực sự. Thế nhưng thông thường bạn không muốn tự mình độc lập, bạn muốn có ai đó để tựa vào. Bạn là một tên bám víu. Bạn muốn có một ai đó đầy quyền năng ngự ở trên ngai cao và phán cùng bạn, « Đừng lo lắng nữa. Ta sẽ lo hết mọi chuyện. Ngươi hãy quên hết tất cả mọi việc. Ta có mặt ở đây sẽ giải quyết tất cả. Ngươi chỉ đến đây và đi theo ta, đơn giản như thế. » Tuy nhiên nếu quả thật có những người như thế - đầy quyền năng, có thể gánh hết trách nhiệm của kẻ khác- thì bạn nhớ cho rằng đây là một dấu hiệu chắc chắn là chính bản thân ông ta chỉ muốn cho người khác lệ thuộc vào mình. Và chính ông ta cũng lại nương tựa vào những người đang nương tựa vào ông ta. Bản thân y cũng vẫn là một kẻ lệ thuộc, hãy nhớ như vậy; y cũng chẳng khác hơn gì bạn. Đây cũng chỉ là một cuộc hành trình giống nhau xuất phát từ phía đối diện. Nếu tất cả các

bạn lìa bỏ y, y cũng sẽ khổ đau như chính bạn khổ đau. Đôi khi y còn đau đớn hơn bạn nữa vì y đã đầu tư vào đó quá nhiều. Nếu bạn lìa bỏ một người như Ichazo, nếu tất cả những môn đệ của ông ta biến mất, có thể ông ta sẽ phát khùng hay tự tử mất. Ông ta sẽ vô cùng rúng động, run rẩy, sẽ không biết điều gì đã xảy ra, sẽ mất hết tất cả lòng tự tin. Tất cả những niềm tự tin mà ông ta có được là khi ông ta nhìn vào mắt bạn và thấy rằng bạn đang hướng vọng đến ông ta, cảm nhận rằng ông ta ở một vị trí cao hơn, ông ta là chân lý, ông ta là bậc Thầy. Khi ông ta thấy được đôi mắt hướng vọng của bạn, những phản chiếu ở trong đó, niềm tin của ông ta được củng cố. Vâng. Sự thực là như thế. Đây chỉ là một sự đồng lõa trong dối gạt.

Cách tiếp cận của tôi tuyệt đối là phi chính trị, trên căn bản hoàn toàn cá nhân. Và đó cũng chính là cách tiếp cận của tôn giáo. Tôn giáo vẫn luôn là chuyện của từng cá thể, nó không bao giờ trở thành một hiện tượng tập thể, không thể như thế. Chính trị thì khác, nó sẽ luôn là chuyện tập thể, và sẽ không bao giờ trở thành cá thể.

Chính trị là tập thể, tôn giáo là cá thể, và tâm linh là phổ quát. Hãy nhớ như vậy.

Câu hỏi thứ năm :

Tại sao lại không thể có một tôn giáo duy nhất cho toàn thể nhân loại ?

Bởi vì con người luôn khùng điên. Bởi vì con người luôn mê ngủ.

Một ngày nào đó có thể chỉ có một tôn giáo duy nhất, chúng ta có thể hy vọng như vậy -thế nhưng cái tôn giáo duy nhất này sẽ không giống như Cơ Đốc khi tất cả mọi người trở thành những người Cơ Đốc, không bao giờ như thế; nó cũng sẽ không giống như Ấn giáo, khi tất cả mọi người cải đạo thành Ấn giáo; cái tôn giáo duy nhất này cũng sẽ không hề giống như Do Thái giáo, không bao giờ.

Khi tôi nói rằng một tôn giáo duy nhất có nghĩa là sẽ không có một tôn giáo như kiểu Cơ Đốc giáo, Ấn giáo, Hồi giáo, Kỳ Na giáo hay Phật giáo. Sẽ có một loại hình tín ngưỡng phổ biến. Có thể như thế và nên như thế. Tuy nhiên hãy nhớ rằng, hãy lưu ý rằng –khi tôi nói một tôn giáo duy nhất không có nghĩa là chỉ còn lại một tôn giáo, một tổ chức, tôi muốn nói đến một tôn giáo phổ quát... một tôn giáo không mang một nhãn hiệu nào, không có một thánh đường riêng biệt nào, không có một học thuyết hay Thánh kinh đặc thù nào, chỉ là một loại hình tôn giáo, một cách thức quán tưởng, cầu nguyện. Chỉ như thế, may ra.

Trong quá khứ, con người đã từng cố gắng để tạo nên một tôn giáo duy nhất. Những người Cơ Đốc đã nỗ lực tối đa và đã làm thiệt mạng hàng triệu người. Hồi giáo cũng đã có những cố gắng tương tự để quy tôn giáo

về một mối. Nhưng một tôn giáo theo kiểu này đã là một hình thái chính trị. Người ta muốn rằng tất cả mọi người đều ở chung cùng dưới một mái nhà. Thế nên khi tôi nói một tôn giáo duy nhất, có nghĩa là sẽ không có một mái nhà nào cả. Tất cả mọi người nên được tự do theo đuổi tín ngưỡng riêng của mình, làm những chuyện của riêng mình. Con người vốn khác nhau. Thế nên tôi có kiểu cách cầu nguyện của riêng tôi. Tại sao lại chỉ có một lối cầu nguyện duy nhất ? Vì con người vốn khác nhau, những nhu cầu của họ cũng khác nhau –đây chính là điểm hợp nhất.

Có thể có người thờ phượng một cái cây và sẽ có người chế diễu về chuyện này. Họ sẽ cho rằng đó là chuyện ngu xuẩn, vô nghĩa -tại sao lại đi thờ phượng một cái cây? Có thể có người thuộc khuynh hướng đa thần –với việc thờ phượng một cái cây họ thể nhập vào Thượng Đế, thông qua màu xanh, thông qua những nụ hoa, thông qua tàn lá. Đối với một nhà thẩm mỹ học, cái cây có thể là một biểu hiện tuyệt vời của Thượng Đế; đối với người không có óc thẩm mỹ, một nhà toán học chẳng hạn, đó giống như là chuyện diễu chơi. Bạn đang làm gì vậy? Với một cái đầu óc toán học nó chẳng có vẻ như là chuyện tín ngưỡng tí nào. Có rất nhiều những bộ óc toán học và với họ, toán học chính là lời kinh nguyện.

Albert Einstein đã từng nói rằng, «Toán học đối với tôi là kinh nguyện và tôi đã thể nhập vào Thượng Đế qua ngõ Toán học,» Vâng, có thể như thế, và ông ta ngày càng trở nên một con người tín ngưỡng. Khi cái chết gần kề ông ta đã trở nên một người tín ngưỡng thuần thành; thực ra, ngay trước phút lâm chung, hầu như ông đã trở thành một vị thánh. Điều đáng nói là ông không hề đến một nhà thờ nào, không bao giờ tin vào những Bible, Koran hay Upanishads. Những Koran, Bible, Upanishads của Einstein là

vũ trụ, không gian, thời gian, những tinh cầu và tất cả những gì vượt khỏi những tinh cầu này.

Đi sâu vào những bí mật này, liên tục không mỏi mệt, ông đã trở thành một vị thánh. Ông bắt đầu cảm nhận được cái hiện hữu của vô ảnh, vô hình; cái diễn tả được đã không còn ý nghĩa, cái không diễn tả được, không nói ra được ngày càng trở nên có ý nghĩa hơn. Cái nhìn thấy được đã biến mất, cái không thể thấy được bằng mắt thường hiện ra. Ông ta trở thành một thánh nhân.

Tâm thức của một vài người có thể chuyển khoa học thành tôn giáo nhưng với một số người khác thì khoa học là loại rất khó nuốt, toán học chẳng hạn, đối với họ quả thật rắc rối -thi ca may ra có thể là tôn giáo của họ. Con người không hề giống nhau.

Thế nên khi tôi nói chỉ một tôn giáo không có nghĩa là sẽ chỉ có một lời kinh nguyện chung và mọi người sẽ cầu nguyện trong một cách thế giống nhau, những tiếng kinh cầu sẽ được rập khuôn như nhau, không phải như thế. Khi tôi nói rằng có thể chỉ có một tôn giáo duy nhất, tôi muốn nói đến chuyện tín ngưỡng -có người sẽ cầu nguyện trước một hình tượng, có người không cần hình tượng, có người cầu nguyện trước một cái cây, có người cúi mình xuống trước một dòng sông, có người cầu nguyện thông qua khoá lễ, có người đi vào chốn núi non và biến mất vào trong chốn hoang dã, thế nhưng tất cả họ đều cầu nguyện. Và tất cả phẩm chất của sự nguyện cầu đều giống nhau; không nhất thiết là bạn nguyện cầu trước một bức tượng, trước một cái cây, hay trong căn phòng trống. Sẽ không có vấn

đề bởi vì sự cầu nguyện không dính dấp gì đến một vật thể hình tượng. Vật thể chỉ là một cái cớ.

Có người sẽ cầu nguyện bằng tiếng Tàu, có người sẽ cầu nguyện bằng tiếng Đức, tiếng Anh -ngôn ngữ cũng không thành vấn đề. Có người có thể yêu thích những lời của Chúa Giêsu và dùng đó làm lời kinh nguyện, cũng có người có thể thích những lời của Mohammed. Mọi người đều có những yêu thích khác nhau... nhưng đều chỉ có thể có một tín ngưỡng duy nhất.

Bây giờ đã có đến khoảng ba trăm tôn giáo trên hoàn cầu và ba trăm tôn giáo này, tất cả đều chống lại cái tôn giáo mà tôi vừa nói đến. Đây là những kẻ thù thực sự.

Một người bất ngờ phải kẹt lại ở một thành phố nọ vào hôm Chủ Nhật, y bắt đầu đi ra phố để dự khoá lễ tại một nhà thờ thuộc truyền thống tín ngưỡng của mình. Nhưng bị lạc đường và khi trông thấy một ngôi nhà thờ ở bên kia đường đang mở cửa, y vội bước vào và quên nhìn cả dấu hiệu của ngôi nhà thờ này thuộc về phái nào. Khi khoá lễ diễn tiến đến một lúc mà tình cảm tôn giáo trở nên nồng đượm hơn, không dằn được, y thốt lên, "Cầu nguyện Thượng Đế!" Ngay lập tức một trong những người hướng dẫn gõ vào vai y nhắc nhở, "Thưa ngài, không thể làm điều đó ở đây."

Y chỉ nói một câu rất đơn giản, "Cầu nguyện Thượng Đế!" Thế nhưng có thể đó không phải là cách thức của nhà thờ này. Và người hướng dẫn nhắc nhở, "Thưa ngài, không thể làm như vậy ở đây." Bạn có thấy chuyện khôi hài chưa? Cầu nguyện Thượng Đế lại không được phép thể hiện tại nhà thờ?

Con người không hề giống nhau. Có người cầu nguyện bằng cách nhảy múa và cũng có người có thể chỉ muốn ngồi lặng yên và không làm gì cả. Tất cả đều nên được tôn trọng. Trong thế giới của một tôn giáo, với một tín ngưỡng chan hoà khắp nhân loại, tất cả đều được tôn trọng như nhau. Không có vấn nạn gì cả. Nếu bạn đang đọc kinh Koran và cảm thấy thích thú hứng khởi, cứ việc vui thú, hoà điệu với thực tại này. Một số người khác có thể có cùng một cảm giác như vậy thông qua Thánh Kinh, thông qua "Bài Giảng ở trên Núi". Có gì sai lầm đâu? Cũng có thể có những người khác đạt đến sự phấn khích khi nhảy múa hát ca bài hát của Meera (3). Đâu có gì sai trái?

Thế nhưng ba trăm *cái được gọi là* tôn giáo này mà trên căn bản thực ra là những tổ chức chính trị lại đang kình chống lẫn nhau.

Một bà Công giáo rất thuần thành trở về từ phố chính New York trông có vẻ nhếch nhác và rối trí.

Một bà bạn Công giáo khác liền hỏi, "Có chuyện gì xảy ra với bồ vậy?"

"Tôi vừa mới ở khu phố Garment vào lúc mà những người Tin Lành đang tụ tập tại đây. Cái đám bát nháo này thật là đông và vô trật tự. Bất thình lình hai thằng khốn nạn chụp lấy tôi và kéo vào ngỏ hẽm. Chúng xé quần áo tôi ra và hiếp tôi. Thật là kinh khủng."

"Thế bà có la lên không?" Một người khác hỏi.

"Cái gì? Làm như vậy để bọn Tin Lành tưởng là tôi đang la lên ủng hộ chúng hả?"

Đây là những gì đang thực sự xảy ra. Con người đang kình chống lẫn nhau về mặt tín ngưỡng. Điều này cho ta thấy rằng họ chẳng hiểu gì hết về tôn giáo, nếu không tại sao họ lại có thể kình chống nhau về chuyện tín ngưỡng? Đây cũng chỉ là những kiểu cách của bản ngã.

Con người không hề giống nhau. Họ khác nhau về đủ mọi thứ chuyện. Họ khác nhau về những gì yêu thích, họ cũng sẽ khác nhau về cầu nguyện, về cung cách ứng xử, giao tiếp, một cách đơn giản là họ hoàn toàn khác nhau. Đây là một điều tốt. Thế giới phong phú đa dạng hơn bởi vì con người không ai giống ai. Điều này phải được chấp nhận. Thế giới có thể chỉ có một tôn giáo, nhưng không phải như là một tổ chức, một khuôn mẫu, mà là một bầu khí chan hoà tín ngưỡng.

Câu hỏi thứ sáu:

Bhagwan, Tôi lại cứ quên hết những gì ông đã nói. Tôi phải làm gì bây giờ?

Đúng ra là phải nên như vậy, chính xác là như vậy. Ai bảo bạn phải ghi nhớ những gì tôi nói? Bạn phải quên đi những lời nói của tôi; bạn phải nhớ cái ý, chứ không phải lời. Mà cái ý cũng không cần phải nhớ, nó phải được thấu hiểu.

Nếu bạn lắng nghe tôi một cách đúng đắn bạn không cần phải ghi nhớ những gì tôi nói ra. Mà thực ra, nếu bạn chỉ cố gắng để nhớ lời, bạn sẽ đánh mất toàn bộ trọng điểm. Thế rồi lời còn mà ý mất. Hãy quên hết lời đi nếu không nó sẽ trở thành gánh nặng cho bạn và rồi bạn sẽ lạc lối.

Bạn chỉ cần cố gắng để lãnh hội. Khi tôi nói "cố gắng để lãnh hội" có nghĩa là hãy lắng nghe một cách yên lặng, thụ động và tỉnh thức. Đừng phán đoán, tranh luận hay đi đến quyết định cho dù tôi đang nói điều gì đó đúng hay sai. Chỉ lắng nghe một cách yên lặng. Nếu bạn trở nên quá lo lắng về chuyện đúng sai của những gì tôi đang nói ra, tức là bạn chẳng hề lắng nghe. Tôi cũng không hề bảo rằng bạn phải tin tưởng vào những gì tôi đang nói ra, không bao giờ. Chỉ việc lắng nghe. Và đấy là sự tuyệt vời của lắng nghe thuần khiết -nếu bạn có thể lắng nghe một cách đơn thuần, những gì là chân lý sẽ lắng sâu vào lòng bạn và những gì sai lạc sẽ bị loại bỏ. Không có gì để bạn phải lo lắng chuyện này. Trái tim của bạn sẽ nhận ra một cách hầu như tự nhiên. Chẳng khác gì khi bạn đang được tiếp huyết, máu của bạn sẽ khước từ nếu như không cùng chung một loại máu. Nó cần một loại máu nào đó, một số lượng tương xứng nào đó. Nếu bạn đang được giải phẫu và cần phải vá da, không phải da của bất cứ người nào cũng dùng được. Cơ thể của bạn sẽ không chấp nhận, nó biết rất rõ. Nó sẽ chỉ chấp nhận da của chính bạn được lấy ra từ một nơi nào đó trên cơ thể.

Vấn đề là như thế. Chân lý là thực phẩm của tâm hồn. Khi nghe được chân lý, trái tim sẽ chấp nhận nó một cách tự nhiên. Đây không phải là vấn đề quyết định đúng hay sai –đây là cung cách của tâm. Cái tâm cứ không ngừng lo lắng về chuyện đúng sai, và do sự lo lắng này, nó không hề lắng

nghe. Cái tâm đã bị điếc. Nó giả vờ lắng nghe nhưng thực ra không bao giờ. Bây giờ bạn chỉ việc để tâm thức của bạn qua một bên và hãy để trái tim bạn lắng nghe tôi, chan hoà cùng tôi, hoà điệu cùng tôi. Và rồi cái gì là chân lý nó sẽ tự động trở về nhà –trái tim. Nếu không phải là chân lý, bạn cũng không cần phải lo lắng, nó sẽ tự động biến mất.

Bạn không cần phải lo lắng về những lời tôi nói. Hãy lo lắng về tôi, không phải về lời. Tôi không đề xuất ra một triết thuyết ở đây, mà một cách đơn giản, tôi dâng hiến chính tôi cho bạn.

Có một câu nói khá nổi tiếng của Trang Tử -chắc là ông ta đã nói ra để trả lời một câu hỏi tương tự như câu hỏi này.

Cái lưới để bắt cá.

Được cá hãy quên lưới.

Cái bẩy để bắt thỏ.

Được thỏ hãy quên bẩy.

Câu hỏi thứ bảy:

Tôi thực hiện năm thiền khoá mỗi ngày một cách thường xuyên trong ba năm và vì vậy tôi đã không làm điều gì khác được. Tôi cảm thấy rất hạnh phúc, nhưng gia đình của tôi rất lo lắng. Tôi phải làm gì bây giờ?

Thế là quá độ rồi đó, thưa ngài. Bạn chỉ cần chọn một thời khoá thôi. Một là đủ rồi. Năm là quá mức. Dĩ nhiên bạn sẽ cảm thấy hạnh phúc bởi vì bạn không có việc gì khác để làm. Nhưng nếu gia đình trở nên lo lắng thì đó cũng là điều tự nhiên, và họ có lý khi lo lắng.

Một ông trại chủ lớn ở Yorkshire có việc cần phải đi London trong vài tháng và quyết định chọn một trong những người làm công giỏi nhất của mình chịu trách nhiệm về công việc của trang trại. «Ta muốn ngươi săn sóc hết tất cả mọi chuyện, Harry, như chính ta đang có mặt ở đây vậy. Hiểu không? » Harry gật đầu.

Bốn tháng sau ông chủ trở về và thấy mọi chuyện đều rất ổn cố. Harry chỉ hết mọi thứ và giải thích, «Ông chủ thấy không, mọi chuyện đâu vào đó cả. Bầy gà đẻ rất nhiều trứng, cánh đồng luá mì nay đã lớn gấp đôi, rau cải bây giờ tốt tươi hơn trước nhiều, và ngay cả kinh nguyệt của vợ ông, tôi cũng đã cho nó ngưng luôn. »

Như vậy là quá mức. Như vậy là đi quá xa.

Xin bạn làm ơn nên hành một khoá thiền thôi. Đây có thể là chuyện khó khăn, tôi biết vậy, sau khi bạn đã trải qua ba năm. Có lẽ bạn nên hỏi tôi trước. Sẽ là một chuyện khó khăn khi quay trở lại đời thường và làm việc,

đó sẽ là chuyện tương đối nặng nề đối với bạn, nhưng phải làm như thế. Ở đây tôi không dạy bạn chủ nghĩa thoát ly –đây là một hình thức trốn chạy đời sống vì bạn đã không còn làm bất cứ việc nào khác.

Bạn đã quẳng bỏ tất cả những trách nhiệm của bạn, và tôi không hề ủng hộ chuyện này. Những trách nhiệm đó bạn phải hoàn thành –hoàn thành trong niềm vui lớn lao. Những vợ dại, con thơ, cha già, mẹ yếu đều rất cần bạn. Đó là tất cả những gì mà Thượng Đế đã đặt lên vai bạn -một trách nhiệm nào đó. Bạn phải hoàn thành chúng.

Tôi hoàn toàn chống lại những kẻ thoát ly chạy trốn đời sống và trở thành kẻ hành thiền hai-mươi-bốn-giờ-trong-ngày. Tôi chống lại những người này. Hoàn toàn chống đối. Một giờ thiền định là đủ rồi. Thiền định có một năng lực lớn lao mà chỉ cần một giờ trong hai mươi bốn giờ là đủ. Đủ để thắp sáng cả cuộc đời bạn.

Và đó cũng chính là phương cách trắc nghiệm sự thành công hay thất bại của thiền trong cuộc sống của bạn. Khi bạn hành thiền, bạn đi vào chợ và rồi sẽ biết được là mình thành công trong thiền định hay không. Bạn có còn tham đắm như trước đây khi bạn đi vào cửa hàng? Bạn có còn nổi giận khi ai đó nói trái ý bạn? Người ta có còn bấm nút bạn dễ dàng như trước đây? Chợ búa hay chợ đời chính là nơi để trắc nghiệm tất cả những công phu hành thiền của bạn.

Nếu bạn chỉ hành thiền thôi mà không chịu làm chuyện gì khác thì cũng chẳng khác gì bạn cứ học hành chuẩn bị mãi mà chẳng bao giờ chịu đi thi

cử. Đây là điều sai lầm. Bạn phải đi thi -một giờ thiền, hai mươi ba giờ còn lại là thi cử. Như vậy bạn sẽ càng ngày càng lớn mạnh thêm.

Và câu hỏi cuối cùng :

Zen là gì ?

Đi tới, vượt qua. Đúng như những gì mà Kinh Kim Cương đã nói. Yết đế, Yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế bồ đề, tát bà ha. *Gate, gate, para gate, para samgate bodhi svaha* –đi tới, đi tới cùng với toàn thể chúng sinh, đi từ vô minh đến giác ngộ.

Đi tới, vượt qua. Đó là Thiền.

Đó không phải là triết lý để được thấu hiểu, đó không phải là sự thay đổi để kinh qua. Đó không phải là một cái gì giống như kiến thức, ngay cả cũng không phải là sự cải tổ; đây là sự chuyển hoá, hoàn toàn thay đổi, tuyệt đối thay đổi đến tận nguồn gốc. Là chết và phục sinh. Chết trong Thiền và tái sanh trong Thiền.

Tiếng 'Zen' có nghĩa là *dhyana* -thiền định, nó bắt nguồn từ chữ *dhyana*. Đến Trung quốc nó biến thành *chan* -Thiền, và tại Nhật bản nó trở thành *Zen* –nhưng tựu trung nó phát xuất từ ngôn từ của Phật *dhyana*. Zen có nghĩa là *dhyana*, thiền định.

CHÚ THÍCH:

(1) Ichazo : Oscar Ichazo, người Chí Lợi, chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi tư tưởng của Gurdjieff. Ông cũng đã đến tận Ấn Độ, Tây Tạng và Hồng Kông học hỏi về mật tông, đồng thời nghiên cứu thêm về Thiền, yoga, thuật thôi miên... Ông tự xem mình là một Đạo Sư, có khả năng giao tiếp với tất cả các Đạo sư của các trường phái mật tông, kể cả những người đã chết. Ông cho biết là đã nhận được những chỉ dẫn của một đấng ở cõi trên, Metatron, còn những đệ tử của ông thì có thể giao tiếp với những linh hồn ở cõi thấp hơn thông qua thiền định và thần chú. Ichazo sáng lập phong trào tâm linh Arica, lấy tên một thành phố nhỏ tại Chí Lợi, nơi phát khởi phong trào.

(2) Sri Aurobindo (1872-1950): Một học giả và đồng thời cũng là một nhà chính trị có khuynh hướng quốc gia cực đoan trong phong trào đấu tranh dành độc lập của Ấn Độ. Về sau ông đi sâu vào lãnh vực tâm linh và được xem như là một đạo sư, một vị thánh của Ấn giáo. Ông cổ võ cho sự chuyển hoá tâm linh của toàn thể nhân loại và được môn đệ tin tưởng là người đã khám phá ra một nguồn năng lực tinh thần mới mà ông gọi là "Supramental" –Chân Thức. Bằng phương pháp Yoga, ông và các môn đệ có thể mang nguồn năng lực này vào thế giới, vào tâm thức của mỗi cá nhân, xây dựng một bình minh mới cho nhân loại, một «đời sống thánh hoá » trên trái đất này.

(3) Meera (1498-1547): Là một công chúa thuộc đẳng cấp qúy phái sắc dân Raiput, bắc Ấn. Là một tín đố Ấn giáo ngoan đạo, bà chấp nhận bị đầu độc để bày tỏ niềm tin tuyệt đối vào Thượng Đế Krishna. Bà sáng tác rất nhiều thánh ca ca tụng Thượng Đế còn phổ biến cho đến ngày nay.

THIỀN, CON ĐƯỜNG NGHỊCH LÝ

Volume 2

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1.
NÀY BẠN! HÃY HƯỢM...

CHƯƠNG 2.
BÊN SÔNG BÁN NƯỚC

CHƯƠNG 3.
VÀ BẦU TRỜI VẪN THẾ

CHƯƠNG 4.
NHẬP VÀO DÒNG THÁNH

CHƯƠNG 5.
NGỌN LỬA TRẮNG TINH TUYỀN CỦA SỰ SỐNG

CHƯƠNG 6.
VÀO VÙNG HOANG DÃ

CHƯƠNG 7.
NỔ BÙNG TUỆ GIÁC

CHƯƠNG 8.
CUỐN SÁCH KHÔNG TRANG CUỐI

CHƯƠNG 9.

GẢI NGỨA NGOÀI GIÀY

CHƯƠNG 10.
CẦU KHÔNG NƯỚC CHẢY

CHƯƠNG 1

Này bạn! Hãy Hượm…

Một hôm, khi sư Shichiri Kojun đang thực hành công phu tối, một tên cướp với chiếc gươm bén đột nhập vào phòng đòi ông phải đưa tiền nếu không sẽ mất mạng.

Vị thiền sư bảo y: "Đừng có làm rộn ta. Tiền ở trong cái ngăn tủ đó." Xong ông bắt đầu tụng kinh tiếp.

Một lát, ông bỗng ngưng đọc kinh và bảo tên cướp: "Này, đừng có lấy hết nghe. Chừa lại một ít để ta còn phải đóng thuế ngày mai nữa đó."

Tên cướp gom gần hết số tiền và sắp sửa tẩu thoát. "Này, ai tặng cho mình cái gì thì phải biết cảm ơn người đó chớ," Shichiri nói thêm. Tên cướp lí nhí cảm ơn rồi lỉnh mất.

Vài hôm sau thì tên cướp bị bắt và thú nhận tất cả tội lỗi, trong số nạn nhân dĩ nhiên có cả sư Shichiri. Khi sư được gọi đến như một nhân chứng, ông bảo: "Đối với tôi thì người này không phải là kẻ cướp. Tôi tặng y tiền và y còn biết nói lời cảm ơn tôi".

Sau khi ở tù ra, tên cướp tìm đến sư Shichiri và xin ông xuống tóc thu nhận làm đệ tử.

Chúa Giêsu bảo: "Đừng phán xét." Nếu Chúa ngưng lại ở chỗ này thì đây là một câu nói tuyệt vời thấm đẫm chất Thiền. Tuy nhiên có thể là ngài đang nói chuyện với người Do Thái trong một cung cách hoàn toàn Do Thái, thế nên ngài đã thêm vào, "… nếu ngươi không muốn mình bị phán xét." Bây giờ thì câu nói chẳng còn gì mùi vị Thiền. Nó chẳng khác gì một sự mặc cả đổi chác. Câu thêm vào đã hủy diệt hoàn toàn cái rất mực phẩm chất, cái rất mực sâu sắc của câu nói đầu tiên.

"Đừng phán xét," tự nó đã đủ ý nghĩa, không cần phải thêm thắt vào bất cứ một mệnh đề nào khác. "Đừng phán xét" có nghĩa là "sống trong trạng thái vô phân biệt"; "Đừng phán xét" có nghĩa là "Nhìn cuộc đời mà không đánh giá". Đừng đánh giá -đừng cho rằng "cái này xấu, cái kia tốt". Cũng đừng theo thói quen luân lý -đừng gọi cái này là thiện, cái kia là ác. "Đừng phán xét" là một câu nói sâu sắc bao hàm ý nghĩa không có Thượng Đế cũng như không có Qủy Sứ.

Phải chi Chúa Giêsu dừng lại ở đó, ở câu nói mang ba chữ ngắn ngủi, "Đừng phán xét", thì hẳn là Chúa đã chuyển hoá toàn diện bản sắc của Cơ Đốc Giáo. Thế nhưng khi ngài thêm vào một cái gì đó, ngài đã hủy diệt nó. Khi Chúa bảo, "… nếu ngươi không muốn bị phán xét," thì cũng chẳng khác gì ra một điều kiện. Bây giờ thì không còn là tình trạng vô phân biệt mà là một sự trao đổi mặc cả -"… nếu ngươi không muốn bị phán xét," đâu có khác gì một sự bán buôn đổi chác.

Do nỗi sợ hãi -*để ngươi đừng bị phán xét* - người ta không phán xét. Nhưng làm thế nào để bạn có thể loại bỏ sự phán xét ra khỏi nỗi sợ hãi? hay lòng tham lam? Để cho khỏi bị phán xét, đừng phán xét -thế nhưng lòng tham

lam và nỗi sợ hãi không làm cho bạn thoát ra khỏi vòng phân biệt giá trị. Đó là tinh thần cực kỳ vị ngã –"Đừng phán xét, để không bị phán xét". Thật là hoàn toàn vị kỷ.

Tất cả nét đẹp tuyệt vời của câu nói đã bị hủy diệt, Hương vị Thiền biến mất, chỉ còn lại những gì rất đời thường. Chẳng khác gì một lời khuyên răn -lời khuyên răn của bậc làm cha mẹ, chẳng có mảy may hơi hướm cách mạng chút nào. Cũng tốt thôi –nhưng chẳng có gì cấp tiến. Cái mệnh đề thứ hai đã đóng đinh toàn bộ ý nghĩa cấp tiến của câu nói.

Thiền thì ngưng lại ở chỗ: *Đừng phán xét*. Bởi vì Thiền cho rằng vạn pháp đều *như thị* -chẳng có gì tốt cũng chẳng có gì xấu. Vạn pháp hiện bày theo cách thế của nó. Có cây cao bên cạnh cây thấp. Có người đạo đức bên cạnh kẻ vô luân. Có người đang nguyện cầu tin tưởng nhưng cũng có kẻ đang bước đi trên con đường đạo tặc. Chuyện đời là như thế.

Bây giờ hãy thưởng thức cái hương vị cách mạng của Thiền. Nó sẽ làm bạn sợ hãi, nó sẽ làm bạn kinh hoàng. Đó là lý do tại sao Thiền không có những điều răn. Nó không hề bảo: Làm cái này, đừng làm cái nọ -trong Thiền không hề có những "cái nên" và những "cái không nên". Nó không hề dựng lên cái nhà tù của "phải thế này, phải thế kia". Nó không hề mang tính cầu toàn.

Đến bây giờ thì các nhà phân tâm học đã hiểu rất rõ rằng, chủ nghĩa cầu toàn chỉ là một chứng loạn thần kinh. Và Thiền là một loại tôn giáo duy nhất không mắc bệnh loạn tưởng. Nó chấp nhận tất cả. Đây là một sự chấp nhận toàn bộ, rất mực hoàn toàn, đến độ nó sẽ không gọi một tên trộm là kẻ trộm, kẻ giết người là sát nhân. Hãy cố gắng để lãnh hội cho được cái

tinh nguyên của tinh thần này –cái hoàn toàn siêu việt tính của nó. *Tất cả đều như thị.*

Thiền mang tinh thần *phi-giá-trị* một cách vô điều kiện -nếu bạn còn nêu lên một điều kiện, bạn đã đánh mất trọng điểm. Trong Thiền không có sự sợ hãi cũng như tham đắm. Trong Thiền không có Thượng Đế cũng như Quỷ Sứ, thiên đường hay địa ngục. Nó không hề gợi lòng tham con người bằng cách cám dỗ hay hứa hẹn họ với những phần thưởng ở thiên đường. Nó cũng không làm bạn kinh hoàng, sợ hãi bằng cách tạo ra những cơn ác mộng về ý niệm địa ngục.

Nó không hối lộ bạn bằng những phần thưởng, cũng không trừng phạt bạn bằng những cực hình tra tấn. Một cách đơn giản, nó chỉ cho bạn một cái nhìn xuyên suốt vào vạn pháp –cái nhìn xuyên suốt đó sẽ giải phóng bạn. Cái nhìn xuyên suốt này không hề đặt căn bản trên lòng tham lam hay sự sợ hãi. Tất cả những tôn giáo khác đều được xây dựng trên lòng tham, hàm chứa sâu xa ở đâu đó nỗi sợ. Đó là lý do tại sao chúng ta thường dùng cụm từ "kinh-sợ-Thượng-Đế" để chỉ một người có tín ngưỡng -người có tín ngưỡng là người kinh-sợ-Thượng-Đế.

Nhưng làm thế nào sợ hãi lại có thể biến thành tín ngưỡng? Không bao giờ! Sự sợ hãi không thể nào biến thành niềm tin tôn giáo –duy chỉ có tinh thần vô úy. Thế nhưng nếu bạn còn mang ý niệm về cái tốt và cái xấu, bạn sẽ không bao giờ thoát ra khỏi sự sợ hãi. Những ý niệm về tốt xấu làm con người mang mặc cảm phạm tội, làm họ què quặt, tê liệt. Làm thế nào để bạn có thể giúp họ vượt ra khỏi tất cả mọi nỗi sợ hãi? Vô phương! Bạn chỉ tạo thêm những nỗi sợ hãi ở trong họ.

Thông thường, một người không tín ngưỡng càng ít sợ hãi, ít hàm lượng sợ hãi ở trong họ hơn là một người được gọi là có tín ngưỡng. Kẻ được gọi là có tín ngưỡng tâm hồn thường run sợ, luôn luôn lo lắng không biết mình có đạt được hay không. Mình sẽ bị quẳng xuống địa ngục? Hay là mình sẽ vào được nước thiên đường?

Ngay cả khi Chúa Giêsu rời bỏ thân hữu và môn đệ trong chuyến đi cuối cùng của đời mình, những môn đệ của ngài cũng chỉ lo lắng bận rộn về chuyện đâu sẽ là chỗ đứng của mình ở trên nước Trời. Họ sẽ tái hội nhau ở đó trong lần gặp gỡ đến –nhưng đâu là vị trí của mỗi người? Ai sẽ ở đâu? Dĩ nhiên họ chấp nhận chuyện Chúa Giêsu sẽ ở bên tay phải của Đức Chúa Cha –nhưng rồi ai sẽ là người kế tiếp ở cạnh ngài? Những lo lắng của họ bắt nguồn từ lòng tham và nỗi sợ. Họ chẳng hề quan tâm mấy đến chuyện Chúa Giêsu sẽ bị đóng đinh vào thập tự giá ngày mai, mối quan tâm chính của họ là quyền lợi của riêng cá nhân mình.

Tất cả các tôn giáo khác đều được xây dựng trên lòng tham và nỗi sợ rất mực đời thường. Lòng tham đắm về của cải thế gian một ngày nào đó chuyển biến thành lòng tham đắm về Thượng Đế. Lúc đó, Thượng Đế là của cải của bạn; bây giờ của cải là Thượng Đế của bạn -chỉ khác nhau ở một chút đó thôi. Bây giờ thì bạn sợ hãi nhà nước, sợ hãi cảnh sát, sợ chuyện nọ chuyện kia –thế rồi mai kia bạn sợ hãi địa ngục, toà án tối cao, cái siêu toà án của Thượng Đế… trong ngày phán xét cuối cùng.

Cái được gọi là những vị thánh Cơ Đốc, ngay cả đến phút cuối của đời mình cũng không ngừng run rẩy, lo sợ - không biết mình sẽ đạt đến hay không, cái nước thiên đường đó.

Thiền mang tinh thần *phi-giá-trị* một cách vô điều kiện. Hãy để cho ý niệm này lắng sâu vào tâm hồn bạn, bởi vì đây cũng chính là quan điểm của tôi. Tôi muốn bạn hiểu rõ vấn đề, chỉ có thế. Hiểu biết thôi là đủ. Hãy để hiểu biết trở thành pháp môn độc nhất, không có một pháp môn nào khác. Đừng để mình bị lôi đi bằng nỗi sợ hãi, nếu không bạn sẽ bị cuốn sâu vào bóng tối. Cũng đừng để mình bị lôi đi bằng sự tham lam -bởi vì tham lam không là gì khác ngoài nỗi sợ lộn ngược đầu. Chúng chỉ là hai bộ mặt của cùng một sự kiện: mặt này là lòng tham, mặt kia là nỗi sợ. Một người sợ hãi thì luôn luôn tham lam, một người tham lam thì luôn luôn sợ hãi. Chúng quyện chăt vào nhau, chúng không tách rời nhau.

Chỉ có hiểu biết, chỉ có tỉnh thức, chỉ có khả năng nhìn sâu vào vạn pháp là như thị. Bạn có thể chấp nhận hiện hữu như là cách thế chúng hiện bày? Mà nếu không chấp nhận chuyện này, sẽ chẳng bao giờ có gì thay đổi. Có gì thay đổi đâu? Đã hàng ngàn năm trôi qua, chúng ta phản đối bao nhiêu thứ –nhưng chúng vẫn còn đó, nhiều thêm chứ không bớt.

Những tên trộm đạo không hề biến mất. Những kẻ sát nhân cũng thế. Không có gì thay đổi cả; mọi chuyện vẫn y nguyên. Nhà tù ngày càng tăng. Luật pháp cũng tăng tiến theo và ngày càng thêm tinh vi phức tạp. Và bởi vì luật pháp càng tinh vi, người ta lại càng phải sử dụng thêm nhiều tên trộm đạo –đó là những luật sư, những quan toà…

Khắp nơi, chẳng có gì thay đổi cả. Cái hệ thống nhà tù của bạn chẳng mang lại điều gì tốt lành –mà thật ra cực kỳ độc hại. Cái hệ thống nhà tù đó đã biến thành trường đại học của tội ác –nơi đào luyện tội phạm, nơi người ta học tập từ những tay tổ sư. Khi một người bước chân vào nhà tù, y sẽ trở thành một khách viếng thường xuyên. Một lần đã bước chân vào đó, dứt

khoát là y sẽ còn trở đi trở lại nhiều lần nữa. Rất hiếm khi thấy một người đã vào tù mà không bao giờ quay trở lại.

Và mỗi lần ra tù y càng trở nên thiện nghệ hơn, nhiều mánh khoé hơn –biết cách làm thế nào để thực hiện tội ác cũ trong một cách thế dày dặn kinh nghiệm hơn. Bây giờ thì y không còn là một tên tội phạm tài tử. Y ra tù với một bằng cấp tốt nghiệp; nhà tù là một trường huấn luyện chuyên nghiệp – nơi tốt nghiệp tội ác. Bây giờ thì y học hỏi được nhiều hơn, biết cách thực hiện tôi ác tinh vi hơn. Y biết làm thế nào để tránh khỏi bị bắt giữ, y biết rõ đâu là những lỗ hỗng trong hệ thống pháp luật.

Và những kẻ thực thi pháp luật thì là cũng những tên tội phạm như bao nhiêu kẻ khác -sự thực còn tội ác hơn nữa là đằng khác. Khi phải đối phó với tội ác, họ càng phải tội ác hơn. Cảnh sát, cai tù, quản đốc trại giam còn tội ác hơn là những kẻ bị họ tống vào tù –Đó là chuyện đương nhiên. Không có gì thay đổi cả. Đây không phải là cách thế để thay đổi mọi chuyện; điều này chứng tỏ cho thấy một sự thất bại hoàn toàn. Thiền cho rằng thay đổi phải được bắt nguồn từ hiểu biết, không phải từ bất cứ một hình thức áp đặt nào.

Còn cái thiên đường và địa ngục của bạn thì sao? Cũng cùng một ý niệm chứ không có gì khác, từ thế giới này được chuyển tải vào thế giới bên kia. Từ cái ý niệm về nhà tù thế gian biến thành ý niệm về địa ngục. Và cũng phát xuất từ cái ý niệm về ban thưởng -những huy chương ân thưởng của nhà nước, những huy chương của tổng thống, những huy chương vàng, huy chương bạc các thứ -cũng từ cái ý niệm đó được chuyển đổi thành thiên đường, *firdaus (1)*. Nhưng cái động cơ tâm lý thì hoàn toàn giống nhau.

Thiền hủy diệt cái tâm lý này ngay từ gốc rễ. Thiền không hề lên án bất cứ cái gì. Chỉ có sự hiểu biết: Nó bảo rằng hãy cố để hiểu vạn pháp y như chúng hiện bày. Cố để hiểu một người như con người thực của y -đừng áp đặt lên đó một khuôn mẫu lý tưởng, đừng bảo y phải nên thế này hay thế nọ. Cái khoảnh khắc bạn bảo một người nên như thế nào đó, bạn trở thành đui mù trước sự hiện hữu thực sự của y.

Cái chữ "nên" đã trở thành vật chướng ngại. Từ đó bạn không thể nào nhìn thấy được thực tại, bạn không thể nào trông thấy cái như thị -chữ "nên" của bạn đã trở thành một gánh nặng. Bạn đã mang sẵn một khuôn mẫu lý tưởng, một thần tượng toàn bích, và chắc chắn là mọi người đều rớt ra ngoài cái bảng giá trị đó. Và thế là mỗi người đều bị lên án.

Và rồi những con người vị kỷ đó bằng cách này hay cách khác tự khép mình vào những khuôn mẫu lý tưởng này –ít ra là một cách giả tạo hay hình thức bên ngoài -những người này bỗng nhiên biến thành những vị thánh. Thực ra họ chẳng là cái gì cả ngoài cái ngã to tướng. Và nếu bạn nhìn sâu vào mắt họ, chỉ một màu sắc duy nhất mà bạn có thể tìm thấy: *thánh-thiện-hơn-Bạn*. Đây là một số người rất hiếm hoi đã được chọn lựa, những người được chọn lựa của Thượng Đế. Và sự có mặt của họ ở trên cõi đời này là để lên án và chuyển hoá bạn!

Thiền không hề quan tâm đến chuyện chuyển hoá của bất cứ ai. Thế mà nó chuyển hoá –đó là điều nghịch lý. Thiền không hề quan tâm đến chuyện bạn sẽ như thế nào, nó chỉ quan tâm bạn là cái gì. Hãy nhìn sâu vào đó, nhìn bằng đôi mắt yêu thương và trân trọng. Cố gắng để hiểu nó là gì. Từ sự hiểu biết này, một sự chuyển hoá sẽ đến. Và sự chuyển hoá này đến một cách tự nhiên -bạn không cần phải làm gì cả, nó xảy ra một cách đơn giản trong hoà điệu của chính tự thân.

Thiền chuyển hoá nhưng không hề nói đến chuyện chuyển hoá. Thiền đổi thay nhưng không hề quan tâm đến chuyện đổi thay. Nó mang đến hồng phúc cho con người hơn bất cứ cái gì khác, nhưng nó chẳng hề bận tâm đến chúng chút nào. Nó đến với bạn như là một ân sủng, quà tặng. Nó đến từ hiểu biết. Đó là nét tuyệt diệu của Thiền, nó mang tinh thần *phi-giá-trị* một cách vô điều kiện. Sự đánh giá là một bệnh thái của tâm hồn –đó chính là thông điệp của Thiền. Không có gì tốt cũng không có gì xấu. Vạn pháp hiện bày theo cách thế của nó.

Trong Thiền một chiều kích tổng hợp mới xuất hiện, chiều kích của chuyển hoá vô tác, đến với ta một cách tự nhiên, qua mắt nhìn tỏ tường hơn, qua trong suốt tĩnh lặng. Qua cái nhìn trực tiếp xuyên suốt vào bản chất của vạn pháp, không chướng ngại và thiên kiến.

Cái khoảnh khắc bạn cho rằng một người là tốt, bạn đã ngưng không còn nhìn vào y nữa. Bạn đã dán lên y một cái nhãn hiệu, đã xếp y vào một ngăn tủ, đã phân loại y. Cái khoảnh khắc bạn cho rằng "người này là xấu" làm sao bạn có thể nhìn thẳng vào mắt y được nữa? Bạn đã quyết định tức thời, đã chấm dứt với y. Người này đã không còn là một thực thể bí ẩn. Sự bí mật đã được giải đáp: bạn đã viết lên đó "đây là kẻ xấu", "đây là người tốt". Và từ đó thái độ ứng xử của bạn được căn cứ trên những nhãn hiệu này chứ không phải trên thực tại.

Một người tốt có thể trở thành kẻ xấu và ngược lại. Điều này xảy ra trong từng khoảnh khắc -buôi sáng y là người tốt, buổi chiều y biến thành kẻ tệ hại, nhưng buổi tối có thể y trở thành người tốt trở lại. Thế nhưng bây giờ bạn sẽ chỉ ứng xử với y theo cái nhãn hiệu có sẵn. Bạn sẽ không còn đối

thoại với một con người thực mà chỉ nói chuyện với cái nhãn hiệu do mình dán lên, với cái bóng do mình tạo ra.

Dĩ nhiên, cứ thế bạn tiếp tục đánh mất thực tại, những con người thực. Từ đây mà một ngàn lẻ một vấn đề phức tạp, và vấn nạn xảy ra. Những vấn nạn không hề được giải đáp. Thực sự có phải là bạn đang trò chuyện với vợ mình hay là một bóng hình nào đó, khi hai người đang chăn gối với nhau?

Tôi có cảm giác như thế này -bất cứ lúc nào hai người đang gặp gỡ nhau thì có cả một đám đông tham dự vào đó, chứ không phải là hai người. Hay chắc chắn ít nhất cũng có bốn người. Cái bóng của người kia và cái bóng của bạn, những cái bóng đó luôn luôn hiện hữu. Và chúng không bao giờ phản ảnh trung thực –con người thực biến đổi trong từng giây phút, con người thực là một giòng liên tục. Đó là một giòng sông tuôn chảy không ngừng, lấp lánh mọi màu sắc.

Con người thực là một thực thể sinh động! Cái ngày mà bạn gán cho y một cái nhãn hiệu, y không hề là một xác chết khô cứng, y đang sống.

Một lần có người hỏi Trang Tử, “Công viêc của ngài đã hoàn tất chưa?” Ông trả lời, “Làm sao mà hoàn tất được? –Tôi đang sống mà!” Hãy nhìn sâu vào câu nói: Ông ta bảo, “Làm sao mà hoàn tất được? –Tôi đang sống mà. Nó chỉ được hoàn tất vào cái ngày mà tôi chết. Mạch đời vẫn còn đang tuôn chảy, mọi việc sẽ vẫn còn tiếp tục diễn tiến.”

Khi một cái cây đang còn nhựa sống, vẫn còn đó những nụ hoa, những cành lá mới, những đàn chim mới sẽ tiếp tục bay về làm tổ, những khách

lữ hành sẽ dừng chân ngừng lại tạm nghỉ qua đêm… mọi việc sẽ tiếp tục đổi thay.

Một khi bạn còn sống, mọi chuyện đều có thể xảy ra. Thế nhưng một khi bạn dán nhãn hiệu cho một ai đó là tốt hay xấu, đạo đức hay vô luân, tín ngưỡng hay vô tín ngưỡng, hữu thần hay vô thần, là cái nọ cái kia -bạn làm như người đó đã là một xác chết. Bạn chỉ nên dán cái nhãn hiệu cho một người khi chắc chắn rằng y đã chết, lên nấm mồ y thay vì trước đó. Bạn có thể đi đến trước mộ phần của y và viết lên: *Người Này là Thế Này*. Bây giờ thì y không thể nào phản đối được bạn; bây giờ thì mọi việc đã chấm dứt, mọi việc đã đến điểm cuối. Giòng sông đời đã không còn tuôn chảy nữa.

Thế nhưng khi một người còn đang sống… Và bạn thì lại cứ tiếp tục dán lên y một cái nhãn hiệu, kể cả một đứa trẻ, một đứa con nít. Có phải chúng ta thường nói, "Đứa bé này rất vâng lời, thằng bé kia quá ngỗ nghịch. Đứa trẻ này rất ngoan, thằng bé kia thật hư đốn." Thế là bạn đã dán lên một cái nhãn hiệu. Nên nhớ rằng khi bạn dán cho ai cái nhãn hiệu, bạn đã tạo ra rất nhiều vấn nạn. Trước tiên, khi bạn dán cho ai đó một nhãn hiệu, bạn đã giúp cho y ứng xử theo cung cách mà bạn đã gán cho y -bởi vì từ đây y bắt đầu cảm thấy rằng y có bổn phận phải chứng tỏ điều nhận định của bạn là đúng.

Khi một người cha bảo, "Thằng con tôi hư quá," đứa trẻ lập tức sẽ nghĩ rằng, "Tôi phải chứng tỏ mình hư đốn thật, bằng không cha tôi sẽ là người nói bậy hay sao." Đây là một luận lý phát xuất từ tiềm thức –làm sao một đứa trẻ lại cho cha mình ăn nói bậy bạ được? Thế là y càng tạo ra thêm nhiều vấn nạn. Và người cha lại được dịp chứng minh, "Coi đó. Thằng này hư đốn thật mà."

Ba bà mẹ đang ngồi tán chuyện về đứa con mình. Và khi mà những người đàn bà nói chuyện với nhau, họ thường thích khoe con. Một người bảo, "Thằng con của tôi mới năm tuổi thôi mà đã biết làm thơ rồi. Thơ của nó hay đáo để đến nỗi ngay cả bậc thi hào cũng phải ngả nón chào." Bà thứ hai khoe, "Đâu có nhằm gì so với thằng con tôi. Nó mới lên bốn mà đã biết vẽ -những bức tranh hiện đại, cực kỳ hiện đại, ngay cả Picasso cũng chẳng biết đầu đuôi đâu mà mò. Mà nó không thèm dùng đến cây cọ đâu nhá, chỉ dùng đôi bàn tay thôi. Đôi khi nó chỉ việc tung mực lên khung vải và rồi cả một khung trời diễm ảo hiện ra. Nó thuộc trường phái ấn tượng đấy, một họa sĩ rất mực nguyên sơ." Bà thứ ba cũng không vừa, "Thế thì có gì là hay. Thằng con tôi chỉ mới lên ba thôi nhá. Thế mà nó biết tự mình đi tìm gặp nhà phân tâm học rồi đấy."

Khi bạn dán nhãn hiệu, bạn sẽ đóng khung vào đó… và rồi bạn hủy diệt tất cả. Tất cả mọi loại nhãn hiệu đều tàn hoại. Đừng bao giờ gán cho một người là ông thánh hay kẻ tội lỗi. Khi nhiều người khoác cho ai một chiếc nón nào đó… Mà người đời thì thường có thói quen suy nghĩ hùa theo đám đông, ít ai có những ý tưởng độc lập của riêng mình. Không tin ư? Bạn nghe tin đồn ở đâu đó rằng người kia là một tên tội lỗi xấu xa, và bạn tin như thế. Thế rồi bạn chuyền cái tin đồn này đến tai một người khác, và y cũng tin như thế. Cái tin đồn này sẽ lan rộng mãi ra, chiếc nón mà bạn đội cho người kia ngày càng trở nên lớn thêm mãi. Cho đến một ngày, cái "Tên Tội Lỗi Xấu Xa" như một bảng hiệu bằng đèn nê-ông được viết bằng chữ in hoa khắc đậm lên người y và rồi y sẽ phải ứng xử theo cách mà người ta đã gán cho mình. Cả cái xã hội chung quanh chờ đợi cái cung cách ứng xử đó, nếu không người ta sẽ nổi giận lên –"Này, mày đang làm cái gì

vậy? Mày là một tên tội lỗi xấu xa mà muốn trở thành một vị thánh hả?! Thôi đi, xử sự theo cái kiểu của mày đi!"

Xã hội là như thế -một sự dự phần rất mực vi tế trong cung cách gán ghép nhãn hiệu cho người: "Hãy xử sự theo kiểu cách mà chúng tôi gán cho bạn! Đừng làm bất cứ điều gì ngược lại với cái nhìn của chúng tôi về bạn." Đó là một thoả thuận ngầm không nói ra, nhưng nó hiện hữu.

Thứ hai, khi bạn gán cho ai một cái nhãn hiệu, dù y cố gắng cách mấy để ứng xử cho phù hợp với cái nhãn hiệu đó, y cũng không thể nào làm được. Y không thể nào hoàn thành vai trò một cách tuyệt hảo, vô phương! Điều này không bao giờ có thể xảy ra trong thực tế, y chỉ giả vờ mà thôi. Thế rồi một lúc nào đó khi y không ở trong tình trạng đóng kịch, khi y đang xả hơi thư giản –trong bầu khí hội hè của một cuộc píc-níc ngoài trời chẳng hạn- con người thực của y hiện ra. Thế là bạn cảm thấy mình đã bị lừa dối; và người kia, trước mắt bạn, trở thành một tên lường gạt. Bạn luôn nghĩ rằng y là một người tốt, bao nhiêu năm qua đối với bạn y là một vị thánh, và rồi hôm nay y bỗng dưng biến thành kẻ cắp đi móc túi trộm tiền của bạn!

Bạn nghĩ là y đã lường gạt mình? Không phải, chính cái nhãn hiệu mà bạn khoác cho y đã lường gạt bạn. Y chỉ hành xử theo đúng với con người thực của mình. Y đã cố gắng để thích nghi với cái khung mà bạn vạch ra -thế nhưng một ngày đẹp trời nào đó người ta cũng sẽ lớn dậy thoát ra khỏi cái khung đó thôi. Người ta sẽ phải làm những chuyện mà người ta muốn làm.

Không có ai được sinh ra ở đây để hoàn tất những điều mà bạn mong chờ ở họ. Chỉ có những kẻ rất mực hèn nhát mới cố gắng để hoàn tất những điều mà kẻ khác mong đợi. Một con người thực sự sẽ đạp đổ tất cả những gì mà kẻ khác trông đợi ở y, bởi lẽ y có mặt ở trên cõi đời này không phải là để bị

cầm tù bỏi những ý tưởng của bất cứ ai. Y sẽ mãi mãi tự do. Y sẽ mãi mãi ở trong trạng thái mâu thuẫn. Hôm nay y sẽ làm việc này và mai kia y sẽ làm một việc hoàn toàn trái ngược -để cho bạn không thể nào mang bất cứ ý tưởng nào về y.

Một con người thật và trung thực luôn ở trong tình trạng mâu thuẫn. Chỉ có những con người nộm mới cứng nhắc. Một con người thật và trung thực mang trong họ những điều nghịch lý. Y hoàn toàn tự do. Y tự do đến mức có thể là thế này hay thế nọ, hoàn toàn đối nghịch nhau. Y có toàn quyền chọn lựa -nếu y muốn là một người khuynh tả, y sẽ là kẻ khuynh tả, nếu y muốn là người khuynh hữu, y sẽ trở thành một kẻ khuynh hữu. Trong y không hề có bất kỳ chướng ngại nào. Nếu y muốn hướng ngoại, y có thể là người hướng ngoại; nếu y muốn hướng nội y sẽ là người hướng nội, y có thể làm bất cứ điều gì. Sự tự do của y chọn lựa ngay tức thời điều mà y muốn thực hiện.

Thế nhưng chúng ta thì lại cứ luôn áp đặt một khuôn mẫu cứng nhắc lên mỗi con người. Chúng ta khoác cho tính kiên định một giá trị lớn lao khi nói rằng, "Con người này trước sau như một. Người này thật là vĩ đại -kiên định hết mức." Thế nhưng "kiên định" là gì? "Kiên định" cũng đồng nghĩa với "Người này đã chết, y không còn sống nữa." Y đã ngừng thở vào cái ngày mà y trở thành kiên định -từ đó y không còn hiện hữu.

Khi bạn nói rằng, "Ông xã tôi là người rất đáng tin," bạn muốn nói cái gì vậy? Bộ ông xã bạn hết yêu rồi chăng, hết sống rồi chăng -thế nên bây giờ không còn một bóng hồng nào có thể hấp dẫn được ông ta? Nếu không có một phụ nữ nào có thể hấp dẫn được ông ta, thế thì làm sao bạn lại có thể hấp dẫn ông ấy được? -bạn cũng là một phụ nữ cơ mà! Thật ra, ông ta chỉ giả bộ đó thôi. Một người đàn ông đang còn nhựa sống, đang còn biết yêu,

khi trông thấy một giai nhân, không thể nào y lại không bị thu hút. Một người phụ nữ đang sống, đang thở, trái tim còn cảm xúc, khi trông thấy một anh chàng đẹp trai, lẽ nào bà ta không cảm thấy bị lôi cuốn? Đó là điều tự nhiên. Tôi không nói rằng bà ta rồi sẽ phải bỏ nhà chạy theo cái anh chàng đẹp trai này –tuy nhiên sự thu hút là chuyện khá tự nhiên. Bà ta có thể chọn lựa không chạy theo anh ta –thế nhưng phủ nhận sự hấp dẫn cũng có nghĩa là phủ nhận đời sống.

Thiền bảo rằng: Hãy luôn trung thực với chính tự do của bạn. Từ đó một mầm sống mới khác biệt khai sinh ở trong bạn, hoàn toàn không chờ đợi, không báo trước. Tín ngưỡng, nhưng không phải luân lý. Cũng không phải vô luân –*phi luân*: nó vượt ra khỏi luân lý, vượt ra khỏi vô luân. Đây là một chiều kích mới mà Thiền mở vào đời sống, một thực tại tách biệt hoàn toàn với cái mà bạn đã và đang sống –hoàn toàn tách biệt. Nó mang một phẩm chất mới; phẩm chất phi cá tánh.

Cái từ này đôi khi làm bạn rất mực khó chịu, bởi vì từ lâu bạn đã từng khăng khít với hai tiếng "cá tánh". Hằng bao thế kỷ qua chúng ta đã bị điều kiện hoá bởi cái danh từ này. Chúng ta thường hay nói, "Cái ông đó có một cá tánh nổi bật". Nhưng bạn có nhìn kỹ chưa? Một người có cá tánh chỉ là một xác chết. Một người có cá tánh đồng nghĩa với việc được xếp loại, được dự đoán. Một người có cá tánh chỉ có dĩ vãng, không hề có tương lai.

Hãy nghe cho kỹ điều này: Một người có cá tánh chỉ có dĩ vãng. Bởi vì cá tánh đồng nghĩa với quá khứ. Con người đó cứ tiếp tục lập đi lập lại quảng đời cũ của mình như một chiếc dĩa hát nhựa bị hư. Y lập đi lập lại cùng một điệp khúc không biết bao nhiêu lần. Y chẳng hề còn điều gì mới nửa để nói ra, chẳng có gì mới mẻ để sống. Và chúng ta gọi y là một người có cá

tánh. Vâng, bạn có thể tin tưởng vào y, bạn có thể trông cậy ở y –y sẽ là người không bao giờ bội ước. Đúng thế. Y là người rất mực hữu dụng, rất mực hữu ích cho xã hội –tuy nhiên y chỉ là một thây ma, một cổ máy.

Máy móc cũng không thiếu cá tánh; bạn có thể sở cậy ở chúng. Đó là lý do tại sao chúng ta sẽ lần hồi thay thế con người bằng máy móc. Máy móc còn có khả năng dự báo hơn; chúng có cá tánh vượt trội hơn -bạn có thể tin cậy vào chúng.

Người ta khó tin cậy vào một con ngựa hơn là chiếc xe. Con ngựa cũng có một loại nhân cách – đôi khi nó cũng nổi cơn tính khí bất thường, có lúc nó không muốn đi theo con đường mà bạn chọn, nó nổi loạn phản kháng lại bạn. Có hôm nó cứ nằm ỳ ra một chỗ không chịu bước đi. Nó cũng có linh hồn; thế nên bạn không thể hoàn toàn tin cậy ở nó. Thế nhưng một chiếc xe thì không có linh hồn. Chỉ là những cơ phận ráp nối vào nhau, nó không hề có một trung tâm chỉ đạo. Nó chỉ việc tuân theo cách thức mà bạn điều khiển. Ngay cả việc bạn muốn nó phóng ra khỏi cái vách núi, nó cũng phóng thôi. Còn con ngựa thì không. Nó sẽ bảo, "Hãy hượm. Nếu bạn muốn tự tử hả, cứ việc –Còn tớ thì không đâu nhá. Bạn cứ việc nhảy đi. Tớ không có nhảy đâu." Thế nhưng chiếc xe sẽ chẳng bao giờ trả lời không, nó không có linh hồn. Nó chẳng bao giờ trả lời có, cũng chẳng bao giờ trả lời không.

Một đôi khi ngay cả cái đầu của một nhà toán học vĩ đại cũng ì ra. Thế nhưng một chiếc máy điện toán thì có thể cần mẫn làm việc suốt hai mươi bốn tiếng một ngày –năm này qua năm nọ- không có vấn đề.

Như vậy, một cổ máy cũng có cá tánh, một cá tánh rất đáng tin cậy. Đó là những gì mà chúng ta đã và đang nỗ lực thực hiện -trước tiên, cố gắng biến

con người thành một cổ máy. Chúng ta đã không thể thành công một trăm phần trăm, thế nên ngày qua ngày chúng ta đã sáng chế ra đủ loại máy móc có khả năng thay thế con người. Và rồi không sớm thì muộn, ở khắp mọi nơi con người sẽ được thay thế bằng máy móc. Máy móc càng ngày sẽ càng làm việc tốt hơn, hiệu quả hơn, tin cậy và nhanh chóng hơn.

Con người thì có tánh khí bất thường, bởi vì con người có linh hồn. Bởi vì có linh hồn, một người chỉ sống hoàn toàn chân thực khi nào không còn mang cá tánh. Nhưng thế nào gọi là "phi cá tánh"? Điều tôi muốn nói là con người hãy buông bỏ quá khứ . Y không thể nào sống trong quá khứ - đó là lý do tại sao ta khó có thể dự đoán y sẽ như thế nào. Y sống trong từng khoảnh khắc, y sống trong hiện tại. Y nhìn ra chung quanh và y sống, y trông thấy chung quanh và y sống, y cảm nhận chung quanh và y sống. Y không hề mang sẵn những định kiến phải sống như thế nào; tất cả chỉ là sự tỉnh thức trong từng giây phút. Cuộc đời y là một dòng chảy liên tục. Hoàn toàn tự phát –đó là điều mà tôi gọi một con người thực sự là phi cá tánh. Y sống một cách tự phát.

Y là người mẫn cảm. Nếu bạn nói với y một điều gì đó, y có ngay câu trả lời phù hợp chứ không hề lập lại một câu nói rập khuôn. Y trả lời ngay cho bạn, cho khoảnh khắc này, cho vấn đề này, cho tình huống này. Câu trả lời không hề được rút ra từ một tình huống đã trải qua. Y trả lời ngay cho bạn, nhìn thẳng vào bạn. Đây không phải là phản ứng mà là đáp ứng; phản ứng luôn bắt nguồn từ quá khứ.

Có một câu chuyện đã xảy ra như thế này: Một vị Thiền sư hỏi môn đệ, "Đâu là bí mật của Đức Phật? Ngài đã trao truyền cho Ma Ha Ca Diếp cái gì khi trao cho ngài cành hoa? Tại sao Phật bảo rằng, 'Ta trao cho Ma Ha Ca Diếp những gì mà ta không thể trao cho bất cứ ai khác -bởi vì những

người khác chỉ có thể hiểu qua lời còn Ma Ha Ca Diếp thì có thể hiểu bằng im lặng'?"

Hôm đó Đức Phật đã xuất hiện với đoá sen trong tay. Tất cả các môn đệ của ngài chăm chú nhìn và rồi họ trở nên lo lắng, càng lúc càng cảm thấy bất ổn hơn. Đức Phật vẫn lặng yên như là đang thể nhập vào đoá hoa. Ngài đang nhìn vào bông sen trên tay… hầu như quên hẳn cả đại chúng.

Từng phút từng giờ trôi qua và đại chúng càng trở nên bồn chồn hơn. Rồi bỗng dưng người ta thấy Ma Ha Ca Diếp mĩm cười. Rồi Đức Phật kêu ngài đến trao cho cành hoa và bảo, "Những gì mà ta có thể trao truyền bằng lời, ta đã trao cho những kẻ khác. Những gì ta không thể trao truyền bằng lời, nay ta trao lại cho ngươi, Ma Ha Ca Diếp. Hãy giữ lấy cho đến khi nào ngươi tìm ra được người nào có thể lãnh hội được thông điệp này không qua lời nói."

Vị Thiền sư liền hỏi chúng môn đệ, "Cái bí mật đó là gì? Tại sao lại được trao truyền qua đoá hoa sen? Cái gì đã xảy ra trong khoảnh khắc đó?"

Một đệ tử của ông ta đứng dậy không nói gì, nhảy múa rồi chạy ra khỏi phòng. Vị Thiền sư liền bảo, "Đích thị. Đúng y như vậy đó."

Thế nhưng tối hôm đó một vị Thiền sư khác cũng cùng chung tu viện đến gặp vị Thiền sư trên và bảo, "Ông không nên đồng ý quá sớm như thế. Sự công nhận của ông là quá vội vàng. Rất đáng nghi."

Thế là vị thiền sư vội chạy đi tìm người đệ tử vừa mới nhảy múa được ông xác nhận là "Đích thị. Đúng như vậy đó." Trong đêm này ông ta gặp y và lập lại câu hỏi một lần nữa, "Đức Phật trao đoá sen cho Ma Ha Ca Diếp

mang ý nghĩa gì? Ma Ha Ca Diếp đã lãnh hội được điều gì khi ông ta mĩm cười? Cái gì thế? Hãy cho ta câu trả lời."

Lần này người đệ tử trẻ lại đứng lên nhảy múa. Vị Thiền sư liền cho y một trận đòn nên thân và quát, "Sai lầm. Hoàn toàn sai lầm." "Thế nhưng mới hồi sáng này Thầy đã cho rằng đúng cơ mà", người đệ tử bào chữa. Vị Thiền sư bảo, "Vâng. Nó đúng vào buổi sáng nhưng nó sai vào buổi tối. Ngươi chỉ biết lập lại một cách ngu xuẩn. Ban sáng ta đã nghĩ rằng đó là đáp ứng. Bây giờ thì ta biết rằng đó chỉ là một phản ứng."

Câu trả lời -nếu là một đáp ứng- phải được thay đổi mỗi lần câu hỏi được nêu lên. Nội dung câu hỏi có thể giống nhau nhưng tình huống đã đổi khác. Đó là khung cảnh của một buổi sáng với mặt trời đang lên, với chim chóc ca hát, và đại chúng, cả ngàn vị tăng đang thiền định -một thế giới hoàn toàn khác biệt. Và vị thiền sư đã nêu lên câu hỏi trong khung cảnh này…

Vâng, câu hỏi có thể giống nhau, lời nói có thể rập khuôn, thế nhưng toàn cảnh đã thay đổi, tổng thể đã thay đổi. Khung cảnh của buổi tối hoàn toàn khác biệt, vị thiền sư đang đứng một mình với người đệ tử trong căn phòng của y. Mặt trời đã lặn, chim chóc không còn ca hát nữa, không có bất cứ ai khác hiện diện ở đó. Người thiền sư bây giờ cũng không còn là người thiền sư ban sáng. Tất cả đã đổi thay. Trong vài giờ qua, giòng sông vẫn không ngừng tuôn chảy, nó đã băng qua những thảo nguyên, đã đi vào những vùng đất mới. Câu hỏi chỉ *hiện bày* giống nhau, thế nhưng người đệ tử vẫn trụ yên một chỗ. Y nghĩ là mình đã có sẵn câu trả lời.

Tuyệt nhiên không, trong thực tại đời sống không hề có sẵn những câu trả lời cho bất cứ ai. Thực tại đời sống đòi hỏi bạn phải luôn đáp ứng. Bạn

không thể mang theo mình những đáp án sẵn có, cố định, rập khuôn trước thực tại cuộc đời. Bạn phải để cho tâm hồn luôn rộng mở. Người đệ tử kia đã sai lầm. Người phi cá tánh như vậy sẽ là người không hề mang sẵn những câu trả lời, không hề có bất cứ triết lý nào, không hề có quan niệm mọi chuyện phải như thế nọ, thế kia. Mặc cho chúng hiện bày như thế nào, y luôn luôn rộng mở. Y là một tấm gương -phản chiếu một cách trung thực.

Bạn có nhìn thấy vấn đề chưa? Khi bạn đứng trước một tấm gương soi, nếu bạn đang giận, tấm gương sẽ phản chiếu khuôn mặt giận dữ của bạn; nếu bạn đang cười, tấm gương sẽ phản chiếu khuôn mặt tươi cười của bạn. Bạn già nua hay trẻ trung tấm gương sẽ phản chiếu trung thực hình ảnh của bạn. Bạn không thể nói với tấm gương, "Hôm qua mi phản chiếu khuôn mặt tươi cười của ta, hôm nay mi lại phản chiếu ta đang buồn rầu, giận dữ. Sao lại thế nhỉ? Mi thật là tiền hậu bất nhất. Mi không hề có cá tánh! Ta sẽ liệng bỏ mi ra khỏi nhà thôi."

Đúng vậy, một tấm gương không hề có cá tánh. Và một con người đích thực cũng giống y như một tấm gương soi.

Thiền không hề phán xét, Thiền không hề đánh giá, Thiền không hề áp đặt cá tánh lên bất cứ ai. Bởi vì khi áp đặt lên ai một cá tánh, bạn cần phải đánh giá -tốt hay xấu. Để áp đặt lên ai một cá tánh bạn phải đặt ra những cái nên và những cái không nên; bạn sẽ đưa ra những điều răn. Để áp đặt cá tánh bạn sẽ phải trở thành một ông Moses –chứ không thể là một Bồ Đề Đạt Ma.

Để áp đặt cá tánh bạn sẽ phải tạo ra nỗi sợ và lòng tham, bằng không, đâu có ai thèm nghe bạn? Bạn sẽ phải là một B. F. Skinner (2) và đối xử với con người như là những con chuột thí nghiệm -huấn luyện chúng, trừng phạt chúng, ban thưởng chúng để buộc chúng phải cư xử theo một khuôn mẫu

nào đó. Đó là những gì mà người ta đã và đang đối xử với bạn. Cha mẹ bạn, nền giáo dục của bạn, xã hội của bạn, nhà nước đã làm như thế.

Thiền thì không, nó bảo rằng: Thôi đủ rồi, hãy rời bỏ cái mê lộ này đi. Hãy buông bỏ cái vô nghĩa này đi để có thể bắt đầu nhìn lại chính mình. Điều này không có nghĩa rằng Thiền sẽ quẳng bạn vào trạng thái hỗn mang. Không, ngược lại là khác. Thay vì cho bạn một cá tánh cùng với cái lương tâm để điều khiển cái cá tánh này, Thiền cho bạn cái ý thức.

Hãy lưu ý và ghi nhớ sự khác biệt này. Tất cả các tôn giáo khác đều mang đến cho bạn cái gọi là lương tâm. Thiền chỉ cho bạn ý thức. Lương tâm luôn lên tiếng, "Cái này tốt, cái kia xấu. Phải làm cái này, đừng làm cái nọ." Đơn giản hơn, ý thức chỉ nói rằng: "Hãy là một tấm gương: Phản chiếu và đáp ứng." Đáp ứng là đúng đắn, phản ứng là sai lầm. Chịu trách nhiệm không có nghĩa là răm rắp tuân theo những quy điều nào đó; chịu trách nhiệm có nghĩa là có đầy đủ khả năng đáp ứng.

Thiền thắp lên ngọn đuốc rực rỡ bên trong bạn. Không phải là một sự áp đặt, nuôi dưỡng từ bên ngoài; nó không hề mang đến cho bạn một chiếc áo giáp, một cơ chế phòng thủ. Nó không cần bận tâm đến cái vỏ ngoài của bạn mà một cách đơn giản, nó đốt lên một ngọn đèn ở trong tâm, trong tận cùng cốt lõi của bạn. Và cái ngọn đèn ấy cứ sáng dần lên… cho đến một ngày toàn bộ nhân cách bạn sáng ngời lên rực rỡ.

Bằng cách nào mà phong cách Thiền, cái lối tiếp cận này sinh khởi ? Nó sinh khởi từ thiền quán. Đây là cao điểm tột cùng của một thiền thức chín mùi. Nếu bạn đi vào thiền quán, dần dần rồi bạn sẽ tỏ ngộ -mọi sự mọi vật đều tốt đẹp, đều hiện hữu qua cách thế của chúng. Là *Chân Như*, như thị, là sinh khởi. Từ đó, khi nhìn một tên trộm, bạn sẽ không còn nghĩ đến việc

nên chuyển hoá y –bạn chỉ đáp ứng một cách đơn giản. Bạn không còn nhìn thấy y như là một kẻ xấu. Một khi bạn không còn ý niệm cho rằng ai đó là xấu xa, độc ác, bạn đang tạo ra một khả năng cho kẻ kia chuyển hoá. Bạn đang chấp nhận y trong cách thế mà y hiện bày. Từ sự chấp nhận này là sự chuyển hoá.

Bạn có thấy điều này cũng đã xảy ra ngay trong đời sống của bạn không? Bất cứ lúc nào ai đó chấp nhận bạn một cách hoàn toàn, vô điều kiện, bạn bắt đầu thay đổi. Sự chấp nhận của y đã tạo cho bạn niềm can đảm đó… Khi có ai đó đơn thuần yêu bạn bất kể bạn là gì, bạn có thấy phép lạ đang xảy ra, rằng có cái gì đó đang thay đổi, khởi sự thay đổi ngay tức thì, nhanh chóng, phải không? Sự chấp nhận rằng bạn được yêu không có điều kiện này –không chờ đợi ở bạn bất cứ điều gì- mang lại cho bạn nhựa sống, để bạn chan hoà với cuộc đời, làm bạn trở nên tự tin, kỳ vọng. Từ đó bạn cảm nhận ra mình đích thực hiện hữu, thấy rằng mình không cần phải hoàn tất những điều mà người ta trông đợi ở mình, rằng bạn có thể là mình, rằng con người nguyên sơ của bạn được tôn trọng.

Ngay cả việc bạn chỉ tìm ra một người duy nhất hoàn toàn tôn trọng bạn - bởi vì tất cả mọi phán xét là bất kính- chấp nhận bạn như nguyên trạng, không hề đặt ra bất cứ một đòi hỏi nào, một người có thể nói với bạn một câu, "Anh (hay em) hãy là anh. Trung thực với chính mình. Tôi yêu anh. Tôi yêu *anh* không phải vì những gì anh đang làm. Tôi yêu anh với cái con người thực, cái tận cùng cốt lõi của anh; Tôi không hề bận tâm đến cái vỏ ngoài của anh, bộ áo quần mà anh đang mặc. Tôi chẳng hề bận tâm đến những gí anh đang có, tôi chỉ quan tâm đến một điều duy nhất –Anh là anh. Và anh quá đổi tuyệt vời"…

Cái đó gọi là tình yêu. Đó là lý do tại sao tình yêu là nhựa sống. Khi bạn tìm được một người phụ nữ (hay đàn ông) đơn thuần yêu bạn –không vì bất cứ một lý lẽ nào, chỉ thuần túy là tình yêu… rồi cái tình yêu này sẽ chuyển hoá bạn. Bỗng dưng bạn trở thành một con người khác như chưa bao giờ. Bỗng dưng nỗi buồn phiền tan biến, và cuộc đời bạn không còn là những chuỗi ngày tẻ nhạt. Bỗng dưng mỗi bước đi biến thành khúc luân vũ, và trái tim bạn là một khúc nhạc rộn rã reo vui. Bạn bắt đầu chuyển hướng - một ân sủng khởi sinh.

Hãy nhìn đi: Bất cứ lúc nào có ai đó yêu bạn, chỉ nguyên cái tình yêu này không cũng đủ rồi. Đủ để sưởi ấm đời bạn, làm cho mọi giá băng tan biến. Trái tim bạn mở ra cuộc đời không còn hờ hững nữa. Bây giờ bạn ngắm hoa, nhìn trời nhiều hơn –ngay cả bầu trời đó như cũng mang thông điệp của tình yêu… bởi vì đã có một cô gái –hay một chàng trai nào đó- nhìn sâu vào mắt bạn, chấp nhận bạn một cách hoàn toàn, không điều kiện.

Thế nhưng câu chuyện tình không dừng lại ở đây vì con người thường xuẩn động. Những ngày trăng mật này không sớm thì muộn cũng sẽ biến mất -một tuần, hai tuần, nhiều lắm là ba tuần. Không sớm thì muộn nàng bắt đầu trông chờ ở bạn phải thế này, chàng trông chờ ở bạn phải thế nọ, "Phải làm cái này. Không được làm cái kia." Một lần nữa bạn lại bị kéo lùi trở lại cuộc đời trần tục, bầu trời không còn là bầu trời hoa mộng cũ. Gánh nặng lại chồng chất lên, tình yêu đã mất dấu. Bây giờ thì nàng quan tâm đến chiếc ví của bạn nhiều hơn. Bây giờ thì chàng chỉ nghĩ nhiều đến cái ăn cái uống. Rồi một ngàn lẻ một thứ chuyện phải lo toan, phải tổ chức gia đình như thế này, phải sắp xếp nhà cửa như thế nọ -không còn nữa sự hòa điệu giữa hai kẻ yêu nhau.

Nếu mối hoà điệu này được giữ bền vững lâu dài thì mọi chuyện đều tốt đẹp. Bạn có thể tiếp tục làm một ngàn lẽ một chuyện, không có vấn đề. Thế nhưng nếu sự hoà điệu kia biến mất; bạn sẽ xem sự hiện hữu của người kia như là chuyện đương nhiên. Chỉ trong vòng ba tuần lễ đó, bạn bắt đầu gán cho nhau đủ thứ. Cái ngày mà sự gán ghép này kết thúc, tuần trăng mật của bạn cũng chấm dứt theo.

Chuyện xảy ra với tình yêu đời thường là như thế, còn đối với một vị thầy tâm linh, khi bạn yêu họ thì sao? Ai sẽ là người thương yêu bạn một cách hoàn toàn, yêu thương bạn vô điều kiện? Tình yêu đó là phương thức trị liệu, có năng lực chữa lành mọi vết thương. Thế nên tôi luôn luôn nhấn mạnh đến hành trì -bởi vì trừ phi bạn là một hành giả, bạn sẽ chẳng bao giờ đến gần tôi đủ để nhận sự yêu thương của tôi. Bạn sẽ vẫn còn ở trong tình trạng lo ngại, bạn sẽ vẫn còn ở trong tư thế phòng thủ. Bạn sẽ còn giữ mải khoảng cách để có thể tháo chạy kịp thời vào một lúc nào đó.

Trừ phi bạn trở thành một hành giả, trừ phi bạn buông bỏ sự phòng thủ, bạn sẽ không thể nào nhận được sự yêu thương của tôi. Và, chỉ khi nào bạn nhận được sự yêu thương của tôi, lúc đó bạn mới có thể bắt đầu thay đổi. Ngoài tình yêu thương này ra bạn không cần đến bất cứ cái gì khác, sự thực là thế. Chỉ có tình yêu thương này là đủ rồi, quá đủ. Đó là một năng lực kỳ diệu phi thường.

Thiền tin tưởng ở yêu thương. Nó không tin vào những quy luật, tín điều. Nó không tin vào bất cứ hình thức kỷ luật nào, nó chỉ tin vào những gì sâu thẳm ở bên trong. Thiền phát xuất từ sự yêu thương, sự tôn trọng, tin cậy. Khi bạn phản chiếu tự soi, bạn bắt đầu tin cậy sự hiện hữu. Hãy nhìn kỹ sự khác biệt này: Khi bạn hỏi một người Cơ Đốc hay Ấn Độ giáo, đối với họ niềm tin phải là một yêu cầu đầu tiên. Họ sẽ bảo, “Tin vào sự hiện hữu –và

rồi bạn sẽ hiểu Thượng Đế là gì." Đối với Thiền, đây không phải là yêu cầu đầu tiên. Thiền bảo rằng: Hãy phản chiếu tự soi. Từ thiền quán, niềm tin sinh khởi, và niềm tin này thánh hoá hiện hữu. *Chân Như* sinh khởi.

Làm thế nào bạn có thể cứ tiếp tục làm công việc lên án khi biết rằng vạn pháp đều là Thượng Đế? Cái được gọi là truyền thống Vệ Đà của Ấn Độ cho rằng, "Tất cả đều là Đại Ngã –Brahman", thế nhưng họ vẫn không ngừng lên án. Họ vẫn tiếp tục gọi bạn là kẻ tội lỗi, gọi người kia là vị thánh, và ông thánh thì sẽ lên thiên đường còn kẻ tội lỗi thì sẽ sa địa ngục. Điều này hầu như hoàn toàn phi lý khi tất cả vạn pháp đều là Thượng Đế. Thế thì làm sao bạn lại là kẻ có tội? Thượng Đế lại là kẻ tội lỗi nằm ở ngay chính trong bạn ư? Làm sao lại có thể tống Thượng Đế xuống địa ngục được?

Thiền cho rằng: Đến một ngày bạn biết rằng tất cả đều thánh thiện, tất cả đều là Thượng Đế. Và người ta không còn dùng danh từ "thượng đế" nữa - bởi vì các tôn giáo khác đã làm băng hoại cái danh từ này quá mức, đã làm hư hỏng, ô nhiễm, đầu độc nó mất rồi. Người ta không dùng từ "thượng đế". Khi bạn phản chiếu tự soi, dần dần bạn sẽ thấy vạn pháp hiện bày theo cách thế của chúng, và rồi bạn bắt đầu tin cậy và tôn trọng tính cách như thị của vạn pháp, từ đó một niềm tin sinh khởi. Niềm tin này là *chân như* –là như thị.

Chân Như đưa đến một cái nhìn về sự tương tức của mọi hiện hữu. Và rồi toàn thể vũ trụ chỉ là một khối, vận hành trong một kết cấu thống nhất. Có một danh từ đặc biệt để nói về khái niệm này, đó là *"jiji muge hokkai":* khi bạn hiểu được rằng toàn thể hiện hữu là một khối đồng nhất –đây là một đơn vũ trụ chứ không phải đa vũ trụ- trong đó vạn pháp được kết nối cùng nhau, những kẻ tội lỗi và những ông thánh đều giống như nhau, là bộ

phận không hề tách rời của cùng một mạng lưới, xấu và tốt cùng đan chồng vào nhau. Giống như bóng tối và ánh sáng, cái chết và sự sống không hề tách lìa nhau, cái tốt và xấu cũng thế.

Vạn pháp đều tương tức. Đó là chiếc lưới Đế châu, một cấu trúc tuyệt vời.

Hãy lắng nghe kinh nghiệm sau đây của Berenson. "Đó là một buổi sáng đầu hè. Một làn sương mờ lấp lánh bạc toả lung linh trên đầu những ngọn chanh. Không khí như mơn man âu yếm. Tôi nhớ lại… lúc đó tôi đang trèo lên một khúc rễ cây và đột nhiên cảm thấy mình như tan hoà vào cái chân như. Tôi đã không gọi nó bằng cái tiếng này; trong trạng thái của tâm lúc đó ngôn ngữ không còn hiện diện, cũng không cả cảm thọ. Không cần thiết để có ngôn từ. Cái như thị của nó và tôi đã là một. Nó có mặt ở đó như một ân sủng, thế thôi."

Chân Như có nghĩa là đạt đến một khoảnh khắc khi bạn đột nhiên nhìn thấy vạn hữu là một, tương liên cùng nhau, hoà điệu trong cùng một khúc luân vũ, một hợp tấu. Và tất cả đều cần thiết như nhau –cái xấu cũng như cái tốt. Ramana (3) cũng cần thiết như Rama. Một mình chúa Giêsu thôi sẽ không trọn vẹn, phải có thêm một Judas. Không có Judas, Chúa Giêsu sẽ không nổi bật lên như thế. Cắt bỏ Judas ra khỏi cuốn Thánh Kinh sẽ là một mất mát lớn lao. Loại bỏ Judas ra thì Chúa Giêsu sẽ đứng ở chỗ nào? Và còn gì là Chúa Giêsu? Judas đã cho một hình ảnh tương phản, tạo ra một cái nền cần thiết. Y trở thành một đám mây đen trong đó Chúa Giêsu nổi bật lên như một làn chớp bạc. Nếu không có đám mây đen này, sẽ không có những làn chớp bạc.

Chúa Giêsu hẳn phải cảm ơn Judas mãi mãi. Và khi Chúa rửa chân cho các môn đệ, sẽ chẳng là một tình cờ khi những bàn chân đầu tiên là của Judas.

Thế rồi khi từ biệt môn đệ trong chuyến đi cuối cùng, Chúa đã ôm, đã hôn Judas mặn nồng hơn bất cứ ai khác. Judas là môn đệ hàng đầu, được thương yêu nhất của Chúa.

Bây giờ, đây là một bí ẩn ở đằng sau bí ẩn. Đã có những đồn đãi qua thời gian trong vòng bí mật rằng tất cả đều chỉ là một sự dàn dựng của Chúa Giêsu. Gurdjieff (4) là người rất mực tin tưởng vào giả thuyết này. Có nghĩa rằng Judas chỉ đơn giản tuân hành theo mệnh lệnh của Chúa Giêsu - để phản bội, để bán đứng ngài cho quân nghịch. Điều này xem ra rất hợp luận lý. Bởi vì cho dù Judas có tệ đến mức nào đi nữa, không lẽ chỉ bán Chúa với ba mươi đồng?... hình như quá nhiều. Mà Judas là người thân cận với Chúa khá lâu, được xem như là một môn đệ thông minh nhất trong nhóm. Ông ta là người có học thức duy nhất, người duy nhất trong số môn đệ có thể được gọi là trí thức. Thật ra về mặt kiến thức, có thể nói rằng ông ta còn uyên bác hơn cả Chúa Giêsu, ông là một học giả uyên thâm bên cạnh Chúa.

Quá nhiều chăng, khi bán Chúa với ba mươi đồng tiền bạc? Không hẳn thế. Và rồi bạn biết điều gì đã xảy ra không? Khi Chúa bị đóng đinh lên thập tự giá, Judas đã tự sát –chỉ ngay ngày hôm sau. Những người Cơ Đốc đã không đề cập nhiều đến chuyện này, thế nhưng đây là điều cần phải được nói lên. Tại sao y lại tự sát? Bởi vì y là người làm công việc kết thúc bài bản –bây giờ đã đến lúc y nên bước theo chân của vị tôn sư mình. Làm sao bạn có thể tin được rằng một người bán Chúa với ba mươi đồng bạc lại bị mặc cảm tội lỗi dày vò đến độ phải tự sát? Không bao giờ. Tại sao y lại phải băn khuăn chuyện này chứ? Không, y chỉ đơn thuần tuân hành theo mệnh lệnh của Chúa. Y không thể chối từ -đó là một phần của sự tuân phục. Y đã phải chấp hành.

Nếu một ngày nào đó tôi bảo bạn rằng, "Hãy giết tôi", bạn phải chấp hành ngay. Điều đó gọi là sự tuân phục. Bạn không thể trả lời "Không" với vị tôn sư của mình.

Đây chỉ là một sự dàn dựng. Điều này không phải là không có lý do: Chỉ thông qua sự đóng đinh lên thập tự giá thì thông điệp của Chúa mới có thể tồn tại trên thế giới này. Sẽ không bao giờ có Cơ Đốc giáo nếu không có sự đóng đinh này. Đó là lý do tại sao tôi gọi đạo Cơ Đốc là "thập tự giáo"-*crossianity*. Đây không phải là Cơ Đốc-*Christianity*. Bởi vì nếu chỉ có Chúa Giêsu –*Christ*- không thôi thì sẽ chẳng có gì xảy ra, phải cần có một cây thập tự giá.

Khi bạn thấy được sự tương tức tương liên của vạn pháp, thì lúc đó Judas cũng trở thành bộ phận của một cuộc chơi có Chúa ở trong. Lúc đó thì cái xấu cũng chỉ là một thành phần của cái tốt. Lúc đó thì Quỷ Sứ cũng chẳng ai khác hơn là một thiên thần của Thượng Đế -tôi không gọi y là một thiên thần bị đọa đâu nhé! Mà có thể y đã được Thượng Đế phái đến thế giới này trong một sứ mệnh lớn lao -biết đâu y lại chẳng là môn đệ tín cẩn nhất của Thượng Đế.

Cái danh từ "ma quỷ" –*devil*- phát xuất từ danh từ "thánh thiện" –*divine*. Đó là một biểu thị khá rõ. Vâng, Quỷ Sứ cũng đồng thời thánh thiện.

Sasaki kể rằng: Một lần sư phụ của tôi đề cập cái chuyện này với tôi, về cái *chân như* này, ông bảo, "Này Sasaki hãy suy nghĩ đi. Ngươi cho rằng mình là một cá thể độc lập, một ốc đảo. Nhưng thật ra đâu phải thế. Nếu không có cha ngươi, mẹ ngươi thì làm gì có ngươi. Nếu không có ông bà ngươi thì làm gì có cha mẹ ngươi và có ngươi."

Cứ thế mà tiếp tục -bạn có thể đi cho đến tận uyên nguyên đầu nguồn. Bạn có thể tiếp tục đi ngược trở lại mãi, và rồi bạn sẽ thấy rằng bất cứ cái gì đã xảy ra tạo nên sự hiện hữu của bạn hôm nay, đã phải xảy ra như thế để bạn có mặt. Bằng không thì chắc chắn là đã không có bạn. Tất cả đã được nối kết nhau chặt chẽ như thế, tương tức và tương tục. Bạn chỉ là một bộ phận cực nhỏ trong cái chuỗi dài bất tận này. Tất cả cái đang là có mặt ở trong bạn, tất cả cái đã qua có mặt ở trong bạn. Ở khoảnh khắc này đây, bạn là tụ đỉnh của ngàn muôn năm trước. Trong bạn có mặt của toàn bộ quá khứ. Nhưng không phải chỉ có thế thôi đâu. Từ bạn sẽ sinh ra con cái bạn. Rồi cháu chắt… và cứ tiếp tục như thế mãi.

Từ những hành động của bạn sẽ đẻ ra những hậu quả, và từ những hậu quả này sẽ sinh ra những hậu quả khác, và từ những hậu quả khác này sẽ lại sinh ra những hành động. Rồi bạn sẽ biến mất trên cõi đời này, thế nhưng bất cứ điều gì bạn làm sẽ vẫn còn tiếp tục. Nó sẽ có những phản ứng dội lại, qua bao thời đại, cho đến điểm rốt ráo tận cùng.

Thế là tất cả quá khứ đều có mặt ở trong bạn, và tất cả tương lai cũng thế. Ở khoảnh khắc này đây quá khứ và tương lai gặp gỡ nhau ở trong bạn, không hề có điểm tận cùng –*ad infinitum*, ở cả hai hướng. Muôn xưa và muôn sau. Trong bạn chất chứa hạt giống từ đó tương lai sinh khởi, cũng hoàn toàn giống như bạn ở khoảnh khắc này đây là toàn bộ của quá khứ hiện bày. Thế nên bạn cũng là toàn bộ của tương lai. Khoảnh khắc này là tất cả, bạn là tất cả. Bởi vì toàn bộ có mặt ở trong bạn, sinh mệnh của cái toàn bộ này cũng đang ở tình trạng bị đe dọa. Cái toàn bộ này đang đi đan chéo qua bạn.

Khi bạn chạm tay vào một cọng cỏ, bạn đang chạm vào tất cả muôn vàn tinh tú, sơn hà đại địa. Bởi vì tất cả cái này đều có mặt trong tất cả cái khác,

tất cả cái này đều ở trong tất cả các cái khác. Thiền gọi sự có mặt của cái toàn thể ẩn chứa trong từng bộ phận của nó là *jiji muge hokkai*.

"Điều này được minh hoạ bởi ý niệm về một chiếc lưới vũ trụ. Chiếc lưới này được gọi là "Lưới Đế Châu", một chiếc lưới trải rộng ra khắp toàn vũ trụ, với chiều đứng là thời gian, và chiều ngang là không gian. Ở tại mỗi điểm mà một sợi chỉ lưới xuyên qua một sợi khác là một hạt châu, biểu trưng cho một cá thể riêng biệt. Trên mình của mỗi hạt châu này không những chỉ phản chiếu lấp lánh những hạt châu khác ở trên chiếc lưới mà là tất cả những phản chiếu của tất cả những phản chiếu khác của từng hạt châu khác chiếu dọi trên từng hạt châu một."

Tất cả những phản chiếu vô cùng vô tận này gọi là *jiji muge hokkai*.

Khi Đức Phật Cồ Đàm cầm một chiếc hoa sen đơn độc ở trong tay, ngài đã trình bày cho thấy cái *jiji muge hokkai* này. Và Ma Ha Ca Diếp đã lãnh hội được. Đây là cái thông điệp -rằng trong cái hoa sen nhỏ bé này tất cả đều có mặt: toàn bộ quá khứ, toàn bộ tương lai, tất cả mọi chiều kích đều hiện hữu. Trong cái hoa sen nhỏ bé này, tất cả những cái đã và đang nở hoa cùng tất cả những cái khác sẽ nở hoa vào một ngày nào đó đều được chứa đựng trong cánh sen này. Ma Ha Ca Diếp đã mĩm cười vì ông đã lãnh hội thông điệp: *jiji muge hokkai*. Đó là lý do tại sao Đức Phật đã trao cành hoa cho Ma Ha Ca Diếp như là một mật truyền tâm ấn.

Thế nên người Phật tử luôn từ bi với muôn loài, tri ân và tôn trọng muôn loài -bởi vì tất cả vạn pháp đều có mặt trong từng mỗi cá thể.

Bây giờ chúng ta trở lại với câu chuyện.

> *Một hôm, khi sư Shichiri Kojun đang thực hành công phu tối, một tên cướp với chiếc gươm bén đột nhập vào phòng đòi ông phải đưa tiền nếu không sẽ mất mạng.*
> *Vị thiền sư bảo y: "Đừng có làm rộn ta. Tiền ở trong cái ngăn tủ đó." Xong ông bắt đầu tụng kinh tiếp.*

Không lên án, không phán xét. Đơn thuần chấp nhận –như một cơn gió nhẹ thoáng qua chứ không phải là một tên cướp. Không cả một thay đổi nhỏ trong mắt nhìn –như là một người bạn chợt đến viếng thăm chứ không phải là tên cướp. Không có bất cứ một thay đổi nào trong thái độ. Ông bảo, *"Đừng có làm rộn ta. Tiền ở trong cái ngăn tủ đó*. Bộ không thấy ta đang tụng kinh hả? Tối thiểu ngươi cũng nên tỏ ra tôn trọng, không làm rộn một người đang đọc kinh với ba cái chuyện tiền nong tục tỉu đó chứ. Ngươi hãy tự mình đi kiếm lấy! Đừng có làm rộn ta."

Bây giờ hãy để ý điểm này: Vị Thiền sư không chống lại tên cướp vì việc y đến trộm tiền. Ông ta không chống lại tên cướp vì y chỉ biết chạy theo tiền, ám ảnh bởi tiền –không phải thế, không hề như vậy. Chỉ là một đơn thuần chấp nhận: đây là cách thế mà y hiện hữu. Đây là cách thế mà y phải có mặt, Ai mà biết được? Thế thì tại sao tôi lại phải lên án? Mà tôi là ai? Nếu y biết điều một chút thì đừng làm rộn tôi, thế là đủ rồi, quá đủ là khác khi trông chờ ở một kẻ khác. Đừng có làm rộn tôi nhé.

> *Một lát, ông bỗng ngưng đọc kinh và bảo tên cướp: "Này, đừng có lấy hết nghe. Chừa lại một ít để ta còn phải đóng thuế ngày mai nữa đó."*

Bạn dể ý đến cái trọng điểm -rất thân hữu. Không có một chút gì thù hằn ở trong đó. Và bởi vì không có thù hằn, cũng sẽ không có sợ hãi. Bởi vì không có sự lên án, và với một niềm tôn trọng sâu sắc như thế, vị thiền sư có thể tin rằng tên cướp sẽ bỏ đi sau khi lấy xong tiền. Khi bạn bố thí cho ai với tất cả tấm lòng, bạn có thể tin –cho dù ngay cả một tên tồi tệ nhất, tối thiểu cũng sẽ tôn trọng những gì mà bạn tỏ ra tôn trọng y. Y sẽ tôn trọng. Bạn có thể tin chuyện đó. Khi bạn tin cậy ai, khi bạn không phán xét, lên án ai, bạn có thể tin rằng rồi người đó sẽ tin cậy bạn. Vị Thiền sư chỉ đơn giản bảo:

> *"Này, đừng có lấy hết nghe. Chừa lại một ít để ta còn phải đóng thuế ngày mai nữa đó."*
> *Tên cướp gom gần hết số tiền và sắp sửa tẩu thoát. "Này, ai tặng cho mình cái gì thì phải biết cảm ơn người đó chớ…"*

Bây giờ, hãy quan sát cái lòng từ bi của vị thiền sư. Ông ta không xem đó là chuyện cướp giật; ông bảo tên cướp, "*Này, ai tặng cho mình cái gì thì phải biết cảm ơn người đó chớ.*" Ông ta đang chuyển hoá y; thị kiến của ông hoàn toàn khác biệt với thế nhân. Ông không muốn y mang mặc cảm tội lỗi; lòng từ bi của ông thật là vô lượng. Nếu không sau này tên cướp sẽ bắt đầu cảm thấy mình có tội. Mà y sắp sửa cảm thấy mình tội lỗi thật –ai lại đi cướp giật một ông sư nghèo, một tên ăn mày khốn khó mà ngay tự bản chất chẳng hề có chút gì tài sản cho riêng mình. Cướp giật một người đang sẵn lòng bố thí, đang chấp nhận bạn một cách hoàn toàn -chắc chắn y sẽ cảm thấy tội lỗi, chắc chắn y sẽ bắt đầu cảm thấy hối hận. Có thể y sẽ mất ngủ tối nay. Có thể y sẽ trở lại vào sáng hôm sau để xin được tha thứ.

Không, không thể như vậy được. Thiền không bao giờ muốn tạo ra mặc cảm phạm tội cho bất cứ tình huống nào. Đó là tất cả những gì độc đáo của

Thiền, một tôn giáo mà không hề dựng lên cái ám ảnh về tội lỗi. Trên căn bản tội phước, người ta dễ dàng xây dựng lên một tôn giáo, đó là điều mà các tôn giáo khác thường làm. Thế nhưng khi bạn tạo ra tội, bạn đã tạo ra một cái gì đó còn tệ hại hơn là chuyện giải tội. Thiền không hề tạo ra bất cứ ý niệm nào về tội phước, luôn luôn cẩn trọng để không gây cho ai cái mặc cảm phạm tội.

Bây giờ vị Thiền sư bảo tiếp, *"Này, ai tặng cho mình cái gì thì phải biết cảm ơn người đó chớ"*. 'Đây là một quà tặng! Ngươi hiểu rõ chuyện này không đấy? Ta đang tặng cho ngươi –không phải ngươi cướp giật của ta đâu nhé'. Có một mảy may khác biệt nào đâu! Hoàn toàn giống nhau thôi.

Đây là điều Thiền gọi bằng hai tiếng bố thí –thay vì để nó không bị tước ra khỏi tay bạn. Và đây là cái nhìn tổng thể về đời sống. Trước khi thần chết đến gần hãy cho đi tất cả để thần chết không mang mặc cảm tội lỗi. Hãy hiến tặng cuộc đời bạn cho thần chết như một món quà. Đó là tinh thần buông bỏ của Thiền. Nó hoàn toàn khác xa với Ân Độ giáo hay Thiên Chúa Giáo -họ cho là để nhận lại một cái gì. Với Thiền, cho là để không tạo ra cái ý niệm phạm tội ở bất cứ nơi đâu trên trái đất này; không hề có tội lỗi được để lại đằng sau.

> *"Này, ai tặng cho mình cái gì thì phải biết cảm ơn người đó chớ," Shichiri nói thêm. Tên cướp lí nhí cảm ơn rồi lỉnh mất.*
> *Vài hôm sau thì tên cướp bị bắt và thú nhận tất cả tội lỗi, trong số nạn nhân dĩ nhiên có cả sư Shichiri. Khi sư được gọi đến như một nhân chứng, ông bảo: "Đối với tôi thì người này không phải là kẻ cướp. Tôi tặng y tiền và y còn biết nói lời cảm ơn tôi".*

Bạn có thấy điểm chính yếu này không? Rất mực tôn trọng! Một sự tôn trọng vô điều kiện đối với một con người -một tên cướp!

Nếu cái ông Shichiri này là một ông thánh Cơ Đốc, hẳn là ông ta sẽ dọa dẫm y rằng, ngươi dọn mình đi để nhận lãnh cực hình tại địa ngục -địa ngục đời đời đấy nhé. Còn nếu ông ta là một vị thánh Ấn Độ giáo, hẳn là ông ta sẽ thuyết giảng cho y một bài luân lý dài về điều răn không được trộm cắp, sẽ hăm dọa rằng rồi y sẽ bị tống vào hoả ngục. Chưa hết, ông ta sẽ còn vẽ ra một bức tranh kinh hoàng về địa ngục, dạy thêm cho y một bài học nữa về sự vô dụng của tiền bạc thế gian.

Hãy nhìn kỹ điểm này: Vị Thiền sư không hề giảng thuyết bất cứ điều gì về sự vô dụng của tiền bạc. Thay vào đó, ông đã nói một câu rất thực tế đời thường, "Này, hãy để lại cho ta một ít; sáng mai ta cần dùng đấy."

Dĩ nhiên tiền bạc đều có chủ đích. Ta không cần phải bị ám ảnh bởi nó, cách này hay cách khác, chạy theo hay chống lại. Tiền bạc chỉ là phương tiện. Bạn không phải chỉ sống vì tiền, nhưng bạn cũng không cần phải lên án. Nó chỉ là phương tiện. Đó là lý do tại sao thái độ của tôi đối với tiền bạc là: Nó cần phải được sử dụng. Nó thuần túy chỉ là công cụ.

Trong cái thế giới tôn giáo, tiền bạc thường bị lên án -người đạo hạnh tín ngưỡng thường tỏ ra sợ hãi chuyện tiền bạc. Nỗi sợ này chẳng là gì cả ngoài lòng tham đứng lộn đầu. Cũng cùng lòng tham đó nay biến thành nỗi sợ.

Nếu bạn đi đến Acharya Vinoba Bhave (5) với tiền bạc trong tay, ông ta sẽ nhắm đôi mắt lại. Ông ta nhắm mắt vì không muốn nhìn thấy tiền. Sao lại sợ hãi tiền bạc đến vậy nhỉ? Sao bạn nhắm đôi mắt lại? Chưa hết đâu, ông

ta sẽ còn tiếp tục bảo bạn rằng tiền bạc là thứ dơ dáy bẩn thỉu -thế nhưng ông ta chẳng hề nhắm mắt lại khi thấy điều dơ dáy. Thật là chuyện hết sức phi lý. Mà thật ra, nếu tiền bạc là thứ bẩn thỉu dơ dáy, có lẽ ông ta nên phải nhắm mắt suốt hai mươi bốn tiếng trong ngày bởi vì ở đâu lại chẳng có chuyện dơ dáy. Tiền bạc dơ dáy bẩn thỉu quá chăng? Thế thì tại sao lại sợ hãi cái dơ dáy? Nỗi sợ đó là gì?

Thiền có một phương cách tiếp cận hoàn toàn khác biệt tự căn bản. Một vị thầy không hề cho rằng tiền bạc là thứ dơ dáy và rồi bạn không nên nhìn vào túi tiền của kẻ khác. Nó phải làm gì với người đời đây? Tiền bạc không là của ai cả. Thế nên khi bảo một người nào đó rằng, "Mi là tên trộm cướp", có nghĩa là bạn tin vào chuyện tài sản riêng tư, rằng người này có được một cách hợp pháp còn kẻ kia thì không, người này có quyền sở hữu nó, kẻ kia không có quyền.

Trộm cắp bị lên án là do bởi đầu óc của những anh tư bản trên thế gian này; nó là một phần của đầu óc tư bản. Đầu óc tư bản cho rằng tiền bạc thuộc về một cá nhân nào đó –nó luôn luôn có một sở hữu chủ hợp pháp, không ai được quyền lấy đi.

Thế nhưng Thiền lại cho rằng không có cái gì thuộc về ai cả, không ai là sở hữu chủ hợp pháp cái gì cả. Bạn làm chủ cái thế giới này như thế nào đây? Bạn đi vào cuộc đời này với hai bàn tay trắng và ra đi cũng với hai bàn tay trắng -bạn không thể làm chủ được nó. Không ai có thể làm chủ được nó; chúng ta chỉ sử dụng nó mà thôi. Và tất cả chúng ta ở đây cùng sử dụng nó. Cái thông điệp đó biểu lộ trong câu nói: "Cứ lấy tiền đi! Nhưng hãy để lại cho ta một ít. Ta cũng có việc cần dùng nó, như ngươi vậy."

Một thái độ rất mực thực dụng, rất mực thực nghiệm! Đồng thời cũng phản ảnh tinh thần không nô lệ vào tiền bạc! Và ngay tại tòa án, sư Shichiri bảo: *"Đây không phải là tên trộm…"*, ông ta đã biến y thành một người bạn. Ông lại tiếp, "… *Tối thiểu theo như hiểu biết của tôi.* Tôi không biết gì cả về tha nhân –làm sao mà tôi có thể biết những người không phải là tôi? Điều thực sự mà tôi biết là: *Tôi đã tặng y tiền và y còn biết nói lời cảm ơn tôi.* Chấm hết, những sổ sách đời đã đóng lại. Y chẳng còn nợ nần gì tôi nữa. Y đã cám ơn tôi chuyện này –đâu có ai có thể làm gì khác hơn?"

Sau khi ở tù ra, tên cướp tìm đến sư Shichiri và xin ông xuống tóc thu nhận làm đệ tử.

Bạn có thể làm điều gì khác hơn với một người như cái ông Shichiri này? Bạn sẽ phải trở thành một môn đệ của ông ta mà thôi. Ông ta đã cải biến một tên đạo tặc thành một hành giả. Như một nhà luyện kim, ông ta không bao giờ để mất một cơ hội nào. Bất cứ lúc nào có cơ hội, ông ta đều chộp lấy –ngay cả tên trộm đạo một lần đến viếng vị thiền sư, anh ta sẽ trở lại để trở thành một hành giả.

Tiếp xúc với một vị Thầy cũng đồng nghĩa với mình được chuyển hoá. Có thể là bạn đến vì một lý do nào khác, mục đích chẳng phải là để thăm viếng vị thiền sư –tên đạo tặc đâu có phải tìm đến để thăm viếng ông Thầy đâu. Ngay cả việc dù biết rằng trong cái thảo am này có một vị Thiền sư đang trú ngụ, y cũng chẳng cần phải bận tâm một chút nào cả. Y đến đó chỉ vì tiền; y đã rơi tỏm vào vị Thiền sư này một cách tình cờ. Thế nhưng nếu do một tình cờ nào đó mà bạn gặp Đức Phật, rồi bạn cũng sẽ thay đổi hoàn toàn thôi. Bạn sẽ không bao giờ còn là con người cũ nữa.

Rất nhiều người đã có mặt ở đây như một tình cờ. Bạn đã không hề tìm tôi, kiếm tôi, thế nhưng do một ngàn lẻ một sự tình cờ nào đó, bạn đã đến đây. Nhưng khi đã đến đây bạn cũng rất khó để rời đi.

Một vị Thầy không hề giảng đạo, ông ta không bao giờ bảo ai phải nên làm cái nọ cái kia. Tổ Bồ Đề Đạt Ma đã từng nói, "Thiền không có gì để nói ra, nhưng lại có rất nhiều để biểu lộ". Thiền sư Shichiri đã khai ngộ cho tên đạo tặc này. Ông ta đã thay đổi y hoàn toàn với cái kỹ năng thiện xảo của mình. Ông ta phải là một nhà phẫu thuật tài ba –đã thực hiện một cuộc giải phẩu ngay trên trái tim của tên cướp … không hề gây một tiếng động. Ông ta đã hủy diệt y toàn diện và tái tạo y thành một con người mới hoàn toàn mà ngay cả y cũng không hề nhận ra. Đó là phép lạ của một bậc Thầy.

Có một câu ở đâu đó trong một bộ kinh về Thiền: "Người hiểu đạo không hề loại bỏ lỗi lầm". Khi đọc ngang qua câu này, trái tim tôi như nhảy múa reo vui. Hãy lập lại câu kinh này cho nó thấm sâu vài tận cùng tâm hồn bạn: Người hiểu đạo không hề loại bỏ lỗi lầm.

Một vị Thiền sư khác khi nói về cuốn kinh đã chú giải thêm: "Không cần phải ưu tiên đi tìm kiếm chân lý bởi vì nó hiện bày khắp nơi, ngay cả trong lỗi lầm. Thế nên ai loại bỏ lầm lỗi cũng có nghĩa là loại bỏ chân lý."

Thật là những con người vĩ đại! Ai loại bỏ lầm lỗi là loại bỏ chân lý. Bạn có thấy sự tuyệt vời của câu nói này không? Có thấy được quan điểm tiến bộ, cách mạng của nó không? Thiền sư Shichiri không loại bỏ người đàn ông kia chỉ vì y là một tên cướp, vì những lỗi lầm mà y đang phạm -bởi vì đằng sau lầm lỗi đó là hiện hữu của thánh thiện, của thượng đế. Loại bỏ lỗi lầm thì cũng chính là loại bỏ thượng đế. Loại bỏ lỗi lầm cũng có nghĩa là bạn loại bỏ chân lý được ẩn dấu ở đằng sau.

Ông ta chấp nhận lỗi lầm tức là để chấp nhận chân lý. Một khi chân lý hiện khởi, được chấp nhận, quảng bá ra, lỗi lầm tự nó sẽ tan biến. Bạn không cần phải đánh nhau với bóng tối –đó là ý nghĩa của bức thông điệp. Rất đơn giản, bạn chỉ việc thắp lên một ngọn đèn. Thắp lên một ngọn đèn chứ không cần phải đánh nhau với bóng tối. Vị Thiền sư đã thắp lên một ngọn đèn ở tận bên trong tên cướp.

Có một câu truyện giống y như câu truyện trên, nhưng mang chất Thiền hơn, về một vị Thiền sư khác -nội dung gần giống nhau nhưng thấm đẫm Thiền vị hơn.

Một đêm kia khi Thiền sư Taigan đang ngồi viết thư thì một tên cướp đột nhập vào phòng ông với một chiếc gươm trần lớn sắc bén trên tay. Nhìn thẳng vào y, vị Thiền sư hỏi: "Nhà ngươi muốn gì - tiền hay là mạng ta?"

Bây giờ thì câu truyện có màu sắc Thiền hơn –sư Taigan đã không hề để cho tên cướp có được một cơ hội bày tỏ ý định của y. Thiền sư Shichiri thì còn cho y cơ hội để nói lên điều yêu cầu: Một tên cướp với chiếc gươm bén đột nhập vào phòng *đòi ông phải đưa tiền nếu không sẽ mất mạng.* Taigan thì đã cải thiện tình huống ngay từ đầu. Có thể là sư đã rút ra được từ câu truyện của Shichiri -mà chắc hẳn là sư đã đọc qua. Sư đã không cho tên cướp một cơ hội nào. Ông bảo ngay tên cướp, "Nhà ngươi muốn gì - tiền hay là mạng ta? Cả hai đều không thành vấn đề - bất cứ ngươi muốn cái gì, ngươi cứ việc thực hiện. Ngươi có quyền lựa chọn."

"Tiền!", tên cướp trả lời với một thoáng sợ hãi.

Cái tên cướp này –có lẽ trong đời chưa hề trông thấy một con khủng long như thế- khi thấy Taigan thản nhiên, 'Nhà ngươi muốn gì - tiền hay là mạng của ta?" Thì ta sẵn sàng để cho mà: "Ngươi có quyền chọn lựa." Không lên án, không một chút gì đại loại như thế. Ngay cả việc nếu y muốn tước đi mạng sống của sư, thì cứ việc –Taigan cũng cho luôn chẳng chút bận tâm.

Tất cả rồi cũng sẽ bị tước ra khỏi tay bạn, tốt nhất là hãy cho đi. Hôm nay hay ngày mai, ngay cả đời sống của bạn cũng tan biến đi -thế thì tại sao phải lo lắng vì nó? Thần chết đang gỏ cửa đời: hãy cho tên cướp này một niềm vui…

"Tiền!", tên cướp trả lời với một thoáng sợ hãi. Vị Thiền sư móc túi lấy chiếc ví trao cho y: "Đây này, lấy đi!", rồi tiếp tục trở lại bàn viết nốt bức thư dở dang như không hề có chuyện gì xảy ra.
Tên cướp rời khỏi phòng cảm thấy bất ổn, nếu không nói là kinh hoàng. "Này bạn! Hãy hượm!" vị Thiền sư chợt kêu lên. Tên cướp ngoái lại, một thoáng rùng mình. "Này, khép lại dùm ta cánh cửa," vị Thiền sư bảo.

Vài hôm sau thì tên cướp bị bắt và thú nhận với cảnh sát, "Tôi hành nghề cướp bóc này lâu lắm rồi, nhưng chưa có lần nào cảm thấy kinh khủng khi nghe vị Thiền sư Phật giáo gọi giật tôi lại, "Này bạn! Hãy hượm!" Cái ông này mới cực kỳ nguy hiểm, tôi không thể nào quên ông ta cho được. Và cái ngày mà tôi được phóng thích khỏi nhà tù, tôi sẽ đi kiếm ông ấy. Trong đời tôi chưa bao giờ bắt gặp một người như thế -phẩm chất tuyệt vời! Tôi đang cầm một chiếc gươm bén trong tay, thế nhưng chẳng là gí cả đối với ông ta. Ông ấy mới thực là một chiếc gươm bén."

Chỉ với một vài tiếng -"Này bạn! Hãy hượm!" – và tên cướp thú nhận, "Tôi vẫn còn run."

Khi bạn đến gần một vị Thầy, ông ta sẽ là người giết bạn. Làm thế nào mà bạn lại có thể giết ông ta được? Cho dù bạn mang một lưỡi gươm trần sắc bén ở trong tay, bạn cũng không thể nào giết được một vị Thiền sư.

Vị Thiền sư sẽ là người giết bạn. Và ông ta sẽ giết bạn một cách hết sức vi tế khiến bạn không thể nào nhận ra là mình đã bị giết chết. Bạn chỉ nhận ra khi được tái sanh. Bỗng nhiên một hôm nào đó bạn thấy mình không còn là con người cũ nữa. Bỗng nhiên một hôm nào đó con người già cỗi của bạn biến mất. Một hôm nào đó tất cả đều trở nên trẻ trung và mới tinh khôi – chim chóc lại bắt đầu ca hát và những lộc non đâm chồi trong cây đời bạn. Giòng sông tù đọng bao lâu nay bắt đầu tuôn chảy trở lại, bạn đang băng băng tuôn mình ra biển cả.

Một câu chuyện khác.

Một vị Thiền sư đã bị tống giam vào tù rất nhiều lần… Bây giờ thí câu chuyện đi một bước xa hơn! Người ta thây những ông Thiền sư thường là những người lập dị, có khi khùng khùng hay dở hơi –tuy nhiên họ lại làm những chuyện tuyệt vời.

Một vị Thiền sư đã bị tống giam vào tù rất nhiều lần… Đây không phải là chuyện tha thứ một tên trộm hay là chuyện một ông sư hổ mang mà là chuyện của một người tự động vào tù. Không phải một lần mà là rất nhiều lần -về tội ăn cắp vặt những người hàng xóm. Những người láng giềng chung quanh chùa đều biết rõ chuyện này và quả tình họ rất bối rối: Tại

sao ông thầy này lại đi ăn cắp, mà chỉ toàn ăn cắp vặt? Và cứ mỗi lần được thả ra, ông ta lại đi ăn cắp và rồi bị tống vào tù trở lại. Đến độ những ông quan toà cũng cảm thấy lo lắng. Thế nhưng họ buộc phải tống ông vào khám vì lần nào ông cũng thú nhận tội lỗi. Không bao giờ ông ta trả lời: "Tôi chẳng hề ăn cắp".

Cuối cùng tất cả láng giềng đã phải nhóm họp lại và đặt vấn đề với ông, "Bạch Thầy, Đừng có đi ăn cắp nữa. Thầy càng ngày càng già rồi và chúng tôi sẵn sàng chu cấp, cúng dường cho Thầy tất cả những gì mà Thầy cần đến -tất cả những gì cần thiết, bất cứ cái gì. Làm ơn đừng có ăn cắp nữa! Chúng tôi rât đổi lo lắng, và rất buồn. Tại sao Thầy lại cứ tiếp tục làm cái chuyện này mãi thế?

Vị sư già liền cả cười, "Tôi đi ăn cắp là vì muốn được tiếp cận với những tù nhân ở trong khám, đem thông điệp tâm linh đến với tâm hồn họ. Ai là người sẽ giúp họ đây? Ở ngoài này, qúy vị thiếu gì những ông thầy. Nhưng ở trong khám kia chẳng có bóng dáng một ông thầy nào cả. Ai là người giúp đỡ họ, làm ơn cho tôi biết? Đây là phương cách duy nhất mà tôi có thể vào được trong tù để giúp đỡ họ. Thế nên khi hạn tù của tôi chấm dứt và tôi bị tống ra ngoài, tôi đã phải ăn cắp cái gì đó để được nhốt vào tù trở lại. Tôi sẽ tiếp tục công chuyện này. Và tôi đã tìm thấy biết bao nhiêu tâm hồn đẹp đẽ ở trong tù, những tâm hồn trong trắng vô tội -nhiều khi rất mực hồn nhiên…"

Có một lần, một người bạn của tôi trở thành thống đốc của một tiểu bang tại Ấn Độ và ông ta đã cho phép tôi vào thăm viếng các nhà tù trong địa phận của ông. Tôi đã lui tới các khám đường này trong nhiều năm và quả tình tôi rất đổi ngạc nhiên. Những người ở trong những trại tù này còn

trong trắng hồn nhiên hơn cả những chính khách tại Tân Đề Li, hơn cả những kẻ giàu có trưởng giả, hơn cả những người được tôn xưng là những ông thánh.

Tôi biết hầu hết những vị thánh ở trên đất nước này. Họ còn quỷ quyệt hơn. Tôi đã tìm thấy những linh hồn trong trắng trong những phạm nhân này. Bây giờ thì tôi có thể hiểu được cái ý tưởng của vị Thiền sư già kia –ăn cắp, để bị bắt, để mang đến cho họ những thông điệp tâm linh. "Tôi ăn cắp là vì muốn được tiếp cận với những tù nhân ở trong khám, đem thông điệp của tâm linh đến với tâm hồn họ."

Thiền không hề có một hệ thống giá trị. Thiền chỉ mang đến cho thế giới này một điều duy nhất: hiểu biết và tỉnh thức. Sự hồn nhiên đến từ tỉnh thức. Và hồn nhiên là hồn nhiên với cả cái xấu và cái tốt, cả hai. Hồn nhiên là hồn nhiên một cách đơn giản –nó không biết đến một sự phân biệt nào.

Và đây là câu chuyện cuối cùng, câu chuyện về Ryokan -vị Thiền sư mà tôi đã từng có dịp nói đến trước đây, người đã đốt cái mái nhà để cứu một mụt măng. Ryokan là một vị Thiền sư rất mực yêu mến trẻ con. Như điều mà người ta chờ đợi ở cá tánh của vị Thiền sư này, bản thân của ông ta cũng chẳng khác gì một đứa trẻ. Ông ta là hình ảnh của đứa trẻ mà Chúa Giêsu đã từng nói đến. Ông ta rất mực hồn nhiên, đến độ khó mà tin rằng có một người lại hồn nhiên như thế. Ông ta không giảo quyệt, không khôn vặt. Ông ta hồn nhiên đến mức mà người ta tưởng rằng ông là một tên khùng.

Ông rất thích chơi đùa với trẻ con. Từ trò chơi trốn tìm, đến tamari, và cả đá cầu. Một buổi chiều đến phiên ông ta làm kẻ đi trốn, và ông ta chui vào

trốn kỹ trong một đống rơm ở ngoài đồng. Trời càng lúc càng tối dần và đám trẻ sau khi không tìm thấy ông ta liền đi về nhà.

Mờ sáng hôm sau, một nông phu ra đồng để dời đống rơm đi. Trông thấy Ryokan đang nằm ở trong đó, y thảng thốt kêu lên, "Trời đất ơi, cái ông Ryokan này! Ông đang làm gì ở trong đó vậy?!"

Vị Thiền sư liền ra dấu, "Suỵt, Đừng có la lớn mà bọn trẻ nó nghe thấy và kiếm ra ta bây giờ."

Thế là suốt cả đêm ông ta đã trốn trong đống rơm kia để chờ bọn trẻ đi kiếm! Cái hồn nhiên đó chính là Thiền. Cái hồn nhiên đó là thánh thiện. Cái hồn nhiên như thế không hề biết phân biệt giữa tốt và xấu, không hề biết phân biệt giữa thế giới này và thế giới kia, giữa cái này và cái khác. Hồn nhiên như thế chính là những gì mà ta gọi là như thị.

Và cái như thị này là cái cốt lõi của tôn giáo.

CHÚ THÍCH của DỊCH GIẢ:

(1) Firdaus: Thiên đường. Danh từ có nguồn gốc từ Ba Tư, chỉ tầng trời cực lạc cao nhất. (Qur'an 18:107; 23:11).

(2) B. F. Skinner (1904- 1990): **Burrhus Frederic Skinner** sinh ngày 20-3, 1904 tại Pensylvania (HK). Tốt nghiệp Tiến sĩ Tâm Lý học tại Harvard (1931). Sau một thời gian dạy học tại DH Minesota, ông được mời làm Khoa Trưởng Phân Khoa Tâm Lý học tại Indiana University (1945), rồi DH Harvard (1948) mời ông trở lại làm công tác nghiên cứu cho đến cuối đời. Ông nổi tiếng về những thí nghiệm liên quan đến điều kiện hoá tác động

lên hành vi của con người và là tác giả của rất nhiều tác phẩm về Tâm lý học. Ông mất vào ngày 18-8-1990 vì bệnh hoại huyết và được xem như là nhà Tâm lý học nổi danh không kém gì Freud của thế kỷ 20.

(3) Ramana Maharshi (1879-1950) được xem là một bậc thánh vĩ đại của Ấn Độ giáo trong thời cận đại. Sinh tại Madurai, nam Ấn Độ, ban đầu Maharshi theo học Trung học tại một trường truyền giáo Hoa Kỳ, nhưng đến tuổi 16, bỗng dưng ông mặc khải một năng lực huyền nhiệm và bắt đầu đi sâu vào lãnh vực tôn giáo, tín ngưỡng, và được tuyên xưng như là một bậc tôn sư Ấn giáo trong truyền thống Vệ Đà. Ông đưa ra phương pháp tự-vấn bằng cách quán từng niệm của mình để tìm nguồn gốc. Ban đầu hành giả cần nhiều công phu, nhưng khi đi sâu vào, cái ngã sẽ dần biến mất, lúc đó tâm và trí hoà điệu thành nhất thể.

(4) Gurdjieff (1866-1949): George Ivanovitch Gurdjieff là người Armenian gốc Hy Lạp, sinh quán tại Alexandropol gần biên giới Nga-Thổ. Trong hành trình tìm đạo, ông đã đến Đông phương để nghiên cứu học hỏi về mật tông. Năm 1922, ông đến Pháp và định cư tại Paris, thành lập học viện "Institute for the Harmonious Development of Man", giới thiệu với phương Tây một giáo lý cổ truyền của mật tông chưa hề được biết đến về phát triển và tỉnh thức tâm linh, biến cuộc sống đời thường thành đời sống chân lý một cách sáng tạo. Đây là một giáo lý nhất quán và đầy năng lực của mật tông, độc lập với tất cả các trường phái khác, để giúp con người tự chuyển hoá, và ông gọi đó là Đệ Tứ Đạo Lộ, "*the Fourth Way*." Gurdjieff cũng lên tiếng cảnh báo rằng nhân loại có thể bị hủy diệt, trừ phi "minh triết" của phương Đông và «năng lượng» của phương Tây được kết hợp và sử dụng hài hoà. Ông đã đào tạo được nhiều môn sinh tài giỏi.

(5) Acharya Vinoba Bhave (1895-1982): Sinh ngày 11-9-1895 tại Maharashtra, ông được xem như là một nhà lãnh đạo tinh thần (Ấn Độ giáo), một học giả và cũng là một chiến sĩ đấu tranh cho tự do rất nổi tiếng tại Ấn Độ. Sau khi gặp gỡ Thánh Gandhi (7-6-1916) ông đã trở thành người ủng hộ nhiệt thành và sát cánh cùng Gandhi trong công cuộc đấu tranh bất bạo động dành độc lập cho Ấn Độ. Từ năm 1966, ông từ bỏ các hoạt động thế tục, chuyên về tu dưỡng tinh thần và mất vào ngày 15-11-1982.

CHƯƠNG 2

Bên Sông
Bán Nước

Thế giới này còn mang trên mình nỗi đau của cuộc chiến Việt Nam, Attica, và những vấn nạn tương tự là vì đã đánh mất đi sự bình an tâm hồn. Cội rễ của vấn đề là do con người không chịu tĩnh lặng. Thế nên bạo động đã lên tiếng, đủ mọi hình thái bạo động. Vì Việt Nam, vì Attica, sự bình an tâm hồn càng trở nên cần thiết hơn bao giờ hết. Đây là những triệu chứng của một hình thức ung thư trong tâm thức con người. Chúng tự nó không phải là những tật bệnh mà đơn giản chỉ là những triệu chứng. Và chúng không thể nào được chữa trị một cách trực tiếp -trừ phi và cho đến khi nào cái căn nguyên gốc rễ được cắt bỏ hoàn toàn, hủy diệt toàn diện.

Trải qua bao thời đại, nhân loại luôn sống trong chiến tranh. Trong suốt ba ngàn năm, chỉ có khoảng bảy trăm năm là tương đối lắng dịu –nhưng không phải được kéo dài suốt một mạch như thế. Thỉnh thoảng mặt đất có được một ngày yên tĩnh, đôi khi vài ba ngày, còn ngoài ra là chiến tranh triền miên.

Chiến tranh là sự kiện trọng đại nhất mà con người mãi luôn dự phần. Hủy diệt hình như là một cái gì đó cực kỳ hấp dẫn; chém giết, sát nhân có vẽ

như là mục tiêu của ý thức con người. Trong suốt ba ngàn năm, nhân loại đã dự phần vào ít nhất cũng năm ngàn trận chiến. Cuộc chiến Việt Nam vì thế chẳng có gì mới mẻ, nó cũ xưa như con người trên trái đất này. Đó không phải là những gì chỉ mới xảy ra ngày hôm nay, nó luôn luôn hiện hữu -bởi vì nhân loại đang bệnh hoạn.

Và rồi bạn hỏi tôi, *Thế thì bao nhiêu bình yên nội tâm mới đủ…?* Nhiều đến mức nào mà bạn có thể quản lý được –càng nhiều càng tốt. Bởi vì chỉ có vô vàn những con người như là những mặt hồ tĩnh lặng thì mới có thể làm tiêu đi xu hướng xô đẩy nhân loại vào bạo động. Thế giới này cần rất nhiều những chiếc hồ tĩnh lặng, rất nhiều những vị Phật, để có thể tạo nên những rung động mới, những làn sóng mới, những ý thức mới –trong đó tất cả mọi năng lượng đều chuyển động trong chiều hướng sáng tạo, tất cả mọi năng lượng đều chuyển động hướng đến yêu thương, lúc đó chiến tranh mới không còn chỗ đứng.

Thế nên đừng bao giờ nói rằng… Tôi hiểu rõ cái luận lý của vấn đề. Cái luận lý đó là, nếu con người trở nên rất mực an bình thì rồi y sẽ không bao giờ phiền muộn về vấn nạn Viêt Nam. Tôi rất hiểu ý nghĩa của câu hỏi của bạn. Bạn muốn nói lên một điều, nếu con người trở nên tĩnh lặng, an bình thì rồi họ sẽ không còn quan tâm gì đến những gì đang xảy ra ở thế giới chung quanh, mọi việc sẽ không còn gì khác biệt. Như thế, bao nhiêu yên bình mới đủ? –đó là lý do tại sao bạn nêu lên câu hỏi.

Tuy nhiên hãy cố gắng để hiểu một điều. Chiến tranh tự nó không phải là một căn bệnh. Vì tâm không bình -nên chiến tranh hiện hữu. Chiến tranh chỉ là một hệ quả: an bình tăng thì chiến tranh giảm. Nếu an bình ngự trị, chiến tranh sẽ biến mất.

Chiến tranh không thể nào biến mất do nỗ lực của những người tự xưng là những nhà hoạt động hoà bình. Chiến tranh không hề biến mất vì sự có mặt của một Bertrand Russel. Chiến tranh không thể tàn lụi vì có những người chống chiến tranh –không bao giờ. Những người chống chiến tranh sẽ chỉ tạo thêm những cuộc chiến tranh mới. Bạn có thể thấy rõ điều đó khi quan sát một cuộc biểu tình của những người hoạt động hoà bình, họ đâu có khác gì đang tham dự một trận chiến –cũng chống đối, cũng la lối, hét hò… Bạn có thể thấy trên khuôn mặt họ cũng là khuôn mặt của những kẻ nguy hiểm. Họ có thể tự gọi mình là những chiến sĩ hoà bình, nhưng thực ra họ không hề hiểu biết hoà bình là gì cả. Họ cũng cãi cọ, kiêu căng rất mực và lúc nào cũng như sẵn sàng để đánh nhau.

Hầu như chuyện thường xảy ra là một cuộc biểu tình đòi hoà bình luôn biến thành một trận chiến giữa cảnh sát và những người hoạt động hoà bình. Những nhà hoạt động hoà bình này thật sự ra chẳng hoà bình chút nào cả. Họ chống chiến tranh. Họ chống chiến tranh đến mức sẵn sàng gây chiến nếu thấy cần thiết. Lý tưởng thay đổi, nhưng chiến tranh thì vẫn tiếp tục lên ngôi.

Một con người của hòa bình không phải là người hoạt động hoà bình mà đơn giản chỉ là một mặt hồ tĩnh lặng. Nhịp đập của trái tim y rung lên những nguồn năng lượng mới, hát lên những bài ca mới chúc tụng cuộc đời. Y sống một đời sống mới hoàn toàn -của khoan dung, nguyện cầu, của từ bi độ lượng. Bất cứ ai mà y gần gũi, đều như được chan hoà thêm những năng-lượng-yêu-thương.

Một con người của hoà bình mang tính sáng tạo. Y không chống chiến tranh, bởi lẽ khi chống lại bất cứ cái gì thì cũng có nghĩa là dấn mình vào

một cuộc chiến tranh mới. Y không chống chiến tranh bởi lẽ y hiểu rõ ràng lý do tại sao chiến tranh hiện hữu. Từ tuệ giác này, y trở nên an bình.

Chỉ khi nào thế giới này có được rất nhiều người như là những chiếc hồ an bình, tĩnh lặng, hiểu biết thì lúc đó chiến tranh mới biến mất. Tuy nhiên thoát ly không phải là con đường để đạt đến an bình. Bạn cho rằng, *Ta có thể đạt đến sự bình an tâm hồn bằng thoát ly đời sống*… Không bao giờ. Không bao giờ có chuyện như thế.

Thoát ly đồng nghĩa với chạy trốn. Thoát ly có thể mang cho bạn một kiểu chết chứ không bao giờ đem lại sự an bình. Sự an bình thì rất mực sống động. Hoà bình vẫn luôn sinh động hơn chiến tranh -bởi vì chiến tranh phụng sự cái chết, còn hoà bình phụng sự đời sống. Hoà bình là sống động, là tươi trẻ, là nhảy múa reo vui.. Còn thoát ly? –đây là phương thức cũ kỷ nhất mà những kẻ trốn chạy thường chọn lựa. Rất mực rẻ tiền. Nó cũng cho bạn một loại an bình nào đó –hãy ghi nhớ điều tôi nói, 'một loại an bình nào đó' - loại an bình mà bạn thường gặp ở trong nghĩa trang.

Bạn có thể đi vào một tu viện Thiên Chúa Giáo -ở đây bạn cũng sẽ tìm thấy một loại an bình, tương tự như trong nghĩa trang. Bạn có thể đến với những tu sĩ Kỳ Na giáo và rồi bạn cũng sẽ gặp một loại an bình nghĩa trang như thế. Đây chỉ là những xác chết! Họ đã chối bỏ cuộc đời. Cái ngày mà bạn chối bỏ cuộc đời cũng có nghĩa là ngày bạn chối bỏ mọi trách nhiệm, chối bỏ tất cả mọi sự dự phần, mọi trách nhiệm để sống, để thương yêu, gắn bó tương quan. Họ có thể không còn tranh chiến nữa, nhưng cũng không còn chất liệu thương yêu.

Thoát ly như thế sẽ mang lại một sự an bình rất mực hoang vu, không có chiến tranh nhưng cũng thiếu vắng yêu thương.

Thế nhưng đâu là mục tiêu? Bạn đang tạt nước tắm vào trẻ sơ sinh.

Thương yêu cần phải được nuôi dưỡng. Toàn bộ nguồn năng lượng của bạo động, tranh chấp, chiến tranh cần phải được chuyển hoá vào yêu thương. Hoà bình tự nó không thể là mục tiêu. Hoà bình chỉ có thể là một phương tiện cho cuộc sống, làm cho cuộc sống giàu có, phong phú hơn. Hoà bình không thể là cứu cánh -chỉ để được an bình sẽ là hoàn toàn vô nghĩa, sẽ chẳng dẫn ta đi đến đâu. Để được an bình sẽ không làm thoả mãn bạn –có gì khác nhau giữa cái chết và an bình đâu?

Thoát ly nhằm tìm kiếm một sự an bình là một hình thức tự sát. Vâng, thì bạn có thể đi vào rặng Hy Mã Lạp Sơn, ở ẩn trong một cái hang động nào đó, thế là bạn an bình - bởi vì sẽ không còn có cơ hội để tranh chấp với ai. Nhưng mà bạn có thay đổi gì đâu, hoạ chăng là chỉ thay đổi khung cảnh. Bạn cũng vẫn là con người cũ. Nếu hoàn cảnh khơi động, bạn cũng sẽ nhảy vào cuộc chiến, cũng đánh nhau thôi. Bạn cũng sẽ rất mực giận dữ nếu có ai đó đến khiêu khích nhục mạ bạn.

Bạn có thể chui vào sống trong một cái hang động nào đó ở Hy Mã Lạp Sơn trong suốt ba mươi năm, thế rồi có ai đó tìm đến nhục mạ và bạn sẽ ngạc nhiên khi thấy cơn giận bùng cháy trở lại. Ba mươi năm cũng chẳng giúp ích được gì cho bạn cả, hạt giống giận dữ vẫn tiềm phục ở đâu đó chờ đợi đúng mùa. Bây giờ có người đang nhục mạ bạn đây -thế là như mùa xuân đến, cơn giận đơm bông. Chỉ trong một khoảnh khắc bé nhỏ, tất cả công lực ba mươi năm thoát ly của bạn tiêu tan!

Đời sống là một thể nghiệm thực sự. Nếu tâm của bạn thực sự an bình, thì bạn cứ việc thỏng tay vào chợ -đó là nơi thử thách tốt nhất. Cố gắng an bình ở trong đó. Tôi không chủ trương thoát ly. Tôi chủ trương chuyển

hoá. Tôi không chủ trương chạy trốn. Tôi chủ trương gắn bó với cuộc đời. Sống một đời sống đến tận cùng trọn vẹn. Tìm phương cách để sống một cách an bình, trong thiền quán sâu sắc, trong cách thế thánh thiện. Nhưng đừng trốn chạy.

Kẻ trốn chạy là một tên hèn nhát; không có môt chút can đảm nào. Y nhắm đôi mắt lại vì quá đổi kinh sợ cuộc đời. Đây là kiểu luận lý của loài đà điểu chứ không phải của con người. Nó ở dưới mức người rất xa, nếu không nói là đần độn. Chỉ nhắm đôi mắt của bạn lại thì tình thế có thay đổi gì đâu; thế giới này vẫn y như cũ. Bạn có thể tin rằng mọi chuyện đang thay đổi, bởi vì bạn không còn trông thấy bất cứ cái gì nữa. Ngôi nhà của bạn đang cháy, có thể nào bạn lại ngồi yên với đôi mắt nhắm để tin rằng nó không hề cháy và rằng tất cả đều ok? Bạn có thể tạo ra một trạng huống tự thôi miên mình –và dĩ nhiên bạn sẽ không bị quấy rầy, thế nhưng khi mở mắt ra, ngôi nhà vẫn nằm trong ngọn lửa.

Một con người của hòa bình thực sự sống với thế giới này, sống trong thế giới này, nhưng không hề thuộc về nó. Y sẽ làm mọi chuyện có thể làm được -nếu căn nhà bốc cháy y sẽ làm tất cả những gì có thể làm để dập tắt ngọn lửa- thế nhưng y không hề bị xáo động, quẫn trí. Y vẫn luôn trầm tĩnh không dao động.

Sự thể nhập vào thực tại đó chính là an bình thực sự. *Ta có thể đạt đến sự bình an tâm hồn bằng thoát ly đời sống*… Không, chẳng bao giờ và sẽ không bao giờ có thể đạt được… bằng cách làm dịu xuống những cơn lốc xoáy của tâm. Không bao giờ. Bằng cách làm dịu xuống những cơn lốc xoáy của tâm, bạn có thể buộc cho tâm an, nhưng đó vẫn là một hình thức trấn áp.

Niềm an bình thực sự không thể đến từ trấn áp. Cái tâm không thể bị đè nén mà phải được thông hiểu. Tại sao tâm ta lại loạn động như thế? Tại sao nó cứ mãi lăng xăng? Tại sao? Cái hiện tượng này của tâm cần phải được soi rọi bằng tuệ giác, bằng yêu thương, từ bi độ lượng. Nên thân thiện với cái tâm của bạn, đừng vội vã áp đặt một sự an bình lên nó. Một sự an bình bắt buộc không phải là một an bình đích thực. Cũng đừng cố gắng để làm im lắng nó. Sự vắng lặng không hề là một thực thể.

Tĩnh lặng không phải là vắng lặng. Tĩnh lặng xảy đến tình cờ, vắng lặng do quản lý. Vắng lặng là kết quả của điều khiển. Bạn ngồi đó kiểm soát cái thân xác của mình bằng một tư thế yoga chẳng hạn, buộc nó phải tập trung vào một nơi nào đó, Krisna, Giêsu; đọc đi đọc lại một câu chú –Om, Ram, bất cứ cái gì- cố gắng chế ngự, kiểm soát để luôn tập trung tâm trí vào một chỗ. Bạn đang làm công việc tạo ra một tĩnh lặng giả tạo.

Tĩnh lặng thực sự không đến từ ép buộc mà là từ hiểu biết. Bạn hiểu được tại sao tâm của bạn lại cứ luôn loạn động, nhìn sâu vào, theo dõi nó: Tâm ơi, tại sao thế? Bạn đi sâu vào những loạn động của nó -chắc chắn là chúng sẽ có những thông điệp cho bạn. Bạn đi sâu vào những giấc mơ của nó – ngay cả những giấc mơ có vẻ rất phi lý nhưng chắc chắn chúng cũng trao gởi đến bạn những điều gì đó lắng sâu trong tiềm thức. Chặt đứt, loại bỏ chúng, bạn sẽ không bao giờ lớn dậy -bởi vì bạn đang chặt đứt phần vô thức của mình. Khi bạn làm vắng lặng cái tâm của mình, bạn đang làm im lắng cái tiềm thức của bạn, như muốn nói rằng, "Ta không muốn lắng nghe ngươi."

Thế nhưng phần vô thức cũng có biết bao điều giá trị để trò chuyện cùng bạn. Khoa phân tâm học đã chứng minh điều này, rằng vô thức cũng có những gì đó để trao gởi, truyền đạt. Và cái phần vô thức này lại ăn ý với

Thượng Đế hơn cái được gọi là ý thức. Thế nhưng cái anh chàng ý thức này thì lại cứ luôn tìm cách bịt miệng cái anh vô thức phải im tiếng.

Không thể như vậy. Tiếng hát sẽ không còn được cất lên. Bạn có thể buộc một đứa trẻ ngồi yên do sợ hãi. Bạn có thể cho một luồng điện giật và bảo nó ngồi im nếu không sẽ bị điện giật thêm nữa. Vâng, thì rồi nó sẽ ngồi yên. Nhưng bạn gọi cái sự yên lặng này là an bình chăng? Thực ra trong lòng nó đang giận sôi lên, trong lòng nó là một trái núi lửa, nó đang nổi cơn thịnh nộ. Tuy nhiên nó vẫn sẽ phải ngồi yên vì cái luồng điện quái ác kia.

Đó là những gì mà người ta đang làm -họ làm im lắng cái tâm bằng sự nhịn ăn. Cũng chẳng khác gì dùng dòng điện giật để trị cái tâm. Bạn bảo nó rằng, "Làm cái này đi, nếu không ta sẽ tuyệt thực. Ta sẽ bỏ đói mi. Làm cái này đi -nếu không ta sẽ ra đứng dưới ánh nắng mặt trời hai mươi bốn giờ cho mi coi. Làm cái này đi -nếu không ta sẽ trầm mình trong dòng nước đá suốt đêm cho mi biết".

Có không biết bao nhiêu giáo phái –Cơ Đốc, Ấn Độ Giáo, Kỳ Na Giáo, và hàng ngàn giáo phái khác -những giáo phái của bạo dâm. Những giáo phái khổ hạnh chuyên hành hạ thể xác mình là những người loạn thần kinh. Nếu bạn tra tấn nó quá mức, cái tâm sẽ sợ hãi. Cái tâm sợ hãi này sẽ đầu hàng, sẽ trở nên vắng lặng. Nó sẽ bảo, "OK. Tôi sẽ lặng yên." Nhưng làm sao những tiếng hát có thể trỗi dậy từ nỗi lặng yên này? Làm thế nào những khúc luân vũ, hoan ca chúc tụng có thể được khai sinh từ một yên lắng ép buộc? Không thể nào.

Đó là lý do tại sao những ông thánh của bạn thiếu vắng những bài ca. Những ông thánh của bạn trông thật buồn rầu, ảm đạm, cứ như những xác

chết. Trong mắt họ không còn nét tinh anh mà chỉ là những đám bụi mù. Trong trái tim họ những đoá hoa không còn nở nữa. Không có gì cả. Không bao giờ có những cành sen trắng mọc lên trong những trái tim của những kẻ được gọi là ông thánh của bạn. Họ là những sa mạc hoang vu -khô cháy, giòng mật ngọt đời không còn tuôn chảy nữa.

Tôi không chấp nhận chuyện đó. Đây không phải là tách trà đời để tôi uống cạn. Và tôi muốn bạn hiểu thật sâu sắc chuyện này, bởi vì những người đi trên đường tu thường bị rơi vào cạm bẫy này. Có vẻ như điều đó dễ dàng hơn đối với họ. Không cần phải hiểu rõ cái tâm, chỉ việc ép buộc nó. Để hiểu biết hình như phải đi bằng một con đường dài hơn. Nhưng bạn nhớ cho, sẽ không bao giờ có những con đường tắt.

Sự trưởng thành tâm linh đến bằng một con đường gian khó hơn, lâu dài hơn. Hành giả phải lên đường với một cái tâm đầy hiểu biết sâu sắc. Tiếp tục đi từng bậc một -bằng một sự kiên nhẫn vô bờ, lần hồi sẽ thành tựu kết quả. Lên đường như vào một cuộc chơi lớn rồi công trình sẽ phải hoàn tất.

Đến một ngày nào đó, khi bạn thấu hiểu được tất cả những thông điệp của tâm, lúc đó tâm sẽ trở nên tĩnh lặng. Bởi vì sẽ không còn gì để nói ra. Nó đã được nghe; nó đã gặp được ông chủ. Lúc đó tâm trở nên tĩnh lặng trong hoà điệu với chính mình. Nó rơi vào tĩnh lặng mà không cần đến một nỗ lực nào ở bạn., rơi vào tĩnh lặng rất đỗi nhẹ nhàng. Lúc ấy tĩnh lặng mang một nét đẹp tuyệt vời, là một ân sủng vô biên.

Một gắn bó tín ngưỡng có cần thiết đòi hỏi
sự tỉnh thức lành mạnh?

Sự tỉnh thức cần phải được đi theo bằng một hành động. Tỉnh thức cần phải được nở hoa trong hành động. Bằng không, chỉ tỉnh thức thôi cũng chưa đủ.

Đó là những gì được gọi là gắn bó. Khi bạn tỉnh thức, đời sống của bạn được chuyển hoá. Sự tỉnh thức này không chỉ tồn tại ở trong bạn –nó không phải là kho tàng của một tên keo kiệt, chỉ biết tích trữ mà không bao giờ dùng đến. Một khi bắt đầu tuôn chảy vào đời bạn, nó trở thành một phần của mỗi hoạt động, thắp sáng tất cả những hành động của bạn. Bây giờ bất cứ bạn làm điều gì cũng sẽ hoàn toàn khác biệt với trước đây, phẩm chất của nó sẽ rất khác xa. Nếu bạn yêu, bạn cũng sẽ yêu trong một cách thế hoàn toàn mới mẻ, yêu trong tỉnh thức. Tình yêu của bạn sẽ không còn là một chìm đắm. Người đời chìm đắm trong tình yêu. Một con người tỉnh thức không hề chìm đắm, mà ngược lại, vươn dậy trong tình yêu. Y vươn cao lên, chứ không chìm xuống thấp.

Cái mà bạn gọi là tình yêu hầu như chỉ là một ảo ảnh. Con người tỉnh thức có một tình yêu khác biệt, không phải là ảo ảnh, khởi dậy trong tim y. Bạn chỉ muốn lợi dụng người ta và người khác cũng muốn lợi dụng bạn, thế là có một đổi chác qua lại -một khế ước cùng nhau. Bạn chẳng hề yêu y mà y cũng chẳng hề yêu bạn. Y chỉ yêu y và bạn chỉ yêu bạn. Bạn lợi dụng người ta và người ta lợi dụng bạn, thế thôi.

Đây chỉ là một hình thức dàn xếp, điều chỉnh, và bạn gọi đó là tình yêu. Nhưng rồi những sự điều chỉnh này sẽ chẳng tồn tại lâu dài, chúng không thê đi xa hơn. Không sớm thì muộn bạn sẽ cảm thấy chán ngấy lên với y và y cũng thế. Bạn đã từng nhìn vào nhau, bạn đã từng tìm hiểu nhau, và bây

giờ hình như chẳng còn điều gì mới mẻ nữa. Những thích thú ban đầu tàn lụi, và tình yêu cũng biến mất theo. Bây giờ những gì còn lại là chịu đựng, do bởi những hứa hẹn ban đầu, những buộc ràng quá khứ. Chẳng đặng đừng, bạn buộc phải tiếp tục thôi.

Đó là điều xảy ra của tất cả những gì được gọi là hôn nhân. Nó chẳng phải là tình yêu, không bao giờ là tình yêu, mà thực ra là một sự lừa dối. Và sự lừa dối này được tạo nên bởi những thay đổi hoá chất trong con người bạn. Đây cũng là một hoá chất như là bạn đang dùng một thứ dược phẩm. Một vài kích thích tố, một vài hoá chất được phóng thích từ huyết quản khơi dậy cho bạn một cái ảo ảnh và bạn bắt đầu trông thấy những chuyện vốn chẳng hề hiện hữu bao giờ.

Khi bạn bắt đầu yêu một người đàn bà, bạn nhìn thấy ở nàng những cái vốn chẳng hề thực sự có mặt. Không ai trông thấy chúng, ngoại trừ bạn. Và người đàn bà cũng bắt đầu nhìn thấy ở bạn những ảo ảnh như thế, những cái hoá chất này của bạn đang hỗ trợ cho nhau. Bạn đang đi vào một cơn mơ -một giấc mơ với đôi mắt rộng mở; đó là một loại mộng du. Không sớm thì muộn nó sẽ tan vỡ, không sớm thì muộn thực tế sẽ lên tiếng nói.

Một con người của tỉnh thức không hề chìm đắm, mà ngược lại, vươn dậy trong tình yêu. Chỉ có con người của tỉnh thức mới có đủ khả năng để yêu, bởi vì y nhìn rõ được mình. Bây giờ tình yêu không còn cần thiết nữa, y có thể rất mực hạnh phúc trong cô đơn. Hãy ghi nhớ điều này, đây là một trong những chỉ dấu của một con người tỉnh thức: y có thể hạnh phúc trong cô đơn. Niềm hạnh phúc của y là một tuyệt đỉnh cô đơn ngay cả khi y chung đụng cùng kẻ khác. Niềm hạnh phúc của y không còn phải dựa vào bất cứ ai, niềm hạnh phúc của y là rất mực tự tại. Bây giờ thì y sẵn sàng để chia xẻ, sẵn sàng để trao tặng. Nó đầy ắp trong y, không ngừng tuôn

chảy, không hề khô cạn… Và rồi y sẽ làm gì với nó đây? Y cần phải chia xẻ với mọi người.

Một con người của tỉnh thức luôn chia xẻ tình yêu của mình; một con người của vô minh không hề có tình yêu để chia xẻ. Y chỉ giả bộ như đang ban phát tình yêu, bởi vì tận trong đáy tâm hồn y chỉ muốn nhận chứ không hề muốn cho. Thực sự, một con người của vô minh chỉ muốn được yêu -thế nên y đã phải giả bộ "I love you".

Hai kẻ được gọi là yêu nhau đều làm một chuyện giống hệt nhau trong tương quan đối xử. Cả hai đều cần tình yêu, nhưng cả hai cùng đánh mất tình yêu -cả hai đều không có khả năng hiện hữu và hạnh phúc một mình. Để hạnh phúc họ cần sự có mặt của người khác, cần nương tựa vào, tìm biết ở người khác. Tình yêu của họ vì thế cũng chẳng khác gì cái mồi để câu cá. Họ có thích mang thực phẩm cho cá đâu. Mồi đâu phải là thực phẩm mà chỉ là cái bẩy.

Một con người của tỉnh thức thương yêu –không phải vì y cần yêu, mà là vì y có quá nhiều để trao tặng, san sẻ. Tình yêu chẳng khác gì những đoá hoa -nếu bạn không trao tặng ai, nó sẽ khô héo tàn úa. Tình yêu cũng giống như những đoá hoa -sớm nở, tối tàn. Thì hãy cho đi. Bạn không thể tích trữ chúng. Đó là một trong những điều tuyệt vời nhất của hoa. Đó cũng là một trong những điều tệ hại nhất của bạc vàng châu báu, chúng có thể được tích trữ mà hoa thì không. Bạn không thể tích trữ những cánh hoa. Nếu bỏ chúng vào hộp, cất giữ chúng, chúng sẽ chết khô.

Có một câu chuyện ngụ ngôn xưa như thế này…

Một ông vua kia có ba vị hoàng tử và ông muốn chọn một người để kế vị. Khổ một nỗi là cả ba vị hoàng tử đều thông minh, tài trí và can đảm như nhau. Họ lại là anh em sinh ba, cùng tuổi tác với nhau, nên lại càng thêm khó chọn lựa. Phải chọn ai bây giờ đây? Nhà vua tìm đến vấn kế một nhà thông thái, và ông ta đưa ra một giải pháp.

Nhà vua về đến hoàng cung và cho triệu tập cả ba vị hoàng tử lại. Ông ta trao cho mỗi người con một bọc hạt giống hoa và bảo họ là ông sẽ thực hiện một cuộc hành hương trong nay mai –*teerthayatra*. "Ta sẽ vắng mặt chừng vài năm -một, hai ba, hoặc có thể lâu hơn. Đây là một cuộc thử thách cho các ngươi. Những bọc hạt giống này sẽ phải hoàn lại cho ta khi ta trở về. Ai bảo quản chúng tốt nhất sẽ là người nố nghiệp ta." Xong, nhà vua lên đường hành hương.

Vị hoàng tử thứ nhất nghĩ thầm, "Ta sẽ làm gì với bọc hạt giống này đây?" Y liền đem cất giữ chung trong một hộp sắt an toàn -với hy vọng là khi người cha trở về, y sẽ hoàn trả lại cho cha đúng y những gì mà ông ta đã giao trước khi ra đi.

Vị hoàng tử thứ hai có một suy nghĩ khác, "Nếu ta cất giữ chúng trong hộp như anh ta đã làm, chắc chắn là chúng sẽ chết. Hạt giống mà chết thì đâu còn gọi là hạt giống nữa. Và rồi cha ta thế nào cũng sẽ phản đối, 'Ta trao cho ngươi những hạt giống còn sống là để có thể gieo trồng được –còn những hạt giống này thì chết khô rồi còn trồng trọt gì được nữa. Như vậy ngươi đâu có hoàn trả cho ta những gì mà ta đã giao trước đây đâu'".

Thế rồi y mang bọc hạt giống đem ra chợ bán lấy một số tiền và giữ lại, nghĩ rằng, "Lúc nào phụ vương trở về, ta chỉ việc ra chợ mua một bọc hạt

giống mới, chắc chắn là tuyệt hảo hơn bọc hạt giống mà ông đã trao trước đây."

Nhưng vị hoàng tử thứ ba thì không làm như hai người kia. Anh ta mang bọc hạt giống vào vườn hoa và tung rải khắp nơi.

Ba năm sau, khi nhà vua trở về, vị hoàng tử thứ nhất mở chiếc hộp sắt đựng hạt giống. Chúng đã mốc meo và bay mùi hôi thối. Nhà vua bảo, "Cái gì vậy! Đây có phải là những hạt giống mà ta đã trao cho nhà ngươi lúc trước đâu? Lúc đó chúng có khả năng nở hoa và mang lại mùi hương cơ mà –còn bây giờ những hạt giống này thì lại bay mùi sình thối. Chúng đâu còn là những hạt giống trước kia!" Người con liền phân bua, "Nhưng thưa phụ vương, đây vẫn là những hạt giống mà cha đã trao cho con lúc trước mà." Nhà vua trả lời, "Nhà ngươi thật là một người duy vật."

Nhà vua tìm đến người con thứ hai. Vị hoàng tử này liền vội chạy ra chợ mua một bọc hạt giống mới trở về trao cho cha và bảo, "Thưa phụ vương, đây là những hạt giống." Người cha không đồng ý, "Nhưng đây đâu có giống với những hạt giống trước kia đâu. Hoàn toàn không giống hệt chút nào. Ngươi khá hơn anh ngươi một chút nhưng vẫn không đủ khả năng như ta mong đợi. Ngươi chỉ là một nhà tâm lý học."

Vâng, cái hồn thì khá hơn cái xác chút đỉnh -một người tin vào cái tâm thì có phần nào khá hơn một kẻ duy vật.

Nhà vua liền đi gặp vị hoàng tử thứ ba với đầy dẫy hy vọng nhưng cũng không ngớt lo âu: "Không biết y đã làm gì với những hạt giống này." Thế rồi người con thứ ba dẫn nhà vua ra vườn ngự uyển. Ở đó hàng triệu cánh hoa đang đơm bông, ở đâu cũng chỉ thấy toàn là hoa với hoa. Vị hoàng tử

nới với nhà vua, "Đây là những hạt giống mà phụ vương đã trao cho con. Con sẽ thu hoạch ngay và hoàn trả lại cho cha. Bây giờ cũng đã đến mùa thu hoạch rồi.."

Nhà vua rất hài lòng, "Ngươi mới đúng là người duy tâm, xứng đáng để nối ngôi ta. Đây là phương cách mà người ta xử sự với hạt giống."

Tâm có thể lưu trữ, tâm có thể tính toán –nhưng điều đó sẽ chẳng làm nên tích sự gì. Kẻ lưu trữ sẽ chẳng bao giờ hiểu được đời sống, và cái tâm tính toán cũng sẽ làm mất nó. Chỉ có cái tâm sáng tạo mới có thể hiểu được đời sống. Đó là nét tuyệt vời của những bông hoa –chúng không thể cất giữ. Chúng là hình ảnh của Thượng Đế: Thượng Đế không thể được lưu trữ. Chúng là hình ảnh của tình yêu: Tình yêu không thể được lưu trữ.

Không phải là chuyện tình cờ mà trải qua bao thời đại, ở bất cứ xã hội nào, đất nước nào người ta đã xem bông hoa là hình ảnh tiêu biểu của tình yêu. Chẳng phải là chuyện tình cờ chút nào. Tình yêu giống như một đoá hoa – khi nó bắt đầu nở rộ trong tim bạn, bạn phải tung rải ra, phải chia xẻ, trao tặng. Bạn phải tìm ra người san sẻ nó. Và khi có ai đó đón nhận tình yêu này, trong lòng bạn sẽ thấy một nỗi biết ơn vô cùng. Bởi vì nếu không, đoá hoa kia rồi sẽ tàn úa –trong tối tăm, quên lãng.

Và rồi bạn càng cho bao nhiêu, tình yêu càng lớn dậy chừng ấy. Bạn càng tiếp tục cho đi, thì sẽ đến một ngày, bạn sẽ trở thành một nguồn mạch bất tận của tình yêu.

Một con người của tỉnh thức cũng yêu như mọi người, nhưng phẩm chất tình yêu của y sẽ hoàn toàn khác biệt. Tình yêu đó sẽ là một thực tại khác

biệt, sẽ vươn toả đến một chiều kích khác biệt. Y sẽ hành động, bởi vì mỗi tỉnh thức phải biến thành một hành động. Tỉnh thức là một hạt giống mà hành động là hoa trái kết thành.

Bạn hỏi rằng, *Một gắn bó tín ngưỡng có cần thiết đòi hỏi sự tỉnh thức lành mạnh?* Nó cần thiết biến thành hành động, và từ đó trở thành một gắn bó thiết thân. Một người tín ngưỡng đích thực là một người rất mực gắn bó. Nhưng y không hề gắn bó với bất cứ ý thức hệ nào, hãy ghi nhớ điều này. Một người Cơ Đốc thì gắn bó với Cơ Đốc Giáo. Một người Ấn Độ Giáo gắn bó với tôn giáo của mình. Một người quốc gia gắn bó với đất nước của y, một chính trị gia gắn bó với đảng phái của mình. Còn một người tín ngưỡng thì không, y không có những loại gắn bó như thế. Y không hề gắn bó với bất cứ một đất nước nào, bởi vì một người tín ngưỡng biết chắc một điều là không hề có những biên giới quốc gia. Y không thuộc về một đất nước nào cả.

Một người tín ngưỡng không hề gắn bó với bất cứ đảng phái nào; y không có đảng phái. Một người tín ngưỡng không gắn bó với bất cứ ý thức hệ, tín điều, học thuyết nào, không bao giờ. Y chỉ gắn bó với Thượng Đế, với tâm thức, với hiện hữu tự thân. Y sống trong Thượng Đế, trong từng bước đi, trong từng hơi thở, yêu và chết trong Thượng Đế. Gắn bó của y là Thượng Đế, gắn bó của y là tín ngưỡng.

Vâng. *nó cần thiết đòi hỏi gắn bó.* Vấn đề đặt ra là vì trong quá khứ những người được gọi là tín ngưỡng thường là những kẻ trốn chạy. Một khi trở thành một con người tín ngưỡng, họ chạy trốn cuộc đời, họ đào thoát, họ không còn có mặt ở đây. Chủ nghĩa thoát ly này thực sự không phải là một dấu hiệu của một tín ngưỡng chân thực mà cho ta thấy một điều đơn giản rằng họ chưa hề tỉnh thức, nếu không hành động đã nở hoa.

Đó là những gì đã xảy ra. Khi Mahavira tìm kiếm chân lý, ông ta đã đi vào rừng sâu. Thế nhưng khi tìm thấy rồi, ông ta quay trở lại với xã hội này. Khi Đức Phật đi tìm chân lý, ngài cũng đã đi vào rừng sâu. Nhưng khi chứng quả, ngài cũng quay trở lại với đời sống thế gian. Ta phải quay trở lại. Có thể là trên hành trình tìm kiếm, bạn cần một khung cảnh đặc biệt nào đó, để trợ giúp cho sự tìm kiếm này. Nhưng một khi đã tìm thấy rồi, bạn cần quay trở về với cuộc đời. Bạn cần phải chia xẻ. Bạn có thể tìm kiếm trong đơn độc, thế nhưng làm sao bạn có thể chia xẻ nếu như không có ai để chia xẻ cùng?

Thưa tôn giả, tôi là một người rất mới ở đây, và tôi cảm thấy bức xúc khi nghe ngài sử dụng những danh từ đại loại như "đám con hoang", v.v… Tôi không thể tin rằng một vị thánh lại sử dụng những ngôn từ như vậy. Ngài có thể nói thêm ít nhiều về vấn đề này không?

Tôi không phải là một ông thánh. Xin làm ơn bỏ cái danh xưng vô nghĩa đó đối với tôi –Tôi không hề là một vị thánh! Và tôi cảm thấy rất hạnh phúc với điều này. Cũng nên lưu ý rằng: Đừng bao giờ dại dột trở thành một vị thánh. Cứ làm một con người rất mực bình thường là đủ lắm rồi.

Tâm lý con người thường là như thế, cứ thích chuyện chiếu dưới chiếu trên . Điều này không những đã chia rẽ con người thành thứ bậc cao thấp mà ngay cả trong ý niệm ngôn từ cũng chia cách như thế -có Bà-la-môn và hạ tiện, có tốt và xấu, có đáng trọng và đáng khinh. Đây là chuyện rất mực

điên rồ. Tất cả ngôn từ đều giống nhau. Chức năng của ngôn từ là để diễn đạt một cái gì đó. Những ngôn từ diễn đạt được ý niệm đều là tốt -chỉ có những ngôn từ không nói lên được điều gì cả, người ta gọi đó là vô nghĩa. Và rồi thỉnh thoảng lại có chuyện xảy ra, những ngôn từ có vẻ rất chói tai đối với bạn thì lại diễn đạt được rất nhiều, bởi vì nó phát xuất từ giới bình dân. Và người bình dân thì lại rất khéo diễn đạt, thực tế. Họ không hề biết đến những chuyện trừu tượng.

Bây giờ thì cái từ "đám con hoang", nó đi thẳng, đụng trực tiếp vào vấn đề. Còn nếu bạn thích vòng vo tam quốc thì ta nói chuyện lòng vòng –hãy nghe đây.

Câu chuyện hôm nay nói về một ông cha sở đang đứng một mình tại điểm phát bóng đầu tiên của sân chơi 'golf'. Trông thấy một tay chơi cũng đang đứng một mình gần đó, ông ta đề nghị cả hai cùng chơi chung với nhau. Đánh xong một vài lỗ, người khách lạ chỉ cho ông cha những khuyết điểm trong cách đánh golf của ông. Và cuộc chơi càng tiếp diễn ông cha càng được nghe thêm những lời hướng dẫn -rất qúy báu. Hiệp này kết thúc, ông đạt hơn sáu điểm so với bình thường trước đây. Ông cha vô cùng cảm ơn người bạn cùng chơi và được anh ta trả lời, "Tất cả bài học đó trị giá hai mươi lăm đô. Tôi là người hướng dẫn chuyên nghiệp ở đây'. Ông cha cố gắng phản đối nhưng chẳng ăn thua gì nên cuối cùng đành bảo anh ta buổi chiều tạt qua giáo xứ để lấy tiền. "Khi bạn tới", ông cha đề nghị thêm, "Mang luôn cả cha mẹ bạn tới đây, tôi sẽ làm phép cưới cho họ luôn."

Bây giờ là một chuyện rất lòng vòng khác -về tín ngưỡng, nhưng rất lòng vòng. Tôi không thích cái kiểu này. Trực tiếp vẫn hay hơn.

Chuyện xảy ra như thế này, theo Aldous Huxley kể lại…

"Vào cái thời xảy ra nạn đói kém khoai tây lớn nhất tại Ái Nhĩ Lan chừng một thế kỷ trước đây, một lời cầu nguyện đặc biệt được soạn ra để tụng đọc trong tất cả các nhà thờ tại Ái Nhĩ Lan. Mục đích của lời cầu nguyện này là để cầu khấn với đấng Thượng Đế toàn năng ngăn chặn bệnh tàn rụi cây cối đang hủy diệt những nông trại khoai tây của Ái Nhĩ Lan. Thế nhưng ngay tự khởi đầu, cái chữ *"potato"*-khoai tây- đã là một vấn nạn. Hiển nhiên trước mắt Chúa Thánh Thần, cái từ này rất là thấp kém, sặc mùi bình dân và Tin Lành, không thể nào đem ra mà phát âm tại một nơi thiêng liêng như thế này, nhất là trước mặt Thiên Chúa… *"Potato"*. Lạy Chúa tôi! Cái phần kinh tởm thô bi của cái từ potato này cần phải được đem dấu đi trong một cụm từ tao nhã mịt mờ tối nghĩa nào đó, và Chúa đã được yêu cầu hành xử chức năng của ngài để ban cho một cái từ trừu tượng hơn, cuối cùng đã gọi bằng một cụm từ nghe rất kêu là *"củ thực phẩm qúy giá" –succulent tuber.* "Than ôi văn chương trác tuyệt đã bay vút lên đến tận chín tầng mây của lố bịch".

Người ta đã không thể sử dụng cái từ *"potato"* ở trong nhà thờ -vì nó quá thô tục, bình dân, Tin lành, thứ ngôn ngữ của đám cùng đinh, hạ tiện.

Cũng theo Aldous Huxley, trong những trạng huống tương tự như thế một nhà Thiền sư có thể tránh dùng tiếng *"potato"* –không phải vì nó quá thấp kém, nhưng là vì nó rất thông dụng, đáng quý. Chắc chắn là ông ta cũng không đụng đến cụm từ "*succulent tuber"-"củ thực phẩm qúy giá",* mà chỉ thay thế bằng một tiêng đơn độc thôi: *Spud*! (tiếng lóng gọi khoai tây của người bình dân).

Tôi rất tin cậy ở Thiền. Phương thức tiếp cận của tôi là Thiền. Tôi yêu mến tất cả những từ ngữ có khả năng diễn đạt. Tôi không tạo ra một loại thứ bậc tôn ti nào.

Bạn sẽ không ngạc nhiên khi thấy rằng: loại từ ngữ bị coi là thấp kém hơn trong cái thứ bậc của bạn, thường là tốt hơn -bởi vì nó đụng trực tiếp vào vấn đề. Người bình dân không thích nói loanh quanh; họ không mặn mà những chuyện trừu tượng. Họ nói những gì mà họ muốn nói, không dài dòng văn tự lý thuyết viễn vông.

Thật là vô nghĩa! Nếu quả tình có những ông Thượng Đế nào đó, chắc hẳn là ông ta sẽ cười phá lên. "*Succulent tuber*"? Bạn có thể ăn một *"củ thực phẩm qúy giá"* chăng? Bạn sẽ làm gì với cái *"củ thực phẩm qúy giá"* này? Khoai tây thì nói là khoai tây đi cho rồi. Và một củ khoai tây thì rất mực ngây thơ vô tội!

Thế nhưng chuyện đời thường là như thế. Đó là lý do tại sao hằng bao thế kỷ qua người ta đã cầu nguyện bằng những loại ngôn ngữ mà họ không hiểu gì cả. Tại Ấn Độ người ta cầu nguyện bằng tiếng Sanskrit, một ngôn ngữ chết, mà ngay cả một người đang cầu nguyện cũng không biết là mình đang nói cái gì. Tại phương Tây trong rất nhiều thế kỷ, người ta cầu nguyện bằng tiếng Hy Lạp, Latin, hoặc Hebrew, Aramaic, cũng là những ngôn ngữ đã biến mất từ lâu. Chuyện đó bây giờ vẫn còn xảy ra. Người Kỳ Na giáo tiếp tục cầu nguyện bằng tiếng Prakrit, người Phật tử thì cầu nguyện bằng tiếng Pali. Những ngôn ngữ đó đã không còn hiện hữu, đã không còn là những ngôn ngữ sống động. Khó có người hiểu được chúng – ngay cả những người đang sử dụng cũng không hiểu nốt.

Lối cầu nguyện gì mà lạ thế? Thế nhưng chắc hẳn phải có mục đích trong đó: Bởi vì những ngôn ngữ đó đã biến mất, chúng trở nên rất mực cao xa, siêu nhiên, trừu tượng -bạn có thể xử sự với chúng dễ dàng. Chúng không có vẻ thông dụng chút nào, chúng trông rất đặc biệt. Nếu bạn đang đối thoại với Thượng Đế bằng thứ ngôn ngữ mà bạn có thể hiểu được, như thế thì bình dân quá, xoàng quá, chẳng có gì là màu sắc tôn giáo cả! Đây chỉ là loại ngôn ngữ mà bạn đang trao đổi với con người –làm sao lại đem ra dùng cùng thứ ngôn ngữ này với Thượng Đế được? Khó khăn lắm. Hoá ra là bạn đang hạ thấp Thượng Đế xuống ngang tầm với bạn chăng?

Thế nhưng chuyện này thì có gì sai lầm? Thượng Đế phải được lôi xuống trần gian -chỉ như thế mới có thể có sự hiệp thông. Một là ông ta phải kéo bạn lên, hay là bạn phải kéo ông ta xuống -sự hiệp thông chỉ có thể xảy ra khi cả hai ở trên cùng một mặt bằng.

Chuyện này vẫn cứ tiếp tục xảy ra là vì có cái ngã tế vi dính vào. Bạn không cần phải bức xúc gì cả. Và nếu như cái ngã mà bạn nâng niu yêu dấu đó đang bức xức, hãy chờ thêm một chút, tôi sẽ cho nó bức xúc thêm.

Bạn nói rằng, *Tôi là một người rất mới ở đây*… hẳn nhiên … *và tôi cảm thấy bức xúc khi nghe ngài sử dụng những danh từ đại loại như "đám con hoang", v.v…* Tốt. Điều đó chúng tỏ rằng bạn đang còn sống: bạn còn có thể bị bức xúc. Có một số người ngay cả bức xúc cũng không hề có, họ chỉ là những xác chết biết đi. Như vậy may ra một cái gì đó có thể xảy ra; như vậy may ra một cái gì đó có thể được khơi dậy ở trong bạn. Như vậy tối thiểu là khi tôi đang nói chuyện bạn vẫn luôn tỉnh táo, không hề ngủ gục.

… Tôi không thể tin rằng một vị thánh lại sử dụng những ngôn từ như vậy. Chắc chắn là bạn là đang mang sẵn một ý niệm như thế nào đó về một vị thánh.

Nếu bạn đang có bất cứ loại ý niệm nào về một vị thánh, ý niệm này sẽ phải được hủy diệt. Ít nhất ở chỗ này, bạn không được phép mang theo những ý niệm như thế. Tôi là người chuyên đập vỡ thần tượng. Tất cả những nỗ lực của tôi ở đây là đập vỡ tất cả mọi mẫu mực lý tưởng, ý niệm, ý thức hệ.

Và đó là toàn bộ quan điểm của Thiền. Tại sao? Bởi vì những ý niệm này sẽ là những chướng ngại. Nếu như bạn đang có một ý niệm nào đó rằng một vị thánh phải như thế này, thế nọ; thế là bạn không biết được rằng một vị thánh là không thể đoán trước được và bạn không thể nào gán cho ông ta bất cứ ý niệm nào. Tất cả những ý niệm sẽ biến thành một nhà tù –và một vị thánh đúng nghĩa như thế sẽ chẳng bao giờ muốn mình bị giam hảm vào bất cứ ý niệm nào. Y hoàn toàn tự do. Không ai có thể vẽ một vòng tròn chung quanh y, và bảo rằng –"Đây là vị trí của ông, đừng có đi ra ngoài cái vòng này nhé." Nếu có ai đó chấp nhận chuyện này -chấp nhận chuyện bạn vẽ một cái vòng với những định nghĩa này nọ và ở yên ở trong đó- chắc chắn y sẽ chẳng bao giờ là một vị thánh. Nên cảnh giác với y: y yên vị ở đó chỉ để làm một công việc duy nhất là lừa gạt bạn. Nếu y thuận theo những ý tưởng của bạn, cũng có nghĩa là y sắp lừa dối bạn đó thôi.

Nên đi tìm một vị thánh chẳng hề bận tâm gì đến những ý kiến của bạn đối với mình. Tìm kiếm ai đó chẳng hề đếm xỉa đến những định kiến của bạn về một vị thánh như thế nào, và rồi bạn sẽ thấm nhuần ân sủng. Một vị thánh mà lại chạy theo bạn, chạy theo những ý niệm của bạn thì quả tình chẳng đáng giá chút nào. Y chỉ là kẻ theo đuôi bạn. Không có một vị thánh nào –không có một ông Giêsu, ông Phật, ông Mahavira nào- lại chạy theo khuôn mẫu của bạn cả. Đó là lý do tại sao họ cứ gặp phải những rắc rối lôi thôi. Nếu chạy theo bạn, chắc hẳn là Chúa Giêsu đã không bị đóng đinh lên thập tự giá. Nếu chịu đóng khung trong ý niệm của bạn về một vị thánh,

chắc hẳn là Mahavira đã không bị ném đá, trục xuất ra khỏi làng, đánh đập. Không bao giờ, ông ta sẽ chẳng bao giờ chạy theo bạn.

Không có một vị thánh nào lại chạy theo ý niệm của bạn cả. Giây phút mà ai đó bắt đầu chạy theo những ý niệm của bạn, y không phải là một vị thánh. Y không hề biết giá trị của tự do –y không hề rơi tỏm vào cái tâm thức tự do vốn có ở trong y, y không hề biết mình là ai. Cái bản ngã của y cũng là do bạn ban cho, cũng nhận được từ những ý niệm của bạn. Đây là cái tiêu chuẩn để phán đoán: Nếu bạn gặp một người chỉ biết hành xử, chạy theo một loại ý thức hệ nào đó … Một ông tu sĩ Kỳ Na thì tuân theo những tư tưởng của Kỳ Na Giáo. Một ông tu sĩ Thiên Chúa Giáo thì tuân theo những tư tưởng của Cơ Đốc giáo. Họ hành xử theo đúng bài bản. Đây là những kẻ nô lệ, không phải là những con người đích thực.

Một con người đích thực không thể bị giam giữ, cầm tù. Tôi không hề là một vị thánh theo cung cách như vậy, để rồi bạn có thể có những ý niệm như thế nào đó về tôi. Làm ơn quên những vị thánh của bạn đi. Cứ nhìn thẳng vào tôi. Cứ có mặt ở đây và nếm thử cái hương vị của tôi. Đừng mang theo bất cứ ý niệm nào -chắc chắn là tôi sẽ chẳng bao giờ bận tâm đến những điều như thế. Nếu bạn có bị bức xúc, đó là vấn nạn của chính bạn.

Tôi không vận dụng phương thức nào và cũng không có một nhu cầu nào để nhận bất cứ một căn cước nào từ bạn. Thế nên những điều bạn nói cũng chẳng sao cả. Nếu bạn đến đây để học hỏi một cái gì đó, cứ việc học hỏi. Và rồi bạn sẽ phải vượt qua rất nhiều cơn bức xúc. Những cái bức xúc đó chính là những tiến trình thực sự của hiểu biết; những cú "sốc" đó là những tiến trình của học hỏi.

Nếu bạn là người can đảm, và chỉ như vậy may ra mới có thể hiện diện ở đây. Bằng không cứ việc ra đi, tìm kiếm các ông thánh bù nhìn của bạn ở một nơi nào khác.

Tại sao có một số từ ngữ lại bị lên án? Từ ngữ tự nó chỉ là những âm thanh –làm thế nào mà một số từ nào đó bị đem lên bàn mổ? Lý do tại đâu? Lý do là vì bạn mang sẵn định kiến về một số sự việc nào đó. Chẳng hạn như, bạn là người chống đối tình dục, thế là tất cả những từ ngữ liên quan đến tình dục đều sẽ bị lên án. Nếu bạn đang chống lại một cái gì đó thì rồi tất cả những từ nào liên quan đến cái đó đều bị vạ lây. Thực ra những từ ngữ này không có tội vạ gì cả -sự kết tội này chỉ cho thấy một điều là bạn đang lên án một cái khác. Nếu bạn là người chống đối tình dục, thì ngay cả cái từ "tình dục" cũng làm bạn bức xúc. Thế rồi bạn không thể sử dụng cái từ đó -bạn phải dùng đến uyển ngữ, bạn phải nói loanh quanh.

Hàng thế kỷ qua người ta đã không dám nói đến tình dục. Đây là thế kỷ đầu tiên trong lịch sử nhân loại mà con người có đủ can đảm để đối mặt với nó –suy nghĩ về nó, nghiên cứ về nó, tìm hiểu vấn đề. Thế rồi hàng ngàn sự kiện mà con người chưa hề biết đã được khám phá ra trong khoảng hai, ba mươi năm trở lại đây -bởi vì trước đây đã không có ai dám nghĩ tới chuyện này. Người nào muốn đi sâu vào lãnh vực này dù mang tinh thần khoa học đều bị cho là khùng điên, bị giết, hành hình, thảm sát.

Đó là lý do tại sao một trong những năng lượng tiềm ẩn nhất trong con người vẫn chưa hề được khám phá. Chúng ta hiểu biết về mặt trăng còn nhiều hơn là hiểu biết về tình dục. Chúng ta hiểu biết về một hạt điện tử còn nhiều hơn là hiểu biết về tình dục. Hình như đây là điều ngu xuẩn -bởi vì tình dục là một nguồn năng lượng của con người. Chúng ta sinh ra từ

đó. Từ đó mà bạn có mặt trên cõi đời này, và rồi con cái bạn cũng thế -toàn bộ hiện hữu đều liên quan đến chuyện giới tính, nhục dục.

Nếu bạn không thấu hiểu được cái năng lượng được gọi là tình dục này, bạn cũng sẽ không bao giờ hiểu được sự sống. Và rồi làm sao bạn có thể hiểu được Thượng Đế nếu như bạn không hiểu được sự sống? Thế nhưng thực tế con người không mấy hiểu biết về nó. Đừng tưởng rằng bạn có ba đứa con là bạn hiểu biết về tình dục -chuyện sinh con đẻ cái chẳng liên hệ gì. Có con cái là một chuyện, hiểu biết về tình dục là chuyện khác. Ngay cả loài vật cũng sinh con đẻ cái vậy –nhưng chúng có hiểu biết gì về tình dục đâu.

Tại Phi Châu, từ hàng thế kỷ qua, có bộ lạc vẫn còn tin rằng chuyện đẻ con chẳng có liên hệ gì đến việc giao cấu mà đây là tặng phẩm của Thượng Đế. Lý do là vì họ không biết cách tính toán đo lường, không biết đếm số lượng lớn; họ không có các phép tính số học. Đếm đến chín tháng là chuyện quá lớn lao không thể làm nổi. Mà phải sau chín tháng đứa trẻ mới ra đời – cũng có thể là không luôn luôn như vậy, có khi sinh ra có khi không. Như vậy làm sao có thể cho rằng sự ra đời của đứa trẻ dính líu đến chuyện giao cấu được? Mà đâu có chắc gì hễ mỗi lần giao cấu thì sinh ra một đứa con – như vậy liên hệ như thế nào đây? Rồi lại có sự cách quảng trong vòng chín tháng, một khoảng cách khá dài. Đối với các xã hội bán khai không hề biết đến phép tính số học, việc đếm đến chín tháng là chuyện không thể thực hiện. Làm sao mà đếm? Và ai là người làm công việc đếm này? Họ hoàn toàn không có một ý niệm nào. Họ cứ việc sinh con đẻ cái –nhưng hoàn toàn không có một ý niệm nào về chuyện này.

Sinh một đứa trẻ là chuyện hoàn toàn máy móc. Nó không bao hàm bất cứ một kiến thức nào về tình dục, nó không cần đến sự hiểu biết này. Thế nên

nguồn năng lượng được gọi là tình dục vẫn còn là điều bí ẩn –chúng ta hiểu biết về dòng điện còn nhiều hơn là về giới tính. Đây là điều xuẩn động, bởi vì điện lực đâu có phải là một hiện tượng quan trọng như tình dục. Chúng ta gần gũi với tình dục hơn, gắn bó với tình dục hơn. Con người có thể sống không có điện nhưng con người không thể sống mà không có tình dục. Thế thì tại sao cái từ này lại bị lên án? Bởi vì người ta đã tạo ra cái ý niệm tội lỗi.

Như vầy tôi nghe…

Cô dâu tương lai: Khi chúng con đámcưới, con sẽ nấu ăn cho chàng, may vá cho chàng, đánh giày cho chàng, mạng vớ cho chàng –còn điều gì mà người đàn ông muốn nữa hở mẹ?

Người mẹ: Không gì cả -trừ phi anh ta có tâm hồn hắc ám.

Tình dục được xem như là một cái gì đó rất mực hắc ám. Một hiện tượng tự nhiên, ngây thơ vô tội như thế lại bị xem là chuyện hắc ám. Thế rồi tất cả mọi từ ngữ liên quan đến chuyện tình dục trở thành bất nhã –chúng không thể được mang ra nói trong một thế giới văn minh, trong một xã hội được xem là có văn hoá. Chúng ta đã loại trừ ý niệm tổng quát về tình dục và thế rồi tất cã những từ ngữ nào dính líu đến nó cũng biến mất luôn. Cũng giống như trường hợp đối với cái chết –chúng ta đã không dám đả động nhiều đến cái chết. Ngay cả việc nói đến cái chết cứ như là một chuyện ghê tởm, phiền phức -người ta tránh nói đến nó.

Chỉ mới vài hôm trước đây, một nhà xuất bản Anh Quốc –Sheldon Press- có đề nghị với tôi để họ xuất bản cuốn *"Đến Lúc Bạn Chết" –Until You Die*. Họ đã viết thư cho tôi: "Cuốn sách thật tuyệt, nhưng chúng tôi không muốn có cái tựa đề như thế, vì chính ý niệm liên quan đến cái chết, *"Đến Lúc Bạn Chết" –Until You Die* -sẽ làm người đọc lánh xa. Chúng tôi buộc lòng phải thay đổi cái nhan đề," họ nói như thế.

Chính cái tựa đề! Một cái tựa đề tuyệt vời như thế. Một phần câu nói của Chúa Giêsu! Ngay trên mảnh đất của Cơ Đốc giáo! Thế mà họ cho rằng cái nhan đề này không được chỉnh lắm, cần phải được thay đổi đi –"ngay chính cái ý niệm về nó sẽ làm độc giả lánh xa."

Không có ai muốn nghĩ đến cái chết. Không có ai muốn nhìn thẳng vào cái chết. Thế nên những từ ngữ nào dính líu đến cái chết đều cần phải được đục bỏ.

Đối với tôi toàn bộ cuộc sống là rất mực thiêng liêng. Tất cả những gì hiện hữu đều rất mực thiêng liêng –thiêng liêng vô điều kiện. Tôi không hề lên án bất cứ cái gì. Thế rồi toàn bộ ngôn ngữ thế gian đều ở trong tầm tay của tôi.

Ngài Bhagwan thân mến: Đến Poona cũng chẳng lâu lắc gì, được biết Rajneesh, trở thành một hành giả, vắt kiệt hết sinh lực mình, thực hành chung với vài nhóm, rồi rút vào ẩn dật, loại bỏ một vài thói quen cũ -cần sa ma túy

đại loại như thế -đã yêu, cảm thấy mình ngày càng được nâng cao thêm…

Thế nhưng công việc điểm hoá đó là gì? Vâng, tôi muốn nói đến thực chất của nó! Ngài biết chứ? Các vị Thầy đều nói đó là: Tìm ra con đường của bạn, và rồi thực hành công phu ngay trên chính mình. Một vài vị Thầy khác thì gọi đó là "sự điểm đạo". Cho đến nay, vẫn chưa tìm được một đầu mối để hiểu ý nghĩa đích thực của nó là gì.

Trước tiên: Không hề có một công việc điểm hoá nào ở đây. Ngay cái từ này đã không thích hợp với những gì đang xảy ra tại nơi đây. Đây là một cuộc chơi, không phải là một điểm hoá . Gọi đó là điểm hoá sẽ làm cho sự việc trở thành nghiêm trọng, gọi đó là điểm hoá cũng có nghĩa là mang cái bản ngã vào, tạo ra thêm những xung đột. Điểm hoá có nghĩa là xung đột – đó là lý do tại sao những người theo Gurdjieff đã dùng từ "điểm hoá ". Toàn bộ hệ thống của Gurdjieff được biết đến như là "công phu hành trì", bởi vì ông ta tin vào sự ma xát, xung đột: người ta phải chiến đấu cật lực, phải hạ thủ công phu.

Đối với tôi, chẳng có gì gọi là điểm hoá . Sau khi tôi ra đi, nếu bạn muốn gọi những công việc của tôi bằng một danh xưng nào đó, hãy gọi đó là một "cuộc chơi". Cuộc chơi đang tiếp diễn. Không phải xung đột, cũng chẳng phải ma xát, chỉ là thư giãn. Nó không làm công việc gì cả -mà ngược lại, chỉ để cho Thượng Đế hiển lộ tự nhiên. Điều này hoàn toàn đối nghịch với cái được gọi là điểm hoá .

Đây không phải là chuyện mà bạn phải làm một cái gì đó để nó được sinh khởi ra, nhưng thực sự là, tất cả những công việc bạn làm là không làm gì cả -vô tác. Tất cả những điều bạn làm sẽ chỉ tạo ra thêm những cản trở, chướng ngại cho chính bạn -bởi vì bạn càng làm chừng nào, thì cái bản ngã của bạn càng lớn thêm chừng nấy. Không thể như vậy, bạn phải chấm dứt mọi tác hành. Bạn phải bắt đầu thả trôi, như suối nguồn tuôn chảy. Hoàn toàn thư giãn. "Trôi đi", đó là câu thần chú của tôi. Và khi bạn ở trong tình trạng hoàn toàn trôi-đi này, mọi việc rồi sẽ xảy đến. Không phải bạn làm – mà là tác hành của Thượng Đế, của cái toàn bộ. Bạn chỉ để cho nó xảy ra, đơn giản như thế.

Cũng chẳng khác gì buổi sáng bạn đang ở trong phòng đóng kín cửa. Ngoài kia mặt trời vẫn có đó, yên lặng đợi chờ bạn. Nó sẽ không hề gỏ cửa, rung chuông, chỉ lặng yên chờ đợi. Và rồi khi bạn mở tung cánh cửa ra, nó sẽ ùa vào tràn ngập căn phòng. Cũng giống y như thế, Thượng Đế luôn luôn chờ sẵn ở bên ngoài cánh cửa. Nó sẽ không gọi bạn, không gỏ cửa, không gào lên –và ngay cả không thì thào với bạn. Nó sẽ chỉ đứng yên ở đó. Và tôi đang gọi Thượng Đế là "nó" chỉ là để hoà điệu với Thiền gia – khi họ gọi cái này bằng nó.

Nó sẽ vẫn tiếp tục đứng mãi ở đó: và khi bạn mở cửa, nó bước vào. Tất cả những gì cần thiết là bạn không nên tạo ra bất cứ chướng ngại nào, bạn không chặn đường đón ngõ. Đừng cản trở lối đi, thế thôi. Toàn bộ công việc của tôi là -hướng dẫn bạn làm thế nào để tiếp cận cuộc chơi, làm thế nào để trải lòng mình ra với hiện hữu, làm thế nào để bạn bén nhạy hơn, nhạy cảm hơn, sẵn sàng hơn. Để biết nhìn cây cỏ, biết lắng nghe tiếng chim chóc hát ca, và để tâm hồn bạn rộng mở đến trăng sao… như thê với thời gian, Thượng Đế bắt đầu tắm mát đời bạn với cơn mưa đến từ muôn hướng.

Bạn hỏi rằng, *Công việc điểm hoá đó là gì*? Thì nó đã được bắt đầu rồi mà. Thế nhưng tất cả những chuyện lớn lao thường khởi đầu một cách lặng lẽ; chúng không bắt đầu bằng một tiếng nổ vang. Chúng bắt đầu một cách âm thầm, rất mực lặng lẽ -như một đứa trẻ thể nhập vào bào thai của người mẹ … cực kỳ yên lặng. Cũng chẳng khác gì một hạt giống rơi vào lòng đất, lặng yên như thế … và rồi hạt giống nẩy mầm. Vâng, cũng giống y như vậy.

Nó đã được bắt đầu rồi. Đây là câu hỏi của Prashantam: Cái ngày mà bạn nhìn suốt vào mắt tôi và tôi nhìn suốt vào mắt bạn, nó được bắt đầu. Đây không phải là một nghi thức -sự điểm đạo đối với tôi không phải là một nghi thức. Có đôi khi nó bắt đầu ngay cả trước khi bạn gặp tôi, cách xa tôi cả ngàn vạn dặm.

Chỉ mới đêm kia đây, một phụ nữ xinh xắn đã đến quy y với tôi –tôi đã đặt pháp hiệu cho cô ta là "Paraveeta". Suốt trong bao nhiêu tháng, cô ấy không ngừng viết thư đến, nói rằng: Tôi muốn đến đây, tôi muốn đến đây. Và cô ấy muốn được đảm bảo một điều rằng, khi cô ấy đến, tôi vẫn sẽ còn có mặt ở đây, bởi vì cô có cảm giác rằng, mọi chuyện có vẻ như đã quá trễ, có thể là tôi đã qua đời và cô rất là lo lắng về chuyện này. Bây giờ thì cô ấy đã đến. Cô ấy đã được điểm hoá ngay cả trước khi cô ấy đặt chân đến đây. Trước khi đến, cô ấy đã hoà nhập vào trong tình thương yêu với tôi. Tâm của cô ấy đã đến đây trước khi thể xác có mặt –cô ấy đã được liên thông; dù cách xa tôi cả hàng ngàn dặm.

Chuyện điểm hoá tiếp diễn ở đây –mà tôi không gọi bằng danh từ này- thật ra chỉ là chuyện thương yêu. Việc điểm đạo xảy ra ở đây không hề là

một nghi thức. Sự điểm đạo xảy ra ở tận trong sâu thẳm của trái tim, trong chính con người bạn. Bạn Prashantam ạ, thực sự nó đã xảy ra rồi.

Và bạn bảo, *Thế nhưng công việc điểm hoá đó là gì? Vâng, tôi muốn nói đến thực chất của nó!* Thì cái chân thực đã xảy ra rồi và bây giờ bạn lại đang hỏi đến cái không thực. Bạn muốn một vài chỉ dấu của nó có thể thấy được tận mắt, bạn muốn trông thấy một cái gì đó rất mực cụ thể, vật lý. Không, tôi sẽ không cho bạn đâu. Đó là cái gì thuộc về lãnh vực tinh thần và bạn phải nhìn sâu vào trong bạn. Nó đã xảy ra rồi. Cái hạt giống đã vỡ ra, những mầm non đã đâm chồi. Có thể là phải cần một khoảng thời gian lâu hơn để bạn có thể nhận ra chúng, bởi vì chúng đang còn ở dưới mặt đất. Nhưng rồi chúng sẽ nhú ra khỏi mặt đất ngay: hãy sẵn sàng để săn sóc chúng.

Các vị Thầy đều nói đó là: Tìm ra con đường của bạn, và rồi thực hành công phu ngay trên chính mình. Đối với tôi: *Tìm ra con đường của bạn* -chỉ chừng ấy là đủ rồi. Rồi thì ta cứ việc rong chơi trên con đường đó. Không có vấn đề điểm hoá được đặt ra; tất cả công việc điểm hoá là trước khi bạn tìm ra đạo lộ. Vâng, nếu có chuyện điểm hoá –thì đó là việc bạn phải tìm kiếm cho ra con đường. Một khi đạo lộ đã mở ra -điều mà Phật Tổ gọi là *srotaapanna*- một khi bạn đã trôi đi cùng với suối nguồn, hãy để cho suối nguồn làm công việc đó.

Bây giờ thì bạn có quyền thư giản! Bây giờ ngay cả việc lội theo giòng cũng là chuyện lãng phí. Đừng có phí phạm năng lượng của bạn như thế. Bây giờ thì giòng sông đã tiếp cận bể cả rồi … Ta đang thể nhập vào cùng với đại dương mênh mông. Nếu bạn đã trở thành một hành giả, bạn cũng trở thành một -bạn đã nhập vào giòng. Bạn đâu có cần lội ở trong tôi nữa, chỉ việc thư giãn, bởi vì bạn đã hoà nhập với tôi làm một … và rồi bạn sẽ tiếp cận với bể cả. Hãy thư giãn đi –đó là ý nghĩa của sự buông bỏ.

Theo Thiền, một cách chính xác,
bệnh hoạn căn bản nhất của nhân loại là gì?

Tham cầu, dục vọng, mong muốn được là. Luôn luôn khát khao thèm muốn một cái gì đó -tiền bạc, Thượng Đế, *niết bàn*. Luôn luôn khát khao thèm muốn một cái gì đó –quyền lực, danh vọng, thế lực. Luôn luôn khát khao thèm muốn một cái gì đó. Sống mà không bao giờ hiện hữu ở đây, luôn luôn có mặt ở một nơi khác: Đó là căn bệnh cơ bản nhất của nhân loại, căn bệnh được gọi là "mong muốn trở nên". Bạn là một con người. Bạn đã là cái mà bạn có thể trở thành -bạn không có nhu cầu để trở thành một cái gì cả. Bạn đã là cái mà bạn hiện đang cố gắng để trở thành.

Đó là lý do tại sao nếu bạn đến tìm gặp một vị Thiền sư và hỏi: "Tôi muốn trở thành một ông Phật", ông ta chắc chắn sẽ cho bạn một trận đòn. Và rồi ông ta sẽ la lên, "Nếu ta không đánh ngươi, cả thế giới này sẽ cười vào mặt ta. Ngươi đang là một vị Phật -thế mà ngươi lại hỏi ta làm thế nào để trở thành một vị Phật?"

Bạn là những chư thiên, thiên nữ: Đó là điểm mấu chốt nhất ở đây. Tất cả những gì cần thiết là nhận thức được chuyện này –ngoài ra không có điều gì khác. Bạn không là cái sẽ thành. Làm thế nào bạn có thể trở thành một cái gì đó nếu như bạn không sẵn sàng? Người ta chỉ trở thành cái mà người ta đang là. Bạn không thể trở thành một cái gì khác, vô phương! Làm thế nào mà một cái bông hồng có thể trở thành một cái hoa sen? Bông sen chỉ trở thành bông sen và bông hồng chỉ là bông hồng.

Nếu có ai đó trở thành một vị Phật, điều này có nghĩa là ông ta đã là một vị Phật. Nếu ai đó trở thành Chúa thì bởi vì ông ta đã là Thiên Chúa –dĩ nhiên là cần thời gian để ông ta nhận ra được điều này. Kẻ đần thì cần một khoảng thời gian lâu dài hơn, thế thôi. Kẻ trí thì không cần phải lâu lắc như thế. Kẻ toàn tri, toàn giác thì không cần đến một mảy may. Chỉ trong một sát na là hoàn toàn nhận biết. Chỉ một thoáng gật đầu là mọi chuyện hoàn tất.

Cái dục vọng này tạo nên sự mê đắm ở con người. Nó tạo nên vô minh, nó tiềm ẩn trong vô thức, và bạn trở thành một bợm ghiền. Bởi lẽ bạn không hiện hữu ở đây –làm thế nào mà bạn có thể bám rễ được? làm thế nào mà bạn có thể đứng vững đôi chân trên mặt đất? làm thế nào mà bạn có thể trở thành trung tâm điểm? Thế là bạn đi lang thang quanh thế gian này, khắp cùng thế giới -trở thành cái này, trở thành cái nọ, ở nơi kia, ở nơi khác… Thay vì tìm ra chính mình ngay tại chỗ này, bạn lại chạy đi ở chỗ khác. Thay vì bạn là chính bạn ngay tại khoảnh khắc này, bạn lại muốn đi tìm mình ở các khoảnh khắc nào đó. Bạn cứ nghĩ đến đời sống ở thế giới bên kia -thế nhưng bạn không bao giờ sống một đời sống thực sự trước khi chết.

Một hôm có một người đến gặp tôi và hỏi, “Ngài nói cho tôi biết đời sống sau khi chết là gì?” Tôi bảo, “Tôi không đề cập đến chúng. Tôi chỉ nói về đời sống *trước khi* chết.” Sau khi chết? Bạn đã không hề sống đời sống trước khi chết, thế mà bạn lại đang nói về đời sống sau khi chết là sao? Hãy sống trọn vẹn cuộc sống này! Còn cái đời sống kia để tự nó lo liệu lấy.

Tham cầu, dục vọng tạo nên cơn ghiền. Khi đôi mắt của người ta trở nên đờ đẫn đi, người ta bắt đầu cảm thấy run rẩy, hết còn tỉnh táo. Dục vọng trở thành một tấm màn chắn ngăn che ý thức –đó chính là bệnh hoạn căn bản. Một khi bạn đắm chìm trong dục vọng, bạn sẽ không bao giờ còn nhìn thấy chân lý. Chân lý chỉ được nhận ra khi nào cái bệnh ghiền mang tên là dục vọng đó biến mất. Lúc bấy giờ đôi mắt của bạn sẽ trở nên trong suốt, tinh anh. Lúc bấy giờ bất cứ cái gì là, sẽ xuất hiện đúng y như thế -bạn trở thành một tấm gương soi.

Một tên say rượu đang đứng cạnh chiếc máy bán thuốc lá đặt phía trước nhà hàng. Y bỏ một đồng tiền vào và rút ra một gói thuốc, và tiếp tục bỏ một đồng tiền khác vào rồi lấy ra một gói thuốc khác…

Một khách hàng khác đến gần. Đứng nhìn cái trò này tiếp diễn một lúc, không còn kiên nhẫn, anh ta bảo, “Bạn có thể nhường để cho tôi mua một gói được không?”
“Này, bạn có điên không đấy?!” tên say trả lời, “Bộ không thấy ta đang trong vận hên thắng bạc liên tiếp hay sao?”

Một câu chuyện khác…

Hai người lính đang ngồi uống rượu trong một quán nhậu tại tỉnh lẻ. Trên bàn của họ là một đống chai ngổn ngang đủ hiệu, và cứ từng chặp họ lại ngưng uống, nhìn chăm chăm vào một bà già ngồi ở bàn kế bên. Rồi người ta nghe khi thì người này hoặc người kia thì thào, “Chưa. Chưa đâu”.

Không dấu được tò mò, một khách bàng quan cuối cùng đã lên tiếng hỏi họ về thái độ khác thường này. Một người lính trả lời, "Ngay khi nào mà tụi này thấy cái bà kia trở thành một cô gái xinh đẹp, tụi này sẽ lại cụng ly tiếp".

Đúng vậy, khi bạn say quá mức, lúc đó mọi việc sẽ bắt đầu hiện ra hoàn toàn khác biệt. Một người xấu như ma cũng có thể thấy là xinh đẹp tuyệt trần, một bà già cũng có thể biến thành một cô gái trẻ. Lúc đó mọi thứ không còn hiện ra nguyên trạng nữa. Khi bạn đang say, bạn đang sống trong một thế giới riêng tư hoàn toàn.

Và một chuyện khác…

Một gả kia về nhà khuya, say sưa, bò lên giường ngủ trong đêm tối. Tỉnh giấc vào sáng hôm sau, y thấy có đến ba cặp chân thò ra khỏi tấm chăn đắp trên giường -một đôi chân màu đen. Y lay vợ dậy và bảo, "Này, Mary, coi kìa -tại sao lại có đến ba cặp chân?!"
Bà vợ la lên, "Đừng có khùng quá vậy. Uống rượu cho lắm vào rồi say sưa lú lẩn cả người. Tụt xuống giường đi rồi đếm lại thử coi!"

Anh chồng leo ra khỏi giường, rờ rẩm đếm đi đếm lại mấy cái chân một cách kỹ lưỡng rồi bảo vợ: "Ừ nhỉ! Bà nói đúng đó -Chỉ có hai cặp thôi. Mà cặp chân của tôi sao nó đen đúa dơ dáy quá!"

Tình huống là như thế. Bạn không thể trông thấy những gĩ đang xảy ra cho bạn. Bạn không thể nhìn thấy được nguyên trạng, bạn không thể thấy được những gì ngay bây giờ và ở đây. Bởi vì bạn không có khả năng *nhìn thấy*.

Bạn không thể trông thấy được gì cả -bạn đã mất thị giác, bạn đã bị đui mù! Dục vọng đã che lấp đôi mắt bạn, phủ lên cả một tầng lớp bụi mờ.

Đối với nhà Thiền, dục vọng là căn bệnh trầm kha nhất của nhân loại. Một khi bạn hiểu rõ điều này, cái dục vọng này sẽ biến mất. Thiền không hề bảo bạn: Hãy chống lại dục vọng. Thiền cũng không bảo bạn: Hãy chiến đấu với dục vọng -bởi lẽ khi bạn chiến đấu, bạn sẽ lại tạo ra những dục vọng khác. Đó là phương thế của dục vọng -tất cả mọi hình thái đấu tranh đều là phương thế của dục vọng. Nếu bạn muốn chiến đấu với dục vọng, bạn bắt buộc sẽ phải tạo ra một dục vọng khác. Thế là bạn sẽ thoát ra khỏi một chiếc bẩy sập để rồi lập tức lại rơi vào một chiếc bẩy sập khác.

Đó là những gì đang xảy ra với những người được gọi là có tín ngưỡng. Họ nhàm chán cái thế giới này và bắt đầu khởi lòng tham cầu Thượng Đế, Niết Bàn -thế là dục vọng lại khởi dậy. Nên nhớ rằng tham cầu là thế tục. Bạn không thể tham cầu Thượng Đế; bất cứ bạn tham cầu điều gì đều là chuyện thế gian. Tham cầu là thế tục. Vô cầu là đi vào dòng thánh. Vô cầu là niết bàn.

Thế nên vấn đề không phải là tạo ra một tham cầu khác. Đó là điều đang xảy ra cho hàng triệu người. Một khi mà người ta đã chán ngấy cái thế gian này -mọi người không sớm thì muộn cũng sẽ chán ngấy thế gian- người ta bắt đầu tạo ra một tham cầu mới, rất mực mới mẻ: Làm thế nào để vào nước thiên đường? Làm thể nào để đến với Thiên Chúa? Làm thế nào để sống trong cõi cực lạc? Lòng tham cầu tuy chuyển hướng, nhưng không có gì đổi khác. Bâygiờ thì người ta tham cầu *tam ma địa*, *tất địa*, thần thông, cái này, cái nọ -nhưng dục vọng cứ tiếp tục mãi. Nội dung, mục đích thay đổi, nhưng tình huống vẫn y nguyên.

Thiền nói rằng: Hãy cố để hiểu dục vọng. Cố để hiểu cái lòng tham cầu này –cái cơ chế của nó. Biết được bằng cách nào nó đã dẫn bạn vào mê lộ. Cái biết này mang lại sự chuyển hoá. Rồi đến một ngày, khi nhận biết chúng một cách toàn bộ, hoàn toàn, đến tận cội nguồn, gốc rễ… đó là thực chứng, là hoát nhiên đạt ngộ. Bạn đã đi trở về lại ngôi nhà xưa, và bạn bỗng bật tiếng cười.

Đó là lý do tại sao người tăng sinh đã bảo, "Khi tổ sư đạp cho tôi một đạp, từ đó tôi không thể nào nhịn cười." Cú đạp đó đó biến thành hoát nhiên đạt ngộ; cú đạp đó đã mở tung cánh cửa. Trong cú đạp đó, lòng tham cầu biến mất và người tăng sinh đã có thể nhìn suốt chính mình, bản lai diện mục.

Thế nên hãy nhớ kỹ điều này. Bằng không, bạn chỉ thay thế vấn nạn này bằng một vấn nạn khác, và bạn vẫn luôn đắm chìm trong cùng một khổ nạn. Cái vấn nạn không hề thay đổi.

Ngày xưa có một cô nàng thiếu nữ cực kỳ xinh đẹp đang đi dạo ngang qua một cánh rừng. Bỗng nhiên cô ta trông thấy một con cóc to lớn xù xì ghê tởm đang ngồi trên một khúc cây. Điều ngạc nhiên hơn nữa là con cóc này biết nói tiếng người.

"Chào cô nương", con cóc kêu lên oàm ạp, "Cô có thể ban cho tôi một ân huệ không? Điều này có thể rất là khó tin đối với cô, nhưng tôi vốn là một hoàng tử rất duyên dáng, đẹp trai, thế rồi bỗng dưng có một mụ phù thủy xấu xí và hung dữ đã đọc một lời nguyền độc địa biến tôi thành con cóc xấu xí này."

“Ôi, thật là đáng thương cho chàng!” Cô thiếu nữ kêu lên. “Tôi sẽ làm bất cứ điều gì để giúp chàng bẻ gãy lời nguyền này”

“Cũng dễ thôi, cô nương ạ,” con cóc trả lời, “phương cách duy nhất để lời nguyền này không còn tác dụng và tôi có thể trở lại thành một hoàng tử đẹp trai như xưa là có một cô gái xinh đẹp dễ thương nào đó chịu mang tôi về nhà và để tôi ngủ lại qua đêm dưới chiếc gối của nàng.”

Cô gái liền mang con cóc xấu xí về nhà và ngay đêm đó đặt nó xuống dưới chiếc gối của mình trên chiếc giường ngủ. Sáng hôm sau khi thức giấc, quả đúng như điều con cóc nói, bên cạnh nàng trên chiếc giường là một chàng thanh niên tuấn tú đẹp trai, cốt cách rõ ràng của một chàng hoàng tử.
Và rồi họ đã sống một cuộc đời hạnh phúc mãi mãi kể từ hôm đó, chỉ có một điều đáng nói là, mãi cho đến nay, cha mẹ nàng vẫn không tin ở câu chuyện của con gái mình.

Cũng như vậy, toàn bộ cuộc đời của bạn chẳng là gì cả ngoại trừ những câu chuyện đại loại như thế, bởi vì tất cả lòng tham cầu chỉ đẻ ra toàn những chuyện tưởng tượng. Tất cả lòng tham cầu đều là hoang đường, tất cả lòng tham cầu đều tạo ra những ảo tượng. Và bạn thì không ngừng thay đổi –thay đổi ảo tượng này sang ảo tượng khác, chạy từ ảo tượng này đến ảo tượng khác. Bạn không ngừng thay đổi những ảo tượng, từ cái này đến cái khác trong suốt cuộc đời bạn.

Một khi bạn hiểu rõ đến tận gốc nguồn cơ cấu của những ảo tượng như thế, sẽ xảy ra một sự bùng vỡ, một đột phá. Tâm thức bạn chiếu dọi một ánh bình minh mới. Trong khoảnh khắc đó, không những thế giới này trở

thành vô nghĩa, mà ngay cả toàn bộ tam thiên đại thiên thế giới cũng trở thành vô nghĩa nốt. Trong khoảnh khắc đó, sẽ không còn có gì để tham cầu nữa. Không tham cầu ngay cả chuyện vô cầu, bởi vì không còn có gì để tham cầu. Bỗng nhiên lòng tham cầu không còn hiện hữu, làn khói mù đã tan biến đi, và ánh sáng cháy bùng lên rực rỡ.

Hãy nhớ đừng thay đổi những vấn nạn, chạy từ ảo tượng này sang ảo tượng khác. Nó chẳng hề giúp ích gì cho bạn cả.

Một cô bé bị bài giảng của vị linh mục về sự cách biệt giữa một con chiên và bầy dê gây ấn tượng mạnh mẽ. Đêm đó khi nghe cô bé thút thít ở trong phòng ngủ, người mẹ liền vào tìm hiểu lý do.

“Đó là câu chuyện về đàn dê!” Cuối cùng cô bé Jenny đã thú nhận như thế. “Con sợ rằng con là một con dê và như thế con sẽ không bao giờ vào được nước thiên đàng. Chuá ơi, Con sợ rằng con là một con dê quá chừng.”

“Con à,” người mẹ vỗ về đứa con gái đang khóc, “Con là một con chiên bé nhỏ đáng yêu. Ngay cả nếu con chết tối nay, con cũng sẽ vào thẳng nước thiên đường ngay lập tức.” Lời an ủi này đã có hiệu quả, cô bé nín khóc và đi ngủ trở lại.

Thế nhưng vào đêm sau, cô bé Jenny lại tiếp tục khóc lóc ở trong phòng, và khi người mẹ bước vào thì Jenny lại càng nức nở lớn hơn, “Con rất lo sợ về chuyện những con dê.”
“Nhưng Mẹ đã bảo rằng con là một con chiên nhỏ dễ thương, không có gì để con phải lo lắng về chuyện trở thành một con dê cả.”

Lần này thì lời an ủi xem chừng không hiệu quả và cô bé vẫn tiếp tục nức nở.
"Vâng, Mẹ à, con biết như thế nhưng con vẫn lo sợ -rất mực lo sợ về chuyện mẹ là một con dê."

Cứ như thế, người ta chạy từ một vấn nạn này sang một vấn nạn khác … thế nhưng cái vấn nạn căn bản thì vẫn còn y nguyên. Đây không phải là phương cách để giải quyết vấn nạn -người ta phải nhìn sâu vào cội rễ để xem từ đâu mà vấn nạn khởi sinh.

Thế nên Thiền gia không gọi giận dữ, không gọi tình dục, không gọi tham lam, không gọi gây hấn, bạo lực là một vấn nạn. Thiền cho rằng cội rễ vấn nạn là lòng tham cầu, và tất cả mọi vấn nạn đều được sinh khởi từ lòng tham cầu. Cắt đứt gốc rễ này, toàn bộ cái cây cũng biến mất theo.

Tôn giả Bhagwan, sự thực là ngài đang làm gì ở đây?

Bán nước cạnh bờ sông.

Thiền sư Sogaku Harada viên tịch vào năm 91 tuổi. Hôm tang lễ của ngài, người ta treo lên một bức thư hoạ do chính tay ngài viết, có nội dung như sau:

Suốt bốn mươi năm qua ta làm người bán nước
Ngay bên cạnh bờ sông.

Hô, hô!
Chỉ làm chuyện bao đồng.

Điều này chỉ được nói ra bởi một vị Thiền sư. Trước tiên ông ta bảo "Bán nước ngay bên cạnh bờ sông" -tức là làm một chuyện thực sự không cần thiết gì cả. Dòng sông đang tuôn chảy kia, bạn chỉ việc nhảy vào và tha hồ uống nước. Thế nhưng con người thường xuẩn động như thế, người ta vẫn cần đến những người đi bán nước, cho dù là ở kế cận ngay bờ sông.

Rồi ông ta bảo, "Hô hô! Chỉ làm chuyện bao đồng." Đây là một câu nói vô cùng ý nghĩa. Những vị Thiền sư cho rằng ngay cả bạn làm điều tốt cũng là chuyện vô ích. Bởi vì ngay từ căn bản mọi chuyện đều tốt –làm thế nào để bạn có thể làm điều tốt hơn? Nếu bạn làm cho người ta giác ngộ -thì đâu là mục tiêu? bởi vì họ đã giác ngộ rồi -bạn có làm thêm được điều gì mới mẻ đâu? "Hô hô! Chỉ làm chuyện bao đồng."

Trước hết, chúng ta vẫn cứ tiếp tục làm cái chuyện bán nước bên cạnh bờ sông? Hừm, phải không? Bởi vì chỉ cấn một chút thông minh là bạn đã có thể nhảy xuống dòng sông để uống nước rồi. Để rồi cuối cùng chúng ta biết được rằng tất cả mọi nỗ lực đều vô nghĩa, vô ích. Bởi vì ngay cả nếu bạn được giác ngộ, bạn cũng chẳng được thêm cái gì cả. Bạn đã luôn luôn giác ngộ.

Tuy nhiên điều này chỉ có thể được nói ra bởi một vị Thiền sư –với cái nhìn thấu suốt vào tận cùng sự vật. Cả hai chuyện đều vô cùng sâu sắc. Không có ai cần phải được giác ngộ, bởi vì mỗi người đều đã giác ngộ rồi. Thế nên quả là chuyện khôi hài khi có người lại đi làm công chuyện giác ngộ bạn.

Cũng quả là chuyện khôi hài khi mỗi ngày tôi lại cứ tiếp tục công việc giác ngộ bạn. Và bạn thì lại rất mực bướng bỉnh… thế là bạn sẽ không bao giờ trở nên giác ngộ. Và tôi lại cứ tiếp tục đi làm cái chuyện bán nước cạnh bờ sông… Còn bạn thì cứ tiếp tục *trả tiền* nước! Bạn sẽ chẳng bao giờ chịu nhìn vào cái giòng sông đang tuôn chảy cạnh đó. Nó vẫn luôn có mặt ở đó mà – ngay cả trước khi cái khát có mặt, dòng sông đã có mặt ở đó. Sự thỏa mãn đã có trước cả sự tham cầu.

Thế mà bạn hỏi. *Tôn giả Bhagwan, sự thực là ngài đang làm gì ở đây?* Thì đang bán nước cạnh bờ sông, Hô, hô!

CHƯƠNG 3

Và Bầu Trời Vẫn Thế

Khi Thiền sư Bàn Khuê (Bankei, 1622-1693) tổ chức những tuần lễ thiền tập, những Thiền sinh từ khắp nơi trên nước Nhật đã đổ về tham dự. Một trong những lần tụ hội này, một Thiền sinh bị bắt quả tang đang ăn cắp. Việc này đã được tường trình lên sư Bàn Khuê với lời đề nghị là thủ phạm phải bị trục xuất. Thiền sư Bàn Khuê đã bỏ qua chuyện này.

Sau đó Thiền sinh này lại bị bắt quả tang ăn cắp một lần nữa, và Thiền sư Bàn Khuê cũng lại bỏ qua. Điều này đã làm cho các Thiền sinh khác tức giận, họ đã làm một tờ thỉnh nguyện yêu cầu phải loại bỏ kẻ cắp, nếu không họ sẽ rời bỏ khoá tu.

Khi Bàn Khuê đọc xong tờ thỉnh nguyện, ông kêu tất cả mọi người tập họp trước mặt mình và bảo: "Này chư huynh đệ, các ngươi là những người khôn ngoan, biết phân biệt điều phải, điều quấy. Các ngươi có thể đi bất cứ chỗ nào

khác để tìm thầy học đạo, nếu muốn. Còn người anh em đáng thương này không hề biết cả chuyện phải quấy. Ai sẽ dạy cho y nếu ta không làm điều đó? Ta sẽ giữ y ở lại đây cho dù tất cả các ngươi rời bỏ chỗ này."

Nước mắt chảy ràn rụa trên khuôn mặt của người anh em đã phạm tội trộm cắp. Tất cả lòng tham đắm trộm cắp đã biến mất.

Từ bi là hoa trái cuối cùng của ý thức. Lòng yêu thương vô hạn này làm xoá tan đi bóng tối, giải phóng mọi buộc ràng nô lệ, thanh lọc mọi độc chất. Lòng yêu thương vô hạn này trở thành lòng từ bi. Tình cảm này là hạt giống làm nở hoa lòng từ.

Từ bi không phải là lòng tốt, lòng tốt không phải là từ bi. Lòng tốt chỉ là một sự hướng ngã, làm củng cố thêm cái bản ngã của bạn. Khi bạn xử tốt với ai đó, bạn cảm thấy mình đang ở vị thế kẻ cả, và đó cũng chỉ là một hình thái sỉ nhục nặng nề -bạn đang làm bẻ mặt kẻ khác, bạn cảm thấy hạnh phúc trước sự hạ mình của y. Đó là lý do tại sao lòng tốt không bao giờ có thể được tha thứ. Bất cứ ai được bạn xử tốt cũng lưu lại ở một nơi nào đó trong lòng họ nỗi oán giận đối với bạn, đợi dịp phục thù. Bởi vì mới chỉ nhìn trên mặt nổi, lòng tốt có vẻ như là lòng từ bi, nhưng tận trong sâu thẳm, nó chẳng hề dính dáng gì đến từ bi. Nó có những động cơ sâu kín.

Lòng từ bi không hề có ẩn ý ở đằng sau, nó không hề có động cơ thúc đẩy. Đơn giản chỉ là vì bạn sẵn có và bạn cho đi –không phải vì do nhu cầu của kẻ khác. Tha nhân không hề mắc mứu gì đến từ bi. Bởi vì bạn chứa sẵn nên nó tuôn chảy chan hoà. Từ bi là rất mực tự phát, tự nhiên, cũng giống như

bạn đang thở. Lòng tốt thường là hành động được nuôi dưỡng. Nó là một hình thái của xảo quyệt, được cân nhắc, tính toán cộng trừ thêm bớt.

Bạn đã từng được nghe một câu nói rất mực quan trọng –có ở trong hầu hết những kinh điển trên thế gian này, dưới hình thức này hay hình thức khác: Hãy làm cho người khác tất cả những gì mà bạn muốn người khác làm cho mình. Đây là một thái độ tính toán chi li, không phải là từ bi chút nào. Cái này không hề dính dáng gì đến tín ngưỡng -mà là một thứ luân lý rẻ tiền, loại luân lý rất mực trần tục: Hãy làm cho người khác tất cả những gì mà bạn muốn người khác làm cho mình. Cũng giống y hệt như một dịch vụ mua bán đổi chác, nó chẳng hề mang màu sắc tín ngưỡng chút nào. Bạn đang làm việc đó bởi vì bạn mong chờ được đáp lại một điều giống y như vậy. Đây là một thái độ ích kỷ, vị ngã, luôn coi mình là trung tâm. Bạn không hề phục vụ tha nhân, không hề yêu thương kẻ khác –quanh đi quẩn lại cũng chỉ là để phục vụ cho riêng cá nhân mình. Bạn đang lợi dụng kẻ khác.

Đây là một thứ chủ nghĩa vị kỹ được đánh bóng, nhưng thực chất vẫn là vị kỹ -dù được che dấu cực kỳ thông minh, những cũng vẫn là vị kỹ. Lòng từ bi trái lại là một sự nở hoa không tính toán, là tuôn chảy như suối nguồn. Bạn cho đi bởi một lẽ đơn giản là nó không thể nào xảy ra khác hơn.

Thế nên hãy nhớ điều đầu tiên: Trong một ý nghĩa nào đó, từ bi không phải là lòng tốt –cái ý nghĩa bạn dùng từ "lòng tốt" thường không phải là lòng tốt thực sự. Nhưng trong một ý nghĩa khác thì từ bi lại là lòng tốt thực sự. Bạn không ban lòng tốt cho bất cứ ai, bạn không hề là kẻ bề trên, bạn chỉ phóng thích những năng lượng mà bạn nhận được từ tổng thể. Nó đến từ tổng thể và lại trở về tổng thể -bạn không đứng đó như một vật cản trở, chặn đường, thế thôi.

Khi A Lịch Sơn Đại Đế đến Ấn Độ, ông ta đã đến thăm một thánh nhân vĩ đại nhất của đất nước này, Diogenes. Lúc bấy giờ Diogenes đang nằm tắm nắng bên cạnh một bờ sông. A Lịch Sơn luôn ấp ủ ước vọng được gặp gỡ vị thánh nhân này vì đã nghe rằng Diogenes là người hoàn toàn vô sản nhưng trên thế gian này chưa chắc có một người nào giàu có phong phú hơn ông ta. Hẳn nhiên là Diogenes phải có một cái gì đó ở bên trong, một bản thể sáng ngời rực rỡ. Ông ta là một tên ăn mày nhưng thực sự là một ông vua. Thế nên A Lịch Sơn đã bị lòng tò mò kích động. Khi đặt chân đến Ấn Độ, nghe tin Diogenes đang ở quanh quẩn gần đâu đây, A Lịch Sơn đã tìm đến để gặp ông.

Đó là một buổi sáng nắng đẹp, mặt trời đang lên cao, và Diogenes đang nằm trần truồng trên bải cát tắm nắng. A Lịch Sơn Đại Đế đến gần ông và bảo, "Tôi rất vui mừng được gặp ngài. Bây giờ tất cả những gì tôi được nghe về ngài hình như đều đúng sự thật cả. Tôi chưa hề trông thấy một ai hạnh phúc như thế. Tôi có thể giúp được ngài điều gì không, thưa ngài?" Diogenes trả lời, "Tôi chỉ xin ngài đứng tránh qua một bên –ông đang che lấp cái mặt trời của tôi. Và cũng xin vui lòng nhớ cho! Đừng có ngăn che mặt trời. Ngài là người thật nguy hiểm, có thể ngăn che mặt trời đến với biết bao nhiêu người. Xin làm ơn đứng tránh dùm qua một bên."

Từ bi không phải là cái gì đó mà bạn có thể ban phát cho tha nhân, chỉ đơn giản là đừng ngăn che mặt trời. Hãy thấy rõ điểm này, một điểm rất đơn giản: Đừng ngăn che Thượng Đế. Đó là phương tiện chuyển tải thiêng liêng thánh thiện, để nó được tuôn chảy qua bạn. Bạn trở nên một ống trúc rỗng không và Thượng Đế tiếp tục tuôn chảy qua bạn. Bạn có biết không?

chỉ có một ống trúc rỗng mới có thể trở thành một chiếc sáo -bởi vì chỉ có một ống trúc rỗng mới có khả năng để cho âm thanh tuôn tràn qua nó.

Từ bi không phải đến từ bạn, từ bi đến từ Thượng Đế; còn lòng tốt phát sinh từ bạn –đây là điều đầu tiên cần phải hiểu rõ. Lòng tốt là cái gì đó do bạn thực hiện, từ bi là cái gì đó do Thượng Đế thực hiện. Thế nên bạn chỉ làm một việc đơn giản là không ngăn che nó, đừng ngăn đường, chặn lối. Bạn hãy để cho mặt trời rọi xuống, chiếu tỏa đến muôn phương.

Lòng tốt chỉ củng cố thêm bản ngã –và từ bi chỉ hiện hữu khi nào cái bản ngã này biến mất hoàn toàn. Thế nên đừng để những cuốn từ điển của bạn làm cho bạn lạc lối, bởi vì trong những cuốn từ điển đó, từ bi và lòng tốt có ý nghĩa tương tự nhau. Tuy nhiên trong cuốn từ điển thực sự của đời sống nó không phải như thế. Và Thiền chỉ có một cuốn từ điển duy nhất, cuốn từ điển của vạn hữu.

Những người Hồi giáo có Koran là thánh kinh, người Ấn Độ Giáo có Vệ Đà, người Sik có Gurugranth, người Cơ Đốc có Bible, người Do Thái giáo có Talmud. Nếu bạn hỏi tôi, "Thế thì đâu là thánh kinh của Thiền?" Thiền không có kinh sách nào cả, kinh sách của nó là vạn hữu. Và đó chính là nét tuyệt vời của Thiền.

Những lời kinh ẩn chứa trong từng viên sỏi, âm thanh tụng đọc của Thượng Đế vang vọng trong mỗi tiếng chim ca. Và trong từng khoảnh khắc, chung quanh ta là khúc luân vũ bất tận của Thượng Đế.

Từ bi là để cho khúc hát vô tận này tuôn chảy không ngừng qua bạn, rung lên không ngừng trong bạn –đó là lúc bạn hoà điệu với nguồn mạch thiêng liêng này, tay trong tay sánh bước cùng Thượng Đế, lúc đó không còn gì

dính dáng với bạn nữa, bạn phải biến mất đi để nó có thể hiện hữu. Để cho lòng từ bi có mặt, bạn phải hoàn toàn tan biến đi –nó chỉ tuôn chảy vào nơi không còn bóng dáng cái ngã của bạn.

Lòng tốt được vun bón làm bạn trở thành rất mực ích kỷ. Bạn có thể nhìn ra chung quanh và thấy điều này: Những người được xem là tử tế, nhân hậu thường cực kỳ ích kỷ, ích kỷ còn hơn cả những kẻ độc ác. Cũng chẳng có gì lạ. Những người độc ác còn cảm thấy một chút nào đó tội lỗi, còn người được gọi là tử tế nhân hậu thì lúc nào cũng cảm thấy mình rất mực hoàn hảo –luôn luôn *thánh-thiện-hơn-bạn*, luôn luôn cảm thấy mình tốt hơn kẻ khác. Y rất mực tự giác về những gì mình đang làm; mỗi một hành động của y mang thêm nhiều năng lượng, năng lực cho cái ngã của mình. Y phình to ra thêm mỗi ngày. Toàn bộ hành trình của y đếu quy hướng về cái ngã.

Đây là điểm thứ nhất cần phải đươc hiểu rõ, từ bi không phải là cái được gọi là tử tế nhân hậu. Dĩ nhiên nó cũng có hàm chứa một phần đặc tính thiết yếu của lòng tử tế nhân hậu –đó là sự dịu dàng, thân ái, cởi mở cảm thông, không cứng rắn, là tinh thần sáng tạo, và sẵn lòng giúp đỡ. Tuy nhiên, không có gì được thực hiện như là một phần hành động của ban, tất cả mọi chuyện chỉ tuôn chảy qua bạn thôi. Nó đến từ Thượng Đế và bạn cảm thấy sung sướng và biết ơn khi Thượng Đế đã chọn bạn để làm phương tiện chuyển tải. Bạn trở nên trong suốt nên nó có thể đi ngang qua. Bạn trở thành một tấm gương trong nên mặt trời có thể chiếu dọi qua -bạn không là vật cản trở, chướng ngại. Đây là lòng tử tế nhân hậu thuần khiết không hề vương môt chút bụi bản ngã.

Điểm thứ hai: Từ bi cũng không phải là cái mà bạn gọi là tình yêu. Dĩ nhiên nó cũng hàm chứa phẩm chất thiết yếu của tình yêu, nhưng đó không phải

là thứ tình yêu của bạn. Tình yêu của bạn chỉ là một bộc lộ thèm khát. Tình yêu của bạn không hề là một tình yêu đích thực -chỉ là một sự lợi dụng kẻ khác, được bọc dưới một cái tên đẹp đẽ, một câu khẩu hiệu thật kêu.

Bạn cứ tiếp tục lập đi lập lại, "Tôi yêu anh, tôi yêu em" –mà thực ra bạn có bao giờ yêu bất cứ ai đâu? Bạn chỉ sử dụng kẻ khác thôi, bạn không hề yêu ai cả. Làm sao sự lợi dụng kẻ khác lại có thể biến thành tình yêu? Trong khi thực ra việc lợi dụng kẻ khác được xem như là một hành động hủy diệt lớn lao nhất trong thế giới này -bởi vì dùng người khác như một phương tiện là một tội ác.

Immanuel Kant, mô tả ý niệm của ông về đạo đức như sau, "Sử dụng người khác như một phương tiện là chuyện vô luân -một hành động vô luân từ căn bản". Đừng bao giờ sử dụng người khác như là phương tiện, bởi vì mỗi một cá nhân đều là một cứu cánh tự thân. Kính trọng tha nhân như là một cứu cánh tự thân. Khởi đi từ niềm kính trọng đó, ta có tình yêu đích thực. Còn khi bạn bắt đầu lợi dụng -chồng lợi dụng vợ, vợ lợi dụng chồng- tức là đã có những động cơ thúc đẩy. Đó là điều mà bạn có thể thấy xảy ra nhan nhản chung quanh.

Con người không hề bị hủy diệt bởi thù hận, mà thường bị hủy diệt bởi cái mà họ gọi là tình yêu. Và bởi vì họ gọi đó là tình yêu, họ không dám nhìn thẳng vào nó. Bởi vì họ gọi đó là tình yêu nên họ nghĩ rằng nó phải tốt đẹp, hoàn hảo. Sự thực không như thế. Nhân loại đang khổ đau vì cái căn bệnh được gọi là tình yêu này. Nếu bạn nhìn sâu vào đó, bạn sẽ thấy rằng nó chỉ là một thèm khát trần truồng. Thèm khát không phải là tình yêu. Thèm khát chỉ muốn nhận vào, tình yêu luôn muốn cho đi. Toàn bộ trọng tâm của thèm khát là: Nhận vào càng nhiều càng tốt, cho đi càng ít càng tốt.

Cho ít, thu nhiều. Nếu buộc phải cho, chỉ cho như một miếng mồi câu để nhữ, thả tép để câu tôm.

Thèm khát hoàn toàn là một chuyện mặc cả, bán buôn đổi chác. Vâng, bạn bắt buộc phải cho đi cái gì đó là vì bạn muốn nhận lại –nhưng luôn luôn cho ít, nhận nhiều. Cái đầu óc con buôn là như thế. Nếu được nhận mà không phải cho đi gì cả thì càng tốt. Nếu bị buộc phải cho thì chỉ cho một chút ít thôi nhưng làm bộ như đã cho nhiều lắm để rồi tìm cách lột sạch túi kẻ khác.

Lợi dụng là thèm khát tham muốn. Tình yêu không phải là lợi dụng. Thế nên từ bi không phải là loại tình yêu thông thường của thế gian, mà là tình yêu với ý nghĩa đích thực. Từ bi chỉ biết cho, nó không hề biết đến chuyện nhận lại. Không hề nhận lại –không bao giờ, kể cả nghĩ đến nó trong một khoảnh khắc nhỏ. Khi bạn cho mà không bao giờ nghĩ đến chuyện nhận lại, bạn nhận được một nghìn lần hơn. Nhưng đó là một chuyện khác; chuyện đó chẳng dính dấp gì với bạn cả. Còn khi bạn muốn nhận thật nhiều, thực ra bạn chỉ bị lừa gạt; bạn chẳng hề nhận được gì cả. Kết cuộc rồi bạn cũng bị vỡ mộng thôi.

Mỗi cuộc tình đều kết thúc bằng một sự vỡ mộng. Bạn có nhận thấy không, mỗi một cuộc tình cuối cùng đều để lại trong bạn cả một biển buồn khổ, thất vọng, vì bị lừa dối? Với từ bi không có chuyện vỡ mộng, bởi vì từ bi không hề được khởi đầu bằng một ảo tưởng. Từ bi không bao giờ đòi hỏi phải nhận lại bất cứ cái gì, nó không có nhu cầu. Trước tiên, "Bởi vì đó không phải là nguồn năng lượng của tôi đem cho bạn, đó là nguồn năng lượng của Thượng Đế. Tôi là ai để đi đòi hỏi một chuyện đáp đền như thế?" Ngay cả việc đòi hỏi một lời cảm ơn cũng vô nghĩa nốt.

Đó là chuyện xảy ra khi có một người bệnh tìm đến Chúa Giêsu và đã được Chúa chữa lành bằng cách sờ vào người y. Người bệnh cảm tạ Chúa Giêsu –cũng tự nhiên thôi, y vô cùng biết ơn Chúa. Y đã đau khổ vì căn bệnh bất trị này hằng bao nhiêu năm rôi, căn bệnh mà thầy thuốc cũng đã phải bó tay bảo y rằng, "Không có thể làm gì được với căn bệnh này, phải chấp nhận sống với nó thôi." Thế mà bây giờ y được chữa lành.

Thế nhưng Chúa Giêsu đã trả lời, "Không, thưa ông, chẳng có gì để phải cảm ơn tôi, hãy cảm tạ Thiên Chúa. Đã có điều gì đó xảy ra giữa ông và Thiên Chúa! Không hề có tôi trong đó. Đó chính là đức tin của ông đã chữa ông lành bệnh, và đó cũng chính là năng lượng của Thiên Chúa đã biến thành hiện thực bởi chính đức tin của ông. Tôi nhiều lắm chỉ là một chiếc cầu -chiếc cầu mà qua đó năng lượng của Thiên Chúa và đức tin của ông đã gặp gỡ nhau. Ông không cần phải nghĩ đến tôi, không cần phải cảm ơn tôi. Cảm ơn Thiên Chúa. Cảm ơn đức tin của chính mình. Có một cái gì đó đã diễn ra giữa ông và Thiên Chúa. Tôi không hề dự phần trong đó."

Đây là điều mà người ta gọi là từ bi. Từ bi là tiếp tục cho đi nhưng không bao giờ nhận biết về sự cho và người cho. Và rồi sự sống tiếp tục đáp ứng trong hàng ngàn cách thế khác nhau. Bạn chỉ cho đi một chút thương yêu thế rồi thương yêu bắt đầu tuôn chảy đến từ muôn hướng. Con người của từ bi không cần phải chụp giựt, y không hề là kẻ tham lam. Y không chờ đợi sự đền đáp mà tiếp tục sống. Và tiếp tục nhận –nhưng không một chút bận tâm.

Tựu trung, điểm thứ hai là: Từ bi không phải là cái mà người ta thường gọi là tình yêu, thế nhưng đây là tình yêu đích thực.

Điểm thứ ba: Từ bi là trí tuệ nhưng không phải là tri thức. Một khi trí tuệ được giải phóng ra khỏi tất cả mọi hình thức, mọi khuôn khổ luận lý, mọi tranh biện luận chứng, mọi điều được gọi là thuần lý -bởi vì thuần lý cũng chỉ là một hình thức tù hãm- một khi trí tuệ được tự do, thì đó chính là từ bi. Một con người của từ bi là rất mực trí tuệ nhưng không phải là nhà trí thức. Y có cái nhìn thấu suốt, một tri kiến tuyệt đối, có đôi mắt thực để nhìn vạn hữu không qua bức màn che –không phải là sự đoán mò. Sự lãnh hội này không thông qua luận lý, suy luận, mà qua một nhãn quan trong suốt.

Hãy nhớ điều này: Con người của từ bi không phải là vô trí tuệ, nhưng vượt ngoài trí thức. Y là người rất mực trí tuệ, là biểu hiện của tuệ giác, là ánh sáng thuần khiết. Y biết –nhưng không hề suy tưởng. Suy tưởng để làm gì một khi bạn đã biết? Bạn suy tưởng có nghĩa là bạn đang làm công việc thay thế. Bởi vì bạn không biết, hoặc không thể biết, thế nên bạn cần đến suy tưởng. Suy tưởng chỉ là một tiến trình thay thế -một sự thay thế nghèo nàn, hãy nhớ như vậy. Khi bạn có thể biết, có thể nhìn thấy, bạn đâu còn bận tâm gì đến chuyện suy tưởng nữa?

Con người của từ bi biết; con người của tri thức suy tưởng. Người tri thức là một người suy tưởng; con người của từ bi không suy tưởng, vượt ngoài tri thức. Trí tuệ mà y có, nguồn tuệ giác vô biên đó, không hề vận hành thông qua một mô hình nào của tri thức. Trí tuệ này vận hành do trực giác.

Và đây là điểm thứ tư: Từ bi không phải là cảm thọ. Bởi vì cảm thọ hàm chứa bao nhiêu điều không hề có trong từ bi. Cảm thọ bao hàm tình cảm và cảm xúc -những cái đó không hề hiện hữu trong từ bi. Con người của từ bi cảm nhận, nhưng không hề có tình cảm xen vào. Y cảm nhận, nhưng không bị cảm xúc khuấy động. Y có thể làm bất cứ điều gì cần thiết, thế

nhưng y không hề bị dính mắc vào đó. Đây là điều cần phải được hiểu một cách cực kỳ sâu sắc. Và một khi bạn thấu hiểu được từ bi là gì, cũng là lúc bạn hiểu được thế nào là một vị Phật.

Ai đó đang khổ đau: Con người của cảm thọ sẽ bắt đầu than khóc. Nhưng than khóc sẽ chẳng giúp đỡ gì cho y cả. Ngôi nhà của ai đó đang bốc cháy: Con người của cảm thọ sẽ kêu la, than khóc, và đấm vào ngực mình. Điều đó sẽ chẳng giúp đỡ gì cho y cả. Con người của từ bi thì khác, y sẽ bắt đầu chuyển động –y sẽ không than khóc, không làm môt chuyện vô nghĩa như thế. Nước mắt chẳng giúp đỡ được gì. Nước mắt không hề dập tắt được đám cháy, nước mắt không thể nào trở thành phương thuốc để chữa trị khổ đau, nước mắt không giúp ích gì cho một người đang chết chìm.

Một người đang chết đuối và bạn thì đang đứng cạnh bờ thở than, khóc lóc -thở than, khóc lóc rất mực thảm thiết. Bạn là con người của cảm thọ chứ không phải là con người của từ bi, chắc chắn như thế. Con người của từ bi sẽ *hành động*. Y sẽ nhảy vào hành động ngay lập tức. Hành động của y là cấp thời; không một giây phút đợi chờ, nấn ná. Hành động của y xảy ra ngay tức khắc –cái khoảnh khắc mà sự kiện hiện khởi trong tầm mắt cùa y lập tức được chuyển ngay thành hành động. Y không chuyển mà là tự động, tự phát. Sự nhận biết và hành động của y là hai mặt của cùng một hiện tượng, không phải là hai sự việc tách rời nhau. Mặt này là nhận thức, còn mặt kia là hành động.

Đó là lý do tại sao tôi gọi một người tín ngưỡng ngay tự bản chất là can dự, dính líu –dính líu với đời sống, dính líu với Thượng Đế. Y sẽ không khóc lóc, thở than. Con người của cảm thọ đôi khi bề ngoài có vẻ như là từ bi. Thế nhưng đừng để bị đánh lừa –con người của cảm thọ sẽ không dùng được vào việc gì cả. Chưa kể là trong thực tế y còn tạo ra thêm những điều

lộn xộn. Y chẳng hề giúp ích được cho ai mà có thể sẽ làm cho sự việc càng rối rắm hơn. Y sẽ làm cho công việc bị trì trệ thay vì tiếp tay giúp đỡ.

Một con người của từ bi luôn nhạy bén. Không nước mắt, không tình cảm, y nhảy vào hành động. Không lạnh nhạt, cũng không nóng nảy nhưng nồng ấm tình người. Và trầm tĩnh. Đây là điều nghịch lý của một người từ bi. Y nồng hậu nhiệt tình bởi vì tràn ngập thương yêu thế nhưng luôn trầm tĩnh. Cho dù bất cứ sự việc gì xảy ra, y cũng không bao giờ mất đi đức tính trầm tĩnh này, và hành động được phát xuất từ đó. Vì luôn luôn trầm tĩnh, y thực sự hữu ích.

Đây là bốn điểm mà bạn cần thấu hiểu để rồi bạn sẽ có cái nhìn từ bốn chiều kích của những gì được gọi là từ bi. Lòng từ bi này được sinh khởi như thê nào? Hẵn nhiên là sẽ không do nuôi dưỡng. Nếu bạn nuôi dưỡng thì đó là sự tử tế nhân hậu chứ không phải là lòng từ. Lòng từ bi này đã được mang vào đời sống như thế nào? Bạn không thể đi vào tìm kiếm lục lọi trong những kinh điển, bạn không thể đọc và được trợ giúp bởi những điều mà Đức Phật hay Chúa Giêsu nói -bởi vì điều đó sẽ mang đến cho bạn tri thức chứ không phải trí tuệ.

Bạn không thể tiếp tục yêu thương nhiều và nhiều hơn nữa qua cách thế mà bạn thương yêu từ trước tới nay. Nếu bạn vẫn cứ tiếp tục bước đi trên lối mòn xưa cũ, bạn sẽ không bao giờ đạt đến từ bi. Tình yêu thương của bạn không đi đúng hướng. Nếu bạn vẫn cứ tiếp tục yêu thương với cung cách cũ -lắng nghe lời Đức Phật hay Chúa Giêsu dạy về tình thương, rồi nghĩ rằng, "Tốt lắm, ta phải yêu thương nhiều hơn, như cách mà ta đã thể hiện cho đến bây giờ" –thì như thế, phần lượng có thể tăng nhưng phẩm chất thương yêu không có gì thay đổi. Bạn cũng sẽ bước đi trên cùng một hướng cũ.

Hướng đi của bạn đã sai lầm từ căn bản. Bạn chưa hề biết thương yêu thật sự. Một khi điều này chìm sâu vào tâm hồn bạn, rằng "Tôi chưa hề biết thương yêu thật sự"… Vâng, đó quả là điều kinh khủng khi cảm nhận được rằng "Tôi chưa hề biết thương yêu thật sự" -điều này thực nặng nề làm sao. Chúng ta có thể tin là những kẻ khác không biết thương yêu – vâng, đó là điều chúng ta đã luôn tin như vậy. Và giả dụ như trên cõi đời này không có ai thương yêu ta –thì cũng được đi, người đời thường khô cứng như thế. Thế nhưng khi nhận ra rằng bạn là người chẳng hề biết thương yêu ai, điều này quả đã làm tan vỡ cái bãn ngã của bạn.

Đó là lý do tại sao con người lại không muốn nhìn thẳng vào một sự thật đơn giản "Tôi chưa hề biết thương yêu thật sự". Và bởi vì người ta không muốn nhìn, người ta sẽ không bao giờ thấy. Và bởi vì người ta không thấy, họ sẽ chẳng bao giờ được chuyển hoá. Họ sẽ lại bước đi trên cùng một lối mòn cũ; họ sẽ lại tiếp tục lập đi lập lại một công việc máy móc, để rồi sẽ lại rơi vào cái vòng ảo tưởng muôn đời.

Như vậy, làm thế nào để mang lại từ bi? Nếu đó vẫn chỉ là tình thương yêu cũ của bạn thì bạn cũng chỉ chạy theo cùng một hướng cũ -bạn chạy nhanh hơn, gia tăng tốc độ, gia tăng số lượng, đó là điều mà ai cũng nghĩ rằng mình đang làm đúng. Tuy nhiên bởi vì bạn đã lạc hướng, thế nên càng chạy nhanh bao nhiêu bạn càng xa rời mục tiêu bấy nhiêu, thay vì đến gần. Gia tăng tốc độ cũng sẽ chẳng giúp ích gì cho bạn, bởi vì ngay từ căn bản bạn đã bị chệch hướng –đó chỉ là hướng của tham đắm và khát vọng.

Thế thì làm thế nào để mang lại từ bi? Tôi đã từng nói rằng đó cũng không phải là cảm thọ. Cho dù bạn có thể than khóc với tận tâm can, có thể đấm vào ngực mình, có chảy nước mắt cả ngàn lẽ một lần cho những khổ đau

chung quanh, bạn có thể trở nên rất mực xúc động, có thể cảm thương cho tất cả mọi người ở Việt Nam, Triều Tiên, Pakistan hoặc bất cứ nơi đâu, có thể cảm thông với tất cả những người nghèo khổ trên thế gian này.

Leo Tolstoi đã nhắc nhở lại mẹ mình trong thiên hồi ký của ông. Đó là một người phụ nữ rất mực nhân hậu -"nhân hậu" trong cái nghĩa thường tình chứ không phải trong ý nghĩa của từ bi. Bà nhân hậu đến mức không thể nào cầm được nước mắt trong suốt cả buổi xem hát. Đây là một gia đình giàu có, thuộc dòng dõi hoàng gia. Thế nên mỗi lần đi xem hát bà mẹ Leo Tolstoi luôn luôn có một người hầu mang sẵn theo hàng tá khăn tay để bà có thể dùng liên tục trong suốt buổi trình diễn. Bà khóc suốt buổi.

Và Tolstoy kể rằng: Thế nhưng quả tình điều làm cho tôi ngạc nhiên là tại nước Nga, ngay cả vào mùa Đông thời tiết rất mực giá lạnh, có khi nhiệt độ xuống dưới không, với tuyết phủ đầy trời, bà vẫn đi xem hát như thường – bà là người rất ái mộ kịch nghệ- và người đánh xe đã phải dầm mình trong tuyết lạnh đợi chờ bà ở ngoài xe.

Và hầu như chuyện thường xảy ra là người đánh xe đã bị chết cóng. Bởi vì không ai biết trước được lúc nào thì bà bá tước bỏ về -hễ bất cứ lúc nào bà cảm thấy buồn phiền vì những tình tiết xảy ra trong vở hát thế là bà tức tốc chạy ngay về nhà vào phòng riêng của mình để khóc cho đã. Thế nên người giữ xe, tài xế phải luôn túc trực ở ngoài xe và chuyện xảy ra là y thường bị chết lạnh. Khi ra xe nếu người tài xế này chết bà chỉ việc liệng bỏ và thuê người khác thay vào, rồi tiếp tục như không có gì xảy ra. Bà chẳng bao giờ buồn để ý đến người đánh xe khốn khổ kia, đã chết một cách lảng xẹt ở đó. Và bà lại tiếp tục chảy nước mắt vì những chuyện ngang trái xảy ra trong vở hát.

Đó là mẫu người tình cảm ủy mị, dễ dàng xúc động. Họ tha hồ khóc, tha hồ xúc cảm, chẳng mất mát gì cả. Nhưng từ bi thì ngược lại, ta phải trả giá cao, có khi bằng chính thân mạng mình. Một con người của từ bi là người rất mực thực tế. Con người của cảm thụ thì chỉ sống trong những giấc mơ, trong những tình cảm mơ hồ, trong thế giới tưởng tượng.

Thế nên từ bi cũng không thể do cảm xúc mang lại. Như vậy làm thế nào để mang lại lòng từ? Bằng cách nào Thiền mang đến từ bi? Chỉ có một phương cách duy nhất, đó là thiền định. Ta chỉ đạt được nó thông qua thiền định. Thế nên điều trước tiên ta phải hiểu rõ thiền định là gì.

Đức Phật Cồ Đàm, người khai sinh ra Thiền, người khai sáng tất cả các kỹ thuật thiền định vĩ đại nhất trong thế gian này, đã gói trọn ý nghĩa của nó bằng một từ duy nhất. Một hôm có người hỏi ngài, "Thưa tôn giả, thiền định là gì? Ý nghĩa bao quát của nó là gì?" Đức Phật Cồ Đàm đã trả lời trong một chữ: *Ngưng lại*! Đó là định nghĩa của ngài về Thiền. Ngài bảo, "Nếu biết ngưng lại thì đó là Thiền". Nếu có thể diễn giải ra trong một câu thì đó là, "Cái cuồng tâm không bao giờ chịu ngưng lại. Nếu nó ngưng lại thì đó là Thiền".

"Cái cuồng tâm không bao giờ chịu ngưng lại. Nếu nó ngưng lại thì đó là Thiền". Thiền định là trạng thái tĩnh thức vô niệm. Thiền định là trạng thái của vô cảm, vô thọ, tĩnh thức vô niệm. Đó là khi bạn hoàn toàn nhận biết, khi bạn trở thành một cột trụ của tĩnh thức. Đó là khi bạn rời khỏi cơn mê, hoàn toàn tỉnh táo, trụ tâm vào một chỗ. Một tĩnh thức hoàn toàn.

Làm thế nào để nhập vào trạng thái này? Thiền gia đã dùng một từ ngữ đặc biệt để chỉ tình trạng này, đó là *thoại đầu* (hua t'ou). Cái danh từ Hán

ngữ này có nghĩa là trạng thái trước khi có ý nghĩ hay lời xảy ra. Cái tâm, trước khi bị khuấy đông bởi một niệm, được gọi là *thoại đầu*. Giữa hai niệm có một khoảng trống, khoảng trống đó được gọi là *thoại đầu*.

Hãy hình dung như thế này. Một niệm vừa thoáng qua trên cái màn hình của tâm –trên cái màn sóng ra-đa của tâm bạn, một niệm đi ngang qua giống như một đám mây. Trước tiên nó mơ hồ không rõ ràng -rồi thì nó dần dần hiện ra- và đột nhiên nó xuất hiện trên tấm màn hình. Nó tiếp tục di chuyển, đi ra khỏi màn hình, trở thành mơ hồ và biến mất… Rồi một niệm khác tiếp tục đến. Giữa hai niệm này sẽ là một quảng cách –trong một khoảnh khắc đơn thuần hay là trong một sát na, cái màn hình này không chứa một niệm nào cả.

Cái trạng thái hoàn toàn vô niệm đó được gọi là là *thoại đầu* -trạng thái trước khi ý hay lời xuất hiện, trước khi tâm bạn bị khuấy động. Bởi vì nội tâm của chúng ta không tĩnh thức nên đã đánh mất nó -bằng không thiền định xảy đến trong mỗi khoảnh khắc. Công việc của bạn chỉ là nhận biết khi nó xuất hiện, bạn phải trở nên tỉnh táo để nhận ra cái kho tàng mà bạn luôn mang sẵn trong mình. Thiền định không hề do bất cứ ai mang lại cho bạn. Thiền định luôn sẵn ở đó, hạt giống luôn có sẵn ở đó. Bạn chỉ việc nhận ra nó, nuôi dưỡng nó, chăm sóc nó và rồi nó sẽ bắt đầu lớn dậy.

Cái khoảng cách thời gian giữa hai niệm xảy ra được gọi là *thoại đầu*. Đó là cánh cửa mở vào thiền định. *Thoại đầu* –gồm hai từ thoại và đầu. Thoại là một lời được phát ra, và "đầu" là trạng thái trước khi lời phát ra. *Thoại đầu* là khoảnh khắc trước khi một niệm khởi dậy. Ngay khi mà một niệm khởi dậy nó liền trở thành một *thoại vĩ, hua wei*. Và một khi niệm thoáng qua rồi hay lời đã thoát ra rồi thì lại có một quảng cách, chúng ta lại có một *thoại đầu*. Thiền định tức là nhìn sâu vào cái *thoại đầu* này.

“Ta không có gì phải lo lắng khi niệm khởi dậy”, Phật đã dạy như thế, “mà vấn đề chỉ là chậm trễ không nhận ngay ra chúng”. Đây là một phương thức tiếp cận tâm rất mực mới mẻ, kỳ diệu chưa từng có trước khi Đức Phật ra đời. Ngài dạy rằng ta không có gì phải lo lắng khi niệm khởi dậy mà chỉ nên lo lắng một điều duy nhất –là không nhận ra chúng, chậm trễ trong tĩnh thức.

Khi một niệm khởi dậy cùng một lúc với sự tĩnh giác của bạn có mặt -tức là nếu bạn nhận biết nó khởi dậy, khi nó đến biết nó đến, khi nó ở đó biết nó ở đó, khi nó đi biết nó đi –thì như vậy sẽ không có vấn đề. Sự nhận biết tức thì này, theo thời gian, sẽ là chỗ nương tựa của bạn. Sự tĩnh thức này mang lại cho bạn rất nhiều lợi lạc. Trước tiên là bạn có thể nhận biết, bạn nhận ra rằng cái niệm này không phải là bạn. Niệm tách rời với bạn, bạn không hề đồng nhất với nó. Bạn là chủ và nó là khách. Nó đến rồi đi –nó là khách và bạn là chủ. Đây là kinh nghiệm đầu tiên của thiền định.

Thiền đề cập đến hai chữ: *trần cấu* -tức là bụi bặm bám dơ ở bên ngoài. “Và đây chỉ là nơi để chúng ta bắt đầu thực tập.” Thiền nói rõ hơn, “Cụ thể như, một người lữ hành dừng lại ở một khách điếm, hoặc để ngủ trọ qua đêm hoặc để dùng bửa tối. Rồi ngay sau đó, y sẽ lại sửa soạn hành trang và tiếp tục lên đường, bởi vì y không có thì giờ để lưu lại lâu hơn. Còn người chủ của khách điếm, y phải ở ngay tại đó, y không có chỗ nào để đi cả.

Lấy đó mà suy ra thì kẻ không trú lại là khách, kẻ trụ lại không đi là chủ. Thế nên, vật gì không trú lại là khách ngoài. Cũng thế, lúc mặt trời bừng lên tỏ rạng trong bầu trời và ánh dương quang chiếu dọi vào nhà qua một kẻ hở, ta nhìn thấy những hạt bụi chuyển động trong vừng tia sáng đó – trong khi đó khoảng không gian trống rỗng không hề chuyển động. Thế

nên cái tĩnh lặng đó là tánh không, cái chuyển động chính là bụi trần. Cái trần cấu thể hiện tà niệm và cái tánh không thể hiện bản tánh chân thật - điều này có nghĩa là, người chủ vĩnh viễn không hề bước theo chân người khách, lúc đến cũng như lúc đi."

Đây là tuệ quán, một cái nhìn xuyên suốt tận bên trong. Tánh biết không phải là cái biết. Bạn là tánh biết: các niệm đến rồi đi, bạn là người chủ. Niệm là khách –chúng đến và dừng lại chốc lát -nghỉ ngơi đôi chút, tìm kiếm thực phẩm, hoặc trú chân qua đêm- rồi chúng ra đi. Bạn là thường trú nhân ở đó. Bạn vẫn luôn là bạn, chẳng bao giờ thay đổi, có mặt ở đó muôn đời. Một vĩnh cửu tự thân.

Hãy nhìn rõ điều này. Có lúc bạn ốm đau, có lúc bạn khoẻ mạnh, có lúc bạn xuống tinh thần, có lúc bạn rất mực hạnh phúc. Hôm nào đó bạn còn nhỏ dại, chỉ là một đứa bé, thoắt một cái bạn lớn khôn, rồi già nua. Hôm nào đó bạn khoẻ mạnh biết bao, rồi thời gian đến, bạn trở nên già yếu. Tất cả những chuyện như thế cứ đến rồi đi, nhưng cái tánh biết của bạn vẫn không hề thay đổi. Đó là lý do tại sao khi nhìn vào nội tâm bạn không thể đoán được mình bao nhiêu tuổi -bởi vì nó không có tuổi. Hãy đi vào nội tâm rồi tìm kỹ ở trong đó xem thử mình bao nhiêu tuổi, bạn sẽ không bao giờ tìm ra lời giải đáp, bởi vì ở đó không có trục thời gian. Bạn hoàn toàn giống hệt như là bạn của tuổi ấu thơ, của tuổi thanh niên. Tuyệt đối giống nhau.

Để tìm tuổi tác bạn phải nhìn vào cuốn lịch, vào cuốn nhật ký, vào giấy khai sanh của mình -tức là phải tìm kiếm những vật ngoại thân. Bạn không thể tìm kiếm tuổi tác của mình ở ngay chính bên trong nội tâm. Ở bên trong không có thời gian. Bạn vẫn là bạn của thuở nào –cho dù được phủ

lên bởi những đám mây mang tên chán nản, hạnh phúc, bạn vẫn giống hệt nhau.

Thỉnh thoảng trên bầu trời có những đám mây đen –nhưng bầu trời vẫn không hề thay đổi bởi những đám mây đen. Có lúc bầu trời có những đám mây trắng bay qua, nhưng bầu trời cũng không hề thay đổi vì những đám mây trắng. Những đám mây cứ đến rồi đi, và bầu trời vẫn cứ là bầu trời cũ. Những đám mây cứ đến rồi đi, và bầu trời vẫn thế.

Bạn là bầu trời, niệm là những đám mây. Điểm cần lưu ý đầu tiên, nếu bạn theo dỏi niệm của bạn trong từng giây phút, không đánh mất chúng, nhìn thẳng vào chúng, bạn sẽ đạt đến tuệ giác -một tuệ giác sâu xa. Đây là bước đầu của Phật quả, khởi điểm của tĩnh thức. Bạn sẽ không còn mê ngủ nữa, bạn không còn đồng hoá với những đám mây thoắt đến thoắt đi nữa. Bây giờ thì bạn biết mình dừng lại vĩnh viễn.

Rồi đột nhiên mọi lo toan băn khoăn biến mất. Không có gì thay đổi được bạn, sẽ chẳng bao giờ có gì thay đổi được bạn –như thế thì băn khoăn, đau khổ để làm gì? Và tại sao lại phải lo lắng? Không có sự lo lắng nào có thể giải quyết được bất cứ điều gì cho bạn cả -mọi chuyện cứ đến rồi đi, chúng chẳng khác gì những gợn sóng lăn tăn nổi lên ngoài mặt. Trong tận cùng sâu thăm của bạn, chẳng hề có một cơn sóng nào nổi lên cả. Và bạn thì đang ở đó, chính là cái đó, cái hữu thể đó. Thiền gia gọi trạng thái này là tìm thấy ông chủ.

Thông thường, bạn bị dính mắc quá nhiều với những ông khách -thế nên đời bạn khốn khổ. Một người khách đến, bạn trở nên dính mắc quá mức đối với y. Thế rồi người khách lại khăn gói lên đường còn bạn thì bắt đầu than khóc, chạy quanh, đuổi theo họ -ít nhất là để tiễn biệt, nói lời từ giả.

Rồi nước mắt bạn tuôn tràn –một người khách đã ra đi còn bạn thì đau khổ biết bao. Rồi một người khách khác lại đến và bạn lại gắn bó với y, đồng hoá với y, và rồi y sẽ lại lên đường…

Những người khách cứ đến rồi đi, họ không bao giờ dừng lại! Họ không thể dừng lại, họ không lưu lại, khách đã bao hàm ý nghĩa là không trụ lại vĩnh viễn ở một bến đổ nào cả.

Bạn có bao giờ để ý đến bất cứ một cái niệm nào chưa? Nó không bao giờ lưu lại. nó không thể trụ lại. Ngay cả việc bạn làm mọi cách để giữ nó lại, nó cũng không thể trụ lại. Hãy thử đi. Đó là điều mà thỉnh thoảng người ta đã tìm cách thử -họ tìm cách giữ lại một chữ ở trong tâm, chữ *Aum* chẳng hạn. Nhưng cũng chỉ được vài giây thôi là nó chạy đi, nó tuột mất. Người ta bắt đâu lan man nghĩ đến chuyện chợ búa, chuyện vợ chồng, con cái… Bỗng dưng người ta chợt nhận ra –Ô, chữ *Aum* (Om) đâu rồi nhỉ? Nó đã tuột mất rồi.

Khách muôn đời vẫn là khách -họ không đến để lưu trú với bạn. Một khi bạn nhận thức được rằng tất cả những gì đến với bạn rồi cũng sẽ rời xa bạn, thế thì tại sao lại phải lo lắng nhỉ? Hãy quán sát: Cứ mặc kệ chúng ở đó, cứ để chúng sửa soạn khăn gói, cứ để chúng ra đi. Và bạn ở lại. Lúc này bạn có thể thấy sự an bình sinh khởi nếu bạn cảm nhận được rằng bạn luôn luôn vẫn thế? Đấy là mặt hồ tĩnh lặng. Đấy là trạng thái vô ưu, vô phiền não. Khổ đau đoạn diệt cùng một lúc với sự đồng hoá đoạn diệt. Đừng để mình bị đồng hoá -tất cả chỉ có thế. Nếu bạn có thể thấy được bất cứ ai đó đang sống trong một chiều kích thời gian vĩnh cữu vô tận như thế, bạn sẽ cảm nhận cả một nguồn ân sủng, trầm tĩnh, tươi đẹp bao quanh y.

Điều đó đã xảy ra –đây là câu chuyện về Đức Phật, một câu chuyện tuyệt vời. Bạn hãy lắng nghe một cách kỹ lưỡng, bằng không bạn có thể sẽ chẳng lãnh hội được gì.

Một hôm, gần đến giờ thọ trai, Đức Thế Tôn đã đắp y mang bình bát đi vào thành Xá Vệ để khất thực. Ở trong thành Đức Phật cứ theo thứ lớp từng nhà mà xin ăn, xong trở về nơi chúng ở. Sau khi thọ trai xong, cất y bát, Ngài rửa chân, trải pháp toà và ngồi xuống.

Tất cả diễn tiến một cách chậm rãi như trong một cuốn phim quay chậm. Đây là một cuốn phim về Đức Phật, và là một cuốn phim chuyển động rất mực khoan thai chậm rãi. Một lần nữa, hãy để tôi lập lại …

Một hôm, gần đến giờ thọ trai, Đức Thế Tôn đã đắp y mang bình bát đi vào thành Xá Vệ để khất thực. Ở trong thành Đức Phật cứ theo thứ lớp từng nhà mà xin ăn, xong trở về nơi chúng ở. Sau khi thọ trai xong, cất y bát, Ngài rửa chân, trải pháp toà và ngồi xuống.

Hãy mường tượng ra trước mắt ta hình ảnh Đức Thế Tôn đang tiến hành những công việc này xong an tọa trên pháp toà.

Điều này cho thấy cuộc sống bình dị của Đức Phật, và những sinh hoạt thường nhật của Ngài cũng giống như bao nhiêu người khác chẳng có điều gì tỏ ra đặc biệt. Thế nhưng, có một điều rất khác thường mà ít người nhận ra.

Điều gì vậy? Cái phẩm chất hoàn toàn đặc biệt khác thường đó là gí? -bởi vì đó là Đức Phật đang làm những công việc bình thường. Rửa chân, trải pháp toà, ngồi xuống, cất y bát, đi ngủ, thức dậy -những công việc bình thường như bao nhiêu người khác đang làm.

Vào lúc ấy,ngài Tu Bồ Đề, một đệ tử của Phật -một vị đại trưởng lão- từ trong đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo phải, gối mặt quỳ xuống đất, chấp tay cug kính bạch Phật rằng: "Thật rất hiếm có, Bạch Đức Thế Tôn! Thật rất hiếm có!"

Bây giờ, nếu ta chỉ nhìn ngoài mặt thì chẳng có vẻ gì là hiếm có cả. Đức Phật trở về nơi chúng ở, cất y bát, rửa chân, trải pháp toà và ngồi xuống – hình như chẳng có gì là đặc biệt, thế mà vị trưởng lão này, ông Tu Bồ Đề…

Ngài Tu Bồ Đề là một trong những vị đại cao đồ vào bậc nhất của Phật -rất nhiều câu chuyện tuyệt vời về Đức Phật đều có liên hệ đến ngài Tu Bồ Đề. Đây là một trong những câu chuyện đó, cực kỳ hiếm có.

Vào lúc ấy,ngài Tu Bồ Đề, một đệ tử của Phật -một vị đại trưởng lão- từ trong đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trịch vai áo phải, gối mặt quỳ xuống đất, chấp tay cung kính bạch Phật rằng: "Thật rất hiếm có, Bạch Đức Thế Tôn! Thật rất hiếm có!" Điều chưa hề được thấy bao giờ, độc nhất vô nhị.

Những sinh hoạt thường nhật của Như Lai bề ngoài trông cũng tương tự như bao nhiêu người khác, tuy nhiên có một điểm khác biệt ở đây mà tất cả những ai đang đối mặt với Phật từ bao lâu nay chẳng hề nhận ra. Hôm ấy,

bỗng nhiên ngài Tu Bồ Đề khám phá ra, và tán thán rằng: "Thật rất hiếm có, Bạch Đức Thế Tôn! Thật rất hiếm có!"

Trời đất! Đức Như Lai đã có mặt với chúng đệ tử của Ngài trong suốt ba mươi năm qua thế mà họ vẫn không hề nhận ra bất cứ điều gì về những hành hoạt thông thường trong đời sống hằng ngày của Ngài. Bởi vì họ không nhận ra, họ cho rằng những hành động này là bình thường và để chúng trôi qua chẳng mảy may lưu ý. Họ chỉ nghĩ rằng Ngài cũng giống như bao nhiêu người khác thế nên cũng có thể họ đã có một thoáng nghi ngờ và không tin vào những lời dạy của Ngài. Nếu như không có ngài Tu Bồ Đề nhìn rõ khía cạnh này, hẳn không có ai đã thực sự biết Phật.
Kinh sách đã cho ta biết như thế.

Nếu như không có một vị Tu Bồ Đề, hẳn sẽ không có một ai nhìn thấy được những gì đã xảy ra ở bên trong Phật. Thế thì cái gì đã xảy ra ở bên trong? Đó là Đức Phật vẫn luôn là người chủ. Không có một khoảnh khắc nhỏ nào Ngài xa rời cái vĩnh cửu tự thân của mình. Đức Phật vẫn luôn ở trong thiền quán. Không có một khoảnh khắc nhỏ nào Ngài rời xa cái *thoại-đầu* của mình. Đức Phật vẫn luôn ở trong *tam-ma-địa* –ngay cả khi Ngài đang rửa chân, ngài cũng rửa chân một cách tĩnh thức, tĩnh giác, rất mực ý thức. Ngài nhận biết chắc thực rằng, "Đôi chân này không phải là ta." Ngài nhận biết chắc thực rằng, "Cái bát này không phải là ta." Ngài nhận biết chắc thực rằng, "Cái y này không phải là ta." Ngài nhận biết chắc thực rằng, "Cái đói này không phải là ta." Ngài nhận biết chắc thực rằng, "Tất cả những gì chung quanh ta không phải là ta. Ta chỉ là chứng nhân, là người quan sát tất cả."

Từ đấy ấy toát ra phong cách của Phật, từ đấy toát ra nét đẹp siêu nhiên thoát tục của Phật. Ngài vẫn luôn khoan hoà trầm tĩnh. Cái trầm tĩnh này chính là thiền định. Nó phải được đạt đến bởi sự tĩnh giác hơn của người chủ, bởi sự nhận rõ hơn về người khách, bởi sự không đồng hoá mình với khách, không để mình dính líu với khách. Những niệm thoạt đến thoạt đi, những cảm xúc thoạt đến thoạt đi, những giấc mơ thoạt đến thoạt đi, những tâm trạng thoạt đến thoạt đi, thời tiết luôn thay đổi. Tất cả những đổi thay đó không phải là bạn.

Có cái gì đó vẫn không hề thay đổi? Đó chính là bạn. Và đó cũng chinh là Thượng Đế, là Chân Như, là Ông Chủ. Nhận biết nó, trở thành nó, tan biến thể nhập vào nó có nghĩa là đạt đến *tam-ma-địa* . Thiền định *–Dhyana-* là phương pháp, thiền quán là phương pháp, *tam-ma-địa* là mục tiêu. *Dhyana* là kỹ thuật để tiêu diệt sự đồng hoá mình và khách. Và *tam-ma-địa* tồn tại vĩnh viễn với ông chủ này, là tan hoà vào với ông chủ này, vào tận cùng cốt lõi.

Ôm trong lòng một vị Phật hằng đêm khi ta ngủ
Thức dậy mỗi buổi sáng cùng với ngài.
Lúc đứng, lúc ngồi cả hai đều chăm sóc theo dõi nhau
Lúc nói, lúc lặng im không hề rời xa nhau một bước
Không chia lìa nhau dù chỉ trong khoảnh khắc
Mà gắn bó cùng nhau như bóng với hình
Nếu bạn muốn biết nơi chốn nào có Phật
Ngài ở ngay trong thanh âm tiếng nói của mình.

Đấy là Thiền ngữ: "Ôm trong lòng một vị Phật hằng đêm khi ta ngủ." Phật luôn có mặt ở đó, và *phi-Phật* cũng có mặt ở đó. Trong bạn vừa là cõi ta bà

vừa là niết bàn, vừa là Thượng Đế lẫn vật chất, vừa là thể xác lẫn linh hồn. Trong bạn là muôn vàn bí ẩn của hiện hữu có mặt -bạn là điểm tụ hội gặp gỡ, bạn là một ngả tư đường. Mặt bên này là ta bà thế giới, mặt bên kia là Thượng Đế, Chân Như. Và bạn là gạch nối của hai phía.

Bây giờ vấn đề còn lại chỉ là tập trung. Nếu bạn tiếp tục tập trung đời mình vào thế tục, bạn sẽ gắn bó mãi với đời sống hệ lụy này. Nhưng nếu bạn bắt đầu thay đổi tiêu điểm, chuyển hướng tiêu điểm và tập trung vào tâm thức, bạn là Thượng Đế, Chân Như. Chỉ một thay đổi nhỏ thôi, như bạn đang sang số xe -giống y như vậy.

"Ôm trong lòng một vị Phật hằng đêm khi ta ngủ. Thức dậy mỗi buổi sáng cùng với ngài." Ngài luôn ở đó, bởi vì tâm thức luôn ở đó; không bao giờ mất đi dù chỉ một khoảnh khắc nhỏ.

"Lúc đứng, lúc ngồi cả hai đều chăm sóc theo dõi nhau." Ông chủ và người khách, cả hai đều có mặt ở đó. Những người khách thì luôn thay đổi, nay người này mai người khác và khách điếm thì không bao giờ trống chỗ -trừ phi bạn không còn đồng hoá mình với khách. Chính lúc đó tánh không hiện khởi. Nó thỉnh thoảng xảy ra khi khách điếm của bạn trống chỗ; chỉ còn ông chủ nhàn hạ ngồi đó, không còn bị những người khách quấy rầy. Lưu thông đình chỉ, không có ai đến nữa. Những khoảnh khắc đó là đại hồng ân, là đại phúc lành.

"Lúc nói, lúc lặng im không hề rời xa nhau một bước." Khi bạn đang nói, trong bạn là nỗi lặng im. Khi bạn đang tham đắm, vẫn có một cái gì đó đàng sau tham đắm. Khi bạn đang khát khao ước vọng, cũng có một con người khác trong bạn chẳng hề vọng tưởng chút nào. Hãy nhìn kỹ đi, rồi bạn sẽ tìm thấy nó. Vâng, bạn rất mực gắn bó, thế nhưng bạn cũng rất mực

xa cách. Bạn tiếp cận, thế nhưng không bao giờ gặp gỡ. Sự tiếp cận của bạn giống như dầu và nước; vẫn chỉ là sự tách biệt. Người khách có thể rất thân tình với ông chủ. Đôi khi họ nắm tay nhau, ôm chặt nhau, thế nhưng người khách vẫn là người khách, ông chủ vẫn là ông chủ. Khách là người sẽ đến rồi đi; họ luôn luôn thay đổi. Còn ông chủ là người vẫn ở lại đó, luôn luôn vẫn thế.

"Không chia lìa nhau dù chỉ trong khoảnh khắc. Mà gắn bó cùng nhau như bóng với hình. Nếu bạn muốn biết nơi chốn nào có Phật. Ngài ở ngay trong thanh âm tiếng nói của mình." Đừng có tiếp tục chạy đi tìm kiếm ông Phật ở ngoài mình nữa. Phật ở ngay trong bạn -thường trụ ở trong bạn như là ông chủ.

Bây giờ vấn đề là làm sao để đạt đến trạng thái ông chủ này? Tôi muốn chia xẻ cùng các bạn ở đây về một kỹ thuật khá cổ điển, thế nhưng kỹ thuật này lại hữu ích cho bạn vô cùng. Để tìm ra ông chủ không hề biết mặt này, để tiếp cận với cái bí ẩn tối hậu của sinh thể bạn, đây là con đường -một trong những con đường đơn giản nhất mà Đức Phật đã đề xuất cho chúng ta.

"Đoạn diệt tất cả những mối liên hệ sẵn có của bạn, và nhìn rõ bạn là cái gì. Giả dụ như bạn không phải là con trai của cha mẹ bạn, cũng không phải là chồng của vợ bạn, cũng không phải là cha của con cái bạn, không phải là họ hàng thân thích của bà con ruột thịt bạn, không phải là bằng hữu của những người quen biết, cũng không phải là công dân của quốc gia bạn, v.v… và v.v… -thế là bạn thể nhập mình-vào-bản-thể."

Chỉ là chuyện đoạn diệt, cách giao. Thỉnh thoảng một lần trong ngày, bạn ngồi lặng yên và tự cắt đứt mình với mọi ràng buộc liên hệ. Cũng giống

như cắt đứt đường dây điện thoại, bạn tự cắt đứt mình với mọi ràng buộc liên hệ. Đừng nghĩ đến chuyện mình là cha của con cái bạn nữa -cắt đứt. Bạn không còn là cha của con cái bạn nữa, và cũng không còn là con của cha mẹ mình nữa. Không còn là người chồng hay người vợ -cắt đứt, bạn không còn là chồng hay vợ nữa. Bạn không còn là chủ nhân, và cũng không là đầy tớ nữa. Bạn không còn là người da trắng hay da đen. Bạn không còn là người Ấn Độ, người Trung Hoa, người Đức nữa. Bạn không còn là người trẻ hay người già nữa. Cắt đứt hết, và tiếp tục như thế.

Có cả một ngàn lẻ một mối liên hệ buộc ràng hiện hữu -bạn chỉ việc tiếp tục cắt đứt chúng. Một khi bạn đã đoạn diệt cắt đứt tất cả chúng rồi, đột nhiên bạn tự hỏi: Ta là ai? Sẽ không có một câu trả lời -bởi vì bạn đã hoàn toàn đoạn diệt tất cả những câu trả lời ngay từ nơi mà chúng phát xuất.

Ta là ai? Và một câu trả lời hiện ra, "Ta là một bác sĩ" -thế nhưng bạn đã chặt đứt mối liên hệ với những bệnh nhân rồi. Và rồi một câu trả lời, "Ta là giáo sư" -thế nhưng bạn đã chặt đứt mối liên hệ với những người học trò của bạn rồi. Và một câu trả lời đến, "Ta là người Trung Hoa" -thế nhưng bạn đã đoạn diệt khái niệm này rồi. Và rồi một câu trả lời, "Ta là một người đàn ông hay là một phụ nữ" -thế nhưng bạn cũng đã cắt đứt chúng rồi. Và một câu trả lời hiện đến, "Ta là một ông già" -thế nhưng khái niệm này cũng đã bị đoạn diệt.

Đoạn diệt, cách giao tất cả. Lúc đó là *bản lai diện mục*. Thế rồi đây là lần đầu tiên chỉ còn lại một mình ông chủ, những người khách đã hoàn toàn vắng bóng. Quả là một điều tuyệt vời nếu thỉnh thoảng bạn trơ trọi một mình không còn một người khách vãng lai, bởi vì lúc đó bạn có thể nhìn suốt vào cái chủ thể của mình một cách gần gũi, kỹ lưỡng hơn. Đám khách kia tạo ra những náo động, ồn ào, họ đến và đòi hỏi sự lưu tâm, săn sóc của bạn. Họ

yêu cầu bạn, “Làm cho tôi cái này, tôi cần nước nóng đấy nhé, điểm tâm của tôi ở đâu? Đâu là phòng ngủ của tôi? Giường này nhiều rệp quá đi mất”,… một ngàn lẻ một thứ đại loại như thế. Thế là ông chủ bắt đầu chạy theo những người khách. Vâng, dĩ nhiên là bạn phải chăm sóc họ thôi.

Khi bạn hoàn toàn cắt đứt với mọi liên hệ buộc ràng, sẽ không còn ai làm phiền bạn –không ai có thể quấy rầy bạn nữa. Bỗng dưng bạn ở đó hoàn toàn trơ trọi riêng mình -một cô đơn thuần khiết, cái cô đơn thuần khiết của thuở hồng hoang. Bạn giống như một mảnh đất trinh nguyên không dấu chân người, một chóp đỉnh của Hy Mã Lạp Sơn ngàn năm hoang vu. Đây là điều mà ta gọi là trinh khiết.

Đây là ý nghĩa của điều mà tôi nói, “Vâng, thân mẫu của Chúa Giêsu là một người nữ đồng trinh.” Nó bao hàm ý nghĩa như thế. Tôi hoàn toàn không đồng ý với các nhà thần học Cơ Đốc -bất cứ những gì họ nói ra đều hoàn toàn nhảm nhí. Đây mới là ý nghĩa đích thực của trinh khiết –Chúa Giêsu phải được thụ thai lúc bà Mary đang ở trong một trạng thái cách giao như thế. Khi bạn ở trong trạng thái này, dĩ nhiên nếu một hài nhi đến với bạn sẽ chỉ là một Giêsu, chứ không thể ai khác.

Tại Ấn Độ thời cổ đã có rất nhiều phương pháp để thụ thai. Theo họ, trừ phi bạn đang đắm chìm trong trạng thái thiền định sâu sắc, đừng nên làm tình. Hãy để thiền định như là một bước chuẩn bị cho sự làm tình: đó là toàn bộ ý nghĩa của tantra (mật giáo). Hãy để thiền định làm nền tảng -chỉ lúc đó mới làm tình. Vì chỉ lúc đó bạn mới mời gọi được những thánh hồn nhập thai. Càng sâu trong thiền định, sẽ mời gọi được những thánh hồn cao hơn.

Đức Mẹ Mary chắc chắn phải ở trong trạng thái hoàn toàn cách giao trong khoảnh khắc Chúa Giêsu thể nhập vào bà. Bà chắc chắn phải đang ở trong tình trạng trinh khiết này; bà chắc chắn phải là người chủ. Bà không còn là một người khách, không còn bị náo động bởi khách, không còn bị đồng hoá với khách nữa. Bà không là thân, không là tâm, không là niệm, không là vợ, và cũng không là ai cả. Trong cái trạng thái không là ai này, bà có mặt ở đó, an nhiên trong tĩnh lặng –như một ngọn đèn tinh khiết, một ngọn lửa không vẩn đục bởi làn khói, một ngọn lửa tinh tuyền. Bà đã là người nữ đồng trinh.

Và tôi có thể nói với bạn điều này, trường hợp này cũng giống y như khi Đức Phật nhập thai hay Mahavira nhập thai, hay Krisna, Nanak -bởi vì những vị này không thể nhập thai bằng phương cách nào khác. Những vị này chỉ có thể thể nhập vào trong cái bào thai trinh khiết nhất. Nhưng đây là ý nghĩa của riêng tôi về sự đồng trinh. Nó chẳng hề dính dấp gì đến những ý tưởng điên khùng mà bạn đã từng nghe đầy cả tai -rằng bà Maria chưa bao giờ yêu một người đàn ông nào, rằng Chúa Giêsu không phải được thụ thai do bởi một người nam, rằng Chúa Giêsu không phải là con trai của Joseph…

Đó là lý do tại sao người Cơ Đốc cứ tiếp tục gọi: “Giêsu, người con trai của Mẹ Maria.” Họ tránh không nói đến thân phụ của ngài; ông ta không phải là người cha. Đó là con trai của Maria và là con trai của Đức Chúa Cha – không hề có Joseph là người trung gian ở giữa. Thế nhưng tại sao lại phải giận dỗi quá mức với cái ông Joseph khốn khổ này? Tại sao Đức Chúa Cha lại không thể dùng đến ông Joseph, khi Ngài đã dùng Maria? Có điều gì không ổn trong đó? Ngài đã dùng Maria làm bào thai -điều này không hề làm hỏng đi câu chuyện. Thế thì tại sao lại không dùng luôn Joseph? Cái bào thai chỉ mới là một nửa câu chuyện, bởi vì chỉ mới dùng đến một cái

trứng từ người mẹ. Tại sao lại không dùng luôn một cái trứng khác từ Joseph? Tại sao lại giận dỗi quá mức với cái ông thợ mộc khốn khổ này?

Không, không thể như thế, Thượng Đế dùng đến cả hai. Thế nhưng cái trạng thái của ý thức phải là trạng thái của chủ thể. Và đúng vậy, nếu bạn đã là chủ thì sẽ không có gì ngạc nhiên khi bạn đón nhận một người khách vĩ đại nhất: Giêsu đến với bạn. Nếu bạn đã đoạn diệt với tất cả những người khách, thì lúc bấy giờ Thượng Đế sẽ trở thành vị khách duy nhất. Trước tiên bạn trở thành người chủ, một người chủ hoàn toàn. Lúc ấy, Thượng Đế trở thành người khách của bạn.

Khi bạn được đoạn diệt, cách giao… thì đó là bản lai diện mục. Bây giờ hãy tự hỏi mình: Thế nào là "bản lai diện mục"? Bạn sẽ không bao giờ có thể trả lời được câu hỏi này -một câu hỏi không thể trả lời, bởi vì mọi buộc ràng liên hệ có thể biết đã được cắt đứt từ gốc rễ. Bằng cách này ta rơi tỏm vào cái không thể biết; đó là thể nhập vào thiền định. Khi bạn đã an trú trong đó, hoàn toàn an trú trong đó, là bước vào *tam-ma-địa*.

Bây giờ ta trở lại với câu chuyện của Thiền sư Bàn Khuê. Lúc này bạn có thể hiểu câu chuyện này một cách dễ dàng hơn.

> *Khi Thiền sư Bàn Khuê tổ chức những tuần lễ thiền tập, những Thiền sinh từ khắp nơi trên nước Nhật đã đổ về tham dự.*

Đó là một thiền đường, một buổi thiền tập, thế nên bạn phải hiểu thiền định là gí. Đó là lý do tại sao tôi phải đi sâu vào thiền định như thế -nếu không bạn sẽ đánh mất toàn bộ trọng điểm của câu chuyện. Những câu chuyện Thiền không phải là những câu chuyện thông thường, để hiểu

được chúng bạn cần phải có một quá trình hiểu biết sâu sắc. Trừ phi bạn hiểu được thiền định là gì, bằng không bạn sẽ đọc, "*Khi Thiền sư Bàn Khuê tổ chức những tuần lễ thiền tập"* –nhưng sẽ chẳng hiểu gì cả.

> *… những Thiền sinh từ khắp nơi trên nước Nhật đã đổ về tham dự. Một trong những lần tụ hội này, một Thiền sinh bị bắt quả tang đang ăn cắp.*

Những thiền sinh kia cũng có mặt ở đó -họ luôn có mặt ở mọi nơi, bởi vì tâm địa con người nói chung thường rất mực hám tiền. Đừng bao giờ nghĩ rằng kẻ đang ăn cắp khác biệt nhiều với kẻ bị ăn cắp; họ vẫn là những kẻ đồng hội đồng thuyền. Cả hai đều hám tiền như nhau. Một bên là kẻ có tiền, một bên là kẻ không tiền -chỉ khác nhau ở chỗ đó. Nhưng cả hai cũng đều hám tiền cả.

> *Việc này đã được tường trình lên sư Bàn Khuê với lời đề nghị là thủ phạm phải bị trục xuất. Thiền sư Bàn Khuê đã bỏ qua chuyện này.*

Tại sao ông ta đã bỏ qua chuyện này? Bởi vì cả hai đều là những kẻ hám tiền. Cả hai đều là những kẻ cắp -kẻ cắp này đang tìm cách đánh cắp tài vật từ kẻ cắp khác, vấn đề chỉ có vậy.

Trong thế gian này, nếu bạn tích chứa bất cứ cái gì, bạn trở thành kẻ cắp, nếu bạn sở hữu bất cứ cái gì, bạn trở thành kẻ cắp. Có hai loại kẻ cắp trong xã hội: loại thứ nhất là những kẻ cắp được kính trọng, được công nhận bởi nhà nước, được phê chuẩn, đăng ký, cho phép bởi nhà nước –và loại kia, những kẻ không có môn bài, tự mình làm lấy. Trộm cắp bất hợp pháp và trộm cắp hợp pháp. Kẻ trộm cắp hợp pháp thì được kính trọng; người trộm cắp bất hợp pháp thì bị chê trách, bởi vì họ chống lại luật lệ.

Những người rất mực khôn lanh sẽ không chống lại luật lệ, họ tìm ra những kẻ hở trong luật lệ. Nhưng cũng có không ít những kẻ thiếu khôn lanh như thế. Nhận thấy rằng nếu cứ tuân thủ theo những luật lệ này, họ sẽ chẳng bao giờ có được cái gì cả, họ vượt ra ngoài luật lệ và bắt đầu làm những chuyện bất hợp pháp. Tuy nhiên, trên căn bản mỗi người đều là một kẻ mê tiền. Đó là lý do tại sao Thiền sư Bàn Khuê đã bỏ qua chuyện này.

> *Sau đó Thiền sinh này lại bị bắt quả tang ăn cắp một lần nữa, và Thiền sư Bàn Khuê cũng lại bỏ qua. Điều này đã làm cho các Thiền sinh khác tức giận, họ đã làm một tờ thỉnh nguyện yêu cầu phải loại bỏ kẻ cắp, nếu không họ sẽ rời bỏ khoá tu.*

Ông ta biết rằng cả hai đều là kẻ đồng hội đồng thuyền; chẳng có gì khác nhau bao nhiêu.

Bạn sẽ ngạc nhiên khi thấy rằng một người thành công trong những hành động tội ác sẽ biến thành một người khả kính. Chỉ khi nào y thất bại, lúc đó y mới trở thành một tên tội phạm. Cũng là kẻ cướp, nhưng được là vua, thua là giặc. Vấn đề còn lại chỉ là ai là kẻ thành công. Nếu bạn đầy quyền lực trong tay, bạn là một vị đại đế. Cái ông A Lịch Sơn, Đại đế A Lịch Sơn là ai vậy? Một tay đại thảo khấu –nhưng ông ta đã thành công.

Những kẻ được gọi là chính trị gia của bạn đều là những tên thảo khấu. Họ cố gắng làm công việc tiêu diệt những tên thảo khấu khác –có thể bạn thấy họ đang chống lại việc buôn lậu, chống cướp giật, chống cái này chống cái nọ; thế nhưng tự trong bản chất họ là những tay trùm buôn lậu, chúa ăn cướp. Tuy nhiên họ biết làm việc một cách hợp pháp –hay ít nhất cũng cố gắng tỏ ra mình làm việc một cách hợp pháp. Và họ thành công –ít ra là lúc

họ đang nắm quyền lực. Khi không còn trên ngôi vị nữa, những hào quang, những câu chuyện tốt đẹp về họ tự nhiên biến mất.

Một khi một chính trị gia bị hạ bệ, y sẽ là đầu đề của bao nhiêu chuyện tồi tệ. Y có thể là Richard Nixon hay Indira Gandhi. Khi mà một chính khách bị hạ bệ, khi quyền lực trong tay không còn, không có gì để bảo vệ mình được nữa, lúc đó tất cả mọi chuyện được phơi bày. Nếu bạn biết được bằng cách nào mà một người trở nên giàu có, lúc đó bạn sẽ không còn kính nễ y. Nhưng mà một người giàu thực sự, y biết cách làm thế nào để cho người ta câm miệng. Y biết cách làm cho trí nhớ của người ta teo lại cực kỳ nhỏ -để quên đi dễ dàng.

Tôi vừa mới đọc trong một cuốn sách lịch sử nào đó, rằng có hai mươi người đã bị trục xuất ra khỏi Anh Quốc vì họ là những tên hải tặc. Và điều gì đã xảy ra ba mươi năm sau? Trong số hai mươi người đó, một số đã đến Úc Châu, một số đã đến Mỹ Châu. Một số đã trở thành những ông thống đốc tại Mỹ, một số trở thành những ông chủ ngân hàng -những đại ngân hàng, một số trở thành những đại điền chủ tại Úc -tất cả hai mươi tên hải tặc đều đã trở thành những nhân vật rất mực khả kính. Họ đã tạo dựng lên những dinh cơ đồ sộ -tất cả những ngôi nhà đẹp đẽ nhất tại Mỹ đều thuộc quyền sở hữu của họ.

Đó là lý do tại sao mà vị Thiền sư lại bỏ qua. Ông ta đã không quan tâm gì lắm đến chuyện này, không một mảy may lưu ý. Chuyện nhỏ thôi, rất mực thường tình trên thế gian này. Tâm của một người không hám tiền sẽ bỏ qua thôi.

> *Điều này đã làm cho các Thiền sinh khác tức giận, họ đã làm một tờ thỉnh nguyện yêu cầu phải loại bỏ kẻ cắp, nếu không họ sẽ rời bỏ khoá tu.*

Bây giờ ta thấy rằng những thiền sinh này chẳng phải đến đó để thực hành thiền định gì cả. Nếu bạn đến để tham dự khoá tu thiền, chắc hẳn bạn đã phải hiểu rõ một vài yêu cầu -rằng bạn cần làm cho tăng trưởng cái lòng bớt hám tiền hám lợi, rằng bạn phải đạt đến một vài sự buông bỏ những vật mình đang sở hữu. Rằng bạn phải hiểu cái tâm vận hành như thế nào, tại sao con người lại tham tiền như thế. Chuyện đáng gì đâu nếu có ai đó lấy đi một vài đồng rupee –đâu có gì quan trọng, đâu có phải là chuyện sống chết.

Bạn đang chống lại kẻ cắp bởi vì y đang lấy trộm tiền của bạn. Thế nhưng còn bạn thì sao? Bạn cũng đã tước đoạt nó từ những kẻ khác bằng cách này hay cách khác -bởi vì tất cả đều đến thế gian này với bàn tay trắng, chẳng có ai mang theo tiền bạc gì cả. Như thế, tất cả những gì mà chúng ta đang sở hữu, chúng ta đều chiếm hữu, nhận là của riêng mình. Không có gì thuộc về ai cả. Nếu một người thực sự đến để dự khoá tu thiền, đây phải là thái độ của y -Không có gì thuộc về ai cả. Y phải nên bắt đầu bớt tham cầu, bớt dính mắc vào mọi chuyện.

Thế nhưng những người này là những kẻ hám tiền. Và khi bạn là kẻ hám tiền, chính trị sẽ chen chân vào, chuyện tự nhiên thôi. Khi thấy kẻ cắp được bỏ qua cả hai lần, chắc hẳn họ sẽ nghĩ rằng, "Ông thầy này thuộc loại người gì vậy? Hình như ông ta có vẻ thiên vị với kẻ cắp!" Họ đã không thể hiểu được lý do tại sao ông thầy lại bỏ qua chuyện này. Ông ta bỏ qua chỉ vì muốn cho mọi người thấy phải nên từ bỏ cái tâm tham tiền của mình đi. Vâng, ăn cắp là chuyện xấu, nhưng cái tâm tham tiền thì cũng chẳng tốt gì hơn.

Khi họ thấy rằng cả hai lần yêu cầu của mình đều bị ông thầy bỏ qua, họ trở nên tức giận. Họ đã soạn thảo một thỉnh nguyện thư -lập tức chính trị đã chen chân vào, phản đối, thỉnh nguyện -.

Bây giờ thì họ chẳng phải đến đó để thực hành thiền tập gì cả. Nếu họ thực sự đến để tu thiền, cách tiếp cận của họ đối với vấn nạn này chắc hẳn phải khác hơn hoàn toàn. Ít ra là họ cũng sẽ ban rải một ít lòng từ với người anh em này, với lòng tham đắm tiền bạc của y. Nếu họ thực sự là những thiền gia, chắc là họ đã đóng góp chút đỉnh tiền cho người anh em này –"Bạn hãy vui lòng nhận số tiền này thay vì đánh cắp." Điều đó sẽ là chỉ dấu cho thấy họ đến đó để thiền tập, để được chuyển hoá.

Thế nhưng bây giờ thì họ lại soạn thảo một thỉnh nguyện thư đòi trục xuất kẻ cắp. Không những thế -mà còn kèm theo lời hăm dọa, rằng nếu y không bị đuổi đi họ sẽ rời bỏ hội chúng.

Bạn không thể hăm dọa được một vị Thiền sư như Bàn Khuê.

> *Khi Bàn Khuê đọc xong tờ thỉnh nguyện, ông gọi tất cả mọi người tập họp trước mặt mình và bảo: "Này chư huynh đệ, các ngươi là những người khôn ngoan, biết phân biệt điều phải, điều quấy. Các ngươi có thể đi bất cứ chỗ nào khác để tìm thầy học đạo, nếu muốn. Còn người anh em đáng thương này không hề biết cả chuyện phải quấy. Ai sẽ dạy cho y nếu ta không làm điều đó? Ta sẽ giữ y ở lại đây cho dù tất cả các ngươi rời bỏ chỗ này."*

Rất nhiều điều cần phải được hiểu rõ. Khi vị Thiền sư nói rằng, *"Này chư huynh đệ, các ngươi là những người khôn ngoan"*, ông ta đang chế nhạo, đang đánh vào họ một đòn khá nặng. Không phải ông ta nói, "Các ngươi là những người khôn ngoan" đâu, mà thực ra ông ta đang nói, "Các ngươi

thực là những tên quá đỗi ngu đần". Nhưng thói thường, tất cả những kẻ đần đều cho rằng mình khôn. Nói rõ ra, cho rằng mình khôn ngoan là một trong những tiêu chuẩn căn bản để trở thành một kẻ đần. Kẻ trí thường cho là mình ngu. Người ngu đần, trái lại luôn luôn nghĩ rằng mình là kẻ trí.

Bây giờ hãy nhìn xem, các ông thiền sinh này quả là những tên đần hạng nặng. Họ đâu có phải đến đấy để kiếm tiền, để hái ra tiền -họ đến đấy vì một cái gì đó lớn lao hơn, cao đẹp hơn. Họ nên quên đi hết tất cả mọi chuyện vặt vãnh ngoài đời mới phải. Đúng ra, chính người thiền sinh ăn trộm này là người đã giúp cho họ một cơ hội tốt để quán chiếu. Nếu họ là những thiền giả thực sự họ đã chạy đến với y và cảm ơn y –"Đạo hữu đã cho chúng tôi một cơ hội tốt để quán chiếu rằng chúng tôi đã dính mắc quá nhiều đến chuyện tiền bạc. Đạo hữu đã làm chúng tôi bối rối đến mức nào! Hầu như chúng tôi đã quên hết chuyện thực hành thiền định, chúng tôi đã quên hết mục đích của mình đến đây để làm gì, quên luôn cả ông Thầy Bàn Khuê này."

Những người này có thể đã phải bỏ công lặn lội cả trăm dặm, cả ngàn dặm đường không chừng -Nhật Bản là một nước lớn. Họ đã phải ra đi cả hàng tháng trời để đến đó, bởi vì vào thời điểm này chuyện đi lại đâu có dễ dàng gì. Họ đã tụ hội về đây từ những nơi rất mực xa xôi, vì họ đã nghe danh tiếng của vị Thiền sư này nên muốn đến để học Thiền. Rồi bây giờ chỉ vì có ai đó ăn cắp vặt, thế là họ đã quên đi tất cả. Tất cả chỉ vì một chuyện như thế? Lẽ ra họ phải cảm ơn kẻ cắp: "Đạo hữu đã mang đến cho tâm thức chúng tôi một cái gì đó –cái lòng đam mê dính mắc quá mức vào tiền bạc đã sủi tăm, đã lộ mặt."

Khi Thiền sư Bàn Khuê nói rằng, *"Này chư huynh đệ, các ngươi là những người khôn ngoan"*, thực ra là ông ta đang chế nhạo. Ông ta đang muốn nói

như thế này, "Các ngươi rất mực ngu đần. Thế nhưng các ngươi cứ tưởng rằng mình là người khôn ngoan, biết phân biệt phải quấy, lại còn muốn dạy bảo tôi thế nào là đúng thế nào là sai. Các ngươi nói rằng, "*Phải loại bỏ kẻ cắp, nếu không chúng tôi sẽ rời bỏ khoá tu*". Các ngươi đang dùng cái ngôn ngữ ra lệnh đó với tôi. Các ngươi cho rằng mình là những người biết phân biệt phải quấy chăng? Thế thì cứ việc ra đi bất cứ nơi đâu –bởi vì các người khôn ngoan mà, học chỗ nào lại chẳng được. Thế nhưng người này, y đi đâu bây giờ? Một người đần như thế?!"

Hãy thấy cái trọng điểm, cái chất châm biếm trong câu nói. Vị Thiền sư cho rằng y chỉ là một tên đần, một đồng đạo khốn khổ -*người anh em đáng thương này*. Nên nhớ rằng, cái đúng của một hành động được xem là đúng đắn không phải bao giờ cũng đúng hoàn toàn. Những người lúc nào cũng cho rằng mình là đúng hầu như đều toàn là những kẻ xuẩn động. Đời sống rất mực phức tạp, rất mực vi tế thế nên bạn không dễ dàng gì quyết định cho rằng chỉ có mình là phải còn thiên hạ là quấy. Thực ra, một người với một chút thông minh tối thiểu cũng hiểu rằng y sẽ không bao giờ bị rơi vào cái bẩy cho mình là đúng hoàn toàn.

Chúa Giêsu đã từng bảo môn đệ, "Cái đúng của một hành động được xem là đúng đắn vẫn chưa đủ -vẫn có cái gì thiếu sót ở trong đó." Thế mà bây giờ các người này lại cho rằng mình là những kẻ biết phân biệt phải quấy, còn người ăn cắp kia là làm chuyện hoàn toàn sai trái, và ông thầy có bổn phận phải tống xuất y ra khỏi thiền đường. Còn nếu không thì cũng có nghĩa là ông ta đang sai quấy. Những người này cứ luôn cho rằng mình có trí tuệ -họ nghĩ là họ biết cách ứng xử như thế nào.

Đây hẳn không phải là phương cách tiếp cận một vị Thiền sư. Những người này đã không thấy được lòng từ bi của một vị thầy, không thấy được

thiền chất của một vị thầy. Họ không thấy được ông thầy này đã trở thành một vị Phật –Bàn Khuê là một vị đại thiền sư. Họ không thấy được trước mặt mình là ai và họ đang phản đối, hăm doạ ông ta.

Người đời thường xuẩn động như thế. Từ thời này qua thời khác họ đã làm biết bao điều xuẩn động, kể cả những hành vi xuẩn động nhất ngay trước mặt một vị Phật -bởi vì bạn đâu có biết, đâu có thể nhận ra mình đang đối diện với ai đây. Thế là bạn cứ tiếp tục hành động một cách trẻ con, tiếp tục nói những điều vô nghĩa.

Thiền sư Bàn Khuê nói rằng, *"Này chư huynh đệ, các ngươi là những người khôn ngoan, biết phân biệt điều phải, điều quấy. Các ngươi có thể đi bất cứ chỗ nào khác để tìm thầy học đạo, nếu muốn. Còn người anh em đáng thương này không hề biết cả chuyện phải quấy. Ai sẽ dạy cho y nếu ta không làm điều đó?* Thế thì cứ việc ra đi, ta sẽ giữ y lại và giáo huấn y. *Ta sẽ giữ y ở lại đây cho dù tất cả các ngươi rời bỏ chỗ này."*

Điều khá phổ biến là, một người luôn cho rằng mình đúng đôi khi thường khó dạy hơn một người cho rằng mình sai quấy. Quả là điều dễ dàng hơn khi dạy dỗ một kẻ tội phạm hơn là dạy dỗ một ông thánh. Dễ dàng hơn khi dạy một người mà tự trong thẳm sâu họ cảm nhận rằng mình đang làm điều gì đó không phải -bởi vì họ sẽ rất sẵn sàng để học. Y muốn loại bỏ cái trạng thái này. Thế nhưng một người luôn cho rằng, "Ta đang làm chuyện đúng" – y rất hài lòng với mình và không bao giờ muốn loại trừ cái trạng thái đó. Rất khó mà thay đổi được y.

Tại sao vị Thiền sư bảo, *"Các ngươi cứ việc ra đi còn ta, ta sẽ giữ y lại, người anh em khốn khổ này"*? Tại sao? Bởi vì người anh em khốn khổ này là một tiềm năng, là một hạt giống đã ươm mầm.

Chuyện từng xảy ra là, đã có một người, một tên tội phạm hạng nặng, một kẻ sát nhân, tội đồ đã tìm đến Phật và được ngài điểm đạo. Khi tìm đến, y rất mực lo lắng rằng sẽ không ai cho y vào, các đệ tử chắc là sẽ ngăn chặn không cho y gặp Phật. Thế nên y đã quyết định tìm đến Phật vào lúc thưa người. Và dĩ nhiên y không vào bằng cửa chính mà tìm cách nhảy tường.

Tuy nhiên điều không may là Đức Phật đã không có mặt lúc đó –ngài đang đi khất thực- và y bị bắt tại trận. Y liền trình bày tâm nguyện của mình với các vị đệ tử, "Tôi không đến đây để trộm cướp cái gì cả. Tôi nhảy tường vào vì sợ rằng đi bằng cổng chính sẽ không ai cho phép tôi vào. Qúy vị ở đây đều đã biết đến tôi, tôi là một khuôn mặt khá nổi tiếng trong vùng. Tất cả mọi người đều ghét bỏ và sợ hãi tôi, một đứa con nít cũng biết tiếng tôi. Thế nên có thể qúy vị sẽ không cho tôi vào, quý vị sẽ không bao giờ tin rằng tôi muốn trở thành một sa môn thực sự."

Nghe trình bày như thế, các vị đệ tử liền dẫn y đến gặp một cao đồ của Phật, ngài Xá Lợi Phất -đồng thời cũng là một chiêm tinh gia lỗi lạc, một người có khả năng thần thông nhìn suốt tiền kiếp quá khứ. Họ thưa với ngài Xá Lợi Phật, "Tôn giả vui lòng xem xét kỹ người này. Chúng tôi biết rằng trong kiếp này y là một tên sát nhân, một tội đồ, một tên đạo tặc không có chuyện bất hảo nào là không dám làm. Thế nhưng biết đâu y đã lập một vài công đức nào đó trong những tiền kiếp –có thể đó là lý do mà y muốn trờ thành một vị sa môn. Tôn giả hãy vui lòng xem xét kỹ tiền kiếp của y thử xem."

Thế là tôn giả Xá Lợi Phất đã vận dụng thần thông nhìn suốt tám vạn tiền kiếp của y… và thấy rằng con người này không có gì thay đổi cả! Ngay cả

ngài Xá Lợi Phất cũng bắt đầu cảm thấy run khi trông thấy mặt y. Y quả là một tên cực kỳ nguy hiểm -suốt tám vạn kiếp đều chỉ toàn là kẻ sát nhân, tội đồ, tội phạm chuyên nghiệp. Y đúng là sinh ra để phạm tội! Không thể nào giúp y được cái gì cả -không mảy may hy vọng nào có thể thay đổi được con người này. Ngay cả Đức Phật cũng không thể cứu vớt được y.

Thế là tôn giả Xá Lợi Phất bảo, "Hãy mang y ra ngoài, đưa y đi ngay -bởi vì ngay cả Đức Thế Tôn cũng không thể giúp gì y được. Cũng giống như Đức Phật được ra đời để trở thành một vị Phật, người này được ra đời chỉ để phạm tội ác. Ta đã nhìn rõ suốt cả tám vạn tiền kiếp của y, khả năng của ta không đi xa hơn. Nhưng bấy nhiêu cũng đủ!"

Thế là y bị đuổi ra ngoài. Y cảm thấy rất mực khổ đau, vì chẳng còn mảy may hy vọng gì nữa. Lúc sống, y không thể gần gũi được Phật, thế thì nên chết đi cho rồi. Thế là y xăm xăm tiến đến bức tường đá ngay góc cổng chính định đập đầu vào đó tự sát. Thời may Đức Phật vừa trở về sau chuyến khất thực. Ngài trông thấy và biết rõ ý định của y. Lập tức ngài ngăn lại, đưa y vào trong và điểm đạo cho y.

Chuyện kể rằng chỉ trong vòng bảy ngày người này đã đắc quả A la hán -chỉ nội trong bảy ngày y đã đạt thành giác ngộ. Bấy giờ mọi người vô cùng kinh ngạc. Ngài Xá Lợi Phất tìm đến Phật và thưa rằng, "Bạch Thế Tôn, sao lại có chuyện lạ kỳ như thế? Không lẽ khả năng thần thông của con hoàn toàn vô nghĩa? Con đã nhìn suốt tám vạn tiền kiếp của người này! Nếu người này có thể thành tựu giác ngộ chỉ trong vòng bảy ngày thì đâu còn gì là ý nghĩa của vấn đề tiền kiếp? Như vậy hoá ra tất cả đều là chuyện phi lý. Làm sao lại có chuyện xảy ra như thế?"

Phật liền bảo Xá Lợi Phất, "Ông chỉ biết nhìn vào quá khứ của y mà không biết soi rọi vào tương lai. *Quá khứ chỉ là quá khứ*! Bất cứ khoảnh khắc nào mà một người quyết định thay đổi vận mệnh mình, y có thể thay đổi –cái quyết định vào ngay chính lúc đó sẽ là quyết định tối hậu. Một người trải qua tám vạn kiếp khổ đau, y biết như vậy, và y khao khát được thay đổi, chính cái ước vọng mãnh liệt được thay đổi này là vô hạn. Thế nên, chỉ trong bảy ngày…

"Xá Lợi Phất, cho đến nay ông vẫn chưa đạt thành giác ngộ. Bởi vì ông là một hiền nhân, ông đã trải qua những kiếp đời tốt đẹp –nên ông không cảm thấy những gánh nặng của quá khứ đè lên. Chung quanh ông phủ lên những gì là đoan chính. Ông là một người bà la môn trong bao nhiêu kiếp, là một học giả, một con người khả kính trong xã hội. Thế nhưng hãy nhìn sâu vào con người này. Gánh nặng khổ đau đã đè lên người y trong suốt tám vạn kiếp, bây giờ y ao ước được thoát ra. Thế nên, đó chính là phép mầu -chỉ trong bảy ngày y đắc quả A la hán. Gánh nặng mãnh liệt của quá khứ…"

Đây là một trong những điểm căn bản nhất cần phải hiểu trong vấn đề chuyển hoá con người: những người mang cảm giác phạm tội thường rất dễ dàng chuyển hoá. Những người cho rằng mình là tốt, là đúng đắn thường rất khó chuyển hoá, cụ thể là những người có tín ngưỡng. Bởi vậy bất cứ lúc nào có một người có tín ngưỡng tiếp cận, tôi thường không mấy chú ý đến họ. Thế nhưng bất cứ lúc nào có một người vô tín ngưỡng tìm đến, tôi rất mực thích thú. Tôi thể nhập vào y, với y và tất cả cho y -bởi vì có khả năng y sẽ thành tựu.

Đó là lý do mà Thiền sư Bàn Khuê đã nói:

Ai sẽ dạy cho y nếu ta không làm điều đó? Ta sẽ giữ y ở lại đây cho dù tất cả các ngươi rời bỏ chỗ này."

Nước mắt chảy ràn rụa trên khuôn mặt của người anh em đã phạm tội trộm cắp. Tất cả lòng tham đắm trộm cắp đã biến mất.

Và trong cơn mưa của lòng từ đến từ vị thầy, kẻ cắp đã không còn là kẻ ăn cắp nữa, y đã hoàn toàn được thánh hoá. Y bắt đầu khóc, những giòng nước mắt đó đã thanh lọc trái tim y. *Nước mắt chảy ràn rụa trên khuôn mặt của người anh em đã phạm tội trộm cắp. Tất cả lòng tham đắm trộm cắp đã biến mất.* Đây là sự nhiệm mầu khi có sự hiện diện của một vị thầy, một bậc đạo sư. Câu chuyện đã không cho ta biết gì thêm về những gì xảy ra cho tất cả những thiền sinh còn nhuốm màu chính trị kia. Đây là bí ẩn của đời sống. Đừng bao giờ cho là mình đúng, cũng đừng bao giờ làm bộ cho mình là phải -đừng bao giờ để bạn bị dính mắc vào những ý tưởng như thế. Và cũng đừng bao giờ cho rằng người khác là quấy. Bởi vì chuyện phải-quấy là một cặp luôn sóng đôi cùng nhau -nếu bạn nghĩ rằng mình đúng, bạn thường lên án người khác là sai.

Đừng bao giờ lên án ai cả, cũng đừng bao giờ xưng tụng chính mình, bằng không bạn sẽ đánh mất cơ hội. Người ta như thế nào, mình nên chấp nhận như thế. Đó là cách thế mà họ hiện hữu. Và bạn là ai để lên tiếng phán quyết một người là phải hay quấy? Nếu họ quấy, họ sẽ gánh chịu khổ đau, nếu họ đúng họ sẽ được phúc lợi. Còn bạn là ai mà lên án họ?

Trong sự lên án của bạn luôn mang theo một vài bản ngã của mình. Đó là lý do tại sao người ta thường bàn tán đến những sai lầm của kẻ khác –vì điều này cho họ cái cảm giác rằng mình là đúng. Có ai đó là kẻ sát nhân, người bàng quan sẽ có một khoái cảm: "Ta không phải là tên sát nhân kia –

ít nhất ta không phải là loại người như vậy". Có ai đó là tên trộm cắp, và người ta lại thấy khoái cảm, "Kẻ trộm cắp đó không phải là ta." Những chuyện như thế cứ tiếp diễn, và bản ngã của họ ngày càng được củng cố thêm. Thế là người đời tha hồ đàm tiếu về tội lỗi của kẻ khác, tội ác của kẻ khác, không bao giờ ngừng… Bao nhiêu sai lầm đều là chuyện của thiên hạ, không hề là của mình, và người ta cứ tiếp tục nói về chúng, phóng đại chúng lên, và họ cảm thấy khoan khoái khi bàn tán những chuyện như vậy –vì tất cả những điều này tạo cho họ một cảm giác rằng "Ta là đúng". Tuy nhiên cái cảm nghĩ này sẽ là một chướng ngại lớn lao cho bạn.

Hãy trở nên từ bi, trí tuệ, yêu thương. Hãy nhìn kẻ khác không bằng đôi mắt phán xét. Và cũng đừng bao giờ bắt đầu dấy lên cái cảm nghĩ cho rằng mình là đúng, là thánh thiện. Đừng bao giờ trở thành một thứ "Đức Ngài". Đừng bao giờ.

Hãy sống rất mực bình thường, là kẻ vô danh. Trong cái *ta-không-là-ai* đó rồi vị khách cuối cùng sẽ đến… trong cái *ta-không-là-ai* đó, rồi bạn sẽ tìm thấy ông chủ.

CHƯƠNG 4

Nhập Vào Dòng Thánh

Ngài luôn luôn đề cập đến một người nam chân xác, thực sự . Ngài có thể nói đôi điều về một người nữ như thế … hay ít ra một người nữ lý tưởng theo quan niệm của ngài?

Cái thói quen hủ lậu khi nghĩ về người nam và người nữ một cách tách biệt cần phải được loại bỏ. Không có gì khác biệt giữa họ. Chân xác là chân xác –không hề có vấn đề phải là nam hay nữ. Tự phát là tự phát –nó không trở thành giống cái, cũng không là giống đực.

Chính cái ý tưởng cho rằng nam và nữ như là những sinh thể khác biệt đã tạo nên sự phân cách trong tâm thức con người. Con người là một nhất tính. Mỗi người nam là một người nữ và ngược lại. Chúng ta đều là những con người. Không ai hoàn toàn là một người nam hay người nữ.

Một khi phân chia ra nam nữ, bạn sẽ gặp rắc rối ngay. Một khi bạn chia cách ra, sẽ có một ngàn lẻ một vấn đề phát sinh: Ai siêu đẳng hơn ai? Ai là người thống trị và ai là kẻ bị trị? Nhân loại từ lâu đã phải khốn khổ vì cái chủ nghĩa giống đực siêu đẳng này. Rồi có khả năng không sớm thì muộn nhân loại cũng sẽ lại phải khốn khổ vì cái chủ nghĩa giống cái siêu đẳng. Những người giải phóng phụ nữ đang tích cực hoạt động cho việc này. Họ muốn làm tất cả những điều tồi tệ mà phe đàn ông đã từng đối xử với họ - họ muốn trả đủa những điều như thế đối với cánh đàn ông. Điều này cũng sẽ chẳng gúp ích được gì! Bạn chỉ thay thế một căn bệnh này bằng một căn bệnh khác.

Người phụ nữ đã gánh chịu khá nhiều khổ đau, điều đó đúng. Thế nhưng bây giờ nếu người ta muốn lật ngược lại mọi chuyện, cũng sẽ chẳng có gì tốt đẹp hơn. Nam giới sẽ lại bắt đầu khốn khổ. Và bằng cách này, cái vòng lẩn quẩn lại tái diễn. Thế nên, nếu chúng ta thực sự muốn chấm dứt tất cả những điều vô nghĩa này, tốt hơn là nên bắt đầu nhìn về con người một cách toàn diện, không cần phải phân biệt nam giới hay nữ giới. Đây phải là một phương cách tiếp cận cơ bản.

Thế nên khi tôi nói về sự chân xác, tự phát, hay tình yêu, tôi không hề quan niệm người nam, người nữ như là những thực thể tách biệt. Họ là một. Họ là những bộ phận của một tổng thể, gắn bó cùng nhau. Đó là lý do tại sao luôn luôn luôn có một hấp lực bất biến giữa người nam và người nữ -bởi vì cả hai đều cảm nhận rằng mình chỉ là một nửa. Một người nam trơ trọi cảm thấy mình bị tước đoạt, như bị mất mát, thiếu vắng điều gì.

Điều này đúng ở trên nhiều bình diện. Có rất nhiều người đàn ông và phụ nữ, mà khi nghĩ về họ chúng ta có thể cho rằng họ chẳng bao giờ cần đến người khác phái. Cụ thể như, một vị Phật hay là một Mahavir. Chúng ta có thể cho rằng Đức Phật không hề cần đến bóng dáng một người phụ nữ, tuy nhiên điều này không đúng. Đó là chỉ nhìn trên bề mặt. Cung cách của Ngài thay đổi –bây giờ ngài là một vị đạo sư, và ngài cần những môn đệ. Những môn đệ thực hiện chức năng như là người nữ -mặt tích cực cũng như tiêu cực. Ngài không cần đến một người vợ -điều đó đúng, đúng hoàn toàn- thế nhưng điều này không có nghĩa là Ngài không cần đến phái nữ. Điều này có nghĩa rằng, trên một bình diện khác, nữ phái đã tự khẳng định. Bây giờ thì vị đạo sư cần đến những môn đệ, nếu không ông ta sẽ cảm thấy mất mát, thiếu vắng một cái gì đó.

Môn đệ mang chất nữ tính. Ngay cả những môn đệ phái nam cũng mang nữ tính, bởi vì thái độ của một đệ tử là của một người thụ nhận còn của vị thầy là một người ban cho. Vị thầy cho, người đệ tử nhận –đó là quan hệ âm/dương được khẳng định trên một bình diện mới.

Nó tiếp diễn trong cách thế đó. Nó sẽ luôn như thế. Đừng để bị lừa dối bởi sự kiện cho rằng Đức Phật không còn cần đến một người phụ nữ. Bây giờ thì Ngài thu nhận năng lượng âm tính trên một bình diện vi tế hơn. Và cũng đừng nghĩ rằng Meera không cần đến một người nam. Bây giờ thì

người nam trong giấc mơ của bà đã chuyển thành Krishna. Có thể là bà không cần đến một người chồng –đâu có ai còn bận tâm đến một người chồng thế tục khi bạn đã có Krishna như một đấng phu quân? Bây giờ thì bà sống trên một cõi khác; người chồng trần tục đã biến đi, người yêu thế gian không còn ý nghĩa nữa. Tuy nhiên chất nam tính vẫn có mặt ở đó, đang vận hành như là một năng lượng thuần khiết –như Krishna.

Nó như thế. Sẽ không bao giờ xảy ra, sẽ không hề có chuyện có thể xảy ra rằng một người hoàn toàn là nam hay nữ, bởi vì nam-nữ là một thể thống nhất. Hoạt động và thụ động là một thể thống nhất. Ngày và đêm, sống và chết cũng thế. Sự sống không thể hiện hữu nếu thiếu vắng cái chết, và dĩ nhiên chết cũng không thể hiện hữu nếu vắng bóng sự sống, v.v… và v.v….

Thế nên bất cứ lúc nào tôi nói về sự chân xác, tự phát, hay tình yêu, tôi không hề nói riêng về người nam, hay người nữ -tôi không chia cách họ. Đó là phương cách tiếp cận căn bản của tôi. Tất cả mọi sự chia cắt đều nguy hiểm, tất cả mọi sự chia cắt đều tạo ra bệnh thái rối loạn chức năng. Đã quá đủ! Hãy bỏ ngay cái ý tưởng đó đi! Đừng có bắt đầu đi từ một thái cực này qua một thái cực khác. Người nam cũng đã khổ đau nhiều rồi – "người nam" ở đây tôi muốn nói đến "con người" – nhân loại đã khổ đau khá nhiều về sự phân chia này. Những người nghĩ rằng họ đang cố gắng mang lại một thế giới mới, một hình thái nhân bản mới, vẫn đang tiếp tục suy nghĩ trong cùng một cung cách phân chia lạc hậu, thối rửa cũ.

Hãy nghĩ đến nhân loại nói chung. Đừng nghĩ đến phương Đông hay phương Tây, đen hay trắng, người áp bức và kẻ bị áp bức. Hãy bắt đầu suy nghĩ trong tinh thần của nhất thể. Cái phương cách tiếp cận căn bản này sẽ xóa đi rất nhiều vấn nạn.

Tuy nhiên đây là một câu hỏi rất có ý nghĩa: *Ngài có thể nói đôi điều về một người nữ như thế…* Nam hay nữ -không thành vấn đề … *hay ít ra một người nữ lý tưởng theo quan niệm của ngài?*

Tôi không có những khuôn mẫu lý tưởng. Tôi là một con người đứng ngoài mọi mẫu mực lý tưởng. Tôi là người bài trừ những thánh tượng. Tôi là người hủy diệt những thần tượng. Tôi tin rằng khi không còn thần tượng, con người sẽ hoàn toàn được tự do. Khi không còn mục tiêu theo đuổi, con người sẽ hoàn toàn tự do –điều chưa bao giờ có trước đó.

Tất cả những thần tượng lý tưởng đều tạo ra tinh thần nô lệ -bởi vì lý tưởng đứng sừng sững ở tương lai, nó bắt đầu ngự trị bạn từ tương lai. Nó bắt đầu lên án hiện tại của bạn. Nó bắt đầu thông báo cho bạn hay là bạn chưa đạt đúng tiêu chuẩn: Hãy trở nên hoàn hảo hơn! Hãy là cái này, là cái nọ! Nó mang đến cả ngàn lẻ một thứ nên và không-nên. Với tất cả những thứ nên và không-nên đó, làm thế nào bạn hình dung ra là mình sống trong tự do được? Chúng ngăn trở bạn từ mọi nơi, chúng hạn chế bạn từ mọi hướng, chúng hủy diệt bạn bằng mọi phương cách có thể được -bởi vì chúng đang lên án cái hiện tại của bạn. Thế nhưng người ta chỉ có một cách thế duy nhất để sống, đó là sống trong hiện tại.

Chỉ có một đời sống duy nhất và đó là khoảnh khắc của hiện tại. Nếu cái khoảnh khắc này bị lên án bởi bất cứ cách thức nào, phương pháp nào, đời sống của bạn lập tức bị hủy diệt. Đó là lý do tại sao có đến hàng triệu người ở trên trái đất này nhưng chỉ có một số rất ít người là đang thực sự

sống. Những lý tưởng, thần tượng đã đầu độc cuộc đời họ. Và những người thích lý tưởng hoá đều là những tay đại độc thủ.

Tôi không phải là kẻ lý tưởng hoá, tôi tin vào sự thực. Mà thực ra bạn cũng không cần phải tin tưởng vào sự thực; đúng như vậy. Niềm tin chỉ cần thiết cho những kẻ sống trong lý tưởng mộng mơ. Còn sự thực đâu cần đến niềm tin? Mặt trời mọc -bạn không cần phải nói "Tôi tin vào mặt trời mọc". Chim muông ca hát líu lo -bạn đâu cần phải nói, "Tôi tin vào chim chóc". Bạn tin vào Thượng Đế bởi vì bạn không thể nhìn thấy Thượng Đế, bởi vì Thượng Đế không phải là một thực thể. Tôi không tin vào Thượng Đế vì với tôi Thượng Đế cũng là một thực tế chẳng kém gì mặt trời đang mọc, chim chóc hát ca, cũng như những đoá hoa này, những đám cây kia, và đại chúng, và bạn đang ở trước mặt tôi đây.

Tôi không tin vào Thượng Đế. Niềm tin đặt trên một tiền đề rằng bạn không hề biết; niềm tin bao hàm sự vô minh. Ngay cái chữ "niềm tin" tạo ra một điều chắc chắn -rằng cái đó là không có thực. Còn tôi, tôi hoàn toàn tin vào thực tại. Đó là ý nghĩa của điều mà tôi nói rằng tôi tin ở thực tế. Tôi không hề đưa ra bất cứ mẫu mực lý tưởng nào trái ngược với thực tại.

Trải qua bao thời đại, thần tượng, lý tưởng đã là một trò bịp bợm, là đòn phép vi tế nhằm khống chế con người -bởi vì lý tưởng tạo ra mặc cảm tội lỗi. Bạn luôn luôn cho rằng mình chưa đạt yêu cầu –đang ở dưới tiêu chuẩn, ở dưới mức trung bình, chưa đúng là mẫu người mà bạn mong muốn. Điều này trở thành một tảng đá nặng trĩu trong trái tim bạn. Nó làm cho bạn trở nên tàn phế, tê liệt. Nó không cho phép bạn vươn đến tự do, nhảy múa hát ca cùng đời sống.

Làm sao bạn có thể lên tiếng chúc tụng cuộc đời khi chung quanh bạn bao bọc bởi những khuôn mẫu lý tưởng, thần tượng? Bạn cảm thấy mình bị hạn chế ở khắp nơi -những giới hạn đó đều do những mẫu mực lý tưởng tạo ra. Bất cứ làm điều gì bạn cũng cảm thấy không bao giờ hoàn hảo. Thế nên làm bất cứ điều gì bạn cũng không bao giờ cảm thấy hạnh phúc. Luôn luôn mang một cảm giác ê chề -vì việc làm chỉ chứng minh thêm cho sự không hoàn hảo của bạn. Lại thất bại, lại mang mặc cảm phạm tội, lại lên án, lại bắt đầu thống trách oán hận chính mình. Mỗi một hành động đều mang thêm nỗi oán hận, tự trách cứ và chối bỏ mình thêm.

Và rồi nếu bạn không biết tự thương mình, bạn chỉ còn sống như là một thi hài–còn tệ hơn là cái chết! Nếu bạn không tự thương mình, rồi sẽ không có ai thương bạn. Làm sao ai đó có thể thương bạn nếu như chính bạn không biết thương mình?

Người sống trong lý tưởng mộng mơ không thể yêu thương chính mình; y là người rất mực khô khan, một tên bạo dâm không hơn không kém. Khi một người là kẻ bạo dâm, khi y tiếp tục hành hạ chính mình nhân danh những khuôn mẫu lý tưởng nào đó -"Ta phải là thế này, ta phải là thế nọ"… mà thực ra y không thể đạt đến như vậy, thì cũng có nghĩa là y đang tự tra tấn mình. Thế mà y cứ tiếp tục xô đẩy mình đến những mẫu mực lý tưởng bất khả này. Những mẫu mực lý tưởng đều bất khả -tự bản chất của chúng là thế, là những cái không thể thành tựu. Đó là toàn bộ trò bịp; bởi vì nếu chúng có thể thành tựu được, thì chúng sẽ không được gọi là những mẫu mực lý tưởng.

Mẫu mực lý tưởng tự bản chất là một cái gì đó không thể thành tựu, không bao giờ có thể đạt đến. Thế nên, nó vẫn mãi hoài treo lủng lẳng trước mắt bạn như một củ cà-rốt. Và con lừa cứ tiếp tục tiến tới … củ cà-rốt cứ tiếp

tục đong đưa. Đó là một thứ ảo ảnh. Nó giống như một chân trời xa tít -bạn cứ tiếp tục đi tới, chân trời cứ tiếp tục lùi xa, và bạn không bao giờ đi tới đích.

Tôi là một người duy thực. Tôi là người rất mực thực tế. Tôi muốn bạn đứng vững đôi chân trên mặt đất này, đây chính là ngôi nhà của bạn. Đây cũng là cách thế của Thượng Đế -Thượng Đế cũng rất mực hồng trần. Không có một thế giới nào khác, chỉ có một thế giới duy nhất này đây. Và cũng không có một phương cách nào khác, chỉ có một con đường duy nhất để hiện hữu. Sự chấp nhận này, niềm vui hoàn toàn trong chính tự thân mình –đó là cái mà tôi gọi là một người nam thực sự hay người nữ thực sự. Niềm vui hoàn toàn trong chính tự thân, mỗi người là chính mình –không bao quanh bởi mặc cảm phạm tội, không khởi dậy lòng thống trách, không chạy theo ý tưởng bạn phải là thế này, thế nọ. Đây là cách thế duy nhất mà bạn hiện hữu, không còn một cách thế nào khác. Thế nên đừng mang lại bất cứ sự đối kháng nào -bạn không tạo ra sự xung đột, bạn không tạo ra một sự cọ xát giữa con người thực của bạn và mẫu mực lý tưởng.

Từ sự cọ xát đó mà cái ngã phát sinh, không là cái gì khác. Bản ngã hiện hữu thông qua ma xát. Chạy theo một mẫu mực lý tưởng và rồi bạn sẽ trở nên một con người vị kỷ. Người lý tưởng mộng mơ là một người duy ngã. Chạy theo một mẫu mực lý tưởng lớn hơn, bạn sẽ càng trở nên ích kỷ nhiều hơn. Mẫu mực lý tưởng càng lớn chừng nào, cái ngã càng lớn chừng nấy, do sự ma xát lớn hơn. Bản ngã được cấu thành bởi sự cọ xát giữa thực tại và lý tưởng. Bây giờ thì bạn có thể theo đuổi mẫu mực lý tưởng của vô ngã –nhưng cũng chẳng có gì đổi khác. Bạn có thể nói rằng, "Thế nhưng lý tưởng mà tôi theo đuổi là vô ngã" –thì cũng thế, lý tưởng chỉ mang đến bản ngã. Bây giờ cái ý tưởng vô ngã đó sẽ mang đến cho bạn một cái ngã lớn hơn. Thế nên những con người duy ngã thực sự là những người luôn

cho rằng mình là những kẻ khiêm nhường, những người giả bộ rằng mình đã không còn có cái ta.

Một con người không bản ngã là một người không hề đặt ra cho mình những mẫu mực lý tưởng. Hãy xem đây là tiêu chuẩn và như thế bạn đã rơi tỏm vào một quy điều cơ bản. Một người không bản ngã là một người không hề đặt ra cho mình những mẫu mực lý tưởng. Làm sao mà cái ta của bạn có thể hình thành được? –cái năng lượng cơ bản đã mất đi rồi. Cái năng lượng này đến từ ma xát, xung đột, đấu tranh, ý chí.

Khi bạn sống một cách an nhiên tự tại –trong lúc ăn sáng, trong lúc ngủ, trong lúc đi đứng, tắm rửa- làm thế nào mà cái ta có thể sinh khởi được trong những lúc này? Ngủ khi nào thấy buồn ngủ, ăn khi nào thấy đói, làm thế nào mà cái ta của bạn hình thành? Không bao giờ -Thế nhưng, nếu bạn cố tình nhịn ăn, bạn có thể tạo ra cái ngã. Nếu bạn canh thức suốt đêm dài, và tự nhủ, "Ta sẽ không đi ngủ," bạn có thể tạo ra cái ngã.

Vào buổi sáng, một người đã ngủ một giấc ngon lành sẽ không còn có cái ta, còn bạn, bạn sẽ kéo theo mình một cái ta thật lớn. Bạn đã tỉnh thức suốt đêm; con buồn ngủ đã cố gắng không ngừng để lôi kéo bạn vào giấc ngủ nhưng bạn đã cưỡng chống lại. Bạn là một chiến sĩ. Bạn chứng tỏ cho thể xác của bạn biết rằng, "Tinh thần mạnh hơn vật chất". Bạn muốn chứng tỏ rằng, "Ta là chủ nhân ông. Cơn buồn ngủ không thể vật ngã được ta." Thế là bạn có thể tạo nên cái ngã. Một người nào đó đang ăn uống một cách ngon lành –cái ngã đâu còn chỗ nào để hiện diện? Thế nhưng nếu bạn đang tuyệt thực. Bạn là một tu sĩ Kỳ Na giáo chẳng hạn và bạn đang nhịn ăn, trong một cuộc tuyệt thực kéo dài hai mươi mốt ngày. Thế là từng ngày một, cái ngã của bạn cứ lớn dần, lớn dần lên. Và cùng với cái ngã của bạn, một điều hiển nhiên, trước mắt bạn những kẻ khác đều trở thành những kẻ

tội lỗi. Tất cả những ai đang ăn uống, đang thích thú thưởng thức những thực phẩm trần gian này đều là những kẻ tội lỗi. Bạn lên án họ tất cả. Chỉ có sự lên án họ mới làm bạn cảm thấy thoải mái. Chỉ thông qua sự lên án này mà bạn có thể cảm thấy cái ngã sinh khởi trong bạn.

Như thế, trước tiên xung đột, cọ xát mang lại cái ngã. Và cái ngã kéo theo sự lên án tha nhân, từ đó bạn cảm thấy mình "thánh thiện hơn người".

Một người khi nhận thức được rằng mẫu mực lý tưởng tạo nên cái ngã, y sẽ buông bỏ tất cả những lý tưởng, thần tượng. Y sẽ sống một cuộc đời rất mực bình thường tự nhiên. Tự nhiên, đúng như vậy, tôi không nói là một đời sống tín ngưỡng. Đối với tôi, sống tự nhiên là một thứ tín ngưỡng. Nếu tín ngưỡng của bạn đi ngược lại với tự nhiên thì đó không phải là tôn giáo, bạn đang phục vụ cho cái ngã của mình –cho dù bạn có thể gọi nó bằng bất cứ danh xưng nào bạn thích.

Thế nên, tôi là người tán trợ sự thực, tán trợ cái như thị. Bất cứ bạn là gì, tôi muốn bạn chấp nhận nó với tất cả lòng biết ơn, thích thú và chúc tụng cái sẵn có của bạn. Đừng đòi hỏi cái bất khả. Khi đòi hỏi cái bất khả bạn đã đánh mất luôn cái khả thể. Đây là điều tôi muốn nhấn mạnh: Sống trong cái khả thể. Bình thường tâm thị đạo. Và khi sống trong khả thể, một ngày nào đó cái bất khả có thể đạt đến mà bạn không cần phải vận dụng một chút nỗ lực nào.

Nếu bạn cứ luôn nghĩ đến cái bất khả, bạn đánh mất luôn cái khả thể, bởi vì toàn bộ năng lượng của bạn đều đổ dồn vào cái bất khả đó. Nếu bạn không chút nào quan tâm đến cái bất khả, nếu bạn không có bất cứ cái gì để tơ tưởng đến, nếu bạn sống trong khả thể -một cuộc sống tự nhiên, đơn giản, hồn nhiên vô tư- làm sao mà cái bất khả có thể chạy thoát khỏi bạn

được? Toàn bộ năng lượng của bạn được đổ dồn vào hiện tại. Và sống trong hiện tại có nghĩa là bạn đang đứng trước ngưởng cửa của Thượng Đế. Toàn bộ năng lượng của bạn không ngừng gỏ vào cánh cửa … không ngày này thì ngày khác, bạn sẽ nhập vào dòng thánh như một cơn lũ. Và cái bất khả kia trở thành cái khả thể.

Đối với tôi, một người nam hay người nữ chân xác thực sự là một sinh thể hồn nhiên. Đơn giản, không phức tạp. Sự phức tạp đến từ những mẫu mực lý tưởng. Rất mực hồn nhiên vô tư. Nhưng đừng đem cái hồn nhiên vô tư này biến thành một mẫu mực lý tưởng –hãy nhớ một điều, tôi không hề nói đến những mẫu mực lý tưởng. Tôi chỉ nói một cách đơn giản rằng: Hãy giống như một trẻ thơ, như một con thú, như đám cây kia hay những viên đá cuội.

Và cũng xin nhớ rằng, tôi đã phải dùng đến một thứ ngôn ngữ đang bị ô nhiễm nặng nề. Làm ơn đừng hiểu lầm những điều tôi nói. Khi tôi bảo rằng hãy rất mực tự nhiên, đừng vội tạo nên một cái khuôn mẫu lý tưởng trong tâm bạn –"Thế thì bây giờ tôi phải sống rất mực tự nhiên". "Phải sống"? -bạn đã đánh mất trọng điểm. Bạn đã bị dính mắc vào cái ngôn ngữ xưa cũ mất rồi. Tôi buộc phải dùng đến ngôn ngữ này, tuy nhiên khi nói rằng: Hãy như đám cây kia –điều này không có nghĩa là tôi bảo bạn phải chạy ra đứng ở ngoài vườn giống như một cái cây. Bằng không, bạn lại tạo ra cho mình một mẫu mực lý tưởng khác. Và rồi bạn lại dõi mắt tìm kiếm … sao cái cây này lại không đâm chồi, mọc lá! Thế là bạn khởi sự mang mặc cảm tội lỗi. Nhưng rồi biết đâu -một hôm nào bạn chợt thấy những cánh lá mọc lên. Thế là bạn bắt đầu dương dương tự đắc. Rồi nhìn thấy bất cứ ai không có cánh lá mọc lên, dưới mắt bạn họ là một kẻ tội lỗi, đáng phải bị quăng vào hoả ngục. Còn bạn thì chắc chắn là sẽ đi ngay lên thiên đàng thôi -bạn đang đâm chồi, mọc lá.

Hãy nhìn kỹ xem! Bề nào thì bạn cũng đều sẽ gặp khổ nạn. Mọc lá hay không mọc lá. Bề nào bạn cũng sẽ sống trong địa ngục. Nếu cây đời của bạn không đâm chồi mọc lá, bạn sẽ cảm thấy một mặc cảm tội lỗi, bực dọc buồn phiền -bạn sẽ cứ mãi dõi mắt trông chờ, mà sao nó vẫn chưa hề mọc lá. Hoặc, một hôm nào đó –phép lạ xuất hiện- bỗng dưng bạn thấy nó đâm chồi. Có thể thực sự là nó chưa hề mọc nhưng mà bạn tưởng tượng ra thôi. Bạn đã đứng ở đó quá lâu rồi, năm này qua năm nọ, chỉ suy tưởng có một điều –bạn đã trở thành một cái cây, làm sao để cho nó đâm chồi mọc lá. Và một điều tự nhiên thôi, năm này qua tháng nọ, cái tâm của bạn đã bị tự kỷ ám thị. Đề nghị cách này, đề nghị cách khác … và cứ thế, thời gian trôi qua bạn bắt đầu hình dung tưởng tượng đủ mọi thứ chuyện. Cho đến một ngày bạn thấy cái cây của bạn đâm chồi mọc lá. Bạn mừng đến phát điên lên – phép lạ đã xuất hiện. Bạn lại sống trong địa ngục, bởi vì bây giờ bạn đã khùng lên rồi.

Những vị thánh của bạn đều là những tên khùng. Và những kẻ được gọi là tội lỗi trên thế gian này đang rất mực khổ đau vì những anh khùng đó. Những anh khùng này thường là những khuôn mẫu lý tưởng, thần tượng. Nếu bạn đang thích thú thưởng thức những món ăn ngon, sẽ có không thiếu những người đứng ngoài nhìn vào và lên án bạn. Cái ông Mathama Gandhi chẳng hạn –ông ta đang thuyết giáo về *aswad*, về sự kiêng khem. Bây giò nếu bạn đang tận nếm hương vị của món ăn, bạn là một kẻ tội lỗi. Chỉ một niềm vui nho nhỏ như thế, thưởng thức hương vị của thức ăn, cũng vẫn sẽ bị lên án. Nếu bạn đang yêu đương người bạn tình của mình, bạn là một kẻ tội lỗi. Trải qua bao thời đại, những ông thánh khùng của bạn đã không ngừng lên án tình yêu. Nếu bạn yêu thương con cái của bạn, bạn cũng sẽ là một kẻ tội lỗi như thường.

Tôi có nghe một câu chuyện về một ông thánh đạo Hồi, ông này chắc phải là người đã hoàn toàn bị loạn thần kinh. Một hôm ông ta đang ngồi chơi với đứa cháu nội ở trên đùi -một ông già đang trò chuyện với một đứa trẻ, còn bé, chắc là mới lên bốn, lên năm gì đó. Và rồi thằng bé hỏi ông, "Nội ơi, giữa Thượng Đế và con, ông nội yêu ai hơn?" Bởi vì thằng bé thấy ông nội mình tối ngày cứ lập đi lập lại "Allah, Allah, Allah!", thế nên nó mới hỏi, "Giữa Allah và con, nội thương ai?"

Và rồi người ông đã bảo cháu, "Dĩ nhiên, nội thương con!" Nhưng rồi một tư tưởng chợt loé lên làm ông kinh sợ -mình đang nói cái gì thế này! Thế là ông xô thằng cháu qua một bên, đẩy nó đi ra xa và mắng, "Mầy thật là đồ qủy quái. Quỷ Sa Tăng đã chui vào miệng mày rồi. Tao phải yêu Thượng Đế chứ!"

Chuyện kể rằng, từ hôm ấy trở đi ông ta không bao giờ trò chuyện với đứa cháu nội nữa. Điều này đã được tuyên dương trong những sách vở nói về ông ta -rằng ông là một vị thánh nhân vĩ đại. Ông ta sống thêm hai mươi năm, nhưng không hề đụng đến thằng cháu nội. Thằng bé đã trở thành một thứ ma qủy, gian ác.

Và câu chuyện cũng cho biết là ông ta đã lên thiên đàng sau khi chết. Tôi nghi quá! Khó mà tin chuyện này. Lẽ ra, ông ta phải chui vào địa ngục thì đúng hơn. Có thể nào ông ta lại không thấy được một điều rất mực đơn giản -rằng tình yêu của Thượng Đế không hề chối bỏ bất cứ một tình cảm yêu thương nào? Mà thực ra, tình yêu của Thượng Đế bao hàm tất cả những tình cảm yêu thương của bạn gộp chung lại. Đây là một hiện tượng khá đơn giản. Bạn thương yêu vợ bạn, thương yêu con cái bạn, thương yêu cha mẹ, anh em, bạn bè. Những điều này đâu có chống lại Thượng Đế?

Đây là những phương cách tiếp cận Thượng Đế từ muôn hướng khác nhau.

Theo tôi, một người có tín ngưỡng có thể nhìn vấn đề như thế này. Đối với y, tất cả mọi tình thương yêu có thể được xem như trăm nhánh sông cùng tuôn về một đại dương. Tình thương yêu đến từ muôn hướng và chảy vào cùng một bể cả.

Nếu tôi có mặt ở đó thay vì ông già kia, tôi sẽ ôm thằng bé vào lòng và hôn nó. Tôi sẽ nói với nó rằng, "Cháu ơi! Ông yêu cháu lắm, Đó cũng là cách thế mà ông yêu mến Thượng Đế. Cháu là một phần của Thượng Đế - không hế có sự xung đột nào giữa cả hai!"

Không hề có hai tình yêu thương nào lại xung đột lẫn nhau, không thể có chuyện như vậy. Trong tình yêu thương không bao giờ có xung đột. Chỉ có những thứ khác: Bản ngã, ganh ghét, chiếm hữu mới có xung đột. Không hề có xung đột trong yêu thương.

Tình thương yêu không bao giờ biết đến xung đột. Tôi không hề lên án bất cứ cái gì. Khi bạn ăn uống, hãy ăn uống với tất cả sự tận hưởng hương vị của giác quan; hãy để cho cái hương vị này là Thượng Đế của bạn trong giây phút đó. Khoảnh khắc đó chính là Thượng Đế. Nếu bạn đang ăn một trái táo, cũng có nghĩa là bạn đang thưởng thức Thượng Đế, thế nên sẽ là một chuyện hoàn toàn lăng mạ nếu bạn ăn mà không nếm trọn mùi vị của nó. Các ông đại thánh của bạn thì luôn luôn chống đối Thượng Đế -đó là cách thế mà tôi nhìn mọi chuyện. Nếu bạn đang ăn một trái táo, phải tận nếm tất cả cái hương vị của trái táo. Hãy để cho mình tan biến vào cái hương vị này -bởi vì đó chính là Thượng Đế đã đến với bạn qua thể dạng của một trái táo. Đó chính là Thượng Đế! Đã được kết tinh lại như một trái

táo. Mật ngọt của trái táo chính là mật ngọt của Thượng Đế: Hãy đón nhận nó trong niềm biết ơn sâu xa, trong yêu thương, niềm vui, như một lời chúc tụng.

Hãy cầm lấy trái táo trong tay và ngửi lấy mùi hương của nó. Hãy nâng trái táo vào sát ngực mình để cảm thấy nó mát rượi làm sao! Hãy cùng nó hoà vào khúc luân vũ … và rồi trái táo với bạn sẽ trở thành một. Đón nhận nó. Đón nhận với nguyện cầu, với yêu thương và trân trọng biết ơn, hãy để cho trái tim bạn chan hoà trong tràn đầy ân nghĩa. Thượng Đế đã đến với bạn như là một trái táo, và Thượng Đế rất muốn thể nhập vào bạn. Rồi đây bạn sẽ tiêu hoá Thượng Đế và Ngài sẽ tuôn chảy trong máu huyết bạn, sẽ trở thành xương, thành tủy, trở thành suy nghĩ, mộng mơ, quán chiếu, yêu thương, cùng những nguyện cầu của bạn.

Hãy nhìn trong hướng này! Đây là ý nghĩa của những gì mà tôi gọi là thực tế. Thượng Đế, đối với tôi, không phải là một nhân vật lý tưởng xa vời. Thượng Đế, đối với tôi chính là thực tại cơ bản của đời sống.

Thế nên đối với tôi, không hề có một mẫu người nam hay người nữ lý tưởng. Người nam và người nữ lý tưởng đều là những kẻ loạn thần kinh - họ cần phải được đưa vào bệnh viện để chữa trị. Tôi không mang trên người bất cứ ý niệm nào về sự toàn hảo. Tôi hoàn toàn chống lại cái ý tưởng như thế, bởi vì đó chính là thảm hoạ lớn nhất xảy ra cho con người. Tôi ủng hộ cái toàn bộ. Hãy trở nên toàn bộ trong mọi hành động của bạn. Hãy trở nên toàn bộ trong bất cứ công việc gì bạn đang làm. Và đừng bao giờ nghĩ đến sự toàn hảo -bởi vì toàn bộ là trong hiện tại còn toàn hảo là trong tương lai.

Cái khoảnh khắc mà bạn mang tương lai vào, bạn mang theo xung đột. Cái khoảnh khắc mà bạn mang tương lai vào, bạn mang theo căng thẳng, khổ đau, bồn chồn lo lắng. Cái khoảnh khắc bạn mang tương lai vào, bạn đang mở ra cánh cửa địa ngục. Hãy nên bây giờ và tại đây! Hãy nên thực tế, bây giờ và tại đây, và sống cuộc đời của bạn trong từng khoảnh khắc với tất cả lòng trân trọng biết ơn.

Còn chuyện bạn có là người nam hay người nữ, đâu thành vấn đề? Chân thực, tự phát, toàn bộ không hề thuộc về giống đực hay giống cái.

Này Thượng Đế,
Chúng tôi đang làm cái quái qủy gì ở đây thế?

Tôi hoàn toàn không biết gì về bạn. Tôi chỉ biết là tôi đang làm gì ở đây. Về chuyện của bạn, bạn sẽ phải biết bạn đang làm gì ở đây. Bạn chỉ có thể hỏi một điều –Tôi đang làm gì ở đây.

Tôi muốn bạn quán tưởng về một bài thơ tuyệt vời của Eustace Owen: Cánh Bướm. Đó là những gì tôi đang làm ở đây. Hãy lắng nghe thật kỹ lưỡng.

Chàng bướm nghiêng mình đáp xuống hoa
Nhẹ như bông tuyết và sặc sỡ làm sao

Một con sâu bướm đang thu mình ở đó
Khóc lóc thở than như ai đang bóp vỡ trái tim mình
Nó làm cho con bướm hạnh phúc đau lòng
Khi thấy con ngài khóc lóc bi thương như thế.

"Ồ, ta không biết chuyện gì đã xảy ra với ngươi,
Để xem ta có thể giúp ích được chút gì chăng?"
"Người anh tôi vừa mới qua đời," con ngài chùi nước mắt,
"Mấy hôm rày anh ta không được khoẻ,
Bây giờ tôi khám phá ra một chuyện thật buồn,
Anh ta chỉ còn là một cái vỏ không, đã chết."

"Nay chú ấu trùng đáng thương ơi,
thôi đừng khóc nữa, khổ cho ngươi
Người anh ốm yếu không hề chết:
Y đâu còn bò như một con trùng nhỏ
Mà đã lớn khôn, mọc cánh bay rồi.
Y đang nhảy múa đùa trong nắng
Uống mật trong hoa dưới mặt trời."

"Này cút đi, cút ngay đi tên lưu manh lừa dối,
Hãy bay theo cùng với những ngọn gió của ngươi,
Ta chẳng thèm khóc khi thấy ngươi đi khỏi
Và mang theo với mi cái giọng lưỡi gạt người,
Bộ tưởng ta là một con ốc sên ngu xuẩn,
Nên tin vào chuyện thần thoại hoang đường?"

Ta không là ốc sên khờ dại

Đâu tin chuyện thần thoại
Cút đi hãy cút đi nhanh
Mang đi giọng lưỡi lưu manh gạt người.

"Này chú em nghi ngờ kia, ta sẽ chứng minh rằng ta không nói dối
Hãy nhìn kỹ đây và lắng nghe điều ta nói.
Ta chẳng phải ai xa lạ mà chính là anh ruột của ngươi,
Còn sống đây, khoẻ mạnh, hạnh phúc vui chơi
Rồi chẳng bao lâu ngươi sẽ cùng ta nhởn nhơ trên khắp bầu trời
Cùng với đàn bướm kia suốt ngày rong chơi bay lượn."

"Thôi đi," con ngài tiếp tục khóc la
"Ta chỉ tin khi thấy tận mắt mọi chuyện rõ ràng
Ngươi chỉ là một con ma đi nút nhụy hoa
Phe phẩy trên đôi cánh vay mượn hào nhoáng
Nói những chuyện tầm phào vô nghĩa
Ta không còn muốn nghe bất cứ lời nào."

Anh chàng bướm chào thua cuộc tranh luận
"Ta chẳng còn gì để nói với ngươi"
Tung đôi cánh vàng rực rỡ bay lên
Vào khoảng trời không gian cao rộng
Khi chàng bướm thong dong vỗ cánh bay xa
Con ngài vẫn tiếp tục ngồi đó khóc la.

Tôi không biết bạn đang làm gì, còn tôi, tôi biết tôi đang làm gì. Các bạn toàn là những con sâu bướm. Và tôi biết là bạn không tin tưởng ở tôi, tôi biết là bạn không thể tin tưởng ở tôi –và tôi hiểu chuyện đó. Tin tưởng ở tôi là chuyện bất khả. Làm thế nào mà con sâu bướm có thể tin tưởng vào con bướm?

Con sâu bướm chưa hề biết những chuyện như thế, chưa hề có những kinh nghiệm như thế. Nó hoàn toàn sống trong một chiều kích khác, một thế giới khác, một thực tại cách biệt. Làm thế nào mà con ngài có thể tin được rằng vào một ngày nào đó nó sẽ lột xác và tung cánh vào trời cao? Bây giờ nó chỉ biết có một chuyện là bò trên mặt đất. Nó thu mình trong chiếc vỏ của mình, không hề biết gì về đôi cánh tương lai. Nó không hề biết đến khả năng tiềm ẩn của mình. Con người cũng thế, vẫn luôn là một phôi bào, vẫn còn nương tựa trong bào thai, chưa bao giờ được khai sinh.

Thế nên khi có ai đó -một con bướm, một Đức Phật, hay Chúa Giêsu- đến và nói với bạn điều gì, cũng chẳng khác gì chuyện thần tiên hoang đường. Có vẻ như Đức Phật đang nói láo. Nếu tôi bảo với bạn rằng, "Tôi là Thượng Đế", thì cũng có vẻ như chuyện nói dóc mà chơi, chuyện thần thoại hoang đường. Và tôi hiểu tại sao. Bạn không thể nào tin rằng bạn có thể trở thành Thượng Đế -đó là lý do. Bạn không thể nào tin rằng bạn có khả năng có đôi cánh. Một khi bạn không thể có cánh, làm sao bạn có thể tin được một người nào khác có cánh? Mà tôi xem ra cũng giống như bạn thôi, có gì khác lắm đâu…

Đó chính là vấn nạn đã xảy ra với Đức Phật, với Chúa Giêsu. Khi Chúa Giêsu bảo rằng, "Ta là con trai của Thiên Chúa", nhiều người đã vô cùng giận dữ -như những con ngài giận dữ với con bướm. Và rồi những con ngài này sẽ tụ họp cùng nhau để giết cho được con bướm.

Khi Đức Phật bảo rằng, "Ta là Đấng Thế Tôn", người Ấn Độ giáo đã vô cùng giận dữ. Họ đã bứng tận gốc rễ của đạo Phật tại Ấn Độ, huỷ diệt nó hoàn toàn. Bằng phương cách này người Ấn giáo còn tinh ma xảo quyệt hơn cả người Do Thái. Người Do Thái giết Chúa –đây không phải là một mất mát lớn lao, bởi vì Cơ Đốc giáo vẫn còn bám rễ. Người Ấn Giáo thì không giết Đức Phật -họ thông minh xảo quyệt hơn- họ giết đạo Phật. Họ để yên cho Đức Phật. Họ bảo, "OK. Cứ để yên cho ông ấy. Đừng tỏ ra quan tâm, đừng chú ý gì đến ông ấy. Nếu bạn tỏ ra lưu ý, ông ta sẽ trở thành quan trọng. Nếu bạn chống lại ông ta, bạn tạo thêm năng lượng. Nếu bạn giết ông ta, người đời sẽ nhớ đến ông ta cả hàng ngàn năm."

Đó là những gì xảy ra trong câu chuyện về Chúa Giêsu –ông ta bị giết. Và đó là lý do tại sao mà hơn hai ngàn năm trôi qua, Giêsu vẫn còn sống mãi hơn bất cứ ai khác –hơn Đức Phật, hơn Mahavir, hơn cả Krishna. Chúa Giêsu đã kéo rất nhiều những tâm hồn đến gần ông hơn bất cứ ai khác. Tại sao? Tại vì ông ta đã bị giết. Nếu như ông ta sinh ra tại Ấn Độ, người Ấn giáo chỉ làm một việc hết sức đơn giản là bỏ mặc, không quan tâm gì đến ông ta. Và như vây cũng chẳng khác gì là một sự khai tử.

Quả là điều bất khả khi tin rằng chuyện như thế đã không xảy ra cho bạn. Thế nên tôi biết rằng, nếu bạn tin cậy tôi, thì đó quả là phép lạ. Nếu bạn không tin cậy ở tôi, thì đó là chuyện rất tự nhiên. Nếu bạn tin tôi, điều đó cho thấy sự can đảm rất mực của bạn -bạn là kẻ phiêu lưu, là tay liều mạng. Nếu bạn không tin tôi, nếu bạn hoài nghi, thì bạn cũng giống như bao nhiêu người bình thường khác. Chẳng có gì sai trái cả; chuyện bình thường thôi; đầu óc của con người bình thường nào cũng thế.

Tôi *biết* tôi đang làm gì ở đây. Tôi đang nỗ lực để mang cái ý thức này đến bạn, rằng bạn là một con bướm -rằng cả bầu trời cao rộng kia là thuộc về bạn, rằng tất cả những mật ngọt trần gian trong những đoá hoa kia là thuộc về bạn. Thế nhưng tôi không biết bạn đang làm gì ở đây. –đó là quyền quyết định của bạn. Nếu bạn tin tôi, có nghĩa là bạn đang dùng thời gian của bạn một cách sáng tạo. Nêú bạn không tin tôi, thì cũng có nghĩa là bạn đang lãng phí thời gian và năng lượng của mình.

Chỉ nên có mặt ở đây nếu tin tưởng ở tôi.

Trong một ngôi trường nhỏ, vị thầy giáo hỏi đám trẻ, "Cho thầy một thí dụ các em hiểu như thế nào về sự 'lảng phí năng lượng'." Có rất nhiều thí dụ được đưa ra nhưng tôi thích cái này nhất: Một đứa trẻ đứng dậy trả lời, "Kể một câu chuyện dựng tóc gáy cho một tên bị hói đầu. Cái đó gọi là lãng phí năng lượng."

Tôi thích cái thí dụ này… Đúng như thế.

Đừng lảng phí năng lượng của bạn. Nếu bạn có thể tin tưởng ở tôi, hãy có mặt ở đây, hãy đến với tôi, cho phép tôi đưa bạn đến những vùng đất hoang vu xa lạ. Nếu bạn không tin tưởng ở tôi, hãy đến bất cứ nơi nào khác, làm những công chuyện khác. Nếu bạn quyết định cứ mãi làm những con sâu bướm, đó là quyết định của bạn và tôi tôn trọng điều đó. Nếu bạn cảm thấy không thoải mái với kiếp làm sâu bướm và đang mơ trở thành một cánh bướm rực rỡ, thì hãy đến với tôi. Đó là điều khả thể -nó đã xảy ra với tôi, nó có thể xảy ra đối với bạn. Bạn phải chui ra khỏi cái vỏ kén của mình, bạn phải từ bỏ không còn bám víu vào chiếc vỏ đó nữa. Bạn phải từ

bỏ sự phòng thủ, cái áo giáp kiên cố của bạn. Bạn phải chui ra khỏi cái trứng của bạn, cái bản ngã đó.

Sự khác biệt giữa phân tích và nhận biết là gì? Có cần thiết phải nhìn về quá khứ để hiểu biết những gì xảy ra trong tương lai?

Có rất nhiều khác biệt –không phải chỉ là một điểm khác biệt, chúng khác nhau một trời một vực.

Phân tích là một hiện tượng thuộc tâm thức, nhận biết là hiện tượng không thuộc tâm thức. Phân tích, bạn trụ lại ở trong tâm, bởi vì bạn phải suy nghĩ. Phân tích là suy nghĩ. Phân tích là đi vào luận lý, dựa trên lý trí. Nhận biết không liên hệ gì đến luận lý, đến suy nghĩ. Hiểu biết là bay bỗng lên trên luận lý, là đi vượt ra ngoài luận lý. Nhận biết là một bắt gặp đơn thuần - một cái nhìn thuần khiết, không chứa một ý niệm sẽ làm bất cứ cái gì. Phân tích không hề là một cái nhìn thuần khiết; nó chứa một mối bận tâm và bạn phải phân tích nó.

Đó cũng là sự khác biệt hoàn toàn giữa phân tâm học và tôn giáo. Phân tâm học dạy bạn phân tích, tôn giáo dạy bạn hiểu biết. Nếu bạn đến với Freud hoặc Jung, họ sẽ dạy cho bạn cách phân tích một giấc mộng, làm thế nào để phân tích ý nghĩ, làm thế nào đê phân loại chúng. Nếu bạn đến với một ông Phật, ông ta chỉ dạy bạn một điều đơn giản là làm thế nào để nhìn

vào vạn pháp, mà không khởi lên ý niệm làm cái gì cả -bằng cách nào ta nhìn thẳng vào giấc mộng.

Cũng đừng gọi đó là giấc mộng, bởi khi bạn gọi đó là giấc mộng bạn lại bắt đầu phân tích. Nếu bạn gọi đó là giấc mộng thì bạn đã mang vào đó cả một phạm trù của lý luận. Bạn bảo rằng đó là một giấc mộng, không còn là thực tế nữa -thế là phân tích bắt đầu. Bạn phân loại nó, bạn xếp nó vào một hạng mục nào đó -thế là phân tích khởi sự. Ngay cả không gọi đó là giấc mộng. Vì nếu bạn gọi đó là một giấc mộng đẹp, lại đòi hỏi sự phân tích nhiều hơn. Nếu bạn gọi đó là một cơn ác mộng, bạn cần phân tích nhiều hơn nữa. Đừng nói gì về nó, đừng đưa ra bất cứ phán đoán nào. Chỉ nhìn thôi, không quan tâm; chỉ nhìn thẳng vào nó.

Một khi bạn nhìn vào nó không chút bận tâm, sẽ có một kinh nghiệm lớn lao, một kinh nghiệm không tưởng tượng nổi, khởi dậy. Khi bạn thuần tuý ngắm nhìn, ngay cả không có một lời nào chen vào giữa bạn và đối tượng được nhìn, đối tượng sẽ bắt đầu tan biến. Tan biến như một đám mây. Nó càng lúc càng rời xa, càng lùi dần vào hậu trường, và khi thời điểm đến, bỗng dưng nó biến mất. Chỉ còn trơ lại một mình bạn ở đó, đơn độc, trống rỗng.

Đây là tất cả những gì mà ta gọi là thiền định -tỉnh thức trong trạng thái trống rỗng. Và cách thức để buông bỏ những gì được tích chứa không phải là phương cách của phân tích, mà là phương cách của một cái nhìn thuần khiết.

Thế nên không cần thiết phải phân tích. Nếu bạn phân tích, bạn đang đi vào một tiến trình tiếp diễn mãi hoài đến vô tận. Sẽ không có kết cuộc -chuyện này dẫn đến chuyện kia. Nếu bạn phân tích một giấc mộng, bạn

phải phân tích cả toàn bộ cuộc đời mình. Và cũng thế, tiến trình này không bao giờ chấm dứt; bạn phải đi trở ngược lại cả những tiền kiếp xa xưa. Điều đó đã xảy ra –đã từng xảy ra tại Ấn Độ.

Freud đã bắt đầu với những điều thật ra chẳng phải là những khám phá mới mẻ gì mà chỉ là sự khám phá lại. Freud đã khởi sự phân tích để rồi không sớm thì muộn bao nhiêu những chuyện khác đã khởi sinh từ đó: căn bản trị liệu pháp. Một khi bạn khởi sự phân tích một giấc mơ mà bạn nằm mộng thấy đêm rồi, không sớm thì muộn rồi bạn sẽ phải đi sâu vào tận chỗ thai sinh ra cơn mộng, mới hy vọng có thể hiểu được ý nghĩa của giấc mơ kia. Bởi vì tất cả mọi chuyện đều nối kết chằng chịt cùng nhau; cái giấc mơ này không phải từ trên trời rớt xuống. Cái giấc mơ mà bạn mộng thấy đêm rồi được đan kết với không biết bao nhiêu chuyện đã xảy ra trong quá khứ -bạn sẽ phải phân tích chúng. Và chúng được đan kết trong cái chiều hướng riêng của nó cùng với bao nhiêu thứ khác -bạn sẽ phải phân tích chúng… vân vân và vân vân.

Nếu bạn thực sự muốn phân tích một con người, bạn sẽ phải phân tích cái toàn bộ của sự hiện hữu này. Bởi vì nếu người cha của bạn không có mặt trên thế gian này, dĩ nhiên là sẽ không có mặt bạn ở đây. Và có thể là cha và mẹ của bạn đã gặp nhau một cách tình cờ bởi vì họ đã học chung trường với nhau. Nhưng nếu như ngôi trường kia không hiện hữu ở đó, chắc gì bạn đã có mặt ở đây.

Và giả dụ như có ngôi trường kia mà ở đó con trai con gái học chung cùng nhau, bạn cũng có thể đã không có mặt ở đây. Bởi vì khi nam nữ không học chung với nhau, tình yêu dễ dàng bộc phát hơn -nếu khác phái tính cùng chung một mái trường, đâu có ai phải bận lòng? Học chung, giao tiếp ít phát sinh ra những tình cảm lãng mạn. Thế nhưng khi trai gái được tách

rời ra, dưới mắt nhau, con gái trở nên cực kỳ diễm lệ và con trai cũng thế. Sự chia cách đã tạo ra những ảo tượng.

Và cứ tiếp tục như thế -bạn có thể đi lùi lại đến tận điểm khởi đầu của vũ trụ. Không phải chỉ là tiếng khóc đầu tiên của con người mà bạn sẽ phải đi đến tận cùng tiếng kêu của Thượng Đế -tiếng kêu đầu tiên khi ngài phán: "Hãy mang đến ánh sáng!". Tôi thì cho rằng khi ông ta thốt ra những lời đầu tiên, có thể không phải là "Hãy mang đến ánh sáng!" -chắc ai đó đã hiểu lầm ý của ngài. Ngài hẳn đã nói: "Hãy mang đến luận lý!" Chính vì vậy mà từ đó nhân loại luôn gặp phải khổ nạn. Ánh sáng thì đã không mang đến những khổ nạn như thế, mà chỉ vì: "Hãy mang đến luận lý!"

Cái thế giới mà chúng ta đang sống là một cấu trúc luận lý. Phân tích sẽ chẳng giúp ích được gì; bạn có thể tiếp tục đến vô cùng vô tận. Đó là lý do tại sao phân tích lại cứ được kéo dài ra. Một khi bạn rơi vào cái bẫy của một nhà phân tâm Freud, chuyện phân tích có thể kéo dài đến ba năm, sáu năm, mười năm và có thể sẽ còn tiếp tục lâu hơn -vấn đề là khả năng túi tiền của bạn. Việc phân tích này sẽ không bao giờ kết thúc, chỉ có tài khoản trong ngân hàng của bạn. Khi tài khoản này khô cạn, nhà phân tích sẽ bảo, "Công việc phân tích xong rồi". Bằng không, nó sẽ vẫn cứ kéo dài đến vô tận, bởi vì sự phân tích không hề có điểm khởi đầu cũng như điểm kết thúc. Nó là một cái vòng tròn –và bạn cứ tiếp tục đi vòng quanh, đi mãi không bao giờ tới đích.

Nhìn! Đó là cách thế để bẻ gãy cái vòng tròn này. Chỉ nhìn, và nhìn thẳng vào vạn hữu. Không cần phải tính toán tìm hiểu xem cái này là cái gì, chỉ nhìn thẳng vào vạn hữu như là chúng hiện hữu. Chỉ nhìn thôi, một cái nhìn thuần khiết … rồi đột nhiên đám mây mù tan biến, bốc hơi. Và ngay

lập tức, cái nhìn thuần khiết này sẽ tạo nên một khoảng không gian thuần khiết chung quanh bạn.

Sự khác biệt giữa phân tích và nhận biết là gì?

Phân tích thuộc về tâm thức; đó là một sự thao diễn của luận lý, của lý trí, suy tưởng. Nhận biết không thuộc về tâm thức mà đơn thuần là một chứng kiến. Bạn chỉ nhìn. Tâm thức luôn có mặt ở đó, chung quanh bạn và bạn nhìn từ điểm trung tâm. Tâm thức là tất cả những gì chung quanh bạn, những đám mây đang bay, lưu thông trên đường phố, giờ cao điểm… Bạn thấy đối tượng nhưng bạn đơn thuần chỉ là người thấy. Bạn sẽ không gặp rắc rối với nó; không có gì để phải bị rắc rối. Chỉ là một vài ý niệm trống rỗng thoáng qua chung quanh bạn -tại sao lại phải rắc rối với chúng? Và tại sao lại phải đi vào phân tích? Những ý niệm trống rỗng chỉ là những ý niệm trống rỗng, chỉ là những sắc trần lung linh chung quanh bạn. Hãy để chúng lung linh. Bạn vẫn an nhiên trong sinh thể của mình, bạn vẫn luôn hiện hữu tại trung tâm điểm, trong tận cùng cốt lõi.

Đây là điều mà ta gọi là chứng. Chứng là một kỹ thuật, một kỹ thuật tối hậu, của tất cả mọi hiểu biết tâm linh. Chỉ *nhìn*.

Các vị thiền sư thường chấm dứt buổi pháp thoại của mình với tiếng hét: *"San!"* San! Có nghĩa là Nhìn. Tiếng thét này là sự tiếp cận cuối cùng của các buổi pháp thoại –và với tiếng thét này, không có ai được phép ở trong tình trạng buồn ngủ nữa. Nó giống như là tiếng sư tử hống: Nhìn! Nhìn vào cái gì? –Đó không phải là trọng điểm. Chỉ nhìn -mọi chuyện sẽ xảy ra. Khi bạn nhìn vào những cái cây, chỉ nhìn thôi. Đừng bảo rằng đây là cây ashoka hay cây cypress. Đừng bảo rằng cái cây này tuyệt đẹp, cái cây kia

thật xanh, cây gulmohr đang trổ hoa. Đừng thốt lên một lời gì cả, rằng những bông hoa kia màu đỏ, màu xanh… *đừng nói* gì hết. Chỉ *nhìn*!

Hãy để cho lời tan biến đi. Chỉ còn lại bạn và hiện tượng của đám cây có mặt. Hoặc là bạn và hiện tượng người nữ, người nam, bạn bè của bạn -những con người. Có mặt như là một thực tại. Và nhìn chúng. Thế rồi bỗng dưng bạn sẽ bắt đầu có một vài khoảnh khắc, những khoảnh khắc thật tuyệt vời. Những khoảnh khắc tuyệt vời của vĩnh cửu, của thị kiến, rõ ràng, trong suốt. Những khoảnh khắc tuyệt vời khi bỗng nhiên tất cả đều ngưng đọng. Và với cái nhìn đơn thuần, một thị kiến thuần khiết sinh khởi –cùng một cái thị kiến đã có mặt từ lúc bạn sinh ra, lần đầu tiên bạn mở mắt chào đời ...

Không hề có một lời lúc đó. Chắc chắn là bạn đã nhìn thấy màu sắc, dĩ nhiên. Chắc hẳn là bạn đã nhìn thấy có người đứng đó, ông bác sĩ sản khoa. Chắc hẳn là bạn đã nhìn thấy mẹ mình, hay cô y tá. Chắc hẳn là bạn đã nhìn thấy cái đồng hồ trên tường, cái bóng đèn điện -thế nhưng không có cách gì để nói ra. Bạn đã không thể kêu lên, "Đây là đèn điện". Bóng đèn có mặt ở đó, nhưng lời nói của bạn không thể thành hình. Bạn đã không thể nào thốt ra, "Đẹp quá! Cái phòng này xinh xắn quá, bày biện khang trang quá," -bạn không thể nói ra lời, dù là một lời chào hỏi, xã giao, "Chào Bác sĩ, Bác sĩ mạnh giỏi không?"

Tất cả đều đã có mặt ở đó -chỉ có lời nói là mất dấu. Tuy nhiên chắc chắn là bạn đã nhìn thấy chúng –đôi mắt bạn có mất đâu. Đó là ý nghĩa của điều mà tôi muốn nói, "Nhìn", đó cũng là ý nghĩa trong tiếng thét của các vị thiền sư: San!

Hãy mang trở lại cái nhìn của thuở đầu đời. Vâng, bạn có thể mang trở lại, bởi vì bạn biết rõ nó. Bạn đã từng có nó -bạn chỉ quên nó, bỏ nó qua một bên mà thôi. Bạn đang bám víu vào những đồ linh tinh phế thải mà quên đi viên ngọc kim cương quý giá của mình.

Tôi nghe kể rằng ngày xưa có một vị đại hoàng đế. Một hôm trong lúc vi hành trên đường phố, ông ta đi ngang qua một tên ăn mày. Bỗng dưng ông ta nhận ra y chính là một người bạn cũ của thời ấu thơ –hai người đã từng học chung trường với nhau. Chuyện gì đã xảy ra cho anh ta?

Ông ta dẫn y về hoàng cung. Y được cho tắm rửa, ăn uống thịnh soạn và săn sóc chu đáo –chính tay nhà vua đích thân chiêu đải y- với những loại rượu quý giá. Gã đàn ông nghèo khổ kia ăn uống thật no say và lăn quay ra ngủ vùi ngay tại bàn tiệc.

Trong giây phút đó nhà vua cảm thấy thương hại cho người bạn cũ nghèo khổ này. Họ đã từng sống chung với nhau, học chung, chơi đùa với nhau từ lúc còn tấm bé… Nhà vua liền tuột chiếc nhẫn kim cương qúy giá của mình và lén bỏ vào túi kẻ ăn mày.

Sáng hôm sau khi tỉnh dậy sau giấc ngủ dài, người hành khất rời khỏi hoàng thành trong lòng rất mực hân hoan. Nhà vua dĩ nhiên không nói gì về chiếc nhẫn kim cương kia vì không muốn làm bận lòng người bạn cũ. Ông ta biết rõ anh ta, một người rất mực kiêu hãnh –y chắc là sẽ từ chối món quà.

Vài hôm sau nhà vua lại du hành ngang qua đường phố và gặp lại người hành khất kia đang xin ăn giữa chợ. Ông ta tiến đến gần và hỏi, "Tại sao bạn lại đi hành khất? Có mục đích gì trong việc ăn xin này không?"

Người hành khất trả lời, "Tôi phải làm gì đây? Đâu có phải chỉ vì hôm nọ nhà vua chiêu đãi tôi thức ăn ngon, rượu quý, nệm ấm chăn êm là tôi có thể sống mãi như thế trọn đời? Tôi phải đi xin ăn đẻ sống. Tôi là một kẻ nghèo khổ."

Nhà vua liền bảo, "Thế thì chuyện gì đã xảy ra? Ta đã lén bỏ vào trong túi anh chiếc nhẫn kim cương quý giá nhất của ta."

Tên hành khất liền mò tìm trong túi áo của mình, và chiếc nhẫn kim cương vẫn còn nằm ở đó. Mấy hôm rồi y đâu có bận tâm thò tay vào túi của mình để làm gì. Đâu có ai mất công tìm kiếm gì trong túi của mình khi biết nó luôn là chiếc túi rỗng? Thật là chuyện rỗi hơi mới phải thò tay vào túi lục đi lục lại mà chẳng kiếm được gì trong đó. Thế nên y chẳng hề tìm kiếm, chẳng hề bận tâm. Không có gì ở trong đó, y biết chắc như thế, chỉ là cái túi rỗng.

Trường hợp của bạn cũng giống y như thế: Bạn đã dẹp bỏ viên kim cương quý báu mà bạn đã mang theo sẵn trong người. Khi bạn từ giã ngôi nhà của Thượng Đế, ngài đã lén bỏ viên kim cương đó vào túi bạn. Ngài luôn luôn trao tặng một viên kim cương cho tất cả mọi người khi họ đến thế gian -một món quà cực kỳ qúy giá, tiềm ẩn mọi khả năng trong viên kim cương đó. Tất cả mọi kho tàng của thế gian đều khả thể qua viên kim cương này, một người có thể trở thành một vị Phật cũng qua viên kim cương này. Hạt kim cương đó chứa đựng rất nhiều mầu nhiệm. Bạn đã đến

thế gian này cùng với nó –thế mà bạn chưa hề nhìn vào bên trong mình để nhìn thấy nó.

Không, người ta không bao giờ cần đến phân tích. Nếu bạn đi vào phân tích, bạn sẽ đánh mất hạt kim cương quý giá kia. Chỉ nhìn, và chỉ nhìn thôi. Hãy rất mực tỉnh táo, hãy vô cùng cảnh giác –trở nên tĩnh thức hơn, nhưng không phân tích. Chỉ nhìn. Thế rồi với thời gian, những khoảnh khắc vi tế sẽ đến -những khoảnh khắc giá trị, những khoảnh khắc quý giá, như hạt kim cương. Chúng sẽ tiếp tục lớn dần lên. Một khi bạn nếm được hương vị của chúng, mọi chuyện sẽ bắt đầu dễ dàng hơn. Một khi bạn nhận ra sự có mặt của chúng ở đó, chúng càng quy tụ đến nhiều hơn -vì bạn có khả năng nhận ra chúng nhiều hơn. Và chúng khởi sự lớn dậy. Rồi những khoảng nhỏ xuất hiện –có thể chừng nửa tiếng đồng hồ, không một niệm sinh khởi. Rồi một giời trôi qua, bạn tỉnh toạ an nhiên ở đó, không một niệm khởi dậy.

Cái đó gọi là thiên đàng! Cái đó gọi là cực lạc! Bạn đang thể nhập vào một chiều kích khác: con sâu bướm đang bắt đầu mọc cánh.

Thế nhưng chỉ nhìn thôi. Sự nhận biết không quan hệ gì đến phân tích.

Những bài giảng về Thiền khiến tôi vô cùng thích thú. Tôi cảm thấy mình gắn bó với nó ngày càng nhiều hơn. Tuy nhiên với tôi nó có vẻ chẳng khó khăn gì cả. Có phải tôi đang trở nên lười biếng? Tôi cứ nghĩ là chuyện rèn

luyện tâm linh phải rất mực gian khổ -không phải là một chuyện tà tà, thảnh thơi như thế.

Vâng, người ta cứ thường cho là thế -đó là những kẻ bạo dâm, những người thích hành hạ kẻ khác. Thực ra, bạn đã được giáo dục với ý tưởng này, được nuôi dưỡng với ý tưởng này ngay từ trong sữa mẹ -tất cả chỉ vì người ta cho rằng cực lạc phải kiếm được bằng nỗ lực lớn. Cực lạc phải được chắt chiu, và lạc cảnh còn là một đổi đường rất mực xa vời. Từ đó người ta phải dấn mình vào cuộc viễn du, một cuộc hành trình đầy gian khổ, khó khăn vất vả.

Thật là chuyện hoàn toàn vô nghĩa. Cực lạc là bây giờ và tại đây! Và con người chỉ cần một điều duy nhất để vươn tới cực lạc: An trú trong cực lạc. Không còn điều gì khác, không có một đòi hỏi nào khác.

Cực lạc không phải là mục tiêu. Thượng Đế cũng không phải là mục tiêu, Thượng Đế đã là một tình huống. Thượng Đế đã hiện hữu với bạn -bạn đang mang theo y ngay trong chính mình. Đây là trọng điểm của Thiền. Thiền không hề bảo bạn phải chạy kiếm tìm y ở một nơi nào đó. Y không trốn tránh bạn, không chơi trò trốn tìm với bạn. Y không hề ngồi dấu mình trong một hang động nào đó ở Hy Mã Lạp Sơn mà ở ngay trong hang động của trái tim bạn! Đừng có mất công chạy vào Hy Mã Lạp Sơn mà hãy nhìn sâu vào trong bạn. Và cái nhìn đó không cần phải chuẩn bị trước, không hề có bất cứ đòi hỏi nào. Không hề có giả định trước. như bạn đang là, trong khả năng, tầm tay. Đây là trọng điểm của Thiền, tính cách mạng của Thiền.

Thiền không hề cho rằng chân lý là phức tạp. Chỉ có những dối trá mới rắc rối phức tạp. Chúng bắt buộc phải phức tạp, bởi vì chúng là những dối trá –lý do là bạn phải cưu mang, duy trì chúng. Từ một điều dối trá bạn phải tạo ra hàng ngàn điều dối trá khác. Để bao che một điều dối trá bạn phải trở thành một tên nói dối chuyên nghiệp, bạn phải tạo ra toàn bộ một đời sống căn cứ trên điều dối trá đó. Nói ra một điều dối trá, và rồi bạn sẽ thấy điều gì xảy ra -bạn phải sáng tác ra cả một ngàn lẻ một điều dối trá khác để bảo vệ cho điều dối trá đầu tiên. Và rồi điều gì sẽ xảy ra cho một ngàn lẻ một điều dối trá kia? Mỗi một điều dối trá mới lại sẽ được bảo vệ bởi một ngàn lẻ một điều dối trá khác.

Dối trá thì rắc rối phức tạp, chân lý thì rất mực giản đơn. Chân lý đã là một tình huống. Chân lý có mặt ở đó –chân lý như mưa tuôn trong ánh mặt trời, cơn mưa chan hoà khắp chốn. Bất cứ bạn ở chốn nào, chân lý đều ở trong tầm tay với. Bạn không cần phải chạy đi đâu cả, ngay cả việc bước đi một bước! –và cuộc hành trình đã mãn. Bạn chỉ trở nên tĩnh lặng và nhận biết nó.

Vâng, buông bỏ là cánh cửa. Hãy quăng bỏ tất cả những rác rưởi mà bạn đã được dạy dỗ.

Xã hội luôn bị chế ngự bởi những kẻ bạo dâm -họ luôn luôn cho rằng cái gì cũng phức tạp; họ biến mọi chuyện trở thành khó khăn. Cái gì quá dễ dàng, đối với họ sẽ chẳng mảy may có giá trị gì. Tại sao thế? Bởi vì chuyện dễ dàng không hề mang đến cho bạn cái ý thức về bản ngã. Thế nên mọi chuyện đều phải làm cho chúng trở thành phức tạp khó khăn. Họ biến đời sống trở thành một cuộc chạy đua vượt rào -những khó khăn chướng ngại được dựng lên trên đường đi của bạn để tạo cảm giác rằng bạn đã đạt đến mục tiêu.

Cái ngã chỉ được khởi dậy khi nào có những khó khăn chướng ngại, và cái ngã cũng là vật chướng ngại lớn lao nhất trên hành trình của bạn tiến đến Thượng Đế. Thế nên Thượng Đế không thể phức tạp khó khăn –mà là một bài toán đơn giản, đó là điều chắc chắn. Bản ngã cần đến những chuyện khó khăn phức tạp, nuôi dưỡng bởi những khó khăn phức tạp. Một việc càng khó chừng nào thì cái ngã cảm thấy càng bị cuốn hút đến chừng nấy - quyến rũ hơn, hút vào như một từ trường. Khó khăn, hắc buá, không thể tiếp cận được, không thể đạt đến được, bất khả, đó là những điều mà bản ngã rất mực thích thú. "Đây là điều cần làm, bởi vì không ai có thể làm được việc đó. Nếu ta làm được, ta sẽ là kẻ trội bật hơn cả."

Bản ngã cần đến những chuyện khó khăn, và xã hội mà chúng ta đang sống được cấu trúc phù hợp theo cái ngã. Nền tảng triết học sâu xa nhất của tất cả mọi nền văn hoá trên thế giới này quy hướng vào bản ngã. Bất kể họ nói điều gì, tận căn bản tất cả mọi xã hội đều hiện hữu chung quanh ý niệm về cái ngã: biến mọi chuyện trở nên khó khăn nhiều chừng nào hay chừng nấy. Thế nên cái ý niệm này đã bám rễ chặt chẽ ở trong bạn.

Chân lý không hề phức tạp, tình thương yêu không hề phức tạp, cực lạc không hề phức tạp. Bạn chỉ phải khởi sự sống với nó. Không có gì bị mất đi, dù chỉ một sự việc cỏn con. Tất cả mọi chuyện đều sẵn sàng, bạn chỉ cần bắt đầu mà thôi.

Đừng cảm thấy bối rối khi thấy nó có vẻ quá dễ dàng. Đây là điều dễ dàng nhất trên thế gian này -Nếu bạn đơn giản. Còn nếu bạn khó khăn, dĩ nhiên bạn sẽ làm cho nó trở thành khó khăn hơn; nếu bạn phức tạp, bạn sẽ làm cho nó càng trở nên phức tạp.

Có phải tôi đang trở nên lười biếng? Sự lười biếng cũng đã từng bị lên án khá nhiều. Thế nhưng không nên lên án nó quá mức như thế. Những người lười biếng cầu nhàn đã không hề tạo ra điều gì sai quấy trong thế giới này - không tin bạn cứ việc nhìn vào lịch sử. Những kẻ biếng lười là loại người tốt đẹp bậc nhất trong xã hội. Một kẻ biếng lười không thể nào trở thành một Adolph Hitler hay một Thành Cát Tư Hãn. Một kẻ biếng lười không thể nào trở thành một Tamurlaine hay Nadirshah, không thể trở thành cái này cái nọ. Một kẻ biếng lười chỉ có thể trở thành một Lão Tử. Nếu muốn trở thành một cái gì đó, y chỉ có thể trở thành Lão Tử thôi.

Lười biếng, tự căn bản, không có gì sai quấy. Thế nhưng chúng ta đang bị chế ngự bởi một xã hội mang dấu ấn của hành động, làm việc, gây hấn. Chúng ta đang bị chế ngự bởi những người có thể tạm gọi là: Những Kẻ Thành Đạt". Dĩ nhiên, nếu bạn muốn đạt đến một cái gì đó, chắc chắn là bạn không đươc phép lười biếng. Nếu bạn muốn nhiều tiền lắm bạc hơn kẻ khác, bạn không thể nào lười biếng -tiền bạc không thể nào đến với bạn qua cung cách như vậy. Tiền bạc không bao giờ đến với những kẻ làm biếng, chắc chắn như thế.

Nếu bạn muốn trở thành một ông Thủ tướng, dĩ nhiên điều này không thể hiện thực một cách dễ dàng; bạn phải cật lực làm việc cho mục tiêu đó. Bạn phải vào tù ra khám, phải bị những ưrận đòn thù của mật thám, công an, con đường phải đi như thế. Chứ còn gì nữa? Đó là cách thế mà người ta đi vào Tân Đề Li. Đó là cách thế mà Morarji trở thành thủ tướng. Bạn phải tuyệt thực, phải làm đủ một ngàn lẻ một cách để tạo ra những rắc rối, bất ổn. Bạn phải học tất cả những mánh lới chính trị. Bạn phải không ngừng gây ra những xáo trộn cho thế lực đang nắm quyền -tạo nên những khó khăn để họ bắt đầu nghĩ đến chuyện, "Tốt hơn là mình nên rời khỏi quyền lực". Bạn phải tạo nên một tình huống khiến họ sẽ cảm thấy như trút được

gánh nặng nếu có ai đó thay mình cầm quyền. Nếu bạn muốn vào ngồi ở Tân Đề Li, ở Toà Bạch Ốc, hay ở Luân Đôn, bạn phải làm việc tối đa; bạn không thể nào lười biếng. Nếu bạn muốn trở thành một Rockefeller hay Morgan, bạn cũng phải làm việc cật lực như thế.

Thế nhưng để đạt đến Thượng Đế, người ta không cần đến cái tâm của một kẻ tranh đạt. Bạn có thể lười biếng mà vẫn có thể nhập vào dòng thánh. Thực ra, còn dễ dàng hơn nữa là khác. Đối với tôi, sự lười biếng chẳng có gí là sai quấy. Điều này không có nghĩa là tôi cổ võ "Hãy nên làm biếng" – mà chỉ mang một ý nghĩa đơn giản rằng, lười biếng không phải là một cái gì đó "mất phẩm giá". Nếu bạn cảm thấy thoải mái với việc lười biếng, thì cứ việc lười biếng. Nếu bạn cảm thấy thoải mái với hành động, cứ việc hoạt động. Nếu một người hoạt động năng nổ muốn trở thành kẻ lười biếng, sẽ là một điều khó khăn, rất mực khó khăn. Nếu một kẻ biếng lười muốn trở thành người hoạt động tích cực, cũng sẽ là một khó khăn lớn -nếu không nói là bất khả.

Tôi không hề tán đồng chuyện bạn phải trở thành một mẫu người nào đó khác hơn là chính bạn. Tôi chấp nhận bạn nguyên trạng. Nếu bạn lười biếng, cũng tốt thôi, sẽ có phương cách cho kẻ biếng lười. Vấn đề là bạn phải chọn lựa người khải đạo của mình một cách đúng đắn –Lão Tử hoặc là tôi. Đừng có chọn cái ông Mahavira, ông ta sẽ không giúp được gì cho bạn. Ông ta là một chiến sĩ, một *kshatriya*, và chỉ biết một chuyện duy nhất là phải chiến đấu như thế nào. Thế nên ngay cả khi đã đến với Thượng Đế, ông ta cũng đánh nhau với Thượng Đế luôn. Vì thế ông ta có tên là Mahavira –'người can đảm bậc nhất'. Vì thế cái hệ thống mà ông xây dựng lên được gọi là 'Jaina' -Kỳ Na giáo, có nghĩa là 'hệ thống giúp bạn chinh phục'. 'Mahavira" có nghĩa là kẻ chinh phục, và 'Jaina' có nghĩa là phương

pháp để chinh phục. Ngay cả đối với chân lý, ông ta cũng là một kẻ chinh phục, một chiến sĩ. Đó là con đường của ý chí và hành động.

Nếu tự trong bản chất của bạn có một chút nào hơi hướng của một *kshatriya*, một hiệp sĩ samurai, một chiến sĩ, thì cứ việc chọn Mahavir –ông ta đúng là người khải đạo của bạn. Thế nhưng bạn cũng đừng cảm thấy bị xuống tinh thần nếu bạn không phải là một *kshatriya*. Nếu bạn là kẻ lười biếng, cũng rất tốt –sẽ không thiếu những người khải đạo sẵn sàng cho bạn. Và cảm nghĩ của riêng cá nhân tôi là có rất nhiều người đã đạt đến Thượng Đế, Chân Như thông qua buông thả thay vì ý chí. Đó không phải là chuyện ngẫu nhiên mà Mahavira đã không thể thu hút được nhiều môn đệ; cũng không phải là chuyện ngẫu nhiên mà rất nhiều người đã không đạt đến chân lý thông qua Mahavira. Ngược lại, với Lão Tử, với Đức Phật đã có rất nhiều người chứng đạt hơn.

Riêng Đức Phật là một trường hợp khác thường. Trong vòng sáu năm, ngài cũng giống y như Mahavira. Trong vòng sáu năm ngài đã cố gắng hết sức bình sinh, đã đi qua già nữa lộ trình của ý chí. Mahavira đã hạ thủ công phu trong suốt mười hai năm và chứng đắc. Cũng cùng một hành trình như thế, Đức Phật đã nỗ lực không ngừng trong sáu năm và cuối cùng nhận ra rằng, "Đây không phải là con đường của ta." Ngài đã làm việc cật lực. Ngài cũng đã là người, ít nhất từ trong huyết thống, sinh ra như là một *kshatriya*, thuộc giai cấp chiến sĩ. Tuy nhiên hình như ngài là một loại người khác, không nằm trong truyền thống tự nhiên. Sau sáu năm dài ngài đã nhận ra một điều rằng, tất cả những nỗ lực của mình đều vô nghĩa. Ngài trở nên thư giản. Và trong cái đêm rất mực thư giản đó, ngài chứng ngộ. Thế nên ngài là một trường hợp khác thường. Ngài đã tu tập cật lực trong suốt sáu năm -thế rồi trong một đêm ngài buông bỏ mọi nỗ lực, thư giản,

lười biếng thong dong. Đêm đó ngài đi vào giấc ngủ, không khởi lên lòng ham muốn chứng đắc bất cứ cái gì; ngài chấp nhận trạng thái vô cầu. Và chính từ trong trạng thái vô cầu này, ánh sáng giác ngộ đã bừng lên. Ngài là một nửa của Mahavira và một nửa của Lão Tử.

Từ đó ngài đã giúp đỡ cho cả hàng triệu người –hơn bất cứ ai khác. Lý do có thể là như thế này, đối với một số người, sáu năm đó không phải là không hữu ích -thế là họ chọn đi trên con đường đó, hình thành một đạo lộ có tên gọi là *hinayana, Tiểu Thừa*. Đối với một số người khác, Ngài cho họ những hình thức tiếp cận khác, mở ra cho họ một cánh cửa khác –*mahayana, Đại Thừa*. Với những ai không thể chiến đấu cật lực, những ai cảm thấy không thích chuyện phải đánh vật với chân lý -những người muốn buông bỏ để trở thành tiếp thụ, những người muốn trở thành âm tính, như thai nhi còn trong bụng mẹ, muốn đón nhận chân lý đến từ bất cứ lúc nào, sẵn sàng thư giản và chờ đợi –vâng, họ có thể chứng đạt thông qua Đức Phật.

Mahavira ở một đầu thái cực, ý chí. Lão Tử ở một đầu khác, buông thả. Đức Phật ở ngay trung đạo -một nửa Mahavira, một nửa Lão Tử. Đo là lý do tại sao ngài có thể giúp đỡ được nhiều người hơn –hơn Lão Tử, hơn cả Mahavira. Ngài là một tổng hợp vĩ đại, siêu việt. Một số người muốn chọn con đường vận dụng nỗ lực, họ bước đi theo những gì mà Đức Phật đã trải qua trong sáu năm đầu tiên, họ tránh nói đến cái đêm cuối cùng của ngài. Thế nên mới có hai loại mẩu chuyện sau đây.

Mới hôm qua hôm kia gì đây, Maitreya đã nêu lên một câu hỏi –Tôi đang đợi đúng thời điểm để trả lời câu hỏi này. Có hai câu chuyện nói về Đức Phật đã chứng ngộ như thế nào. Một câu chuyện, mang màu sắc Tiểu Thừa

-những người đi theo đạo lộ của ý chí, đây là câu chuyện của họ. Họ kể rằng: Sau sáu năm ngồi dưới gốc cây Bồ đề, với quyết tâm vô cùng mãnh liệt rằng nếu không thành đạo ngài sẽ không rời khỏi chỗ này. Ngài sẽ không cử động, không mở mắt ra, không đi khất thực. Ngài sẽ chấp nhận ngồi chết tại đây nếu như không đạt thành giác ngộ. Tất cả như là một sự đánh cuộc. Và rồi sáng hôm sau, ngài chứng quả.

Đây là câu chuyện của Tiểu Thừa, đạo lộ của ý chí. Trong sáu năm Đức Phật đã tu tập tận tình, nhưng chưa phải là nỗ lực tối hậu. Cái thành quả siêu tuyệt phải đến từ toàn thể quyết tâm, toàn thể ý chí -thế nên bây giờ ngài sẽ chết. Thành công hay là sẽ chết –nhưng sẽ không rời khỏi nơi này. Cái quyết tâm hoàn toàn này là nội dung chính của câu chuyện.

Câu chuyện thứ hai là câu chuyện của Đại Thừa –câu chuyện của những người thong dong lười biếng, những người bước đi trên đạo lộ của buông thả, vô vi. Họ kể rằng: Sau sáu năm, cũng một đêm như mọi đêm, ngài chứng đắc. Cũng là cái đêm thành đạo đó nhưng hai câu chuyện lại khác nhau, tuỳ thuộc vào sự chú giải. Họ bảo rằng, cũng một đêm như bao nhiêu đêm khác, sau sáu năm -cả hai bên đều không có gì bất đồng ý kiến về giai đọan sáu năm này. Thế nhưng cái đêm cuối cùng về những gì thật sự xảy ra, thì đã trở thành một vấn nạn. Và Đức Phật thì đã không hề đá động gì đến cái đêm thành đạo này. Thế nên mới có hai câu chuyện khác nhau. Và với hai câu chuyện này, Phật giáo đã chia ra làm hai nhánh, Tiểu Thừa và Đại Thừa –con đường gian khổ và con đường buông thả.

Câu chuyện của Đại Thừa nói rằng Đức Phật sau sáu năm khổ hạnh, đã đi đến nhận thức rằng tất cả mọi nỗ lực đều trở thành vô nghĩa. Chân lý không thể đạt đến bằng chăm chăm vươn tới cho bằng được, bởi vì ngay chính cái nỗ lực vươn tới này, cái ngã vẫn còn tồn tại -người tranh đạt vẫn

còn hiện hữu. Nhận biết như thế, ngài đã buông bỏ ngay chính cái ý niệm này. Ngài đã hoàn toàn quên đi cái ý niệm thành đạt, ngài thư giản. Ngài thốt lên, "Đủ rồi". Ngài đã từng buông bỏ cái trần gian hệ lụy này, tiền bạc, quyền lực, danh vọng –buông bỏ tất cả mọi mục tiêu. Thế rồi ngài đã dồn tất cả mọi năng lượng của minh vào một mục tiêu khác –giác ngộ, niết bàn. Bây giờ thì ngài đã thấy rõ cái trọng điểm, rằng đây thực ra cũng chỉ là một thứ ngã chấp, một lộ trình của bản ngã: "Ta cũng lại đang cố gắng để đạt đến một cái gí đó". Thấy được điều này, chắc là ngài đã phải bật cười. Ngài đã buông bỏ luôn cái ý niệm đó; ngài thư giản.

Đêm hôm ấy một người thiếu nữ đã đến đó để cúng bái cái cây. Cô ta là tín đồ của giáo phái thờ cây, đa thần giáo. Đó là vào một đêm trăng tròn, người thiếu nữ mang theo một bình sữa *kheer*, một loại nước ngọt làm bằng gạo và sữa, định để tưới lên trên những chiếc rễ của cây bồ đề. Dưới ánh trăng vằng vặc, cô ta đã trông thấy người thanh niên tuấn tú này, vẻ mặt đẹp như trong bức tranh vẽ, đang ngồi tĩnh tọa ở đó. Người thiếu nữ thầm nghĩ, tưởng tượng rằng, "Đây chắc phải là ông thần cây đang hiện ra, đang biến thành con người thực để cho mình trông thấy." Nàng đã thờ cúng vị thần cây trong bao nhiêu năm nên không khỏi suy nghĩ, "Chắc là lời cầu nguyện của mình nay đã đdược chứng giám."

Thế là người thiếu nữ đã cúng dường bình sữa *kheer* cho Đức Phật. Nếu nàng đi đến đây trước đó một ngày, có lẽ ngài đã đổ bình sữa này đi –*kheer* quá đổi sang trọng cho một nhà tu khổ hạnh, người không bao giờ đụng đến những thực phẩm quý giá như thế. Có thể là ngài đã từ chối. Có thể là ngài đã không ngó ngàng gì tới người thiếu nữ này -một nhà tu khổ hạnh không bao giờ nhìn đến phụ nữ. Thế nhưng bây giờ ngài đón nhận nó và uống cạn bình sữa. Thân xác của ngài chắc là đã cảm nhận một niềm sảng

khoái –sau bao nhiêu năm chưa hề có. Thế rồi ngài chìm vào một giấc ngủ thật ngon.

Khi bạn quá mức khát khao mơ ước được đạt đến một cái gì đó, bạ khó mà ngủ yên được, bởi vì lòng tham đắm cứ tiếp tục quấy nhiễu nó -vẫn tồn tại cái dư vị khó chịu ở đó. Lần đầu tiên Đức Phật đã có một giấc ngủ ngon. Không còn lại một chút tham đắm nào, không còn đến cả giấc mơ - bạn chỉ nằm mơ khi nào có những khát vọng cần thoả mãn. Những khát vọng của bạn khuấy động những cơn mơ trong tâm thức.

Đêm hôm đó, với thể xác cực kỳ sảng khoái, sau bao nhiêu năm… làn gió mát lạnh mơn man, ánh trăng chiếu soi vằng vặc, những bóng cây mơ hồ lung linh… Đức Phật chìm vào giấc ngủ, không một giấc mơ, không bị khuấy động. Một giấc ngủ thật hoàn toàn. Bình minh hôm sau ngài mở mắt ra… Kinh sách Đại Thừa đã không nói rõ rằng "Ngài mở đôi mắt ra" mà là "Ngài thấy mắt mình mở ra" -rất mực thư giản đến độ ngài sẽ không còn mở đôi mắt ra nửa.

Khi ngài thấy đôi mắt mình mở ra -bởi vì từ khi thức giấc, thông thường một khoảnh khắc đến trước khi đôi mắt sẽ mở ra- khi ngài thấy đôi mắt mình mở ra, ngôi sao mai cũng vừa mới tắt trên nền trời … và cùng với sự biến mất của ngôi sao cuối cùng, cái ngã của ngài cũng biến mất. Ngài thành tựu giác ngộ.

Giác ngộ xảy đến trong cùng một đêm rằm. Nó xảy ra như thế nào, có hai nguồn lý giải. Chọn lựa của riêng tôi là lối giải thích thứ hai. Tuy nhiên nếu bạn là con người của ý chí và hành động, bạn có thể chọn lối giải thích thứ nhất –không có gì sai lầm trong đó cả. Chọn lựa của riêng tôi là cái thứ hai.

Tôi đã đến viếng rất nhiều đạo tràng, nhưng thấy bất cứ ở đâu người ta cũng tách riêng nam giới và nữ giới ra - ngoại trừ ở đây. Tại sao?

Bởi vì cái đạo tràng này dành cho con người nói chung. Không chỉ riêng cho đàn ông, hay phụ nữ -không hề có sự phân biệt đó ở đây. Dĩ nhiên vẫn có những khác biệt giữa nam giới và nữ giới, nhưng không hề có sự đối xử phân biệt. Những khác biệt đó có mặt nhưng chúng thật tuyệt vời. Chính vì những khác biệt này mà muôn đời vẫn có sự thu hút lẫn nhau giữa những người khác phái và toàn bộ cuộc chơi của đời sống cứ tiếp tục.

Có thể bạn đã viếng thăm nhiều đạo tràng, những đạo tràng đó không thuộc về thế kỷ này! Những đạo tràng đó phủ đầy bụi bặm quá khứ, không còn mang tính chất thời đại chút nào. Lẽ ra chúng phải được biến đi từ ba ngàn năm trước mới phải. Chúng chỉ là những tàn tích của quá khứ, những cổ vật trong viện bảo tàng, hoàn toàn vô nghĩa.

Đạo tràng này thuộc về chính khoảnh khắc này và cũng là đạo tràng của tương lai. Ngay tại đây, một cái gì mới mẻ đang được mở ra, hoàn toàn mới mẻ -một cái gì đó rất mực cần thiết cho nhân loại hôm nay. Đạo tràng này là điểm gặp gỡ của thời đại.

Thế nên, để đi đến đây từ đạo tràng của Sivanada tại Rishikesh không những là bạn đang du hành bằng xe lửa mà còn du hành qua thời gian. Phải mất ba ngàn năm bạn mới đi từ Rishikesh đến Poona này! Khó khăn thật -cuộc hành trình bằng xe lửa chỉ mất khoảng hai mươi bốn tiếng đồng

hồ, thế nhưng băng qua suốt ba ngàn năm quả là một chuyện phi thường. Trừ phi bạn rất mực tỉnh táo, bạn sẽ không bao giờ có khả năng vào được chốn này.

Đây là một nơi chốn mới mẻ. Đây không phải nơi của truyền thống cổ xưa mà là nơi của hứa hẹn tiềm năng sắp đến. Nó không phải là một sản phẩm của quá khứ, mà là hạt giống, là suối nguồn của tương lai.

Những người sợ hãi phụ nữ là sợ hãi thực tại, sợ hãi chính mình. Những người sợ hãi phụ nữ thực ra cũng là những người sợ hãi đời sống -bởi vì phụ nữ chính là đời sống. Những người sợ hãi phụ nữ cũng là những người sợ hãi yêu thương. Những loại người này cơ bản là thiếu thông minh, nếu không nói là đần độn. Họ không có khả năng để trưởng thành trong thông minh, tĩnh thức, và sáng lạn. Họ có thể là những kẻ độc thân nhưng không thể trở thành những người vinh danh đời sống, chúc tụng cuộc đời.

Đối với tôi, đời sống độc thân chỉ là một kế thừa của vinh danh đời sống. Đó là cực điểm của vinh danh. Khi người ta yêu nhau, khi người đàn ông hiểu biết một người phụ nữ hay ngược lại -hiểu biết một cách tường tận- kết quả sẽ là một sự thăng hoa. Lúc đó người nam sẽ không còn là người nam, và người nữ sẽ không còn là người nữ. Đó là tình trạng mà ta gọi là Phật cảnh; là cảnh giới giác ngộ. Lúc bấy giờ bạn sẽ không còn là một bộ phận của nhị nguyên, bạn đã trở thành nhất thể.

Hãy luôn luôn nhớ rằng, ở nơi đâu có đời sống, ở nơi đó có tình yêu. Ở nơi đâu có đời sống, với tất cả cuộc chơi của đời sống –cái gọi là *leela* - ở nơi đó nam và nữ phải luôn có mặt, gắn bó cùng nhau. Nam trơ trọi một mình, đời sống là một chuỗi dài sầu thảm. Nữ trơ trọi một mình, đời sống buồn

da diết. Khi gắn bó cùng nhau, năng lượng sẽ trào dâng như suối nguồn tuôn chảy. Khi gắn bó cùng nhau, năng lượng sẽ nhảy múa reo vui. Khi gắn bó cùng nhau, một điều khá tự nhiên, năng lượng sẽ trào dâng như ngọn thủy triều.

Như vầy tôi nghe:

Vị giáo sư kia là một người chống đối kịch liệt việc cho học sinh nam nữ học chung trường. "Chuyện không thể như vậy được", ông phân bua với một nhóm bạn bè, "thật khó mà dạy toán cho một cậu thanh niên khi có sự hiện diện của một cô gái ở trong lớp."

"Này ông giáo sư ơi," một người lên tiếng phản đối, "chắc chắn là phải có chuyện miễn trừ chứ?"

"Có thể," ông giáo sư đốp chát, "nếu như anh ta là đồ đáng để quẳng đi."

Vâng, đúng thế. Nếu một người đàn ông không còn cảm thấy thích thú trước một người phụ nữ, y sẽ không còn thích thú trước cái đẹp, trước duyên dáng yêu kiều, trước nhu mì e lệ, trước thanh thản yên bình. Y là đồ đáng để quẳng đi; y không phải là một con người thông minh.

Một con người thông minh không bao giờ trốn chạy trước bất cứ tình huống nào. Bất cứ cái gì Thượng Đế trao tặng, y tận dụng ngay cơ hội ấy, và khai thác đến tận cùng. Y tận dụng từng cơ hội trong một cách thế tích cực. Thế rồi mỗi một tảng đá chận đường sẽ trở thành một bực thang cho y tiến dần đến Thượng Đế.

CHƯƠNG 5

Ngọn Lửa Trắng Tinh Tuyền của Sự Sống

Nobunaga, một vị tướng tài ba của Nhật Bản đã quyết định mở cuộc tấn công địch thủ mặc dầu quân số của ông chỉ bằng một phần mười lực lượng đối phương. Nobunaga tin rằng mình sẽ chiến thắng, nhưng binh sĩ của ông ta đã tỏ ra rất hoài nghi.

Trên đường ra trận ông ta dừng lại ở một đền thờ Thần đạo và bảo quân sĩ: "Sau khi thăm viếng đền Thần ta sẽ bói một quẻ bằng đồng tiền. Nếu mặt đồng tiền có hình người lật ngữa, chúng ta sẽ thắng trận này, ngược lại, chúng ta thất trận. Không ai cải đổi được số trời."

Nobunaga vào đền thờ và im lặng cầu nguyện. Xong ông ta đi ra và gieo đồng tiền. Mặt đồng tiền có hình người lật ngữa. Binh sĩ dưới quyền đều nức lòng chiến đấu và ông ta đã chiến thắng trận đánh một các hết sức dễ dàng.

"Thật là không ai có thể cải đổi được số trời," vị võ quan hầu cận thốt lên cùng ông sau khi trận đánh kết thúc.

"Không hẳn thế," Nobunaga đưa đồng tiền cho người hầu cận xem: Cả hai mặt đồng tiền đều giống nhau.

Đây là một trong những trọng điểm của Thiền -tất cả đều do tâm tạo, rằng bất cứ cái gì chúng ta nhận biết không là gì cả ngoài sự phóng chiếu của tâm. Rằng cái được gọi là thực tại không hề có thực. Sở dĩ nó xuất hiện như thực là vì chúng ta tin rằng nó có thực –như vậy chính sự tin tưởng đã tạo ra thực tại. Tận gốc rễ của tất cả những gì mà chúng ta gọi là thực tại không là gì cả ngoài sự tin tưởng của bạn. Nó như thế là bởi vì bạn tin như thế; nếu bạn không tin, nó sẽ không còn như thế.

Thiền cho rằng tâm là cỏi ta bà -*sansar*, và đồng thời cũng là niết bàn, *nirvana*. Tất cả đều chỉ là trò chơi của tâm. Hãy nhớ điều này, Thiền cho rằng tất cả đều chỉ là trò chơi của tâm –không có một miễn trừ nào. Ngay cả Thượng Đế cũng là một trò chơi lớn nhất của tâm. Đây là điểm mà Thiền vượt trội lên trên hẳn các tôn giáo khác.

Những tôn giáo khác cũng cho rằng thế gian này là một trò chơi của tâm, ngoại trừ *moksha* -niết bàn . Những tôn giáo khác cũng cho rằng thế giới vật chất này, thế giới của tiền tài, quyền lực, danh vọng đều là trò chơi của tâm, ngoại trừ Thượng Đế, thiên đàng, đức hạnh. Đây là điểm cho Thấy Thiền là một tôn giáo tối hậu. Thiền khẳng định rằng tất cả đều chỉ là một trò chơi của tâm. "Tất cả" là *tất cả* -bất cứ điều gì Thiền phát biểu đều mang ý nghĩa. Tâm bao gồm cả mọi thứ mà bạn có thể nhận biết, có thể thực nghiệm, tất cả mọi chuyện khả thể.

Thế thì có cách gì để nhận ra rằng thực tại chân thật không phải là một trò chơi của tâm? Vâng, có một cách, đó là buông bỏ ngay cái tâm. Khi tâm được buông bỏ, thực tại sẽ hiện bày. Khi tâm khăng khăng xác định sự hiện hữu, nó cứ mãi tiếp tục tạo ra cái thực tại của riêng nó. Và qua cái tâm này, đây không phải là thực tại chân thật của một tâm buông bỏ.

Đó là lý do tại sao Thiền tuyệt đối im lặng về Thượng Đế. Không phải là vì không có Thượng Đế -thế nhưng cái Thượng Đế mà chúng ta luôn nói đến sẽ vẫn chỉ là một trò chơi của tâm, sẽ chỉ là cái vọng tưởng phóng chiếu của chính chúng ta. Meera phóng chiếu ra Krishna, Theresa phóng chiếu ra Giêsu, Ramakrishna phóng chiếu ra Mẹ Kali –nhưng đây chỉ toàn là những vọng tưởng phóng chiếu. Những phóng chiếu đẹp đẽ. Hiển nhiên, khi Meera trông thấy Krishna đang hiện ra thổi sáo, đó là một giấc mộng tuyệt vời -thế nhưng đối với Thiền, đó vẫn chỉ là một giấc mơ. Đó vẫn chỉ là một ảo tưởng. Bạn có thể tô điểm thật nhiều lên đó để nó có thể trở nên hiện thực hơn cả chính bạn. Nhưng cái thực tại này là do chính bạn tạo dựng lên, do bạn hư cấu nên.

Meera sẽ không hề trông thấy Chúa Giêsu, bà đã không trút hết vốn liếng đời mình vào đó. Mẹ Theresa cũng sẽ không trông thấy Krishna, bà đã không đầu tư vào lãnh vực này. Người Cơ Đốc sẽ vẫn tiếp tục trông thấy Chúa Giêsu và người Phật tử vẫn sẽ tiếp tục trông thấy Đức Phật. Bất cứ cái gì mà bạn tin vào, bạn đều có thể trông thấy nó hiện ra. Và nếu niềm tin của bạn mãnh liệt chừng nào, nó càng trở nên hiện thực chừng nấy. Tuy nhiên cái thực tại mà bạn trông thấy đó chỉ là một thực tại tương đối, một thực tại hư cấu. Sẽ không có sự khác biệt bao nhiêu giữa nó và giấc mơ.

Mỗi đêm bạn hư cấu nên một thực tại, và trong khi bạn đang nằm mơ, nó trông cứ giống y như thật, rất chân thực. Rồi mỗi buổi sáng thức dậy bạn nhận ra rằng nó là hư vọng -nhưng rồi bạn cứ tiếp tục đi vào giấc ngủ mỗi đêm, lại thấy cái thực trong mộng. Cái tâm của bạn sẽ lại bày ra trò chơi mới.

Ngay cả những giấc mơ phi lý vẫn xuất hiện y như thật, một điều khó có thể xảy ra, khó tin tưởng được. Cái hòn đá bỗng dưng biến thành con chó

… rồi con chó bắt đầu nói chuyện với bạn… thế nhưng trong mơ chúng vẫn xuất hiện y như thật. Luận lý của bạn nằm ở chỗ nào? Lý lẽ ở đâu? Tất cả những kinh nghiệm về quá khứ của bạn đã đi đâu rồi? Bạn lại bị gạt gẫm thêm một lần nữa.

Thiền cho rằng những chuyện tương tự như thế vẫn tiếp tục xảy ra ngay cả khi bạn đang thức. Cái được gọi là thức của bạn chưa phải là một sự tỉnh thức thật sự, vì cơn mơ vẫn còn đang tiếp diễn. Bạn trông thấy một cô gái và cho rằng cô ta đẹp tuyệt trần. Chẳng qua có thể là bạn đang phóng chiếu cái đẹp của bạn. Có thể là bạn đang trông thấy những cái thực ra không hề có mặt ở đó. Đó là những gì mà Đức Phật đã từng nói đến -bởi vì làm sao có thể tìm thấy cái đẹp ở trong thân xác kia? Trong xương, trong thịt, trong máu mủ? Tất cả các loại bệnh hoạn đang ẩn nấp ở trong thân xác đó. Và cái chết lởn vởn chung quanh … thế mà bạn gọi là đẹp. Bởi vì bạn tin như thế. Khi bạn tin, nó có mặt ở đó, khi niềm tin biến mất, tất cả nét diễm kiều cũng biến mất theo.

Nhìn kỹ đi. Bạn đang không ngừng sáng tạo ra một thế giới của riêng bạn. Chúng ta đang sống trong những thế giới khác nhau vì chúng ta đang sống trong những cơn mộng khác nhau, chúng ta đang sống trong những hệ thống niềm tin khác biệt. Một người Ấn Độ giáo có một hệ thống niềm tin khác, thực tại đến với y theo cách riêng. Một người Hồi giáo cũng giống y như vậy. Cái chân lý đối với một người Ấn giáo có thể hoàn toàn phi lý đối với một người Hồi giáo, và ngược lại. Họ có thể là láng giềng, bằng hữu với nhau, nhưng họ thuộc về những hệ thống niềm tin khác biệt.

Như thế, có cách nào để nhận ra sự thực? Vâng, có chứ. Thiền cho rằng: Hãy buông bỏ tất cả các hệ thống niềm tin. Đó là lý do tại sao Krishnamurti cứ tiếp tục khẳng định -buông bỏ tất cả các hệ thống niềm tin, rồi bạn có

thể nhận ra sự thực. Thế nhưng không có cách nào để nói rằng bạn sẽ nhận ra được cái gì ở đó, bởi vì ở đó, cái biết và người biết đã không còn phân lìa, điều thực chứng và người thực chứng đã là một.

Thế nên, Thiền cho rằng, tam ma địa –*samadhi*- không hề là một kinh nghiệm. Thượng Đế, giác ngộ không phải là những kinh nghiệm -bởi vì những kinh nghiệm chỉ xảy ra trong tâm thức, còn những cái này vượt ra ngoài tâm. Nếu chúng là những chứng nghiệm, chúng vẫn chỉ là bộ phận của niềm tin bạn.

Lắng nghe điều tôi nói rồi bạn có thể khởi sự có được những kinh nghiệm về *satori* –chứng ngộ. Tiếp tục lắng nghe tôi, bạn có thể hình thành nên một hệ thống niềm tin -một cái máy phóng chiếu cực mạnh. Từng ngày một, lắng nghe rồi thiền quán, lắng nghe rồi thiền quán, một sự việc biến thành một sự lập đi lập lại liên tục trong tâm -tạo ra một đường rãnh, lối mòn, ngày càng trở nên sâu đậm hơn. Đến một hôm bỗng dưng kinh nghiệm chứng ngộ xuất hiện. Tuy nhiên nếu đây là một kinh nghiệm, nó không phải là một chứng ngộ thực sự. Nếu bạn có thể kinh nghiệm về nó, có thể thấy nó xảy ra, đó không phải là thực sự chứng ngộ -bởi vì vẫn còn có sự tách biệt giữa sự chứng ngộ và bạn, kẻ chứng ngộ. Bất cứ ở đâu khi vẫn còn sự tách biệt giữa bạn và kinh nghiệm của bạn, cái chia cách bạn đó chính là tâm.

Thế nên Thượng Đế không thể là một kinh nghiệm, tam ma địa không thể là một kinh nghiệm và chân lý không thể là một kinh nghiệm. Khi cái tâm biến mất, tất cả mọi kinh nghiệm đều biến mất. Bỗng dưng thực tại xuất hiện –nhưng lúc đó bạn không còn tách biệt ra khỏi nó để nhận biết nó. Bạn với nó là một.

Đây là một câu chuyện ngụ ngôn khá hay ho. Trước khi thưởng thức nó, có một vài điều cần phải được hiểu thấu đáo.

Thiền sư Takan sắp lìa trần –ông là một vị đại Thiền sư rất được môn đệ yêu mến. Đồ chúng đã thỉnh cầu ngài để lại cho họ một bài kệ. Trong truyền thống thiền môn, một vị thiền sư khi từ giả cõi đời, thường lưu lại những lời nói sau cùng dưới hình thức một bài kệ. Đó thường là một tác phẩm xuất thần, rất mực ý nghĩa. Cái chết trở nên đẹp đẽ như một bài thơ, một lời chúc tụng, một bài ca tuyệt vời. Khi một vị Thiền sư sắp ra đi, khi ông ta nói lời từ giả với tất cả những người quen biết, những người đã từng làm việc cùng nhau, những người đã được ông giáo huấn -tất cả những môn đồ pháp quyến- ông ta để lại một di sản cuối cùng như một bài ca. Có thể nó chỉ gồm hai câu, có thể bốn câu -chỉ là một bài hài cú nhỏ. Nhưng đấy là món quà tặng quý giá của vị thầy.

Thế nên họ thường lưu lại những bài kệ trước giờ lâm tử. Và đồ chúng thường thỉnh cầu –khi họ thấy rằng vị thầy của mình sắp từ giả để ra đi, rằng, "Còn một việc cuối cùng nữa, xin hãy ban cho chúng tôi một bài kệ." Cái chết như thế, nên được kết thúc như một bài ca –đó là tất cả ý nghĩa. Cái chết không hề là một chuyện buồn đau mà nên là một niềm vui. Và những vị Thiền sư đã hát lên những bài ca tuyệt vời. Những bài thi kệ này đều có tính cách tự phát bởi vì vị thầy có thể không phải là một nhà thơ, chưa từng sáng tác một bài thơ bao giờ. Thế nhưng đứng trước một sự kiện lớn lao như cái chết, mọi người đều trở thành một nhà thơ, nếu bạn còn đủ tỉnh táo.

Đây là một kinh nghiệm thật tuyệt vời. Kinh qua cái chết là kinh qua một sự thư giản hoàn toàn, đi vào nỗi chết là đi vào sự an nghỉ không còn căng thẳng nữa. Tất cả mọi chuyện đã bắt đầu trở nên thư giản, tất cả mọi chuyện bắt đầu được buông bỏ. Ta đã sẵn sàng cho cuộc viễn du, chiếc thuyền đời đã cặp bến … đến một nơi chưa hề biết … và bao nhiêu điều bí ẩn bao quanh. Như thế, ngay cả một người cả đời chưa hề là một nhà thơ, chưa hề biết làm thơ cũng phải bật ra một lời gì đó.

Thế nên đồ chúng đã thỉnh cầu Thiền sư Takan để lại một bài kệ. Ngài đã từ chối. Nhưng rồi trước sự khẩn khoản của môn đệ, ngài đã viết lên một chữ duy nhất, *yume* –có nghĩa là "giấc mơ"- rồi qua đời.

Đã có không biết bao nhiêu bài kệ đã được viết lên trước giờ lâm tử, nhưng không có bài nào có thể so sánh được với bài kệ một chữ của Thiền sư Takan: *yume* –giấc mơ. Sống và chết đều chỉ là những giấc mơ: đó là nhận định cuối cùng của sư Takan. Rất mực dứt khoát. Đó là điều mà các thánh nhân Ấn giáo luôn luôn nói đến, *maya* -ảo ảnh… Nó không hề có ở đó, nó có ở đó là vì bạn muốn nó có mặt. Cái tâm rất mực sáng tạo, nó là một nhà sáng tạo thực sự. Nó không ngừng dựng lên, tiếp tục dựng lên bất cứ cái gì mà bạn muốn, nó tạo ra mọi chuyện trong tầm tay với của bạn. Bạn chỉ cần đi vào giấc mơ thôi, thế là thực tại bắt đầu thay đổi chung quanh bạn.

Thế nhưng tất cả đều chỉ là giấc mơ. Đời sống là giấc mơ, cái chết là giấc mơ, Thượng Đế là giấc mơ. Tất cả đều là giấc mơ. Ngoại trừ một điều –cái ý thức mà trên đó giấc mơ này được tạo dựng lên, vì nó mà giấc mơ này xảy ra.

Bạn đi xem chiếu bóng và trông thấy một giấc mơ hư cấu được phóng chiếu lên màn ảnh. Màn ảnh trống trơn, không có gì cả -chỉ có ánh đèn và

bóng tối. Thế nhưng bạn đã dính mắc vào, bị cuốn hút vào đó không rời. Đôi lúc bạn chảy nước mắt ra, đôi lúc tim bạn đập loạn xạ. Có lúc bạn cười ngất, có lúc bạn cảm thấy rất mực căng thẳng, nhưng cũng có lúc bạn rất thoải mái thư giản. Bạn biến chuyển theo câu chuyện, bạn trở thành một bộ phận của câu chuyện. Và bạn biết rất rõ rằng –ngầm hiểu rằng tất cả chỉ là một chuyện hư cấu. Thế nhưng bạn lại tiếp tục quên đi. Bạn không hề nhớ rằng đó chỉ là một sản phẩm hư cấu –đã thế bạn còn cho là cuốn phim này rất hay, hoàn toàn quên đi rằng đó chỉ là một cuốn phim. Một cuốn phim hay là cuốn phim không tạo cho người xem bất cứ ấn tượng nào đó là chuyện giả tạo. Người viết chuyện, người kể chuyện hay là người mà câu chuyện của y khi được kể ra, giống y như là sự thật –nó làm cho bạn sống theo với câu chuyện.

Cuốn phim tác động lên bạn. Nó làm bạn rung động, nó kéo bạn tham dự vào. Bạn cười và khóc cùng với nó. Nó chẳng có vẻ gì là giả tạo cả -bằng không làm sao nó có thể tác động lên bạn được? Nếu nó giả tạo, nó đã không làm bạn chảy nước mắt ra. Bạn đã quên đi một sự thật, rằng đó chỉ là sự phóng chiếu.

Cái tính hay quên này là cái mà chúng ta gọi là đời sống. Bạn đã trả tiền cho cuốn phim này để xem những điều giả tạo biến thành sự thật. Cũng không thiếu những người sẽ bỏ tiền ra để xem những thảm kịch kinh hoàng, những chuyện chẳng có gì ngoài hành hạ, tra tấn. Họ đã bỏ tiền ra để xem phim, để bị tác động lôi cuốn vào đó. Họ sống trong cái địa ngục đó vài giờ đồng hồ. Thế rồi họ nức nở khen cuốn phim thật tuyệt vời, hoàn toàn giống như thật. Cùng với tỷ lệ cuốn phim tác động lên họ bao nhiêu, cuốn phim càng thật bấy nhiêu. Còn nếu nó không tác dụng lên bạn chút nào, nó sẽ luôn giả tạo.

Khi bạn bị tác động, điều gì sẽ xảy đến? Bạn sẽ không còn là khán giả nữa, bạn trở thành bộ phận của nó. Người ta bắt đầu đồng hoá mình với những tài tử trong phim. Lần tới, khi đi xem chiếu bóng, hãy nhìn kỹ mà xem -bạn sẽ trở thành đồng hoá với ai đó. Thành công của y sẽ là thành công của bạn, thất bại của y sẽ là thất bại của bạn. Tình yêu của y sẽ là tình yêu của bạn, thảm kịch của y sẽ là thảm kịch của bạn. Bạn sẽ cười khi y cười, bạn sẽ khóc khi y khóc -bạn trở nên đồng hoá với một phần nào đó của cuốn phim. Nó trở thành chuyện đời của bạn. Trong một vài khoảnh khắc, bạn lìa bỏ cuộc đời thực của bạn để hoà nhập vào cuộc đời của những người xa lạ đang chuyển động trên màn ảnh.

Sau ba giờ xem phim, lúc trở về nhà, bỗng dưng bạn nhớ ra rằng đây chỉ là một câu chuyện hư cấu trên màn ảnh-chẳng có gì để phải thắc mắc lo âu. Bạn không cần phải mang nỗi lo âu thắc mắc đó về nhà, bạn cũng không cần để cho nó phải làm bận tâm bạn trong giấc ngủ. Nụ cười lại nở trên môi -Bạn bắt đầu đi ra khỏi nỗi ám ảnh của cuốn phim. Thế nhưng trong suốt ba tiếng đồng hồ khi còn ở trong rạp chiếu bóng, không những bạn chỉ ở trong rạp hát mà bạn còn ở ngay trong cuốn phim nữa. Bạn đã trở thành một bộ phận của nó. Bạn không còn là một khán giả, bạn đã là người tham dự.

Lần tới nêu đi xem phim, hãy lưu ý. Nếu bạn vẫn giữ mình ở vị trí của một khán giả, bạn sẽ không hề bị cuốn phim tác động, bởi vì người khán giả sẽ tiếp tục biết rằng đó chẳng là cái gì cả. Sẽ không có gì xảy ra ở trong đời sống thực. Thế nhưng bất cứ khoảnh khắc nào khi bạn trở thành một kẻ tham dự, nó sẽ không còn là chuyện không có gì mà trở thành mọi thứ. Ở đây bạn không còn tỉnh thức, trên màn hình giấc mơ hư cấu trở thành hiện thực. Ở đây, khi bạn sực tỉnh trở lại và trên màn hình giấc mơ hư cấu trở thành giấc mơ hư cấu trở lại.

Thế nên câu hỏi nguyên vẹn được đặt ra là: Bạn đang làm gì trên thế gian này? Bạn tham dự vào hay chỉ đóng vai một khán giả? Nếu bạn là người tham dự, bạn trở thành giả và cuộc đời biến thành thực. Chính bạn là người mang thực tại vào thế gian này và rồi thế giới này biến thành thực. Nó hoàn toàn tùy thuộc vào bạn: Bạn có thể thu hồi nó lại. Lúc đó bạn trở nên tỉnh giác, và rồi thế giới bắt đầu trở nên hư ngụy. Thực tại của thế gian hoàn toàn tùy thuộc vào vị trí của bạn, bao nhiêu phần bạn là người tham dự và bao nhiêu phần bạn là kẻ chứng nhân. Trong những khoảnh khắc hiếm hoi của một chứng nhân đó, bạn sẽ thấy Ấn Độ giáo quả tình rất đúng khi cho rằng thế gian này chỉ là mộng ảo –*maya*.

Takan cũng rất đúng khi bảo rằng tất cả chỉ là giấc mộng, là bào ảnh nhấp nhô -sống và chết. Lời cuối cùng của Takan cũng là lời đầu tiên –đây là toàn bộ của câu chuyện.

Thế nhưng chúng ta đã trút hết vốn liếng đời vào những hệ thống tín ngưỡng của mình. Bạn phải nhận thức rõ một điều -nếu bạn không bị dính mắc vào, bạn sẽ trở nên tỉnh giác. Một người đang yêu một người –điều này có thể làm bạn cười. Tất cả những kẻ yêu nhau trước mắt những người không yêu đều trông có vẻ lố bịch. Tất cả những người đang yêu đều có vẻ ngây ngô, ngu xuẩn, điên điên. Đó là lý do tại sao chúng ta nói rằng một người đã bị rơi vào lưới tình. Đã bị rơi vào –có nghĩa là y không còn đứng thẳng nữa, sẽ không còn tỉnh táo trước những việc mình đang làm. Đó cũng là lý do mà người ta gọi những người đang yêu là mù quáng, bởi vì tình yêu là mù quáng. Điều đó đúng, dĩ nhiên là đối với những ai không bị dính mắc vào. Thế nhưng đối với những kẻ đang yêu, đây không phải là một cơn mộng ảo mà là một thực tại duy nhất đang hiện hữu. Tất cả những thực tại khác đều biến mất, chỉ còn một thực tại này thôi.

Khi hai kẻ đang yêu tay trong tay sánh bước cùng nhau, họ không còn sống trong cái thế giới mà bạn đang sống.. Họ có thế giới của riêng mình, một thế giới cách biệt. Thế nên quả là điều dễ hiểu khi thấy những người ngoại cuộc không thich những kẻ đang yêu -bởi vì những người yêu nhau không sống trong cùng một thế giới với họ, mà biệt lập riêng tư. Họ có một thứ ngôn ngữ riêng. Họ cảm thấy quá đủ; chỉ có nhau trong đời là đủ rồi. Nếu cả cái thế giới này có tan biến đi, họ cũng không cần quan tâm đến, không một mảy may. Mà không chừng thế giới này có vẻ như là một chướng ngại đối với họ. Những kẻ yêu nhau muốn được để yên, không bị quấy rầy. Họ đang đi vào một thực tại hoàn toàn khác biệt.

Nhưng một khi tình yêu tan biến, ngay cả những kẻ đã từng yêu say đắm này cũng sẽ bật cười về những ngày tháng cũ của mình. Họ sẽ thốt lên, "Ồ, tại sao ta lại điên khùng dại dột như thế!" Vâng, đó là tất cả những gì mà các người lớn tuổi thường nói -họ bảo rằng sao lúc trẻ họ lại có thể rồ dại đến như vậy. Điều này không có nghĩa là bây giờ họ trở nên khôn ngoan hơn. Nếu họ được trẻ trở lại, nếu có một phép mầu nào đó xảy ra biến họ trở lại tuổi thanh niên, rồi họ cũng sẽ lại điên khùng dại dột như thế.

Thực ra, bây giờ cái ông già này sẽ bắt đầu tìm đến với đền chùa, hoặc thánh đường Hồi giáo, hoặc *gurudwara*, hay nhà thờ -bây giờ thì ông ta bắt đầu sống trong một cơn mộng khác, cơn mộng tôn giáo. Bây giờ thì y nói chuyện với Krishna, với Phật, với Chúa… Trước kia thì y trò chuyện với người tình yêu dấu của mình –có khi cách xa nhau đến cả hàng ngàn dặm, nhưng vẫn không ngừng nói chuyện và tâm hồn y luôn tràn ngập hình ảnh của nàng. Còn bây giờ thì y nghĩ về Krishna, về Chúa, về Thượng Đế. Lại bắt đầu đi vào một cơn mộng khác.

Quả là điều dễ dàng khi bỏ rơi một cơn mộng này để đi vào một cơn mộng khác. Nhưng lại là một điều rất khó khăn khi buông bỏ hoàn toàn tất cả những giấc mộng –đó là đặc điểm của Thiền. Thiền khẳng định: Thật là chuyện vô nghĩa khi thay đổi một cơn mộng này bằng một cơn mộng khác. Bạn cứ tiếp tục xây đắp những cơn mộng mới, nhưng bản chất vẫn y nguyên, không có gì thay đổi. Và nếu bạn mơ tưởng đến một cách mãnh liệt, với tất cả niềm tin sâu sắc, không một chút hoài nghi, không khởi dây nghi vấn, bạn có thể biến đổi giấc mơ thành sự thật.

Có một trong những câu xưa nhất trong Thánh kinh đã nói rằng: "Người ta suy niệm cái gì, người ta trở thành cái đó." Vâng, chính bạn sáng tạo ra thế giới của riêng mình và cũng tạo ra chính mình. Những ý tưởng biến thành những thực tại. Tin tưởng một cách sâu sắc, những ý tưởng rồi sẽ trở thành những thực tại cụ thể -một sự vật cụ thể không là gì khác hơn ngoài ý tưởng được kết tụ lại. Tất cả mọi thực tại trong đời sống này thoạt tiên được phát khởi như là một ý tưởng.

Hãy nhìn xem: Chiếc máy bay ban đầu chỉ là một ý nghĩ thoáng qua trong đầu óc của ai đó. Có thể cái ý nghĩ này đã tồn tại mãi trong đầu óc của rất nhiều người khác. Phải đợi đến cả hàng ngàn năm sau cái ý nghĩ này mới biến thành sự thật, chuyện đó không thành vấn đề. Con người đã từng mơ ước được bay lượn như chim. Từ thuở xa xưa, con người đã từng có ước mơ như thế -và cái ý tưởng này cứ luôn luôn bền bỉ, cứ luôn luôn dai dẳng. Cho đến một ngày, ý tưởng đã biến thành sự thực.

Tất cả những phát minh khoa học không là gì khác hơn ngoài những giấc mơ dai dẳng của nhân loại. Nếu bạn cứ tiếp tục, cứ khăng khăng tiếp tục – không ngừng thể nhập vào giấc mơ đó hàng trăm ngàn lần, trút vào đó tất cả những năng lực của mình, đầu tư vốn liếng đời mình vào đó, đến một

ngày nó sẽ trở thành thực tại. Nó sẽ không thể nào vuột khỏi tay bạn; điều cần thiết duy nhất là sự bền bỉ kiên tâm.

Đó cũng là những gì mà nền vật lý hiện đại đã nói đến -ở một góc cạnh hoàn toàn khác biệt. Nhà bác học Abert Einstein đã vô tình mang Thiền học vào ngành vật lý đương đại. Ngành vật lý đương đại cho rằng vật chất và năng lượng có thể được chuyển đổi. Những nhà tâm lý học luôn luôn khẳng định rằng tư tưởng có thể được chuyển đổi thành những sự vật cụ thể, và tất cả những sự vật cụ thể vốn chỉ là những ý tưởng. Một ý tưởng được kết tụ sẽ biến thành một sự vật cụ thể, nó là một vật chất hoá. Cùng một ý niệm này, bây giờ ngành vật lý đương đại cho rằng vật chất và năng lượng có thể được chuyển đổi. Ý tưởng là năng lượng, sự vật là vật chất. Cái công thức vĩ đại của Einstein, E=mc2, đánh dấu một bước ngoặc cực kỳ quan trọng. Bất cứ cái gì mà bạn gọi là vật chất không phải là vật chất, nó cũng là tư tưởng như bất cứ những tư tưởng nào khác.

Eddington được biết đã từng phát biểu: "Càng nhìn kỹ vào thực tại chừng nào, tôi càng có cảm tưởng rằng nó xuất hiện như là một ý tưởng hơn là một sụ vật cụ thể." Và bây giờ trong giới khoa học hiện đang có những bàn cãi nổi cộm liên quan đến khái niệm về những thực tại thay phiên. Hình học Euclid xây dựng lên một loại hình thực tại. Hình học *phi*-Euclid xây dựng lên một loại hình thực tại khác, hoàn toàn đối nghịch. Bây giờ người ta đang đề cập đến rất nhiều loại hình toán học khác nhau, rất nhiều hệ thống luận lý khác nhau. Tất cả đều tùy thuộc vào cách nhìn. Nếu bạn tin vào một hệ thống luận lý, bạn sẽ bắt gặp một thực tại dựng nên bởi hệ thống này, nếu bạn không tin bạn sẽ không bao giờ gặp vì một lẽ đơn giản là bạn không hề đi vào chiều kích đó.

Thế nên thực tại không bao giờ có một, có rất nhiều thực tại khác nhau. Và không phải bạn đang sống trong một đơn vũ trụ mà trong một đa-vũ-trụ. Có rất nhiều chuyện xảy ra hằng ngày, nếu nhìn kỹ rồi bạn sẽ thấy.

Một đứa trẻ đang sống trong một thế giới khác biệt -ở đó, sự phân cách giữa thực và giả chưa hề được khởi dậy. Có thể đó là lý do tại sao chúng ta đều hoài niệm về tuổi thơ của mình với nỗi nhớ khôn nguôi. Tất cả chúng ta đều xem đó như là một quảng thời gian tuyệt vời, khó tin, kỳ diệu. Tất cả những kỳ diệu đó là gì? Đó là, không có một sự phân cách nào giữa thực tại và mộng mơ -bạn có thể trôi tuột một cách dễ dàng từ cơn mơ này sang cơn mơ khác; không hề có bất cứ chướng ngại nào.

Đứa trẻ không hề gặp bất cứ vấn nạn nào vì nó không có những niềm tin cố định. Đó là những niềm tin không vững chắc … chưa có niềm tin nào trở thành một hiện tượng ổn cố, chưa có niềm tin nào trở thành một sự kiện cụ thể. Tất cả như ở trong thể lỏng, tuôn chảy -đứa trẻ và ý thức của nó cũng thế.

Nam giới cũng sống trong một loại hình thực tại khác với nữ giới, bởi vì họ sống trong một hệ thống suy tưởng, hệ thống niềm tin khác biệt. Thế giới của đàn ông là thế giới của xông xáo, năng nổ; thế giới của phụ nữ là thế giới của tiếp thu, cảm thụ. Tất cả những gì mà họ hành động, suy nghĩ, tin tưởng đều rất mực khác biệt.

Khi người đàn ông nghĩ đến phụ nữ, họ thường nghĩ đến tình yêu mà không hề nghĩ đến hôn nhân. Khi người phụ nữ nghĩ về đàn ông, trước tiên họ nghĩ đến hôn nhân. Tình yêu là thứ yếu, đời sống được đảm bảo là ưu tiên. Nàng sống trong một thế giới khác biệt -điều này có thể thay đổi trong tương lai, tuy nhiên trong quá khứ, vấn nạn duy nhất của người phụ

nữ là làm thế nào để có được một đời sống an toàn. Nàng rất mực ẻo lả, mỏng manh, yếu ớt, luôn luôn lo sợ. Tất cả thế giới chung quanh đều do đàn ông xây dựng lên, nàng như là kẻ lạ mặt ở trong đó. Điều cần thiết của nàng là sự an sinh. Thế nên khi yêu ai, cái ý niệm đầu tiên, cái tư tưởng nhen nhúm đầu tiên là làm thế nào để có được một cuộc sống đảm bảo, an toàn. Nàng hầu như không muốn có quan hệ tình dục với người đàn ông, trừ phi sau khi đã thành hôn. Hôn nhân là chính, mọi chuyện khác rồi sẽ theo sau.

Đàn ông ít quan tâm lắm đến chuyện hôn nhân, rất ít, hay thực ra là không quan tâm chút nào. Nếu phải chấp nhận hôn nhân, họ chỉ chấp nhận một cách miễn cưỡng -bởi vì hôn nhân đồng nghĩa với trách nhiệm. Hôn nhân có nghĩa là câu thúc, là bị cầm tù. Bây giờ thì bạn không còn được tự do la cà, ve vản những người đàn bà khác. Thế nên đối với người đàn ông, hôn nhân chẳng khác gì một nhà tù, còn đối với phụ nữ, hôn nhân là chỗ dựa an toàn, là mái ấm. Với phụ nữ, hôn nhân đồng nghĩa với tổ ấm gia đình nhưng với đàn ông, đó là kiếp sống nô lệ. Khác nhau hoàn toàn về niềm tin, đàn ông và phụ nữ hành động một cách hoàn toàn khác biệt. Hệ quả là những xung đột niềm tin.

Một người thanh niên cũng sống trong một thực tại thế giới khác với một người già. Đối với người trẻ, cái chết hầu như không hiện hữu. Cái chết chưa hề là một bóng đen che lấp hệ thống niềm tin của y; y sống tưởng như là không bao giờ chết. Y ôm ấp rất nhiều hoài bảo về tương lai, y muốn làm nên những chuyện lấp biển vá trời, như muốn chứng tỏ cho cả thế giới biết rằng: “Ta đang có mặt ở đây. Cả thế giới nên biết là ta đã đi vào đời.”

Một cậu bé thỏ thẻ với mẹ, "Thế giới này đã đổi thay nhiều lắm." Bà mẹ rất ngạc nhiên trước lời nhận xét này, vì cậu bé chỉ mới lên năm. Y đã trông thấy gì trong cái thế giới này để cho rằng nó thay đổi khá nhiều? Bà liền hỏi con, "Con muốn nói gì khi cho rằng thế giới này đã thay đổi khá nhiều? Mẹ có thấy gì khác lạ đâu kể từ khi con sinh ra? Năm năm đâu có lâu lắc gì. Mà sao con biết? Con chưa sống đủ lâu để có thể nhận xét một điều như thế."

Cậu bé trả lời với mẹ, "Vâng, thế giới đã thay đổi nhiều lắm. Bởi vì bây giờ đã có mặt con trong đó." Thế giới chắc chắn là không còn giống như cũ nữa rồi. Và tất cả mọi người, lúc còn trẻ, đếu muốn chứng tỏ cái nhuệ khí hăm hở vào đời của mình. Cái chết chưa là một vấn đề, tất cả trước mắt chỉ là đời sống.

Nhưng khi người thanh niên bước vào cái tuổi tri thiên mệnh, đời sống bắt đầu cạn kiệt. Cái chết trở thành nỗi ám ảnh lớn –nó là bóng đen trùm phủ lên mọi thứ. Bây giờ thì y không còn những khát vọng cháy bỏng nữa, bây giờ thì y không còn muốn chứng tỏ điều gì nữa. Y biết chắc một điều là mình sẽ biến mất trên cõi đời này chỉ nội trong vài ngày, vài tháng, hoặc vài năm tới –ngày ra đi càng lúc càng được rút ngắn lại. Bây giờ còn thì giờ đâu nữa để mà chứng tỏ cái gì. Bây giờ y biết rằng dù có làm bất cứ điều gì cũng chẳng chứng tỏ được gì, cũng chẳng ai buồn quan tâm.

Y đã sống trọn cuộc đời mình, và bây giờ mọi phiền não đã ổn cố. Y đã không còn những khát khao tham vọng. Đôi mắt đã không còn đầy ắp những giấc mơ thuở nào -đôi mắt đã tràn ngập sợ hãi, đôi mắt đã tràn đầy nỗi chết. Bước chân của tử thần như lảng vảng quanh đây. Cho dù muốn chạy y cũng không thể nào chạy nỗi. Không bao giờ -đi lên cầu thang cũng đã đủ làm y thấy mệt, đã thở hỗn hễn rồi. Y đâu còn thích thú thưởng thức

những món ăn mà trước đây mình yêu thích, đã không còn cả thú yêu đương. Mọi chuyện hầu như tan biến dần … từng tí một, y đang bước vào nỗi chết. Và tử thần đang đứng đợi trước hiên nhà, y cần phải thanh thỏa với cái chết.

Bây giờ thì y nghĩ về Thượng Đế. Bây giờ lần đầu tiên trong đời, những đền chùa bắt đầu trở nên có ý nghĩa đối với y. Y đã bao nhiêu lần đi ngang qua những đền chùa đó, nhưng chẳng bao giờ để mắt đến.

Điều mà tôi đang muốn nói với bạn là, chúng ta đang đi trên những lối mòn khác nhau. Con đường đó y đã bao nhiêu lần đi ngang qua, ngôi chùa luôn ở đó -thế nhưng nó như chưa hề có mặt. Đối với y, nó không hề có mặt ở đó, nó không hề là một phần trong thực tại đời sống của mình. Những tiếng chuông chùa chưa một lần vang vọng, vì tai y đầy ắp bởi bao nhiêu thứ âm thanh khác. Âm thanh của đồng tiền rất mực quyến rũ, y còn đang mãi mê chạy theo những tham vọng và cái ngã của mình, bận tâm đến việc tranh dành quyền lực –ngôi chùa đó chưa hề hiện hữu bao giờ. Đó là một thực tại cách biệt xa vời –mà có hay không cũng chẳng có gì quan trọng.

Nhưng bây giờ bỗng dưng tiền bạc, quyền lực đã không còn ý nghĩa. Y đã không còn chạy theo quyền lực và danh vọng nữa. Bỗng dưng ngôi chùa hiện ra, với đủ mọi góc cạnh. Rạp hát biến mất, đàn bà biến mất, tiền bạc biến mất, những bạn bè, hội nhóm -tất cả đều biến mất. Bỗng dưng ngôi chùa hiện ra ở đó, như một cõi thực. Cái chết đã trở thành một bộ phận trong hệ thống tín ngưỡng của y, thực tại đời sống của y đã thay đổi.

Nhà Thiền cho rằng đây là cách mà người đời cứ tiếp tục chạy lòng vòng từ một hệ thống niềm tin này chuyển sang một hệ thống niềm tin khác. Nay

thay đổi chỗ này một ít, mai thay đổi chỗ kia một ít -thế nhưng cái hệ thống niềm tin cứ mãi vây chặt lấy chúng ta. Thế thì có cách nào để ta có thể buông bỏ tất cả những hệ thống niềm tin? Vâng, dĩ nhiên là có cách –và chỉ khi nào ta buông bỏ tất cả các hệ thống niềm tin, lúc đó ta mới có thể biết được chân lý là gì. Thế nên cái được gọi là thực tại không phải là thực tại, cái được gọi là thực tại chẳng qua chỉ là một cách gọi tương đối của thế gian. Chân lý không thể nhận thức được bởi bất cứ hệ thống niềm tin nào –cái hệ thống niềm tin của bạn đã làm ô nhiễm nó, đã xâm nhập vào và làm biến chất nó.

Ta chỉ có thể đến được với thực tại như một kẻ khỏa thân, không xiêm y, mình trần thân trụi. Không giáo điều, học thuyết. Đó là lý do tại sao mà Thiền rất mực chống đối kinh điển, học thuyết. Chống lại cả lề thói suy nghĩ. Đừng mang cái tâm thức sẵn có của bạn để đi tìm thực tại. Bằng không bạn cũng sẽ tìm thấy một cái gì đó mà thực ra nó không hề hiện hữu. Bạn sẽ tìm ra một cái gì đó –vì nếu bạn muốn thấy nó bạn sẽ tìm ra. Nếu bạn tin, bạn sẽ tìm thấy –nó còn đẹp đẽ tuyệt vời nữa là khác. Bởi vì bạn sẽ tạo ra nó, không khó khăn gì. Cái tâm của bạn luôn vẽ ra đủ chuyện: Hãy cảnh giác với cái tâm này.

Thế cho nên, không phải chỉ là khoa vật lý đương đại mà còn là toàn bộ triết lý đứng đằng sau khoa thôi miên học, trải qua thời đại kể từ Mesmer cho đến Coué. Đây là toàn bộ triết lý của thôi miên, thôi miên thuật: Cứ tin vào nó, rồi nó sẽ như thế. Coué đã từng đưa ra lời khuyên cho bệnh nhân của mình: “Hãy tin rằng tình trạng của bạn đang được cải thiện từng ngày, hãy tin là sức khoẻ của bạn ngày càng khả quan hơn. Hãy tin như thế.” Và nếu bạn tin mạnh mẽ như thế, tin không một chút hoài nghi, điều bạn tin tưởng rồi sẽ xảy đến. Căn bệnh có thể sẽ biến mất -bạn có thể làm cho nó biến mất. Nếu bạn tin tưởng một cách vững chắc, căn bệnh rồi sẽ biến mất.

Còn nếu như bạn khởi sự tin rằng bạn đang bệnh nặng, căn bệnh sẽ ở lại với bạn, tăng trưởng thêm.

Đây là giá trị tuyệt vời của khoa thôi miên, bởi vì con người sống trong thế giới tâm thức của họ. Và bởi vì họ sống trong thế giới do tâm tạo, thôi miên trở thành rất mực hữu ích. Nó có thể mang đến cho bạn những niềm tin tốt hơn. Nó không thể mang đến cho bạn chân lý, sự thực –hãy nhớ như vậy- nhưng nó có thể mang đến cho bạn những giấc mơ tốt đẹp. Tốt hơn là tin rằng bạn đang khoẻ mạnh hơn là tin rằng mình đang bệnh hoạn. Nếu bạn tin rằng mình đanh bệnh thì rồi bạn sẽ bệnh thôi.

Lúc tôi còn là một sinh viên đại học, một trong những vị giáo sư của tôi là người cực kỳ chống đối khoa thôi miên. Còn tôi thì luôn luôn yêu thích môn này -bởi vì trong cả hai cách thế, khoa thôi miên đều rất mực quan trọng. Thứ nhất, nó có thể giúp bạn sống trong một hệ thống niềm tín tốt hơn. Thứ hai, nó có thể giúp bạn cảnh giác rằng tất cả chỉ là những hệ thống niềm tin -sức khoẻ và bệnh tật, mạnh và yếu, hạnh phúc và bất hạnh, thiên đàng và địa ngục, tất cả chỉ là những hệ thống niềm tin. Chính khoa thôi miên cũng đã chứng tỏ cho bạn thấy điều đó.

Thế nên khoa thôi miên, một mặt có thể giúp bạn sống trong những giấc mơ tốt đẹp hơn, mặt khác nó cũng có thể giúp bạn cảnh giác rằng tất cả đều chỉ là những cơn mộng. Từ đó bạn có thể bước thêm một bước đi vào một cảnh giới thôi miên cao hơn –và cảnh giới này trở thành giải-trừ-thôi-miên. Thôi miên cao hơn có nghĩa là buông bỏ thôi miên. Hãy nhận thức rõ -rằng bạn có thể thay đổi niềm tin của bạn, có thể thay đổi thực tại của bạn, rồi một ngày nào đó bạn sẽ nhận ra rằng, bây giờ bạn có thể buông bỏ tất cả mọi niềm tin –và cuối cùng, tất cả những thực tại tương đối đều biến mất. Khoa thôi miên đã không cất bước đi tối hậu của giải-trừ-thôi-miên.

Trong thực tế, những nhà thôi miên thuật cho rằng giải-trừ-thôi-miên là một cái gì đó chống lại khoa học thôi miên của họ. Thực ra không phải thế. Đây là thành tựu cuối cùng của nó. Khởi đi từ thôi miên để tiến đên giải-trừ-thôi-miên.

Thiền là một giải-trừ-thôi-miên. Tất cả các tôn giáo khác đều là thôi miên thuật, thế nên tất cả các tôn giáo khác chỉ mới đi những bước khởi đầu. Thiền đã đạt đến cứu cánh tối hậu. Không có một tôn giáo nào khác sẽ thỏa mãn bạn; nó sẽ chỉ cho bạn một hệ thống niềm tin tốt hơn, nó chỉ giúp bạn hạnh phúc hơn. Và bạn có thể thấy rõ điều này -tại Mỹ người ta có tất cả, nhưng những điều này không giúp người ta có hạnh phúc. Họ đã không có được một hệ thống thôi miên tốt. Tại Ấn Độ, người ta không có gì cả, nhưng người ta vẫn hạnh phúc. Họ đã nhận được một hình thái thôi miên tốt hơn -sự khác nhau chỉ là vấn đề thôi miên ru ngủ. Nước Mỹ đã có đủ tất cả mọi thứ để có thể sống hạnh phúc, nhưng mất đi cái đầu mối liên kết, một loại thôi miên tốt hơn -thực ra đó là sự sai lầm trong thái độ sống. Thế nên có thể bạn đã có tất cả. Một xã hội giàu mạnh, khoa học giúp bạn một ngàn lẻ một phương tiện tân tiến để sống. Thế nhưng vẫn khốn khổ. Bởi vì đã thiếu đi một đầu mối –và rồi khoa học cũng chẳng giúp ích được gì cho bạn cả, trừ phi bạn thay đổi hệ thống niềm tin của mình.

Ở Ấn Độ bạn có thể bắt gặp một người ăn mày nhưng y hạnh phúc không kém một vị hoàng đế. Y chẳng có gì để sống hạnh phúc, ngoại trừ một điều –y có cả một niềm tin ru ngủ. Y tin rằng đây là sự an bài của Thượng Đế. "Đây là điều mà Thượng Đế muốn tôi phải như thế và Ngài sẽ lo liệu cho tôi. Đây là phần số của tôi." Y tự mình hoà giải với số mệnh. Y nghĩ rằng, "Tôi đã tạo nên những ác nghiệp trong quá khứ, thế nên bây giờ tôi là tên ăn mày. Không tạo ra những ác nghiệp nữa, kiếp tới tôi sẽ là một vị hoàng đế." Chấm hết. Cực kỳ đơn giản. Chỉ cần một việc duy nhất, bây giờ y sẽ

không tạo ra những ác nghiệp nữa. Quá khứ là quá khứ -bạn đâu có thể làm gì khác hơn? Và bởi vì bạn không thể nào cải sửa được, thế thì tại sao phải chìm đắm trong khổ đau một cách vô ích như thế?

Khổ đau chỉ hiện hữu khi nào bạn nghĩ rằng bạn có thể làm một cái gì đó đối với nó. Bạn phủ nhận nó, bạn không chấp nhận thực tại trước mắt. Tại Ấn Độ người ta chấp nhận -người ta tự hoà giải mình với số mệnh, thế là người ta sống hạnh phúc. Người ta không có gì để hạnh phúc cả -chỉ là niềm tin, một hệ thống niềm tin. Họ có một hệ thống niềm tin tốt hơn cái kiểu cách sống của người Mỹ.

Kiểu cách sống của người Mỹ bắt nguồn ở chỗ không có được một sự thôi miên tốt, rằng bạn không thể sống hạnh phúc -gốc rễ sâu xa là ở chỗ này. Bạn không thể nào hạnh phúc nếu bất cứ ai khác có một chiếc xe đẹp hơn xe bạn –làm sao bạn có thể hạnh phúc được? Làm sao bạn có thể hạnh phúc được nếu ai đó có căn nhà to hơn căn nhà của bạn. Làm sao bạn có thể hạnh phúc dược? -khi ai đó đang là chủ tịch, giám đốc mà không phải là bạn. Làm sao bạn có thể hạnh phúc dược? -khi ai đó đang kết hôn với một cô gái tuyệt trần mà không phải bạn. Làm sao bạn có thể hạnh phúc dược? Thế nên bạn không bao giờ cảm thấy đủ về bất cứ những gì mà bạn đang có, bởi vì những người khác có vẻ như đang sống trong lạc thú, sung sướng hơn bạn -ở đó đời sống mê ly hơn. Vườn cỏ của nhà hàng xóm luôn luôn xanh hơn vườn cỏ nhà bạn -bạn cứ mãi hoài sống trong sự so sánh.

Ở phương Đông, tất cả những gì mà bạn có trong tay đều là tặng vật của Đấng Tối Cao. Đây là những gì mà ngài muốn bạn đón nhận: đón nhận với tất cả lòng trân trọng biết ơn. Không có sự tranh đua, không có sự so sánh với tha nhân. Chỉ là một đơn thuần chấp nhận. Hệ thống niềm tin này tạo nên một thái độ sống lành mạnh hơn. Thôi miên học vì thế có thể dạy cho

bạn làm cách nào để có một thái độ sống lành mạnh hơn, tích cực hơn, làm thể nào để có thể mê đắm trong những niềm tin tích cực -bởi vì người đời đang đắm say trong những niềm tin tiêu cực. Đó là công việc mà những tôn giáo khác đang làm; nhưng chỉ mới làm nửa vời. Cũng tốt thôi -bởi vì thà là có một niềm tin tích cực hơn là một niềm tin tiêu cực. Thay vì tạo ra những khổ đau do bởi có niềm tin sai lầm, tốt hơn là tạo ra hoan lạc khi có niềm tin tích cực.

Tuy nhiên hãy nhớ cho, Thiền bảo rằng, cả hai đều chỉ là những niềm tin. Khổ đau hay hạnh phúc đều do tâm tạo. Tất cả chỉ là hư vọng. Tất cả không phải là thực tại chân thực.

Có một trạng thái thứ ba của con người mà ở đó tất cả mọi loại niềm tin đều được buông bỏ -tiêu cực cũng như tích cực, tất cả, toàn bộ. Khi tất cả mọi niềm tin đều được buông bỏ, lúc đó chân lý hiện bày. Trong cái thực tại này, không có khổ đau cũng không có hạnh phúc. Khổ đau phát xuất từ một hệ thống niềm tin nào đó, và hạnh phút phát xuất từ một hệ thống niềm tin đối nghịch. Một khi bạn buông bỏ hết tất cả mọi hệ thống niềm tin, cái còn lại là một như thị thuần khiết. Không còn hạnh phúc, không còn bất hạnh. Không còn thiên đường, không còn địa ngục.

Thiên đường chỉ là niềm tin, địa ngục cũng thế. Và có khả năng là những người tin rằng nếu phạm tội rồi mình sẽ đi vào địa ngục. Có tất cả mọi khả năng tình huống như thế -vì con người đang tiếp tay tạo ra nó. Tin tưởng vào nó và người ta sẽ tạo ra nó. Bạn có nhận thấy điều ấy không? Có hôm bạn đi ngủ với tâm hồn đầy lo âu, phiền não, bồn chồn –đêm đó chắc chắn là bạn sẽ gặp những cơn ác mộng. Bạn thấy mình đang bị tra tấn, đang bị tống vào trong những trại tập trung của Adolf Hitler, bị mật vụ hành hạ,

giết chóc. Hoặc bạn nằm thấy mình bị liệng xuống từ trên núi cao, những tảng đá đang rơi xuống ngực mình … tất cả đều do bạn tạo ra.

Đi vào giấc ngủ với những ý tưởng tốt đẹp, những ước mơ, và rồi bạn sẽ gặp những giấc mộng lành. Bạn tạo ra những giấc mơ của chính mình. Thiên đường và địa ngục đều là những hiện tượng giới do con người tạo dựng. Một người tin rằng mình là kẻ tội lỗi, y sẽ đi vào địa ngục. Một người tin rằng mình thánh thiện, suốt đời không hề làm hại ai, y sẽ lên thiên đường.

Thế nhưng Thiền cho rằng cả hai đều chỉ là những hệ thống niềm tin. Cả hai đều do bạn tạo dựng ra, cả hai đều hư vọng. Nếu bạn bị bắt buộc phải chọn lựa giữa hai điều hư ngụy, tốt hơn là chọn cái tích cực hơn là cái tiêu cực. Đó là bước đầu tiên của thôi miên –và khoa thôi miên vẫn còn nấn ná kéo dài chung quanh bước đầu tiên này. Nó cần thêm một chút hiểu biết, một chút tuệ giác. Thôi miên đang cần đến một cơn mưa Thiền.

Nếu thôi miên được tưới tẩm bằng cơn mưa này, nó sẽ có đủ can đảm để bước thêm một bước khác, một bước xa hơn, bước đi vào giải-trừ-thôi-miên. Thế nên việc trước tiên là giúp cho con người thay đổi những hệ thống niềm tin của họ. Đó là những gì mà Santosh đang tiếp tục thực hiện ở đây –anh ta đang nỗ lực kéo bạn ra khỏi cái thế giới tiêu cực của bạn để đưa vào cái thế giới tích cực. Và một khi anh ta kéo bạn ra được rồi, tôi sẽ đẩy bạn ra khỏi cái thế giới tích cực này luôn. Thế là bất cứ những gì mà Santosh thực hiện, tôi tiếp tục vô hiệu hoá –Tôi bắt buộc phải làm như thế.

Hãy nhớ rằng, thật là điều dễ dàng khi kéo bạn ra khỏi cái tích cực hơn là cái tiêu cực. Đó là điều cần được nhận thức rõ. Con người thường có thói quen bám víu vào khổ đau nhiều hơn. Con người đã được huấn luyện để

nhận chịu khốn khổ từ lâu đời nên họ cứ bám chặt mãi lấy nỗi khổ đau. Cũng còn có một lý do khác: Trong khổ đau cái ngã có mặt. Thế là bạn cứ tiếp tục bám chặt vào đó nhiều hơn bởi vì khổ đau cho bạn cơ hội để hiện hữu. Khi bạn ở trong tận cùng khốn khổ, cái ngã chắc chắn sẽ có mặt ở đó. Khi bạn hạnh phúc, cái ngã sẽ nghỉ xả hơi, thư giản.

Con người sẵn sàng bước ra khỏi nỗi hạnh phúc dễ dàng hơn là sẵn sàng để bước ra khỏi khổ đau. Điều này có vẻ lạ thường, thế nhưng tôi đã làm việc với hàng ngàn người và đã quan sát kỹ. Một người hạnh phúc sẵn sàng buông bỏ niềm tin của mình một cách dễ dàng, thoải mái; một người bất hạnh thì trái lại, rất khó khăn. Người bất hạnh đã không còn lại gì cả ngoài nỗi khổ đau, thế nên y cứ mãi bám chặt vào. Y sẽ than van, "Nếu tôi mất đi nỗi khổ đau này thì rồi sẽ còn lại gì? Ngay cả khổ đau cũng bỏ tôi mà đi! Ít nhất thì nó cũng đã cùng tôi gắn bó thân quen. Tôi đã sống với nó khá lâu rồi, đã trở thành bạn thiết của nhau."

Con người hạnh phúc sẵn sàng vì nhiều lý do. Thứ nhất, y tin rằng có thể có những nỗi hạnh phúc lớn hơn đang ở trong tầm tay. Con người bất hạnh thì không bao giờ suy nghĩ như thế. Y nghĩ rằng, "Nếu ta đánh mất niềm bất hạnh này, có thể ta sẽ rơi vào một nỗi bất hạnh khác cay độc hơn." Con người bất hạnh rất mực tiêu cực, bi quan. Y chỉ khăng khăng tin tưởng một điều rằng, cuộc sống không bao giờ mang đến bất cứ niềm vui nào. Thế nên bất cứ cái gì đang có, y cứ bám chặt vào, không muốn bị mất đi -nếu không, biết đâu y có thể càng gặp bất hạnh hơn nữa. Và nỗi bất hạnh mới càng tệ hại hơn so với nỗi bất hạnh cũ. Với nỗi bất hạnh cũ, y đã điều chỉnh và đã quen rồi, bây giờ với nỗi bất hạnh mới, y lại phải điều chỉnh và làm quen trở lại.

Con người hạnh phúc bao giờ cũng cảm thấy lạc quan. Y đã từng nếm được mùi vị hạnh phúc, y sẽ càng tin tưởng vào nó nhiều hơn. Thế nên y không ngần ngại để thử -để bước vào một cuộc phiêu lưu mới. Y có thể đi một chút xa hơn vượt ra khỏi giới hạn hiểu biết, để kiếm tìm –"Có thể có nhiểu hạnh phúc hơn ở nơi chốn ấy. Có thể vẫn còn một tầng bậc ý thức cao hơn mà ta chưa vươn tới."

Đó là lý do mà tôi thường cho rằng hễ bất cứ lúc nào một quốc gia đắm chìm trong khổ nạn, nó thường đánh mất mối liên hệ gắn bó với tôn giáo, tín ngưỡng. Ngược lại một quốc gia sống trong an lạc hạnh phúc, tôn giáo, tín ngưỡng thường được ưa chuộng nhiều hơn. Những người hạnh phúc có thể trở thành những con người tín ngưỡng dễ dàng hơn là những kẻ bất hạnh. Những kẻ bất hạnh thường trở thành cộng sản hay phát xít. Người hạnh phúc dễ dàng vươn tới những cảnh giới cao hơn -họ có nhiều tự do, nhiều nghị lực và sôi nổi hơn. Và nhất là có niềm tin hơn. Họ có thể tin vào đời sống -đời sống đã ban cho họ nhiều tặng vật, và có thể sẽ còn nhiều hơn nữa.

Toàn bộ khoa học thôi miên tựu trung có thể gói gọn lại như thế này, rằng chúng ta tạo nên cuộc sống của chính mình phù hợp với hệ thống niềm tin của chúng ta. Thế nên nếu bạn muốn biết chân lý, bạn phải buông bỏ hoàn toàn mọi niềm tin –tích cực, tiêu cực, tất cả, toàn bộ.

Cứ tiếp tục quan sát không ngừng cách thế mà bạn đang ngắm nhìn mọi vật. Bạn sẽ thấy rằng mỗi cái nhìn của bạn đều hàm chứa một loại niềm tin nào đó đang ẩn dấu ở đằng sau. Mỗi cái nhìn đều là một sự biểu hiện của một hệ thống niềm tin. Quan sát kỹ đi. Bất cứ điều gì bạn nói, bất cứ cái gi bạn trông, bất cứ chuyện gì bạn lý giải, cứ tiếp tục lặng lẽ quan sát, bạn sẽ

thấy những hệ thống niềm tin của bạn được phản chiếu khắp mọi nơi như thế nào.

“Con chim trên đôi cánh,” đó là cách phát biểu của một nhà thơ. “Chuyện hoàn toàn phi lý,” nhà luận lý phản đối, đúng ra phải là “Đôi cánh trên con chim”.

Tất cả đều tùy thuộc vào cách thế mà bạn nhìn đời sống. Nhà thơ có thể nói, “Con chim trên đôi cánh.” Thế nhưng dưới mắt nhà luận lý, ông ta có một phương cách tiếp cận hoàn toàn khác biệt. Ông ta không thể nào chấp nhận chuyện này -chuyện hoàn toàn phi lý. “Đôi cánh trên con chim” –như vậy mới phù hợp với luận lý, với thực tế hơn, gần gũi với cái thực tại mà nhà luận lý đang sống hơn.

Roshi Taji, một vị đại thiền sư, sắp viên tịch. Các cao đồ của ngài tụ tập ở chung quanh giường bệnh. Một người chợt nhớ ra là thầy của mình đặc biệt ưa thích một loại bánh ngọt nên đã bỏ ra suốt nửa ngày rảo tìm trong các tiệm bánh tại Tokyo, và bây giờ đem dâng lên thầy. Với một nụ cười héo hắt, vị thiền sư đang hấp hối đón nhận một miếng bánh và trệu trạo nhai một cách chậm rãi. Khi thấy vị thiền sư đang yếu dần đi, các môn đồ nghiêng sát vào thầy và thỉnh cầu ngài có thể ban cho họ một bài kệ hay không.

“Vâng. Ta sẽ,” vị thiền sư trả lời.
Các đệ tử nghiêng sát vào hơn, thiết tha, “Xin Thầy vui lòng ban cho chúng con.”
“Bài kệ của ta. Cái bánh này ngon tuyệt!” Xong, ngài qua đời.

Một vị Thiền sư không nói về Thượng Đế, không nói về cái chết, không nói về cảnh giới bên kia. Ông ta nói về những gì xảy ra ngay lúc ấy. Thiền sư Taji đang trệu trạo nhai một miếng bánh; đó chính là thực tại. Trong khoảnh khắc đó, cái này mới là thực tại chân thực. Những gì xảy ra ngay lúc ấy mới là thực tại chân thực. Câu trả lời của ngài quả tình là rất mực bất ngờ: "Bài kệ của ta. Cái bánh này ngon tuyệt!" –nhưng lại biểu thị cái khoảnh khắc đó một cách tuyệt vời. Bạn không thể nào tưởng tượng ra một người theo Ramakrishna, một người Cơ Đốc giáo, hay một người Hồi giáo có thể phát biểu như thế -không thể nào. Duy chỉ có một vị Thiền sư…

Trong khoảnh khắc này đây, cái hương vị tuyệt hảo của miếng bánh trong miệng vị Thiền sư là Thượng Đế. Trong khoảnh khắc này đây, nó chính là Chân Lý. Cái chân lý của khoảnh khắc này là tất cả những gì đang có mặt ở đó. Ngay cả khi đang hấp hối, một vị Thiền sư cũng sẽ không mang ra bất cứ hệ thông niềm tin nào, cũng sẽ không mang ra cái tâm chấp ngã của mình. Ông ta luôn an lạc trong thực tại chân thực trước bất cứ cái gì đang hiện hữu.

Tôi đang đọc về một giấc mộng tuyệt vời của J. B. Priestly. Xin hãy lắng nghe và quán chiếu.

"Tôi mơ thấy mình đang đứng đơn độc trên chóp đỉnh của một ngọn tháp cao ngất trời, dõi mắt nhìn xuống dưới là vô số chim chóc, tất cả đang bay lượn về cùng một hướng. Mọi loại chim hầu như đều đủ mặt, tất cả các loại chim trên thế gian này. Trong tầm nhìn bao quát, đây là cả một dãi thiên hà rộng lớn của những loài chim.

Bây giờ trong một cung cách đầy bí ẩn, tốc độ bỗng dưng được thay đổi, vòng quay thời gian chạy nhanh hơn khiến cho tôi nhìn thấy được cả hàng thế hệ chim chóc diễn ra trước mắt, trông thấy chúng đập vỡ những chiếc vỏ của mình, tung cánh vào đời, rồi già yếu, chập choạng bay, và chết. Từng đôi cánh phát triển lên chỉ để tan rã, những thể xác đang mượt mà sinh lực chỉ trong chớp mắt đã rỉ máu, quéo quắt, héo hon; và rồi cái chết ùa đến khắp nơi trong từng giây phút. Thế thì tất cả mọi phấn đấu mù quáng hướng đến đời sống này, cái thao thiết được vận dụng đôi cánh này, tất cả cái nỗ lực sinh học lớn lao vô nghĩa này, có lợi ích gì đâu? Khi tôi đang chăm chú nhìn xuống, hầu như chỉ mới nhìn thoáng qua cái lịch sử nhỏ bé hèn mọn của từng tạo vật, tôi không khỏi cảm thấy mình đau buồn đến tận tâm can. Tốt nhất là nếu không có một ai trong bọn chúng, không có một ai trong chúng ta được sinh ra, tốt nhất là nếu nỗ lực này chấm dứt vĩnh viễn.

Tôi vẫn đứng ở trên cái tháp đó, một mình đơn độc, buồn rầu chán nản, nhưng rồi cái tốc độ lại thay đổi một lần nữa và vòng quay thời gian trôi qua càng nhanh hơn, nhanh đến độ bây giờ không còn phân biệt được sự chuyển động của đàn chim, tất cả giống như một thảo nguyên bao la được trồng cấy với những lông chim. Tuy nhiên dọc theo thảo nguyên này, bây giờ là một ngọn lửa trắng lung linh, chập chờn, run rẩy hối hả chạy xuyên suốt qua những thể xác kia: ngay khi vừa trông thấy nó tôi đã biết ngay rằng ngọn lửa này chính là sự sống, là bản chất uyên nguyên của một sinh thể.

Thế rồi ý thức bừng sáng trong tôi, bùng vỡ như trong một trạng thái xuất thần, rằng chẳng còn gì quan trọng nữa, chẳng bao giờ có gì quan trọng nữa, bởi vì không có bất cứ cái gì khác là chân thực ngoại trừ cái ngọn lửa run rẩy, hối hả của sự sống này. Chim chóc, con người hay tất cả tạo vật

chưa hề được định hình, chưa hề có bản sắc, tất cả chẳng là gì cả cho đến khi nào ngọn lửa của sự sống chạy xuyên suốt qua chúng. Nó không để lại bất cứ cái gì đàng sau để thương tiếc than khóc; những gì mà tôi đã từng cho là thảm kịch hoàn toàn chỉ là sự trống vắng của một diễn xuất vô hình, bây giờ tất cả mọi cảm xúc chân thực đã được nắm bắt, thánh hoá, và nhảy múa trong khúc hoan ca cùng với ngọn lửa trắng tinh tuyền của sự sống. Từ trước đến giờ, tôi chưa bao giờ cảm thấy rất mực hạnh phúc như tôi đã có khi giấc mơ kết thúc."

Đây là hình ảnh toàn bộ đời sống của chúng ta. Một cơn mơ dưới hàng triệu sắc tướng, một cơn mơ dưới hàng triệu danh hiệu, môt cơn mơ dưới hàng triệu nhân dáng. Chúng ta trở thành cái này, chúng ta trở thành cái kia. Chúng ta sinh ra, sống, yêu đương, làm đủ một ngàn lẻ một chuyện, rồi chết. Mà thực sự ra, tất cả đều chỉ là sắc tướng. Chỉ là những sợi sắc không, những bóng mờ trống rỗng.

Chỉ có ngọn lửa của sự sống là thực tại chân thực -ngọn lửa trắng tinh tuyền của sự sống. Để có thể nhận ra được ngọn lửa trắng này, con người phải buông bỏ tất cả mọi sắc tướng nhìn từ đôi mắt. Đôi mắt này phải trở nên hoàn toàn trống rỗng. Thế nên, Thiền nhấn mạnh đến tình trạng rỗng không. Nếu bạn muốn nhận ra, bạn phải trở nên rỗng không. Nếu bạn muốn nhận ra, bạn phải trở nên không là gì cả. Nếu bạn muốn nhận ra, bạn phải tan biến vào trong tánh không. Chỉ trong cái tánh không này bạn mới có thể nhìn thấy được ngọn lửa của sự sống. Tất cả mọi sắc tướng đều biến mất. Cây sẽ không là cây, con người sẽ không là con người, chim chóc sẽ không là chim chóc nữa. Chỉ còn lại một sự sống, một sự sống bất tận.

Thế nhưng để nhận ra một sự sống bất tận đó, con người phải buông bỏ đời sống bám víu vào sắc tướng.

Bây giờ chúng ta trở lại với câu chuyện.

> *Nobunaga, một vị tướng quân tài ba của Nhật Bản đã quyết định mở cuộc tấn công địch thủ mặc dầu quân số của ông chỉ bằng một phần mười lực lượng của đối phương. Nobunaga tin rằng mình sẽ chiến thắng, nhưng binh sĩ của ông ta đã tỏ ra rất hoài nghi.*

Dĩ nhiên, ông ta là một vị tướng tài ba. Một vị tướng tài ba sống với niềm tin của chiến thắng, y không thể nào bị đánh bại, do bởi niềm tin vững chắc của y. Trừ phi y đang chiến đấu chống lại một chiến sĩ tài ba khác có niềm tin mạnh mẽ hơn mình, y không thể nào bị đánh bại. Y rất mực vững vàng, y không hề có yếu điểm. Niềm tin của y chính là chiếc giáp sắt kiên cố.

Ngày xưa, một vị tướng quân tài giỏi có một tên đầy tớ. Người đầy tớ này lại đem lòng yêu bà chủ của mình. Vị tướng quân đã lên đường đi chinh chiến xa –khi trở về nhà ông ta mới phát hiện ra sự thực. Ông ta rất mực giận dữ. Là một nhà võ sĩ đạo samurai tài ba -thế nên ông ta giao cho tên đầy tớ một thanh kiếm để thanh toán món nợ danh dự này bằng một trận quyết đấu.

Không thấy cơ may nào thắng trận, người đầy tớ liền thưa với vị tướng quân, “Thưa chủ nhân, tại sao ngài không trực tiếp giết tôi đi? Tôi chỉ là một tên đầy tớ hèn mọn –ngay cả không biết đến việc cầm một thanh kiếm

như thế nào. Làm sao tôi có thể chiến đấu với một nhà võ sĩ đạo tài ba, một vị tôn sư kiếm thuật có đến hàng ngàn đệ tử … Trên khắp nước này chưa chắc có ai có thể so tài nỗi với ngài -thế mà bây giờ ngài lại trao thanh kiếm này và bảo tôi quyết đấu với ngài! Tại sao ngài lại không trực tiếp giết tôi đi? Nếu ngài muốn giết tôi, cứ việc giết -việc gì lại phải buộc tôi so kiếm với ngài?"

Nhà võ sĩ đạo trả lời, "Đây là truyền thống. Ta không thể giết ngươi, bởi vì làm như vậy là chống lại nhân phẩm của ta. Ngươi phải chiến đấu với ta. Ngươi phải chấp nhận sự thách đấu này và bước ra đấu trường."

Bây giờ thì người đầy tớ không còn thấy một con đường nào khác –không cách gì có thể thoát khỏi vấn nạn này, y biết chắc là mình sẽ khó thoát chết- trong khoảnh khắc tình huống thay đổi hoàn toàn. Khi thấy cái chết chắc chắn sẽ đến, y đâu còn gì để mất nữa. Khi cái chết là cầm chắc, thì đâu còn gì để mất? Thế là y cầm lấy thanh kiếm và nhào vào nhà võ sĩ đạo. Và rồi trong suốt cuộc đời cầm kiếm của vị tướng quân, chưa bao giờ ông ta gặp phải một địch thủ hung hản như vậy, đang chiến đấu tận sức bình sinh. Vị tướng quân đã buộc phải bắt đầu thối lui. Người đầy tớ hình như đang có một năng lực điên cuồng. Đây là một người chưa từng biết làm thế nào để cầm lấy thanh kiếm, và y cũng biết là mình cầm kiếm không đúng sách vở lắm -thế nhưng đúng hay sai đâu phải là trọng điểm khi bạn đang đối đầu với cái chết? Thế rồi chỉ trong vài giây đồng hồ, nhà kiếm sĩ lừng danh đã bị dồn vào đến tận chân tường –không còn chỗ nào để thối lui nữa.

Nhà tôn sư kiếm thuật liền lên tiếng thỉnh cầu, "Thôi được rồi. Đừng giết ta trong lúc này. Ngươi có thể giết ta vài hôm sau cũng được, nhưng trước tiên, ngươi phải dạy cho ta kiếm thuật của ngươi. Ta đã chiến đấu suốt cả đời người, nhưng ta chưa bao giờ gặp được một kiếm sĩ tài ba như ngươi!"

Người đầy tớ cười lớn, "Chẳng có gì cả. Chẳng có kiếm thuật gì hết. Tuy nhiên khi cái chết đến gần, tại sao tôi lại không thử? Ngài thì chơi trò kiếm thuật. Còn với tôi, thì đó là vấn đề sinh tử. Đối với ngài đây chỉ là một trò chơi, thế nên ngài đã không thể đặt trọn niềm tin vào. Đó là lý do tại sao ngài bị đánh bại."

Quả đúng thế, đôi lúc những chuyện như vậy đã xảy ra. Nếu có người bị lâm vào đường cùng, thấy mình không còn lối thoát, y bỗng nhiên trở nên mạnh mẽ vô cùng. Thế nên một tên đầy tớ tầm thường vẫn có thể đánh bại được một nhà kiếm sĩ võ sĩ đạo. Một chiến sĩ võ sĩ đạo có nghĩa là người đã được huấn luyện -một người được thôi miên bằng niềm tin rằng y sẽ chiến thắng.

Cái khoảnh khắc mà bạn nghĩ rằng mình sẽ bị đánh bại, bạn sẽ bị thảm bại. Chuyện đã từng xảy ra rất nhiều lần trong lịch sử kiếm thuật của xứ Phù Tang, rằng hai nhà kiếm sĩ đã tranh tài cao thấp với nhau trong rất nhiều năm. Họ đã thách đấu với nhau không biết bao nhiêu lần nhưng rồi vẫn bất phân thắng bại bởi vì những hệ thống niềm tin của họ đều ngang nhau. Cả hai đều tin chắc là mình sẽ thắng. Tuy nhiên những hệ thống niềm tin của họ đều tương đương, tiềm lực của họ đều tương đương. Thế nên bao nhiêu năm trôi qua vẫn chưa ai hạ được đối thủ của mình.

Chiến thắng luôn ở về phía những ai có niềm tin cao hơn, tích cực và mạnh mẽ hơn. Nếu bạn chấp nhận sự thua cuộc một cách dễ dàng, chắc chắn bạn sẽ bị đánh bại. Chuyện như thế đã tái diễn không biết bao nhiêu lần trong lịch sử. Chuyện thường xảy ra là –các xứ giàu vẫn hay bị các xứ nghèo đánh bại dễ dàng. Ông chủ vẫn thường bị kẻ nô lệ của mình cho đo ván.

Chuyện như vậy cũng đã xảy ra tại Ấn Độ trong suốt hơn hai ngàn năm, trải qua bao thời đại. Các xứ nghèo đã từng đánh chiếm, chinh phục Ấn Độ một cách dễ dàng. Ấn Độ lúc đó là một xứ giàu. Các xứ nghèo đói kia chẳng có gì để mất cả, nhưng nếu được là họ được tất cả. Cho dù có bị giết, có bị đánh bại, họ cũng chẳng có gì để mất mát, bởi vì sớm muôn gì rồi họ cũng sẽ chết -họ đang sống trong thiếu thốn, họ đang chết đói dần mòn. Thế nhưng Ấn Độ có rất nhiều thứ để mất. Khi bạn có nhiều thứ để mất bạn sẽ trở nên lo sợ. Khi bạn có nhiều thứ để mất, bạn trở nên thoả hiệp; bạn không mấy tin tưởng vào chiến thắng.

Đó là lý do tại sao nước Mỹ cứ tiếp tục bị đánh bại bởi những xứ văn hoá nghèo nàn, yếu kém hơn. Đó có thể là Việt Nam, đó có thể là Triều Tiên, có thể là bất cứ nơi nào khác -nước Mỹ sẽ còn bị đánh bại ở khắp nơi, bởi vì nước Mỹ có nhiều thứ để mất. Việt Nam không có gì để mất mát cả. Việt Nam là kẻ đầy tớ trong câu chuyện nói trên –nghèo nàn, chết đói. Có gì để mất đâu? Còn một người Mỹ thì luôn luôn lo lắng; y có đến cả một ngàn lẻ một thứ chuyện để lo. Y lo cho sinh mạng của mình, cho lạc thú của mình, cho vợ con mình, đại khái những điều như thế. Vì sống trong lo sợ -y rất muốn trở về nhà. Y không muốn dính vào chiến tranh nữa, y muốn chấm dứt cuộc chiến bằng cách thế nào đó. Y không thích chiến tranh.

Các xứ giàu thường bị các xứ nghèo đánh bại. Cứ như là phép lạ -mà thật ra không có gì là phép lạ cả. Đây chỉ là một luận lý rất mực đơn giản: Kẻ giàu không thể đánh nhau với kẻ nghèo.

Karl Marx đã từng lên tiếng kêu gọi: “Vô sản trên thế giới, hãy đoàn kết lại. Các người không có gì để mất ngoài xiềng xích nô lệ.” Ông ta có lý của mình –không có gì mất cả ngoài xiềng xích nô lệ. Bạn có thể đánh tới cùng: nếu có mất mát cái gì thì chỉ là xiềng xích thôi. Và một khi bạn chiến đấu

quyết liệt như thế, có thể bạn sẽ không mất gì cả mà là được tất cả. Toàn bộ cái thế giới này.

"Một vị tướng quân tài ba" có nghĩa là một người đã được huấn luyện kỹ lưỡng từ lúc ấu thơ, một người được thôi miên bằng niềm tin rằng y sẽ chiến thắng. Đó là kỷ cương, là nội dung của đào luyện. Như vậy, kỷ cương của giới võ sĩ đạo là gì? Cơ bản, đây không phải là kỷ luật trong kiếm thuật, bắn cung, hay đô vật –đó chỉ là những chuyện thứ yếu. Điểm then chốt trọng yếu là niềm tin thôi miên ru ngủ rằng, "Tôi sẽ là kẻ chiến thắng," rằng "không ai có thể đánh bại tôi."

Trong thực tế người ta không cần phải trải qua một cuộc huấn luyện quy mô, lâu dài; không cần phải đòi hỏi thời gian nhiều năm -mười lăm năm, hai mươi năm. Nhà thôi miên thuật có thể tiến hành công việc này một cách dễ dàng, chỉ trong vòng vài tháng -thế nhưng chưa có ai nắm vững chuyện này. Vâng, nhà thôi miên thuật có thể làm công việc này một cách dễ dàng, và đã có không biết bao nhiêu chuyện được hoàn thành thông qua kỹ thuật này.

Một nhà thôi miên Trung Hoa đã từng thí nghiệm kỹ thuật này trên một số họa sĩ nghiệp dư. Ông ta chỉ nêu ra cho họ một giả định. Ông ta thôi miên họ, đưa họ vào sâu trong giấc ngủ nhân tạo, rồi nêu lên đề nghị với họ. Với một sinh viên trường cao đẳng mỹ thuật đang học về ngành họa, ông ta nêu lên giả định với y: "Bạn là Picasso." Ông ta cứ tiếp tục nhồi nhét ý tưởng này vào vô thức của người sinh viên: "Bạn là Picasso." Và thế rồi, giống như phép lạ, chỉ trong vòng vài ngày, họa pháp của người sinh viên bỗng nhiên thay đổi. Đôi tay của y trở nên nhuần nhuyễn hơn, và cái gì đó lập dị bắt đầu xuất hiện trong nét vẽ. Người sinh viên không hề biết

chuyện gì đã xảy ra cho mình -bởi vì bất cứ điều gì mà nhà thôi miên bảo y đều được nói lên trong giấc ngủ nhanh chóng. Y không hề biết là đã được gieo vào vô thức cái ý tưởng rằng mình là Picasso hay Van Gogh, thế nhưng những bức hoạ của y đã khởi sự thay đổi. Và chỉ trong vòng vài tháng, y đã trở thành một họa sĩ tài danh. Nếu không là Picasso, ít ra y cũng là một họa sĩ nổi tiếng.

Nếu được đào luyện theo những phương cách thông thường, người ta phải cần ít nhất là sáu năm để đạt đến cái kết quả chỉ cần vài tháng huấn luyện bằng phương cách thôi miên.

Bây giờ thuật thôi miên có thể trở thành một năng lực lớn lao trên thế giới -đặc biệt là thế giới đương đại. Sẽ không còn cần thiết phải tốn hàng năm trường để dạy cho học sinh về những điều thông thường mà người ta có thể dạy chúng một cách dễ dàng hơn bằng khoa thôi miên học. Sẽ không còn cần thiết phải tốn hàng năm để huấn luyện cơ bản thao diễn cho binh sĩ diễn hành -sắp hàng, tan hàng, quay phải, quay trái, bước tới, bước lui trong ba, bốn, hoặc năm giờ đồng hồ mỗi ngày. Chỉ là chuyện điên rồ -một phương pháp thôi miên cổ điển. Đây cũng là thôi miên thuật, nhưng là phương pháp của thời đại xe bò. Bạn đang làm công việc hủy diệt cái cơ cấu cũ của một người để dựng lên một cơ cấu mới, nhưng với một phương cách vô cùng dã man. Công việc như thế bây giờ có thể hoàn thành dễ dàng bằng khoa thôi miên.

Rồi đây bạn sẽ thấy rằng, những binh sĩ sẽ được huấn luyện bởi thuật thôi miên chứ không còn ở trên chiến trường. Và ai là người đầu tiên biết tận dụng khoa thôi miên sẽ là người nắm chắc phần thắng.

Một người võ sĩ đạo Nhật Bản là người được đào luyện tuyệt đối để chiến thắng. Thế nên Nobunaga biết chắc là ông ta sẽ chiến thắng, không có vấn đề … *nhưng binh sĩ của ông ta đã tỏ ra rất hoài nghi.* Những người lính vẫn là những người lính, họ chưa phải là những chiến sĩ võ sĩ đạo.

> *Trên đường ra trận ông ta dừng lại ở một đền thờ Thần đạo và bảo quân sĩ: "Sau khi thăm viếng đền Thần ta sẽ bói một quẻ bằng đồng tiền. Nếu mặt đồng tiền có hình người lật ngữa, chúng ta sẽ thắng trận này, ngược lại, chúng ta thất trận. Không ai cải đổi được số trời."*
>
> *Nobunaga vào đền thờ và im lặng cầu nguyện. Xong ông ta đi ra và gieo đồng tiền. Mặt đồng tiền có hình người lật ngữa. Binh sĩ dưới quyền đều nức lòng chiến đấu và ông ta đã chiến thắng trận đánh một các hết sức dễ dàng.*
>
> *"Thật là không ai có thể cải đổi được số trời," vị võ quan hầu cận thốt lên cùng ông sau khi trận đánh kết thúc.*
>
> *"Không hẳn thế," Nobunaga đưa đồng tiền cho người hầu cận xem: Cả hai mặt đồng tiền đều giống nhau*

Đây là một thí nghiệm thuần túy về thôi miên, nhưng ở đây ông ta đang thôi miên hoá cả toàn bộ đạo quân. Ông ta đã không dùng đến bất cứ phương pháp truyền thống thông thường nào để thôi miên hoá họ -đã không hề bảo họ tập trung nhìn vào một điểm đen trên tường, bắt họ lập lại một câu thần chú, bảo họ "nhắm mắt lại," ông ta không nói gì cả.

Nobunaga dùng đến một phương pháp thuần tuý, rất mực vi tế. Ông ta đi vào một đền thờ thần đạo và lặng yên cầu nguyện.

Binh sĩ của ông ta chắc chắn là đang tụ tập ở ngoài cửa đền để đợi chờ kết quả -chắc chắn là họ đang lo sợ. Lực lượng kẻ thù mười lần mạnh hơn, họ thua là cái chắc. Những binh sĩ này chắc chắn là đang lo lắng cho tính mạng của mình -họ sẽ bị giết, sẽ bị thảm sát. Họ sẽ không còn trở về với gia đình nữa. Một đánh với mười, mọi người đều biết chuyện này. Chỉ có ông Nobunaga này đang bị khùng nên không biết! Không có cách gì có thể đánh thắng, chỉ là một cuộc tự sát tập thể thôi. Thế mà ngay cả việc ban lệnh, "Hãy sẵn sàng và chờ đợi thời cơ" cũng không. Ông Nubanaga này đúng là đang lên cơn khùng –nhưng là binh sĩ, họ phải phục tùng mệnh lệnh của vị tướng quân.

Chắc chắn là họ đang chờ đợi ở ngoài kia với trái tim đập loạn xạ, với run rẩy và rất mực lo buồn. Thế rồi Nobunaga xuất hiện, gieo đồng tiền quẻ, và mặt có hình người lật ngữa hiện lên. Bây giờ, chỉ trong một khoảnh khắc đơn thuần, ông ta đã thay đổi toàn bộ cục diện. Bây giờ toàn bộ binh sĩ biết rằng họ sắp sửa chiến thắng.

Trong một quốc gia Đông Phương, hàng trăm năm trước đây, đã có một niềm tin tuyệt đối rằng cái gì sẽ xảy ra rồi sẽ xảy ra, tất cả đều do số mệnh an bài. Bây giờ thì không còn nỗi lo lắng bị đánh bại nữa, bây giờ thì toàn bộ bầu khí đã thay đổi. Họ sẽ gặt hái chiến thắng.

Số mệnh đang thuận lợi cho họ, trời đất quỹ thần đang ở về phía họ -thế là điều dĩ nhiên, họ trở nên nức lòng chiến đấu. Chỉ mới một khoảnh khắc trước đây, họ đã tính đến chuyện đào ngũ, đã tính chuyện kiếm chỗ trốn. Thất bại là cầm chắc -chỉ mới khoảnh khắc trước đây thôi, với họ, thua trận

là điều chắc chắn. Nhưng rồi cũng chỉ một khoảnh khắc sau đó, họ tin rằng chiến thắng sắp sửa ở trong tầm tay. Thế là họ xông ra trận. Chắc chắn là họ đã vô cùng dũng mãnh trong ngày hôm đó –ai có thể đánh bại được đoàn quân này, những người đang tin tưởng rằng "số mệnh đã thuận tình với họ."

Đó là những gì mà Adolf Hitler đã nỗ lực thực hiện. Và ông ta đã làm nên chuyện, hầu như đã gần đạt đến mục đích. Ông ta đã cố gắng thôi miên hoá toàn bộ chủng tộc Nhật Nhĩ Man: "Các người là giống dân Bắc Âu, là chủng tộc Nhật Nhĩ Man thuần khiết nhất trên thế giới. Chủng tộc này được sinh ra để làm nhiệm vụ thống trị thế giới, Thượng Đế đã an bài như thế. Các người là một số rất ít đã được Thượng Đế chọn lựa." Chỉ là một chủng tộc ít oi, thế mà ông ta đã gần như chiếm trọn toàn bộ thế giới -gần như thế. Cả thế giới đã phải đoàn kết cùng nhau để chống lại ông ta, để chỉ đánh bại một con người, một quốc gia không lớn gì cho lắm. Thế mà ông ta đã buộc cả thế giới phải qùy gối xuống trước mình. Có gì bí ẩn trong chuyện này? Điều bí ẩn đó là thuật thôi miên. Ông ta đã tạo ra một bầu khí thôi miên, đã tạo ra niềm tin ru ngủ: "Các người sẽ là những người chiến thắng. Định mệnh đã an bài như thế. Thượng Đế đã quyết định như thế. Nếu các người không chiến thắng vinh quang thì các ngươi chỉ là một lũ tồi -Thượng Đế đã quyết định rồi. Giống dân Bắc Âu, chủng tộc Nhật Nhĩ Man là chủng tộc đã được chọn lựa. Thượng Đế đang trông chờ ở các ngươi!"

Thật ra đây chỉ là một mánh khoé cổ điển của người Do Thái mà Hitler đã học được. Người Do Thái trải qua bao thời đại luôn cho rằng mình là giống dân đã được Thượng Đế chọn lựa. Trong thực tế, chính cái niềm tin ru ngủ này đã cứu vớt họ không biết bao nhiêu lần. Họ đã đối đầu với không biết bao nhiêu thảm kịch, đã bị thảm sát không biết bao nhiêu lần –không có

một giống dân nào bị tàn sát, bị hành hạ nhiều đến như vậy. Thế nhưng họ vẫn sống còn. Và không những tồn tại mà là tồn tại với một năng lực phi thường.

Đâu là lý do? Đó chính là niềm tin thôi miên mà Moses đã gieo cấy vào họ. Moses là một chiến sĩ -một chiến sĩ tài ba. Và tất cả những gì mà ông ta xây dựng lên hiện vẫn còn tồn tại với thời gian: "Các ngươi là một số rất ít đã được chọn lựa, các ngươi là giống dân mà Thượng Đế chọn lựa. Tất cả các giống dân khác chỉ là tôi tớ phục dịch các ngươi; các ngươi là những chủ nhân ông. Các ngươi *phải là* những chủ nhân ông." Đây chỉ là một mánh khoé cổ điển của người Do Thái. Có thể đó là lý do mà Adolf Hitler đã rất mực phẫn nộ, chống lại sắc dân Do Thái tới cùng -bởi vì chỉ có hai giống dân được chọn lựa, người Do Thái và người Nhật Nhĩ Man. Và dĩ nhiên, đối với Hitler, người Do Thái phải bị tiêu diệt như một chứng minh rằng Thượng Đế nay đã đổi ý.

Người Do Thái phải bị tiêu diệt hoàn toàn. Tại sao thế? Có một nguyên nhân tâm lý, nếu bạn chịu khó đi sâu vào sẽ hiểu. Mỗi lần một người Do Thái bị giết, có nghĩa là một người Bắc Âu được sinh ra. Mỗi lần giống dân Do Thái bị tàn sát, tiêu diệt, đức tin của giống dân Đức càng được nâng cao, củng cố. Bởi vì trải qua thời gian, người Do Thái cho rằng mình là chủng tộc được chọn lựa, nay bỗng dưng họ biến mất trên mặt địa cầu. Điều này là một minh chứng cho giả thiết của Adolf Hitler. Rằng Thượng Đế đã không còn bảo vệ dân Do Thái, rằng Thượng Đế đang bảo vệ chúng ta, người Nhật Nhĩ Man. Thượng Đế đang chống lại dân Do Thái. Họ đang biến mất trên mặt đất này.

Thế là toàn bộ những thành phố của người Do Thái biến mất trong giây phút. Hàng ngàn người Do Thái bị đưa vào những lò thiêu ở các trại tập

trung trong nháy mắt –trong các lò điện đó, chỉ một vài giây thôi, họ hoàn toàn biến mất. Bây giờ thì chuyện rõ ràng rằng: "Thượng Đế đang ở về phía chúng ta. Có thể là trước đây ngài đã chẳng bao giờ đứng về phía Do Thái, họ chỉ tự lừa dối mình mà thôi, hoặc là bây giờ ngài đã đổi ý. Hoặc có thể là ngài bây giờ đã chán mứa những ông Do Thái này rồi -họ chẳng làm gì nên chuyện cả. Phải vậy không? Trải qua bao thời đại, họ đã có mặt ở đây mà có làm nên tích sự gì đâu, thế nên Thượng Đế đã thay đổi cách xử sự. Bây giờ ngài quan tâm đến chúng ta."

Adolf Hitler đã tạo dựng nên cái bầu khí thôi miên ru ngủ như thế. Và trong cái bầu khí thôi miên đó, chủng tộc đã trở thành quyền lực. Cũng cái chủng tộc đó vừa bị đánh bại trong Thế Chiến Thứ Nhất -chỉ mới mười năm thôi. Trong vòng mười năm sau phương pháp thôi miên của Adolf Hitler đã thành công vực dậy nước Đức.

Nobunaga cũng đã phải sử dụng tiểu xảo đối với binh sĩ dưới quyền. Cái đồng tiền của ông ta có hai mặt đều giống nhau. Thế nhưng một khi bạn tin tưởng, bạn tạo ra thực tại. Đây là toàn bộ cấu trúc của thuật thôi miên, và đây cũng là toàn bộ cấu trúc của thế giới này -thế giới mà bạn đang sống.

Thiền muốn rằng bạn phải vượt ra ngoài. Thiền muốn bạn nhận rõ rằng thất bại của bạn là do niềm tin, chiến thắng của bạn cũng do niềm tin, ưu điểm của bạn, khuyết điểm của bạn, bạn là kẻ tội lỗi, bạn là một ông thánh, đều chỉ là niềm tin. Tất cả đều do những niềm tin, là do tâm tạo, là trò chơi của tâm. Thượng Đế của bạn cũng chỉ là trò chơi lớn của tâm.

Hãy buông bỏ tất cả mọi niềm tin. Rồi thực tại tương đối sẽ biến mất và chân lý hiện bày.

Bây giờ là một câu chuyện ngắn, một câu chuyện Tây Tạng.

Trước đây lâu lắm rồi, có một khách hành hương đang loanh quanh lạc lối trong một sa mạc ở ngoài Tây Tạng. Đó là một đêm không trăng sao, trời tối đen như mực, ngọn gió mang đầy bụi cát không ngừng thổi giật từng cơn vào râu tóc y, và đôi chân y cũng đã sưng tấy lên vì cứ mãi dẫm vào những tảng đá lởm chởm sắc cạnh. Y đã hy vọng rằng mình sẽ vượt qua vùng hoang dã này để đến gặp một vị đạo sư danh tiếng, nhưng niềm hy vọng đó nay đã tiêu tan. Có thể là y sẽ chết khát trong đêm nay, trước khi bình minh đến. Thế rồi y thiết tha cầu nguyện với Đức Phật A Di Đà –Vô Lượng Quang Phật- để xin ngài cứu giúp.

Lập tức, chân của y đụng phải một cái gì đó mà y biết chắc không phải là một tảng đá. Đấy là một cái bình bạc với nước tuyết vừa tan tràn đầy lên đến miệng, tinh khiết mát lạnh. Kẻ hành hương uống một trận thoả thuê, xong với lòng tràn đầy biết ơn, y cất giọng khàn đục tán tụng chư Phật rồi lăn ra ngủ vùi trên cát.

Bừng tỉnh giấc vào sáng sớm hôm sau, người hành hương vội quơ tay tìm kiếm ngay cái bình bạc cứu mạng. Dưới ánh sáng đầu ngày y nhìn kỹ lại thì ra đó là một cái sọ người. Chút đỉnh da thịt vẫn còn dính vào trên xương sọ, cho thấy là nạn nhân vừa mới chết không lâu lắm. Thêm vào đó, trong chỗ trũng của chiếc đầu lâu còn đọng lại một chút gì đó giống như não tủy với đàn giòi đang nhung nhúc đặc kín trong cái chất sền sệt dơ dáy này. Trông thấy xong là y nôn mửa ngay tại chỗ. Trong lúc nôn mữa này đồng thời y bỗng hoát nhiên đạt ngộ. Y liền quay về nhà ngay không chút

chậm trễ. Hành trình tìm kiếm của y đã hoàn tất. Y đã tìm thấy vị đạo sư của mình, kể cả ngôi chùa của mình nữa –ngôi chùa của chiếc đầu lâu.

Câu chuyện này rất mực quan trọng. Cái gì đã xảy ra? Sự hoát nhiên đạt ngộ đã xảy đến như thế nào? Vào hồi đêm, trong cơn khát cháy bỏng của mình y đã tin rằng Đức Phật đã ban cho y cái bình bạc này. Đó là một đêm tối trời, không trăng sao –cái bình kia đã được tạo nên bởi lòng tin tưởng, bởi cơn khát của y. Y đang đứng bên bờ vực của tử thần, sắp chết đến nơi, tâm của y chắc chắn là phải ở trong tình trạng mộng tưởng, phóng chiếu. Cái sọ người biến thành cái bình bạc –y phóng chiếu. Y cho rằng não tủy chứa trong đó là nước lạnh tinh khiết –và đã uống ngon lành. Quả đúng như thế -một khi y nghĩ rằng đó là nước lạnh tinh khiết thì nó là nước lạnh tinh khiết, khi y nghĩ rằng đó là cái bình bạc thì nó là cái bình bạc.

Bạn luôn sống trong thế giới vọng tưởng, phóng chiếu của mình.

Rất đỗi vui mừng, y cảm ơn Đức Phật và lăn ra ngủ. Vào sáng hôm sau khi mặt trời lên, y mở đôi mắt ra. Y muốn nhìn cho thật tường tận cái bình bạc đã cứu mạng mình … nhưng đó là một cái sọ người. *Chút đỉnh da thịt vẫn còn dính vào trên xương sọ, cho thấy là nạn nhân vừa mới chết không lâu lắm*. Thật kinh tởm. *Thêm vào đó, trong chỗ trũng của chiếc đầu lâu còn đọng lại một chút gì đó giống như não tủy* … nôn mửa … *với đàn giòi đang nhung nhúc đặc kín trong cái chất sền sệt dơ dáy này.*

Bạn có thể hình dung ra cái anh chàng hành hương khốn khổ kia. Y đang nôn mửa. Bây giờ thì không còn cái bình bạc nữa, không còn chất nước mát lạnh tinh khiết nữa. Y nôn mửa. Và trong cơn nôn mửa này, một cái gì đó đã bừng sáng lên trong tâm thức của y. Y có thể nhận ra được rằng tất cả

đều chỉ là trò chơi của tâm: nếu bạn cho rằng đó là cái bình bạc thì nó là cái bình bạc.

Đêm hôm rồi, đã không hề có chuyện nôn mửa. Y đã uống cạn não tủy của người chết với đàn giòi ở trong ấy, nhưng không hề nôn mửa, không có vấn đề nôn mửa. Y đã không ngừng cảm tạ Trời, Phật, với lòng biết ơn vô hạn. Thế rồi y lăn ra ngủ, ngủ một giấc ngon lành suốt đêm, không hề có chuyện gì xảy ra. Thế mà bây giờ, khi trông thấy sự thực, y lại nôn mửa - chỉ mấy tiếng đồng hồ sau đó.

Một sự tỏ ngộ đã bừng lên -tất cả đều do tâm tạo. Và nếu tất cả đều do tâm tạo thì đâu cần phải chạy đi chỗ nào: bạn có thể buông bỏ cái tâm ngay tại nhà mình. Đó là sự hoát nhiên đạt ngộ, hãy thấy cái trọng điểm này -tất cả chỉ thuần là một ý tưởng. Nếu y thức dậy sớm hơn và bỏ đi ngay, chắc chắn là sẽ không có chuyện nôn mửa. Tất cả chỉ thuần là một ý tưởng. Nhưng ai mà biết được? –trong đêm rồi, biết đâu Phật A Di Đà đã có thể vận dụng thần thông biến ra một cái bình bạc như thế. Biết đâu? Những ông Phật là những người kỳ dị, có thể tạo ra những chuyện đại loại như thế. Nếu y đã uống cạn hết cái chén bạc đó đêm rồi –ai mà biết- thì chắc cũng đã không có chuyện nôn mửa. Hoặc có thể sáng hôm sau Phật A Di Đà đã biến hoá ra cái sọ người chứa đầy não tủy, với nhung nhúc một bầy giòi, những con giòi ghê tởm. Ai mà biết?

Thế nhưng đó không phải là trọng điểm. Chỉ có một điều chắc chắn là –khi bạn tin tưởng vào một cái gì đó bạn sống trong thực tại đó, khi bạn tin tưởng vào một cái khác, bạn sống trong một thực tại khác. Tất cả chỉ là vấn đề của niềm tin. Và tất cả những thế giới mà bạn sống đều là những thế giới do lòng tin tạo nên.

Thế là hoát nhiên đạt ngộ. Chắc là y phải bật cười: cái nôn mửa đó đã là một kinh nghiệm lớn. Chắc chắn là y đã bật cười, chắc chắn là y đã hiểu rõ tất cả căn nguyên nguồn cội của vấn đề. Thế là đâu còn có nhu cầu đi tìm thầy nữa, y đã tìm thấy người thầy. Và cũng không còn có nhu cầu đi tìm ngôi chùa mà y đang tìm đến, y đã tìm thấy ngôi chùa … trong cái sọ người kia.

Chắc là y đang đi trở về nhà với lòng nhảy múa reo vui, với lòng đang mở hội; chắc chắn là y đang trở về nhà với một con người mới hoàn toàn khác biệt. Một con người không còn mê ngủ trong ý, trong tâm -một con người không còn sống trong thế giới của vọng tưởng, phóng chiếu, điên đảo. Một con người nay đã *tỏ ngộ* -trong sáng tuyệt đối, với tâm thức trong suốt như gương.

Đó là hoát nhiên đạt ngộ -*satori*.

CHƯƠNG 6

Vào Vùng Hoang Dã

> *Tôi đã năm mươi mà hình như tôi thấy mình vẫn chưa thực sự chín chắn, trưởng thành. Có vấn đề gì không vậy, thưa ngài?*

Có thể bởi vì bạn chưa hề giết ai cả. Đây là điều bắt buộc. Nếu bạn muốn trở thành chín chắn, bạn phải trở thành một tên sát nhân chuyên nghiệp. Trừ phi bạn ra tay hạ thủ một vài người, bạn sẽ không bao giờ trưởng thành. Bạn phải giết chết cha mẹ mình, những ông thầy giáo mình, những người lãnh đạo của mình. Giết hết. Phùng Phật sát Phật, phùng Tổ sát Tổ.

Đó là tất cả những tiếng gào thét ầm ĩ ở trong bạn, không để cho bạn thực sự trở thành một người trưởng thành –chúng tiếp tục giữ mãi bạn trong tình trạng trẻ con. Chúng làm bạn sống kiếp thân tằm gửi, không cho phép bạn trở thành độc lập.

Có lần một đệ tử của Phật sắp rời ngài để đi hoằng pháp phương xa. Khi vị tì khưu này đến phủ phục và sờ vào chân Phật, ngài đã gia bị cho ông ta rồi nói với tất cả hội chúng, "Các ngươi có thấy thầy sa môn được gia bị này không? Ông ta đã đã giết mẹ mình, đã giết cha mình, đã giết tất cả họ hàng thân thích, và cả quốc vương của mình." Cả đồ chúng rất mực sửng sốt, không tin vào cả lỗ tai của mình –"Đức Thế Tôn đang nói cái gì vậy?"

Một đệ tử thu hết can đảm bạch Phật, "Bạch Đức Thế Tôn, Ngài đang dạy bảo chúng con điều gì? Phải chăng Thế Tôn bảo rằng một kẻ sát nhân cũng có một vài đức hạnh? Và ngài cho rằng y được gia bị?" Đức Phật mĩm cười và bảo đồ chúng, "Không những thế, ông ta còn giết luôn cả chính mình – ông ta đã tự sát." Nói xong Đức Phật liền diễn giải ý tưởng này bằng cách ngâm lên một bài pháp cú, một thi kệ. (1)

Tất cả mọi người đều đã được nuôi dưỡng như là một đứa trẻ. Đó là cách thế đầu tiên mà bạn vào đời; đó cũng là cách thế mà bạn đã được đào luyện qua năm tháng, ở mãi trong tình trạng trẻ con. Tất cả mọi chuyện đâu đó đã có trật tự nền nếp, và bạn chỉ có việc vâng lời. Bạn đã trở thành một con người rất mực ỷ lại –luôn luôn trông chờ lời dạy bảo của những bậc cha chú, những kẻ quyền hành cho phép bạn cái gì nên làm, cái gì không được làm.

Chín chắn trưởng thành có nghĩa là có đủ nhận thức hiểu biết để tự mình quyết định, có đủ nhận thức hiểu biết để đưa ra quyết định tối hậu của

riêng mình. Để đứng vững trên đôi chân của mình –đó có nghĩa là chín chắn trưởng thành. Nhưng đây là điều hiếm khi xảy ra, bởi vì các bậc cha mẹ không ít thì nhiều hầu như đã làm hư con mình. Rồi tiếp đến là các trường học, cao đẳng, đại học –tất cả đã tiếp tục làm hư hỏng bạn. Thế cho nên quả là một điều hiếm hoi khi có ai đó trở nên chín chắn trưởng thành.

Cái xã hội này không có chỗ cho những người chín chắn trưởng thành. Đối với họ, những người sống trung thực với chính mình là loại người nguy hiểm. Đây là con người tiếp tục thực hiện những công việc theo cách riêng của mình –y không buồn quan tâm đến người ta đang nói gì, bình phẩm như thế nào. Y không hề thèm muốn sự kính trọng, uy tín, cũng chẳng buồn quan tâm đến danh dự, tiếng tăm. Y sống trọn cuộc đời thực của riêng mình -với bất cứ giá nào. Y sẵn sàng hy sinh mọi thứ, ngoại trừ sự tự do của mình.

Xã hội này lo sợ những con người chín chắn trưởng thành như thế; họ muốn mọi người luôn ở mãi trong tình trạng trẻ con. Họ muốn giữ mọi người ở mãi trong lứa tuổi từ bảy đến mười bốn –và xã hội này quả thực gồm toàn những con người như thế.

Trong cuộc Đại Chiến Thế Giới Thứ Nhất vừa qua, lần đầu tiên các nhà tâm lý học bắt đầu để tâm đến hiện tượng khác thường này. Đây cũng là lần đầu tiên người ta thực hiện một cuộc nghiên cứu về độ tuổi tâm trí của con người trên một diện rộng, đối tượng là giới binh sĩ. Kết quả của sự khám phá này cũng rất mực khác thường: giới binh sĩ có độ tuổi tâm trí trung bình ở lớp tuổi mười hai. Thể xác của bạn có thể ở lớp tuổi năm mươi, thế nhưng tâm trí của bạn vẫn ở trong tình trạng của một đứa trẻ con ở dưới lớp tuổi mười bốn.

Trước lớp tuổi mười bốn bạn rất dễ bị nhồi nhét, uốn nắn -bởi vì sau lứa tuổi này sẽ rất khó khăn. Khi một đứa trẻ bước vào tuổi mười bốn, nếu y chưa từng bị uốn nắn thì sẽ không bao giờ còn cơ hội để uốn nắn y nữa -bởi vì một khi khả năng tính dục phát triển, y sẽ trở nên mạnh mẽ hơn. Trước lớp tuổi mười bốn, y yếu đuối, ủy mị, mang đầy nữ tính, và bạn có thể nhồi nhét bất cứ thứ gì vào đầu óc y –y dễ bị ám thị và bạn có thể thôi miên hoá y rất dễ dàng. Bạn có thể nói với y đủ mọi điều bạn muốn và y sẽ lắng nghe, tin tưởng vào những điều bạn nói.

Sau tuổi mười bốn, luận lý bắt đầu nảy sinh và hoài nghi xuất hiện. Sau tuổi mười bốn tính dục phát triển, đứa trẻ bắt đầu trở nên độc lập. Bây giờ thì cậu bé đã có thể trở thành một người cha, cô bé đã có khả năng trở thành một người mẹ. Như thế đó, thiên nhiên, sinh học đã biến một người trở nên độc lập hơn đối với cha mẹ ở lớp tuổi mười bốn.

Người ta đã nhận ra điều này từ thuở xa xưa ngay cả trước khi những nhà tâm lý học có mặt trên thế gian này. Các giáo sĩ cũng đã biết được điều này rất lâu -họ đã lưu tâm quan sát cả hàng ngàn năm và nhận ra rằng: Nếu bạn muốn uốn nắn nhồi nhét một đứa trẻ, nếu bạn muốn biến đứa trẻ thành một người lệ thuộc, phải thực hiện sớm -sớm chừng nào tốt chừng nấy. Nếu có thể thực hiện trước khi đứa trẻ lên bảy, kết quả là chắc chắn. Nếu không thể hoàn tất trước tuổi mười bốn, sẽ không có khả năng để làm việc này nữa.

Đó là lý do tại sao tất cả đủ mọi hạng người đều đặc biệt quan tâm đến trẻ con và nền học vấn của chúng. Tất cả các tôn giáo cũng có cùng một mối quan tâm như thế, họ cho rằng trẻ con nên được cho hấp thụ nền giáo dục tôn giáo. Tại sao? Bởi vì trước khi chúng trở nên độc lập, đầu óc của chúng cần phải được điều kiện hoá.

Thế cho nên nỗ lực lớn lao nhất của một người thực sự muốn tự do, thực sự muốn trở nên tỉnh giác, thực sự muốn giải trừ thôi miên –không còn bị ràng buộc trong bất kỳ giới hạn nào mà là chan hoà cùng với vạn hữu- y chỉ cần buông bỏ tất cả những gì đã chất chứa lâu đời ở bên trong mình. Đó là điều mà tôi nói, khi Đức Phật bảo rằng, ngươi phải giết mẹ ngươi và cha ngươi, điều đó không có nghĩa là bạn phải thực sự đi tìm giết cha mẹ mình –nhưng là ảnh hưởng của người cha, người mẹ mà bạn luôn mang theo trong con người mình, tức là cái ý tưởng.

Quan sát và để ý rồi bạn sẽ nhận thấy điều này. Có khi bạn đang sắp sửa làm một chuyện gì đó, bỗng nhiên bạn như nghe tiếng nói của mẹ mình vẳng lại: "Không được làm cái này!" Bạn có thể chú tâm theo dỏi để rồi bạn sẽ nghe được cái âm thanh này, một âm thanh thực sự -giống như một cuộn băng thu âm được phát lại trong tâm thức bạn. Bạn đang ăn khá nhiều một món kem thích khẩu: Để ý mà xem. Đột nhiên trong một khoảnh khắc nào đó, tiếng nói của mẹ bạn như ở cõi mơ hồ nào đó vọng lại trong đầu: "Đừng có ăn cho lắm vào. Đủ rồi. Ngưng đi!" Thế là trong khoảnh khắc đó, bạn bắt đầu có cảm giác như mình đang phạm tội.

Nếu bạn đang sắp sửa làm tình với người yêu, đột nhiên ở đâu đó trong bạn, tất cả các ông thầy giáo cũ đứng sắp hàng nối đuôi nhau, lên tiếng: "Mi đang sắp sửa phạm một tội ác. Thật là tội lỗi, tội lỗi. Hãy coi chừng! Đó là cái bẩy. Đào tẩu đi trước khi quá trễ." Ngay cả trong khi bạn đang làm tình với vợ mình, cũng có hình bóng của cha mình, mẹ mình, thầy giáo mình thấp thoáng ở đâu đó cản ngăn, huỷ diệt.

Quả là điều hiếm hoi nếu như ta tìm ra được một người nam hay nữ hoàn toàn bước vào tình yêu một cách trọn vẹn -bạn không thể. Bởi vì trải qua

bao nhiêu năm tháng bạn đã được nhồi nhét rằng chuyện yêu đương trai gái là chuyện bậy bạ -như vậy làm sao bạn có thể buông bỏ cái ý niệm này một cách dễ dàng mau chóng được?

Trừ phi bạn có đầy đủ năng lực để giết chết tất cả những tiếng nói cứ mãi vọng lên kia… nó đòi hỏi một sự can đảm phi thường. Và theo tôi, đó cũng là ý nghĩa đích thực của một người sa môn. Tôi có cái định nghĩa của riêng mình về sa môn: Đó là một người sẵn sàng quăng bỏ tất cả những tiếng nói của cha mẹ mình trong thẳm sâu tiềm thức, tất cả những uy quyền đã từng bao chặt lấy mình, tự mình sẵn sàng bước vào nơi vô định không cần đến tấm bản đồ trên tay. Đó là người sẵn sàng chấp nhận mọi rủi ro.

Chuyện kể rằng, Alexander Eliot (2) đang theo học với một vị Thiền sư. Hàng tháng trôi qua ông đã thực hành các công phu thiền quán, tọa thiền và đã đi sâu hơn vào bản thể uyên nguyên của mình. Một đêm ông ta nằm mơ, một giấc mơ khác thường. Đối với Thiền gia, người ta không lạ gì với những giấc mơ loại này, nhưng với Eliot, một người Tây phương, đây là một giấc mơ quái lạ đã làm ông sửng sốt. Ông đã kể lại giấc mơ của mình…

“Hồi gần đây tôi đã nằm mộng thấy Tổ Bồ Đề Đạt Ma. Ông ta thật là một con người không giống ai –tròn quay, ma quái với đôi mắt ốc nhồi, mày rậm và xếch.”

Cũng giống tôi thôi… Bồ Đề Đạt Ma là một con người nguy hiểm. Thiền gia thường yêu mến vẽ chân dung của khuôn mặt ông một cách trông rất dữ dằn. Thực ra ông ta đã không hề giống như vậy -về mặt thể chất. Ngoài

đời ông ta còn là một trong những người đàn ông đẹp trai nhất nữa là đằng khác -thế nhưng khi bạn thoạt nhìn các bức tranh vẽ về Bồ Đề Đạt Ma, bạn không khỏi kinh sợ. Nhất là đôi mắt của ông ta, chẳng khác gì đôi mắt của một tên sát nhân, như lúc nào cũng sẵn sàng để giết bạn. Nhưng đó là tất cả những gì mà một vị Thiền sư thực hiện.

Ngay cả trong giấc mơ, Alexander Eliot cũng cảm thấy khiếp sợ, và bắt đầu run.

"Ông ta đang cười nhăn nhở hay đang cau có? Thật khó mà biết khi cái hàm râu chổi xuể của ông ta cứ động đậy. 'Ngươi có vẻ là một người trưởng thành rồi đó,' tiếng nói thì thầm phát ra từ cái hàm râu rậm này, 'thế nhưng ngươi chưa bao giờ giết chết ai cả. Tại sao thế?'"

Trong giấc mơ, Tổ Bồ Đề Đạt Ma hỏi, "Ngươi chưa bao giờ giết chết ai cả, thế mà ngươi có vẻ như là một người trưởng thành. Tại sao thế?" Eliot rất mực sửng sốt đến độ khi tỉnh giấc vẫn còn toát mồ hôi, run rẩy. 'Cái ông già kỳ dị này muốn nói cái gì đây? – "Tại sao ngươi chưa bao giờ giết chết ai cả?'"

Đó là ý nghĩa của những gì mà tôi vừa nói, rằng nếu bạn cảm thấy mình chưa thực sự chín chắn, trưởng thành cho thấy một điều đơn giản là bạn chưa thực sự giết ai. Năm mươi tuổi thì đã là muộn quá rồi –bây giờ đừng nên phí phạm thời gian nữa. Hãy giết ngay lập tức tất cả những ảnh hưởng tồn tại ở trong bạn. Tẩy rửa tất cả những cuộn băng cũ ngay lập tức, giải trừ chúng ra khỏi tâm thức bạn. Và rồi hãy bắt đầu sống một đời sống thực sự của bạn, ngay chính trong khoảnh khắc này, xem như bạn chưa từng

biết gì cả, chưa được ai dạy dỗ, nhồi nhét điều gì vào đầu -bắt đầu từ abc, mới mẻ, tinh khôi.

Rồi bạn thấy rằng sự chín chắn, trưởng thành sẽ đến ngay –mà nếu không có nó, đời sống chẳng có ý nghĩa, giá trị gì cả. Bởi vì tất cả những gì tuyệt vời đẹp đẽ, tất cả những gì lớn lao vĩ đại, chỉ xuất hiện trong một tâm thức trưởng thành. Được trưởng thành là một ân sủng. Tuy nhiên con người nói chung trưởng thành tự nhiên như cây cỏ -họ không hề được trưởng thành. Họ lớn khôn theo với thời gian tuổi tác, nhưng trong tâm thức, họ tiếp tục co rút lại dần. Tâm thức của họ như vẫn còn nằm ở trong bào thai, chưa hề ra khỏi chiếc vỏ trứng, chưa hề được ra đời. Chỉ có thể xác là được sinh ra - bạn chưa hề được sinh ra.

Hãy cầm chắc đời bạn trong đôi tay mình; đó là cuộc đời của bạn. Bạn không phải sinh ra chỉ để thoả mãn những trông chờ của ai đó. Không phải là để sống cuộc đời của cha bạn, của mẹ bạn, mà là của chính bạn. Và một khi bạn thực sự bắt đầu sống đời sống của chính mình; bạn bắt đầu sống đời sống của Thượng Đế.

> *Tại sao con người cứ tìm cách ức chế phút giây tuyệt đỉnh? Cái gi khiến người ta sợ hãi thiên đàng đến như thê?*

Có chuyện như thế. Có chuyện con người rất mực sợ hãi thiên đàng.

Bởi vì con người rất mực sợ hãi hạnh phúc. Có thể bạn sẽ ngạc nhiên điều này, bởi vì người ta cứ hay nói, "Tôi khao khát hạnh phúc. Tôi muốn trong đời sống này mọi chuyện đều ở trong tầm tay." Thế nhưng, theo sự nhận xét của riêng tôi, mà không phải chỉ riêng một mình tôi, phải nói là sự nhận xét của tất cả những người từng quan sát, qua mọi thời. Tôi đã làm việc với hàng ngàn người, và sự nhận xét này càng ngày càng trở nên vững chắc hơn -rằng con người thường bám chặt vào nỗi khổ đau, họ không muốn sống hạnh phúc.

Thật sự đâu có ai ngăn chặn con người sống hạnh phúc -họ có thể hạnh phúc ngay bây giờ, không có gì mất mát cho họ cả. Thế nhưng con người cứ tiếp tục bám chặt vào nỗi khổ đau. Họ luôn nói đến hạnh phúc -bởi vì họ đang khốn khổ thế nên nói đến hạnh phúc là chuyện khá tự nhiên. Càng khổ đau nhiều chừng nào, họ càng nói đến hạnh phúc nhiều chừng nấy, họ càng chạy đi tìm kiếm hạnh phúc, tạo ra những khua động ầm ĩ – "Tôi muốn hạnh phúc. Tôi muốn hạnh phúc." Thế nhưng họ lại không chịu buông bỏ nỗi bất hạnh khổ đau mà họ mang theo –và trừ phi quăng bỏ nó đi, họ không thể nào hạnh phúc được.

Bạn không thể nào hạnh phúc với một cái tâm thống khổ. Hạnh phúc không hề chờ bạn ở đâu đó. Hạnh phúc chỉ đơn thuần là sự vắng mặt khổ đau -thế thôi. -một khi bạn chấm dứt khổ đau, bạn có hạnh phúc. Hạnh phúc đã có sẵn trong mỗi con người. Bạn không cần phải lo lắng đi tìm hạnh phúc, bởi vì nó đã có mặt ở đó. Nó ở ngay trong trái tim bạn -bạn chỉ việc chấm dứt bất hạnh, chấm dứt cái cơ chế vận hành tạo nên sự bất hạnh đó.

Thế nhưng hình như không có ai sẵn sàng để làm chuyện này. Người ta cứ vẫn luôn mồm, "Tôi muốn hạnh phúc," cũng giống như bạn nói "Tôi muốn

sức khoè" –nhưng bạn cứ vẫn bám chặt vào căn bệnh của mình, không chịu buông bỏ để cho nó ra đi. Khi bác sĩ kê cho bạn cái toa thuốc, bạn liệng bỏ nó vào một xó xỉnh nào đó chẳng hề quan tâm đến. Bạn chẳng bao giờ chịu khó đi bộ vào buổi sáng, chẳng hề bơi lội, chẳng hề chạy bộ trên bải biển, chẳng hề tập thể dục… Bạn tiếp tục ăn uống cho mập phì, tiếp tục hủy hoại sức khoẻ của bạn –rồi cứ tiếp tục không ngừng nêu lên câu hỏi tìm kiếm sức khoẻ ở đâu. Thế nhưng bạn chẳng bao giờ thay đổi cơ chế tạo ra sự bệnh hoạn cả.

Sức khoẻ không hề là một cái gì mà ta phải tất bật kiếm tìm ở một nơi nào đó. Sức khoẻ chỉ là một lối sống hoàn toàn khác biệt. Lối sống của bạn đã tạo ra bệnh hoạn, cũng vậy, lối sống của bạn đã tạo ra khổ đau.

Cụ thể như, có người tìm đến tôi và bảo rằng họ rất muốn được sống hạnh phúc, thế nhưng họ không thể nào chịu buông bỏ sự ghen tuông. Nếu bạn không chịu liệng bỏ sự ghen tuông của mình, tình yêu sẽ không bao giờ lớn dậy -những cỏ dại của ghen tuông sẽ hủy diệt đóa hồng của tình yêu. Và một khi tình yêu không lớn dậy, bạn sẽ không bao giờ có hạnh phúc. Bởi vì đâu có ai có thể sống trong hạnh phúc nếu tình yêu của họ không tăng trưởng? Trừ phi đoá hồng đó nở hoa trong bạn, toả hương trong bạn, bạn không thể nào sống hạnh phúc được.

Con người ai cũng muốn sống hạnh phúc –nhưng nếu chỉ muốn thôi, bạn sẽ không bao giờ đạt được. Muốn thôi chưa đủ. Bạn phải nhìn thẳng vào hiện tượng khổ đau bất hạnh của chính mình, để thấy nó đã được tạo ra như thế nào –nó hình thành ra sao từ buổi đầu, và bằng cách nào mà từng ngày qua bạn cứ mãi tiếp tục khổ đau -có kỹ thuật nào không? Bởi vì hạnh phúc là một hiện tượng tự nhiên -nếu ai đó hạnh phúc, niềm hạnh phúc này không hề được tạo ra bằng kỹ thuật, bằng kinh nghiệm chuyên môn.

Thú vật rất mực hạnh phúc, cây cỏ rất mực hạnh phúc, chim chóc rất mực hạnh phúc. Cả vạn hữu cũng rất mực hạnh phúc, ngoại trừ con người. Chỉ có con người là thừa đủ thông minh để có thể tạo ra khổ đau bất hạnh – không ai lành nghề hơn như thế. Thế nên khi bạn hạnh phúc, đó là điều rất mực giản đơn, rất mực hồn nhiên, không có gì để phải khoe ra. Thế nhưng khi bạn bất hạnh, thì có vẻ như bạn đang làm những chuyện gì ghê gớm lắm; những chuyện thực sự khó khăn.

Hãy lắng nghe điều tôi nói: Để khổ đau người ta phải dạn dày kinh nghiệm, người ta cần cực kỳ thông minh, ma mảnh. Để khổ đau người ta cần đến một nỗ lực phi thường –*tapascharya*. Để khổ đau là chuyện rất mực khó khăn -bằng cách nào mà người ta chịu đựng nổi thì hầu như là phép lạ.

Hạnh phúc cực kỳ đơn giản. Nhìn vào đôi mắt của con bò đang thảnh thơi gặm cỏ, con chó đang nằm yên nghỉ ở góc nhà, con mèo đang rên ư ử khi ai đó vuốt ve, bạn sẽ thấy điều đó. Tất cả đều có vẻ hạnh phúc, không có vấn đề gì cả! Ngoại trừ con người.

Thế nên điều đầu tiên cần phải được nhận thức: Con người rất sợ hãi hạnh phúc. Tại sao? Đây là một điều vi tế cần được lưu ý: Trong khổ đau, bạn hiện hữu –đó là lý do tại sao bạn cứ mãi bám chặt vào khổ đau. Trong hạnh phúc, bạn tan biến đi –đó là lý do tại sao bạn sợ hãi hạnh phúc. Trong hạnh phúc cái ngã không thể có mặt. Cái ngã hoàn toàn phi thực, là giả tạo, cái ngã thực ra không có mặt ở đó, chỉ là một sự tin tưởng. Khi bạn khổ đau, tất cả những nỗi thống khổ của bạn, tất cả những chất liệu giả tạo của khổ đau trở thành một cái nạng chống cho bản ngã. Cái ngã chỉ có thể hiện hữu thông qua khổ đau –trong khi vạn hữu rất mực an bình, hoà điệu. Nếu nỗi

khổ đau tan biến, những cái nạng chống này cũng tan biến và cái toà lâu đài của bản ngã cũng khởi sự sụp đổ theo.

Trong hạnh phúc, không ai có cái ngã. Bạn để ý như vậy không? Bởi vì tôi nghĩ rằng, có đôi lúc … có những khoảnh khắc thật hiếm hoi, nhưng nó vẫn luôn có mặt -những lúc bạn đang hạnh phúc, bạn có để ý không? Bạn hoàn toàn tan biến đi trong nỗi hạnh phúc đó. Bạn đang thưởng thức một điệu nhạc, cửa sổ tâm hồn của bạn rộng mở ra và bạn chìm ngập trong niềm hạnh phúc này. Trong khoảnh khắc đó, bạn không còn là bạn mà là âm nhạc -bạn đã tan biến đi. Khi bạn đang khiêu vũ, một khoảnh khắc chợt đến như làn gió nhẹ, bạn lâng lâng trong một cảm xúc chưa hề biết … bạn đang được tưới tẩm với một ân sủng. Người khiêu vũ đã tan biến đi, chỉ còn lại vũ điệu.

Có lúc ở trên núi cao, có lúc đang tắm nắng ngoài bải biển, bạn bỗng như biến mất. Những khoảnh khắc mà bạn không còn hiện hữu này là những khoảnh khắc của hạnh phúc, của cực lạc, của giây phút xuất thần. Không ai có thể vừa hạnh phúc vừa hiện hữu. Khi hạnh phúc có mặt, bạn vắng bóng -bạn không bao giờ có thể đối bóng với hạnh phúc. Thế nhưng bạn có thể sóng đôi rất mực hoà điệu với bất hạnh, khổ đau. Khổ đau và bạn có thể cùng nhau gắn bó –thực ra bạn không thể hiện hữu một cách tách biệt. Khi con người cứ mãi tiếp tục gắn bó với khổ đau, họ thực sự đi tìm kiếm địa ngục.

George Bernard Shaw (3) đã có lần tuyên bố, “Nếu như tôi là người số hai đứng sắp hàng nối đuôi để lên thiên đàng thì tôi không còn muốn lên nơi đó nữa. Nhưng nếu tôi có thể là người đầu tiên có mặt ở địa ngục, tôi sẽ chọn địa ngục –tôi chỉ muốn rằng mình là người đầu tiên.” Địa ngục cũng được đi, có thể chấp nhận được, nhưng trở thành nhân vật số hai đứng sau

ai đó là điều không thể chấp nhận. Và đây không phải là điều mà chỉ có George Bernard Shaw nói ra –đây là nỗi khát vọng chung của toàn thể con người.

Bạn sẵn sàng để đi vào địa ngục, không có vấn đề -nếu ở nơi đó cái ta của bạn có thể hiện hữu. Trên thiên đàng, bạn không thể hiện hữu như một bản ngã.

Tại sao con người cứ tìm cách ức chế phút giây tuyệt đỉnh? Bởi vì với cực lạc bạn tan biến đi. Và thêm một điểm nữa: Con người không phải chỉ *ức chế* phút giây cực lạc, họ còn *ức chế* cả bản tánh tự nhiên nữa. Vấn đề này cần phải được nhận thức theo một phương cách nào đó …

Ý thức của con người có ba tầng. Tầng ý thức thông thường còn được gọi là tâm thức. Ở dưới cùng là vô thức (hay tiềm thức), tầng ở trên là siêu thức. Chen vào giữa hai tầng này –vô thức và siêu thức- tầng ý thức, chỉ là một mảng rất nhỏ so với hai tầng kia. Nếu xem tầng vô thức rộng lớn bao la như đại dương và tầng siêu thức cũng thế, thì ở giữa chúng, tầng ý thức chỉ là một khu vực nhỏ, giống như một hòn đảo -hải đảo của bản ngã. Nếu bạn đi sâu vào vô thức, nó biến mất –cái hải đảo này sẽ tan biến đi như chưa bao giờ là một hòn đảo thực sự mà chỉ là một tảng băng thạch. Nếu bạn đi vào vô thức, nó không còn có mặt. Thế nên, con người cũng rất sợ hãi cả bản tánh tự nhiên. Con người sợ hãi Thượng Đế cũng giống như họ sợ hãi tình dục, họ sợ hãi nguyện cầu cũng giống như họ sợ hãi thương yêu. Tất cả nỗi sợ hãi đều có một lý do giống nhau -họ sợ rằng mình sẽ rơi xuống dưới tầng ý thức, vì nếu để cho phần vô thức vận hành thì họ sẽ không còn hiện hữu nữa. Cái hải đảo bản ngã của họ tan chảy và biến mất.

Khi làm tình, bạn không còn hiện hữu -trừ phi bạn là nhà đạo đức hay là người Thanh giáo. Khi bạn làm tình, bạn hoàn toàn tan chảy, biến mất. Không còn bạn, chỉ còn lại một sự rung động tuyệt vời, một khoái cảm vô biên… Đó là khúc luân vũ của năng lượng, là tiết tấu bao la, là hoà điệu tuyệt vời – bạn nghe thanh âm chưa từng được nghe, nếm qua hương vị của một cái gì đó chưa từng được nếm… nhưng bạn không hề hiện hữu. Thế nên người ta sợ hãi vô thức.

Điều này cũng xảy ra tương tự như khi bạn vượt ra khỏi tầng ý thức và vươn đến cảnh giới cực lạc -đến Thượng Đế, chìm trong nguyện cầu, thiền định. Sự sợ hãi cũng giống y như thế, rằng bạn sẽ tan chảy đi.

Với vô thức, đôi lúc bạn còn gặp gỡ hẹn hò. Bởi vì với vô thức vẫn còn có một điều tuyệt vời -bạn tan biến đi nhưng mà bạn còn có thể quay trở lại. Cả vô thức lẫn siêu thức có một điểm tương đồng -bạn tan biến đi trong đó. Điểm khác nhau của chúng là -với vô thức bạn chỉ tan biến đi trong một khoảnh khắc, rồi bạn quay về, trở lại mái nhà xưa. Cái hải đảo đó vẫn còn là nơi trú ẩn an toàn của bạn và bạn vẫn là bạn của trước đây. Cuộc hành hương chỉ diễn ra trong vài giây phút, chỉ là một khoảnh khắc tạm thời.

Thế nên con người thỉnh thoảng vẫn dành cho vô thức một sự hẹn hò gặp gỡ, nhưng đối với siêu thức thì họ tìm cách tránh xa. Bởi vì một khi đã thể nhập vào đó, bạn sẽ không bao giờ quay trở lại. *Gate gate paragate parasangate bodhi svaha* -vượt qua, vượt qua, vượt qua vĩnh viễn; vượt qua vĩnh viễn, không bao giờ trở lại. Thế nên người ta sợ hãi, kinh khiếp. Thế nhưng nỗi sợ hãi này phải được buông bỏ, bằng không bạn sẽ mãi sống trong địa ngục –và chính bạn đã chọn lựa để sống ở đó. Bạn mãi sống trong khổ đau vì bạn đã quyết định như thế.

Toàn bộ nỗ lực của tôi ở đây là làm cho bạn tỉnh thức để nhìn thấy khổ đau đã hiện hữu như thế nào. Nó có mặt với sự hỗ trợ, cộng tác tận tình của bạn; nó không thể hiện hữu một mình. Bạn cũng hiện hữu với sự hỗ trợ của nó, và ngược lại –đây là một tổ hợp đại âm mưu giữa cái ngã và khổ đau. Bạn có nhận thấy điều này không? Con người thường cứ than vãn về nỗi bất hạnh của mình hơn là nói về hạnh phúc. Con người cứ không ngừng lải nhải và làm chán tai người khác với những khổ đau, bệnh hoạn, và những chuyện đại loại như thế.

Tôi đã từng nghe chuyện có một bà đến phòng mạch thăm bệnh và vị bác sĩ hỏi, "Bà có vấn đề gì đây?" Người đàn bà trả lời, "Đừng có thắc mắc chuyện tôi đang bệnh gì -cứ việc mổ cho tôi đi."

Vị bác sĩ ngạc nhiên, "Chuyện gì vậy? Mổ cái gì? Bộ bà phát khùng rồi chắc?" Người đàn bà trả lời, "Mổ cái gì cũng được tất –cắt amiđan, ruột thừa, cái gì cũng được hết. Tôi đang phát ngấy lên khi phải nghe những chuyện giải phẫu của thiên hạ. Bất cứ lúc nào tôi gặp một bà bạn là cứ y như tôi phải ngồi nghe bà ta kể lể chuyện bà ta đã mổ amiđan như thế nào, thế là tôi phải lắng nghe câu chuyện từ đầu chí cuối. Gặp bà khác thì lại nghe kể chuyện mổ ruột dư … cũng không thiếu một mảy may chi tiết. Còn tôi thì chẳng có chuyện gì để nói cả. Cứ mổ cho tôi bất cứ cái gì để tôi còn có chuyện để nói chứ."

Con người thường hay kể lể về những nỗi khổ đau của mình và họ cảm thấy rất thống khoái. Bởi vì càng khổ đau nhiều chừng nào xem ra cái ta của họ càng có mặt nhiều chừng nấy: Thế là họ cứ tha hồ thổi phồng thêm về nỗi bất hạnh của mình. Không tin thì bạn cứ việc nhìn lại mình –khi nào

bạn nói đến những khổ đau, bất hạnh của mình, bạn cứ luôn cường điệu, phóng đại nó ra.

Lúc còn là giáo sư tại một trường đại học, tôi có một bà bạn đồng nghiệp và bà ta cứ thường làm tôi phát chán về những chuyện bệnh hoạn, mổ xẻ,… của bà ấy. Một hôm tôi điện thoại cho ông chồng -một luật sư rất nổi tiếng- và bảo ông ta, "Bà xả của bạn hành hạ tôi quá chừng. Bất cứ lúc nào gặp tôi là bà ấy bắt đầu mở máy –và tôi đành phải lịch sự lắng nghe tất cả những chuyện bệnh hoạn đầu cua tai nheo!"

Ông chồng cười lớn, "Thế là tôi trút được phần nào gánh nặng -bởi vì bà ấy đã tìm được bạn để trút bầu tâm sự! Nhưng mà đừng có tin bà ấy nghe! Nếu bà ấy nói là bị 'ung thư' thì cứ xem như bà ấy bị nhức đầu hay đại loại như thế, đừng … đừng có tin vào chuyện của bả! Trước đây tôi cũng đã từng tin như thế, lúc ban đầu."

Bà ấy phóng đại quá mức. Thế nhưng tại sao con người lại cứ thích phóng đại những khổ đau bất hạnh của mình? Bởi vì nỗi khổ lớn chừng nào thì cái ngã của họ cũng lớn theo nhiều chừng nấy. Càng nhiều rắc rối mà họ đối đầu, càng có thêm nhiều thách thức -họ đang đánh một trận chiến to lớn! Họ phóng đại kẻ thù lên bởi vì phải thổi phồng kẻ thù như thế cái ta của họ mới vĩ đại. Để cuối cùng cho thấy họ là người chế ngự được địch thủ.

Nếu chỉ là một cơn nhức đầu qua loa và bạn vượt qua nó thì có gì quan trọng? Nhưng nếu đó là căn bệnh ung thư và bạn chiến thắng được, thì có nghĩa là bạn đã làm được *một cái gì đó*, giống như một phép mầu.

Hãy để ý và chấm dứt những cơ cấu đang vận hành này. Đừng bao giờ nói đến những khổ đau của bạn –nó không đáng giá chút nào, buông bỏ nó mới là chuyện đáng làm. Đừng bao giờ quan tâm quá mức đến nỗi khổ đau của bạn, bởi vì khi quan tâm đến nó, có nghĩa là bạn đang nuôi dưỡng nó. Lòng quan tâm là thực phẩm nuôi dưỡng –khi bạn quan tâm đến bất cứ điều gì, bạn sẽ càng làm cho nó tăng trưởng mạnh mẽ thêm.

Đừng bao giờ nuôi dưỡng nỗi khổ đau bất hạnh của bạn bằng cách quan tâm đến nó. Nên tách biệt, lánh xa, giữ mình luôn ở trong trạng thái hững hờ. Ngay cả nếu nó thực sự có mặt cũng chẳng sao, đừng buồn lưu ý đến. Và rồi thời gian trôi qua, bạn sẽ rất ngạc nhiên khi thấy một điều -nỗi khổ đau càng ngày càng thu nhỏ lại dần…đến một ngày, bỗng nhiên nó biến mất. Trước đây bạn đã tiếp tay giúp nó hiện hữu bằng cách quan tâm đến nó.

Nên nhớ rằng, chính sự quan tâm là thực phẩm, là chất liệu nuôi dưỡng. Bây giờ đã có những thí nghiệm khoa học chứng minh điều này. Bạn quan tâm đến cái gì, cái đó sẽ tăng trưởng. Người ta cho biết rằng ngay cả cây cối cũng tăng trưởng nhanh chóng hơn nếu như người làm vườn tỏ lòng quan tâm đến chúng. Nếu y quan tâm đặc biệt đến một cây nào, các cây khác sẽ không lớn nhanh bằng cây đó.

Bạn có thể tự thí nghiệm lấy –đây không phải là chuyện khó khăn gì, nó không đòi hỏi bạn phải có cả một phòng thí nghiệm cực lớn. Hãy chọn ra mười cây cảnh cùng một cỡ với nhau và quan tâm đến một cây trong số đó. Bạn tưới nước giống y nhau, bón phân giống y nhau –nhưng chỉ tỏ lòng quan tâm đến một cây duy nhất. Thỉnh thoảng vuốt ve nó, ôm ấp nó, hôn hít nó, quan tâm đến nó nhiều hơn. Thỉnh thoảng đến ngồi bên cạnh nó, nói chuyện với nó, hát cho nó nghe. Và rồi bạn sẽ ngạc nhiên khi thấy rằng

–chính các nhà khoa học cũng đã từng ngạc nhiên- cái cây đó sẽ phát triển, tăng trưởng nhanh hơn. Chỉ trong vài tháng, cái cây này sẽ lớn gấp đôi hơn những cây kia. Các cây kia đã bị bỏ quên –không phải là bạn bỏ quên chuyện tưới nước chúng; tất cả mọi chuyện chăm sóc đều giống nhau. Chỉ có một điều thiếu sót: Bạn không để lòng quan tâm đến chúng.

Đó là lý do tại sao trẻ con trưởng thành nhanh hơn khi sống với người mẹ. Bạn có thể giao chúng cho y tá chăm sóc –có thể họ chăm sóc còn tốt hơn người mẹ nữa, vì họ là người được đào tạo để làm công việc này. Tuy nhiên có một cái gì đó đã mất mát: Người y tá đã không bày tỏ được lòng quan tâm đối với chúng như của một người mẹ. Người mẹ có thể không phải là một người được huấn luyện để chăm sóc trẻ con, thế nhưng đây không phải là trọng điểm -đứa con biết rằng người mẹ hết lòng quan tâm đến mình, và nó cảm thấy đó chính là điều quan trọng. Nó biết rằng mẹ mình quanh quất ở đâu đây, người mà nó rất mực tin cậy. Sự ôm ấp của người mẹ, sự nồng ấm của người mẹ, sự hết lòng quan tâm của bà làm cho đứa trẻ cảm thấy mình sáng giá.

Đứa trẻ thấy mình trở nên cần thiết. Y thấy có người cần đến mình; hạnh phúc, vui sướng khi có mình. Nếu không có y người mẹ sẽ buồn rầu đau khổ, nếu y ốm đau, người mẹ sẽ lo âu phiền não. Như thế trên cõi đời này y không phải là đồ phế thải, có ai đó trông cậy vào y. Có ai đó đã đầu tư vào y –có ai đó sẽ buồn khổ nếu không có mình, y đang làm cho ai đó hạnh phúc. Khi bạn cảm thấy rằng mình quả thực cần thiết cho ai đó, lòng bạn cảm thấy sướng vui. Cảm thấy mình cần thiết là một nhu cầu –sự quan tâm chiếu cố của họ đã cho y biết chắc một điều rằng y thực sự cần thiết cho người khác. Nếu không có y người mẹ sẽ không còn giống như người đàn bà trước đây. Bà sẽ không còn nở nụ cười, bà sẽ không còn chạy loanh quanh như đang chạy loanh quanh chung quanh y; bà sẽ buồn rầu, khổ sở.

Thế là đời sống của y trở nên có ý nghĩa; y đã mang đến ý nghĩa cho thế gian này.

Khi bạn yêu một cô gái, nàng bỗng trở nên đẹp đẽ tuyệt vời hơn. Khi một cô gái yêu bạn, bạn trở thành hào hoa phong nhã hơn, bỗng dưng tất cả những thô kệch vụng về của bạn biến đi đâu mất. Bạn trở nên sạch sẽ hơn - bạn tắm rửa mỗi ngày, bạn đánh răng cẩn thận, bây giờ bạn lo lắng không biết mồ hôi mình tiết ra có nặng mùi không.

Bạn thay đổi nhanh chóng khi có cô gái nào đó yêu bạn. Chuyện gì đã xảy ra? Chuyện đơn giản là bây giờ có người quan tâm đến bạn, bạn trở nên quan trọng trong cuộc đời này. Có đôi mắt của ai đó đang dõi trông theo bạn –và bạn cần phải làm hài lòng đôi mắt kia, niềm hạnh phúc của chúng trông cậy ở bạn. Bạn đã không còn vô nghĩa trong cõi đời này, mà là một cần thiết. Bạn phải có mặt ở đây –không có bạn thế giới này sẽ không còn giống như xưa. Bỗng dưng chung quanh bạn là vòng nguyệt quế, là vô vàn ý nghĩa; bạn như được bao phủ bởi cả một mùi hương. Bạn có thể thấy rõ điều này ở một người đàn ông để biết là y đang yêu hay không. Để ý và quan sát rồi bạn sẽ thấy. Khi một người đàn ông chưa yêu, trông y có vẻ lờ phờ uể oải như người thiếu ngủ. Đôi chân y lê những bước nặng nhọc, như một sinh vật buồn tẻ, thiếu vắng nhựa sống, niềm vui. Y đã không còn đôi cánh, đôi cánh của y đã bị cắt đi mất rồi.

Thế nhưng khi một người đàn ông đang yêu, bỗng dưng y như được chắp thêm đôi cánh. Bầu trời của y phủ đầy những giấc mơ hoa mộng, tất cả đẹp như một bài thơ. Không có một người nam hay người nữ nào trên trái đất này mà không trở thành nhà thơ khi họ đang yêu. Đúng vậy, tất cả những ai được gọi là nhà thơ trên thế gian này đều là những người không ngừng chìm đắm trong yêu đương. Đối tượng tình yêu của họ không nhất thiết là

trai gái mà là bất cứ một cái gì đó –có thể là thiên nhiên, là Thượng Đế, là người đẹp hay nhân loại nói chung- tuy nhiên những người được biết là nhà thơ đều có một tình yêu miên viễn như thế. Nhờ thế mà họ sống mãi trong thế giới thi ca. Bằng không, tất cả mọi người đều là thi sĩ hết –vì thế, một khi tình yêu mất dấu, thế giới thi ca cũng mất dấu luôn.

Lòng quan tâm ưu ái chính là thực phẩm, một loại thực phẩm rất mực tế vi. Thế nên cần ghi nhớ điều này: Đừng bao giờ quan tâm đến cái tiêu cực, đừng bao giờ quan tâm đến bất hạnh khổ đau. Đừng đá động đến nó, đừng phóng đại nó lên -bạn đang làm công việc hủy diệt chính mình, một sự tự hủy. Hãy mặc kệ nó, không ngó ngàng gì đến, nó sẽ biến mất. Hãy dửng dưng với nó. Dửng dưng là thuốc độc -nếu bạn muốn tiêu diệt nó, hãy tập cho mình sự dửng dưng đối với nó.

Để ý đến hạnh phúc, bày tỏ lòng quan tâm hơn đối với hạnh phúc. Nâng niu từng niềm hạnh phúc nhỏ của bạn -chỉ là những khoảnh khắc nhỏ, nhưng bạn nên tập trung toàn bộ năng lượng của mình vào đó, trút vào đó hoàn toàn con người bạn. Và thế là nó sẽ tăng trưởng lên, sẽ lan rộng ra trên toàn bộ cuộc đời mình.

Thiên đàng không phải là một nơi chốn địa lý, tọa lạc ở một nơi nào đó – thiên đàng là cách sống, và địa ngục cũng thế, chỉ là một cách sống. Địa ngục ở tại đây và thiên đàng cũng ở tại đây. Thế nên có đôi lúc chuyện xảy ra là bạn có thể đang ở trong địa ngục nhưng người ngồi kế bạn đang ở trong thiên đàng. Thế nên thiên đàng và địa ngục không hề tách lìa. Chúng chỉ là những trạng thái tâm lý, những lối sống, và tất cả đều tùy thuộc vào bạn.

Tôi muốn trở thành một sa môn thế nhưng tôi đã được khuyến cáo từ lúc còn thơ ấu là nên đi từng bước một cách cẩn thận. Và bởi vậy, tôi đã lưỡng lự trong một thời gian khá dài. Tôi nên làm gì đây?

Nếu bạn cứ tiếp tục lưỡng lự, bạn sẽ đánh mất tất cả những gì tuyệt vời nhất. Bởi vì giây phút tuyệt vời chỉ đến với bạn trong những khoảnh khắc rất mực hiếm hoi -nếu bạn không sẵn sàng để nhảy lên tàu kịp lúc, bạn sẽ vẫn cứ tiếp tục mất đi cơ hội. Một người cứ luôn luôn lưỡng lự sẽ cứ tiếp tục lỡ tàu -bởi vì khi cơ hội đến, y lại lưỡng lự. Khi cơ hội trôi qua, lúc đó y quyết định thì đã muộn rồi. Thế là y tiếp tục chờ đợi một chuyến tàu khác.

Có một giai thoại về Immanuel Kant. Một cô gái đã tỏ ý muốn kết hôn với ông ta. Đó là một người phụ nữ rất mực nhân ái -bởi vì người đời hiếm ai có thể yêu được những loại người như Immanuel Kant. Đầu óc luôn luôn cứ vơ vẩn ở tận chín tầng mây … Ai mà có thể yêu được những loại người như thế? Người phụ nữ này chắc chắn phải là người có lòng từ bi lân mẫn.

Và rồi Immanuel Kant trả lời: "Hãy để cho tôi suy nghĩ một tí". Một tí của ông ta kéo dài đến ba năm –quán chiếu vấn đề trên mọi góc cạnh, mặt tích cực và tiêu cực, thuận và chống. Nay cuốn nhật ký của ông còn được bảo quản cho thấy ông đã viết ra cả trên ba trăm lý do thuận tình và chống lại. Và rồi cuối cùng lý do "thuận" thắng phiếu -chỉ một phiếu thôi, nhưng với lý do này, ông đã đi đến quyết định cuối cùng. Hãy nhìn xem, quyết định cái kiểu này thì chẳng có vẻ gì là tình yêu cả. Phải không? Hoàn toàn luận lý -một con người thuần lý kiểu tam đoạn luận.

Thế rồi ông ta tìm đến nhà người thiếu nữ kia và gõ cửa. Người cha cô gái ra mở cửa, chào hỏi, "Cái gì đó anh bạn trẻ?" "Thưa, tôi đã quyết định muốn được kết hôn với con gái ông," Kant trả lời.

Người đàn ông cười lớn, "Anh bạn đã đến hơi trễ một tí –nó đã lấy chồng và có một đứa con rồi! Bạn đã lỡ mất cơ hội." Và Immanuel Kant được biết là đã sống đời độc thân cho đến cuối đời -bởi vì không hề có một người phụ nữ nào mở lời với ông, và dĩ nhiên ông ta cũng không thể nào tự mình ngỏ lời với bất cứ người đàn bà nào; chuyện khó mà xảy ra với loại người như Kant. Ông ta sẽ rất lưỡng lự khi ngỏ lời, ông ta sẽ lưỡng lự cả hàng năm trời may ra mới dám hỏi.

Một cô gái con nhà khá giả chưa hề đụng móng tay đến chuyện bếp núc vừa mới kết hôn. Muốn chứng tỏ cho ông chồng biết đến tài nấu nướng của mình, thế nên nhân lúc người làm nghỉ phép, cô ta đã quyết định làm một con gà nướng cho bửa ăn tối. Nàng ta nhổ lông con gà một cách cẩn thận, xếp vào nồi rất mực gọn ghẽ rồi đút vào lò.

Khoảng hai giờ đồng hồ sau, cô nàng nghe một tiếng động cực mạnh vang lên ở cánh cửa lò. Khám xét kỹ lưỡng cho thấy là sự náo động này gây lên bởi con gà vừa mới được đút lò.

"Thưa bà," con gà kêu lên khẩn khoản, "Xin bà làm ơn hoặc trả lông lại cho tôi hoặc mở điện ra. Tôi đang lạnh đến chết cóng trong cái lò này."

Thế là bạn đã chờ đợi quá lâu rồi. Phải làm một cái gì đó hay là chết! Hãy tự cho mình một tí ân huệ. Tại sao phải sợ hãi như thế? Tại sao phải cẩn thận như thế? Cuộc sống chỉ dành cho những người can đảm. Điều này không có nghĩa là tôi phủ nhận đức tính cẩn thận –nhưng sự cẩn thận của tôi có một ý nghĩa hoàn toàn khác biệt với bạn.

Cẩn thận đối với tôi có nghĩa là cảnh giác, tỉnh thức. Cẩn thận không có nghĩa là láu cá, khôn vặt; càng không có nghĩa là tính toán. Cẩn thận đồng nghĩa với tỉnh thức, sống trong một cung cách hoàn toàn tỉnh thức. Đừng đi vào đời bằng đôi mắt ngái ngủ mà hãy bằng đôi mắt rộng mở. Tôi không hề bảo bạn "Cứ việc nhắm mắt và làm bất cứ chuyện gì." Tôi bảo bạn mở to đôi mắt của mình ra. Nhưng nếu cứ mở mắt, rồi ngồi lặng yên và không bao giờ dám chấp nhận chuyện rủi ro, bạn sẽ không bao giờ đi tới bến bờ nào cả. Bạn chỉ sẽ chết dí ngay tại chỗ đó.

Bạn không phải đang sống mà chỉ là trưởng thành như cây cỏ. Hãy chuyển động! Đời sống là một chuyển động không ngừng, là dòng sông luân lưu. Nếu dòng sông lưỡng lự, nó sẽ biến thành ao hồ. Ao hồ là tù đọng, là một xác chết, và tự nhiên là nó sẽ trở thành dơ bẩn. Rồi không sớm thì muộn nó sẽ khô cạn, nước sẽ bốc hơi.

Dòng sông luân lưu tuôn chảy đi vào đại dương, đi vào vô tận. Nó không cần đến bản đồ, không cần người hướng đạo, và cũng không biết chắc là nó sẽ dừng lại ở nơi đâu. Đại dương thì xa xôi quá đổi –ngay cả không thể nghe được tiếng sóng vỗ rì rào. Thế nhưng dòng sông không ngừng đi tới, nó lặng lờ tuôn chảy, chẳng biết nơi đâu là bến bờ, và vẫn cứ tiếp tục dò dẫm đi vào cõi lạ … cho đến một ngày, nó thể nhập vào đại dương. Tất cả mọi dòng sông đều đi đến đích.

Nếu bạn muốn đi đến đích, bạn cũng sẽ phải luân lưu tuôn chảy như dòng sông. Đồng ý là con người cần phải cảnh giác -thế nhưng cẩn thận quá mức có thể là một chướng ngại. Nó sẽ không cho phép bạn đi vào những vùng đất xa lạ của đời mình. Cái mà ta biết sẽ không bao giờ đủ -chỉ có cái chưa biết mới làm thoả mãn ta. Chỉ khi nào bạn dấn bước đi vào vùng đất xa lạ đó, bạn mới thực sự tươi mát, trẻ trung trở lại.

Từ lâu lắm rồi, bạn đang sống một cuộc đời thường của một người không phải là hành giả sa môn. Nếu bạn thấy cuộc sống này là hạnh phúc, vui thú, là hoàn toàn không có vấn đề gì -thế thì cũng đừng nên bận tâm đến chuyện hành giả, sa môn. Đâu có điểm gì quan trọng để bạn trở thành một hành giả. Tôi sẽ là người cuối cùng trên thế gian này để điểm đạo cho bạn. Nếu bạn cảm thấy hạnh phúc với cuộc đời, với cách thế mà bạn đang sống, thì bạn đâu có nhu cầu.

Tuy nhiên nếu bạn cảm thấy bất hạnh, khổ đau với cuộc sống này thì bạn cần một ít can đảm đủ để cất một vài bước vượt ra ngoài khuôn khổ mà bạn hiện đang sống. Tôi không hề bảo đảm rằng trở thành một hành giả sẽ mang đến cho bạn an lạc hạnh phúc -mọi chuyện không hề dễ dàng như thế. Nhưng một điều mà tôi có thể hứa khả: bạn sẽ lớn dậy, sẽ rộng mở hơn. Và một khi bạn lớn dậy, những khả năng tiềm ẩn cũng lớn dậy theo -bạn sẽ có nhiều cơ hội để đạt hạnh phúc hơn. Sẽ không có gì xảy ra khi bạn chỉ đơn thuần trở thành một hành giả, nhưng sự can đảm để dấn bước vào một cuộc phiêu lưu mới sẽ làm cho đời sống bạn trở nên sinh động hơn. Và hạnh phúc chỉ xảy đến cho những người có một đời sống sinh động.

Có đôi lúc, sự tính toán quá mức, tính toán theo kiểu đầu óc con buôn, sẽ tạo ra thêm những rắc rối phiền hà không cần thiết mà ta không ngờ đến.

Một cặp vợ chồng mới cưới đi hưởng tuần trăng mật tại Washington D.C. và quyết định lưu trú tại khách sạn Watergate (4). Cô dâu mới sau khi leo lên giường ngủ liền bảo chồng, "Cưng ơi, em cảm thấy không thoải mái chút nào, có thể là cái phòng này đã bị đặt máy nghe lén."

Thế là tân lang bắt đầu một cuộc lục soát không sót một xó xỉnh nào: đàng sau những bức tranh treo trên tường, trong những ngọn đèn, giữa những đồ đạc thiết trí trong phòng. Cuối cùng anh ta lật tung tấm thảm lên và tìm thấy một tấm dĩa sắt được gắn vào sàn nhà. Anh ta tháo hết các đinh ốc và gỡ tấm dĩa lên. Cảm thấy an tâm, cặp vợ chồng mới lên giường và trải qua môt đêm cực kỳ hạnh phúc.

Sáng hôm sau, khi đang đứng ở phòng tiếp tân của khách sạn, người lễ tân bắt chuyện: "Đêm rồi, ông bà có cảm thấy thoải mái với khách sạn của chúng tôi không?"
"Ồ. Tuyệt vời," tân lang trả lời.
"Thế thì hay quá," người bồi lễ tân tiếp tục, "Đêm rồi, căp vợ chồng ở ngay tầng dưới căn phòng của ông bà đã bị cái giá đèn trên trần nhà rơi xuống người họ!"

Thế đó, sự cẩn thận tính toán của bạn đôi khi có thể gây tai hại không những cho bạn mà cho cả người khác nữa! Rất mực tai hại! Bạn cần một tí can đảm -một chút liều mạng là tốt nhất.

Bây giờ là một câu chuyện cuối cho bạn…

Một cô gái tuyệt đẹp đến xin làm công việc dạy sư tử tại một gánh xiệc. "Tôi đã có người làm công việc này rồi,"người chủ trả lời. "Nhưng tôi có thể nhận cô vào bìểu diễn các vai trò khác, cỡi ngựa hay đu xà treo chẳng hạn."
"Không," cô gái phản đối, "Tôi chỉ muốn làm người huấn luyện sư tử."
Đúng vào lúc ấy người dạy thú của gánh xiệc bước vào mặt mày hớt hải với cánh tay đầy máu, "Con sư tử trở chứng đã đớp vào cánh tay tôi," y rên lên, "Thế là chương trình này phải hủy bỏ tối nay."
"Được rồi," người chủ quay qua cô gái, "Cô có thể đảm nhận công việc này."

Cô gái liền bước vào chuồng sư tử, chậm rãi cởi hết giày vớ ra, rồi lần lượt đến áo quần, nịt vú, quần lót. Xong cô nàng xếp lại tất cả một cách gọn gàng, và trong tư thế khoả thân, nằm dài ra trên sàn chuồng sư tử, dùng gói áo quần làm gối kê đầu.
Cặp sư tử hiền lành ngoan ngoản bước đến và bắt đầu liếm vào mặt, vào cổ, vào ngực, vú cô gái.
Người chủ liền quay qua người dạy thú đang còn săn sóc vết thương, "Tại sao ông lại không làm được như thế?"
"Làm được chứ," người dạy thú trả lời, "với điều kiện là ông mang hai con sư tử chết tiệt kia ra khỏi chuồng đi."

Tại sao bạn lại đang chờ đợi nhỉ? Chờ cho đến lúc cặp sư tử kia được mang ra khỏi chuồng? Lúc đó bạn mới chịu trở thành hành giả, sa môn? Như thế thì đâu còn gì là trọng điểm nữa? Vâng, đây là một dịch vụ đầy rủi ro, trở thành một hành giả, sa môn là một việc làm rất mực may rủi. Đây không phải là một món hời mà là một trò chơi may rủi -bạn không hề biết được chuyện gì sẽ xảy đến cho mình. Và tôi không hề bảo đảm với bạn

bất cứ điều gì, không cho bạn một văn tự hứa hẹn. Hành giả, sa môn không phải là một loại trái phiếu.

Tôi chỉ làm công việc đơn giản là mở cho bạn cánh cửa vào vùng hoang dã, vào đại dương mênh mông, vào cõi cực lạc. Chỉ đơn thuần mở ra cánh cửa. Và khi cánh cửa mở ra, hãy bước vào, đừng lưỡng lự. Lưỡng lự là một tập quán lâu đời của bạn. Và do bởi sự lưỡng lự này, bạn đã đánh mất không biết bao nhiêu cơ hội trong cuộc đời mình -những cơ hội đến rồi đi. Nó không hề chờ đợi ai, nó không cần quan tâm đến bạn. Nó đến và rồi chỉ trong khoảnh khắc, nó đội nón ra đi. Và nếu bạn không sẵn sàng để nắm lấy cơ hội khi nó còn ở đó… Mà nó lưu lại ở đó chỉ trong một khoảng thời gian ngắn thôi, rồi cánh cửa đóng lại, đôi khi sẽ đóng lại vĩnh viễn … ai mà biết được.

Thế nên khi cánh cửa mở ra, hãy nhảy ngay -nhảy vào vùng hoang dã xa lạ ấy. Bạn sẽ không mất mát gì cả. Bạn có gì đâu để mà mất mát? Thế thì tại sao bạn lại phải lo lắng rằng mình sẽ mất cái gì đó? Tại sao bạn lại ngần ngại? Bạn mất đi cái gì?

Cũng chẳng khác gì một người trần truồng đang đứng trước dòng sông nhưng không muốn tắm vì lo sợ -y sợ là mình không biết sẽ phải phơi áo quần ở đâu! Mặc dù y không hề có áo quần, đang trần như nhộng, nhưng y sẽ không dám tắm sông bởi vì việc này đã đặt ra cho y một vấn đề nan giải –phơi áo quần ở chỗ nào?

Hãy nhìn kỹ đi: Cái gì làm bạn sợ hãi? Bạn mất đi cái gì? Chỉ mất nỗi khổ đau của bạn thôi!

Xin làm ơn giải thích dùm tôi. Có phải cái sống là người quan sát và cái chết là đối tượng được quan sát?

Không. Cả hai đều là đối tượng được quan sát -sự sống và cái chết. Vượt ra ngoài chúng là người quan sát. Bạn không thể gọi là người quan sát "sự sống" bởi vì sự sống chứa đựng cái chết. Bạn cũng không thể gọi người quan sát "cái chết" bởi vì cái chết ươm mầm sự sống. Cái người quan sát đó chỉ là một siêu nghiệm.

Rằng bạn không là sự sống cũng không là cái chết. Bạn kinh qua sự sống, bạn kinh qua cái chết, nhưng bạn không là cả hai. Bạn chỉ là một chứng nhân của tất cả. Bạn kinh qua hạnh phúc, qua khổ đau, bất hạnh, bạn kinh qua bệnh hoạn, sức khoẻ, bạn kinh qua thành công, thất bại –nhưng bạn không hề là những thứ này. Bạn chỉ luôn là một người quan sát, một chứng nhân.

Sự chứng kiến đó vượt ra khỏi lãnh vực nhị nguyên. Thế nên đừng cố gắng đồng hoá mình với một phần của đối cực nào. Sự sống chỉ là bộ phần của một cái vòng tròn, nửa phần kia là cái chết vẫn luôn hiện hữu. Chết và sống không hề phân lìa, chúng sóng đôi cùng nhau. Chết và sống chỉ là hai khía cạnh của cùng một năng lượng, là hai mặt của một đồng tiền -một mặt là sự sống, mặt kia là cái chết. Bạn có thể nào nghĩ đến sự sống mà không có cái chết? Cũng như có thể nào bạn nghĩ đến cái chết mà không có sự sống? Thế nên chúng không hề là hai mặt đối nghịch mà bổ túc lẫn nhau. Chúng là thân hữu của nhau, không phải kẻ thù; chúng là những người hùn vốn chung của cùng doanh nghiệp.

Tôi có thể hiểu được câu hỏi của bạn. Bạn chỉ muốn đồng hoá mình với sự sống, để bạn có thể tuyên bố rằng, "Tôi là bất tử, cái chết không có tôi." Đó là nỗi khát khao của bạn. Tôi không hề nói rằng bạn không bất tử, nhưng mà cái danh từ "bất tử" xem ra không ổn chút nào. Bạn có thể bất diệt nhưng không bất tử. "Bất tử" có nghĩa là không có cái chết –luôn luôn là sự sống, sống đời. "Bất diệt" có nghĩa là bạn không có cả hai thứ. Bạn là bộ phận của một tổng thể tiếp nối không ngừng –kinh qua sự sống, kinh qua cái chết, lúc lên lúc xuống, những lũng sâu và núi cao, tiếp nối không ngừng. Bạn là những mảnh đời đã sống và những mảnh đời đã chết, chưa hề cách biệt … một hoa sen trong biển lửa, không hề bị chạm đến.

Chuyện kể rằng Maharshi Raman đang hấp hối. Vào hôm Thứ Năm, ngày 13 tháng Tư, một bác sĩ mang đến cho ông cái máy thở phụ để làm dịu bớt sự tắc nghẽn hô hấp trong buồng phổi, nhưng ông đã từ chối. "Không còn cần thiết, trong vòng hai ngày nữa mọi chuyện sẽ đâu vào đó," ông bảo. Và hai ngày sau, ông đã qua đời.

Vào lúc mặt trời sắp lặn, Maharshi bảo những người thị giả nâng ông dậy. Họ biết rằng bất cứ sự chuyển động, đụng chạm nào cũng sẽ làm cho ông rất đau đớn, tuy nhiên ông bảo họ đừng bận tâm đến chuyện đó. Ông đang bị hành hạ bởi bệnh ung thư –ông bị ung thư cổ, rất mực đau đớn. Ông không thể ăn uống, không thể chuyển động cái đầu, ngay đến việc nói lên một vài lời cũng rất khó khăn.

Ông đã ngồi dậy được nhờ một thị giả đỡ cho ông cái đầu. Một người bác sĩ khác sửa soạn cho ông thở dưỡng khí nhưng ông khoát tay bảo đem đi nơi khác.

Bỗng nhiên một nhóm đồ đệ tụ tập ở hàng hiên bên ngoài cất lên tiếng hát bài "Aranuchala - Siva", một cái *bhajan* mà ông rất thích. Ông rất yêu mến cái vùng Aranuchala đó, ngọn đồi nơi mà ông từng lưu trú có tên là "Aranuchala", và cái bài bhajan là một lời nguyện cầu, lời nguyện cầu cho ngọn đồi kia.

Khi nghe được bài này, đôi mắt của Maharshi mở rộng và sáng lên. Ông nở một nụ cười nhẹ nhàng chan chứa trìu mến thương yêu. Trong khoé mắt đó ứa ra những giọt nước mắt hạnh phúc, hoan lạc.

Có ai đó cất tiếng hỏi, "Maharshi, có phải ngài đang thực sự rời bỏ chúng tôi?"

Rất khó khăn để nói chuyện, nhưng ông cũng thốt ra được vài lời, "Người ta bảo rằng ta sắp chết -thế nhưng ta không hề đi đâu cả. Ta đi đâu bây giờ? Ta vẫn luôn ở đây."

Ông thở hắt ra một hơi cuối cùng, rồi im lặng. Không hề có một sự vùng vẫy, co quắp, không hề có dấu hiệu nào khác của cái chết: chỉ không còn hơi thở tiếp nối.

Những gì mà ông ta nói mang một ý nghĩa vô cùng lớn lao -"Ta đi đâu bây giờ? Ta vẫn luôn ở đây." Không có nơi chốn nào để đến. Chỉ có một hiện hữu này đây, chỉ có một khúc luân vũ này đây -người ta có thể đi đâu bây giờ? Sự sống đến rồi đi. Cái chết đến rồi đi –nhưng biết nơi đâu là chốn quê nhà? Bạn đã hiện hữu ở đó trước khi có sự sống.

Đó là lý do tại sao các vị Thiền sư thường hay bảo môn đệ: Hãy đi vào thiền quán và cố gắng để nhìn rõ cái mặt mũi của mình trước khi sinh ra

đời –và đôi lúc trước khi cả cha mẹ, ông bà của bạn ra đời. Tìm cái khuôn mặt bản thể uyên nguyên của bạn trước khi bạn được sinh ra trên cõi đời này.

Bạn hiện hữu ở đó trước khi sinh ra và bạn cũng sẽ hiện hữu ở đó sau khi chết. Đời sống là khoảng cách giữa lúc ra đời và cái chết. Bạn không phải là sự sống. Bạn là vĩnh cửu, là vô thủy vô chung. Bạn sẽ vẫn luôn có mặt ngay bây giờ và ở đây, luôn luôn và luôn luôn. Tuy nhiên đừng gọi đó là bất tử bởi vì trong chữ "tử" này đã bao hàm cái "chết". Thế cho nên nó không bất tử -mà là vô sanh, vô diệt.

Hãy luôn luôn ghi nhớ điều này, bất cứ lúc nào bạn buông bỏ nhị nguyên tính, hãy buông bỏ toàn bộ. Nếu bạn giữ lại một nữa, cái phần kia cũng sẽ tự động được giữ lại luôn. Nếu bạn nghĩ đến sự sống, điều tự nhiên là bạn lo sợ cái chết. Thế rồi bạn tiếp tục trấn an mình rằng bạn sẽ không chết -thế nhưng khi đồng hoá mình với sự sống, bạn biết rằng sống có nghĩa là chết trong từng khoảnh khắc.

Đời sống chỉ là một biểu hiện, một hiển thị. Cái chết là năng lượng tiếp tục chuyển động vào cõi vô sắc tướng. Sống chỉ là một chương đời và cái chết mở ra một chương khác, nhưng cái năng lượng thì vượt ra ngoài những chương mục kia: đó là một sinh thể.

Cung cách chết của Dược Sơn (Nhật: Yakusan) -một vị đại Thiền sư- đã là một mẫu nhỏ trong toàn bộ đời sống của ông. Trước giờ lâm tử, ông la lớn lên, "Cái chánh điện đang sụp đổ! Cái chánh điện đang sụp đổ!" Những tăng sĩ hối hả mang đủ các thứ để chống đỡ chạy đến. Thiền sư Dược Sơn khoát đôi tay bảo họ, "Không có ai trong các ngươi hiểu ta đang nói gì cả!" Xong ông qua đời.

“Cái chánh điện” được xây dựng trên cơ sở nhị nguyên tính sống/chết. Nhị nguyên tính là cái nhà, cái chánh điện. Cái cấu trúc nhị nguyên này đang sụp đổ -đó là ý nghĩa của những gì mà Dược Sơn muốn nói khi kêu lên, “Cái chánh điện đang sụp đổ!”. Nhị nguyên tan biến và bất nhị khởi dậy … những đám mây đen tan đi chỉ còn lại bầu trời trong vắt. Bầu trời trong vắt đó không thể được đồng hoá với bất kỳ ngôn từ đến từ bất kỳ một cặp nhị nguyên nào. Bạn không thể gọi nó là ánh sáng, bởi vì ánh sáng là một bộ phận của bóng tối, người bạn thiết thân của bóng tối. Bạn không thể gọi nó là dễ thương, bởi vì thương yêu là bạn đồng hành của thù hận. Bạn không thể gọi nó là đàn ông bởi vì đàn ông và phụ nữ là một cặp sóng đôi. Bạn cũng không thể gọi nó bằng bất cứ tên gọi nào, bởi vì tất cả mọi danh hiệu đều là một phần tử của nhị nguyên.

Thế nên Đức Phật đã im lặng trước vấn đề này. Bất cứ lúc nào có ai hỏi ngài rằng, “Bạch Thế Tôn, cái gì sẽ xảy đến cho ngài, ngài sẽ đi về đâu sau khi chết?” Đức Phật chỉ mĩm cười. Ngài không hề thốt ra một tiếng bởi vì tất cả mọi khả năng ngôn ngữ đều sai lầm, bất túc. Tất cả lời nói đều sai trái, hư vọng. -bởi vì tất cả mọi lời đều phát xuất từ hệ thống ngôn ngữ nhị nguyên. Ngôn ngữ của chúng ta là nhị nguyên; không thể diễn tả được ý niệm về bất nhị. Đó là lý do tại sao Đức Phật luôn luôn giữ im lặng trước các vấn đề Thượng Đế, bất diệt, rốt ráo uyên nguyên –ngài không hề thốt ra một lời.

Một giai thoại về Thiền đã mô tả cung cách Thượng Tọa Huệ Minh tiếp cận thầy mình, ngài lục tổ Huệ Năng. Ngài Huệ Năng là một nhân vật tên tuổi bậc nhì trong lịch sử Thiền học. Thứ nhất là tổ Bồ Đề Đạt Ma và thứ nhì là lục tổ Huệ Năng –đây là hai hòn đá tảng trụ cột trong toàn bộ lịch sử Thiền học. Họ đã đặt ra toàn bộ nền móng cơ cấu của tông phái này.

Bồ Đề Đạt Ma cho chúng ta kỹ thuật, đó là kỹ thuật thiền định mà như chúng ta được biết, được gọi là tọa thiền -ngồi lặng yên không làm gì cả và rồi cây cỏ sẽ tự nó đâm chồi nẩy lá. Vô tác, và quán chiếu. *Vi vô-vi* –làm mà không làm. Trong suốt chín năm chỉ ngồi đó diện bích, vị tổ Bồ Đế Đạt Ma này đã để lại cho đời một kỹ thuật thiền định -một trong những kỹ thuật hàng đầu. Tất cả mọi phương pháp thiền định khác đều có vẻ như là trò trẻ con trước kỹ thuật này của Bồ Đề Đạt Ma.

Còn ngài Huệ Năng cho chúng ta công án -một phương pháp vượt bực khác vô cùng đặc sắc đối với Thiền gia. Kỹ thuật của Bồ Đề Đạt Ma không được xem là đặc biệt lắm trong chốn Thiền môn vì chỉ là bản sao chép những gì mà Đức Phật đã sử dụng trước đây. Nhìn trên bình diện này, ngài Lục Tổ xem ra là người có đầu óc sáng tạo độc đáo hơn cả Bồ Đề Đạt Ma -người đề xuất ra công án. "Công án" có nghĩa là câu hỏi nêu lên một vấn nạn phi lý không thể trả lời được, cho dù bạn cố gắng đến mức nào. Đây là câu hỏi không có lời giải đáp. Và người ta phải thiền quán trên cái vấn nạn không thể giải đáp này, ví dụ như, "Cái gì là thanh âm tiếng vỗ của một bàn tay?" Một bàn tay thì không thể nào vỗ được rồi. Thế nên, ngay tự buổi đầu, lời giải đáp xem ra đã bất khả. Thế nhưng người ta bắt buộc phải quán chiếu về nó.

Và theo ngài Huệ Năng, khi bạn suy nghĩ về một vấn đề gì đó không thể suy luận, thời gian trôi qua, từng tí một, sự suy nghĩ sẽ trở nên bất khả. Đến một ngày, bỗng dưng toàn bộ cơ cấu suy luận của bạn sụp đổ tan tành. Bỗng dưng bạn rơi vào trạng thái vô niệm. Và đó là những gì kết quả của công phu thiền quán.

Một giai thoại Thiền học đã mô tả chuyện Thượng Tọa Huệ Minh tiếp cận thầy mình, ngài lục tổ Huệ Năng, để cầu xin điểm đạo. Ngài lục tổ bảo, "Trong một khoảnh khắc, hãy tập trung cái tâm của ngươi, giữ đừng cho nó chạy theo niệm thiện hay niệm ác."

Ngài Huệ Năng ngồi đó cùng các cao đồ và sẵn sàng vung trượng lên để đánh nếu cần. Ông bảo Thượng Tọa Huệ Minh, "Hãy nhắm mắt lại, trong một khoảnh khắc, hãy tập trung cái tâm của ngươi, giữ đừng cho nó chạy theo niệm thiện hay niệm ác." Thiện và ác là một hình thái của nhị nguyên tính. Bạn có thể gọi nó là sống và chết, thù hận và thương yêu, hoặc tốt và xấu -chỉ là một hình thái của nhị nguyên tính.

Ngài Huệ Năng bảo: Ta đang ngồi chờ ngươi đây. Ngươi hãy canh thức tâm mình, đừng cho nó khởi lên một niệm nào của nhị nguyên tính tốt và xấu. Đừng cho bất cứ cái gì là tốt, cái gì là xấu. Đừng phán xét. Nếu các niệm khởi lên, hãy cho chúng đi qua. Nếu ông Phật hiện ra, đừng cho rằng, "Tốt quá. Ta đã được gia bị, Ta đã thấy được Phật trong khi quán niệm." Hay nếu một cô gái điếm hiện ra, cám dỗ quyến rũ ngươi, đừng cho rằng đó là xấu –"Tại sao cái niệm này khởi dậy với tôi. Tại sao cái cô điếm này cứ theo đuổi tôi?" Đừng nguyền rủa nó. Ông Phật có hiện ra, cứ mặc kệ ông ta. Cô gái điếm có hiện ra, cứ mặc kệ cô ta. Đừng quan tâm, giữ mình trong vô niệm. Khi ngươi không còn ở trong nhị nguyên tính, ngươi ở trong vô niệm.

Sau khi Thượng Tọa Huệ Minh bảo rằng ông ta đã sẵn sàng như thế, Lục Tổ tiếp tục: "Bây giờ thì ngươi đã không còn chạy theo niệm thiện, niệm ác, ngươi hãy nhớ lại cái diện mạo của Thượng Tọa Minh trước khi cha mẹ ngươi sinh ngươi ra đời."

Bây giờ là vấn nạn thứ hai –Khi Thượng Tọa Minh bảo rằng, "Tôi đã sẵn sàng. Bây giờ tôi đã không còn ý niệm tốt xấu, không còn ý niệm phán xét phân biệt."

Ngài Huệ Minh này chắc chắn phải là một nhân vật hiếm có -chắc chắn là người đã có công phu thiền quán. Ông ta đã là một tăng sĩ, một hành giả, một người hành trì thiền định rất nhiều năm -nếu không, chắc là ông ta sẽ không đạt đến trạng thái đó một cách dễ dàng như thế. Và bạn không dễ gì gạt được một vị Thiền sư; bạn không thể giả bộ, "Vâng, bạch thầy, con đã đạt đến trạng thái này." Lập tức bạn sẽ nhận được vài gậy nên thân giáng vào đầu.

Một vị Thiền sư không hề tin vào cái gọi là phép lịch sự, vào hình thức xã giao, một vị Thiền sư thường là người có cung cách rất hoang dã. Và khi Thượng Tọa Minh bảo rằng, "Tôi đã sẵn sàng," ngài Huệ Năng tiếp…

"Bây giờ thì ngươi đã không còn chạy theo niệm thiện, niệm ác, ngươi hãy nhớ lại cái diện mạo của Thượng Tọa Minh trước khi cha mẹ ngươi sinh ngươi ra đời."

Bây giờ là đi lùi trở lại. Tìm kiếm chính mình. Ta là ai trước khi được sinh ra? Ta là cái gì trước khi được sinh ra? Quán niệm về cái sinh thức đó, đi sâu vào đó.

Ngài Huệ Minh dưới sự tác động của những lời dạy của Lục Tổ, đột ngột rơi vào trong tình trạng tĩnh lặng của bản lai diện mục. Và rồi với tất cả lòng tôn kính biết ơn, ông thưa với thầy, "Bạch Thầy, giống như một người đang uống nước. Y tự biết rằng đó là nước lạnh hay nước nóng."

Ông ta không thể trả lời; không thể có một câu trả lời. Ông ta đã nếm được cái mùi vị, đã biết mình trước đây là ai, bây giờ mình là ai và tương lai sẽ là ai –nhưng ông ta không thể nói lên được bất cứ điều gì về chuyện đó. Không thể thốt ra lời, không thể diễn tả được.

Ông ta chỉ có thể nói lên được một điều: "Bạch Thầy, giống như một người đang uống nước. Y tự biết rằng đó là nước lạnh hay nước nóng. Con biết, nhưng con không thể trình giải với Thầy được."

Dĩ nhiên là ngài Huệ Năng cũng biết, nhưng ông cũng không thể nói ra. Và dĩ nhiên Đức Phật cũng biết nhưng ngài không thể nói ra. Tôi cũng thế -tôi cũng biết nhưng tôi không thể nói ra một cách chính xác nó là gì.

Một điều mà tôi có thể nói với bạn, nhưng nó sẽ luôn luôn là một phủ định: Đó không phải là sống và cũng không phải chết. Nó không phải thời gian cũng không phải không gian. Không là thân cũng không phải tâm. Không là hữu hình cũng không phải vô hình. Không là thiện cũng không phải ác. Không Thượng Đế cũng không phải Quỷ Sa Tăng. Tôi chỉ có thể phủ nhận, chỉ có thể nói rằng nó không phải như thế.

Thế nhưng muốn biết nó là cái gì, bạn phải uống. Chỉ khi nào người ta uống nước, người ta mới biết … đó là nước lạnh hay nước nóng.

Thưa ngài Bhagwan, ngài có điều gì muốn nói với tôi?

Đây là câu hỏi của Anand Fareed. Fareed, tôi không có điều gì để nói cả. Tất cả những gì mà tôi muốn nói là không có gì để nói cả. Tất cả những gì mà tôi muốn nói với bạn chi là để chuẩn bị cho bạn một khoảnh khắc của sự tĩnh lặng vĩnh cửu khi bạn quên lời và khởi sự sống như một sinh thể.

Có lần Đức Phật hỏi một cao đồ của mình, ngài Tu Bồ Đề, "Này ông Tu Bồ Đề, ông nghĩ sao? Như Lai có hề thuyết Pháp hay không?" Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật, "Bạch Đức Thế Tôn, Như Lai không hề thuyết pháp gì cả."

Trong suốt bốn mươi hai năm trường, Đức Phật đã không ngừng thuyết giảng thế mà ngài Tu Bồ Đề lại bảo rằng, "Bạch Đức Thế Tôn, Như Lai không hề thuyết pháp gì cả." Và Đức Phật đã công nhận điều xác quyết đó của Tu Bồ Đề -điều này đã làm cho một cao đồ khác, ngài A Nan -thị giả của Phật- đang ngồi cạnh đó, phải sửng sốt, "Ngài Tu Bồ Đề, ngài muốn nói điều gì? Có phải là Đức Thế Tôn đã không ngừng thuyết Pháp trong bốn mươi hai năm qua hay sao –năm này qua năm nọ, buổi sáng, buổi chiều, buổi tối. Ngài đâu có làm điều gì khác hơn?"

Nhưng Đức Phật đã xác nhận sự hiểu biết của ngài Tu Bồ Đề chứ không phải là của A Nan. Ngài Tu Bồ Đề đã hiểu ý –còn ngài A Nan chỉ nghe lời. Đức Phật đã phải nói thêm, "A Nan, ông phải chờ thời gian mới hiểu được điều này. Tu Bồ Đề đã nói đúng."

Một lần khác, khi Đức Phật đã nhập niết bàn, tất cả tăng chúng, cao đồ đã tập trung lại để kết tập tất cả những lời dạy của Phật. Ngài A Nan đã không được phép tham dự pháp hội và ngài Tu Bồ Đề là một trong những người lãnh đạo cuộc kết tập này. Điều này có vẻ rất khác thường –tuy nhiên những người này đã biết rằng Phật là một nhân vật khác thường.

Trong suốt bốn mươi hai năm trường ngài A Nan đã kề cận Đức Phật như bóng với hình. Ngài đã đã theo sát bước chân Phật đến khắp mọi nơi, ngay cả ngủ cùng chung phòng với Phật –ông là thị giả, là người thân cận duy nhất với Đức Thế Tôn. Ngài đã nghe không sót bất cứ lời dạy nào của Phật, và trí nhớ của ngài thật phi thường.

Và bây giờ Tu Bồ Đề là một trong những người lãnh đạo của đại hội kết tập những lời giáo huấn của Phật -người mà A Nan không hề rời nửa bước … Còn Tu Bồ Đế thì rất hiếm khi gần Phật -bởi vì ông nhận sứ mạng đi hoằng pháp khắp xứ Ấn Độ. Ít gần gũi với Phật, chỉ được nghe Phật thuyết giảng một đối lần, thế mà bây giờ ngài Tu Bồ Đề lại là một trong những người lãnh đạo đại hội, sắp kết tập những điều Phật thuyết giảng –trong khi đó A Nan, có vẻ như là người có đủ tiêu chuẩn nhất để lãnh đạo công việc này, ngay cả việc tham dự đại hội cũng không được phép.

Ngài Tu Bồ Đề lại bảo A Nan, "Ngài hãy ngồi ở ngoài như người gác cửa – như ngài đã từng làm công việc đó với Đức Phật trước đây. Ngài phải ngồi lại ở ngoài cửa này. Trừ phi ngài chứng đắc A La Hán, ngài không được phép vào trong."

Cũng chính ngài Tu Bồ Đề này, người đã từng bảo rằng Đức Phật không hề thuyết giảng gì cả bây giờ lại trở thành người đứng ra chủ trì việc kết tập kinh điển -tất cả những lời dạy của Phật sẽ được thu thập lại và lý giải dưới sự hướng dẫn của ông ta. Thế nhưng, ở đó là những tri kiến căn bản vững chắc về giáo lý, những tri kiến không thông qua lời nói, văn tự, ngoài ra tất cả đều chỉ là những hiểu biết, nhận thức hời hợt bên ngoài -bởi vì chân đế rốt ráo không thể được nói bằng lời. Tuy nhiên chúng sanh nói chung tâm trí còn cạn cợt, thế nên ngay cả một vị Phật cũng khó có thể thuyết giảng những chân lý cao siêu cho họ.

Thế là ngài A Nan bị bỏ mặc ở ngoài đại hội. Năm trăm vị tì kheo đang tụ tập ở trong phòng họp –trong đó nhiều người tuổi hạ còn kém xa A Nan. Không những là một trong những người có hạ lạp cao nhất, A Nan còn là người anh em chú bác của Phật -người anh họ thân cận nhất của Phật. Và A Nan đứng đó, ở bên ngoài buồn rầu đến độ không cầm được nước mắt.

Câu chuyện kể rằng, một ngày một đêm đã trôi qua, và A Nan vẫn còn đứng ở ngoài cửa đại hội, lòng tràn đầy thống khổ. Tuy nhiên sau hai mươi bốn giờ, đột nhiên một cái gì đó như ánh sánh bùng dậy ở trong ông, A Nan lập tức hiểu được điều Phật dạy trước đây, hiểu được tại sao Phật lại xác nhận rằng, "Ông Tu Bồ Đề đã nói đúng; còn ông A Nan, ông đang sai lầm. Ông chỉ nghe được những lời nói của tôi –và lời nói không là gì cả. Đạo vốn không lời."

A Nan ngập tràn hoan lạc, nhảy múa reo vui. Ngay khoảnh khắc xảy ra với A Nan ở bên ngoài, ngài Tu Bồ Đề đang ở bên trong kết tập kinh điển đột nhiên dừng lại và nói với tăng chúng, "Chúng ta ra ngoài cung thỉnh ngài A Nan vào. Ngài vừa đắc quả A La Hán xong, và xứng đáng để tham dự đại hội."

Các vị thánh tăng bước ra cửa và trông thấy ngài A Nan đang nhảy múa. Chưa bao giờ họ trông thấy một người có một khuôn mặt rạng rỡ, tràn ngập niềm phỉ lạc hân hoan như thế. Và họ nghe ngài A Nan tán thán, "Đức Phật đã nói rất đúng. Xưa nay ta chỉ nghe lời. Bây giờ ta mới nghe được âm thanh không lời."

Ngài Tu Bồ Đề liền cất tiếng, "Bây giờ thì ngài có thể kể lại những gì mà ngài biết, những điều mà ngài nghe về Đức Thế Tôn. Bây giờ thì trí nhớ của

ngài rất đáng tin cậy, vì ánh sáng tri kiến đã bừng dậy. Trước đến giờ, trí nhớ của ngài chỉ thuần tuý là một cổ máy –nó chưa hề được thắp sáng bên trong."

Thế nên, điều mà tôi có thể nói với bạn, Fareed: Rằng, tôi không có điều gì để nói với bạn cả. Và nếu bạn hiểu được điều này, thì đó là thông điệp của tôi.

> *Tôi không thể nào tin được một cái gì đó giống như tam ma địa hay hoát nhiên đạt ngộ có thể xảy ra. Trừ phi được thực chứng, làm thế nào tôi có thể tin rằng ngài là một ông Phật hay là ai đó?*

Đúng thế. Không ai bảo bạn phải nên tin cái này cái nọ. Làm sao mà bạn có thể tin được? Trông chờ vào một chuyện như thế quả là điều xuẩn động.

Ai bảo bạn rằng phải nên tin? Ở chỗ này không hề rao giảng đức tin. Đức tin là một hình thái vô minh, và với đức tin, con người vẫn sẽ còn mãi chìm đắm trong vô minh. Niềm tin chỉ là một vật thay thế giả tạo -nếu bạn bắt đầu tin, bạn sẽ không bao giờ hiểu biết. Cần lưu ý bạn điều này: nếu bạn khởi sự tin vào cái gì, bạn sẽ ngừng lớn dậy. Không hề có nhu cầu để tin.

Thế nhưng cũng không có nhu cầu để nghi –đây là điều cần nên biết. Cái đó được gọi là tin cậy –chính là không tin và không nghi. Điều này thoạt trông có vẻ khác thường, bởi vì thông thường bạn cho rằng tin cậy có nghĩa

là tin tưởng vào cái gì. Không phải thế -tin cậy là không tin và cũng không nghi.

Bạn không cần phải tin tôi, cũng không cần phải nghi tôi. Bạn có thể chỉ có mặt ở đây như một thí nghiệm, như một giả định. –"Có thể gả này đúng, cũng có thể gả này sai." Bạn không cần phải đi đến quyết định. Làm sao mà bạn quyết định được? Bạn phải trải qua sự chứng nghiệm với ngay chính tâm thức mình -từ đó mới đi đến sự quyết định.

Nếu tôi đang nói về điều mà bạn chưa hề được biết, làm sao bạn lại có thể tin được điều này. Tất cả mọi niềm tin đều chỉ là một sự đè nén -sự đè nén mối nghi của bạn ở trong lòng. Tôi không hề bảo bạn hãy tin tưởng ở tôi. Chỉ có một điều mà bạn có thể làm, nếu như bạn có thể làm được; đó là cũng đừng nghi, mà hãy để cho tâm hồn rộng mở. Bởi vì khi một khoảnh khắc hoài nghi dấy lên, đó chỉ là mặt phản diện của niềm tin, thế thôi.

Đừng nói rằng, "Những gì Đức Phật dạy là đúng hay sai" -Đừng nói gì cả, không có nhu cầu cần thiết. Làm thế nào mà bạn có thể nói là 'đúng' hay 'sai' trong khi bạn chưa hề nếm thử mùi vị của nó? Thế nên cứ nên mở lòng mình ra, đừng bao giờ mang ý niệm đúng, sai. Sự cởi mở, và không thành kiến chính là lòng tin cậy. Và nếu bạn cứ để cho tâm hồn mình rộng mở, theo với thời gian, bạn sẽ bắt đầu cảm thấy có một cái gì đó lớn dậy trong tâm mình.

Nếu bạn gần gũi thân cận với một người đã nhập *tam ma địa*, và tâm hồn bạn rộng mở, cái tam ma địa này cũng sẽ thấm lan vào bạn, sẽ tưới tẩm tâm hồn bạn. Nếu lòng bạn mở ra, những cánh cửa tâm hồn mở ra, ánh sáng sẽ không dừng lại ở bên ngoài, chúng sẽ ùa tràn vào ngay lập tức.

Thế nên tôi không hề bảo rằng bạn phải tin tưởng vào tôi, bởi vì một người khi tin vào một cái gì đó, tâm hồn của họ thường bị khép lại. Tôi cũng không bảo là nên hoài nghi, bởi vì một người khi nghi ngờ điều gì, tâm hồn của họ cũng bị đóng kín luôn. Thế thì thế nào là một con người của tin cậy? Con người của tin cậy là một con người cởi mở, trải lòng ra với mọi người. Sống cởi mở có nghĩa là sống trong tin cậy.

Tin hay nghi, cả hai đều là nhị nguyên tính của một năng lượng. Hãy buông bỏ cả hai. Hãy là tại đây. Không sợ hãi cũng không phòng thủ. Nghi ngờ là ở trong trạng thái phòng thủ. Lòng nghi ngờ cất lên tiếng nói, "Tôi sợ người này sẽ dẫn tôi đến một nơi chốn nào đó mà tôi không muốn đến." Không ai có thể đưa bạn đến bất cứ nơi đâu mà bạn không muốn. Và tôi cũng không hề cố tình đưa bạn đến bất cứ nơi nào cả, chỉ đơn giản là mang bạn đến ngay tại *chỗ này*. Không hề có vấn đề ở *nơi đó*. –không bao giờ có cái gọi là nơi đó. Chỉ có một vấn đề duy nhất là tại đây, và ngay bây giờ.

Ngay bây giờ -trong cái ngay bây giờ này không có tin và cũng không có nghi. Bạn lắng nghe tôi cũng như bạn đang lắng nghe tiếng chim hót buổi sáng ở ngoài kia, như tiếng âm nhạc vọng lên ở một cõi nào. Có ai đó đang chơi đàn "luýt" Ấn Độ -bạn không tin trong cách thế của niềm tin; bạn không nghi, trong cách thế của sự không tin cậy. Bạn chỉ mở lòng ra, đó là cách thế mà tôi muốn bạn sống trong tin cậy. Tin cậy một cách đơn giản. Người này đang chơi đàn, một cái gì đó có thể xảy ra, bạn đón nhận một cách cởi mở. Bạn luôn sẵn sàng đón nhận –cái đó gọi là lòng tin cậy. Bạn chỉ lắng nghe. Trong lòng bạn không hề dấy lên một sự đôi co, rằng người kia chơi đàn thật hay hay y chơi đàn quá tệ. Cái gì hiển nhiên sẽ tự phơi bày –đâu có nhu cầu phải đôi co tranh cãi, cho dù là phù hay chống.

Nếu chân lý có mặt ở đây nó sẽ tự hiện bày. Chân lý tự nó có sức thuyết phục lớn lao; nó không cần đòi hỏi đến bất cứ niềm tin nào. Chỉ có giả dối hư ngụy mới đòi hỏi niềm tin. Chân lý chỉ nói lên một điều duy nhất là không nên để bị vướng mắc vào tin hay nghi; luôn luôn rộng mở và sẵn sàng và rồi mọi chuyện sẽ bắt đầu xảy đến.

Làm thế nào bạn có thể tin vào tôi được? Tôi đang nói bằng một ngôn ngữ khác và bạn đang nghe bằng một ngôn ngữ khác. Tôi nói điều này, bạn nghe điều khác –làm sao bạn có thể tin tưởng ở tôi? Tôi đang nói về một cõi khác trong khi bạn đang sống ở một cõi khác. Tôi mang đến cho bạn một cảnh giới trọn vẹn mà bạn chưa hề sống qua –làm sao để bạn có thể tin được? Nhưng đồng thời làm sao bạn lại có thể không tin?

Hai con rết vừa xem xong một suất chiếu bóng. Brigitte Bardot là tài tử chính.
“Phim tuyệt hay,” một con rết phẩm bình.
“Và Bardot cũng có cả cặp giò nữa -rất tuyệt,” con rết thứ hai trả lời một cách phấn khởi. Con rết thứ nhất gật gù, “Vâng, nhưng chỉ có hai chân thôi, quá ít.”

Vâng, một con rết chỉ là một con rết. Trừ phi Bardot có cả trăm chân, chuyện đó đâu có thành vấn đề đối với một con rết? Có thể là Bardot có một cặp giò thượng thặng –nhưng hai chân thôi, quá ít…

Một vị giám mục đi về vùng quê và đang tán chuyện thân mật với một gã chăn chiên. “Đàn chiên của bạn bao lớn?” Ông ta hỏi. “Dạ, năm trăm năm

chục con," người chăn chiên trả lời, không hề biết rằng người đang đối thoại với mình là một vị giám mục.
"Ồ, trên một phương diện nào đó, chúng ta coi như là bạn đồng nghiệp với nhau –Tôi cũng có một đàn chiên khá lớn," vị giám mục bắt đầu, gợi ý về vai trò lãnh đạo tinh thần của mình.
"Ồ, thật vậy sao?" người chăn chiên vui vẻ, "Thế ông có tất cả bao nhiêu con?"
Vị giám mục trả lời không chút do dự, "Chắc là khoảng một trăm năm chục ngàn!"
Nghe đến đó, gã chăn chiên hai tay ôm đầu thán phục, "Trời đất ơi, chắc là ông phải rất bận rộn trong mùa động tình của chúng!"

Vâng, một anh chăn chiên chỉ là một anh chăn chiên –ngôn ngữ của anh ta là ngôn ngữ của riêng anh ta. Khi vị giám mục nói rằng, "Tôi cũng là một kẻ chăn chiên," ông ta đang dùng một ngôn từ hoàn toàn xa lạ với ngôn từ của anh chàng chăn chiên nghèo hèn ít học này. Y không thể nào hiểu được cái ý nghĩa tượng trưng trong câu nói, y không thể hiểu được sự ẩn dụ này.

Khi tôi đang nói chuyện với bạn, tất cả những điều tôi nói đều chỉ là ẩn dụ. Phải dùng đến những ẩn dụ, vì nếu không bạn sẽ chẳng hiểu được gì cả. Như thế làm sao bạn có thể tin ở tôi được? -những ẩn dụ này chỉ hoàn toàn là những ẩn dụ đối với bạn. Trừ phi chúng trở thành những kinh nghiệm bản thân của chính bạn, làm sao bạn có thể tin ở tôi?

Và tôi cũng không phải có mặt ở đây để giúp đỡ bạn tin tưởng vào tôi. Sự có mặt của tôi ở đây chỉ là để giúp bạn hiểu. Tin tưởng không phải là cách thế của tôi. Đừng an trú trong niềm tin -trừ phi bạn hiểu thấu đáo, niềm tin chỉ là điều vô nghĩa. Khi bạn hiểu, niềm tin không còn cần thiết nữa. Khi

bạn hiểu, bạn thông suốt; đâu cần đến phương cách để tin. Khi bạn không hiểu, bạn sẽ không biết; cũng đâu có phương cách nào để tin.

Như thế điều gì cần phải được thực hiện? Sư tin cậy. Tin cây không hề dính dáng đến tin hay nghi. Đây chỉ là vấn đề yêu thương. Nếu bạn thương yêu tôi, nếu bạn cảm nhận rằng, "Bất cứ nơi nào có sự hiện diện của người này, rất đáng để cho mình tìm hiểu," -chỉ thế thôi. "Rất đáng để cho mình tìm hiểu, bất cứ nơi nào mà người này có mặt. Trong bất cứ cảnh giới nào mà ông ta hiện hữu, rất đáng để cho mình tìm hiểu." *Chỉ thế thôi* – có một sự thôi thúc để khám phá là quá đủ rồi.

Hãy xem tôi như là một cuộc phiêu lưu của bạn. Không phải là bến đổ để bạn thả neo đời mà là một cuộc phiêu lưu vào vô định. Tôi không muốn trở thành một nhà tù cho bạn, tôi muốn trở thành sự tự do của bạn.

Tôi đã nhập thất và tịnh khẩu trong suốt hai mươi mốt ngày theo đúng như ngài hướng dẫn. Từ đó, tôi cảm thấy mình có một năng lực lớn lao. Hôm rồi một con chó thấy tôi và sủa dữ dội. Tôi tự nói với mình, "Ngưng ngay!" Con chó ngưng sủa ngay lập tức. Tôi thử với một người đang đi về hướng nhà mình, và bảo thầm, "Hãy chạy!" Thế là y bắt đầu chạy. Rồi tôi cũng thử như thế với một người đàn bà đang đi trước mặt tôi, tôi bảo, "Hãy quay mặt lại và nháy mắt với tôi." Quả nhiên, cô ta làm như thế. Nhưng kể từ lúc ấy, tôi cảm thấy mình yếu đi nhiều. Chuyện gì đã xảy ra?
Tôi đã cố gắng thử rất nhiều lần nữa sau đó, nhưng không có chuyện gì xảy ra cả. Có điều gì sai lầm chăng?

Bạn hết xăng! Trong cái thời buổi năng lượng khan hiếm này bạn phải nên cẩn trọng một tí!

Tuy nhiên điều đó đã xảy ra. Bắt nguồn từ sự tịnh khẩu chuyện đó đã xảy ra, bạn cảm thấy mình có năng lực -bởi vì trong suốt hai mươi mốt ngày, năng lượng được tiếp tục tích lũy, nó trở thành một cái hồ chứa. Bạn phí phạm năng lượng của bạn do bởi nói năng. Bạn đã phí phạm năng lượng của mình một cách không cần thiết, không mục đích. Bạn tiếp tục làm tiêu mòn năng lực của mình -đã có đến cả một ngàn lẻ một lỗ mội trong chiếc thuyền của bạn.

Khi bạn tịnh khẩu trong suốt hai mươi mốt ngày, bạn đã duy trì, đã bạn bảo tồn được nguồn năng lượng này. Và rồi bỗng dưng bạn cảm thấy mình có năng lực. Nếu trong tương lai chuyện này lại xảy ra, không nên sử dụng nó -nếu dùng đến, bạn lại phí phạm nó một cách vô ích. Dùng để làm con chó ngưng sủa thôi ư? … Có đáng không? Bạn muốn trở thành một Satya Sai Baba chắc? Đừng có xuẩn động như thế. Bạn đã phí phạm nó.

Thế nhưng lần đầu tiên nó đã xảy ra. Sự phí phạm đồng thời cũng xảy ra, bởi vì đây là lần đầu tiên bạn không để ý đến điều gì sẽ xảy ra –cái năng lượng còn rất mới mẻ. Trong các kinh sách cổ điển có nói rằng nó sẽ cạn kiệt đi nếu dùng đến ba lần. Thế là qua câu chuyện của bạn, bạn đã đi rất đúng bài bản. Lần đầu tiên khi bạn cảm thấy mình có năng lực, *skati*, đó chỉ là vô thức –và rồi không biết rõ bạn sử dụng đến. Con chó đang sủa, bỗng dưng bạn bảo, “Ngưng ngay!” Không phải là bạn đã chủ tâm làm việc này -chỉ là nguồn năng lực sẵn có ở đó buộc bạn thốt nên lời như thế. Và bạn cũng không trông chờ việc con chó sẽ ngưng sủa –con chó không nghe lời

một cách dễ dàng như thế. Thế nhưng khi con chó ngưng sủa, bạn quả tình bối rối. Có thể bạn nghĩ rằng đây chỉ là một ngẫu nhiên.

Thế rồi bạn thử lần thứ hai -để xem thử đó có phải là chuyện ngẫu nhiên hay không. Cái lần thứ hai này bạn hành động có ý thức, có chủ tâm hơn. Lần trước có thể là chuyện ngẫu nhiên, bạn chưa tin chắc lắm, thế nên lần này bạn bảo một người đàn ông đang đi về hướng nhà mình, "Hãy chạy!" Thế là y khởi sự chạy. Lần này thì dứt khoát không phải là chuyện ngẫu nhiên rồi. Một lần thì OK –nhưng hai lần là quá nhiều.

Bạn thử thêm lần thứ ba, bây giờ thì bạn gần như đã trở thành một con người hướng ngã rồi. Bạn đã biết chuyện gì xảy ra; bạn biết là mình có khả năng làm được một chuyện gì đó. Và bây giờ bạn đem khả năng đó ra thử với một người đàn bà – nàng ta sẽ phải quay mặt lại và nháy mắt với bạn. Và quả đúng như thế. Bây giờ thì cái ngã của bạn đã bay vút lên cao, đã lên tới đỉnh. Và một khi có cái ngã dính vào, ta lại trở thành con người yếu đuối như cũ.

Cái năng lực này có thể biến bạn trở thành con người rất mực ngã mạn nếu bạn dùng tới nó. Thế nên tất cả các bí kíp lưu truyền trên thế gian này đều đã có nói đến: Khi cái năng lực này xảy đến cho bạn, xin làm ơn cẩn thận dùm, đừng dùng đến nó.

Vâng, câu chuyện như thế đã xảy ra với bạn. Lần tới nên cẩn thận hơn. Bất cứ lúc nào bạn cảm thấy mình có năng lực, hãy nhớ rằng: cái năng lực này có thể sẽ mất đi dễ dàng. Và bạn có cả toàn bộ cơ chế để đánh mất nó –đó là toàn bộ quá khứ của bạn, cái quá khứ đã bị rò rỉ. Chính cái quá khứ đó đã chơi khăm bạn, đã điều khiển để lừa phỉnh bạn. Bằng cách làm cho con

chó ngưng sủa hay làm cho người đàn ông chạy, bạn đã bị cái quá khứ đó gạt gẫm.

Bạn đã hết xăng rồi. Lần tới nếu cảm thấy mình có năng lực, giữ lại năng lực đó -bằng cách không sử dụng đến nó một tí nào cả, nếu bạn muốn giữ nó lại … Sự thôi thúc luôn có mặt, vâng, sự thôi thúc để sử dụng có thể rất mực lớn lao, bạn có thể ngồi đứng không yên với nó -bởi vì năng lực có sẵn trong tay, và bạn có thể dùng nó để làm những chuyện khùng điên. Và tất cả những chuyện mà bạn có thể làm được đều khùng điên hết thảy, không cứ là chuyện gì.

Nếu bạn có thể giữ mình trầm tĩnh, an nhiên trước sự thôi thúc sử dụng đến nó, thì cái năng lực đó sẽ được tiếp tục duy trì –và bạn trở thành người có năng lực thực sự. Và rồi cái năng lực đó sẽ không còn ở trong tay của cái ngã, nó sẽ len lách vào sâu hơn. Lúc đó cái ngã sẽ không còn được củng cố bởi nguồn năng lực này. Thực ra, bây giờ nó trở thành cái khiêm tốn của bạn, cái vô ngã của bạn.

Khi cái năng lực trở thành khiêm tốn –khi nó trở nên đơn giản, vô ngã – chính lúc đó Thượng Đế khởi sự vận hành thông qua bạn. Khi bạn có năng lực, chỉ lúc đó bạn mới là một trung gian của Thượng Đế. Lúc đó bạn trở thành một phương tiện chuyển vận.

Có rất nhiều hoa sen đang chờ đợi để nở hoa trong bạn, nhưng chúng cần đến năng lực. Thay vì dùng nó để làm con chó ngưng sủa, hãy để cho nó thẩm thấu, vận hành trong toàn bộ sinh thể bạn. Rất nhiều đoá sen, một ngàn lẻ một đoá sen, sẽ nở hoa trong bạn. Đừng có bao giờ điên khùng dại dột nữa. Nếu nó đã xảy đến một lần cho bạn, nó sẽ còn xảy ra –không có

vấn đề gì cả. Lần tới hãy cảnh giác, tỉnh thức hơn một tí. Đừng để mình trở thành trò chơi của vô thức

CHÚ THÍCH:

1- Kinh Lời Vàng (Pháp Cú) – HT Thích Minh Châu dịch:

294
Sau khi giết mẹ cha
giết hai vua Sát lỵ
giết quốc vương, quần thần
vô ưu, phạm chí sống

295
Sau khi giết mẹ cha
hai vua bà la môn
giết hổ tướng thứ năm
vô ưu, phạm chí sống

2- Alexander Eliot: (sinh năm 1919) nguyên là phê bình gia nghệ thuật của Tạp chí Time, hiện sống tại Venice, California. Tác giả của một số tác phẩm đã được xuất bản, cụ thể như "Three Hundred Years of American Painting" (1957).

3- George Bernard Shaw: Kịch tác gia lừng danh người Ái Nhĩ Lan, sinh tại Dublin, ngày 26 tháng 7, 1856 – và mất ngày 2 tháng 11, 1950 tại

Hertfordshire. Một vở kịch nổi tiếng của ông "Saint Joan", 1923 đã đưa ông đến với giải thưởng Nobel Văn Chương vào năm 1925. Ông cũng đoạt một giải thưởng khác về soạn kịch vào năm 1938. Là một người ăn chay trường trong suốt 66 năm, Shaw là người có khuynh hướng xã hội. Ông đã từng viếng thăm Liên Bang Sô Viết và gặp gỡ Stalin vào năm 1930. Để tưởng nhớ Shaw, tên của ông đã được dùng để đặt cho một hí viện tại Luân Đôn, The Shaw Theatre, mở cửa vào năm 1971.

4. Watergate: Khách sạn nổi tiếng với vụ nghe lén tai tiếng cuộc họp của Đảng Dân Chủ đã đưa đến sự từ chức của Tổng Thống HK Nixon

CHƯƠNG 7

Nổ Bùng Tuệ Giác

Một nhóm trẻ con đang chơi đùa cạnh bờ sông. Chúng đắp lên những lâu đài bằng cát và mỗi đứa đều bảo vệ cái của mình, "Cái này là của tao." Chúng giữ cho mỗi lâu đài tách biệt ra để khỏi bị nhầm lẫn của đứa này với đứa khác. Khi tất cả những lâu đài hoàn tất, một đứa trẻ đã đá tung vào lâu đài của một đứa khác và phá hủy toàn bộ. Chủ nhân của chiếc lâu đài này vô cùng giận dữ, đã túm lấy tóc y, đấm vào mặt y rồi kêu gọi bạn bè đến trợ lực, "Thằng này đã phá hư lâu đài của tao. Tụi bay đến đây giúp tao trừng trị nó." Tất cả những đứa trẻ khác liền chạy đến. Chúng xúm vào đánh kẻ phá bỉnh bằng gậy, dẫm lên mình y khi y ngã xuống đất.

Thế rồi chúng trở lại tiếp tục chơi trò chơi xây lâu đài bằng cát của chúng, mỗi đứa đều xác định, "Cái này là của tao; không ai có quyền trên cái này. Dang xa ra. Đừng có đụng vào lâu đài của tao!"

Nhưng hoàng hôn xuống dần. Trời đã chập choạng tối và tất cả bọn trẻ đều nghĩ đến việc phải về nhà. Bây giờ thì chẳng còn đứa trẻ nào quan tâm đến những gì sẽ xảy ra cho những ngôi lâu đài của chúng. Có đứa dẫm chân lên, có đứa lấy tay xoá chúng đi. Xong, ai nấy đều quay trở về nhà mình.

Đời sống là một nghịch lý. Nó hiện hữu thông qua nghịch lý; đó là cách thế chính của tồn sinh. Cái bánh xe quay quanh một trục cố định và ngay chính trung tâm của cơn lốc xoáy là sự tĩnh lặng. Ngay chính trong cốt lõi của sự sống đã ươm mầm cái chết. Vạn hữu tồn tại như thế, cuộc tồn sinh là một mâu thuẫn không ngừng.

Cuộc sống tiếp tục mâu thuẫn với chính nó và từ trong lòng sự mâu thuẫn này sản sinh ra năng lượng sự sống. Từ trong sức căng giữa những mâu thuẫn là toàn bộ vở kịch đời, là cuộc chơi. Đấy là biện chứng –chính đề và phản đề. Và sự xung đột không ngưng nghỉ giữa chính đề và phản đề đã tạo ra năng lượng, phóng thích ra năng lượng.

Bạn có thể đưa mắt nhìn ra chung quanh và ở đâu rồi bạn cũng sẽ thấy sự mâu thuẫn đang vận hành -giữa âm và dương, giữa ngày và đêm, giữa mùa hè và mùa đông, giữa thành công và thất bại, giữa khai sinh và mục rửa úa tàn. Ngay chính trên nền tảng của sự nghịch lý mà cuộc chơi không ngừng diễn ra, ở khắp mọi nơi. Nếu bạn không thấu hiểu điều này, bạn sẽ mãi đắm chìm trong bất hạnh. Nếu bạn không thấu hiểu điều này, nếu nó không thấm sâu vào tâm hồn bạn và trở thành ánh sáng tuệ giác, bạn sẽ vẫn sống mãi hoài trong thống khổ. Bởi vì bạn sẽ không bao giờ có thể cảm

nhận được rằng sự mâu thuẫn này thực ra không phải là mâu thuẫn; những đối kháng thực ra đã vận hành như là những bổ sung.

Một khi vấn đề này được soi sáng thì đời sống biến thành giác ngộ. Lúc đó bạn sống hoàn toàn trong tỉnh thức. Lúc đó bạn sẽ thấy cái chết không có gì là trái khoáy –không những thế, bạn còn hiểu được rằng không có cái chết sự sống sẽ không được ươm mầm.

Như thế, chính sự sống đã nợ nần cái chết. Cái chết đã không hề chống đối sự sống, nó là bạn thân chứ không phải kẻ thù. Khi hiểu rõ điều này, nỗi sợ hãi cái chết tan biến. Khi hiểu rõ điều này, tất cả những nỗi thống khổ, những bồn chồn lo âu cũng biến mất theo. Khi hiểu rõ điều này, một mối hân hoan vô bờ sẽ khởi dậy trong bạn. Còn nếu không, mối xung đột sẽ không bao giờ ngưng nghỉ. Khổ đau của bạn gây ra bởi ngộ nhận. Ngộ nhận là nguyên nhân của khổ đau, tri kiến là đầu mối của cực lạc.

Bây giờ hãy đi xuyên sâu vào trong tận cùng cốt lõi của bạn để xem thử mọi chuyện ở đó như thế nào và bạn đang làm gì với chúng. Bằng cái nhìn hướng nội ta sẽ thấy rằng ngay trong cái cốt lỏi đó chỉ là đơn thuần rỗng không. Đó là lý do tại sao con người không dám nhìn thẳng vào bên trong.

Socrates đã không ngừng nhắc nhở, “Hãy tự biết mình.” Bộ Áo Nghĩa Thư cũng tiếp tục kêu lên, “Hãy đi vào nội tâm! Mở ra một cuộc hành trình hướng nội.” Đức Phật cũng đã từng thuyết phục bạn như thế, nhưng bạn thì cứ mãi hướng ngoại. Bạn không hề quan tâm đến lời Phật dạy. Và cho dù có lắng nghe, bạn cũng chỉ lắng nghe bằng nữa lỗ tai mình –nghe đó rồi quên đó. Bởi vì tận trong sâu thẳm của vấn đề bạn biết rằng cái nhìn hướng nội cũng có nghĩa là nhìn thẳng vào hư vô. Sẽ không có gì ở đó. Và đây quả là điều đáng sợ, kinh khiếp.

Ngay tại cốt lỏi là rỗng không, là hư vô. Cái bánh xe của vạn pháp chuyển động chung quanh chiếc trục của hư vô. Thế nên, kinh hãi trước một nội tại rỗng không, chúng ta đã đổ xô tìm đến cái thế giới ngoại tại này. Mối kinh hoàng trước tình trạng phi-hữu của chính mình đã dẫn con người hối hả chạy đi trên muôn ngàn lối rẽ. Đó là cái mà Thiền gia gọi là "thế giới ta bà". Bạn cứ không ngừng chạy vào hướng này, chạy qua hướng khác. Bạn *phải* chạy tất bật như thế bởi vì nếu không, bạn sẽ bị rơi tỏm vào hư vô… và đó chính là nỗi sợ. Bạn sợ hãi chuyện đó -bạn không muốn nhìn thấy một điều là bạn không thực sự hiện hữu.

Cái hữu thể của bạn là phi-hữu và bạn chưa sẵn sàng để nhìn thẳng vào đó, để chấp nhận nó. Bạn chỉ là một cái thây ma sống. Cái chết có mặt ở đó và ngay chính cốt lõi của sinh thể bạn chỉ là rỗng không –cái mà Đức Phật gọi là *anatta*, vô ngã. Không hề có một cái ngã thường hằng, không hề có một hữu thể, không hề có một cái "Ta". Và thế rồi bằng cách nào đó, con người đã hiểu được chuyện này -thế là không còn ai hướng nội nữa, người ta hướng ngoại. Với hướng ngoại, bạn có thể gạt gẫm chính mình, lừa dối chính mình. Bạn có thể tạo ra một ngàn lẻ một cuộc chơi và đắm chìm trong đó –dĩ nhiên là chúng chẳng giúp ích được gì cho bạn, nhưng ít ra cũng để cho bạn qua thì giờ. Bạn có thể trở nên mê đắm trong đó bởi vì chỉ trong những giây phút đắm say đó mà bạn có thể quên đi cái nội tại rỗng không của mình.

Tuy nhiên cái nội tại rỗng không này không phải là một ngẫu nhiên. Nó không hề là một tình cờ mà chính là cái bản thể uyên nguyên của bạn. Thế nên bạn không thể nào chạy trốn khỏi nó, cho dù bạn muốn làm cách gì đi nữa. Không ai có thể đào thoát khỏi nó. Bạn có thể tiếp tục trì hoãn, bạn có

thể tiếp tục khất lại, tuy nhiên không sớm thì muộn rồi bạn cũng phải thực chứng cái kinh nghiệm này.

Và cái ngày đó, ngày mà bạn nhận ra được cái nột tại phi hữu của mình, sẽ là môt ngày tràn ngập ân sủng. Bởi vì với kinh nghiệm thực chứng này, tất cả mối lo sợ của bạn từ nay tan biến. Khi nhận ra được rằng mình không thực sự hiện hữu, làm sao mà bạn còn sợ hãi được -sợ cái gì? tại sao sợ? mà *ai* là người sợ đây? Một khi bạn thấy rằng mình không thực sự hiện hữu, còn chỗ nào để tham ái nẩy sinh? Với ai? Cho ai? Từ ai? Vì *Tanha -Ái-* đã diệt nên *Hữu* không còn. (1)

Khi bạn không thực sự hiện hữu, làm thế nào mà bạn còn có ý niệm về hữu nữa? Nhận ra cái phi hữu của mình cho ta một niềm an bình lớn lao. Từ đây kẻ kiếm tìm biến mất, kẻ tham ái biến mất, làm sao còn kiếm ra kẻ sở hữu? Thế là cả cái nền móng đã sụp đổ -kéo theo toàn bộ cái lâu đài làm bằng những quân bài cũng sụp đổ theo.

Trừ phi bạn nhận ra cái phi hữu nội tại này –cái vô ngã, cái phi hữu hay là cái chết đó … Nhà Thiền gọi đó là "đại tử", bởi vì đây không phải là cái chết đời thường. Cái chết của đời thường chẳng có gì đặc biệt -bạn chết ở chỗ này, rồi bạn lại sanh ra ở chỗ kia ngay lập tức. Bạn rời bỏ một xác thân này –ngay cả khi bạn chưa hoàn toàn từ bỏ nó, bạn đã chui vào một bào thai khác rồi. Chẳng có gì là đặc biệt.

Cái chết thực sự là khi bạn mặt đối mặt với cái nội tại phi hữu của bạn, đối mặt với cái hố thẳm đó. Người ta kinh hoàng, người ta muốn chạy dang ra khỏi nó. Có người muốn bỏ nó lại ở đằng sau, có người muốn lấp đầy hố thẳm. Đó là những gì mà con người cứ tiếp tục làm hoài không thấy chán.

Cõi trầm luân sinh tử này –*sansara*- chẳng là gì cả ngoài nỗ lực để lấp đầy cái khoảng trống nội tại. Người ta lấp đầy nó bằng tiền tài, bằng gái đẹp, bằng trai tơ, bằng quyền lực, bằng bất cứ thứ gì –nhà cao cửa rộng, danh vọng quyền uy- phải lấp đầy. Tiếp tục liệng đủ thứ vào đó –cho đến một ngày đủ để bạn có thể cảm nhận rằng mình là cái gì đó, là một nhân vật nào đó, mình không phải là thứ vô danh tiểu tốt. Thế nhưng chuyện này sẽ không bao giờ xảy ra, sẽ không thể nào xảy ra. Bởi vì cái hố thẳm đó là không đáy -bạn cứ tiếp tục liệng đủ thứ vào và chúng cứ tiếp tục biến mất.

Có một câu chuyện khá nổi tiếng của huyền môn phái Sufi. Một tên hành khất định đến gặp vị đương kim hoàng đế. Thời may, vị hoàng đế vừa xuất cung để đi tản bộ buổi sáng. Thấy người hành khất đứng bên đường, nhà vua hỏi, "Nhà ngươi muốn gì?" Người hành khất cả cười, "Cái cách nói của ngài –nhà ngươi muốn gì?- làm như nhà vua có thể thoả mãn được mọi ước vọng của tôi!"

Cảm thấy bị thách đố, vị hoàng đế không chịu thua, "Được rồi, ta có thể làm thoả mãn ước vọng của ngươi. Cho ta biết, ngươi muốn gì?" Người hành khất cảnh cáo, "Hãy suy nghĩ kỹ trước khi ngài hứa hẹn bất cứ điều gì."

Dĩ nhiên tên hành khất này không phải là một tên hành khất tầm thường, ông ta chính là vị thầy dạy đạo cũ của vị hoàng đế trong tiền kiếp. Và vị đạo sư này đã nguyện rằng, "Ta sẽ tái sinh trở lại để cứu độ ngươi một lần nữa trong kiếp tới. Kiếp này ngươi đã lỡ -nhưng ta sẽ trở lại."

Tuy nhiên vị hoàng đế đã hoàn toàn quên hết chuyện xưa –có ai nhớ lại được tiền kiếp của mình đâu? Thế nên ông ta tiếp tục khẳng định, "Cứ cho

ta biết và ta sẽ thoả mãn điều ước muốn của ngươi. Ta là một đại hoàng đế -cái gì nhà ngươi muốn mà ta lại không thể thoả mãn được?"

Đến đây người hành khất trả lời, "Ước muốn của tôi rất đơn giản. Ngài có thấy cái bát xin cơm của tôi không? Xin vui lòng làm đầy nó cho tôi. Ngài có thể bỏ vào đó bất cứ cái gì. Tôi không đòi hỏi kim cương hay vàng bạc châu báu -cứ bỏ vào bất cứ cái gì! Ngài có thể làm đầy nó không?"

Vị Hoàng đế cười, "Được rồi! Ngươi có khùng không? Tại sao ta lại không thể làm đầy nó được?" Xong ông ta kêu người hầu cận, "Bỏ tiền vào cái bát của tên hành khất kia." Vị quan hầu tuân lệnh. Đây chỉ là một cái bình bát nhỏ, nhưng rồi nhà vua bỗng cảm thấy kinh hoàng. Bao nhiêu tiền bạc bỏ vào đó, nó cứ tiếp tục biến mất. Cái bình bát cứ tiếp tục trống rỗng, trống rỗng và trống rỗng.

Cả hoàng gia đều chạy đến. Và rồi tin đồn lan nhanh khắp cả kinh thành, dân chúng cũng ùn ùn kéo đến từ khắp mọi nơi. Cả một đám đông bao quanh, danh dự và uy tín của nhà vua đang bị đe dọa, lâm nguy. Nhưng ông ta là người nói đâu ra đấy. Thế nên nhà vua bảo vị quan hầu cận, "Nếu có bị mất hết cái vương quốc này ta cũng sẵn sàng đánh đổi, nhưng ta không thể nào thua cuộc tên ăn mày này. Cái bát này quả thật kỳ diệu – nhưng ta sẽ phải chứng tỏ được là ta sẽ làm đầy nó."

Thế rồi cái kho tàng tài sản của nhà vua cũng đã được đổ hết vào đó, và tiếp tục biến mất. Người ta chạy tới chạy lui từ hoàng cung cố gắng bỏ vào đó bất cứ cái gì –nhưng cái bình bát này có vẻ như là không đáy, tất cả mọi thứ đều biến mất ở trong đó. Một khi đã bỏ cái gì vào, bạn không bao giờ còn trông thấy nó nữa, nó không còn hiện hữu nữa. Nó đã bị giải chất - hoặc đại khái như thế.

Và rồi kim cương, ngọc ngà châu báu … tuần tự biến mất. Lập tức vị quan hầu cận bảo nhà vua, "Không ổn rồi. Bệ hạ phải chấp nhận thua cuộc thôi. Tên ăn mày này không phải là một tên ăn mày tầm thường, chắc vậy. Y muốn trao cho Bệ hạ một thông điệp gì đó. Ngài nên đầu hàng đi thôi."

Trời đã tối, cả hoàng cung đều tụ tập nơi đây và dân chúng bao quanh trong tuyệt đối im lặng. Người ta chờ đợi trong kích động một biến cố lớn lao, "Điều gì sẽ xảy ra đây?" Cuối cùng, vị hoàng đế đã phủ phục xuống chân người ăn mày, "Thưa ngài, xin lỗi ngài. Tôi đã sai lầm khi cho rằng mình có đủ thứ. Thật ra tôi chẳng có gì cả để làm đầy cái bát của ngài. Bây giờ chỉ có một điều –có gì bí ẩn trong cái bình bát này? Làm ơn cho tôi biết một điều duy nhất. Tôi chấp nhận thua cuộc, ngài là kẻ chiến thắng –tuy nhiên trước khi ngài rời tôi, xin làm ơn thoả mãn điều tò mò duy nhất của tôi: Cái bình bát này được làm bằng cái gì?"

Người hành khất cười lớn, trả lời, "Thế là ông không nhớ tới tôi một chút nào cả sao? Ông đã hoàn toàn quên mất tôi rồi sao? Hãy nhìn thẳng vào mắt tôi! Tôi là vị đạo sư cũ của ông đây. Và đây là điều mà tôi cũng đã từng dạy ông trong tiền kiếp, nhưng ông chẳng hề lắng nghe. Cái bình bát này không có gì ma thuật trong đó. Cái bình bát này chi đơn giản làm bởi tâm của con người. Không có gì bí ẩn trong đó cả. Tâm con người là như thế đó."

Cái bình bát bí ẩn! Bạn cứ tiếp tục liệng vào đó đủ thứ -liệng cả cái thế giới này vào và rồi tất cả đều giải chất, biến mất. Tâm của con người không bao giờ cảm thấy thoả mãn, không bao giờ, không bao giờ.

Có bao giờ bạn gặp một người đã thoả mãn chưa? Nếu bạn đã từng gặp một người như thế, chắc chắn y sẽ là người hoàn toàn chấp nhận cái tánh không rỗng rang của mình. Đó là ý nghĩa của một vị Phật. Đó là ý nghĩa của giác ngộ -là người mà cái tánh không của y đã toả chiếu, sáng ngời rực rỡ. Y biết được rằng, "Đây là ta, đây là cái sinh thể của ta. Cái phi hữu này mới chính thực là sinh thể của ta." Và rồi y chấp nhận nó. Bây giờ không còn một nỗ lực nào để hủy diệt hoặc lấp đầy nó. Nó đã trở thành một như thị tuyệt vời.

Cái tri kiến này đã chuyển đổi đời sống. Bằng không bạn sẽ cứ mãi hoài tất bật. Hãy thử đi vào lòng tham đắm của một người: đâu là cái động cơ của lòng thăm đắm đó? Khi bạn tham đắm một cái gì, một sự bức xúc lớn lao tràn ngập con người bạn, một sự rung động cực kỳ, thúc đẩy phiêu lưu. Bạn cảm thấy như có được một sức bật mạnh mẽ. Đối tượng như đang ở trong tầm tay, bạn sắp sửa túm được nó. Bạn sẽ có nhà cao cửa rộng, cái vườn xinh xắn kia, người đẹp này, chiếc du thuyền, cái xe hơi sang trọng - bạn sẽ có nó trong tay, và tất cả tạo nên sự bức xúc. Thế rồi bạn có đủ cả, chiếc xe, cái nhà, chiếc du thuyền, người đẹp … và bỗng nhiên, tất cả đều trở thành vô nghĩa.

Điều gì đã xảy ra? Chính cái tâm của bạn đã giải chất chúng. Chiếc xe đang đậu trước cổng, nhưng bỗng dưng bạn không còn cảm thấy thích thú nữa. Nỗi bức xúc chỉ là làm sao để có được chiếc xe đó, thế là bạn đã bị lôi cuốn vào trong sự thôi thúc này. Một khi đã bị cuốn hút vào đó, bạn đã quên đi cái tánh không của mình. Bạn bị lôi cuốn tới mức mà cái tâm của bạn đã hoàn toàn bị chế ngự bởi lòng tham muốn. Bạn say sưa với nỗi tham đắm của bạn tới mức bạn quên luôn cái rỗng rang nội tại của mình. Bây giờ thì lòng tham muốn đã được thoả mãn, chiếc xe đang đậu ở ngoài cổng, người đẹp đang ở trong phòng, tiền bạc đang ở trong nhà băng –và rồi, niềm

thích thú biến mất. Cái trống rỗng lại sừng sững hiện đến, đang ngoác mồm ra ở trong bạn như sẵn sàng ăn tươi nuốt sống bạn.

Thế là bạn lại phải tạo ra một sự tham muốn khác nhằm trốn chạy cái miệng hố đó, trốn chạy bóng dáng cái chết đang chờ đợi bạn ở nơi kia. Nó có thể nuốt chững bạn chỉ trong nháy mắt -nếu bạn không bám chắc vào cái gì đó, nó sẽ nuốt bạn thôi. Thế là bạn bắt đầu trở lại. Bạn nghĩ đến những cái nhà khác, những người đàn bà khác, những nơi chốn khác, những phố thị khác…

Đó là cách thế mà con người không ngừng chạy từ sự tham đắm này đến một tham đắm khác. Đó là lý do tại sao con người cứ mãi như là một tên hành khất. Từ sự tham đắm này qua sự tham đắm khác, con người đã gõ lên cả một ngàn lẻ một cánh cửa. Thế nhưng chẳng hề có cái nào được thoả mãn.

Bạn có thấy không, những kẻ trưởng giả giàu có thường là những kẻ buồn chán nhất trên thế gian này? Tại sao? Tất cả sự tham muốn của họ đã được thoả mãn –cũng có nghĩa là chẳng có gì được thoả mãn hết. Họ đã có ngôi nhà đẹp nhất mà họ mong muốn -rồi sao? Bây giờ thì họ không thể nghĩ về một ngôi nhà nào đẹp đẽ hơn nữa. Tôi được biết một vài người giàu có, họ có đủ tất cả những gì có thể có. Rồi sao? Bỗng dưng họ rơi vào ngỏ cụt.

Có lần một nhà chiêm tinh nói với Đại Đế A Lịch Sơn: "Thưa Ngài, ngài sẽ có trong tay cả thế giới này. Đó là số mệnh của ngài, ngài sẽ chiến thắng tất cả. Nhưng tôi muốn nhắc nhở ngài một điều: Khi ngài đã chiếm được cả thế giới này, rồi ngài sẽ làm gì? Bởi vì sẽ không còn một thế giới nào khác nữa."

Và câu chuyện kể lại rằng, đây là lần đầu tiên trong cuộc đời của Đại Đế A Lịch Sơn, ông cảm thấy rất buồn rầu. Bỗng dưng cái ý tưởng, cái ý tưởng cơ bản này thật là kinh hoàng –"Ngài sẽ chiến thắng khắp cả thế giới này, rồi sao nữa?" Bạn có thể hiểu được, trong giây phút đó bỗng dưng ông ta bị liệng trở lại với nỗi trống rỗng của đời mình.

Vâng, bạn có thể có trong tay cả cái thế giới này, nhưng với cái tâm của bạn như thế, tất cả rồi cũng sẽ trở thành vô nghĩa. Cái giây phút bạn chiếm lĩnh được nó, nó sẽ không còn ý nghĩa gì nữa. Hãy thấy cái luận lý của vấn đề: Cái khoảnh khắc mà bạn đạt được một cái gì đó, ngay lập tức nó sẽ trở thành vô nghĩa. Nếu có đủ trí thông minh bạn sẽ nhận ra ngay chuyện này. Khi chiếc xe đẹp đã đậu trước cổng nhà, nó trở thành vô nghĩa. Khi người đẹp ở trong phòng bạn, cái ý nghĩa của nó cũng đã biến mất rồi.

Tôi đã từng được nghe những giai thoại về Lord Byron (2), một trong những đại thi hào của Anh quốc, rằng ông ta yêu không biết bao nhiêu là phụ nữ -khoảng chừng sáu chục người trong suốt cuộc đời ông. Ông ta yêu hôm nay và kết thúc ngày hôm sau –ông ta làm tình chỉ một lần với một người đàn bà, và thế là chấm dứt. Ông ta phải là người cực kỳ thông minh, nếu sinh ra ở Ấn Độ, không chừng ông ta có thể đạt thành chánh quả.

Cuối cùng một phụ nữ đã thuyết phục được Byron kết hôn với mình, bởi vì nàng ta không cho phép ông làm tình với mình trừ phi họ thành vợ chồng. Bà ta biết rằng Byron đã đi qua đời không biết bao nhiêu phụ nữ, và một khi ông ta làm tình với ai, người đó chẳng còn ý nghĩa gì đối với ông ta nữa. Ông ta sẽ quay mặt đi làm như chẳng hề quen biết gì với họ. Tất cả mọi năng lực, tất cả tình yêu, tất cả những lãng mạn của ông đều như tan biến đi.

Khi biết được như vậy, một phụ nữ đã cương quyết không cho ông ta đụng đến thân mình khi họ chưa kết hôn. Điều này đã làm cho Byron vô cùng phấn khích –và lẽ tự nhiên là càng bị khước từ chừng nào càng gợi lòng tham muốn của Byron chừng nấy. Ông ta hầu như muốn điên lên vì người đàn bà này. Cuối cùng ông ta đồng ý kết hôn.

Một người quả là rất mực khùng điên mới đi kết hôn –nếu không khùng thì cũng mát giây. Và phụ nữ thì có trực giác rất nhạy bén về vấn đề này. Họ không cho phép người đàn ông có quan hệ quá thân mật với mình trừ phi họ cảm thấy được ổn thỏa với chuyện hôn nhân, trừ phi họ thấy được bảo vệ bởi luật pháp. Trừ phi có sự bảo đảm vững chắc bằng luật pháp, tình yêu của họ sẽ tan biến đi như giọt sương mai trong nắng sớm. Hôn nhân là một bảo đảm pháp lý vững chắc, bạn có thể tin cậy vào đó. Đằng sau nó có cả toà án, cảnh sát lẫn quan toà.

Tình yêu chỉ như là một hạt sương mong manh –trong nắng mai nó có thể tan biến đi trong khoảnh khắc. Vừa mới thấy đây, trong phút giây thôi đã biến mất rồi; bạn không thể nào tin cậy vào nó. Phụ nữ rất là thực tế, họ có trực giác để nhận biết rằng tình yêu không tồn tại lâu dài. Thế cho nên trước khi nó tan biến đi, bạn cần có pháp lý vững chắc để giúp bạn.

Người phụ nữ này quả tình rất thông minh, bà ta buộc Byron phải tiến đến hôn nhân. Thế là ông ta không thể nào từ chối. Trong khi họ đến nhà thờ làm lễ cưới –trong khi chuông thánh lễ còn đang rung, khách khứa đang chào hỏi, chúc mừng… Tay trong tay, họ rời khỏi nhà thờ, bước xuống những tầng cấp -bỗng nhiên tân nương có cảm giác rằng Byron như đã bị hớp hồn. Ông ta vừa trông thấy bóng dáng một bóng hồng vừa bước ngang qua đường. Thế là đang bước đi, nhưng hồn của ông ta đã không còn ở đó nữa. Đôi tay đang ở đây, nhưng chẳng khác gì bàn tay của xác

chết -nỗi rạo rực của tình yêu không còn, trái tim của ông ta không còn lưu dấu ở trong bàn tay đó nữa. Cảm nhận điều này, tân nương cất tiếng, "Anh đang suy nghĩ điều gì? Tâm hồn của anh đang ở đâu rồi?"

Về mặt này thì Byron rất thành thực. Ông ta thú thật, "Xin lỗi em, thế nhưng cuộc hôn nhân của chúng ta có vẻ như đã kết thúc. Cái cô gái vừa đi ngang qua đã hớp hồn anh rồi. Anh biết rằng chỉ mới vài giờ đồng hồ trước đây, anh đã say đắm em, và sẵn sàng để làm mọi thứ, kể cả chết vì em nếu cần. Thế rồi bỗng dưng khi biết em đã hoàn toàn thuộc về anh, nó không còn cho anh cái hứng khởi của một cuộc phiêu lưu. Bây giờ bàn tay em ở trong tay anh; anh đã chiếm được em, và rồi tất cả những khao khát để chiếm được em đã tan biến đi mất."

Tôi rất thích cái ông Byron này, một người rất mực thông minh. Ông ta đã bị cái xã hội mà ông ta đang sống lên án mạnh mẽ -ông ta đã bị trục xuất ra khỏi Anh quốc, bởi vì mọi người đều lo sợ Byron. Người ta kể rằng hễ mỗi lần ông ta xuất hiện tại khách sạn, nhà hàng, mọi người đàn ông đều dẫn vợ mình bỏ đi nơi khác. Ông ta là một người rất khả ái! Thế nên tất cả những đức ông chồng đều họp nhau lại để chống Byron, tất cả mọi đấng làm cha cũng kết hợp lại để chống Byron, và cuối cùng ông ta bị buộc phải rời khỏi nước Anh. Chuyện cũng kể lại rằng, ngày mà Byron giã từ đất nước ra đi, đã có đến hàng ngàn người tụ tập để chứng kiến việc này. Và trong số hàng ngàn người đó, có đến hàng trăm phụ nữ giả dạng đàn ông, trong y phục nam nhân -kể cả những người thuộc gia đình quý tộc, giàu có- đã có mặt để nhìn Byron lần cuối.

Quả tình ông ta là người đàn ông tuyệt vời -rất mực thông minh, rất mực đẹp trai. Ông ta thực sự là một nhà thơ; thi ca như rung lên trong từng hơi thở của ông. Thế nhưng ông ta đã bị trục xuất -đất nước Anh không thể

dung chứa được ông, ông ta quá đổi nguy hiểm. Thế nhưng những quán chiếu nội tâm của ông ta lại rất mực có ý nghĩa. Hãy nhìn vào sự sáng suốt này: ông ta nói với người đàn bà … chắc chắn phải là người rất can đảm mới có thể nói những lời như thế với một phụ nữ -nhất là khi hai người vừa mới kết hôn! Trong khi chuông nhà thờ còn đang đổ, trong khi khách khứa còn đang tham dự lễ, trong khi họ tay trong tay bước ra khỏi nhà thờ và chàng bỗng nói với nàng, "Xin lỗi, anh không còn thích thú để sống với em."

Trung thực như thế, chân thành như thế, đó là phẩm chất của một con người tín ngưỡng. Quả là điều bất hạnh cho Byron khi đã sinh ra tại Anh quốc, ông ta nên chọn Ấn Độ thì đúng hơn. Ở Ấn có thể ông ta đã thành Phật không chừng -sự hiểu biết sâu sắc này khiến một người có thể trở thành giác ngộ. Một con người với bộ óc thông minh như thế, nếu y tìm ra một đạo lộ đúng đắn, y sẽ nhảy ngay vào ngọn lửa này, đó chính là ngọn lửa của Phật quả.

Bất cứ lúc nào bạn đạt được một cái gì đó, bạn sẽ bắt đầu cảm thấy chán ngấy nó ngay. Ai cũng đều có kinh nghiệm này, nó đã xảy ra với tất cả mọi người, cách này hay cách khác. Có thể là bạn đã không nói ra điều này, ngay cả với chính mình, có thể là bạn không chịu chấp nhận một sự thật như thế. Bởi vì nó quá đổi kinh hoàng, hãy xem, bạn làm việc cật lực trong suốt bảy năm trời mới dành dụm đủ số tiền để mua một ngôi nhà –bây giờ thì bạn đã có trong tay ngôi nhà mơ ước ở trên ngọn đồi cao, bỗng dưng, trong khoảnh khắc mà ngôi nhà thuộc về bạn, khi văn tự nằm ở trong tay, bạn không còn cảm thấy thích thú nữa.

Thế nhưng mọi chuyện đều như thế cả. Người trí sẽ nhận ra điều này ngay lập tức, còn kẻ ngu thì có thể phải mất đến hàng tháng trời, hay vài ba

năm, tuy nhiên đây không phải là điểm quan trọng -vấn đề là, một ngày nào đó rồi y cũng sẽ thấy cuối cùng cũng chẳng có gì. Chỉ là một ảo ảnh. Nó đã xảy ra trong đời bạn như thế không biết bao nhiêu lần -mỗi một ước vọng đều buồn chán thất vọng. Tất cả mọi mộng ước ham muốn đều đưa bạn đến chỗ buồn chán vỡ mộng. Và một phương cách duy nhất để thoát ra khỏi cơn buồn chán này là bạn tạo ra những ước vọng lớn hơn và đắm chìm vào đó.

Đây là một sự xuẩn động. Đây là những gì mà Phật đã gọi là *avidya* –vô minh. Nhìn thấy được lòng tham muốn tàn lụi, bạn thì không hề nhìn thấy cái lòng tham đắm như thế lại sẽ tàn lụi. Ngày mà bạn chứng nghiệm được điều này, sẽ là một bước ngoặc quan trọng trong đời bạn -bạn sẽ quay 180 độ. Đó là những gì mà người Cơ Đốc gọi là "conversion" –có nghĩa là "quay vào hướng nội".

Đức Phật thì có một danh từ chính xác để chỉ điều này, ngài gọi là *paravritti* -đột biến, hồi đầu quy y. *Paravritti* –quay một trăm tám mươi độ: nhận thấy rằng tất cả mỗi ước vọng tham muốn sẽ tàn lụi, không có cái gì thành tựu – ngay tự bản chất, nó không thể thành tựu. Khát vọng tham muốn chỉ là một trì hoãn; bất cứ lúc nào bạn đạt được, nó đều trở thành vô nghĩa. Nó chỉ hiện hữu khi nào bạn trông chờ nó, nó chỉ hiện hữu khi nào bạn tìm kiếm nó, nó chỉ hiện hữu trên hành trình mà bạn vươn tới. Khi mục tiêu đã đạt được, mọi chuyện đều kết thúc -bạn lại sẽ phải cần đến một sự tham muốn khác.

Tôi đã được nghe một câu truyện ngụ ngôn cổ điển. Ngày xưa có một thung lủng ở trong rặng Hy Mã Lạp Sơn. Đây là một thung lủng rất mực trù phú. Dân chúng rất giàu có sung túc, ở đây dư thừa tất cả những gì mà

người ta cần đến –nào là mùa màng, cây trái, bơ sữa, không thiếu vật gì- tất cả đều thừa mứa dư dả. Đất đai ở đây phì nhiêu đến độ chỉ cần một người làm việc là có thể nuôi sống toàn bộ gia đình. Như vậy là đủ rồi, một người làm việc là đủ cho cả gia đình.

Thế rồi người ta thấy cuộc sống bắt đầu nhàm chán. Ăn rồi chẳng có việc gì để làm cả -tất cả đều ở trong tầm tay, mọi người đều có đủ tất cả những gì mà họ cần đến. Họ cảm thấy chán làm sao, thế là họ bắt đầu suy nghĩ phải làm gì với đời mình đây, cuộc sống hình như không có một ý nghĩa nào cả. Hãy để ý rằng, bất cứ lúc nào một xứ sở trở nên giàu có, bạn sẽ thấy không biết cơ man nào là trường phái triết học xuất hiện cho rằng đời sống là vô nghĩa.

Đó là những gì đã và đang xảy ra ở thế giới phương Tây; các nhà triết học hiện sinh đều cho rằng đời sống là phi lý, vô nghĩa. Sartre, Kafka, Camus - đều đã nói như thế. Điều này chỉ xảy ra ở những xứ giàu, đây là biểu hiện của các quốc gia giàu mạnh –ngay lập tức các nhà triết gia mọc ra như nấm cho rằng đời sống là hoàn toàn vô nghĩa.

Trong các xứ nghèo, không có ai cho rằng đời sống là vô nghĩa cả; trái lại đời sống hàm chứa vô vàn ý nghĩa. Những chuyện nhỏ nhoi thôi cũng đã đủ có ý nghĩa rồi -miếng cơm manh áo cho vợ cho con, nơi trú ẩn để che nắng che mưa, một tấm xà rông mới cho người yêu của bạn, một món đồ trang sức nhỏ, tất cả đều hàm chứa ý nghĩa. Biết bao nhiêu thứ mà bạn không có, và bởi vì bạn không có chúng, thế nên chung quanh bạn có không biết bao nhiêu là điều ý nghĩa: bạn có thể có cái này, bạn có thể có cái kia, bạn có thể có hàng ngàn thứ cần dùng, thế nhưng bạn không có chúng. Thế là bạn đi từ ước muốn này đến ước muốn khác, và cái ý nghĩa do đó mà tiếp tục hiện hữu.

Một khi bạn đã có tất cả rồi, ý nghĩa của chúng tan biến mất. Đó là những gì đã xảy ra tại cái thung lủng trù phú kia, đó cũng là những gì đang xảy ra tại Mỹ quốc; đời sống trở nên tẻ nhạt, chán ngắt. Có thể nói rằng sự buồn tẻ đang ngự trị Mỹ quốc.

Tại cái thung lũng kia cuộc sống trở nên tẻ ngắt, và trong số đó dĩ nhiên ông vua là người buồn chán nhất. Thế là nhà vua nêu vấn đề với thần dân của mình: "Tìm những phương cách nào, tìm những cuộc phiêu lưu nào để dân chúng có thể tham gia vào. Bất cứ cái gì."

Có không biết bao nhiêu dự án được đề ra. Một người trai trẻ nảy sanh ra ý kiến, "Hãy nhìn xem cái đỉnh núi Hy Mã Lạp Sơn kia, nó cao vòi vọi đến chín tầng mây –chúng ta nên thử trèo lên đó." Mọi người đều cười, "Chưa từng nghe ai nói đến chuyện này. Làm sao mà trèo lên đó được? Rất là nguy hiểm. Không chừng lại làm cho ông thần núi nổi giận." Vị tu sĩ của vương quốc rất mực chống đối lại ý tưởng này. Ông ta bảo, "Chúng ta đang thờ phượng cái ngọn núi đó. Làm sao mà trèo lên đó được. Như vậy là làm mất tính chất linh thiêng của thánh địa."

Tuy nhiên nhà vua thì lại rất thích thú cái ý tưởng này và bảo mọi người, "Ý kiến này rất hạp ý ta." Dĩ nhiên chuyện này chẳng hề có một mục đích gì cả -nhưng một khi bạn đang buồn chán, chuyện gì cũng đều có vẻ hấp dẫn cả. Đó là cách thế mà con người tìm cách đổ bộ lên mặt trăng -chẳng có mục đích gì cả, hoàn toàn vô nghĩa, thế nhưng … bất cứ chuyện gì cũng có thể cho bạn sự kích thích, cho bạn một sức đẩy.

Bạn đã chứng kiến chuyện này chưa? Khi con người đầu tiên đặt chân lên mặt trăng, cả nhân loại hồi hộp theo dõi. Họ như dán chặt vào chiếc ghế

trước màn hình TV. Thế nhưng bạn biết không? -chỉ trong vòng nửa giờ thôi là mọi chuyện chấm dứt. Chỉ trong vòng nửa giờ là người ta thấy chán rồi, kết thúc! Chẳng có gì hấp dẫn lắm ở trên đó –và bây giờ người ta bắt đầu với sao Hoả, với những thứ khác.

Nhà vua rất thích thú và bảo người thanh niên, " Được rồi, nhà ngươi tổ chức chuyện này. Lập thành một nhóm và ta sẽ tài trợ tất cả tiền bạc cần thiết. Vâng, cần phải chinh phục cái đỉnh núi này. Nó đứng sừng sững ở đó, ngay trước mặt chúng ta, như một thách đố."

Nhà tu sĩ đã cố gắng thuyết phục nhà vua rằng đó là một việc làm vô ích – "Ngay cả nếu như chúng ta leo lên đó rồi, thì chuyện gì sẽ tiếp theo?" Nhà vua bảo, "Đó không phải là trọng điểm. Đâu ai cần quan tâm đến chuyện xảy ra kế tiếp sẽ là gì? Cứ việc leo, chuyện leo núi tự nó đã tuyệt vời rồi." Thế là cả vương quốc đều xôn xao chuyển động. Mọi người bắt tay vào làm việc cật lực, tạo đủ dụng cụ cần thiết cho việc leo núi -bởi vì trước đây chưa có ai thử làm chuyện này, nên không hề có những vật dụng chuyên môn.

Năm tháng trôi qua, người ta lần hồi thành công từng bước trong việc chinh phục ngọn núi cao. Một thế hệ qua đi, rồi thế hệ kế tiếp, cho đến thế hệ thứ ba thì mọi việc đã hoàn chỉnh. Nhưng khi họ tiến đến gần đỉnh núi, một ông lão, người đã sống suốt qua ba thế hệ và đã từng giúp đỡ công việc chinh phục ngọn núi như là một người hướng đạo thành thạo, bỗng dừng lại và bảo mọi người, "Hãy ngưng lại một chút. Tôi lo quá. Nếu như chúng ta leo lên đến đỉnh –bây giờ thì đó là điều chắc chắn rồi, chỉ trong một vài giờ nữa thôi –thì rồi đâu sẽ còn công chuyện gì để chúng ta làm kế tiếp?"

Tất cả nhóm đều rơi vào nỗi im lặng buồn bã. Nỗi chán chường đã trở lại với họ. Trong suốt ba thế hệ họ chưa hề biết đến buồn chán là gì. Trong suốt ba thế hệ họ sống trong sự kích thích tuyệt vời –tinh thần phiêu lưu mạo hiểm đánh động mọi người, họ đã bị chiếm lĩnh bởi cái ý tưởng này. Tuy nó không hề có ý nghĩa gì cả, tuy nó là một việc làm vô ích, nhưng nó đã xua đuổi được nỗi buồn chán. Bỗng dưng …

Câu chuyện cũng cho biết rằng cái ông lão kia không ai khác hơn là người thanh niên đã phát khởi ra cái ý tưởng leo núi trước đây: "Chúng ta hãy đi chinh phục đỉnh Hy Mã Lạp Sơn." Bây giờ ông ta bảo mọi người, "Này các cháu, tốt hơn hết là chúng ta nên tuột xuống tại điểm này và làm lại từ đầu. Bởi vì còn đỉnh núi nào chung quanh đâu; đây là đỉnh cao nhất. Một khi chúng ta đã chinh phục được nó, chúng ta sẽ làm gì đây?"

Được biết là cả nhóm đã suy nghĩ rất lâu -và rồi, từng người một họ lần lượt quay trở lại thung lủng và bắt đầu cố gắng để trèo lên ngọn núi trở lại.

Đó là những gì đang thực sự diễn ra. Chắc là bạn đã có lần nghe đến huyền thoại Sisyphus của người Hy Lạp, rằng Thượng Đế đã trừng phạt y, một lối trừng phạt rất lạ kỳ -y phải khiêng một tảng đá lên tận đỉnh núi cao. Tảng đá rất nặng nề, và càng lên cao thì càng trở nên nặng nề hơn. Đây quả là một công trình gian khổ mới khiêng được tảng đá lên đến tận đỉnh, có thể phải bỏ ra hàng năm mới thực hiện xong. Nhưng khi mang lên đỉnh núi rồi, y phải buông cho tảng đá lăn trở lại chân núi. Đấy là sự trừng phạt –y phải đi xuống thung lủng và bắt đầu khởi sự khiêng tảng đá lên đỉnh trở lại.

Trong thần thoại Hy Lạp, người ta nói rằng Thượng Đế đã rất giận dữ và trừng phạt Sisyphus theo cách như thế. Đối với tôi thì nó không như vậy.

Thật ra, sự trừng phạt tốt hơn là đừng để cho tảng đá lăn xuống núi trở lại. Để rồi Sisyphus sẽ làm gì đây, bạn biết không? Chắc là ông ta sẽ đập đầu vào hòn đá mà tự tử mất.

Thượng Đế của người Hy Lạp có vẻ không thông minh chút nào. Bạn nên học hỏi thêm điều này ở những ông Thượng Đế Ấn Độ. Nếu đây là một thần thoại của người Ấn Độ, thì sự trừng phạt có thể như thế này –khi y leo lên đỉnh núi, càng lên cao chừng nào thì tảng đá sẽ nhẹ đi chừng nấy, mọi chuyện càng trở nên thoải mái nhẹ nhàng hơn –càng lúc càng trở nên dễ dàng hơn. Bởi vì khi càng khó khăn gian khổ thì người ta càng bị kích thích với công việc. Khi mọi chuyện dễ dàng thì cái ngã của bạn không còn bị thách đố, và dĩ nhiên là sẽ không có gì thích thú. Và khi y lên đến tận đỉnh, công việc kết thúc. Sisyphus sẽ làm cái gì bây giờ? Nếu là Thượng Đế Ấn Độ, ông ta sẽ bỏ mặc Sisyphus với cái tảng đá của y ở trên đỉnh núi kia. Y sẽ làm gì đây? Y sẽ đập đầu vào tảng đá để chết thôi!

Câu chuyện thần thoại Hy Lạp có vẻ như là một ân thưởng chứ không giống trừng phạt một chút nào. Sở dĩ nó được xem như là trừng phạt bởi vì chúng ta đã không hiểu được đời sống. Cái khoảnh khắc mà Sisyphus lên tới đỉnh, cái khoảnh khắc mà y đạt tới đích, cái tảng đá lại lăn xuống thung lủng và Sisyphus lại tuột xuống, chạy đi tìm tảng đá lần nữa –đó là sự trừng phạt. Và rồi y lại bắt đầu tiếp tục khiêng nó lên núi trở lại.

Đây là cách thế xảy ra trong đời sống. Bất cứ lúc nào khi bạn hoàn thành xong một điều ước vọng, thì giống như tảng đá kia, nó lại lăn xuống thung lủng và bạn phải đi trở lại từ đầu. Bạn lại phải có một ước vọng khác để theo đuổi, một ước vọng mới mẻ hơn. Đời sống một lần nữa lại có một niềm bức xúc khác, và bạn một lần nữa có cơ hội để quên đi cái trống rỗng nội tại của mình. Cái này được gọi là *sansara* –cõi trầm luân sinh tử. Lẩn

tránh chính mình đó là những gì được gọi là *sansara* -chạy trốn chính bạn, bỏ lại đằng sau cái cốt lõi uyên nguyên. Lạc lối trong cơn lốc xoáy và không bao giờ biết đến cái trung tâm cơn bảo rất mực lặng yên. Dính mắc vào cái bánh xe quay và những nan hoa mà không bao giờ bám vào trung tâm của cái trục cố định.

Thế nhưng cái bánh xe luôn quay chung quanh một bộ phận cố định, và cơn bảo hiện hữu trên một trung tâm điểm lặng yên. Cuộc sống cũng y như thế, như một cái bánh xe. Và tận trong sâu thẳm của cốt lỏi uyên nguyên là phi-hữu –*anatta*, vô ngã. *Shunyata*, tánh không. Cũng cần lưu ý rằng, 'tánh không" không có nghĩa là hoàn toàn không có gì cả, mà là nguồn cội của tất cả. Tất cả đều được phát xuất từ đó, nó là hạt giống của tất cả vạn hữu. "Tánh không" chỉ đơn thuần có nghĩa là không sắc tướng – đó là cõi không sắc tướng. Đây là một khoảng không vô sắc, vô giới hạn.

Một khi bạn bắt đầu hoà điệu với cái rỗng không vô sắc này, không còn tìm cách chạy trốn nó, cũng là lúc cuộc hành trình trở về quê nhà đích thực của bạn khởi sự. Và cái ngày mà bạn trở lại mái nhà xưa, cái khoảng rỗng không mênh mang này … bạn sẽ chìm ngập trong một niềm hoan lạc -bạn sẽ không còn cảm thấy mình là một kiều dân, khách lạ. Lúc đó sẽ là một ân sủng vô biên.

Cái tâm của người phương Tây cảm thấy vô cùng bất ổn với ý niệm này – "Làm sao cái tánh không lại có thể là một niềm vui?" Bạn luôn luôn cố gắng để cho thấy rằng mình đang hiện hữu, trong khi cái tánh không này có vẻ như là cái chết, là hư vô đoạn diệt. –Làm thế nào không tánh lại có thể là một niềm vui được? Đó là lý do tại sao các triết gia phương Tây thường cho rằng Đức Phật là người bi quan yếm thế vào bậc nhất trên thế gian này. Đâu phải thế; đây là sự lý giải. Tâm của người phương Tây nghĩ

rằng, "Đi vào một sự rỗng không, đâu có niềm vui gì ở đó?" Thế nhưng bạn đã không hiểu được vấn đề. Một khi nhận thấy rằng mình là không, là một giả hợp, đâu còn gì để bạn có thể lo lắng băn khoăn. Bây giờ ngay cả cái chết cũng sẽ không còn làm bạn sợ hãi. Bạn đã là không, làm sao cái chết có thể hủy diệt được bạn? Bạn đã được giải phóng khỏi cái chết. Khi nhận thức được mình là không, bạn sẽ không còn quan tâm đến thành công hay thất bại, đâu có ai ở đó để thành công, đâu có ai ở đó để thất bại? Một sự thanh thản khởi dậy, tất cả đều bình đẳng. Một khi đã nhận ra cái tánh không này, đâu còn gì có thể làm bạn căng thẳng? Không còn áp lực, không còn căng thẳng. Không còn nguyên nhân nào để tạo ra bất kỳ sức căng nào; không còn một gợn sóng nhỏ nào khởi dậy trong tánh không. Bạn hoàn toàn thư giản, bạn trở nên an lạc.

Tánh không này là một yên nghỉ tột cùng - hoàn toàn yên nghỉ. Tất cả mọi chuyện đều đã dừng lại, tất cả mọi chuyện đã đến điểm ngừng. Bây giờ thì bất cứ chuyện gì xảy ra cũng chẳng còn mang một ý nghĩa nào nữa, bạn sẽ không còn bị khuấy động bởi chúng. Bạn trở thành giàu có ư, điều này chẳng hề làm bạn xao động. Bạn trở thành nghèo hèn ư, điều này chẳng hề làm bạn buồn phiền. Bạn thành công, cũng OK thôi. Bạn thất bại, cũng tốt. Mọi chuyện vẫn luôn tốt đẹp -một sự bình ổn đã khởi dậy trong sinh thể bạn. Bây giờ thì bạn đã trở nên quân bình, hoàn toàn quân bình. Cuộc đời rẻ qua trái, cũng thế. Cuộc đời rẻ qua phải, cũng vậy thôi. Sẽ chẳng có gì quan trọng; không còn vấn đề gì quan trọng nữa.

Đây là những gì mà chúng ta gọi là an lạc. An lạc không hề đồng nghĩa với hạnh phúc, an lạc là một siêu việt; nó không là bất hạnh cũng không là hạnh phúc. An lạc là trạng thái của một sinh thể không còn xao động, không còn bị quấy nhiễu dù bất cứ chuyện gì xảy ra chung quanh. Cơn lốc

xoáy cứ tiếp tục sấm chớp bảo bùng, nhưng ở ngay cốt lõi trung tâm của nó vẫn tĩnh mịch lặng yên. Sự thanh bình đã khởi dậy.

Đây là những gì mà chúng ta gọi là *tam ma địa*. Chỉ có hai cách thế duy nhất trên thế gian này: một là rời xa chính mình hai là tìm đến chính mình. Rời xa chính mình thì có đến trăm phương ngàn lối. Có người chạy theo tiền tài, có người chạy theo quyền lực, có kẻ lại mê đắm tửu sắc, ma túy –hàng ngàn con đường, lối rẽ. Tuy nhiên tất cả trên cơ bản đều có chung một hướng –đó là vô hướng, bất định, hướng ngoại. Càng đi càng rời xa khỏi trung tâm hướng về ngoại biên. Và cái ngoại biên đó đã không hề hiện hữu.

Thế là bạn cứ tiếp tục đi, đi mãi, đi hoài –để rồi ngày càng thất vọng thêm, bất mãn thêm, khổ nảo thêm. Và cái kết quả cuối cùng sẽ là điên loạn. Nếu phương Tây đi đến điểm cùng cực của luận lý, toàn bộ xã hội phương Tây rồi sẽ nổi khùng lên. Nếu cái tâm hướng ngoại này được căng ra đến tận cực điểm, điều duy nhất có thể xảy ra chỉ là điên loạn mà không là gì khác. Vâng, cái kết quả cuối cùng sẽ là điên loạn.

Một cuộc hành trình khác là hướng nội. Trở về lại mái nhà xưa, quay về nội tâm. Ngay khi bạn khởi đầu cuộc hành trình hướng nội, sẽ yên bình hơn, tĩnh lặng hơn, thanh thản hơn, bình ổn hơn, hướng tâm hơn, trở về côi nguồn hơn -chúng bắt đầu xảy ra một cách tự phát. Cái ngày mà bạn trở về lại mái nhà xưa, sự an lạc chợt đến.

Hãy lắng nghe đôi điều Christmas Humphreys (3) nói với chúng ta:

“Kế đến là bước nhảy … Thế nhưng cái hố thẳm mà chúng ta rơi vào là khoảng đầy/rỗng không. Bước nhảy vọt khởi đi từ niệm đến vô niệm -từ

cái rốt ráo nhị nguyên của vọng tưởng/thực tại đến sự bùng vỡ của tiếng cười và một tách trà. Nhưng giờ đây cái dĩa đựng tách trà được nhìn với đôi mắt tinh khôi làm sao! Bạn dọn dẹp chiếc bàn với cái tâm thanh thản nhường nào!"

Mọi chuyện vẫn như cũ. Bạn uống trà, và bạn cũng phải dọn dẹp chiếc bàn của bạn thôi. Thế nhưng nó thanh thản làm sao! Tĩnh lặng làm sao! Ấm lòng làm sao!

Điệu múa vẫn tiếp nối nhưng bây giờ đã không còn người múa. Và khi người múa không còn, điệu múa trở nên uyển chuyển duyên dáng. Khi người múa không còn, tất cả ý thức tự ngã biến mất, bởi vì cái ngã đã không còn. Khi ý thức tự ngã biến mất, điệu múa trở thành một toàn bộ, một tổng thể. Lúc đó chỉ còn điệu múa mà không còn người múa. Càng có ý thức tự ngã chừng nào, cuộc đời bạn càng ít an lạc chừng nấy, bởi vì nó sẽ bị chia lìa, phân tán –nó sẽ rơi vào trạng thái tâm thần phân liệt, sẽ bị phân hoá hơn.

Khi bạn là một nhất thể -là một toàn bộ mà ngay cả một hành động đã nói lên tất cả, không hề có một đạo diễn đứng ở đằng sau- từ đó là muôn vàn độ lượng, từ đó một nét đẹp trinh nguyên, một ân sủng mới mẻ, đi vào đời bạn.

Bạn vẫn tiếp tục sống đời sống cũ –đó là điều mà Thiền vẫn luôn nhấn mạnh. Bạn vẫn làm công việc nấu ăn, chẻ củi, gánh nước từ giếng vào –nhưng với thanh thản, với độ lượng biết bao! Cứ như là phép lạ! Bạn vẫn tiếp tục đi giữa cuộc đời tươi đẹp này mà không còn cái ngã. Và rồi cây cỏ sẽ giao hoà với bạn, chim chóc sẽ giao hoà với bạn và sỏi đá cũng thế.

Chính cái bản ngã luôn luôn đứng ở giữa chống lại sự giao cảm này. Chính cái bản ngã này đã không cho phép bạn tuôn chảy như suối nguồn, nó giữ bạn lại trong trạng thái tù đọng.

Chúng ta đi vào cuộc đời này với đôi bàn tay trắng rộng mở và chúng ta ra đi cũng với đôi bàn tay trắng buông xuôi. Thế thì chúng ta cũng nên sống với đôi bàn tay không rộng mở. Và như thế đời sống trở nên tín ngưỡng. Tay trắng chúng ta đến, đúng như vậy. Tay trắng chúng ta ra đi, đúng như thế. Thế thì tại sao giữa khoảng cách của hai cái đến và đi này chúng ta lại khởi sự sanh lòng chiếm hữu? Khi ta đến với tay không và ra đi với tay không, tại sao lại không giữ cho mình tay không ở giữa hai thời điểm? Nếu sống được như thế, tất cả chỉ là một con số không –không chiếm hữu, không thu góp, vô cầu, không có cái ta tham cầu trở thành một cái gì đó - đời sống của bạn là tín ngưỡng.

Một con người tín ngưỡng không hề tham cầu trở thành một con người tâm linh, không bao giờ. Bởi vì như vậy bạn vẫn còn mang cái tâm thế gian –đó chỉ là một tham cầu mới. Một con người tín ngưỡng là người hiểu rõ bản chất của dục vọng –và với sự hiểu biết sâu xa này, dục vọng sẽ tiêu tan. Con người tín ngưỡng là người vô cầu.

Và xin hãy nhớ cho, xin được nhắc nhở lại bạn một lần nữa: Đừng có khởi sự tham cầu cả cái vô cầu.

Một con người tín ngưỡng là người hiểu biết chắc thật rằng, "Tôi là không". Một khi "Tôi đã là không", thì việc thu góp mọi cái được gọi là *của tôi* đâu còn ý nghĩa gì nữa? Chính vì cái "Ta" này mà con người cứ mãi hoài chạy đi thu góp về cho mình những cái "của tôi" –"cái nhà của tôi, chồng tôi, vợ tôi, của cải của tôi, danh tiếng của tôi, uy tín của tôi, nhà thờ

của tôi, quốc gia của tôi, đạo của tôi, Thượng Đế của tôi, kinh sách của tôi…" Chúng ta cứ mãi chạy theo cái "của tôi" như thế.

Chính cái "của tôi" và "thuộc về tôi" này được khởi dậy từ cái ý niệm "Ta". Mà cái "Ta" này thực ra không hề hiện hữu –đó chỉ là một giả định, bạn đã nhận vơ vào một cách đơn thuần như thế. Toàn bộ cuộc chơi chỉ là bào ảnh nhấp nhô, chỉ là hư vọng; cái cơ bản của nó không hề hiện hữu. Thế nên trước khi bước vào cái thế giới "của tôi" và "thuộc về tôi", tối thiểu bạn cũng nên có một cái nhìn để biết mình là cái gì. Nếu không, toàn bộ nỗ lực của bạn chỉ hoàn toàn vô ích, chẳng khác gì bạn đang xây lâu đài trên cát … những lâu đài Tây Ban Nha.

Đó là lý do tại sao Thiền đã từng khẳng định –như lời của Lục Tổ Huệ Năng, "Tất cả mọi giáo điều học thuyết, tự bản chất đều tối tăm. Ngay cả tọa thiền cũng có thể là một cái bẫy sập. Tốt nhất là không nên theo một nghi thức nào cả. Tất cả mọi thói quen đều dẫn đến bế tắc. Ngay cả kinh điển cũng phải nên được đốt bỏ."

Cái ông Huệ Năng này đang nói cái gì vậy? Ông ta bảo rằng: "Tất cả mọi giáo điều học thuyết, tự bản chất đều tối tăm." Nếu bạn đưa ra một học thuyết về vô cầu, như là của người Phật giáo hay là học thuyết về vô chấp trước như của người Kỳ Na Giáo, thế là bạn đã bị vướng vào trong một cái bẫy mới. Vô chấp trước không hề chống lại chấp trước, vô cầu không hề chống lại tham cầu. Vô cầu không thể được tham cầu và vô chấp trước hoặc phá chấp không thể được thực hành -bởi vì nếu bạn thực hành, thì cũng có nghĩa là bạn đã bị vướng mắc vào đó.

Khởi đi từ sự hiểu biết về vướng mắc, chấp trước mà vô chấp trước hay phá chấp phát sinh. Nhìn ngay vào cái tiến trình của vướng mắc chấp

trước, bạn thấy rõ sự vô nghĩa, vô ích của nó. Một khi nó vô nghĩa, vô ích, nó buông bỏ. Không phải là bạn buông bỏ nó, không bao giờ -nếu bạn buông bỏ nó, có nghĩa là bạn vẫn còn có mặt ở đó. Bạn trở thành một người thoát ly cuộc đời -bạn khởi sự tuyên bố: "Ta là một đại ẩn sĩ, ta là một bậc đại thánh, ta đã từ bỏ tất cả thế gian này."

Nhưng như Đức Phật đã nói, nếu bạn từ bỏ thế gian có nghĩa là bạn đã không từ bỏ cái gì cả. Bởi vì căn bệnh cơ bản trầm kha vẫn còn hiện hữu. Trước đây người ta quen lăng xăng với tiền tài thì bây giờ người ta lăng xăng với chuyện thoát ly. Thế nhưng cái "Ta", cái ngã vẫn còn sừng sững ở đó.

Thế nên ngài Huệ Năng đã rất đúng khi nói rằng: "Tất cả mọi giáo điều học thuyết, tự bản chất đều tối tăm." Đừng có tạo ra những giáo điều học thuyết nữa; Thiền chống lại tất cả chúng. Thiền bảo rằng: Hãy nhìn thẳng vào thực tại, bấy nhiêu thôi là đủ. Đó là lý do tại sao không cần đến kinh điển. Thiền nói rằng: Đốt tất cả mọi kinh điển -bởi vì những kinh điển này chỉ nhồi nhét vào đầu bạn những ý niệm mới, chẳng khác gì tạo ra những đỉnh cao mới cho bạn trèo lên. Kinh điển sẽ mang đến cho bạn những tham cầu mới, những đối tượng mới cho cái Hữu, cái Ái –*tanha*- của bạn (4). Bạn vừa mới kết thúc ở chỗ này –cái ngày mà bạn hiểu rằng chạy theo đồng tiền là một việc làm vô nghĩa -thế rồi bạn lại khởi sự chạy theo một cái khác, thiền định.

Một hôm nào đó bạn bắt đầu nhận ra cái vô nghĩa của thế gian này. Thế rồi bạn bắt đầu suy niệm về Thượng Đế. Lòng tham cầu thay đổi nhưng không hề biến mất. Lòng tham cầu không hề được buông bỏ mà bây giờ được khoác lên một hình thái mới. Nó chạy theo một đối tượng mới, chiếm lĩnh một lãnh thổ mới, một hướng đi mới - nó vẫn luôn có mặt ở đó. Và khi

lòng tham cầu vẫn còn hiện diện, cả cái cõi ta bà thế gian này vẫn còn hiện diện ở trong bạn.

Những lời nói của ngài Huệ Năng là: "Tuệ giác là tự do." Đây là câu nói cực kỳ hàm súc. Tuệ giác là tự do: Bạn không cần phải làm bất cứ cái gì, bạn chỉ cần đến tuệ giác. Với tuệ giác người ta đơn thuần nhìn thẳng vào mọi chuyện –bằng cách nào mà chúng có mặt, chúng vận hành ra sao, và lòng tham cầu vận hành ra sao -chỉ thế thôi. Hãy để cho ý tưởng này rất mực sáng tỏ, rằng Tuệ giác là tự do. Bạn không cần phải phấn đấu để đạt đến tự do, bạn chỉ cần nhìn suốt vào vạn hữu xem chúng vận hành như thế nào. Bạn đã sống như thế nào cho đến bây giờ, hãy nhìn vào đó. Bạn hiện đang sống như thế nào trong khoảnh khắc này đây, hãy nhìn vào đó.

Cụ thể như, bạn đang lắng nghe tôi. Có thể là bạn đang lắng nghe với lòng tham cầu, và như thế là bạn sẽ đánh mất trọng điểm. Lắng nghe như thế, tâm của bạn đang cố gắng thu thập những ý tưởng, đó là làm thế nào để tìm một cái đỉnh cao mới để trèo lên. Bạn sẽ lắng nghe tôi không ngoài mục đích để tìm cách áp dụng; và như thế là bạn đánh mất điểm then chốt. Bạn đang lắng nghe tôi nhưng đồng thời tâm của bạn đang làm công việc ghi chép: "Điều ông ta nói có vẻ đúng. Vâng, chắc là tôi phải thực hành theo đó." Bây giờ thì một lòng tham cầu mới khởi dậy, bây giờ thì một ý tưởng mới bắt đầu bám chặt vào tâm trí bạn. Thế là bạn lại đang đi trở lại với thế gian này –cái thế gian của một ngàn lẻ một chuyện linh tinh.

Không thể như thế, hãy lắng nghe tôi *với tuệ giác*. Không có gì để thực hành cả. Hãy để nó được quyết định vĩnh viễn với tôi: không có gì để phải thực hành, thực hành không phải là mục tiêu. Chỉ có hiểu và tuệ giác -chỉ nhìn thẳng vào đó. Trong khi tôi đang nói chuyện với bạn, hãy quên đi tất cả chuyện thực hành, hãy quên đi tất cả chuyện ghi chép. Quên đi chuyện sẽ

làm cái gì đó với những lời tôi đang giảng dạy. Bạn sẽ không làm bất cứ chuyện gì cả, bạn chỉ việc lắng sâu vào những lời nói này, càng sâu càng tốt, *ngay bây giờ!* Nếu bạn lắng sâu vào những lời nói này ngay bây giờ, một cái gì đó sẽ khởi sự thay đổi ở trong bạn. Bạn sẽ nhận ra rằng, "Vâng, đây là sự thật" –không phải là bạn thực hành điều đó, mà "đây là sự thật".

Và một khi chân lý tưới tẩm bạn, nó chuyển hoá bạn. Đó là ý nghĩa trong câu nói của Chúa Giêsu: Chân lý giải phóng ta mà không là gì khác –không phải là giáo điều, lý luận, học thuyết, kinh điển. Chỉ có chân lý giải phóng ta.

Thế nhưng cũng đừng hỏi làm thế nào để đạt đến chân lý. Bởi vì nếu bạn mang cái "làm thế nào" vào, tức là bạn cũng đã mang theo vào lòng tham cầu. Cái "làm thế nào" chính là viên quản lý của cái tâm tham cầu của bạn. Nó luôn luôn phán truyền, "Bằng cách nào? Phải làm thế nào?" Vấn đề khôg phải là làm. Vấn đề là chỉ nhìn suốt vào, nhận ra cách thế mà nó hiện hữu. Nhận ra cái tâm của bạn tiếp tục vận hành như thế nào và cho đến giây phút này bạn đang hành hoạt ra sao. Đừng để chen vào một động lực nào, chỉ nhìn suốt vào -không một động cơ nào thúc đẩy.

"Tuệ giác là tự do. Tỏ ngộ mang đến sự không chọn lựa." Đây là câu nói rất mực tuyệt vời của ngài Huệ Năng: Tỏ ngộ mang đến sự không chọn lựa. Khi chân tâm đã sáng tỏ rồi thì đâu còn cần thiết để chọn lựa nữa; bạn chỉ chọn lựa khi bạn đang bối rối mê mờ. Chọn lựa phát sinh từ mê mờ - chọn lựa có nghĩa là, "Tôi nên đi theo lối này, hay đi theo lối khác?" Bởi vì bạn đang bối rối, bạn không thể nhìn rõ vấn đề, thế nên bạn cứ phân vân – "Tôi có nên sống cuộc đời của một hành giả sa môn? Tôi nên hay không nên thực hành thiền định? Tôi có nên yêu nàng hay không? Tôi nên làm theo cách này hay là làm theo cách khác?"

Những vấn nạn như thế hiện hữu là bởi vì bạn chưa được thông suốt. Thế rồi những người được mệnh danh là pháp sư, là tu sĩ của bạn không ngừng đưa ra những lời khuyên bảo thế này thế nọ. Đó không phải là công việc của một vị thầy thực sự; họ chỉ đóng vai những vị thầy. Bạn mang cái tâm hoang mang bối rối chạy tìm đến họ, "Tôi đang phân vân giữa hai lựa chọn, a và b. Tôi nên chọn cái nào đây?" Thế rồi họ bảo bạn: "Chọn cái a đi –a mới là đúng còn b là sai." Họ không hề giúp bạn thoát khỏi sự mê mờ, họ không cho bạn sự tỏ ngộ. Họ chỉ đơn thuần đưa ra cho bạn một cái gì đó để bạn bám vào, họ chỉ cho bạn cái ý niệm về đúng và sai.

Mà cuộc đời là một bí nhiệm -một chuyện có thể đúng vào buổi sáng nhưng đến chiều tối thì đã sai rồi. Thế là một lần nữa bạn lại chạy đi tìm vị tu sĩ của bạn và lại thực hành theo những điều khuyên bảo của ông ta.

Một vị thầy thực sự không bao giờ cho bạn bất cứ ý niệm nào về đúng và sai, ông ta chỉ mang đến cho bạn cái tuệ giác. Bởi vì bạn chạy đến tìm tôi vào buổi chiều, có thể tôi không còn ở đó nữa…

Mới hôm kia đây Chinmaya đã đến với tôi. Anh có vẻ rất lo lắng hoảng sợ về cái chết. Cũng tốt thôi, rất tốt nữa là khác. Các bác sĩ đã báo cho anh ta biết rằng sinh mạng của ảnh đang lâm nguy, điều đó khiến anh ta mất bình tĩnh, run sợ và trong suốt ba hôm qua đã không tài nào nhắm mắt được. Anh ta không biết rằng đó là một cơ hội hiếm có -bởi vì cái chết đều sẽ đến với mọi người, nhưng nó không hề đến với một báo hiệu trước như thế.

Vâng, Chinmaya đã đến gặp tôi vào tối hôm qua, rất mực lo lắng. Và tôi đã bảo anh ta rằng, "Hãy nhìn thẳng vào vấn đề: Bạn sẽ mất đi cái gì? Bạn đã gặt hái được gì trong đời sống này? Khi bạn lo sợ có nghĩa là bạn đã tích

lũy được khá nhiều trong cuộc sống và rồi cái chết rồi sẽ cướp đi tất cả. Nhưng bạn đã tích lũy được gì? Nếu nhìn sâu xa một tí, bạn sẽ thấy là mình không hề có gì cả, thế thì có gì để phải sợ hãi? Bạn không hề mất mát bất cứ cái gì cả."

Tôi bảo anh ta nên quán niệm vào nỗi sợ chết, càng sâu càng tốt, đừng nên trốn tránh nó. Mọi người đang an ủi anh ta, "Đừng có quan tâm đến căn bệnh, không có gì đâu, không có gì phải lo lắng. Uống thuốc và giải phẫu là hết ngay thôi." Mọi người đang trấn an anh ta như thế, và anh ta cũng tự trấn an mình –tìm phương cách, lý giải vấn đề.

Tôi bảo anh ta là cứ việc đối diện với cái chết. Cái chết hiện hữu ở ngay cốt lõi của từng sinh thể; nó không hề *chống lại* chúng ta. Chúng ta còn gần gũi với cái chết hơn là sự sống. Cái chết còn gắn bó với chúng ta hơn là cuộc sống này, bởi vì đời sống là cái bánh xe quay, còn cái chết là cái trục trung tâm.

Và rồi tôi bảo anh ta, "Bạn thật là may mắn khi cái chết đến tìm bạn với một thông điệp, như là một cuộc hẹn hò. Và bạn lại càng may mắn hơn khi có tôi ở đây, tôi có thể giúp bạn nhìn thẳng vào cái chết."

Trong khi tôi đang nói những điều này, tôi có thể thấy được là anh ta đang chờ đợi những lời an ủi. Anh ta thực tình không muốn nghe những điều này, không muốn đối mặt với cái chết. Anh ta muốn nghe tôi nói lên một điều gì đó, hứa hẹn một điều gì đó, chẳng hạn như, "Đừng có lo lắng gì cả. Tôi sẽ bảo vệ anh." Anh ta đang chờ đợi tôi nói lên lời an ủi, trong khoé mắt của anh ta tôi nhận ra điều đó.

Thế nhưng một vị thầy không phải là người để an ủi bạn, mà là người để đánh thức bạn. Nếu cái chết đang tới, có nghĩa là nó đang tới. Chấp nhận nó, sóng đôi với nó, nhìn sâu vào nó. Có thể cái chết chưa chắc đã đến gỏ cửa -lời nói của mấy ông thầy thuốc cũng chưa đáng tin cậy lắm- thế nhưng tại sao bạn lại để lỡ mất cơ hội này? Có thể cái chết sẽ không đến - thế nhưng khi cái vấn đề này khởi dậy, tại sao lại không đi sâu vào một chuyến? Tại sao lại không nếm thử mùi vị của nó? Nếu nó không đến, tốt. Nếu nó đến, cũng tốt thôi -bởi vì bạn đã ở trong tư thế chuẩn bị sẵn sàng. Bạn đã thâm nhập vào nỗi chết với phong thái hoàn toàn chấp nhận, đón chào. Và trong phong thái này, một cái gì đó sẽ hiển bày ra: cái tận cùng cốt lõi của bạn. Một khi bạn hoà điệu với cái tận cùng cốt lõi này, tất cả mọi nỗi sợ hãi đều biến mất.

Thế rồi tôi bảo anh ta, "Có thể là bạn sẽ không chết trong dịp này –nhưng một ngày nào đó rồi bạn cũng sẽ chết. Lần tới có thể là tôi không còn có mặt ở đây để nói chuyện, để an ủi bạn. Thế nhưng nếu tôi thật sự yêu thương bạn, tôi sẽ không an ủi bạn -bởi vì lần tới bạn sẽ làm gì nếu bạn chết mà không có mặt tôi ở đây? Như vậy bạn sẽ không có khả năng để tìm ra một phương cách đối phó.

An ủi không phải là một phương cách. Đó phải là tuệ quán -tức là điều mà Đức Phật gọi là *vipassana*, minh sát tuệ. Một vị thầy sẽ cho bạn sự sáng suốt để nhìn sâu vào vạn hữu. Với tuệ quán, những sự vật hiển nhiên bày hiện thật hiển nhiên nên vấn đề chọn lựa không còn đặt ra. Lúc đó bạn sẽ không phải chọn lựa gì cả, cái tuệ giác của bạn sẽ soi đường chỉ lối –nó trở thành một ngọn hải đăng.

Đây là những điều cuối cùng mà chính Đức Phật đã thốt ra với môn đệ trước khi ngài từ giã cõi đời. Trong khi tăng chúng đang khóc than, ngài

bảo, “Hãy ngưng ngay tất cả những chuyện vô nghĩa này! Hãy lắng nghe đây: Các ngươi hãy tự mình thắp đuốc lên mà đi. Hãy nhớ lời ta dặn, đây là những lời giáo huấn cuối cùng của ta. Hãy tự mình thắp đuốc lên mà đi: *appo deepo bhava*.”

Ngọn đuốc này là gì? Đó là tuệ giác có khả năng nhìn xuyên suốt vạn hữu. Nếu đó là cái chết, nhìn xuyên suốt vào cái chết. Nếu đó là thương yêu, nhìn xuyên suốt vào thương yêu. Nếu nó là đời sống, nhìn xuyên suốt vào đời sống. Nếu đó là cơn giận, nhìn xuyên suốt vào cơn giận. Chỉ có một việc thôi: một cái nhìn tuệ giác. Vào buổi sáng nó là thương yêu, vào buổi tối có thể là nỗi chết. Vào buổi chiều có thể nó là cái gì đó, vào buổi đêm có thể nó là cái gì đó khác nữa. Thế nhưng nếu bạn có khả năng của minh sát tuệ, bạn sẽ có thể nhìn thấy cái hiển nhiên. Một khi cái hiển nhiên được nhận ra như là một hiển nhiên thì đâu còn gì để chọn lựa.

Đó là điều mà Krishnamurti đã nói, “Đừng chọn lựa”. Thế nhưng bạn không thể là không chọn lựa, bạn không thể chọn lựa cái không chọn lựa. Một hôm nào đó, bạn không thể quả quyết rằng: “Kể từ bây giờ tôi sẽ không chọn lựa” -bởi vì đây cũng là một chọn lựa.

Sự không chọn lựa không thể được lựa chọn, vô cầu không thể được tham cầu, vô trụ không thể được thực hành. Đây chính là thông điệp của Thiền: Nhìn sâu vào vạn hữu, cái hiển nhiên sẽ tự hiển lộ. Một khi bạn nhận ra đâu là tường, đâu là cửa, bạn đâu còn cần chọn lựa sẽ phải đi từ đâu, bạn chỉ việc đi ngang qua cửa. Bạn không cần phải đặt ra câu hỏi cho mình, “Tôi nên đi ngang qua tường hay đi ngang qua cửa?” -bạn chỉ đơn giản bước qua cửa thôi.

Bây giờ chúng ta đi vào câu chuyện. Đây là một câu chuyện thoạt nhìn rất đơn giản nhưng lại rất tuyệt vời; tất cả những điều tuyệt vời thường rất đơn giản như thế. Nó rất mực hiển nhiên, rất mực sáng tỏ. Đây là một câu chuyện ngụ ngôn mà Đức Phật đã sử dụng đến rất nhiều lần. Thực ra nó đã xảy trong thực tế chứ không hẳn là chuyện ngụ ngôn. Đức Phật đang đi dọc theo bờ sông và ngài trông thấy đám trẻ con này đang chơi đùa với nhau với toàn bộ câu chuyện. Sáng hôm sau ngài kể lại chuyện này, rút ra từ đó một bài học ngụ ngôn. Một câu chuyện ngụ ngôn tuyệt vời. Hãy đi sâu vào với tuệ quán từng lời từng chữ một của ngài.

Một nhóm trẻ con đang chơi đùa cạnh bờ sông.

Nếu bạn còn đang chơi đùa, bạn vẫn còn là một đứa trẻ. Trò chơi của bạn có thể mang những tên gọi khác nhau, là yêu đương, là chính trị, là tiền bạc, danh vọng... Bạn có thể đang đùa chơi ở giữa chợ, ở Tân Đề Li hay ở Hoa Thịnh Đốn –tuy nhiên nếu bạn còn chơi thì có nghĩa là bạn vẫn còn trẻ con. Nếu bạn vẫn còn dính vào những cuộc chơi và tham dự vào một cách nghiêm túc –nghiêm túc đến độ bạn sẽ sẵn sàng để đánh nhau, để giết hay bị giết –thì như vậy có nghĩa là bạn vẫn còn rất mực trẻ con, bạn chưa bao giờ trưởng thành.

Một nhóm trẻ con đang chơi đùa cạnh bờ sông.

Và dòng sông chính là một hình ảnh biểu trưng của dòng đời. Đời sống tuôn chảy giống như một dòng sông –và bên cạnh bờ sông, đám trẻ con vẫn tiếp tục đùa chơi một ngàn lẻ một trò chơi. Đời sống vẫn không ngừng tuôn chảy –và chúng ta vẫn luôn mải mê với cuộc chơi của mình đến độ

hoàn toàn quên bẳng đi cuộc đời. Đời sống đang tuôn chảy trong mỗi con người -thế nhưng chúng ta đã bị dính vào cuộc chơi, tâm trí đã bị cuốn hút vào đó với thiên kiến.

Thiên kiến là căn bệnh cơ bản của tâm và đó cũng là phương cách mà người ta trốn lánh giòng sông đời. Tôi muốn nói gì khi dùng chữ "thiên kiến"? Thiên kiến có nghĩa là tâm hồn bạn đã bị tràn ngập với quá khứ hoặc tương lai. Bị chiếm lĩnh có nghĩa là bạn có thể đang ở bất cứ nơi nào đó ngoại trừ *bây giờ và tại đây*. Khi bạn hiện hữu ngay bây giờ và tại đây tức là tâm của bạn không còn bị chiếm lĩnh. Không thiên kiến –cái tâm đó sẽ là một trong suốt thuần khiết, một rộng mở dung dị.

Cái tâm không thiên kiến là một cái tâm tỉnh thức, một cái tâm thông tuệ, cho nên nó luôn hoà nhịp và tuôn chảy cùng với dòng sông đời. Một cái tâm bị chiếm lĩnh thì chỉ biết đắm mình vào cuộc chơi một cách nghiêm túc, tích cực. Bạn có thể đi vào chợ đời để xem con người đang chơi trò chơi tiền bạc một cách đam mê. Và rồi người ta sẽ lăn ra chết bỏ lại đây biết bao bạc tiền đã tích lũy được –thế nhưng trong khi còn sống tại đây họ đã lăn xả vào cuộc chơi một cách rất mực tận tình.

Bây giờ hãy đi vào các thủ đô để xem người ta đang điên cuồng chơi trò chơi quyền lực. Cái danh từ "thủ đô" –capital- quả thật là tuyệt. Nó phát xuất từ tiếng "capita", tức là "thủ" –là "cái đầu". Thế nên "capital" -thủ đô- có nghĩa là thành phố đầu não, hay nói một cách nôm na là phố cuồng. Đủ tất cả mọi loại người khùng điên đã và đang tập trung ở đó.

Nếu Thượng Đế muốn cứu vớt thế gian này, ông ta chỉ cần làm một phép lạ đơn thuần là có thể cứu rỗi được tất cả: đó là làm cho tất cả các thủ đô đều biến mất. Bỗng dưng sẽ không còn Tân Đề Li, Hoa Thịnh Đốn, Mạc Tư

Khoa, Bắc Kinh, Luân Đôn… Bỗng dưng tất cả các thủ đô đều mất tiêu, và rồi bạn sẽ ngạc nhiên khi thấy rằng tất cả các người khùng điên đều biến mất. Họ đang ngự trị ở đó -nếu không ở đó thì họ cũng đang trên đường chạy đến đó.

Một cuộc chơi vĩ đại. Hàng triệu người đã bỏ mạng trong cuộc chơi này - dưới danh nghĩa quốc gia dân tộc, cái này cái nọ, những cái "*ism*"- ý thức hệ chủ nghĩa. Chủ nghĩa cộng sản, chủ nghĩa phát xít, chủ nghĩa quốc xã, chủ nghĩa xã hội… Và rồi cái gì nữa? Mỹ-Tàu-Nga, Ấn Độ - Hồi quốc – Bangladesh. Họ cứ tiếp tục lăn xả vào chơi trò chém giết, và cái sinh mệnh của họ, thành thật mà nói, cứ như trứng treo đầu đẳng. Rồi tất cả con cháu chúng ta, trong lứa tuổi thanh xuân, chúng đã mất đi mọi cơ hội để trưởng thành.

Con người cứ thế tiếp tục đánh mất dòng sông đời mình bởi vì tâm của họ đã bị thiên kiến. Mọi người hầu như đều đã bị cột chặt vào cuộc chơi của mình như thế… Bạn có bao giờ xem người ta đánh cờ tướng hay chưa? Họ như quên hết tất cả mọi chuyện chung quanh. Trong cuộc cờ, người ta bị cuốn hút vào đó đến độ ngay cả ngôi nhà đang bốc cháy họ cũng không hay biết. Họ chỉ biết để tâm chăm chú vào những tượng, những mã, những xe, những pháo giả hiệu -những biểu tượng!

Tất cả mọi người đang chơi trò chơi bị chiếm lĩnh. Nếu bạn đang lắng nghe tôi và bạn đến đây như là một người Cơ Đốc, có nghĩa là bạn đã bị thiên kiến chiếm lĩnh. Nếu bạn là người Hồi giáo hay Phật giáo cũng thế. Ngay cả nếu bạn tin tưởng vào Thiền, bạn cũng đã bị thiên kiến chiếm lĩnh. Tất cả mọi niềm tin đều tạo ra thiên kiến. Nếu bạn đang lắng nghe tôi và ở trong đầu bạn cứ văng vẳng, "Vâng, đúng rồi, điều này đã từng được nói

trong thánh kinh Koran", thế là bạn đã không hiểu thánh kinh chút nào. Hoặc giả, "Đúng rồi, đây là những gì mà Chúa Giêsu đã dạy trong Tân Ước," thế là bạn đã không hiểu gì về Chúa Giêsu cả. Bạn đã ngộ nhận cả Chúa Giêsu và cả tôi nữa.

"Thiên kiến" có nghĩa là tâm của bạn đang trụ ở quá khứ hoặc tương lai mà không hề là bây giờ và tại đây. Một khi bạn hiện hữu ngay bây giờ và tại đây thì lúc đó sẽ không còn cuộc chơi nữa. Cuộc chơi ngừng và rồi bạn sẽ miên man tuôn chảy cùng với dòng sông đời. Rồi là một sự tự phát, một hiểu biết lớn lao, một lễ hội vĩ đại. Những cuộc chơi chấm dứt, bạn không còn nhìn mọi chuyện một cách nghiêm trọng nữa. Nếu bạn thắng, tốt. Nếu bạn thua, cũng tốt thôi. Không có gì khác biệt nữa. Đó là những gì mà tôi hàm ý rằng "những cuộc chơi biến mất" –nó không hề mang ý nghĩa rằng một khi đã tỉnh thức, bạn sẽ không còn sống một cuộc sống đời thường nữa. Không, bạn vẫn sống một cuộc sống thường nhật, vẫn tiếp tục chẻ cũi, gánh nước –nhưng với một cái tâm rất mực thanh thản. Bạn vẫn cười đùa, bạn vẫn yêu thương –nhưng với một phẩm chất hoàn toàn khác biệt.

Bây giờ thì không có gì quan trọng nữa. Nếu nàng bỏ bạn mà đi, bạn sẽ chào từ biệt với vô vàn biết ơn. Nếu tiền bạc của bạn bị đánh cắp, bạn sẽ vô cùng thản nhiên, "OK, có ai đó chắc đang cần tiền." Không còn vấn đề gì nghiêm trọng nữa, thế thôi. Tính nghiêm trọng biến mất. Có thể bạn vẫn đang chơi cờ, nhưng bây giờ thì bạn biết rằng những mã, những tượng, những tướng, những sĩ đó chỉ là những biểu tượng, chỉ là một ẩn dụ.

> *Một nhóm trẻ con đang chơi đùa cạnh bờ sông. Chúng đắp lên những lâu đài bằng cát và mỗi đứa đều bảo vệ cái của mình, "Cái này là của tao."*

Cuộc chơi trở nên nghiêm trọng khi bắt đầu có cái "của tôi" hay "thuộc về tôi" xen vào. *Đây là của tôi* –tính nghiêm trọng đến từ ý thức chiếm hữu, chấp trước. Thông qua "của tôi" chúng ta dựng lên cái "Tôi". Càng sở hữu nhiều chừng nào, cái "của tôi", cái "Tôi" càng lớn theo chừng nấy. Cái lãnh thổ "của tôi" càng lớn chừng nào, thì cái "Tôi" lại càng mạnh mẽ hơn.

Thế nên khi bạn là một chủ tịch nước, cái "Tôi" của bạn sẽ cao ngất như cái tháp đụng trời. Khi bạn không còn là chủ tịch nước nữa, nó sẽ co rút lại; cái tháp kia biến mất, bạn bây giờ chẳng khác gì một cái cây bị cắt chỉ còn trơ lại gốc.

Khi bạn có tiền, bạn bước đi một cách oai vệ. Khi bạn hết tiền bạn bắt đầu lung lay, dao động. Khi tiền bạc đầy túi bạn không hề cảm thấy lạnh lẽo, tiền bạc cho bạn sự ấm áp rất mực. Khi bạn chỉ còn cái túi rỗng không, bỗng dưng bạn bắt đầu cảm thấy giá băng, ớn lạnh. Sự ấm áp không còn nữa, ngọn lửa ấm không còn nữa, và năng lượng cũng biến mất.

Đám trẻ con đang chơi đùa và mỗi đứa đều bảo vệ ngôi lâu đài của mình, những ngôi lâu đài được làm bằng cát. Tất cả những ngôi lâu đài đều được xây bằng cát. Chỉ có những lâu đài cát, không có một loại lâu đài nào khác. Và một lâu đài cát không sớm thì muộn đều sụp đổ, không có cách gì để bảo vệ chúng. Tất cả mọi nỗ lực bảo vệ đều vô nghĩa –ngay tự bản chất của nó là sụp đổ và biến mất, đó là một ngôi lâu đài bằng cát.

Có bao nhiêu lâu đài đã được bạn xây dựng lên và biến mất? Và rồi bạn vẫn không ngừng xây dựng lên những cái lớn hơn. Khi một lâu đài nhỏ bị sụp đổ, bạn nghĩ rằng xây một lâu đài lớn hơn sẽ bền vững hơn. Đã có biết bao nhiêu người sống trên trái đất này trước khi bạn sinh ra đời? Có biết

bao nhiêu triệu triệu lâu đài đã biến mất? Những lâu đài do A Lịch Sơn Đại Đế dựng lên, những lâu đài của Nadirshah, của Akbar -tất cả đều biến mất. Cũng cùng một thứ cát -họ xây dựng lên chúng bởi cùng một thứ cát và bạn cũng lại xây dựng chúng bằng thứ cát này.

Khi nhìn rõ như thế, ta từ bỏ cái ý niệm về "của tôi" và "thuộc về tôi".

Chúng giữ cho mỗi lâu đài tách biệt ra…

Hiển nhiên thôi. Một khi bạn muốn bảo vệ cho ngôi lâu đài của mình, bạn phải giữ cho nó tách biệt ra. Bạn phải làm dấu hiệu riêng, bạn phải xây hàng rào. Bạn phải dựng lên những bảng hướng dẫn, "Đừng vào đây. Đi lối này, cửa đóng. Đây là lối đi tư nhân. Cấm vào, vi phạm sẽ bị truy tố. Đây là tài sản của tôi."

> *Chúng giữ cho mỗi lâu đài tách biệt ra để khỏi bị nhầm lẫn của đứa này với đứa khác.*

Mỗi lâu đài của mỗi người đều có bảng tên riêng và họ bảo vệ chúng hết mức. Nhưng cũng cái lâu đài này đã từng là sở hữu của ai đó trước bạn và nó sẽ thuộc về ai đó sau khi bạn ra đi. Thực ra, cái lâu đài này không thuộc về ai cả; nó chỉ thuộc về cát. Nó tồn tại ở đó, còn con người cứ đến rồi đi. Những cuộc chơi bày trò dâu biển, nhưng cát biển vẫn ở lại đó sau bao lớp sóng phế hưng. Cát là vĩnh viễn, những lâu đài chỉ tạm thời.

Khi tất cả những lâu đài hoàn tất, một đứa trẻ đã đá tung vào lâu đài của một đứa khác và phá hủy toàn bộ. Chủ nhân của chiếc lâu đài này vô cùng giận dữ…

Hãy nhìn kỹ đi, lần tới bạn nổi giận –phải chăng đã có ai đó phá hủy ngôi lâu đài của bạn? Hãy nhớ cho -lần tới khi bạn nổi giận, cứ nhớ đến câu chuyện ngụ ngôn này và rồi bạn sẽ bật cười. Đâu có cái trọng điểm nào đâu để bạn phải giận dữ, cũng đâu có trọng điểm nào đâu để bạn phải sống trong cơn giận. Không có cái "Tôi" và cái "của tôi". Nếu cái lâu đài cát có sụp đổ, tức là nó đã phải sụp đổ. Nó chỉ là một lâu đài bằng cát thôi.

Khi tất cả những lâu đài hoàn tất, một đứa trẻ đã đá tung vào lâu đài của một đứa khác và phá hủy toàn bộ. Chủ nhân của chiếc lâu đài này vô cùng giận dữ…

Đó là những gì được gọi là luật lệ của bạn, là toà án, là cảnh sát đang tiếp tục phần hành. Có ai đó đã phá hủy ngôi lâu đài của bạn, bạn tri hô lên, "Đến đây bà con ơi! Đến đây giúp tôi một tay để trừng trị tên phá hoại này." Vâng, rồi thì mọi người sẽ chạy đến để giúp bạn, bởi vì họ cũng cần phải bảo vệ những ngôi lâu đài của họ.

Và như vậy, đây chính là một thoả hiệp; đây là cách thế mà bạn trừng trị tội phạm. Đây là cách thế mà hàng ngàn người đã bị quý vị trừng phạt bằng cách tống vào tù, bởi vì họ đã gây phiền hà đến những ngôi lâu đài của ai đó. Người này trộm tiền của người kia, người kia đánh cắp bò của người nọ, hay ai đó vi phạm một chuyện lặt vặt –ăn trộm một vài trái cây trong vườn nhà bạn. Tất cả cây cối đều là cây cối của Thượng Đế. Thế

nhưng nếu như có ai đó đánh cắp vài trái táo từ cây táo nhà bạn, thế là bạn giận điên lên, bởi vì bạn cho rằng mình là chủ nhân.

Cơn giận phát xuất từ ý niệm về sở hữu chủ. Thế nên nếu bạn thực sự muốn loại bỏ cơn giận, bạn phải buông bỏ ý niệm về sở hữu chủ. Rất nhiều người đã tìm đến tôi và bảo rằng, "Chúng tôi rất đau khổ khi cứ phải giận dữ tối ngày. Làm sao để buông bỏ nó?" Họ cứ nghĩ rằng giận dữ có thể được loại bỏ một cách trực tiếp -họ không hề biết rằng đó là một vấn đề phức tạp. Trừ phi bạn buông bỏ ý niệm về sở hữu chủ bạn không thể nào buông bỏ được cơn giận.

Sự giận dữ chỉ là một ngọn lá trên cái cây sở hữu chủ. Nếu bạn còn ý niệm về sở hữu, bạn không thể buông bỏ được cơn giận. Bạn làm chủ vợ bạn, thế rồi có ai đó đi ngang qua nháy mắt với nàng, thế là bạn nổi cơn thịnh nộ. Làm sao bạn lại không nổi giận cho được? Bởi vì bạn sở hữu người vợ, nàng là vợ *của* bạn làm sao ai đó lại có thể mĩm cười với nàng? Hôn gió với nàng? Nàng là vợ *của* bạn -bạn làm chủ nàng, nàng chỉ là một vật sở hữu. Cũng vậy, người vợ sẽ điên tiết lên khi trông thấy những phụ nữ khác đang cố gắng ve vản ông chồng *của* mình.

Thế là chúng ta sở hữu con người, sở hữu mọi vật, chúng ta làm chủ. Cơn giận, thịnh nộ được bắt nguồn từ ý thức chủ quyền. Nếu bạn thực sự muốn vượt khỏi cơn giận, cơn lôi đình thịnh nộ -mà có ai lại không muốn, trừ phi bạn quá đổi say đắm với căn bệnh loạn thần kinh chức năng của mình?- Nếu bạn thực sự muốn loại trừ căn bệnh này, ý niệm về sở hữu chủ cũng phải được buông bỏ. Ngay từ cái ý niệm "Tôi làm chủ cái gì đó" đã là một sự xuẩn động rồi.

Thế rồi những người khác cũng sẽ có mặt ở đó để hỗ trợ bạn, bởi vì chính họ cũng quan ngại đến những tài sản của mình. Nếu có ai đó xâm phạm vào tài sản của bạn mà không bị trừng phạt thì rồi người ta sẽ khởi sự hủy diệt tài sản của kẻ khác một cách dễ dàng. Như thế đó, tất cả mọi người đều sống trong cơn giận -nếu bạn bắt gặp một tên trộm, tất cả các bạn đều sẽ nhào đến hắn ta. Mặc dù y trộm tiền của ai đó, không phải của bạn -thế nhưng tất cả mọi người có mặt tại hiện trường đều nhào vào y, đánh y, quật y xuống đất và dẫm lên y. Họ sẽ la lên, "Hắn là một tên trộm. Chúng ta phải trừng trị hắn." Thế nhưng tại sao bạn lại trừng trị y? Y có ăn cắp tiền của bạn đâu. Đúng vậy, y không hề ăn cắp tiền của bạn, thế nhưng y là một mối hiểm họa -nếu bạn để cho y đánh cắp tiền của ai đó, một ngày kia y cũng sẽ lắt túi bạn thôi. Thế nên…

Thế nên tốt hơn hết là phải cẩn thận, tốt hơn hết là phải phòng ngừa ngay từ lúc đầu. Từ đó mà luật pháp có mặt. Luật pháp thì luôn luôn có khuynh hướng bảo vệ những ông chủ, luôn luôn đứng về phía những kẻ có tài sản, luôn luôn mang màu sắc tư bản. Ở đâu cũng thế -ngay cả tại Liên Bang Sô Viết, nơi mà chủ nghĩa tư bản đã bị xoá tên, luật pháp đứng về phía nhà nước, bởi vì trong chế độ này, nhà nước là chủ nhân ông tất cả. Không cần biết ai làm chủ, luật pháp là tên đầy tớ phục vụ cho ông chủ đó. Nếu nhà nước làm chủ thì luật pháp phục vụ nhà nước. Quan toà, luật pháp, cảnh sát, toà án, tất cả đều chỉ để phục vụ cho những kẻ có của -chống lại những kẻ trắng tay. Luật pháp phục vụ cho những ai "hữu sản" chống lại kẻ "vô sản".

Thế giới này như thế, không thể nào hoàn toàn tốt đẹp khi pháp luật tự nó chỉ phục vụ những ai "hữu sản". Pháp luật xét xử thế nào đây? –vô phương. Nó về hùa với những người có tất cả để chống lại những người không có gì cả. Nó luôn luôn đứng về phía những kẻ có của –được lập ra

bởi những kẻ hữu sản như là một âm mưu nhằm chống lại những ai mình trần thân trụi, không tài sản. Đây là một thực tế trong tất cả các xã hội, luật pháp luôn bất công. Cái mà bạn gọi là công lý thực ra chỉ là một màu mè giả bộ. Trong một thế giới vẫn còn sự hiện hữu của quyền làm chủ thì không thể là một thế giới công bình.

Thiền quả thực rất mực vô chính phủ. Tôi cũng là một người vô chính phủ: Tôi tin tưởng vào một thế giới không còn luật pháp, tôi *hy vọng* vươn tới một thế giới như thế. Luật pháp chỉ có thể biến mất khi nào ý niệm về quyền làm chủ biến mất, nó không thể biến mất nếu chỉ thay ngôi đổi chủ - bây giờ kẻ vô-sản biến thành hữu-sản và người hữu-sản biến thành vô-sản. Thế nhưng có gì thay đổi đâu. Bất cứ ai làm chủ sẽ làm chủ luật pháp và luật pháp đứng về phía y. Luật pháp chỉ biết phục vụ. Nó phục vụ những ai có quyền lực, nó không bao giờ phục vụ kẻ yếu.

> *"Thằng này đã phá hư lâu đài của tao. Tụi bay đến đây giúp tao trừng trị nó." Tất cả những đứa trẻ khác liền chạy đến. Chúng xúm vào đánh kẻ phá bỉnh bằng gậy, dẫm lên mình y khi y ngã xuống đất.*
>
> *Thế rồi chúng trở lại tiếp tục chơi trò chơi xây lâu đài bằng cát của chúng, mỗi đứa đều xác định, "Cái này là của tao; không ai có quyền trên cái này. Dang xa ra. Đừng có đụng vào lâu đài của tao."*

Bạn có thấy điều đó không? –cũng là một trò chơi bổn cũ soạn lại được diễn ra dưới một ngàn lẻ một phương cách khác nhau từ xưa đến nay, trên khắp thế gian. Đây là toàn bộ cuộc chơi được gọi là thế gian.

Nhưng hoàng hôn xuống dần…

Hoàng hôn luôn luôn đến, bạn không thể nào tránh khỏi được.

> *Nhưng hoàng hôn xuống dần. Trời đã chập choạng tối và tất cả bọn trẻ đều nghĩ đến việc phải về nhà. Bây giờ thì chẳng còn đứa trẻ nào quan tâm đến những gì sẽ xảy ra cho những ngôi lâu đài của chúng. Có đứa dẫm chân lên, có đứa lấy tay xoá chúng đi. Xong, ai nấy đều quay trở về nhà mình.*

Nhưng bất hạnh thay, điều này không xảy đến cho đời sống của tất cả mọi người. Hoàng hôn đã đến rồi nhưng bạn cứ mãi bám víu vào buổi bình minh. Buổi hoàng hôn của đời người đã đến và ngay cả cái chết đã gần kề - thế nhưng bạn cứ mãi bám chặt vào cuộc đời và sự sống.

Hoàng hôn đến với tất cả mọi người, thế nhưng có rất ít những ai may mắn biết sử dụng cái buổi chiều của đời người này để bắt đầu nhận ra rằng không có gì thuộc về chúng ta cả, tất cả những lâu đài đều chỉ là lâu đài bằng cát.

Bây giờ thì họ không thèm quan tâm đến những gì xảy ra cho những ngôi lâu đài đó nữa. Không những không lo lắng đến việc ai đó sẽ làm hư hại chúng, ngay cả chính họ cũng đã dẫm lên và phá hư chúng. Mọi chuyện đã kết thúc; hoàng hôn đã xuống rồi. Cánh cửa đời đã khép. Bây giờ là thời điểm quay về với mái nhà xưa.

Với Thiền gia, "trở lại nhà" có nghĩa là tìm về với bản thể uyên nguyên của chính mình, là bản lai diện mục. Nên tận dụng buổi hoàng hôn bất cứ lúc

nào nó đến với bạn. Có thể nó đến rất nhiều lần trong đời –có lúc nó đến như là một thất bại, có lúc như một thất vọng chán chường, có lúc như là nỗi buồn phiền, có lúc như là một suy sụp tinh thần. Hãy tận dụng nó. Có lúc nó là nỗi sợ hãi, thống khổ, có lúc nó là cái chết, bệnh hoạn -thế nhưng hãy tận dụng nó. Bất cứ lúc nào hoàng hôn đến, hãy cố gắng để nhận ra rằng không có gì là thuộc về ta, rằng ta cũng không thuộc về bất cứ cái gì, rằng toàn bộ cái ý niệm *thuộc về* là cả một phi lý. Hãy nhận rõ điều đó. Và bất cứ lúc nào bạn bắt đầu nhận ra cái thế giới ngoại tại là hoàn toàn vô nghĩa, đừng có tạo ra thêm những ý nghĩa mới cho cái thế giới này, hãy khởi sự cuộc hành trình hướng nội, trở về lại mái nhà xưa.

Nhưng hoàng hôn xuống dần. Trời đã chập choạng tối…

Bất cứ lúc nào bạn cảm thấy đi vào bóng tối, đi vào buồn phiền, đi vào tệ hại, bất cứ lúc nào bạn cảm thấy mình rơi vào một chuyện bất hạnh, hãy nhớ rằng –đó là lúc có tiếng gọi vẵng lên từ nơi cố quận: "Trở về nhà đi thôi. Cuộc chơi nay đã mãn."

> *… và tất cả bọn trẻ đều nghĩ đến việc phải về nhà. Bây giờ thì chẳng còn đứa trẻ nào quan tâm đến những gì sẽ xảy ra cho những ngôi lâu đài của chúng. Có đứa dẫm chân lên, có đứa lấy tay xoá chúng đi. Xong, ai nấy đều quay trở về nhà mình.*

Trở về mái nhà xưa. Tìm kiếm lại, tìm kiếm tận bên trong ngôi nhà đó. Và đó là ngôi nhà của vô ngã, *anatta* –là hư vô, là tuyệt đối rỗng không. Đó là vô sắc và vô tướng, đó là cái mà ta gọi là niết bàn.

Một khi đã quay trở về nhà, bạn sẽ có một thị kiến hoàn toàn khác biệt về vạn pháp. Lúc đó là an lạc, là niềm vui. Sẽ không còn nữa hoàng hôn, bóng tối. Đất trời luôn là những bình minh, bởi vì lúc đó tất cả đều chỉ là một mùa xuân, là khúc ca bất tận, là vũ điệu không ngừng, là tưng bừng lễ hội.

Thế nên lần tới nếu bạn cảm nhận hoàng hôn đến gần và mọi vật trở nên nhập nhoà đen tối, hãy tận dụng cơ hội này như là một bàn nhún. Nhảy ngay vào hiện sinh của chính bạn. Tan biến ở trong đó.

Bạn đi vào vạn hữu như thế đã quá đủ; bây giờ khởi sự đi vào rỗng không, đi vào phi-hữu. Đã quá đủ để nhìn vào kẻ khác, bây giờ là lúc khởi sự nhìn vào chính mình. Chúng ta xuẩn động đến độ ngay cả khi nhìn lại chính mình, chúng ta cũng chỉ nhìn ngang mà không chịu nhìn thẳng vào. Vâng, đúng như vậy, có lúc bạn đang đứng trước tấm gương soi và nhìn ngắm chính mình, nhưng chẳng khác gì bạn đang nhìn ngắm ai đó -bạn chỉ nhìn từ phía bên ngoài, xem cái mặt, cái màu da, cái vỏ bọc.

Đã quá đủ để bạn nhìn vào kẻ khác, cũng quá đủ để bạn nhìn ngắm chính mình như người khách lạ. Thời gian đã đến rồi –hoàng hôn đã xuống, bóng tối đang phủ vây. Hãy bắt đầu nhìn vào *bên trong*. Hãy để cho tuệ giác bùng vỡ. Sự nổ bùng tuệ giác đó sẽ chuyển hoá bạn … từ một con sâu hoá thành con bướm.

CHÚ THÍCH của DỊCH GIẢ:

1. Xem thêm về Thập Nhị Nhân Duyên (Twleve Links):
1. Ignorance: Vô Minh

2. Volitional formations: Hành
3. Consciuosness: Thức
4. Craving: Ái
5. Grasping: Thủ
6. Becoming: Hữu
7. Rebirth: Sanh
8. Name & Form: Danh sắc
9. Six sense organs: Lục nhập
10. Contact: Xúc
11. Feeling: Thọ
12. Aging & death: Lão & Tử.

2- *Lord Byron (George Gordon Byron, 6th Baron Byron):* Sinh ngày 22 tháng Giêng, năm 1788 . Thi hào người Anh, được coi như là nhân vật hàng đầu của chủ nghĩa lãng mạn và là một trong những nhà thơ vĩ đại nhất của Âu Châu mà thơ ông hiện nay vẫn còn rất được ái mộ khắp nơi, đặc biệt là các tác phẩm *Childe Harold's Pilgrimage* và *Don Juan*.
Không những là một nhà thơ tài danh, ông còn nổi tiếng cả trên lãnh vực đời tư với cuộc sống ngông nghênh, nợ nần, tình ái lăng nhăng, và bị cáo buộc là kẻ loạn luân, đồng tính, thú dâm, một người "khùng điên, xấu xa, rất nguy hiểm để giao du". Lord Byron sau này đã tham gia và trở thành một lãnh tụ trong cuộc cách mạng của Ý chống lại người Áo. Rồi sau đó ông đến Thổ Nhĩ Kỳ tham dự vào cuộc chiến tranh dành độc lập của người Hy Lạp chống lại Thổ, và được người Hy Lạp tôn vinh như là một vị anh hùng quốc gia của họ. Ông mất tại Missolonghi, Hy Lạp, vào ngày 19 tháng Tư, năm 1824 vì bệnh sốt.

3- *Travers Christmas Humphreys:* Sinh ngày 15 tháng 2, năm 1901, mất ngày 13 tháng tư, năm 1983. Ông là một luật sư danh tiếng của Anh, người đã

khởi tố nhiều vụ kiện gây nhiều tranh cãi trong những thập niên 1940 và 1950 và sau này trở thành một Chánh án của Toà Thượng Thẩm Anh (1968). Ông là một trong số những nhân vật nổi danh của Anh quốc đã quy y theo Phật giáo và là người đầu tiên sáng lập ra Hội Phật giáo Anh quốc - Buddhist Society, London (1924). Ông là tác giả của nhiều tác phẩm nghiên cứu về Phật Giáo Đại Thừa và đồng thời cũng được đánh giá như là một học giả tiếng tăm về Shakespear. Cuốn tự truyện của ông, *Both Sides of the Circle* được xuất bản vào năm 1978.

4- Xem (1) - Thập Nhị Nhân Duyên ở trên.

CHƯƠNG 8

Cuốn Sách Không Trang Cuối

> *Mới hôm nọ ngài nói về những cơ cấu niềm tin. Một trong những cơ cấu niềm tin của tôi đó là, tôi là người không toàn hảo –và tôi phải phấn đấu để trở nên toàn hảo. Thực hành theo* ***sls*** *(1) tôi cảm nhận rằng mình đã là người toàn hảo như tôi bây giờ đây -với đầy đủ giận hờn, tiếc nuối, yêu thương, thù hận, phiền muộn, chán chường, phòng thủ, và dục tính của mình. Hình như ngài có lần nói rằng chúng ta đều là những thượng đế mà không hề nhận biết. Xin làm ơn giải thích về sự toàn hảo của mỗi con người chúng ta.*

Điều này cho thấy một cơ cấu niềm tin đã ăn sâu như thế nào, đã trở thành một bộ phận của vô thức bạn ra sao. Bây giờ thì ngay cả cái ý niệm về toàn hảo cũng đang đeo đuổi bạn một cách dai dẳng. Thoạt tiên bạn cố gắng để

trở nên toàn hảo, bây giờ thì bạn tin rằng mình đã toàn hảo rồi -thế mà bạn vẫn chưa buông bỏ được cái ý niệm về toàn hảo.

Thoạt tiên bạn cố gắng để trở nên hoàn toàn hơn bởi vì bạn cảm nhận rằng mình chưa được hoàn toàn; thế là bạn vẫn còn bám víu vào những ý thức phân biệt cũ. Bây giờ thì có vẻ như dễ dàng hơn, rẽ tiền hơn khi bạn tin rằng -bây giờ thì bạn đã hoàn toàn rồi, bạn không cần phải chạy đi đâu nữa. Tuy nhiên vấn đề vẫn là bạn phải hoàn toàn, phải toàn hảo. Thế thì có gì là sai trái nếu như bạn không hoàn toàn, không toàn hảo?

Cái "sls" của bạn quả tình chẳng gíúp ích được gì cho bạn cả! Bạn đã không thể rút ra được một bài học nào từ đó. Bạn vẫn là con người cũ, không có gì thay đổi; toàn bô cơ cấu niềm tin của bạn đã không hề bị đụng chạm đến. Và rồi không sớm thì muộn bạn lại cũng sẽ rơi vào những tình huống khó khăn như cũ. Bởi vì rồi đây bạn cũng sẽ giận dữ, cũng sẽ chán chường, cũng sẽ phiền muộn –không có cách gì để có thể cho rằng sự giận dữ của bạn là toàn hảo, hay sự buồn muộn, nỗi chán chường của bạn bây giờ là toàn hảo –vô phương. Không sớm thì muộn; con rắn cũ trong bạn sẽ duỗi mình thức dậy; bạn sẽ bắt đầu than khóc trở lại thôi.

Khi bạn đang phiền muộn, bạn sẽ không cố gắng để thoát ra khỏi cơn phiền muộn này? Khi bạn đang ở trong khổ đau, bạn sẽ không có một nỗ lực nào để thoát ra khỏi nó? Bạn sẽ hoàn toàn chấp nhận nó? Khi bạn đang chìm ngập trong một biển tối tăm, bạn sẽ không khởi sự phấn đấu để vươn tới ánh sáng? Mọi chuyện rồi sẽ trở lại y như cũ; bạn hiện đang làm công việc trì hoãn nó thôi. Rượu cũng vẫn là thứ rượu cũ trước đây, bạn chỉ thay cái nhãn hiệu trên cái bình chứa mà thôi, không có gì thay đổi cả.

Đó không phải là thông điệp của tôi. Thông điệp của tôi rất rõ ràng: Cái gì không hoàn chỉnh mới là tuyệt vời. Thực ra, không hoàn chỉnh là một đòi hỏi cơ bản của một sinh thể sống động. Cái ngày mà bạn thành toàn, cũng có nghĩa là bạn đã chết. Toàn hảo là cái chết; bất toàn là sự sống. Không nên lên án sự bất toàn mà chấp nhận nó như một tình trạng mở. Bất toàn có nghĩa là mở ra –đang lớn dậy, đang chuyển động, đang sống. Bất toàn có nghĩa là bạn vẫn sẽ còn có một tương lai, vẫn còn hy vọng, và ngày mai sẽ là một cái gì đó rất mực hứng thú đợi chờ. Đó là ý nghĩa của bất toàn.

"Bất toàn" không là một danh từ mang ý nghĩa bất xứng mà được xem như đồng nghĩa với dòng sống đang tuôn chảy. Bởi vì nếu mọi chuyện đã hoàn tất rồi, bạn sẽ còn đi đâu nữa? Bạn sẽ làm gì đây? "Hoàn tất" có nghĩa là đã chấm dứt trưởng thành, bạn đã đi đến điểm tận cùng rồi. Những gì tiềm ẩn nay đã trở thành sự thực –đó là ý nghĩa của hoàn tất. Bây giờ sẽ không còn gì khác nữa ngoài cái chết.

Bất toàn bao hàm ý nghĩa là còn có rất nhiều khả năng đang chờ đợi, rất nhiều cái hay ho sẽ được xảy ra. Tôi không hề bảo rằng bạn phải phấn đấu để cho nó xảy ra, tôi đang nói rằng nó sẽ xảy ra nếu bạn chấp nhận sự bất toàn của mình, và sống hết mình trong đó. Đây là hai vấn đề khác nhau. Tin rằng cái bất toàn của bạn chính là một toàn hảo là điều sai lầm hoàn toàn. Cứ việc sống trọn vẹn hết mình trong từng khoảnh khắc –khi bạn bất toàn, cứ hết mình với cái bất toàn đó. Chính từ trong cái trọn vẹn, nhất thể với bất toàn này mà bạn khởi sự lớn dậy.

Tôi cũng không bảo rằng rồi đây bạn sẽ trở nên toàn hảo, bởi vì cái ngày mà bạn là người toàn hảo, bạn sẽ không còn cần thiết nữa -những kẻ toàn hảo thường bị đào thải ra khỏi đời sống ngay lập tức. Thế nên đời sống không bao giờ toàn hảo; nó không ngừng chuyển động. Từ một nhất thể

này đến một nhất thể khác, từ một bất toàn này đến một bất toàn khác, tiếp tục, tiếp tục mãi không ngừng. Một cách giản đơn, bất toàn chính là đời sống, là sinh động, là tăng trưởng, tiến hoá. Thế thì tại sao lại cứ đi lên án cái bất toàn? Bây giờ thì bạn cho là mình đã cảm nhận được rằng "Tôi là người toàn hảo như tôi bây giờ đây". Không bao giờ cả. Tôi cũng không hề khuyến khích bạn phấn đấu để trở nên toàn hảo; điều này cũng cùng là một chiếc bẩy giống nhau. Điều tôi muốn nói với bạn là, bất cứ giây phút nào bạn đang sống, hãy sống trọn vẹn, toàn bộ với cái khoảnh khắc đó – đây là cách thế duy nhất để sống thực sự.

Nếu bạn đang buồn phiền, hãy sống trọn vẹn trong nỗi buồn phiền đó. Sống thực sự với nó, đừng có nửa vời. Một khi bạn đã buồn phiền thực sự, bạn sẽ mau chóng thoát ra. Nếu bạn nửa vời, nó sẽ còn tồn tại dai dẳng mãi.

Chuyện xảy ra, có ai đó vừa mới qua đời. Bạn yêu thương chàng hay nàng rất mực và bây giờ thì người yêu dấu đó đã không còn nữa. Bạn phải buồn thôi, *thực sự* đau buồn. Món nợ tình chưa trả. Thế thì cứ việc than khóc, cứ việc nổi khùng lên. Đừng làm ra vẻ không có gì, đừng làm ra bộ tươi tỉnh. Và cũng đừng tìm cách tự an ủi mình rằng, bây giờ có làm gì đi nữa cũng vô ích. Nếu bạn cố gắng tự an ủi mình, mối buồn phiền sẽ kéo dài lâu hơn –có thể hàng năm không chừng. Đó là lý do tại sao hàng triệu người cứ mãi sống trong buồn khổ như thế. Bởi vì họ đã không bao giờ thực sự sống sâu sắc với nỗi buồn của mình mà chỉ tìm cách trì hoãn lại. Khi bạn trì hoãn nó, nó sẽ lắng chìm vào vô thức, đợi chờ đúng thời điểm sẽ tác động trở lại. Nó trở thành một gánh nặng trĩu luôn đè lên trái tim bạn.

Thế nên khi nào thấy nó ở đó, hãy trút nó ra. Buồn phiền là chuyện hoàn toàn đương nhiên, không có gì sai trái cả, vấn đề chỉ là nên như thế nào.

Nếu bạn thực sự chìm ngập vào trong nỗi buồn, nỗi buồn sẽ mau chóng tan đi, bốc hơi. Bạn đã kinh qua nó, và bây giờ mọi chuyện đã chấm dứt. Bất cứ nỗi buồn nào -dù lớn lao tới đâu- đã đến với bạn, nó đã đến; bây giờ nó không có nhu cầu để quanh quẩn chung quanh bạn nữa. Nó sẽ rời xa. Và rồi bạn sẽ thoát ra khỏi nó, tươi tắn hơn, trẻ trung hơn, sống động hơn. Bạn sẽ hạnh phúc hơn, kinh nghiệm hơn, chín chắn hơn sau khi kinh qua biến cố buồn đau này.

Một người chưa từng chứng kiến cơn hấp hối của ai đó mà mình yêu dấu là người chưa thực sự trưởng thành. Ở phương Đông ngạn ngữ đã nói, "Bạn chưa hề trưởng thành, bạn vẫn còn là một đứa trẻ, cho đến khi nào chứng kiến cha mình qua đời." Khi chứng kiến người cha thân yêu của mình qua đời, một cái gì đó cũng chết theo trong tận cỏi lòng bạn. Bởi vì người cha là một phần đời của bạn, người mẹ là một phần đời của bạn, họ đã cho bạn đời sống. Và rồi tất cả những người đã cho bạn đời sống đều lần lượt tan biến vào cái chết –cái chết của bạn rồi cũng sẽ đến thôi, sớm hay muộn.

Trong khi cha mẹ bạn còn sinh tiền bạn có thể tiếp tục tin rằng bạn sẽ không bao giờ chết. Thế nhưng một khi cha mẹ bạn qua đời, làm sao mà bạn còn có thể tiếp tục tin rằng mình sẽ không chết? Ngay cả những người đã sinh thành ra bạn cũng đã không còn nữa, cỗi nguồn đã mất dấu. Gốc rễ đã không còn –và không sớm thì muộn rồi bạn cũng sẽ biến mất trên cỏi đời này.

Sống trọn vẹn với nó. Hãy than khóc, hãy u sầu, hãy để cho dòng nước mắt tuôn trào. Trút tất cả tâm can của bạn vào đó. Không có gì để phải sợ hãi, không có gì để phải thẹn thùng, không có gì để phải bối rối. Nếu bạn có thể sống một cách trọn vẹn trong đó, bạn sẽ thoát ra một cách chín chắn hơn,

trưởng thành hơn, thực tế hơn, cũng như có khả năng để sống một đời sống hạnh phúc hơn.

Điều này thoạt nhìn có vẻ như lạ lùng –làm sao mà kinh qua bất hạnh người ta lại có thể sống hạnh phúc hơn? Vâng, đúng như thế, đây là cách thế mà đời sống vận hành. Giống như cái quả lắc của đồng hồ -nó lắc qua bên phải, đến tận cùng bên phải và từ đó nó bắt đầu lắc về phía trái. Trong khi đang chuyển động về bên phải thì đồng thời nó cũng tích tụ năng lực để lắc về bên trái, và khi quả lắc đang đi về phía trái cũng tương tự như vậy. Đời sống là một chuyển động giữa hai bờ đối nghịch; như một dòng sông trôi ở giữa đôi bờ.

Nếu bạn thực sự sống sâu sắc trong nỗi buồn thì rồi bạn cũng sẽ chìm ngập trong nỗi hạnh phúc sâu sắc y như thế. Con người khốn khổ, con người không hạnh phúc là vì họ không chấp nhận nỗi bất hạnh của mình. Một khi họ không chấp nhận những nỗi bất hạnh của mình thì đồng thời họ cũng không chấp nhận luôn cả hạnh phúc. Cái độ lắc sẽ có một tỉ lệ đối xứng -nếu nó chuyển động một dặm về phía buồn đau, thì nó cũng sẽ chuyển động một dặm về hướng hạnh phúc. Nó sẽ luôn luôn có tỉ lệ cân đối; đời sống do đó mà tiếp tục thăng bằng. Nếu bạn có thể đi mười dặm đường vào nỗi buồn đau thì bạn cũng sẽ đi mười dặm đường vào cơn hạnh phúc -giống y như thế.

Thế nên cứ sống một cách trọn vẹn cho dù bất cứ chuyện gì xảy ra. Tôi không nói là sống trong toàn hảo, bởi vì đây là hai chuyện hoàn toàn khác nhau. Bạn sống trọn vẹn, có nghĩa là bạn không cần đến bất cứ một khuôn mẫu lý tưởng nào. Trong khi bạn khởi sự sống như một người toàn hảo, có nghĩa là bạn cần đến một mẫu mực lý tưởng.

Cụ thể như, nếu bạn đang khóc một cách trọn vẹn có nghĩa là khóc với tất cả trái tim mình, với tất cả nỗi cảm xúc của bạn. Còn nếu bạn là một người khóc thật toàn hảo, bạn sẽ nhìn chung quanh –"Ai là người khóc toàn hảo hơn cả? Tiếng khóc của ai thảm thiết hơn? Ai là bậc thầy về khóc ở đây?" Rồi bạn sẽ chạy tìm đến ông thầy này, học hỏi những kỹ thuật của ông ta, biến ông ta thành thần tượng. Nước mắt nên nhiều hay ít? Chảy ra như thế nào? Thế là bạn học hỏi cả nghệ thuật lẫn kỹ thuật để có thể nhỏ ra thật nhiều nước mắt. Nhưng đó thật ra chỉ là đồ giả. Cái toàn hảo luôn luôn là đồ giả -bạn đang bắt chước theo mà thôi. Bởi vì hoàn hảo cần đến một thần tượng, một khuôn mẫu lý tưởng, và rồi từ những thần tượng này đã đẻ ra những kẻ bắt chước.

Cái trọn vẹn là của chính bạn, cái toàn hảo là đồ vay mượn –căn bản khác nhau như thế. Bạn học từ người khác để trở nên toàn hảo. Nếu bạn muốn trở thành một người toàn hảo, bằng cách nào để bạn sẽ trở thành một người như thế? Đức Phật, Mahavir, Krishna, Chúa Giêsu sẽ trở thành những thần tượng của bạn: Noi theo gương của Chúa Giêsu và rồi bạn trở thành một con chiên toàn hảo. Noi theo gương của Đức Phật và rồi bạn trở thành một Phật tử toàn hảo. Thế nhưng bạn có thể làm được gì? Nếu bạn muốn trở thành như một ông Phật thì bạn cũng sẽ chỉ là một mô phỏng, một hình nộm bằng nhựa; bạn sẽ không bao giờ là một ông Phật thật sự. Bạn không thể nào là một vị Phật, một vị Phật chỉ xảy ra một lần thôi. Một hiện sinh không bao giờ là một lập lại -một hiện sinh luôn luôn tăng trưởng trong một chiều kích mới, một sinh thể mới. Công việc của bạn sẽ chỉ là lừa gạt chính mình, lừa gạt mọi người, và cái hiện sinh đó sẽ không bao giờ tha thứ cho bạn chuyện này.

Bạn chỉ có thể là chính bạn mà không là ai khác; đó là cái khuôn mẫu lý tưởng của tính trọn vẹn, nhất thể. Còn nếu bạn bắt chước theo ai đó thì rồi

bạn sẽ cố gắng sống y như người đó, bạn chỉ là kẻ chạy theo đuôi toàn hảo. "Toàn hảo" là một danh từ dơ bẩn: hãy quẳng nó đi. Đó là một trong những cái từ nguy hiểm nhất đã được nhân loại sử dụng. Hãy liệng bỏ nó và sống trọn vẹn.

Trọn vẹn không phải là một mẫu mực lý tưởng nằm ở đâu đó trong tương lai. Nó hiện hữu tại đây. Trong khi bạn giận dữ, cứ việc giận dữ thật sự-đó là một phần của cuộc sống. Từ cơn giận, lòng từ phát sinh. Khi bạn yêu đương, cứ thật sự yêu đương -bởi vì từ tình dục sẽ tỏa hương thơm phạm hạnh –*brahmacharya*, độc thân. Luôn luôn có những đối nghịch như thế.

Bạn nói rằng: *Tôi cảm nhận rằng mình đã là người toàn hảo như tôi bây giờ đây*. Không, không bao giờ, và không ai là như thế cả. Dòng hiện sinh không bao giờ khô cạn, tiềm lực là vô tận, không thể nghĩ bàn. Thế nên khi tôi nói rằng các bạn là những thượng đế, tôi muốn nói lên điều gì đây? Tôi không hề nói rằng bạn toàn hảo; ngay cả những thượng đế cũng không hề toàn hảo -bởi vì đó là những thượng đế sống. Tôi đã có ngụ ý gì khi bảo rằng các bạn là những thượng đế? Tôi muốn nói lên một điều rằng cái khả năng, tiềm lực của bạn là vô tận. "Thượng Đế" có nghĩa là tiềm năng vô tận -bạn cứ tiếp tục tăng trưởng mãi, tăng trưởng không ngừng, không hề có hạn điểm. Bất cứ nơi đâu bạn hiện hữu, bạn vẫn tiếp tục tăng trưởng không ngừng.

Cái chết không bao giờ xảy ra. Đó là tất cả ý nghĩa khi tôi nói rằng các bạn là những thượng đế, tức là không bao giờ chết. Kinh Vệ Đà nói rắng: *amritasya putrah* –ngươi là những đứa con của bất tử, không bao giờ chết. Bạn phát xuất từ nước cam lồ, được tạo thành bởi cùng một chất liệu với nước cam lồ -*amritasya putrah*. Bạn là những đứa con trai, con gái của Thượng Đế -điều này chỉ có một ý nghĩa đơn giản rằng tiềm năng của bạn

là bất tận, không bao giờ bị khô cạn. Dù bạn trở thành bất cứ cái gì đi nữa, bạn sẽ lại tìm thấy những cánh cửa mới rộng mở, những đỉnh cao mới thách thức, những cuộc phiêu lưu mới chờ đón, những chiều kích mới mời gọi ở phía trước, hấp dẫn, khích động. Ta không bao giờ đi vào ngỏ cụt.

Đó là ý nghĩa khi tôi gọi các bạn là những thượng đế. Thượng Đế ở đây không hàm ý toàn hảo mà đơn giản là cái năng lượng luôn luôn chuyển động. Trong mỗi phút giây, bạn có thể là nhất thể. Và từ một nhất thể, trọn vẹn này bạn có thể trôi tuột vào một nhất thể, trọn vẹn khác; từ một cái trọn vẹn này giúp bạn trở thành nhất thể ở một khoảnh khắc khác. Nếu bạn đang giận dữ một cách trọn vẹn, thì rồi bạn cũng sẽ yêu thương một cách trọn vẹn –cái trọn vẹn trong cơn giận giúp bạn sống trọn vẹn trong thương yêu.

Bạn không bao giờ hoàn toàn; không có cái gì hoàn toàn cả. Đó là lý do tại sao vạn hữu đang tăng trưởng, đó là lý do tại sao có những tiến hoá không ngừng. Thượng Đế đối với tôi là một ý niệm về tiến hoá. Tôi không nói đến những thượng đế của người khác -những xác ướp khô héo. Nếu bạn hỏi một người Ấn Độ giáo, y sẽ cho rằng Thượng Đế là toàn hảo. Nhưng toàn hảo có nghĩa là chết. Nếu bạn hỏi tiếp, "Thế thì ông ta toàn hảo bao lâu rồi?", chắc chắn là họ sẽ khó khăn khi trả lời. Nếu họ nói rằng ông ta luôn luôn toàn hảo, như vậy có nghĩa là ông ta đã chết; ông ta chưa hề được sinh ra. Thế thì Nietzsche đã rất đúng khi nói rằng "Thượng Đế đã chết". Những thượng đế hoàn hảo là những thượng đế chết.

Thượng Đế, nếu hiện hữu, phải là người bất toàn như chúng ta. Như vậy thì có gì khác nhau giữa bạn và Thượng Đế? Ông ta hiệp nhất, còn bạn thì không. Ông ta chấp nhận những bất toàn của mình, còn bạn thì không, bạn cứ luôn chống đối chuyện đó. Đó là sự khác biệt. Sự khác biệt không phải

là ở chỗ toàn hảo, sự khác biệt là ở trong việc chấp nhận. Bạn phản kháng, bạn chống đối, bạn thu dấu, bạn phòng thủ, bạn luôn luôn khép kín, sợ hãi. Bạn không bao giờ thể nhập vào bất cứ cái gì một cách thực sự, luôn là kẻ ngoại cuộc –lo lắng, sợ hãi, kinh hoàng, sẵn sàng để bỏ chạy trước một cái gì đó quá sức mình. Bạn chỉ tham gia một cách chừng mực, giới hạn.

Chỉ có một khác biệt duy nhất giữa bạn và Thượng Đế: Ông ta thể nhập vào mọi chuyện một cách hoàn toàn. Khi Thượng Đế nhảy múa, người ta không hề thấy có bóng dáng của người nhảy mà chỉ vũ điệu –ông ta thể nhập hoàn toàn vào đó. Khi Thượng Đế thương yêu, ta không thấy bóng dáng của người thương yêu, tất cả còn lại chỉ là một yêu thương đơn thuần –ông ta thể nhập trọn vẹn vào đó. Bạn không bao giờ sống một cách trọn vẹn Bạn là bất toàn, vạn hữu đều bất toàn -những cây cối, chim chóc, bầu trời chung quanh đây, tất cả mọi thứ đều bất toàn. Tuy nhiên xin hãy nhớ cho, khi nói đến hai chữ "bất toàn", tôi không hề bao hàm ý nghĩa một sự lên án, tôi vẫn luôn ca ngợi đời sống, trân quý từng mỗi một nhịp đập của đời sống.

Bây giờ bạn nêu lên câu hỏi: *Hình như ngài có lần nói rằng chúng ta đều là những thượng đế mà không hề nhận biết. Xin làm ơn giải thích về sự toàn hảo của mỗi con người chúng ta*. Một lần nữa, bạn lại tiếp tục bị rối loạn thần kinh chức năng nữa rồi. Kẻ cầu toàn là người bị rối loạn thần kinh chức năng. Nếu bạn muốn tránh khỏi căn bệnh này, bạn sẽ phải buông bỏ ý niệm về toàn hảo –cái ý niệm này ngay từ căn bản là một cấu trúc điên khùng. Từ đó bạn mới có thể bắt đầu cảm nhận được rằng tất cả mọi sự việc đều tốt đẹp y như chúng hiện bày. Điều này cũng không bao hàm ý nghĩa là sẽ chẳng có gì thay đổi. Không phải vậy, vạn hữu đang thay đổi, là một dòng chảy liên tục. Không có gì được duy trì ngoài sự đổi thay, vạn hữu không ngừng thay đổi. Thế nên, ngay tại khoảnh khắc này một chuyện được xem

là đúng, nhưng ở một khoảnh khắc khác thì một chuyện khác lại đúng hơn. Đời sống tiếp tục thay đổi không ngừng. Thế nên một người không hề có bất cứ thần tượng nào sẽ đáp ứng với những đổi thay này trong từng khoảnh khắc một cách trọn vẹn.

Chân lý là một khám phá hay là một phát minh?

Không cả hai.

Có lần khi lên tiếng về một phát biểu của Isaac Newton, "mục đích của nhà khoa học là đi băng qua những đại dương chưa biết, và khám phá ra những hải đảo của sự thật", Jerome Bruner đã lớn tiếng phản bác: "Vô nghĩa, mục tiêu của nhà khoa học là đi băng qua những đại dương chưa biết, và phát minh ra những hải đảo của sự thật!"

Điểm nhấn mạnh ở đây -Isaac Newton thì cho là "khám phá" còn Jerome Bruner thì cho là "phát minh". Còn tôi thì rất muốn được nói với Bruner rằng, Ông Bruner ạ, tất cả đều như cứt. Mục đích của nhà khoa học là đi băng qua những đại dương chưa biết, và khám phá lại những hải đảo của sự thật. Không phải là khám phá hay phát minh.

Khám phá có nghĩa là "lần đầu tiên". Đây là điều ngu xuẩn. Những sự thật bất di bất dịch đã có từ ngàn xưa -tất cả những chân lý mà lần hồi chúng ta biết đều chỉ là những khám phá lại. Chúng đã được khám phá ra nhiều lần trước đây, thế rồi chúng ta chán ngấy và quên lãng đi. Hoặc giả là nó trở nên quá tải, hay trở nên nhàm chán, nên chúng ta quên mất chúng. Nhưng

rồi, vài thế kỷ sau đó, chúng ta khám phá nó trở lại. Chân lý, như vậy không hề là một cái gì đó được khám phá ra lần đầu mà là được khám phá trở lại, lần này qua lần khác. Chân lý là vĩnh cửu. Chúng ta có thể bỏ rơi nó –đây cũng là chuyện rất tự nhiên đối với tâm thức con người, rất chóng nãn. Thế nhưng một khi chúng ta đã quên rồi thì cái cũ lại trở thành cái mới.

Đây là điều mà các sử gia cũng đã từng đề cập đến. Chẳng hạn như, chúng ta đang sống trong thời đại nguyên tử, những sự thật liên quan đến nguyên tử là rất mực quan trọng. Đây là một trong những khám phá lớn nhất của nhân loại –tuy nhiên đây không phải là điều mới mẻ. Trong dòng triết học Hy Lạp, Democritus đã từng đề cập đến vấn đề này trong "Eunon". Tại Ấn Độ, Mahavira cũng đã từng nói đến, và ngay cả trước Mahavira, cũng đã có người nhắc nhở đến khái niệm này –nói nhiều đến độ mà tên của ông ta được gọi là "Kanad", có nghĩa là "nhà nguyên tử." Toàn bộ hệ thống triết học của ông ta đều xoay chung quanh vấn đề nguyên tử.

Và bây giờ chúng ta sẽ lại lần hồi quên đi. Một vài thế kỷ sau, Einstein sẽ rơi vào quên lãng –như Kanad đã bị lãng quên, như Democritus, như Mahavira. Một khi chúng ta đã quên, nếu chúng ta lại rơi tỏm vào cái sự thật này một lần nữa, chúng ta gọi nó là "khám phá".

Isaac Newton đã sai lầm, chân lý không hề là một khám phá. Và Bruner cũng sai luôn khi cho rằng chân lý là một phát minh. Chân lý không thể là một phát minh. Tuy nhiên tôi hiểu điều Bruner muốn nói, ông ta hàm ý rằng tất cả những sự thật đều là sản phẩm do con người sáng tạo ra, những sản phẩm do tâm tạo. Chúng ta tạo ra chúng chứ thật ra chúng không hề hiện hữu. Chúng ta hình dung ra chúng như thế –và, đó là một tưởng

tượng hư cấu. Dĩ nhiên ông ta cũng có một vài điểm hữu lý, bởi vì chúng ta cứ không ngừng tiếp tục thay đổi sự thật. Mà sự thật thì không thể thay đổi, chỉ có óc tưởng tượng của chúng ta là thay đổi, và cứ mỗi lần thay đổi như thế, chúng ta lại nói đến một chân lý khác.

Như vậy, theo Bruner, tất cả mọi sự thật đều là những sáng chế của tâm. Thế nhưng nếu sự thật là một vật sáng chế của tâm thì tôi cũng lại xin được hỏi Bruner, "Ông sẽ nói gì về giả trá, hư vọng?" Phải chăng sự thật và giả trá đều có ý nghĩa như nhau? Một sự giả trá cũng là một sáng chế. Một ảo ảnh cũng là một sáng chế -là sản phẩm do tâm tạo. Và rồi giấc mơ cũng là một sáng chế -một phóng chiếu của tâm. Như vậy thì sự khác nhau giữa sự thật và hư vọng là gì? Theo Bruner, sẽ chẳng có gì khác nhau cả; tất cả đều do tâm tạo.

Tuy nhiên vẫn có sự phân biệt. Đó là lý do tại sao tôi cho rằng chân lý không phài là một khám phá cũng không phải là một sáng chế mà là một khám phá trở lại. Và chân lý cũng không phải là một sản phẩm do tâm tạo -bởi vì chân lý chỉ hiện bày khi tâm ngưng vận hành. Đó là lý do tại sao tôi không gọi những chân lý khoa học là "chân lý;" chúng chỉ là những dữ kiện.

Chỉ có những chân lý tín ngưỡng mới là chân lý; chúng không phải là những dữ kiện. Bởi vì nhà khoa học không hề rời xa cái tâm. Y làm việc *thông qua* cái tâm, gắn bó với cái tâm của mình –một cái tâm đang loay hoay tìm kiếm.

Chân lý của tôn giáo là một chân lý rốt ráo, một chân lý thuần khiết – không hư vọng, không hề dính líu gì đến cái tâm. Và điểm then chốt của tất cả mọi tôn giáo là buông bỏ cái tâm này. Đó là những gì mà ta gọi là

thiền định -tức là dẹp cái tâm qua một bên để nhìn. Một cái nhìn không tâm, nhìn mà không có cái cơ cấu vận hành của tâm. Không có tâm ở đó thì không thể có tạo tác -bởi vì người tạo tác đã biến mất rồi. Không có tâm ở đó thì không có chuyện tâm tạo. Nhìn xuyên suốt vào vạn hữu –không niệm, không định, hoàn toàn vô niệm. Nhìn một cách rỗng không.

Khoa học khám phá những dữ kiện. Dữ kiện thì có hàng triệu thứ -đó là lý do tại sao trong khoa học sự thật không hề là số ít mà là số nhiều. Có rất nhiều sự thật, vô số kể. Sinh học có sự thật của sinh học, hoá học, vật lý, toán học cũng thế -vân vân và vân vân. Có rất nhiều sự thật như thế là vì có rất nhiều tâm.

Tôn giáo nói đến một chân lý duy nhất. Không phải là đa chân lý mà là một *-nhất thể*. Bởi vì khi cái tâm đã được buông bỏ, bạn sẽ không còn bị chia cách với tổng thể nữa, bạn hợp nhất với tổng thể. Trong cái ý thức phổ quát đó, trong cái pháp giới rộng khắp đó, bất cứ cái gì ta biết đến đều là chân lý. Nó không bao giờ thay đổi, nó vẫn luôn như vậy.

Những gì mà Đức Phật đã khám phá ra, cũng giống y như Chúa Giêsu khám phá ra sau này -chỉ là sự khám phá lại. Những gì mà Chúa Giêsu khám phá lại cũng tương tự như những gì mà Eckhart khám phá –cũng chỉ là sự khám phá lại. Những khám phá của Eckhart cũng giống y như thế. Hàng triệu thánh nhân trên thế gian này cũng đã khám phá ra những điều tương tự nhau -Phật giáo, Hồi giáo, Ấn giáo, Cơ Đốc giáo, Do Thái giáo, Sufis, Hassids, và Thiền gia- tất cả đều khám phá ra những điều giống nhau, lập đi lập lại.

Mỗi một cá nhân đơn độc tiếp cận với nó; lại khám phá ra nó một lần nữa. Thế nhưng những gì mà y khám phá ra cũng tương tự với cái biết phổ

quát, cũng là *satchitanand* -cực lạc, chân lý, ý thức. Nó đều giống nhau -thế nhưng khi bạn bắt đầu diễn tả về nó, đề cập về nó, nó trở thành khác biệt. Trước tiên là ngôn ngữ khác biệt –Chúa Giêsu nói tiếng Aramaic, Đức Phật nói tiếng Pali, Mahavira nói tiếng Prakrit, Huệ Năng nói tiếng Trung Hoa, Eckhart nói tiếng Đức, Rinzai nói tiếng Nhật, vân vân và vân vân. Đây là những khác biệt về ngôn ngữ. Và tất cả điều mà bạn gọi là ba trăm tôn giáo trên trái đất này chẳng là gì cả ngoại trừ sự khác biệt về ngôn ngữ. Họ sử dụng những dụ ngôn khác nhau, tự nhiên thôi. Họ biết những dụ ngôn khác nhau thế nên họ dùng những dụ ngôn khác nhau.

Đức Phật dĩ nhiên không thể nói chuyện như một nhà tiên tri trong Áo Nghĩa Thư –không thể nào. Ngài biết những ngụ ngôn khác, những ẩn dụ khác vốn dĩ gần gũi với trái tim của mình hơn. Áo Nghĩa Thư biết đến một loại ngôn ngữ khác, một biểu tượng khác biệt.

Chúa Giêsu có một thế giới ngôn ngữ khác. Chúa là một người thợ mộc – ngài nói chuyện như là một ông thợ mộc, rất mực thực tế. Ngôn ngữ của ngài mang hương vị của đất, phảng phất mùi vị của gỗ, của cây. Đức Phật không thể nói chuyện theo cách như thế, ngài là một vị hoàng tử con vua. Ngài chưa hề biết đến chuyện cây cỏ, đất đai đồng áng, ngài chỉ sống trong những lâu đài, lên xe xuống ngựa. Ngài nói chuyện với một cung cách khác, dĩ nhiên thôi –ngài được nuôi dưỡng trong một môi trường khác, có một hình tượng khác. Ngài nói chuyện như là một ông vua -rất mực văn hoá, rất mực tế nhị. Thế nên Chúa Giêsu có sức lôi cuốn hơn là Đức Phật, bởi vì trên thế gian này, người dân thường thì đông đảo hơn là những ông vua.

Chỉ có một số ít người có thể hiểu được Đức Phật, còn Chúa Giêsu thì có thể được hiểu bởi bất cứ ai, bởi tất cả mọi người. Người nghèo hèn nhất

trên thế gian này cũng có thể hiểu được Chúa Giêsu, bởi vì ngài nói bằng ngôn ngữ của kẻ nghèo hèn nhất. Ngài cũng đã nói chuyện với tất cả những giới bình dân nghèo khổ -những người đánh cá, nông dân, gái điếm, những người lao động đầu tắt mặt tối. Nếu ngài nói theo kiểu cách của Phật thì chắc là họ sẽ không thể nào hiểu nổi. Mà Chúa cũng không thể nói như Đức Phật bởi vì ngài là một người thợ mộc. Toàn bộ tuổi thơ của Chúa là sống và làm việc trong xưởng mộc của thân phụ -vác cây, chẻ củi, giúp đỡ cha mình. Ngài thở và cảm nhận cái hương vị của gỗ. Người thợ mộc đó sống giữa những ngư phủ, nông dân, nói cùng một thứ ngôn ngữ với họ -những người khách hàng thường xuyên của mình.

Thế nên không phải là chuyện ngẫu nhiên mà trên thế giới này, đặc biệt là thế giới của những người nghèo khổ, đã có một sức cuốn hút lớn đến với Chúa Giêsu.

Tại Ân Độ, những người Cơ Đốc đã không thể cải đạo được những người bà-la-môn. Bạn không thể cải đạo một người bà-la-môn; bởi vì y nói một thứ ngôn ngữ hoàn toàn khác biệt. Đối với y, Chúa Giêsu có vẻ như chưa đạt tiêu chuẩn –còn y, y làu thông kinh sách Vệ Đà, Áo Nghĩa Thư, Gita, Dhammapada; y sống trong một thế giới của cái tâm rất mực vi diệu. Tuy nhiên người Cơ Đốc đã rất thành công với đám đông nghèo khổ -những người lao động chân tay, những người dân quê, những người thiểu số; họ đã rất thành công. Những người này hiểu rất dễ dàng ngôn ngữ của Chúa Giêsu. Có thể họ đã không hiểu Krishna đang nói cái gì, ông ta thuyết giảng về triết lý rất mực sâu xa, trong khi Chúa Giêsu chỉ nói về những dữ kiện hết sức thực tế đời thường. Đây chính là những khác biệt -bằng không thì họ đã nói đến cùng một thứ thực tại, cùng một chân lý.

Thế nên bất cứ lúc nào một người đạt đến đó, hiểu rõ vấn đề, thì cũng có nghĩa là cùng một thực tại đó đã được khám phá đi khám phá lại không biết bao nhiêu lần. Và mỗi người đều phải tự khám phá ra theo cách riêng của mình. Bạn không thể vay mượn chìa khoá của kẻ khác. Tôi cũng không thể trao, không thể chuyển nhượng nó cho bạn. Tôi có thể cho bạn biết cái mùi vị của nó ra sao. Tôi có thể cho bạn biết tôi đã đi đến đó như thế nào, và tôi cũng có thể nói về cái đạo lộ dẫn đưa đến đó. Tuy nhiên chính bạn sẽ là người phải đi, sẽ phải là người khám phá ra điều đó. Và một khi bạn đã khám phá ra rồi, ngôn ngữ của bạn cũng sẽ khác biệt với ngôn ngữ của tôi. Nhất định phải như thế -cái ngôn ngữ đó là của bạn, nó sẽ mang dấu ấn của bạn. Đó là lý do tại sao lại có quá nhiều tôn giáo trên thế gian này. Cơ bản, tôn giáo chỉ là một. Nó không thể là hai; nó đi tìm kiếm cái nhất thể. Đó không phải là một khám phá như Newton đã nói. Đó cũng không phải là một sáng kiến, phát minh theo cách nói của Bruner. Đó là một sự khám phá lại.

Ông A nói: Nếu bạn muốn biết chính mình, bạn cần tĩnh tọa. Tuy nhiên nếu bạn muốn là chính mình, bạn cần phải chuyển động.
Ông B nói: Nếu sự tự chứng ngộ đưa đến sự giác ngộ hoàn toàn, thì hoạt động chắc phải gắn liền với bóng tối mê mờ.
Ý kiến của ngài như thế nào, thưa ngài Bhagwan?

Tự chứng ngộ không ăn nhập gì với chuyện ngồi yên tĩnh tọa. Nếu bạn đạt đến tự chứng ngộ bằng cách ngồi yên tĩnh tọa –không chuyển động, bất động, không sống- thì sự tự chứng ngộ đó chỉ là một chứng ngộ chết.

Tự chứng ngộ phải là một trọn vẹn. Nó phải được ngộ trong lúc bạn đang ngồi yên cũng như trong lúc bạn đang chuyển động. Nó phải được ngộ trong lúc bạn đang bất động cũng như trong lúc bạn đang hoạt động. Một người tự chứng ngộ thực sự sống chan hoà trong cả hai - là một giao thoa đồng bộ. Y vừa là hoạt động vừa bất động. Ý nghĩa này được gói trọn trong một từ Trung hoa, *wei-wuwei -vi-vô-vi*. Vi có nghĩa là làm, là hoạt động, vô có nghĩa là không –*Vi-vô-vi* có nghĩa là làm mà không làm.

Đây là sự phân cực: từ làm đến không làm, từ không làm đến làm. Một người tự chứng ngộ hành hoạt trong cả hai thái cực đối nghịch, thoải mái trong cả hai. Trong lúc ngồi yên, y ở trong Thượng Đế. Trong khi bước đi, y ở trong Thượng Đế. Không làm gì cả, y ở trong Thượng Đế. Làm một ngàn lẻ một chuyện, y ở trong Thượng Đế. Trong chùa y ở trong Thượng Đế, ngay giữa chợ y vẫn ở trong Thượng Đế.

Tuy nhiên tôi hiểu vấn đề của bạn. Đây là một trong những vấn đề muôn thuở, nó tạo ra không biết bao nhiêu vấn nạn. Bởi vì có không biết bao nhiêu người tin rằng nếu bạn sống trong thế gian, bạn không thể nào có được tuệ giác, bạn không thể nào vươn đến giác ngộ. Từ bỏ thế gian, tránh xa thế gian, chạy trốn thế gian -đời sống thế gian, cái biển đời náo động đó, làm người ta dễ bị phân tâm. Thế là người tìm vào Hy Mã Lạp Sơn, ẩn mình trong một hang động sâu thẳm nào đó. Phải sống như thế, một mình trong cô tịch -chỉ như vậy mới có thể vươn đến Thượng Đế, Chân Như.

Thế nhưng cái Thượng Đế này là một Thượng Đế rất mực nghèo nàn. Và cái chứng ngộ Thượng Đế này cũng sẽ là một chứng ngộ rất mực ốm đói, không phong phú chút nào. Bởi vì khi bạn bất động, sinh thể của bạn sẽ là một trì trệ, ứ đọng, là một vùng đất chết. Bụi bặm sẽ bám đầy, phủ kín. Bạn

sẽ chẳng khác gì một nơi ao tù, nước đọng -ứ đọng, tù hảm; bạn sẽ không bao giờ tươi trẻ tinh khôi như một dòng sông đang tuôn chảy. Ngay cả nếu bạn lặng yên, an bình, bạn cũng sẽ chỉ là một xác chết. Vâng, những tinh tú có thể phản chiếu trên đó, nhưng bạn sẽ không bao giờ đến được đại dương. Chỉ có dòng sông là sống động hơn.

Thế nhưng tôi cũng không bảo rằng những ai đang sống giữa chợ là sẽ chứng ngộ Thượng Đế, Chân Như. Bởi vì nếu trong bạn không là sự tịch tĩnh, thì chợ đời sẽ là một cái nhà thương điên –nó đã trở thành như thế.

Có hai loại người –mà thực ra họ không phải là kẻ thù của nhau, họ có thái độ giống hệt nhau. Một loại người tin rằng chỉ có thế gian này là duy nhất, đây là nơi mà tất cả đời sống hiện bày -thế nên hãy sống ở đó. Họ đổ xô đến những khát vọng, tham cầu, mong ước; làm đủ tất cả mọi chuyện -đạt đến, vươn đến, trở thành một cái gì đó. Loại người này, từng bước một, dẫn đưa chính mình đến khùng điên.

Loại người thứ hai, nhận thức được rằng tất cả những chuyện đời đều chỉ là trò điên đảo, họ thoát ly khỏi thế gian này, ngồi lặng yên trong một hang động nào đó, trí óc trở nên mụ mẫm, trì trệ đi rồi chết. Người ở giữa chợ đang sống, nhưng không có sự tĩnh lặng, còn người ở trong hang động thì tĩnh lặng nhưng không còn sống nữa. Cả hai đều là những kẻ lỡ tàu.

Đó là lý do tại sao, đối với những hành giả của tôi, tôi luôn luôn khăng định: Sống động và đồng thời tĩnh lặng, cả hai nên gắn bó cùng nhau. Và như vậy, đời sống của bạn sẽ trở nên phong phú hơn. Hãy sống giữa thế gian thế nhưng không thuộc về thế gian. Hãy như là một đóa sen -gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn. Như thế, đời sống sẽ trở nên tuyệt vời và đầy ân sủng, sẽ làm cho bạn phong phú thêm. Bởi vì đời sống không gì khác

hơn chính là Thượng Đế hoá thân thành thiên hình vạn trạng. Như thế đời sống sẽ không còn làm cho bạn bị phân tâm mà là một thử thách, một cơ hội để bạn lớn dậy.

Đừng nghĩ rằng đời sống thế gian sẽ lôi cuốn bạn chệch hướng mà hãy xem đó như là một thử thách. Khi bị ai đó mạ lỵ, bạn có thể nghĩ rằng y đang quấy nhiễu bạn –đó là một cách lý giải. Nhưng bạn cũng có thể nghĩ là y đang thử thách thức bạn. Bạn có cảm thấy bị quấy nhiễu hay không là do ở mình. Nếu bạn thấy đó không phải là một quấy nhiễu, có nghĩa là y đã mang đến cho bạn một cơ hội lớn lao để lớn dậy. Bạn sẽ mang ơn y. Bạn nên tìm đến y để nói lời cảm tạ, hay nhờ ai đó chuyển đến y lòng biết ơn - bởi vì y đã mạ lỵ bạn thế nhưng đã không làm cho bạn bị phân tâm; có một cái gì đó đã trở nên vô cùng vững chắc, kiên định ở trong bạn, một cái gì đó đã hợp nhất chan hoà trong bạn.

Và rồi một cô gái tuyệt trần bước ngang qua mặt cũng sẽ không làm bạn bị phân tâm –không phải là do bạn cố tránh không nhìn hay là không thấy nàng.

Mới ngày hôm kia đây, có ai đó đã gởi đến cho tôi một mẩu tin được cắt ra từ một tờ báo ở Luân Đôn, nói rằng vị lãnh đạo của giáo phái Swami Narayan vừa đến thủ đô nước Anh …

Trong suốt bốn mươi năm qua ông này không hề nhìn đến một bóng dáng phụ nữ. Ngay cả trên máy bay ông ta cũng được che màn lại và người nữ tiếp viên phi hành được cảnh báo là không nên đến gần ông ta. Có những sắp xếp đặc biệt để ông ta tránh giao tiếp với phụ nữ. Ông ta được đưa ra khỏi phi trường Luân Đôn trong một chiếc xe bít bùng. Ngay tại phi

trường người ta cũng phải sắp xếp sẵn một nơi màn che kín mít trước khi ông ta rời khỏi máy bay. Bây giờ ở Luân Đôn, đi đâu ông ta cũng chỉ cúi mặt nhìn xuống đất. Ông ta cũng tránh cả việc xem chương trình kỹ niệm 50 đăng quang của nữ hoàng Anh, bởi vì bà ta không phải là một ông vua. Thế là ông ta ngồi ở một phòng khác và có một bình luận gia đặc biệt trình bày sự kiện diễn tiến để cho ông ta có thể nghe được chuyện này.

Với những loại người này -bạn gọi họ là gì đây, còn sống chăng? Họ là loại người siêu việt dục tính? Bạn không thể tìm ở đâu ra một sự bôi bác hơn thế; đây là một sự bôi bác hoàn toàn . Cái ông này cần phải được đưa vào nhà thương để chữa bệnh tâm thần –không chừng chữa bằng điện giật lại tốt cho ông ấy. Đây là một chuyện phi lý. Và cái ông này thì luôn nghĩ rằng mình đang gần gũi hơn với Thượng Đế. Sợ hãi đàn bà quá như thế chỉ nói lên một điều đơn giản là bạn sợ hãi cái tính dục của bạn. Nếu không, một người đàn bà có thể làm gì ông ta được? Một cô tiếp viên phi hành có thể làm gì hại ông ta? Tại sao lại sợ hãi quá mức như thế? Cái sợ hãi này là một chỉ dấu của ẩn ức sinh lý.

Và cái loại người như ông này chắc chắn là tối ngày chỉ nghĩ đến đàn bà. Ông ta không thể nào nghĩ đến Thượng Đế được. Ông ta chẳng quan tâm gì đến Thượng Đế, mà chỉ quan tâm đến đàn bà. Ông ta còn thời giờ đâu để mà nghĩ đến Thượng Đế! Và ngay cả nếu như ông ấy nghĩ về Ram, ông ta cũng sẽ tìm cách né tránh Sita –cho dù cả hai đang đứng cùng nhau. Nếu có nghĩ đến Krishna ông ta cũng sẽ tìm cách loại bỏ những nàng thiên nữ đang nhảy múa chung quanh Krishna. Cái ông này chắc chắn là sẽ không đặt chân đến đền thờ của Kali rồi, vì bà ta là một phụ nữ.

Tôi ngạc nhiên không biết làm sao mà ông này có thể thu xếp để sống được trong cái bào thai của người mẹ? Buông màn xuống chắc?

Đây là một sự khùng điên hoàn toàn –mà sự khùng điên này lại được tô vẽ như là một phẩm chất cao quý của tôn giáo. Đâu phải vậy, đây chỉ là một sự rối loạn thần kinh chức năng dưới danh nghĩa tôn giáo. Nếu thực sự bạn đã siêu việt dục tính, bạn sẽ lần hồi khởi sự quên bẳng đi ai là người nam, ai là người nữ.

Chuyện kể rằng Đức Phật đang ngồi tham thiền dưới gốc cây. Một nhóm người dưới phố tổ chức một buổi píc-níc ở trong rừng, mang theo một cô gái điếm. Sau khi say sưa họ đã lột hết quần áo của cô điếm đem dấu đi làm cô ta rất sợ hãi. Họ say quá mức và cô gái đã nhân đó bỏ chạy trốn, trần truồng. Sáng hôm sau khi làn gió lạnh ban mai đánh thức làm họ tỉnh rượu và biết rằng cô gái đã bỏ trốn. Cả bọn đã đổ vào rừng tìm kiếm và đi ngang qua gốc cây mà Đức Phật đang tĩnh tọa. Họ nghĩ rằng, "Chúng ta nên hỏi người này, chắc chắn là ông ta phải trông thấy cô gái -bởi vì đây là con đường duy nhất mà cô ta phải đi, không có lối nào khác."

Thế là họ hỏi Phật, "Ngài có thấy một cô gái trẻ đẹp, trần truồng đi ngang qua đây không?"

Đức Phật trả lời, "Quý vị đã đến hơi trễ một tí. Phải chi quý vị đến đây mười năm trước đây."

Cả bọn sửng sốt, họ tưởng là đang gặp một người khùng. Cái ông này đang nói cái gì vậy –"mười năm trước đây" là thế nào? Họ hỏi Phật, "Ngài nói vây là nghĩa gì?"

Đức Phật trả lời, "Đã mười năm qua ta đã buông bỏ tất cả những phân biệt. Vâng, có ai đó đã đi ngang qua đây –nhưng hỏi rằng đó là đàn ông hay đàn bà … qúy vị đang nêu một câu hỏi không đúng chỗ, không đúng người. Vâng, có ai đó đã đi ngang qua đây. Ta nghe có tiếng chân người. Ta có nhìn thấy bóng người. Tuy nhiên nói rằng đó là đàn ông hay đàn bà quả là một điều khó khăn, bởi vì trong ta đã không còn có sự tìm kiếm một người đàn ông hay đàn bà."

Nếu bạn không tìm làm sao bạn có thể thấy được? Bạn có để ý rằng chuyện này đôi khi cũng đã từng xảy ra với bạn? Một hôm nào đó bạn đang đi giữa chợ bỗng có người chạy đến báo tin là nhà bạn đang cháy. Thế là bạn bương bả chạy về nhà. Lúc đó nếu có một cô gái tuyệt trần đi ngang qua mặt -bạn có trông thấy nàng không? Bạn có nhìn, chắc chắn là như thế - nhưng bạn có thấy không? Và rồi ngày mai nếu có người nhắc nhở bạn rằng hôm trước có một cô gái tuyệt đẹp đã suýt đâm sầm vào bạn, bạn sẽ bảo, "Thôi bỏ qua chuyện đó đi. Cái nhà của tôi đang cháy –tôi còn tâm trí đâu mà để ý đến ai xấu hay đẹp. Có thể có ai đó đã suýt đâm sầm vào tôi, nhưng tôi không hề nhớ. Chuyện đó không hề lưu lại một ấn tượng nào cả, tâm trí của tôi đã đổ hết vào cái nhà."

Một ngày nào khác, cũng người đàn ông này sẽ trông thấy cô gái kia. Và nếu quả tình đó là một giai nhân, y sẽ nhìn nàng kỹ lưỡng hơn, tinh tường hơn, chăm chú hơn. Người ta chỉ nhìn thấy cái gì mà người ta đang *tìm kiếm*.

Đức Phật đã trả lời, "Từ mười năm rồi, ta đã ngưng tìm kiếm người nữ. Ta không còn tìm họ; họ đã hoàn toàn biến mất trong ta. Thực ra, ta cũng không còn là một người nam nữa."

Những lời nói nghe thật lạ lùng mà là một chân lý không thể phủ nhận. Ngài nói rằng, "Thực ra, ta cũng không còn là một người nam nữa, bởi vì ta đã ngưng tìm kiếm người nữ." Đúng vậy, một người đàn ông thì luôn luôn chạy đi tìm kiếm đàn bà –đó là ý nghĩa của hai chữ đàn ông. Còn một người đàn bà thì luôn luôn chạy đi tìm kiếm đàn ông –như thế mới gọi là đàn bà.

Thế nên bạn không thể định nghĩa một người đàn ông là đàn ông khi y ngưng tìm kiếm đàn bà –y không còn là đàn ông nữa. Và Đức Phật đã bảo nhóm người kia, "Ta không còn là một người đàn ông nữa. Có người đã đi ngang qua đây, nhưng quả thật rất khó mà cho qúy vị biết họ là nam hay nữ. Quý vị có thể đi tìm ai đó để hỏi, chắc họ có trông thấy." Bây giờ thì câu trả lời có vẻ như chứa đựng một giá trị nào đó.

Phương cách tiếp cận của tôi là: Bạn đang sống trong thế gian này, tuy nhiên bạn phải sống trong hoàn toàn tỉnh thức. Phải nhìn, thấy, sống, và đi vào tất cả mọi chuyện. Không từ chối cũng không dồn nén bất cứ cái gì. Chỉ có thực chứng toàn bộ đời sống ta mới có thể vượt ra khỏi nó. Chỉ có thực chứng mới có thể giải phóng ta.

Thế nên tôi không tán thành việc ngồi tĩnh lặng trong một hang động nào đó. Và tôi cũng không tán thành việc dính líu vào một ngàn lẻ một chuyện linh tinh của cuộc sống đời thường bởi vì bạn đã không hề biết ngồi yên lặng quán chiếu. Như vậy, có lúc nên ngồi lặng yên tĩnh tọa, có lúc nên đi vào hành động. Và từ đó lần hồi tạo dựng lên một chiếc cầu nối liền giữa bất động và hoạt động.

Và rồi hãy trở nên rất mực hoà điệu với sinh thể của bạn để cho cả bất động lẫn hoạt động sẽ chẳng có gì khác biệt đối với bạn. Đang hoạt động, đang làm việc, đang chuyển dịch, đang tuôn chảy cũng vẫn sẽ giống như là đang ngồi yên tĩnh tọa. Đó là một cái gì đáng để cho bạn vươn tới –khi bạn đang chuyển động mà vẫn không có gì chuyển động trong bạn, khi bạn đang tuôn chảy mà không có gì tuôn chảy trong bạn, khi bạn đang nói chuyện mà thật ra bạn đang hoàn toàn lặng yên. Khi bạn làm một ngàn lẻ một chuyện linh tinh nhưng không hề thấy bóng dáng của người làm, như thế là bạn đã đạt đến một sự tổng hợp nhất quán mà tôi gọi là sự thành tựu tâm linh.

Bằng không, cả hai đều là "vô minh", chúng không thể được gọi là giác ngộ. Một đằng thì rơi vào vô minh do bởi hoạt động quá nhiều và tâm trí bị chiếm lĩnh, một đằng thì rơi vào vô minh do quá bất động và một cái đầu trống rỗng. Cả hai đều lạc lối.

Giác ngộ là một tổng hợp, một hoà điệu tuyệt vời của cả hai đối cực. Đó chính là *vi-vô-vi.*

Bhagwan, ngài đã không để cho tôi được trụ vào một nơi nào đó. Bất cứ lúc nào tôi cảm thấy mình đã được an trụ thì ngài lại nói điều gì đó làm cho tôi thấy bất ổn trở lại. Tại sao ngài cứ tiếp tục tạo ra những mập mờ hoang mang cho những môn đồ của mình?

Cái giây phút mà bạn bắt đầu cảm thấy ổn định, bạn đang trở thành một xác chết. Bạn phải ở trong trạng thái bất ổn. Ổn định có nghĩa là bạn ngưng sống. Ổn định có nghĩa là bạn đã trở thành một người quản gia, chứ không còn là một sa môn hành giả.

Không nên ổn định, không nên trụ lại mà phải tiếp tục chuyển động. Đời sống phải như là một cuộc hành hương. Bạn sống ở trong nhà nhưng không biến thành những người quản gia. Hãy nghĩ đến những ngôi nhà của bạn như là những căn lếu trại -bất cứ lúc nào bạn cũng có thể nhổ nó lên và tiếp tục lên đường. Hãy tiếp tục ra đi, hãy tuôn chảy không ngừng vào nơi không hề biết.

Vâng, đó là những gì mà tôi đang làm ở đây -bất cứ giây phút nào bạn bắt đầu cảm thấy ổn cố, tôi lại tạo nên sự bất ổn cố. Đó là những gì mà người ta cần đến ở một vị thầy, ở một vị đạo sư –không ngừng thúc bách bạn, không hề để cho bạn an trụ lại. Bạn thì cứ thích muốn tạo dựng lên một vài niềm tin, một cơ cấu niềm tin, để chui vào đó và cảm thấy thoải mái, an trụ trong đó, quên hết tất cả mọi hành trình, mọi tra vấn, mọi cuộc phiêu du, những vùng đất xa lạ, những vùng biển hoang vu -bạn luôn muốn quên hết tất cả những chuyện đó.

Bạn muốn có một mái nhà nhỏ êm đềm, một nơi chốn ấm cúng để thảnh thơi, thoải mái ở trong đó. Sự di chuyển không ngừng này làm bạn không thoải mái. Bạn đang đi tìm kiếm sự tiện nghi trong khi tôi lại đang tìm cách mở ra cho bạn một cuộc hành trình, một cuộc hành hương đầy gian nguy bất trắc -thế nhưng nếu bạn muốn vươn đến chân lý, bạn phải là một kẻ hành hương.

Đó là lý do tại sao tôi lại cứ tiếp tục tạo nên sự bất ổn cố cho bạn. Phải nên hiểu rằng tôi không ở đây để trao truyền cho bạn bất cứ một cơ cấu niềm tin nào, công việc của tôi ở đây là chỉ để trao cho bạn một khẩn thiết kiếm tìm -một thôi thúc khẩn thiết để trở thành một sinh thể phiêu lưu, một thôi thúc khẩn thiết để làm một bước nhảy vào vô định.

Và cái giây phút mà bạn đã nếm được mùi vị của nó, hãy buông bỏ ngay lập tức! Mọi chuyện đã kết thúc! Bạn đã rút ra hết những mật ngọt tinh túy từ đó, đừng có tiếp tục nhai đi nhai lại cái mớ xương khô này nữa. Không còn tinh túy trong những bộ xương khô chết, không còn tinh túy trong những niềm tin khô chết. Bất cứ lúc nào còn có một cái gì đó thúc đẩy bạn đi tới, đó là nhựa sống: hãy nâng ly và cạn chén mật ngọt này. Và cái giây phút mà bạn cảm nhận rằng nó đã khô kiệt, hãy buông bỏ: tiếp tục lên đường.

Có đến cả hàng triệu đoá hoa; đừng để cho mình bị dính mắc vào bất cứ một đoá hoa nào. Cứ mãi như là một con ong -một con ong tiếp tục chuyền đi từ đoá hoa này đến đoá hoa khác. Tiếp tục di chuyển … mỗi một đoá hoa trong thế gian này đều mang sẵn mật ngọt cho bạn. Tại sao bạn lại cứ muốn an trụ. Tại sao bạn lại hối hả muốn tìm đến an trụ như thế?

Sự mập mờ hoang mang là phương pháp để tạo ra bất ổn cố cho bạn. Thế nhưng một ngày nào đó, khi bạn đã kinh qua hàng triệu lần bất ổn, hàng triệu lần hoang mang, một ý thức mới sẽ khởi dậy trong bạn mà ngay cả tôi cũng không còn có khả năng làm cho bạn mập mờ hoang mang được nữa. Đó là điều mà tôi đang trông chờ. Cái ngày mà tôi không thể làm cho bạn hoang mang được, đó chính là ngày mà bạn đã chín muồi, trưởng thành – chứ không phải là bạn được an trụ. Sự hoang mang đến với bạn là do bạn muốn được an trụ, là vì bạn bắt đầu cảm thấy mình ổn cố và rồi tôi đã tạo

nên sự bất ổn cố cho bạn. Hoang mang là như thế. Bạn kêu lên, "Nửa rồi. Đúng như vậy rồi. Bây giờ tôi cảm thấy ấm áp làm sao, thoải mái làm sao, tôi nghĩ rằng mình sắp đại ngộ … đâu có xa xôi gì."

Cái lúc mà bạn bắt đầu rơi vào cơn buồn ngủ, bạn gọi đó là "sự ổn cố". Tôi không phải là một điệu hát ru ngủ, tôi là một cái chuông báo thức. Thế nên bạn cảm thấy hoang mang. Bạn thì chỉ muốn bám chặt vào cái cũ, còn tôi thì phá hủy nó và mang lại cho bạn vài ý niệm mới, vài con đường mới, vài thôi thúc mới. Bây giờ bạn đang ở trong trạng huống khó khăn. Cái điều hoang mang là, bạn thì muốn bám chặt vào cái cũ, còn tôi thì muốn đẩy bạn vào cái mới. Hoang mang là thế. Một khi bạn chấm dứt việc bám chặt vào cái cũ, lúc đó sẽ không còn hoang mang nữa. Và lúc đó tôi cũng không còn khả năng để tạo ra sự bất ổn cố cho bạn. Bởi vì bạn đã không còn chạy đi tìm kiếm sự an trụ, ổn cố nữa –làm sao mà tôi có thể tạo ra sự bất ổn được?

Hãy quán chiếu trên câu chuyện ngụ ngôn nhỏ này, một câu chuyện thực.

Ngài Mã Tổ nghe tin Đại Mai ở lại trên núi tu tập, nên sai một vị tăng đến hỏi ông một câu hỏi….

Mã Tổ là một vị đại Thiền sư và Đại Mai là một trong những môn đệ của ngài –ông ta có đến hàng ngàn môn đệ. Vi Thiền sư phái một người nào đó để hỏi người học trò của mình một vài câu hỏi -bởi vì Đại Mai hiện đang nhập thất ở trên núi, một mình trong yên lặng thiền định. Bây giờ thì vị Thiền sư chắc là đã cảm thấy rằng người học trò của mình đang tìm một sự ổn cố hay đại khái như thế. Thế nên ông ta đã sai người đến tìm. Ông ta không thể đi được –Mã Tổ đã già lắm rồi, rất khó khăn trong việc leo núi. Thế nhưng ông ta muốn thử xem có thể nào kéo Đại Mai ra khỏi tình

huống đó hay không. Mã Tổ nhất định là đang nghĩ đến cách tạo ra sự bất ổn cố cho Đại Mai, thế nên…

Khi Mã Tổ nghe tin Đại Mai đang ở lại nhập thất trên núi cao liền vội vàng phái một vị tăng đến gặp Đại Mai mang theo câu hỏi: "Ngươi đã sở đắc được cái gì khi đến thăm viếng đại sư Mã Tổ và cái gì đã làm cho ngươi chọn ở lại trên núi?"

Đại Mai trả lời rằng, "Thiền sư dạy tôi rằng tâm tức là Phật đó là lý do tại sao tôi đã ở lại đây."

Vị tăng liền bảo, "Phật Pháp của đại sư nay đã khác rồi."
Đại Mai hỏi, "Bây giờ là gì vậy?"
Vị tăng trả lời, "Đại sư bảo rằng bây giờ không phải tâm mà cũng không phải Phật."

Đại Mai cười lớn, "Cái ông già đó cứ luôn tạo ra những hoang mang trong tâm người khác và không bao giờ chấm dứt cái trò này. Cứ mặc kệ để cho ông ây nói cái đó không là tâm mà cũng không là Phật. Còn như đối với tôi, tâm tức là Phật."

Khi vị tăng trở về báo cáo lại với Mã Tổ về nội dung cuộc đối thoại, đại sư rất mực hân hoan và bảo rằng, "Quả mai ấy nay đã chín rồi."

Đại Mai, tiếng Trung Hoa có nghĩa là "cây mai lớn". "Quả mai ấy nay đã chín rồi. Ta không thể gây ra sự bất ổn cố cho y được nữa." Bây giờ thì ngay cả một vị Thầy cũng không thể tạo ra tình trạng bất ổn cố cho người học trò. Người học trò này đã đạt ngộ. Bây giờ thì y hiểu hết tất cả những mánh khoé của ông thầy.

Cũng như vậy, nếu bạn rơi vào tình trạng bất ổn là vì bạn đã chưa hiểu được tôi, và tôi sẽ vẫn tiếp tục tạo ra tình trạng bất ổn đó cho đến khi nào bạn hiểu. Một ngày nào đó rồi bạn cũng sẽ hiểu là tôi đang làm gì ở đây - hủy diệt tất cả các cơ cấu niềm tin, từng cái một. Và tôi cũng không trao cho bạn bất cứ một cơ cấu niềm tin nào.

Bạn cũng đừng lo lắng lắm về chuyện hủy diệt cơ cấu niềm tin -nếu bạn đến đây như một người Cơ Đốc và tôi đang hủy diệt cái cơ cấu niềm tin Cơ Đốc của bạn, bạn cũng đừng nên lo lắng lắm. Bạn muốn trở thành một môn đồ của tín ngưỡng Osho –cũng tốt thôi. Thế nhưng khi tôi khởi sự huỷ diệt luôn cả cái niềm tin vào Osho của bạn, bạn cũng chớ vội la lên, "Vậy là quá mức rồi. Bằng cách nào đó tôi đã đi ra khỏi niềm tin Cơ Đốc và đã tìm cách an định trong niềm tin Osho -thế mà cái ông Osho này bây giờ cũng đẩy tôi ra khỏi đó luôn. Thế thì tôi sẽ dừng chân lại ở chỗ nào đây?"

Tôi không muốn bạn an trú lại ở bất cứ chỗ nào cả. Cái tổng thể rộng khắp này là nhà của bạn -tại sao lại đi chọn những ngôi nhà nhỏ xíu làm của mình? Tại sao lại dựng lên một khu vườn nhỏ? Trong khi tất cả những vùng đất hoang dã bao la này là của bạn, cái thế giới vô hạn này là của bạn, cái toàn thể này là của bạn.

Đừng có bao giờ trở thành một thứ theo đuôi -*"ist"*, đừng có tin vào bất cứ cái chủ nghĩa, giáo điều - *"ism"*- nào. Khi bạn buông bỏ tất cả cái "isms", chân lý sẽ hiện bày với bạn –chưa bao giờ trước đó. Đó là cái giá phải được trả.

Tại sao người ta nói rằng đời sống còn kỳ quặc hơn cả chuyện hư cấu?

Bởi vì nó là như vậy. Những chuyện hư cấu là những phó sản của đời sống, làm sao chúng có thể kỳ quặc hơn đời sống được? Những chuyện hư cấu chỉ là những cái bóng của đời sống; làm thế nào mà chúng có thể kỳ quặc hơn chính tự đời sống? Những chuyện hư cấu là do con người tạo ra, còn đời sống là do Thượng Đế tạo dựng. Bất cứ cái gì mà con người làm ra đều sẽ có những giới hạn; bất cứ cái gì mà Thượng Đế dựng nên đều vô hạn, vô tận.

Con người có thể sáng tạo nên một chuyện hư cấu kỳ quặc, thế nhưng y không thể dựng lên một huyền nhiệm thực sự. Ngay cả một chuyện hư cấu kỳ quặc nhất mà con người có thể tạo ra cũng vẫn sẽ mang dấu vết sản phẩm con người. Bạn có thể bị nó lôi cuốn một lần hay nhiều lắm là hai lần, và hoặc giả nếu bạn tối dạ quá mức thì tối đa cũng chỉ ba lần thôi. Ngay cả một kẻ đần độn nhất trên thế gian này cũng không thể đi xem cùng một cuốn phim đến lần thứ tư. Và như thế, nó sẽ không còn ký quặc nữa.

Thế nhưng đời sống chẳng khác gì một công án Thiền; nó không hề có lời giải đáp. Nó là một dấu hỏi và vẫn luôn là một dấu hỏi lớn, bạn càng tra vấn chừng nào thì cái dấu hỏi này càng ngày càng to tướng thêm. Bạn biết thêm về nó chừng nào thì bạn lại càng không biết gì cả. Cho đến một ngày khi bạn thực sự hiểu biết về nó, lúc đó bạn sẽ tuyên bố rằng mình hoàn toàn ngu dốt. Đó chính là điều mà Socrates đã từng thốt ra trước đây, "Tôi không biết một điều gì cả." Đó cũng là những gì đã được ghi lại trong bộ Áo Nghĩa Thư: "Người cho rằng mình biết, thực ra không biết gì cả. Người

cho rằng mình không biết mới chính là người biết" –còn chờ đợi gì mà không chạy theo y, đi với y, bám sát y, đừng để cho y trốn thoát. Y là người đang nắm trong tay chiếc chìa khoá đời –đó là người tuyên bố rằng, "Tôi không hề biết gì cả."

Tại sao vậy? Trọng điểm của lời tuyên bố này là gì? Điểm mấu chốt là, khi bạn thực sự hiểu rõ đời sống, bỗng dưng tự nó hiện bày ra cho bạn, chứ bằng cách nào mà bạn lại có thể biết được? Đời sống là một huyền nhiệm; nó không hề có đáp số. Từng ngày qua, trong nhiều cách thế khác nhau, bạn đã gặp những điều huyền nhiệm này không biết bao nhiêu lần. Thế nhưng bởi vì bạn là người của kiến thức, bạn không nhận thấy những bí ẩn đó, và rồi bạn cứ lập đi lập lại những câu trả lời ngu xuẩn, rất mực vô nghĩa, vô duyên.

Một lần D. H. Lawrence đang dạo chơi trong vườn với một cậu bé, và cậu ta đã hỏi Lawrence rằng: "Thưa ngài, làm ơn cho tôi biết, tại sao cây lá lại xanh?" Nếu lúc bấy giờ có một vài ông khoa học gia nào ở đó, những ông khoa học gia dở hơi, thì câu trả lời của ông ta sẽ là, "Tại vì nó có chất nhiễm sắc tố," hoặc những lời giải thích đại loại như thế. Tuy nhiên, Lawrence không phải là một nhà khoa học, cũng không phải là một anh dở hơi. Ông ta là một trong những thánh nhân vĩ đại của phương Tây, nhưng người ta không biết đó là một bậc thánh. Ông ta là một *tantrika* vĩ đại của phương Tây, nhưng người ta đã không biết đó là một *tantrika*.

Nếu bạn không phải là một nhà khoa học, chỉ là người thường, câu hỏi này có thể làm bạn bối rối. Bạn có thể trả lời lăng nhăng trên trời dưới đất hoặc là bắt đứa trẻ câm mồm lại bằng cách bảo nó, "Khi mày lớn lên rồi, mày sẽ hiểu." Đó là cách thức mà các bậc cha mẹ thường sử dụng. Cả họ, lẫn cha

mẹ họ, ông bà, ông cố ông sơ của họ cũng không hề biết –nhưng họ cứ tiếp tục cái điệp khúc, “Khi mày lớn lên rồi mày sẽ hiểu. Đừng có làm rộn tao.”

Thế nhưng D. H. Lawrence là một người thành thực. Ông ta nhìn thẳng vào mắt cậu bé và trả lời, “Thì nó xanh là tại vì nó xanh.” Ông ta không có lời giải đáp. “Tôi cũng ngu dốt về điều này”, ông ta nói như thế-“Tôi cũng ngu dốt về chuyện này như chú em vậy.”

Ngay cả một thoáng chốc nào đó nếu như bạn gặp Thượng Đế và hỏi ngài tại sao cây lá lại xanh… Ông ta chắc cũng sẽ nhún vai thôi, tôi báo cho bạn biết như thế. Ông ta sẽ không trả lời được câu hỏi của bạn, bởi vì ông ta không phải là một ông giáo tiểu học.

Chuyện kể rằng, có một lần thi hào Coleridge đã sáng tác một bài thơ ngắn. Một đứa bé hàng xóm qua chơi, và bởi vì bài thơ này được mang ra giảng dạy ở trường nhưng người thầy giáo đã gặp phải khó khăn khi giải thích ý nghĩa của bài thơ, thế nên ông ta bảo cậu học trò, “Em ở gần nhà của ông thi sĩ này –em đến gặp ông ta. Chắc chắn là ông ta phải hiểu ý nghĩa của bài thơ mà mình là tác giả.”

Và rồi Coleridge đã nhìn thẳng vào mắt của chú bé học trò trả lời, “Vâng, khi tôi sáng tác bài thơ này, chỉ có hai người hiểu được ý nghĩa của nó -thế nhưng bây giờ chỉ còn một người biết mà thôi.” Cậu học trò nhanh nhẩu, “Người đó là ai vậy? Người đó chắc chắn phải là ông thôi!” Nhà thơ cười lớn, “Tôi không phải là người đó. Khi tôi sáng tác bài thơ này, cả tôi và Thượng Đế đều hiểu ý nghĩa của nó. Bây giờ thì chỉ còn Thượng Đế mới hiểu được thôi.”

Tôi thì cho rằng ngay cả Thượng Đế cũng không hề biết. Kiến thức là cái gì đó rất mực xuẩn ngốc, không thể nghĩ về Thượng Đế như là người giàu kiến thức. Thượng Đế không phải là nhà thông thái, không phải là một học giả uyên thâm, Thượng Đế là một người thương yêu. Thượng Đế cũng là một nhà thơ. Ông hát lên một ca khúc nhưng đừng mong chờ ông ta hiểu cái ý nghĩa của nó. Ông ta tạo ra những đóa hoa tươi đẹp nhưng đừng chờ đợi chuyện ông ta sẽ hiểu được ý nghĩa của chúng. Mà thật ra làm gì lại có chuyện ý nghĩa.

Một khi bạn hiểu được ý nghĩa của một cái gì đó thì nó sẽ không còn ý nghĩa gì nữa. Hãy để tôi lập lại điều này: Một khi bạn hiểu được ý nghĩa của một cái gì đó thì nó sẽ không còn ý nghĩa gì nữa, nó đã mất hết ý nghĩa. Cái ngày mà bạn hiểu được tình yêu là gì, tình yêu sẽ trở nên điều vô nghĩa. Bạn có thể biết được hoá chất cấu thành -những kích thích tố, những cái nọ, cái kia – và rồi tình yêu tan biến.

Bất cứ cái gì, cái khoảnh khắc mà bạn hiểu được ý nghĩa của nó, nó trở thành vô nghĩa. Thượng Đế tự thân là một ý nghĩa, nhưng ngài không hề biết cái ý nghĩa của nó là gì. Đây là huyền nhiệm của đời sống. Bạn sẽ tiếp cận với nó mỗi ngày, nếu bạn là người nhạy cảm đôi chút. Kiến thức đã làm cho con người trở thành vô cảm -khiến họ trở thành mụ mẫm đi, thế nên họ cứ tiếp tục chất chứa trong đầu thật nhiều kiến thức. Và những mớ kiến thức này chẳng là gì cả ngoài những nhãn hiệu.

Một đoá hoa vừa hé nở trong vườn và rồi có người hỏi, “Cái gì vậy?” Thế là bạn trả lời, “Hoa hồng”. Bạn nghĩ rằng mình đã trả lời đúng câu hỏi đó? Phải chăng đó là câu trả lời? Bằng cách gọi tên nó, bằng cách dán nhãn hiệu lên một huyền nhiệm trong đời sống, bạn nghĩ rằng mình biết? Khi cho rằng đó là một cái hoa hồng, bạn đã nói cái gì vậy? Bạn đã không hề thốt ra

một lời nào về hoa hồng. Hoa hồng không hề có tên, đó chỉ là cách mà người ta xếp loại –cho tiện dụng. Thế nhưng bạn muốn nói gì khi gọi đó là hoa hồng? Bạn có thể gọi nó bằng một cái tên khác và hoa hồng vẫn cứ là hoa hồng. Như thế thì cái tên không phải là hoa hồng. Thế thì đó là cái gì vậy? Chỉ bằng cách gọi nó với một cái tên, bạn đã bị lừa gạt rồi. Bạn nghĩ là mình biết rõ về nó, nhưng thực ra bạn chỉ dán lên nó một cái nhãn hiệu. Đặt tên không phải là sự hiểu biết –và cái mà bạn tiếp tục gọi là khoa học thật ra chỉ là việc dán lên sự vật một cái nhãn hiệu.

Nếu bạn đi vào thế giới của những nhà khoa học, công trình của họ chỉ là sự dán nhãn. Họ tiếp tục làm công việc này không chán. Họ càng dán nhãn lên thực tại nhiều chừng nào thì họ lại càng trở nên nhà khoa học lừng danh chừng nấy, họ càng tiếng tăm chừng nấy. và thế là chúng ta cứ tiếp tục quăng đủ thứ nhãn hiệu lên đầu trẻ con và bảo chúng nhồi nhét thật nhiều vào để trở thành những người hiểu biết.

Một bông hồng là cả một trời huyền nhiệm. Tennyson đã từng nói, “Nếu tôi có thể hiểu được một đóa hoa đến tận ngọn nguồn gốc rễ thì tôi đã hiểu được tất cả vạn hữu.” Vâng, trong một đoá hoa nhỏ bé này chứa đựng cả sơn hà đại địa -hiểu biết được một cành hoa nhỏ là hiểu biết được tất cả. Hay nói một cách khác, trừ phi bạn hiểu được cái tổng thể, bạn không thể nào hiểu được cái phần tử trong đó -tổng thể và bộ phận là một gắn bó cùng nhau bất khả phân lìa.

Đó là lý do tại sao người ta nói rằng đời sống kỳ quặc còn hơn cả chuyện hư cấu. Đời sống phát xuất từ Thượng Đế, tận cỗi nguồn là một huyền nhiệm. Đời sống là một bí ẩn, một bí ẩn không có lời giải đáp. Nó không hề giống với cái bí ẩn mà bạn tra tìm trong sách vở hay trong báo chí –thường là lời giải đáp đã được nêu ra ở trang cuối sách. Cuốn sách này không hề có

trang cuối. Bạn cứ tha hồ tiếp tục tìm kiếm câu trả lời, thế nhưng sẽ không hề có lời giải đáp được viết lên ở bất cứ nơi đâu.

Hãy lắng nghe một vài mẫu chuyện sau đây.

Xưa thật là xưa có một người đàn ông, và một người đàn bà dắt theo một con chó. Họ cùng du hành chung trên một toa tàu. Người đàn ông bắt đầu lấy thuốc ra hút làm con chó ho sặc sụa. Người đàn bà phản đối, "Nếu ông không ngưng hút thuốc, tôi sẽ liệng điếu thuốc của ông ra khỏi cửa sổ." Người đàn ông vẫn tiếp tục hút và rồi người đàn bà liệng điếu thuốc của y ra khỏi cửa sổ. Người đàn ông lẵng lặng rút ra một điếu thuốc khác và lại tiếp tục hút. Con chó lại bắt đầu ho nữa. Người đàn bà bảo, "Nếu ông không ngưng hút thuốc, tôi sẽ liệng điếu thuốc của ông ra khỏi cửa sổ một lần nữa."

Lần này người đàn ông trả lời, "Nếu bà quẳng điếu thuốc của tôi ra khỏi cửa sổ lần này, tôi sẽ liệng con chó của bà ra khỏi cửa sổ luôn," và lại tiếp tục hút thuốc như thường. Thế rồi người đàn bà liệng điếu thuốc của y ra khỏi cửa sổ. Người đàn ông không nói gì, chụp lấy con chó và quẳng ra khỏi toa tàu.

Khi họ đến trạm kế tiếp, con chó đang đợi chuyến tàu ở đó. Và bạn có biết là nó đang ngậm cái gì trong miệng không? Điếu thuốc!

Hay là chuyện sau đây.

Dì Mildred quyết định đi mua một con vẹt về nuôi cho vui cửa vui nhà. Người bán chim trong vùng đã chọn cho bà một con thật tuyệt, nhưng bà lại ưng ý con vẹt có bộ lông màu xanh lá cây chói lọi. Người chủ tiệm có vẻ rất miễn cưỡng không muốn bán con chim này cho dì và cố gắng giải thích:

"Tôi nghĩ rằng nó không phải thực sự là loại vẹt hợp với bà đâu, thưa bà."
"Tại sao lại không nhỉ?"
"Thưa bà, nó không được nuôi dưỡng từ một gia đình lễ giáo. Tôi xin giới thiệu cho bà một con tốt hơn…"
"Nhưng tôi không thích bất kỳ con nào khác. Tôi muốn con này," dì Mildred cương quyết.
"Được rồi, thưa Bà," nhận thấy ánh mắt quả quyết của Midred, người chủ tiệm bán con vẹt cho bà kèm theo với cái lồng sắt đắt tiền.

Mildred cho treo cái lồng chim ở phòng khách và nín thở chờ đợi những lời đầu tiên của nó. Con vẹt vẫy đôi cánh, đưa mắt nhìn quanh nhà rồi cất tiếng, "Nhà mới. Dễ thương ghê." Khỏi nói thí ai cũng biết là Midred rất mực thích thú.

Bốn giờ rưỡi chiều, hai cô con gái lứa tuổi cập kê của bà đi học về. Con vẹt nháy một con mắt với họ và bảo, "Những cô gái mới. Dễ thương ghê."

Bà Mildred xoa tay rất mực hân hoan. Cậu vẹt ta không phải chỉ là một loài hiếm qúy mà lối cư xử cũng rất mực toàn hảo, phong lưu. Quả là không có gì ngạc nhiên khi người chủ tiệm chim không muốn rời xa con vẹt này!

Năm giờ rưỡi chiều, Henry, chồng của bà đi làm về. Con vẹt bay đến bám vào trước cửa lồng chào đón: "Nhà mới. Những cô gái mới. Chào ông khách chơi cũ, Henry!"

Đời sống quả tình là còn kỳ quặc hơn cả chuyện hư cấu.

> *Ngài bảo rằng chúng tôi phải gột bỏ hết tất cả những tiếng gọi sâu kín ở bên trong do cha mẹ, thầy giáo và xã hội đã tạo nên trong chúng tôi. Thế nhưng bây giờ đôi lúc tôi cảm nhận rằng những tiếng nói của ngài cũng đang trở thành một cái gì đó tương tự như vậy ở trong tôi. Làm thế nào để tôi chế ngự nó đây?*

Bạn cũng phải giết luôn cả tôi nữa. Đó là những gì mà các bậc Thiền sư thường nói, "Phùng Phật sát Phật, phùng Tổ sát Tổ." Đây không phải là một sự bất kính đối với Phật mà đơn giản chỉ là một sự kính yêu vô bờ đối với Đức Tôn sư. Rất mực tôn kính.

Thế nên người môn đệ một ngày nào đó cũng phải tìm cách thoát ra khỏi ông thầy của mình thôi. Vị Thầy chỉ có thể được dùng như là chiếc nạng cho sự tập đi lần đầu của người học trò, không thể là nơi nương tựa vĩnh viễn. Bạn có thể dùng những lời dạy của tôi để buông bỏ những lời của kẻ khác, thế nhưng những lời dạy của tôi cũng chỉ là những ngôn từ, xin nhớ cho -rồi một ngày bạn cũng phải buông bỏ chúng, bằng không sẽ chẳng có gì xảy ra cho bạn cả. Bạn đã gột bỏ những lời dạy của cha, những lời dạy của mẹ để thay thế bằng những lời dạy của tôi. Thế nhưng một lần nữa bạn lại bi cột chặt vào những ngôn từ. Bạn đã thay đổi những kinh sách của bạn, nhưng rồi vẫn còn bám chặt vào kinh sách. Điều đó sẽ chẳng giúp ích gì. Bạn cần một cái tâm mà ở đó không còn ngôn từ ngự trị, không còn bám víu vào bất cứ cái gì.

Nếu bạn thật sự thương yêu tôi, một ngày nào đó bạn sẽ phải thực hiện một hành động tối hậu: bạn phải giết luôn tôi. Bạn phải buông bỏ tôi, bạn phải buông bỏ những lời dạy của tôi. Và điều này không có nghĩa là bất kính, hãy nhớ như vậy. Thực ra đó là một tôn kính rốt ráo, bởi vì đó chính là điều tôi mong muốn bạn thực hiện.

Bạn bị một cái gai đâm vào chân, bạn cố gắng dùng một cái gai khác để lể cái gai này ra -bạn chạy đi tìm một cái gai khác ở trong vườn -dùng gai lể gai. Thế nhưng bạn sẽ làm gì với cái gai thứ hai này? Đồng ý là nó đã giúp bạn, bạn mang ơn nó, bạn biết ơn nó –nhưng làm ơn hãy quẳng nó đi, đừng có bắt đầu thờ phượng cái gai này.

Đức Phật đã từng ví von rằng một vị thầy cũng chẳng khác gì một chiếc bè. Bạn qua sông bằng chiếc bè này –nhưng rồi bạn sẽ làm gì đây? Bạn vô cùng biết ơn chiếc bè nhưng bạn không thể tiếp tục đội nó lên đầu mang vào thành phố. Ngài dạy: Có lần bốn anh khờ vượt qua sông trên một chiếc bè. Qua đến bờ bên kia họ vô cùng cảm ơn chiếc bè thế nên đã đội nó lên đầu đi vào chợ. Mọi người xúm lại hỏi: "Mấy ông đang làm gì vậy? Định khiêng chiếc bè này đi đâu đó?" Họ trả lời, "Chúng tôi sẽ khiêng nó theo suốt đời, bởi vì đây là chiếc bè đã cứu mạng chúng tôi. Không có nó thì cả bọn chúng tôi đã bị dã thú ăn thịt hết ở bờ bên kia rồi -nhờ nó mà chúng tôi mới vượt qua được bờ bên này. Chúng tôi mang ơn nó vô cùng, làm sao mà bỏ nó đi cho được? Chúng tôi đi đâu cũng sẽ mang theo nó suốt đời."

Thật là chuyện khùng điên. Đây không phải là sự tôn kính, đây là điều rất mực xuẩn động. Đức Phật dạy rằng khi bạn đã qua đến bờ bên kia, hãy biết ơn, nói lên lời cảm tạ chân thành. Quỳ xuống, sờ vào chân thầy, xong tiếp tục đi tới.

Ngày hôm kia ngài đã ban một thời pháp rất tuyệt diệu về giấc mơ. Tôi rất muốn lắng nghe và lĩnh hội bài giảng này, nhưng tôi đã chiến đấu cật lực để chống lại cơn buồn ngủ. Cuối cùng, tôi chấp nhận thua cuộc, nằm dài ra và ngủ một giấc cho đến hết bài giảng, khi ngài kết thúc bằng câu, "Đó là đại ngộ". Tôi giật mình tỉnh dậy và cảm thấy mình bị mất mát một cái gì đó rất mực cần thiết.

Có thể đây là một câu hỏi khá ngu xuẩn nhưng tôi không thể trình bày khác hơn. Xin ngài làm ơn bình luận đôi điều về chuyện buồn ngủ khi nghe giảng pháp?

Đây là câu hỏi của Anuprada. Anuprada, bạn cứ việc ngủ thoải mái. Tất cả mọi người đều được phép làm bất cứ điều gì mà họ nghĩ là đúng đắn ngay trong giây phút đó. Nếu bạn cảm thấy buồn ngủ, cứ việc ngủ tự nhiên. Chỉ có một điều xin nhớ cho: Bạn ngủ nhưng đừng ngáy -bởi vì như vậy sẽ làm cho người khác thức giấc.

Có phải là mỗi một bức tranh và tất cả thi ca đều được khơi nguồn từ mối mâu thuẫn, từ trận chiến giữa khẳng định và phủ định? Có phải kết cuộc của trận chiến này ở trong chúng ta là sự tĩnh lặng?

Không phải toàn bộ thi ca, toàn bộ hội họa, toàn bộ âm nhạc, toàn bộ nghệ thuất đều được khơi nguồn từ mâu thuẫn. Chỉ khoảng chín mươi chín phần trăm thôi. Đó là lý do tại sao người ta tìm thấy trong chín mươi chín phần trăm này phảng phất một chút bệnh thái học. Picasso mang màu bệnh thái học, và Vincent van Gogh cũng thế. Bạn sẽ luôn tìm thấy trong thi ca của bạn, trong hội họa của bạn nhuốm chút màu bệnh hoạn –nó lập dị, nó kỳ quái, nó gàn dở thế nào đó.

Bây giờ thì các nhà tâm lý học đều đồng ý rằng nếu bạn cho những anh dở hơi này tập vẽ vời thì sẽ mau chóng giúp họ trở lại bình phục. Việc này đã được đem ra thử nghiệm khắp nơi trên thế giới –người ta gọi là "hội hoạ trị liệu pháp" hay đại loại như thế. Nếu một anh khùng được giao cho sơn để tha hồ ngồi vẽ thì thông qua hoạt động vẽ tranh này, cơn điên của anh ta sẽ biến mất. Nếu y tiếp tục vẽ vời, chỉ sau vài tuần bạn có thể thấy anh ta trở lại bình thường. Một cái gì đó đã được tẩy trừ ra khỏi anh ta thông qua nghệ thuật hội họa.

Sigmund Freud cũng đã có quan niệm như vậy, toàn bộ nghệ thuật đều mang màu sắc bệnh thái học. Không phải toàn bộ -tôi sẽ không đồng ý với ông ta ở cái chừng mực đó- chỉ chín mươi chín phần trăm thôi. Nó bắt nguồn từ mâu thuẫn, từ xung đột, cọ xát. Tất cả những nhà nghệ sĩ lớn đều mang những nỗi đau vô hạn. Một Dostoevsky là một con bệnh trầm kha. Từ chính nỗi đau của ông ta, từ những mâu thuẫn, những xung đột nội tại đã hình thành nên những tác phẩm để đời như *Anh Em Nhà Karamazov*.

Nhà danh hoạ Van Gogh cũng rất mực bất thường. Nhưng từ những bất thường này mà chúng ta có những họa phẩm lừng danh. Thực ra, có thể nhờ được vẽ ra như thế mà ông ta trở nên quân bình hơn. Nếu không cho ông ta cầm cây cọ có lẽ ông ta đã phát điên sớm hơn. Nếu không cho

Dostoevsky viết, có lẽ ông ta cũng đã tự sát hay điên khùng rồi. Những sáng tác của họ như là một sự nôn mửa. Tôi không hề hàm ý chê trách gì trong những sáng tác này, chỉ nói lên một sự kiện đơn giản: chín mươi chín phần trăm nghệ thuật đều mang màu sắc bệnh thái học. Thế nên nếu con người trở nên mạnh khoẻ, trở nên bình thường, biết quán chiếu với tuệ giác, cái hình thái nghệ thuật này sẽ biến mất.

Thế nhưng một mối lo sợ không thể không dấy lên trong những tâm hồn nghệ sĩ, rằng, nếu như con người thực sự biết quán chiếu thì điều gì sẽ xảy đến cho nghệ thuật? Chúng ta sẽ không còn có được những bài thơ hay, những tác phẩm lớn, những bức tranh, những bản nhạc tuyệt vời. Không, ta không phải sợ hãi những điều như thế -một phần trăm còn lại của nghệ thuật không thoát thai từ bệnh lý học mà được bắt nguồn từ mặt hồ tĩnh lặng. Ajanta, Ellora, Khajuraho,… tất cả đều được phát xuất từ một minh sát nội tại, từ thiền quán sâu sắc.

Những bức tượng tuyệt mỹ về Đức Phật chắc chắn là không phát xuất từ bệnh lý học, mà là từ một kinh nghiệm nội tâm sâu sắc. Những ngôi chùa, những thánh đường vĩ đại trên thế giới cũng không hề phát xuất từ bệnh lý học mà là từ những cảm hứng tuyệt vời, chúng vươn cao đến những không gian vô tận -đến siêu thức, đến Thượng Đế.

Những bài giảng của Chúa Giêsu cũng không hề phát xuất từ bệnh lý học – đây là cái một phần trăm mà tôi nói đến. Freud sẽ không bao giờ tính đến cái phần trăm này; không chừng ông ta cho rằng Giêsu là một kẻ loạn thần kinh. Freud cũng sẽ không bao giờ tính đến Đức Phật –ngay cả những điều khăng định của Phật cũng bị coi là loạn thần kinh luôn. Freud như thế đã đi quá xa và trong cung cách này cho thấy ông ta là người bị loạn thần kinh mà không ai khác. Như vậy cái tâm lý học của Freud là gì? Những công

trình mà ông ta sáng tạo lên là gì? Đó cũng là một công trình nghệ thuật xuất sắc –ta gọi nó là gì? Loạn thần kinh chăng?

Và nếu bạn hỏi tôi về chuyện xếp loại, tôi sẽ xếp Freud, Adler, và Jung vào cái khối chín mươi chín phần trăm kia.

Thế nhưng cái một phần trăm này đã xảy ra cho nhân loại, và cái một phần trăm này có thể sẽ tăng trưởng thêm. Còn cái loại hình nghệ thuật kia rồi sẽ biến mất –tôi nói đến cái loại hình nghệ thuật kiểu Picasso, một khi con người sống tĩnh thức, thiền quán hơn. Thế nhưng cũng chẳng có gì mất mát cả. Càng ngày sẽ càng có nhiều hơn những nghệ phẩm của một phần trăm chất lượng kia đi vào thế gian này.

Thế nhưng cái gì là khác biệt? Làm sao bạn có thể biết được sự khác biệt đó? Cũng dễ thôi. Nếu bạn đứng trước một bức tượng Phật và đi vào thiền quán về nó trong chừng nửa giờ, bạn sẽ thấy được sự khác biệt. Và rồi bạn đi đến trước một bức tranh của Picasso và thiền quán về nó trong nửa giờ, bạn sẽ thấy sự khác biệt ngay lập tức. Chỉ trong vòng nửa giờ thôi cũng đủ để cho bức tranh làm đầu óc bạn quay cuồng lên. Bạn sẽ cảm thấy bất ổn, bạn sẽ bắt đầu có cái cảm giác vô cùng bất an. Bạn không thể nào nhìn vào một bức tranh của Picasso trong vòng nửa tiếng đồng hồ.

Trong thực tế, Picasso đã không bao giờ cho treo bất cứ bức tranh nào trong phòng riêng của ông –ngay cả những họa phẩm của chính mình. Một lần có người cắc cớ hỏi, "Tất cả những ai đủ khả năng tài chánh, đều cho trưng bày tranh của ông trong phòng tranh, hay phòng ngủ của họ -tại sao ông lại không treo bức nào cả?" Picasso đã cười và trả lời một cách diễu cợt, "Tại tôi không đủ khả năng." Thế nhưng sự thực không phải vậy. Treo một bức tranh Picasso trong phòng ngủ của bạn thì chắc chắn là sẽ dẫn đến

ác mộng thôi! -cực kỳ nguy hiểm. Và Picasso chắc chắn là biết điều đó. Ông ta đã trải tất cả những nỗi khổ đau của mình lên những bức tranh đó rồi; bây giờ đâu có cần thêm chúng nữa.

Một loại hình nghệ thuật mới sẽ đi vào thế gian này nếu như phần đông nhân loại biết thiền định, quán chiếu, và rồi người ta sẽ có được sự khoan hoà, tĩnh lặng, đầy phẩm chất của một cái gì đó siêu việt. Thưởng thức nó, nhìn nhắm nó, bạn sẽ bắt đầu tan loãng vào những khung trời rộng mở. Nó sẽ mang đến cho bạn cái thông điệp của Thượng Đế, cái thông điệp của những khả năng bất tận của chính bạn.

Hãy đến và ngắm nhìn ngôi đền Taj Mahal -để thấy được cái phẩm chất tuyệt vời của nó. Nét tuyệt mỹ của nó không phải chỉ thuần về mặt kiến trúc mà là một cái gì đó rất mực siêu việt. Vào một đêm trăng tròn, ngồi lặng yên bên cạnh ngôi đền, bạn như được chuyên chở đến một thế giới khác. Và rồi khi trở về, bạn sẽ tĩnh lặng hơn, yên lắng hơn; bạn sẽ cảm thấy một sự tịch tĩnh trong suốt khởi dậy ở trong bạn. Âm nhạc như toát ra từ những phiến đá cẩm thạch đó, thi ca như tuôn trào ra từ những phiến đá cẩm thạch đó –thi ca mang phẩm chất của Áo Nghĩa Thư, của Gita, Dhammapada, của Bài Giảng Trên Núi, của Đạo Đức Kinh.

Cái một phần trăm nghệ thuật đó sẽ lớn dậy nếu bạn chín mùi trong tĩnh lặng. Và rồi cái loại hình nghệ thuật của rối loạn thần kinh, của bệnh thái học sẽ biến mất đi. Quả là một điều lành khi chúng biến mất.

Thế nào là một đứa con hoang?

Bây giờ thì hơi nặng về mặt kỹ thuật một chút. Và tôi lấy làm ngạc nhiên tại sao lại có người quan tâm quá mức đến cái từ "đứa con hoang" này. Câu hỏi đã được đặt ra một vài ngày trước đây dưới một hình thức khác, và bây giờ nó trở lại với chúng ta một lần nữa. Hình như cái từ này nó trĩu nặng trên lương tâm của ai đó –có người cảm thấy bất ổn với cái từ này.

Tuy nhiên nếu bạn đã hỏi thì tôi sẽ phải thưa chuyện với bạn đôi điều. Những đứa con hoang đến với chúng ta đủ cỡ và đủ dạng; tựu trung chúng có thể được chia ra làm ba loại. Trước tiên hãy nghe một chuyện vặt sau đây và rồi hy vọng là bạn có thể hiểu chúng một cách dễ dàng.

Một cặp vợ chồng mới vô cùng phấn khởi chạy đến văn phòng thư ký quận hối hả điền vào chứng từ hôn thú, xong họ phóng đến văn phòng của vị Thẩm phán Tối Cao.

"Xin cảm phiền," vị Chánh án liếc nhìn vào tờ chứng thư hôn thú, "trong này chhưa đề tên người vợ." "Ngài có thể điền dùm vào đó được không?" cô gái hỏi. "Không được," vị Chánh án trả lời, "Bà phải mang trở lại cho cô thư ký làm."

Thế là họ hối hả mang tờ chứng thư chạy đi tìm cô thư ký và khi trở lại, vị Chánh án liếc nhìn vào tờ đơn lần nữa rồi phán, "Lại quên để ngày tháng." "Thế nhưng ngài có thể…" "Không!"

Ho lại mang tờ đơn chạy kiếm cô thư ký. Một lần nữa họ xuất hiện trước mặt vị Chánh Án, lần này ông ta nhìn vào và bảo, "Lại quên đóng dấu nữa

rồi. Đừng có hỏi tôi cái chuyện đóng dấu nghe. Đó không phải là công việc của tôi. Mang cái đơn trở lại gặp cô thư ký."

Cay đắng và kinh tởm họ lại chạy đi kiếm cô thư ký và cuối cùng rồi cũng trở về lại văn phòng của vị Chánh án. "Được rồi, tốt lắm," Ông ta nói xong và ký tên vào tờ chứng thư. Thế rồi khi ngững lên, lần đầu tiên ông chợt nhận thấy cặp vợ chồng này có dẫn theo một đứa bé trai khoảng ba tuổi.

"Con của ai đây?" ông ta hỏi. "Của chúng tôi," cô vợ trả lời. "Của bà hả? Như vậy có nghĩa là bà đã có đứa con này trước khi bà…"

"Vâng," người cha trả lời, "Trước khi chúng tôi làm đám cưới."
"Vâng, dĩ nhiên đây không phải là công việc của tôi," vị Chánh án tiếp, "Nhưng tôi hy vọng ông nhận thức rằng cậu bé này là một đứa con hoang về mặt kỹ thuật."
"Dạ, chuyện đó cũng không có gì lạ lùng cả," người cha trả đủa, "Cô thư ký mới đây cũng nói với tôi về ngài y như thế!"

Như vậy, loại thứ nhất là con hoang về mặt kỹ thuật. Có nghĩa là một người được sinh ra từ thương yêu mà không có chứng thư hôn thú hợp pháp –không có chuyện cưới hỏi. Thế nhưng đây không hẳn là loại tồi tệ. Loại tồi tệ là kẻ được sinh ra từ hôn nhân mà không có thương yêu. Và cái loại này thì có đến hàng triệu triệu người hiện hữu trên thế gian này, chiếm đại bộ phận nhân loại.

Đó mới là đứa con hoang thật sự. Còn đứa con hoang này chỉ là con hoang về mặt kỹ thuật –trai hay gái được sinh ra từ tình yêu thật sự. Không có gì sai trái trong chuyện này cả; đây chỉ là một vấn đề kỹ thuật, trên căn bản

không có gì sai. Đó vẫn là một đứa trẻ toàn hảo, và nên được như thế -kết quả của tình yêu. Trong một thế giới tốt đẹp hơn, những người này sẽ không bị kêu là những đứa con hoang -bởi vì nó tùy thuộc vào cách thế mà bạn nhìn mọi chuyện. Những người này sẽ phải được kính trọng hơn là những kẻ được sinh ra từ chứng thư hôn thú, hôn nhân, hợp pháp mà không hề có mặt tình yêu. Còn thụ thai mà không có yêu thương, sinh ra mà không có yêu thương -những người này thực sứ mới là những đứa con hoang. Thế nhưng những đứa con hoang này lại gọi cái loại thứ nhất là "những đứa con hoang."

Nhưng mà ngay cả loại này cũng chưa đến nỗi tệ lắm. Đứa con hoang thực sự đúng nghĩa là loại thứ ba, những người được sinh ra không phải từ thương yêu, cũng không phải từ hôn nhân mà chỉ là một tai nạn. Đây là ba loại con hoang căn bản. Thế nhưng tại sao bạn lại quá lo lắng về chuyện này? Nếu bạn thuộc loại thứ nhất, đó là điều hoàn toàn hạnh phúc.

Tôi không hiểu tại sao Chúa Giêsu đã không chúc phúc cho những đứa con hoang: "Phúc cho những đứa con hoang, bởi vì chỗ của chúng là ở Thiên quốc, do chúng đã được sinh ra từ tình yêu thật sự." Phải vậy không? Lẽ ra Chúa nên nói như thế. "Tai họa hãy giáng xuống những đứa con hoang thực sự! Bởi vì chúng chỉ được sinh ra từ hôn nhân, thế nên chúng sẽ sống trong hoả ngục."

Và tôi không biết chỗ nào để chúng ta có thể đưa cái loại con hoang đúng nghĩa vào –cái loại thứ ba đó.

Không có gì để phải lo lắng, không có gì để phải coi là nghiêm trọng, đừng để cho nó nghiền nát bạn. Sinh ra từ tình yêu, đó là chuyện tuyệt vời –sinh ra từ tình yêu có nghĩa là sinh ra từ Thượng Đế. Hôn nhân chỉ là một sáng

chế của xã hội, một định chế. Không sơm thì muộn rồi hôn nhân cũng sẽ biến mất –nó *nên* được biến mất. Con người nên sống trong thương yêu. Tại sao con người lại nên cố gắng để sống trong một định chế? Tại sao con người lại nên cố gắng để sống trong hôn nhân? Hôn nhân đã được tạo ra bởi vì con người thiếu trách nhiệm, bởi vì con người không hề biết ý nghĩa của thương yêu. Hôn nhân chỉ là một sự thay thế -có một cái gì đó mất đi trong đời sống thực của con người, và rồi họ tạo ra hôn nhân để thế vào.

Một khi chàng yêu nàng hay nàng yêu chàng, tình yêu là đủ rồi! Tình yêu sẽ tự nó chu toàn. Và nếu tình yêu không tự mình chu toàn, thì cái gì khác có thể làm được chuyện này? Chỉ có cái giấy hôn thú thôi.

Dưới cái nhìn của tôi, trong một trăm cuộc hôn nhân thì đã có đến chín mươi chín cái là sự mãi dâm hợp pháp. Đó không phải là những cuộc hôn nhân. Một cuộc hôn nhân đích thực khi được phát xuất từ tình yêu. Hợp pháp hay bất hợp pháp, không thành vấn đề. Vấn đề thực sự chỉ là tình yêu. Nếu tình yêu hiện hữu giữa hai người, đó là điều đáng chúc phúc. Nếu tình yêu không hiện hữu giữa hai người, thì tất cả mọi luật lệ pháp lý để trói buộc nhau cũng không thể bắc một nhịp cầu giữa họ. Và họ sống nhưng trong chia lìa, họ đồng sàng nhưng dị mộng, họ sống mãi hoài trong xung đột, chiến tranh. Họ tạo ra đủ mọi thứ vấn nạn cho kẻ khác. Họ thô bỉ với nhau, cãi cọ mè nheo, chiếm hữu nhau, bạo động, đàn áp, chiếm đoạt, và độc tài với nhau.

Trong một thế giới tốt đẹp hơn, một nhân loại tốt đẹp hơn, mọi chuyện rồi sẽ đổi khác. Trong cái thế giới đó, một đứa trẻ được sinh ra từ tình yêu sẽ không bị gọi là đứa con hoang; chỉ có những đứa trẻ được sinh ra từ chứng thư hôn thú, từ luật pháp, mới được gọi là những đứa con hoang.

CHÚ THÍCH:

1. ***sls*** *(successful living seminar):* Những bài giảng chuyên đề về thành tựu trong đời sống của Osho.

CHƯƠNG 9

Gãi Ngứa Ngoài Giày.

Vị thiền sư lên toà giảng pháp
trước đám đông tìm cầu giác ngộ,
Ông chỉ nói một câu ngắn gọn:
"Ha! Ha! Ha! Cái gì thế này?
Về hậu liêu và uống trà đi."
Xong bước xuống, ông ta bỏ đi.

Điều duy nhất mà ta có thể nói về cái rốt ráo, đó là, không có gì để có thể nói về nó cả. Như vậy cũng là đã quá nhiều; như vậy cũng đã quá nhiều khi phải dùng ngôn từ để diễn đạt. Đó là lý do tại sao những kinh điển vĩ đại đều vô cùng tiêu cực –chúng không hề nói đến Thượng Đế là gì, chỉ trình bày những gì đó không phải là Thượng Đế. Với cách nói này, họ không hề đả động bất cứ cái gì về Thượng Đế mà chỉ đơn giản cho biết cái gì đó không phải là Thượng Đế. Và khi hiểu ra được điều này, lần hồi đôi mắt của bạn sẽ hướng về Thượng Đế. Bởi vì một khi bạn nhận ra được cái hư vọng là hư vọng, không sớm thì muộn rồi bạn cũng sẽ rơi tỏm vào chân

lý. Biết rõ được cái hư vọng là hư vọng cũng có nghĩa là nắm bắt được chân lý.

Đức Phật, Mahavira, Krihna, Chúa Giêsu –không có ai nói bất cứ điều gì về chân lý. Họ chỉ nói về những gì không phải là chân lý -họ chỉ ra những hư ngụy, họ cho bạn làm quen với hư ngụy. Nếu sự quen biết này ăn sâu vào tâm, không sớm thì muộn rồi bạn sẽ có thể nhận ra chân lý. Bóng tối có thể được diễn đạt bằng ngôn ngữ nhưng ánh sáng thì không. Hận thù có thể diễn đạt thông qua ngôn ngữ, nhưng thương yêu thì không.

Có khi nào bạn để ý quan sát đời sống của chính mình không? Khi bạn đang trong cơn giận điên người, ngôn ngữ như rất mực sẵn sàng. Khi bạn chìm trong cơn giận dữ, ngôn ngữ như tuôn trào ra bất tận. Người ta ăn nói, chữi bới rất mực sống động khi họ giận dữ, phẫn nộ -mọi người đều trở thành một nhà ăn nói khi họ lên cơn giận. Lúc đó thì họ không cần phải chộp bắt ngôn ngữ nữa, chúng tự động ùa tới. Lúc đó thì tất cả những e thẹn nhút nhát cũng biến mất. Thế nhưng khi bạn đang yêu, ngôn ngữ hầu như có vẻ bất lực. Ngay cả câu nói "Anh yêu em –Em yêu anh" cũng nghe rất xu nịnh, ốm đau, không chút nào sinh khí.

Cái sai có thể diễn đạt bằng ngôn ngữ nhưng cái đúng thì không. Đó là lý do tại sao Lão Tử đã nói rằng: *Đạo khả đạo phi thường đạo*. Bởi vì cái gì có thể nói ra hay đã được nói ra đều trở nên hư ngụy. Đạo không thể được nói ra. Đạo chỉ có thể hiện bày mà không thể được nói ra. Ngón tay chỉ mặt trăng –ngón tay không bảo rằng mặt trăng là cái gì, nó chỉ có thể chỉ cho thấy; nó chỉ hướng cái tầm nhìn của bạn về phía mặt trăng.

Đừng để bị vướng mắc vào cái ngón tay –đó là chuyện đang xảy ra. Và đây là một trong những cuộc cách mạng mà Thiền mang đến cho thế gian này.

Thiền đốt luôn những kinh điển –đó là cách để giúp bạn không còn bám víu vào những ngón tay.

Nếu tôi muốn cho bạn nhìn thấy mặt trăng và chỉ nó bằng ngón tay của tôi, đừng có để bị vướng mắc vào cái ngón tay này –ngón tay của tôi không phải là mặt trăng. Và nếu bạn cứ mãi bị ám ảnh quá mức bởi cái ngón tay, bạn sẽ không còn nhìn thấy mặt trăng nữa. Muốn nhìn thấy nó, bạn phải quên đi cái ngón tay này, bạn phải hoàn toàn buông bỏ nó. Lúc đó bạn mới để ý đến cái hướng chỉ và nhìn theo hướng này -chỉ với như vậy thì cái ngón tay mới được quên đi. Cái ngón tay chẳng là gì cả. Nó có thể rất xinh xắn dễ thương ở trên bàn tay của một nhà nghệ sĩ lớn. Nó cũng có thể cục mịch, ốm đau, khoẻ mạnh, đen hay trắng, đàn ông hay đàn bà –không thành vấn đề.

Những phẩm chất của ngón tay không hề được đặt ra; bất kỳ ngón tay nào cũng có thể chỉ vào mặt trăng cả. Thế nhưng người ta cứ mãi bám chặt vào những ngón tay. Người Kỳ Na Giáo đang bám vào ngón tay của Mahavir -họ mãi thờ lạy cái ngón tay đó mà quên đi cái mặt trăng. Người Phật tử thì cũng đang thờ lạy cái ngón tay của Đức Phật.

Đúng như vậy, không phải là chuyện ngẫu nhiên mà có một ngôi chùa ở Nhật Bản người ta không thờ tôn tượng Phật mà chỉ thờ một ngón tay, một ngón tay bằng đá cẩm thạch, đang chỉ về một hướng vô định nào đó. Những ai xây dựng ngôi chùa này hẳn phải là có nhận thức sâu sắc; thế nhưng người ta đâu có hiểu ý nghĩa -người ta đang thờ lạy cái ngón tay này. Họ mang hương hoa đến đó và quỳ lạy. Chẳng ai buồn để ý đến cái ngón tay đang chỉ về hướng nào.

Những người Cơ Đốc cũng đang ôm chặt một cái ngón tay khác. Và rồi họ cứ tiếp tục tranh cãi với nhau –"Ngón tay của ai là đẹp nhất? Chúa Giêsu là người vĩ đại nhất? Hay là Ông Phật? Hay là Krishna, Mohammed?" Các bạn đang tranh cãi chuyện gì thế? Tất cả đều vô nghĩa! Bạn đang bàn luận về những ngón tay, mà những ngón tay này thì chẳng hề dính dáng liên hệ gì đến chủ đề cả. Bất cứ ngón tay nào cũng có thể chỉ về hướng mặt trăng. Và tất cả những ngón tay chỉ về hướng mặt trăng đều giống nhau -giống nhau ở chỗ cùng chỉ về hướng mặt trăng, những chuyện phụ thuộc khác đều vô nghĩa.

Đức Phật nói một loại ngôn ngữ, Chúa Giêsu nói một thứ ngôn ngữ khác, và rồi Mahommed cũng thế. Chuyện đó không thành vấn đề. Đối với người có nhận thức, chỉ cần cái hướng là đủ rồi. Con người của nhận thức sẽ đi về hướng mặt trăng và quên đi tất cả mọi ngón tay. Và cái khoảnh khắc khi bạn đi về hướng mặt trăng, bỗng nhiên bạn nhận ra rằng tất cả mọi ngón tay đều chỉ về cùng một hướng.

Và như thế Thiền là một ngón tay đưa lên chỉ về hướng mặt trăng trong yên lặng. Đó cũng là cách thế căn bản của tất cả mọi tôn giáo. Tại sao ngôn ngữ lại bất lực như thế? Tại sao đạo lại không thể được nói bằng lời? Một vài điều cần phải được nhận thức trước khi chúng ta đi vào giai thoại sau đây.

Một cách đơn giản, ngôn ngữ không tải được đạo –do một vài lý do ở ngay tự cấu trúc của nó. Trước tiên, ngôn ngữ là vật dụng thiết thực cần đến. Cũng tốt thôi, cho đến khi nào chúng ta còn sống trong cái thế giới của tiện dụng này. Bạn đi vào chợ để mua sắm cái gì đó, bạn cần đến ngôn ngữ -nó làm cho mọi chuyện trở nên dễ dàng hơn. Ngôn ngữ như một thứ dầu

nhớt, nó giúp vào công việc truyền thông của con người –nhưng chỉ trong thế giới của tiện dụng.

Cái khoảnh khắc mà bạn khởi sự đi vào hiện hữu… Hiện hữu không hề có vật dụng thiết thực, nó không phải là một cái gì đó để bạn có thể bán buôn. Hiện hữu là phi-dụng, là không có mục tiêu để vươn tới. Hiện hữu phải được quan sát bằng sự lặng yên tuyệt đối trong mắt bạn.

Nếu bạn đi vào chợ và hoàn toàn câm nín, lặng yên, thì sẽ là một sự phiền hà cho bạn lẫn người khác. Nếu bạn vào văn phòng cảnh sát và người ta hỏi bạn, "Ông tên gì?" và bạn ứng xử theo một phong cách rất Thiền, người ta sẽ nghĩ rằng bạn là kẻ mát giây, điên khùng, hay láu cá không chừng. Ở đó người ta không hiểu được sự im lặng của bạn. Nếu bạn đi vào một cửa hàng rồi cứ đứng ngây ra đó, người bán hàng chắc chắn sẽ không thể nào hiểu được bạn muốn gì.

Trong sinh hoạt đời thường, người ta cần đến ngôn ngữ -ngôn ngữ được phát minh ra cho cái thế giới phàm phu này, cho những sinh hoạt thường nhật này. Thế nhưng ngôn ngữ không dành cho cái thế giới vĩnh cửu. Ở đó không có bất cứ cái gì để bạn mua sắm. Ở đó bạn không trò chuyện với bất cứ ai mà chỉ hiệp thông với hiện hữu. Không có nhu cầu để nói chuyện, lời nói không còn cần thiết một chút nào. Đây là điểm cơ bản đầu tiên cần phải hiểu rõ: ngôn ngữ có một vài tiện dụng và bởi vì những tiện dụng đó, nó có những mặt hạn chế.

Hiện hữu không thể nào hiểu được ngôn ngữ của bạn. Ngôn ngữ thuộc về nhân sinh, hiện hữu thì bao quát, trải rộng hơn –nó không hề bị cầm tù trong nhân sinh.

Mới đêm hôm kia, tôi đang đọc môt cuốn sách của nhà hiện sinh Nga, Nikolai Berdyaev. Là một triết gia hiện sinh, ông ta có quan điểm rất gần gũi với Thiền -chỉ gần thôi chứ chưa nhập vào một cách rốt ráo. Ông ta bảo rằng ngày xưa những thánh nhân thường cho rằng tri thức là một cái gì đó rất mực thần thánh, thiêng liêng. Ông ta cảm thấy như thế là chưa đầy đủ, bởi vì tri thức, để có hiểu biết về rốt ráo và tổng thể, cũng phải thuộc về con người nữa. Bằng không con người nên được loại ra khỏi phạm trù này. Thế nên làm sao mà tri thức chỉ có thể là thần thánh được? Nó phải là vừa thần thánh lẫn con người –con người nên được dự phần trong đó.

Đúng như vậy -tuy nhiên ông ta đã dừng lại ở đây. Tại sao lại không kể thêm súc vật, cây cỏ, khoáng chất? Chúng cũng đang hiện hữu, chúng không thể bị bỏ ra ngoài. Berdyaev cho rằng tri thức, một cách toàn bộ, phải nên là thần thánh lẫn con người. Tôi thì cho rằng phải là khoáng chất, thực vật, động vật, con người, thần thánh *-cộng vào*. Nếu còn thiếu cái gì đó, nó cũng phải được liệt kê vào trong đó.

Thế nhưng ngôn ngữ thuộc về con người. Không có loài vật nào hiểu được ngôn ngữ của bạn, cây cối cũng chẳng thèm quan tâm đến ngôn ngữ của bạn, sỏi đá cũng sẽ chẳng bao giờ lắng nghe ngôn ngữ của bạn –và cũng không hề hiểu. Mà ngay cả tất cả nhân loại cũng không hề nói chung một loại ngôn ngữ -có đến hàng ngàn ngôn ngữ trên cái hành tinh bé nhỏ này. Như thế ngôn ngữ là sản phẩm do con người tạo ra, nó rất mực cục bộ. Còn hiện hữu thì rất là to lớn, bao la; chúng ta chỉ là những phần tử bé nhỏ ở trong đó. Cái quả đất này đây, chỉ là một hành tinh bé nhỏ. Cực kỳ nhỏ bé. Ngay cả cái mặt trời của chúng ta cũng chỉ là một ngôi sao nhỏ nhoi. Còn không biết bao nhiêu những mặt trời lớn hơn hiện hữu. Bao quanh ta là vũ trụ vô tận; chúng ta không nên mang tinh thần địa phương.

Đó chính là điều mà Thiền cho rằng ngôn ngữ không diễn tả được chân lý. Ngôn ngữ rất mực cục bộ, địa phương -chỉ là một phát minh của nhân loại. Nếu nhân loại biến mất, tất cả ngôn ngữ cũng sẽ biến mất. Hiện hữu vẫn tiếp tục. Hiện hữu đã ở đó trước khi con người có mặt, hiện hữu cũng sẽ ở đó nếu chiến tranh thế giới thứ ba xảy ra và con người biến mất. Cây cỏ sẽ vẫn tiếp tục đơm bông, mùa xuân sẽ vẫn đến đúng hẹn, hoa vẫn sẽ nở và chim chóc vẫn hát ca. Vẫn còn đó những đêm trăng, mặt trời vẫn mọc vào buổi sáng. Không có ai sẽ cảm thấy thiếu vắng bạn cả, hãy nhớ như vậy; mọi chuyện rồi sẽ vẫn đâu vào đấy. Con người rất mực bé nhỏ…

Thế nhưng bởi vì chúng ta sống trong thế giới loài người, chúng ta sống với con người, chúng ta bắt đầu cho rằng con người là tất cả. Ngôn ngữ vì thế trở nên rất mực quan trọng. Bạn có thể thấy rõ điều này. Có bao giờ bạn thấy những bức tranh Thiền chưa? -bạn sẽ thấy điều đó trong những bức tranh này. Khi người ta xem một bức tranh Thiền người ta luôn luôn ngạc nhiên và một chút gì bất ổn, bởi vì người ta không thể nhìn thấy cái trọng tâm của bức tranh. Nếu bạn có dịp ngắm một bức tranh Thiền, nguyên cả bức tranh không hề được vẽ gì cả, cả khung vải hầu như để trống –có thể nói là chín mươi phần trăm bỏ trống. Chỉ một góc nhỏ ở phía dưới ta mới thấy một bức tranh nhỏ xíu. Và trong cái bức tranh này, sông núi, cây cối được vẽ rất lớn –còn con người thì nhỏ nhoi như một con kiến. Có thể có một chiếc thuyền bé và con người như là một cái chấm nhỏ đang ngồi ở đó.

Tranh của phương Tây thì khác hẳn; con người như phủ trùm lên cả khuôn vải. Thiền gia không khỏi mĩm cười về chuyện này. Họ bảo, “Đây là chủ nghĩa vị ngã -bạn đã không mang đời sống lên toàn bộ khung vải. Ở đó người ta chỉ thấy một cái tôi to tướng của bạn, tỉ lệ không cân xứng chút nào. Bầu trời đâu không thấy? Và khoảng không gian bao la?” Những hoạ phẩm của Tây phương không nói lên sự hiện hữu. Tranh Thiền thì cho ta

thấy điều đó –cái bầu trời trống không kia chiếm đên chín mươi phần trăm bức tranh, hay hơn nữa. Có vài bức nó chiếm gần như chín mươi chín phần trăm, chỉ còn lại một cái góc nhỏ bên dưới… Bức tranh có vẻ như tập trung vào cái khung trời trống không này –làm cho người xem nghĩ rằng bức tranh ở đó chỉ là để nhằm trưng bày cho bạn thấy cái bầu trời trống rỗng kia. Và rồi mây, rồi núi, rồi sông -tất cả trong một tỉ lệ tương xứng- và một con người thật nhỏ xíu. Đây là một bức tranh đúng đắn. Thế nhưng chúng ta có đủ những trò bịp bợm, thế nên chúng ta cứ tiếp tục phóng đại mình lên, tiếp tục vẽ mình ra thật lớn

Đây là chuyện xảy ra hằng ngày. Khi bạn đứng trước tấm gương soi trong phòng tắm, bạn có nhận thấy điều đó không? Đứng trước nó, trong cái khung nhỏ kia, hình của bạn như phủ lên cả toàn bộ tấm gương, chỉ có bạn bao trùm tất cả. Nhìn vào tấm gương, bạn sẽ không khỏi có một ấn tượng sai lầm về chính mình. Những tấm gương là những cấu trúc rất tuyệt tạo nên bản ngã –nhìn vào đó bạn cảm thấy mình như là tất cả, trọn vẹn. Trong tấm gương không có cái gì cả, ngoại trừ bạn. Thế nên người ta thích đứng trước tấm gương soi một mình. Một người càng ái ngã chừng nào càng thích đứng trước tấm gương soi chừng nấy. Những tấm gương là những tên xu nịnh giỏi, chúng không ngừng tâng bốc bạn lên. Chúng làm cho bạn lớn lao ra –chúng trợ lực cho cái bệnh ghiền vĩ đại.

Đó là cả một sai lầm. Bạn nên nhìn vào những hàng cây kia -trước những cây này chúng ta thật là nhỏ bé. Rồi những đám mây trời, so với chúng, chúng ta càng nhỏ bé hơn. Và cái bầu trời bao la kia với muôn vàn tinh tú, cái khoảng không vô tận. Đứng trước cái vô tận này, con người chỉ là những chấm nhỏ nhoi.

Ngôn ngữ của chúng ta không thể nào diễn tả được cái tổng thể. Thế nhưng sự im lặng lại có thể nói lên -bởi vì khi chúng ta lặng yên, chúng ta rơi vào sự hoà điệu với hiện hữu. Thế nên, tất cả mọi tôn giáo đều cầu nguyện trong lặng yên. Khi bạn thật sự yên lắng bạn không còn là một sinh thể nữa -bạn chan hoà vào đá, vào cây, vào động vật, vào mây trời… Khi bạn lặng yên, bạn hoà điệu với vạn hữu. Khi bạn quên lời bạn không còn là bộ phận của con người cục bộ nữa, cái cục bộ nhỏ bé của nhân loại. Bạn trở thành bộ phận của một hiện hữu bao la rộng khắp.

Im lặng là rất mực kỳ diệu. Đạo chỉ có thể cảm nhận được qua im lặng, và một khi đạo được cảm nhận qua im lặng, nó chỉ có thể diễn tả qua im lặng, làm sao có thể diễn đạt được bằng tiếng động? Ngôn ngữ là tiếng động. Nếu đạo được cảm thông qua im lặng, nó phải được tỏ bày trong im lặng.

Ngôn ngữ không nắm được nó. Trước tiên, đạo rất mực lớn lao và lời nói thì quá bé nhỏ. Và rồi -một điều có vẻ rất nghịch lý- đạo thì rất mực vi tế còn lời nói lại quá thô. Ở cả hai phía, ngôn ngữ đều không nắm được. Một bên thì đạo quá đổi lớn lao còn lời nói thì quá nhỏ bé, còn mặt kia, đạo thì quá vi tế mà ngôn ngữ thì rất thô kệch. Cũng chẳng khác gì bạn quăng chiếc lưới xuống giòng sông để bắt cá. Bạn có thể bắt được cá nhưng nước thì không. Khi bạn kéo chiếc lưới lên, có thể có vài con cá bị dính vào lưới nhưng bạn không hề bắt được nước -nước đã chạy thoát. Nước vi tế hơn. Cái lưới của bạn không thể dùng để đánh bắt nước, nó chỉ có thể đánh bắt cá, cá càng lớn càng tốt –cá nhỏ cũng sẽ không bị dính vào. Còn nước là một chất lỏng rất khó nắm bắt –và nó chạy thoát.

Thế nên, đó là sự nghịch lý, một đằng, đạo lớn lao vô tận không thể nghĩ bàn. Nhưng đằng khác, đạo lại rất mực tế vi, cực kỳ nhỏ bé –không còn có thể phân chia được nữa, một nguyên tử. Ngôn ngữ một lần nữa, không thể

nắm bắt được. Ngôn ngữ do con người tạo ra còn đạo thì không. Ngôn ngữ là một sản phẩm của con người, nó chỉ như là một thứ tiện nghi. Một quy ước được tất cả tin tưởng chấp nhận.

Bạn gọi một đoá hoa là "hoa hồng", người Ấn Độ gọi là *"gulab"*, chuyện đó không thành vấn đề. Trong sáu ngàn ngôn ngữ khác nhau, có đến sáu ngàn cách gọi khác biệt cho đoá hoa hồng. Mà thật ra hoa hồng không hề có tên; tất cả những cái tên là đều do chúng ta đặt ra. Nếu bạn tin như thế, nó trở thành cái hoa hồng. Nếu bạn tin ở một hệ thống ngôn ngữ khác, nó trở thành *gulab*. Tuy nhiên tất cả ngôn ngữ đều chỉ là những tiện nghi.

Chân lý không phải là một thứ tiện nghi. Tiện nghi được điều chỉnh cho thích nghi với bạn; còn với chân lý, *bạn* phải điều chỉnh theo. Hãy lưu ý đến sự khác biệt đó. Tiện nghi là để cho bạn sử dụng, còn chân lý thì không. Nếu bạn muốn sống trong chân lý, bạn phải đi theo chân lý –chân lý không hề đi theo bạn.

Có hai loại người trong thế gian này. Loại thứ nhất là những người muốn chân lý phải theo mình. Loại người này sẽ không bao giờ đạt đến chân lý. Y luôn luôn nghĩ rằng chân lý phải đứng về phía mình, như cái bóng theo đuôi. Loại người này chỉ quan tâm đến cái ngã của họ hơn là chân lý. Khi loại người này tranh chiến và khẳng định rằng, "Đây là sự thật," y chẳng hề quan tâm gì đến chân lý. Thực ra y đang nói rằng, "Đây là chân lý của tôi -bất kể cái gì mà các người nói đều sai lầm tất cả!"

Nhìn kỹ mà xem. Nếu tôi nói điều gì đó ngược lại với chân lý của bạn, bạn sẽ nổi giận lên ngay. Không phải bạn nổi giận vì tôi nói cái gì đó không đúng với chân lý, không phải vậy; mà là vì nó ngược lại với chân lý của bạn; nó thương tổn đến cái ngã của bạn. Nếu điều gì nói ra chống lại cái

chân lý của bạn, sự thương tổn là cái ngã -bạn chẳng hề bận tâm đến cái gọi là chân lý. Có ai thèm quan tâm đến chân lý đâu? Người ta cứ luôn miệng, "Đạo Cơ Đốc của tôi, Ấn giáo của tôi, Kỳ Na giáo của tôi, Hồi giáo của tôi. Và rồi Kinh Koran của tôi, Kinh Vệ Đà của tôi, Gita của tôi, Thánh Kinh của tôi" –thương tổn là những cái đó. Cái "của tôi" này cần phải nhìn được sâu vào. Có thể bạn không kêu đích danh nó ra, nhưng khi nói rằng, "Kinh Thánh là sự thật," một điều cần phải được hiểu là –"Cuốn Kinh Thánh này là thánh kinh *của tôi*." Điều này không cần phải nói trắng ra một cách rõ ràng, không có một nhu cầu như thế. Cái ngã đã chen vào bằng những cách thế rất mực xảo quyệt –nó không hề chường mặt ra, nó ẩn núp ở đàng sau.

Khi người ta tranh cãi với nhau, người ta không tranh cãi về chân lý. Đạo không cần đến tranh biện -bởi vì chân lý không thể được quyết định bằng những cuộc tranh cãi hay thảo luận. Không có cuộc tranh luận nào có thể đưa đến kết quả tối hậu; đó là một việc làm vô nghĩa. Khi bạn tranh cãi, bạn đang tranh cãi cho cái ngã của mình –cái chân lý của bạn và chân lý của ai đó. Hai cái ngã này xung đột với nhau, và bạn phải chứng tỏ rằng chỉ có bạn là đúng. Ngay cả đôi lúc bạn chợt thoáng nhận ra điều đối phương nói là đúng, nhưng bạn không thể nào chấp nhận chuyện đó. Chuyện như vậy xảy ra không biết bao nhiêu lần. Cái ý thức trong bạn làm việc -rất nhiều lần nó hé nhìn thấy điều mà đối phương nói có thể đúng. Thế nhưng bạn không thể cho phép một chuyện như thế, bạn không thể chấp nhận chuyện này –nó sẽ làm thương tổn cái ngã của bạn rất mực. Thế là bạn phải chiến đấu cật lực để bảo vệ nó.

Có lần tôi sống vài năm trong một thành phố nhỏ và quen biết một người hàng xóm –một người rất đặc biệt. Ông ta là một người Ấn giáo rất cực đoan, thế nên ông ta đã tìm đến và tranh cãi với tôi hàng giờ không biết mệt. Và tôi có thể thấy được một điều là ông ta đã nhận ra và hiểu được

những gì tôi nói -thế nhưng ông ta cứ vẫn tìm đến để tranh cãi. Thế rồi có một ngày tôi vô cùng ngạc nhiên. Ông ta đang tranh luận với một người nào đó, và dùng những điều mà tôi vừa mới nói với ông ta hồi sáng.

Thế là tôi đến nhà ông ta và bảo, "Ông bạn đang làm cái gì vậy?" –ông ta có vẻ bối rối- "Mới sáng nay bạn đã chống đối lại những điều mà bạn vừa nói ban nảy mà." Ông ta bị bắt quả tang tại trận, nên đành phải thú nhận, "Vâng, đó là chuyện xảy ra ngày một. Khi tôi lắng nghe ông, tôi rất muốn đồng ý, nhưng cái ngã của tôi lại kháng cự lại. Tôi không thể gật đầu đồng ý ngay trước mặt ông, nhưng khi về nhà ngẫm nghĩ lại, quả tình tôi nhận thấy những điều ông nói là chí lý. Và ông đừng ngạc nhiên," ông ta nói tiếp, "Tôi đã từng biện hộ cho ông trước bao nhiêu người, nhưng tôi không thể nói ra điều này với ông. Tuy nhiên hôm nay ông đã bắt quả tang tại trận -thế nên sẽ là một điều khó khăn khi còn tiếp tục tranh cãi với ông."

Và quả thực như vậy, kể từ hôm đó ông ta không còn tranh cãi với tôi nữa. Ông ta vẫn đến với tôi –nhưng bây giờ thì im lặng lắng nghe. Một chứng nghiệm lớn lao đã xảy ra cho ông ta, và ông ta đã hoàn toàn thay đổi kể từ hôm đó, đã thực sự trở thành một người kiếm tìm chân lý. Và rồi ông ta không còn bị quấy nhiễu bởi cái ngã của mình – không còn bận tâm đến cái gọi là "niềm tin của tôi" nữa.

Sự thật là gì? Đâu là chân lý? Bất cứ nơi đâu mà nó có mặt, kẻ tìm kiếm thực sự sẵn sàng đi cùng với nó. Tôi cần phải nhắc lại một lần nữa, có hai loại người trên thế gian này -một loại chỉ muốn chân lý phải theo mình, phải đứng về phía mình, còn loại thứ hai thì rất mực dũng cảm và sẵn sàng bước đi theo chân lý, bất kể là nó sẽ dẫn dắt đến đâu. Y không hề mặc cả, nêu ra điều kiện, chỉ đơn giản bước theo với tất cả tâm huyết của mình. Và

trừ phi bạn rất mực nhiệt thành với chân lý, sòng phẳng với chân lý, bạn sẽ không bao giờ có thể vươn đến chân lý.

Ngôn ngữ là một sáng chế của con người. Chân lý không phải là một sáng chế mà là một khám phá -một sự khám phá trở lại. Chân lý đã có sẵn ở đó, còn cái từ "chân lý" thì không, cũng giống như cái từ "hoa hồng". Đoá hồng đã có mặt sẵn đó, nhưng cái từ "hoa hồng" thì không. Lửa đã có mặt ở đó nhưng cái từ "lửa" thì không. Thượng Đế hiện hữu ở đó mà không phải là cái từ "thượng đế" -thế nhưng con người cứ tiếp tục đánh nhau về chuyện phải gọi đó là Thượng Đế, là Allah hay Ram. Thượng Đế không hề có tên; đạo là "phi thường danh". Không cần đến một thứ nhãn hiệu ngôn ngữ nào, nhưng bạn muốn dùng bất cứ nhãn hiệu nào cũng được. Nếu bạn cần đến một cái nhãn hiệu, cái nào cũng sẽ tốt thôi –Allah hay Ram hay Thượng Đế cũng vậy. Bất cứ cái tên nào cũng sẽ không có vấn đề. Nếu bạn hiểu như vậy -rằng Thượng Đế không hề có tên gọi, rằng đạo không hề có tên gọi –và nếu sự nhận thức này mãi bền vững ở trong bạn- thì bất cứ tên gọi nào cũng được thôi. Lửa vẫn là lửa. Bạn có gọi nó bằng bất cứ cái gi thì cũng chẳng có gì đổi khác.

Chân lý luôn sẵn ở đó; ngôn ngữ là do chúng ta tạo ra. Bạn không thể tạo ra sự vô ngôn –đó là sự tuyệt vời của im lặng. Vô ngôn là tặng phẩm của Thượng Đế, ngôn ngữ là sản phẩm của con người. Nếu bạn muốn tìm thấy Thượng Đế, bạn phải kinh qua những gì Thượng Đế trao gởi, bạn phải đi theo ngài, thông qua tặng phẩm của ngài. Cái tặng phẩm này gói trọn một cái gì trong đó –đó là một chiếc cầu. Thông qua chiếc cầu này mà bạn nhập vào dòng thánh.

Im lặng là vàng, im lặng là rất mực quý giá. Một khoảnh khắc lặng im có giá trị hơn cả hàng giờ suy nghĩ, học tập.

Bởi vì ngôn ngữ là sản phẩm của con người, nó mang tính nhị nguyên. Cái tâm của con người thế gian không thể nhìn thấy cả hai khía cạnh của thực tại cùng một lúc; mỗi một lần nó chỉ có thể nhìn thấy một khía cạnh. Ngay cả một vật rất nhỏ: Nếu tôi cho bạn một viên sỏi nhỏ, rất nhỏ, và bạn có thể nắm giữ nó ở trong lòng bàn tay, thế nhưng bạn cũng vẫn không thể nhìn thấy hết toàn bộ viên sỏi chỉ với một cái nhìn. Bạn sẽ chỉ trông thấy một mặt của nó. Khi bạn xoay viên sỏi đi, bạn sẽ nhìn thấy mặt khác, nhưng cái mặt lúc đầu đã biến mất. Như vậy, ngay cả một viên sỏi nhỏ, bạn cũng không thể nào trông thấy hết cái toàn bộ của nó. Cái toàn bộ đó chỉ là một sự suy diễn -trước tiên bạn nhìn thấy một phần, rồi bạn nhìn thấy cái phần khác, thế rồi bạn hình dung ra cái toàn bộ của nó.

Bây giờ thì bạn đang đối mặt với tôi, bạn đang nhìn thấy khuôn mặt tôi nhưng bạn không thể trông thấy cái lưng của tôi. Khi bạn thấy cái lưng của tôi thì bạn sẽ không thấy được cái mặt. Bạn có thể nhìn thấy cái đồng tiền, nhưng mỗi lần bạn cũng chỉ nhìn thấy một mặt mà thôi. Một cái gì đó luôn luôn bị mất.

Cái hiện hữu luôn có nhiều chiều kích; có rất nhiều khía cạnh. Không phải chỉ nhiều chiều kích mà nó còn nghịch lý. Ngày và đêm luôn có mặt cùng nhau -thế nhưng khi ta nhìn, ta thấy đêm và ngày tách biệt. Sống và chết luôn sánh vai cùng nhau ở đó, nhưng khi ta nhìn ta thấy chúng phân lìa. Thực ra ta thấy chúng như là những kẻ tử thù với nhau. Chúng không hề là những kẻ thù -đời sống đi vào cái chết và cái chết đi vào sự sống. Chúng giống như những thung lủng và non cao –sánh bước cùng nhau. Núi cao không thể hiện hữu nếu không có lủng sâu. Lủng sâu không thể hiện hữu nếu không có non cao. Chỗ nào có thung lũng, nơi đó có núi non; chỗ nào có núi non, nơi đó có thung lủng. Chúng hiện hữu cùng nhau.

Thế nhưng tâm của con người luôn luôn chỉ nhìn thấy môt khía cạnh, và khi mặt đối nghịch xuất hiện, người ta cho rằng cái này chống lại cái kia. Thế rồi ngày trở thành cái gì đó chống lại đêm, ánh sáng chống lại bóng tối, yêu đương chống lại hận thù –mà thực ra chúng không phải như vậy. Hận thù biến thành tình yêu, tình yêu biến thành hận thù –chúng chỉ là một lượn sóng, hai biểu hiện của cùng một năng lượng. Và rồi nếu bạn quan sát một cách chăm chú, kỹ lưỡng trong lặng yên, bạn sẽ có khả năng trông thấy sự thật. Nó rõ ràng như ban ngày! Có thể nào bạn hận thù một người nào đó mà không yêu thương y? Vô phương. Có thể nào bạn biến một người trở thành kẻ thù của mình mà không làm bạn với y từ lúc đầu –vô phương. Trước tiên bạn phải tạo ra tình thân hữu, rồi sau đó bạn mới có thể tạo ra sự thù nghịch. Trước tiên bạn phải yêu thương, rồi sau đó bạn mới có thể thù hận.

Đó là lý do tại sao chúng ta thù hận cùng một người mà chúng ta thương yêu. Người chồng cứ tiếp tục thù ghét người vợ và tiếp tục yêu thương. Và người vợ cứ tiếp tục thù ghét người chồng và tiếp tục thương yêu. Và đôi lúc bạn quả tình bối rối -tại sao? Tại sao bạn lại giận ông chồng của mình đến điên người lên như thế? Tại sao bạn lại tức giận quá mức bà vợ của mình như thế. Tại sao đôi lúc bạn không khỏi khởi lên ý nghĩ, “Tại sao ta lại không giết nàng đi?” Và bạn biết rằng bạn cũng yêu nàng rất mực; bạn không thể sống nếu thiếu nàng. Ngay cả đôi lúc nàng đi vắng đâu đó vài ngày là bạn cảm thấy như thiếu vắng cái gì, bạn cảm thấy cô đơn, buồn bã. Khi người vợ đi vắng thì bạn không ngừng nghĩ về nàng. Khi nàng ở cạnh bạn, thì bạn lại cầu Trời khẩn Phật, “Bao giờ thì bà ấy đi đâu vài hôm? Bao giờ thì bà ấy chịu để yên cho tôi và ngày trong yên bình, vắng lặng?”

Tình yêu và thù hận luôn sóng đôi cùng nhau. Thật ra nếu nói chúng là hai là không đúng. Chúng là một. Thân hữu và thù địch là một.

Hiện hữu là nghịch lý và mang nhiều chiều kích. Thế nhưng ngôn ngữ thì không thể nghịch lý. Nếu ngôn ngữ là nghịch lý nó sẽ mất đi tính các tiện dụng. Nếu có ai hỏi bạn cái gì đó và bạn trả lời, "Đúng và không", như vậy thật là vô nghĩa. Hoặc là bạn trả lời "đúng vậy," hoặc là bạn trả lời, "không phải" như vậy mới có ý nghĩa. Thế nhưng hiện hữu có câu trả lời đúng-sai cùng một lúc. Ở đó đúng-sai không hề tách biệt; khẳng định và phủ định là hai khía cạnh củ cùng một năng lực. Đó là lý do tại sao ngôn ngữ là nhị nguyên –nó tạo ra một loại tâm thần phân liệt trong ý thức con người, nó tạo ra sự chia cắt.

Còn hiện hữu là bất nhị, nó là một nhất thể, không hề có sựchia cắt, phân lìa. Quả là điều rất mực khó khăn đối với bạn khi cho rằng cái chết chẳng là gì cả ngoài sự sống của chính bạn, cái cao điểm của đời sống bạn. Bạn đã được nhồi vào đầu qua hằng bao thế kỷ rằng cái chết là kẻ thù -phải tránh xa, chạy trốn, phải tự chống đỡ, bảo vệ để chống lại nó. Không phải thế; nó chính là cái nền của sự sống. Nếu cuộc sống của bạn là ánh chớp, thì cái chế là nền mây đen. Nếu không có đám mây đen, sẽ là một mất mát lớn lao cho cái ánh chớp này –nó sẽ không còn loé sáng lên được. Nếu đời sống bạn giống như muôn vàn tinh tú đang nhấp nháy trong đêm, thì cái chết giống như một đêm tối trời không trăng. Những ngôi sao kia vẫn còn đó trong ban ngày, nhưng bạn không thể nhìn thấy chúng vì thiếu bóng đêm. Chúng hiện hữu cùng nhau –cái này là chính diện, cái kia là khung nền. Khi cái kia trở thành chính diện, cái này lại trở thành khung nền.

Khi bạn đang sống, đời sống giống như là một ánh chớp hằn trên đám mây đen, một ngọn đèn trong đêm tăm tối. Khi bạn chết, cái bóng tối trở thành

chính diện và ánh sáng di chuyển vào khung nền. Bạn đi vào yên nghỉ, một sự yên nghỉ sâu xa. Cái chết là sự nghỉ ngơi cho đời sống. Từ cái chết mà bạn được tái sanh trở lại, trở lại mãi. Và từ sự sống mà cái chết xảy đến, xảy đến mãi. Chúng sóng đôi cùng nhau, một điệp khúc bất tận.

Đó là lý do tại sao mà ngôn ngữ bất lực trong việc diễn đạt cái nhất thể, cái bất nhị, *advaita* –nó không thể diễn tả được. Ngôn ngữ có tính luận lý –nó phải như thế. Nếu nó không mang tính luận lý, phi luận lý, nó sẽ lại trở thành vô nghĩa.

Một hôm Gurdjieff đang ngồi nghỉ và có một nhà báo tìm đến gặp ông ta. Ông là người chúa ghét những nhà báo. Bỗng dưng ông cất tiếng hỏi người đàn bà ngồi kế bên, "Hôm nay là thứ mấy?" Người đàn bà trả lời, "Thưa, thứ Bảy". Gurdjieff có vẻ rất hoang mang, "Sao lại có thể như thế được? Mới hôm qua là Thứ Sáu –làm sao mà hôm nay lại có thể là Thứ Bảy được?"

Người đàn bà cũng không khỏi bối rối –ông ta đang nói cái gì vậy? Nhưng bà biết rằng thỉnh thoảng Gurdjieff cũng phát ngôn những câu không có tính luận lý chút nào. Thế nhưng người ký giả này tưởng mình đang gặp một người khùng. Có phải là ông ta đang nói, "Làm sao mà hôm nay lại có thể là Thứ Bảy được khi ngày hôm qua là Thứ Sáu ? Sao lại như vậy được? Cho tôi biết!"

Người ký giả nghĩ rằng quả là điều vô ích khi nói chuyện với cái ông này. Ông ta có vẻ như khùng, và ông ta coi bộ cũng hung dữ nữa -đúng vậy, Gurdjieff làmột người da trắng to con cao lớn, khoẻ mạnh thực sự… Thế là người ký giả chuồn êm. Khi y bỏ chạy rồi, Gurdjieff liền cười lớn. Người

đàn bà nói với ông ta, “Sao ngài lại làm như thế với cái anh ký giả tội nghiệp này?” Ông ta trả lời, “Bởi vì anh ta dùng cái thời gian một cách vô ích và làm mất thời gian của tôi. Vì thế mà tôi phải nói ra một câu vô nghĩa lý. Nếu y không thể khoan dung được với câu nói này, thì chẳng có lợi ích gì cả -y sẽ chẳng bao giờ hiểu được tôi đang nói gì.”

Chân lý là phi lý. Chân lý là siêu luận lý –chân lý vượt ra ngoài những giới hạn và phạm trù của luận lý. Luận lý thì rất mực rõ ràng, dứt khoát. Nó giống như một cái hoa viên của người Anh - đối xứng, đâu vào đấy. Một bụi cây trồng ở bên này, một bụi cây khác đối xứng lại ở phía bên kia -rất mực cân đối. Cỏ phải được cắt, hàng rào cây phải được tỉa, mọi thứ phải sạch sẽ tươm tất, cân đối hài hoà.

Chân lý giống như một vườn Thiền… như cái hoa viên của tôi vậy. Mukta là người chăm sóc cái vườn của tôi –cô ấy khổ sở với cái vườn của tôi không ít. Cô ta luôn muốn làm cho nó sạch sẽ, cây cảnh cũng phải trồng cho thật cân đối. Cô ấy là người Hy Lạp. Cái tâm thức của người Hy Lạp rất mực luận lý -cứ xem các ông Aristotl, và Plato, v.v… thì biết. Bây giờ thì cô ấy ở đây làm việc cho một người rất là phi luận lý. Tôi cứ không ngừng bảo cô ấy, “Cứ việc trồng tùm lum, giống như cái rừng hoang vậy đó.” Lúc đầu, vào những lúc tôi không để ý, cô ấy đã đi vào ngôi vườn và khởi sự cắt xén cây cảnh. Bây giờ thì cô ấy đã ngưng lại rồi, tôi không còn thấy cô ấy đi vào vườn với cái kéo trên tay. Bây giờ thì cô ấy đã bắt đầu làm quen với chuyện sẽ để cho nó tự nhiên như thế.

Có một loại cây dại mọc lên và phát triển nhanh chóng trong khắp khu vuờn. Không ai để cho nó tồn tại trong vườn nhà mình vì lẽ nó sẽ làm tiêu hủy luôn cả toàn thể khu vườn. Tôi thì lại rất thích cái loại cây này, còn

Mukta thì gọi nó là "đồ quái quỷ," thế là bây giờ tên của nó là "đồ quái quỷ."

Chân lý giống như là một cánh rừng hoang. Không phải là một cánh rừng đơn thuần bởi vì người ta có thể trồng cây tạo rừng. Rừng hoang không do ai trồng cả, nó từ Thượng Đế -không đối xứng, không kế hoạch, không luận lý, không tam đoạn luận. Nó chỉ đơn thuần có mặt ở đó, với tất cả mọi bí ẩn của nó, -và bạn có thể lạc lối trong đó.

Tôi đã được nghe một câu chuyện kể về một vị đại thiền sư, một người rất yêu thích hoa viên cây cảnh. Ông ta cũng là một người làm vườn vô cùng xuất sắc. Vị hoàng đế đương triều cũng là một người học trò đã học hỏi từ ông tất cả mọi kỹ thuật để tạo nên một khu vườn xinh đẹp. Và vị hoàng đế đã chuẩn bị để xây dựng một hoa viên –sau ba năm học hỏi tất cả mọi thứ với vị thiền sư, ông ta đã bắt tay vào việc xây dựng một khu vườn ở trong hoàng cung. Ông ta đã thuê cả một ngàn nhân công làm vườn đến làm việc và giúp đỡ mình.

Sau ba năm, vị hoàng đế mời vị thầy mình đến thăm khu vườn. Đây chẳng khác gì một cuộc thi -nếu ông thầy gật đầu khen, "Tốt lắm", có nghĩa là vị hoàng đế vượt qua được kỳ thi. Nếu ông thầy lắc đầu nói, "Không được, phải đi học trở lại," thế là nhà vua phải đi học trở lại ba năm khác nữa.

Và rồi cái ngày trọng đại đã đến, ông thầy đến để duyệt xem công trình của người đệ tử. Vị hoàng đế vô cùng lo lắng - nhìn ông thầy ông ta lại càng lo lắng thêm, vì khuôn mặt của ông thầy toát ra một vẻ gì đó rất nghiêm trọng. Cuối cùng, tuy đó là một buổi sáng giá lạnh, nhưng vị

hoàng đế cũng toát cả mồ hôi ra khi thấy ông thầy chẳng hề nở một nụ cười, không hề nói lên một tiếng.

Vị hoàng đế lo sợ thật sự, và rồi đã thu hết can đảm cất tiếng hỏi: "Bạch thầy, sao thầy lại im lặng như thế? Sao thầy chẳng cười, nói gì cả? Chắc có những sai lầm căn bản nào đó với khu vườn này chăng?"

Ông thầy trả lời, "Vâng, có một điểm sai lầm căn bản." "Cái gì thế, bạch thầy?" Vị hoàng đế thắc mắc. Và rồi ông thầy giải đáp, "Trong khu vườn này người ta thấy rõ dấu vết của bàn tay con người quá. Thượng Đế, thiên nhiên vắng mặt ở đây. Con tính toán thật chi ly –cho nên con đã hủy diệt nó. Con rất mực luận lý, mọi thứ ở đây thật cân đối, sắp xếp đâu vào đó. Tất cả đều như phải theo một cái khuôn. Đó là sai lầm căn bản. Nên nhớ rằng, không có gì sai lầm, toàn hảo quá, chính là vấn nạn.

Chỉ có tâm con người mới tính toán rất mực chi ly. Thượng Đế không phải là một nhà toán học. Không như câu nói của người Hy Lạp được khắc ngay trên cánh cửa của học viện Plato, "Thượng Đế là nhà toán học. Trừ phi bạn hiểu biết về toán học, xin vui lòng đừng bước chân vào học viện này."

Thượng Đế không phải là nhà toán học, không có sự đối xứng trong Thượng Đế.

Thế rồi bạn có biết là ông thầy đã làm gì không? Ông ta bước ra khỏi khu vườn, gọi theo một số những người phu làm vườn, những người đã quét dọn và quẳng ra ngoài những chiếc lá khô và bảo họ, "Hãy mang những chiếc lá khô này trở lại."

Một khu vườn thiếu vắng những chiếc lá khô là một khu vườn chết. Chúng phải có mặt ở đó, chúng là một bộ phận không thể thiếu. Giống như đời sống không thể thiếu vắng cái chết, làm sao có những chiếc lá xanh mà lại không có những chiếc lá khô? Và rồi cơn gió tung những chiếc lá khô bay xào xạc trên mặt đất tạo ra âm thanh như một bản nhạc tuyệt vời đâu có khác gì những chiếc lá xanh trên cành? Rung động, nhảy múa… và đôi khi những chiếc lá khô tung bay nhảy múa trên mặt đất còn mang đầy thanh âm nhạc điệu hơn cả những chiếc lá xanh. Bởi vì những chiếc lá khô đang tự do. Những chiếc lá xanh vẫn còn đang bám chặt vào đời sống thế gian; những chiếc lá khô không khác gì những vị Phật.

Thế là vị thiền sư bước ra ngoài nhặt lại tất cả những loại lá khô đã bị liệng bỏ trước đây mang vào rải ra trên khắp cả khu vườn. Một cơn gió đến, những chiếc lá khô kia bắt đầu theo gió tung bay, và người ta thấy ông ta mĩm cười, "Bây giờ thì nó có vẻ hơi sống động một tí."

Đấy là phong cách của Thiền.

Ngôn ngữ thì rất mực luận lý –nó phải như thế, như một thiết yếu. Chân lý thì rất mực phi luận lý, rất bất cân đối. Nó không phải là một thứ tam đoạn luận, nó là thi ca. Nó không phải là bộ môn số học, nó là một ca khúc. Nó gần giống với tình yêu hơn là luận lý –đó là lý do tại sao ngôn ngữ không thể diễn tả được chân lý.

Bạn có thể diễn tả được tình yêu của bạn bằng tam đoạn luận? Nếu được, chắc là bạn sẽ phải làm theo kiểu cách như sau: Bạn đến gặp nàng và nói, "Cái mũi của em thật đúng chỗ, màu da của em thật tuyệt; tóc của em thật toàn hảo, thân thể của em rất cân đối, cái bụng của em chưa có phì ra, -thế nên tôi yêu em." Chắc nàng lúc đó sẽ kêu thét lên và gọi cảnh sát –làm sao

mà yêu được cái kiểu này! Bạn không thể yêu đương bằng tam đoạn luận; bạn không có nhu cầu đi đến một kết luận. Tình yêu là một bước nhảy, không phải là một cái kết luận. Khi bạn cấu trúc một cái tam đoạn luận, bạn nghĩ đến từng bộ phận –cái mũi, cặp vú, cái bụng, cái eo, đôi tay, cặp giò, móng tay, tóc, răng, màu da…-bạn nghĩ đến một ngàn lẻ một bộ phận.

Luận lý chỉ dẫn bạn đến bộ phận. Thế thì cái tổng thể đâu mất rồi? Đâu là nàng, đâu là người đàn bà cá biệt này? Nàng đâu phải là cái lỗ mũi, là tóc tai, là đôi tay, cặp giò? Nàng là một cái gì đó tuyệt vời hơn cả những bộ phận này tổng hợp lại. Bạn yêu nàng là yêu cái "tuyệt vời hơn" này, yêu cái tổng thể. Nếu bạn có yêu cái mũi của nàng là bởi vì bạn đã yêu nàng trước, rồi sau đó mới yêu luôn cái mũi của nàng –cái tiến trình này không hề đảo ngược. Bạn yêu nàng trước rồi sau đó mới yêu cái hàm răng của nàng -tiến trình này chẳng bao giờ thay đổi.

Luận lý kinh qua cái bộ phận, tình yêu kinh qua cái tổng thể. Chân lý thì rất gần với tình yêu –nó là một tuệ giác nhìn sâu vào tổng thể. Cái tổng thể này được gọi là Thượng Đế, là chân lý, là Đạo.

Ngôn ngữ là một phương trình đường thẳng, nó di chuyển trên một tuyến đường thẳng. Thế nhưng không có gì đi vào đời bằng những tuyến đường thẳng cả; sự sống cũng chuyển dịch trong những vòng tròn. Trái đất quay chung quanh mặt trời và cũng tự quay quanh chính nó trong môt vòng tròn. Thời tiết bốn mùa cũng luân phiên nhau trong một vòng tròn, muôn vì sao cũng quay quanh một vòng tròn và ngay cả sự sống cũng thế -tất cả vạn pháp đều quay trong một vòng tròn. Chỉ có luận lý, ngôn ngữ là di chuyển theo một đường thẳng.

Ngôn ngữ là một phương trình đường thẳng, còn hiện hữu thì không. Hiện hữu là vòng tròn. Bạn không thể vẽ đường biểu diễn của vòng tròn bằng đường thẳng. Đường thẳng đi trực tuyến, còn vòng tròn cũng có một đường thẳng nhưng được uốn cong, không bao giờ đi thẳng. Đường thẳng chỉ là một sản phẩm sáng chế của bộ môn hình học, nó không hề hiện hữu. Euclid thì cho rằng đường thẳng hiện hữu, thế nhưng bây giờ một bộ môn hình học mới được gọi là phi-Euclid xuất hiện, cho rằng không hề có cái gọi là những đường thẳng, nó không hề hiện hữu.

Làm thế nào để bạn vẽ một đường thẳng? Nếu bạn đang ngồi trên sàn nhà này và vẽ một đường thẳng, nó sẽ không bao giờ thẳng cả -bởi vì quả đất tròn. Thế nên nếu bạn cứ tiếp tục vẽ mãi, kéo dài cái đường thẳng đó ra, cho đến một ngày bạn sẽ thấy rằng nó biến thành một cái vòng tròn. Thế nên lúc ban đầu còn nhỏ, nó trông giống như một đường thẳng, mà thật ra không phải vậy, nó là một cái vòng cung, một phần tử của một cái vòng tròn lớn. Bạn đã không hề biết -cứ tiếp làm cho nó trở nên lớn hơn, lớn hơn mãi, cho đến một ngày bạn sẽ thấy nó biến thành một cái vòng tròn. Tất cả mọi đường thẳng cuối cùng đều trở thành một vòng tròn -thế nên tất cả mọi đường thẳng đều là thành phần của một vòng tròn. Thế nhưng cái luận lý vòng tròn hoàn toàn khác biệt với luận lý đường thẳng. Luận lý đường thẳng cứ tiếp tục tiến triển, tiến triển mãi. Một tiến hoá không ngừng; không hề biết đến con đường xoắn ốc.

Đó là lý do tại sao tại phương Tây, những tôn giáo phương Tây có ý niệm về sáng tạo nhưng không có bất kỳ ý niệm nào về hủy diệt. Thượng Đế của họ chỉ biết sáng tạo thôi –và rồi sau đó? họ bị dính cứng vào. Nó cứ tiếp tục mãi không ngừng. Đây là điều tuyệt đối sai lầm, bởi vì không có bất cứ cái gì cứ tiếp tục mãi muôn đời; đến một ngày nào đó nó sẽ phải ngưng nghỉ.

Tại phương Đông, Thượng Đế sáng tạo và Thượng Đế hủy diệt. Một ngày nào đó thế gian này xuất hiện; một ngày nào đó nó lại biến mất đi. Cái quá trình của hàng triệu triệu năm này được gọi là một ngày của Thượng Đế - "ngày của Đại Phạm Thiên". Và ông ta vừa là người sáng tạo, vừa là người hủy diệt. Tuy nhiên, tâm thức của người phương Tây không bao giờ có thể nghĩ rằng Thượng Đế lại là người hủy diệt; điều đó cũng phù hợp với luận lý thôi -người sáng tạo không thể là người hủy diệt.

Thế nhưng tại phương Đông chúng ta có một hiểu biết sâu sắc hơn, chúng ta có một trực giác bén nhạy đối với cái tổng thể. Thế nên, đúng như vậy, người sáng tạo đồng thời cũng phải là người hủy diệt -nếu không sẽ chẳng bao giờ có cái chết mà chỉ toàn sự sống. Và cũng sẽ chẳng hề có hận thù, chỉ có thương yêu; sẽ chẳng bao giờ có phiền muộn mà luôn luôn chỉ có hạnh phúc. Không hề có chuyện như thế. Tất cả cái gì có sinh đều có tử.

Thế nên ngay cả toàn bộ hiện hữu này, nó đã được sanh ra vào một thời điểm nào đó và rồi một ngày nào đó nó cũng sẽ bị hoại diệt. Chỉ ở phương Đông chúng ta mới có cái ý niệm –với tiến hoá, chúng ta còn có ý niệm về tiến trình xoáy trôn ốc. Tất cả không phải là một sự tiếp tục đều đặn mà luôn luôn tiến hoá –cùng với tiến hoá đồng thời cũng có sự nghịch hành. Bạn có thể quan sát và nhận ra điều này: một mặt này bạn tiến hoá, ở mặt khác bạn nghịch hành. Khi một người trở nên rất mực giàu có thì nội tâm của y lại rất mực nghèo nàn. Khi một người có trong tay tất cả, ở bên trong y bắt đầu cảm thấy mình không có gì cả. Tiến hóa và nghịch hành như thế luôn luôn tay trong tay sóng đôi cùng nhau. Khi một người từ bỏ tất cả, bỗng dưng y cảm thấy mình trở thành chủ nhân của chính sinh thể mình. Kẻ ăn mày trở thành hoàng đế, hoàng đế trở thành kẻ ăn mày.

Đời sống rất mực nghịch lý –nó không phải là một đường thẳng, nó không phải là luận lý học. Và bởi vì sự hiện hữu của ngôn ngữ với cấu trúc đường thẳng của nó, thời gian được tạo ra bao gồm quá khứ, hiện tại, tương lai. Thực ra không hề có quá khứ và tương lai mà chỉ có hiện tại. Tất cả đều là vĩnh cửu. Hiện hữu không hề có quá khứ lẫn tương lai. Hiện hữu sống trong vĩnh cửu, trong thời gian vô tận; luôn luôn *ngay bây giờ*.

Như vậy, làm thế nào để diễn tả được cái "*ngay bây giờ*" này? Vô phương - bởi vì ngôn ngữ của chúng ta chỉ chuyển tải cái ý niệm về quá khứ và tương lai. Cái hệ thống ngôn ngữ này được tạo ra bởi cái ký ức của chúng ta, nó gắn bó với cái ký ức này. Bởi vì gắn bó chặt chẽ như thế, nó nghĩ đến quá khứ -ký ức chỉ chứa đựng quá khứ. Và khi nghĩ đến quá khứ đồng thời nó cũng nghĩ đến tương lai –tương lai không là gì cả mà chỉ là sự phóng chiếu lại những gì của quá khứ. Và trong cái khoảng cách giữa quá khứ và tương lai, hiện tại –chính là thực tại duy nhất- đã bị mất dấu.

Thượng Đế là hiện tại. Không ai nói "Thượng Đế đã là" –vì sẽ là một điều ngu xuẩn. Và bạn cũng không thể nói "Thượng Đế sẽ là" -điều này lại càng ngu xuẩn hơn. Bạn chỉ có thể nói "Thượng Đế là". Thượng Đế luôn luôn đang là –không hề có chuyện "đã" và "sẽ". Thượng Đế là như thị.

Cái như thị này được Thiền gia gọi là *"tathata"* –như như. Cái như như này không thể diễn tả được bằng ngôn ngữ. Ngôn ngữ chỉ làm công việc hủy diệt –nó sẽ phân chia cái như như này thành quá khứ, hiện tại, và tương lai. Và như thế vạn hữu sẽ biến mất ngay lập tức –khoảnh khắc mà bạn đem cái tổng thể của một cái gì đó ra phân chia, bạn đã hủy diệt nó.

Tôi có thể chỉ cho bạn thấy một đoá hồng tuyệt đẹp, và bạn có thể lột từng cánh hoa ra để nhìn vào bên trong –tìm kiếm xem cái gì đã làm cho nó sống

động như thế? Thế nhưng như vậy bạn đã huỷ diệt đoá hoa rồi. Bạn có thể tìm đến một nhà hoá học, ông ta có thể phân chất cho bạn tất cả các hoá chất đã cấu tạo nên đoá hoa, bạn có thể biết được tại sao và cách nào mà nó toả hương, cái gì đã làm cho mùi hoa hồng trở nên tuyệt diệu như thế. Bạn cũng có thể biết được tại sao nó có màu đỏ, màu vàng, màu nhung đen; bạn có thể tìm ra tất cả những thành phần cấu tạo của nó. Tuy nhiên bạn không thể tìm ra được một điều duy nhất và có ý nghĩa nhất: nét đẹp tuyệt vời của nó. Bạn có thể mang các thành phần hoá chất cấu tạo nên đoá hoa bỏ vào những chai lọ khác nhau –dán nhãn hiệu, cân đo, phân loại- nhưng rồi vẫn sẽ có một cái lọ trống, cái lọ mang nhãn hiệu "nét đẹp tuyệt vời". Nét đẹp này bạn không thể tìm ra bằng phân tích, nó toát ra từ tổng thể. Chân lý cũng thế, nó chỉ là của tổng thể.

Ngôn ngữ là đường thẳng, chân lý là đồng bộ. Nó như thị và đồng bộ như là bạn đang có mặt ở đây cùng với cỏ cây, chim chóc, mây trời, tinh tú -cả vạn hữu đều có mặt trong cùng một khoảnh khắc này. Không hề có chuyện bạn có mặt trước rồi đến cỏ cây, mây trời, tinh tú… Tất cả đều hiện hữu một cách đồng bộ. Thế nhưng khi bạn viết một bài văn luận bàn về chúng, sự có mặt đồng bộ này sẽ không còn. Trước tiên bạn sẽ nói đến những con người tụ họp ở đây, rồi bạn miêu tả đến ngoại cảnh, cỏ cây, mây trời, tinh tú, những cái xa xôi nhất -từng tí một bạn miêu tả, tuần tự bạn xếp chúng vào hàng. Và rồi vạn hữu có mặt theo thứ tự, cái thứ nhất, cái thứ hai, cái thứ ba –chúng sắp hàng nối đuôi nhau khởi sự đi vào hiện hữu.

Hiện hữu không phải là đứng sắp hàng nối đuôi mà là một toàn bộ cùng nhau. Đó là lý do tại sao nó không thể được diễn tả bằng ngôn ngữ.

Cuối cùng, ngôn ngữ chỉ là một tiếng vọng, một sự phản chiếu trong tấm gương soi, một cái bóng. Làm thế nào mà nó có thể diễn tả được chân lý?

Ngôn ngữ giống như một bản thực đơn -bạn có thể đọc nó nhưng nó không phải là thực phẩm, bạn không thể xơi luôn cả cái bản thực đơn này. Bản thực đơn chỉ có thể làm được một việc, nó làm cho bạn thèm ăn -thế nhưng nó không thể thoả mãn sự thèm ăn của bạn.

Những lời dạy của một vị thầy có thể tạo cho bạn sự khao khát về Thượng Đế, thế nhưng nó không thể thoả mãn cơn đói tìm cầu Thượng Đế của bạn. Kinh điển có thể kích thích lòng cầu đạo trong bạn nhưng nó không thể thoả mãn được lòng tham cầu đó. Ngôn ngữ có thể thách thức bạn, nhưng nó chỉ có thể làm được như thế -bởi vì một từ ngữ chỉ là một cái bóng. Cái từ "lửa" không phải là lửa, cái từ "đồ ăn" không phải là đồ ăn, và cái từ "thượng đế" cũng thế -nó không phải là Thượng Đế.

Đó là lý do tại sao các vị Thiền sư chọn phương cách bất lập văn tự. Có lúc vị Thiền sư hét lên một tiếng. Ông ta sẽ thốt ra một âm thanh vô nghĩa, chỉ là một tiếng thét, không bao hàm một ý nghĩa gì cả. Có lúc ông ta sẽ cười lớn: Ha, ha, ha! Có khi ông ta sẽ la khóc, nước mắt sẽ trào ra, chảy dài trên đôi má. Hoặc giả có lúc ông ta ngồi yên lặng bất động, không làm gì cả. Cũng có khi ông ta đánh đập, xô, liệng người môn sinh của mình.

Vị Thiền sư đã cố gắng tìm phương cách vô ngôn để kích động bạn, đưa bạn vào chính cái thực tại đang bao quanh mình. Thế nhưng cái đầu của bạn bị mê mờ lạc lối. Có không biết bao nhiêu những đám mây đen của ngôn ngữ, của lời nói, của triết học chạy lòng vòng trong cái đầu của bạn làm cho nó trì trệ, mụ ra. Bạn cần ai đó hét lên một tiếng. Bạn cần ai đó đánh một cú thật mạnh để ít nhất, chỉ trong một khoảnh khắc ngắn, bạn bừng tỉnh ra khỏi cơn mê.

Một vài điều cần được nói thêm. Các vị Thiền sư thường bảo: "Dùng đến ngôn từ cũng chẳng khác gì đánh vào mặt trăng bằng cái gậy hay là gãi ngứa ngoài giày." Tôi thích cái cách ví von này. Chứ còn gì nữa? Chân bạn đang ngứa mà cứ tiếp tục gãi ngứa ngoài giày thì nó có giúp ích được gì cho bạn đâu? Nhưng đó là điều mà chúng ta đang làm, chỉ gãi chiếc giày. Cái ngứa thì nằm ở chỗ khác. Chúng ta phải đi thẳng vào thực tại. Ngay cả một lớp da mỏng nhất của chiếc giày cũng đủ để ngăn cản việc gãi ngứa. Ngôn ngữ lại là một lớp da dày cộm.

Ánh trăng đêm từng đêm
Phản chiếu trên dòng suối
Dù cố gắng để tìm
Bạn không hề thấy được
Dù chỉ là cái bóng
Nơi suối chạm mặt trăng.

Đây là những lời dạy của một vị Thiền Sư, Takuan. Ông ta cho rằng ngôn từ cũng giống y như thế -bạn cứ tiếp tục lắng nghe, và lắng nghe đến bao nhiêu lần đi nữa nhưng khi bạn cố gắng để tìm ngôn ngữ chạm vào bạn ở nơi nào, bạn không thể tìm ra dù chỉ là một cái bóng. Bạn cần đến một cái gì khác, một cái gì đó làm trung gian, một cái gì đó cụ thể hơn.

Đã có một giai thoại rất tuyệt vời về cuộc đời của vị đại Thiền sư Lâm Tế (Rinzai), như sau:

Thiền sư Lâm Tế gặp gỡ một nhóm ba du tăng thuộc một tông phái Phật giáo khác, và một trong những vị tăng này đã lên tiếng chất vấn vị Thiền

sư, "Dòng sông Thiền sâu đến cỡ nào?" Ý niệm liên hệ đến dòng sông được khởi dậy khi sự đối luận giữa họ xảy ra trên một chiếc cầu. Thiền sư Lâm Tế nổi tiếng là người phản ứng trực tiếp nhanh chóng, trả lời ngay, "Ngươi tự tìm hiểu lấy," và định quẳng người tham vấn đang đứng ở trên cầu xuống dòng sông.

Người tham vấn nêu một câu hỏi tuyệt vời: "Dòng sông Thiền sâu đến cỡ nào?" Thế nhưng khi bạn nêu lên một câu hỏi với một vị Thiền sư, bạn phải sẵn sàng chờ đợi bất cứ chuyện gì có thể xảy đến. Bởi vì vị Thiền sư không hề trả lời bằng những gì lấy ra từ trí nhớ của mình; câu trả lời của ông ta phóng ra ngay lập tức tại hiện trường. Họ đang đứng trên một chiếc cầu, đó là lý do tại sao câu hỏi được khởi dậy. Có thể là do bởi dòng sông mà vị khách tăng này đã muốn dùng nó như một ẩn dụ. Thế nhưng ông ta chắc là không hề biết rằng những vị Thiền sư thường không thích những chuyện ẩn dụ, họ sống với thực tại. Cái ẩn dụ sẽ mang chức năng như một chiếc giày –và thực tại là cái chân của bạn đang bị ngứa.

Thiền sư Lâm Tế trả lời "Ngươi tự tìm hiểu lấy," và định quẳng người tham vấn đang đứng ở trên cầu xuống dòng sông.

Chuyện này thì ngay cả Tiến sĩ Suzuki, người đã giới thiệu Thiền đến với phương Tây, người đã có một cống hiến vĩ đại cho nhân loại –trong suốt bảy mươi năm trời, chưa có ai làm công việc phục vụ nhân loại lớn lao như là Suzuki- cũng chỉ đưa ra lời bình về câu chuyện này như sau: "May mắn thay, hai ông bạn du tăng khác đã nhảy vào can thiệp, xin sự khoan hồng của vị Thiền sư, cứu vãn được tình huống xảy ra."

Như vậy, ngay cả Suzuki cũng đã phải hoảng kinh lên; chuyện này quả là đi quá xa điều mà người ta mong đợi. Tuy nhiên đối với tôi, hai ông tăng

nhảy vào can thiệp không phải là một chuyện may mắn. Điều tuyệt vời nhất là liệng ông tăng kia xuống sông -để ông ta nếm thử cái mùi vị của một dòng sông thực sự hơn là cứ mãi suy nghĩ về những ẩn dụ. Suy nghĩ về những ẩn dụ sẽ không giúp ích gì cho chúng ta cả. Tôi hoàn toàn không đồng ý với Suzuki, cho dù tôi rất ái mộ ông ta, nhưng vẫn không thể nào đồng ý với lời bình này. Ông ta cho rằng quả là điều may mắn khi hai ông tăng kia can thiệp kịp thời và cứu vãn được tình huống. Thực ra họ đã hủy diệt mất cái tình huống đẹp đẽ đáng lẽ phải xảy ra. Đâu có ai biết được – khi ông tăng này rơi từ trên cầu xuống giòng sông, ông ta sẽ hoát nhiên đạt ngộ. Bởi vì khi một bậc thầy như Lâm Tế định liệng một người nào đó xuống sông, ông ta không hề làm một chuyện vô nghĩa. Một người như Thiền sư Lâm Tế biết rõ mình đang làm cái gì; nhận thức một cách hoàn hảo tình huống đang xảy ra.

Có không ít những người chỉ tỉnh thức khi nào họ đối mặt với cái chết – ngoài ra họ chẳng bao giờ có thể thức tỉnh được. Có không ít người sẽ chỉ thức tỉnh khi nào tử thần hiện ra đứng sừng sững trước mặt họ. Đối với tôi, quả là điều bất hạnh khi hai vị tăng kia nhảy vào can thiệp và xin khoan thứ. Cái ông học tăng khốn khổ này đã đánh mất đi một cơ hội bằng vàng. Cơ duyên đại ngộ đã gần kề. Thực ra, một người như Thiền sư Lâm Tế chẳng bao giờ tính chuyện liệng bất cứ ai hay tất cả mọi người, ông chỉ tính quẳng ai đó xuống sông khi nào mà ông ta thấy được cái khả năng, cái tiềm năng có thể giác ngộ y.

Đây là cách thế mà Thiền giải quyết những tình huống, vấn nạn, thách thức.

Một giai thoại Thiền học khác.

Một học tăng vừa mới trở về sau một chuyến du phương xa chỉ để khám phá ra rằng đứa con trai nhỏ của mình vừa mới qua đời –và lúc này thì đám tang đang đi ngang qua làng. Sự kích động và khổ đau cùng cực trước khám phá này đã làm ông muốn phát điên, tay vung thanh gươm lên chạy bổ vào làng. Ông ta nhào đến nơi tang lễ đang tiến hành với vị của thầy mình đang đi dọc theo chiếc quan tài.

Ông ta đưa thanh gươm lên sẵn sàng bổ xuống vị thầy và la lớn: "Bây giờ ông có thể nói lên một lời nào không?"

Bây giờ là một phong cách khác của Thiền gia. Họ bảo rằng, "Bây giờ ông có thể nói lên một lời nào không? Một lời có thể giải quyết được cái vấn nạn mà tôi đang đối đầu? Đứa con trai của tôi đã chết, đứa con mà tôi cực kỳ thương yêu. Bây giờ ông có thể nói lên một lời để giải quyết cái vấn nạn này không?" Và y đến với một thanh gươm, đang giơ cao thanh gươm lên trước mặt vị thầy, và hét lên, "Bây giờ ông có thể nói lên một lời nào không? Một lời nào đó để tôi có thể nhìn suốt vào cái vấn nạn này, kinh qua cái vấn nạn này, giải quyết được nó?"

Ông thầy lẳng lặng giở nắp chiếc quan tài và bảo, "Nhà ngươi có thấy không, ta không có gì để dấu ngươi cả -ngay cả cái này."

Thật là một ông thầy vĩ đại. Mở nắp chiếc quan tài và bảo, "Tới đây! Ngươi có thấy không?" Xác chết của đứa con yêu. Cái chết -chết trẻ, chết còn tươi rói. Cái chết rất mực sống động. Bởi vì khi một đứa trẻ chết, cái chết thật là trẻ trung, tươi tắn. Rất mực sinh động. Bạn có thể nhìn thấy cái chết rõ hơn trên khuôn mặt của một đứa trẻ hơn là một người già. Khi một người già

qua đời, cái chết của họ cũng rất già nua. Nhưng khi một người trẻ qua đời, cái chết rất mực trẻ trung và tươi tắn như một bông hoa

Ông thầy mở chiếc nắp hòm và bảo, "Nhà ngươi có thấy không, ta không có gì để dấu ngươi cả -ngay cả cái này! Ta đã nói về sự sống và đã giúp ngươi nhìn rõ sự sống. Bây giờ là cái chết. Mà không phải ngay cả chuyện này –Ta đã không hề dấu diếm ngươi bất cứ điều gì cả. Không bao giờ, tất cả mọi chuyện đều được phơi bày. Ngươi đã biết sự sống –bây giờ ngươi biết thêm cái chết. "

"Đúng thế, đúng thế," vị tăng sĩ trả lời, nỗi đau đã phơi trải ra tất cả những gì được dấu kín lâu đời trong y.

Cái gì đã bị chôn dấu? Nỗi đau đã phơi bày ra cái gì? Vị thầy đã làm điều gì khi mở nắp chiếc quan tài để chỉ cho ông ta thấy cái xác chết của đứa con yêu? Ông ta đã làm gì vậy?

Người học tăng này đang đau đớn đến điên cuồng; y sẵn sàng để giết người hoặc bị người giết. Y đang thịnh nộ, nổi khùng, khi vung lên chiếc gươm trần trong tay. Chắc chắn là y đã bị dính mắc gắn bó chặt chẽ với đứa con; đứa con là nguồn sống của y. Y không còn bình tĩnh nữa. Thế nhưng cái khuôn mặt giá băng của cái chết mang y trở về với thực tại, và y có thể thấy được cái vướng mắc của mình. Và y cũng có thể nhìn rõ một điều rằng không phải là y đang buồn lo vì đứa trẻ và cái chết của nó –y đang buồn lo về cái dính mắc của chính mình, cái sở hữu của chính mình. Cơ bản là y đang buồn lo về cái chết của chính mình. Cái chết của đứa bé cho thấy một điều rằng, mọi người rồi sẽ chết, rằng bạn có thể ngả lăn ra

chết bất cứ lúc nào –ngay cả một đứa trẻ cũng có thể tan biến vào cõi chết, huống gì là bạn?

Tất cả những điều này đã được bộc lộ ra qua cái chết tươi tắn, lặng yên, lạnh giá đó. Đời sống thì ấm áp, cái chết thì lạnh giá. Tuy nhiên cái chết cũng sống động như là sự sống.

Và rồi ông thầy bảo, "Nhà ngươi có thấy không, ta không có gì để dấu ngươi cả -ngay cả cái này." Tiếp theo đó là một thực chứng lớn lao, một đại ngộ: "Đúng thế, đúng thế," vị tăng sĩ trả lời, nỗi đau đã phơi trải ra tất cả những gì được dấu kín lâu đời trong y.

Những vị Thiền sư rất mực thẳng thắn, rất mực bén nhạy. Không ai có thể tiên đoán được những câu trả lời của họ, bởi vì họ không hề phản ứng. Ở đây không phải là một sự phản ứng, không phải là một câu trả lời được sửa soạn. Cái tình huống này rất mực mới mẻ, có thể là nó chưa hề xảy ra một lần trước đó, và có thể là nó cũng sẽ không bao giờ xảy ra sau này. Không có cái gì được lặp lại. Nếu bạn đang sống thực sự, sống một cách đáp ứng, tự phát, thì sẽ không có gì trong đời sống này là một sự lặp lại. Mỗi một tình huống đều có lời giải đáp riêng của chính nó.

Đây không phải là một câu trả lời được tập dượt trước. Vị thầy mở nắp chiếc quan tài –đây là một hành động rốt ráo của trách nhiệm.

Hãy lắng nghe thêm một giai thoại Thiền học khác, rất mực thù thắng.

Một số khách quan bất ngờ đến viếng thăm tu viện và vị tăng phụ trách trai soạn được báo cho biết để sửa soạn thêm thức ăn … Và cái ông đầu bếp này không phải là một người thường; ông ta đã chứng ngộ…

Thế là ông ta bắt tay vào công việc một cách nhanh chóng, thế nhưng khi hái nhặt rau cỏ một cách vội vã như thế, ông ta cũng vơ luôn theo cả một con rắn. Trời đã chập choạng tối, vị tăng thì đã già, ông ta không thể nào thấy rõ, nhất là trong lúc hối hả như thế. Khách khứa đã đến, tất cả mọi thứ đều phải được sửa soạn ngay lập tức. Thế là trong lúc cắt rau cải, trong mớ rau cải đó có luôn cả con rắn.

Chop, chop, chop, con dao của ông xắt liên tu bất tận, không để ý đến chuyện có một sinh vật cũng đã được bỏ vào nồi canh. Giữa buổi ăn, vị tăng phụ trách trai soạn bỗng được mời lên gặp vị viện chủ, để chỉ cho ông ta thấy cái đầu rắn đang được kẹp giữa hai ngón tay.

Một điều ngẫu nhiên mà cái đầu rắn được múc vào cái bát của vị viện chủ, thế nên ông ta đã kêu vị tăng phụ trách trai soạn chỉ cho thấy cái đầu rắn đang được kẹp giữa hai ngón tay mình. Bạn có biết vị thầy viện chủ nói cái gì không? Ông ta bảo, “Bây giờ ông có thể nói lên một lời nào không?”

Nhanh như một ánh chớp, ông đầu bếp chộp lấy cái đầu rắn từ tay vị viện chủ, bỏ vào miệng, vừa nhai vừa nói, “Ô. Cảm ơn thầy. Cảm ơn thầy,” xong nhanh chóng rời khỏi trai phòng.

Đây là phong cách đáp ứng của Thiền. Có gì để nói ra ở đó? Ông đầu bếp này phải là một người rất mực hiếm có. Thật là một trả lời tuyệt diệu! Đây là một trả lời rốt ráo -thẳng băng, chóng vánh. Và bất cứ lúc nào mà bạn thẳng băng như thế, câu trả lời của bạn không phải chỉ là một câu trả lời,

mà thể hiện tính trọn vẹn của bạn –hành động như là một nhất thể, toàn bộ.

Ở đây không hề có một giây phút lưỡng lự; không hề có một khoảnh khắc nghi ngại, không hề có một tí ti cảm giác phạm tội. Cũng chẳng có sự xin lỗi xin phải, tuyệt nhiên không. Và câu trả lời xảy ra chỉ trong một sát na, trong một chớp mắt -bởi vì nếu bạn ngưng lại một tí thôi, niệm dấy lên, câu trả lời sẽ không còn là một đáp ứng với tình huống nữa. Bởi vì thông qua niệm, quá khứ sẽ nhảy vào, và rồi trí nhớ, ký ức. Bạn sẽ khởi sự tìm kiếm – "Làm cái gì đây? Phải nên trả lời như thế nào đây?" Cái khoảnh khắc mà bạn nghĩ rằng, "Phải nên trả lời như thế nào đây?" bạn đã bị trễ tàu. Không chừng cái ông tăng đầu bếp này sẽ bị đánh đòn vào ngày hôm đó, không những bị đòn đau mà ông ta còn có thể bị trục xuất ra khỏi tu viện nữa.

Thế nhưng ở đây chúng ta có một phản ứng tuyệt vời, một hành động rốt ráo, trọn vẹn -ông ta lập tức chộp lấy cái đầu rắn từ tay vị viện chủ, bỏ vào miệng, vừa nhai vừa nói, "Ô. Cảm ơn thầy. Cảm ơn thầy," làm như mình đã được ban thưởng cho một cái gì đó. Đây là phong cách trả lời của Thiền.

Bây giờ ta đi vào nội dung của đoạn kinh trong ngày.

Vị thiền sư lên toà giảng pháp
trước đám đông tìm cầu giác ngộ,
Ông chỉ nói một câu ngắn gọn:
"Ha! Ha! Ha! Cái gì thế này?
Hãy về phòng và uống trà đi."
Xong bước xuống, ông ta bỏ đi.

Rất ngắn, nhưng thật sâu sắc. Nó sắc bén như lưỡi gươm trần –nó có thể cắt bạn ra đến tận cùng cốt lõi.

Vị thiền sư lên toà giảng pháp … Trong Thiền, "giảng pháp" có nghĩa là khiêu chiến, là thách đố. "giảng pháp" có nghĩa là đánh thức bạn ra khỏi giấc ngủ dài.

"Giảng pháp" có ý nghĩa giống hệt như những gì mà Chúa Giêsu đã làm khi Lazarus chết. Lúc đó Chúa đang ở rất xa và những người chị của Lazarus đã gởi một người đưa tin đến báo cho biết. Chúa Giêsu liền hối hả đi nhanh vào làng -thế nhưng khi Chúa đến thì ba ngày cũng đã trôi qua rồi. Cái xác chết của Lazarus đã bắt đầu bay mùi. Tuy nhiên họ đã bảo quản thể xác của Lazarus trong một cái hang động và vẫn còn chờ đợi Chúa Giêsu. Chẳng còn mảy may hy vọng nào nữa –làm sao mà một cái xác chết đã ba ngày có thể sống lại được? Và rối họ bắt đầu than khóc khi Chúa Giêsu xuất hiện, "Thầy ơi, Thầy đã đến quá trễ rồi." Và mọi người đều biết Lazarus là một trong những môn đồ được Chúa rất mực thương yêu.

Chúa Giêsu phán, "Đừng than khóc nữa. Hãy đi với ta, hãy theo ta." Và tất cả đều đi đến cái hang động nơi chứa xác của Lazarus. Lúc này Chúa Giêsu đứng ở ngoài hang động và gọi lớn, "Lazarus! Hãy ra đây!" Không ai tin rằng có ai đó sẽ bước ra. Thế nhưng không có ai tin vào đôi mắt của mình cả, bởi vì họ đã thấy Lazarus từ trong hang động bước ra - loạng choạng và vấp té một tí như người đang ở trong trạng thái hôn mê nặng.

Đây là pháp ngôn: "Lazarus! Hãy ra đây!" Một lời kêu, một sự kích động, một thách đố.

Vị thiền sư lên toà giảng pháp
trước đám đông tìm cầu giác ngộ …

Và đối với những người đang tìm cầu giác ngộ, vị thiền sư phải nói với họ ở đó cái gì đây? Không có gì có thể diễn tả được sự giác ngộ. Bạn có thể bị kích động để trở thành giác ngộ, bạn có thể bị đẩy, bị quẳng vào đó -thế nhưng có thể nói cái gì về nó đây? Vô ngôn.

… *Ông chỉ nói một câu ngắn gọn* … thế nhưng cái cung cách giản đơn này – cái cung cách:
"Ha! Ha! Ha! Cái gì thế này?
Về hậu liêu và uống trà đi."
Xong bước xuống, ông ta bỏ đi.

Ông ta đang nói cái gì vậy? Ông ta đang chỉ ra cho đại chúng cái gì? Ông ta đang nói lên điều gì qua vô ngôn?

Ludwig Wittgenstein, một trong những triết gia vĩ đại nhất của thời đương đại, đã từng nói … ông ta rất mực bị ấn tượng bởi Thiền, và rất nhiều những câu phát biểu của ông đều mang phong vị rất Thiền, phẩm chất của Thiền. Một trong những phát biểu rất mực quan trọng của ông ta và rất có ý nghĩa khi phát xuất từ cửa miệng của một triết gia phương Tây là ở trong tác phẩm Tractatus Logico-Philosophicus, khi ông nói, "Cái gì không thể nói được bằng lời thì cũng đừng nên cố gắng."

Cái gì không thể nói được bằng lời thì cũng đừng nên nói làm gì cả. Ta nên giữ yên lặng. Đó là những gì mà vi Thiền sư này đang làm –không nói một lời nào cả, ông ta đang làm một cử chỉ nhỏ. Trước tiên, ông ta nói, "Ha! ha! ha!" Tức là ông ta đang cười, cười đến bể bụng. Chắc đây là một cú sốc đối với những người đang đi tìm cầu giác ngộ. Bạn không chờ đợi một chuyện như thế xảy ra, khi bạn bị ông thầy đối xử không được nghiêm túc chút nào.

Những người tìm cầu giác ngộ là những người rất mực đứng đắn, những khuôn mặt chảy dài nghiêm trọng. Còn ở đây cái ông này, đang ngồi ngất ngưởng trên pháp toà và cười cợt, "Ha! ha! ha!" Cái bài pháp gì vậy? Nhưng chớ vội ngạc nhiên, đây là một buổi giảng Thiền. Ông thầy đang cười vàocái chuyện phi lý là bạn đang nỗ lực đi tìm cầu giác ngộ. Giác ngộ không thể tìm cầu –đó là thông điệp của ông ta. Ông ta đang chế diễu đại chúng. Ông ta đang hàm ý rằng, "Mấy người thật khôi hài! Ha! ha! ha! Mấy người dở hơi quá, ngu xuẩn quá. Giác ngộ không thể tìm cầu, nó không phải là một cái gì đó cụ thể để mấy người chạy đi kiếm, đi tìm. Nó cũng không phải là một cái gì đó để mấy người vươn tới, đạt đến. Nó đã có sẵn ở đó. Và tất cả những gì cần đến là chỉ việc buông bỏ cái sự nghiêm trọng của mấy người đi. Mĩm cười lên một tí đi chứ."

Buông bỏ cái vẻ nghiêm trọng đi, buông bỏ luôn cái u mê đần độn của bạn. Và cũng đừng quên buôn bỏ luôn cái tâm lăng xăng kiếm tìm của bạn –cái tâm này phải rất mực nghiêm trọng, bởi vì niềm hy vọng của bạn đang nằm ở tương lai: một ngày nào đó khi bạn đạt đến, bạn sẽ cả cười. Và rồi ông thầy báo cho bạn biết, "Khỏi phải chờ đợi! Bạn có thể cười ngay bây giờ!"

Giác ngộ không phải là một cái gì đó đang nằm chờ sẵn ở tương lai, nó đã có sẵn ở đó trong bạn, nó đang sủi tăm lên –nó muốn trồi lên trên bề mặt, muốn đơm hoa kết trái, thế nhưng bởi vì bạn quá mức quan tâm đến chuyện kiếm tìm, đầu óc bạn tràn ngập bởi chuyện kiếm tìm, thế nên bạn đã không nhìn vào bên trong. Nó đã có mặt sẵn ở đó, còn bạn thì đang chạy đi tìm kiếm ở bên ngoài. Đó là ý nghĩa của tiếng cười "Ha! ha! ha!"

Nếu bạn hiểu được tại sao ông thầy đang chế diễu … người ta đến đây là để tìm kiếm đời sống tâm linh tín ngưỡng, tại sao ông thầy lại cười vào mặt họ? Tại sao ông ta đang cố tình làm cho họ cảm thấy mình xuẩn động? Thì bởi vì họ xuẩn động thật! Thượng Đế không thể được kiếm tìm, Thượng Đế ở ngay đây. Bởi vì bạn kiếm tìm, đó là lý do tại sao bạn lạc lối. Buông bỏ tất cả mọi sự kiếm tìm, buông bỏ tất cả mọi tham cầu, buông bỏ tất cả tương lai, hy vọng -thế rồi bỗng dưng bạn không còn có mặt ở đó mà chính là Thượng Đế.

Bạn hiện hữu trong sự kiếm tìm của bạn; tâm của kẻ thành đạt chỉ là cái ngã. Bạn muốn có tiền, bạn muốn thiền định, bạn muốn quyền lực, và rồi một ngày bạn muốn cả thiên đường –luôn luôn tham muốn một cái gì đó. Cái lòng tham muốn của bạn không bao giờ ngừng lại. Cái giác ngộ này, cùng sự tìm cầu giác ngộ, cũng là một đối tượng mới cho sự tham cầu. Thế nên không thể không bật ra tiếng cười. Vị thiền sư đã cười vào mặt họ, làm cho họ tỉnh thức: "Đừng có khôi hài như thế nữa."

Nếu bạn tìm đến một vị Thiền sư và hỏi rằng: "Tôi muốn biết Thượng Đế", ông ta có thể sẽ tống cho bạn một đạp và trả lời, "Hỏi cái kiểu gì mà ngu thế? Nhà ngươi đang là thượng đế mà! Làm sao mà một thượng đế lại cố gắng để trở thành một thượng đế được?" Cũng chẳng khác gì một trái xoài nêu câu hỏi, "Làm sao để tôi có thể trở thành một trái xoài?" Hay như cây

bách ngoài vườn kia băn khoăn, "Làm sao để tôi trở thành một cây bách?" Bạn sẽ trả lời với nó như thế nào đây? Dĩ nhiên bạn sẽ cười lên ha hả, "Ha! ha! ha! Thì mi đã là một cây bách rồi! Chứ là cái gì đây?" Đó chính là thông điệp của vị thiền sư, ông ta bảo: Bạn đang tìm kiếm cái gì thế? Tất cả những chuyện vô nghĩa này là cái quái quỷ gì vậy? Ngưng tìm kiếm đi, chỉ việc nhận ra nó. Đừng tìm kiếm gì cả, nhận ra nó thôi.

Picasso cũng đã nói một câu tuyệt vời, "Tôi không tìm kiếm gì cả, tôi chỉ nhận ra."

"Về hậu liêu và uống trà đi ..." Đây là một hình ảnh rất mực biểu trưng. Cái sự tìm cầu này, cái mong muốn để đạt đến một cái gì đó thực ra cũng chỉ là một thứ ngã tìm cầu, một nỗ lực của tự ngã để được đứng hàng đầu. Bạn muốn mình có một trương mục kếch xù lớn nhất thế giới; bạn muốn chường mặt ra phía trước, bạn muốn mình là người số một trên thế gian; bạn muốn trở thành một ông tổng thống, một ông thủ tướng; bạn muốn cái này muốn cái kia -tuy nhiên cái kiếm tìm căn bản là: Bạn muốn tất cả những người khác đều xếp hàng sau lưng bạn, bạn muốn là kẻ đứng ở đầu hàng. Bạn muốn mình là người số một trên thế giới -đẹp nhất, quyền lực nhất, giàu có nhất, kiến thức nhất. Cho đến một ngày bạn nhận thấy rằng đây là điều bất khả. Thế là bạn khởi lên cái ý niệm, "Bây giờ ta nên trở thành một ông Phật -một kẻ giác ngộ vào bậc nhất."

Thế nhưng đây cũng lại chỉ cùng một cái tâm khùng điên, nó tạo ra những tham cầu mới, những cơn mộng mới.

Và vị Thiền sư bảo đại chúng, "*Về hậu liêu và uống trà đi!"* Ông ta đang nói cái gì vậy? Ông ta hàm ý rằng: Hãy quên tất cả mọi nỗ lực để trở thành kẻ đứng hàng đầu. Hãy lui về đứng ở đằng sau đi.

Đó cũng là những gì mà Chúa Giêsu đã dạy: "Bất cứ những ai là người số một trong thế gian này sẽ là người cuối cùng vào được vương quốc của Cha ta. Và những ai ở tận cùng sẽ là kẻ bước vào đầu tiên."

Vị Thiền sư bảo mọi người, "*Về hậu liêu và uống trà đi!"* Trà là một biểu tượng -một ẩn dụ trong Thiền. Trà trở thành một ẩn dụ lớn trong Thiền bởi vì trà mang lại sự tỉnh thức. Nếu bạn uống quá nhiều trà, bạn sẽ bị mất ngủ. Nếu bạn đang buồn ngủ, bạn chỉ cần một tách trà là tỉnh ngủ ngay. Thế nên trà đã trở thành một hình ảnh tượng trưng, Và vị Thiền sư bảo mọi người, "*Về hậu liêu và uống trà đi!"* Có nghĩa là, hãy đứng ở đằng sau, hãy là người cuối cùng trên thế gian này, và hãy trở nên tỉnh thức! Như thế rồi các người sẽ tham dự cùng ta trong cái cười thỏa thuê "Ha! ha! ha!" này. Các người sẽ cười lớn trước cái toàn bộ xuẩn động phi lý này. Các người mất nó bởi vì các người đang kiếm tìm, đang nỗ lực để nắm bắt nó.

Cái khoảnh khắc mà bạn chấm dứt tham cầu, nó có mặt ở đó. Nhưng cũng có lúc bạn ngưng tham cầu mà nó không có ở đó. Chẳng hạn như lúc bạn đang ngủ ngon -bạn không còn tham cầu gì cả, nhưng nó không hề có mặt. Thế là bạn cần một tách trà rồi đó. Trong giấc ngủ say bạn không hề tham cầu, không nghĩ đến tiền bạc –ngay cả không nằm mơ nữa. Tất cả đều dừng lại, cái tâm ngưng nghỉ, thế nhưng bạn vẫn không thể đạt đến Phật quả. Tại sao? Trong giấc ngủ say, bạn trở thành một ông Phật hằng đêm. Thế nhưng bạn không nhận ra, bởi vì lúc đó bạn không hề tỉnh thức.

Thế nên hãy lui lại đàng sau và uống một tách trà. Và nhớ đừng có hỏi han chuyện giác ngộ là cái gì, làm thế nào để đạt đến, cũng đừng hỏi đến những phương pháp, kỹ thuật, triết lý làm gì.

"Cái gì thế này?" Vị Thiền sư cho rằng tất cả đều là vô nghĩa. Nói điều này *xong, bước xuống, ông ta bỏ đi*. Bài giảng của ông ta chấm dứt. Một bài giảng ngắn nhất –nhưng cũng là một trong những bài sâu sắc nhất.

Và bây giờ thì cũng đừng nên bắt đầu suy nghĩ về nó nữa! Đừng khởi sự suy nghĩ về nó, nếu không bạn sẽ làm rơi mất cái thông điệp. Hãy lui lại đàng sau và uống một tách trà đi.

CHƯƠNG 10

Cầu không nước chảy

> *Cho đến khi người Do Thái và Ả Rập và các bộ lạc khác mang cái ông Thượng Đế độc quyền chủng tộc và đầy ganh tị của họ vào phương Tây; Toamy, Bacchus, Mithros và Apollo đã là những thượng đế mà con người thờ phượng. Nữ thần Diana với cây cung và mũi tên của bà. Thor được thờ phượng tại phương Bắc, thần mẫu được thờ phượng tại phương tây. Thế rồi chết và phục sinh trở thành tôn giáo của phương Tây. Người ta được dạy dỗ về phạm tội và tội lỗi. Tại sao Adam là kẻ tội lỗi? Tại sao ông ta không giống như Theseus, Jason hay Hermes?(1) Ý niệm về tội lỗi phải chăng chỉ là một trò gạt gẫm? Có phải mục đích chỉ là để làm cho con người phải suy tưởng về nó?*
> *(Câu hỏi của Anand Mohammed)*

Tôi là một người đa thần. Đối với tôi, ngoài sự hiện hữu này ra, không hề có một ông thượng đế nào cả. Thượng Đế ở chính trong đời sống, không phải ở bên ngoài. Thượng Đế là chính ngay đời sống này. Sống cuộc sống này một cách toàn vẹn tức là sống một đời sống thiêng liêng. Sống cuộc

sống này một cách cục bộ tức là sống một đời sống phàm phu. Cục bộ là phi tôn giáo. Toàn bộ, nhất thể là thánh thiện.

Người hỏi đã đặt một vấn đề thuộc về quá khứ. Trong thời xa xưa, trên khắp thế giới, con người theo đa thần giáo -người ta thờ phượng mẹ thiên nhiên một cách giản đơn. Con người không hề có ý niệm về tội lỗi, không hề thắc mắc về chuyện phạm tội. Họ chấp nhận đời sống một cách tự nhiên. Không hề có chuyện đánh giá, không hề lý giải đời sống -luận lý chưa can thiệp vào.

Cái giây phút mà luận lý bắt đầu can dự, thế là bắt đầu có chuyện lên án, bắt đầu có chuyện phân ly, chia rẽ, và con người trở thành tâm thần phân liệt. Thế rồi bạn khởi sự lên án cái gì đó ngay chính trong con người mình – cái phần này trở nên cao hơn, cái phần kia bị hạ xuống thấp, và rồi bạn mất cân bằng.

Thế nhưng chuyện này bắt buộc phải xảy ra; luận lý bắt buộc phải có mặt; đây là một phần của sự trưởng thành. Nó xảy đến cho từng đứa trẻ, cũng như nó xảy đến cho toàn thể nhân loại. Khi một đứa trẻ sinh ra, nó là một kẻ đa thần. Nó hạnh phúc trong cách thế mà nó hiện hữu. Nó không hề có ý niệm về chuyện phải quấy. Nó không có những khuôn mẫu, thần tượng. Nó không có những tiêu chuẩn đánh giá, phán xét. Đói, nó đòi ăn. Buồn ngủ, nó lăn ra ngủ. Đó là những gì mà các vị Thiền sư thường hay nói đến - Ở đời muôn sự thả tùy duyên, Hễ đói thì ăn, mệt ngủ liền. Dòng đời cứ tự nhiên tuôn chảy, không can thiệp vào.

Mỗi một đứa trẻ được sinh ra như là một kẻ đa thần, thế nhưng không sớm thì muộn y sẽ đánh mất sự hồn nhiên đơn giản này. Đó là một phần của đời sống; và điều này phải xảy đến như là một bộ phận không thể thiếu

của sự trưởng thành, chính chắn, và đó là số phận của chúng ta. Đứa trẻ sẽ đánh mất nó và rồi sẽ tìm ra nó trở lại. Khi đứa trẻ đánh mất nó, y trở thành một con người bình thường, một con người thế tục. Khi y tìm lại được, y trở thành con người của tín ngưỡng, tâm linh.

Sự hồn nhiên của trẻ thơ là một món rất hời, một tặng phẩm đến từ Thượng Đế. Bởi không do công khó mà kiếm được, thế nên ta phải mất nó. Chỉ khi bị mất rồi ta mới bắt đầu nhận ra mình đã đánh mất cái gì. Thế là ta sẽ khởi sự đi tìm kiếm nó. Chính trong cái hành trình tìm kiếm này, kiếm được, đạt được, trở thành nó rồi –lúc đó ta mới nhận ra sự quý giá rất mực của nó.

Cái gì xảy đến cho một vị thánh? Không có gì khác xảy ra -Ông ta chỉ biến thành trẻ thơ trở lại, hồn nhiên trở lại. Ông ta đã trầm mình trong cái thế giới của luận lý, của phân chia, của bản ngã, của một ngàn lẻ một khuôn mẫu lý tưởng; ông ta hầu như đã muốn phát khùng lên với chuyện đánh giá. Thế rồi một ngày, khi nhận ra rằng mọi chuyện đều rất mực phi lý, ngu xuẩn, ông ta buông bỏ hết tất cả, trở về lại với hồn nhiên tuổi thơ. Tuy nhiên cái thời ấu thơ thứ hai này có giá trị bội phần hơn là thời ấu thơ thứ nhất. Tuổi thơ lần đầu của bạn là được trao cho, ngay cả bạn không hề đòi hỏi, nó thuần túy là một tặng phẩm. Và đã là tặng phẩm thì ta không thể đánh giá. Bạn chỉ đánh giá một cái gì đó khi bạn nỗ lực để có được, khi bạn phấn đấu để vươn tới, khi bạn phải trải qua một cuộc hành trình dài để đến đích.

Hãy nghe một câu chuyện của phái huyền môn Sufi: Một người đàn ông -một hành giả đang kiếm tìm chân lý- đến viếng một vị thánh Sufi và nêu câu hỏi, “Tôi đang đi tìm kiếm cho mình một vị tôn sư. Thưa ngài, tôi được

nghe rằng ngài là bậc thánh giả, ngài có thể cho tôi biết những đặc tính của một vị tôn sư như thế nào không? Làm sao để tôi phán đoán được? Ngay cả nếu tôi gặp một người như thế, làm sao tôi có thể biết được ông ta sẽ là vị thầy của mình? Tôi là kẻ mê mờ, chìm đắm trong vô minh, tôi không có một khái niệm nào về chuyện này cả. Và như người xưa đã nói, không thầy đố mầy làm nên, không có một vi thầy, không ai có thể tìm được Thượng Đế. Thế nên tôi đang tìm kiếm một ông thầy. Xin ngài làm ơn giúp tôi."

Vị thánh giả Sufi này nghe xong liền liệt kê ra một số việc và kết luận, "Đây là những đặc tính của một ông thầy. Ngươi sẽ tìm ra một ông thầy có cái phong cách như thế, có thái độ ứng xử như thế, ông ta đang ngồi dưới một cái cây như thế, bận y phục như thế và đôi mắt giống hệt như đôi mắt của ta đây."

Người đàn ông cảm ơn vị thánh giả và lên đường tìm kiếm. Ba mươi năm trôi qua, người đàn ông đã rảo chân trên khắp mọi miền trái đất nhưng vẫn không thể tìm ra ông thầy với những đặc tính đã được kể ra. Mệt mỏi, kiệt sức, phiền muộn, ông ta quay trở về cố hương và gặp lại vị thánh giả kia. Ông này bây giờ đã già lắm rồi, nhưng cái khoảnh khắc mà anh ta tìm đến… Ông già đang ngồi tĩnh tọa dưới cái cây năm xưa –và bỗng dưng y chợt nhận ra đây là cái cây mà ông già đã mô tả trước đây. Bộ y phục cũng đúng là bộ y phục mà ông ta đã nói đến. Và rồi đôi mắt kia, sự lặng yên đó, chính là những gì mà vị thánh giả đã miêu tả trước đây. Đây chính là một ân sủng, sự hiện diện của một vị thầy. Niềm vui oà vỡ trong lòng y."

Thế nhưng một câu hỏi to tướng cũng khởi dậy trong đầu. Y quỳ xuống, sờ chân vị thánh giả và hỏi, "Trước khi quy y với ngài, làm ơn cho tôi biết tại sao ngài đã hành hạ tôi suốt ba mươi năm như thế. Tại sao ngài không bảo tôi lúc đó, 'Ta chính là thầy của ngươi đây'?"

Ông già cười lớn, "Ta đã bảo ngươi, 'Ông ta sẽ ngồi ở dưới một gốc cây như thế'-và chính là cái cây này đây! Và ta cũng đã bảo ngươi, "Ông ta sẽ bận một bộ y phục giống y như vậy' –thì đó chính là bộ y phục mà ta đang bận đây! Ta chính là người đó, thế nhưng ngươi đã không đủ tỉnh táo. Ngươi đã không thể nhận ra ta –ngươi cần đến một cuộc hành trình ba mươi năm đi khắp chân trời góc biển, ngươi phải cần đến một nỗ lực như thế để nhận ra ta. Ta đã có mặt ở đây nhưng mà ngươi đã không có mặt ở đây.

Bây giờ thì ngươi cũng đã có mặt ở đây rồi và ngươi có thể nhận ra ta. Ta đã phải ngồi chờ đợi ngươi trong ba mươi năm. Đây không phải là vấn đề chỉ được đặt ra với ngươi, với một cuộc hành trình dài như thế. Hãy nghĩ đến tình huống của ta –ngày càng già nua đi, và ta có thể chết trước khi ngươi quay về. Ta đã không thay đổi bộ y phục đã bận trước đây, tránh trường hợp sợ rằng ngươi sẽ không nhận ra ta lần nữa –trong suốt ba mươi năm! Ta đã không hề rời khỏi gốc cây này trong nửa bước! Nhưng rồi ngươi đã đến. Cuộc hành trình khá lâu dài –nhưng đó là cách thế để cho con người tìm kiếm, khám phá."

Thượng Đế luôn luôn hiện hữu ở đây, thế nhưng chúng ta không hiện hữu. Một đứa trẻ phải bị mất hết dấu vết cỗi nguồn; y phải cần đến một cuộc hành hương trong suốt ba mươi năm. Mỗi đứa trẻ đều bị mất dấu vết của con đường mòn cũ, bị lạc lối. Nhưng do bởi lạc lối, do kinh qua khổ đau, y sẽ đạt đến sự tinh tế, trong suốt, sáng tỏ. Phải kinh qua cả một ngàn lẻ một thứ chuyện, y mới có thể bắt đầu tìm kiếm ra sự thật.

Cái hư vọng phải được truy nguyên. Cái hư vọng rất mực lôi cuốn, có sức thu hút quyến rũ như một thỏi nam châm. Thế nên làm thế nào mà bạn có

thể biết được cái chân thực nếu như không biết được cái giả trá hư vọng? Đứa trẻ nhận biết cái chân thực -thế nhưng nó chưa từng nhận biết cái hư vọng, thế nên y không thể xác định được cái chân thực. Đứa trẻ nhận biết Thượng Đế -thế nhưng nó chưa hề nếm trải thế gian, thế nên y không thể xác định được Thượng Đế. Mỗi đứa trẻ đi vào đời như một vị thánh, thế nhưng y phải trở thành một kẻ tội lỗi. Và rồi ta cần bước trở lại với tuổi thơ một lần thứ hai. Nếu bạn không đạt được cái tuổi thơ lần thứ hai này, cuộc đời của bạn sẽ bị lỡ làng.

Thế nên đừng có suy nghĩ, lo âu nếu như bạn đã đánh mất nó. Tất cả mọi người đều phải mất nó -điều này không phải là một vấn nạn. Vấn nạn chỉ xảy ra khi nào bạn cứ miệt mài đi mãi mà không bao giờ quay trở lại. Nếu người đàn ông kia cứ tiếp tục đi mãi đi hoài … ba mươi năm, ba mươi kiếp, ba trăm kiếp, ba ngàn kiếp … và không bao giờ quay về, không bao giờ đạt đến cái tuổi thơ lần thứ hai, thì như vậy thực sự đã có một cái gì đó không ổn.

Lầm lỗi -phạm sai lầm là chuyện thường tình rất người. Đó cũng là cách thế để học hỏi. Còn lạc lối -lầm đường lạc lối cũng là cách thế để trở lại quê nhà. Quên lãng Thượng Đế để bạn có thể tưởng nhớ về Thượng Đế. Chạy trốn Thượng Đế, để rồi một ngày khi khát vọng như ngọn lửa cháy bùng lên nung nấu, bạn sẽ phải tìm đến Thượng Đế … như một người đói khát.

Điều này cũng đã phải xảy đến cho nhân loại. Và bây giờ trên thế giới, đa thần giáo một lần nữa sẽ trở lại như một khẳng định lớn lao -con người bước vào thời thơ ấu thứ hai. Đó là lý do tại sao Thiền đã trở nên quan trọng và có ý nghĩa như thế; và mật tông –*tantra*- cũng là một lời mời gọi đầy ý nghĩa. Huyền giáo Sufi, giáo phái Hassid (2) bâygiờ còn quan trọng hơn cả Cơ Đốc, Hồi giáo, Ấn giáo, Phật giáo, Kỳ Na giáo -tại sao? Tại sao

lại Tantra? Tại sao lại Đạo? Tại sao lại Thiền? Tại sao lại Sufi, Hassid? Đây là những nhân cách đa thần –chúng tạo nên thời thơ ấu thứ hai.

Thế giới đang sẵn sàng; nhân loại ngày càng chín mùi hơn cho một thời đại mới -tuổi thanh xuân của loài người. Thời ấu thơ không còn nữa, chúng ta đã đánh mất nó, chúng ta đã trở nên tồi tệ. Thế nhưng đừng lo lắng bởi chuyện này –đó là cách thế để một người trở về lại với hồn nhiên tuổi thơ. Tuy nhiên cái thời ấu thơ thứ hai này có giá trị bội phần hơn là thời ấu thơ thứ nhất, bởi vì cái thứ hai này không thể bị mất mát. Cái thứ nhất phải bị mất đi, sẽ sắp sửa mất đi; không một đứa trẻ nào, cho dù là Đức Phật có thể nắm níu lại được. Không một đứa trẻ nào có thể cầm giữ nó lại; đó là bản chất của vạn hữu. Khi bạn được trao cho một cái gì đó –mà bạn không hề tìm kiếm, không hề đòi hỏi, ngay cả việc sẵn sàng để đón nhận nó…

Nếu bạn cho một đứa trẻ một viên kim cương, cho dù là một viên Kohinoor, nó cũng sẽ chơi đùa ít lâu rồi quẳng đi mất. Nó không hề biết đó là cái gì. Kohinoor cũng chỉ là Kohinoor, cho dù bạn có biết nó hay không. Kohinoor cũng chỉ là Kohinoor - biết hay không cũng không có gì khác biệt. Tuy nhiên đứa trẻ rồi sẽ liệng bỏ nó; không sớm thì muộn nó cũng chán mà thôi. Đó cũng chỉ là một viên đá -bạn chơi được với nó trong bao lâu? Cho dù nó có màu sắc sặc sỡ đi nữa, cho dù nó chiếu sáng lấp lánh … nhưng sẽ chơi được bao lâu?

Để cho cái viên Kohinoor này một lần nữa đi vào đời bạn, bạn cần phải có sự khát khao mong cầu nó. Bạn cần có cái cảm giác là mình đang mất mát một cái gì đó rất mực lớn lao -trong chính sinh thể mình. Bạn sẽ cần đến một khát vọng vô cùng. Tất cả mọi tham cầu khác đều phải trở thành thứ yếu, chỉ có Thượng Đế là cái khát vọng số một của bạn, khát vọng siêu tuyệt nhất. Thượng Đế luôn luôn ở ngay đây.

Nó xảy ra cho mọi trẻ thơ, nó xảy ra cho mọi xã hội, mọi nền văn minh, cho nhân loại nói chung. Thế nên đừng có lo lắng lắm về cái quá khứ Cơ Đốc của bạn –nó đã là cục bộ. Cơ Đốc hay những loại tôn giáo khác đều là những tôn giáo của con người ở giai đoạn giữa hai thời thơ ấu, thứ nhất và thứ hai. Họ chỉ biết làm công việc lên án. Họ kêu lên rằng bạn đã lạc lối: "Hãy quay về đi thôi!" Họ níu kéo bạn trở lại. Họ làm cho bạn sợ hãi. Họ mang đến cho bạn những khích động vĩ đại, rằng nếu bạn hồi đầu, bạn sẽ hưởng được những phần thưởng to lớn, những đải ngộ xứng đáng, trên thiên đàng. Còn nếu không, bạn sẽ bị quẳng xuống địa ngục. Hỏa ngục đang chờ đợi bạn, bạn sẽ bị thiêu đốt và khổ đau ở đó đời đời.

Đây là nỗi sợ hãi -tạo ra sự sợ hãi trong con người để họ quay bước trở lại. Thế nhưng từ nỗi sợ hãi đó, ngay cả nếu bạn trở về, thực ra bạn cũng chẳng bao giờ trở về. Bởi vì sợ hãi không bao giờ có thể biến thành thương yêu. Sợ hãi không thể được tiết giảm để biến thành thương yêu, không thể được biến đổi để trở thành thương yêu. Sợ hãi vẫn giữ y nguyên trạng, và từ đó khơi dậy hận thù.

Đó là lý do tại sao Cơ Đốc giáo đã tạo nên mối hận thù lớn lao đối với tín ngưỡng. Friedrich Nietzsche là một phó sản của niềm tin Cơ Đốc; nếu Nietzsche tuyên bố rằng Thượng Đế đã chết thì cũng chỉ là một phản ứng tất yếu đối với niềm tin Cơ Đốc mà thôi. Người ta đã quá đặt nặng vấn đề Thượng Đế, đến thiên đàng, địa ngục –cho nên phải có ai đó nói lên điều này. Tôi hoàn toàn tán đồng Nietzsche -phải có ai đó nói ra, "Thôi đủ rồi. Hãy chấm dứt đi cái chuyện vô nghĩa này! Thượng Đế đã chết. Con người hoàn toàn tự do" -bởi vì con người cảm thấy mình sống trong nô lệ ngục tù nếu bạn tạo ra sự sợ hãi.

Còn tham lam thì sao? Tham lam cũng là một loại ngục tù nô lệ. Bạn thử nhìn xem –thiên đàng, cực lạc, *firdaus* –thiên giới-, những ý niệm tương tự -chúng là cái gì vậy? Đó cũng chỉ là lòng tham, là dục vọng của con người. Trong cái cõi thiên giới -*firdaus*– của Mohammed, hình như các ông thánh Hồi giáo chẳng làm gì cả ngoài việc giao hợp. Những giai nhân sẵn sàng ở đó và rượu vang tuôn như suối chảy, tất cả những gì bạn cần đến đều sẵn sàng trong nháy mắt. Đặc biệt là tất cả những cô gái tuyệt trần này đều ở trong lứa tuổi mười sáu, không bao giờ lớn hơn.

Một điều còn tuyệt vời hơn nữa là: họ biến thành một cô gái đồng trinh trở lại. Bất cứ lúc nào một ông thánh giao hợp với một cô gái –nên nhớ rằng chỉ có những ông thánh mới đến được nơi đó -mỗi khi ông ta giao hợp xong, cô gái này sẽ biến thành đồng trinh trở lại. Đó là phép lạ của cõi thiên đàng Hồi giáo. Và các ông thánh của bạn đang làm gì ở đấy? Hình như chỉ để chè chén, một cuộc truy hoan bất tận. Và rượu tuôn như suối chảy… Ở đây thì bạn răn đe, "Tránh rượu, tránh đàn bà" -để làm gì vậy? Phải chăng là để nhắm đến rượu ngon và gái đẹp hơn ở cõi thiên giới kia? Điều này thì hình như không phù hợp luận lý chút nào.

Thế nhưng đây là cách thế mà người ta khích động –thông qua lòng tham, dục vọng của con người- để bạn quay trở về với họ. Hoặc là mang sự sợ hãi ra hù dọa: Nếu lòng tham không đủ để quyến rũ bạn thì là sự sợ hãi, là hỏa ngục -hỏa ngục đời đời. Bạn có làm gì đáng tội đâu, hỏa ngục đời đời xem ra thật bất công. Bạn bị quẳng vào địa ngục mười năm, cũng OK đi, cũng có thể hiểu được -hoặc giả mười lăm năm, hai mươi năm, năm mươi năm. Nhưng đời đời? Bạn đã không hề phạm tội đời đời ở thế gian này, thế thì tại sao lại bị trừng phạt đời đời? Có vẻ như quá đáng.

Thế nhưng đây không phải là trọng điểm; điểm chính yếu chỉ là để làm cho bạn sợ hãi. Sợ hãi và lòng tham của con người đã và đang là nền tảng của rất nhiều tôn giáo. Chúng chẳng giúp ích gì được cho ai cả, chỉ hủy diệt thôi. Chúng không hề có một hấp lực nào đối với những người can đảm, chỉ dành cho những kẻ hèn nhát –và khi mà một tên hèn nhát trở nên tín ngưỡng, tôn giáo đó chỉ là một loại hàng giả. Bởi vì một kẻ hèn nhát không thể trở thành một người tín ngưỡng; chỉ có những người can đảm –tín ngưỡng đòi hỏi một sự can đảm lớn lao.

Đó là một bước nhảy vào nơi vô định. Đó là một bước nhảy vào đại dương mênh mông không bờ bến mà không có hải đồ trong tay. Đó là sự buông bỏ hoàn toàn quá khứ để bước vào tương lai, vào bất ổn. Nó không thể được xuất phát từ sự hèn nhát.

Trong những đền chùa, trong những thánh đường Hồi giáo, trong những ngôi nhà thờ của bạn, những kẻ hèn nhát đã xúm lại cùng nhau. Họ run rẩy trong nỗi sợ hãi. Lòng họ chứa đầy tham dục –chìm đắm trong tham dục, nung nấu trong tham dục, kích thích bởi tham dục. Những con người tham lam và hèn nhát này không thể nào là những người có tín ngưỡng. Nền tảng của tôn giáo là gì? Đó là sự buông bỏ hoàn toàn tất cả những nỗi sợ hãi, tham đắm để bước vào nơi vô định. Thượng Đế là nơi vô định, là sự dấu mặt. Thượng Đế dấu mặt ngay tại đây –trong cỏ cây, trong sỏi đá, trong bạn, trong tôi. Tuy nhiên để thể nhập vào cái thực tại dấu mặt đó, vào cõi huyền nhiệm đó, con người cần đến một sự can đảm lớn lao -dấn bước vào đêm tối không một ánh đèn.

Một vị Thiền sư chào từ giả một trong những môn đệ của mình vào một đêm tối trời. Người học trò không khỏi lo lắng, sợ hãi bởi vì y phải đi qua một cánh rừng khoảng chừng mười dặm. Đó là một cánh rừng rậm hoang vu với nhiều dã thú và trời lại tối –đen kịch như một đêm ba mươi không trăng sao. Trời đã vào khuya, dễ chừng đã quá nửa đêm. Mãi ham chuyện vãn với thầy, y đã quên mất cả thời gian.

Thấy người học trò của mình đang lo sợ, ông thầy bảo, "Ngươi có vẻ lo lắng như vậy, được rồi, ta sẽ cho ngươi một cây đèn." Xong ông ta trao vào tay người đệ tử một cây đèn lồng và đốt đèn lên. Khi người đệ tử cảm ơn và bước xuống những từng cấp, ông thầy bỗng kêu giựt lại và bảo, "Ngưng lại một tí." Xong ông thầy đến gần, thổi tắt ngọn đèn và nói, "Một ông thầy thực sự chỉ cho sự can đảm; y không trợ lực cho sự hèn nhát. Hãy đi vào đêm tối và trở thành ngọn đèn của chính mình. Nên nhớ rằng, không có ngọn đèn của bất cứ ai khác giúp ích gì cho ngươi cả; ngươi sẽ phải vươn đến ngọn đèn của riêng mình. Ngươi phải là ngọn lửa của chính mình. Hãy bước vào đêm tối, can đảm lên."

Ông ta bảo rằng một ông thầy thực sự không trợ lực cho sự hèn nhát. Bằng một cử chỉ nhỏ, thổi tắt ngọn đèn, vị thầy đã trao truyền cho người học trò một thông điệp lớn lao: Tín ngưỡng chỉ dành cho những người can đảm.

Những môn đồ thực sự của Chúa Giêsu là những con người can đảm. Họ không có bao nhiêu, họ rất ít -bạn có thể đếm được trên đầu ngón tay. (3) Những môn đồ thực sự của Đức Phật là những người can đảm. Những con chiên Cơ Đốc, những Phật tử thì không.

Những người đến với tôi hôm nay đều là những người thực sự can đảm. Một khi tôi đã ra đi, con cái, cháu chắt bạn có thể thờ phượng, tôn kính tôi, thế nhưng họ sẽ không phải là những người can đảm.

Tôn giáo chỉ thực sự có mặt khi có một vị thầy còn sống để sống đạo cho bạn. Khi vị thầy qua đời, tôn giáo cũng chết theo luôn. Lúc đó những con người hèn nhát tụ tập cùng nhau quanh một cái tôn giáo chết, nhằm giúp cho họ không còn sợ hãi. Họ thờ phượng những kinh điển, những chữ nghĩa ngôn từ, những bức tượng –toàn là những vật chết.

Thế nhưng khi Chúa Giêsu còn đó, khi Đức Phật còn đó, hay Mohmmed còn đó thì họ lại vô cùng sợ hãi. Họ tìm đủ một ngàn lẻ một phương cách để chạy trốn, một ngàn lẻ một lý do để bào chữa cho sự trốn chạy của mình. Họ còn lên án luôn cả một vị thầy thực sự -tại sao? Bởi vì một ông thầy thực sự không hề hỗ trợ cho sự hèn nhát của bạn. Ông ta không cho bạn thêm bất cứ sự tham lam nào -bạn đã có quá nhiều rồi- và ông ta cũng không làm cho bạn sợ hãi. Tất cả mọi nỗ lực của ông ta chỉ là nhằm lấy ra khỏi bạn mọi nỗi sợ hãi, tham đắm, để bạn có thể có đủ khả năng sống trọn cuộc đời mình trong toàn vẹn nhất thể.

Cơ Đốc giáo và những tôn giáo tương tự đã phải ra đời như thế. Chúng nên được tha thứ; không có gì để bạn phải giận dữ đối với chúng. Tuy nhiên bây giờ chúng cũng nên cuốn gói ra đi -thế giới hôm nay không còn cần đến chúng nữa. Chúng đang sụp đổ, đang phân hoá, đang hấp hối. Thật ra chúng đã chết rồi. Thế nhưng con người đã đui mù đến độ để biết được những nhà thờ, đền chùa của họ đã chết phải trải qua một quá trình lâu dài như thế. Họ rất mực vô ý thức, họ không thể hiểu được điều này ngay lập tức. Cơ Đốc giáo đã chết, Ấn giáo đã chết, Hồi giáo đã chết. Trong Hồi giáo chỉ còn một mảng nhỏ là còn sống động, còn lửa –đó là huyền

môn phái Sufi. Trong Cơ Đốc giáo chỉ còn lại một vài ông thánh là đang sống, ngoài ra giáo hội, giáo hoàng, Vatican chỉ là những nghĩa địa, những nhà mồ.

Trong Ấn Giáo cũng chỉ còn lại vài vị thánh -một Krishnamurti, có thể kể thêm vào đó một Raman- quả tình rất mực hiếm hoi cho một khoảng cách thời gian khá xa giữa họ. Ngoài ra *shankaracharyas* đều chỉ là những xác chết. Trong Phật giáo chỉ còn lại Thiền, và Do Thái giáo còn lại Hassid. Thế nhưng không có ai chịu tìm đến một vị thầy còn đang sống.

Một tôn giáo đã được tổ chức hoá không còn là một tôn giáo thực sự. Tôn giáo vô tổ chức, nổi loạn, phi chính thống, dị giáo mới là tôn giáo thực sự - luôn luôn như thế. Tôn giáo luôn luôn xuất hiện như là một cuộc nổi dậy - cốt lõi tinh thần của nó là sự nổi loạn. Thời của Cơ Đốc giáo, Ấn giáo, Hồi giáo đã đi qua. Trong tương lai, một loại hình tôn giáo hoàn toàn khác biệt, một bầu khí hoàn toàn khác biệt sẽ phủ trùm trái đất này. Những tôn giáo sẽ biến mất; sẽ chỉ còn lại một loại hình thuần tuý tín ngưỡng. Con người sẽ tự tìm lấy tôn giáo của riêng cá nhân mình; người cầu nguyện của riêng mình, cách thức cầu nguyện của riêng mình. Sẽ không còn có nhu cầu đi theo "toa thuốc" của bất cứ ai –đó không phải là đạo lộ, không phải là phương cách của người dũng cảm. Đó là cách thế của kẻ hèn nhát.

Và Thượng Đế rất mực sẵn sàng -bạn chỉ cần đủ can đảm để nhìn thẳng vào mắt người.

Bạn hỏi tôi: *Thế rồi chết và phục sinh trở thành tôn giáo của phương Tây*. Đúng như vậy. Cơ Đốc giáo chẳng bao giờ quan tâm đến Chúa Giêsu; họ chỉ quan tâm đến cái thập tự giá. Họ không thờ phượng Chúa Giêsu, họ đang thờ phượng cây thập tự giá. Mà thập tự giá là biểu tượng của sự chết. Tại

sao? Bởi vì cái chết là nỗi sợ căn bản. Làm cho con người cảnh giác về cái chết của họ là làm cho họ sợ hãi. Nếu bạn làm cho đầu óc của ai đó tràn ngập ý tưởng chết chóc, sẽ có khả năng là y bắt đầu lo sợ, run rẩy. Trong tình huống như vậy bạn có thể biến y thành nạn nhân một cách dễ dàng; bạn có thể cải đổi y theo bất cứ cái vô nghĩa nào. Y sẵn sàng để tin vào mọi thứ -nếu như bạn chỉ cần hứa hẹn mang đến cho y sự bất tử.

Thế rồi những người theo Cơ Đốc giáo đưa ra lời khuyến cáo, "Những ai theo đạo sẽ được cứu rỗi. Những ai ở ngoài, chúng tôi không bảo đảm. Họ sẽ bị diệt vong. Họ không thể được cứu rỗi." Tất cả các tôn giáo khác cũng có một loại ngôn ngữ y như thế. Họ tạo ra tâm lý sợ hãi. Gieo rắc cái chết vào đầu óc con người làm cho người ta sợ hãi –có ai lại không sợ hãi cái chết? Thế là một con người sợ hãi bị đốn ngã để được cải đổi thành nô lệ một cách dễ dàng.

Và tại sao lại có chuyện phục sinh? Chết và phục sinh đã trở thành nền tảng cho Cơ Đốc giáo ở phương Tây. Cái chết cho bạn sự sợ hãi và sự hứa hẹn phục sinh cho bạn sự ham muốn. Nếu bạn chết trong vòng tay của giáo hội, bạn sẽ được phục sinh. Phục sinh để thành một thánh linh, đó là tất cả những gì mà bạn luôn mơ ước, tất cả những gì mà bạn luôn cần đến -rất đổi tuyệt vời, còn gì hơn thế nữa, với một xác thân sáng láng như vàng ròng, tỏa hào quang chung quanh, bạn sẽ được phục sinh.

Đây là những cái trò sợ hãi/tham muốn, thưởng/phạt cổ điển. Đây cũng là những gì mà B. F. Skinner đã làm với những con chuột của ông ta: Làm cho chúng sợ hãi để chúng bắt đầu thực hiện những gì bạn muốn. Đây cũng là những gì mà bạn được trông thấy trong gánh xiệc: làm cho con voi phải sợ hãi khuất phục -một con vật dũng cảm và thông minh như thế, nhưng chỉ làm cho nó sợ là có thể sai khiến. Thế là nó bắt đầu làm những trò xuẩn

động cho bạn –nó sẽ ngồi lên ghế, sẽ qùy xuống trước người quản tượng … người mà nó có thể giết chết một cách dễ dàng. Ngay cả những con sư tử, khi trông thấy chiếc roi cũng phải run sợ -chỉ việc làm cho nó sợ, thế thôi. Ngay cả sư tử cũng có thể được thuần hoá, voi cũng có thể được huấn luyện và đưa vào nền nếp. Chỉ việc tạo ra sợ hãi và ban thưởng -nếu con voi tuân theo lệnh của bạn, thưởng cho nó thức ăn ngon; nếu nó không theo lệnh, bỏ đói nó.

Đó là điều mà những cái mệnh danh là tôn giáo đã và đang làm đối với con người. Một kỹ thuật rất mực đơn giản. Người ta dạy về chuyện phạm tội và tội lỗi. Một cách tự nhiên, nếu bạn muốn làm cho người ta sợ -và đó là cách duy nhất để khai thác họ- bạn sẽ dạy cho họ rằng tất cả mọi chuyện trên thế gian này đều là tội lỗi, tất cả những gì bạn đang hưởng thụ cũng đều là tội lỗi. Cái chết gây nên sự sợ hãi, nhưng cái chết còn xa quá. Sau năm chục năm hay bảy chục năm bạn mới chết –không ai phải bận tâm lắm. "Bảy chục năm? Để coi sao. Ngay bây giờ chúng tôi chưa chết mà."

May ra chỉ có người già mới sợ hãi lo lắng. Đó là lý do tại sao bạn thấy rất nhiều người già trong các nhà thờ, chùa chiền. Các bà già, ông già –bà già thì nhiều hơn ông già, bởi vì họ sợ hãi hơn. Già, và cái chết đến kề bên, thế là họ biết rằng đã đến lúc phải làm một cái gì đó. Đời sống đang trôi qua, đang cạn dần, họ phải toan tính như thế nào đó cho tương lai mình.

Bạn có thấy người trẻ trong nhà thờ, trong chùa của bạn? Hãy lưu ý rằng, bất cứ ở đâu bạn thấy giới trẻ, ở đó tôn giáo còn sống động. Một người trẻ nếu quan tâm đến tôn giáo, cái tôn giáo đó sẽ không thể dính dáng đến sợ hãi và cái chết. Tôn giáo của y sẽ là tôn giáo của sự sống.

Rất nhiều lần người ta đến gặp tôi và bảo, "Tại sao có rất nhiều người trẻ đến với ngài như thế?" Họ đến đây là vì tôi rao truyền cho họ tôn giáo của sự sống, của yêu thương, của an lạc. Tôi không tạo ra mặc cảm phạm tội và tôi cũng không làm cái chuyện điều kiện hoá đầu óc của họ theo cái kiểu, "Cái này là tội, cái kia là tội". Dĩ nhiên là có những sai lầm, nhưng đó không phải là tội lỗi. Sai lầm, chắc chắn là phải có rồi –nhưng một sai lầm là một sai lầm. Nếu bạn đang làm một bài toán cộng, ví dụ hai cộng hai bằng năm, đó phải chăng là một tội lỗi? Không, đó chỉ là một sai lầm, có thể sửa chữa được. Không có nhu cầu phải quẳng bạn vào địa ngục đời đời chỉ vì bạn cộng hai với hai bằng năm. Đây đơn thuần chỉ là một sai lầm, có thể tha thứ được.

Tất cả những gì mà bạn gọi là tội lỗi chẳng qua chỉ là những sai lầm. Mà sai lầm cũng là một phương thế để học hỏi. Những ai không hề phạm phải bất cứ sai lầm nào đều là những người ngu xuẩn nhất, bởi vì họ sẽ chẳng bao giờ trưởng thành. Tôi dạy bạn rằng: Cứ việc phạm sai lầm, không có gì để phải sợ hãi chuyện này. Nhưng lưu ý một điều rằng -đừng có phạm cùng một sai lầm lần này qua lần khác, bởi vì như thế quả thật là vô duyên. Phải thật sự sáng tạo, phạm những sai lầm mới mỗi ngày –và học hỏi từ đó. Đừng có phạm cùng một sai lầm mỗi ngày, như vậy là xuẩn động quá. Bạn đã từng phạm cái sai lầm đó một lần, và biết rằng đó là một sai lầm -bạn đã giận điên lên, và đã nhìn thấy cơn giận của mình –bây giờ giận thêm một lần nữa thì thật là điều ngu xuẩn! Bạn đã thấy rõ, đó chỉ là một chuyện vô duyên. Nó có khả năng hủy diệt -hủy diệt người khác và hủy diệt bạn. Nó chẳng hề mang đến bất kỳ lợi lộc nào cho bạn, chẳng có đoá hoa nào nở rộ trong tâm hồn bạn.

Nỗi giận dữ trong bạn sẽ bớt đi chứ không gia tăng. Sống thương yêu, nhân hậu –và rồi bỗng dưng bạn như suối nguồn được khai thông tuôn

chảy; bạn trở nên lớn lao hơn, cao thượng hơn; bạn bắt đầu nhẹ bổng đi, bay lên trên tầm thường nhân thế. Học thêm một điều: Khi bạn thương yêu, khi bạn đang yêu, bạn được chắp thêm đôi cánh, bạn có thể bay. Khi bạn thù hận, khi bạn giận dữ, bạn trở nên như một tảng đá nặng nề, chứa đầy trọng lực.

Bạn không thể nhận ra điều đó ư? Thật là đơn giản -giống như hai với hai là bốn. Đời sống là một sự học hỏi, là một ngôi trường. Đó là lý do tại sao chúng ta được gởi đến nơi đây, với chủ đích –không phải là để trừng phạt bạn. Tôi rất muốn thay đổi toàn bộ nhãn quan của bạn về vấn đề này. Bạn đã được dạy dỗ rằng, bạn có mặt ở đây như là một sự trừng phạt –đây là điều tuyệt đối sai lầm. Bạn được gởi đến đây để học hỏi.

Có thể nào Thượng Đế lại là một kẻ tra tấn như thế? Ông ta là một kẻ bạo dâm chăng? -tại sao lại thích thú chuyện tra tấn con người? Và nếu quả đúng như vậy, như những người này thường nói, rằng bạn được đưa đến đây như một sự trừng phạt, thế thì chuyện gì xảy ra cho những con người có mặt lần đầu tiên trên thế gian này? Chắc chắn là phải có những con người tiên khởi, kiếp người đầu tiên của bạn –mà trước đó bạn chưa hề phạm phải bất cứ một tội lỗi gì, bởi vì làm sao bạn có thể phạm tội được nếu như bạn chưa từng có mặt ở đây? Và bởi vì bạn không thể phạm bất cứ tội lỗi nào -thế thì tại sao bạn lại bị đưa đến cõi đời này lần đầu tiên?

Họ đã không có một giải đáp nào. Kỳ Na giáo, Ấn giáo, Hồi giáo đã không có lời giải đáp cho câu hỏi, tại sao con người được đưa đến chốn này? Có thể bạn có mặt ở đây trong kiếp này là vì bạn đã từng phạm tội ở những kiếp trước. Cũng OK đi, thế nhưng đối với kiếp đầu tiên thì sao? Và giả dụ như, đây là kiếp đầu tiên của bạn như người Cơ Đốc tin tưởng, thế thì tại sao bạn lại bị đưa xuống đây? Bây giờ người ta vẽ ra một chuyện cực kỳ

phi lý: Bởi vì bạn đã phạm tội tổ tông –cái ông Adam đã gây nên tội. Bạn đâu có liên hệ gì tới cái ông Adam này, đây là một chuyện buồn cười. Một người nào đó bạn không hề biết tới, ngay cả không biết rằng y có hiện hữu hay không, đã phạm một tội lỗi gì đó và thế là cả nhân loại đều phải gánh chịu khổ đau theo. Cha của bạn phạm tội và rồi bạn bị tống vào tù. Mà ngay cả cái ông Adam này cũng không phải là cha của bạn, cũng không phải là ông nội, ông cố, ông sơ của bạn –ông ta chỉ là con người đầu tiên.

Chưa kể hành động của ông ta cũng không có vẻ gì là một tội ác. Có thể xem như một dũng cảm đơn thuần, một ý thức nổi loạn. Mỗi đứa trẻ đều cần một xương sống đứng thẳng như thế. Đức Chúa Trời đã răn đe Adam rằng: "Đừng ăn trái cây này. Đây là cây tri thức." Và Adam đã ăn trái cây đó. Tôi cho rằng bất cứ ai có linh hồn đều cũng sẽ làm một việc giống y như thế. Nếu Adam là một thi hài biết thở, câm điếc dở hơi, y sẽ tuyệt đối vâng lời. Chắc là Adam đã bị thử thách; mà thật ra, đây là một dụng ý từ đầu. Bằng không, với hàng triệu triệu cái cây trên trái đất này –hãy tưởng tượng xem, nếu Đức Chúa Trời không chỉ ra một cái cây đặc biệt nào thì chắc là Adam khó mà tìm ra được nó, vô phương! Nhưng bởi vì đây chỉ là một cái cây duy nhất trong vườn địa đàng, và cái ngôi vườn của Đức Chúa Trời thì bao la vô cùng vô tận. Đây chỉ là một cái cây duy nhất, và ngài phán, "Đừng ăn trái cây này. Nếu ngươi ăn trái cây tri thức, ngươi sẽ bị trục xuất."

Theo nhận định của cá nhân tôi thì, Đức Chúa Trời đã đặt ra một thử thách đối với Adam. Người muốn xem thử Adam còn sống hay đã chết. Người muốn thử xem Adam có đủ khả năng để bất tuân phục, để trả lời không hay không –hay ông ta là một con người chỉ biết vâng dạ, một *"yes-man"*. Và Adam đã chứng tỏ cho thấy cái dũng khí của mình: ông ta đã ăn trái

cấm. Ông ta đã sẵn sàng để được quẳng vào trần gian, nhưng đồng thời đã biểu lộ cái ý chí của mình. Đó không phải là tội lỗi mà là một can đảm.

Mỗi đứa trẻ rồi phải bất phục tùng người cha của mình vào một ngày nào đó. Mỗi đứa trẻ rồi phải bất phục tùng người mẹ của mình một ngày nào đó. Thật ra, cái ngày mà bạn bắt đầu không vâng lời, đó cũng là ngày bạn bắt đầu lớn khôn –chưa bao giờ trước đó. Thế nên chỉ có những đứa trẻ đần độn là chẳng bao giờ biết đến chuyện bất phục tùng. Còn những đứa trẻ thông minh, chắc chắn là sẽ không chịu nghe lời một cách dễ dàng, trái lại còn tìm đủ một ngàn lẻ một cách để qua mặt cha mẹ. Bạn có thể thấy chuyện này nhan nhản chung quanh: những trẻ thông minh thường bất trị. Bởi vì y phải trưởng dưỡng cái linh hồn của chính mình –còn nếu như y cứ tiếp tục vâng lời, vâng lời và vâng lời, bao giờ thì y mới lớn khôn đây? làm cách nào để y lớn khôn được? Y sẽ luôn là một tên đần độn và què quặt. Y sẽ không bao giờ có được cái hồn, cái nết riêng.

Không, Adam chẳng hề phạm tội gì cả; Adam là ông thánh đầu tiên. Ông ta đã bất tuân phục Đức Chúa Trời và đó là điều mà ngài muốn như vậy. Đó chính là thánh ý Chúa -rằng Adam nên bất tuân phục người. Cãi lời Chúa, Adam sẽ bắt đầu một cuộc viễn du vào cõi trần gian hệ lụy; ông ta sẽ đánh mất thời thơ dại đầu tiên của mình. Và rồi ông ta sẽ mắc phải không biết bao nhiêu lầm lỗi, và sẽ học hỏi thêm từ đó.

Rồi đến một ngày ông ta sẽ quay về -như Chúa Giêsu, như Đức Phật, như Mahavira, như Krishna, ông ta sẽ quay về.

Bỏ ra đi là một bắt buộc để quay trở về. Điều này thực sự không có gì gọi là chống lại Chúa mà là điều do Chúa hoạch định, muốn được xảy ra. Tuyệt đối như thế. Thế nên tôi không cho đây là một tội lỗi. Tại sao Adam bị gọi

là kẻ tội lỗi? Đó là vì những loại tôn giáo của bạn đã nương tựa vào việc gọi bạn là những kẻ tội lỗi, vào việc lên án bạn. Càng bị lên án chừng nào, bạn sẽ phải qùy xuống hôn chân họ chừng nấy. Càng bị lên án chừng nào, bạn sẽ càng bò lê trên trái đất và van xin họ chừng nấy. Càng bị lên án, bạn càng trở nên sợ hãi. Càng sợ hãi chừng nào, bạn càng cần đến những kẻ trung gian, những thừa sai.

Bạn không biết Chúa Trời đang ở nơi đâu. Nhưng các ông giáo sĩ của bạn biết, ông giáo hoàng của bạn biết, họ có đường dây trực tiếp với Chúa. Nếu họ can thiệp, và chỉ có họ can thiệp, bạn mới được cứu rỗi -bằng không, toàn bộ cuộc đời của bạn chỉ là tội lỗi và tội lỗi. Chỉ có họ mới có khả năng thuyết phục Chúa để cứu rỗi bạn. Đây là toàn bộ mánh khoé, mánh khoé của giáo sĩ. Giáo sĩ không là một con người tín ngưỡng mà thực sự là một con buôn –làm dịch vụ trên danh nghĩa của tôn giáo, khai thác tôn giáo.

Cái nghề tệ hại nhất trên thế gian này không phải là nghề gái điếm, cái nghề tệ hại nhất là giáo sĩ.

"Tại sao ông ta không giống như Theseus, Jason hay Hermes?" Ông ta giống như vậy. "*Ý niệm về tội lỗi phải chăng chỉ là một trò gạt gẫm? Có phải mục đích chỉ là để làm cho con người phải quán tưởng về nó?"* Vâng, đó là một mánh khoé, nhưng không phải là để làm cho con người quán tưởng mà là để biến họ thành những kẻ nô lệ. Quán tưởng là một chuyện hoàn toàn khác biệt. Quán tưởng không xuất phát từ sợ hãi mà bắt nguồn từ hiểu biết, từ yêu thương, từ từ bi vô hạn. Quán tưởng xuất phát từ sống trọn đời bạn trong mọi thời tiết, trong suốt bốn mùa. Nhìn sâu vào từng mảnh đời sống, hiểu nó -nếu nó vô nghĩa, liệng bỏ đi; nếu nó có ý nghĩa, giữ nó lại- từng tí một, bạn tiếp tục góp nhặt những gì thiết yếu và liệng bỏ những gì không cần

thiết. Cả hai đều cùng có mặt ở đó. Vỏ trấu và hạt lúa. Bông hồng và cỏ dại. Cả hai đều cùng có mặt. Vấn đề đặt ra cho con người là cần phải biết phân biệt đâu là thóc đâu là trấu để liệng trấu và nhặt thóc.

Cái thông minh tối thiểu nầy cần phải có, bằng không, bạn không thể nào trở thành một con người tín ngưỡng. Những nỗi sợ hãi này không mang đến cho bạn hiểu biết. Thực ra chúng là những đám mây che mờ trí tuệ, làm cho bạn hoang mang hơn về đời sống. Chúng không cho phép bạn thể nhập vào cuộc đời một cách trọn vẹn để thể nghiệm nó –chúng chống lại kinh nghiệm cá nhân.

Thiền quán đến với bạn khi bạn thực sự sống và khi bạn thấy được đời sống nguyên trạng như nó xảy ra. Không phải bởi vì Đức Phật cho rằng sân hận là điều bất thiện -để rồi bạn lặp lại như con vẹt, như con mọt sách; điều này chẳng giúp ích gì cho bạn cả- mà bạn phải nhìn sâu vào cơn giận của mình, từ đó sự hiểu biết khởi dậy, rằng sân hận là vô nghĩa, là chất độc. Cũng không phải vì Krishna cho rằng, "Hãy trao tất cả vào tay Thượng Đế, hãy quy phục ngài" rồi bạn nghe theo một cách mù quáng – không phải vậy, theo đúng lời của Krishna bạn sẽ không bao giờ vươn tới Thượng Đế- thế nhưng bạn phải thấy được bằng cách nào mà cái ngã của bạn đã tạo ra tất cả mọi khổ đau, bất hạnh cho bạn.

Thấy được như vậy, một ngày nào đó bạn sẽ buông bỏ cái ngã và nói với mình, "Bây giờ thì tôi sẽ sống một cách trọn vẹn trong Thượng Đế. Bất cứ điều gì Thượng Đế muốn thông qua tôi, sẽ xảy ra. Tôi không còn bất cứ tham cầu nào của riêng mình. Tôi không còn ý nguyện nào của riêng mình. Tôi buông bỏ mọi ý nguyện.

Thấy rõ được khổ đau mà cái ngã mang đến, sự buông bỏ khởi dậy. Thấy rõ sự bất hạnh mà sân hận mang lại, sự thương yêu khởi dậy. Thấy rõ được khổ đau mà dục tình mang lại, sự phạm hạnh khởi dậy –*brahmacharya*, độc thân. Thế nhưng con người phải kinh qua nó –không hề có con đường tắt, và những điều này cũng không thể được vay mượn từ bất cứ ai.

> *Tại sao ngài cứ khẳng định mãi về sự phi lý quá mức như thế? Có gì sai trái với chuyện hợp lý?*

Bởi vì cái gọi là hợp lý chưa đủ hợp lý. Đó chính là sự sai lầm. Nếu bạn là con người thực sự thuần lý bạn sẽ thấy có không biết bao nhiêu điều phi lý trong đời sống. Là một người thuần lý, làm sao y có thể tránh không nhìn tới những cái phi lý này? Một người thuần lý nhất định là sẽ rơi tỏm vào bao nhiêu sự kiện phi lý.

Tình yêu của bạn cũng là một phi lý. Bạn yêu một cô gái, bạn không thể nào tìm ra lý lẽ cho việc này. Có thể đơn giản bạn chỉ nhún vai và bảo, "Nó xảy đến như vậy." Hoặc giả bạn tìm ra một vài lối giải thích khác -bạn sẽ nói rằng nàng xinh đẹp, hoặc lý do nọ lý do kia. Thế nhưng có thể đối với kẻ khác, nàng không xinh đẹp chút nào; không có ai tương tư nàng cả. Như vậy đây không phải là một trường hợp đơn giản –không phải là vì nàng xinh đẹp mà bạn yêu nàng. Sự thực nằm ở một nơi khác -bởi vì bạn yêu nàng, thế nên nàng trở nên xinh đẹp. Rồi một ngày nào đó, khi kết hôn với nàng, bỗng dưng bạn thấy nàng không còn xinh đẹp nữa. Thế là bạn bắt đầu suy nghĩ, "Ta có khùng không? Tại sao ta lại đi yêu người đàn bà

này?" Lúc đó có thể bạn sẽ cho rằng nàng là người phụ nữ tệ hại nhất trên thế gian này.

Vợ và chồng không bao giờ trông tuyệt vời trước mắt nhau -bởi lẽ cái tình yêu đó, cái mà người ta gọi là tình yêu, cái ảo tưởng đó, đã mòn rách một cách mau chóng. Nếu bạn không bao giờ lấy được người mình yêu bạn có thể yêu nàng đến trọn đời –chuyện thường là như thế. Đó là lý do tại sao Majanu cứ không ngừng yêu đương và than khóc, "Laila, Laila, Laila!" -bởi vì y đã không thể lấy được nàng. Tuy nhiên thực ra y là một người may mắn. Những ai lấy được nàng Laila của mình, họ biết rằng một khi bạn có nàng lúc đó bạn lại cầu Trời khẩn Phật, "Làm sao để thoát khỏi nàng đây?"

Chuyện gì đã xảy ra? Đây không phải là vấn đề nhan sắc –có một cái gì đó nghịch lý ở trong bạn, một cái gì đó lắng sâu trong vô thức mà bạn không nhận ra đã chiếm lĩnh bạn.

Bây giờ thì ngành tâm lý học về vô thức đã đào sâu hơn vào vấn đề này. Mỗi đứa trẻ, trai hay gái đều mang trong người hai loại nhân cách –nhân cách của người mẹ và nhân cách của người cha, bởi vì một đứa trẻ được cấu thành bởi hai yếu tố tâm sinh lý. Đó là một tổng hợp của hai con người, hai nhân cách -một phần nào đó của người cha và một phần nào đó của người mẹ. Nếu đứa trẻ là trai, phần mẫu-tính trong y sẽ không ngừng tìm kiếm những người nữ gần giống với mẫu người đàn bà trong vô thức của y. Mẫu người này chẳng ai xa lạ, chính là phần mẫu-tính ở trong bạn. Thế rồi khi có ai đó xứng hợp với mẫu người đàn bà ở trong bạn, bạn yêu ngay người đó -thế nhưng đây là chuyện phi lý hoàn toàn.

Chuyện xảy ra cũng giống y như vậy khi bạn yêu một người đàn ông. Bạn mang theo hình ảnh của người cha trong vô thức –và rồi khi có ai đó xứng

hợp với cái hình ảnh đó … Nhưng sẽ không có ai ăn khớp hoàn toàn với cái hình ảnh này cả, vấn nạn là ở đây. Bạn sẽ không có được cha mình như một người chồng; cha bạn không thể là chồng bạn, mẹ bạn không thể là vợ bạn.

Và không có hai cá nhân nào lại giống y nhau –đây cũng là một vấn nạn. Thế nhưng bạn lại cứ đang chạy đi tìm kiếm hình ảnh của mẹ mình một cách vô thức. Khi bỗng dưng bạn thấy một cô gái nào đó hạp nhãn với mình, đó chính là hình ảnh của mẹ bạn –nàng giống với mẹ bạn ở một phương diện nào đó. Nhưng chỉ một vài phương diện nào đó thôi. Có thể là giọng nói, có thể là màu mắt, có thể là mái tóc của nàng. Hoặc có thể là dáng đi. Nhưng bạn không hề biết, bạn không hề ý thức được điều đó. Nó tiềm ẩn trong vô thức –nó ẩn dấu trong tận cùng sâu thẳm. Và bạn yêu nàng. Thế nhưng không hề có bất cứ người đàn bà nào có thể giống hệt y như mẹ bạn, nên không sớm thì muộn mọi chuyện bắt đầu xảy ra chẳng giống với mẹ bạn chút nào. Rồi xáo trộn bùng nổ -mùa trăng mật chấm dứt.

Đây là những sự kiện nghịch thường. Con người, nếu thực sự thuần lý, nhất định sẽ rơi tỏm vào những sự kiện vô cùng phi lý như thế. Cho dù nhà toán học, luận lý học vĩ đại nhất của bạn khi yêu một người nữ, cũng sẽ rơi vào sự nghịch lý, hoàn toàn nghịch lý.

Tại sao tôi lại chú trọng quá mức đến chuyện nghịch lý? Bởi vi đối với tôi, lý trí chỉ mới nằm ở khoảng giữa. Ở dưới lý trí là phi lý -sự phi lý của vô thức. Và ở trên lý trí cũng lại là phi lý -sự phi lý của siêu thức. Và tâm thức chỉ là một cái tâm rất nhỏ, cực nhỏ. Nằm ở phía dưới nó là cả một đại dương: dục tình, sân hận, tham lam, chiếm hữu, ganh tỵ, bạo động –toàn

bộ cái quá khứ súc vật nằm ở đó. Cái quá khứ súc vật hiện hữu trong vô thức của bạn là tuyệt đối phi lý.

Thỉnh thoảng bạn có để ý không? –khi một con người giận dữ thực sự, y có vẻ giống với súc vật hơn là người. Khi một người đàn ông thực sự nổi cơn thịnh nộ, y sủa như một con chó, gầm thét như con sư tử, nhảy như cọp, thái độ cư xử chẳng khác gì một con khỉ. Đó là lý do tại sao sau cơn giận, bạn sẽ không khỏi cảm thấy bối rối ngượng ngùng và ngỏ lời, "Xin lỗi". Và bạn sẽ nói thêm, "Mặc dù tôi … tại sao nó đã xảy ra như vậy, tôi không hề biết." Thực ra nó đến từ phần dưới, từ căn tầng hầm trong con người của bạn; nó đã ngự trị bạn.

Nằm ở phía dưới lý trí của bạn là một đại lục rộng lớn của phi lý. Những súc vật, cỏ cây, sỏi đá cùng có mặt ở đây –đó là toàn bộ quá khứ. Đó cũng là ý nghĩa đích thực của lý thuyết cho rằng bạn đã tái sanh trong vô vàn kiếp khác nhau. Có đến tám mươi bốn ngàn loại sinh –*yonis*- bạn đã sống qua tám mươi bốn ngàn kiếp trong những cảnh giới khác nhau. Có lúc nào đó bạn trì trệ như một tảng đá -một phần của sỏi đá vẫn còn được mang theo trong vô thức của bạn. Một lúc nào đó bạn đã là một cái cây –phần cỏ cây vẫn còn được tiếp tục mang theo trong bạn, cả hoa lẫn gai. Bạn đã là một con chó, con cọp, con chồn… Tất cả đều được mang theo cùng với bạn -chúng luôn có mặt ở đó, chồng chất lên nhau. Bất cứ lúc nào bạn đánh mất lý trí, phần phi lý chỗi dậy và chiếm trọn bạn.

Nằm ở bên trên, là phần siêu thức. Đó cũng là phần phi lý. Thượng Đế dấu mặt ở đó. Tầng dưới là tầng súc vật, tầng trên là Thượng Đế. Nếu bạn rơi xuống dưới mức con người, bạn trở thành súc vật, nếu bạn vượt lên trên, bạn trở thành bậc thánh. Người ta sợ hãi chuyện phi lý bởi vì họ chỉ biết đến một loại phi lý duy nhất -ở tầm mức dưới con người. Còn tất cả những

tôn giáo lớn thì chỉ dạy về cái phi lý ở tầng trên. Bạn phải đi vượt cao hơn chính mình. Bạn phải buông bỏ nền tảng luận lý của mình.

Khi bạn giận dữ nó xảy ra, bạn rơi xuống dưới tầng lý trí. Khi bạn thiền định nó cũng lại xảy ra, bạn vượt lên trên tầng lý trí –nhưng trong cả hai trường hợp bạn đều đi vượt ra ngoài lý trí. Khi một người điên khùng, y không còn lý trí. Khi một người trở thành bậc thánh, y vượt lên khỏi lý trí. Đó là lý do tại sao thánh nhân và người khùng có một chút gì đó giống nhau -một điểm tương đồng tối thiểu: Tâm của cả hai không dựa trên lý trí. Dưới tầng lý trí là một đại lục mênh mông của phi lý tính. Ở trên tầng lý trí là nguyên cả một bầu trời vô tận của thánh linh.

Và Thiền đặc biệt là phi lý. Bạn không thể hiểu được nó bằng lý trí của mình.

Tôi vừa mới đọc một cuốn sách của Aldous Huxley (4). Ông ta kể chuyện về một Thiền sư Trung Hoa: "Vị Thiền sư Trung hoa, Kaizenji, cho tổ chức một buổi trà đàm vào một đêm giá lạnh. Ông bảo đồ chúng, 'Có một cái gì đó. Nó đen như là mực tàu. Nó chống đỡ trời đất. Nó luôn luôn hiển hiện ra trong hoạt động, nhưng không ai có thể nắm bắt được nó. Này đồ chúng, làm thế nào các ngươi nắm bắt nó đây?'

"Ông ta đang ám chỉ đến bản thể của *tathata* –chân như- hay Đạo, hay Pháp. Ông ta đang ám chỉ về bản thể của hiện hữu tự thân. Ông ta bảo, 'Có một cái gì đó...' Một cái gì đó, có nghĩa là không cách gì có thể mô tả rành rẽ được, chỉ ra được, nó rất mực rộng lớn. 'Nó đen như là mực tàu' -chẳng khác gì đêm ba mươi. Bạn có thể lạc lối, chìm lỉm mất tăm ở trong đó. Nó không giống như ánh sáng, nó giống với bóng tối hơn. Tại sao? Bởi vì dưới

ánh sáng, mọi sự phân biệt rất rõ ràng: Bạn biết đó là cái cây hay cái trụ, là đàn ông hay đàn bà -bạn nhận ra sự khác biệt.

Dưới ánh sáng, muôn màu muôn vẻ hiện ra. Trong bóng tối, chỉ một màu duy nhất. Nếu bổng dưng trời sụp tối, bạn tìm ra đâu là cái cây, cột trụ, đàn ông, đàn bà? Tất cả đều biến mất trong nhất thể. Đó là *tathata* – đó là chân như, là Đạo, là *Pháp*, là chân lý, hay Thượng Đế … Bạn muốn gọi tên nào cũng được -tất cả đều giống nhau, tất cả đều có cùng một ý nghĩa, tất cả đều chỉ là những ẩn dụ.

"Nó chống đỡ trời đất. Nó luôn luôn hiển hiện ra trong hoạt động, nhưng không ai có thể nắm bắt được nó. Này đồ chúng, làm thế nào các ngươi nắm bắt nó đây?" Ông ta đang ngụ ý đến bản thể của chân như, dĩ nhiên là một cách ẩn dụ…'

Và đây cũng không phải là một câu hỏi bình thường. Các vị Thiền sư thường nêu ra những câu hỏi trong những tình huống đặc biệt. Ở đây mọi chuyện đã khá rõ ràng. Trời đang rất mực giá lạnh ngoài kia, tiệc trà đã sẵn sàng, ấm trà sôi sòng sọc, mùi trà thơm bay thoang thoảng khắp căn phòng, ông thầy đang ngồi đó với đám môn đệ, và đột nhiên ông giáng xuống họ một câu hỏi. Thật là hoàn toàn bất ngờ. Bây giờ đâu phải là lúc nói đến những chuyện triết lý xa vời; trời đang giá lạnh ở ngoài kia và họ đang mong chờ được uống một tách trà nóng. Và tiệc trà đã chuẩn bị sẵn sàng, nhưng lại kèm theo một câu hỏi cực kỳ hóc búa và nguy hiểm, bởi vì nếu bạn trả lời bậy –đây là cách dạy đồ chúng của những vị Thiền sư- ông thầy sẽ đuổi bạn trở về nhà ngay lập tức. Tiệc trà sẽ được chấm dứt ngay cả khi nó chưa được bắt đầu.

“Tất cả môn đồ của Kaizenji chẳng ai biết cách trả lời câu hỏi này như thế nào.” Không phải là vì họ không thể nói ra những triết lý cao thâm, không phải là họ không biết cách diễn lời đạt ý -họ có những khả năng đó. Thế nhưng một vị Thiền sư không hỏi đến những lời, ông ta hỏi đến *tuệ giác* của bạn. Trừ phi bạn thân chứng, bạn nếm trải qua, bạn không thể nào nói lên được gì cả -và tất cả những gì mà bạn nói ra cũng chỉ hoàn toàn vô nghĩa thôi. Lý trí có thể đề xuất ra nhiều giải đáp, thế nhưng tất cả sẽ không được chấp nhận. Câu trả lời giải được phát xuất từ kinh nghiệm hiện sinh.

“Cuối cùng một người trong đồ chúng, Tai Shuso, đã thử đánh liều: ‘Ta không nắm bắt được nó vì ta đã cố gắng nắm bắt nó trong lúc động.’ Tai Shuso muốn ngụ ý rằng khi một người thiền quán trong tĩnh lặng, *tathata* sẽ xuất hiện trong y.”

Anh ta cho rằng nếu bạn tĩnh lặng, không động, nếu tâm bạn không chạy nhảy lăng xăng -tất cả đều ngưng đọng, tâm trụ lại, không có bất kỳ một hoạt động nào, hoàn toàn vô-vi, bất động –nó sẽ xuất hiện. Cái Đạo đó, cái hiện hữu đó, cái Thượng Đế đó sẽ tràn ngập bạn. Với tâm viên ý mã, không ngừng hoạt động, bạn không thể nào nắm bắt được nó. Nhưng khi cái tâm đã an trụ, nó sẽ đến một cách tự động. Bạn không thể nắm bắt nó khi bạn cố gắng để nắm bắt; bởi vì nỗ lực nắm bắt đồng nghĩa với hoạt động. Thế nhưng nó sẽ đến với bạn khi bạn chỉ như là một cái đồ chứa, một cái dạ con. Nó sẽ đến trong trạng thái âm tính bất động, đón nhận. Anh ta đã trả lời rất mực luận lý. Thế nhưng …

“Kaizenji huỷ bỏ tiệctrà trước khi nó thực sự bắt đầu. Ông ta hoàn toàn không hài lòng với câu trả lời.”

Đây là một câu trả lời thuận lý, nghe rất được –và bạn sẽ cho rằng đây là câu trả lời đúng. Thế nhưng nó chỉ đúng một nữa. Trừ phi *tathata* –chân như- có thể nắm bắt được cả trong hoạt động, cái *tathata* này không phải là một nhất thể, trọn vẹn. Nếu bạn không thể tìm thấy Thượng Đế ngay ở ngoài chợ mà chỉ ở trong một hang động sâu thẳm nào đó tại Hy Mã Lạp Sơn thì cái ông Thượng Đế này chỉ là một nửa Thượng Đế. Mà một nửa Thượng Đế có nghĩa là một Thượng Đế chết. Bạn không thể phân chia được Thượng Đế; bạn không thể nói rằng khi bạn đang thiền định trong một hang động tại Hy Mã Lạp Sơn, nó có mặt ở đó. Nó khởi dậy -bạn không cần nắm bắt nó, ngược lại, nó nắm bắt bạn.

Đây là điều mà nhiều người đã từng làm. Họ bảo rằng, "Thoát ly, rời bỏ thế gian. Không thể có Thượng Đế ở đây: Hãy tìm đến Hy Mã Lạp Sơn." Thế nhưng cái yên tĩnh đó là của Hy Mã Lạp Sơn -chẳng hề can dự gì đến Thượng Đế. Đó là cái yên tĩnh của hang động. Khi quay về với thế gian, về với con đường ốn ào bụi bặm M.G. Road của Poona này, sau ba mươi năm ngồi lặng yên trong động đá - tất cả cái tĩnh lặng của bạn, tất cả những thành tựu của bạn cũng đều cuốn theo chiều gió, chấm dứt.

Đó là lý do tại sao những người ẩn cư trốn lánh cuộc đời trở nên sợ hãi thế gian -họ không muốn trở lại chốn này, họ chỉ muốn bám víu vào những hang động. Đây là chủ nghĩa thoát ly. Và đây không phải là Thượng Đế mà bạn chỉ tìm thấy trong những hang động. Thượng Đế có mặt khắp mọi nơi. Thượng Đế phải như thế, ở khắp nơi. Ngay cả giữa chợ, ông ta cũng rộn ràng sống động như ở trong Hy Mã Lạp Sơn. Ở Hy Mã Lạp Sơn ông ta yên lặng, ở giữa chợ thì ông ta lại náo nhiệt, ồn ào -hiện hữu ở khắp nơi. Khi bạn ngồi yên, ông ta ngồi yên, khi bạn chạy, ông ta chạy theo –luôn luôn có mặt ở đó.

Câu trả lời của người học tăng rất là hợp lý, nhưng không phải toàn bộ; lý trí không thể đưa ra lời giải đáp cho tổng thể, toàn bộ. Lý trí chỉ biết chia cắt, phân tích, mổ xẻ -ngay cả Thượng Đế cũng bị đem ra mổ xẻ. Thượng Đế không thể bị cắt ra từng mảnh. Ngay cả khi bạn vô minh, Thượng Đế cũng vẫn có đó ở trong bạn. Thượng Đế chính là cái vô minh của bạn –còn ai khác đâu? Khi bạn hiểu biết, Thượng Đế là cái hiểu biết của bạn. Thượng Đế là vô minh và cũng là giác ngộ của bạn. Đó là điều mà Đức Phật đã nói trước đây: Ta bà là niết bàn. Đó là nhất thể; hai khía cạnh của cùng một sự kiện. Đừng chia cắt –khi bạn chia cắt, bạn đánh mất nó hoàn toàn.

Vị thiền sư đã hủy bỏ tiệc trà. Aldous Huxley đã có lời bình luận về chuyện này. Ông ta nghĩ rằng –A. Huxley là một triết gia lớn- nếu ông ta có mặt ở tiệc trà đó, ông ta cho rằng mình có thể đã đưa ra một câu trả lời hay ho hơn. Ông ta sẽ trả lời như thế nào? Đây là ý kiến của Huxley, "Theo phỏng đoán của tôi, cái tiệc trà kia có thể đã được kéo dài lâu hơn, tối thiểu là cũng trong vài phút, nếu Tai Shuso đã trả lời như sau: 'Nếu tôi không thể nắm bắt chân như trong lúc động, thì hiển nhiên là cái "Tôi"này phải ngưng hiện hữu , như vậy chân như mới có thể nắm bắt được cái *tôi-cũ* trước đó để hiệp nhất với chính nó –không phải trong bất động và tĩnh lặng hoàn toàn của thiền định –như xảy ra cho những vị a la hán- nhưng đồng thời cũng ở trong lúc động –như xảy ra cho những vị bồ tát, những người mà cảnh giới ta bà và niết bàn đều chẳng khác gì nhau."'

Câu trả lời này thì còn tệ hơn nữa. May mắn là Aldous Huxley không có mặt ở đó, nếu không chắc là ông ta đã bị ăn đòn! Vị Thiền sư đã hủy bỏ tiệc trà, chỉ đơn giản có thế. Hành động này là một bày tỏ kính trọng đối với người học tăng đã trả lời câu hỏi. Những vị Thiền sư luôn luôn để sẵn một cây gậy ở bên cạnh mình, và dĩ nhiên sẽ vung lên đánh nếu cần. Nhiều khi họ đập học trò không có một lý do nào rõ ràng. Tuy nhiên có một điều luôn

xảy ra: Nếu họ thấy bạn đã nhồi nhét vào đầu mình quá nhiều thứ, họ sẽ gõ vào đầu bạn, như bảo rằng, "Hãy trút hết ra." Thông điệp của họ là, bạn phải đi sâu hơn hay cao hơn cái đầu chứ đừng bám vào cái đầu.

Câu trả lời này thì nặng về đầu óc quá. Một sự phỏng đoán sẽ chẳng giúp ích được gì cho ông đâu, ông Aldous Huxley ạ. Ông ấy bảo rằng, "Theo phỏng đoán của tôi." Phỏng đoán sẽ không làm nên chuyện! -chỉ có thân chứng mà thôi. Không ai có thể phỏng đoán; không ai có thể giả thiết rằng, "Câu trả lời này may ra có thể giải quyết vấn đề." Không bao giờ, chuyện phỏng đoán vẫn chỉ là phỏng đoán –đó là vấn đề của lý luận. Đó là chuyện của cái đầu, của cái tâm. Aldous Huxley chắc chắn là đã bị một trận đòn nên thân –câu trả lời nặng mùi triết lý này sẽ không thể nào được dung thứ bởi một vị Thiền sư.

Đó là lý do tại sao tôi cứ khẳng định quá mức về đỉnh cao phi lý như thế. Tôi muốn bạn phải vượt lên trên cái đầu của mình. Hãy luôn luôn thử làm một thí nghiệm nhỏ sau đây: Bạn hãy đứng trước một tấm gương soi và tập trung suy nghĩ rằng mình không có cái đầu. Làm như thế hằng ngày – hai mươi phút, ba mươi phút, bốn mươi phút- đứng trước tấm gương nhìn thẳng vào cái đầu và nhủ thầm, "Tôi không có một cái đầu nào cả." Trong vòng hai hay ba tháng, một ngày nào đó bỗng dưng bạn thấy rằng cái đầu biến mất: bạn đang đứng đó trước tấm gương, không đầu. Lúc đó bạn sẽ biết được câu trả lời như thế nào -bạn không thể tìm ra trước đó; bạn cũng không thể phỏng đoán. Tôi cũng biết được câu trả lời nhưng tôi sẽ không nói ra. Bởi vì nó không thể nói được bằng lời.

Dĩ nhiên ông thầy không chờ đợi một câu trả lời có bài bản lớp lang; những môn sinh đã phải làm một cái gì đó. Họ phải *phản ứng* ngay lập tức trong một cách thế nào đó; họ phải *biểu lộ* ra. Một thiền sinh nào đó phải tỏ bày ra

-tức thì, lúc bấy giờ và ngay ở đó, bằng phản ứng, qua con người hiện sinh của y- rằng chân như đang hiện hữu ở đó. Và bạn đừng hòng qua mặt, gạt gẫm ông thầy -nếu nó không có ở đó có nghĩa là nó không có ở đó. Nếu nó hiện hữu, ông thầy lập tức cảm nhận ra ngay.

Chuyện thường xảy ra là -một thiền sinh đến tham vấn ông thầy và được ông thầy giao cho một công án. Công án là một phương pháp đẩy bạn đến chỗ phát khùng lên. Đó là một câu đố bí hiểm không lời giải đáp –không thể có câu trả lời, câu trả lời không hề hiện hữu. Người thiền sinh biết chuyện đó, ông thầy biết chuyện đó, rằng sẽ không hề có câu trả lời. Thế nhưng người thiền sinh phải nỗ lực để tìm ra lời giải đáp –hàng tháng trời như thế, có khi hàng năm. Trừ phi bạn tìm ra câu trả lời, ông thầy sẽ không ban cho bạn bất cứ lời giáo huấn, hướng dẫn nào khác. Công án phải được giải quyết. Người thiền sinh biết rằng đây là chuyện phi lý –nhưng mà nó phải được giải đáp. Y đã từng nghe, từng đọc và biết hai năm rõ mười rằng sẽ không có câu trả lời. Nhưng ông thầy bảo rằng, "Đi về đi, phải tiếp tục tìm cho ra."

Thế rồi khi bạn cố gắng tìm câu trả lời cho một câu hỏi không bao giờ có câu trả lời, lần hồi bạn sẽ bắt đầu phát khùng lên. Bạn càng cố gắng chừng nào nó càng vuột đi chừng nấy. Tại Nhật bản, người ta gọi đó là bệnh "điên-Thiền" và ngay cả giới bác sĩ cũng biết về căn bệnh này -bởi vì thỉnh thoảng nó đã xảy ra cho một Thiền sinh nào đó và người nhà có thể đã mang y đến gặp bác sĩ. Khi y phát khùng lên – y sẽ bắt đầu nói năng lảm nhảm, la hét, run rẩy, làm những chuyện kỳ quặc mà không có một lý do nào cả. Có khi y lại cười, khóc, hoặc nhảy múa lung tung và người nhà đành phải đưa y đến bác sĩ. Tại Nhật, người ta hiểu biết về căn bệnh này.

Và căn bệnh này cũng nên được biết đến trên khắp thế giới. Có thể là các trường đại học y khoa nên dạy cho giới bác sĩ một môn học đặc biệt -rằng có những người thực sự không hề mất trí, điên loạn: đừng chữa trị cho họ, bằng không bạn sẽ làm xáo lộn luôn cả cuộc đời họ sau này. Thuốc thang của bạn, các phương cách trị liệu bằng giật điện, thuốc ngủ, thuốc chích đều rất nguy hiểm đối với những người đang mắc bệnh "điên-Thiền". Với chữa trị, bạn sẽ tiêu hủy luôn tất cả cái khả năng chứng ngộ tiềm ẩn của y. Tại Nhật, người ta đã không chữa trị loại người này. Ngay khi nghi ngờ rằng người này bị bệnh "điên-Thiền", công việc đầu tiên của họ là thẩm tra sự kiện: "Người này có liên hệ với ông Thiền sư hay thiền viện nào không? Nếu có, dẫn y đến gặp vị Thiền sư hay thiền viện đó. Họ không mang y đến bệnh viện hay bác sĩ."

Một công án Thiền tạo ra chứng rối loạn thần kinh giả. Mỗi người đều mang sẵn trong mình chứng rối loạn thần kinh. Nó bị ức chế lại –nó chẳng khác gì một ngọn núi lửa và chúng ta đang ngồi ở trên đỉnh. Và rồi cái công án kia, cái câu đố hóc hiểm đó cứ không ngừng kích thích, thúc bách nó –cho đến một ngày bỗng dưng cái núi lửa kia bùng nổ. Thế là bạn không còn kiểm soát được mình nữa; bạn vượt ra ngoài sự tự chế. Bạn không thể tự mình kiềm chế; tất cả lý trí của bạn vỡ vụn ra từng mảng. Đó là một sự nổ bùng, bắn tung bạn ra xa, thật xa. Bạn sẽ không còn là bạn trước đây; một cái gì đó rất mực mới mẻ đã xảy ra trong bạn.

Cái cơn điên-Thiền này chính là lời *giải đáp*. Ông Thầy sẽ bảo, "Tốt lắm. Nó đã xảy đến rồi. Hãy chờ đi, kiên nhẫn một tí." Trong ba tuần, bốn tuần, nhiều lắm là sáu tuần, người này chỉ làm một công việc đơn giản là chờ đợi. Y không làm gì cả, ăn ngủ, tắm rửa theo nhu cầu. Y được để yên một mình trong cái cốc nhỏ, xa cách mọi người. Không ai đến thăm viếng, trò chuyện, khuyên bảo y bất cứ điều gì. Y chỉ việc thư giản, tắm nắng, nằm

lăn dài trên cỏ. Được để yên một mình, y sẽ làm bất cứ điều gì mà y thấy thích. Khi muốn nhảy múa, y sẽ nhảy múa; khi muốn la hét, y sẽ mặc tình la hét.

Chỉ có một chuyện cần được chăm sóc –là không để cho y làm bất cứ hành động bạo động nào có hại cho bản thân y. Thông thường thì chuyện này không hề xảy ra. Chuyện quá độ là điều rất hiếm -chỉ chừng một phần trăm là nhiều. Tuy nhiên sự săn sóc này phải được quan tâm –ông thầy và những thiền sinh khác phải để mắt theo dõi y từ đàng xa để cho không một hành động bạo động nào có thể xảy ra cho y cũng như người khác, thế thôi.

Trong vòng ba tuần, sáu tuần, mọi việc đều lắng xuống. Y sẽ xuất hiện với một khuôn mặt mới –khuôn mặt nguyên thủy của y. Tươi mát như những giọt sương mai. Đôi mắt thật hồn nhiên vô tư. Y đã kinh qua cơn điên, vượt khỏi cơn điên, đã đi vào cõi siêu thức. Trước khi đi vào cõi siêu thức, bạn sẽ phải kinh qua một cơn khủng hoảng như thế. Cơn khủng hoảng này đã do công án tạo nên.

Cơn khủng hoảng này –mà tôi đang tạo ra ở đây- với rất nhiều phương pháp. Người ngoài chỉ có thể nhìn thấy mà không thể hiểu được. Đây là một cơn khủng hoảng Thiền. Khi thấy người ta khùng khùng, họ cho rằng ở đây đã làm cho con người phát điên và đặt vấn đề, "Cái loại tôn giáo gì mà kỳ vậy?" Nhưng họ làm sao mà biết được. Tín ngưỡng tôn giáo trên cơ bản là làm cho bạn phát điên lên để bạn có thể vượt ra khỏi cơn điên. Một khi bạn đã kinh qua được cái chướng ngại này, bạn sẽ không bao giờ còn điên nữa, bạn trở thành một con người hoàn toàn mới. Bạn được khai sanh ra một lần nữa. Một ân sủng trùm phủ xuống bạn, cùng với an lạc, bình ổn.

Tại sao Thiền được gọi là con đường của nghịch lý?

Một tôn giáo như Thiền phải là nghịch lý, không cách nào khác hơn -bởi vì đời sống bao gồm những chuyện mâu thuẫn. Đối với chúng ta, chúng thoạt trông có vẻ trái ngược -nhưng thật ra, không phải thế, chúng hỗ trợ lẫn nhau.

Bạn có trông thấy điều này trong kiến trúc của một mái vòm không? Nhà kiến trúc cũng đã làm công việc y như thế, ông ta cho sắp xếp những viên gạch đối chọi nhau, nếu không làm như thế, bạn không thể nào tạo nên một cái vòng cung –và căn nhà sẽ sụp đổ. Một nữa số gạch quay về hướng này, và nửa kia quay về hướng khác, nhưng cả hai đều có mặt ở đó. Chúng cũng cùng là một thứ gạch giống nhau -bạn có thể xếp chúng quay mặt về một phía, và như thế cái mái vòm sẽ sụp. Thế nhưng khi bạn xếp chúng đối nghịch nhau, một năng lượng lớn lao được phát sinh ra. Cái năng lượng lớn lao đó biến thành sức mạnh.

Đó là lý do tại sao người nam và người nữ tạo thành đứa trẻ. Một mình người nam không thể có sự sáng tạo. Một mình người nữ cũng thế. Những viên gạch xếp đối chọi nhau tạo thành một mái vòm lớn; một năng lượng lớn lao được khai sinh.

Đời sống và cái chết đối mặt nhau tạo nên toàn bộ cuộc chơi, toàn bộ vở kịch, cái được gọi là *leela*. Đời sống, trong mọi chiều kích, đều nghịch lý. Thế nên tôn giáo cũng *phải* là một nghịch lý. Nếu tôn giáo không nghịch lý thì nó chỉ là một thứ triết lý nghèo nàn. Và như vậy nó chỉ là sản phẩm của con người, do tâm tạo, một thứ học thuyết –không phải là tôn giáo.

Một hôm vua Lương Vũ Đế mời Đại sư Phó Đại Sĩ đến giảng Kinh Kim Cương. Ngay khi vừa bước lên pháp toà, vị pháp sư gõ mạnh chiếc dùi xuống bàn một tiếng và bước xuống. Trong khi Lương Vũ Đế còn đang giật mình, vị pháp sư hỏi nhà vua, "Thưa Hoàng đế, ngài có hiểu gì không?"

"Không hiểu gì cả," nhà vua trả lời.

Vị thánh tăng bảo, "Bồ Tát đã giảng xong kinh Kim Cương rồi đó."

Vị pháp sư đã gõ mạnh chiếc dùi xuống bàn và nói, "Tôi đã giảng xong thời pháp. Tôi đã nói tất cả những gì có thể nói được về Kinh Kim Cương."

Kinh Kim Cương là một bộ Phật kinh quý giá và chỉ có một vị Thiền sư mới có thể làm một chuyện như thế -một thái độ rất mực khác thường. Thế nhưng hành động này lại chứa đựng vô vàn ý nghĩa; ông ta đã nói lên tất cả. Bởi vì toàn bộ bộ Kinh Kim Cương chỉ lập đi lập lại một điều duy nhất, chỉ một điều duy nhất mà thôi: Hãy tĩnh thức. Hãy tĩnh thức. Hãy tĩnh thức. Đó cũng là toàn bộ thông điệp của chư Phật: Hãy tĩnh thức, đừng chìm đắm trong cơn mê ngủ nữa.

Ở đây là cách thế của Thiền. Vị pháp sư đã gõ mạnh chiếc dùi xuống bàn. Vị Hoàng Đế chắc là đang ngồi ở đó –ngái ngủ, mơ tưởng, tâm hồn đang lăng xăng ở một nơi nào khác, một ngàn lẻ một nơi ngoại trừ nơi mà ông ta đang ngồi. Bây giờ với việc gõ mạnh chiếc dùi lên bàn, bỗng dưng ông ta giật mình –ông ta trở nên tỉnh táo, ít nhất là trong giây phút đó. Và thế là cái thông điệp đã được truyền rao. Đây là cách truyền rao không lời.

Thế nhưng chưa hết -vị Thiền sư bảo tiếp, "Bồ Tát đã giảng xong kinh Kim Cương rồi." Ông ta không nói rằng, "Tôi đã giảng xong bộ kinh," nhưng lại nói, "Ông Phật đã giảng xong kinh rồi." Chỉ có những người đã thể nhập hoàn toàn trong tịch tĩnh mới có thể nói rằng –"Ông Phật đã giảng kinh qua tôi."

Một hôm khác, vị Hoàng đế lại cho triệu thỉnh vị thiền sư và hỏi, "Bạch Thầy, vui lòng đến đây. Tôi đã không thể hiểu được lời giải thích siêu việt đó –xin hãy trở lại một lần nữa."

Đắp y, đội mão tì lư, chân mang đôi hài, vị Bồ Tát đi đến hoàng cung, và ở đó vị Hoàng Đế đã chờ đợi ngài với câu hỏi, "Có phải ngài là một tăng sĩ?"

Bởi vì tăng sĩ Phật giáo không mang hài –mà vị Bồ Tát của chúng ta lại mang hài thế nên nhà vua mới hỏi, "Có phải ngài là một tăng sĩ?"

Để trả lời, vị Bồ Tát liền lấy ngón tay chỉ lên chiếc mão tì lư. "Có phải ngài là một đạo sĩ?" nhà vua lại hỏi. Để trả lời, vị Bồ Tát lại lấy ngón tay chỉ xuống đôi hài. "Thế thì có phải ngài là một cư sĩ?" nhà vua hỏi tiếp. Lần này vị Bồ Tát liền lấy ngón tay trỏ vào bộ tăng bào mà mình đang mặc.

Những gì mà Thiền sư Phó Đại Sĩ đang nói là: "Ta là tất cả những cái đó mà cũng không phải những cái đó. Ngươi có thấy không, ta đội chiếc mão của một ông hoà thượng. Ngươi thấy không, ta mang đôi hài của một vị đạo sĩ. Làm thế nào mà ta là một cư sĩ được? Ngươi có thấy chiếc tăng bào của ta không? Một biểu tượng của hạnh đầu đà đấy. Ta là tất cả những cái đó và cũng không phải những cái đó."

Vị Hoàng đế trả lời, "Tôi không hiểu. Hôm qua tôi đã không hiểu gì cả, và hôm nay cũng thế." Vị Thiền sư liền bảo nhà vua, "Đây là lời giải thích cuối cùng của ta. Hãy lắng nghe –và ta sẽ không bao giờ trở lại nữa. Nếu ngươi hiểu được, tức là ngươi hiểu được; nếu ngươi không hiểu, tức là ngươi không hiểu." Xong, ông ta đọc bài kệ:

Người không tay đang cầm chiếc cuốc
Kẻ bộ hành đang đi cưỡi trên mình trâu
Người đàn ông đang bước qua cầu
Cầu không nước chảy.

Sau đó vị Thiền sư rời hoàng cung và không bao giờ quay trở lại nữa.

Những gì mà vị Thiền sư nói ra nghe rất mực phi lý -*Người không tay đang cầm chiếc cuốc*. Làm thế nào mà kẻ không tay lại có thể cầm được một cái gì đó? Tuy nhiên đó là những gì đang xảy ra. Cái đang nắm ở trong bạn không có tay nhưng lại đang nắm giữ tất cả vạn pháp. Thượng Đế không có tay nhưng lại đang hỗ trợ cả thế gian. Và trong tận cốt lõi sinh thể của bạn, bạn không hề có tay –không tay, không chân, không đầu, vô sắc tướng. Thế nhưng bạn lại đang cầm giữ cả một ngàn lẻ một thứ.

Kẻ bộ hành đang đi cưỡi trên mình trâu. Ông ta bảo rằng: Kẻ bộ hành đang ngồi trên mình trâu và đang đi. Có nghĩa là: Thượng Đế đang chở bạn, bạn đang cưỡi lên Thượng Đế -và bạn cứ nghĩ là mình đang đi.

Cũng giống như chuyện… Một kẻ hành khất đang băng ngang qua đường khi chiếc xe ngựa của vị Hoàng đế vừa đi đến. Nhà vua cảm thấy thương xót cho kẻ hành khất này –già cả hom hem, phố chợ thì ở xa, y phải rất khó nhọc để lê thân đến đó- thế nên đã bảo y, "Hãy đến đây, leo lên ngồi trên xe của ta."

Tên hành khất rất mực sợ hãi, nhưng khó mà cãi lệnh của một vị Hoàng Đế. Y sợ hãi là phải -một tên hành khất làm sao dám ngồi chung xe với một vị Hoàng đế? Thật vô cùng bối rối. Nhưng không thể nào từ chối được. Thế là y leo lên xe, rón rén ngồi vào một góc –lòng đầy lo lắng, không biết chuyện gì sẽ xảy ra- nhưng tay vẫn khư khư đội chiếc bị rách lên đầu.

Một lát sau, vị Hoàng đế không khỏi ngạc nhiên: "Tại sao nhà ngươi lại không bỏ chiếc bị xuống sàn?" Và tên hành khất đã trả lời, "Muôn tâu Hoàng Thượng, đội ơn Hoàng Thượng đã nhân từ cho tôi quá giang trên chiếc xe của ngài; thế nên tôi phải đội chiếc bị này trên đầu để làm cho chiếc xe này bớt chở nặng đi một tí."

Thiền nói rằng kẻ tác hành, chỉ có một kẻ tác hành duy nhất, đó là Thượng Đế -hay cũng là Chân Như, là Đạo. Không có nhu cầu để bạn trở thành một kẻ tác hành. Cưỡi trên mình trâu và bạn cũng đang đi -đâu có cần thiết để bạn phải bước đi, con trâu đang chở bạn mà. Dòng sông đang đưa bạn đi, bạn có cần thiết để bơi đâu. Hãy thư giãn!

Người đàn ông đang bước qua cầu; Cầu không nước chảy. Cái này mới thật tuyệt vời! Rất mực nghịch lý -*Cầu không nước chảy.*Thiền gia cho rằng thân ta là một chiếc cầu; và bạn đang đi ngang qua chiếc cầu đó. Bạn như dòng nước -ở thể lỏng, không nắm bắt được, vô tướng. Bạn chảy ngang qua

thân; không hề thay đổi. Cái cầu đang tiếp tục tuôn chảy chứ không phải là dòng nước, không phải là dòng sông đời của bạn –cái thân xác của bạn thay đổi không ngừng trong từng ngày qua. Mới hôm nào đây nó là một đứa trẻ, rồi ngày qua nó là một thanh niên, rồi trở nên già yếu. Sức khoẻ, rồi bệnh hoạn đau yếu, cái thân xác không ngừng thay đổi.

Các nhà khoa học đã cho biết rằng, chừng mươi năm trước đây, là thân xác hoàn toàn thay đổi trong vòng bảy năm –thay đổi toàn bộ. Cứ sau bảy năm, bạn sẽ không tìm thấy bất cứ một dấu vết cỏn con nào của cái thân xác cũ. Tất cả đều được đào thải đi. Bây giờ thì người ta cho rằng tiến trình này xảy ra trong vòng một năm chứ không phải bảy năm –trong vòng thời gian của một năm, bạn sẽ không còn lại gì của cái thân xác cũ, tất cả mọi thứ đều thay đổi. Thân xác không ngừng thải ra những gì của cái cũ và tiếp tục nhận vào những chất liệu mới từ thực phẩm, nước, khí trời –không ngừng thay thế. Cái thân xác chẳng khác gì một dòng sông tuôn chảy.

Tuy nhiên cái thân xác là chiếc cầu, bạn là khách bộ hành bước ngang qua đó. Bạn không tuôn chảy mà là thân xác đang tuôn chảy -chiếc cầu đang tuôn chảy chứ không phải dòng sông.

Những phát biểu nghịch lý này rất mực giá trị -bạn có thể tìm thấy những điều tương tự như thế trong thế giới của các bậc thánh: Eckhart, Kabir, Dadu, Boehem, và rất nhiều ở các vị Thiền sư. Thiền, như thế, là con đường của nghịch lý.

Bây giờ hãy lắng nghe vài câu thơ của T. S. Elliot. (5)

Để đi đến nơi bạn không hề biết

Bạn phải đi bằng một con đường, đó là con đường của ngu dốt.
Để sở hữu những gì bạn không chiếm hữu được
Bạn phải đi bằng con đường của vô hữu
Để đi đến nơi mà bạn không thể có mặt
bạn phải đi bằng con đường trong đó bạn không có mặt
Và điều duy nhất bạn biết là những gì mà bạn không hề biết
Và những gì bạn sở hữu được là những gì mà bạn không hề sở hữu
Và nơi mà bạn có mặt là nơi bạn không hề có mặt.

Đây là những câu thơ rất mực Thiền, thuần túy Thiền. Hãy quán chiếu trên những dòng chữ này để xem T. S. Elliot muốn nói lên điều gì. Đây là những câu thơ rất mực sâu sắc. Nó có thể là một công án Thiền cho bạn.

Và điều duy nhất bạn biết là những gì mà bạn không hề biết

Bạn không biết gì về chính bạn cả, đó chính là điều duy nhất mà bạn biết. Và nếu bạn không biết được điều này, bạn đâu có thể biết được cái gì khác? Kẻ biết chỉ biết hắn ta mà thôi –đó là cái duy nhất có thể biết được, bởi vì đó là nơi duy nhất mà chúng ta có mặt. Tất cả những cái khác, hầu như thế, đều được nhìn từ bên ngoài; nó chỉ có thể trở thành một người quen, không thể là kẻ biết. Chỉ có một thứ mà bạn có thể nhìn từ bên trong, đó là chính bạn.

Và điều duy nhất bạn biết là những gì mà bạn không hề biết
Và những gì bạn sở hữu được là những gì mà bạn không hề sở hữu

Hãy xem cái trọng tâm của nó. Những gì mà bạn sở hữu chỉ là cái mà bạn không sở hữu. Bạn làm chủ căn nhà của bạn -thế nhưng làm thế nào mà bạn làm chủ được nó? Nó đã có mặt ở đó trong khi bạn chưa có mặt. Rồi

một ngày nào đó bạn sẽ ra đi, nhưng ngôi nhà sẽ vẫn còn đó. Làm sao mà bạn làm chủ được nó? Bạn đến rồi đi. Trong khi cái nhà vẫn tồn tại, thế gian này vẫn tồn tại. Bạn không thể nào làm chủ được những cái này, bạn chỉ giả bộ mà thôi .

Và những gì bạn sở hữu được là những gì mà bạn không hề sở hữu

Nhận thức được điều này, Đức Phật đã rời bỏ cung điện. Nhận thức được điều này, Mahavir đã từ bỏ vương quốc của mình -nhận thức được điều này, rằng, "Đây không phải là những gì mà ta làm chủ, thế thì tại sao lại phải bận tâm về nó? Không sớm thì muộn, nó cũng sẽ bị tước ra khỏi tay ta, thế thì tại sao ta lại băn khoăn lo lắng một cách không cần thiết về nó như thế?"

Và nơi mà bạn có mặt là nơi bạn không hề có mặt.

Bạn có để ý điều này không? Bạn đang ở đâu vậy? Con người đang ở trong thân xác của họ -bạn không có mặt ở đó. Con người đang ở trong tâm thức của họ -cũng không hề có bạn ở đó. Thực tại của bạn là một nơi nào đó vượt ra ngoài thân xác và ở đàng sau tâm thức.

Hãy quán tưởng về những dòng thơ này.

Tất cả chân lý cơ bản đều rất mực nghịch lý. Thế nên tôi gọi ***Thiền là Con Đường Nghịch Lý.***

CHÚ THÍCH:

(1) *Toamy, Bacchus, Mithros, Apollo, Theseus, Jason, Hermes:* Những vị thần và những nhân vật trong thần thoại, truyện tích truyền kỳ của Hy Lạp, La Mã. *Diana*: Vị nữ thần đồng trinh trong thần thoại La Mã, chủ về săn bắn. Bà là người em sinh đôi của thần Apollo, và là con gái của thần Jupiter và Latona. *Thor*: Vị thần sấm sét, tóc đỏ và rậm râu trong thần thoại Đức.

(2) *Hassid (Hassidim):* Còn được biết đến dưới tên gọi Ba'al Shem Toy, một giáo phái Do Thái giáo do Mục sư Do Thái Giáo Israel ben Elieser (1698–1760), sáng lập. Giáo phái này được phát sinh vào thời điểm mà người Do Thái bị khủng bố ngược đãi và người Do Thái Âu Châu đã quay về nghiên cứu Talmud, bộ cổ thư tập hợp những thảo luận liên quan đến các vấn đề luật lệ, đạo đức, phong tục, lịch sử Do Thái, khiến nhiều người đã có cảm giác rằng những biểu hiện nhất của đời sống Do Thái đã trở nên quá mức "hàn lâm", không còn đặt nặng chút nào vào mặt tâm linh. Hassidism ra đời trong chiều hướng nhằm cải thiện tình huống này.

(3) Đức Huỳnh Giáo Chủ của Phật Giáo Hoà Hảo cũng đã từng nói: "Bổn đạo thì đông, chở một thuyền vông không đầy."

(4) *Aldous Leonard Huxley*: Nhà văn người Anh, sinh ngày 26-7-1894, di cư đến Mỹ và mất tại Los Angeles, Cali vào ngày 22-11-1963. Tác giả của nhiều tác phẩm, luận thuyết, thi ca nổi tiếng nhưng đến cuối đời, ông đi sâu vào mặt nghiên cứu tâm linh, thần bí. Trong giới hàn lâm, ông được xem như là một "lãnh tụ của tư tưởng hiện đại" và là một nhà trí thức hàng đầu trên thế giới.

(5) Thomas Stearns Eliot: Sinh ngày 26-9-1988 tại Hoa Kỳ. Là một nhà thơ, nhà soạn kịch, phê bình văn học với những tác phẩm nổi tiếng như The Love Song of J. Alfred *Prufrock*, *The Waste Land*, "The Hollow Men", và *Four Quartets*, ông được xem như là nhà thơ hiện đại của thế kỷ 20. Đoạt giải Nobel Văn Chương vào năm 1948, ông là một trong

những thi sĩ có nhiều ảnh hưởng nhất của thế kỷ 20. Ông di cư sanh Anh năm 1914 và mất vào ngày 4 tháng Giêng, năm 1965.